



HX
9
H6883

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU NÔNG DÂN SẢN XUẤT-KINH DOANH GIỚI TOÀN QUỐC LẦN THỨ 2

Hà Nội, ngày 18-19/9/2002



UNIV. OF MICH.

OCT 23 2002

CURRENT SERIALS

28

10-2002

Digitized by Google



TRUNG TÂM KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TRỤ SỞ CHÍNH: 18 - ĐƯỜNG HOÀNG QUỐC VIỆT - QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI - VIỆT NAM

ĐT: 84-4-756 4405, 84-4-756 4697 * FAX: 84-4-756 4217 * Thư điện tử: vanthu@ioit.ncst.ac.vn

PHÂN VIỆN TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 1 - ĐƯỜNG MẠC ĐÌNH CHI - QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM

ĐT: 84-8-822 2947; 84-8-822 2870 * FAX: 84-8-822 2871 * Thư điện tử: pvcntt@netnam.hcm.vn

TRONG 25 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ ĐẠT NHIỀU THÀNH TỰU GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC. VỚI NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC, VIỆN ĐÃ VINH DỰ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TRAO TẶNG NHIỀU HUÂN, HUY CHƯƠNG VÀ CÁC BẰNG KHEN, ĐẶC BIỆT LÀ:

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA (NĂM 2001)

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT (NĂM 1996)



Trụ sở Viện Công nghệ Thông tin

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

- + Nghiên cứu các vấn đề cơ bản của tin học, cơ sở toán học và kỹ thuật của công nghệ thông tin (CNTT), ứng dụng CNTT trong các hệ thống kinh tế-xã hội và trong tự động hóa sản xuất.
- + Thiết kế, chế tạo các sản phẩm của CNTT, đặc biệt là các sản phẩm phần mềm.
- + Triển khai ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực CNTT vào sản xuất đời sống; tư vấn kỹ thuật thực hiện dự án nhà nước về ứng dụng CNTT.
- + Đào tạo sau đại học trong lĩnh vực CNTT.
- + Tổ chức hợp tác quốc tế trong lĩnh vực CNTT.

TIỀM NĂNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

- + Viện CNTT có gần 200 cán bộ, trong đó có trên 50 tiến sĩ khoa học và tiến sĩ, 11 giáo sư và phó giáo sư.
- + Viện là trung tâm mạng của Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia.
- + Viện là một trong bốn Nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) đầu tiên và hiệu quả trong cả nước.
- + Viện đã được chính phủ lựa chọn xây dựng và điều hành Phòng thí nghiệm trọng điểm về Công nghệ mạng và Đa phương tiện.



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 657

28

10-2002

● BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

● Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bttccs@hn.vnn.vn

● Phó Tổng Biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Hội nghị đại biểu nông dân
sản xuất, kinh doanh giỏi toàn quốc lần II

Ảnh : **VŨ ANH TUẤN**

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

PHAN DIỄN - Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa tiến trình
công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn 3

NGUYỄN TẤN DŨNG - Để nông nghiệp, nông thôn phát triển bền
vững, nông dân giàu hơn 6

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ XUÂN LỰU - Nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận
hiện nay 12

XUÂN HOÀNH - Để nền kinh tế đạt mức tăng trưởng cao 17

NGUYỄN HOÀNH XANH - Mấy giải pháp đẩy mạnh công nghiệp
hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn 23

NGUYỄN VĂN HÙNG - Hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm nâng
cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với khu vực kinh tế có vốn đầu tư
nước ngoài 28

NGUYỄN HUY THÔNG - Về tình hình thơ hiện nay 33

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN VĂN GIÀU - Tín dụng phục vụ chương trình xóa đói
giảm nghèo sau 6 năm nhìn lại 39

ĐỖ XUÂN TRƯỜNG - Góp phần khẳng định vai trò của tín dụng
ngân hàng trong phát triển kinh tế trang trại ở nước ta 44

TRẦN VIỆT HÙNG - Một số vấn đề về phát triển giáo dục ở
Kon Tum 48

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NAM DŨNG - Vấn đề số một ! 53

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN NGỌC ĐÀO - Liên minh nghị viện Hiệp hội các nước
Đông Nam Á (AIPO) với quá trình hội nhập khu vực và quốc tế 55

NGUYỄN QUANG KHAI - Những thách thức mới của tiến trình
hòa bình Trung Đông 60

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN, THỰC TIỄN

Hội nghị Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi toàn quốc lần thứ II 63

Hội nghị rút kinh nghiệm 5 năm thực hiện phong trào "Quần chúng
tham gia tự quản đường biên, cột mốc biên giới" 64

СОДЕРЖАНИЕ

ФАН ЗИЕН: Создание наиболее глубоких сдвигов в индустриализации и модернизации сельского хозяйства, села. **НГУЕН ТАН ЗУНГ:** Для того чтобы сельское хозяйство, село более устойчиво развивались, и крестьяне стали более богатыми. **ЛЕ СУАН ЛЫУ:** Повышалось качество идеологической и теоретической работы на данном этапе. **СУАН ХОАНЬ:** Для того чтобы экономика достигла высокого темпа роста. **НГУЕН ХОАНЬ САНЬ:** Некоторые мероприятия для усиление индустриализации и модернизации сельского хозяйства, села. **НГУЕН ХУНГ:** Усовершенствование правового коридора в целях повышения эффективности государственного управления экономическим сектором, обладающим иностранными капиталовложениями. **НГУЕН ХУ ТХОНГ:** О стихах на данном этапе. **НГУЕН НГОК ДАО:** Межпарламентская Организация Ассоциации государств Юго-восточной Азии и процесс региональной и международной интеграции. **НГУЕН КУАНГ КХАЙ:** Новые стоящие испытания перед ходом к миру на Ближнем Востоке.

CONTENTS

PHAN DIËN: To make a more powerful shift for the process of industrialisation, modernisation of agriculture and the countryside. **NGUYỄN TẤN DŨNG:** In order that agriculture and the countryside to develop steadily, and peasants to be more well-off. **LÊ XUÂN LŨU:** To enhance quality of the ideological, theoretical work at the present. **XUÂN HOÀNH:** In order that the economy may get high level of growth. **NGUYỄN HOÀNH XANH:** Some solutions to accelerate industrialisation, modernisation of agriculture and the countryside. **NGUYỄN HÙNG:** To complete the legislation corridor to enhance efficiency of state management towards foreign – invested economic sector. **NGUYỄN HUY THÔNG:** Regarding general physiognomy of contemporary poetry. **NGUYỄN NGỌC ĐÀO:** AIPO and the process of regional and international integration. **NGUYỄN QUANG KHAI:** New challenges in peace progress in Middle East.

SOMMAIRE

PHAN DIËN: Donner une intensification accentuée au processus d'industrialisation et de modernisation de l'agriculture et de la campagne. **NGUYỄN TẤN DŨNG:** Pour un développement durable de l'agriculture et de la région rurale, et la richesse des paysans. **LÊ XUÂN LŨU:** Améliorer la qualité du travail idéologique et théorique à l'heure actuelle. **XUÂN HOÀNH:** Pour un taux de croissance élevé de l'économie. **NGUYỄN HOÀNH XANH:** Quelques solutions pour l'intensification de l'industrialisation et de la modernisation de l'agriculture et de la campagne. **NGUYỄN HÙNG:** Perfectionner le couloir juridique afin de rehausser l'efficacité de la gestion étatique dans le secteur économique à participation étrangère. **NGUYỄN HUY THÔNG:** Sur la situation actuelle de la poésie. **NGUYỄN NGỌC ĐÀO:** L'Organisation interparlementaire de l'Association des nations de l'Asie du Sud-Est (AIPO) et le processus d'intégration régionale et internationale. **NGUYỄN QUANG KHAI:** Les nouveaux défis du processus de paix en Moyen Orient.

SUMARIO

PHAN DIËN: Crear un paso más fuerte en la transformación del proceso de la industrialización y modernización de la agricultura y del campo. **NGUYỄN TẤN DŨNG:** A que la agricultura rural tenga un desarrollo estable y el campesino sea más rico. **LÊ XUÂN LŨU:** Elevar la calidad del trabajo ideológico y teórico de la actualidad. **XUÂN HOÀNH:** A que la economía alcance un alto crecimiento. **NGUYỄN HOÀNH XANH:** Algunas resoluciones para impulsar fuertemente la industrialización y modernización de la agricultura y del campo. **NGUYỄN HÙNG:** Perfeccionar el corredor jurídico a fin de elevar la eficiencia de la gestión del Estado para con la zona económica suministrada del fondo de inversiones extranjeras. **NGUYỄN HUY THÔNG:** Acerca de la poesía de hoy día. **NGUYỄN NGỌC ĐÀO:** Alianza de las Cámaras de las Asociaciones de los Países del Sureste Asiático (AIPO) para con el proceso de la integración regional e internacional. **NGUYỄN QUANG KHAI:** Los nuevos desafíos del proceso pacífico en Medio-Orient.

目錄

潘演：加大农业农村工业化、现代化进程发展的力度。阮晋勇：使农业、农村稳步发展，使农民更加富裕。黎春榴：提高目前思想理论工作的质量。春横：为促进经济达到高的增长速度。阮横撑：大力推动农业农村工业化、现代化所采取的措施。阮雄：完善法律框架，旨在提高国家对有外国投资的经济区的管理效果。阮辉聪：有关目前诗歌的情况。阮玉桃：东南亚议会联盟（AIPO）与融入地区和国际进程。阮光开：中东和平进程中面临的新挑战。



TẠO BƯỚC CHUYỂN BIẾN MẠNH MẼ HƠN NỮA TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

PHAN ĐIỀN *

THỰC hiện đường lối đổi mới của Đảng, ngay từ những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, Hội Nông dân Việt Nam đã phối hợp cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức phát động phong trào "Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng". Hơn 10 năm qua, phong trào đã phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, liên tục, đạt hiệu quả thiết thực, tạo ra bước chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, quan hệ sản xuất từng bước đổi mới, góp phần đẩy mạnh tốc độ xóa đói, giảm nghèo và thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo ở nông thôn. Tình làng nghĩa xóm được vun đắp, đoàn kết giai cấp và khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức được tăng cường, tạo nên những thành tựu to lớn và quan trọng trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn, nhất là bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nông dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị ở nông thôn và cả nước. Phong trào ngày càng

làm nổi bật vai trò nòng cốt của Hội Nông dân trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và khẳng định tổ chức Hội thật sự là chỗ dựa tin cậy của giai cấp nông dân và của Đảng, chính quyền ở nông thôn.

Một thành tựu nổi bật, rất đáng tự hào của chúng ta trong những năm qua là, nông nghiệp nước ta từ một nền nông nghiệp tự cung, tự cấp, lạc hậu, thiếu lương thực triền miên, đến nay cơ bản đã chuyển sang sản xuất hàng hóa, phát triển tương đối toàn diện và liên tục với tốc độ cao, nhiều mô hình, nhân tố làm ăn giỏi đã xuất hiện.

Tuy vậy, cơ cấu kinh tế nông nghiệp nước ta chuyển dịch còn chậm; năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều sản phẩm nông nghiệp còn thấp; công nghiệp ở nông thôn, ngay công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản cũng chưa phát triển; kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Thường trực Ban Bí thư

đời sống ở một số vùng, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn ; quan hệ sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa. Đời sống vật chất và tinh thần của nông dân ở nhiều vùng nông thôn còn thấp.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và nhất là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX), chúng ta cần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, hiệu quả và bền vững, có năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh cao, trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu ; từng bước xây dựng nông thôn giàu đẹp, công bằng, dân chủ, văn minh, có cơ cấu kinh tế hiệu quả, trình độ sản xuất phát triển, hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là sự nghiệp và trách nhiệm của giai cấp nông dân liên minh với giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức, là của toàn dân, từ nông thôn đến thành thị, từ miền xuôi lên miền ngược và hải đảo, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Để thực hiện thắng lợi phương hướng và mục tiêu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giai cấp nông dân, Hội Nông dân Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các bộ, ngành có liên quan cần nắm vững và thực hiện một số nhiệm vụ sau đây :

Một là : Hướng phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi vào việc tổ chức, hướng dẫn nông dân chuyển dịch nhanh cơ

cấu sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh phù hợp với tiềm năng và lợi thế về đất đai, khí hậu, lao động của từng vùng, từng địa phương, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường ; đẩy mạnh chuyển dịch kinh tế nông thôn theo hướng phát triển toàn diện, khai thác triệt để mọi tiềm năng và thế mạnh của từng vùng, nhằm tạo ra nhiều việc làm mới có hiệu quả ở nông thôn, chuyển dần một bộ phận lao động nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, tập huấn kỹ thuật, ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, đưa giống mới có chất lượng cao vào sản xuất, nâng cao năng lực bảo quản, chế biến, nhằm tăng năng suất, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa trên thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Hiện nay, trong nông thôn, khả năng về vốn, sức lao động và trình độ kinh doanh của các hộ rất chênh lệch nhau. Cần tăng cường đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa hộ làm ăn giỏi, khá, giàu và hộ nghèo ; giữa vùng khá, giàu và vùng nghèo về giống, vốn, vật tư, lao động, kinh nghiệm sản xuất, cùng với sự đầu tư của Nhà nước về kết cấu hạ tầng và các chính sách hỗ trợ khác, nhằm đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo, tiến tới không còn hộ đói, góp phần thu hẹp chênh lệch về mức sống giữa thành thị và nông thôn, thực hiện từng bước nguyên tắc công bằng xã hội.

Hai là : Hội Nông dân Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần tích cực vận động nông dân tham gia các hình thức kinh tế hợp tác, chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ và thành lập hợp tác xã

kiểu mới hoạt động theo luật, với quy mô, hình thức, bước đi phù hợp, theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa để nâng cao hiệu quả kinh tế hộ, kinh tế hợp tác và hợp tác xã ở nông thôn.

Ba là : Cùng với việc tham gia phát triển kinh tế, Hội Nông dân Việt Nam tích cực vận động nhân dân tham gia phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", đẩy mạnh phong trào xây dựng "Gia đình nông dân văn hóa", làng, xã văn hóa, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, phát huy tình làng, nghĩa xóm, sự giúp đỡ và hỗ trợ nhau phát triển trong cộng đồng dân cư, góp phần giải quyết từ cơ sở những xích mích và khiếu nại ở nông thôn ; giữ gìn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao chất lượng, hiệu quả các thiết chế văn hóa, phát triển công tác thông tin đại chúng và các hoạt động văn hóa. Đồng thời, khuyến khích, động viên những nhân tố mới, kịp thời ngăn chặn, khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, xây dựng lối sống lành mạnh, bảo vệ thuần phong mỹ tục, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn, góp phần tích cực vào việc giám sát hoạt động, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, nhất là tổ chức đảng và chính quyền cơ sở ở nông thôn trong sạch, vững mạnh.

Bốn là : Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hội Nông dân Việt Nam phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ban, bộ, ngành tiếp tục xây dựng giai cấp nông dân vững mạnh về mọi mặt, xứng đáng với truyền thống vẻ vang của mình, xứng đáng là lực lượng cơ bản trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội sát hợp với nhu cầu và lợi ích của hội viên ; xây dựng các cấp hội, nhất là ở cơ sở còn yếu kém về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự là nơi tập hợp, đoàn kết, giáo dục hội viên nâng cao ý thức và năng lực làm chủ, làm nòng cốt trong các cuộc vận động và phong trào thi đua của nông dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng. Hội cần sâu sát cơ sở, hoạt động sáng tạo và thiết thực hơn nữa, coi trọng việc tạo mẫu, xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến ; nắm chắc tình hình nông dân, nông thôn, đề xuất kịp thời với cấp ủy, chính quyền những chủ trương, biện pháp đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của nông dân. Hội Nông dân phải là thành viên tích cực của các chương trình quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, chú trọng tổng kết những việc làm hay, những phong trào tốt từ thực tiễn sinh động ở mọi địa phương trong cả nước để tiếp tục khẳng định và phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của Hội trong thời gian tới.

Năm là : Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các ngành và các đơn vị khoa học, giáo dục, văn hóa, xã hội theo chức năng và khả năng của mình cần hướng mạnh về nông thôn, có những hoạt động tích cực đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tăng cường liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ; làm nòng cốt vững chắc phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

(Xem tiếp trang 22)

ĐỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, NÔNG DÂN GIÀU HƠN

NGUYỄN TẤN DŨNG*

THỰC hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh : làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá, giàu ; người khá, giàu thì giàu thêm, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đã có sáng kiến phát động và tổ chức vận động nông dân thực hiện phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo. Đây là một phong trào có ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội rất sâu sắc và giàu tính nhân văn, góp phần tích cực vào thành công của sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước và thành tựu to lớn trong nông nghiệp, nông thôn nước ta. Trong 5 năm qua (1998 - 2002), phong trào vừa là nơi hội tụ của trí thông minh, bản chất tốt đẹp của giai cấp nông dân Việt Nam, vừa là nơi phát huy các nguồn lực, khai thác tiềm năng về đất đai, lao động và nguồn vốn của các hộ nông dân, phát huy được thế mạnh của từng vùng, từng địa phương, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ đã nhân lên thành sức mạnh tổng hợp chuyển nền sản xuất nông nghiệp tự cấp, tự túc sang nền sản xuất hàng hóa ; từ độc canh, thuần nông, sang chuyên canh, thâm canh, kinh doanh tổng hợp và phát triển bền vững. Phong trào đã góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, lao động và

ngành nghề, tạo ra các hoạt động dịch vụ hỗ trợ nông dân, giải quyết việc làm, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh, trật tự ở nông thôn và xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại. Thu nhập bình quân tăng từ 7,7 triệu đồng/hộ/năm 1993 lên 12 triệu đồng/hộ/năm 2000. Đến năm 2000 đã có 85% số xã có điện sinh hoạt, 95% số xã có đường ô tô đến trung tâm, các xã đều có trạm y tế, 94% số xã được phủ sóng truyền hình ; 50% dân cư được sử dụng nước sạch, 84% diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu.

Qua 5 năm thực hiện phong trào, hàng vạn nông dân điển hình về sản xuất kinh doanh giỏi xuất hiện, là sự tiêu biểu cho tinh thần bền bỉ lao động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường vươn lên, tiếp thu có hiệu quả những tiến bộ khoa học - công nghệ, chủ động trong cơ chế thị trường ; đồng thời, cũng là những tấm gương sáng về tình thương yêu, về ý thức đoàn kết, tương thân, tương ái giúp đỡ nhau rất tốt đẹp của nhân dân ta với tinh thần "người đi trước

* Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ

rước người đi sau, người đi sau theo mau người đi trước". Nhiều hộ khá, giàu đã chân tình giúp đỡ những hộ đói nghèo về kinh nghiệm sản xuất, cách làm ăn, tạo việc làm, hỗ trợ vốn, vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi để phát triển sản xuất kinh doanh. Nhờ được giúp đỡ, nhiều hộ đói nghèo đã thoát nghèo, vươn lên đủ ăn và nhiều hộ đã trở thành khá và giàu. Hàng vạn hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi đã trở thành các chủ trang trại, các chủ doanh nghiệp trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến, xây dựng và dịch vụ ở nông thôn. Không những thế, nhiều hộ sản xuất kinh doanh giỏi còn ứng trước hàng trăm triệu đồng để làm đường giao thông, điện, xây dựng trường học, nuôi trẻ mồ côi, ủng hộ đồng bào bị thiên tai và tích cực tham gia các hoạt động xã hội khác. Qua thực hiện phong trào, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm từ 55% năm 1990 xuống còn 11% năm 2000 (theo tiêu chí cũ) ; và theo tiêu chí mới, đến 2001 chỉ còn 16,7%, năm 2002 có khả năng giảm xuống còn 14,3%. Tỷ lệ hộ giàu đã tăng từ 4% năm 1990 lên 25% vào năm 2001.

Thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, với sự tham gia tích cực và đóng góp to lớn của giai cấp nông dân Việt Nam, của phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, nông nghiệp, nông thôn nước ta hơn 10 năm qua đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và toàn diện với tốc độ tăng trưởng liên tục, bình quân khá cao : 14,2%/năm. Từ một nền nông nghiệp tự cung, tự cấp, lạc hậu, thiếu lương thực triền miên, đến nay về cơ bản đã trở thành một nền nông nghiệp hàng hóa, đảm bảo vững chắc an ninh

lương thực quốc gia. Năm 2001, sản lượng lương thực đạt 34 triệu tấn, tăng 12,5 triệu tấn so với năm 1990, bình quân đầu người từ 327 kg/năm vào năm 1990 lên gần 500 kg/năm vào năm 2001. Diện tích cây công nghiệp hằng năm tăng 1,5 lần ; diện tích cây ăn quả tăng 1,9 lần ; diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng 2,1 lần. Tỷ suất hàng hóa trong nông nghiệp ngày càng lớn, nhiều mặt hàng có số lượng xuất khẩu chiếm vị thế cao trong khu vực và thế giới. Tỷ suất hàng hóa đối với lúa gạo là 50%, cà - phê 95%, cao su 85%, chè 60%. Xuất khẩu về số lượng gạo, cà - phê, hạt điều đứng thứ hai thế giới ; hạt tiêu đứng thứ nhất thế giới ; tôm đứng thứ hai ở thị trường Mỹ và đứng thứ ba ở thị trường Nhật Bản. Từng vùng, từng địa phương đều có những sản phẩm hàng hóa đặc thù. Hình thành một số vùng sản xuất nông nghiệp tập trung gắn với công nghiệp chế biến như : lúa gạo ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng ; mía đường ở miền Trung, Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long ; chè ở trung du miền núi phía Bắc ; cà - phê ở Tây nguyên ; cao su ở Đông Nam Bộ ; nuôi trồng thủy sản ở nhiều tỉnh ven biển... Tính sản xuất hàng hóa còn thể hiện trong cơ cấu sản xuất ngày càng đa dạng, quy mô sản xuất ngày càng tập trung, người sản xuất ngày càng quan tâm tới nhu cầu thị trường. Các thành tựu khoa học - kỹ thuật được ứng dụng rộng rãi trong nông nghiệp. Công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn bước đầu được khôi phục và phát triển, góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Năng lực công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản tăng đáng kể. Quan hệ sản xuất từng bước được đổi mới phù hợp theo

hướng xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa với nhiều thành phần kinh tế tham gia (11,3 triệu hộ nông nghiệp, 130 nghìn hộ phát triển theo hình thức kinh tế trang trại ; 5 959 hợp tác xã đã hoàn thành thủ tục chuyển đổi và 1 765 hợp tác xã thành lập mới theo Luật Hợp tác xã ; 18 tổng công ty nhà nước), doanh nghiệp dân doanh phát triển mạnh trong tất cả các lĩnh vực. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn được tăng cường, nhất là về thủy lợi, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển và nâng cao đời sống dân cư. Đời sống nông dân ở hầu hết các vùng được cải thiện rõ rệt. Điều kiện ăn, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh được cải thiện ; bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi ; đời sống văn hóa, tinh thần, trình độ dân trí được nâng lên. Hệ thống chính trị ở cơ sở từng bước được tăng cường, dân chủ ở nông thôn được phát huy tốt hơn, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo ; tình trạng suy thoái môi trường có mặt được hạn chế.

Từ thực tiễn đó, chúng ta có đủ cơ sở để khẳng định rằng, thành tựu to lớn đạt được trong phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, trong phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu đã góp phần xứng đáng vào thành tựu chung của đất nước ta, dân tộc ta trong những năm qua.

Tuy đã đạt được những thành tựu như trên, nhưng nông nghiệp, nông thôn nước ta đang còn nhiều khó khăn, thử thách.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn đang chuyển dịch nhưng còn chậm, chưa gắn kết có hiệu quả với thị trường ; cơ cấu kinh tế nông thôn còn nặng về trồng trọt (khoảng 80%). Sản xuất nông nghiệp ở

nhiều nơi còn phân tán, manh mún, quy mô nhỏ, mang nhiều yếu tố tự phát. Ở miền núi, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, tiến độ phát triển sản xuất hàng hóa còn chậm, mang tính tự túc, tự cấp. Công nghiệp chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản vừa thiếu, vừa yếu và phần lớn kỹ thuật còn lạc hậu ; ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn chưa thu hút được nhiều lao động. Việc ứng dụng khoa học và công nghệ trong nông, lâm, ngư nghiệp còn chậm, nhiều mặt còn lạc hậu nên đa số các loại cây trồng, vật nuôi năng suất, chất lượng thấp nên khả năng cạnh tranh yếu, giá thành lại cao, kém hiệu quả và chưa thực sự bền vững. Bình quân giá gạo của nước ta thường thấp hơn của Thái Lan từ 40 - 50 USD/tấn và giá cà - phê luôn thấp hơn so với giá cà - phê của nhiều nước. Năng suất ngô của nước ta mới bằng 60% năng suất trung bình của thế giới và bằng 30% của Mỹ ; chè chỉ bằng 54% của thế giới. Để có một kg tăng trọng đối với lợn, chi phí thức ăn của ta cao hơn 40-50% so với các nước tiên tiến. Bình quân rừng trồng mới chỉ đạt năng suất 7 - 10 m³/ năm, trong khi đó nhiều nước đạt 15 - 20 m³. Giá trị sản lượng làm ra trên một đơn vị diện tích (ha) thấp so với nhiều nước. Năm 2001, chúng ta chỉ mới đạt 17 triệu đồng/ha (hơn 1 000 USD), trong khi đó nhiều nước đạt ở mức 5 000 - 10 000 - 20 000 USD/ha.

Quan hệ sản xuất nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hóa theo cơ chế mới. Đời sống vật chất, văn hóa ở nhiều vùng nông thôn còn thấp kém (hiện nay cả nước còn khoảng 2,6 triệu hộ, với 13 triệu nhân khẩu thuộc diện đói nghèo ; 1 040 000 hộ còn ở

nhà tạm làm bằng tranh tre, nứa, lá). Mức chênh lệch thu nhập giữa các vùng đang có xu hướng tăng lên. Thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn chỉ bằng 1/3 so với khu vực thành thị. Lao động còn phổ biến là thủ công, làm theo kinh nghiệm truyền thống, tỷ lệ đào tạo còn thấp (khoảng 8%), thiếu việc làm nghiêm trọng. Ở các vùng đồng bằng đông dân, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động mới đạt trung bình 73% trong năm. Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống ở một số vùng còn thấp, nhất là vùng sâu, vùng xa còn gặp rất nhiều khó khăn. Một số nơi quyền làm chủ của nhân dân bị vi phạm, một bộ phận cán bộ ở cơ sở thoái hóa, biến chất, vi phạm nguyên tắc quản lý kinh tế, quản lý đất đai, tham nhũng, gây bất bình trong nông dân; có nơi đã dẫn đến khiếu kiện đông người, vượt cấp kéo dài. Đây là những tồn tại, yếu kém trong nông nghiệp, nông thôn và cũng là những quan tâm, đề nghị chính đáng của bà con nông dân, đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải tập trung giải quyết.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX xác định: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa IX) đề ra mục tiêu tổng quát và lâu dài của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Để thực hiện Nghị quyết của Đảng nhằm khắc phục những hạn chế và đạt mục tiêu nêu trên, Chính phủ đề nghị các cấp Hội Nông dân và cán bộ, hội viên, nông dân cả nước, nòng cốt là những hội viên, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi phối

hợp chặt chẽ hơn nữa với Chính phủ và các cấp chính quyền triển khai thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tích cực tham gia việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng năng suất và thu nhập trên một đơn vị diện tích tăng gấp 2 lần so với hiện nay; khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng gia đình, tạo ra việc làm mới, chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn, nhằm đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Chú trọng nâng cao hiệu quả sản xuất lúa gạo trên cơ sở hình thành các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, giá thành hạ, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ; đồng thời, quan tâm phát triển sản xuất lương thực ở những vùng miền núi đặc biệt khó khăn. Phát triển sản xuất và chế biến các loại nông sản hàng hóa xuất khẩu theo lợi thế của từng vùng với quy mô hợp lý, tập trung nâng cao chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế như: lúa gạo, thủy sản, cà - phê, hạt điều, hồ tiêu, chè, cao su, rau quả nhiệt đới, thịt lợn... Đối với những mặt hàng đang còn nhập khẩu, nhưng nước ta có điều kiện sản xuất, như: ngô, đậu tương, thuốc lá, dầu ăn, sữa bột, bột giấy... cần được bố trí sản xuất hợp lý ở mỗi vùng theo hướng coi trọng hiệu quả kinh tế. Phát triển nhanh công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và cơ cấu lao động, giải quyết việc làm ngay trên địa bàn nông thôn, nâng cao đời sống nhân dân.

Hai là, thực hiện tốt, có hiệu quả công tác quy hoạch nông nghiệp và nông thôn ở

từng địa phương, từng vùng phù hợp với quy hoạch tổng thể của cả nước và bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế trong sự phát triển mạnh mẽ của tiến bộ khoa học - công nghệ ; đồng thời, phải căn cứ vào lợi thế kinh tế và thị trường, khả năng cạnh tranh để xây dựng, quản lý và chủ động điều chỉnh kịp thời quy hoạch. Đặc biệt, phải chú trọng làm tốt các quy hoạch chủ yếu: quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo hướng sản xuất lớn (cây, con, ngành nghề,...) ; quy hoạch cơ sở hạ tầng và đô thị ; quy hoạch bố trí lại dân cư, xây dựng làng, xã gắn với bảo vệ môi trường và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Ba là, đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ, *coi đây là khâu đột phá quan trọng nhất* để thúc đẩy phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển khoa học - công nghệ. Nhà nước dành kinh phí thỏa đáng để nhập khẩu những thành tựu về công nghệ của nước ngoài, nhất là máy móc, thiết bị và các loại giống... phục vụ kịp thời sản xuất ; có chính sách hỗ trợ và thực hiện xã hội hóa để mở rộng hệ thống khuyến nông đến cơ sở. Khuyến khích và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng trong việc sử dụng lực lượng của các tổ chức nghiên cứu khoa học, các trường đào tạo... gắn chặt nông thôn, hướng dẫn nông dân áp dụng khoa học, sử dụng vốn và tổ chức sản xuất có hiệu quả.

Bốn là, thực hiện tốt và có hiệu quả, thiết thực các chính sách liên quan trực tiếp đến phát triển nông nghiệp, nông thôn như : chính sách đất đai, đầu tư, tín dụng,

thuế, lao động và việc làm, thương mại và hội nhập kinh tế. Trước mắt, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân thực hiện đầy đủ các quyền về đất đai và khuyến khích nông dân thực hiện "dồn điền, đổi thửa" trên cơ sở tự nguyện ; nông dân được sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn cổ phần tham gia phát triển sản xuất, kinh doanh, liên doanh, liên kết... ; tạo điều kiện để việc chuyển đổi mục đích và chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện tốt chủ trương miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong hạn điền cho nông dân để họ có thêm nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất, cải thiện đời sống.

Năm là, tiếp tục đổi mới và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ và lâu dài kinh tế hộ nông dân và nền kinh tế nhiều thành phần trong nông nghiệp, nông thôn. Mọi thành phần kinh tế đều có vai trò quan trọng và đều được khuyến khích phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tạo mọi điều kiện thuận lợi để kinh tế hộ phát triển sản xuất hàng hóa với quy mô ngày càng lớn và phát triển kinh tế trang trại. Khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã trên cơ sở liên kết, hợp tác tự nguyện giữa các hộ, các trang trại bằng nhiều hình thức, nhiều quy mô, nhiều cấp độ đa dạng để nâng cao hiệu quả kinh tế hộ và đời sống kinh tế - xã hội nông thôn. Doanh nghiệp nhà nước tập trung thực hiện những việc mà các thành phần kinh tế khác chưa làm được ; hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển. Tổ chức sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước, để thực hiện tốt vai trò

nòng cốt trong kinh doanh lúa gạo, phân bón, phát triển chế biến nông, lâm, thủy sản với quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao, vốn lớn và liên kết kinh tế có hiệu quả với các hộ nông dân và hợp tác xã sản xuất nguyên liệu ; giữ vai trò chủ yếu trong việc thực hiện các nhiệm vụ công ích. Đối với khu vực miền núi, doanh nghiệp nhà nước phải đi đầu trong việc hỗ trợ sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản. Khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển sản xuất, kinh doanh các ngành nghề đa dạng. Thực hiện liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ, tạo điều kiện để nông dân và hợp tác xã tham gia cổ phần ngay từ đầu với các doanh nghiệp ; khuyến khích ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và nông dân ; doanh nghiệp hỗ trợ vốn, chuyển giao kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm do nông dân làm ra với giá cả hợp lý.

Sáu là, phát huy dân chủ, tăng cường đoàn kết, ổn định chính trị - xã hội nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Các cấp Hội cần chủ động phối hợp với ngành thanh tra, tư pháp, địa chính, mặt trận và các đoàn thể thực hiện tốt việc hòa giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân ngay tại địa phương và cơ sở, thực hiện tốt Chỉ thị 09 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chỉ thị 26 của Thủ tướng Chính phủ. Vận động nông dân xây dựng gia đình văn hóa, làng xã văn hóa, kiên quyết đấu tranh và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, thực hiện nếp sống văn minh, kế hoạch hóa gia đình, góp phần xây dựng nông thôn mới. Thực hiện phương châm " Nhà nước và nhân dân cùng làm ", các cấp Hội tiếp tục vận động nông dân phát huy các nguồn lực, góp công, góp của xây dựng kết cấu hạ tầng

nông thôn, xây dựng các công trình phục vụ sản xuất và dân sinh.

Để phát huy mạnh mẽ vai trò của tổ chức Hội Nông dân Việt Nam trong việc tham gia quản lý nhà nước, xây dựng hệ thống chính trị, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, các cấp chính quyền, các ban, bộ, ngành cần phối hợp chặt chẽ với Hội Nông dân Việt Nam triển khai thực hiện tốt Quyết định 17/ QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ và tạo điều kiện cho các cấp Hội hoạt động có hiệu quả trong một số chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội nông thôn như : chuyển giao khoa học - kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư ; Chương trình 135, xóa đói, giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nước sạch, vệ sinh môi trường ; tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm và thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội cho nông dân... nhằm thúc đẩy phong trào nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi ngày càng phát triển và có hiệu quả thiết thực. Các cấp Hội tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện và nhân rộng các điển hình nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, tạo điều kiện để người nông dân thực hiện tốt hơn nữa phong trào nông dân phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Chính phủ xin ghi nhận những kiến nghị chính đáng, thiết thực của nông dân, sẽ làm hết sức mình bằng tất cả tình cảm và trách nhiệm để phối hợp, để tạo mọi điều kiện thuận lợi, giải quyết khó khăn, sát cánh cùng các cấp Hội Nông dân Việt Nam, các hội viên, các hộ nông dân trong cả nước, thực hiện thành công sự nghiệp cao cả này. □



NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN HIỆN NAY

LÊ XUÂN LUY*

TRONG hơn 15 năm đổi mới vừa qua, công tác tư tưởng, lý luận đã có bước phát triển mới và đã góp phần không nhỏ vào thành quả của cách mạng nước ta.

Bước phát triển đó trước hết bắt nguồn từ đường lối của cách mạng nước ta do Đảng ta đề ra là đúng đắn, sáng tạo, lại thêm trong điều kiện hòa bình, các hoạt động của công tác tư tưởng, lý luận được mở rộng, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ được đẩy mạnh, công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được quan tâm.

Tuy vậy, công tác tư tưởng, lý luận chưa phải đã đáp ứng được mọi yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

Tư tưởng và lý luận là hai khái niệm gắn bó với nhau. Công tác lý luận là một thành tố của công tác tư tưởng, vì công tác tư tưởng không phải chỉ có nhiệm vụ tác động vào ý thức xã hội của con người (bao gồm các hình thái ý thức : chính trị, đạo đức, pháp quyền, thẩm mỹ, tôn giáo) nhằm xây dựng con người mới đáp ứng

yêu cầu sự nghiệp cách mạng, mà còn có nhiệm vụ nghiên cứu lý luận để tạo cơ sở khoa học cho công tác tư tưởng và đóng góp vào việc xây dựng đường lối, chính sách của Đảng.

Do vậy, trong điều kiện mọi vấn đề của sự nghiệp xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc chưa phải đã được sáng tỏ hết và đang đòi hỏi phải khai phá, sáng tạo thì việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn đang trở thành nhiệm vụ trọng yếu hàng đầu của công tác tư tưởng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta tấm gương sáng ngời về việc quán triệt bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và vận dụng nó một cách sáng tạo vào thực tiễn của thời đại và thực tiễn của cách mạng nước ta. Suốt cuộc đời hoạt động, Người luôn luôn lấy tính chất của thời đại và những vấn đề mới nảy sinh, thực tiễn của xã hội Việt Nam làm cơ sở cho tư duy khoa học của mình khi xác định đường lối, nhiệm vụ, con đường, biện pháp để

* Trung tướng, GS

đưa cách mạng tiến lên. Nhờ vậy, Người đã giải quyết thành công đường lối của cách mạng Việt Nam : độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vấn đề khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh cách mạng, xây dựng Đảng ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến... nên đã đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và đã có những đóng góp xuất sắc vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Từ bài học mà Người đã để lại, trong tình hình hiện nay, chúng ta cần tập trung vào phương hướng nghiên cứu và tổng kết thực tiễn sau đây : Chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; thời đại ngày nay ; những vấn đề đang đặt ra của cách mạng nước ta. Trong nghiên cứu, chỉ nên đi vào những khía cạnh mà thực tiễn của cách mạng nước ta đang đòi hỏi phải có lời giải đáp.

1- Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Đông Âu và cuộc tiến công về tư tưởng, lý luận của các thế lực thù địch đã gây ra không ít hoài nghi dao động trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Một khi còn hoài nghi, dao động về nền tảng tư tưởng của Đảng thì sự thống nhất quan điểm chính trị và niềm tin sẽ bị ảnh hưởng và khó có thể vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn cách mạng nước ta.

Vì vậy, nghiên cứu sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, làm sáng tỏ bản chất cách mạng khoa học của nó, khẳng định nó mãi mãi là ngọn đèn soi sáng cho sự nghiệp đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Đồng thời, trong khi khẳng định điều đó, chúng

ta cũng cần xem xét những luận điểm đã được các nhà kinh điển khái quát từ thế kỷ thứ XIX đến nay đã bị lịch sử vượt qua.

Ngày nay, chúng ta phải từ những biến đổi của lịch sử mà làm sáng tỏ những gì của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là vĩnh hằng và những gì đã bị hạn chế bởi thời đại đã sinh thành ra nó.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin vận động, phát triển cùng với sự vận động và phát triển của xã hội loài người. Chính trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", Mác và Ăng-ghe-n đã chỉ ra rằng : Ý thức của con người đều thay đổi cùng với mọi sự thay đổi xảy ra trong điều kiện sinh hoạt, trong quan hệ xã hội, trong đời sống xã hội của con người. Và khi viết lời tựa "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" Mác, Ăng-ghe-n cho rằng : ở chương II, chương III và chương IV có luận điểm lúc này viết lại thì phải sửa, vì tình hình đã thay đổi.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng không phải là cẩm nang có sẵn mọi lời giải cho tất cả mọi vấn đề của cách mạng nảy sinh sau này mà hậu thế gặp phải.

Hơn thế, dự đoán của các nhà kinh điển về sự vận động và phát triển của xã hội loài người, một cơ thể sống bao gồm cả hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc thì dù có cơ sở khoa học đến đâu cũng chỉ có thể chỉ ra phương hướng vận động của sự vật mà thôi. Các nhà kinh điển không đặt ra cho mình nhiệm vụ thiết kế một mô hình cụ thể về xã hội tương lai với những luận chứng đầy đủ về mặt kỹ thuật. Các ông căn dặn những người cộng sản sau này phải làm việc đó trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong thực tế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nhiều nước trước đây những người cộng sản đã không nhận thức được đầy đủ bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; không nắm hết sự vận động phát triển của nó cùng với sự vận động, phát triển của tình hình mà tách lý luận ra khỏi thực tiễn của thời đại, thực tiễn của đất nước, nên đã phạm phải giáo điều, bảo thủ.

Do vậy, ngày nay công tác lý luận phải từ những biến đổi của lịch sử mà làm sáng tỏ những gì mà chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã đúng trước đây, nay vẫn đúng ; những gì bị hạn chế bởi thời đại sinh thành ra nó, những gì do chúng ta đã nhận thức không đầy đủ, méo mó và sai lệch.

Chỉ có làm tốt việc này thì công tác lý luận mới tạo cơ sở khoa học cho sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn của thời đại và thực tiễn của cách mạng nước ta, mới có thể khai phá và sáng tạo trong khi giải quyết các vấn đề mà cách mạng nước ta đang đặt ra.

Chỉ có làm tốt việc này thì mới tạo ra cơ sở khoa học cho công tác giáo dục lý luận, đào tạo cán bộ, xây dựng sự thống nhất quan điểm chính trị, tư tưởng, niềm tin vào nền tảng tư tưởng của Đảng và mới có sức mạnh trong cuộc đấu tranh chống lại các tư tưởng, lý luận thù địch.

2- Ngày nay thời đại đang có nhiều cái mới. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển như vũ bão và đã làm xuất hiện kinh tế tri thức và toàn cầu hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội mà trước hết là kinh tế.

Sự phát triển khoa học và công nghệ hiện đại làm cho hàm lượng tri thức trong

lao động của con người tăng lên gấp bội. Lao động trí óc thay dần cho lao động cơ bắp ; trong tổ chức lao động, chất lượng thay dần cho số lượng. Khoa học, kỹ thuật công nghệ đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và làm cho lực lượng sản xuất và nền sản xuất xã hội phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao.

Sự phát triển khoa học và công nghệ đưa đến toàn cầu hóa các mặt của đời sống xã hội, thúc đẩy xã hội hóa lực lượng sản xuất, tăng cường cạnh tranh, tăng năng suất lao động và tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy giao lưu hợp tác, xích lại gần nhau giữa các nước và đem lại cho các nước kém phát triển khả năng tranh thủ vốn, công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm quản lý và cho phép các nước kém phát triển tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa không theo mô hình truyền thống.

Ngoài ra, thế giới ngày nay đang đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu như : đấu tranh cho hòa bình, chống bệnh tật hiểm nghèo, ô nhiễm môi trường sinh thái, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang và khủng bố quốc tế. Những vấn đề đó vượt quá khả năng của một quốc gia riêng rẽ, cần có sự nỗ lực chung của cộng đồng thế giới.

Những cái mới của thời đại đang đưa lại thời cơ và thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng đất nước, chúng ta phải biết tận dụng. Tuy nhiên, cũng phải thấy sâu sắc rằng chủ nghĩa đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ đã và đang tìm cách điều chỉnh nền kinh tế để tiếp tục tồn tại và phát triển, điều chỉnh chiến lược, sách lược để thực hiện âm mưu làm bá chủ thế giới.

Chủ nghĩa đế quốc đang sử dụng sự phát triển của khoa học và công nghệ mà

loài người đã đạt được làm công cụ tăng cường bóc lột công nhân, nô dịch thao túng các nước kém phát triển và mở rộng khoảng cách giàu nghèo giữa tư sản và vô sản, giữa các nước phát triển và kém phát triển, uy hiếp bản sắc dân tộc, nền độc lập tự chủ và môi trường của các nước này.

Chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là Mỹ cũng đang tận dụng sự phát triển của khoa học và công nghệ vào mục tiêu "làm bá chủ thế giới". Họ đang tăng ngân sách quốc phòng, sản xuất vũ khí giết người hàng loạt và dựa vào phương tiện kỹ thuật hiện đại tìm cách đánh mới "giáng những đòn sấm sét từ xa", nhằm hủy diệt tiềm lực quân sự, kinh tế để lật đổ người cầm đầu chính phủ các nước cản trở việc thực hiện mưu đồ của họ, tránh được sự chống đối của nhân dân nước họ. Họ đòi từ bỏ hiệp ước (ABM) và triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia (NMD) bao gồm trên mặt đất, trên biển, trên không để răn đe và có thể chủ động tiến công mà không sợ bị giáng trả.

Trước xu thế toàn cầu hóa của lực lượng sản xuất, các lý luận gia tư sản và chủ nghĩa cơ hội đang lớn tiếng rêu rao về sự "hội tụ", sự "tan biến", sự "hòa nhập" các giai cấp, các chế độ. Họ đang dựng lên hình ảnh "một công dân thế giới" trừu tượng vượt ra ngoài nền văn hóa dân tộc và hệ tư tưởng của giai cấp.

Vì vậy, việc nghiên cứu làm rõ những cái mới của thời đại để tận dụng thời cơ thuận lợi mà thời đại mang đến cho chúng ta là điều cực kỳ quan trọng, đồng thời cũng phải nghiên cứu nhận rõ sự thích nghi của chủ nghĩa đế quốc, nắm vững âm mưu thủ đoạn của chúng thì mới có thể đối phó có hiệu quả.

Thế giới ngày nay tuy có nhiều cái mới, nhưng những cái đó chưa hề làm thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản, thay đổi nội dung của thời đại và làm mất sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Thực trạng của thế giới ngày nay vẫn tồn tại đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, đấu tranh giữa bóc lột và bị bóc lột, giữa thống trị và bị trị. Những mâu thuẫn cơ bản vẫn tồn tại với những biểu hiện mới phức tạp và sâu sắc. Mục tiêu của thời đại vẫn là chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản của thời đại vẫn là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Song chúng ta không thể nhận thức giản đơn về sự quá độ đó mà đó là một quá trình lịch sử đấu tranh lâu dài của nhiều thế hệ và trong nhiều thế kỷ.

3- Trong công cuộc xây dựng đất nước chúng ta đang thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường và chính sách mở cửa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần là để phát huy mọi năng lực sản xuất, mọi trình độ kỹ thuật, mọi quy mô vốn liếng để phát triển lực lượng sản xuất. Nền kinh tế nhiều thành phần bên cạnh mặt tích cực cũng có mặt tiêu cực. Cần xử lý đúng đắn, phát huy cao độ mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực, thực hiện đoàn kết toàn dân, phát huy nội lực, bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước.

Một hiện tượng đáng lưu tâm hiện nay là mặt tiêu cực của kinh tế nhiều thành phần thúc đẩy chủ nghĩa cá nhân phát triển, cơ chế thị trường thúc đẩy con

người tôn thờ đồng tiền, chạy theo đồng tiền bằng mọi giá.

Tệ tham nhũng đã được Đảng ta đánh giá là quốc nạn và hiện tượng thương mại hóa đang diễn ra trong nhiều lĩnh vực của đời sống đất nước và đang làm tổn hại chẳng những đến tài sản của đất nước mà nguy hiểm hơn là làm tổn hại đến nền văn hóa, đạo đức, tâm lý, lối sống của con người, phá hoại nghiêm trọng lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta.

Công tác lý luận cần có sự đầu tư nghiên cứu và tổng kết thực tiễn để tìm ra nguyên nhân của việc chống tham nhũng, lãng phí kém hiệu quả. Chúng ta đang quan tâm đến xây dựng luật pháp vì nó là cơ sở để quản lý đất nước và là cơ sở cho hành vi của mọi công dân.

Chúng ta đang thực hiện chính sách mở cửa để khai thác thuận lợi những cái mới của thời đại đã đưa lại cho chúng ta. Xu thế của thời đại là hội nhập và phát triển. Ngày nay, không có một quốc gia nào đứng ngoài xu thế đó mà có thể phát triển. Chúng ta mở cửa để tranh thủ vốn, công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý, nhưng việc tranh thủ đó chỉ có thể có hiệu quả nếu biết phát huy cao độ nội lực của chúng ta.

Mặt khác cũng phải thấy rằng, chủ nghĩa đế quốc cũng đang thích nghi với những biến đổi của tình hình. Họ cũng ký kết và hợp tác, nhưng ký kết và hợp tác của họ không phải với thiện chí giúp chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà vì lợi nhuận, vì sự tồn tại và phát triển của họ. Có kẻ còn có mưu đồ thông qua ký kết, hợp tác để chống phá sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Họ sử dụng sức mạnh

kinh tế, kỹ thuật cùng với các thủ đoạn chính trị, văn hóa, xã hội để thực hiện "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ. Cho nên hội nhập nhưng không hòa nhập, hợp tác nhưng không từ bỏ đấu tranh. Đấu tranh như thế nào cần được nghiên cứu và qua thực tiễn mà tổng kết để chỉ đạo cho hành động.

Trên đây là ba phương hướng nội dung cơ bản cần được đặt ra để tiến hành nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn một cách sâu sắc, đồng bộ và hệ thống. Chỉ như vậy chúng ta mới giải đáp được yêu cầu khai phá và sáng tạo mà thực tiễn của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đang đòi hỏi.

Công tác nghiên cứu lý luận đòi hỏi phải bám sát thực tiễn những cái mới của thời đại và sự thích nghi của chủ nghĩa đế quốc, những vấn đề mà thực tiễn Cách mạng Việt Nam đặt ra. Xa rời những thực tiễn đó thì công tác nghiên cứu sẽ không mang lại hiệu quả. Vì lý luận được khái quát từ thực tiễn và thực tiễn kiểm nghiệm chân lý. Cần phải khắc phục kiểu nghiên cứu kinh viện vì cách đó giới lãnh cũng chỉ có thể nêu ra được một số quan điểm lý luận chung chung, không có tác dụng hướng dẫn cho hành động của con người.

Trong công tác nghiên cứu khoa học và lý luận cần phát huy trí tuệ của nhiều người, không nên chỉ thu hẹp trong một số người nào đó vì cách tổ chức này sẽ không phát huy được trí tuệ của đông đảo cán bộ đảng viên có lý luận và thực tiễn ở trong Đảng. Người đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng, nhưng trong nghiên cứu khoa học và lý luận thì phải thực sự dân chủ và được tự do sáng tạo thì mới có thể tìm ra chân lý. □

ĐỀ NỀN KINH TẾ ĐẠT MỨC TĂNG TRƯỞNG CAO

XUÂN HOÀNH

SÁU tháng đầu năm 2002, nền kinh tế nước ta phát triển trong điều kiện có nhiều khó khăn : sự biến động của thị trường và giá cả thế giới bất lợi đối với một số sản phẩm hàng hóa chủ lực của Việt Nam như thủy sản, cà-phê, gạo, hàng may mặc ; nắng hạn kéo dài ở các tỉnh Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên ; lũ lụt và cháy rừng trầm ở đồng bằng sông Cửu Long... Nhưng, Chính phủ cùng các cấp, các ngành đã triển khai nhiều giải pháp tích cực và đồng bộ, nhất là những giải pháp kích cầu, nên nền kinh tế vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá, có nhiều mặt tiến bộ trên một số lĩnh vực như sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, đầu tư phát triển, thu ngân sách đạt cao, sức mua trong nước tăng khá, thu nhập của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Tổng sản phẩm (GDP) trong nước sáu tháng đầu năm 2002 tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước ; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trên 4%, góp phần vào tăng trưởng chung 0,9% ; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,4%, đóng góp 3,4% ; khu vực dịch vụ tăng 5,9%,

đóng góp 2,4%. Tổng thu ngân sách nhà nước sáu tháng ước đạt 53% dự toán cả năm và tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước. Hầu hết các khoản thu từ sản xuất kinh doanh đều đạt trên dưới 50% dự toán năm và tăng hơn cùng kỳ năm trước. Thu từ kinh tế nhà nước đạt 48,5%, tăng 8,5% ; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) đạt 52,3%, tăng 7,5% ; thu từ xuất nhập khẩu đạt 51,9%, tăng 24,8% ; thu từ dầu thô đạt 60,6% nhưng chỉ bằng 92,5% cùng kỳ năm trước. Tổng chi ngân sách nhà nước trong sáu tháng đầu năm 2002, ước đạt 46,9% dự toán cả năm và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước. Bội chi ngân sách là 12,7% tổng số thu, bằng 11,3% tổng số chi và được bù đắp bằng các nguồn vay (vay trong nước bù đắp 55,5% ; vay nước ngoài bù đắp 44,5%).

Điều đáng phấn khởi là sáu tháng đầu năm 2002, giá cả không có biến động bất thường. Tính chung chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,9% ; trong đó, giá lương thực, thực phẩm tăng 5,7% ; giá các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại tăng giảm trên dưới 1%. Riêng chỉ số giá tiêu dùng tháng 6 năm 2002, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2001, chủ yếu là giá lương thực, thực phẩm tăng 9,1% (giá lương thực tăng 13,1%, giá thực phẩm tăng 8,9%). Giá lương thực, thực phẩm tăng sẽ khuyến khích nông dân mở rộng sản xuất, tăng cường đầu tư thâm canh nâng cao số lượng và chất lượng nông sản hàng hóa.

Do trồng trọt đạt kết quả khá (sản lượng lương thực ước đạt 16,48 triệu tấn, tăng một triệu tấn so với cùng kỳ), tạo nguồn thức ăn cho chăn nuôi và giá thực phẩm

tăng nên đã khuyến khích nông dân đầu tư phát triển chăn nuôi gia súc và gia cầm (đàn lợn có 12,6 triệu con, tăng 650 nghìn con so với cùng kỳ).

Giá trị sản xuất lâm nghiệp ước tính chỉ tăng 0,1% so với cùng kỳ năm ngoái ; sản lượng gỗ khai thác tăng 0,1% ; diện tích rừng trồng tập trung giảm 1% ; diện tích trồng cây phân tán giảm 1,3%. Tồn tại lớn nhất trong sản xuất lâm nghiệp vẫn là tình trạng vi phạm lâm luật và cháy rừng. Trong 6 tháng, cả nước có 10,2 nghìn ha rừng bị cháy (7,9 nghìn ha rừng tràm ở Kiên Giang và Cà Mau) và 2,5 nghìn ha rừng bị chặt phá.

Sản lượng thủy sản ước đạt 1 226,5 nghìn tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 888 nghìn tấn cá, tăng 3,2% ; 115,5 nghìn tấn tôm, tăng 132%. Sản lượng thủy sản tăng nhanh chủ yếu do ngư dân ven biển đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nước mặn và nước lợ, đồng thời chương trình đánh bắt hải sản xa bờ ở một số địa phương bước đầu đã phát huy hiệu quả. Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 730 nghìn ha, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước. Đánh bắt hải sản xa bờ đã tăng lên, chiếm 40% sản lượng hải sản khai thác.

Giá trị sản xuất công nghiệp sáu tháng đầu năm 2002 ước tăng 13,9% so với năm 2001, trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 11,2%. Nét nổi trội của sản xuất công nghiệp là : Các loại sản phẩm công nghiệp tiêu thụ tốt, nhất là ở thị trường trong nước. Những sản phẩm trước đây có hiện tượng tồn đọng, nay đã được lưu thông khá như xi-măng tăng 29,5%, thép cán tăng 27%, than tăng 28,2%, các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, giấy viết... Công nghiệp ngoài quốc doanh tăng khá

mạnh, đạt 19,1% (cùng kỳ 2001 đạt 17%), tăng cả về số lượng, vốn và bình quân vốn/doanh nghiệp ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 13,7%. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản có bước phát triển, mức tiêu thụ khá. Một số tỉnh và thành phố có tốc độ trên mức tăng bình quân của cả nước là : Hà Nội - 24,8%, Hải Phòng - 24,9%, Hà Tây - 19,1%, Hải Dương - 51,9%, Quảng Ninh - 15%, Thanh Hóa - 16,1%, Đà Nẵng - 19,1%, Khánh Hòa - 28,2%, Bình Dương - 33% và Đồng Nai - 16,1%.

Về đầu tư trực tiếp của nước ngoài, tính đến hết 30-6-2002, cả nước có 263 dự án được cấp giấy phép, với tổng số vốn đăng ký là 473,5 triệu USD ; so với cùng kỳ năm trước tăng 12,8% về số dự án, nhưng lại giảm 55,6% về số vốn đăng ký. Trong đó, ngành công nghiệp và xây dựng có 211 dự án với số vốn đăng ký 398,1 triệu USD, chiếm 80,2% về số dự án và 84,1% về vốn đăng ký.

Thương mại tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng vẫn phát triển khá, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Thương nghiệp trong nước đã khởi sắc, lượng hàng hóa trên thị trường tương đối phong phú, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của sản xuất và đời sống. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ sáu tháng đầu năm ước đạt trên 135 nghìn tỉ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó thương nghiệp nhà nước đạt 23,2 nghìn tỉ đồng, chiếm 17,1% và tăng 10,2% ; ngoài quốc doanh đạt 109,8 nghìn tỉ đồng, chiếm 81% và 13,8% ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 2,5 nghìn tỉ đồng chiếm 1,9% và giảm 12,6%. Hầu hết, các lĩnh vực kinh doanh thương nghiệp dịch vụ trong nước

đều tăng khá so với cùng kỳ năm trước, trong đó kinh doanh thương nghiệp tăng 12,3% ; khách sạn, nhà hàng tăng 13% ; hoạt động du lịch tăng 15% ; du lịch lữ hành tăng 42,4% ; các cơ sở sản xuất trực tiếp bán lẻ tăng 10,6%.

Kim ngạch xuất khẩu sáu tháng đầu năm 2002 ước đạt 7,3 tỉ USD, giảm 5,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước xuất khẩu 3,8 tỉ USD, giảm 10,8% ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất khẩu 3,5 tỉ USD bằng cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu thủy sản sáu tháng ước đạt 816 triệu USD, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm trước và đạt 41% so với kế hoạch cả năm. Riêng thị trường EU, Việt Nam chỉ xuất khẩu được gần 20 triệu USD, giảm 60% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do xuất khẩu tôm giảm. Nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến tốc độ xuất khẩu thủy sản trong thời gian qua là : 1) giá thị trường giảm, đặc biệt là giá tôm ; 2) sản lượng đủ tiêu chuẩn xuất khẩu giảm ; 3) sự áp dụng các biện pháp phi thuế quan, tạo nên rào cản đối với hàng nhập khẩu vào thị trường EU, Mỹ, Nhật ngày càng chặt chẽ. Ngoài ra, việc tranh chấp thương mại về thương hiệu sản phẩm cá da trơn (cá ba sa, cá tra) giữa Mỹ và Việt Nam cũng có ảnh hưởng đến kết quả xuất khẩu thủy sản. Dệt may cũng là ngành mũi nhọn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu. Sáu tháng qua, kim ngạch xuất khẩu dệt may đạt 900 triệu USD, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước ; trong đó, xuất khẩu sang EU chiếm 25%, Nhật Bản : 26% và Mỹ : 13,4%. Mặt hàng giày dép đang có tỷ lệ đóng góp cao nhất, góp phần hạn chế mức suy giảm tổng giá trị xuất khẩu. Giá trị xuất khẩu giày dép đạt 877 triệu USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước, thị trường

tiêu thụ giày dép Việt Nam với số lượng lớn vẫn là EU, chiếm 72% tổng số, tăng 30% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch nhập khẩu sáu tháng đầu năm 2002 ước đạt 8,4 tỉ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập khẩu là 5,4 tỉ USD, giảm 3,7% ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu đạt 3 tỉ USD, tăng 38,4%. Do xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng nên nhập siêu sáu tháng lên tới trên 1,1 tỉ USD, bằng 15,9% kim ngạch xuất khẩu, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 1,6 tỉ USD ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu gần 0,5 tỉ USD.

Du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn, không những tăng về lượng khách, mà còn tăng thời gian lưu trú và khả năng chi tiêu cũng tăng theo. Khách nước ngoài đến nước ta sáu tháng đầu năm ước đạt 1,3 triệu lượt người, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước ; trong đó, khách du lịch 719 nghìn lượt người tăng 17,2%. Lễ hội Festival 2002 đã tổ chức thành công tại Thừa Thiên - Huế, với 150 chương trình văn hóa, 28 chương trình lễ hội cộng đồng, 33 đoàn nghệ thuật với 1554 diễn viên (có 283 diễn viên quốc tế của 9 quốc gia) tham gia, thu hút khoảng 75 nghìn người khách du lịch đến Huế, trong đó có 18 nghìn lượt khách nước ngoài, gấp 3 lần Festival 2000.

Nhìn lại tình hình kinh tế ở nước ta trong sáu tháng đầu năm 2002 cho thấy, hầu hết các ngành, các lĩnh vực then chốt đều có những mặt tiến bộ, so với cùng kỳ năm trước. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng và vật nuôi bước đầu đã đem lại hiệu quả, góp phần ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Sản xuất công nghiệp tăng trưởng khá, sản phẩm công nghiệp tồn

kho ít. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 12,5%, chứng tỏ cầu trong nước đã tăng đáng kể. Những giải pháp kích cầu của Chính phủ triển khai thời gian qua đã phát huy tác dụng. Nhờ sản xuất kinh doanh phát triển nên thu ngân sách nhà nước sáu tháng đạt 53% dự toán cả năm và tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước ; tổng sản phẩm trong nước tăng 6,7% (trong đó, quý I tăng 6,6%, quý II tăng 6,8%). Dù tăng trưởng kinh tế chưa đạt mục tiêu đề ra (tăng 7 - 7,3%/năm), nhưng vẫn đứng vào hàng các nền kinh tế có mức tăng trưởng cao của khu vực. Trong quý I-2002, nền kinh tế Thái Lan tăng 2,1%, In-đô-nê-xi-a tăng 2,5%, Ma-lai-xi-a tăng 1,1%, Phi-lip-pin tăng 3,8%, Đài Loan tăng 0,9%, Trung Quốc tăng 7,6%, Hàn Quốc tăng 7,3%, Ấn Độ tăng 6,3%, Hồng Kông giảm 0,9%, Xin-ga-po giảm 1,7%, Nhật Bản giảm 1,6%⁽⁺⁾.

Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta vẫn còn nhiều khó khăn. Nổi bật là xuất khẩu sau 10 năm liên tục tăng trưởng thì giữa năm 2001 đã bắt đầu giảm sút. Riêng sáu tháng đầu năm 2002, kim ngạch xuất khẩu giảm 5,9% so với cùng kỳ năm trước ; nhập siêu lên tới 1 154 triệu USD, bằng 101,7% mức nhập siêu của cả năm 2001. Sự suy giảm của xuất khẩu những tháng vừa qua là do các *nguyên nhân chủ yếu* : 1) Nền kinh tế thế giới vẫn chưa ra khỏi tình trạng trì trệ, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ bị chững lại, nhất là từ sau sự kiện 11-9-2001 ở Mỹ. Tình hình này đã tác động tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu không chỉ của Việt Nam mà còn ảnh hưởng đối với nhiều nước trong khu vực. 2) Do cung hàng hóa và dịch vụ trên thị trường thế giới lớn hơn cầu nên nhiều loại hàng hóa xuất khẩu bị giảm giá, trong đó có những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của nước ta. 3) Sức cạnh

tranh của hàng hóa thấp, tổ chức sản xuất, lưu thông và thu mua hàng xuất khẩu chậm đổi mới.

Để nền kinh tế Việt Nam đạt được mức tăng trưởng cao trong sáu tháng cuối năm 2002, từng bước hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, cần thực hiện các giải pháp sau đây :

1. *Tiếp tục thực hiện các nhóm giải pháp kích cầu đã được triển khai từ năm trước, nhằm tăng sức mua của dân cư, mở rộng sản xuất thúc đẩy nền kinh tế phát triển.* Hiện nay, số vốn còn nằm trong dân khá lớn chưa được khai thông, cần có biện pháp hữu hiệu để sử dụng nguồn vốn này. Thực tế cho thấy, sáu tháng đầu năm qua, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng trưởng kinh tế rất khá, đứng đầu trong các loại hình doanh nghiệp. Đây là khu vực có tốc độ tăng cao nhất, chủ yếu về số lượng doanh nghiệp và vốn đầu tư sản xuất, sản xuất và tiêu dùng lại năng động. Nó đã thu hút lao động và giải quyết việc làm cho xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo. Ở một số địa phương, nuôi trồng và khai thác thủy sản tăng nhanh chủ yếu do ngư dân ven biển đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nước mặn và nước lợ, đồng thời tiến hành đánh bắt hải sản xa bờ có hiệu quả bằng phát huy vốn tự có. Vì vậy, cần tăng nguồn vốn tín dụng đầu tư ưu đãi để xây dựng các làng nghề, nuôi trồng thủy sản, xây mới các cơ sở chế biến, trang bị lại thiết bị cho các cơ sở công nghiệp chế biến nông thủy sản ở các địa phương nhằm thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu từng sản phẩm.

2. *Tạo ra bước phát triển đột biến của nước ta theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường.* Quá trình hội nhập kinh tế

(+) Theo Tạp chí Nhà kinh tế, xuất bản tại Xin-ga-po, số ra ngày 3-5-2002

quốc tế và khu vực, nhất là sau khi Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực, càng tăng cường đòi hỏi hàng hóa của ta cạnh tranh trên thị trường có giá thành hạ và chất lượng cao, ổn định. Vì vậy, đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu phải vươn lên tự khẳng định mình trong cơ chế thị trường. coi trọng việc cải tiến nâng cao chất lượng, mẫu mã, thương hiệu để đứng vững được trên thương trường. Để có hàng nông sản chất lượng cao, bán được giá trên thị trường đòi hỏi phải làm tốt nhiều khâu : chọn giống, xử lý các khâu sau thu hoạch. Ngoài ra, còn phải nắm bắt nhu cầu thị trường, ma-két-tinh. Cho nên, cần chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng lấy hiệu quả trên đơn vị diện tích. Để có gạo xuất khẩu với chất lượng và số lượng cao, cần tuyển chọn được giống mới và nhân ra diện rộng. Chuyển một bộ phận đất lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản, cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao hơn. Thực hiện giải pháp "kích cầu" là bỏ thuế sử dụng đất nông nghiệp để tăng thu nhập cho nông dân.

3. Nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp kiểu mới. Xây dựng mô hình kinh tế trang trại, tổ hợp tác tự nguyện, kinh tế hợp tác và hợp tác xã kiểu mới là tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa cho xã hội, tạo việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho hộ nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo. Để mô hình này hoạt động có hiệu quả, cần giải quyết tốt vấn đề thị trường tiêu thụ và giá cả nông sản. Vấn đề cho vay vốn, trợ giá, trợ cước, miễn giảm thuế doanh thu cần được nghiên cứu và hoàn thiện nhằm

đạt hiệu quả cao, có lợi cho người lao động. Điều quan trọng là, cần có hệ thống tổ chức thu mua sản phẩm hàng hóa cho nông dân; khuyến khích việc ký kết hợp đồng về tiêu thụ sản phẩm và hỗ trợ "đầu vào" của sản xuất. Thông tin về giá cả và thị trường đến cơ sở, điều chỉnh sản xuất hàng hóa cho thích hợp. Cung cấp vật tư cho nông nghiệp, hạ thấp đầu vào làm sản phẩm có giá thành hạ, nhiều chủng loại đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

4. Đẩy mạnh xuất khẩu trong sáu tháng cuối năm 2002 nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách. Khắc phục được tình trạng giảm sút về xuất khẩu sẽ là yếu tố quan trọng để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra. Tăng nhanh khối lượng xuất khẩu các mặt hàng đang có lợi thế về giá xuất khẩu như : hàng thủy sản, gạo, cà phê, dệt may, da giày, dầu thô, than đá, thủ công mỹ nghệ... Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế cần khai thác mọi nguồn lực hiện có về vốn, máy móc, thiết bị, kỹ thuật công nghệ và lao động để mở rộng quy mô sản xuất tập trung cho những ngành sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu. Chính phủ và các cấp, các ngành cần triển khai các giải pháp tích cực để đẩy mạnh xuất khẩu. Đặc biệt quan tâm những ngành và lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản và thủy sản xuất khẩu vừa có tỷ trọng lớn, vừa có thị trường, nhưng sáu tháng đầu năm còn tăng trưởng chậm. Đối với những mặt hàng dệt may, nông sản chủ lực như : gạo, cà phê, thủy sản, rau quả ... các bộ, ngành liên quan cần thực hiện được các hợp đồng đã ký. Rà soát chi phí dịch vụ đầu vào với hàng xuất khẩu như giá lưu kho, lưu bãi, các loại phí ... để giảm tới mức hợp lý những chi phí này. Khắc phục tình trạng buôn lậu và gian lận thương mại

để giảm bớt được ảnh hưởng đến sản xuất các mặt hàng cùng loại của các doanh nghiệp trong nước. Khuyến khích các doanh nghiệp tìm kiếm và mở rộng thị trường, nâng cao vai trò của các tổ chức xúc tiến thương mại, bồi dưỡng kiến thức về luật pháp và thương mại quốc tế. Tăng cường nắm thông tin, diễn biến của thị trường thế giới và có biện pháp phổ biến kịp thời cho các doanh nghiệp để có sự điều chỉnh, ứng phó kịp thời.

5. Tiếp tục tăng đầu tư phát triển để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Coi trọng tiến hành các biện pháp kịp thời để đổi mới tiến độ giải ngân, phát huy nội lực, đề cao trách nhiệm các cơ quan quản lý, tạo thông thoáng cho các thành phần kinh tế phát triển. Mặt khác, cần đẩy mạnh đổi mới sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và tăng nguồn thu ngân sách. Chú trọng đẩy mạnh tiến độ xây dựng các khu công nghiệp trọng điểm bằng các nguồn vốn đầu tư toàn xã hội và khởi công thêm nhiều công trình mới, dự án mới. Các khu vực có tiềm năng về máy móc, thiết bị và cơ sở vật chất kỹ thuật, Nhà nước cần có cơ chế và chính sách thông thoáng hơn để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chiều sâu, tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí sản xuất nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước. Các nguồn vốn đầu tư phát triển cần hướng vào mục tiêu thúc đẩy nhanh việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu sản phẩm trong các ngành, các vùng kinh tế. Sử dụng có hiệu quả đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách và vốn tín dụng ưu đãi cho đúng đối tượng để thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế. □

TẠO BƯỚC CHUYỂN BIẾN...

(Tiếp theo trang 5)

Các cấp ủy đảng cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với Hội Nông dân Việt Nam. Các cấp chính quyền, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân cần phối hợp chặt chẽ và tạo mọi thuận lợi để Hội Nông dân Việt Nam xây dựng tổ chức vững mạnh và hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt hơn nữa phong trào nông dân phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phong trào *"Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng"*, chăm lo đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của bà con nông dân, góp phần đưa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đến thành công.

Đảng và Nhà nước sẽ tiếp tục chăm lo bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường đầu tư tiền vốn cho việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật; chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ và có hiệu quả hơn nữa đối với nông nghiệp và nông thôn để đẩy mạnh quy mô và tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) của Đảng.

Với những kinh nghiệm đã tích lũy được qua hơn 10 năm tổ chức, phát động thi đua, với truyền thống yêu nước và cách mạng của giai cấp nông dân, nhất định phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng sẽ có bước chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa, mang lại hiệu quả ngày càng cao, trước mắt góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010. □

Mấy giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn

NGUYỄN HOÀNH XANH *

SAU hơn 15 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đặc biệt là từ những năm 90 của thế kỷ XX trở lại đây, Đảng ta chủ trương tiến hành công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) nông nghiệp, nông thôn. Với chủ trương đúng đắn đó, nền kinh tế nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, làm đổi thay đáng kể bộ mặt nông thôn, đời sống của đại bộ phận nông dân Việt Nam đã từng bước được cải thiện. Từ chỗ thiếu ăn, phải nhập khẩu lương thực, nước ta đã trở thành một nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới (sau Thái Lan). Ngoài ra, còn xuất khẩu một số lượng lớn các loại nông sản khác như : cà-phê, điều, chè v.v..

Tuy nhiên, những thành tựu đạt được trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn thời gian qua vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của địa bàn chiếm tới 70% lực lượng lao động của cả nước. Vốn đầu tư cho khu vực này vẫn thấp hơn nhiều so với các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Hiện nay, tỷ trọng đầu tư cho khu vực này chỉ chiếm 11 - 12% tổng đầu tư toàn xã hội, trong khi nó đóng góp tới 25% - 27% GDP hằng năm

của cả nước và 70% GDP ở khu vực nông thôn. Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu vẫn thiên về số lượng, chưa chú trọng về chất lượng ; giá thành nông sản còn cao. Trong thời gian qua, nguồn lực, các tiềm năng và lợi thế so sánh trong nông

ng nghiệp về *cơ bản vẫn phát triển theo chiều rộng*, năng suất lao động và hiệu quả sản xuất thấp ; sản lượng nông sản tuy có tăng nhưng gắn liền với tăng chi phí đầu vào (khai hoang, phục hóa mở rộng đất canh tác). Theo tính toán của Viện lúa đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), chi phí cho một héc-ta lúa canh tác trước đây từ 3 đến 3,5 triệu đồng, nay đã tăng lên 4 tới 5 triệu đồng. Có những loại cây trồng năng suất đạt được chỉ bằng một nửa mức bình quân của thế giới, điển hình là cây mía (mức bình quân của thế giới 80-90 tấn/ha, của Việt Nam 40-50 tấn/ha). Giá hàng hóa nông sản trong thời gian qua lại suy giảm, dẫn đến nhiều bất lợi cho xuất khẩu. Trong năm 2001, các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ đạo tuy tăng về số lượng, nhưng sụt giảm về kim ngạch do giá giảm mạnh (cà phê tăng lượng xuất khẩu gần 29%, nhưng kim ngạch giảm 20% ; gạo tăng 64% về lượng nhưng kim ngạch giảm 8,5% ; hạt tiêu tăng 62% về lượng, kim

* Ths, Văn phòng đại diện Ngân hàng Nhà nước tại TP. Hồ Chí Minh

ngạch giảm 28%...) làm thua thiệt lớn cho người sản xuất. Trong khi đó, những biện pháp mà Nhà nước áp dụng để thúc đẩy phát triển nông nghiệp (trợ giá đầu vào, giảm giá các loại cây, con giống, vật tư nông nghiệp; miễn, giảm thuế sử dụng đất; giảm lãi suất vay vốn, tăng vốn đầu tư cho công trình thuộc kết cấu hạ tầng nông thôn...) chưa có những bước đột phá mạnh. Tình trạng trên dẫn đến hệ số chênh lệch trong thu nhập giữa khu vực thành thị và nông thôn ngày càng lớn. Theo kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê và Ngân hàng thế giới (WB) thực hiện năm 1999 thì hệ số chênh lệch giữa thành thị và nông thôn là 3,65 lần. Nguồn nhân lực cung cấp cho khu vực nông nghiệp và nông thôn so với các lĩnh vực khác chưa được đầu tư thích đáng. Trình độ dân trí, học vấn của cư dân nông thôn còn thấp; thiếu lao động trình độ cao, cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ quản lý...

Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX của Đảng đã nhấn mạnh: "Tăng cường sự chỉ đạo và các nguồn lực cần thiết cho CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn. Tiếp tục phát triển và đưa nông - lâm - ngư nghiệp lên một trình độ mới bằng việc ứng dụng những tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị thu được trên đơn vị được tính; giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hóa, đẩy mạnh thủy lợi hóa, cơ giới hóa và áp dụng công nghệ sinh học. Đầu tư nhiều hơn cho phát triển hạ tầng kinh tế và xã hội ở nông thôn, phát triển công nghiệp dịch vụ, các ngành nghề đa dạng, nhất là công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ nông nghiệp, các làng nghề; chuyển

một bộ phận quan trọng lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ, tạo nhiều việc làm; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện đời sống nông dân và dân cư ở nông thôn".

CNH và HĐH nông nghiệp, nông thôn là lĩnh vực rất rộng lớn, bao trùm nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội và rất cần những giải pháp cụ thể, đồng bộ để cụ thể hóa đường lối của Đảng. Đó là:

1 - Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến

Vấn đề mấu chốt đặt ra là làm sao tăng năng suất trong khu vực kinh tế nông nghiệp; thực hiện cơ khí hóa, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ. Muốn tăng năng suất lao động, giảm bớt chi phí đầu vào, thay đổi hợp lý cơ cấu sản xuất nông nghiệp, hướng tới sản xuất hàng hóa trên diện tích quay vòng hàng trăm triệu ha kịp thời vụ, đáp ứng nhu cầu thâm canh, khâu quan trọng là tiến hành *cơ khí hóa*. Sản xuất máy nông nghiệp phải được coi là hướng đầu tư chủ yếu của công nghiệp cơ khí. Hiện nay, cả nước có trên 115 000 máy kéo các loại, gấp 1,5 lần so với năm 1985, nhưng mức bình quân như vậy vẫn thấp hơn nhiều so với các nước nông nghiệp phát triển trong khu vực như: Thái Lan, Trung Quốc.

Song song với quá trình cơ khí hóa, cần *đẩy mạnh thủy lợi hóa*, tăng cường vốn ngân sách cho các công trình thủy lợi trọng điểm, đặc biệt là các dự án nằm trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội và kiểm soát quá trình sống chung với lũ ở ĐBSCL. Làm tốt công tác thủy lợi hóa sẽ nâng cao hiệu quả chuyển đổi

cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Chỉ thị số 63/CT-TU đã chỉ rõ "Củng cố và tăng đầu tư cho một số trung tâm nghiên cứu khoa học cơ bản hiện đại, nhất là về công nghệ sinh học, tạo một bước đột phá mới về giống ; có quy định trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông - lâm - hải sản để trước mắt khắc phục những yếu kém về năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam ; tiến tới có thể xâm nhập sâu rộng ở thị trường nước ngoài". Theo đó, chúng ta cần đầu tư mạnh mẽ cho *công nghệ sinh học*, nhất là công nghệ gen. Một kiểu gen mới cho giống cây trồng, vật nuôi có thể làm cho năng suất tăng lên gấp nhiều lần. Trong điều kiện nền kinh tế đất nước đang trong quá trình hội nhập và hướng ra xuất khẩu, chúng ta phải nhanh chóng đưa công nghệ tiên tiến vào khâu bảo quản nông sản. Kinh nghiệm cho thấy, với công nghệ tiên tiến, thời hạn bảo quản sẽ dài hơn và số lượng tổn thất chỉ khoảng 0,1% - 0,2% năm ; còn theo cách cũ thì thời hạn bảo quản ngắn hơn và tổn thất lên tới 1% - 1,2%/năm. Áp dụng công nghệ bảo quản tiên tiến sẽ góp phần nâng cao chất lượng nông sản và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

2 - Quy hoạch tổng thể gắn với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phân bổ nguồn lực hợp lý

Để làm tốt công tác này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học - Công nghệ cùng các ban, ngành liên quan căn cứ vào điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái và các tập quán tâm lý xã hội của từng địa phương đưa ra quy hoạch tổng thể mang tính chiến lược đối với

từng vùng kinh tế, nhất là các vùng nông nghiệp trọng điểm : trồng lúa ở ĐBSCL, đồng bằng Bắc Bộ ; nuôi tôm ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ ; trồng cà-phê ở Tây Nguyên ; trồng chè ở trung du Bắc Bộ ; trồng cao su, tiêu, điều ở Đông Nam Bộ v.v.. Tuy nhiên, việc quy hoạch tổng thể này phải đặt trong mối tương quan hợp lý với việc phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội ở từng vùng, từng khu vực cụ thể. Việc phân bổ nguồn lực và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phải nhằm đẩy mạnh chuyên canh, thâm canh và khai thác tối đa các nguồn nhân lực. Kinh nghiệm ở Cà Mau cho thấy, thông qua chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nhiều vùng trong tỉnh như Đầm Dơi, Cái Nước, Ngọc Hiển và thành phố Cà Mau đã có nhiều thay đổi đáng kể. Trong năm 2001, Cà Mau đã đạt được doanh số xuất khẩu thủy sản là 300 triệu USD. Đến nay, tỉnh Cà Mau đã có 202 nghìn héc-ta nuôi tôm, trong đó 18 nghìn héc-ta nuôi tôm rừng ; 10 nghìn héc-ta nuôi tôm vườn ; 26 nghìn héc-ta tôm - lúa ; phổ biến nhất là nuôi tôm sinh thái với 148 nghìn héc-ta.

Ở thời điểm hiện nay, chúng ta đã vượt qua mức đảm bảo an ninh lương thực, sản xuất nông nghiệp cần có sự chuyển đổi đảm bảo tính hiệu quả kinh tế ; phải có quy hoạch trồng lúa chuyên về xuất khẩu cũng như có kế hoạch chuyển một phần diện tích trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản. Gắn với quy hoạch các vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm, cần xây dựng các khu công nghiệp chế biến, công nghệ sau thu hoạch và các hoạt động dịch vụ để nâng tỷ suất hàng hóa nông nghiệp ; nâng cao chất lượng và hạ giá thành, tạo điều

kiện cho hàng Việt Nam có thể đứng vững và cạnh tranh được với hàng hóa của các quốc gia khác trên thị trường quốc tế.

Việc chuyển dịch cơ cấu và phân bổ nguồn lực phải gắn liền với tăng cường điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Trong thời gian tới, cần nâng mức đầu tư cho nông nghiệp, ưu tiên cho những vùng trọng điểm và cho xuất khẩu ; tạo môi trường thuận lợi về pháp lý, thông thoáng trong kinh doanh để thu hút các nguồn vốn ODA, FDI và các nguồn tài trợ khác.

3 - Phát triển sản xuất nông nghiệp hướng ra xuất khẩu

Nền nông nghiệp nước ta đã và đang chuyển mạnh từ sản xuất nhỏ, manh mún, tự cung, tự cấp sang nền kinh tế hàng hóa. Các mặt hàng nông sản hiện không chỉ thỏa mãn nhu cầu trong nước mà còn hướng ra xuất khẩu. Bình quân hằng năm giai đoạn từ 1990 - 2000, nước ta đã xuất khẩu được 2,6 triệu tấn gạo ; 280 tấn cà phê ; 21,1 nghìn tấn tiêu ; 23,35 nghìn tấn điều ; 155 nghìn tấn cao su ; 24 nghìn tấn chè ; đặc biệt là xuất khẩu thủy sản (năm 1980 chỉ đạt 11 triệu USD ; đến năm 2000 đạt 1,47 tỉ USD và trong năm 2001 đạt tới 1,74 tỉ USD kim ngạch xuất khẩu với tổng sản lượng là 2,2 triệu tấn). Thành tựu đó đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế chung của cả nước. Nguồn ngoại tệ thu được từ xuất khẩu các sản phẩm nông - lâm - thủy sản trong những năm qua chiếm tỷ trọng từ 45% - 47% tổng giá trị xuất khẩu cả nước.

Bước sang thế kỷ XXI, toàn cầu hóa kinh tế là một tất yếu khách quan. Việt Nam đã và đang từng bước hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Với áp

lực hội nhập quốc tế ngày càng gia tăng, nhất là khi Trung Quốc đã gia nhập WTO ; Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã được Quốc hội hai nước thông qua ; chúng ta đang chuẩn bị các cam kết về thuế quan để thực hiện AFTA vào năm 2006..., là những điều kiện vừa tạo nhiều cơ hội mới, nhưng cũng có không ít thách thức mới. *Thị trường nông sản Việt Nam phải được đặt trong mối tương quan với thị trường nông sản thế giới.* Để các mặt hàng nông sản Việt Nam có chỗ đứng vững chắc trên thương trường quốc tế, chúng ta cần tiến hành đồng bộ các giải pháp sau :

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thương mại phối hợp với Bộ Ngoại giao thông qua các đại sứ quán ở nước ngoài để tìm các đối tác kinh tế hữu hiệu, tìm thị trường và quảng bá cho hàng hóa Việt Nam. Dự đoán được xu hướng vận động của cung - cầu về hàng nông sản trên thị trường quốc tế, trên cơ sở đó, đề ra chiến lược lâu dài về xuất khẩu, đồng thời phải có chiến lược thông tin về thị trường quốc tế thông qua các trung tâm xúc tiến thương mại được lập ở nước ngoài để nắm nhu cầu thị hiếu của khách hàng (cả về chủng loại sản phẩm, mẫu mã, giá cả, thị hiếu người tiêu dùng) ; tạo chủ động trong xuất khẩu hàng nông sản.

- Các bộ có liên quan cần đưa ra chính sách thuế ưu đãi đối với khu vực kinh tế nông nghiệp và nông thôn, nhất là những vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm (miễn giảm thuế sử dụng đất, giảm thuế suất đối với các loại vật tư nông nghiệp...) ; hình thành quỹ hỗ trợ hoặc bảo hiểm giá đối với các mặt hàng nông sản xuất khẩu. Xây dựng chính sách

hỗ trợ về lãi suất đối với kinh tế nông nghiệp ; đẩy mạnh đầu tư tín dụng trung, dài hạn đối với các vùng nông nghiệp trọng điểm ; đơn giản hóa thủ tục vay vốn ngân hàng, nhất là đối với nông dân. Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các ngành hữu quan sớm cho ra đời Ngân hàng hỗ trợ xuất - nhập khẩu, một nhân tố quan trọng để xuất khẩu hàng nông sản.

4 - Đầu tư và phát triển nguồn nhân lực

Hiện nay, trình độ lao động tại khu vực kinh tế nông nghiệp và nông thôn nhìn chung còn yếu về chất lượng và thiếu về số lượng, và cơ bản vẫn là lao động thủ công. Trong một thời gian dài, chúng ta chưa chú trọng đến đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực này, đặc biệt là những ngành nghề gắn liền với quá trình bảo quản, chế biến - khâu quan trọng làm tăng giá trị hàng nông sản. Kiến thức của nông dân về khoa học - kỹ thuật (nhất là công nghệ sinh học), về thị trường còn rất hạn chế (chưa hiểu thế nào là AFTA, gia nhập AFTA thì sẽ có lợi thế và hạn chế gì, v.v.). Vì vậy, đầu tư vào *phát triển nguồn nhân lực* cho nông nghiệp và nông thôn phải được coi là một giải pháp lớn và phải chiếm một tỷ trọng đáng kể ngân sách nhà nước dành cho nông nghiệp. Cần xây dựng mới và củng cố các trường dạy nghề phục vụ phát triển nông nghiệp ; có chính sách thỏa đáng đối với đội ngũ trí thức tình nguyện làm việc tại nông thôn ; tổ chức và thực hiện tốt các chương trình "khuyến nông", "khuyến ngư" ; đây là một biện pháp hết sức quan trọng nhằm nâng cao trình độ của nông dân trong điều kiện chúng ta tiếp cận với kinh tế tri thức.

Phát triển mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa bàn nông thôn, giúp cho nông dân hiểu biết hơn về thị trường trong nước và thế giới.

Gắn liền với quá trình đổi mới và kiện toàn lại các loại hình kinh tế hợp tác xã, cần phát triển mô hình *hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành* hoặc *chuyên ngành*. Thí điểm mô hình hợp tác xã nông - công - thương tín trong điều kiện phát triển nền kinh tế nông nghiệp hướng ra xuất khẩu. Thực hiện tốt cơ chế liên kết các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp nhà nước ; đây là hình thức biểu hiện sinh động mối liên hệ liên minh công - nông về kinh tế. (Hiện một số hợp tác xã nông nghiệp ở ĐBSCL ngay từ khi thành lập đã có sự hỗ trợ của Nhà nước, nhờ đó, các công ty lương thực, vật tư, bảo vệ thực vật... các tỉnh đã mua sắm được một số máy nông nghiệp, cải thiện điều kiện lao động cho nông dân). Việc mở rộng các hình thức liên kết giữa kinh tế tập thể và các thành phần kinh tế khác sẽ đem lại sức mạnh to lớn trong phát triển của các tổ chức hợp tác, hợp tác xã trong thời kỳ mới, phấn đấu để kinh tế tập thể cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc trong nền kinh tế quốc dân. Đó cũng chính là vận dụng đúng quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong giai đoạn hiện nay.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp phát huy được mọi tiềm năng vốn có của lực lượng sản xuất, tạo ra bước phát triển mới về chất trong sản xuất nông nghiệp. □

LUẬT Đầu tư nước ngoài (ĐTNN) tại Việt Nam ban hành năm 1997, đến nay sau 4 lần sửa đổi, bổ sung (1990, 1992, 1996, 2000), cơ bản đã khắc phục những hạn chế của khung pháp luật hiện hành và đưa ra nhiều quy định pháp luật mới nhằm tiếp tục tạo dựng môi trường đầu tư có sức cạnh tranh cao. Các điều khoản của Luật tập trung chủ yếu vào việc tháo gỡ kịp

xuất khẩu (chưa kể dầu khí) và đóng góp 13% GDP của cả nước. Khu vực kinh tế có vốn ĐTNN đã thu hút trên 40 vạn lao động trực tiếp và hàng chục vạn lao động gián tiếp làm việc trong các ngành xây dựng, thương mại, dịch vụ liên quan ; góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ, trình độ quản lý và mở rộng thị trường⁽¹⁾.

Tuy nhiên, ở mức độ nào đó, có thể nói, hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách của Việt Nam còn chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của khu vực kinh tế này, đặc biệt hành lang pháp lý chưa hoàn thiện, vẫn còn thiếu một hệ thống văn bản pháp luật hoàn chỉnh để quản lý khu vực kinh tế có vốn ĐTNN nên đã làm hạn chế đến hiệu quả kinh doanh, cũng như hiệu quả quản lý nhà nước (QLNN) đối với

Hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

NGUYỄN VĂN HÙNG *

thời những khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách của Nhà nước đối với khu vực kinh tế có vốn ĐTNN ; tạo khung pháp lý tương đối bình đẳng và mở rộng quyền tự chủ kinh doanh cho khu vực kinh tế này.

Trên cơ sở pháp lý đã hình thành, chúng ta đã phát huy được mặt tích cực của khu vực kinh tế có vốn ĐTNN, từ chỗ có vai trò không đáng kể đến nay đã "nổi lên như một điểm sáng" trong bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế Việt Nam. Khu vực kinh tế có vốn ĐTNN đã trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Cụ thể là : "các doanh nghiệp có vốn ĐTNN đã tạo ra 34% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp, khoảng 25% kim ngạch

khu vực kinh tế này. Có thể nêu một số hạn chế sau :

Thứ nhất, tính không ổn định trong các quy định của các cơ quan QLNN đối với kinh tế có vốn ĐTNN đang là vấn đề nổi cộm. Do Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm trong QLNN về ĐTNN nên trong quá trình điều hành vĩ mô còn lúng túng chưa chủ động và thậm chí còn bị động chạy theo những sự việc, thậm chí việc giải quyết còn mang tính đối phó, đã dẫn đến tình trạng trong thời gian ngắn Chính phủ, cũng như các bộ, các ngành, các cơ quan quản lý

* Ban Đối ngoại Trung ương

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001 tr 239

ở địa phương ban hành quá nhiều văn bản pháp quy nhưng vẫn "thiếu". Đáng chú ý, những quy định trong các văn bản pháp quy mới có khi lại phủ nhận quy định trong các văn bản trước đó, nên vừa gây khó khăn, không tạo điều kiện thuận tiện cho các doanh nghiệp có vốn ĐTNN làm ăn nghiêm chỉnh, bài bản, vừa tạo kẽ hở cho một số doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế này có ý đồ lợi dụng những kẽ hở đó, gây ra nhiều tiêu cực đáng tiếc.

Thứ hai, việc quản lý kinh tế có vốn ĐTNN chủ yếu bằng các văn bản pháp luật, trong khi hệ thống pháp luật vẫn còn tình trạng chông chéo, thiếu đồng bộ, không nhất quán về chủ trương, mâu thuẫn lẫn nhau, thậm chí nhiều vấn đề còn bỏ ngỏ. Chẳng hạn, việc xử lý giá trị quyền sử dụng đất trong trường hợp giải thể, phá sản doanh nghiệp có vốn ĐTNN không còn phù hợp; theo Luật ĐTNN sửa đổi, doanh nghiệp có ĐTNN được thế chấp quyền sử dụng đất cho ngân hàng hoạt động tại Việt Nam nhưng theo hướng dẫn của ngân hàng thì doanh nghiệp chưa được quyền thế chấp. Đây có thể coi là thách thức lớn đối với Việt Nam trong quá trình hợp tác đầu tư với nước ngoài.

Thứ ba, phạm vi QLNN đối với kinh tế có vốn ĐTNN còn ít được đề cập cụ thể trong Luật. Hệ thống pháp luật về ĐTNN mới chỉ tập trung vào giai đoạn cấp giấy phép đầu tư, giai đoạn sau khi được cấp phép chưa quy định cụ thể phạm vi và đối tượng quản lý trong quá trình hoạt động của kinh tế có vốn ĐTNN dẫn đến tình trạng các cơ quan QLNN không nắm được thực trạng kinh doanh của khu vực này. Có những vấn đề rất lớn thể hiện vai trò quản lý của Nhà nước, như việc kiểm tra, giám sát sử dụng máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư, nguyên liệu miễn thuế nhập khẩu để xây dựng cơ bản hình thành doanh nghiệp

có vốn ĐTNN có đúng mục đích không, nhưng hiện nay lại chưa có bộ, ngành nào chịu trách nhiệm quản lý !. Điều đó cho thấy, bộ máy QLNN đối với khu vực kinh tế có vốn ĐTNN lâu nay luôn bận bịu với những thủ tục hành chính phiền hà và phức tạp do chúng ta đặt ra, nhất là các thủ tục liên quan đến triển khai dự án ĐTNN như về đất đai, xây dựng, xuất nhập khẩu, hải quan, nhưng lại lãng quên hoặc bỏ ngỏ những việc cần phải nắm chắc.

Thứ tư, sự rõ ràng cụ thể, chính xác luôn là những thuộc tính không thể thiếu được trong văn bản pháp luật. Thiếu những thuộc tính này, pháp luật không thể đi vào cuộc sống. Nhưng, còn những quy định của các văn bản pháp luật liên quan đến khu vực kinh tế có vốn ĐTNN chưa đáp ứng được các yêu cầu đó, như : các hạn chế, tiêu chí cấp phép và hạn chế cấp phép đối với nhà ĐTNN vẫn còn dừng lại ở nguyên tắc chung chung, chưa rõ ràng, làm cho nhà ĐTNN không xác định được dự án của mình có thuộc diện được cấp phép hay không. Một mặt, làm cho doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế này không chủ động được ; mặt khác, dẫn đến sự thiếu nhất quán, thậm chí tùy tiện trong giải quyết công việc.

Thứ năm, trong khi hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ thì nghiêm trọng hơn là, việc thi hành pháp luật, chính sách không nhất quán, còn tình trạng "phép vua thua lệ làng" ở một số địa phương. Ví thế, hiệu lực của việc thi hành Luật ĐTNN trong những năm qua chưa được thi hành nghiêm chỉnh. Các tranh chấp về đầu tư, kinh doanh không được giải quyết kịp thời và có hiệu quả, thiếu cơ chế cho việc bảo đảm thi hành luật pháp, phần nào làm ảnh hưởng đến khu vực kinh tế có vốn ĐTNN và đến môi trường đầu tư ở Việt Nam. Trong khi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta là tạo điều kiện tối đa cho kinh tế có

vốn ĐTNN phát triển, thì ở cấp thực thi lại có những quy định thắt chặt lại hoặc mang tính cục bộ. Biểu hiện rõ nhất là, việc triển khai thực hiện danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện và danh mục lĩnh vực không cấp phép ĐTNN ban hành kèm theo Nghị định 24, năm 2000 của Chính phủ. Nhưng một số văn bản gần đây đã đưa ra những điều kiện thắt chặt hơn rất nhiều so với Nghị định trên như, việc quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ hàng hải, chủ trương thực hiện dự án cấp phép theo phương thức xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), sản xuất xi-măng, cán thép ...

Thứ sáu, hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được quy định trong Luật ĐTNN chưa đa dạng và chưa đáp ứng yêu cầu mở rộng các phương thức huy động vốn ĐTNN. Hiện nay, theo Luật ĐTNN, khu vực kinh tế có vốn ĐTNN chỉ được phép thành lập và tổ chức hoạt động theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn chứ chưa được thành lập theo hình thức công ty cổ phần, công ty hợp danh như quy định tại Luật doanh nghiệp; vẫn đang tồn tại một hạn chế là, hình thức đầu tư trong một số lĩnh vực nhất định, xuất khẩu đối với các sản phẩm mà thị trường trong nước đã đáp ứng được nhu cầu, tỷ lệ nội địa hóa và phát triển nguồn nguyên liệu trong nước chưa được định rõ và thực hiện nghiêm. Một trong những quy định của Luật ĐTNN tại Việt Nam không phù hợp với thông lệ quốc tế, đó là việc thực hiện nguyên tắc nhất trí đối với những vấn đề quan trọng trong doanh nghiệp liên doanh.

Sự phân biệt đối xử giữa ĐTNN và đầu tư trong nước vẫn còn hạn chế trên một số mặt: khả năng vay vốn từ các ngân hàng thương mại trong nước để đầu tư của doanh nghiệp có vốn ĐTNN là hết sức khó khăn và hầu như không thực hiện được; hệ thống hai giá vẫn còn tồn tại từ nhiều năm nay (mặc

dù đã từng bước được thu hẹp), không đáp ứng được yêu cầu đối xử quốc gia đối với kinh tế có vốn ĐTNN về chi phí vận chuyển, chi phí cho các tiện nghi sản xuất của các doanh nghiệp có vốn ĐTNN cao hơn nhiều so với doanh nghiệp trong nước. Điều này trực tiếp hạn chế không chỉ đến hiệu quả của kinh tế có vốn ĐTNN, đến tính vận hành có tính hiệu quả của nền kinh tế thị trường mà còn làm giảm sức hấp dẫn và tính cạnh tranh của môi trường thu hút ĐTNN ở Việt Nam⁽²⁾.

QLNN đối với khu vực kinh tế có vốn ĐTNN chủ yếu là quản lý theo luật. Bởi vì, thẩm quyền cấp giấy phép cho các dự án ĐTNN thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các sở kế hoạch và đầu tư của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, còn hoạt động sản xuất - kinh doanh (SX-KD) của doanh nghiệp có vốn ĐTNN chỉ tuân theo luật và doanh nghiệp có vốn ĐTNN là loại doanh nghiệp không "có bộ chủ quản", thuộc một phần sở hữu nước ngoài hoặc thuộc toàn bộ sở hữu nước ngoài, hoạt động theo cơ chế thị trường, hoàn toàn có quyền tự chủ trong hoạt động SX-KD. Các cơ quan QLNN theo chức năng, quyền hạn được phân định tham gia vào quản lý ĐTNN nhưng được điều hòa, phối hợp ở Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các sở kế hoạch và đầu tư của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Chính vì vậy, hệ thống pháp luật là công cụ pháp lý có vai trò đặc biệt quan trọng để nhà nước thực hiện chức năng quản lý của mình đối với khu vực kinh tế này.

Theo Luật ĐTNN nội dung QLNN về ĐTNN bao gồm:

1. "Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách ĐTNN;

(2) Xem: *Những vấn đề về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1996, tr 36

2. Ban hành các văn bản pháp luật về hoạt động ĐTNN ;

3. Hướng dẫn các ngành, địa phương trong việc thực hiện các hoạt động liên quan tới hợp tác ĐTNN ;

4. Cấp, thu hồi giấy phép đầu tư ;

5. Quy định việc phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc quản lý hoạt động ĐTNN ;

6. Kiểm tra, thanh tra và giám sát hoạt động ĐTNN⁽³⁾.

Để nâng cao hiệu quả QLNN đối với kinh tế có vốn ĐTNN, cần phải có hệ thống pháp luật đầy đủ và đồng bộ, rõ ràng và phù hợp làm nền tảng pháp lý cho hoạt động quản lý của Nhà nước, làm cơ sở cho kinh tế có vốn ĐTNN kinh doanh đúng pháp luật, tránh được những tùy tiện trong quản lý. Trên cơ sở đó các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế này sẽ biết rõ mình được làm gì, không được làm gì, trong khuôn khổ nào, trên cơ sở đó các doanh nghiệp có vốn ĐTNN mới có thể hoạch định chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển lâu dài của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Nếu vẫn cứ thiếu những văn bản pháp lý để điều chỉnh hoạt động của khu vực kinh tế có vốn ĐTNN thì sẽ không tránh khỏi hiện tượng của quyền tùy tiện của các cơ quan QLNN, dễ dẫn đến cơ chế "xin - cho", gây khó khăn cho các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế này. Vì vậy, trước mắt, chúng tôi cho rằng cần tiến hành 7 biện pháp sau :

1. Tiến hành rà soát tất cả các văn bản pháp luật liên quan đến kinh tế có vốn ĐTNN, từ đó điều chỉnh những nội dung không thống nhất, bãi bỏ những quy định trái với chính sách hoặc với luật, khắc phục những thủ tục gây phiền hà, không phù hợp với cơ chế mới của bất kỳ cơ quan nào. Đây là một công việc không đơn giản. Nếu chỉ

giao cho các cơ quan chức năng thực thi thì thực tế đã chỉ ra là, rất khó thực hiện hoặc là làm rất chậm, vì công việc quá lớn hay do thiếu tính khách quan, thậm chí không muốn sửa đổi những nội dung liên quan đến quyền hạn và lợi ích của mình. Nên chăng, giao cho một số viện nghiên cứu, hoặc cơ quan tư vấn thực hiện như một đề tài nghiên cứu khoa học. Đồng thời, phải có chế tài nghiêm cấm các cơ quan QLNN không được tự ý đặt ra bất kỳ quy định nào khác trái với pháp luật hiện hành đối với khu vực kinh tế có vốn ĐTNN và xử lý nghiêm hiện tượng lạm quyền trong việc ban hành các quy định, cũng như thực hiện luật pháp của Nhà nước.

2. Hệ thống pháp luật phải tạo điều kiện cho mọi loại hình kinh tế bình đẳng trước pháp luật. Nghĩa là, tạo thuận lợi, cơ hội bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế cạnh tranh trong khuôn khổ pháp luật ; qua đó, có thể đạt hiệu quả cao nhất trên thị trường trong nước và thế giới. Nhưng thực tế lại đang có nhiều điều luật bất cập với hoạt động ĐTNN và đầu tư trong nước nên đã tạo ra sự khác biệt đến mức thiếu bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Thiết nghĩ, đã đến lúc chúng ta cần xây dựng một môi trường pháp lý chung cho cả đầu tư trong nước và ĐTNN nhằm tạo lập môi trường ổn định, bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

3. Pháp luật chỉ có hiệu lực thực tế trong cuộc sống nếu nó phản ánh đúng thực trạng cuộc sống, giải đáp những vấn đề bức xúc của cuộc sống đang đặt ra nói chung và đối với kinh tế có vốn ĐTNN nói riêng. Tức là, phải giải quyết những vướng mắc trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp có vốn ĐTNN. Do vậy, một trong những nội dung

(3) Các quy định pháp luật về ĐTNN tại Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 28

của việc hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, cũng như hệ thống pháp luật liên quan đến doanh nghiệp có vốn ĐTNN là, thay dần quy trình xây dựng pháp luật theo kiểu từ trên xuống bằng quy trình từ dưới lên, các sáng kiến pháp luật, nội dung các quy phạm pháp luật phải bắt nguồn từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN và thực sự phục vụ loại doanh nghiệp này.

4. Xu hướng QLNN hiện đại đòi hỏi các bộ luật phải được xây dựng theo hướng chi tiết, cụ thể hóa, có thể điều chỉnh được các hành vi của xã hội. Mọi lĩnh vực hoạt động đều phải dựa theo luật, tránh tình trạng luật quy định chung chung, kéo theo phải có rất nhiều văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Trong QLNN đối với khu vực kinh tế có vốn ĐTNN cũng vậy. Nếu các điều trong các bộ luật vẫn cứ tồn tại theo kiểu chung chung, thậm chí mâu thuẫn với các văn bản dưới luật không những gây khó khăn cho các cơ quan quản lý của nhà nước mà còn làm ảnh hưởng cả đến hoạt động của khu vực kinh tế này. Bởi vì, họ không biết nên thực hiện theo quy định của luật nào, văn bản nào, từ đó dẫn đến ách tắc trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ; làm mất thời gian, chi phí và cơ hội của họ để tạo điều kiện cho các hiện tượng tiêu cực phát triển. Với mục tiêu như vậy, chúng ta cần phải nhanh chóng xây dựng bộ máy làm luật một cách chuyên nghiệp.

Để tránh tình trạng hệ thống các văn bản dưới luật lại có giá trị pháp lý cao hơn luật, dẫn đến tình trạng "trên thoáng, dưới không thông" cản trở chủ trương phát triển kinh tế có vốn ĐTNN, chúng ta phải sử dụng những nội dung chủ yếu mà hiện nay được quy định tại các Nghị định của Chính phủ, thậm chí tại Thông tư hướng dẫn của các Bộ về ĐTNN làm căn cứ điều chỉnh Luật ĐTNN. Có như vậy, hiệu lực pháp luật sẽ được nhận thức và áp dụng đúng đắn không mâu thuẫn

với các văn bản dưới luật; và việc thi hành luật theo đó được bảo đảm đúng thời hạn, không phụ thuộc vào công việc của cơ quan hành pháp.

5. Trong tình hình hiện nay, vẫn còn nhiều vướng mắc, nhất là những vướng mắc lớn về sản xuất - kinh doanh có liên quan đến các bộ, ngành chức năng làm cho các doanh nghiệp có vốn ĐTNN đang khó khăn. Các cơ quan QLNN, đặc biệt là ở cấp địa phương cần gấp rút nghiên cứu, giải quyết nhanh chóng áp dụng các giải pháp hợp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp này trong từng trường hợp cụ thể, như : xử lý các vướng mắc về thị trường, về vốn vay, về nợ thuế; điều chỉnh giảm mức tiền thuê đất, những rủi ro bất khả kháng trong kinh doanh ; giải quyết nhanh cho doanh nghiệp thuê thêm đất để mở rộng SX-KD ; thực hiện điều chỉnh giấy phép đầu tư, lĩnh vực hoạt động cho doanh nghiệp.

6. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, cho phép thành lập công ty quản lý vốn, thành lập mô hình kinh tế mở. Cần có chính sách và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh liên doanh với nước ngoài ; đẩy nhanh việc thí điểm cổ phần hóa doanh nghiệp có vốn ĐTNN, tổng kết kinh nghiệm, tiến tới thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp có vốn ĐTNN để có thể huy động nhiều nguồn vốn, với mọi quy mô vốn phục vụ sự phát triển nền kinh tế ; thực hiện nhất quán chính sách một giá đối với khu vực kinh tế có vốn ĐTNN.

7. Tăng cường hơn nữa và nâng cao hiệu quả các cuộc tiếp xúc đối thoại giữa các doanh nghiệp có vốn ĐTNN với các cơ quan có liên quan ; lắng nghe ý kiến của họ và để họ hiểu rõ mục đích của Đảng và Nhà nước ta trong việc phát triển kinh tế có vốn ĐTNN... Làm được như vậy sẽ tạo ra cơ hội tốt cho các bên hiểu và cùng nhau khắc phục khó khăn để đạt được hiệu quả cao... □

1 - Đường lên Tây Bắc

Sáng thu ấy, xe chúng tôi đang phải cố vượt qua đoạn đèo dốc quanh co trên đường lên Tây Bắc xa xôi, biết tôi là người say mê thơ ca, anh bạn thân của tôi ngồi bên, quê ở tỉnh Bình Định kể cho tôi nghe một kỷ niệm sâu sắc của anh để chúng tôi quên đi nỗi mệt nhọc của chuyến đi. Chả là hồi ấy vào khoảng năm 1960, 1961 giữa lòng thành phố Quy Nhơn bị kẻ thù dày xéo, anh và các bạn cùng trang lứa đang sôi nổi hoạt động trong phong trào thanh niên học sinh đòi hòa bình, tự do, thống nhất đất nước thì nhận được bài thơ "Ba mươi năm đời ta có Đảng" của Tố Hữu từ miền Bắc thân yêu gửi vào. Bài thơ được chép tay chuyển cho nhiều người xem đến mức không ít bạn trẻ thuộc lòng toàn bài.

Kể tới đây, anh bạn tôi liền ngâm cho tôi nghe một đoạn thơ khá dài trong bài trường ca trên. Rồi anh nhận xét: "Những bài thơ có lửa như vậy quý giá vô cùng. Nó tiếp thêm sức mạnh cho tuổi trẻ học đường chúng tôi lao vào cuộc đấu tranh quyết liệt sống mái với quân thù ...".

Câu chuyện của anh khiến tôi nhớ đến lời tâm sự sau đây của nhà thơ Hữu Thỉnh, Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam trong dịp anh ra mắt, tiếp xúc với cử tri tỉnh Bến Tre (6-1997): "Bà con quê hương Đồng Khởi rất trung thành, một lòng, một dạ chỉ cốt với cách mạng. Song, đời sống của bà

con còn thấp quá. Biết tôi là người làm thơ, lại ở tận trung ương về ứng cử đại biểu Quốc hội tỉnh nhà, có bác lão nông đặt tay lên vai tôi và nói: "Liệu thơ văn của các ông có giúp ích được gì cho nông dân chúng tôi không?". Tôi cứ ngẫm nghĩ mãi về câu nói mộc mạc này. Phải chăng

đó là yêu cầu bức xúc của quần chúng đối với văn học cũng như trách nhiệm của người cầm bút phải đi sâu, đi sát phục vụ đắc lực cuộc sống ...".

Nhà thơ Hữu Thỉnh chăm chú lắng nghe ý kiến của bà con và chân tình giải bày với mọi người về những ý nghĩ đầy tinh thần trách nhiệm của mình đối với công việc văn học nặng nề mà anh đang gánh

vác. Bà con cô bác thương quý nhà thơ đã tin nhiệm bầu anh làm đại biểu Quốc hội khóa X của tỉnh.

Tâm đắc với Hữu Thỉnh, tôi nghĩ đến sứ mệnh cao quý của nền văn học nước ta nói chung, của thơ ca nói riêng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Thơ phải thực sự trở thành một hình thái nghệ thuật có sức hấp dẫn mạnh mẽ, góp phần làm phong phú tâm hồn con người và tô đẹp cho cuộc sống, chứ không thể là thứ phù phiếm nhạt nhẽo.

Chúng ta cần nhìn thẳng, đánh giá đúng thực trạng thơ hôm nay để từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần làm cho

Về tình hình THƠ hiện nay

NGUYỄN HUY THÔNG *

* Phó Vụ Trưởng Tổng hợp, Văn phòng Quốc hội

nền thơ ca của cả nước phát triển, đáp ứng yêu cầu của công chúng và của sự nghiệp cách mạng. Với khả năng có hạn, tôi xin nêu một vài nhận xét về vấn đề này.

2 - Có phải thơ ta đang "lạm phát" ?

Có thể nói trong hơn 15 năm đổi mới, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã và đang phát triển mạnh mẽ, nhiều lĩnh vực đã thu được kết quả đáng khích lệ. Trong bối cảnh xã hội chung đó, tình hình báo chí, xuất bản ngày càng nhộn nhịp, "bung" ra dữ dội, số ấn phẩm xuất hiện ngày càng nhiều, in đẹp trên giấy tốt. Trước kia, hồi còn bao cấp, số lượng sách ấn hành hằng năm của các nhà xuất bản rất hạn chế. Các nhà thơ nổi tiếng muốn in tập thơ cũng phải xếp hàng 5 - 7 năm mới có thể cho ra mắt bạn đọc một tập thơ. Huống hồ những cây viết trẻ làm sao có thể xuất bản được một tập thơ của mình một cách thuận lợi. Vậy mà nay tình hình ấn loát, trong đó có thơ ca đã khác trước một trời một vực, không còn chật vật, vất vả nữa. Thái độ tôn trọng tự do sáng tác của nghệ sĩ và không khí cởi mở, bớt đi những khắt khe, phiền phức về thủ tục xuất bản đã tạo thuận lợi cho các tác giả, các đơn vị, tập thể, nhất là các cây viết trẻ in được sách của mình. Xin đơn cử mấy con số sau đây để chúng ta thấy được tình hình ấn hành thơ vừa qua ra sao :

- Trong 2 năm (1999 - 2000) có 21/40 nhà xuất bản (NXB) ở trung ương và địa phương in thơ, chiếm 52,5%.

- 12/21 NXB (57,14%) có số lượng tập thơ xuất bản trong năm 2000 cao hơn số lượng năm 1999.

- Tổng số tập thơ in so với tổng số đầu sách được xuất bản trong năm 1999

là 460/5211 cuốn, chiếm 8,83%. Đến năm 2000, con số đó là 623/5509 cuốn, chiếm 11,31%.

- Tổng số tập thơ do 3 NXB ở TP Hồ Chí Minh in trong 2 năm (1999 - 2000) là 157/2 404 cuốn, chiếm 6,53%.

- Năm 1999, trong số 5 NXB ở trung ương có tỷ lệ xuất bản thơ từ 22% trở lên, NXB in nhiều thơ nhất là 77/261 cuốn, chiếm 29,5%.

- Năm 2000, trong số 4 NXB ở trung ương có tỷ lệ xuất bản thơ từ 21,58% trở lên, NXB in nhiều thơ nhất là 68/255 cuốn, chiếm 26,7%.

- Trong các NXB địa phương thì NXB Hải Phòng có tỷ lệ xuất bản thơ cao nhất trong năm 1999 là 17/65 cuốn, chiếm 26,15% ; NXB Nghệ An có tỷ lệ xuất bản thơ cao nhất trong năm 2000 là 16/39 cuốn, chiếm 41%.

Nếu kể cả số lượng thơ được in trên các báo, tạp chí ra hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng (tính đến 1-10-2001 cả nước có 486 tờ báo, tạp chí), thì số lượng thơ được xuất bản quả là rất lớn.

Sự phát triển nhanh về số lượng thơ trên đây có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là không ít cá nhân, cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp, câu lạc bộ đã tự bỏ tiền ra in thơ rồi tìm cách tự tiêu thụ, hoặc để làm quà tặng người nhà và bạn bè thân thiết (số tập thơ thuộc diện sách được nhà nước tài trợ chiếm tỷ lệ rất ít). Điều đáng nói là một số tác giả mải mê chạy theo số lượng, cố gắng ra được tập thơ, trình bày và in thật cầu kỳ, tốn kém, dù rằng người đọc chê là dở cũng chả sao, cốt để khoe khoang cho "oai" là được. Có tác giả một năm ra liền 2 - 3 tập thơ, thậm chí

có người trong mấy năm gần đây in đến hơn 10 tập thơ. Có sinh viên ở TP Hồ Chí Minh trong vòng 2 năm học đại học mà in tới 4 tập thơ ... (theo báo *Thanh niên* số 177, ra ngày 25-7-2001). Tôi giật mình vì những con số này. Sao các tác giả ấy sản xuất thơ như người công nhân làm ra từng "sê-ri" sản phẩm, nhanh và nhiều đến thế, nhiều hơn mức của Lục Du, một nhà thơ nổi tiếng đời Tống, Trung Quốc ư? Chẳng lẽ thơ là thứ "công nghiệp" khó khăn và phức tạp đòi hỏi rất cao ở năng khiếu và sự lao động chuyên cần, sáng tạo như nhà thơ Xô viết vĩ đại Mai-a-cốp-xki (1893 - 1930) đã so sánh công việc làm thơ với công nghệ chế chất ra-đi-um và khẳng định: "*Muốn tìm thấy một lời thơ. Phải lọc ra từ hàng nghìn tấn quặng lời*", bỗng chốc lại trở nên dễ dàng đến thế.

E rằng sự suy nghĩ của mình còn chủ quan, tôi đã đem điều thắc mắc trên đến hỏi một số nhà thơ quen biết đã từng có những bài thơ đặc sắc được bạn đọc hoan nghênh. Các anh ấy đều trả lời tôi: "Ồ hay, làm thơ sao lại dễ dàng như vậy. Chẳng lẽ thơ chỉ là thứ văn xuôi chấm xuống dòng, không cần chất lọc cảm xúc, tâm trạng và nhạc điệu, nhịp điệu ư! Lại còn cả bản sắc của nhà thơ nữa chứ".

Nói thế, chứ tôi biết các anh đã và đang lao động thơ một cách hết sức nhọc nhằn và nghiêm túc để "rút sợi tơ lòng" cống hiến cho bạn đọc, cho xã hội những bài thơ, những tập thơ chững chạc, tâm huyết. Còn tôi, tôi cho rằng đâu có tài năng đến mức nào đi chăng nữa thì đối với lĩnh vực thơ càng không thể có chuyện xô bồ chạy theo số lượng.

"Quý hồ tinh, bất quý hồ đa", các cụ ta xưa đã nói. Trong sáng tạo văn học thì

chất lượng là điều quan trọng nhất, chứ không phải là số lượng nhiều. Cũng giống như người công nhân, chúng ta phải tạo ra những bài thơ "chính phẩm", một món ăn tinh thần quý báu cho độc giả, chứ không thể là thơ dở "thứ phẩm" được. Ra-xun Gam-da-tốp, một nhà thơ Xô viết kiệt xuất đã viết: "Những bài thơ dễ dàng có khi lại rất khó đọc. Những bài thơ viết ra một cách khó nhọc, có khi lại dễ đọc"⁽¹⁾.

Trước tình hình thị trường sách thơ có phần không được chọn lọc kỹ càng, có bạn đọc lo lắng đặt câu hỏi: "Phải chăng thơ ta đang ở trong tình trạng lạm phát về số lượng và kém cỏi về chất lượng?". Nhận xét này không phải là không có cơ sở khi nhìn vào thực trạng thơ. Chúng ta không phủ nhận những bài thơ trau chuốt được công chúng hồ hởi đón nhận, vì nó phản ánh được nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, cũng như đời sống tình cảm của con người, để lại những ấn tượng rung động không thể nào quên trong lòng bạn đọc. Song, công bằng mà nói, mặc dù số lượng thơ xuất bản nhiều và hình thức thể loại phong phú, nhưng nhìn chung nền thơ bây giờ vẫn còn bàng bạc, thiếu những bài thơ đặc sắc ngợi ca Tổ quốc, quê hương và Đảng quang vinh, hoặc viết về công cuộc đổi mới, về tình yêu đôi lứa, tình bạn thủy chung. Mảng thơ đả kích, châm biếm xuất hiện nhiều, nhưng vẫn thiếu những bài thơ phê phán, chỉ trích một cách thâm thúy, sắc sảo vào những tệ nạn, những thói hư tật xấu mà thi hào Xô viết Mai-a-cốp-xki đã làm, nhằm mục đích góp phần xây dựng chế độ mới. Không ít bài thơ được

(1) Xem R. Gam-za-tốp: "*Đa-ghe-xtan của tôi*", Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, 1977, tr 56

giải trong các cuộc thi thơ của các hội văn học - nghệ thuật các thành phố lớn, hay do một số báo tổ chức vẫn không làm cho người yêu thơ ưa thích, vì chất lượng nội dung và nghệ thuật không có gì thật nổi trội, chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác lý luận phê bình vẫn chưa theo sát, chưa chỉ ra được những ưu điểm, khuyết, nhược điểm của các sáng tác thơ, nhất là đối với các cây viết trẻ (*sẽ nói ở phần sau*).

Một số người băn khoăn đặt câu hỏi : "Có phải giờ đây trong cơ chế thị trường đua nhau làm ăn kiếm lời nên người ta thờ ơ, không mặn mà và quay lưng với nòng Thơ chăng ?".

Quả thật là ngày nay, người đọc đang đòi hỏi văn học, nghệ thuật nói chung và thơ ca nói riêng phải đổi mới không ngừng để phản ánh sát thực những nét đẹp của cuộc sống đã và đang diễn ra trên đất nước ta. Thực tế là từ trước tới nay, những áng thơ tuyệt diệu dồi dào chất trữ tình và chất trí tuệ, giàu nhạc điệu luôn luôn có chỗ đứng, "làm tổ trong lòng người" (từ dùng của A-ra-gông (1897 - 1987) nhà thơ lớn của nước Pháp). Ở đất nước có truyền thống lâu đời làm thơ và yêu thơ như Việt Nam ta, công chúng chỉ dừng dừng, thờ ơ với những bài thơ dở về nội dung và non kém về nghệ thuật thể hiện. Tôi đã chứng kiến cảnh các chiến sĩ trẻ ở biên giới xa xôi miệt mài chép vào sổ tay những bài thơ tuyệt tác của nhiều nhà thơ quen biết, trong đó có cả thơ tình. Ở các hiệu sách, một số tuyển tập thơ của các nhà thơ cổ điển, của Bác Hồ, Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Tế Hanh ... đều bán hết. Chính vì vậy tôi nghĩ, nếu nói rằng thời buổi kinh tế thị trường với sự phát triển như vũ bão

của tin học, báo chí, người ta chẳng tha thiết với thơ ca nữa thì thật là không đúng. Điều quan trọng là phải sáng tạo được thật nhiều bài thơ hay, hấp dẫn người đọc, bởi vì, chất lượng là yếu tố quyết định, thơ không hay thì cũng như không có thơ, "chỉ là con số không" như lời cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã căn dặn⁽²⁾. Thật đúng như Chế Lan Viên viết :

Thơ dở không dịch được

*Thơ hay như người đẹp, đi đâu, ở đâu
cũng lấy được chồng.*

(Sổ tay thơ)

3 - "Bảo vệ thơ ta khỏe khoắn, trong lành"

Tôi xin mượn câu thơ trên của Sóng Hồng viết năm 1970 để nói đôi điều về thơ ca nói chung, nhất là thơ của lớp trẻ hiện nay nói riêng.

Mặt mạnh của các cây viết trẻ là họ đã mạnh dạn phản ánh những tâm trạng, nỗi niềm, nhận thức cuộc sống của chính bản thân mình và bạn bè cùng thế hệ trong những năm đất nước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Một số bạn trẻ đã cố gắng mạnh dạn tìm tòi về nội dung đề tài, hình thức nghệ thuật để tạo ra hình tượng thơ thể hiện rõ khát vọng và các phản ứng tâm lý của mình, của thế hệ mình trước những đổi thay của xã hội và đất nước cũng như các diễn biến trong tâm hồn, tính cách của mỗi người. Chất thơ trẻ trung, hồn nhiên, trong sáng về tình cảm, ý nghĩ dễ dàng nhận thấy trong một số bài thơ của lớp trẻ.

Chúng ta khuyến khích, ủng hộ những

(2) Dẫn theo Nguyễn Đăng Mạnh : "Nhà văn, tư tưởng và phong cách", Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội (tái bản), 2001, tr 72

tìm tòi sáng tạo đúng hướng của các tác giả thơ trẻ. Song cũng cần chỉ ra những yếu kém trong sáng tác của họ để hướng dẫn, giúp đỡ anh chị em khắc phục, đi lên. Đọc kỹ nhiều tập thơ của lớp trẻ, tôi cảm thấy trong khi vốn liếng về nhận thức, kiến thức của họ còn quá ít ỏi, còn phải học tập, rèn luyện nhiều thì một số bạn lại lao vào sự tìm tòi khác lạ, lập dị về nội dung và hình thức thể hiện, không thể chấp nhận được. Họ khai thác quá nhiều về cái "tôi" rất ích kỷ, hoặc về tình yêu đơn điệu ... mà ít đề cập các đề tài thiết thực của cuộc sống xung quanh. Có tác giả nhận thức sai lầm cho rằng, thơ bây giờ phải "hiện đại", phải đưa yếu tố tình dục, bộc lộ trần trụi tâm trạng của mình. Về hình thức thơ, họ chê bai các thể loại thơ truyền thống như lục bát, tứ tuyệt ... là lạc hậu, và đòi hỏi phải tạo ra những thể loại thơ khác cho "tân kỳ" ...

Tôi không muốn dẫn ra đây những câu thơ thô tục, biểu lộ một lối sống hưởng thụ, gấp gáp, cần nghiêm khắc phê phán trong 2 tập thơ "*Khát*" và "*Linh*" của Vi Thùy Linh. Ở tập thơ "*Muộn*" của cây viết nữ Đoàn Ngọc Thu, bên cạnh những câu thơ lành mạnh viết về những liệt sĩ cũng như vợ con của họ ở hậu phương, về người mẹ già bạc tóc mây ở quê hương, tác giả cũng bộc lộ một khuynh hướng quần quanh, đi quá sâu về mảng đề tài tình yêu rất cá nhân của mình (tuy rằng không đến nỗi như Vi Thùy Linh). Tập thơ này có kiểu trình bày rất lạ lẫm, kỳ quặc từ tên bài thơ đến cách sắp xếp các kiểu chữ, kích thước của các dòng thơ. Người đọc ngạc nhiên tại sao ngay trong một câu thơ bình thường bỗng dưng các từ ngữ bị cách rời

xa nhau, không đúng nguyên tắc chính tả của tiếng Việt. Rồi còn việc xuống dòng, bậc thang, xếp chữ đậm, chữ thường, chữ in một cách hết sức tùy tiện, lộn xộn, gây cảm giác khó chịu cho người đọc.

Tôi đã đọc 2 tập thơ "*Xa thân*" và "*Từ chết sang trời biếc*" của Nguyễn Bình Phương. Hầu như cả 2 tập thơ này, anh chỉ tập trung vào đề tài yêu đương rắc rối, lằng nhằng, bí hiểm, đánh đố người đọc. Nhiều câu thơ tự do, nhiều từ ngữ dùng cầu thả, lủng củng, chắc phải có người "giải mã" mới hiểu được như :

- *Buổi sáng nhiều nắng*

*Còn sót lại trên vòm cây khuôn mặt tối
cái nhìn hần học*

*... Trong bóng râm công viên màu
ngọc ái*
(Sinh nhật)

- *Nụ hôn sinh ra một lối mòn*

Họ vẫn ru mắt cá chân của họ ...
(Vọng từ giá sách)

Có thể nói đọc các bài thơ trên và xem các minh họa, người đọc cảm thấy bức bối, thật khó chịu với cách tư duy và cách thể hiện của tác giả. Rốt cục chỉ tạo ra "*những câu thơ lạc nẻo*" như chính các từ dùng của tác giả. Ấy vậy mà có nhà thơ đề cao bài thơ "*Vọng từ giá sách*" nói trên "thuộc dòng chảy của thơ hiện đại"⁽³⁾.

Nhược điểm nữa của một số người làm thơ trẻ là quá hiếu kỳ, say sưa đi tìm tứ thơ và cách diễn đạt ngô nghê, không phù hợp với tâm lý, tính cách của người Việt Nam. Đọc thơ của họ mà cứ tưởng đó là thơ

(3) Xem Thanh Thảo : "*Kiến thức gia đình*", báo Nông nghiệp Việt Nam số 205, tháng 11-2001

nước ngoài dịch sang tiếng Việt. Nhiều câu thơ dài lê thê, xuống dòng lung tung, sử dụng các dấu tùy ý, bất chấp không cần nhịp điệu thơ. Có tác giả lộ liễu cả gan "mượn" hần ý thơ, câu thơ của nhà thơ khác rồi đảo lộn chữ nghĩa một cách sống sượng để làm ra câu thơ của mình, song tất nhiên là không thể lọt qua được "con mắt tinh đời" phát hiện của người đọc.

Chúng ta không hề có sự hẹp hòi, chụp mũ, phê phán nặng nề đối với các tác giả trẻ mà chỉ mong muốn giúp các bạn có được những bước tiến chắc chắn, gặt hái được nhiều bông lúa vàng trĩu hạt trên cánh đồng thơ.

Nếu các biên tập viên, các cán bộ quản lý ở các tòa soạn báo, nhà xuất bản, biên tập, thẩm duyệt một cách kỹ lưỡng thì chắc chắn sẽ loại được một số bài thơ, tập thơ nhạt nhẽo, sơ lược về nội dung và quá kém về nghệ thuật. Cần kiên quyết không cho in sách, đăng báo những bài thơ chất lượng tồi như vậy. Nhân đây tôi thấy cần nhấn mạnh trách nhiệm của các anh chị đi trước, dày dặn kinh nghiệm sáng tác và của cả những người làm công tác lý luận, phê bình đối với các bạn làm thơ hiện nay. Khuyến khích, phát huy những ưu điểm là đúng, nhưng cần chân tình, thẳng thắn nêu ra những khiếm khuyết, những tìm tòi lệch lạc trong thơ của họ.

Như trên chúng tôi đã trình bày về những điểm cần phê phán trong nhiều bài thơ của Vi Thùy Linh, vì nó phản thẩm mỹ, có hại cho việc xây dựng một nền thơ tiên tiến. Ấy thế mà có nhà thơ lớn tuổi đã đề cao "nữ thi sĩ trẻ tuổi trên con ngựa chữ nghĩa dậy thì đã "độc mã" phi thẳng vào rừng rậm thi ca", cho rằng thơ của cô "đập cánh quyết liệt vào hiện đại".

"Bảo vệ thơ ta khỏe khoắn, trong lành" đó không chỉ là trách nhiệm của những người sáng tác mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội, nhất là của những nhà lý luận phê bình văn học. Hơn lúc nào hết, các nhà thơ trẻ cần phải thấm nhuần điều đơn giản mà Bác Hồ vẫn thường nhắc nhở : "Viết cho ai ? Viết để làm gì", để từ đó trải nghiệm cuộc đời, lao động thơ ca một cách kiên trì, nhẫn nại và sáng tạo. Phải lẫn lộn "một nắng hai sương", đi sâu đi sát hiện thực cuộc sống mới, bởi vì đó chính là mảnh đất để chúng ta cày bừa và ương mầm thơ ca. Nghệ thuật không thể xa rời, tách khỏi cuộc sống dù chỉ trong giây lát. Chính thực tế cuộc sống sẽ nuôi dưỡng, giúp cho thơ ca phát triển. Chế Lan Viên thật là chí lý khi anh viết :

*Vạt áo của triệu nhà thơ không bọc hết
bạc vàng mà đời rơi vãi.*

*Tất cả mỗi người dù lạ hay quen đều
viết cho thơ anh một chữ.*

*Hãy nhặt những chữ ở đời mà gộp nên
trang".*

(Nghĩ về thơ)

Điều đơn giản này chính là "bửu bối", là phương hướng, góp phần tạo đà cho thơ ta cất cánh, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới. Thời đại mới đang đặt ra biết bao yêu cầu đối với thơ ca. Có nhiều lý do để chúng ta tin tưởng thơ Việt Nam càng khởi sắc muôn màu muôn vẻ hơn nữa trong vườn hoa văn nghệ nước nhà, kế thừa và phát huy những tinh hoa truyền thống của thơ ca Đất Việt trong suốt chiều dài mấy nghìn năm lịch sử, qua hai cuộc trường chinh khói lửa chống quân thù và hiện nay đang vững bước tiến trên con đường lớn của chủ nghĩa xã hội. □



TÍN DỤNG PHỤC VỤ CHƯƠNG TRÌNH XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO SAU 6 NĂM HOẠT ĐỘNG

NGUYỄN VĂN GIÀU *

THỰC hiện công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, những năm qua nền kinh tế nước ta đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, Chính phủ đã tiến hành nhiều giải pháp đồng bộ để hỗ trợ các hộ nghèo, vùng nghèo như : đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ; chương trình định canh, định cư ; chương trình chuyển giao kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm ; chương trình tạo việc làm...

Tuy nhiên, việc hỗ trợ tài chính cho hộ nghèo theo hai phương thức tín dụng : tín dụng nhà nước và tín dụng ngân hàng, có khối lượng còn nhỏ, hiệu quả chưa cao. Tín dụng nhà nước thông qua các chương trình bị hạn chế bởi nguồn vốn qua nhiều kênh khác nhau với nhiều phương thức quản lý có phần chồng chéo và lãi suất khác nhau. Tín dụng ngân hàng thực hiện theo lãi suất thị trường, cho vay vốn theo các điều kiện của tín dụng thương mại nên các hộ nghèo rất khó có thể tiếp cận.

Đầu năm 1995, Quỹ cho vay ưu đãi hộ nghèo được hình thành với tổng số tiền ban đầu là 400 tỉ đồng, từ vốn góp của 3 ngân hàng : Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn (NHNo&PTNT), Ngân hàng Ngoại thương và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN). Quỹ được sử dụng cho hộ nghèo thiếu vốn sản xuất vay không phải thế chấp tài sản, lãi suất thấp hơn lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại. Từ kinh nghiệm hoạt động của Quỹ cho vay ưu đãi hộ nghèo, để hỗ trợ tài chính đối với các hộ nghèo, ngày 31-8-1995, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 525/TTg thành lập Ngân hàng phục vụ người nghèo (NHNg). NHNg được thành lập để thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, không vì mục đích lợi nhuận. NHNg là một tổ chức tín dụng đặc thù về mô hình tổ chức quản lý theo phương thức các cơ quan quản lý nhà nước tham gia ban hành chính sách, còn việc điều hành tác nghiệp thì ủy thác cho NHNo&PTNT ; cơ chế hoạt động tạo khả năng huy động vốn thông qua hoạt động của Ngân hàng có sự bảo trợ từ Chính phủ. Với những đặc thù này, khách hàng vay vốn là hộ nghèo thiếu vốn sản xuất kinh doanh có đề nghị của tổ vay vốn và xác nhận của chính quyền xã, phường ; thực hiện cho vay

* TS, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

với lãi suất ưu đãi hợp lý, cho vay không phải thế chấp tài sản, thủ tục đơn giản.

Sau 6 năm hoạt động, NHNg đã cho vay với tổng doanh số là 12 150 tỉ đồng ; doanh số thu nợ là 6 100 tỉ đồng ; có 6 960 ngàn lượt hộ nghèo vay vốn, số hộ nghèo có dư nợ là 2 750 ngàn, bình quân một hộ nghèo được vay 2,21 triệu đồng. Đến ngày 31-12-2001, tổng nguồn vốn của NHNg là 6 250 tỉ đồng, dư nợ 6 194 tỉ đồng, trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng 22,7% (1 404 tỉ đồng), dư nợ cho vay trung hạn 77,3%. Dư nợ cho vay chủ yếu là các hộ nghèo ở vùng nông thôn, có 88% vốn vay được đầu tư vào lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi ; 2,4% dành cho ngư diêm nghiệp ; 3,2% dành cho ngành nghề thủ công và buôn bán nhỏ ; nghề khác là 6,4%. Dư nợ cho vay hộ nghèo vùng III là 757 tỉ đồng với 365 ngàn hộ vay. Dư nợ cho vay hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135 của Chính phủ là 890 tỉ đồng với 429 ngàn hộ vay. Điển hình là huyện Yên Lập (Phú Thọ) có 12 trong số 17 xã thuộc khu vực III, đến ngày 30-6-2001 có 5 067 hộ (tổng số 6 190 hộ nghèo), đã được NHNg cho vay ; tỷ lệ nợ quá hạn là 0,02% và có 817 hộ thoát ngưỡng nghèo. Dư nợ cho hộ nghèo là người dân tộc thiểu số vay là 1 087 tỉ đồng với 523 ngàn hộ vay... Nhiều xã có số hộ nghèo chủ yếu là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa có dư nợ cao, không có nợ quá hạn, tỷ lệ thu lãi cao. Ví dụ, xã Sùng Là và xã Văn Chải (huyện Đồng Văn) là hai trong nhiều xã của tỉnh Hà Giang có đời sống khó khăn, trình độ dân trí thấp, 100% dân cư là người dân tộc thiểu số, phong tục tập quán lạc hậu nhưng nhờ có vốn vay của NHNg, đời sống của họ đã khá lên. Đến nay, cả hai xã không

còn hộ đói và đã giảm được 60 - 70% hộ nghèo (theo tiêu chí cũ). Vốn NHNg hoạt động khá hiệu quả, không có nợ quá hạn và tỷ lệ thu lãi đạt 95%.

Đến 31-12-2001, vốn NHNg đã góp phần giúp cho 562 ngàn hộ thoát khỏi ngưỡng nghèo đói. Như vậy, cứ 6 hộ vay vốn NHNg đã có một hộ thoát nghèo. Qua báo cáo, số hộ thoát ngưỡng nghèo ở miền núi cao hơn đồng bằng : ở miền núi, cứ 5,6 hộ vay vốn có một hộ thoát nghèo, ở đồng bằng tỷ lệ này là 7,5/1. Cuối tháng 9-2001, có 32 398 hộ ở các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc đã thoát ngưỡng nghèo theo chuẩn mực của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Điển hình là Phú Thọ : 17 200 hộ, Tuyên Quang : 6 168 hộ, Lào Cai : 5 860 hộ. Số hộ là người dân tộc thiểu số thoát nghèo cũng đạt kết quả khá, tiêu biểu như dân tộc Thái : 12 119 hộ, dân tộc Tày : 10 837 hộ, dân tộc Mường : 10 567 hộ, dân tộc Nùng : 5 665 hộ, dân tộc Mông : 5 342 hộ... Một số địa phương có số hộ thoát nghèo lớn, như Bắc Giang : 52 700 hộ, Thanh Hóa : 50 000 hộ, Đồng Nai : 44 588 hộ, Nghệ An : 41 180 hộ...

Về chất lượng tín dụng, tỷ trọng nợ quá hạn (nếu không tính nợ khoanh và nợ chờ xử lý do các nguyên nhân khách quan) trong tổng dư nợ lần lượt từ năm 1996 đến 2001 là : 0,71% ; 1,82% ; 1,44% ; 1,49% ; 1,7% và 1,73%. Nếu tính cả nợ thiệt hại đã được Chính phủ xử lý cho khoanh, giãn nợ thì kết quả nợ quá hạn lần lượt qua các năm trên như sau : 0,71% ; 1,82% ; 4,8% ; 4,7% ; 6,4% và 6,6%.

Các chính sách tín dụng hộ nghèo đã được nghiên cứu và thay đổi phù hợp với sự phát triển chung trong từng thời kỳ như :

- Cơ chế lãi suất trong 6 năm, đã thay đổi 4 lần, theo hướng hạ lãi suất cho vay đối với hộ nghèo là từ 1,2%/tháng, rồi 1%/tháng, xuống 0,8%/tháng và 0,7%/tháng ; đối với hộ nghèo vùng III được vay lãi suất 0,6%/tháng ; từ ngày 1-6-2001, áp dụng lãi suất 0,5%/tháng, vùng III là 0,45%/tháng và đều thấp hơn lãi suất cho vay hiện hành của các ngân hàng thương mại và Quỹ tín dụng nhân dân.

- Khi mới thành lập, mức cho vay tối đa không quá 2,5 triệu đồng/hộ, nay điều chỉnh nâng lên 3 triệu đồng/hộ. Đối với những hộ nghèo đầu tư cho chăn nuôi đại gia súc, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, mua sắm công cụ, nuôi trồng đánh bắt hải sản, kinh doanh ngành nghề được vay vốn tối đa đến 5 triệu đồng/hộ, phù hợp với tăng trưởng nguồn vốn và quy mô sử dụng vốn đối với hộ nghèo.

- Thời hạn cho vay trung hạn tối đa ban đầu là 36 tháng, nay là 60 tháng. Ngoài ra, còn áp dụng các hình thức cho vay lưu vụ, gia hạn nợ, cho vay lại cho đến khi hộ nghèo thoát ngưỡng nghèo, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo sử dụng có hiệu quả vốn tín dụng.

- Về điều kiện và thủ tục vay vốn, hộ nghèo vay vốn không phải thế chấp tài sản. Khi vay vốn, thủ tục được thực hiện đơn giản và sát thực. Ngoài lãi suất cho vay, hộ nghèo không phải trả một khoản phí nào cho Ngân hàng hoặc các tổ chức chính trị - xã hội khác.

- NHNg áp dụng phương thức cho vay không phải thế chấp tài sản trên cơ sở thiết lập các tổ vay vốn. Tổ vay vốn được hình thành gồm những hộ nghèo có cùng hoàn cảnh, sống gần nhau trong thôn xóm, có từ

3 - 50 thành viên, tự nguyện, hợp tác, có quy ước cộng đồng trách nhiệm về vay vốn, trả nợ ngân hàng và được Ủy ban nhân dân xã công nhận hoạt động. Trong thành tích đóng góp hiệu quả vào hoạt động tín dụng hộ nghèo phải kể đến công sức và tinh thần trách nhiệm của hàng trăm ngàn tổ trưởng tổ vay vốn, có những tổ trưởng là người dân tộc thiểu số hoạt động tích cực trong công tác cho vay hộ nghèo. Tỷ lệ thu lãi cao (trên 90%), nợ quá hạn thấp, có tổ không có nợ quá hạn. Mô hình tổ vay vốn có vị trí quan trọng, được xem như cánh tay dài của NHNg trong việc chuyển tải vốn trực tiếp tới hộ nghèo.

Để tạo điều kiện thực hiện tốt việc cho hộ nghèo vay vốn với lãi suất ưu đãi, Chính phủ có cơ chế hỗ trợ NHNg : miễn thuế vốn và các khoản đóng góp khác cho ngân sách nhà nước ; miễn tỷ lệ ký quỹ bắt buộc tại NHNN ; ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất để huy động vốn trên thị trường thông qua các ngân hàng thương mại để tạo nguồn vốn cho vay ; vay NHNN thời hạn 5 năm, lãi suất thấp theo quy định riêng ; những rủi ro bất khả kháng cả trên diện rộng, diện đơn lẻ cục bộ đều được Chính phủ xem xét cho giãn, khoan và xóa nợ đối với hộ nghèo.

Kết quả hoạt động của NHNg đã cho thấy, tính hiệu quả của tín dụng cho hộ nghèo trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo ; khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Lần đầu tiên nước ta đã thiết lập kênh tín dụng ngân hàng riêng để hỗ trợ tài chính cho hộ nghèo, thực hiện chính sách tín dụng hợp lý, tạo điều kiện cho hộ nghèo có vốn sản xuất, tạo công ăn việc làm, tăng

thu nhập, từng bước làm quen với nền sản xuất hàng hóa ; góp phần đưa tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 22,8% (năm 1995) xuống còn 11% (vào cuối năm 2000). Đặc biệt, hoạt động của NHNg còn giúp cho hộ nghèo thay đổi cách tư duy, tập dượt và làm quen với việc sử dụng vốn tín dụng, vay vốn trả nợ khá sòng phẳng, nợ quá hạn thấp dưới 2%. Đời sống của hàng vạn hộ nghèo được hỗ trợ vốn để sản xuất, kinh doanh thực sự đã được cải thiện. Hoạt động hiệu quả của NHNg đã khẳng định vai trò và sự cần thiết có một ngân hàng riêng hỗ trợ tài chính cho hộ nghèo. Quyết định 525/TTg ngày 31-8-1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập NHNg là một trong nhiều giải pháp cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, một giải pháp hợp lòng dân, thể hiện chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Vốn tín dụng của NHNg đã góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, tạo sự ổn định xã hội, làm tiền đề thuận lợi để phát triển đất nước.

Bên cạnh những mặt được, thực tiễn hoạt động của NHNg cũng bộc lộ những hạn chế sau :

Một là, NHNg là một tổ chức tín dụng của Nhà nước, có tư cách pháp nhân nhưng trong giai đoạn hiện nay mới chỉ hoạt động như một quỹ ưu đãi. Việc điều hành tác nghiệp giao cho NHNo&PTNT, cho nên tổ chức quản lý và tổ chức điều hành đều theo hình thức kiêm nhiệm, có nơi phân định trách nhiệm không rõ ràng, cán bộ ngân hàng cơ sở thiên về kinh doanh, chưa quan tâm đúng mức đến tín dụng hộ nghèo.

Hai là, theo báo cáo của các địa phương, đến nay cả nước còn 145 xã, phường chưa có

quan hệ vay vốn với NHNg, trong đó trên 50 xã thuộc vùng sâu, vùng xa (riêng Lai Châu có 20 xã) có các hộ nghèo chưa được vay vốn. Nguyên nhân chủ yếu là do các xã thuộc vùng xa, dân trí thấp, hạ tầng cơ sở yếu kém ; có nơi chưa có đường giao thông đến xã, nhiều hộ nghèo chưa có điều kiện sử dụng vốn tín dụng. Mặt khác, khối lượng tín dụng cho hộ nghèo ngày càng tăng, món cho vay nhỏ, lại ở vùng sâu, vùng xa nên xảy ra tình trạng quá tải, vượt quá khả năng quản lý của cán bộ tín dụng. Đồng thời, chưa có chính sách tài chính thỏa đáng đối với cán bộ tín dụng cho vay hộ nghèo ở các vùng sâu, vùng xa, điều kiện và phương tiện làm việc rất khó khăn, hạn chế đến việc cung cấp dịch vụ tín dụng cho hộ nghèo ở các vùng này.

Ba là, hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị ở một số nơi thiếu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát ; sự phối hợp với các ngành, đoàn thể chưa thường xuyên, còn nhiều bất cập nhất là trong việc tuyên truyền các chính sách tín dụng hộ nghèo, hướng dẫn cách làm ăn, chỉ dẫn thị trường... để phát sinh các tiêu cực trong việc sử dụng vốn vay là nguyên nhân ảnh hưởng chất lượng tín dụng.

Bốn là, hoạt động của NHNg còn hạn chế về tạo lập nguồn vốn. Do vốn của NHNg là vốn tín dụng theo chính sách có ưu đãi nên nguồn vốn tăng trưởng phụ thuộc sự hỗ trợ của Nhà nước, khó có thể tiếp tục phát triển quy mô đầu tư, nếu không được cải thiện về cơ chế tạo lập nguồn vốn.

Năm là, hoạt động tín dụng đối với hộ nghèo là hoạt động có tính rủi ro cao. Ngoài những nguyên nhân khách quan như thiên tai, bão lụt, dịch bệnh cây trồng, con vật

nuôi... thường xảy ra trên diện rộng, thiệt hại lớn, còn có những nguyên nhân khác như hộ nghèo thiếu kiến thức làm ăn, sản phẩm làm ra không tiêu thụ được, sức cạnh tranh kém... ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả đầu tư. Mặc dù, tỷ lệ nợ quá hạn còn thấp so với tổng dư nợ, song tiềm ẩn nợ quá hạn phát sinh ngày càng tăng, nhất là tác động của thiên tai, mất mùa, tiêu thụ sản phẩm khó khăn, lỗ trong sản xuất cùng với chính sách cho vay đến 100% nhu cầu vốn và áp dụng lãi suất thấp, bao cấp sẽ dẫn đến tính bền vững không cao.

Sáu là, cơ sở hạ tầng yếu kém, trình độ dân trí hạn chế, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa là những cản trở cho việc thực hiện chính sách tín dụng cho hộ nghèo. Vốn tín dụng cho hộ nghèo chưa đồng bộ với các giải pháp khuyến nông, khuyến lâm, cung cấp vật tư kỹ thuật cho sản xuất và tổ chức thị trường. Việc xây dựng chính sách tín dụng cho vay vốn trực tiếp tới hộ nghèo, áp dụng chung cho tất cả các vùng trong cả nước cũng chưa phù hợp với một số nơi có tập quán canh tác khác nhau.

Để hoạt động của NHNg có hiệu quả hơn, đóng góp tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và góp phần thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp sau :

1. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh các chính sách phù hợp với điều kiện thực tế cả về thủ tục, mức cho vay và thời hạn cho vay. Cải tiến để bỏ khâu xét duyệt Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp huyện mà chỉ thông qua xét duyệt của Ban xóa đói giảm nghèo cấp xã. Trên cơ sở đó, Ngân hàng xem xét và

quyết định cho vay ; nâng mức cho vay tối đa từ 3 triệu đồng/hộ lên 5 triệu đồng/hộ, trường hợp các đối tượng hộ nghèo vay để chăn nuôi đại gia súc, cây lâu năm thì xem xét cho vay đến mức tối đa 7 triệu đồng/hộ, thời hạn cho vay gắn với chu kỳ sinh trưởng của các loại cây, con.

2. củng cố Ban đại diện Hội đồng Quản trị các cấp theo hướng gọn nhẹ và hoạt động hiệu quả, thiết thực bao gồm đại diện ủy ban nhân dân, các đoàn thể chính trị - xã hội, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng... củng cố Hội đồng Quản trị NHNg, ban hành, quy định chức năng, nhiệm vụ và phân cấp trách nhiệm, quyền hạn cụ thể, rõ ràng cho từng cấp, từng thành viên.

3. Bổ sung và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ NHNg làm chuyên trách, bảo đảm vừa am hiểu nghiệp vụ ngân hàng vừa am hiểu lĩnh vực kỹ thuật một số ngành nghề nông thôn và có tinh thần trách nhiệm cao gắn bó mật thiết với nông thôn. củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ nhóm vay vốn nhằm nâng cao vai trò và năng lực quản lý để trở thành cầu nối có hiệu quả giữa Ngân hàng và hộ nghèo. Tăng cường đội ngũ cán bộ làm cộng tác viên cấp xã, bảo đảm hoạt động thường xuyên, đạt mục tiêu tiếp cận đến 100% hộ nghèo đủ điều kiện vay vốn.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát với nhiều hình thức : kiểm tra tại chỗ, kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chéo, kiểm tra của Ban đại diện Hội đồng Quản trị, hạn chế thấp nhất và tiến tới không để xảy ra cho vay sai đối tượng, tham ô...

(Xem tiếp trang 54)

Góp phần khẳng định vai trò của tín dụng ngân hàng TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở NƯỚC TA

ĐỖ XUÂN TRƯỜNG*

Để có được những đánh giá, bước đầu về việc thực hiện Nghị quyết 03/NQ/CP, ngày 2-2-2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại, và nhất là Quyết định 423/2000/NHNN, ngày 22-9-2000, của Ngân hàng Nhà nước về chính sách tín dụng ngân hàng đối với kinh tế trang trại, vừa qua Ngân hàng nhà nước đã có cuộc khảo sát năm tình hình vay vốn của kinh tế trang trại (TT) tại 12 tỉnh Khánh Hòa, Ninh Bình, Ninh Thuận, Kon Tum, Phú Yên, Thừa Thiên - Huế, Lào Cai, Tuyên Quang, Phú Thọ, Nghệ An, Thái Bình, Bình Phước. Kết quả cho thấy quá trình đầu tư vốn đã được triển khai, thể hiện trên mấy nội dung như sau :

Lượng vốn tín dụng ngân hàng cho các trang trại vay tăng lên đáng kể.

(đơn vị : triệu đồng)

	Năm 2000	Năm 2001	đến tháng 5-2002
- Cho vay	86 193	104 303	52 090
- Thu nợ	23 515	70 958	28 445
- Dư nợ	144 030	177 195	200 940

Nguồn : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tính đến tháng 5-2002, mức dư nợ tăng 113,4% so với đầu năm (tăng 23 tỉ 733 triệu đồng) ; tăng 139,5% so với năm 2000

(tăng 56 tỉ 910 triệu đồng). Bình quân dư nợ cho vay một trang trại là 30 triệu 928 ngàn đồng. Nhiều tỉnh có số dư nợ cho vay cao như Ninh Thuận, Bình Phước, Thừa Thiên - Huế... Ở Ninh Thuận có 91 TT được vay, với mức dư nợ 11 tỉ 272 triệu đồng, dư nợ bình quân một trang trại là 123 triệu 868 ngàn đồng ; Bình Phước có 3 111 TT được vay, dư nợ 162 tỉ 538 triệu đồng, dư nợ bình quân 52 triệu 249 ngàn đồng. Một số tỉnh mức độ đầu tư tín dụng cho trang trại còn thấp, như Phú Yên có 910 TT, dư nợ cho vay là 2 tỉ 930 triệu, dư nợ bình quân là 3 triệu 219 ngàn ; Tuyên Quang có 107 TT, dư nợ bình quân là 5 triệu 121 ngàn đồng.

Các địa phương đều cho rằng, vốn đầu tư được bổ sung từ các nguồn vay tín dụng ngân hàng đã giúp các trang trại mở thêm diện tích, khai thác tiềm năng kinh tế, tự nhiên của mỗi vùng, tập trung vào những lĩnh vực sản xuất có hiệu quả. Đến cuối tháng 5 năm 2002, số trang trại trồng trọt chiếm 75,8%, trang trại chăn nuôi 2,75%, trang trại nuôi trồng thủy sản 14,15%, trang trại sản xuất kinh doanh tổng hợp 7,3%.

* Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nhờ vốn ngân hàng, các trang trại trong những năm gần đây đã đẩy mạnh sản xuất, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa khá lớn cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, tạo việc làm cho hàng ngàn lao động, góp phần đưa nền nông nghiệp nước ta lên sản xuất hàng hóa. Nhiều trang trại đã chủ động chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp, lựa chọn bố trí các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao theo hướng thâm canh, luân canh, tăng vụ, tăng năng suất để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

Nhờ có nguồn vốn ngân hàng cho vay, các trang trại có điều kiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất sang những lĩnh vực mà thị trường đang có nhu cầu lớn. Điển hình như, ở Ninh Thuận có 647 TT chăn nuôi gia súc với quy mô từ 30 đến 50 con bò hoặc dê, cá biệt có TT nuôi đến 1450 con; trong đó có 89 TT chăn nuôi bò với số vốn kinh doanh từ 80 đến 100 triệu đồng, 83 TT nuôi tôm trên diện tích hơn 600 ha, có 3 hộ nuôi tôm trên diện tích từ 5 đến 11 ha. Nhờ đó, sản lượng tôm của tỉnh Ninh Thuận đạt tới 3 600 tấn/năm và Ninh Thuận đã trở thành điển hình của cả nước về sản xuất tôm giống. Điều đáng quan tâm là, các ngân hàng đã tiếp cận với quy hoạch phát triển kinh tế chung của các địa phương để xác định ngành, lĩnh vực mũi nhọn cần phải đầu tư. Ví dụ, ở Phú Yên, quy hoạch chung của tỉnh đã xác định trọng điểm sản xuất là cây mía, con tôm hùm, trang trại chăn nuôi, nên đây cũng là đối tượng chính để ngân hàng đầu tư vốn vay tín dụng.

Hiện nay, thị trường đầu ra đang chi phối mạnh mẽ việc lựa chọn phương hướng sản xuất của các trang trại cũng như quyết định cho vay của ngân hàng. Phần lớn các trang trại thường tập trung phát triển sản xuất, kinh doanh tổng hợp, kết hợp giữa trồng trọt với chăn nuôi. Thực tiễn cho thấy, sản xuất theo mô hình tổng hợp được các trang trại loại vừa

và nhỏ áp dụng một cách rộng rãi, bởi nó thích hợp với việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Các loại sản phẩm đa dạng, phong phú, có khối lượng vừa phải được tiêu thụ dễ hơn ở tại chỗ và các vùng lân cận.

Thực tiễn đầu tư tín dụng ngân hàng cho phát triển kinh tế trang trại ở nước ta thời gian vừa qua cho thấy vẫn còn một số tồn tại bức xúc, cần có biện pháp giải quyết kịp thời.

Thứ nhất, về thủ tục cho vay. Theo chế độ quy định, các trang trại muốn vay vốn của ngân hàng phải được sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, cục thống kê tỉnh khảo sát, xác định đủ các tiêu chí cần thiết thì mới được vay. Thế nhưng, việc điều tra, khảo sát ở nhiều nơi còn chậm, nơi đã hoàn thành cũng chưa có sự xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, nhiều trang trại chưa được xác nhận chính thức nên chưa được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước về phát triển loại hình kinh tế trang trại. Chẳng hạn như ở Khánh Hòa, Ninh Bình... ngân hàng chỉ có thể áp dụng chế độ cho các trang trại vay như cho hộ nông dân bình thường.

Thứ hai, về nguồn vốn vay. Hiện nay, nhu cầu vốn của các trang trại rất lớn, nhất là nguồn vốn trung, dài hạn để đầu tư ban đầu và đầu tư phát triển theo chu kỳ sản xuất cây, con. Nhưng khả năng cho vay của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn còn hạn chế bởi nguồn vốn huy động chủ yếu là vốn ngắn hạn nên không thể cho vay trung, dài hạn. Trong nhiều trường hợp, nguồn cung về vốn của các ngân hàng chưa thật sự phù hợp với cầu về vốn của các trang trại. Vì vậy, các trang trại gặp rất nhiều khó khăn trong đầu tư trung và dài hạn. Bởi vậy, ngoài việc đi vay của các ngân hàng, các chủ trang trại còn phải đi vay của kho bạc, các tổ chức tín dụng khác. Ví dụ, ở Bình Định đến tháng 5

năm 2002 có 604 trang trại, trong tổng số vốn 72,2 tỉ đồng, thì vốn tự có của các trang trại chiếm 75,2%, vốn vay của bà con chiếm 3,5%, vốn đầu tư của các dự án chiếm 2,5%, vốn vay của ngân hàng chiếm 18,8%. Như thế tỷ lệ vốn vay của ngân hàng vẫn còn rất thấp.

Thứ ba, về điều kiện phát triển. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương là điều kiện để các trang trại ổn định sản xuất; giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất là điều kiện để vay vốn. Nhưng ở nhiều địa phương, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chưa đầy đủ và đồng bộ, chưa có quy hoạch cụ thể từng vùng, tiểu vùng sản xuất cho kinh tế trang trại. Nhiều trang trại được hình thành một cách tự phát, tự lo vốn, tự tìm kiếm đất đai, nên việc mở rộng đầu tư, tập trung sản xuất với quy mô lớn còn bị hạn chế. Đến nay, hầu hết các trang trại chưa được cấp loại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có nơi các hộ trang trại cũng chỉ được cấp đất trong hạn điền do Nhà nước quy định. Đó chính là khó khăn cơ bản nhất làm cho chủ trang trại chưa dám mạnh dạn đầu tư. Như ở Tuyên Quang, trong số 107 trang trại có 1 199,48 héc-ta đất sử dụng, thì có đến 1 016,58 héc-ta (chiếm 84,8%) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thứ tư, về hiệu quả kinh tế của chính các trang trại. Hiệu quả kinh tế của các trang trại phụ thuộc rất lớn vào hai yếu tố: điều kiện tự nhiên - thời tiết, và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Về tiêu thụ sản phẩm, có thực tế là ban đầu nhiều sản phẩm của trang trại được tiêu thụ rất tốt, nhưng sau một thời gian do cung của sản phẩm đó tăng lên, dẫn đến sản phẩm bị ứ đọng hoặc bị tư thương ép cấp, giá. Các chủ trang trại bị thua lỗ nặng nề, không có khả năng hoàn trả tiền vay cho ngân hàng. Mặt khác giá cả nông sản liên tục giảm,

lãi suất cho vay như hiện nay vẫn còn cao, làm cho các trang trại khó mở rộng nguồn tín dụng và không khuyến khích mở mang quy mô sản xuất phát triển. Đây cũng là nguyên nhân vì sao các trang trại chỉ có thể chấp nhận được mức lãi suất của vốn vay ưu đãi. Những hạn chế trong việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, việc chậm đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo nhu cầu của thị trường, yếu kém trong công tác chế biến, bảo quản sau thu hoạch, thiếu chính sách hỗ trợ cần thiết của Nhà nước về giống cây, con, nhất là hỗ trợ bao tiêu sản phẩm... cũng đang làm cho hiệu quả kinh tế trang trại chưa được như mong muốn. Hiệu quả thấp, khả năng hoàn trả vốn cho ngân hàng kém làm ảnh hưởng đến cơ hội vay vốn của các trang trại.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ: "Chú trọng phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước. Phát triển mạnh hình thức tổ chức kinh tế cổ phần nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội. Nhân rộng mô hình hợp tác, liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế hộ nông thôn. Phát triển các loại hình trang trại với quy mô phù hợp trên từng địa bàn"⁽¹⁾. Trên tinh thần đó và xuất phát từ thực tiễn đầu tư vốn cho mô hình kinh tế trang trại, chúng tôi xin có một vài kiến nghị:

1. Ở mỗi địa phương, các ngành chức năng cần có sự phối hợp đồng bộ để khảo sát, điều tra và sớm công nhận các chủ hộ có đủ điều kiện theo quy định là trang trại để họ được hưởng những chính sách ưu đãi của Nhà nước.

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, tr 99.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh cần chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ trang trại. Đồng thời, cần có giải pháp cụ thể, rõ ràng về chính sách đất đai để các chủ trang trại mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất và ngân hàng có đủ cơ sở để cho vay. Nhà nước và địa phương cần có chính sách khuyến khích những người có vốn, có kinh nghiệm về quản lý sản xuất, chủ động đầu tư mới, đầu tư bổ sung, mở rộng liên kết để khai thác mọi tiềm năng kinh tế tự nhiên, đất đai của mỗi vùng nhằm xây dựng các trang trại thành những điển hình về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa lớn.

3. Các địa phương cần hoàn chỉnh quy hoạch từng vùng, tiểu vùng cụ thể cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung cũng như cho kinh tế trang trại nói riêng. Đồng thời, ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng : đường giao thông ; mạng lưới điện phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt ; các công trình thủy lợi tưới và tiêu nước ; các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy, hải sản trên cơ sở cân đối với vùng nguyên liệu ... nhằm tạo điều kiện và khuyến khích chủ trang trại mạnh dạn bỏ vốn đầu tư. Trên cơ sở đó, từng bước tạo thành vùng sản xuất tập trung có khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn cung cấp cho thị trường .

4. Ngành ngân hàng cần tập trung huy động vốn trung, dài hạn, nâng tỷ trọng vốn cho vay trung, dài hạn đối với kinh tế trang trại trong tổng dư nợ cho vay, nhằm tạo điều kiện cho các chủ trang trại xây dựng được kế hoạch đầu tư lâu dài, mua sắm các tư liệu sản xuất cần thiết, thuê mướn lao động, ký hợp đồng với các đối tác trong việc cung cấp dịch vụ cho cây trồng, vật nuôi... Thực hiện cho vay theo lãi suất thỏa thuận, nới lỏng các điều kiện tín dụng để các trang trại dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn ngân hàng. Đồng thời, cần tranh thủ nguồn vốn của nước

ngoài, ưu tiên đầu tư cho các dự án có quy mô lớn.

5. Ngân hàng cần vận dụng cơ chế đảm bảo tiền vay linh hoạt để mở rộng cho vay, nhất là đối với trang trại nuôi trồng hải sản, đặc sản. Đồng thời, mở rộng đầu tư đối với những hộ sản xuất kinh doanh tự vươn lên đạt tiêu chuẩn trang trại. Trước mắt, cần điều chỉnh nâng mức cho trang trại vay không cần tài sản thế chấp từ mức 20 triệu đồng lên 40 triệu đồng. Song song với việc mở rộng quan hệ tín dụng cho vay của các dự án mới, cần rà soát lại số dư nợ cho vay cũ nhằm điều chỉnh lại kỳ hạn nợ. Nếu trước đây thời hạn cho vay ngắn mà sản phẩm của các loại cây trồng, vật nuôi chưa đến kỳ thu hoạch, trang trại chưa có nguồn hoàn trả nợ vay thì cần lập biên bản để dẫn nợ giúp các chủ trang trại chủ động về nguồn tài chính và không gây ảnh hưởng đến những chu kỳ sản xuất tiếp theo .

6. Nhà nước cần có chính sách trợ giá đối với một số loại nông sản chủ yếu, sản xuất theo định hướng của Nhà nước. Tích cực tìm kiếm thị trường xuất khẩu, kết hợp với việc hiện đại hóa công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến để sản phẩm có chất lượng phù hợp với yêu cầu thị trường trong nước và thế giới. Chính phủ cũng cần có nguồn vốn ưu đãi đầu tư cho mô hình kinh tế trang trại, không để cho các dự án phải chờ vốn. Cần hỗ trợ cho các trang trại ở Tây Nguyên, vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa.

7. Củng cố và tăng cường công tác quản lý nhà nước, nhất là đối với sản xuất và cung cấp các loại giống cây trồng, vật nuôi ; phát triển mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư. Làm tốt công tác tuyên truyền thông tin, chuyển giao công nghệ mới, sơ kết, tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến góp phần thúc đẩy kinh tế trang trại phát triển.□

Một số vấn đề VỀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC Ở KON TUM

TRẦN VIỆT HÙNG *

I

KON Tum là một tỉnh vùng cao, nằm ở Bắc Tây Nguyên, có tiềm năng dồi dào nhưng khó khăn, thách thức rất lớn. Vào thời điểm mới tái lập tỉnh (tháng 10-1991), bức tranh giáo dục Kon Tum thật ảm đạm. Số làng "trắng về giáo dục" chiếm 2/3 tổng số làng trong tỉnh; trường tiểu học hoàn chỉnh (dạy đến lớp 5) chỉ có ở 1/3 số xã, phường, thị trấn; mạng lưới trường, lớp mầm non quá mỏng, ngoài thị xã và một vài trung tâm huyện, chưa xã nào có lớp mẫu giáo. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi được đến trường ở bậc tiểu học chỉ đạt 69,4%, số trẻ em chưa đi học hoặc bỏ học giữa chừng chiếm 30,6%. Tỷ lệ học sinh là người dân tộc thiểu số, càng học lên bậc học cao hơn càng giảm (tiểu học còn 60%, trung học cơ sở còn 52%, trung học phổ thông 18%). Đội ngũ giáo viên các cấp đã thiếu lại yếu về chuyên môn nghiệp vụ, không đồng bộ về cơ cấu (số đạt chuẩn 65%)⁽¹⁾ và biến động thường xuyên. Cơ sở vật chất trường lớp nghèo nàn, thiếu và xuống cấp trầm trọng; số phòng học tạm bợ

làm bằng tranh tre nứa lá chiếm tới 80%. Ở nhiều trường, học sinh còn phải học ca 3.

Thực tiễn và những bất cập trong phát triển giáo dục là bài toán khó, thôi thúc cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân Kon Tum nhanh chóng tìm câu trả lời... Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ của Đảng đã giúp địa phương tháo gỡ nhiều lúng túng trong bước đi ban đầu. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản⁽²⁾ tạo hành lang pháp lý và tăng cường các biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, làm chuyển biến và tạo đà phát triển cho ngành giáo dục.

Một là, kiện toàn Ban chỉ đạo chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học từ tỉnh đến huyện, xã; đưa nhiệm vụ chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học vào chương trình công tác hằng tháng của cấp ủy, coi đây là một tiêu chí để đánh giá, bình xét đảng viên và tổ chức cơ sở đảng.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, làm cho mọi người dân hiểu và tự giác học tập; tổ chức điều phối các lực lượng tham gia công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học trong phạm vi toàn tỉnh.

* Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kon Tum

(1) Còn 35% giáo viên chưa đạt chuẩn đào tạo, tỉnh thiếu 300 giáo viên tiểu học, hơn 60% giáo viên tiểu học thuộc diện đào tạo cấp tốc (khoảng 450/900 giáo viên tiểu học hiện có).

(2) Nghị quyết 05/NQ/HNTU, về chương trình hành động thực hiện nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ; Chỉ thị 09/CT/TU, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thực hiện chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học.

Ba là, ngoài kinh phí hỗ trợ của trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh và các huyện, thị đã cấp thêm kinh phí từ nguồn thu tại chỗ, nguồn huy động nhân dân đóng góp và các nguồn khác cho công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Đưa mục tiêu chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học vào nội dung các chính sách như xóa đói, giảm nghèo, khuyến nông, khuyến lâm..., của địa phương. Hằng năm tỉnh đã dành 20 - 22% ngân sách địa phương chi cho công tác đào tạo giáo viên, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy và học...

Bốn là, đẩy mạnh công tác đào tạo giáo viên bằng những hình thức đa dạng, linh hoạt (đào tạo cấp tốc; đào tạo theo địa chỉ; liên kết với các trường cao đẳng, đại học sư phạm trong cả nước để đào tạo)... Tập hợp nhiều lực lượng tham gia công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phát động các phong trào "ánh sáng văn hóa hè", "mùa hè tình nguyện"; kết hợp với các lực lượng biên phòng mở các lớp xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học cho học sinh và đồng bào các dân tộc thiểu số vùng biên giới.

Nhờ những nỗ lực vượt bậc trong vòng 10 năm, công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học của tỉnh đã đạt được nhiều thành quả. Năm học 1995 - 1996, tỉnh đã cơ bản xóa làng trắng về giáo dục, xóa tình trạng bàn ghế, bảng đen tạm bợ và lớp học 3 ca; phát triển lớp học mẫu giáo ở phần lớn các thôn làng. Trường tiểu học bán trú xã đã được nhân rộng ở vùng sâu, vùng xa. Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi (từ 15 đến 25 tuổi) tăng nhanh từ 53,4% (năm 1990) lên 96,6% (năm 1999). Tỷ lệ trẻ em từ 6 đến 14 tuổi được huy động tới lớp năm học 2001 - 2002, đạt 95,8% (năm 1991 - 1992 chỉ đạt 50%). Tháng 2-2000, tỉnh được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ, phổ

cập giáo dục tiểu học, hoàn thành cơ bản mục tiêu đề ra.

Mặc dù, đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, nhưng công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở Kon Tum còn đặt ra nhiều vấn đề rất phức tạp. Kết quả công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa chưa vững chắc, nguy cơ tái mù còn lớn. Hiện nay, Kon Tum có khoảng 30% số người tái mù chữ⁽³⁾. Việc huy động trẻ em trong độ tuổi 6 - 14 đi học ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa tốt, tình trạng trẻ em đi học muộn so với độ tuổi còn nhiều; số người trong độ tuổi theo học xóa nạn mù chữ không thường xuyên. Chất lượng học tập của học sinh vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế. Cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ dạy và học; năm 2001 toàn tỉnh còn 15% lớp học tạm bợ. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi (11 tuổi) mới đạt 41,4%, tỷ lệ này quá thấp so với chuẩn. Năm 2001, chưa có xã, phường, thị trấn nào đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi⁽⁴⁾. Năm 2002, chỉ có 3/82 đơn vị cấp xã đạt chuẩn. Tỷ lệ học sinh là người dân tộc thiểu số lưu ban, bỏ học còn cao. Tình hình này cho thấy, các huyện phải phấn đấu một cách toàn diện thì đến năm 2005 hoặc 2006 mới đạt chuẩn phổ cập giáo

(3) Toàn tỉnh có 1 308 người đang học xóa mù. Có 3 nguyên nhân dẫn đến hiện tượng tái mù chữ: 1 - công tác kiểm tra đánh giá chất lượng phổ cập giáo dục của cơ sở chưa thật chặt chẽ; 2 - nguồn lực đầu tư chưa thỏa đáng; 3 - sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, ngành giáo dục và đào tạo địa phương không thường xuyên

(4) Chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi: huy động ít nhất 90% số trẻ 6 tuổi vào lớp 1, ít nhất 80% số trẻ 11 tuổi tốt nghiệp tiểu học, số còn lại đang học ở bậc tiểu học. Tỷ lệ giáo viên đúng lớp đạt chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, 80% giáo viên đạt chuẩn đào tạo, trong số đó có một số giáo viên trên chuẩn.

dục tiểu học đúng độ tuổi. Hiện số người trong diện phải phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở (không chính quy) toàn tỉnh chiếm tới 35% (khoảng 35 000/110 000 người trong độ tuổi phổ cập, với trên 10% số học sinh bỏ học ở trung học cơ sở). Như vậy, mỗi năm tỉnh có khoảng 35% - 45% số người trong diện phải phổ cập trung học cơ sở. Đây chính là một khó khăn lớn cho công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở, không dễ dàng khắc phục trong một sớm một chiều.

Công tác triển khai phổ cập giáo dục trung học cơ sở còn chậm, kết quả đạt được còn rất hạn chế. Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học ở các trường trung học cơ sở còn cao (bình quân trên 10% - 15%/ năm). Học sinh ở vùng sâu, vùng xa khi tốt nghiệp bậc tiểu học thiếu điều kiện để theo học tiếp bậc trung học cơ sở (do trường học xa, điều kiện kinh tế khó khăn). Học sinh người dân tộc thiểu số thường đi học muộn so với độ tuổi, khả năng tiếp thu hạn chế. Người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số chưa quan tâm đến việc học của con em mình, những dịp mùa vụ, hội hè, học sinh thường bỏ học theo cha mẹ đi làm nương rẫy dài ngày.

Cơ sở vật chất đầu tư cho công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở còn thiếu nhiều. Năm 2001 tỉnh còn 27/82 (22,14%) xã chưa có trường trung học cơ sở. Do nhà ở vừa thiếu vừa tạm bợ, đời sống chưa được cải thiện nên giáo viên chưa an tâm bám lớp, bám địa bàn.

Tỉnh cũng chưa sắp xếp được biên chế giáo viên chuyên trách phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Đội ngũ cán bộ phòng giáo dục vừa thiếu về số lượng vừa yếu về chuyên môn nghiệp vụ nên khả năng sâu sát trong tổ chức chỉ đạo và kiểm tra công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở còn nhiều hạn chế.

Để thực hiện mục tiêu hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong toàn tỉnh vào năm 2010, thì đến năm 2005 phải có ít nhất 40% số xã, phường, thị trấn và 2 huyện, thị được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều văn bản quyết tâm chỉ đạo và thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở⁽⁵⁾ với những biện pháp sau :

- Giữ vững và nâng cao chất lượng chống mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tiến tới phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi - làm nền tảng vững chắc cho phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Quy hoạch các trường trung học cơ sở, bảo đảm mỗi xã hoặc cụm xã (những xã khó khăn và ít dân) đều có trường trung học cơ sở. Tập trung đầu tư, xây dựng trường kiên cố, xóa tình trạng lớp học tạm bợ.

- Mỗi xã phải có một giáo viên chuyên trách công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tăng cường đào tạo cán bộ làm công tác quản lý giáo dục ở tỉnh, huyện. Nâng cao chất lượng đào tạo của trường cao đẳng sư phạm tỉnh và phối hợp với các trường đại học, cao đẳng trong nước để đào tạo giáo viên các cấp. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động mọi lực lượng xã hội tham gia phổ cập giáo dục trung học cơ sở, trong đó ngành giáo dục giữ vai trò nòng cốt.

- Có quy định, chính sách cụ thể đối với người dạy và người học ; tổ chức hình thức

(5) Ban Thường vụ Tỉnh ủy có chương trình 10/CT-TU, triển khai thực hiện Chỉ thị 61-CT/TU của Bộ Chính trị. Hội đồng nhân dân tỉnh có Nghị quyết 07/NQ-HĐ, thông qua Đề án phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định 63/QĐ-UB, thành lập Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục trung học cơ sở cấp tỉnh, huyện, thị xã, và Chỉ thị 04/CT-UB, về đẩy mạnh công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

bán trú để huy động tối đa số người trong độ tuổi đi học. Tỉnh có chính sách về nhà ở, phụ cấp đặc biệt cho giáo viên nói chung và giáo viên tham gia công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở làm nhiệm vụ ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn⁽⁶⁾.

Qua hơn một năm triển khai thực hiện đã có 5 phường của thị xã Kon Tum và thị trấn huyện Đăk Hà, được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Các huyện còn lại đang tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện, phấn đấu cuối năm 2002 mỗi huyện có ít nhất một xã (thị trấn) đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Từ thành công bước đầu của công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở của địa phương, có thể rút ra hai bài học kinh nghiệm. Đó là có sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ của các cấp bộ đảng và chính quyền địa phương, trong đó vai trò cấp ủy cơ sở (xã, phường, thị trấn) đặc biệt quan trọng. Đồng thời, phải tăng cường đào tạo giáo viên tại chỗ, giáo viên cắm làng, phù hợp với điều kiện của vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

II

Tây Nguyên là một trong những vùng phát triển giáo dục khó khăn nhất trong cả nước. Các tỉnh Tây Nguyên có nhiều điểm tương đồng với nhau về kinh tế, xã hội, văn hóa giáo dục, phong tục tập quán. Khó khăn, thuận lợi, thế mạnh của giáo dục Kon Tum cũng là khó khăn, thuận lợi, thế mạnh chung của các tỉnh trong vùng. Muốn thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở và tạo thế phát triển bền vững cho giáo dục, Tây Nguyên không thể không quan tâm đến ba vấn đề : *huy động học sinh trong độ tuổi đến lớp ; duy trì số học sinh ; chống tái mù chữ và đào tạo đội ngũ giáo viên.*

Đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên đời sống còn khó khăn, tỷ lệ đói nghèo cao, phải lo cái ăn, cái mặc, nên có tình trạng bản thân họ không đi học và cũng không đầu tư cho con em học tập ; việc học của con em họ hầu như trông chờ chủ yếu vào Nhà nước. Càng lên bậc học cao, học sinh là người dân tộc càng ít. Tình trạng này có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân dễ nhận thấy nhất là, trường học xa nhà, chế độ bán trú chưa đáp ứng yêu cầu, học sinh nhận thức chậm, trình độ tiếng Việt hạn chế, không có điều kiện học tập ôn luyện bài ở nhà.

Một thực tế là việc kiểm tra công nhận xóa mù chữ chưa chắc chắn, bước củng cố tiếp theo không được thường xuyên nên tái mù chữ còn nhiều. Khi được công nhận xóa mù chữ đã thỏa mãn, không có bước chỉ đạo tiếp theo hoặc chỉ đạo thiếu kiên quyết.

Xuất phát từ thực tế trên , giáo dục vùng Tây Nguyên cần đặt ra mục tiêu tổng quát là, *củng cố thành quả chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo đội ngũ cán bộ, giáo viên...; nâng cao nhận thức của nhân dân và toàn xã hội đối với sự nghiệp giáo dục và từng bước phổ cập giáo dục trung học cơ sở.* Xin đề cập 6 vấn đề cơ bản cần quan tâm thực hiện.

1 - Đánh giá đúng mức độ của chất lượng công tác xóa mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu

(6) Mỗi người đi học phổ cập được cấp 15 cuốn vở, 2 bút bi, mượn 1 bộ sách giáo khoa/năm ; giáo viên được hưởng 11 500 đồng/tiết (không tính giờ dạy phổ thông) ; ban chỉ đạo (tỉnh, huyện) được hưởng 50 000 đồng/tháng. Năm 2002 Kon Tum đầu tư 14 310 000 000 đồng xây dựng cơ sở vật chất trường học (vốn ngân sách 8 060 000 000 đồng, nguồn số xổ kiến thiết 6 250 000 000 đồng) ; 1 260 000 000 đồng xây dựng nhà tập thể cho giáo viên vùng sâu, vùng xa.

học vùng Tây Nguyên. Trước mắt, tập trung vào việc khảo sát chất lượng học lực, đánh giá hiệu quả phổ cập, để có cơ sở tiếp tục củng cố và xác định những bước đi của phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

2 - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, giáo dục, tập trung vào ba đối tượng chính là *nhân dân, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên*. Đối với nhân dân, tuyên truyền làm rõ quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người đối với việc chăm lo cho sự nghiệp phổ cập. Đối với cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên, cần làm cho họ nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phổ cập giáo dục, bám sát mục tiêu "phát huy thành quả chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở coi việc tham gia công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở là quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người.

3 - Quy hoạch hợp lý các khu dân cư. Do đặc điểm cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên phân tán nên việc huy động trẻ em đến lớp rất khó khăn. Vì vậy, phải coi trọng việc quy hoạch khu dân cư thành những khu vực đủ điều kiện mở trường, lớp, thực hiện nhiệm vụ phổ cập. Những nơi chưa có điều kiện quy hoạch khu dân cư thì mở các trường bán trú liên xã, dành cho học sinh vùng sâu, vùng xa, hạn chế việc đi về trong ngày của học sinh, thu hút hết học sinh trong độ tuổi đến trường.

4 - Cải tiến một bước công tác chỉ đạo, quản lý, rút kinh nghiệm công tác phổ cập tiểu học, quy trình kiểm tra công nhận đơn vị đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở cần được tiến hành nghiêm túc, hiệu quả. Có đội ngũ cán bộ chuyên trách từ cấp tỉnh đến huyện, xã, chăm lo công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Đề nghị Nhà nước tăng biên chế cho bộ máy phòng giáo dục huyện, thị từ 5 (hiện nay) lên 10 người mới đủ khả

năng để chăm lo chỉ đạo công tác giáo dục ở một vùng rộng lớn và khó khăn phức tạp này.

5 - Đối với học sinh dân tộc thiểu số, cần tập trung vào 3 vấn đề. *Trước tiên*, duy trì kết quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi (6 - tuổi vào lớp 1 ; 11 tuổi tốt nghiệp tiểu học). *Sau đó*, chống lưu ban bỏ học ngay ở bậc tiểu học và bậc trung học cơ sở, bằng nhiều biện pháp, trong đó cần có những quy định cụ thể vận động các tổ chức xã hội, các cơ quan, các công ty, nông lâm trường, xí nghiệp... trên địa bàn có trách nhiệm đóng góp cơ sở vật chất và kinh phí cho công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở. *Cuối cùng*, tổ chức môi trường giáo dục chính quy ngay trong từng trường ; cấp đủ trang thiết bị, sách vở, đồ dùng, tạo điều kiện tối thiểu cho học sinh học tập⁽⁷⁾. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, có chế độ ưu đãi cho học sinh học bán trú vùng sâu, vùng xa.

6 - Đối với giáo viên, tập trung giải quyết hai vấn đề. *Một là*, có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trực tiếp làm nhiệm vụ phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu. Đây là vấn đề trọng tâm vì giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục. *Hai là*, có những chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho giáo viên (và con của họ) công tác ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, vì họ là những người từ nơi khác đến, tình nguyện gắn bó với vùng đất Tây Nguyên và sự nghiệp giáo dục ở đây. Trước mắt, cần xây dựng nhà ở cho họ, cho con em họ được hưởng chế độ nội trú như con em đồng bào dân tộc thiểu số. □

(7) Từ năm học 2002 - 2003 Tây Nguyên có chương trình 168 dành cho việc mua sách giáo khoa và giấy viết.



Vấn đề

SỐ MỘT !

NAM DỪNG

TẠI phòng làm việc của Bí thư Huyện ủy Huyện M thuộc tỉnh K, tôi gặp một người bạn hiện đang công tác ở đây. Trong câu chuyện cởi mở, nhìn toàn cảnh bức tranh hoành tráng của một nước đang phát triển mà ông Bí thư vừa đi công tác đem về, tôi hỏi : Bao giờ Việt Nam ta được như thế này các anh ? Anh bạn tôi sốt sắng : Không mấy nữa đâu, ta đang “thay da, đổi thịt” hằng ngày đấy chứ. Còn ông Bí thư thì ngáp ngừng rồi nói, vấn đề rất khó và cũng còn khá khá lâu nữa... Tôi gắng hỏi : Khó là vì sao và lâu là đến bao giờ ? Ông Bí thư khẳng định, trong rất nhiều vấn đề ta còn khó khăn, hạn chế, đang nổi cộm lên việc có ý nghĩa quyết định là phát huy nhân tố con người. Huyện tôi đang đau đầu chưa biết giải quyết tiếp đội ngũ cán bộ ở mấy “điểm nóng” ra sao. Anh xem, có xã, phải kỷ luật tới 9/13 đảng ủy viên, cách chức cả bí thư đảng ủy. Vì, để xã nát quá. Tôi hỏi : Sao anh không tính thay ngay họ ? Câu

chuyện bị gián đoạn, vì ông Bí thư có khách.

Chuyện chỉ có thế nhưng trong tôi cứ luôn rộn lên những câu hỏi : Tại sao chúng ta còn chưa phát triển được bằng họ, hoặc hơn họ ? Cái gì ta hơn, cái gì ta bằng, cái gì ta chưa bằng ?? Tôi cứ trăn trở và chưa tự cất nghĩa, trả lời được.

Một lần, đến Bộ B công tác, tôi có cuộc tiếp xúc với ông Bí thư Đảng ủy cơ quan Bộ, tôi mạnh dạn đặt những câu hỏi đó của mình với ông, ông chậm rãi trả lời : Ở thế kỷ XX, nước ta có hai cuộc chiến tranh lớn mà hậu quả của nó, chắc cậu cũng rõ - thật nặng nề ; chúng ta lại đã sống khá lâu trong cái “thành trì” bao cấp đến tận “chân răng”. Hiện tại, hằng năm ngân sách chi phí cho việc khắc phục những hậu quả chiến tranh còn rất lớn, trong khi nếp sống bao cấp vẫn tồn tại trong không ít cán bộ và người lao động, nên tạo ra sức ỳ mà không phải một sớm một chiều giải quyết ngay được. Tâm lý

dựa dẫm, ỷ lại, thiếu năng động sáng tạo của không ít cán bộ là lực cản khá lớn. Tôi thấy đúng nhưng vẫn chưa thật thỏa mãn.

Rồi một lần, tôi được xuất ngoại sang một nước trong khối ASEAN có tốc độ phát triển tốt. Vẫn biết đôi khi sự so sánh sẽ là khắp khiêng. Nhưng nước mà tôi đến cũng có lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước tương đồng với chúng ta. Họ cũng phải trải qua chiến tranh, họ cũng nghèo nàn, lạc hậu, thậm chí về tài nguyên còn kém ta, vị thế địa - chính trị, địa - kinh tế còn xếp sau ta, duy có điều họ tiến hành cải cách, mở cửa rất mạnh mẽ, đến mức xoay chuyển cả tình hình. Bây giờ, theo đánh giá của những chuyên gia có tầm cỡ, nhiều mặt họ đã vượt xa ta tới chừng vài chục năm rồi. Tốc độ tăng trưởng của họ rất tốt và ổn định. Tìm hiểu ra thì thấy họ dám nghĩ, dám làm, tìm ra thế mạnh, chọn điểm bứt phá để đi lên. Chỉ trong 8 năm, họ đổi mới nội các rất cơ bản, nhất là những người nắm giữ các ngành then chốt, chủ lực. Rõ ràng, nhân tố con người và vai trò của cán bộ trong sự phát triển của đất nước là hết sức cơ bản và quyết định.

Ở nước ta, Đại hội VI của Đảng mở đầu công cuộc đổi mới toàn diện với những bước đột phá quan trọng giúp chúng

ta thoát khỏi những “nỗi niềm” tem phiếu và cái nạn xếp hàng được xem như một chứng bệnh nan y đeo bám dai dẳng chúng ta mấy chục năm. Bởi ta đã dũng cảm và mạnh dạn nhìn vào sự thật, thấy rõ những yếu kém của chính mình, để bút phá, để vượt lên.

Tình cờ tôi gặp lại các ông Bí thư Huyện ủy huyện M và Bí thư Đảng bộ cơ quan Bộ B bên lề một Hội thảo khoa học, nghe tôi giải bày suy nghĩ về vai trò của cán bộ, ông Bí thư Huyện ủy huyện M, hào hứng : Anh nói có lý. Máy xā “điểm nóng” lúc ấy không thay ngay đội ngũ chủ chốt thì nguy to. Giờ tốt rồi. Thế mà trước đó, chúng tôi cứ loay hoay, vá vúi, “bắt cóc bỏ đĩa” cán bộ, khiến

cho tình hình đã rối lại càng rối thêm, mà rối từ trong đội ngũ cốt cán mới loạn chứ. Và hôm đó, ông Bí thư Đảng bộ cơ quan Bộ B không những nêu ra những giải pháp để khắc phục hậu quả chiến tranh và của một thời bao cấp, mà với dáng vẻ trầm tĩnh nhưng rất kiên quyết, nhắc lại chuyện xưa một cách rành rọt : Anh nhớ không, vào thế kỷ XIII, cụ Trần Hưng Đạo đã có sách lược tuyệt vời về tuyển chọn tướng lĩnh : “Tướng mà sớm dạy khuya nằm, lời lẽ kín đáo, đó là tướng chỉ huy được một trăm người. Tướng mà ngoài mặt hăm hở, trong lòng ân cần, biết người khó nhọc, thương kẻ đói rét, đó là tướng chỉ huy được một nghìn người. Tướng mà gần

người hiền, tiến người tài, thành thực, rộng rãi, đó là tướng chỉ huy được 10 nghìn người. Tướng mà dùng nhân ái với kẻ dưới, lấy tín nghĩa phục nước láng giềng, trên biết thiên văn, dưới tường địa lý, giữa hiểu lòng người, đó là tướng không ai địch được. Ba lần ta chiến thắng giặc Nguyên - Mông, hẳn là một phần rất cơ bản nhờ sách lược ấy”. Tất cả ba chúng tôi cùng cười.

Ra vậy, muôn sự chung quy lại là ở vị tướng - ở khâu cán bộ. Cán bộ chính là vấn đề số một. Xưa nay, cốt lõi tạo nên sự thắng lợi của cách mạng, của công cuộc đổi mới chính là đội ngũ cán bộ, trong đó người cán bộ lãnh đạo giữ vị trí, vai trò số một và có ý nghĩa quyết định. □

TÍN DỤNG...

(Tiếp theo trang 43)

ảnh hưởng đến chính sách và giảm lòng tin của nhân dân.

5. Làm tốt công tác tuyên truyền để người dân hiểu rõ hoạt động của NHNg vay vốn là phải trả cả gốc và lãi, xóa bỏ tư tưởng vốn cho, vốn cấp. Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ đến các tổ vay vốn, soạn thảo các nội dung chính sách chủ yếu dễ hiểu và in thành tờ rơi phát đến đoàn thể thôn bản, tổ vay vốn và hộ nghèo.

6. Phân định trách nhiệm cụ thể và phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền các cấp, các bộ, ngành (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội...) và các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội (Hội

Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh...) với ngân hàng trong việc cho vay đối với các hộ nghèo có hiệu quả. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện tổ chức chỉ đạo điều tra chuẩn xác số lượng hộ nghèo theo tiêu chí mới, trong đó phân định số lượng hộ nghèo thiếu vốn sản xuất cần được hỗ trợ bằng vốn tín dụng ; có kế hoạch phân vùng đầu tư chỉ dẫn thị trường cho hộ nghèo có điều kiện sử dụng vốn vay có hiệu quả. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm lập và xét duyệt danh sách hộ nghèo theo quy định, đảm bảo cho vay đúng đối tượng. Các tổ chức đoàn thể xã hội có trách nhiệm về hình thức tín chấp của các tổ vay vốn, hướng dẫn kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, phát huy tính tương trợ, giúp đỡ nhau trong cộng đồng người nghèo ; đôn đốc và giám sát tình hình sử dụng vốn vay của hộ nghèo trả nợ, trả lãi ngân hàng đúng hạn. □



Liên minh nghị viện hiệp hội các nước Đông Nam Á (AIPO) VỚI QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

NGUYỄN NGỌC ĐÀO*

TỪ ngày 9 đến ngày 12-9-2002, kỳ họp Đại hội đồng lần thứ 23 Liên minh Nghị viện Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (AIPO) được tổ chức tại Hà Nội, với sự tham gia của các nước thành viên, hai nước quan sát viên đặc biệt là Bru-nây Đa-rút-sa-lam, Mi-an-ma và sự có mặt của các nước quan sát viên là Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Nghị viện châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Niu Di-lân, Pa-pua Niu Ghi-nê, Liên bang Nga.

Đây là lần đầu tiên Việt Nam đăng cai tổ chức kỳ họp Đại hội đồng AIPO trên cương vị là Chủ tịch AIPO, đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập ASEAN và lần thứ 25 ngày thành lập AIPO.

AIPO ra đời năm 1977 (10 năm sau khi ASEAN được thành lập) trong bối cảnh sự hợp tác quốc tế ở khu vực Đông Nam Á đã có bước phát triển, ý thức cộng đồng các dân tộc trong khu vực càng ngày càng gia tăng. Lợi ích chung của khu vực cũng như hoàn cảnh quốc tế đã thúc đẩy quá trình ra đời của tổ chức này.

Bắt đầu từ việc trưởng đoàn đại biểu nghị viện của In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan ký bản Điều lệ tổ chức AIPO vào ngày 2-9-1977,

cho đến nay AIPO đã có tám nước thành viên và hai nước quan sát viên đặc biệt (Bru-nây, Mi-an-ma). Điều này chứng tỏ các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á ngày càng nhận thức một cách đầy đủ hơn về vai trò của AIPO trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

Từ các kỳ họp đầu tiên cho đến kỳ họp lần thứ 23 của AIPO, nhiều vấn đề quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, hợp tác khu vực và quốc tế, những vấn đề mà các quốc gia thành viên quan tâm hoặc có lợi ích trực tiếp hay gián tiếp, đã được đề cập.

Về *chính trị*, các nước thành viên quan tâm thảo luận đến hầu hết các vấn đề chính trị quốc tế, quan hệ quốc tế như : hợp tác bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh và xung đột quốc tế, thiết lập khu vực phi hạt nhân ở Đông Nam Á, ủng hộ các diễn đàn hợp tác quốc tế, hoan nghênh các sáng kiến vì hòa bình và an ninh khu vực.

Khi đề cập những nội dung trên đây, các nước thành viên AIPO đều đồng nhất với

* TS. Ủy viên Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội, thành viên Ủy ban các vấn đề chính trị Đại hội đồng AIPO lần thứ 23

những quan điểm chung là : không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tôn trọng độc lập và chủ quyền, hợp tác vì hòa bình và an ninh với nguyên tắc "thống nhất trong đa dạng", "đồng thuận". Những nguyên tắc này đã bảo đảm cho sự thống nhất cao về quan điểm của các nước thành viên trong nhiều vấn đề quan trọng có liên quan đến lợi ích riêng và lợi ích chung của các nước. Chính vì vậy, các nước thành viên AIPO đã cảm nhận được tinh thần bình đẳng và hợp tác là nhân tố đã được xác lập, được tôn trọng và bảo vệ.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, sự hợp tác về chính trị giữa các nước trong khu vực với nguyên tắc "thống nhất trong đa dạng" và "đồng thuận" đã giúp cho các nước phát huy khả năng, giữ được sự cân bằng trong quan hệ chính trị quốc tế, chống lại sự can thiệp, áp đặt từ bên ngoài. Qua đó, các nước trên thế giới đã nhận thức được sức mạnh của tinh thần cộng đồng Đông Nam Á. Vì vậy, chính phủ các nước Đông Nam Á ngày càng thấy rõ hơn vai trò của quốc hội trong xu thế quốc tế hiện nay.

Về *kinh tế - xã hội*, các nước thành viên AIPO, kể cả những nước tham gia với tư cách là quan sát viên hay quan sát viên đặc biệt đều tham gia thảo luận, đánh giá và đưa ra những phương hướng cụ thể cho sự hợp tác về mọi mặt như : hợp tác thương mại - mậu dịch, thiết lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), quá trình tham gia Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) của các nước Đông Nam Á. Đặc biệt, các nước thành viên AIPO quan tâm nhiều đến tiến trình hội nhập kinh tế khu vực trên cơ sở phối hợp sức mạnh, thông qua vai trò lập pháp của quốc hội, để khắc phục những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính trong khu vực. Ngoài ra, các nước thành viên còn quan tâm đến vấn đề chia sẻ thông tin, cộng tác giữa các nước ASEAN

trong việc chống tội phạm xuyên quốc gia, tệ nạn buôn bán ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, cướp biển, di cư bất hợp pháp, buôn bán vũ khí, rửa tiền, khủng bố, tham nhũng...

Các nước tham gia AIPO nhận thức đầy đủ về yêu cầu tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa trong khu vực. Tuy nhiên, do sự khác nhau về chế độ chính trị của các nước thành viên, trình độ phát triển chênh lệch khá lớn, trình độ dân trí không đồng đều, tập quán, pháp luật cũng chưa hoàn chỉnh, nên thông qua tổ chức AIPO, các nước hy vọng có sự hợp tác trong việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp nhằm hoàn thành nghĩa vụ và bảo vệ lợi ích chung cũng như lợi ích riêng của mỗi nước trong cộng đồng quốc tế.

Ngoài lĩnh vực chính trị và kinh tế - xã hội, các nước ASEAN còn quan tâm đến những vấn đề chung như : chống khủng bố quốc tế, vấn đề bảo vệ môi trường, v.v.. Hầu hết các nước thành viên AIPO đều nhận thức một cách sâu sắc rằng, việc giải quyết các vấn đề toàn cầu đòi hỏi phải có sự hợp tác toàn diện, vì không một nước nào (kể cả nước giàu nhất) tự mình thực hiện được. Nỗ lực chung của các nước không chỉ tạo sức mạnh trên phương diện tài chính, mà trong một chừng mực nhất định, có thể giúp cho các nước nghèo, kém phát triển hơn có điều kiện hội nhập một cách đầy đủ và bình đẳng.

Đối với các nước Đông Nam Á, vấn đề thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế còn là vấn đề nổi cộm. Trong hầu hết các kỳ họp của Đại hội đồng AIPO, đặc biệt là các kỳ họp gần đây, vấn đề nêu trên đã trở thành một trong những nội dung chính. Điều này chứng tỏ, muốn có sự hợp tác hiệu quả hơn thì việc thu hẹp và tiến tới xóa bỏ các khoảng cách về phát triển kinh tế -

xã hội giữa các nước có một ý nghĩa to lớn. Tham gia Đại hội đồng AIPO, các nước thành viên hy vọng có những giải pháp chung nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình hội nhập. Nỗ lực của từng thành viên chỉ có thể dẫn đến sự thành công nếu như các nước tăng cường hợp tác, tôn trọng và bảo vệ lẫn nhau trong bối cảnh tình hình khu vực và quốc tế có nhiều chuyển biến nhanh chóng, đa dạng và phức tạp. AIPO chỉ có thể có ý nghĩa khi các hoạt động của nó vừa tác động, vừa định hướng và giám sát tích cực đối với các chính phủ trong việc thực hiện vai trò hành pháp của mình. Định hướng đúng của AIPO là giúp các chính phủ có thể tiến hành các biện pháp liên kết khu vực trong các lĩnh vực khác nhau, từng bước giảm bớt sự chênh lệch trong phát triển kinh tế giữa các nước thành viên, gia tăng sức mạnh nội bộ của khối, đủ sức để cạnh tranh quốc tế, trên cơ sở bảo vệ thành công độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Nhìn chung, qua hơn 25 năm ra đời và phát triển, ở một chừng mực nhất định, AIPO đã thể hiện được tinh thần và lợi ích của nhân dân các nước Đông Nam Á. Một phần tư thế kỷ ấy đã chứng minh rằng, việc AIPO xuất hiện, phát triển và dần hoàn thiện là một dấu hiệu tích cực, bởi vì trong quan hệ giữa các nước Đông Nam Á, không thể thiếu được vai trò của các cơ quan lập pháp.

Năm 1992, Quốc hội Việt Nam bắt đầu tiếp cận AIPO với tư cách là quan sát viên. Tiếp đó, AIPO đã cử một đoàn đại biểu sang thăm và tìm hiểu tình hình Việt Nam. Báo cáo về chuyến thăm này đã được trình Đại hội đồng tại kỳ họp thứ 10, Cu-a-la Lăm-pơ, tháng 9-1993. Từ tháng 9-1992 đến 17-9-1995, Quốc hội Việt Nam là quan sát viên của AIPO. Nhưng chỉ sau khi Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN, quan hệ

giữa Quốc hội nước ta với AIPO mới thực sự chặt chẽ.

Ngày 18-9-1995, AIPO long trọng tiến hành lễ kết nạp Quốc hội Việt Nam vào tổ chức. Đây là một thành tựu to lớn trong hoạt động ngoại giao nghị viện của Quốc hội nước ta, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới trong quan hệ giữa nước ta với các nước trong khu vực. Với tư cách là thành viên đầy đủ và là Chủ tịch AIPO nhiệm kỳ 2001 - 2003, Quốc hội Việt Nam nhận thức một cách rõ ràng về vai trò và trách nhiệm của mình, và đã có những đóng góp vào sự phát triển của Liên minh nghị viện. Quốc hội nước ta đã đăng cai tổ chức thành công một số hội nghị chuyên đề giữa hai kỳ họp của Đại hội đồng, như Hội nghị Ủy ban chuyên đề về vai trò của cơ quan lập pháp trước cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ (năm 1998), Hội nghị Ủy ban chuyên đề về ngăn ngừa hiểm họa ma túy (năm 2001), Hội nghị chuyên đề về các vấn đề tổ chức và khen thưởng (tháng 6-2002).

Với tư cách là nước chủ nhà, chúng ta đã thành công trong việc tổ chức khóa họp Đại hội đồng AIPO-23 theo tinh thần "*Dấu ấn Việt Nam*". Đây không chỉ đơn thuần là thái độ mến khách, trọng thị của chúng ta đối với bạn bè và khách quốc tế mà quan trọng hơn cả, theo như cách đánh giá của hầu hết các đoàn tham gia Đại hội đồng, Việt Nam đã tổ chức kỳ họp Đại hội đồng 23 của AIPO một cách tốt nhất.

Hầu hết các nội dung được bàn đến trong chương trình nghị sự của các Ủy ban như : Hợp tác khu vực thông qua cơ chế liên nghị viện và liên chính phủ, vấn đề ASEAN + 3, Quy chế ứng xử biển Đông, chống khủng bố, vấn đề cướp biển, hợp tác chống tội phạm xuyên quốc gia, ASEAN và khu vực mậu dịch tự do, trao đổi thông tin công nghệ, các chính sách hỗ trợ và phát triển giáo dục, hợp tác phát triển văn hóa, chống

buôn bán ma túy, chống buôn bán phụ nữ và trẻ em, phòng chống HIV/AIDS, chống tham nhũng, v.v..

Mặc dù còn có những bất đồng nhỏ, các nước tham gia AIPO đã bàn luận một cách sôi nổi những vấn đề nêu trên với tinh thần "thống nhất trong đa dạng" và "đồng thuận". Hầu hết các nước tham gia khóa họp với tư cách là thành viên hoặc quan sát viên đều nhận thấy tầm quan trọng của hoạt động lập pháp của các nghị viện, quốc hội trong việc xác lập hành lang pháp lý cũng như định hướng cho các chính phủ thực hiện những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ bản sắc văn hóa các dân tộc trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa. Điều này được thể hiện rõ trong nội dung bài phát biểu của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Văn An tại Lễ bế mạc khóa họp Đại hội đồng AIPO lần thứ 23. Chủ tịch Nguyễn Văn An nhấn mạnh rằng : "Các cuộc thảo luận về những vấn đề trên đã giúp cho các Nghị sĩ AIPO có cái nhìn sâu sắc hơn đối với các thách thức mà ASEAN phải đối mặt trong kỷ nguyên mới. Hy vọng thông qua các cuộc thảo luận, chúng ta đã có dịp học hỏi lẫn nhau về các bước cần phải thực hiện để đối phó với các thách thức mới. Với tư cách là những nhà làm luật, chúng ta có vai trò rất quan trọng trong việc triển khai những chính sách phát triển của ASEAN và nếu cần thì có những điều chỉnh cần thiết. ASEAN tiếp tục mở rộng hợp tác, hỗ trợ mạnh mẽ lẫn nhau thì chắc chắn rằng sẽ đối phó thành công những thách thức mà chúng ta sẽ có thể đối mặt".

Tinh thần "*Dấu ấn Việt Nam*" còn được thể hiện thông qua các quan điểm kiên định và mang tính xây dựng của Đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam tham gia AIPO.

Trong những vấn đề quan trọng thuộc phạm vi nội dung được bàn đến tại các Ủy ban, chúng ta nhấn mạnh vai trò của AIPO trong quan hệ hợp tác khu vực, đánh giá cao hoạt động phối hợp của các Nghị sĩ ASEAN vì một nền hòa bình, an ninh khu vực, vì sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như việc thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước.

Trong những vấn đề cụ thể như tăng cường liên kết khu vực thông qua phối hợp và hợp tác giữa các cơ chế liên nghị viện và liên chính phủ, quan điểm của chúng ta là ủng hộ mọi sáng kiến, mọi nỗ lực của tất cả các nước thành viên AIPO nhằm tăng cường quan hệ giữa các ngành lập pháp và hành pháp trong từng quốc gia và giữa các quốc gia. Chúng ta ủng hộ và sẵn sàng tham gia các diễn đàn chính trị ở khu vực nhằm đẩy mạnh sự hợp tác giữa các nước ASEAN với mục tiêu biến khu vực Đông Nam Á trở thành khu vực phát triển mạnh về kinh tế, ổn định về chính trị - xã hội, có sự tăng trưởng về mức sống, tiến tới hòa nhập thực sự vào cộng đồng quốc tế mà vẫn giữ được độc lập dân tộc và bản sắc văn hóa.

Đối với những vấn đề khác như : tranh chấp ở biển Đông, chống cướp biển, chống tội phạm xuyên quốc gia ; đường lối của Đảng và Nhà nước ta được các vị đại biểu Quốc hội khóa XI tham gia AIPO thể hiện bằng những ý kiến cụ thể. Nội dung của đường lối đó là : Việt Nam ủng hộ và sẵn sàng tham gia mở rộng hợp tác trên các cơ chế của ASEAN để giải quyết các vấn đề trên, dựa vào luật pháp quốc tế. Chẳng hạn như đối với vấn đề cướp biển, Việt Nam cho rằng đó là một loại tội phạm nguy hiểm, trái với luật pháp quốc tế và luật quốc gia của các nước trên thế giới, cần phải bị nghiêm trị và loại trừ. Việt Nam sẵn sàng và quyết tâm cùng cộng đồng quốc tế hợp tác xây dựng một trật tự pháp lý nhằm ngăn

ngừa, trấn áp cướp biển và giữ gìn an ninh trật tự, bảo đảm an toàn trên các vùng biển của Việt Nam, khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, do lực lượng quân sự của các bên liên quan tham gia hợp tác chống cướp biển có thể làm nảy sinh các vấn đề nhạy cảm và phức tạp, chúng ta cần bảo đảm các hoạt động này phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng chủ quyền quốc gia, luật pháp quốc tế, với mục tiêu cuối cùng là không để các nước ngoài khu vực can thiệp vào các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền tài phán của các nước trong khối có lợi ích liên quan.

Ngoài những vấn đề nêu trên, Đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam đã thảo luận tích cực trên tinh thần xây dựng về một loạt vấn đề khác như : xóa đói giảm nghèo, chống các tệ nạn buôn bán ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, v.v.. Quan điểm nhất quán của Việt Nam là chống lại mọi hình thức tội phạm làm nguy hại đến các quyền con người, ngăn cản sự phát triển của đời sống xã hội và văn hóa. Chúng ta cho rằng, quyền con người không chỉ là mối quan tâm của một quốc gia mà là mối quan tâm chung của toàn nhân loại. Quyền con người là quyền của mỗi người và mỗi dân tộc được sống trong độc lập, tự do, tự quyết định vận mệnh của mình và quyền phát triển về mọi mặt. Các quyền con người bao gồm quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội và các quyền chính trị, dân sự ; quyền cá nhân và quyền của cộng đồng, dân tộc ; quyền cá nhân đi đôi với nghĩa vụ đối với xã hội. Việc xử lý và bảo vệ các quyền con người là trách nhiệm và quyền hạn của từng quốc gia - dân tộc, một mặt, phải phù hợp với thực tế và đặc thù lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của từng nước ; mặt khác, phải phù hợp với mục tiêu, chuẩn mực và nguyên tắc quốc tế đã được thừa nhận rộng rãi. Nhà nước Việt Nam đặc biệt coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, trong đó dành sự quan tâm thích đáng về

pháp luật bảo vệ quyền con người nhằm bảo đảm ngày càng tốt hơn các quyền cho mọi người dân Việt Nam. Ở Việt Nam, những quyền tự do cơ bản của công dân, trong đó có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã được quy định rõ trong Hiến pháp và được tôn trọng trong thực tế. Để thực hiện Hiến pháp, từ năm 1986 đến nay, khi Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới, Quốc hội Việt Nam đã thông qua trên 13 nghìn văn bản luật và dưới luật trong đó có 40 bộ luật và luật quan trọng nhất như : Bộ Luật Hình sự, Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Lao động, Luật Chăm sóc và Giáo dục trẻ em... Từ năm 1998 chúng ta đã xây dựng và thực hiện các quy chế dân chủ ở cơ sở theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

Có thể nói, vấn đề quyền con người là vấn đề nhạy cảm trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước vốn trước đây từng có quan hệ phức tạp. Điều này thể hiện rõ qua mối quan tâm của Đoàn Nghị viện châu Âu. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề nhân quyền đã làm cho Đoàn Nghị sĩ châu Âu tham dự AIPO thấy rõ được sự thật về các vấn đề này ở Việt Nam, xóa bỏ những mặc cảm của họ cũng như làm cho họ hiểu rõ hơn và tin vào đường lối đúng đắn của chúng ta.

Khóa họp Đại hội đồng AIPO tại Việt Nam đã thành công tốt đẹp. "*Dấu ấn Việt Nam*" trong dịp này vừa là một thực tế vừa là một xuất phát điểm cho việc củng cố và phát triển những mối quan hệ quốc tế trong tương lai. Điều này đúng với lời nhận xét của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh về AIPO và những định hướng trong cuộc gặp gỡ các Trưởng đoàn AIPO ngày 10-9 vừa qua. Chúng ta có quyền hy vọng rằng AIPO sẽ là một diễn đàn tốt, mà qua đó, Việt Nam thực sự hội nhập với khu vực và cộng đồng quốc tế. □

Những thách thức mới CỦA TIẾN TRÌNH HÒA BÌNH TRUNG ĐÔNG

NGUYỄN QUANG KHAI*

TIẾN trình hòa bình Trung Đông, mà cốt lõi của nó là cuộc xung đột I-xra-en - Pa-le-xtin đang trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn, phức tạp. Có thể nói, những diễn biến gần đây tại khu vực đang đẩy tiến trình hòa bình Trung Đông đến nguy cơ đổ vỡ, làm tan đi hy vọng sớm đạt được một giải pháp cho vấn đề này. Trung Đông một lần nữa lại rơi vào vòng xoáy của bạo lực.

Nhìn lại quá khứ, chúng ta thấy việc chiến tranh lạnh kết thúc và việc chấm dứt sự đối đầu giữa hai phe đầu những năm 90 thế kỷ XX, đã mở ra cơ hội giải quyết cuộc xung đột Trung Đông, một trong những cuộc xung đột khu vực kéo dài nhất, phức tạp nhất trong lịch sử đương đại. Ngày 30-10-1991, dưới sự bảo trợ của Mỹ và Liên Xô (nay là Nga), Hội nghị quốc tế về hòa bình Trung Đông đã được triệu tập tại Ma-đrít, thủ đô của Tây Ban Nha. Hội nghị này có ý nghĩa hết sức to lớn vì lần đầu tiên các bên liên quan trực tiếp đã cùng nhau đàm phán, nhằm tìm ra một giải pháp hòa bình công bằng và bền vững thay cho cuộc xung đột.

Mặc dù có vô vàn khó khăn, phức tạp, Hội nghị hòa bình Ma-đrít đã đi được những bước quan trọng. Ngày 10-9-1993, sau gần nửa thế kỷ thù địch, I-xra-en và Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin (PLO) đã tuyên bố công nhận lẫn nhau. Và ngày 13-9-1993, hai bên đã ký "Tuyên bố chung về những nguyên tắc", hay

còn gọi là Thỏa thuận Ô-xlô. Theo Thỏa thuận này, quá trình giải quyết vấn đề Pa-le-xtin - I-xra-en được chia làm hai giai đoạn : Giai đoạn thứ nhất đàm phán về quyền tự trị của Pa-le-xtin ở bờ Tây sông Gioóc-đan và dải Ga-da ; giai đoạn thứ hai (bắt đầu từ năm thứ ba sau khi thiết lập chính quyền tự trị Pa-le-xtin) đàm phán về quy chế cuối cùng của các vùng lãnh thổ Pa-le-xtin, trong đó có vấn đề Giê-ru-xa-lem, đường biên giới, các dàn xếp về an ninh, các khu định cư của người Do Thái, người tỵ nạn, v.v..

Ngày 04-5-1994, tại thủ đô Cai-rô (Ai Cập), I-xra-en và Pa-le-xtin đã ký Thỏa thuận Ga-da - Giê-ri-cô, theo đó ngày 13-5-1994, I-xra-en đã rút quân khỏi Ga-da và Giê-ri-cô. Ngày 28-9-1995, I-xra-en và Pa-le-xtin đã ký Thỏa thuận Ô-xlô 2, đặt toàn bộ bờ Tây sông Gioóc-đan và dải Ga-da dưới quyền quản lý về an ninh và dân sự của chính quyền tự trị Pa-le-xtin. Để quản lý vùng đất này, ông Y. A-ra-phát cùng ban lãnh đạo Pa-le-xtin đã trở về Ga-da và theo quy định, giai đoạn tự trị hay còn gọi là giai đoạn chuyển tiếp, sẽ kéo dài 5 năm. Như vậy, ngày 04-5-1999, đàm phán về quy chế cuối cùng của các vùng lãnh thổ Pa-le-xtin được kết thúc.

Cùng với vấn đề Pa-le-xtin - I-xra-en, các cuộc đàm phán giữa I-xra-en và Gioóc-đa-ni

* Vụ trưởng Vụ Tây Á - Châu Phi, Bộ Ngoại giao

cũng đạt được những kết quả tích cực. Ngày 25-7-1994, Vua Gioóc-đa-ni Hút-xen Bin Ta-lan và Thủ tướng I-xra-en I. Ra-bin đã ký "Tuyên bố Oa-sinh-ton, chấm dứt tình trạng chiến tranh kéo dài 46 năm giữa hai nước".

Với những tiến triển ban đầu mau lẹ và tích cực như vậy, lẽ ra người Ả Rập và người Do Thái đã được hưởng hòa bình, Pa-le-xtin đã có một nhà nước độc lập và I-xra-en đã được sống trong an ninh bên trong đường biên giới của mình nhưng, rất tiếc là, sự việc không diễn ra như vậy. Ngọn lửa xung đột lại bùng cháy, máu của cả hai phía, đáng thương nhất là máu của những người dân vô tội lại đổ, tiến trình hòa bình đi vào bế tắc.

Nguyên nhân nào đã đẩy khu vực này đến bờ vực của chiến tranh như vậy ? Chúng ta hãy nhìn lại những diễn biến mới đây để tìm ra lời giải đáp cho câu hỏi này.

Nếu mọi việc diễn ra theo đúng thỏa thuận thì hôm nay chúng ta đã được chứng kiến sự ra đời của Nhà nước Pa-le-xtin và người Do Thái đã được sống trong an ninh và hòa bình. Tuy nhiên, các lực lượng cánh hữu ở I-xra-en mà đại diện của họ là Đảng Li-cút đã luôn luôn tìm cách cản phá tiến trình này. Còn Mỹ, người bảo trợ cho Hội nghị hòa bình, vì một lý do nào đó, đã thiếu thái độ khách quan và trong mọi trường hợp đã quá thiên vị I-xra-en. Tình trạng bạo lực hiện nay giữa Pa-le-xtin và I-xra-en bùng nổ từ tháng 10-2000 và ngày càng trở nên căng thẳng, đặc biệt từ khi A. Sa-rôn, Thủ lĩnh Đảng Li-cút cực hữu lên cầm quyền ở I-xra-en (tháng 3-2001) ; và tại Mỹ, ông G.W. Bu-sơ, người của Đảng Cộng hòa, lên cầm quyền. Chúng ta còn nhớ năm 1995, Thủ lĩnh Đảng Li-cút, Nê-ta-ny-a-hu, lên cầm quyền trong một cuộc bầu cử trước thời hạn, đã làm ngược lại với người tiền nhiệm của mình là Thủ tướng I. Ra-bin. Tình hình cũng lặp lại như vậy. Và bây giờ, khi Thủ lĩnh Đảng Li-cút, một viên tướng đã từng tham gia cả bốn cuộc chiến tranh lớn ở Trung Đông, đã trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công xâm

lược Li-băng năm 1982. Vừa lên cầm quyền ở I-xra-en, ông A. Sa-rôn cũng đã lật ngược lại toàn bộ tiến trình hòa bình và tất cả các thỏa thuận đã đạt được giữa I-xra-en và Pa-le-xtin. Quan trọng nhất là Thỏa thuận Ô-xlô và kết quả của các cuộc đàm phán giữa Chủ tịch Y.A-ra-phát và Thủ tướng E.Ba-rắc tại Trại Đa-vít từ 11 đến 25-7-2000 đã bị gác lại. Ý đồ của A. Sa-rôn là tiêu diệt các phần tử vũ trang Pa-le-xtin, phá hủy các cơ sở hạ tầng của chính quyền dân tộc Pa-le-xtin, loại bỏ Tổng thống Y. A-ra-phát và ban lãnh đạo Pa-le-xtin ; sau đó, sẽ triệu tập một "Hội nghị hòa bình" khu vực, thay cho Hội nghị Ma-đrít.

Lợi dụng sự kiện 11-9-2001 và cuộc chiến chống khủng bố, ông A.Sa-rôn đã dùng một lực lượng quân đội chính quy hùng mạnh được trang bị đến tận răng, mở cuộc tấn công đánh chiếm các thành phố, làng mạc của Pa-le-xtin ở bờ Tây sông Gioóc-đan, bao vây thành phố Ra-man-la - trung tâm chính trị và kinh tế của Pa-le-xtin. Và tồi tệ hơn nữa, các lực lượng của I-xra-en đã phong tỏa Tổng hành dinh của Tổng thống Y. A-ra-phát. Người ta đổ lỗi cho các hành động đánh bom liều chết của một số phần tử cực đoan Pa-le-xtin, coi đó là khủng bố để lấy cớ tiêu diệt các cơ sở của chính quyền Pa-le-xtin non trẻ, loại bỏ Tổng thống Y. A-ra-phát và các nhà lãnh đạo khác của Pa-le-xtin. Về vấn đề này, chính tiến sĩ Lep Grin-béc, người Do Thái, nhà chính trị - xã hội học, Giám đốc Viện nghiên cứu xã hội Hăm-phrây tại Trường đại học Tổng hợp Ben Gu-ri-ông của I-xra-en trong bài viết "Chủ nghĩa khủng bố nhà nước của I-xra-en" của mình, đã đặt câu hỏi : Đây là sự khác nhau giữa chủ nghĩa khủng bố nhà nước và các hành động "khủng bố" cá nhân ? Nếu như chúng ta hiểu được sự khác biệt này, chúng ta sẽ thấy được bản chất thật trong các chính sách của Mỹ tại Trung Đông và những thảm họa do nó gây ra sắp tới. Trong khi đang bị giam lỏng tại văn phòng của mình và bị các lực lượng chiếm đóng

I-xra-en giữ làm con tin, ông Y. A-ra-phát vẫn luôn bị ép buộc phải lên án "các vụ khủng bố" và đấu tranh chống "chủ nghĩa khủng bố", trong lúc đó, những người đánh bom "liều chết" bị gọi là những "kẻ khủng bố" thì chủ nghĩa khủng bố nhà nước của I-xra-en lại được các giới chức Mỹ gọi là "tự vệ".

Rõ ràng, nguyên nhân chính của tình hình căng thẳng hiện nay bắt nguồn từ các chính sách cực đoan của A. Sa-rôn và lập trường thiên vị I-xra-en của chính quyền G. W. Bu-sơ. Không ai ủng hộ những việc làm manh động của một số phần tử cực đoan của Pa-le-xtin đánh vào thường dân Do Thái, nhưng cũng phải thấy rằng các hành động hiếu chiến của I-xra-en đã đóng vai trò quan trọng dẫn tới các hành động này. Thật trớ trêu, chính những người Do Thái đã giết chết Thủ tướng I. Ra-bin của mình hồi tháng 11-1995, vì ông đã ký Thỏa thuận Ô-xlô với Pa-le-xtin và Hiệp định hòa bình với Pa-le-xtin và Gioóc-đan. Chính lực lượng vũ trang chính quy của I-xra-en cũng đã tiến hành ám sát nhiều nhà lãnh đạo của Pa-le-xtin.

Một cuộc xung đột có nguồn gốc lịch sử vô cùng phức tạp, lại có sự dính líu của nhiều bên, là nơi đan xen lợi ích của nhiều nước như cuộc xung đột Ả Rập - I-xra-en không dễ gì giải quyết trong một sớm, một chiều. Tuy nhiên, nếu các bên đều có quyết tâm và thiện chí, chiếu cố đến những lợi ích của nhau, thì vấn đề dù khó khăn đến đâu vẫn có thể giải quyết được.

Thực tế hơn nửa thế kỷ qua và những gì đang diễn ra hiện nay giữa I-xra-en và Pa-le-xtin cho thấy, chiến tranh không thể giải quyết được vấn đề. Việc sử dụng sức mạnh quân sự và bạo lực chỉ làm cho tình hình thêm căng thẳng và khoét sâu sự hận thù giữa người Ả Rập và người Do Thái. Điều đó đúng như ông Si-mông Pê-rét, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao I-xra-en, viết trong cuốn sách "Trung Đông mới" (The New Middle East)

được xuất bản gần đây, rằng : "Hòa bình là sự lựa chọn duy nhất cho người Do Thái và người Ả Rập khi bước vào ngưỡng cửa của thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới. Hòa bình là con đường duy nhất để ngăn chặn con cháu của mình tái phạm những sai lầm khủng khiếp của các thế hệ cha ông".

Yêu cầu cấp bách hiện nay là I-xra-en phải chấm dứt các hành động quân sự, rút quân khỏi tất cả các vùng lãnh thổ Pa-le-xtin, bạo động cần phải được chấm dứt, các bên tiếp tục trở lại bàn đàm phán nhằm tìm ra giải pháp công bằng, bền vững bảo đảm lợi ích của tất cả các bên liên quan. Cơ sở của giải pháp cho vấn đề này đã có sẵn. Đó là Nghị quyết 181 (1947) của Đại hội đồng Liên hợp quốc chia vùng đất tranh chấp để thành lập hai nhà nước, một của người Do Thái và một của người Pa-le-xtin. Đó là Nghị quyết 242 (1967) và 338 (1973) của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc quy định I-xra-en phải rút quân về đường biên giới trước tháng 6-1967, tức là trước khi xảy ra cuộc chiến tranh Trung Đông lần thứ ba. Đó là các thỏa thuận đã được ký kết giữa I-xra-en và Pa-le-xtin từ khi khai mạc Hội nghị hòa bình Ma-đrít năm 1991 đến nay ; trong đó quan trọng nhất là Thỏa thuận Ô-xlô (1993), Thỏa thuận Oai Rai-vơ (1998) và kết quả của các cuộc đàm phán cấp cao I-xra-en - Pa-le-xtin tại Trại Đa-vít giữa Thủ tướng E. Ba-rắc và Tổng thống Y. A-ra-phát hồi tháng 7-2000.

Hòa bình là nguyện vọng, đồng thời là lợi ích lớn nhất của các dân tộc ở Trung Đông. Các dân tộc Ả Rập và Do Thái không có con đường nào khác là cùng nhau chung sống hòa bình ở khu vực đã từng là một trong những cái nôi của nền văn minh nhân loại. Chúng ta hy vọng rằng, các bên liên quan sớm tìm ra giải pháp cho cuộc xung đột. An ninh của I-xra-en chỉ có thể được đảm bảo một khi nhân dân Pa-le-xtin được hưởng đầy đủ các quyền dân tộc cơ bản của mình ; trong đó, có quyền tự quyết, quyền hồi hương và quyền thành lập một Nhà nước Pa-le-xtin độc lập.□

HỘI NGHỊ NÔNG DÂN SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỎI TOÀN QUỐC LẦN THỨ II

Vừa qua tại Hà Nội, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức Hội nghị Nông dân sản xuất kinh doanh (SXKD) giỏi toàn quốc lần thứ II nhằm đánh giá những kết quả đạt được trong thời gian qua và bàn những nhiệm vụ trong thời gian tới. Tham dự Hội nghị có 242 đại biểu nông dân SXKD giỏi, xuất sắc của cả nước và 8 hội viên nông dân đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

Dự Hội nghị, có các đồng chí : Đỗ Mười, nguyên Tổng Bí thư, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng ; Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Thường trực Ban Bí thư ; Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ ; Tổng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương ; đại diện lãnh đạo các bộ, ban, ngành, lãnh đạo Đảng, chính quyền, lãnh đạo Hội Nông dân các tỉnh, thành ; đại biểu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và một số tổ chức quốc tế.

Theo Báo cáo tổng kết của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, 5 năm qua, phong trào nông dân thi đua SXKD giỏi tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng, ngày càng thu hút đông đảo các tầng lớp nông dân tham gia. Đến nay, đã có hơn 9,5 triệu lượt hộ nông dân đăng ký thi đua đạt danh hiệu nông dân SXKD giỏi (chiếm gần 69% số hộ nông nghiệp), tăng 18,9% so với năm 1998. Trong số này, trên 8,2 triệu lượt hộ đạt danh hiệu SXKD giỏi các cấp, tăng 37,1% so với năm 1998, chiếm trên 59% số hộ nông nghiệp cả nước. Phong trào đã phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau vượt khó khăn vươn lên xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng ; đang hướng tới một nền sản xuất hàng hóa lớn, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp ; thúc đẩy không chỉ sự hợp tác giữa nông dân với nông dân mà còn mở ra mối quan hệ hợp tác giữa nông dân với các cơ quan khoa học, các ngành kinh tế - kỹ thuật, các doanh nghiệp ; tăng cường khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ; tạo tiền đề cho phát triển văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng.

Báo cáo cũng chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm cần được giải quyết và khắc phục của phong trào ; nêu lên những kinh nghiệm, bài học bổ ích, làm sáng tỏ nhiều vấn đề mới về sản xuất, kinh doanh trong cơ chế thị trường ; đồng thời, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ đẩy mạnh phong trào nông dân thi đua SXKD giỏi, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo do Hội chủ trì trong 5 năm tới.

Hơn 30 báo cáo và ý kiến tham luận tại Hội nghị là những tấm gương, những kinh nghiệm quý báu, những bài học hay, bổ ích cho mọi hội viên, nông dân học tập, noi theo ; đồng thời, nghiêm túc nhìn nhận những mặt còn khiếm khuyết, yếu kém trong thời gian qua để giúp các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền khắc phục, rút kinh nghiệm tổ chức, chỉ đạo phong trào trong những năm tới đạt kết quả cao hơn.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Phan Diễn đánh giá cao kết quả phong trào nông dân thi đua SXKD giỏi ; sự lãnh đạo, chỉ đạo của các bộ, ban, ngành, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong việc giúp đỡ nông dân phát triển sản xuất, thi đua SXKD giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu ; ghi nhận những đóng góp to lớn của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới. Đồng chí cũng chỉ ra một số phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu mà Hội nông dân Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các bộ, ban, ngành liên quan cần nắm vững và thực hiện tốt trong thời gian tới :

- Hướng phong trào thi đua SXKD giỏi vào việc tổ chức, hướng dẫn nông dân, chuyển đổi nhanh cơ cấu sản xuất, chuyển dịch mạnh kinh tế nông thôn.

- Hội Nông dân Việt Nam cần tích cực vận động nông dân tham gia phong trào " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ", đẩy mạnh hơn nữa phong trào xây dựng " Gia đình nông dân văn hóa ", làng, xã văn hóa ; thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp ; tham gia giải quyết từ cơ sở những xích mích, khiếu nại ở nông thôn, góp phần tích cực vào việc giám sát hoạt động, góp ý kiến xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

- Hội Nông dân Việt Nam kết hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ban, bộ, ngành tiếp tục xây dựng giai cấp nông dân vững mạnh về mọi mặt, xứng đáng với truyền thống vẻ vang, xứng đáng là lực lượng cơ bản trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các ngành và các đơn vị khoa học, giáo dục, văn hóa - xã hội cần hướng mạnh về nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ và khả năng của mình.

- Các cấp ủy đảng cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với các tổ chức của Hội Nông dân Việt Nam. Các cấp chính quyền, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần phối hợp chặt chẽ và tạo mọi thuận lợi để Hội Nông dân Việt Nam xây dựng tổ chức vững mạnh và hoạt động có hiệu quả hơn.

Thay mặt Chính phủ, đồng chí Nguyễn Tấn Dũng đề nghị các cấp của Hội và cán bộ, hội viên, nông dân cả nước mà nòng cốt là những hội viên nông dân SXKD giỏi, phối hợp với Chính phủ và các cấp chính quyền thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau :

- Đẩy mạnh và làm tốt việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa ; chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn, giải quyết việc làm ngay trên địa bàn nông thôn.
- Thực hiện tốt, có hiệu quả công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn phù hợp với quy hoạch tổng thể cả nước, với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của tiến bộ khoa học - công nghệ. Đồng thời, căn cứ vào lợi thế kinh tế và thị trường, khả năng cạnh tranh để xây dựng, quản lý, cập nhật và điều chỉnh quy hoạch.
- Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ vào sản xuất. Thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan trực tiếp đến nông nghiệp, nông thôn, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp.
- Phát huy dân chủ, tăng cường đoàn kết, ổn định chính trị - xã hội nông thôn và xây dựng nông thôn mới. □

HỘI NGHỊ RÚT KINH NGHIỆM 5 NĂM THỰC HIỆN PHONG TRÀO "QUẦN CHÚNG THAM GIA TỰ QUẢN ĐƯỜNG BIÊN, CỘT MỐC BIÊN GIỚI"

N GÀY 30-8-2002, tại thị xã Cao Bằng, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc tỉnh Cao Bằng phối hợp với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm 5 năm thực hiện phong trào "*Quần chúng tham gia tự quản đường biên, cột mốc biên giới*" (1997 - 2002). Tham dự Hội nghị có các đồng chí : **Dương Mạc Thăng**, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Bí thư Tỉnh ủy ; **Đàm Thơm**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ; **Hà Minh Trấn**, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh ; **TS. Đặng Vũ Liêm**, Bí thư Đảng ủy, Phó Tư lệnh chính trị Bộ đội Biên phòng ; Đại tá **Vũ Hiệp Bình**, Phó Chủ nhiệm chính trị Bộ đội Biên phòng ; các đại biểu đại diện cho các quân khu, cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng 6 tỉnh biên giới phía Bắc cùng một số cơ quan báo chí trung ương và địa phương.

Gần 20 bản tham luận được trình bày tại Hội nghị đã nêu bật ý nghĩa, vai trò, trách nhiệm của quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia và kinh nghiệm của các tỉnh, huyện, xã, xóm, bản, đồn biên phòng sau 5 năm thực hiện phong trào "*Quần chúng tự quản đường biên, cột mốc biên giới*".

Đường biên giới quốc gia nước ta tương đối dài, mỗi tuyến biên giới có đặc điểm riêng. Song, nhìn chung địa hình khu vực biên giới phần lớn là núi cao, rừng rậm, khí hậu khắc nghiệt, khó khăn cho việc phân bố dân cư, lao động sản xuất cũng như công tác kiểm tra, kiểm soát. Do những biến đổi qua nhiều thời kỳ khác nhau, biên giới quốc gia nước ta còn tồn tại nhiều vấn đề do lịch sử để lại liên quan tới các nước láng giềng chưa được đàm phán giải quyết dứt điểm ; có nơi, có chỗ còn chưa phân định dứt khoát và chính thức nên nhiệm vụ quản lý đường biên, mốc giới gặp rất nhiều khó khăn. Thực tiễn sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia những năm qua cho thấy, dù Bộ đội Biên phòng và các lực lượng liên quan khác có đông bao nhiêu thì cũng phải dựa vào "*trăm tai nghìn mắt*" của nhân dân để có những biện pháp và đối sách xử lý thích hợp, kịp thời.

Phong trào "*Quần chúng tham gia tự quản đường biên, cột mốc biên giới*" được khởi đầu từ quê hương cách mạng Cao Bằng và đã nhân rộng trên toàn tuyến biên giới phía Bắc trong 5 năm qua. Vào dịp kỷ niệm "*Ngày Biên phòng*", ngày 3-3-1995, Tỉnh ủy Cao Bằng ra chỉ thị về : "*Tiếp tục đẩy mạnh Ngày Biên phòng*", trong đó đề ra giải pháp cụ thể là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động quần chúng, phát động sâu rộng phong trào nhân dân các xã, xóm giáp biên giới trực tiếp nhận từng đoạn đường biên, cột mốc để phối hợp với Bộ đội Biên phòng cùng quản lý, bảo vệ. Sau khi rút kinh nghiệm làm điểm ở huyện Phục Hòa (trước là Quảng Hòa), Tỉnh ủy đã chỉ đạo tiếp tục triển khai trên diện rộng ở 42/42 xã với 145/145 xóm, bản giáp biên giới. Với những kết quả đạt được trong công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới và giữ gìn trật tự an toàn địa bàn biên phòng, phong trào đã khẳng định tính thiết thực và hiệu quả của nó.

Từ sáng kiến và bước đi, cách làm hiệu quả của Cao Bằng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã phối hợp với các địa phương nghiên cứu, triển khai tại các tỉnh biên giới phía Bắc : Lạng Sơn, Lào Cai, Hà Giang, Quảng Ninh, Lai Châu, Sơn La. Đến nay, 124/161 xã biên giới thuộc địa bàn 50/66 đồn biên phòng, với gần 9 000 hộ dân ở khu vực biên giới phía Bắc đã nhận tự quản đường biên, cột mốc biên giới. Việc tổ chức phong trào "*Quần chúng tham gia tự quản đường biên, cột mốc biên giới*" ở các tỉnh biên giới phía Bắc tuy có khác nhau về quy mô, bước đi, biện pháp, cách làm cụ thể nhưng nhìn chung qua khảo sát bước đầu cho thấy, phong trào đã tạo được những chuyển biến tích cực. Cụ thể là, không ngừng nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc trên biên giới về ý thức, trách nhiệm thiêng liêng và nặng nề đối với việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc ; công tác quản lý, nắm tình hình trên biên giới được tăng cường và có hiệu quả ; kết hợp tốt hơn mối quan hệ giữa tăng cường an ninh, quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội ; mối đoàn kết quân dân trong nhiều lĩnh vực ngày càng được củng cố, v.v.. Tuy nhiên, trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện phong trào còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót : chất lượng phong trào chuyển biến chưa đều ở các địa phương ; sự phối - kết hợp trong chỉ đạo và hành động của các cơ quan, đoàn thể chưa nhạy bén ; nhận thức của một bộ phận quần chúng về bảo vệ chủ quyền biên giới chưa thật sự sâu sắc... Hội nghị đã rút ra những kinh nghiệm thiết thực, bổ ích trong việc tiếp tục tổ chức và thực hiện phong trào "*Quần chúng tham gia tự quản đường biên, cột mốc biên giới*" ở các tỉnh biên giới phía Bắc, từ đó nghiên cứu, vận dụng trên các tuyến biên giới khác. □

CÔNG TY KHOÁNG SẢN QUẢNG NINH



Địa chỉ: 331 Nguyễn Văn Cừ, TP Hạ Long, Quảng Ninh

Điện thoại: 033.829587 - 033.625411

Công ty Khoáng sản Quảng Ninh được thành lập theo Quyết định số 984/QĐ-UB ngày 19-5-1995 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản.

CÁC LOẠI SẢN PHẨM CHÍNH:

- Quặng cao-lanh Pyrophyllit: 40-50 nghìn tấn/năm.
- Đất sét cao-lanh.
- Cát lọc nước, cát phun rửa, cát xây dựng.
- Nước khoáng thiên nhiên Number one.

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY
KS PHẠM VĂN HẠI**

Các sản phẩm của công ty đã xuất khẩu sang Nhật Bản, In-đô-nê-xi-a và được tiêu thụ rộng rãi trong cả nước.

CÁC XÍ NGHIỆP THÀNH VIÊN:

1. Mỏ cao-lanh Tấn Tài
Điện thoại: 033.879311
2. Mỏ sét cao-lanh Đức Sơn.
3. Xí nghiệp chế biến than tiêu dùng.
Điện thoại: 033.829548
4. Xí nghiệp khoáng sản Hoàn Bồ.
5. Xí nghiệp nước khoáng thiên nhiên Bãi Cháy.
Điện thoại: 033.847711



PHƯƠNG CHÂM CỦA CÔNG TY

UY TÍN

CHẤT LƯỢNG

HIỆU QUẢ

Dây chuyền sản xuất nước khoáng tinh khiết



CÔNG TY GIẤY TÂN MAI

Email: tanmai@hcm.vnn.vn. Website: www.tanmaipaper.com.vn

TRỤ SỞ CHÍNH:

PHƯỜNG THỐNG NHẤT,
TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI
ĐT: 061.822257,
FAX: 061.824915

HÀ NỘI:

CHI NHÁNH
Địa chỉ: 8 Thái Hà, Quận Đống Đa
ĐT : 04 8 57 43 46
Fax: 04 8 57 43 49

ĐÀ NẴNG:

CỬA HÀNG GIỚI THIỆU
VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM
Địa chỉ: 120 Đống Đa, Q. Hải Châu
ĐT: 0511 - 8 96479



- Giấy in báo
- Giấy viết
- Giấy in cao cấp
- Giấy photocopy
- Giấy bao gói
- Giấy hộp
- Giấy in, copy, giấy viết màu





BƯU ĐIỆN TỈNH TUYÊN QUANG

TUYÊN QUANG POSTS AND TELECOMMUNICATIONS

ĐC: ĐƯỜNG 17/8 PHƯỜNG MINH XUÂN, THỊ XÃ TUYÊN QUANG * ĐT: 027 822844, 822568 * FAX: 027 824186

BƯU ĐIỆN TỈNH TUYÊN QUANG CÓ CHỨC NĂNG:

Tổ chức, xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác mạng lưới bưu chính - viễn thông để kinh doanh và phục vụ theo quy hoạch, kế hoạch và phương hướng phát triển do Tổng Công ty trực tiếp giao. Đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ sự chỉ đạo của cơ quan đảng, chính quyền các cấp, phục vụ các yêu cầu thông tin trong đời sống kinh tế, xã hội của các ngành và nhân dân trên địa bàn tỉnh

Tuyên Quang và các nơi khác theo quy định của Tổng Công ty nhằm hoàn thành kế hoạch được giao;

Thiết kế mạng thuê bao, xây lắp chuyên ngành thông tin liên lạc.

Kinh doanh vật tư thiết bị chuyên ngành bưu chính - viễn thông

Kinh doanh các ngành nghề khác trong phạm vi pháp luật cho phép và thực hiện các nhiệm vụ Tổng Công ty giao.

HIỆN NAY, NGOÀI CÁC DỊCH VỤ TRUYỀN THÔNG,

BƯU ĐIỆN TỈNH TUYÊN QUANG ĐÃ MỞ CÁC DỊCH VỤ MỚI:

VỀ BƯU CHÍNH:

Dịch vụ: Chuyển tiền nhanh

Dịch vụ: Phát nhanh

Dịch vụ: Điện hoa

Dịch vụ: Bưu gửi khai giá

Dịch vụ: Bưu chính ủy thác

Dịch vụ: Bưu phẩm không địa chỉ

Dịch vụ: Tiết kiệm Bưu điện

Dịch vụ: Chuyển tiền điện từ Quốc tế (Moneygram)

VỀ VIỄN THÔNG:

Dịch vụ: Điện thoại Vinaphone trả tiền trước và trả tiền sau

Dịch vụ: Điện thoại thẻ (Cardphone) Việt Nam

Dịch vụ: 108 giải đáp thông tin kinh tế- xã hội

Dịch vụ: Nhắn tin Việt Nam

Các dịch vụ: Internet 1260, 1268, 1269, 1260P

Các dịch vụ đặc biệt của tổng đài điện thoại điện tử.

**ĐẾN
VỚI
BƯU
ĐIỆN
TỈNH
TUYÊN
QUANG**



**QUÝ
KHÁCH
SẼ ĐƯỢC
PHỤC VỤ
TẬN
TÌNH,
CHÂN ĐÁO**

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tân Thịnh - TP. Thái Nguyên * ĐT: (0280). 846 106 * Fax: (0280). 746 610

HIỆU TRƯỞNG: NGUYỄN THỊ LÊ THU

I. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO ĐÚNG MỤC TIÊU, YÊU CẦU, CÓ CHẤT LƯỢNG, ĐẠT HIỆU QUẢ CAO, ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI.

Bảo đảm thực hiện đầy đủ nội dung chương trình chuyên môn theo từng hệ đào tạo.

Tổ chức nghiên cứu, nắm vững chương trình và sách giáo khoa mới.

Bảo đảm có chất lượng về quy chế giảng dạy, quy chế học tập, các quy định về hồ sơ, giáo án của giáo viên, quy định về thi, kiểm tra của học sinh, sinh viên, tổ chức thi học phần học kỳ có chất lượng, nghiêm túc.

Tiếp tục nâng cao nhận thức cho các giảng viên sư phạm, coi đổi mới là quá trình thường xuyên, liên tục và lâu dài.

Các tổ chuyên môn tiếp tục mở các hội thảo, chuyên đề về cải tiến phương pháp giảng dạy, nghiệp vụ ... để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo.

Tổ chức cho học sinh, sinh viên thi học sinh giỏi môn Mác-Lê-nin, pháp luật thực hành, toán, nghiệp vụ công tác Đội, thi giảng, thi kỹ thuật nấu ăn, cắm tỉa hoa, hội vui học tập...

Thường xuyên coi trọng công tác giáo dục toàn diện, giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ giảng viên, công nhân viên và học sinh, sinh viên.

II. XÂY DỰNG, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN.

1. Công tác xây dựng đội ngũ.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp giảng viên theo chức danh kết hợp với việc bố trí, sử dụng giáo viên hợp lý và có hiệu quả.

2. Công tác bồi dưỡng đội ngũ

Tính đến năm học 2002 - 2003, Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên có tỉ lệ cán bộ, giảng viên đạt chuẩn : 97% trong đó: trình độ đại học = 54%; trình độ thạc sĩ trở lên năm 2003= 46%(trong đó có 2 tiến sĩ).

III. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐÁP ỨNG TỐT YÊU CẦU NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO.

1. Năm học 2001- 2002, Trường Cao đẳng Sư phạm có 58 đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến kinh nghiệm, trong đó : 01 đề tài cấp ngành, 37 đề tài cấp trường, 20 sáng kiến kinh nghiệm.

2. Về cơ sở vật chất: Triển khai xây dựng tiếp 1 nhà ký túc xá khép kín 3 tầng, làm đường, cổng mới, trạm điện 250 kVA, tường rào bảo vệ, san sân vận động, làm 2 sân bóng chuyền, sửa nền nhà đa chức năng.

3. Tiếp tục xây dựng cảnh quan môi trường sư phạm, làm vườn hoa sân giảng đường, trồng thêm 1500 cây xanh, thường xuyên duy trì lịch vệ sinh toàn trường vào chiều thứ hai, thứ năm hằng tuần và phong trào lao động tình nguyện.

IV. CÔNG TÁC THI ĐUA

Năm học 2001- 2002, Trường CĐSP Thái Nguyên tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua. Ngay từ đầu năm học, Hội đồng thi đua nhà trường đã tiến hành tổ chức thi cán bộ giảng viên, công nhân viên và học sinh, sinh viên đăng ký các danh hiệu thi đua với các danh hiệu và chỉ tiêu:

1. Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; đoàn thể xuất sắc.
2. Trường tiên tiến xuất sắc

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở QUẢNG NINH

Địa chỉ: đường Nguyễn Văn Cừ - Tp. Hạ Long - Quảng Ninh

Điện thoại: (033) 835 787 - 835 689 ; Fax: (033) 835 689 * GIÁM ĐỐC: VŨ MINH DIỄN

Năm 2002, Công ty Xây dựng và phát triển nhà ở Quảng Ninh được tỉnh giao giá trị sản lượng tăng 40%, so với năm 2001.

Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Sở Xây dựng, Công ty đoàn ngành Xây dựng Quảng Ninh cùng với những nỗ lực tìm kiếm việc làm sáng tạo trong điều hành sản xuất của Ban lãnh đạo Công ty, kết hợp với tinh thần đoàn kết phối hợp giữa Đảng - Ban giám đốc - Công đoàn thành một khối thống nhất, đã thực sự tạo niềm tin cho CBCNV Công ty yên tâm lao động, phấn đấu hoàn thành tốt công việc được giao.

Ngoài sức mạnh về nguồn nhân lực được đào tạo có chuyên môn, Công ty còn có nguồn vốn và thiết bị máy thi công đủ điều kiện thực hiện thi công xây lắp và các dự án tôn tạo mặt bằng, đầu tư chiều sâu máy ép cọc siêu tĩnh, giải quyết gia cố nền móng khu nền đất yếu, nhất là vùng đất lấn biển Quảng Ninh. Đặc biệt, Công ty có khả năng đáp ứng đủ vốn ban đầu để

thi công các công trình chậm vốn; do đó, được khách hàng đánh giá có năng lực đáng tin tưởng giao thầu một số công trình trọng điểm.

Hiện nay, Công ty đã và đang thực hiện xây dựng các công trình:

- + Trung tâm thương mại Hạ Long
- + Nhà hiệu bộ trường TH chuyên ban Uông Bí
- + Khu tự xây bến đò Cẩm Phả
- + Khu giảng đường Trường chính trị tỉnh
- + Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh...

Đến nay, qua sơ kết sáu tháng đầu năm 2002, Công ty Xây dựng và phát triển nhà ở Quảng Ninh đã đạt giá trị tổng sản lượng 36.000.000 đồng, tăng 150% so với cùng kỳ năm ngoái. Với sức mạnh đoàn kết của cả một tập thể và sự phấn đấu hết mình vì sự lớn mạnh của Công ty, tin rằng CBCNV Công ty Xây dựng và phát triển nhà ở Quảng Ninh sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao

CÔNG TY HÓA CHẤT

76

ĐỊA CHỈ XÃ KIỀU KỊ - HUYỆN GIA LÂM - HÀ NỘI

DIỆN THOẠI : 04. 8276386 - 8766109. FAX : 04 8276406

GIÁM ĐỐC : ĐẠI TÁ PHẠM VĂN HÙNG



Công ty Hóa chất 76 (BQP) được thành lập năm 1971 có nhiệm vụ sản xuất cơ khí hóa chất, phục vụ quốc phòng và kinh tế dân sinh. Trên 30 năm phấn đấu và trưởng thành nhờ sự quan tâm hỗ trợ của các cấp bộ đảng và chính quyền, Công ty luôn luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, sản phẩm đạt chất lượng cao, có uy tín trong quân đội và trên thị trường trong nước và quốc tế. Công ty luôn giữ được sự ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh vươn lên theo sự phát triển chung trong cơ chế thị trường.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ :

- + Sản xuất các mặt hàng phục vụ quốc phòng
- Sơn các loại, sơn quân sự, sơn chống hà...
- Tãng vải bạt các loại.
- Bao cát quân sự, lưới ngụy trang, tấm phủ ngụy trang
- Nhựa, bao nhựa quân sự
- + Sản phẩm phục vụ kinh tế dân sinh
- Vỏ bao xi-măng các loại
- Vỏ bao PP các loại
- Sản xuất các loại bạt xuất khẩu
- Túi siêu thị xuất khẩu

NHỮNG THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- Huân chương Chiến công hạng nhất - nhì - ba
- Huân chương Lao động hạng nhất - nhì - ba
- Cờ, Bằng khen của Tổng cục chính trị
- Cờ, Bằng khen của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam
- Công ty được tặng thưởng cờ luân lưu của Thủ tướng Chính phủ
- Sản phẩm sơn quốc phòng 76 được Bộ KHCHNT tặng Huy chương vàng chất lượng cao.
- Sản phẩm của công ty đạt 9 Huy chương vàng qua các thời kỳ tham gia Hội chợ triển lãm quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam.

QUẢNG NINH

Địa chỉ: 539 Lê Thánh Tông - Thành phố Hạ Long

Điện thoại: 033.826 619; Fax: 033.827 666

BƯU ĐIỆN TỈNH

ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG HẠNG NHẤT HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT



Nhà trung tâm Bưu điện tỉnh Quảng Ninh

I- BƯU CHÍNH

- ✱ Với 49 bưu cục, 119 ki-ốt, 104 điểm Bưu điện Văn hóa xã. Ngoài các dịch vụ truyền thống của ngành, Bưu điện Quảng Ninh phát triển nhiều dịch vụ mới với chất lượng cao.
- ✱ Chuyển tiền nhanh, trả tại nhà.
- ✱ Chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế EMS, PCN, DHL...
- ✱ Điện hoa chúc mừng hoặc chia buồn.
- ✱ Phát hành báo chí dài hạn hoặc bán lẻ.
- ✱ Dịch vụ tiết kiệm Bưu điện.

II- VIỄN THÔNG

- ✱ Kết nối với mạng truyền dẫn quốc gia bằng viaba số băng

rộng, cáp quang SDH.

- ✱ Mạng truyền dẫn nội tỉnh thiết bị chuyển mạch, tất cả các bưu cục đến tỉnh đều sử dụng kỹ thuật số hiện đại. Tính đến tháng 6-2002 toàn tỉnh có trên 87.000 máy điện thoại, đạt mật độ 8,4 máy/100 dân, 133/133 xã có máy điện thoại.
- ✱ Mạng nhắn tin (PAGING), nhắn tin hiển thị số 1570, phủ sóng toàn tỉnh.
- ✱ Mạng điện thoại di động phủ sóng 12/14 thành phố, huyện, thị xã trực thuộc tỉnh.
- ✱ Mạng truyền số liệu.
- ✱ Dịch vụ 108, 161, Internet và thông tin kinh tế biển.
- ✱ Cho thuê kênh thông tin và các thiết bị lẻ.

Đến với Bưu điện tỉnh Quảng Ninh quý khách sẽ được phục vụ tận tình, chu đáo, an toàn, tiện lợi

CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG NINH



**GIÁM ĐỐC
ĐẶNG HẢI SÂM**

ĐỊA CHỈ: 158 ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔNG- TP. HẠ LONG- QUẢNG NINH

ĐIỆN THOẠI: (033) 825.208 - 826.545 * FAX: (84.033) 825.018

- * Được thành lập tháng 10 năm 1992
- * Thế mạnh của Công ty: Tổ chức thị trường trong nước, cung cấp những mặt hàng chính sách, mặt hàng địa phương.
- * Cùng với xu thế hoà nhập, Công ty đã đầu tư xây dựng một số siêu thị, dịch vụ cao cấp tại Thành phố Hạ Long như: Trung tâm Thương mại Quảng Ninh với diện tích sử dụng 3400 m² được khai thác triệt để. Hiện Công ty tiếp tục đầu tư mô hình siêu thị và văn phòng tại Quảng trường Chợ Hạ Long...

Công ty Thương mại Quảng Ninh mong muốn được hợp tác với tất cả bạn bè trong và ngoài nước

GẠCH MEN CAO CẤP HẢI DƯƠNG

HUY CHƯƠNG VÀNG HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN 2002

Gạch men cao cấp Hải Dương nhận hiệu HADE là sản phẩm của Công ty Xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị Hải Dương, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của hãng SACMI-I-ta-li-a nổi tiếng thế giới.

Sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu đất sét Trúc Thôn (Chí Linh - Hải Dương) và men màu của Tây Ban Nha, I-ta-li-a, kết hợp giữa công nghệ hiện đại với truyền thống gốm sứ Hải Dương.

Gạch men cao cấp



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT NHÀ MÁY GẠCH MEN CERAMIC

Hải Dương đoạt Huy chương Vàng tại hội chợ "Hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn 2002" và giải Cúp vàng tại hội chợ triển lãm "Triển vọng Việt Nam 2001-2010" tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2001.

Với hình thức đẹp, mẫu mã phong phú, hoa văn trang nhã, gạch men cao cấp Hải Dương đã và đang được khách hàng khắp cả nước tin dùng.

Công ty chúng tôi sẵn sàng cung cấp sản phẩm đến chân công trình theo yêu cầu của quý khách hàng.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Công ty xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị Hải Dương: Km2 Đường Nguyễn Lương Bằng - Tp. Hải Dương ; Điện thoại: (0320) 890 492 ; Fax: (0320) 891 717 - **GIÁM ĐỐC CÔNG TY: KS. PHẠM BÁ TIẾN**



NHÀ MÁY ĐÓNG TÀU HẠ LONG

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG GIẾNG ĐÁY - TP. HẠ LONG - QUẢNG NINH

TEL: 84-33-846556 * GIÁM ĐỐC: 84-33-846219 * FAX: 84-33-846044

Nhà máy đóng tàu Hạ Long trực thuộc Tổng Công ty công nghiệp tàu thủy Việt Nam, được thiết kế và xây dựng với sự giúp đỡ của Cộng hòa nhân dân Ba Lan đã chính thức đưa vào sản xuất từ năm 1976.

Nhà máy có dây chuyền công nghệ đóng tàu được thiết kế theo kiểu đa tuyến khép kín cùng với hệ thống nhà xưởng xây dựng trên diện tích 178,970 m² và các trang thiết bị máy móc tiên tiến hiện đại, hệ thống chiếu sáng và thông gió đảm bảo cho hoạt động sản xuất liên tục 24 giờ/ngày.

Với đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật và các công nhân lành nghề được đào tạo ở các nước có nền công nghiệp đóng tàu phát triển. Từ năm 1976 đến nay, Nhà máy đã đóng mới hàng loạt phương tiện vận tải thủy có trọng tải từ 1000T đến 3500T và có khả năng đóng mới tàu có trọng tải 5000 DWT theo công suất thiết kế.

Hiện nay, Nhà máy có một hệ thống âu tàu dài 280m, hệ thống cầu tàu dài 480m cho phép tàu có tự trọng 5000T cập bến sửa chữa và bốc xếp hàng hóa, hệ thống đã đảm bảo đưa tàu có tự trọng 1500MT lên sửa chữa, cùng một hệ thống kho bãi 5500m² được bảo đảm an toàn.

Nhà máy đóng tàu Hạ Long có đủ điều kiện chế tạo các thiết bị phụ kiện lắp cho tàu thủy, máy neo điện 6000kg, xích neo ϕ 18-90, cầu xuống cầu sinh 4000kg. Chế tạo các loại cửa kín nước, cửa chống cháy, bảng điều khiển điện báo chống cháy tự động, máy lái các loại... Gia công thiết kế và lắp ráp các cấu kiện thép cho các ngành khai thác dầu khí, xây dựng, xi măng, hóa chất... Đồng thời cung cấp khí CO₂, N₂ dùng trong công nghiệp và y tế đạt tiêu chuẩn chất lượng cao.



Tàu chở khí hóa lỏng LPG 2500m³ được đóng mới tại Nhà máy



VIỆN CHĂN NUÔI

NATION INSTITUTE OF ANIMAL HUSBANDRY

THÀNH TÍCH

- * HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG HAI
- * HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA
- * HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT
- * HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG HAI
- * 10 HUY CHƯƠNG VÀNG
- * 1 GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH
- * 2 GIẢI THƯỞNG CỦA NHÀ NƯỚC
- * 85 BẰNG LAO ĐỘNG SÁNG TẠO



CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VÀ DỊCH VỤ

- Chọn tạo các giống vật nuôi cao sản : trâu, bò, gà, vịt, ngan, ngỗng, ngựa, dê, thỏ, đà điểu, gấu, hươu, nai, cá sấu...
- Dinh dưỡng, thức ăn chăn nuôi, công nghệ sử dụng khí bi-ô-ga

- Công nghệ sinh học, thụ tinh nhân tạo trong chăn nuôi
- Phân tích thành phần dinh dưỡng thức ăn trong chăn nuôi
- Chế biến các sản phẩm trong chăn nuôi
- Đào tạo cán bộ sau đại học ngành chăn nuôi.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ: VIỆN CHĂN NUÔI - XÃ THUY PHƯƠNG - HUYỆN TỪ LIÊM - HÀ NỘI

Tel: (04) 8389267 * Fax : 04.8389775 * Email : niah@netnam.vn * Website : <http://www.vcn.vnn.vn>

Địa chỉ: Nhà E3, 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (04) 768 0500

Fax : (04) 768 1347

Email: iti@vnu.edu.vn

Website:

<http://www.iti.vnu.edu.vn>

Viện trưởng: GS.TSKH Đinh Dũng



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ:

Nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, quản trị điều hành hệ thống mạng máy tính chung của Đại học Quốc gia Hà Nội VNUnet.

Đào tạo chuyên gia chất lượng cao ở bậc tiến sĩ và tham gia đào tạo đại học, cao học ngành công nghệ thông tin

Viện Công nghệ Thông tin - ĐHQGHN đào tạo theo các chương trình đào tạo nghề nghiệp (lập trình viên cao cấp, chuyên gia phân tích hệ thống...), bồi dưỡng, nâng cao trình độ khoa học - công nghệ, phổ cập công nghệ mới và cấp các chứng chỉ cho học viên tốt nghiệp các chương trình này.

Đặc biệt, tiếp nối Dự án Hợp tác Kỹ thuật Nhật - Việt về đào tạo công nghệ thông tin Việt Nam (1997 - 2002), Viện phối hợp cùng Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản - JICA, thực hiện các khóa đào tạo đặc biệt về công nghệ thông tin cho cán bộ

quản lý của tất cả các cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước, doanh nghiệp trong và ngoài quốc doanh. Các khóa đào tạo này được tiến hành trong 3 năm, mỗi năm 3 khóa, bắt đầu từ năm 2002.

CÁC KHÓA ĐÀO TẠO :

Với phương châm: chất lượng và hiệu quả, các khóa đào tạo chú trọng đến thời lượng thực hành, đảm bảo cho học viên có kiến thức cụ thể về chương trình đã học, kỹ năng thực hành và có khả năng làm việc độc lập.

- Kỹ năng khai thác Internet : 3 ngày
- Cơ bản về sử dụng máy tính : 15 ngày
- Nhập môn về mạng máy tính và công nghệ Internet : 15 ngày
- Thiết kế và quản trị mạng : 15 ngày
- Cơ sở dữ liệu và xây dựng ứng dụng Internet : 15 ngày
- Hệ thống PC Client/ Server : 20 ngày
- Hệ thống Unix Client/ Server : 20 ngày
- Quản lý dự án CNTT : 10 ngày

Ngoài ra Viện Công nghệ Thông tin còn nhận đào tạo theo yêu cầu của các tổ chức kinh tế xã hội trong và ngoài nước.



CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH QUẢNG NINH

ĐC: Số 2 Kim Hoàn - Bạch Đằng - Tp. Hạ Long * ĐT: (033) 825 355 - 824 676 * Fax: (033) 824 676

GIÁM ĐỐC: ĐỖ MẠNH HẢI

Năm 2001, Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện nộp ngân sách trên 10,2 tỉ đồng tăng 27,15% kế hoạch được giao; sáu tháng đầu năm 2002, Công ty đã giao nộp ngân sách được 11 tỉ 451 triệu đồng bằng 104% kế hoạch năm 2002. Trong khi hoạt động xổ số tại khu vực miền Bắc đang có xu hướng chững lại, hiệu quả kinh doanh của Xổ số kiến thiết tỉnh Quảng Ninh thực sự là một tín hiệu đáng mừng.

Để đạt được những thành tích trên, trước hết phải kể đến sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Sở Tài chính vật giá, sự phối kết hợp của các cấp, các ngành trong tỉnh và Hội đồng Xổ số kiến thiết miền Bắc; đặc biệt là sự chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, dám nghĩ dám làm của CBCNV Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh Quảng Ninh.

Xác định mục tiêu và nhiệm vụ phải thực hiện, Công ty đã triển khai hàng loạt các biện pháp nhằm kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường hiệu quả kinh doanh. Hướng tới phục vụ các đối tượng đa dạng, Công ty đã phát hành đồng thời ba loại hình: vé số XSKT biết kết quả ngay, lô-tô và XSKT truyền thống; kịp thời đưa các ứng dụng công nghệ tin học vào quản lý và thông tin đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, đồng thời phát huy thế mạnh của từng loại hình vé.

Trước tình hình tệ nạn số đề, máy xèng... thâm

nhập vào hàng ngũ đại lý, Công ty phối hợp với các cơ quan chức năng như công an, văn hóa-thông tin tổ chức nhiều chiến dịch kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm. Đồng thời, Công ty áp dụng các chính sách kinh tế hợp lý cùng sự quan tâm kịp thời, chu đáo, giúp cho các đại lý ngày càng yên tâm gắn bó với công việc. Từ 1532 đại lý bán vé năm 2001 đến 2002 con số này đã tăng lên trên 1700 đại lý.

Hoạt động trên địa bàn tương đối rộng lại không tập trung, việc mở rộng thị phần luôn là nhiệm vụ khó khăn đối với Công ty. Ngoài việc tập trung khai thác ở các địa bàn trọng điểm: Hạ Long-Cẩm Phả-Uông Bí-Móng Cái, việc kết hợp linh hoạt giữa bán vé với các loại hình dịch vụ khác ở các vùng sâu, vùng xa vừa góp phần mở rộng thị phần vừa giúp tăng thêm thu nhập cho các đại lý.

Xổ số là một loại hình kinh doanh đặc biệt, trong đó lợi nhuận kinh doanh đóng góp một phần không nhỏ vào xây dựng các công trình phúc lợi xã hội. Thông qua công tác trả thưởng, Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh Quảng Ninh đã động viên người trúng thưởng đóng góp hàng trăm triệu đồng vào quỹ phúc lợi. Để công khai nguồn thu từ xổ số, Công ty đề nghị với tỉnh và các huyện, thị xã được phép gắn biển một số công trình có đóng góp từ nguồn thu xổ số, từ đó giúp cho nhân dân quan tâm, hiểu biết hơn và tích cực tham gia hoạt động xổ số kiến thiết.



Trường Văn hoá nghệ thuật - Du lịch Quảng Ninh được xây dựng bằng nguồn thu từ xổ số



Trường Thể dục - Thể thao Quảng Ninh được xây dựng bằng nguồn thu từ xổ số

S30

Khi mua bảo hiểm nhân thọ, Bảo Việt Nhân Thọ là chọn lựa tốt nhất

Vì:

Bảo Việt là doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt, hoạt động bảo hiểm đầu tiên ở Việt Nam, có tiềm lực tài chính vững mạnh.

Bảo Việt với hệ thống sản phẩm phong phú đáp ứng đầy đủ các hoạch định tài chính của khách hàng

Gia tăng sự hài lòng của khách hàng là mục tiêu tiên quyết của **Bảo Việt Nhân Thọ Miền Nam**. Chúng tôi chăm sóc chu đáo và ân cần nhất từ sinh hoạt thường ngày đến đời sống tinh thần.



CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ MIỀN NAM
185-187 Nguyễn Thái Học
Q. 1, Tp. HCM
ĐT: 8376886 - 8376903
Fax: 8376904



HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

NOV 06 2002

CURRENT SERIALS

29

10-2002

Digitized by eGangotri



CÔNG TY LIÊN DOANH XÂY DỰNG VIC

ĐỊA CHỈ: SỐ 27 PHAN CHU TRINH - HOÀN KIẾM - HÀ NỘI

DIỆN THOẠI: (84-4) 8.246 931 * FAX: (04) 8.240 286 * Email: hungvic@fpt.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN QUANG HƯNG

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:

- Nhận thầu thi công xây lắp:

- + Công trình công nghiệp và dân dụng
- + Công trình giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hầm, cầu cảng hàng không, sân bay, cầu cống...)
- + Công trình hầm mỏ, khai thác dầu khí, nước ngầm
- + Công trình thủy lợi, thủy điện, đường dây tải điện và trạm biến thế
- + Công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản
- + Công trình bưu điện, thông tin liên lạc
- + Các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và dân cư
- + Kinh doanh bất động sản
- + Thực hiện lắp đặt thiết bị công nghệ, thiết bị cơ điện hệ thống đường dây và trạm biến thế, thiết bị thông tin, thiết bị và đường truyền dẫn khí, chất lỏng, hệ thống cấp nước, thoát nước, phòng cháy chữa cháy, các công việc lắp đặt khác
- + Sản xuất kinh doanh bê - tông trộn sẵn
- + Cho thuê máy thi công xây dựng
- + Trang trí nội thất và ngoại thất các công trình

- Tư vấn xây dựng trên các lĩnh vực theo yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước

CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ VÀ ĐANG THI CÔNG:

- Nhà khách Chính phủ tại thành phố Hồ Chí Minh
- Trung tâm Thương mại quốc tế Kim Liên - Hà Nội
- Trung tâm Văn hóa thể thao Hà Nội - Bowling
- Trụ sở Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam-VIETCOMBANK TOWER
- Các nhà máy đường: Trị An, Tây Ninh, Sông Con
- Nhà máy xử lý sinh VINAX-Gia Lâm-Hà Nội
- 48 Trường tiểu học sử dụng vốn ODA Nhật Bản tại Hà Nam, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh
- Xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu đô thị mới Linh Đàm, Định Công, Trung Yên, Hồ Việt - Xô (Hà Nội)
- Cải tạo hạ tầng và xây dựng hạ tầng mới cho các khu văn hóa tại Văn Miếu-Quốc Tử Giám-Hà Nội, di tích Cố đô Huế, Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam (Hà Tây)
- Xây dựng đường dây tải điện và trạm biến áp điện tại Hà Nội và các tỉnh
- Thi công đường quốc lộ 14, đường Láng-Hòa Lạc, 90 km đường Hồ Chí Minh (thuộc Quảng Bình và Quảng Trị)
- Dự án khu đô thị mới "Thành phố giao lưu" tại Hà Nội...



Khu nhà ở CBCNV các Ban Đảng TW tại Sài Đồng - Gia Lâm - Hà Nội

Công trình Trung tâm Thương mại quốc tế Kim Liên - Hà Nội

Công trình trụ sở Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đường Trần Quang Khải - Hà Nội





THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 658

29

10-2002

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :
<http://www.tapchicongsan.org.vn>
[Email: bttccs@hn.vnn.vn](mailto:bttccs@hn.vnn.vn)

• Phó Tổng Biên tập phụ trách :
TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 - Hà Nội Đêm Giải phóng
Tranh bột màu của Lê Thanh Đức

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

- TRẦN ĐÌNH HOAN - 72 năm truyền thống vẻ vang của ngành
Tổ chức xây dựng Đảng 3
- NGÔ VĂN DUY - Văn phòng Trung ương Đảng tiếp tục phấn đấu
nâng cao chất lượng công tác tham mưu và phục vụ 9
- HOÀNG VĂN NGHIÊN - Thủ đô Hà Nội trên con đường đổi mới 16
- HỒNG VINH - Nâng cao hiệu quả tuyên truyền trên tạp chí về
kinh tế, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra 21

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- NGUYỄN ĐỨC MẠNH - Vị trí, vai trò của cán bộ, công chức nhà
nước trong sự nghiệp đổi mới 26
- NGUYỄN ĐĂNG DUNG - BÙI NGỌC SON - Lẽ làng xưa và
"lẽ làng" nay 32

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

- "Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Cán sự đảng các
cơ quan Trung ương" 37
- TẠ XUÂN ĐẠI - Báo cáo đề dẫn 43
- *** Tổng quan hội thảo

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

- HỒ VĂN NGA - Nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm
công nghiệp Hà Nội 48
- KHUẤT MINH PHƯƠNG - Công tác tư tưởng - văn hóa ở Đảng bộ
tỉnh Lâm Đồng 53

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

- MAI NINH - Nghe được dân nói 57

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

- TRẦN TRỌNG - Giô-han-ne-xbéc : Kết quả chưa mỹ mãn nhưng
đáng khích lệ 59

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN, THỰC TIỄN

- Chính phủ họp phiên thường kỳ, tháng 9-2002 63
- Tọa đàm khoa học : "Nâng cao hiệu quả tuyên truyền trên tạp chí
kinh tế" 64

СОДЕРЖАНИЕ

ЧАН ДИНЬ ХОАН: 72 года великолепной традиции Организационной области Строительства Партии. НГО ВАН ЗУ: Канцелярия Центрального Комитета КПВ продолжает повышать качество штабной и обслуживающей работы. ХОАНГ ВАН НГИЕН: Столица Ханой на пути обновления. ХОНГ ВИНЬ: Повышение эффективности экономической пропаганды в журналах с целью удовлетворения поставленным практическим требованиям. НГУЕН ДЫК МАНЬ: Место и роль государственных работников, служащих в курсе обновления. НГУЕН ДАНГ ЗУНГ – БУЙ НГОК ШОН: Деревенские обычаи раньше и «деревенские обычаи» сегодня. *** Научно-практический семинар: «Качественное повышение деятельности партийных отделов в центральных органах». ЧАН ЧОНГ: Йоханнесбург - результат был бы не очень удачным, но его стоит поощрять.

CONTENTS

TRẦN ĐÌNH HOAN: 72 years of glorious traditions of The Branch for Party Strengthening's Organisation. NGÔ VĂN DỤ: CPV Central Committee's Office continues to strive to enhance quality of the advice and service work. HOÀNG VĂN NGHIÊN: Capital Hanoi on the renovation path. HỒNG VINH: To enhance efficiency of agitation on economics in the review, satisfying the demands which derive from realities. NGUYỄN ĐỨC MANH: Stand and role of cadres, government employees in the renovation cause. NGUYỄN ĐĂNG DUNG – BÙI NGỌC SƠN: Former village customs and present-day village "customs". *** Scientific-pragmatic seminar: "To enhance quality of activity of the Divisions of Party's Core Cadres in the central bodies". TRẦN TRỌNG: Johannesburg - The results are not yet perfect, but worthy of encourage.

SOMMAIRE

TRẦN ĐÌNH HOAN: 72 années de la tradition glorieuse de la branche d'Organisation et d'Edification du Parti. NGÔ VĂN DỤ: Le cabinet du Comité central du Parti continue ses efforts afin d'améliorer son travail de consultation et de service. HOÀNG VĂN NGHIÊN: La capitale Hanoi en voie de renouveau. HỒNG VINH: Améliorer l'efficacité de la propagande dans les revues économiques pour répondre aux exigences de la pratique. NGUYỄN ĐỨC MANH: La place, le rôle des cadres et fonctionnaires d'Etat dans l'œuvre de renouveau. NGUYỄN ĐĂNG DUNG - BÙI NGỌC SƠN: Les coutumes villageoises d'autrefois et les "coutumes villageoises" d'aujourd'hui. *** Colloque Sciences-Pratique: "Amélioration de la qualité des activités du comité des cadres du Parti dans les organes centraux". TRẦN TRỌNG: Johannesburg - des résultats non satisfaisants mais encourageants.

SUMARIO

TRẦN ĐÌNH HOAN: 72 años de la tradición gloriosa de la rama de Organización y Edificación del Partido. NGÔ VĂN DỤ: El Buró del Comité Central del Partido continua esforzándose para elevar la calidad del trabajo de Consultación y de Servicio. HOÀNG VĂN NGHIÊN: La Capital Hanoi en el camino de renovación. HỒNG VINH: Mejorar la eficiencia de la propaganda en la Revista de economía para responder a las demandas propuestas por la realidad. NGUYỄN ĐỨC MANH: La posición y el papel del cuadro y funcionario del Estado en la obra de renovación. NGUYỄN ĐĂNG DUNG - BÙI NGỌC SƠN: Costumbres antiguas y "costumbres" actuales. *** Seminario científico-práctico: "Elevar la calidad de las actividades de la Comisión de funcionario del Partido en los órganos centrales". TRẦN TRỌNG: Johannesburg - El resultado aún no satisfecho pero estimulante.

目录

陈亨欢 党建组织部门72年光辉历程•吴文裕 党中央办公厅继续努力奋斗提高参谋和服务工作的质量•黄文砚 河内首都在革新的道路上•鸿荣 提高杂志有关经济宣传的效果 以满足实践的要求•阮德孟 干部 公务员在革新事业中的地位和作用•阮登榕—裴玉山 古乡俗和今“乡俗” *** 科学—实践研讨会 《提高各中央机关党组的活动质量》•陈仲 约翰内斯堡—不够圆满但值得鼓励的结果。



72 NĂM TRUYỀN THỐNG VẼ VANG CỦA NGÀNH TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG

TRẦN ĐÌNH HOAN*

ĐẢNG Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930) đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam, mở đầu truyền thống vẻ vang của Đảng, đồng thời cũng mở đầu cho sự hình thành và phát triển công tác tổ chức của Đảng ta.

Từ ngày thành lập đến nay, tuy có lúc phạm sai lầm, khuyết điểm ở mặt này, mặt khác, nhưng nhìn chung, Đảng ta đã quán triệt và thực hiện một cách đúng đắn và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng mang bản chất của giai cấp công nhân, phù hợp với thực tiễn Việt Nam ; coi trọng xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong đó xây dựng Đảng về chính trị đúng đắn là yếu tố có ý nghĩa quyết định ; xây dựng Đảng về tổ chức thực sự vững mạnh, bảo đảm vai trò lãnh đạo, thực hiện thành công đường lối chính trị của Đảng, đưa cách mạng nước ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, không ngừng tiến lên giành nhiều thắng lợi vẻ vang.

I - 72 năm truyền thống vẻ vang

1 - Công tác tổ chức trong thời kỳ Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng lực lượng

cách mạng và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)

Trong những năm 1930, 1931, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng là thông qua công tác tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia các phong trào đấu tranh với các hình thức và khẩu hiệu khác nhau để lựa chọn những người ưu tú kết nạp vào Đảng, xây dựng, củng cố các tổ chức của Đảng. Sau cao trào Xô-viết Nghệ - Tĩnh, công tác tổ chức tập trung vào bảo tồn lực lượng cách mạng, bảo vệ Đảng, khôi phục hệ thống tổ chức, tiếp tục phát triển đảng viên và các đoàn thể quần chúng, đấu tranh chống khủng bố của địch.

Giai đoạn 1936 - 1939, công tác tổ chức tích cực phát triển đảng viên, đưa đảng viên vào xí nghiệp, hầm mỏ, về khu phố, làng mạc, để vận động, tổ chức quần chúng đấu tranh.

Giai đoạn 1940 - 1945, Đảng trực tiếp lãnh đạo chuẩn bị khởi nghĩa và Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Tháng 9-1940 Nhật chiếm Đông Dương ; Nhật cấu kết với Pháp đàn áp cách mạng nước ta. Trước

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương

tình hình đó, Trung ương chủ trương chuyển các tổ chức đảng vào hoạt động bí mật một cách nhanh chóng, triệt để ; chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, biến nông thôn thành căn cứ địa cách mạng, đồng thời duy trì cơ sở ở thành thị ; chuẩn bị cho một thời kỳ mới, thời kỳ toàn dân nổi dậy đấu tranh, cầm vũ khí đánh giặc. Tháng 2-1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam, triệu tập Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa I tại Pắc Bó, Hà Quảng Cao Bằng, vào tháng 5-1941. Hội nghị quyết định nhiều vấn đề trọng đại của cách mạng, trong đó có vấn đề về tổ chức. Ngày 1-12-1941, Ban Chấp hành Trung ương ra Chỉ thị về công tác tổ chức của Đảng và đề ra phương châm công tác tổ chức là : "Rộng rãi, thực tế, khoa học", tập trung hoàn thành tốt những nhiệm vụ chủ yếu : củng cố, phát triển chi bộ đảng ; tăng cường tuyển chọn, đào tạo cán bộ ; thành lập Mặt trận Việt Minh và các thành viên của Mặt trận ; xây dựng các lực lượng vũ trang và bán vũ trang ; lãnh đạo các hình thức đấu tranh, chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang. Từ sau khi có Chỉ thị đó, công tác tổ chức đã được triển khai trên nhiều mặt, chú trọng tăng cường công tác phát triển đảng viên, kiện toàn bộ máy thống nhất của Đảng, gấp rút đào tạo cán bộ trong đó có cán bộ quân sự ; phát triển và củng cố Mặt trận Việt minh ; xây dựng, củng cố và mở rộng các khu căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang.

Đầu tháng 3-1945, phân tích mâu thuẫn sâu sắc Nhật - Pháp, nhận định Nhật sẽ đảo chính Pháp và đây sẽ là thời cơ rất thuận lợi cho cách mạng nước nhà, Thường vụ Trung ương ra bản Chỉ thị lịch sử : "Nhật -

Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta !". Bản Chỉ thị là cương lĩnh tổ chức và hành động, nhằm gấp rút chuẩn bị đầy đủ các điều kiện tiến tới Tổng khởi nghĩa. Ngày 16-8-1945, Đại hội quốc dân (họp tại Tân Trào, Sơn Dương, Tuyên Quang) ra lệnh Tổng khởi nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hơn 20 triệu nhân dân ta từ Bắc chí Nam đã đồng loạt vùng dậy tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa oanh liệt, giành chính quyền về tay nhân dân trong phạm vi cả nước.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; của đường lối độc lập tự chủ đầy sáng tạo của Đảng ta ; đồng thời, cũng là thành tựu rất to lớn về công tác tổ chức của Đảng và về tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân. Trong 15 năm (1930 - 1945), công tác tổ chức của Đảng đã có bước phát triển lớn, tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu về xây dựng đảng và tổ chức, vận động quần chúng tham gia các phong trào cách mạng. Từ 200 đảng viên khi mới thành lập, đến cuộc Cách mạng Tháng Tám - 1945, tuy chỉ có hơn 5 000 đảng viên, nhưng với đường lối chính trị đúng đắn và nghệ thuật chỉ đạo, tổ chức tài tình, được nhân dân nhiệt tình ủng hộ và tích cực tham gia các cuộc đấu tranh, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

2 - Công tác tổ chức trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Căn cứ vào thực tiễn và tiến trình phát triển của cách mạng, công tác tổ chức

của Đảng luôn kịp thời có sự điều chỉnh với những chủ trương, biện pháp phù hợp. Từ sau Cách mạng Tháng Tám đến cuộc kháng chiến toàn quốc vào cuối năm 1946, công tác tổ chức tập trung sức thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ mới của cách mạng trên các mặt : củng cố, xây dựng và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân ; tiến hành Tổng tuyển cử ; phát động phong trào cứu đói, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm và xây dựng đời sống mới ; phát triển Mặt trận và các đoàn thể cứu quốc ; xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang ; bảo vệ và phát triển Đảng ; gấp rút đào tạo đội ngũ cán bộ của Đảng, chính quyền, đoàn thể và lực lượng vũ trang. Để tránh sự tấn công của kẻ thù, bảo toàn lực lượng, Đảng đã có sách lược khôn khéo tuyên bố "tự giải tán" vào ngày 11-11-1945, thực chất là rút vào hoạt động bí mật, dưới hình thức tên gọi : "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác" ; đồng thời, tiếp tục củng cố chính quyền, mở rộng Chính phủ đoàn kết dân tộc theo Bản đề án tổ chức chính quyền các cấp đầu tiên do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo.

Trong những năm 1947 - 1954, công tác tổ chức của Đảng tập trung toàn bộ công sức tiến hành hai nhiệm vụ vừa kháng chiến vừa kiến quốc ; tập trung củng cố tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang. Ngày 31-8-1947, Bộ Tổ chức Trung ương (bao gồm một số ban : đảng vụ, công vận, nông vận, phụ vận, kiểm tra, kinh tế, tài chính, trừ bị đại hội...) được thành lập theo Nghị quyết số 10 NQ/TW của Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên thường vụ Trung ương Đảng, giữ chức Chủ nhiệm, đồng chí Lê Văn Lương phụ trách Ban Đảng vụ.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951) đã thông qua *Báo cáo chính trị, Báo cáo về tổ chức và Điều lệ Đảng* ; quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai và lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Báo cáo về công tác tổ chức và sửa đổi Điều lệ Đảng đã phân tích, làm rõ các vấn đề về tính chất giai cấp công nhân của Đảng, về mở rộng dân chủ, tăng cường tập trung và phát triển tự phê bình và phê bình. Thi hành Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng, ngày 16-4-1952, Ban Chấp hành Trung ương (khóa II) đã ra Nghị quyết số 09/ TW về thành lập các ban và tiểu ban của Trung ương, trong đó có Ban Tổ chức Trung ương (trước đó là Ban Đảng vụ) và cử đồng chí Lê Văn Lương làm Trưởng ban.

Trọng tâm của công tác tổ chức ở giai đoạn này tập trung thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước như : thực hiện giảm tô, cải cách ruộng đất ; chủ trương chỉnh Đảng, chỉnh quân. Ở thời kỳ này, bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, Đảng và công tác tổ chức của Đảng cũng đã từng bước nhận thức được những sai lầm, khuyết điểm trong các cuộc phát động giảm tô, cải cách ruộng đất và trong việc chỉnh đốn tổ chức.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là thắng lợi của đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng, đồng thời cũng là thắng lợi của công tác tổ chức xây dựng Đảng, xây dựng quân đội, xây dựng chính quyền nhân dân và các đoàn thể quần chúng trong thời kỳ vừa kháng chiến vừa kiến quốc.

3 - Công tác tổ chức trong thời kỳ cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và

đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà (1954 - 1975)

Công tác tổ chức của Đảng ở miền Bắc lúc này là xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức ; xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, tăng cường cán bộ cho mặt trận kinh tế, cho cách mạng miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế ; kiện toàn tổ chức và lề lối làm việc của các cơ quan đảng, nhà nước và các đoàn thể.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã vạch ra đường lối cách mạng của thời kỳ mới là : "Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc ; đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà...". Đại hội cũng đã tổng kết 30 năm công tác xây dựng Đảng ; thông qua Điều lệ Đảng (sửa đổi) ; giao cho Ban Chấp hành Trung ương căn cứ vào Điều lệ Đảng soạn thảo Điều lệ Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam để áp dụng cho các đảng bộ ở miền Nam Việt Nam.

Từ ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh, dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc. Cả nước có chiến tranh. Công tác tổ chức của Đảng đã chuyển hướng phục vụ hoàn thành tốt nhiệm vụ vừa xây dựng, chiến đấu bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, vừa chi viện cho miền Nam.

Sau phong trào đồng khởi năm 1960, cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới. Trung ương Cục miền Nam được thành lập, để trực tiếp lãnh đạo cách mạng ở miền Nam. Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam đã xây dựng và củng cố được hệ thống tổ chức từ Trung ương Cục

đến tận các tổ chức cơ sở đảng, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (từ năm 1954 đến năm 1975) là thắng lợi của đường lối chính trị, quân sự, ngoại giao đúng đắn và cũng là thắng lợi trong công tác tổ chức tài tình của Đảng ta.

4 - Công tác tổ chức từ năm 1975 đến nay

Ngay sau ngày miền Nam giải phóng, thống nhất đất nước, công tác tổ chức của Đảng đã nhanh chóng giải quyết hàng loạt vấn đề cấp bách như : xây dựng và củng cố hệ thống chính trị thống nhất của cả nước ; thực hiện sự thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (tháng 12-1976), lần thứ V (tháng 3 năm 1982) đã đi sâu tổng kết những vấn đề cơ bản về xây dựng đảng trong điều kiện mới ; thẳng thắn chỉ ra những ưu điểm và khuyết điểm trong sự lãnh đạo chính trị của Đảng gắn liền với những ưu điểm và khuyết điểm trong công tác xây dựng đảng về tư tưởng và tổ chức, trong đó "công tác tổ chức cũng rất trì trệ, chậm chuyển hướng, không đi kịp tình hình và nhiệm vụ" ; đồng thời, đề ra các quan điểm, chủ trương, giải pháp xây dựng đảng một cách toàn diện.

Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước từ năm 1986 đến nay, công tác tổ chức tập trung vào chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới ; đổi mới công tác tổ chức, cán bộ ; tiếp tục tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng ; kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên ; nâng cao ý thức bảo vệ Đảng ; chống đa nguyên, đa đảng.

Trong 27 năm qua, kể từ ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng, cả nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành sự nghiệp đổi mới đất nước, công tác tổ chức xây dựng Đảng đã bám sát đường lối chính trị của Đảng và thực tiễn tình hình đất nước, nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn thử thách, góp phần xứng đáng vào những thắng lợi to lớn của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

II - Những kinh nghiệm chủ yếu trong công tác tổ chức xây dựng Đảng

Trải qua 72 năm đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến chống giặc ngoại xâm, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và tiến hành sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, công tác xây dựng đảng về tổ chức không ngừng được duy trì và phát triển. Trong quá trình cách mạng, hệ thống các cơ quan tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức của Đảng ở các cấp ngày càng trưởng thành, tích lũy được nhiều kinh nghiệm phong phú. Bước đầu có thể rút ra một số kinh nghiệm chủ yếu sau :

Trước hết, giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tăng cường tính tiên phong của Đảng là yêu cầu cơ bản, có tính nguyên tắc đối với công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trong công tác tổ chức xây dựng đảng, cần nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Quán triệt và thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng ; kiên quyết chống mọi sự chia rẽ, bè phái, chuyên quyền độc đoán, buông lỏng kỷ luật, dân chủ cực đoan, dân chủ hình

thức. Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân ; giải quyết tốt mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa quốc tế và quốc gia, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc, thêm bạn, bớt thù.

Hai là, công tác xây dựng Đảng về tổ chức phải xuất phát từ đường lối chính trị của Đảng và kết hợp chặt chẽ với công tác xây dựng Đảng về tư tưởng.

Nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng thời kỳ, ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi loại hình cơ sở cần phải tuân thủ những quan điểm, nguyên tắc, chủ trương chung thống nhất nhưng cũng có những yêu cầu riêng khác nhau. Vì vậy, trên cơ sở nắm vững và kiên trì thực hiện các nguyên tắc cơ bản và chủ trương chung, công tác tổ chức xây dựng Đảng ở các cấp phải bám sát thực tiễn, vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức và các phương pháp công tác phù hợp. Phải chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức của Đảng ở các cấp từ Trung ương đến các cấp ủy địa phương và cơ sở ; đặc biệt phải chăm lo xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng và các chi bộ thực sự vững mạnh.

Ba là, nhận thức và thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, chăm lo xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, công tác tổ chức xây dựng Đảng phải thường xuyên đi sâu nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, cụ thể hóa các chế độ, quy chế, quy định trong tổ chức sinh hoạt đảng. Trước hết phải thực hiện đúng chế độ bầu cử dân chủ trong Đảng để lập ra các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ cơ sở đến

Trung ương theo định kỳ ; giữ vững chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Các tổ chức đảng phải lãnh đạo bằng nghị quyết và chịu sự giám sát, kiểm tra của các thành viên đã bầu ra mình. Các tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Các tổ chức đảng quyết định vấn đề thuộc trách nhiệm của mình, song không được trái với đường lối, chính sách, pháp luật và nghị quyết của cấp trên.

Kiên trì thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng. Để việc tự phê bình và phê bình đạt kết quả, phải tránh những lệch lạc đã từng mắc phải trước đây như bệnh giáo điều, "tả khuynh", quy chụp trong phê bình, hoặc cách làm qua loa, chiếu lệ. Sau tự phê bình và phê bình, mỗi tổ chức đảng, mỗi đảng viên phải có kế hoạch phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm ; kiểm tra, kết luận và xử lý kịp thời những sai phạm nếu có. Cấp ủy cấp trên phải hướng dẫn, kiểm tra, giúp đỡ tổ chức đảng cấp dưới chuẩn bị , tiến hành tự phê bình và phê bình, sửa chữa khuyết điểm.

Thường xuyên chăm lo củng cố khối đoàn kết thống nhất của toàn Đảng và của từng tổ chức đảng. Ở những nơi dễ xảy ra tình trạng mất đoàn kết phải tiến hành kiểm tra, xem xét, kết luận và xử lý kỷ luật đúng mức, kịp thời. Cần phân biệt rõ tình trạng mất đoàn kết phải xử lý với việc có những ý kiến khác nhau khi thảo luận, tranh luận.

Bốn là, nâng cao chất lượng công tác cán bộ để xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực lãnh đạo và hoạt động thực tiễn đáp ứng yêu cầu của từng thời kỳ cách mạng ; bảo đảm tính kế thừa và phát triển.

Đảng phải thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ ; bám sát

yêu cầu nhiệm vụ chính trị của từng thời kỳ để có quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ một cách thường xuyên ; đồng thời phải đi sâu nghiên cứu, dự báo tình hình để có phương hướng, chủ trương chuẩn bị cán bộ cho nhiệm vụ lâu dài. Tiến hành đổi mới, trẻ hóa cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn và có sự chuẩn bị chu đáo, kết hợp hài hòa giữa các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển, giữ vững đoàn kết nội bộ và sự ổn định về chính trị.

Quan điểm và phương pháp trong công tác cán bộ là phải khách quan, khoa học và công tâm. Xử lý đúng các mối quan hệ : giữa đức và tài, trong đó lấy đức làm gốc, tài là quan trọng ; giữa tiêu chuẩn và cơ cấu thì tiêu chuẩn là yếu tố hàng đầu, trên cơ sở tiêu chuẩn để xây dựng cơ cấu một cách hợp lý. Tích cực tiến hành việc luân chuyển cán bộ để đào tạo, rèn luyện cán bộ lãnh đạo một cách toàn diện. Cụ thể hóa, thể chế hóa nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ, giữ vững chế độ làm việc tập thể của các cơ quan lãnh đạo trong việc xem xét, quyết định về cán bộ. Xây dựng các cơ quan tham mưu vững mạnh để giúp cấp ủy làm tốt công tác cán bộ. Xây dựng và thực hiện các chế độ, chính sách cán bộ một cách nhất quán, công bằng, có lý, có tình. Thường xuyên quan tâm làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Năm là, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân ; bồi dưỡng và phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng, quyền làm chủ và lợi ích thiết thực của nhân dân ; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

Các tổ chức đảng cần có kế hoạch và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia ý

(Xem tiếp trang 25)

VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG TIẾP TỤC PHẤN ĐẤU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC THAI KIU VÀ PHỤC VỤ

NGÔ VĂN DỰ*

NGÀY 18-10 là Ngày Truyền thống của Văn phòng Trung ương và văn phòng cấp ủy. Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 72 năm ngày truyền thống lịch sử của mình và đón nhận Huân chương Sao Vàng. Đây là phần thưởng cao quý mà Đảng và Nhà nước trao tặng cho các thế hệ cán bộ Văn phòng "đã có công lao to lớn đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc" ⁽¹⁾ trong gần ba phần tư thế kỷ vừa qua.

Mở đầu truyền thống vẻ vang của công tác Văn phòng Trung ương và văn phòng cấp ủy là những công việc phục vụ cho việc chuẩn bị và tổ chức thành công Hội nghị thành lập Đảng (03-2-1930), Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 10-1930). Trong suốt thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng ta phải hoạt động bí mật, bị kẻ thù đàn áp khủng bố rất khốc liệt. Các hoạt

động văn phòng như: in ấn, phát hành, vận chuyển công văn, tài liệu, truyền đơn của Đảng, giao thông liên lạc đưa đón cán bộ, bảo vệ cán bộ, gây dựng tài chính của Đảng, xây dựng cơ sở, căn cứ cách mạng, phục vụ tổ chức hội nghị cho các đồng chí lãnh đạo Đảng... đều phải tiến hành trong điều kiện vô cùng khó khăn, gian khổ.

Các hoạt động Văn phòng trong thời kỳ này đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững mối liên hệ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với các xứ ủy, khu ủy, tỉnh ủy trong cả nước; khôi phục lại các mối liên hệ sau mỗi lần có đồng chí lãnh đạo Đảng ở Trung ương và địa phương bị kẻ địch bắt giữ, sát hại, các tổ chức đảng ở Trung ương, các xứ ủy, khu ủy, tỉnh ủy bị

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương

(1) Quyết định của Chủ tịch nước về việc tặng thưởng Huân chương Sao Vàng cho Văn phòng Trung ương Đảng

phá vỡ. Khi Bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, Người đặc biệt quan tâm đến công tác giao thông, liên lạc, vận động quần chúng, xây dựng căn cứ địa cách mạng. Được Bác và Thường vụ Trung ương trực tiếp tổ chức và chỉ đạo, các "đội công tác" (một trong những bộ phận tiền thân của Văn phòng Trung ương sau này) đã góp phần quan trọng vào việc hình thành, xây dựng các An toàn khu (ATK) của Trung ương, bảo vệ an toàn cho Trung ương Đảng và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng hoạt động ngay sát những trung tâm đầu não của kẻ thù. Những chiến sĩ cách mạng làm công việc văn phòng đã thầm lặng góp phần mình vào thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám lịch sử.

Sau Cách mạng Tháng Tám, trong hoàn cảnh "thù trong giặc ngoài", vận mệnh của cách mạng như "nghìn cân treo trên sợi tóc", Đảng phải rút vào hoạt động bí mật. Công tác văn phòng tiếp tục phục vụ Bác Hồ, Trung ương Đảng, lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng vượt qua hiểm nghèo, bảo vệ an toàn lãnh tụ và các cơ quan lãnh đạo của Đảng trong những ngày ta mới giành được chính quyền, trong điều kiện vô cùng ác liệt và nguy hiểm ở nội và ngoại thành Hà Nội cũng như trong suốt cuộc di chuyển từ Hà Nội lên chiến khu Việt Bắc khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Tháng 5-1947 là lúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bước vào giai đoạn quyết liệt. Tại chiến khu Việt Bắc, Văn phòng Trung ương Đảng được chính thức thành lập. Đây là một mốc son lịch sử trong truyền thống 72 năm xây dựng và trưởng thành của Văn phòng Trung ương

Đảng. Với quyết định này, Văn phòng Trung ương được Bác Hồ và Trung ương Đảng giao nhiệm vụ phục vụ Bác và Trung ương lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo kháng chiến. Văn phòng Trung ương đã phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp Trung ương Đảng, Bác Hồ soạn thảo các văn kiện, tài liệu quan trọng ; theo dõi, tổng hợp tình hình, đề xuất ý kiến với Trung ương ; tổ chức các công tác mật mã, điện đài, giao thông liên lạc, công tác hành chính quản trị phục vụ sinh hoạt và làm việc của các cơ quan Trung ương và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng.

72 năm, Văn phòng Trung ương đã trực tiếp tham gia phục vụ để Bác Hồ, Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo cách mạng nước ta phát triển qua các thời kỳ lịch sử : kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1947 - 1954) ; xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1954 - 1975) ; cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội từ năm 1975 và trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay. Suốt quá trình đó, Văn phòng Trung ương đã tham gia phục vụ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chuẩn bị và tổ chức thành công 8 kỳ Đại hội Đảng toàn quốc (từ Đại hội II năm 1951 đến Đại hội IX năm 2001) và hàng trăm Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, hàng nghìn cuộc họp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Bộ Chính trị ; đồng thời, phục vụ các đồng chí lãnh đạo nắm bắt tình hình, chỉ đạo giải quyết công việc hàng ngày của Đảng và Nhà nước.

Thông qua việc phục vụ các sự kiện chính trị lớn cũng như những công việc thường xuyên của Đảng, Văn phòng Trung ương luôn hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Các thế hệ cán bộ, nhân viên Văn phòng Trung ương, trong đó có những đồng chí hy sinh khi đang làm nhiệm vụ đã có những đóng góp vào quá trình hình thành, chuẩn bị, ban hành và chỉ đạo thực hiện nhiều quyết sách quan trọng của Đảng, góp phần tích cực vào thắng lợi chung của sự nghiệp cách mạng. Để có được những đóng góp quan trọng đó, trước hết là do Văn phòng Trung ương luôn nhận được sự chỉ đạo thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự quan tâm sâu sắc, trực tiếp và gần gũi của Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng. Thứ hai, do sự rèn luyện phấn đấu không mệt mỏi của các thế hệ cán bộ, nhân viên Văn phòng, sự phối hợp thường xuyên và có hiệu quả của các cấp ủy, tổ chức đảng, của văn phòng các cơ quan nhà nước và đặc biệt là sự thương yêu, tin cậy sự đùm bọc, giúp đỡ của nhân dân.

Đánh giá về hoạt động, về những đóng góp, cống hiến của Văn phòng Trung ương, Cố Tổng Bí thư Trường Chinh nói : *"Trong những năm qua, các đồng chí đã tận tụy phục vụ, góp phần vào thành công của các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, vào công việc chuẩn bị các cuộc Đại hội Đảng toàn quốc, làm tròn nhiệm vụ phục vụ Bộ Chính trị và Ban Bí thư trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo ; một lòng một dạ trung thành với Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban*

Bí thư, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, các chính sách, chế độ của Nhà nước ; đoàn kết, phối hợp công tác tốt giữa các bộ phận trong Văn phòng Trung ương và với các cơ quan bạn, giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước" (2). Nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười khẳng định : *"Đảng và Nhà nước đánh giá cao lòng trung thành, dũng cảm, tinh thần tận tụy, hy sinh, hết lòng, hết dạ vì sự nghiệp chung của cán bộ, đảng viên, nhân viên Văn phòng Trung ương Đảng qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng đầy gian khổ, khó khăn, góp phần vào thắng lợi chung vô cùng vẻ vang của cách mạng nước ta. Các đồng chí rất xứng đáng và vinh dự được nhận phần thưởng cao quý nhất của Đảng và Nhà nước ta trao tặng - Huân chương Sao Vàng"* (3).

Văn phòng Trung ương là cơ quan trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, có chức năng tham mưu, phục vụ Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là phục vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tổ chức điều hành công việc lãnh đạo của Đảng ; phối hợp, điều hòa hoạt động của các cơ quan tham mưu của Trung ương Đảng ; đồng thời, là một trung tâm thông tin tổng hợp phục vụ lãnh đạo. Để thực hiện chức năng trên, Văn phòng Trung ương có các nhiệm vụ chủ yếu sau đây :

Giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng và tổ chức

(2) Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Trường-Chinh tại Đại hội Đảng bộ cơ quan văn phòng Trung ương ngày 30-9-1986, trong cuốn sách *"Văn phòng Trung ương - 72 năm xây dựng và trưởng thành"*, tr 21

(3) Đỗ Mười - *Văn phòng Trung ương trên bước đường hoạt động và trưởng thành* - Sđd, tr 31

thực hiện quy chế làm việc, chương trình công tác ; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chuẩn bị các đề án trình Trung ương nhằm đáp ứng về yêu cầu, phạm vi, quy trình, tiến độ chuẩn bị và thể thức văn bản của đề án. Trực tiếp theo dõi, tổng hợp tình hình của các tỉnh ủy, thành ủy về lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương ; phối hợp với các ban Đảng nắm tình hình hoạt động của các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương để có căn cứ báo cáo kịp thời với Bộ Chính trị. Tổ chức công tác thông tin phục vụ sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, các cấp ủy, cơ quan Đảng trực thuộc Trung ương ; thống nhất quản lý, tổ chức khai thác có hiệu quả mạng tin học diện rộng của Đảng. Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tiếp dân tại trụ sở tiếp dân của Trung ương, tiếp nhận và chuyển giao cho các cơ quan có trách nhiệm giải quyết những đơn thư gửi đến Trung ương, kiến nghị với Ban Bí thư hướng xử lý một số vụ việc, đôn đốc, theo dõi kết quả giải quyết những vụ việc được Ban Bí thư giao. Tiếp nhận, quản lý, phát hành các tài liệu, văn kiện của Trung ương, thực hiện nghiêm ngặt chế độ bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước ; quản lý tập trung thống nhất phong lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác văn thư, lưu trữ trong các cơ quan Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trực tiếp quản lý kho lưu trữ của Trung ương Đảng. Phối hợp với ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các cơ quan có liên quan, phục vụ tốt nhất yêu cầu về các điều kiện, phương tiện làm việc tại

Trụ sở Trung ương Đảng, giữ vững thông tin liên lạc thông suốt, bảo đảm an ninh tuyệt đối Trụ sở Trung ương Đảng. Hướng dẫn, bồi dưỡng, trao đổi nghiệp vụ công tác Văn phòng đối với các văn phòng cấp ủy, các cơ quan Đảng trực thuộc Trung ương.

Như vậy, Cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng có chức năng và nhiệm vụ khác với các ban tham mưu của Đảng ở chỗ các ban này có chức năng chuyên sâu về từng lĩnh vực (như về công tác tổ chức cán bộ, công tác kiểm tra kỷ luật Đảng, công tác tuyên truyền giáo dục, công tác đối ngoại...). Chức năng của Văn phòng Trung ương chủ yếu là tham mưu về mặt tổ chức làm việc, điều hành công việc lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Điều này thể hiện qua nhiều khâu, nhưng tập trung nhất là việc chủ trì giúp xây dựng và tổ chức quy chế làm việc, chương trình công tác của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư là vấn đề cực kỳ quan trọng, nhằm giúp các cơ quan lãnh đạo và các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng để lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết các công việc đúng với thẩm quyền, trách nhiệm đã được quy định trong Điều lệ Đảng, bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng. Điều này có ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng mối quan hệ công tác, đến chất lượng, uy tín và hiệu quả hoạt động của các cơ quan lãnh đạo và các đồng chí lãnh đạo. Vì vậy, khi xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế, Văn phòng Trung ương

phải luôn bám sát vào những mục đích, nguyên tắc nói trên để thực hiện đúng và có hiệu quả chức năng tham mưu, giúp việc của mình.

Việc chủ trì giúp Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư *xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình làm việc toàn khóa* của Ban Chấp hành Trung ương, *chương trình làm việc hằng năm, hằng tháng, hằng tuần* của Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng là một nhiệm vụ trọng tâm của Văn phòng Trung ương trong chức năng tham mưu, giúp việc. Trên cơ sở tổng hợp, phân tích đề nghị của các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy và bám sát thực tiễn, Văn phòng Trung ương giúp Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xác định, lựa chọn đúng, trúng những vấn đề để đưa vào từng loại chương trình nhằm triển khai thực hiện đúng đắn, đầy đủ và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Giải quyết đúng đắn, kịp thời những vấn đề lớn, cơ bản, bức xúc cũng như những vấn đề đột xuất của đất nước và của Đảng ; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối nội, đối ngoại và công tác xây dựng Đảng ; chú ý đến trọng tâm, trọng điểm và đúng với trách nhiệm và thẩm quyền của mỗi cơ quan lãnh đạo. Sau khi chương trình được thông qua, Văn phòng Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư đôn đốc việc chuẩn bị các đề án, thẩm định các đề án (về thể thức văn bản, quy trình chuẩn

bị, nội dung đề án). Chỉ khi đề án đáp ứng được các yêu cầu đề ra mới trình các cơ quan lãnh đạo xem xét. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình bảo đảm được những yêu cầu như vậy sẽ góp phần quan trọng nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Ngoài hai khâu trọng tâm thường xuyên trên đây, Văn phòng Trung ương còn thực hiện *chức năng tham mưu* của mình qua việc giúp Bộ Chính trị thực hiện một số khâu công tác quan trọng như : chủ trì chuẩn bị báo cáo kiểm điểm hoạt động lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương trình trước Đại hội Đảng ; báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư để trình Ban Chấp hành Trung ương. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình tổng thể và chương trình cụ thể từng phiên họp của Đại hội Đảng toàn quốc và các hội nghị Trung ương ; tham gia chuẩn bị các vấn đề cần biểu quyết và giải trình tại Đại hội Đảng toàn quốc và các hội nghị Trung ương ; chủ trì hoặc tham gia biên tập các nghị quyết, chỉ thị của Đảng...

Ở Văn phòng Trung ương, chức năng tham mưu và phục vụ gắn bó chặt chẽ với nhau. Khi phục vụ các đồng chí Tổng Bí thư, Thường trực Ban Bí thư xử lý, giải quyết các công việc hàng ngày của Đảng, cán bộ Văn phòng phải thẩm định kỹ các văn bản trước khi trình và phải đề xuất ý kiến của mình về cách giải quyết. Khi giúp Thường trực Ban Bí thư tổ chức các phiên họp bộ Chính trị, Ban Bí thư, Văn phòng Trung ương phải kiến nghị thành phần đại diện các cơ quan, các chuyên gia cần mời

tham dự, những tài liệu cần thiết phải sử dụng, thứ tự và thời gian dành cho mỗi vấn đề..., chủ trì hoặc tham gia quá trình chuẩn bị và hoàn thiện các kết luận tại hội nghị để góp phần bảo đảm cuộc họp có chất lượng. Khi phát hành các văn bản của Trung ương, Văn phòng phải kiến nghị với lãnh đạo về thể thức văn bản, nơi gửi, độ bảo mật của tài liệu v.v... bảo đảm đúng với các quy định về phát hành các văn bản của Đảng.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang nỗ lực thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước, trong bối cảnh thế giới đang diễn biến phức tạp, cách mạng khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, phát huy truyền thống vẻ vang và kinh nghiệm của 72 năm qua, Văn phòng Trung ương đã xác định nhiệm vụ quan trọng của mình là : tiếp tục phấn đấu, nâng cao chất lượng công tác tham mưu, phục vụ, góp phần giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, theo các định hướng chủ yếu sau đây :

Một là, phối hợp chặt chẽ hơn với các bộ, ban, ngành, các cơ quan liên quan, nâng cao trình độ và ý thức trách nhiệm, không ngừng đổi mới, cải tiến lề lối và phong cách làm việc, phấn đấu làm tốt hơn nữa nhiệm vụ, tham mưu và phục vụ hoạt động của các cơ quan lãnh đạo Đảng. Góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Giảm bớt việc họp hành, tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra thực tế việc tổ chức thực hiện các đường lối, chủ

trương của Đảng giúp các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng giải quyết đúng, kịp thời công việc hàng ngày của Đảng.

Hai là, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ là một trung tâm thông tin tổng hợp khoa học phục vụ lãnh đạo, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi nắm chắc tình hình các tỉnh ủy, thành ủy, các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện và kết quả thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Qua đó, phát hiện những nơi làm tốt để tổng kết, phổ biến khuyến khích nhân rộng điển hình tiên tiến, những nơi làm chưa tốt và có lệch lạc, thiếu sót cần được uốn nắn ; đôn đốc các cơ quan thực hiện chế độ báo cáo với Trung ương theo quy định. Tiến hành việc biên tập, tổng hợp thông tin trước khi trình Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Làm tốt nhiệm vụ đó sẽ thực sự góp phần vào việc nâng cao chất lượng hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan lãnh đạo của Đảng, theo lời căn dặn quý báu của Bác Hồ khi Người đến thăm Văn phòng Trung ương trong dịp Tết Nguyên đán năm 1950 ở Chiến khu Việt Bắc : *"Công tác Văn phòng có tầm quan trọng đặc biệt, giúp cho cán bộ lãnh đạo nắm được tình hình. Cán bộ văn phòng nắm tình hình sai thì lãnh đạo sẽ giải quyết công việc không đúng. Văn phòng Trung ương giúp cho cơ quan lãnh đạo đầu não nắm tình hình trong Đảng, nên phải luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực công tác và giữ gìn bí mật"* ⁽⁴⁾.

(4) Văn phòng Trung ương Đảng 72 năm xây dựng và trưởng thành (1930 - 2002), tr 9

Ba là, hiện nay, trước sự diễn biến phong phú, nhanh chóng, phức tạp của tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh trong nước và quốc tế, trước sự phát triển bùng nổ của các phương tiện thông tin, trước những yêu cầu rất cao về cung cấp thông tin cho các cơ quan lãnh đạo Đảng, Văn phòng Trung ương phải làm tốt hơn, có chất lượng hơn công tác thông tin phục vụ lãnh đạo. Cần làm tốt hơn nữa từ việc tổ chức nguồn tin, khai thác thông tin, tới việc biên tập tổng hợp tin, sử dụng các công cụ, phương tiện hiện đại vào xử lý và vận chuyển thông tin, để có những thông tin có chất lượng, phản ánh trung thực, đúng đắn, đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình, nhất là những thông tin có tính chiến lược, giúp lãnh đạo nắm bắt và đánh giá đúng tình hình, chỉ đạo giải quyết đúng đắn, kịp thời các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

Bốn là, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của các thế hệ cách mạng trước, hoàn thành tốt những nhiệm vụ nặng nề nhưng hết sức vẻ vang của mình, mỗi cán bộ, nhân viên Văn phòng Trung ương cần không ngừng học tập tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức và năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ để trở thành những cán bộ có bản lĩnh chính trị, vững vàng trong mọi tình huống, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp của Đảng, của dân tộc. Tuyệt đối giữ gìn và bảo vệ sự bí mật của cơ quan lãnh đạo cao nhất của đất nước ; trung thực trong phản ánh tình hình với lãnh đạo và truyền đạt ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo tới các cấp, các ngành ; tận tụy, tận tâm với công việc,

đồng thời phải rất nhạy bén, sáng tạo trong phát hiện vấn đề và xử lý các vấn đề mới phát sinh. Khiêm tốn học hỏi, tìm tòi, đổi mới phương pháp và phong cách làm việc ; sử dụng thành thạo các công cụ, trang thiết bị hiện đại vào quá trình xử lý công việc ; giữ gìn phẩm chất đạo đức trước mọi cám dỗ của cơ chế thị trường. Giữ vững và phát huy nền nếp của Văn phòng Trung ương luôn là một tập thể đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc, trong đời sống và luôn luôn đặt nhiệm vụ hoàn thành tốt công tác tham mưu, phục vụ hoạt động của các cơ quan lãnh đạo của Đảng lên trên hết.

Vinh dự và tự hào về lịch sử và truyền thống vẻ vang, tập thể cán bộ, nhân viên Văn phòng Trung ương quyết tâm thực hiện có kết quả cao ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhân dịp kỷ niệm 72 năm Ngày Truyền thống của Văn phòng Trung ương : *"Tuyệt đối trung thành, đoàn kết, sáng tạo, tận tụy, chu đáo, giữ vững nguyên tắc công tác là phẩm chất và phương châm hành động của cán bộ, nhân viên Văn phòng Trung ương Đảng. Tôi mong các đồng chí tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của mình, phấn đấu cao hơn nữa, nhiều hơn nữa để Văn phòng Trung ương Đảng luôn xứng đáng là cơ quan tham mưu và giúp việc đắc lực của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng và nhân dân"*.⁽⁵⁾ □

(5) Văn phòng Trung ương - 72 năm xây dựng và trưởng thành, tr 15

Thủ đô Hà Nội

TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI

HOÀNG VĂN NGHIÊN*

TRONG suốt chiều dài lịch sử gần 1000 năm hình thành và phát triển, Thủ đô Hà Nội đã trải qua biết bao biến đổi thăng trầm. Tuy nhiên, ở trong bất kỳ giai đoạn nào, Thăng Long xưa và Hà Nội ngày nay luôn là nơi hội tụ của các "danh tài nghĩa sỹ" từ mọi miền đất nước, nơi hợp lưu của các dòng văn hóa của các dân tộc anh em, cùng với thời gian vun đắp nên truyền thống của Thủ đô "ngàn năm văn hiến". Cũng chính từ thực tế lịch sử đó, Hà Nội là nơi hội tụ, kế thừa và phát huy được những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam : kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu vì độc lập, tự do của tổ quốc, cần cù, thông minh, sáng tạo trong lao động xây dựng đất nước. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng vì độc lập tự do dân tộc và chủ nghĩa xã hội, những truyền thống tốt đẹp đó lại càng được phát huy cao độ.

Ngay từ ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 lịch sử, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương mà trực tiếp là Xứ ủy Bắc kỳ và Đảng bộ Hà Nội, nhân dân Thủ đô bằng tinh thần dũng cảm, ngoan

cường, đã tiến hành khởi nghĩa thành công một cách hết sức sáng tạo và độc đáo. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Hà Nội đã biến cuộc mít tinh ngày 17-8-1945 do Tổng hội công chức của chính quyền bù nhìn tổ chức thành cuộc mít tinh chào cờ Việt Minh, một cuộc biểu dương lực lượng hào hùng, mở đầu cho cuộc Tổng khởi nghĩa ngày 19-8-1945 để đến ngày 2-9-1945 tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Giặc Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, quân dân Thủ đô đã tiến hành cuộc chiến đấu 60 ngày đêm vô cùng quyết liệt và anh dũng. Thanh niên Hà Nội đã từng xung vào những đoàn quân Nam tiến chi viện cho Nam bộ, giờ lại thề "**Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh**", chiến đấu giữ từng căn nhà, góc phố, tiêu biểu là những chiến sỹ quyết tử của Liên khu I, đã viết nên những trang vàng truyền thống đầy tự hào của nhân dân Thủ đô. Sau tiếng súng mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc vào

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội

đêm 19-12-1946, lớp lớp thanh niên, trí thức, văn nghệ sỹ Thủ đô đã từ giả kinh thành khói lửa ra đi kháng chiến. Biết bao người con ưu tú của Thủ đô đã ngã xuống trên khắp các chiến trường của Tổ quốc để mang lại ngày chiến thắng huy hoàng, giải phóng Thủ đô 10-10-1954. Cùng với cuộc khởi nghĩa 19-8-1945, sự kiện ngày 10-10-1954 đã đánh dấu một bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử to lớn, mở ra một thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng và bảo vệ Thủ đô xã hội chủ nghĩa.

Sau hòa bình lập lại, phát huy truyền thống anh hùng trong kháng chiến, nhân dân Thủ đô đã lao động cần cù, thông minh, sáng tạo trong xây dựng và phát triển kinh tế, nhanh chóng mở mang công nghiệp, nông nghiệp và các ngành kinh tế khác, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế..., từng bước nâng cao đời sống của nhân dân, tạo niềm tin và sự cổ vũ lớn lao đối với đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh kiên cường cho sự nghiệp giải phóng.

Kẻ thù không ngừng mở rộng chiến tranh. Cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam ngày càng gay go, quyết liệt. Nghe theo lời kêu gọi của Đảng, của Bác Hồ, tuổi trẻ Thủ đô lại nô nức lên đường "*Xẻ dọc Trường sơn đi cứu nước*". Nhiều người con Hà Nội đã anh dũng ngã xuống trên con đường Trường sơn và trên khắp các chiến trường của miền Nam ruột thịt, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Trong lúc đó, ở Thủ đô cũng như trên toàn miền Bắc, đâu đâu cũng sục sôi khí thế cách mạng, vừa sản xuất, vừa chiến đấu với khẩu hiệu "*Tất cả vì tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*".

Khi đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh, điên cuồng ném bom Thủ đô, trong mưa bom, bão đạn, quân và dân Hà Nội đã hiên ngang đối mặt với quân thù, làm nên chiến thắng "*Điện Biên Phủ trên không*" trong 12 ngày đêm tháng chạp năm 1972 lịch sử, để Hà Nội trở thành "*Lương tri của thời đại*", là "*Thủ đô anh hùng của dân tộc Việt Nam anh hùng*". Thất bại ở cả hai miền, đế quốc Mỹ đã buộc phải ký Hiệp định Pa-ri, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo ở Việt Nam, đẩy nhanh các thể lực tay sai đến thất bại hoàn toàn.

Sau khi đất nước thống nhất, từ trong đổ nát của chiến tranh, nhân dân Thủ đô lại một lần nữa phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tiếp tục lao động cần cù, thông minh, sáng tạo, xây dựng lại Thủ đô và đã thu được nhiều thành tựu quan trọng.

Trong khoảng thời gian ngắn, nhiều cơ sở sản xuất bị tàn phá bởi chiến tranh đã được phục hồi. Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các ngành kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, v.v.. tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, do cơ chế bao cấp, các chính sách chưa tạo điều kiện để các ngành kinh tế phát triển nhanh chóng, đời sống nhân dân, trong đó có tầng lớp làm công ăn lương, tuy có được cải thiện nhưng thực sự vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn.

Trong bối cảnh đó, đường lối đổi mới của Đảng như một luồng gió mới, đã thổi bùng những tiềm năng sẵn có của Hà Nội. Cơ chế quản lý mới, thông thoáng và phù hợp quy luật phát triển đã dần dần phát huy mọi tài năng, trí sáng tạo của người dân Thủ đô, đưa công cuộc phát triển kinh tế, văn

hóa xã hội và xây dựng Thủ đô bước sang một giai đoạn mới với những thành quả tốt đẹp.

Trong suốt hơn 10 năm liền, Hà Nội luôn đạt tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trung bình của cả nước. Các lĩnh vực của nền kinh tế đều phát triển mạnh và bền vững. Cơ cấu kinh tế Thủ đô thay đổi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với tỷ trọng kinh tế công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ ngày càng tăng, tỷ trọng kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng giảm.

Trong ngành công nghiệp Thủ đô, nhiều xí nghiệp cũ được mở rộng, được trang bị máy móc và công nghệ mới ; nhiều xí nghiệp quốc doanh, tư doanh, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mới được xây dựng có trang thiết bị, công nghệ hiện đại đã làm cho ngành công nghiệp Thủ đô có bước thay đổi quan trọng, tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã đa dạng, phong phú, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước và vươn ra thị trường thế giới.

Ngành nông nghiệp Thủ đô được đầu tư lớn về thủy lợi, phân bón, bảo vệ thực vật... Nhiều thành tựu khoa học, trong đó có những thành tựu công nghệ sinh học, đã được áp dụng để tạo ra các giống cây, con mới có năng suất, chất lượng cao, làm cho thị trường thực phẩm, rau quả của Thủ đô ngày càng phong phú. Hà Nội đã từng bước hình thành các vùng chuyên canh trồng rau, hoa, cây ăn quả, chăn nuôi bò sữa, lợn hướng nạc, các vùng trang trại, v.v... Những kết quả ban đầu áp dụng công nghệ sạch trong chăn nuôi, trồng trọt mở ra khả năng

giải quyết vấn đề an toàn thực phẩm cho nhân dân Thủ đô. Trong những năm gần đây vấn đề quy hoạch các làng xã gắn với các vùng đô thị hóa đã được đặc biệt quan tâm. Thành phố cũng đầu tư lớn để cải tạo và nâng cấp hệ thống đường, trường, trạm, cung cấp điện, nước sạch, giải quyết vấn đề môi trường. Nông dân ở nhiều vùng nông thôn đã được thụ hưởng trực tiếp những kết quả của quá trình đô thị hóa. Bộ mặt nông thôn Thủ đô đã thay đổi nhiều, số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm đi.

Do kinh tế phát triển, các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao... cũng được đầu tư nhiều hơn và đã mang lại những thành tựu lớn. Ngành giáo dục Thủ đô có đủ mạng lưới rộng khắp từ giáo dục mầm non đến tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, các trường cao đẳng, dạy nghề. Hà Nội còn là nơi tập trung của hơn 40 trường đại học, cao đẳng, hàng trăm viện nghiên cứu chuyên ngành, trong đó tập trung số lượng lớn cán bộ khoa học có trình độ cao. Hà Nội cũng đang là thành phố dẫn đầu cả nước về thành tích phổ cập trung học cơ sở. Học sinh Hà Nội thông minh, học tập tốt, thường là lực lượng nòng cốt trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế. Nhiều em đạt thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực toán, tin học, ngoại ngữ, âm nhạc, hội họa, thể dục thể thao...

Ngành y tế Thủ đô phát triển mạnh mẽ, nhất là hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Hà Nội là nơi tập trung nhiều bệnh viện lớn với những chuyên ngành đạt trình độ cao. Hệ thống y tế phủ kín đến các phường, xã và có bác sỹ chăm lo việc khám,

chữa bệnh cho nhân dân. Thành phố Hà Nội cũng là địa phương thực hiện tốt các chính sách đối với thương binh, liệt sỹ, những người có công với cách mạng ; tổ chức chu đáo việc chăm sóc, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng ; thành lập các trung tâm nuôi dưỡng, giúp đỡ người tàn tật, người già cô đơn không nơi nương tựa, trẻ em lang thang cơ nhỡ. Chính nhờ kết hợp hài hòa tổng thể phát triển kinh tế với chăm sóc con người trong những năm qua, Hà Nội đã được xếp thứ nhất theo chỉ tiêu phát triển con người toàn diện (HDI) lần đầu tiên được xem xét ở tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước. Tình hình chính trị của Thủ đô luôn luôn ổn định, trật tự an toàn xã hội đảm bảo, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân Thủ đô đã được cải thiện rõ rệt.

Thành tựu nổi bật nhất của Thủ đô trong những năm vừa qua là trong lĩnh vực quản lý, xây dựng và phát triển đô thị. Từ một thành phố nhỏ bé với hạ tầng kỹ thuật đô thị rất thấp kém, Hà Nội ngày nay đã có hệ thống đường giao thông được mở rộng hơn rất nhiều lần so với trước đây. Nhiều công trình lớn về cấp, thoát nước, điện sinh hoạt, công viên cây xanh, v.v.. đã và đang được triển khai. Đặc biệt, trong những năm gần đây, Thành phố quan tâm nhiều đến vấn đề xây dựng quy hoạch để chỉ đạo quá trình phát triển đô thị. Từ quy hoạch định hướng phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thành phố đã hoàn tất quy hoạch 12 quận, huyện và nhiều quy hoạch chuyên ngành. Đã hình thành các cơ chế chính sách về xây dựng các khu đô thị mới, cải tạo các khu tập

thể cũ, các chính sách quản lý đất đai, bán, cho thuê nhà ở cho cán bộ công nhân viên, người có thu nhập thấp, nhà ở cho sinh viên, v.v... Những cơ chế chính sách mới tạo sự thông thoáng cho hoạt động của các doanh nghiệp, đồng thời bảo đảm sự quản lý và điều tiết của nhà nước từng bước được hoàn thiện. Mô hình nhà chung cư cao tầng với các loại căn hộ đa dạng, có tiện nghi tốt đã dần dần được nhân dân chấp nhận. Hàng loạt dự án phát triển đô thị với hàng trăm nhà cao tầng đang triển khai, mở ra khả năng giải quyết nhu cầu nhà ở ngày càng tăng của nhân dân Thủ đô. Hiện tại trên địa bàn thành phố đang gấp rút triển khai nhiều dự án lớn như nút giao thông Ngã Tư Vọng, Ngã Tư Sở, Bưởi, Kim Liên, Nam cầu Thăng Long, đường vành đai III, đường Kim Liên - Ô Chợ Dừa, đường Láng Hạ, đường 5 kéo dài, cầu Thanh Trì, những công trình phục vụ cho SEA Games 2003, v.v.. Ngoài ra còn rất nhiều dự án khác cũng đang được tích cực chuẩn bị triển khai, hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, như dự án cầu Nhật Tân, khu đô thị Bắc Sông Hồng, dự án kè vỡ, trị thủy và quy hoạch phát triển khu vực bãi hai bờ sông Hồng, dự án phát triển vận chuyển hành khách bằng đường sắt trên cao, trên mặt đất và trong lòng đất, cùng với nhiều dự án tôn tạo, chỉnh trang phố cổ, phố cũ, các di tích, các công trình văn hóa, lịch sử, công viên cây xanh và các khu vui chơi giải trí.

Với những thành tựu về xây dựng và phát triển đô thị, Hà Nội ngày nay đã khác xa những năm trước đây. Hà Nội đã, đang và sẽ ngày càng văn minh hơn, hiện đại hơn.

Chính do những thành tựu to lớn đó, năm 1999 Hà Nội là thành phố duy nhất ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương được tổ chức UNESCO công nhận là **"Thành phố vì hòa bình"**. Năm 2000, nhân dịp kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội, Đảng, Nhà nước đã phong tặng Hà Nội danh hiệu cao quý **"Thủ đô anh hùng"**.

Kỷ niệm 48 năm Ngày giải phóng Thủ đô (10-10-1954 - 10-10-2002), mỗi người dân Hà Nội có quyền tự hào về truyền thống của Thủ đô anh hùng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, truyền thống đó đã được phát huy hơn bao giờ hết và đã tạo nên những thành tích vẻ vang trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong công cuộc xây dựng hòa bình.

Ở giai đoạn phát triển mới, bên cạnh những thuận lợi, Thủ đô Hà Nội cũng đang đứng trước những khó khăn, thách thức to lớn. Quá trình phát triển kinh tế cùng với sức ép của sự tăng dân số cơ học đang đặt ra những vấn đề lớn phải giải quyết về công ăn việc làm, nhà ở, giao thông đô thị, trường học, bệnh viện, các nhu cầu về văn hóa tinh thần, vui chơi giải trí..., nhất là trong bối cảnh kinh tế khu vực và trên thế giới đang trong xu thế hội nhập với tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt. Bên cạnh đó, những chính sách để điều hành một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều bất cập. Thực tế đó đòi hỏi Thủ đô hơn lúc nào hết, phải phát huy hơn nữa truyền thống thông minh, sáng tạo, có những quyết sách mạnh mẽ trong chỉ đạo, điều hành, tăng cường hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, nhanh chóng nâng cao

khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, giữ vững sự phát triển ổn định, bền vững.

Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 15-12-2000 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô trong thời kỳ 2001 - 2010 đã xác định vị thế của Thủ đô Hà Nội : *Là trái tim của cả nước, đầu não chính trị, hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế.*

Để đạt được mục tiêu trên, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XIII đã xác định nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay cũng như sắp tới của Thủ đô : *bảo đảm ổn định vững chắc về chính trị, trật tự an toàn xã hội ; phát triển kinh tế - khoa học công nghệ, văn hóa - xã hội toàn diện, bền vững ; xây dựng về cơ bản nền tảng vật chất - kỹ thuật và xã hội của Thủ đô xã hội chủ nghĩa giàu đẹp, văn minh, thanh lịch, hiện đại, đậm đà bản sắc ngàn năm văn hiến ; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ; tích cực chuẩn bị tiền đề của kinh tế tri thức ; phấn đấu trở thành một trung tâm ngày càng có uy tín ở khu vực, xứng đáng với danh hiệu "Thủ đô anh hùng".*

Với truyền thống của Thủ đô ngàn năm văn hiến, dưới ánh sáng các nghị quyết của Đảng, nhân dân Hà Nội sẽ phát huy hơn nữa truyền thống anh dũng, kiên cường trong đấu tranh cách mạng, cần cù, thông minh, sáng tạo trong lao động sản xuất vì mục tiêu xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, nhân dân có đời sống ấm no, hạnh phúc, để Hà Nội xứng đáng với niềm tin yêu, hy vọng của đồng bào, chiến sỹ cả nước và bạn bè quốc tế. □

NÂNG CAO HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN TRÊN TẠP CHÍ VỀ KINH TẾ, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỰC TIỄN ĐẶT RA

HỒNG VINH (*)

TRONG những năm gần đây, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức giao ban định kỳ mỗi quý một lần đối với khối các tạp chí, chủ yếu là các tạp chí chính trị - lý luận; khoa học - nhân văn và một số tạp chí chuyên ngành nhằm cung cấp thông tin, trao đổi kinh nghiệm, định hướng tuyên truyền, bàn biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động của các tạp chí. Hiện nay, ở nước ta có 333 tạp chí, bao gồm nhiều lĩnh vực. Hình thức giao ban tạp chí như hơn hai năm qua không có điều kiện đi vào các lĩnh vực chuyên sâu. Thực hiện gợi ý của nhiều tạp chí, muốn có những buổi trao đổi kinh nghiệm chuyên sâu ở từng lĩnh vực để có điều kiện học hỏi kinh nghiệm của nhau, vào quý II năm 2002, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã tổ chức thành công buổi sinh hoạt khoa học với chủ đề: *"Các tạp chí lý luận - chính trị với việc tuyên truyền các nghị quyết của Đảng"*. Theo hướng đó, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức Tọa đàm khoa học: *"Nâng cao hiệu quả tuyên truyền trên các tạp chí kinh tế"*.

Qua ý kiến của nhiều đại biểu, Tọa đàm này không những có tác dụng thiết thực đối với mỗi tạp chí, mà còn nêu lên một số kinh nghiệm, giúp cho việc tổ chức sinh hoạt của các tạp chí chuyên ngành sắp tới đạt kết quả tốt hơn. Hiện nay, ở nước ta có gần 30 tạp chí chính tuyên truyền về kinh tế. Có thể tạm chia thành ba mảng lớn: 1 - các tạp chí đề cập toàn diện các vấn đề kinh tế: Tạp chí Cộng sản, Con số và Sự kiện, Nghiên cứu kinh tế, Kinh tế và Phát triển, Phát triển kinh tế; 2 - các tạp chí chuyên ngành: Tài chính, Ngân hàng, Thủy sản, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công nghiệp, Thương mại...; 3 - tạp chí không chuyên ngành kinh tế nhưng đề cập đến các vấn đề kinh tế: Du lịch, Di sản, Đo lường và Chất lượng v.v... Có thể khẳng định rằng, cùng với quá trình đổi mới báo chí cả nước nói chung, các tạp chí kinh tế nói riêng trong những năm gần đây có tiến bộ rõ rệt cả về nội dung và hình

(*) Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam

thức. Một số tạp chí tăng số lượng phát hành, tăng trang, tăng kỳ như: Tạp chí Cộng sản hiện nay phát hành 3 kỳ một tháng, tạp chí Thương mại phát hành 3 kỳ một tháng và đến tháng 10-2002 tăng lên 4 kỳ một tháng, tạp chí Tài chính tăng từ 32 trang lên 64 trang. Các tạp chí: Con số và Sự kiện, Thuế Nhà nước... tăng số lượng phát hành. Nội dung thông tin, tuyên truyền trên các tạp chí ngày càng phong phú, đa dạng. Phần lớn các tạp chí in đẹp, sáng sủa, thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, từng bước tạo nên bản sắc của mình.

Có khá nhiều tạp chí kinh tế đã cố gắng đề cập những vấn đề lớn, quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế của nước ta. Đặc biệt, từ sau Đại hội IX của Đảng, một số bài đăng trên các tạp chí kinh tế đã để lại dấu ấn trong lòng bạn đọc. Thông qua hoạt động thực tiễn, nhiều tạp chí đã khẳng định được chỗ đứng của mình trong làng tạp chí. Sự phát triển của các tạp chí trong thời gian qua đã khẳng định vai trò quan trọng của nó đối với sự phát triển kinh tế của đất nước. Điều đó được thể hiện:

Thứ nhất, các tạp chí là cơ quan tham gia nghiên cứu, phát triển lý luận, cụ thể hóa các quan điểm kinh tế của Đảng và Nhà nước ta trong hoạt động thực tiễn.

Thứ hai, cùng với nghiên cứu lý luận, phân tích, lý giải căn cứ khoa học, các quan điểm chủ trương kinh tế của Đảng trong lĩnh vực kinh tế, các tạp chí kinh tế đã chú trọng tổng kết thực tiễn, phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của các chủ trương, chính sách kinh tế, phát hiện và giới thiệu mô hình làm kinh tế giỏi trong các thành phần kinh tế, ở tất cả các lĩnh vực trên mọi miền đất nước.

Thông qua hoạt động thực tiễn, các tạp chí kinh tế đã chứng minh tính đúng đắn của các quan điểm, đường lối kinh tế của Đảng ta.

Thứ ba, đường lối chính sách của Đảng ta dựa trên căn cứ lý luận và cơ sở thực tiễn của đất nước, là sự tập trung trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân. Đường lối, chính sách đó vì lợi ích của đất nước và của nhân dân nên sớm đi vào cuộc sống. Tuy nhiên, đường lối, chính sách dù có chi tiết đến đâu cũng không thể bao quát hết tính đa dạng, phong phú và sự phát triển của thực tiễn, do đó phải qua thực tiễn để kiểm nghiệm. Cùng với giới thiệu những thành tựu của đất nước, khẳng định tính đúng đắn của các đường lối, chính sách, các tạp chí kinh tế đã kịp thời phát hiện những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn để đề xuất, kiến nghị, giúp cho cơ quan chức năng có thêm căn cứ để điều chỉnh, bổ sung chính sách phát triển kinh tế kịp thời. Các tạp chí kinh tế không những đã góp phần tích cực đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống mà còn đưa cuộc sống vào nghị quyết.

Thứ tư, cùng với chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, Đảng ta thực hiện nhất quán chính sách tạo môi trường thuận lợi để thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Trong những năm qua, chúng ta đã bổ sung, điều chỉnh Luật Đầu tư nước ngoài, tạo cơ sở pháp lý và ban hành những chính sách thông thoáng để khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài vào nước ta để đầu tư và chuyển giao công nghệ. Trong lĩnh vực này, hơn 10 năm qua chúng ta đã đạt được kết quả quan trọng. Báo chí nói chung, đặc biệt là các tạp chí kinh tế nói riêng là kênh thông tin rất quan trọng, giới thiệu với bạn bè thế giới và với các nhà đầu tư nước ngoài chủ

trường của Đảng và chính sách của Nhà nước ta về đầu tư nước ngoài, giới thiệu những thành tựu của công cuộc đổi mới, phản ánh những đổi thay to lớn trên tất cả những lĩnh vực, xóa đi mặc cảm của một số người nước ngoài về Việt Nam sau chiến tranh. Qua những bài, tin trên các tạp chí kinh tế đã gián tiếp hoặc trực tiếp góp sức vào việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, làm cho các nhà đầu tư tin tưởng, yên tâm khi vào nước ta làm ăn.

Đảng ta đã xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Thực hiện tinh thần đó, trong thời gian qua, các tạp chí kinh tế đã góp phần tích cực vào thành tựu kinh tế - xã hội, của đất nước. Tuy nhiên, so với yêu cầu đang đặt ra hiện nay, đòi hỏi các tạp chí kinh tế phải tiếp tục có những đổi mới cải tiến mạnh mẽ hơn nữa để nâng cao chất lượng tuyên truyền. Muốn vậy cần tập trung một số điểm :

Một là, từng tạp chí cần bám sát thực tiễn đang vận động để phân tích, lý giải những vấn đề nóng bỏng do thực tiễn đặt ra. Chúng ta đã đi được 1/3 đoạn đường của nhiệm kỳ Đại hội IX của Đảng. Trong gần 2 năm qua, trên lĩnh vực kinh tế có chuyển biến tích cực, đang lấy lại đà tăng trưởng. Một số lĩnh vực đạt chỉ tiêu đề ra. Tuy nhiên, nhìn chung trước mắt còn nhiều khó khăn, thử thách. Tám tháng đầu năm 2002, chúng ta mới đạt xấp xỉ 7% GDP, như vậy từ giờ đến cuối năm phải phấn đấu mỗi tháng đạt từ 7,1 - 7,2% thì mới thực hiện được mục tiêu tăng trưởng cả năm là 7,3%. Xuất khẩu đến nay mới đạt 10,3% tỉ USD/16 tỉ USD năm 2002 ; xuất khẩu gạo giảm 24% ; rau quả giảm 40%... Càng đi vào hội nhập kinh

tế quốc tế, đi liền với thuận lợi, chúng ta càng thấy rõ những khó khăn, thử thách. Sau vụ Hoa Kỳ kiện ta bán phá giá cá Tra, cá Basa, gần đây các nhà nuôi tôm miền Nam nước Mỹ đang chuẩn bị hồ sơ kiện một số nước, trong đó có nước ta với lý do cho rằng đã bán phá giá tôm trên thị trường nước Mỹ, rồi Chính phủ Mỹ cũng nhắc ta phải đàm phán ngay việc xuất khẩu hàng dệt - may... Ở trong nước, thiên tai liên tiếp xảy ra. Lũ quét ở Hà Giang, Tuyên Quang, Lâm Đồng. Đặc biệt là lũ quét và lụt lớn, một hiện tượng mà hơn 70 năm nay mới có, vừa diễn ra tại Hà Tĩnh và Nghệ An. Lũ lụt ở các địa phương trên cả nước đã cướp đi nhiều sinh mạng con người và thiệt hại nhiều tài sản trị giá hàng tỉ đồng. Rồi lũ lụt ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long liên tiếp xảy ra những năm gần đây cũng gây ra nhiều thiệt hại. Một số chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước chậm đi vào cuộc sống. Hiện nay, có nhiều doanh nghiệp chưa đủ điều kiện xuất khẩu vào thị trường nước Mỹ ; việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp đạt kết quả thấp ; nghị quyết về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn chậm được triển khai ở nhiều nơi. Tình hình trên đặt ra những khó khăn, thử thách mới đối với chúng ta trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra năm 2002 và những năm tiếp theo. Như vậy, các tạp chí kinh tế phải bám sát các vấn đề nêu trên, đi sâu phân tích, lý giải các nguyên nhân sâu xa, đề xuất giải pháp, rút ra bài học. Chỉ có các tạp chí mới có điều kiện làm được như vậy. Các báo cũng đề cập đến các vấn đề này, nhưng chỉ dừng lại ở cấp độ thông tin, phản ánh, tất nhiên có báo đăng bài phân

tích kinh tế sâu, nhưng không thường xuyên và không có hệ thống. Sự khác nhau giữa báo và tạp chí là ở chỗ này. Đó là chức năng nhiệm vụ của các tạp chí nói chung và các tạp chí kinh tế nói riêng.

Hai là, các tạp chí kinh tế cần tập trung nghiên cứu, đăng bài làm sáng tỏ cơ sở lý luận, thực tiễn các quan điểm kinh tế ở tầm vĩ mô mà Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và các nghị quyết Hội nghị Trung ương tiếp theo nêu ra. Xin gợi mở mấy vấn đề lớn như :

- Vì sao chúng ta phải phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ? Hiện nay, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta đang gặp thuận lợi, khó khăn gì ?

- Vì sao chúng ta phải phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng của nền kinh tế quốc dân ?

- Tác động của toàn cầu hóa đối với nền kinh tế nước ta thế nào, mặt tích cực ra sao, mặt tiêu cực thể hiện cụ thể như thế nào ? Chúng ta xây dựng kinh tế tri thức với bước đi như thế nào cho phù hợp với thực tiễn nước ta ?

Ba là, tập trung nghiên cứu, khảo sát thực tiễn để có những đề tài và bài viết sâu sắc, sinh động, có sức thuyết phục. Giới thiệu các mô hình làm ăn có hiệu quả trong các thành phần kinh tế, trên tất cả các lĩnh vực : ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tìm kiếm và chiếm lĩnh thị trường nước ngoài, hợp tác giữa các thành phần kinh tế ; mô hình kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ;

nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ ; mô hình kết hợp hài hòa giữa giải quyết hiệu quả kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, giải quyết việc làm, giúp đỡ hỗ trợ người nghèo làm ăn ; mô hình điển hình của các vùng, miền, ngành trong cả nước trong phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản, v.v..

Bốn là, các tạp chí kinh tế cần chú trọng nâng cao tính hấp dẫn, thể hiện ở chỗ : đề tài sát với thực tế, đi sâu vào những bức xúc đang đặt ra ; cấu trúc chuyên mục, chuyên trang vừa thể hiện được những vấn đề cơ bản thuộc phạm vi tôn chỉ, mục đích của tạp chí, vừa phân tích lý giải những vấn đề mà xã hội đang quan tâm. Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa tạp chí. Đây là hình thức hoạt động có hiệu quả, nếu phù hợp các tạp chí kinh tế sẽ được giới thiệu đến đông đảo bạn đọc, có thêm đội ngũ cộng tác viên có chất lượng. Đây cũng là một trong những phương thức và hình thức giúp cho tạp chí ngày càng gắn bó chặt chẽ với đời sống kinh tế của đất nước.

Năm là, mỗi tạp chí kinh tế rà soát lại tôn chỉ, mục đích của mình đã được ghi trong giấy phép xuất bản để triển khai kế hoạch từng quý, năm và dài hơn ; xác định các đề tài vừa phù hợp với tôn chỉ, mục đích của tạp chí, vừa bảo đảm tính đa dạng, phong phú. Phóng viên, biên tập viên ở các tạp chí kinh tế phải có phẩm chất chính trị vững vàng, trình độ văn hóa, khoa học, chuyên môn phù hợp. Nếu không có điều kiện này thì không thể có bài chất lượng cao đăng trên các tạp chí. Đội ngũ cộng tác viên có vai trò cực kỳ quan trọng đối với các tạp chí kinh tế. Ngay trong kinh tế có nhiều lĩnh

72 NĂM...

(Tiếp theo trang 8)

vực chuyên sâu mà chỉ có những chuyên gia chuyên ngành mới hiểu sâu sắc những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình. Nếu biết sử dụng tốt đội ngũ cộng tác viên này thì chất lượng các bài đăng trên tạp chí kinh tế sẽ ngày càng được nâng cao.

Sáu là, rà soát lại chính sách ở tầm vĩ mô, điểm nào chưa phù hợp thì điều chỉnh, cái gì thiếu thì bổ sung để tạo điều kiện hoàn thiện về bộ máy, tài chính, phát hành ; tạo cơ chế phối hợp hoạt động ; phương tiện hoạt động tốt cho các tạp chí.... Luật Báo chí cũng như các văn bản khác của Đảng và Nhà nước đã nêu rõ trách nhiệm của cơ quan chủ quản đối với các tạp chí. Mỗi tạp chí phải đề ra phương án phát triển, chương trình hoạt động từng tháng, từng quý, từng năm và dài hơn ; đề xuất kiến nghị về bộ máy, cán bộ, phương tiện làm việc để trên cơ sở đó, cơ quan chủ quản xem xét và quyết định. Cần phát huy tính chủ động, năng động sáng tạo của từng cơ quan tạp chí. Đặc biệt, vai trò của tổng biên tập tạp chí rất quan trọng. Tổng biên tập là linh hồn của tạp chí. Nếu như tổng biên tập dám nghĩ, dám làm, am hiểu sâu chuyên môn, nhiệt tình với nghề nghiệp, có đầu óc tổ chức quản lý tốt, biết xử lý đúng đắn các mối quan hệ thì chắc chắn sẽ tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của cơ quan chủ quản, của đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên, đồng nghiệp và như vậy chất lượng của các tạp chí sẽ tốt. Cần duy trì thường xuyên việc trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau giữa các tạp chí cũng là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng của các tạp chí nói chung và tạp chí kinh tế nói riêng. □

kiến trong công tác xây dựng đảng ; giám sát, phê bình cán bộ, đảng viên ; giới thiệu quần chúng ưu tú ngoài Đảng để tổ chức đảng xem xét, kết nạp ; giới thiệu những người có đủ tiêu chuẩn để được bầu cử hoặc được bổ nhiệm vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ; quan tâm xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và việc giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ.

Sáu là, *thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố các cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng và của công tác xây dựng Đảng.*

Từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan tổ chức các cấp ; tích cực đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức thật sự vững vàng về chính trị, có kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn trên nhiều lĩnh vực, nhất là về các mặt công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên ; có đạo đức cách mạng, công tâm, trung thực, khách quan, làm việc có hiệu quả. Phải coi công tác tổ chức xây dựng Đảng là một khoa học ; tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về công tác này, để từng bước hình thành những căn cứ khoa học, làm cơ sở cho việc nghiên cứu, đề xuất về phương hướng, chủ trương, giải pháp của công tác xây dựng Đảng nói chung và xây dựng Đảng về tổ chức nói riêng một cách đúng đắn, sáng tạo trong thời kỳ mới. □



VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NHÀ NƯỚC TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

NGUYỄN ĐỨC MẠNH*

1 - Vị trí, vai trò cán bộ công chức

Năm mươi bảy năm qua, kể từ khi Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời đến nay, đội ngũ cán bộ công chức (CB, CC) nước ta đã có những đóng góp to lớn vào thành tựu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhất là trong thời kỳ đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, mỗi giai cấp, tầng lớp, mỗi tổ chức đoàn thể và cá nhân trong cộng đồng người Việt Nam đều có vai trò, vị trí và đóng góp theo cách của mình. CB, CC có một vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng, vì họ là một lực lượng được tuyển chọn từ trong các giai cấp, tầng lớp lao động trong xã hội. Họ được đào tạo để trở thành những người làm công tác quản lý, làm chuyên gia và nghiên cứu khoa học... trên nhiều lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, pháp luật, ngoại giao đến văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội, v.v.. Họ nắm giữ, chi phối các nguồn lực quốc gia; tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp hoạch định các chính sách của Nhà nước. Trong đội ngũ CB, CC, những công chức lãnh đạo phần lớn là đảng viên, còn lại đều là những người đại diện cho quyền lực nhà nước để thực thi

công vụ. Cho nên, họ tác động tới nhiều mặt đối với xã hội. Sự ảnh hưởng, tác động này đến mức nào là tùy thuộc vào năng lực quản lý, chất lượng chuyên môn và phẩm chất chính trị, đạo đức của họ. Ông cha ta đã nói: Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí mạnh thì thể nước hưng thịnh, nguyên khí yếu thì thể nước kém và suy... Có hiền tài trong bộ máy nhà nước thì hiền tài trong xã hội mới có cơ hội sinh sôi, nảy nở, mới được chăm sóc nuôi dưỡng, thể nước mới thật mạnh. Nếu cán bộ, công chức không phải là người hiền tài, hay không đủ hiền tài thì hiền tài trong xã hội cũng khó có cơ may thi thố, cống hiến tài năng.

Điều đó cho thấy một lô-gíc: muốn gây dựng thể nước mạnh thì nhà nước phải mạnh. Nhà nước mạnh là nhà nước tập trung được nhiều người hiền tài, được xã hội, nhân dân quan tâm, tin tưởng, ủng hộ.

Để làm việc đó, cần tiếp cận vị trí, vai trò, ảnh hưởng và mối quan hệ của CB, CC trên nhiều phương diện mang tính hệ thống.

* ThS, Học viện Hành chính Quốc gia

Về phương diện kinh tế

Với tư cách là người lao động, người CB, CC trước hết là con người kinh tế, là người lao động và hưởng thụ bằng sức lao động của mình. Con người đó phải tìm kiếm lợi ích và thỏa mãn các nhu cầu, để tồn tại và phát triển.

Là con người kinh tế, người CB, CC thực hiện sự lao động của mình gắn với các hoạt động công vụ theo chức danh, ngạch bậc và nhiệm vụ được phân công. Các hoạt động lao động đó diễn ra thường xuyên, có tổ chức, có sự phân công, kiểm tra, đánh giá theo một hệ thống quan hệ mang tính pháp lý. Lao động đó được trả bằng tiền lương, mà tiền lương lại là nguồn sống, là động lực chính của người CB, CC. Nhà nước chi trả tiền lương cho CB, CC chủ yếu từ nguồn thuế do nhân dân đóng góp. Cho nên, lương của CB, CC có mối quan hệ biện chứng với năng suất lao động, tăng trưởng kinh tế và thu nhập của người lao động trong xã hội. Mặc dù lương của CB, CC nước ta hiện nay còn rất thấp so với nhiều nước trong khu vực, nhưng nó vẫn là cơ sở để đòi hỏi CB, CC nước ta phải lao động có trách nhiệm, có hiệu quả và phải tận tụy phụng sự nhân dân.

Sự tăng trưởng kinh tế của đất nước phụ thuộc phần lớn vào năng lực hoạch định chính sách, năng lực quản lý, điều hành, ý thức lao động, khả năng nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ của khu vực nhà nước. Thực tế đã chứng minh các hoạt động quản lý, nghiên cứu khoa học, phát minh sáng chế, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ trong khu vực nhà nước là những hoạt động tạo ra những bước nhảy vọt về năng suất lao động. Đây là một hoạt động chủ đạo có xu hướng ngày càng rõ trong điều kiện công

nh nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với động lực là kinh tế tri thức. Ngược lại, thực tế cũng chứng minh : nền kinh tế sẽ gặp khó khăn, thậm chí rơi vào suy thoái, khủng hoảng, nếu Nhà nước buông lỏng quản lý ; nếu CB, CC có trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ yếu kém, bất cập, có phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức sa sút, tham nhũng, tiêu sài lãng phí, v.v.

Là con người kinh tế, người CB, CC hiện nay không phải lao động chỉ vì miếng cơm manh áo thuần túy như những công chức làm thuê trước kia, mà họ lao động tự giác, có mục đích của người làm chủ, lao động để khẳng định nhân cách của chính họ. Do đó, kết quả, hiệu quả lao động mà người CB, CC tạo ra chính là thước đo sự đóng góp của họ đối với sự phát triển xã hội và đó cũng là tiêu chí đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức của người CB, CC.

Về phương diện chính trị

Trong thời điểm hiện nay CB, CC càng không thể cho phép mình ảo tưởng về một thứ tự do tuyệt đối và chuyên môn thuần túy tách rời chính trị, không cần quan tâm đến thời cuộc theo kiểu "sáng cấp ô đi, tối cấp ô về", phó mặc tình hình cơ quan, đơn vị ; phớt lờ những nổi bất hạnh, vất vả của những người lao động. Trong thực tế, do tác động của những nhân tố khách quan và chủ quan, người ta vẫn thấy có một số ít CB, CC có cách nghĩ, lối ứng xử như vậy. Ngược lại, có một bộ phận rơi vào sự ô nhiễm, bao biện thái quá, dẫn tới tình trạng quan trọng hóa vị trí, công việc của riêng bản thân, rồi độc đoán, gia trưởng, biến việc công thành việc riêng, đặc quyền đặc lợi ; ... biến nơi họ phụ trách thành "bầu trời riêng"... Rốt cuộc, cách nghĩ và lối sống đó đã đẩy họ rơi vào chủ nghĩa cá nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : Việc

nước là việc chung của tất cả mọi người, không phải là việc riêng của ai. Vì vậy, muốn thể hiện trách nhiệm chính trị đầy đủ, muốn quần chúng quan tâm đến chính trị, tham gia vào công việc của nhà nước thì CB, CC không chỉ am hiểu chính trị và biết làm chính trị, mà còn hành động theo chính sách pháp luật, việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì hết sức tránh. Sự thể hiện phẩm chất chính trị như thế cũng chính là sự thể hiện phẩm chất đạo đức cách mạng, hành động cách mạng của người CB, CC.

Tính chất giai cấp, tính chất chính trị của Nhà nước đã quy định một cách khách quan rằng, CB, CC luôn là CB, CC của một chế độ nhất định với sự chi phối của lợi ích, quyền lực, thế giới quan và hệ tư tưởng của giai cấp cầm quyền. Là sản phẩm của chế độ, người CB, CC chịu ảnh hưởng và bị chi phối bởi những định hướng giá trị mà chế độ đó vạch ra thông qua chủ thể cầm quyền. Chủ thể cầm quyền ở nước ta là Đảng Cộng sản - đội tiên phong ưu tú của giai cấp công nhân và dân tộc, do đó CB, CC trong hệ thống chính trị phải thể hiện được những giá trị mang tính đảng, tính giai cấp công nhân tiên tiến, đó là : tính cách mạng, tính tổ chức, kỷ luật, ý thức trách nhiệm, tinh thần dân chủ, cộng đồng trách nhiệm, tác phong công nghiệp, sự tận tụy, trung thành với đất nước. Đây là những đặc tính cần thiết phải được hình thành trong đội ngũ CB, CC nước ta. Có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu xây dựng một nền công vụ chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả ; đồng thời, mới có thể khắc phục được những nếp nghĩ, thói quen của xã hội tiểu nông đã và đang tồn tại trong không ít CB, CC như : quan liêu gia trưởng, bảo thủ, tùy tiện, tác phong lè mề, chậm chạp, kinh nghiệm chủ nghĩa, v.v...

Về phương diện văn hóa, truyền thống dân tộc

Bất cứ công chức nước nào cũng đều mang trong mình tinh thần dân tộc. Đặc điểm, sức sống dân tộc, lòng tự tôn dân tộc đều được phản ánh trong đội ngũ công chức nhà nước thông qua các hoạt động công vụ, các biểu tượng truyền thống của đội ngũ công chức. Tinh thần dân tộc và lòng yêu nước là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy công chức vươn lên trong học tập, tìm tòi sáng tạo, cao cả hơn là có người còn dám xả thân vì nhiệm vụ mà tổ quốc giao phó. Trên thế giới, ở nước nào cũng có những tấm gương công chức trung thành tận tụy, thầm lặng hy sinh cả đời mình cho sự nghiệp của quốc gia, dân tộc.

Khi đã xác định lợi ích dân tộc là trên hết, cao hơn lợi ích cục bộ địa phương và lợi ích cá nhân thì người CB, CC nước ta không cần phải suy tính đắn đo trước sự phân công, điều động của Đảng và Nhà nước. Trên thực tế, chủ nghĩa địa phương bản vị và chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại, là nguyên nhân gây chia rẽ, gây mất đoàn kết trong nội bộ bộ máy nhà nước, làm vô hiệu hóa và làm nản lòng những CB, CC có tài, có tâm huyết ; rốt cuộc là gây tổn hại về phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa và đạo đức xã hội. Người nước ngoài và các dân tộc trên thế giới suy nghĩ và đánh giá về người Việt Nam, dân tộc Việt Nam như thế nào là phần lớn tùy thuộc và thông qua thái độ, tác phong, hiệu quả làm việc và cung cách giao tiếp ứng xử của CB, CC, nhất là những CB, CC ở ngành ngoại giao, ngoại thương, hải quan và những CB, CC có quan hệ tiếp xúc, làm việc với nước ngoài. Chỉ xét trong điều kiện cụ thể này, chúng ta càng thấy rõ ý nghĩa sâu sắc và cấp thiết của việc xây

dựng đội ngũ CB, CC hiện đại hội tụ đầy đủ các yếu tố, phẩm chất chính trị, kinh tế, chuyên môn, văn hóa, đạo đức, truyền thống dân tộc, v.v.. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh, việc giáo dục, bồi dưỡng, huấn luyện cho CB, CC về lý luận, chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cần phải gắn chặt với giáo dục văn hóa, đạo đức, truyền thống dân tộc, nhất là đối với những công chức trẻ, những học sinh, sinh viên - lực lượng kế cận, nguồn nhân lực bổ sung cho hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước.

Sự kế thừa và tiếp thu bản sắc văn hóa dân tộc và những giá trị văn hóa nhân loại sẽ hình thành ở CB, CC thái độ ứng xử có văn hóa trong quan hệ ở cơ quan, công sở, trong giao tiếp xã hội. Người CB, CC có văn hóa là người biết trọng danh dự, liêm sỉ ; quan hệ, ứng xử với đồng chí, đồng nghiệp, với mọi người một cách có chuẩn mực, trở thành tấm gương sáng để gia đình và xã hội nhìn vào. Do bản chất Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ; CB, CC phải là công bộc của dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói ; và do xuất phát từ mục tiêu phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay nên yêu cầu người CB, CC càng phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Chỉ có đáp ứng được yêu cầu này thì người CB, CC mới không bị tụt hậu hoặc bất cập trước sự phát triển nhanh chóng của thời cuộc, mới chứng tỏ họ là một lực lượng đi đầu trong sự nghiệp phát triển đất nước. Trong hoàn cảnh số đông dân cư nước ta có trình độ học vấn thấp, nhận thức chính trị, pháp luật chưa đầy đủ, còn mang nặng tâm lý dựa dẫm ỷ lại vào Nhà nước thì cán bộ đảng viên, CB, CC trong hệ thống

chính trị và bộ máy nhà nước lại cần phải gương mẫu hơn nữa.

Về phương diện pháp luật

Người CB, CC được tuyển chọn vào làm việc trong hệ thống chính trị và các cơ quan nhà nước đều có sự ràng buộc với Nhà nước bởi hệ thống các quy định về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm. Việc chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các chế độ, chính sách và các nhiệm vụ được phân công theo quy định của pháp luật là bổn phận của CB, CC. Khi người CB, CC đang thực thi công vụ, thi hành pháp luật nhưng nội vụ có liên quan đến bà con người nhà, bạn bè thân thích thì người công chức phải đặt tiêu chí pháp luật lên trên hết ; không vì lợi ích, tình cảm riêng mà làm tổn hại đến lợi ích của người khác và của Nhà nước. Việc thể hiện ý thức pháp luật của người CB, CC là sự thể hiện trách nhiệm chính trị ; và chính ý thức, trách nhiệm đó sẽ gián tiếp hay trực tiếp mang lại những lợi ích kinh tế, góp phần không nhỏ vào việc củng cố, nâng cao những giá trị văn hóa, tinh thần trong xã hội. Mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ có thể đạt được khi CB, CC gương mẫu đi đầu trong việc chấp hành và thực thi pháp luật. Sự gương mẫu của CB, CC, sự tạo lập trật tự, kỷ cương trong bộ máy nhà nước sẽ có tác động tích cực vào việc củng cố, tăng cường trật tự, kỷ cương xã hội, làm tăng sự tin tưởng của xã hội đối với Nhà nước ; tạo hiệu quả to lớn trong công tác dân vận của Đảng. Do đó, chúng có tác dụng động viên, cuốn hút người dân tham gia tích cực vào các hoạt động do nhà nước hướng dẫn, tổ chức, mà hiệu quả có thể thấy rõ nhất là ở các phong trào quần chúng bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Có đặt tất cả những yếu tố nêu trên trong mỗi quan hệ biện chứng thì người CB, CC mới đạt được hai tiêu chuẩn căn bản : đức và tài (trước đây gọi là hồng và chuyên) ; và do đó mới tạo nên một lực lượng CB, CC mạnh, đi đầu trong sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu trên thế giới.

2 - Đạo đức là tiêu chuẩn gốc để cán bộ công chức thể hiện được vị trí, vai trò đặc biệt trong thời kỳ đổi mới đất nước

Trong điều kiện chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế và phát triển xã hội, vấn đề đạo đức CB, CC vẫn là một chủ đề có tính thời sự nóng hổi rất cần được quan tâm thường xuyên. Kinh nghiệm đồ vỡ phải trả giá đắt của nhiều nước vào thập kỷ cuối của thế kỷ XX vừa qua ; và những biểu hiện sa sút về chính trị, tư tưởng, đạo đức của cán bộ đảng viên cùng với những tệ nạn, tiêu cực trong bộ máy nhà nước trong những năm phát triển kinh tế thị trường ở nước ta cho thấy, không thể xem thường đạo đức trong đời sống xã hội và quan hệ con người ; càng không thể xem thường đạo đức CB, CC nhà nước.

Đạo đức CB, CC phải là nơi biểu hiện tập trung của đạo đức xã hội, đạo đức của chế độ nhà nước. Một xu hướng phát triển đã được dự báo ở tầm chiến lược là : xã hội càng phát triển kinh tế thị trường, khoa học - công nghệ càng có những biến đổi nhảy vọt thì xã hội càng cần đến cơ chế bảo đảm những giá trị, chuẩn mực đạo đức. Vai trò ngày càng tăng lên của đạo đức là một dấu hiệu tích cực, một xu hướng lành mạnh phù hợp với sự phát triển của nhân tính, của chủ nghĩa nhân văn xã hội chủ nghĩa, vì đạo đức là kết tinh của văn hóa, là giá trị văn hóa cao nhất, phản ánh bản

chất người nhất. Một dân tộc có đạo đức là một dân tộc văn minh, một dân tộc có sức mạnh nội tại. Trong hành trình của lịch sử loài người, sự phát triển và hoàn thiện của đạo đức thường đồng hành với dân chủ và tiến bộ xã hội và đó lại chính là động lực khai mở các năng lực, trí tuệ của con người, thúc đẩy xã hội tiến lên cao hơn. Vì lẽ đó, đạo đức còn được xem là điểm khởi nguồn đời sống toàn vẹn của con người.

Đạo đức, lương tâm là ngọn đuốc soi sáng trí tuệ, bảo đảm cho tài năng được phát huy vào những mục đích phục vụ Tổ quốc và nhân dân, không vụ lợi. Sự yếu kém, sa sút về đạo đức sẽ làm cho CB, CC không thể làm tròn chức trách, mà còn có nguy cơ thoái hóa biến chất, phạm tội, thậm chí phản bội lợi ích quốc gia dân tộc. Từ thực tế này mà các quốc gia trên thế giới đều rất coi trọng đạo đức công chức, trong đó có rất nhiều quốc gia đã ban hành luật đạo đức công chức.

Đạo đức của CB, CC có thể ví như cái phanh hãm, hay như cái "kính chiếu yêu" có tác dụng ngăn chặn, cảnh báo sự tha hóa quyền lực, sự ham muốn vật chất đến mức bất chấp pháp luật, danh dự của bản thân công chức. Trong thể chế chính trị - xã hội nước ta, người CB, CC dù có trình độ học vấn uyên bác, chuyên môn, nghiệp vụ giỏi đến đâu chăng nữa, nhưng nếu không được lòng dân, bị dân xa lánh, thậm chí bị dân chê trách thì người CB, CC đó không chỉ gặp khó khăn trong công tác, mà mảnh đất để họ thi thố tài năng cũng dần bị thu hẹp.

Xã hội là người đánh giá, thẩm định đạo đức CB, CC. Vì thế, CB, CC không thể không chú ý lắng nghe ý kiến, dư luận xã hội khen, chê đối với mình ; lấy đó để tự răn và điều chỉnh bản thân.

Những hành vi của công chức, nhân viên nhà nước có tính chất đối lập với đạo đức là : thói tham lam ích kỷ, đầu cơ trục lợi, thủ đoạn lừa lọc, chèn ép, trù dập đồng nghiệp, hãm hại người hiền tài, sách nhiễu, ức hiếp dân lành, làm việc thiếu công tâm, vô trách nhiệm, đặc biệt là tệ tham nhũng và sự phản bội Tổ quốc... Những biểu hiện đó dù xét ở phương diện nào thì chúng cũng đều gây tác hại xấu cho xã hội, tạo nguy cơ cho đất nước. Nếu không có những biện pháp kiên quyết ngăn chặn, trừng phạt thích đáng thì chúng sẽ là nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp đẩy xã hội rơi vào trạng thái khủng hoảng, bất ổn định và tụt hậu. Công cuộc chấn hưng đất nước hiện nay nhất thiết đòi hỏi phải có một nhà nước với đội ngũ CB, CC chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, gương mẫu. Trong những năm đầu của chính quyền Xô-viết, V.I. Lê-nin đã nói : Những người cộng sản chỉ có thể đứng vững được khi họ có một bộ máy nhà nước trong sạch đến tột bậc ; và phương châm xây dựng bộ máy nhà nước của họ là : thà ít mà tốt.

Sự nghiệp xây dựng đạo đức xã hội, đi đôi với việc xây dựng đạo đức CB, CC là sự nghiệp lớn của toàn dân, là trách nhiệm lớn của Đảng và Nhà nước ta, trước hết là của những người lãnh đạo và của những người làm công tác tổ chức trong cả hệ thống chính trị và trong từng cơ quan, từng cấp chính quyền của bộ máy nhà nước. Bởi vì, những người lãnh đạo và những người làm công tác tổ chức trong các cơ quan, các cấp chính quyền nếu không thực sự tỏ rõ được uy tín của mình bằng đạo đức và tài năng đích thực, được mọi người thừa nhận thì trong cơ quan, đơn vị khó có được sự ổn định, đoàn kết, trật tự, kỷ cương. Tại sao trong nhiều cơ quan, chính quyền lại

có hiện tượng trên bảo dưới không nghe, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, tình hình nội bộ phức tạp, công tác quản lý, công việc chuyên môn kém hiệu quả, v.v.? Trong số các nguyên nhân của thực trạng đó, có nguyên nhân chủ yếu thuộc về công tác lãnh đạo và tổ chức. Đó là người lãnh đạo yếu kém, bất cập về năng lực, phẩm chất đạo đức sa sút ; lề lối làm việc, phân công, phân cấp, xác định trách nhiệm không rõ ràng ; công tác tổ chức lao động, thực hiện các chế độ chính sách cũng như việc bố trí sử dụng, ưu đãi, chế tài đối với CB, CC chưa được công khai công bằng, hợp lý.

Để phát huy vai trò, vị trí của đội ngũ CB, CC nói chung trong sự nghiệp chấn hưng đất nước, không thể không đổi mới nhận thức về vị trí, vai trò, cũng như trách nhiệm của các chức danh lãnh đạo và của công tác tổ chức trong các cơ quan nhà nước nói riêng, trong cả hệ thống chính trị nói chung. Cụ thể là : *Thứ nhất*, chức danh lãnh đạo theo cơ chế phiếu bầu thì sau một thời hạn nhất định sẽ tổ chức lấy phiếu tín nhiệm. *Thứ hai*, các chức danh do bổ nhiệm sau một thời gian không đảm đương được nhiệm vụ thì miễn nhiệm và sắp xếp, bố trí công việc khác. *Thứ ba*, các chức danh dù được bầu hay được bổ nhiệm trước khi ở vào vị trí mới cần có chương trình hành động giống như "tuyên ngôn tranh cử" để cấp trên và quần chúng căn cứ vào đó mà bỏ phiếu tín nhiệm, các cấp có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm hay miễn nhiệm. *Thứ tư*, cần định rõ tiêu chuẩn của những người làm công tác tổ chức, ngoài các tiêu chuẩn chung như những CB, CC khác thì họ phải thể hiện được những phẩm chất đặc biệt là, sự trung thành, trung thực, công tâm, khách quan. □

LÊ LÀNG XƯA VÀ “LÊ LÀNG” NAY

NGUYỄN ĐĂNG DUNG - BÙI NGỌC SON*

LÀNG xã Việt Nam có từ thời rất xa xưa. Về tính chất quan trọng của làng xã, Vũ Đình Hòe, một cử nhân luật học và nhóm tác giả rất nổi tiếng của ông trong báo Thanh Nghị - một trong những tờ báo rất tân tiến vào những năm 40 của thế kỷ XX đã cho rằng: "Muốn tìm hiểu lịch sử hình thành dân tộc Việt Nam thì phải tìm hiểu cộng đồng làng, xã, và muốn xây dựng lại đất nước Việt Nam thì cũng phải bắt đầu bằng từ việc xây dựng lại cộng đồng làng, xã, vì không có làng, xã Việt Nam, thì không có quốc gia Việt Nam"⁽¹⁾.

Vậy làng xã là gì? Có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau, nhưng trước hết, làng xã phải là nơi đồng quê nhiều gia đình ở quy tụ thành khu được gọi là xóm, các xóm hợp lại thành làng. Trên đường đi vào làng thường có cổng xây bằng gạch hoặc làm bằng tre, đến đêm có thể đóng lại được để phòng ngừa trộm cướp. Hai, ba, bốn hoặc có khi là năm, sáu xóm hợp thành một thôn hoặc là làng. Hai, ba, bốn thôn hợp thành xã. Danh từ *làng* nhiều khi được dùng lẫn lộn với *xã* với *thôn*. Làng là tiếng thuần túy Việt Nam, xã là một từ Hán, có nghĩa là cái nền để tế thần đất⁽²⁾. Với số lượng cư dân sống ở các vùng nông thôn rất lớn, mọi công việc của Nhà nước cũng như của địa phương, tức ở làng, xã thực hiện. Việc dân

quê sống, sinh hoạt thành làng, xã có rất nhiều lý do. Một trong những lý do cơ bản theo một học giả nước ngoài là: "Trong một vùng đất nghèo, thời tiết thất thường đến mức khắc nghiệt, thì tổ chức tập thể đóng vai trò hỗ trợ nông dân, giúp họ khỏi bị nghèo đói và bảo vệ họ trước những đòi

hỏi của Nhà nước. Trong một thế giới như vậy, cá nhân nào tách rời tập thể làng, xã sẽ phải đương đầu với vô vàn rủi ro và nguy hiểm. Xã và làng quê tạo thành khuôn khổ xã hội cơ bản cho dân chúng ở nông thôn"⁽³⁾.

Vấn đề quản lý làng, xã ở thời kỳ nào cũng là vấn đề bức xúc. Có lẽ đây là đặc điểm tương đối đặc thù của quản lý nhà nước ở Việt Nam. Theo lịch sử phát triển của xã hội Việt Nam từ thời phong kiến đến thời Pháp thuộc, *làng, xã đều được tồn tại một cách độc lập*.

Chế độ xã, thôn tự trị là một chế độ đặc biệt của nhà nước Việt Nam, được hình thành và phát triển từ thời rất xa xưa. Theo chế độ này thì xã, thôn Việt Nam được hưởng một nền tự trị hết sức rộng rãi về hành chính, tài chính, tư pháp - gần như một quốc gia có chủ quyền. Về mặt pháp lý, nếu chủ quyền quốc gia được cấu thành bằng lập pháp, hành pháp, tư pháp, và bằng một hệ thống pháp luật riêng để điều chỉnh hoạt

* Luật gia, Đại học Quốc gia Hà Nội

(1) Xem Vũ Đình Hòe: *Hồi ký Thanh Nghị*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1997, tr 318

(2) Xem Nhất Thanh: *Làng xóm. Sử địa*, Nhà sách Khai trí, số 17-18, tr 49

(3) Xem Scott, James: *The Moral Economy of the Peasant - Rebellion and Subsistence in Southeast*, New Haven London Yale University Press

động của các thiết chế nhà nước trên, thì ở địa phương cũng có những thiết chế gần giống. Cơ quan quyết định là *Hội đồng kỳ mục*; có cơ quan thi hành mà đứng đầu là lý trưởng, và có cả cơ quan xét xử là tiên chỉ, thứ chỉ. Tổ chức và hoạt động của các thiết chế trên và của mọi thân dân được điều chỉnh bằng các quy tắc riêng, đó là *lệ làng*. Vì vậy, lệ làng là một yếu tố quan trọng đặc biệt khẳng định tính tự trị của làng xã Việt Nam.

Lệ làng bao gồm *tất cả những quy định cả thành văn lẫn bất thành văn* do một làng đặt ra để *điều chỉnh các quan hệ của các thành viên trong làng*, ứng xử với các quan chức nhà nước. Với tư cách là những nguyên tắc bất thành văn, lệ làng đã tồn tại lâu đời trong các làng Việt Nam. Phần cơ bản hay là tuyệt đại đa số những quy định thành văn được quy định trong *hương ước* (có nơi gọi là khoán ước của làng).

Cơ sở của lệ làng là :

- Gắn liền với làng, xã, thiết lập trên chế độ công điền, công thổ (đất của làng).

- Là một phức hợp của nhiều tổ chức xã hội, nhưng trước hết là dòng họ. Các mối liên hệ trong làng gồm nghề nghiệp, tín ngưỡng, tôn giáo, địa vực láng giềng, họ hàng, mối liên kết họ hàng là bền vững nhất. Chính vì sự liên kết dựa trên dòng máu nên lệ của làng này khác với lệ của làng khác, và cũng có nghĩa là lệ của dòng họ này khác với lệ của dòng họ khác. Điều này tạo nên *tính đóng* của lệ làng.

Lệ làng gồm có hai bộ phận cấu thành : *hương ước* (được phê chuẩn của quan chức nhà nước địa phương) và *lệ* (không thành văn, không được phê chuẩn của cơ quan nhà nước cấp trên) - trái luật. Lệ làng quy định từ nội vụ của làng đến sinh hoạt của các dân cư trong làng. Hương ước là quy ước thành

văn của cả làng. Ngoài hương ước, trong làng còn có các lệ khác rất đa dạng như các lệ của họ tộc, của xóm ngõ, của phường hội với nhiều tên gọi khác nhau : khoán ước, khoán lệ, điều lệ, hương lệ, tục lệ, giáp lệ. Các loại lệ này song song tồn tại với hương ước, thường ở dạng bất thành văn và bổ sung cho hương ước, và hương ước không thay thế được chúng.

Lệ làng của làng này đôi khi khác hẳn với các làng khác, tạo nên nét đặc thù của làng xã Việt Nam. Mặc dù triều đình có những quy định ít nhiều liên quan đến việc hoạt động ở xã, nhưng về nguyên tắc hoạt động ở xã vẫn tuân theo những quy định trong hương ước, lệ của mình. Người dân làng xã chỉ quen hoạt động theo lệ, mà ít có thói quen tuân theo luật của triều đình. Chính vì thế, không phải ngẫu nhiên mà "phép vua" phải thua "lệ làng". Điều này đã tạo ra hàng loạt những mặt tích cực và tiêu cực trong tâm thức con người và xã hội Việt Nam. Nó làm giảm bớt sự chuyên chế của các triều vua của Nhà nước phong kiến Việt Nam. Tạo nên sự biệt lập và tự trị của các làng, xã và tạo lập tinh thần đoàn kết, tương trợ, tình làng, nghĩa xóm, tinh thần tập thể hòa đồng, tự lực, cần cù, tự cấp tự túc. Mặt khác, có thể thấy, nó cũng làm cho người dân không có thói quen chấp hành luật pháp chung. Và cũng chính lệ làng lại là công cụ để bọn cường hào, ác bá ức hiếp người dân. Sự kìm hãm vai trò cá nhân, tạo ra thói bè phái, địa phương, cục bộ, thói cào bằng, đổ kỵ và biết bao những tệ nạn khác.

Ngay từ khi mới đặt nền đô hộ tại nước ta, nhà cầm quyền Pháp đã thấy tầm quan trọng của vấn đề quản trị làng xã. Pi-e Pat-xơ, Toàn quyền Đông Dương thời đó nhận định : "Xã hợp thành một khối, hoàn bị đến nỗi người ta không thể sửa đổi một điểm nhỏ nào... Chúng ta không có ích lợi gì mà

đả phá trực tiếp hoặc gián tiếp một cơ quan hiện là một lợi khí màu nhiệm, ta nên đề nó nguyên vẹn và tôn trọng các hình thức của nó"⁽⁴⁾.

Muốn quản lý làng, xã một cách chặt chẽ hơn, người Pháp đã tiến hành cuộc cải cách được gọi là cải lương hương chính. Hội đồng kỳ mục được thay bằng *Hội đồng tộc biểu*. Hội đồng này bao gồm các đại diện được các dòng họ trong làng xã bầu ra. Nhưng chẳng được bao lâu, người Pháp đã thấy rằng Hội đồng tộc biểu hoạt động kém hơn Hội đồng kỳ mục, chính quyền thực dân lại phải quay lại với thiết chế cũ.

Dưới thời Pháp thuộc, số lượng chức dịch ở xã có tăng lên hơn trước vì đời sống làng xã có nhiều việc hơn theo yêu cầu quản lý kiểu phương Tây : khai sinh, khai tử, lập giá thú... Thực dân Pháp soạn thảo ra hương ước cải lương được viết bằng chữ quốc ngữ, gồm hai phần : phần chính trị và phần phong tục để khôn khéo can thiệp vào đời sống của từng làng nhằm mục đích có lợi cho chúng. Nhiều làng vẫn soạn những bản hương ước bằng chữ Hán, thực chất đây là sự khẳng định lại một lần nữa sự tồn tại từ lâu đời các lệ tục ở làng đó⁽⁵⁾.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nhất là sau 1954, cơ cấu tổ chức làng xã phong kiến bị bãi bỏ, hương ước được cải tiến theo mô hình của chính quyền dân chủ nhân dân. Mỗi lần chúng ta thay đổi Hiến pháp đều kèm theo việc sửa đổi Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Theo quy định của các đạo luật này, việc quản trị các công việc của Nhà nước và của cơ sở do *Hội đồng nhân dân* và *Ủy ban nhân dân* đảm nhiệm. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Thành viên của hội đồng không phải như trước đây được thừa nhận một cách mặc nhiên nếu như đủ

các tiêu chuẩn quy định trong hương ước của làng xã, mà phải do nhân dân địa phương bầu ra theo chế độ phổ thông đầu phiếu. Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân. Đứng đầu Ủy ban nhân dân là Chủ tịch có trách nhiệm cũng gần như xã trưởng và lý trưởng trước đây, phải tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng nhân dân, trong đó có cả các quyết định của các cơ quan Nhà nước cấp trên. Điểm khác ở đây là Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các thành viên khác đều do Hội đồng nhân dân bầu ra chứ không trực tiếp từ các cử tri trong xã.

Như vậy, về cơ bản, sự tồn tại của lệ làng và câu thành ngữ "phép vua thua lệ làng" không còn nữa. Đó là một thành công lớn trên lĩnh vực pháp chế xã hội chủ nghĩa của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của chúng ta.

Nhưng, điều cần phải xem xét ở đây là hiện nay, ở những vùng nông thôn, nơi có điều kiện cho việc ra đời của lệ làng thì lệ làng hầu như không phát triển. Ngược lại, ở các cơ quan nhà nước, nơi cần có những biện pháp ngăn chặn ảnh hưởng của lệ làng thì lại đề ra những thứ riêng mà chúng tôi tạm gọi chung là "*lệ làng*" *thời hiện đại*.

Cũng như lệ làng truyền thống trước đây, "lệ làng" trong các cơ quan nhà nước tồn tại dưới cả hình thức thành văn lẫn bất thành văn. Hình thức thành văn là các tổ chức đó tự đặt cho mình những quy chế riêng do thủ trưởng ban hành ; có một số nơi lấy ý kiến của đại đa số các thành viên của tổ chức, cơ quan. Vì lẽ đó, thường những văn bản quy

(4) Xem : *L'Annam d'autrefois*, 1907, tr 63

(5) Xem GS. Phan Đại Doãn, TS. Bùi Xuân Đình : *Ba thời kỳ phát triển của hương ước trong luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr 133

phạm này trùng với văn bản do Nhà nước ban hành, chỉ được chi tiết hóa thêm theo cách hiểu riêng của mình mà lẽ ra, việc bổ sung thêm vào các quy định của Nhà nước phải đứng trên lợi ích của người dân chứ không thể giản đơn chỉ từ phía cơ quan nhà nước.

Chẳng hạn, *Luật Doanh nghiệp* bỏ đi hàng loạt giấy phép nhằm tăng quyền chủ động trong sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp và những người muốn tham gia vào các hoạt động này nhằm làm tăng sản phẩm cho xã hội, nhưng, các cơ quan, ban ngành của Nhà nước khi thực hiện luật trên lại biến các loại giấy phép bị luật bãi bỏ thành các loại giấy phép con "lệ làng" hiện đại trong các cơ quan nhà nước không được chính thức hóa như lệ làng truyền thống. Trong khi lệ làng truyền thống còn có sự phê chuẩn của chính quyền trung ương thì các quy chế tự đặt thêm của các cơ quan nhà nước hầu như không cần đến sự phê chuẩn nào của các cơ quan cấp trên, mặc dù việc đặt ra các quy chế như trên đã xâm phạm đến quyền công dân.

Chính việc đặt ra các quy định riêng trong các cơ quan nhà nước đã dẫn đến sự chồng chéo, mâu thuẫn trong việc thực hiện, nhất là thực thi pháp luật, làm cho các quy định pháp luật của Nhà nước không có khả năng đi vào cuộc sống với phương châm dành nhiều quyền lợi cho người dân mà ngược lại, dẫn đến sự thu hẹp các quyền lợi của công dân. Trong số 7 059 văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ và các bộ ban hành được rà soát, có 2 014 văn bản hết hiệu lực cần bãi bỏ, 1 107 văn bản cần bổ sung sửa đổi. Trong số 54 806 văn bản của cấp tỉnh ban hành, có 9 985 văn bản hết hiệu lực cần bãi bỏ và 1 276 văn bản cần được bổ sung, sửa đổi⁽⁶⁾.

Không nên nhầm lẫn những lệ làng này với các quy định mang tính nội quy của cơ quan. Việc đặt ra các quy định riêng của cơ quan nhà nước chứng tỏ sự không tôn trọng pháp luật, không xử lý công việc theo pháp luật mà chỉ theo các "lệ làng" hiện đại. Điều này dẫn đến một thực trạng là nhiều bộ, ngành ban hành những quy định trái pháp luật. Tháng 10-1999, sau khi kiểm sát việc ban hành văn bản quy phạm của một số bộ, ngành, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã quyết định kháng nghị 12 văn bản đã vi phạm các quy định của pháp luật, trong đó có văn bản của Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công an, Tổng cục Hải quan, và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ⁽⁷⁾.

Thử hỏi trong số những quy phạm pháp luật nói trên có bao nhiêu quy phạm đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân? Các quy phạm đó đã làm tổn thất bao nhiêu tiền, của của Nhà nước?

Việc ban hành các văn bản pháp quy của các cơ quan quản lý nhà nước nhất là ở cấp Trung ương như Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng có thể chấp nhận được, vì một trong những chức năng của các cơ quan quản lý nhà nước là có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật để tổ chức việc thực thi các văn bản luật của Quốc hội. Lĩnh vực này còn không ít việc đáng bàn, nhưng, cần bàn hơn là việc ban hành các văn bản quy phạm của các cơ quan không có chức năng thực thi các quy định của Nhà nước ở cấp cơ sở và địa phương. Nếu như trước đây, bắt buộc phải có sự phê chuẩn của Nhà nước (do các quan

(6) Học viện Hành chính Quốc gia : *Các giải pháp thúc đẩy cải cách hành chính ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr 98

(7) Học viện Hành chính Quốc gia : *Sdd tr 100*

chức cấp huyện), thì những quy định thành văn này lại hầu như không có sự phê chuẩn nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài các quy định thành văn nói trên, còn khá nhiều loại "lệ làng" bất thành văn cổ tình "lơ" đi pháp luật, do thói quen ỷ lại cấp trên ; hoặc thói quen nhận "phong bao", các mối quan hệ quen biết.

Các nhà sử học đều cho rằng, "phép vua thua lệ làng" chỉ là sản phẩm của chế độ cũ và làm làng xã biến chất, nhằm lũng đoạn phục vụ những mưu đồ cá nhân, khổng chế, ức hiếp nông dân⁽⁸⁾. Ngày nay, nếu như "lệ làng" tái sinh ở các cơ quan nhà nước thì vấn đề cần phải xem xét là có hay không cường hào, ác bá kèm theo chúng ?

Lệ làng xưa thường không phát huy được tính sáng tạo của cá nhân. "Lệ làng" hiện đại không phải là không gây những tác động tương tự. Trong hoạt động công vụ của đội ngũ, cán bộ công chức của chúng ta hiện nay, tâm lý xin phép và hành động theo mệnh lệnh đã làm cho nhiều cấp hành chính bị động, lúng túng trước những vấn đề phát sinh trong cuộc sống hằng ngày. Thói quen dựa dẫm kiểu này để đảm bảo an toàn cho cá nhân đã bóp chết sự sáng tạo, năng động, nhất là kìm chế cuộc sống sôi động trong nền kinh tế thị trường⁽⁹⁾.

Lệ làng xưa thường bao che, khép kín ở các làng. Như vậy lệ làng thời hiện đại có hay không sự bao che, khép kín trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ? Nhiều vi phạm pháp luật trong các cơ quan nhà nước đáng lý ra phải được đưa ra giải quyết ở cơ quan tài phán thì lại theo "lệ làng" bất thành văn giữ lại để xử lý nội bộ. Những dự án, những chính sách quy hoạch đất về nguyên tắc trong những trường hợp nhất định phải được công bố trong nhân dân, nhưng một số cơ quan hữu quan đã "khép

kin" để vì lợi ích của những cá nhân. Lệ làng xưa là cục bộ, địa phương, vậy lệ làng hiện đại có sự cục bộ, địa phương không ? Không hiếm trường hợp có những cán bộ, công chức, viên chức có khả năng hơn những đồng nghiệp khác, do đó bị ganh tị, gièm pha để hạ uy tín.

Theo quan điểm của chúng tôi, lệ làng thời nay cũng như lệ làng xưa trước đây thuộc vào lĩnh vực hành chính (quản lý nhà nước), vì vậy, công cuộc cải cách hành chính hiện nay không thể không cải cách ở lĩnh vực này.

Trước hết, cơ quan nhà nước, nhất là các cơ sở thực thi các vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích trực tiếp của nhân dân phải *tạo thói quen tuân thủ các quy định của pháp luật*, không tự tiện đề ra các quy định khác để vô tình hay cố ý xâm hại đến quyền lợi của người dân. Các tổ chức nhà nước, nhất là cấp cơ sở phải tổ chức cho người dân thực hiện đúng tinh thần cũng như nội dung của các văn bản, quy phạm pháp luật, vừa phải đóng vai trò của nhà lập pháp - giải thích luật theo cách hiểu của họ, vừa đóng vai là người hành pháp - thi hành pháp luật theo cách hiểu của riêng mình. Nhưng sự xét xử, phán quyết, đúng sai là thẩm quyền riêng của Tòa án.

Pháp luật không chỉ dừng lại ở các quy định chung mà *cần phải chi tiết đến mức không cần có quy định dưới luật* hướng dẫn của các ban, các ngành. Pháp luật của Nhà nước, trước hết là luật của Quốc hội phải có khả năng trực tiếp đi vào cuộc sống. Hạn chế trường hợp luật của Quốc hội phải đợi có nghị định của Chính phủ ; các quy định

(Xem tiếp trang 62)

(8) GS. Phan Đại Doãn, TS. Bùi Xuân Đính : *Sđđ* tr 895

(9) Học viện Hành chính Quốc gia : *Sđđ*, tr 100

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CÁN SỰ ĐẢNG CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Lời Bộ biên tập :

Vừa qua, tại Hà Nội, Ban Tổ chức Trung ương và Tạp chí Cộng sản phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học - thực tiễn : “Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Cán sự đảng các cơ quan Trung ương”.

Gần 200 đồng chí là bí thư, phó bí thư ban cán sự đảng các bộ, ngành, tổng công ty, các nhà khoa học và hoạt động thực tiễn đã tới dự. Nhiều vấn đề thiết thực và những nội dung quan trọng liên quan trực tiếp đến việc nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Cán sự đảng các cơ quan Trung ương đã được trình bày tại Hội thảo.

Sau đây, chúng tôi giới thiệu với bạn đọc Báo cáo đề dẫn và Tổng quan Hội thảo.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

TẠ XUÂN ĐẠI *

HỘI nghị Trung ương 3 (khóa VII) đã ra Nghị quyết “Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng”, khẳng định các nguyên tắc, yêu cầu, phương châm và nội dung đổi mới, chỉnh đốn Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Một trong các quyết định quan trọng của Trung ương là lập lại ban cán sự đảng trong cơ quan hành pháp,

tư pháp và một số doanh nghiệp trọng yếu của Nhà nước. Ngày 14-11-1992, Bộ Chính trị đã có các quyết định : thành lập Ban Cán sự đảng Chính phủ ; ban cán sự đảng các bộ và cơ quan ngang bộ ; Ban Cán sự đảng Tòa án Nhân dân tối cao và Ban Cán sự đảng Viện

* Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương

Kiểm sát Nhân dân tối cao. Tiếp đó, ngày 10-7-1993, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra quyết định thành lập ban cán sự đảng ở các tổng công ty, liên hiệp các xí nghiệp trọng yếu của Nhà nước. Năm 1995, Ban Tổ chức Trung ương đã hướng dẫn quy chế hoạt động của ban cán sự đảng. Năm 1998, Ban Tổ chức Trung ương đã mở hội nghị rút kinh nghiệm hoạt động của ban cán sự đảng. Và ngày 4-1-1999 có hướng dẫn về Quy chế làm việc của ban cán sự đảng các cơ quan trung ương. Căn cứ vào hướng dẫn này, ban cán sự đảng các cơ quan trung ương đã xây dựng quy chế hoạt động và thực hiện khá tốt.

Qua 10 năm, hoạt động của ban cán sự đảng các cơ quan trung ương đã đạt nhiều kết quả :

1. Về tổ chức

Thực hiện quy định của Điều lệ Đảng và Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), đến nay đã hình thành tổ chức các ban cán sự đảng.

Cấp trung ương đã lập 45 ban cán sự đảng ở các cơ quan Chính phủ ; Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao ; Tòa án Nhân dân tối cao ; các bộ ; cơ quan ngang bộ ; tổng cục và ban cán sự đảng ở 4 tổng công ty nhà nước...

Số lượng ủy viên mỗi ban cán sự đảng có từ 3 đến 10 đồng chí, trong đó 22 đơn vị có từ 3 đến 5 đồng chí ; 23 đơn vị có từ 6 đến 10 đồng chí, 9/45 ban cán sự đảng có phó bí thư. Theo cơ cấu quy định, tham gia ban cán sự đảng bao gồm các đồng chí lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan, đơn vị : bộ trưởng, thứ trưởng, tổng cục trưởng, phó tổng cục trưởng, bí thư đảng ủy cơ quan, vụ trưởng vụ tổ chức, cán bộ, chủ tịch chuyên trách công đoàn ngành (nếu có).

Cơ cấu nhân sự của hầu hết các ban cán sự đảng đồng nhất với cơ cấu nhân sự của cơ quan lãnh đạo. Cơ cấu đó có mặt thuận lợi về

sự phối hợp giữa công tác đảng và công tác quản lý, điều hành, nhưng cũng dễ dẫn tới sự trùng lặp về nhiệm vụ, quyền hạn giữa ban cán sự đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị. Rút kinh nghiệm từ thực tế, trong nhiệm kỳ Đại hội VIII, Bộ Chính trị đã có chủ trương tiến hành đổi mới về cơ cấu và số lượng thành viên Ban Cán sự đảng Chính phủ.

Theo đánh giá của các ban cán sự đảng số lượng và cơ cấu nhân sự ban cán sự đảng ở Chính phủ và các bộ, ngành nêu trên là phù hợp, bảo đảm vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng, bao quát được các mặt công tác chủ yếu của cơ quan hành pháp, tư pháp.

2. Hoạt động của các ban cán sự đảng

a) Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

Ban cán sự đảng đã tập trung lãnh đạo việc chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của Bộ Chính trị ; thể chế hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, nêu ý kiến đề chỉ đạo việc chuẩn bị các dự án luật, nghị định trình Quốc hội và Chính phủ ; từng bước, hình thành xây dựng, tiến tới hoàn thiện hệ thống pháp luật, chất lượng ngày càng cao hơn.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ban cán sự đảng là quán triệt các nghị quyết của Đảng. Ban cán sự đảng các bộ, ngành chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động dài hạn, ngắn hạn ; các vấn đề mang tính chất chủ trương lớn, quan trọng, phức tạp đều được đưa ra thảo luận và quyết định trong ban cán sự đảng. Các ban cán sự đảng đặc biệt coi trọng việc chỉ đạo, quán triệt và thực hiện đường lối của Đảng ; đồng thời, tổ chức nghiên cứu, đề xuất với Bộ Chính trị các chủ trương, biện pháp triển khai hoạt động đối nội, đối ngoại nhằm tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp phát

triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hoạt động của Ban Cán sự đảng Chính phủ đã đảm bảo mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, coi trọng việc thực hiện chế độ báo cáo, xin ý kiến của Bộ chính trị về những vấn đề quan trọng thuộc chủ trương, chính sách lớn... Do vậy, nhìn chung các mặt hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ được thuận lợi. Các vấn đề về quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng được triển khai kịp thời, đúng đắn.

Các ban cán sự đảng ở các bộ, ngành trung ương đã tập trung lãnh đạo xây dựng chiến lược phát triển ngành từ năm 1996 đến năm 2000, 2005, 2010 ; xây dựng chương trình dài hạn, trung hạn và ngắn hạn về thực hiện nhiệm vụ chính trị của bộ, ngành.

Ban Cán sự đảng Chính phủ và ban cán sự đảng các bộ, ngành đã quan tâm lãnh đạo việc xây dựng pháp luật tạo ra sự chuyển biến trong việc thể chế hóa nghị quyết của Trung ương ; chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng từng bước được bổ sung ; hoàn thiện các chủ trương, tạo môi trường ổn định và thuận lợi cho sự phát triển của các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo ; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển, huy động sử dụng các nguồn lực, tăng tích lũy để tạo vốn đầu tư phát triển.

Ban cán sự đảng được lập ra ở các cơ quan tư pháp, tòa án, viện kiểm sát đã chú trọng lãnh đạo các cơ quan đó quán triệt và tổ chức có hiệu quả đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Ban cán sự đảng ở đây đã đề xuất với Đảng những chủ trương, phương pháp cho từng lĩnh vực, phù hợp với nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan ;

tập trung giải quyết tình trạng án tồn đọng, xét xử theo pháp luật, đúng đường lối của Đảng ; tham gia xây dựng dự án luật, tiến tới xây dựng được nền tư pháp công bằng, dân chủ, văn minh, phục vụ nhân dân.

Ban cán sự đảng các doanh nghiệp trọng yếu được lập thí điểm ở một số lĩnh vực như : dầu khí, xăng dầu. Ban cán sự đã thực hiện tốt việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của toàn tổng công ty, của từng doanh nghiệp thành viên ; đổi mới cơ chế quản lý, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, huy động, sử dụng các nguồn nhân lực, tăng tích lũy để tạo vốn đầu tư phát triển, thực hiện đúng chủ trương của Đảng là tổng công ty nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

b) Lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ

Ban Cán sự đảng Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan chức năng kiện toàn tổ chức bộ máy Chính phủ và cơ quan chính quyền địa phương. Nhiều ban cán sự đảng trong những năm qua đã lãnh đạo quán triệt và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy chế độ tập thể lãnh đạo, xem xét, quyết định việc kiện toàn tổ chức và triển khai công tác cán bộ, chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ (đến nay, đã có 7 vạn cán bộ khối nhà nước được đào tạo và đào tạo lại). Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhiều nơi đã tiến hành xây dựng tiêu chuẩn cán bộ cụ thể, lựa chọn, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý chuẩn bị cho các năm sau. Gần đây, các ban cán sự đảng đang tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ.

Ban cán sự đảng đã góp phần làm cho công tác cán bộ có một số chuyển biến quan trọng :

Bảo đảm được nguyên tắc quản lý cán bộ : Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị.

Bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ. Việc đánh giá, bổ nhiệm, xử lý kỷ luật cán bộ đều do tập thể quyết định. Nhiều đơn vị đã khắc phục tình trạng nhận xét, đánh giá đề bạt cán bộ lệ thuộc vào ý kiến của cá nhân có thẩm quyền. Khi có yêu cầu đề bạt cán bộ lãnh đạo, các ban cán sự đảng đã thực hiện theo quy chế bổ nhiệm do Trung ương quy định, tiến hành các bước công tác chuẩn bị lãnh đạo, lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt. Việc thẩm định các phương án cán bộ trình Bộ Chính trị đã theo đúng quy trình, sự phối hợp giữa ban cán sự đảng và các ban đảng đã đảm bảo nguyên tắc quản lý cán bộ của Đảng.

Ban cán sự đảng ở nhiều bộ, ngành đã nêu ra và thực hiện thành công việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trong ngành theo nhiệm kỳ, bước đầu đạt kết quả tốt. Số cán bộ được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ có điều kiện đổi mới, trẻ hóa, năng động hơn.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ quản lý ở khá nhiều cơ quan đảng, nhà nước chưa được thực hiện cơ chế bổ nhiệm theo nhiệm kỳ. Thực tiễn xây dựng đội ngũ cán bộ cho thấy, cần mở rộng việc thực hiện cơ chế bổ nhiệm cán bộ các ngành, các cấp theo nhiệm kỳ. Chỉ như vậy mới có cơ sở để thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ.

c) Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

Nhiều ban cán sự đảng đã chú ý, quan tâm chỉ đạo công tác kiểm tra của Đảng thông qua bộ máy chuyên môn. Ở một số nơi, ban cán sự đảng đã định kỳ làm việc với đảng ủy, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc để kiểm tra tình hình nội bộ, phối hợp với các cơ quan chức năng và cấp ủy địa phương để tiến hành công tác kiểm tra trong ngành, xử lý các sai phạm, nhất là những vụ, việc phát sinh, những cơ sở yếu kém. Chẳng hạn, Ban Cán sự đảng Bộ Công nghiệp đã lãnh đạo phối hợp với Ủy ban Kiểm tra của Đảng và các cơ quan nội chính trong công tác kiểm tra, nêu chủ trương, giải pháp, chỉ đạo tập trung việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, chấn chỉnh các mặt quản lý, xử lý những sai phạm ở một số tổng công ty và công ty trực thuộc. Ban Cán sự đảng Tổng cục Hải quan, Bộ Thương mại, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao đã tăng cường công tác kiểm tra nội bộ.

Nhiều ban cán sự đảng đã phối hợp với cấp ủy địa phương để quản lý, kiểm tra cán bộ, thực hiện công tác xây dựng Đảng đối với các đơn vị thành viên như các Tổng công ty Dầu khí, Xi-măng, Xăng dầu.

Thông qua công tác kiểm tra, ban cán sự đảng và lãnh đạo bộ, ngành, đơn vị thấy được những vướng mắc, khó khăn, những vấn đề cần xử lý, những thiếu sót, sơ hở trong cơ chế quản lý để chấn chỉnh. Đồng thời, chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng, bổ sung chính sách, cơ chế cho phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước.

Tuy nhiên, theo báo cáo của nhiều ban cán sự đảng, công tác kiểm tra vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Nói chung, công tác

kiểm tra thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cũng như thực hiện nhiệm vụ chính trị ở bộ, ngành vẫn là một khâu yếu.

d) Phối hợp với cấp ủy thực hiện công tác xây dựng Đảng

Các ban cán sự đảng đã phối hợp với đảng ủy cơ quan, đảng ủy khối Trung ương, các ban đảng của Trung ương, cấp ủy địa phương trong việc triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết, trong công tác xây dựng tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên. Nhiều ban cán sự đảng có chỉ đạo phối hợp chặt chẽ nên công tác xây dựng Đảng có hiệu quả rõ rệt.

Tuy nhiên, vẫn còn có ban cán sự đảng chưa quán triệt đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình. Có nơi, ban cán sự đảng đã tự coi mình là cấp trên của đảng ủy cơ quan, nên hạn chế vai trò của đảng ủy cơ quan. Có ban cán sự đảng chưa thực sự quan tâm phối hợp với đảng ủy khối, các ban đảng của Trung ương, với đảng ủy cơ quan trong việc triển khai công tác xây dựng Đảng.

3. Về phương thức hoạt động của ban cán sự đảng

Nói chung, các ban cán sự đảng đã coi trọng việc xây dựng quy chế làm việc sau khi có quyết định thành lập và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Năm 1999, các ban cán sự đảng đã bổ sung, hoàn chỉnh quy chế mới. Một số nơi đã sơ kết, rút kinh nghiệm, bổ sung quy chế, làm rõ chức năng lãnh đạo của tổ chức đảng, chức năng quản lý, điều hành của thủ trưởng bộ, ngành.

Qua thực tế 10 năm hoạt động của ban cán sự đảng có thể rút ra một số điểm chủ yếu sau đây :

Trong các phiên họp của Ban Cán sự đảng Chính phủ, ban cán sự đảng bộ, ngành nhìn

chung đã thảo luận tập thể về những vấn đề quan trọng, nhất là việc quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị về công tác tổ chức, cán bộ.

Các kỳ họp của Ban Cán sự đảng Chính phủ chú trọng bàn các chủ trương về xây dựng dự án luật, chính sách lớn, nhân sự thuộc Chính phủ trình Bộ Chính trị.

Ban Cán sự đảng Chính phủ thực hiện nền nếp chế độ báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị về các vấn đề trọng yếu.

Nhiều ban cán sự đảng đã phối hợp với các cấp ủy đảng địa phương để có phương hướng giải pháp xây dựng tổ chức cơ sở đảng, về công tác cán bộ ở các đơn vị đó, thông báo với cấp ủy tỉnh, thành phố về việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị thành viên của bộ, ngành đóng ở địa phương.

Một số ban cán sự đảng vẫn còn lúng túng trong việc thực hiện quy chế làm việc, chưa duy trì tốt chế độ sinh hoạt định kỳ, chế độ báo cáo thường kỳ với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Trong các mối quan hệ hiện nay nổi lên những vướng mắc về mối quan hệ giữa Ban Cán sự đảng Chính phủ với các ban cán sự đảng bộ, ngành, ban cán sự đảng tổng công ty hoặc ngược lại. Làm thế nào để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định trong khi hệ thống chính quyền là quan hệ trên dưới ; nhưng hệ thống đảng là quan hệ phối hợp. Về mối quan hệ giữa ban cán sự đảng với các cấp ủy địa phương nhìn chung vẫn chưa có sự phối hợp tốt theo quy định.

Tóm lại, trong 10 năm qua, hoạt động của các ban cán sự đảng ở Trung ương nhìn chung đã làm được một số kết quả cơ bản như sau :

- Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng về tổ chức ở các cơ quan nhà nước ; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của ban cán sự đảng ở cơ quan, đơn vị theo quy định.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác tổ chức, cán bộ, thảo luận và quyết định tập thể những vấn đề quan trọng, then chốt về nhiệm vụ chính trị của các bộ, ngành. Xây dựng chương trình hành động, đổi mới phương thức lãnh đạo từng bước phù hợp với đặc thù, thực tiễn và định hướng phát triển của từng ngành.

- Thông qua ban cán sự đảng, sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với các hoạt động của cơ quan nhà nước được thuận lợi hơn.

Tuy vậy, hiện nay đang tồn tại một số vướng mắc khó khăn, bất cập cần có biện pháp khắc phục, tháo gỡ :

- Đầu mối các ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương nhiều, song Bộ Chính trị, Ban Bí thư vẫn chưa có điều kiện thực hiện chế độ làm việc và kiểm tra hoạt động của các ban cán sự đảng một cách định kỳ, thường xuyên.

- Những vấn đề về công tác cán bộ mà trách nhiệm của Ban Cán sự đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành, các ban đảng và các đảng ủy khối cơ quan trung ương phân biệt trách nhiệm, ranh giới như thế nào cho đúng, trên thực tế còn chồng chéo, trách nhiệm chưa rõ, nhất là đối với những cán bộ diện Trung ương quản lý.

- Chưa có quy định rõ những vấn đề ban cán sự đảng cần xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư ; những vấn đề giải quyết theo thẩm quyền do luật định.

- Về tổ chức, Ban Cán sự đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành, các tổng công ty nhà nước, hình thành ở ba cấp đều trực

thuộc Bộ Chính trị. Nhưng về mặt hành chính, các cơ quan này lại nằm trong hệ thống chỉ đạo, điều hành của Chính phủ nên việc xử lý mối quan hệ chưa được rành mạch. Việc lập ban cán sự đảng ở cơ quan sự nghiệp của Đảng (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) hoặc ở Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, một số đơn vị, cơ quan trực thuộc Chính phủ (không phải là cơ quan hành pháp, tư pháp) cần được nghiên cứu sao cho thích hợp.

- Ở nhiều nơi, ban cán sự đảng mới chú trọng nhiều về công tác cán bộ, chưa quan tâm đúng mức đến các mặt lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng, đấu tranh khắc phục các mặt tiêu cực, nhất là tình trạng quan liêu, tham nhũng. Sinh hoạt của một số ban cán sự đảng chưa đều, nội dung còn lẫn với cơ quan chính quyền.

Để kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của ban cán sự đảng các cơ quan Trung ương, tại Hội thảo này, trước hết cần quán triệt kết luận của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (khóa IX) : "Hoàn thiện quy chế, tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo và lề lối làm việc của ban cán sự đảng ở một số tổng công ty ; mối quan hệ và lề lối làm việc giữa ban cán sự đảng bộ, ngành Trung ương với các ban thường vụ tỉnh, thành ủy trực thuộc trung ương". Đề nghị các đồng chí tập trung làm rõ một số vấn đề sau :

1. Về tổ chức của ban cán sự đảng. Nên tổ chức lại thế nào ? Nơi nào cần, nơi nào không cần thiết phải lập ban cán sự đảng mà vẫn bảo đảm được vai trò lãnh đạo của Đảng ? Cơ cấu nhân sự ban cán sự đảng có cần bổ sung điều chỉnh các chức danh như đã quy định hay không ?

2. Về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ, cần bổ sung những vấn đề gì ? Đặc biệt là mối quan hệ giữa Ban Cán sự đảng Chính phủ với ban cán sự đảng các bộ, ngành, ban cán sự đảng các tổng công ty nhà nước ; mối quan hệ giữa ban cán sự đảng với các ban đảng của Trung ương, mối quan hệ giữa ban cán sự đảng với các cấp ủy địa phương, với đảng ủy cơ quan ?

3. Việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của các ban cán sự đảng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương có vấn đề gì cần bổ sung, điều chỉnh ?

4. Có những kiến nghị gì với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các ban đảng của Trung ương, với các cấp ủy địa phương để các ban cán sự đảng hoạt động có hiệu quả hơn. □

TỔNG QUAN HỘI THẢO

SAU Báo cáo đề dẫn của đồng chí Tạ Xuân Đại, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương đã phát biểu ý kiến chỉ đạo Hội thảo. Đồng chí hoan nghênh sáng kiến của Ban biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương tổ chức cuộc Hội thảo có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng này. Đồng chí khẳng định, ban cán sự đảng (BCSD) là một tổ chức đặc biệt, rất cần thiết trong điều kiện chuyển đổi nền kinh tế nước ta từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hoạt động của BCSD là hoạt động của một tổ chức đặc thù trong hệ thống tổ chức của Đảng.

Thực tiễn 15 năm qua càng khẳng định sự cần thiết, sự đúng đắn và tính hiệu quả của BCSD. Tuy nhiên, hiện nay, ở không ít nơi, BCSD còn bộc lộ những yếu kém, bất cập, lúng túng trong hoạt động. Đồng chí

Trần Đình Hoan nhấn mạnh một số điểm và đề nghị các đại biểu tập trung thảo luận làm rõ các vấn đề : bằng cách nào để nâng cao chất lượng hoạt động của các BCSD ? Làm thế nào để BCSD thật sự là "linh hồn" của Đảng tại các bộ, ngành, tổng công ty ? Đây là những vấn đề nổi cộm cần đi sâu nghiên cứu, tháo gỡ. Đồng chí Trần Đình Hoan nhấn mạnh : Đã đến lúc chúng ta cần phải xem xét một cách toàn diện, khách quan, đánh giá đúng thành tựu cũng như những yếu kém, bất cập, trên cơ sở đó tìm ra những giải pháp để phát huy thành tựu, khắc phục khó khăn, yếu kém, tháo gỡ vướng mắc để BCSD các bộ, ngành, tổng công ty hoạt động ngày càng có chất lượng và hiệu quả hơn, theo đúng quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng.

Sau ý kiến phát biểu của đồng chí Trần Đình Hoan, các đại biểu dự Hội thảo đã trao đổi sôi nổi, thẳng thắn về những vấn đề mà chủ đề cuộc Hội thảo đặt ra quanh các vấn đề về tổ chức, bộ máy, quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ, những vướng mắc, khó khăn, cơ

chế phối hợp và những kiến nghị nhằm tạo ra sự thống nhất, đồng bộ và điều kiện thuận lợi để hoạt động của BCSD ngày càng đạt hiệu quả cao.

Những nội dung chính được các đại biểu đề cập trong Hội thảo gồm :

1. Nơi nào thật sự cần thiết có ban cán sự đảng, cơ cấu tổ chức và bộ máy của nó ra sao ?

Các đại biểu đồng tình, nhất trí với bản Báo cáo đề dẫn của Ban tổ chức Hội thảo, đã đánh giá khá đầy đủ những mặt được và chỉ ra những vướng mắc, khó khăn của BCSD thời gian qua. Các đại biểu đều cho rằng cần tổ chức các cuộc hội thảo khoa học để đánh giá, đúc rút kinh nghiệm, tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, hoàn chỉnh quy định, quy chế để BCSD các bộ, ngành, tổng công ty hoạt động có nền nếp, chất lượng và hiệu quả hơn. Các tham luận đều khẳng định sự cần thiết phải có BCSD ở các bộ, ngành, tổng công ty. Ở các bộ, ngành, tổng công ty nhà nước đều có các đảng ủy, nhưng hoạt động của đảng ủy ở đây còn nhiều hạn chế nên việc quán triệt, triển khai, thực hiện nghị quyết cần có BCSD để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. BCSD giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết. Vì thế, có thể coi BCSD là "linh hồn" của Đảng tại các bộ, ngành, tổng công ty nhà nước. Nhiều đại biểu đã khẳng định chất lượng, hiệu quả của các BCSD góp phần thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, phát triển kinh tế - xã hội và làm tốt công tác tổ chức, cán bộ. Nhiều đại biểu khẳng định những mặt được của BCSD là cơ bản, nhấn mạnh, trong điều kiện Đảng cầm quyền, việc thành lập BCSD ở các bộ, ngành, tổng công

ty trọng yếu của Nhà nước là đương nhiên và cần thiết. Các cấp ủy đảng và đảng viên trong bộ, ngành, tổng công ty phải thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của BCSD để bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng.

Tuy nhiên, hiện nay ở nhiều nơi, ngay cả ở những bộ, ngành, tổng công ty, BCSD hoạt động còn rất nhiều hạn chế, nội dung thiếu thống nhất, lúng túng, bất cập. Không ít nơi, BCSD hoạt động còn hình thức. Không phải ở đâu có BCSD thì ở đó việc thực hiện nghị quyết, công tác cán bộ, công tác kiểm tra đều tốt. Ngược lại, thực tế nhiều nơi vẫn còn xảy ra tình trạng chông chéo, lẫn lộn chức năng, nhiệm vụ, thêm tầng nấc, bộ máy dẫn tới công việc kém hiệu quả.

Vậy ở bộ, ngành, tổng công ty nào cần có BCSD ? Qua trao đổi, thảo luận, đa số ý kiến khẳng định rằng : *Tùy từng điều kiện, hoàn cảnh, đặc điểm tình hình ở từng nơi mà cần hay không cần lập BCSD. Nói chung, ở các bộ, ngành, tổng công ty nhà nước có hệ thống dọc, rộng khắp từ trung ương đến các địa phương thì nhất thiết phải có BCSD.* Ngoài ra, một số đại biểu đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư nên lựa chọn một số lĩnh vực, đơn vị sự nghiệp có vị trí, vai trò then chốt quyết định sự phát triển của đất nước hoặc những tổng công ty nhà nước không có đảng bộ toàn tổng công ty để lập BCSD.

Về cơ cấu tổ chức và bộ máy giúp việc cho BCSD, phần lớn các tham luận đều thống nhất cách tổ chức như đã quy định. Nghĩa là, cơ cấu nhân sự của hầu hết các BCSD đồng nhất với cơ cấu nhân sự của cơ quan lãnh đạo. Nhưng các đại biểu kiến nghị nên quy định thống nhất, rõ ràng hơn về tổ chức, chức danh của BCSD. Chẳng hạn, nên quy định trong

BCSD có bí thư, phó bí thư và các ủy viên BCSD. Vì, hiện nay mới chỉ có 9/45 BCSD có phó bí thư, cho nên nhiều khi đồng chí bí thư đi vắng lâu ngày, nhiều công việc phải chờ đợi người có thẩm quyền giải quyết, gây nên sự ách tắc, chậm trễ trong lãnh đạo, điều hành công việc. Ngoài ra, một số đại biểu cho rằng, để tránh hình thức, không nhất thiết tất cả các đồng chí thứ trưởng đều tham gia BCSD của bộ. Có ý kiến đề nghị, BCSD ở các tổng công ty chỉ cần quy định có các chức danh như chủ tịch hội đồng quản trị, phụ trách tổ chức, cán bộ và một số ủy viên hội đồng quản trị. Nhiều đại biểu phản ánh những khó khăn, ách tắc, chậm trễ khi BCSD không có bộ máy giúp việc chuyên trách. Do đó, trong quy chế sửa đổi cần quy định rõ, BCSD có bộ máy giúp việc chuyên trách; có thể có chức danh chánh văn phòng BCSD.

2. Về chức năng, nhiệm vụ của ban cán sự đảng

Nhiều đại biểu dự Hội thảo đã đóng góp ý kiến sâu sắc về vấn đề này. Các ý kiến đều thống nhất với hướng dẫn của Trung ương quy định chức năng, nhiệm vụ của BCSD ; đồng thời, nhất trí với những nhận định trong báo cáo đề dẫn của Ban tổ chức hội thảo. BCSD là một mô hình tổ chức đặc thù có chức năng thực hiện một số nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao. Đó là lãnh đạo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ mà đường lối, nghị quyết của Đảng trên phạm vi bộ, ngành, tổng công ty ; góp phần xây dựng đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện đường lối, nghị quyết ; lãnh đạo, chỉ đạo quản lý công tác tổ chức, cán bộ nói riêng và công tác xây dựng Đảng nói chung.

Tuy nhiên, vấn đề được nhiều đại biểu quan tâm, nêu ra là những vướng mắc, bất cập và kiến nghị cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, cụ thể hóa hơn nữa quy chế, chức năng, nhiệm vụ để BCSD hoạt động có chất lượng và hiệu quả cao hơn. Trong 4 nhiệm vụ được giao, nhiều ý kiến khẳng định các BCSD thực hiện khá tốt nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện đường lối, nghị quyết và nhiệm vụ về công tác tổ chức, cán bộ. Nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc chấp hành, thực hiện đường lối nghị quyết vẫn còn nhiều yếu kém và lúng túng. Nếu theo quy định của Điều lệ Đảng thì đồng chí bí thư BCSD phải thực hiện và chỉ đạo việc kiểm tra thực hiện Cương lĩnh, đường lối, nghị quyết của Đảng. Nhưng, do nhiều nguyên nhân, nhiều đồng chí bí thư BCSD chưa quan tâm và chưa làm tốt nhiệm vụ này. Đây cũng là một khâu yếu hiện nay. Hơn nữa, bộ máy giúp việc để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra cũng chưa được quy định trách nhiệm rõ ràng. Có đại biểu đặt câu hỏi, hiện nay còn có những BCSD hoạt động chưa nền nếp, chưa hiệu quả, vậy thì tổ chức nào và làm thế nào để kiểm tra, đôn đốc các BCSD này ? Một số đại biểu kiến nghị những tổ chức, cá nhân được giao chuẩn bị văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ cần rà soát các văn bản có liên quan để tránh chồng chéo, trùng lặp và mâu thuẫn giữa các văn bản.

Việc xây dựng quy chế làm việc của BCSD cần quy định rõ ràng chức trách, nhiệm vụ của các thành viên như bí thư, phó bí thư, các ủy viên BCSD ; quy định rõ mối quan hệ giữa BCSD ở bộ với đồng chí bộ trưởng. Hiện nay, vấn đề này chưa được xác định rõ. Quy định rõ chức trách, nhiệm vụ của các thành viên mới tránh được sự lẫn lộn giữa thủ trưởng cơ quan với bí thư BCSD,

giữa thủ trưởng với phó bí thư BCSĐ, v.v.. Đồng thời, khi đã quy định rõ chức trách mới khắc phục được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, hoặc có việc có nơi chồng chéo, có việc, có vị trí bị bỏ trống không có người phụ trách.

Một trong những vấn đề hầu hết các đại biểu quan tâm, kiến nghị là cần quy định rõ hơn nữa trách nhiệm, quyền hạn, sự khác nhau và giống nhau của BCSĐ Chính phủ và BCSĐ các bộ, ngành. Điều này sẽ chi phối và ảnh hưởng rất lớn đến mối quan hệ giữa BCSĐ Chính phủ với BCSĐ các bộ, ngành ; giữa BCSĐ Chính phủ với cấp ủy đảng các địa phương...

Mặc dù có nhiều ý kiến khác nhau, song Hội thảo đều thống nhất cho rằng, trong quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, phải phân định rõ chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng điều hành, quản lý của Nhà nước. Trong lĩnh vực kinh tế, bất kỳ một tổ chức đảng nào cũng không trực tiếp điều hành, bao biện, làm thay các cơ quan chính quyền.

3. Về phương thức hoạt động của ban cán sự đảng

Loại vấn đề này không có nhiều ý kiến khác nhau. Các ý kiến đều khẳng định để bảo đảm sự lãnh đạo, Đảng phải có phương thức phù hợp. Phương thức hoạt động của BCSĐ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số. Khi có ý kiến chưa thống nhất, nhất là giữa bí thư BCSĐ và các thành viên, cần tiếp tục thảo luận để tạo nên sự thống nhất. Nếu vẫn còn ý kiến khác nhau thì báo cáo đầy đủ các ý kiến đó lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư để xin ý kiến chỉ đạo. Phương thức lãnh đạo tập

thể sẽ đề phòng và tránh được hiện tượng độc đoán, chuyên quyền, v.v..

Ở một số nơi, BCSĐ sinh hoạt không đều như đã quy định, văn bản, tài liệu chưa được cung cấp đầy đủ, chưa chuẩn bị kỹ ý kiến trước khi họp. Do đó, chất lượng sinh hoạt chưa cao. Một số đại biểu kiến nghị, để từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo, bản thân mỗi thành viên BCSĐ cần nhận thức sâu sắc về chức năng, nhiệm vụ của mình và của cả BCSĐ. Đồng thời khắc phục tình trạng các thành viên BCSĐ chưa được cung cấp những thông tin và những tài liệu có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của BCSĐ một cách thường xuyên. Việc sinh hoạt của BCSĐ còn ít thời gian nên chất lượng, hiệu quả chưa cao. Các thành viên BCSĐ chưa thường xuyên đề xuất với bí thư BCSĐ những vấn đề cần đưa ra xem xét, hoặc cho ý kiến về những vấn đề cần thảo luận, quyết định theo đề nghị của thủ trưởng bộ, ngành. BCSĐ một số nơi chưa thực hiện đúng chế độ báo cáo, thông tin kịp thời với Bộ Chính trị, Ban Bí thư với những tổ chức, cơ quan có liên quan, nhất là về công tác tổ chức, cán bộ và công tác xây dựng Đảng.

4. Mối quan hệ công tác của ban cán sự đảng

Đây là một nội dung lớn, liên quan đến nhiều tổ chức, cấp ủy đảng ; do đó, càng cần có nhiều ý kiến đóng góp dưới những góc độ khác nhau. BCSĐ theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có nhiều quan hệ với thủ trưởng cơ quan nhà nước, với các ban đảng của Trung ương, với cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương, với đảng ủy cơ quan và giữa các BCSĐ với nhau. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của BCSĐ như thế nào phụ thuộc có tính quyết định vào các mối quan hệ

này. Các đại biểu đều thống nhất và khẳng định : BCSĐ là tổ chức đảng do Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ định và chỉ đạo trực tiếp ; có mối quan hệ phối hợp công tác với thủ trưởng cơ quan nhà nước hoặc với các cấp ủy và tổ chức đảng có liên quan. Giữa các BCSĐ với nhau, về nguyên tắc tổ chức, không hình thành hệ thống tổ chức các cấp từ thấp đến cao, cũng có nghĩa là không có BCSĐ nào trực thuộc BCSĐ nào. Mỗi BCSĐ ở bộ, ngành, tổng công ty đều có vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nó. Mối quan hệ ở đây là mối quan hệ phối hợp.

Nội dung phối hợp giữa BCSĐ với các tổ chức và cấp ủy đảng cũng là một khía cạnh được các đại biểu tham gia nhiều ý kiến. Tất nhiên ở mỗi bộ, ngành, tổng công ty có những đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ khác nhau, không thể cụ thể hóa trong một bản quy chế chung. Nhưng các đại biểu đều thống nhất các nội dung phối hợp công tác như lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ; xây dựng phương hướng, kế hoạch, chiến lược phát triển, thực hiện nhiệm vụ công tác tổ chức, cán bộ ; kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ; phối hợp trong công tác xây dựng Đảng cần được đề cập trong bản quy chế.

Một số đại biểu kiến nghị các giải pháp bảo đảm mối quan hệ tốt giữa BCSĐ với các tổ chức, cấp ủy đảng. Đó là, phải xây dựng và hoàn thiện quy chế, quy định, xác định rõ nội dung phối hợp ; thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra ; tôn trọng hợp tác và tạo điều kiện cho nhau hoàn thành nhiệm vụ ; đoàn kết nhất trí ; chủ động phối, kết hợp, nhất là giữa những người đứng đầu cơ quan, tổ chức với nhau.

Một số đại biểu nhấn mạnh khía cạnh khác trong quan hệ phối hợp. Có ý kiến cho rằng, việc quy định mối quan hệ chỉ là "phương tiện", cho nên chỉ nêu lên những vấn đề thuộc về nguyên tắc, không thể chi tiết hết mọi mối quan hệ trong một văn bản. Phải nâng mối quan hệ trong công tác thành một "nghệ thuật". Khi đã thành một nghệ thuật thì sự quan hệ phối hợp sẽ vượt qua mọi khó khăn, trở ngại và đạt hiệu quả cao.

Nhiều đại biểu mong muốn và kiến nghị Trung ương sớm ban hành những văn bản về tổ chức và hoạt động của BCSĐ bảo đảm phù hợp với tình hình hiện nay, làm cơ sở để các BCSĐ hoạt động ngày càng đạt chất lượng và hiệu quả cao hơn, góp phần vào việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Kết thúc Hội thảo, thay mặt Ban tổ chức Hội thảo, PGS, TS Trần Quang Nhiếp, Phó Tổng Biên tập phụ trách Tạp chí Cộng sản, đã tổng hợp những ý kiến thảo luận thành 8 nhóm vấn đề có tính khái quát :

1. Sự cần thiết và đúng đắn của việc lập BCSĐ ở các cơ quan Trung ương, bộ, ngành, tổng công ty nhà nước trọng yếu.
2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của BCSĐ.
3. Nội dung và phương thức hoạt động của BCSĐ.
4. Đánh giá những mặt được, chưa được, hạn chế, bất cập của BCSĐ.
5. Cơ cấu, tổ chức, bộ máy của BCSĐ.
6. Mối quan hệ giữa BCSĐ với các tổ chức, cấp ủy đảng, ban, ngành, địa phương...
7. Một số vướng mắc, khó khăn cần tháo gỡ, khắc phục, giải quyết.
8. Một số kiến nghị cụ thể. □



NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH CỦA CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

HỒ VĂN NGÀ *

Để đánh giá sức cạnh tranh của sản phẩm và mức độ sẵn sàng hội nhập kinh tế quốc tế, cuối năm 2001 - đầu năm 2002, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã tiến hành khảo sát trực tiếp 11 nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực : dệt may, da giày, bánh kẹo, bia, máy cắt gọt kim loại, động cơ điện/đi-ê-den, xe đạp hoàn chỉnh, quạt điện, máy thu hình, sứ vệ sinh, thuốc kháng sinh... Đánh giá sơ bộ kết quả điều tra cho thấy :

- **Trình độ công nghệ** của hầu hết các cơ sở sản xuất được điều tra chỉ ở mức trung bình. Thậm chí công nghệ của nhiều doanh nghiệp sản xuất quạt điện, xe đạp hoàn chỉnh, động cơ điện/đi-ê-den được đánh giá là lạc hậu (nhiều máy móc, thiết bị có từ 20 - 30 năm trước và chưa được cải tiến), có nguy cơ bị tụt hậu tiếp nếu không sớm đổi mới. Một số doanh nghiệp sản xuất sứ vệ sinh - một mặt hàng thuộc nhóm sản phẩm tương đối mới được đánh giá là có công nghệ tương đối hiện đại.

- **Trình độ tay nghề của lao động** tại các doanh nghiệp phần lớn phù hợp với yêu cầu của công nghệ sản xuất hiện tại. Một số doanh nghiệp sản xuất sứ vệ sinh và động cơ điện/đi-ê-den có trình độ tay nghề của công nhân khá cao, có thể đáp ứng tốt yêu cầu trong quá trình phát triển thời gian

tới nếu làm tốt công tác tổ chức, sắp xếp lao động.

- **Vốn đầu tư và vốn lưu động** của nhiều doanh nghiệp thường xuyên bị thiếu. Tỷ lệ vốn và cơ cấu kỹ thuật bình quân trên một lao động còn thấp. Tại các doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo, động cơ điện/đi-ê-den, quạt điện, tình trạng thiếu vốn đang ở mức độ trầm trọng.

- **Sử dụng nguyên liệu** nhập khẩu tuy mức độ có khác nhau, tùy theo đặc điểm riêng của từng ngành sản xuất, nhưng là thực tế khá phổ biến trong tất cả các sản phẩm. Nhiều nguyên - phụ liệu chưa có nguồn thay thế trong nước. Ngành dệt may - da giày chủ yếu đang làm gia công để xuất khẩu, nên tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm rất thấp (khoảng 40% doanh nghiệp điều tra có tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm ở mức dưới 60%). Các sản phẩm như bánh kẹo, xe đạp hoàn chỉnh, động cơ điện/đi-ê-den, quạt điện, sứ vệ sinh có tỷ lệ nguyên liệu sử dụng từ nguồn trong nước khá cao.

- **Chất lượng** của các nhóm sản phẩm điều tra hầu hết đang được khách hàng chấp nhận. Theo các tiêu chí về chỉ tiêu kỹ

* TS, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội

thuật chính, về độ bền và tính năng sử dụng, các sản phẩm điều tra đều đạt mức ngang bằng với các sản phẩm là đối thủ cạnh tranh mạnh trên thị trường. Một số nhóm sản phẩm như quạt điện, sứ vệ sinh được đánh giá có chất lượng tương đối tốt. Tuy nhiên, khâu bao gói, mẫu mã, kiểu dáng và một số chỉ tiêu chất lượng riêng biệt còn kém so với các sản phẩm ngoại nhập.

- Về **giá cả**, một số sản phẩm có giá bán cao hơn so với giá của hàng ngoại nhập cùng loại. Lý do chính mà các nhà sản xuất trong nước nêu ra là, giá “đầu vào” của sản phẩm cao, trình độ lao động và năng suất lao động thấp. Giá cao trong khi chất lượng mới ở mức trung bình đã làm giảm đáng kể khả năng cạnh tranh của các nhóm sản phẩm.

- **Sản lượng và doanh thu** của các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm điều tra đều tăng hàng năm. Tình hình tiêu thụ của các sản phẩm cũng tương đối tốt, sản phẩm tồn kho không đáng kể. Tuy nhiên, **tỷ suất lợi nhuận** của các doanh nghiệp đều thấp, phần lớn ở mức dưới 5%. Một số doanh nghiệp sản xuất động cơ điện/đi-ê-zen và sản xuất máy thu hình còn bị lỗ trong 2 năm gần đây. Điều này cho thấy, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn còn thấp. Tốc độ tăng doanh thu của các sản phẩm điều tra hầu hết đều thấp so với tốc độ tăng giá trị sản xuất của công nghiệp Hà Nội, chứng tỏ vai trò của các sản phẩm này trong công nghiệp Hà Nội đang có nguy cơ bị giảm sút.

- Về **thị trường**, trong 11 nhóm sản phẩm điều tra, chỉ có sản phẩm thuộc nhóm dệt may và da giày chủ yếu để xuất khẩu sang các nước EU, Nhật Bản..., sản phẩm máy thu hình có lượng tiêu thụ ở thị trường

trong và ngoài nước gần như nhau, còn các sản phẩm khác được tiêu thụ tại thị trường trong nước. Có thể nói, tiềm năng thị trường trong nước còn khá lớn đối với các sản phẩm công nghiệp. Hiện nay, mặc dầu mức độ bảo hộ vẫn còn đáng kể, nhưng các sản phẩm này đều đang phải chịu sự cạnh tranh gay gắt của các sản phẩm sản xuất từ Trung Quốc, và từ các doanh nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh và của một số nước khu vực.

Tuy hầu hết các doanh nghiệp đều có mạng lưới tiêu thụ từ 2 cấp trở lên với các kênh phân phối trực tiếp và gián tiếp rộng khắp và khá thuận lợi ở trong nước, nhưng công tác nghiên cứu tiếp cận để mở rộng thị trường vẫn còn hạn chế, mạng lưới tiêu thụ ra thị trường xuất khẩu còn yếu kém.

Tóm lại, *các nhóm sản phẩm điều tra thuộc loại có sức cạnh tranh trung bình, tốc độ nâng cao sức cạnh tranh chậm trong điều kiện Nhà nước đang thực hiện chính sách bảo hộ*. Cho nên, cùng với việc Nhà nước đang giảm dần mức độ bảo hộ để phù hợp với lịch trình đã cam kết về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, các doanh nghiệp sẽ gặp rất nhiều khó khăn cả ở thị trường trong nước và nước ngoài. Vẫn còn không ít doanh nghiệp chưa có sự chuẩn bị cho hội nhập kinh tế quốc tế.

Trước thực trạng đó, để tăng cường sức cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế của các ngành công nghiệp Hà Nội, theo chúng tôi, trước mắt cần triển khai đồng bộ một số giải pháp sau :

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện các quy hoạch ngành, các chương trình, kế hoạch phát triển trên toàn địa bàn ; xây dựng những nhóm hàng, mặt hàng quan trọng để làm căn cứ cho việc hoạch định chiến lược đầu tư.

Trên cơ sở những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Chính phủ về đường lối phát triển kinh tế chung (Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết số 15/NQ-TW của Bộ Chính trị, Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố đến năm 2010...), Thủ đô Hà Nội cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch ngành. Quá trình lập các quy hoạch phải đặt trong mối quan hệ tổng thể trên địa bàn, vùng và cả nước, đồng thời nhất thiết phải tính tới yếu tố thị trường khu vực và quốc tế.

Trên cơ sở các quy hoạch ngành, cần sớm triển khai và cụ thể hóa thành các chương trình và kế hoạch phát triển cụ thể cho mỗi giai đoạn. Trong mỗi chương trình, kế hoạch phải xác định các mục tiêu phát triển, các dự án đầu tư. Đồng thời, nghiên cứu một cách tổng thể để lượng hóa những tác động ngược chiều và các giải pháp tổ chức thực hiện.

Xuất phát từ quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành kinh tế chủ lực, tiến hành nghiên cứu để xây dựng các nhóm sản phẩm hoặc sản phẩm quan trọng theo hướng đột phá vào những nhóm hàng, sản phẩm sử dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, có hàm lượng chất xám cao, coi trọng sản xuất các mặt hàng xuất khẩu hoặc có khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của các tỉnh lân cận và cả nước.

Thứ hai, mở rộng khả năng thu hút các nguồn vốn và xây dựng các cơ chế hỗ trợ cho các ngành kinh tế chủ lực của Thủ đô.

Thành phố nên chủ động tăng cường các hoạt động nghiên cứu, nắm bắt thông tin về tình hình, dự báo thị trường vốn đầu tư trên

thế giới để nhanh nhạy hơn trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên cơ sở đa phương hóa các đối tác đầu tư đi đôi với việc tạo thế chủ động trong mọi tình huống; lập các dự án đầu tư có tính khả thi cao về vốn đối ứng trong nước để kêu gọi các nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào phát triển các ngành kinh tế chủ lực. Doanh nghiệp phải chủ động huy động vốn từ các ngân hàng, các nguồn tín dụng ưu đãi, hoặc thông qua liên doanh, liên kết để thực hiện các dự án.

Thành phố cần sớm ban hành cơ chế hỗ trợ cho các doanh nghiệp về đất đai, về thuế, về vốn vay để tạo điều kiện phát triển các ngành kinh tế chủ lực của thành phố. Các cơ chế hỗ trợ này nên theo hướng đối xử bình đẳng và thống nhất đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Hướng ưu đãi nên theo ngành trọng điểm, các sản phẩm mũi nhọn, như: điện - điện tử, cơ khí - máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghệ thông tin, dịch vụ du lịch, trồng và chế biến nông sản sạch.

Thông qua thị trường vốn và các quỹ hỗ trợ đầu tư thích hợp để tập trung các nguồn vốn cho các dự án sản xuất sản phẩm mũi nhọn quy mô lớn, tránh tình trạng đầu tư dàn trải, để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa. Thành phố có chính sách ưu tiên bổ sung vốn cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có kế hoạch đầu tư cụ thể cho các doanh nghiệp đã có tiềm năng về cơ sở sản xuất, đội ngũ cán bộ kỹ thuật giỏi, công nhân tay nghề cao.

Thứ ba, đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Các doanh nghiệp cần đầu tư theo chiều sâu, hiện đại hóa thiết bị, đổi mới công

nghệ để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Hướng lựa chọn trước mắt là kết hợp công nghệ truyền thống, ít phức tạp, chi phí đầu tư không lớn, sử dụng nhiều lao động với việc lựa chọn áp dụng hợp lý một số công nghệ tiên tiến hiện đại ở những khâu nhất định nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và tiết kiệm chi phí. Nhanh chóng tiến tới hiện đại hóa, nâng cao trình độ công nghệ và máy móc thiết bị của toàn bộ dây chuyền sản xuất khi hội đủ điều kiện. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần quan tâm đến công tác tăng cường quản lý quy trình công nghệ trong sản xuất trên cơ sở hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO, TQM,...

Thành phố chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp sản xuất có hiệu quả; khuyến khích các doanh nghiệp khấu hao nhanh để tái đầu tư nhằm đổi mới thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm. Đối với thiết bị, nhà xưởng không sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả thuộc sở hữu Nhà nước thì khuyến khích chuyển đổi quyền sở hữu thông qua hình thức bán đấu giá để tạo nguồn vốn tái đầu tư.

Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan của Thành phố triệt để và nhất quán thi hành các hình thức ưu đãi dành cho đầu tư sản xuất đã được đề cập trong Luật Khuyến khích Đầu tư trong nước (sửa đổi), để giúp các doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng khoa học - công nghệ và các phương pháp quản lý tiên tiến như là một phần của chiến lược cạnh tranh, nhằm hợp lý hóa sản xuất và giảm giá thành sản phẩm. Rà soát các khâu liên quan đến các yếu tố đầu vào của doanh nghiệp, đặc biệt là các dịch vụ phục vụ chung cho các ngành như vận tải, bưu điện, điện,

nước, ngân hàng... tạo điều kiện giảm chi phí và rút ngắn chu kỳ sản xuất - tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp.

Thứ tư, tăng cường công tác xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư.

Các doanh nghiệp nên tích cực hơn nữa, chủ động tìm hiểu nắm bắt thông tin về thị trường, liên hệ với các tổ chức xúc tiến thương mại của Nhà nước để có thêm thông tin. Đặc biệt, phát huy tối đa quan hệ với các văn phòng đại diện thương mại, đầu tư và tư vấn của nước ngoài tại Việt Nam để thành lập liên doanh, tìm cách giới thiệu và tiếp thị hàng ra nước ngoài.

Tăng cường tiếp xúc với thị trường nước ngoài thông qua nhiều hình thức như tổ chức đi nghiên cứu thị trường, tham gia triển lãm trong và ngoài nước, tham dự các hội thảo, chương trình đào tạo ở nước ngoài... Để những hoạt động này đem lại hiệu quả cao nhất, doanh nghiệp phải có sự chuẩn bị hết sức chu đáo, kỹ lưỡng đối với từng hoạt động, tránh việc tham gia hời hợt, theo phong trào, gây lãng phí, kém hiệu quả.

Từng doanh nghiệp cần chủ động xây dựng chiến lược kinh doanh và chiến lược thị trường phù hợp với lộ trình hội nhập của quốc gia, chủ động đối mặt với môi trường cạnh tranh gay gắt hơn trên cả thị trường trong và ngoài nước. Cốt lõi của chiến lược kinh doanh, chiến lược thị trường là tạo thế chủ động trong kinh doanh, từ đó tiến hành hợp lý hóa quy trình sản xuất và quản lý để giảm chi phí sản xuất bình quân, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm. Tránh tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước.

Chú trọng cập nhật những thay đổi trong phương thức kinh doanh, phương thức tiếp cận thị trường và khách hàng trên thế giới

để có thể vận dụng trong điều kiện cho phép, đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại điện tử, các nghiệp vụ tự bảo hiểm tại các sở giao dịch kỳ hạn, kinh doanh chứng khoán... Coi trọng việc giữ gìn chữ tín trong kinh doanh.

Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động của Trung tâm xúc tiến thương mại Hà Nội, hỗ trợ có hiệu quả hơn cho các doanh nghiệp trong công tác xúc tiến thị trường, tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại và xúc tiến đầu tư ở trong và ngoài nước, nhằm giúp các doanh nghiệp có những thông tin về thị trường, về nhu cầu và khả năng đầu tư... Chú trọng đến thị trường trong nước trên cơ sở cung ứng kịp thời máy móc, thiết bị, công nghệ, sản phẩm và khai thác hết các tiềm năng về nguyên vật liệu có sẵn trong nước.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và trang web chính thức của Hà Nội, chú trọng kết hợp các nội dung tiếp thị sản phẩm hàng hóa và dịch vụ của các doanh nghiệp Hà Nội trên trang web này. Nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực thông tin kinh tế - thương mại trên địa bàn Thành phố. Thông qua mạng In-tơ-net, tổ chức giúp các doanh nghiệp nắm bắt các thông tin về thị trường khu vực và thế giới để tìm kiếm đối tác một cách nhanh nhất.

Phát triển hệ thống thông tin thị trường và các dịch vụ tư vấn hỗ trợ đầu tư cần thiết khác để mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, có quy mô sản xuất khác nhau có thể nắm bắt đầy đủ, cập nhật, chính xác tình hình thị trường trong và ngoài nước.

Thứ năm, chú trọng phát triển nguồn nhân lực trình độ cao.

Cần coi công tác đào tạo cán bộ, đào tạo các doanh nhân và người lao động có trình độ là một trong những nhân tố quyết định

thành công đối với sự phát triển kinh tế của Hà Nội. Xây dựng kế hoạch đào tạo thường xuyên để nâng cao trình độ cho đội ngũ giám đốc, cán bộ và công nhân của các doanh nghiệp, cụ thể :

- Tăng cường và mở rộng các hình thức đào tạo, nhất là hình thức đào tạo tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Dành một phần ngân sách cho công tác đào tạo đội ngũ quản lý doanh nghiệp (giám đốc, cán bộ nghiên cứu và ứng dụng) thuộc các thành phần kinh tế. Thành phố tổ chức những lớp đào tạo và bồi dưỡng giám đốc để dần dần hình thành một đội ngũ doanh nhân có năng lực, có khả năng xử lý linh hoạt trong cơ chế thị trường. Đồng thời cần phải có chính sách, cơ chế khuyến khích doanh nhân giỏi.

- Chú trọng đào tạo công nhân kỹ thuật, công nhân bậc cao, nhất là đối với lĩnh vực điện tử, tin học - công nghệ thông tin. Thành phố đầu tư nâng cấp và xây dựng mới một số trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao phù hợp với định hướng phát triển các ngành, sản phẩm chủ lực ; tranh thủ sự giúp đỡ viện trợ về đào tạo của chuyên gia nước ngoài giảng dạy tại các trung tâm này.

Thứ sáu, phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp trung ương trên địa bàn và với các tỉnh bạn.

Công bố các quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành kinh tế chủ lực của Hà Nội với các doanh nghiệp trung ương và các tỉnh, thành phố khác để phối hợp hoạt động. Phối hợp các dự án đầu tư lớn của Hà Nội với các doanh nghiệp trung ương, các tổng công ty và những địa phương có liên quan, đặc biệt trong việc đầu tư nâng cao tỷ lệ nội địa hóa các nguyên, phụ liệu đối với các ngành công nghiệp gia công, chế biến. □

TỪ Hội nghị tổng kết công tác năm 2000, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng đã tập trung bàn và thống nhất những biện pháp cụ thể nhằm từng bước đổi mới công tác tư tưởng - văn hóa trong tình hình mới. Một trong những biện pháp đầu tiên là đổi mới việc học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng một cách thiết thực và đạt hiệu quả cao

tập quán triệt các nghị quyết cho đảng viên và cán bộ cơ sở.

Sau khi triển khai học tập và quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã kịp thời rút kinh nghiệm, vận dụng đề cương của Ban Tư tưởng - văn hóa Trung ương, Tham mưu với Thường trực Tỉnh ủy, cử các đồng chí đại biểu vừa tham dự Đại

hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, trực tiếp thông báo nhanh kết quả Đại hội cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số

CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA Ở ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG

KHUẤT MINH PHƯƠNG *

nhất. Phát huy kết quả của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã kịp thời xây dựng kế hoạch hướng dẫn biên soạn đề cương tài liệu "HỎI - ĐÁP" cho đảng viên và quần chúng nhân dân ở cơ sở ; phục vụ việc nghiên cứu, học tập nghị quyết Đảng bộ tỉnh cho đội ngũ báo cáo viên. Nhờ vậy, đợt triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội VII của Đảng bộ tỉnh được các cấp ủy đảng tiến hành khá đồng bộ và nghiêm túc ; kết hợp chặt chẽ giữa việc triển khai học tập với việc xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. Đến cuối tháng 6-2001, 11 huyện, thị xã, thành phố (bằng 100% số đơn vị hành chính của tỉnh) và 7 đảng bộ trực thuộc đã hoàn tất việc triển khai học

của tỉnh. Cuối quý II-2001, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ động tham mưu với Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị 08/CT/TU về việc nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng ; mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cũng đã tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hai lớp nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX cho gần 400 cán bộ chủ chốt của tỉnh. Qua hai lớp học nói trên, hầu hết các đồng chí tham gia học tập đều đã nhận thức sâu sắc các nội dung,

* Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng

quan điểm Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Nhiều đồng chí đã liên hệ vận dụng với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, làm sáng tỏ thêm những biện pháp tổ chức thực hiện Nghị quyết trên nhiều lĩnh vực, nhiều ngành và các địa phương trong tỉnh. Tiếp theo các lớp của tỉnh tổ chức, các huyện, thị, thành và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã chỉ đạo cơ sở tập trung đợt triển khai học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội IX bảo đảm tiến độ đã đề ra. Tỷ lệ cán bộ - đảng viên tham gia đợt triển khai học tập quán triệt Nghị quyết đạt từ 87 đến 90%. Nhờ bước đầu đổi mới phương pháp nên việc học tập, quán triệt Nghị quyết đã đem lại những hiệu quả thiết thực. Đó là các huyện, thị, thành và đảng ủy trực thuộc đều thành lập Ban chỉ đạo lớp học ; hầu hết các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các báo cáo viên có năng lực đều được phân công làm báo cáo viên truyền đạt Nghị quyết. Nhìn chung các lớp học đều bảo đảm thời gian, có thảo luận, viết thu hoạch cá nhân. Nội dung các chuyên đề cần nghiên cứu sâu, được bố trí phù hợp với từng loại hình đảng bộ, chi bộ. Chẳng hạn, ngành Giáo dục - Đào tạo, nghiên cứu sâu chuyên đề "Phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Những huyện có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số thì đi sâu chuyên đề "Tăng cường quốc phòng, an ninh bảo vệ Tổ quốc và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân"... Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đã chú trọng vào một số vấn đề cấp bách cần tập trung giải quyết của địa phương, đơn vị mình.

Cùng với việc tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết cho cán bộ, đảng viên, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng coi trọng việc chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng như Báo Lâm Đồng, Đài Phát thanh - Truyền hình Lâm đồng và 11 đài phát thanh - truyền hình các huyện, thị, thành phố xây dựng kế hoạch, chương trình tuyên truyền một cách dài hơi, bảo đảm tính trọng tâm, trọng điểm trong từng thời gian. Đối với đội ngũ báo chí địa phương, lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trực tiếp truyền đạt Nghị quyết và tổ chức cho anh chị em biên tập viên, phóng viên thảo luận phù hợp với tính chất nghề nghiệp của người làm báo. Đồng thời, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy liên tục duy trì giao ban báo chí hằng tháng, kịp thời chỉ ra những thiếu sót, hạn chế trong việc tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và hướng dẫn nội dung, đề tài cần tuyên truyền cho tháng tới. Từ đó, dần dần nâng cao nhận thức cho đội ngũ làm báo, tạo điều kiện cho cán bộ, phóng viên chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền có hiệu quả hơn. Trong gần hai tháng tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX, ngoài tài liệu hướng dẫn tuyên truyền và nội dung "Hỏi - Đáp" cho riêng đồng bào các dân tộc thiểu số do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn, Báo Lâm Đồng, Đài phát thanh truyền hình Lâm Đồng đã dành các chuyên mục tuyên truyền về việc triển khai thực hiện Nghị quyết ; nội dung các câu hỏi, trả lời về Nghị quyết Đại hội IX và thường xuyên đưa tin, viết bài phản ánh phong trào thi đua của các địa phương, cơ sở triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Đi đôi với việc triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng luôn coi trọng kết hợp kiểm tra việc triển khai chương trình hành động của các ngành, các cấp, các địa phương, cơ sở gắn với việc thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư". Hằng tháng, hằng quý, từ các đồng chí lãnh đạo Ban đến các đồng chí trưởng phòng, chuyên viên phụ trách từng lĩnh vực được phân công xuống các huyện, thị, thành, các xã, phường, thị trấn để kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết và nắm bắt tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cùng với Ban Dân vận, các đoàn thể tham mưu cho cấp ủy quan tâm chỉ đạo tăng cường công tác an ninh tư tưởng, công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật, phòng chống tệ nạn xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số ; kết hợp lồng ghép với việc chăm lo xây dựng nông thôn, buôn, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa. Từ năm 1999 trở về trước, phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở tỉnh Lâm Đồng phát triển không đồng bộ và thiếu tính vững chắc. Đầu năm 2000 đến nay, cả 11 huyện, thị, thành phố đều tập trung chỉ đạo công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Chỉ sau hơn hai năm (2000 - 2001), toàn tỉnh đã có 70 cơ quan, đơn vị ; 220 thôn, khu phố và 120 000 gia đình đăng ký xây dựng đơn vị văn hóa và gia đình văn hóa. Cuối năm 2001, đã có 15 thôn, khu

phố được công nhận danh hiệu Làng Văn hóa, Khu phố Văn hóa ; 63 700 Gia đình Văn hóa và 150 Câu lạc bộ Gia đình Văn hóa. Do vậy, thời gian qua, tình hình chính trị, xã hội, nhất là vùng đồng bào các dân tộc thiểu số tương đối ổn định, không có biến động xấu xảy ra...

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc bám sát cơ sở, đổi mới phương pháp công tác tư tưởng - văn hóa, nhưng nhìn chung, công tác tư tưởng - văn hóa ở Lâm Đồng còn bộc lộ những khuyết điểm, hạn chế như việc nắm bắt diễn biến tư tưởng của các tầng lớp nhân dân có lúc, có nơi chưa kịp thời ; công tác thông tin - tuyên truyền đối với đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn hạn chế ; việc định hướng tuyên truyền của Ban Tuyên giáo các cấp chưa đảm bảo được các mục tiêu đề ra. Cụ thể là, công tác triển khai còn nặng về lý luận, chưa thực sự gắn với những diễn biến từ thực tiễn của cơ sở ; việc triển khai còn chậm và chưa đồng đều ; một số nơi còn nặng về hình thức mà chưa chú ý đến những mục tiêu và kết quả cần phải đạt được, v.v.

Phát huy những kết quả bước đầu trong công tác tư tưởng - văn hóa thời gian qua, Lâm Đồng đang tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng - văn hóa theo hướng mở rộng dân chủ, hướng về cơ sở, tăng cường đối thoại với các tầng lớp nhân dân, nhất là những vấn đề bức xúc mà dư luận quần chúng đang quan tâm.

Để đạt được các mục tiêu đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng đã xác định cần phải làm tốt những việc sau đây :

Một là, xây dựng một đội ngũ báo cáo viên tốt từ tỉnh đến cơ sở. Đội ngũ này phải có năng lực và kinh nghiệm để thực sự thuyết phục người nghe khi triển khai công tác tư tưởng văn hóa của mình.

Hai là, việc xây dựng các Nghị quyết phải bám sát và xuất phát từ tình hình thực tiễn của địa phương. Nghị quyết phải lý giải được những vấn đề mà địa phương đang quan tâm và cần phải giải quyết.

Ba là, để công tác tuyên giáo góp phần đắc lực vào giải quyết thỏa đáng những băn khoăn thắc mắc đang đặt ra cả về lý luận cũng như thực tiễn, cần đặc biệt chú trọng vào một số vụ việc nổi cộm, những vấn đề nóng hổi mà dư luận đang quan tâm.

Bốn là, nhằm không ngừng đáp ứng được các yêu cầu trên, cần phải thành lập một bộ phận chuyên trách đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Bộ phận này có trách nhiệm theo dõi, nắm bắt những diễn biến, những vấn đề nảy sinh ở cơ sở, giúp lãnh đạo có sự chỉ đạo và giải quyết nhanh chóng, kịp thời.

Năm là, tăng cường sự phối, kết hợp chặt chẽ và thường xuyên giữa báo cáo viên của địa phương (bao gồm những báo cáo viên đang làm việc và các đồng chí nguyên là báo cáo viên đã nghỉ hưu, nhưng giỏi và dày dặn kinh nghiệm) với báo cáo viên và các chuyên gia đầu ngành của trung ương, từ đó gắn kết được các vấn đề bao quát với các vấn đề cụ thể ; vấn đề cả nước với vấn đề của từng địa phương, tạo ra những cách làm phong phú mới mẻ trong công tác tư tưởng - văn hóa, thực sự hấp dẫn, cuốn hút người nghe.

Sáu là, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức thường xuyên các cuộc tọa đàm giữa các thế hệ báo cáo viên (cán bộ đang làm việc với cán bộ lão thành) để trao đổi kinh nghiệm, thống nhất những nội dung của công tác tư tưởng, đưa ra những đánh giá, nhận định chính xác và khách quan các vấn đề mà dư luận đang quan tâm nhằm góp phần định hướng dư luận cho quần chúng. Có chính sách đãi ngộ, đào tạo cán bộ tuyên truyền về cả trước mắt lẫn lâu dài. Phấn đấu từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn.

Ban Tuyên giáo tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức việc học tập, quán triệt các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) một cách thiết thực và hiệu quả theo tinh thần Chỉ thị số 11/CT-BBT của Ban Bí thư Trung ương Đảng vừa ban hành ngày 8-4-2002. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy sẽ chỉ đạo Ban Tuyên giáo các huyện, thị, thành phố sớm triển khai và đưa vào cuộc sống "Nghị quyết về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới", tham mưu cho các cấp ủy đảng đánh giá đúng thực trạng tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở đơn vị, địa phương, cơ sở của mình. Trên cơ sở đó, đề ra những biện pháp cụ thể, sát sao nhằm phát huy những ưu điểm, hạn chế các khuyết điểm, tạo nên sự nhất trí cao trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên ; tạo ra sự đồng thuận cao trong xã hội, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng và nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2002. □



Để thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, ta chủ trương xây dựng cho cán bộ, nhất là cán bộ dân vận, tác phong “gần dân, hiểu dân, tận tụy và có trách nhiệm với dân”. Yêu cầu là :

“Nghe được dân nói

Nói để dân hiểu

Làm để dân tin

Hướng dẫn dân làm”

Cái vế “*nghe được dân nói*” xem ra có nhiều cách hiểu.

Có ý kiến cho rằng : làm công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, muốn “*nghe được dân nói*”, nhất thiết phải biết tiếng dân tộc, nếu không chẳng khác gì người điếc nghe đài phát thanh.

Có ý kiến nói : Ở vùng nào cũng vậy, nghe được dân nói không thể chỉ đọc báo cáo (nghe qua thông tin đã bị chế biến) mà phải

NGHE ĐƯỢC DÂN NÓI

MAI NINH

trực tiếp với dân, trò chuyện với dân.

Ý kiến khác lại bảo : Trực tiếp với dân, chưa chắc đã “*nghe được dân nói*”. Bởi nghe được tiếng, nghe được lời nhưng tiếng nói đó, lời nói đó là không thật lòng thì cái “*nghe*” được này cũng chẳng có nghĩa lý gì. “*Nghe được dân nói*” cần được hiểu là “*nghe được dân nói thật*”.

Trong cuộc sống, có những cán bộ muốn nghe dân, thật ra là chỉ muốn nghe dân nói về mình cái hay, cái tốt, ít khi muốn nghe nói về cái dở, cái xấu. Có những vị lãnh đạo địa phương, khi mời dân đến gặp cấp trên, chỉ chọn những người biết nói thuận tai, lại còn căn dặn phải ăn nói cẩn thận, có khuyết điểm gì của địa

phương thì “*đóng cửa bảo nhau*”, dùng “*vạch áo cho người xem lưng*”.

Nhân bàn chuyện “*nghe được dân nói*”, người viết bài này có hỏi một cán bộ dân vận lâu năm rằng khi “*xuống*” dân, cái gì là cái đáng sợ nhất ? Anh ấy bảo :

- Cái đáng sợ nhất là dân im lặng, nghĩa là dân không tiếp chuyện mình. Chẳng phải ta vẫn thường nghe câu ca hài : “*Ra đường sợ nhất công nông. Về nhà sợ nhất vợ không nói gì*”. Không nói gì là biểu hiện thái độ bất hợp tác, thái độ tẩy chay. Cứ cho rằng vợ giận mình mà nổi “*tam bành lục tặc*” lên thì còn biết chỗ mà bào chữa, mà thanh minh. Hoặc giả vợ bất bình, đau khổ mà khóc thút thít thì

còn biết đường dỗ dành. Đảng này cứ im như thóc không biết là giận hờn, là ghen tức hay là chuẩn bị cho một trận chiến, một cuộc chia tay. Cái im lặng ấy khác nào sự báo trước một cơn bão tố ? Xuống xã, xuống thôn, thấy ngổn ngang trăm mối mà dân không nói gì thì đừng vội cho đó là việc tốt.

Cái đáng sợ thứ hai là dân nói không thật với mình. Họ nói theo một thứ đơn đặt hàng bắt thành văn mà mình muốn. Anh thích nói về thành tích ư ? Thì họ nói cho anh thành tích. Cả xã còn khối người ăn bữa sáng chưa biết có bữa chiều mà họ cứ nói là đã xóa được đói, giảm được nghèo. Anh muốn tán dương cán bộ ư ? Thì họ sẵn sàng nói rằng cán bộ xã họ là tốt, mặc dù ở đó có biết bao nhiêu bề bối. Chỉ có điều là trước mặt họ nói với anh như vậy, nhưng sau lưng thì dân bảo : các ông ở xã và các ông bên trên đều cùng một duộc !

Anh cán bộ dân vận còn muốn nói thêm nhiều điều đáng sợ khác.

Tôi hỏi : Nếu dân nói thật thì có đáng sợ không ?

Anh bảo : Không. Không. Trăm lần không. Trừ một vài kẻ xấu. Dân thì nói chung bao giờ cũng tốt. Dân rất công bằng. Xấu nói xấu. Tốt nói tốt. Cái đáng khen thì khen. Cái đáng chê thì chê. Tất nhiên, cũng có những trường hợp do cách nhìn hạn hẹp hoặc do thiếu thông tin, sự khen chê không hoàn toàn đúng. Điều quan trọng là người ta có nói với mình thật bụng hay không.

Nói đến đây, anh cán bộ dân vận có ý nhắc cho tôi nhớ lại chuyện một cán bộ cấp cao của Đảng, sau ngày giải phóng miền Nam ít lâu đã về thăm lại cơ sở hoạt động bí mật cũ, chuyện trò với một bà má từng che giấu mình. Bà má rất tức giận về thái độ của quyền, hách dịch cùng những việc làm sai trái của cán bộ địa phương, đã nói

với đồng chí cán bộ cấp cao rằng : “Nếu tao biết bọn bay như vậy thì hồi đó tao để thằng địch nó giết hết cho xong !”. Từ lời nói thật đó của bà má, đồng chí cán bộ cấp cao đã chỉ thị cho cấp dưới kiểm điểm và sửa đổi, có cả những sửa đổi về một số chính sách cụ thể từ bên trên.

Lại một chuyện khác : Ở một vùng cao, đồng bào dân tộc thiểu số phê bình cán bộ không đưa được muối lên. Cán bộ thanh minh là không có đường giao thông. Dân nói : Không có đường sao lại đưa gỗ về miền xuôi nhanh đến như vậy ?

Dường như để kết thúc câu chuyện, anh cán bộ dân vận đưa ra một kết luận : Đã làm cán bộ, trước hết là cán bộ dân vận, thì phải “*nghe được dân nói*”, đừng sợ dân nói thật. Mà đã sợ dân nói thật thì đừng làm cán bộ nữa. Cách hay nhất cho những anh sợ là chuồn. Dĩ đào vi thượng sách ! □



GIÔ-HAN-NE-XBÓC :

Kết quả chưa mỹ mãn nhưng đáng khích lệ

TRẦN TRỌNG

DƯỚI biểu trưng “3P” đồ sộ : *Con người - Hành tinh - Thịnh vượng*⁽¹⁾, Hội nghị thượng đỉnh Trái đất II họp ở Giô-han-ne-xbóc, sau 10 ngày căng thẳng, đã bế mạc với những kết quả chưa thể gọi là mỹ mãn nhưng đáng khích lệ. Nhiều vấn đề bức xúc của nhân loại trên hành tinh đã được đem ra bàn bạc, tìm cách giải quyết.

Phải nói rằng, Hội nghị thượng đỉnh Trái đất là một mốc quan trọng đánh dấu quá trình nhân loại tự giác nhận thức sâu sắc hơn trách nhiệm đối với vận mệnh sinh tồn của mình với tư cách là chủ nhân của Trái đất. Mặc dù mãi đến đầu thập kỷ cuối cùng của thế kỷ trước mới họp được Hội nghị Trái đất I đã là quá muộn màng ; và phải mất 10 năm sau mới họp được Hội nghị Trái đất II quả là một sự chậm trễ kéo dài nhưng dấu sao đó là những nỗ lực lớn.

So với Hội nghị trước, Hội nghị lần này có mặt đông đủ đại biểu các nước hơn ; các nội dung đưa ra bàn bạc cũng nhiều hơn và có sự chuẩn bị cụ thể hơn. Tuy nhiên, xét về tầm cỡ, nó chưa đáp ứng được những yêu cầu của thời đại. Bởi những vấn đề của toàn cầu, của nhân loại đã trở nên bức xúc đến độ gay gắt trên nhiều mặt không thể trì hoãn được, nhưng chưa được giải quyết thấu triệt.

Trái đất ngày càng chật chội : Diện tích đất nổi cho một triệu người sinh sống đầu thế kỷ XX là 47 570km² thì đến đầu thế kỷ XXI chỉ

còn 18 290km², tức là giảm đi 2,6 lần do dân số tăng lên quá nhanh. Tài nguyên bị khai thác cạn kiệt. Rừng bị tàn phá với tốc độ 17 triệu héc-ta/năm. Chính sách bóc lột vơ vét theo kiểu thực dân của các nước phát triển làm cho sự phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn. Thu nhập bình quân ở các nước giàu hiện nay cao gấp 37 lần so với mức bình quân ở 20 nước nghèo nhất. Hơn 2,8 tỉ người có mức thu nhập dưới 2 USD mỗi ngày đang phải sống trong những điều kiện không đảm bảo vệ sinh. Một số liệu của Liên hợp quốc cho hay trung bình mỗi người dân châu Phi sử dụng 30 lít nước ngọt một ngày trong khi mỗi người dân Mỹ sử dụng 600 lít, tức nhiều gấp 20 lần. Sự nghèo đói kéo theo tình trạng suy dinh dưỡng trầm trọng và dịch bệnh tràn lan. Ở các nước miền Nam châu Phi mỗi ngày có đến 5 500 người chết bởi HIV/AIDS do không có đủ tiền mua thuốc đặc trị, vì giá của nó quá đắt. Trong lúc đó, mỗi năm, người dân Mỹ ăn kem hết 11 tỉ USD và mỗi ngày nước Mỹ chi 1,004 tỉ USD cho quân sự. Thế giới đang chát chứa đầy mâu thuẫn, nghịch lý như vậy.

Qua 10 ngày bàn cãi, tranh luận căng thẳng, Hội nghị Trái đất II đã giải quyết được những gì ?

(1) “3P” là 3 chữ đầu của People, Planet, Prosperity là khẩu hiệu của Hội nghị, có nghĩa là Con người - Hành tinh - Thịnh vượng

Hội nghị đề cập đến nhiều vấn đề như nước sạch, vệ sinh, môi trường, giảm nợ cho nước nghèo, thương mại, năng lượng, y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đa dạng sinh học, viện trợ phát triển, giảm đói nghèo... Tuy đề ra nhiều mục tiêu, song việc ấn định thời hạn hành động cụ thể chỉ tập trung vào 3 mục tiêu chính : 1- Đến năm 2015, giảm 50% số người không được sử dụng nước sạch và môi trường vệ sinh ; 2 - Đến năm 2010, kìm hãm tốc độ tổn thất sinh học trên hành tinh ; 3 - Đến năm 2015, phục hồi các nguồn cá đến mức cao nhất. Tuy một số vấn đề quan trọng chưa đạt được sự đồng thuận nhưng một số nước phát triển đã đưa ra những cam kết cụ thể. Cộng hòa liên bang Đức hứa viện trợ một tỉ USD để giúp các nước đang phát triển tiếp cận có hiệu quả các nguồn năng lượng sạch. Vương quốc Anh cam kết viện trợ từ 700 nghìn đến một tỉ bảng Anh mỗi năm cho các nước châu Phi đến năm 2006. Cộng hòa Pháp hứa tăng viện trợ nhằm bảo đảm hoạt động đầu tư vào các nước đang phát triển. EU là nhà tài trợ lớn nhất trong lĩnh vực nước sạch với khoảng 1,4 tỉ Ơ-rô mỗi năm, cam kết sẽ tiếp tục tăng viện trợ trong những năm tới. I-ta-li-a hứa sẽ xóa nợ thêm 4 tỉ USD cho các nước đang phát triển. Mặc dù chưa đạt được sự thỏa thuận toàn cầu về cắt giảm các nguồn năng lượng gây ô nhiễm, nhưng đã có hơn 30 nước thông qua sáng kiến tăng tỷ lệ phát triển các nguồn năng lượng thay thế nhằm góp phần bảo vệ môi trường toàn cầu. Dù tất cả các hứa hẹn và cam kết về tài trợ và đầu tư được đưa ra trong Hội nghị này còn xa mới đáp ứng được yêu cầu thực tế nhưng đó là sự thể hiện thiện chí và trách nhiệm rất đáng trân trọng của các bên tham gia được cộng đồng chấp nhận. Hy vọng rằng, những gì đã đạt được trong Hội nghị lần này sẽ không phải là những lời hứa suông.

Cũng còn nhiều vấn đề được đưa ra tranh luận song không mang lại kết quả, như : yêu cầu các nước giàu bỏ trợ giá nông nghiệp, xóa bỏ hàng rào bảo hộ thương mại để sản phẩm nông nghiệp và hàng hóa của các nước đang

phát triển có cơ hội tiếp cận bình đẳng với thị trường nội địa các nước giàu...

Cần nhận rõ rằng, thế giới hiện nay đang ở trong xu thế toàn cầu hóa mà sự vận động của nó đã làm cho mọi mâu thuẫn giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế trên hành tinh ngày càng gay gắt. Toàn cầu hóa không phải là một lâu đài toàn màu hồng như những người theo trường phái "kinh tế thuần túy" hoặc chủ nghĩa "toàn cầu hóa muôn năm"... ca ngợi. Đó là một cuộc đấu tranh quyết liệt, dai dẳng, có tính chất sống còn, thậm chí cả đổ máu giữa nước giàu và nước nghèo, giữa cộng đồng những kẻ tước đoạt và cộng đồng những người bị tước đoạt, giữa phát triển và lạc hậu... Những năm qua đã xảy ra hàng trăm cuộc biểu tình, với hàng vạn người tham gia phản đối toàn cầu hóa cũng như những yêu sách trong Hội nghị này đòi hỏi phải tích cực xóa đói giảm nghèo, đòi hỏi có sự hướng thụ bình đẳng về nước sạch, về môi trường sống, v.v, đều là những biểu hiện tích cực của cuộc đấu tranh rộng lớn đó. Vì vậy, sự kết thúc tương đối thành công của Hội nghị chưa phải là lúc cuộc đấu tranh đã kết thúc mà chỉ là sự tiếp tục phát triển, đòi hỏi các lực lượng cách mạng và tiến bộ phải tiếp tục đấu tranh tinh táo và kiên quyết hơn nữa.

Sau Giô-han-ne-xbóc, hàng loạt vấn đề mới đang đặt ra : Hội nghị thượng đỉnh Trái đất nên chăng có một cơ quan thường trực với chức năng và quyền lực khác hẳn với tổ chức Liên hợp quốc ? Lần III, lần IV... của Hội nghị thượng đỉnh nên chăng cách nhau 2 năm, 3 năm, 5 năm hay cứ phải 10 năm như lệ cũ ? Cần có những cơ chế gì để bắt buộc tất cả các nước phải thực thi nghiêm chỉnh các cam kết đã đề ra, mà không trừ một ai ?

* *
*

Có một điều rất quan trọng mà Hội nghị thượng đỉnh Trái đất II chưa làm được - cũng có thể coi như một thất bại là, không xem xét, không bàn đến vấn đề ngăn chặn và đẩy lùi các

cuộc xung đột vũ trang và chiến tranh. Sở dĩ đặt vấn đề như vậy là vì, ngày nay ai cũng thừa nhận rằng, nói đến bảo vệ môi trường, đến ổn định và phát triển bền vững, đến giảm nghèo đói mà không xét đến tác động trực tiếp của chiến tranh đối với các mặt đó của hành tinh thì cũng sẽ là vô nghĩa, phi thực tế.

Nhiều công trình khoa học đã kết luận rằng, *chiến tranh là sự phá hoại khủng khiếp đối với môi trường, cơ sở kinh tế vật chất và sức người, sức của - những nhân tố cơ bản tạo thành sự ổn định, phát triển bền vững của từng quốc gia cũng như của cả hành tinh.* Thực tế đã chứng minh điều đó. Người ta tổng kết rằng, 100 năm qua trên thế giới của chúng ta đã diễn ra 147 cuộc chiến tranh (bao gồm cả 2 cuộc chiến tranh thế giới) và đã giết chết 152 triệu người, nhiều gấp hơn 2 lần tổng số người chết vì dịch bệnh (72 triệu người).

Chiến tranh càng hiện đại, sức tàn phá hủy hoại môi trường của nó càng lớn và để lại hậu quả rất lâu dài. Hơn 90 triệu lít chất da cam (chứa đi-ô-xin) do quân Mỹ rải dày đặc trong chiến tranh xâm lược Việt Nam cách đây trên 30 năm, hiện vẫn đang tiếp tục gây hại và để lại những hậu quả rất nghiêm trọng cho cả người dân Việt Nam và cả hàng vạn lính Mỹ tham chiến hồi đó. Việc quân đội Mỹ dùng hàng vạn quả đạn chứa u-ra-ni-om nghèo (còn gọi là đạn giảm xạ DU) trong chiến tranh Vùng Vịnh (1990 - 1991) chẳng những làm cho gần 200 000 lính Mỹ tham chiến bị nhiễm xạ (và Lầu Năm góc đã phải bồi thường) mà còn làm cho nhiều vùng dân cư của I-rắc đến nay vẫn gánh chịu những hậu quả khó lường.

Theo tin từ Mỹ, đầu năm 2002, Mỹ đã ném xuống Áp-ga-ni-xtan một loại bom phát quang mới, cực mạnh. Mỗi quả có sức tàn phá lớn làm cho trong vòng hơn nửa ki-lô-mét không còn một sinh vật nào có thể tồn tại. Người ta gọi đó là " Bom động đất", bởi sức nổ của nó làm cho mặt đất rung chuyển như một trận động đất. Đáng chú ý là, trong các trường phái chiến

tranh hiện đại của Mỹ và NATO đang thịnh hành *xu hướng tận dụng tối đa sức tàn phá khủng khiếp của các loại vũ khí công nghệ cao* nhằm giảm thiểu tổn thất sinh mạng quân chiến đấu trên bộ, gây nên sự phá hoại lớn đến môi trường. Các cuộc chiến tranh của Mỹ ở Vùng Vịnh (1990 - 1991), chiến tranh Nam Tư (1999) và chiến tranh Áp-ga-ni-xtan (2001) đã chứng minh điều đó.

Không ngăn chặn sự tàn phá của chiến tranh thì không thể có phát triển bền vững. Theo tính toán của các chuyên gia NATO, cuộc chiến tranh Nam Tư kéo dài 78 ngày, giá trị bị tàn phá là 75 tỉ USD, và phải mất ít nhất 50 năm mới khôi phục lại được.

Đó là vấn đề đối với từng quốc gia. Trên thực tế, có những cuộc chiến tranh mà sức tàn phá gây tác động và ảnh hưởng rất rộng, liên quan đến nhiều quốc gia khác. Ví dụ, nếu Mỹ phát động chiến tranh chống I-rắc thì sẽ làm cho cả vùng Trung Đông- cái rốn dầu của thế giới - ngập trong khói lửa tàn phá của chiến tranh, không những I-rắc và các nước lân cận bị tổn thất, mất ổn định, mà còn tác động rất xấu đến nhiều quốc gia ở các khu vực khác. Sản lượng dầu mỏ của thế giới mỗi ngày sẽ mất đi hàng triệu thùng. Hàng chục nước A-rập trong vùng bị cuốn vào vòng xoáy của chiến tranh, làm sao có ổn định để phát triển bền vững ?

Ngay các nền kinh tế mạnh như EU và Nhật Bản, chắc gì đã phát triển bền vững được, khi cả Trung Đông chìm ngập vào lò lửa chiến tranh, đưa đến một cuộc khủng hoảng dầu mỏ mới mà quy mô tác động của nó chưa lường hết được. Lược lại hồ sơ cuộc chiến tranh Vùng Vịnh cách đây 11 năm, người ta không khỏi rung mình khi nhìn lại những hình ảnh hàng trăm giếng dầu và giàn khoan ngùn ngụt bốc cháy, khói đen làm tối cả bầu trời Vùng Vịnh suốt hằng tháng trời. Hàng ngàn ki-lô-mét vuông mặt biển cả vùng phủ đầy dầu mỏ không gì có thể tồn tại được. Liệu thảm trạng đó tái diễn thì đâu là phát triển bền vững ?

Nói đến tác động của chiến tranh đối với môi trường ổn định, phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo trên hành tinh, *không thể không nói đến cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu mà Mỹ đang tiến hành từ cuối năm 2001 đến nay*. Ngay khi mở đầu bằng chiến tranh Áp-ga-ni-xtan, chính quyền Oa-sinh-ton đã tuyên bố rằng, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ sẽ mở rộng ra trên 60 nước (hầu hết là các nước đang phát triển và chậm phát triển) và sẽ không bao giờ kết thúc (!) Như vậy, xét cả về đối tượng và thời gian, rõ ràng trong 15 năm tới, các vấn đề về *đối tượng và thời gian giảm nghèo mà hội nghị Giô-han-ne-xbéc đề ra và cam kết thực hiện coi như trùng khớp với đối tượng và thời gian Mỹ nhằm vào để mở rộng chiến tranh chống khủng bố*. Dư luận cho rằng, có lẽ chính đó là chỗ kẹt mà Tổng thống Mỹ G.W. Bu-sơ phải tránh mặt không đến dự Hội nghị thượng đỉnh Trái đất chứ không phải chỉ riêng vì Mỹ đã từ chối thẳng thừng việc ký vào Nghị định thư Ki-ô-tô về môi trường toàn cầu !

Một vấn đề cuối cùng là, ai cũng thừa nhận : Tiến trình của Hội nghị thượng đỉnh Trái đất lần này *diễn ra trong bối cảnh trên thế giới hiện đang có 37 cuộc xung đột vũ trang và chiến tranh, không một ngày nào mà không có tiếng súng, không có máu đổ*. Nhất là, do những hoạt động chiến tranh tàn bạo của I-xra-en chống Pa-le-xtin và Mỹ ráo riết chuẩn bị chiến tranh tấn công I-rắc khiến dư luận quốc tế rất lo ngại. Vậy mà tại sao ở Hội nghị Giô-han-ne-xbéc lại không có một báo cáo nào phân tích rõ về tác hại của chiến tranh đối với môi trường, nghèo đói, bệnh tật và phát triển bền vững cùng những đề xuất kiến nghị khả thi nhằm ngăn chặn, đẩy lùi xung đột và chiến tranh ? Không có ai cam kết gì ư ? Tại sao vậy ?

Dư luận thế giới vẫn rất băn khoăn về điều đó. □

LỆ LÀNG...

(Tiếp theo trang 36)

của các cơ quan quản lý nhà nước như Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ được thi hành khi và chỉ khi có sự hướng dẫn của các cơ quan quản lý chuyên ngành của các bộ và cơ quan ngang bộ. Khi giải quyết các tranh chấp, các thẩm phán chỉ dựa trên quy định của luật, hoặc không theo tinh thần của luật chứ không phải dựa vào các "lệ làng" thời nay.

Vấn đề con người là một vấn đề đặc biệt quan trọng trong cải cách hành chính. Sự kém hiệu quả của nền hành chính đôi khi không phải do thể chế hay bộ máy mà chính là do con người. Nước ta với khoảng 80% dân số là nông dân cho nên hầu hết các cán bộ, công chức nhà nước xuất thân từ nông dân. Lệ làng xưa đã ăn sâu vào đời sống và vẫn đang ảnh hưởng đến lề lối làm việc của họ, do đó, có thể sinh ra "lệ làng" thời hiện đại trong các cơ quan nhà nước. Khắc phục những tác động tiêu cực phải hướng trọng tâm vào yếu tố con người trong cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay.

Thói quen *tôn trọng pháp luật* không chỉ trong nhân dân mà trước hết là trong chính các nhân viên của các cơ quan nhà nước. Thủ trưởng các cơ quan, các nhân viên nhà nước phải có trách nhiệm hướng dẫn họ hưởng thụ những quyền lợi mà pháp luật quy định, một cách vô tư chứ không phải lợi dụng hoặc tìm cách "ăn đứt lót".

Ngoài việc tôn trọng pháp luật, phải *khắc phục những thói quen xấu* : dựa dẫm, ỷ lại ; bè phái, địa phương, cục bộ ; bao che nội bộ ; thói cào bằng, đổ ky. Để khắc phục chúng, phải có một thời gian cùng với sự bền bỉ, nỗ lực, quyết tâm của các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. □

CHÍNH PHỦ HỌP PHIÊN THƯỜNG KỲ, THÁNG 9-2002

Trong hai ngày 30-9 và 1-10-2002, Chính phủ đã họp phiên thường kỳ dưới sự chủ trì của Thủ tướng Phan Văn Khải và các Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Vũ Khoan, Phạm Gia Khiêm.

Chính phủ tập trung thảo luận, phân tích và đánh giá : *Tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2002 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2003*. Chính phủ nhận định, trong 9 tháng đầu năm, nền kinh tế nước ta phải đương đầu với một số khó khăn lớn, cả ở trong nước và ngoài nước. Trong nước, thiên tai nặng nề xảy ra ở nhiều nơi đã gây ra thiệt hại lớn trong sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của các tầng lớp dân cư ; ngoài nước, kinh tế thế giới vẫn biến động khó lường, nhất là thị trường vốn, thị trường xuất khẩu luôn gây cho ta nhiều bất lợi. Trong bối cảnh đó, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo tháo gỡ từng khó khăn trong các hoạt động kinh tế - xã hội, triển khai thực hiện nhiều giải pháp cụ thể, tập trung khắc phục hậu quả thiên tai, hạn hán, ổn định sản xuất và đời sống nhân dân ; đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, thúc đẩy xuất khẩu, giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc.

Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm đã có những nét tiến bộ, duy trì được khả năng phát triển khá trên một số lĩnh vực. Sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì được tốc độ cao, giá trị sản xuất toàn ngành tăng 14,2%, trong đó khu vực ngoài quốc doanh tăng 19,4%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 13,6%. Sản xuất nông nghiệp đã có những chuyển dịch bước đầu về cơ cấu sản xuất cây trồng và vật nuôi. Dịch vụ tiếp tục phát triển, thị trường trong nước sôi động hơn, sức mua ở nhiều vùng tăng đáng kể. Thu ngân sách nhà nước đạt khá, hoạt động tiền tệ có những chuyển biến tích cực, tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ tín dụng đến cuối tháng 9 ước giảm xuống còn 7,7%. Các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, văn hóa - thông tin đều có những chuyển biến đáng mừng. Tuy nhiên, khó khăn trong những tháng còn lại của năm 2002 là rất lớn. Chi phí sản xuất trong các ngành sản xuất, kinh doanh còn nhiều ; sản xuất nông nghiệp phải chịu ảnh hưởng nặng nề của hạn hán, lũ lụt ; tình trạng gian lận thương mại, buôn lậu, trốn thuế khá trầm trọng ; tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông vẫn là vấn đề nhức nhối ; trật tự an toàn xã hội nhiều vùng còn diễn biến phức tạp, tình trạng tham nhũng, quan liêu chưa được khắc phục.

Chính phủ tập trung thảo luận và cho nhiều ý kiến về một số vấn đề quan trọng : Tổng quyết toán ngân sách nhà nước năm 2001, đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2002 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2003 ; Nghị định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Bưu chính - Viễn thông ; Nghị định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em ; Nghị định về việc chuyển đổi tổ chức Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước theo mô hình công ty mẹ - công ty con ; Dự án thủy điện Sơn La và kết quả nghiên cứu chọn bậc thang thủy điện sông Đà. Chính phủ cũng dành nhiều thời gian thảo luận *Về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2002*, đưa ra nhiều giải pháp có tính khả thi nhằm tháo gỡ những khó khăn, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và đầu tư trong những tháng cuối năm.

Phát biểu ý kiến về các vấn đề này, Thủ tướng Phan Văn Khải nêu rõ nguyên nhân của những kết quả đạt được trong 9 tháng qua, trước hết là do sự nỗ lực và cố gắng cao của các ngành, các cấp, các địa phương và của mọi người dân trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách phù hợp lòng dân của Đảng, Chính phủ và do kết quả đầu tư của nhiều năm qua mang lại. Thủ tướng nhấn mạnh những khó khăn, yếu kém trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002 và yêu cầu các bộ, ngành tập trung cao độ sự chỉ đạo điều hành, đẩy mạnh sản xuất và đầu tư, nhất là các dự án quan trọng. Tìm mọi biện pháp giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành của sản phẩm. Chỉ đạo mạnh mẽ và chặt chẽ việc thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu, tăng cường chất lượng giao ban xuất khẩu hàng tháng, tìm ra những giải pháp hữu hiệu hơn để đẩy nhanh xuất khẩu một số mặt hàng còn có lợi thế và có thị trường, đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội trong những tháng còn lại của năm 2002 cao hơn mức tăng trưởng bình quân trong chín tháng qua.

Về kế hoạch năm 2003, Thủ tướng nhấn mạnh, đây là năm nước ta chủ động hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới, trước những thách thức rất nặng nề và gay gắt, đặc biệt trong điều kiện khả năng cạnh tranh và hiệu quả nền kinh tế của ta còn thấp, tình hình thế giới còn tiềm ẩn nguy cơ không ổn định. Điều đó đòi hỏi phải có sự phấn đấu vượt bậc, có những đột phá về cơ chế, chính sách, đổi mới cơ bản và toàn diện về quản lý, điều hành nhằm chuyển dịch cơ cấu quản lý kinh tế, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững... □

Tọa đàm khoa học :

“NÂNG CAO HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN TRÊN TẠP CHÍ KINH TẾ”

Ngày 27-9-2002, tại Hà Nội, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã tổ chức Tọa đàm khoa học với chủ đề : *“Nâng cao hiệu quả tuyên truyền trên các tạp chí kinh tế”*. Đồng chí Hồng Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì cuộc Tọa đàm.

Dự tọa đàm có các đồng chí : Lại Văn Thực, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ; các đồng chí lãnh đạo của : Vụ Báo chí - Xuất bản thuộc Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ văn hóa - Thông tin ; 26 tạp chí khối kinh tế ; các vụ chức năng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ; Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, báo Nhân Dân, Tạp chí Cộng sản.

Chất lượng và hiệu quả tuyên truyền trên các báo và tạp chí luôn là mối quan tâm hàng đầu của những người làm báo. Làm gì và bằng cách nào để đạt hiệu quả tuyên truyền cao, cuộc tọa đàm này góp phần trả lời câu hỏi đó. Tọa đàm khoa học khối tạp chí kinh tế là sự tiếp nối cuộc tọa đàm khoa học khối tạp chí lý luận - chính trị trước đó, góp phần đa dạng hóa các hình thức và nâng cao chất lượng chỉ đạo báo chí của Đảng.

Thời gian qua, hầu hết các tạp chí khối kinh tế đã thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền đường lối chủ trương chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước. Thông qua các bài nghiên cứu, phân tích, bình luận đã làm sâu sắc thêm những quan điểm kinh tế của Đảng, lý giải thuyết phục một số vấn đề thực tiễn đang đặt ra. Các tạp chí đã khẳng định vai trò quan trọng của mình trong hệ thống báo chí cả nước, hình thức ngày càng đẹp và hấp dẫn hơn, nội dung phong phú hơn bởi sự đa dạng của các chuyên trang, chuyên mục. Tuy nhiên, còn một vài tạp chí có khuynh hướng thương mại hóa, chạy theo thị hiếu nhất thời của độc giả, chưa làm tốt chức năng tuyên truyền nên tính chiến đấu còn hạn chế.

Sáu tham luận trong số gần hai mươi bản tham luận đã được trình bày tại cuộc Tọa đàm góp ý kiến trao đổi xung quanh câu hỏi làm thế nào để nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền vấn đề về kinh tế tuy phong phú đa dạng, nhưng cũng rất khó này. Các tạp chí đưa ra nhiều kinh nghiệm như : xây dựng kế hoạch tuyên truyền cụ thể kịp thời, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền thông qua viết bài, đặt bài ; tăng cường công tác nghiên cứu khoa học và tổ chức hội thảo khoa học ; tăng cường chất lượng đội ngũ phóng viên, biên tập viên và cộng tác viên trong lĩnh vực kinh tế ; tăng cường hiệu quả công tác tổ chức quản lý cán bộ, phóng viên, xây dựng và củng cố đội ngũ cộng tác viên ; đa dạng hóa hoạt động của tạp chí. Cần căn cứ đối tượng để xây dựng đề cương cho tuyên truyền ; tập hợp được đông đảo đội ngũ các cộng tác viên là những nhà khoa học trong và ngoài ngành, tập hợp ý kiến quan điểm mới, tích cực của đông đảo độc giả, chỉ rõ những mặt còn hạn chế của cơ chế chính sách kinh tế, bám sát sự chỉ đạo của cấp trên nhưng không rập khuôn, máy móc mà phải tìm tòi sáng tạo, biết tập hợp trí tuệ của các chuyên gia kinh tế hàng đầu thuộc nhiều ngành, biết lắng nghe ý kiến đóng góp của các cộng tác viên. Bên cạnh những bài viết mang tính nghiệp vụ chuyên môn, cần hết sức chú trọng những bài viết có tính điều tra, bình luận và phân tích, đáp ứng yêu cầu của bạn đọc. Thông qua tọa đàm, các tạp chí có sự giao lưu trao đổi hiểu tình hình của nhau, học tập, tiếp thu kinh nghiệm của các tạp chí trong khối. □

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG NINH

ĐC: Số 9 Bến Đoan - TP. Hạ Long - Quảng Ninh * ĐT: (033) 825.407- 825.992 * Fax: (033) 825022

Email: qunicoship@hn.vnn.vn * **BÍ THƯ ĐẢNG ỦY - GIÁM ĐỐC: KHUẤT DUY CHUNG**



CHỨC NĂNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- * VẬN TẢI HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC.
- * KINH DOANH DU LỊCH KHÁCH SẠN VÀ ĐỊNH VỤ * XUẤT NHẬP KHẨU TRỰC TIẾP HÀNG HOÁ.
- * ĐẠI LÝ GIAO NHẬN DẦU NHỒN CASTROL.
- * ĐẠI LÝ TÀU BIỂN VÀ MÔI GIỚI HÀNG HẢI.

Được thành lập năm 1981, sau một thời gian dài hoạt động kém hiệu quả, đến ngày 4 tháng 1 năm 2000 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần với tổng số vốn điều lệ là 6,5 tỉ đồng.

Sau khi cổ phần hoá, lãnh đạo Công ty đã mạnh dạn đổi mới phương thức hoạt động, đầu tư mua sắm thiết bị vận tải. Đặc biệt, Công ty đã tinh giảm, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên. Từ con số 230 người đến nay Công ty chỉ còn lại 118 người, nhưng vẫn đáp ứng được đòi hỏi của công việc quản lý, kinh doanh.

Với cách làm đúng đắn, mạnh dạn đổi mới tư duy kinh tế, trong vài năm qua, Công ty đã đạt được những thành quả vượt bậc:

- Đảng bộ Công ty nhiều năm liền đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, với 50% cán bộ công nhân viên là đảng viên.

- Doanh thu của Công ty tăng 40%, lợi nhuận tăng 15% hằng năm

- Đời sống của cán bộ công nhân viên được cải thiện rõ rệt, thu nhập bình quân của anh chị em hiện nay đạt mức 1,3 triệu đồng/người/tháng.

Với tốc độ phát triển như hiện nay, Công ty Cổ phần Vận tải biển và XNK Quảng Ninh đang từng bước nâng cao năng lực, uy tín cũng như vị thế của mình trên thương trường.



VIỆN ÂM NHẠC



CHỨC NĂNG

- * Lưu trữ các di sản âm nhạc dân gian truyền thống của Việt Nam
- * Xuất bản các công trình nghiên cứu khoa học trong đó các công trình có giá trị như : Hát xoan, Lý Huế, âm nhạc cổ truyền Quảng Trị - chữ nhạc Việt Nam, âm nhạc mới Việt Nam, tiến trình và thành tựu, âm nhạc dân gian trong đời sống xã hội đương đại...
- * Hoàn thành phòng trưng bày Nhạc cụ Việt Nam.

Địa chỉ : 32 Nguyễn Thái Học - Hà Nội

Tel : (04). 7332080 * Fax : (84.4) 843 49 53 * E. Mail: musicology @ hn.vnn.vn

PHÒNG VIỆN TRƯỞNG: ĐỒNG HUÂN LOAN - (NHẠC SỸ ĐẶNG NGUYỄN)

BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN NỀN ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Sau hơn 50 năm trưởng thành, từ tiền thân ban đầu là Ban Âm nhạc (trực thuộc Vụ Văn học nghệ thuật, được thành lập theo sắc lệnh SL 172 ngày 17/11/1950 của chính phủ VNDCH), Ban nghiên cứu Nhạc vũ, Ban nghiên cứu Âm nhạc... cho đến Viện Âm nhạc hôm nay, Viện Âm nhạc (thuộc Nhạc Viện Hà Nội, Bộ VHNT) đã có những đóng góp quan trọng trong việc nghiên cứu, xây dựng, bảo tồn và phát triển nền âm nhạc truyền thống Việt Nam. Bước sang thế kỷ mới, để đáp ứng những yêu cầu và nhiệm vụ mới đặt ra trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Viện Âm nhạc đã xác định những mục tiêu mới theo định hướng của Nghị quyết Trung ương 5 về "Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

Phát huy vai trò là một viện nghiên cứu khoa học chuyên ngành, trong những năm qua, Viện âm nhạc đã đề ra nhiều chương trình, kế hoạch cụ thể trong 5 lĩnh vực hoạt động: công tác sưu tầm, lưu trữ; công tác nghiên cứu khoa học; công tác phát triển công nghệ; công tác trưng bày và giới thiệu nhạc cụ Việt Nam; công tác truyền bá và giới thiệu âm nhạc truyền thống Việt Nam. Các đề tài nghiên

cứu, tập trung làm rõ những giá trị nghệ thuật và vai trò của âm nhạc dân gian, cổ truyền và âm nhạc dân tộc đương đại trong đời sống hiện nay. Công tác sưu tầm, lưu trữ, bảo quản và trưng bày cũng thu được những hiệu quả thiết thực. Nhờ đó, các nhà nghiên cứu có thể phát hiện được những bản sắc, khuynh hướng, thẩm âm, tâm lý âm nhạc, thậm chí cả một phần sự hình thành nền văn hoá của một quốc gia; góp phần nâng cao kiến thức và truyền bá sâu rộng nền âm nhạc truyền thống Việt Nam vào đời sống. Các công trình nghiên cứu như Âm nhạc mới Việt Nam - Tiến trình và thành tựu, Vai trò âm nhạc cổ truyền Việt Nam trong xã hội đương đại, Nhận diện âm thanh âm nhạc truyền thống Việt Nam, Thanh điệu tiếng Việt trong âm nhạc cổ truyền... đã được giới chuyên môn đánh giá cao, mang ý nghĩa khoa học sâu sắc cũng như ứng dụng trong thực tiễn. Không chỉ dừng lại ở công tác nghiên cứu sưu tầm, từ năm 1998 Viện âm nhạc đã khai trương "Phòng trưng bày Nhạc cụ Việt Nam" với hơn 130 nhạc cụ, giới thiệu những tiết mục âm nhạc dân gian cổ truyền độc đáo cho khách tham quan trong và ngoài nước.

Trong giai đoạn mới, Viện Âm nhạc đã xây dựng định hướng phát triển từ năm 2001 đến năm 2005,

với nhiều chương trình nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực âm nhạc học, dân tộc nhạc học, xã hội nhạc học, âm thanh học, âm nhạc trên những hệ thống công nghệ tin học hiện đại. Viện Âm nhạc sẽ tập trung nghiên cứu các đề tài "Trật tự âm thanh trong âm nhạc truyền thống", các hình thức tổ chức dàn nhạc người Việt, chữ nhạc cổ truyền Việt Nam, cấu trúc hình thức âm nhạc dân gian và cổ truyền Việt nam vùng đồng bằng Bắc Bộ...; tiến hành bảo vệ các công trình: Sơ khảo về văn hoá nghệ thuật tiểu vùng sông Mã; bản sắc dân tộc và việc giữ gìn bản sắc dân tộc trong các hình thức sinh hoạt âm nhạc cộng đồng; Nhận diện âm thanh, âm nhạc truyền thống... Song song với các đề tài khoa học, Viện sẽ tiến hành khẩn trương công tác điền dã sưu tầm, khôi phục, lưu trữ âm nhạc dân gian và truyền thống Việt Nam để đến hết năm 2005 sẽ tổ chức "Hội nghị báo cáo tổng kết vốn di sản âm nhạc cổ truyền". Đồng thời, Viện sẽ tăng cường công tác thông tin khoa học, công tác trưng bày, xuất bản các công trình khoa học, sản xuất các chương trình CD và VCD tư liệu âm nhạc dân gian để phục vụ công tác đào tạo và giới thiệu âm nhạc trong cả nước. Về khả năng hợp tác quốc tế trong

nghiên cứu âm nhạc, Viện có các chương trình trao đổi, hợp tác với các nước (đặc biệt với các nước trong khối ASEAN). Năm 2002, Viện Âm nhạc đã chính thức triển khai dự án Ngân hàng dữ liệu âm nhạc dân gian và nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam. Theo dự kiến đến hết năm 2003, Ngân hàng dữ liệu sẽ chính thức đi vào hoạt động. Đây thực sự là một hướng đi mới trong công tác văn hoá, nghệ thuật Việt Nam hội nhập quốc tế, đồng thời cũng nhằm mục đích thu lợi nhuận cho Nhà nước.

Để các hoạt động đi vào chiều sâu, hiệu quả, Viện âm nhạc rất coi trọng việc đào tạo và nâng cao trình độ của cán bộ, nhân viên. Thông qua các lớp đào tạo chính quy, lớp ngắn hạn, nâng cao tay nghề và kiến thức, Viện đã và đang tập hợp một đội ngũ cán bộ, nhân viên được đào tạo bài bản, trẻ trung, năng động để tiếp bước những thành tựu 50 năm qua mà các thế hệ đi trước của Viện đã dày công xây dựng.

Những thực tiễn sôi động của đời sống âm nhạc Việt Nam hôm nay đang đòi hỏi đội ngũ cán bộ, nhân viên Viện Âm nhạc phải nỗ lực hơn nữa để góp phần xứng đáng cho việc bảo tồn và phát triển nền âm nhạc truyền thống Việt Nam.



Huy chương vàng Hội chợ hàng tiêu dùng "vì chất lượng cuộc sống" Việt Nam 2001; Huy chương vàng Hội chợ triển lãm Quốc tế về thực phẩm VIET FOOD Việt Nam 2001

CÔNG TY NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

VƯỜN ĐÀO - BÀI CHÁY - TP. HẠ LONG - QUẢNG NINH

TEL: 033.846711 - 033.847038 FAX: 033.847311

033.862018 - 033.846887

Nước khoáng thiên nhiên Suối Mơ được sản xuất theo công nghệ USA do cơ quan nghiên cứu vũ trụ hàng không NASA sáng chế, có tác dụng tốt đến sức khoẻ mọi người.

NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN SUỐI MƠ ĐƯỢC KHAI THÁC TỪ LỖ KHOAN CÓ ĐỘ SÂU 140M, TRÊN NGỌN NÚI Ở KHU VỰC BÀI CHÁY BÊN BỜ VỊNH HẠ LONG KỲ THÚ VÀ XINH ĐẸP. ĐÂY LÀ SẢN PHẨM TUYỆT VỜI MÀ THIÊN NHIÊN ƯU ĐÃI CHO CÔNG TY NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH.

Nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh có ga là sản phẩm tốt nhất của Công ty nước khoáng Quảng Ninh được giai cấp công nhân, nhân dân vùng mỏ Quảng Ninh và bà con 8 tỉnh miền duyên hải ưa chuộng, say mê. Đó là niềm cổ vũ lớn nhất của Công ty nước khoáng Quảng Ninh

Một trong những nguồn nước quý hiếm mà thiên nhiên đã ban tặng





TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 16

ĐỊA CHỈ : 49B PHAN ĐĂNG LƯU - PHƯỜNG 7 - Q. PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH
 ĐIỆN THOẠI: (84 - 8) 841 1375 * FAX: (84 - 8) 841 1376 * E.MAIL : cc16@hcm.vnn.vn
 GIÁM ĐỐC CÔNG TY : BÙI DƯƠNG HÙNG.



BĂNG CÔNG NGHỆ CỐT - PHA TRƯỢT CÔNG TY XÂY
 DỰNG SỐ 16 THI CÔNG ống KHỐI 800 và DÂY NƯỚC
 4000² - NHÀ MÁY KINH NƠI BÌNH DƯƠNG



CHẾ TẠO VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG SILO BỘT - NHÀ MÁY
 GẠCH GRANITE ĐỒNG NAI



THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG VỚI ĐẦU BUA 6 TẤN THI
 CÔNG TẠI CÔNG TRÌNH CONDENSATE NAM CỎN SƠN



LẮP ĐẶT THIẾT BỊ LỘ SỬNG NHÀ MÁY GẠCH GRANITE ĐỒNG NAI



XÂY DỰNG TOWER NHÀ VĂN PHÒNG VỚI TANG HẦM SÂU 5 M CỦA CÔNG TY
 DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG (TÂN SƠN NHẤT)

Công ty Xây dựng số 16 (tên giao dịch là LICOGI 16) là doanh nghiệp nhà nước, thành viên của Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (Bộ Xây dựng) trụ sở đóng tại TP. Hồ Chí Minh. LICOGI 16 có đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề được đào tạo chính quy, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, tổ chức thi công, có trang thiết bị máy móc đồng bộ và tiên tiến. LICOGI 16 đã và đang triển khai có hiệu quả trên nhiều công trình lớn của đất nước.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Xây lắp và tổng thầu (EPC):

- Công trình dân dụng và công nghiệp;
- Công trình giao thông, cầu cảng;
- Công trình thủy lợi, thủy điện;
- Đường dây và trạm biến thế điện đến

220kV.

Đầu tư, kinh doanh phát triển hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp.

Gia công chế tạo, lắp đặt kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí.



BIDV

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Đơn vị anh hùng lao động thời kỳ đổi mới



Ngân hàng thương mại quốc doanh đầu tiên
áp dụng hệ thống quản lý tiêu chuẩn ISO 9001:2000



45 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (26/4/1957 - 26/4/2002)

CUNG ỨNG NHIỀU HÌNH THỨC TÍN DỤNG, DỊCH VỤ NGÂN HÀNG, ĐÁP ỨNG CAO NHẤT MỌI NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG:

- Cho vay trung, dài hạn để đầu tư phát triển các dự án đầu tư, chương trình phát triển, cho vay hỗ trợ vốn đầu tư các chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng.
- Cho vay ngắn hạn phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh.
- Tín dụng tài trợ nhập khẩu; tín dụng hàng xuất khẩu.
- Cho thuê tài chính; bảo hiểm tài sản (xây dựng, thiết bị...)
- Bảo lãnh, đồng bảo lãnh, dự thầu, bảo lãnh thanh toán vay vốn trong nước và ngoài nước.
- Chiết khấu chứng từ, hối phiếu.
- Nhận gửi VNĐ và ngoại tệ.
- Thanh toán, chuyển tiền trong nước, thanh toán quốc tế qua mạng.
- Mua bán ngoại tệ; dịch vụ ngân quỹ, đại lý thanh toán thẻ.
- Tư vấn, bảo lãnh, phát hành chứng khoán.
- Tư vấn phương án nguồn vốn đầu tư dự án, cơ cấu lại tài chính dự án, thẩm định dự án.

PHỤC VỤ THUẬN TIỆN, CHU ĐÁO VỚI TIỆN ÍCH CAO

- Áp dụng công nghệ hiện đại, nối mạng thanh toán nhanh.
- Nối mạng với khách hàng; dịch vụ Home Banking.
- An toàn, chính xác, nhanh chóng, đảm bảo bí mật.
- Phong cách lịch sự, tận tình, chu đáo.

HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BẠN HÀNG LÀ MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA BIDV

Chi tiết xin liên hệ:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Tel: 8242210, 8268318; Fax: 8266959;

Website: www.bidv.com.vn; Email: bidv@hn.vnn.vn;

- Công ty Cho thuê Tài chính (Leasing Co.); Tel: 9341324; Fax: 8266959;

- Công ty Chứng khoán (BSC Co., Ltd); Tel: 8262959; Fax: 8262188;

- Ngân hàng Liên doanh VID PUBLIC Bank; Tel: 8268307; Fax: 8268228;

- Công ty Bảo hiểm Việt - Úc (BIDV - QBE); Tel: 8223738; Fax: 8223740;

- Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt; Tel: 9433173; Fax: 9433176;

Sở giao dịch I, Sở giao dịch II và chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh thành phố trong cả nước.

TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ CẨM PHẢ

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG TRẦN PHÚ- PHƯỜNG CẨM THÀNH- CẨM PHẢ- QUẢNG NINH
DIỆN THOẠI: (033).862.245 - 862052 * FAX: (033).862.357



**GIÁM ĐỐC - BÍ THƯ ĐẢNG ỦY
NGUYỄN TIẾN HƯNG**



**Lãnh đạo Bộ Y tế thăm và làm việc
tại Trung tâm năm 2000**



**Buổi tập huấn, nâng cao nghiệp vụ
chuyên môn thường kỳ cho cán bộ bác sĩ**

Được thành lập theo Quyết định số 464/QĐUB ngày 14-4-1992, Trung tâm Y tế Thị xã Cẩm Phả đã trải qua hơn 10 năm hoạt động và trưởng thành. Hiện nay, Trung tâm có một bệnh viện đa khoa 170 giường bệnh và 16 trạm y tế tại các xã, phường, với 252 CBCNV, trong đó có 21 dược sĩ và bác sĩ chuyên khoa cấp 1, một bác sĩ chuyên khoa 2, hai thạc sĩ, hai cử nhân y tá điều dưỡng. Đặc biệt, năm 2001, bác sĩ Đinh Xuân Mai của Trung tâm đã được Bộ Y tế công nhận là thầy thuốc ưu tú, đây là một vinh dự lớn cho ngành Y tế Cẩm Phả.

Với 154 nghìn người, Cẩm Phả là thị xã có số dân tương đối đông, vì vậy số lượt người khám chữa bệnh cũng rất lớn. Hơn nữa, địa bàn Cẩm Phả lại rộng và phức tạp, gây khó khăn lớn cho đội ngũ bác sĩ, cán bộ Trung tâm. Mặc dù vậy, được sự chỉ đạo sát sao của Đảng bộ Trung tâm và lãnh đạo cấp trên, sự điều hành thống nhất, tập chung của Ban lãnh đạo, cùng với sự đóng góp thiết thực của nhân dân địa phương, Trung tâm Y tế Cẩm Phả đã hoàn thành tốt những chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ được giao, cụ thể:

*** Công tác phòng bệnh:**

- Tiêm chủng đạt 99%.
- Thanh toán hoàn toàn

bệnh phong trên địa bàn.

- Không còn trường hợp tử vong do sốt rét.

- Không xuất hiện những bệnh dịch lớn.

*** Công tác khám chữa bệnh:**

- Mỗi năm khám cho hàng trăm nghìn lượt người.

- Điều trị cho hơn 10000 bệnh nhân.

- Xử lý gần 1000 ca trung, đại phẫu.

Với những nỗ lực nhằm hạn chế, khắc phục khó khăn, phát huy nội lực và tận dụng tối đa các nguồn lực từ bên ngoài, trong những năm gần đây Trung tâm Y tế Thị xã Cẩm Phả đã đạt được những thành tích đáng khích lệ:

- Năm 1999, đơn vị được tặng cờ "Đơn vị dẫn đầu khối sự nghiệp hành chính" của Thị xã.

- Năm 2000, được Bộ Y tế và năm 2001 được UBND tỉnh tặng bằng khen trong công tác tiêm chủng mở rộng.

- Năm 2001, được Công đoàn Ngành Y tế công nhận là Bệnh viện tinh thương.

- Từ năm 1997 đến năm 2002, được UBND Tỉnh tặng bằng khen xuất sắc trong công tác BHYT.

Để thực hiện tốt hơn nữa chủ trương xã hội hoá công tác y tế, Trung tâm Y tế Thị xã Cẩm Phả mong nhận được sự quan tâm thiết thực từ các cấp, các ngành và của nhân dân địa phương



**Chiến dịch tuyên truyền, vận động và triển khai tiêm vắc-xin phòng bệnh sởi mũi hai
Trung tâm Y tế Thị xã Cẩm Phả phát động**

CÔNG TY CẢNG VÀ KINH DOANH THAN

ĐC: CỬA ÔNG - CẨM PHẢ - QUẢNG NINH * ĐIỆN THOẠI: (033) 865 342 * FAX: (033) 865 320

Hoà chung khí thế cách mạng của sự nghiệp đổi mới, Công ty Cảng và Kinh doanh Than QN đã có bước phát triển khá nhanh, đạt nhiều thành tựu, góp phần không nhỏ cho sự nghiệp phát triển vượt bậc của Ngành Than VN.

Là một doanh nghiệp trực thuộc TCT Than VN, trong những năm qua, mặc dù gặp không ít những khó khăn thử thách, song Đảng bộ Công ty đã trực tiếp lãnh đạo đơn vị tập chung mọi cố gắng, đoàn kết thống nhất nhằm tháo gỡ khó khăn, phát huy mạnh mẽ nguồn nội lực, khai thác có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu được giao, tạo những tiền đề cơ bản để từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho Cảng, đáp ứng yêu cầu phát triển, nhiệm vụ mới của TCT Than VN.

Hàng năm, các chỉ tiêu, kế hoạch về sản lượng, nộp ngân sách đạt mức tăng trưởng khá cao, năm sau hơn năm trước. Sản lượng than qua Cảng tăng trưởng từ 4,5 triệu tấn năm 2000 đến năm 2001 đạt gần 5 triệu tấn. Số lượt tàu vào Cảng cũng vì thế tăng lên đáng kể, năm 2000 có 207 lượt tàu và đến năm 2001 là 505 lượt tàu, tăng 244%. Đây là kết quả của việc đầu tư nâng cấp cải tạo và mở rộng Cảng của Công ty. Xuất phát từ tình hình thực tế và chiến lược xây dựng, phát triển ngành trong giai đoạn đẩy mạnh CNH- HĐH, Đảng bộ Công ty đã sớm xác định rõ những nhiệm vụ và mục tiêu trọng tâm. Công ty đã được tăng cường đầu tư để nâng cao năng lực khai

thác kinh doanh cảng với tổng kinh phí đầu tư gần 200 tỉ đồng. Đến nay, Cảng Cẩm Phả có thể tiếp nhận được những tàu có trọng tải từ 40.000 DWT đến 65.000 DWT.

Bên cạnh việc chú trọng đầu tư, Công ty đã không ngừng quan tâm, chăm lo phát triển nguồn nhân lực với số lượng và chất lượng phù hợp, công tác đào tạo bồi dưỡng được đẩy mạnh dưới nhiều hình thức. Mặc dù còn nhiều khó khăn, Đảng bộ, Ban Giám đốc Công ty đã quan tâm chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, nâng thu nhập của người lao động lên bình quân 1,4 triệu đồng/người/tháng. Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên tổ chức cho CBCNV đi thăm quan nghỉ mát, thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội... Đến nay, với 150 đảng viên, sinh hoạt trong 12 chi bộ, Đảng bộ Công ty đã có bước trưởng thành vững chắc. BCH Đảng bộ Công ty thường xuyên tổ chức các lớp học nghị quyết, các khoá đào tạo chính trị ngắn hạn, nhằm nâng cao tri thức và nghiệp vụ lý luận, nghiệp vụ quản lý cho đảng viên và cán bộ chủ chốt. Đó cũng là kết quả trực tiếp của lãnh đạo cấp trên.

Chính những thành tựu đã đạt được đã tạo ra nguồn động lực to lớn, cổ vũ tinh thần hăng say lao động cho tập thể CBCNV, là điều kiện, tiền đề cơ bản cho bước phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Ngành Than nói riêng và phát triển kinh tế đất nước nói chung.





HAPROSIMEX

ISO 9002

XÍ NGHIỆP MAY XUẤT KHẨU THANH TRÍ

THANH TRÍ GARMENT FACTORY

Địa chỉ : KM 11, QL 1A, TT Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội
Điện thoại : 84 - 4 - 8615334 - 8618341 ; FAX : 84 - 4 - 8615390
E - mail : hapro @ fpt.vn * Website : www.hapro.com.vn
Bí thư - Kiểm Giám đốc : **NGUYỄN MINH TUẤN**

GIỚI THIỆU CHUNG

Thành lập năm 1993, Xí nghiệp May xuất khẩu Thanh Trì trực thuộc Công ty Sản xuất - XNK Tổng hợp Hà Nội (HAPROSIMEX), chuyên ngành kinh doanh, sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc các loại. Với đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề cùng với hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002.

VÀI NÉT VỀ XÍ NGHIỆP MAY

Tổng vốn đầu tư ban đầu : 2 000 000 USD
Diện tích mặt bằng : 20 000 m²
Kim ngạch XNK : 14 000 000 USD
Công nhân viên : 1 400 công nhân lành nghề
Năng lực sản xuất : (quy đổi) tương đương 2 500 000 sơ mi hoặc 1 000 000 jacket/ năm

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Xuất khẩu:

Hàng may mặc các loại : áo choàng, jacket, sơ mi nam, nữ, quần, quần áo trẻ em, bảo hộ lao động, áo lông vũ, hàng dân đường may, áo len đan tay, áo móc, đồ lùa tơ tằm...

Hàng thủ công mỹ nghệ : các mặt hàng thêu ren, hàng mây tre đan, gốm sứ các loại

Nông lâm sản : Vừng, lạc, hạt điều, hạt tiêu, ớt, gừng, đậu các loại, chè, cà phê, hồi, quế, thuốc nam và tinh dầu.

Nhập khẩu:

Hàng tiêu dùng phục vụ thị trường trong nước. Máy móc thiết bị nguyên vật liệu phục vụ các ngành sản xuất trong nước. Xe máy, ô tô khách, ô tô tải các loại...

Xí nghiệp đã thiết lập được mối quan hệ buôn bán với hơn 30 nước trên thế giới như : các nước Châu Âu, Nhật, Hàn Quốc, Canada, Mỹ, một số nước Nam Mỹ và Châu Á.

Toàn thể cán bộ công nhân viên Xí nghiệp May xuất khẩu Thanh Trì luôn sẵn sàng phục vụ mọi yêu cầu của quý khách hàng trong và ngoài nước đồng thời mong muốn được làm bạn hàng với các đối tác trên toàn thế giới.



CÔNG TY XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG

XÍ NGHIỆP XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG MIỀN TRUNG

ĐC: SỐ 290 NGUYỄN VĂN LINH - TP. ĐÀ NẴNG * Tel: (0511) 656 901- 656 902 * Fax : (0511) 656 902



VINABECO

Sản Phẩm

ĐƯỢC

Ưu Tiên



TỔNG CÔNG TY RƯỢU-BIA-NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM
VINABECO

Địa chỉ : 94 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 8.219261 - Fax : (04) 8.219661

Văn phòng đại diện : www.google.com Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8.296342 - Fax : (08) 8.296856

5/30



VIGLACERA

CÔNG TY GẠCH ỐP LÁT HÀ NỘI

HA NOI CERAMIC TILES COMPANY



ISO 9002

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG TRUNG HÒA - QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI

Tel: 84.4. 8542627 * Fax: 84.4. 8542889 * Website: www.ceramichn.com



Digitized by Google

X
H168B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

NOV 11 2002

CURRENT SERIALS

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

CÔNG TY XÂY DỰNG CẦU 75

ĐC: Hạ Đình - Thanh Xuân - Hà Nội * ĐT: 04. 5589973 -5580974 * Fax: 04. 5580969



P. Tổng giám đốc - Kiêm Giám đốc
KS. ĐỖ VĂN ĐANG



Khởi công xây dựng cầu Non Nước



Cầu Đạo Long



Máy khoan Bg25 ϕ 1 000 mm
của CHLB Đức



Hệ nổi thi công cầu

Công ty Xây dựng Cầu 75 là doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1975, chuyên làm nhiệm vụ xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước.

Trải qua gần 30 năm hoạt động, Công ty luôn nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Tất cả các công trình do Công ty xây dựng đều hoàn thành đúng và vượt tiến độ, chất lượng cao, đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật theo đúng yêu cầu thiết kế, mang lại hiệu quả kinh tế cho xã hội.

Công ty luôn thường xuyên mua sắm đổi mới thiết bị, áp dụng công nghệ mới vào thi công cầu đường tiên tiến như: máy khoan nhồi BG 25, thiết bị đúc đầm theo công nghệ đúc hẫng cân bằng, hệ nổi phục vụ thi công trên sông nước, thiết bị đúc đầm bê-tông dự ứng lực căng kéo trước, thiết bị đúc đầm Super T, cần cẩu các loại và nhiều thiết bị chuyên dụng khác. Ngoài việc đầu tư vào thiết bị, Công ty luôn chú trọng vào vấn đề đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề để đáp ứng nhiệm vụ thi công xây dựng các công trình có chất lượng cao.



Hạ cọc ván thép bằng búa rung



THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 659

30

10-2002

● BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

**● Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● Phó Tổng Biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Chiều Trung du

Ảnh : TTXVN

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TRẦN ĐỨC LƯƠNG - Công tác dân vận góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta	3
NGUYỄN KHOA ĐIỀM - Tăng cường lãnh đạo, quản lý báo chí điện tử, In-tơ-net	7
TÒNG THỊ PHÓNG - Công tác dân vận - một bộ phận gắn bó mật thiết với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc ta	12

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ĐẶNG HỮU TOÀN - Học thuyết Mác - Lê-nin với công cuộc đổi mới ở Việt Nam	18
LƯƠNG NGỌC TOÀN - Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông : vấn đề còn lắm gian nan	24
HOÀNG HẢI - Mấy vấn đề về phát triển kinh tế cửa khẩu Việt - Trung	29

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TRƯƠNG THỊ KHUÊ - Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam với việc xây dựng các mô hình hoạt động	35
LÊ HOÀNG QUÂN - Bước chuyển mới của Đồng Nai	40
LÊ XUÂN ĐÌNH - Lâm trường Đình Lập - mẫu hình về chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong cơ chế mới	45

ĐỌC SÁCH

NHỊ LÊ - Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước	50
---	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN TIẾN NGHĨA - Kinh tế Liên bang Nga trong những năm cải cách thị trường	56
---	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN, THỰC TIỄN

Hội thảo khoa học : "Chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XX - những bài học lịch sử"	61
Hội thảo khoa học - thực tiễn : "Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt tỉnh Sơn La"	62
Hội nghị tổng kết công tác văn hóa - tư tưởng và công tác Đảng, công tác chính trị ở Bình chủng Tăng - Thiết giáp	63

СОДЕРЖАНИЕ

ЧАН ДЫК ЛЫОНГ: Агитационная работа среди народных масс вносит большой вклад в революционное дело Партии и нашего народа. **НГУЕН КХОА ДИЕМ:** Усиление руководства и управления деятельностью электронной прессы и Интернета. **ТОНГ ТХИ ФОНГ:** Агитационная работа среди народных масс – компонент, тесно связанный с революционным делом Партии и нашего народа. **ДАНГ ХЫУ ТОАН:** Марксистско-Ленинская теория и курс обновления во Вьетнаме. **ЛЫОНГ НГОК ТОАН:** Обновление общеобразовательной программы – действительно ещё многотрудный вопрос. **ХОАНГ ХАЙ:** Некоторые проблемы об экономическом развитии в районах Вьетнамско-китайских пограничных входов. **ЧЫОНГ ТХИ КХУЭ:** Союз Вьетнамских Женщин и работа по созданию моделей деятельности. **НГУЕН ТИЕН НГИА:** Экономика Российской Федерации в годы рыночной реформы.

CONTENTS

TRẦN ĐỨC LƯƠNG: The matter of carrying out propaganda and agitation among the people has made deserving contribution to the revolutionary cause of the Party and our people. **NGUYỄN KHOA ĐIỂM:** To increase leadership and management of the activity of electronic press and Internet. **TÔNG THỊ PHỒNG:** Carrying out propaganda and agitation among the people is a tightly-adhered component of the revolutionary cause of the Party and our nation. **ĐẶNG HỮU TOÀN:** Marxist-Leninist theory and the renovation cause in Vietnam. **LƯƠNG NGỌC TOÀN:** Renovation of the program of general education – a miserably hard issue. **HOÀNG HẢI:** Some problems regarding developing economy at Vietnam – China border gates. **TRƯƠNG THỊ KHUÊ:** Association of Vietnamese Women and the shaping of activity models. **NGUYỄN TIẾN NGHĨA:** Russian Federation's economy in the years reforming the market.

SOMMAIRE

TRẦN ĐỨC LƯƠNG: Le travail de mobilisation auprès de la population apporte une digne contribution à l'œuvre révolutionnaire du Parti et du peuple vietnamien. **NGUYỄN KHOA ĐIỂM:** Renforcer le travail de direction, la gestion des activités de la presse électronique, de l'internet. **TÔNG THỊ PHỒNG:** Le travail de mobilisation auprès de la population - partie intégrante de l'œuvre révolutionnaire du Parti et du peuple vietnamien. **ĐẶNG HỮU TOÀN:** Le doctrine marxiste-léniniste et l'œuvre de renouveau au Vietnam. **LƯƠNG NGỌC TOÀN:** Renouvellement du programme d'enseignement général: un problème qui laisse à désirer. **HOÀNG HẢI:** Quelques problèmes du développement économique aux portes frontalières Vietnam-Chine. **TRƯƠNG THỊ KHUÊ:** L'Union des femmes vietnamiennes et l'élaboration des modèles de fonctionnement. **NGUYỄN TIẾN NGHĨA:** L'économie russe au cours des années de la réforme de marché.

SUMARIO

TRẦN ĐỨC LƯƠNG: La digna contribución del trabajo de propaganda y agitación en el pueblo en la causa revolucionaria de nuestro Partido y pueblo. **NGUYỄN KHOA ĐIỂM:** La intensificación del trabajo de dirección y gestión de actividad de la prensa electrónica, Internet. **TÔNG THỊ PHỒNG:** El trabajo de propaganda y agitación al pueblo - una parte inseparable en la causa revolucionaria de nuestro Partido y nación. **ĐẶNG HỮU TOÀN:** La doctrina del Marxismo-Leninismo con la obra de renovación en Vietnam. **LƯƠNG NGỌC TOÀN:** La renovación del programa de educación general: una cuestión aún muy difícil. **HOÀNG HẢI:** Algunos problemas en el desarrollo de economía de puerta fronteriza Vietnam-China. **TRƯƠNG THỊ KHUÊ:** La Unión de Mujeres de Vietnam con la formación de los modelos de actividades. **NGUYỄN TIẾN NGHĨA:** La economía de la Federación de Rusia en los años de reforma de mercado.

目录

陈德良: 民运工作为我党和人民革命事业作出与其相称的贡献。阮科恬: 增强对电子报刊、因特网络的领导及管理工作。从民放 民运工作——我党和民族的革命事业紧密相结合的一部分。邓友全: 马列学说与越南的革新事业。梁玉瓊: 普通教育革新——尚存许多艰难的问题。黄海: 有关发展越中口岸经济的一些问题。张氏奎: 越南妇联与各活动模式的创建。阮进义: 俄罗斯联邦经济在市场经济改革历程中。



CÔNG TÁC DÂN VẬN GÓP PHẦN XỨNG ĐÁNG VÀO SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN TA *

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam

TRONG suốt chặng đường 72 năm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định mọi thành tựu vĩ đại của Đảng, của dân tộc ta đều bắt nguồn từ đường lối chính trị đúng đắn của Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, được nhân dân đồng tình ủng hộ và một lòng đi theo Đảng làm cách mạng. Với tầm cao trí tuệ, vận dụng sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vai trò quần chúng trong từng giai đoạn lịch sử, Đảng, Bác Hồ đã thường xuyên quan tâm, bồi đắp mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và nhân dân. Đây chính là nguồn sức mạnh và truyền thống vô cùng quý báu của cách mạng Việt Nam.

Nhìn lại chặng đường vẻ vang của Đảng, chúng ta ghi nhớ công ơn to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã dày công tìm tòi và chỉ dẫn từng bước đi cho cách mạng Việt Nam, xây dựng Nhà nước cách mạng của dân, do dân và vì dân với tư tưởng dân là chủ và dân làm chủ. Chúng ta xúc động và biết ơn các anh hùng, liệt sĩ,

các đồng chí cán bộ, đảng viên đã tận tụy suốt cuộc đời vì sự nghiệp công tác dân vận của Đảng, góp phần làm nên những thành tích to lớn, để đến hôm nay chúng ta có niềm vinh dự và tự hào về công tác dân vận của Đảng đã trưởng thành không ngừng.

Vào những năm 20 của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc, nhà yêu nước vĩ đại của dân tộc ta, với tầm nhìn chiến lược sâu sắc, đã sớm nhận thấy vai trò to lớn của quần chúng nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng. Người viết : "cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ"⁽¹⁾ và phải "làm thức tỉnh sự đồng tình hưởng ứng của quần chúng"⁽²⁾.

Tư tưởng và lý luận về "Dân vận" của Người là một tài sản vô cùng quý báu, không những cho ngày nay mà còn cho

(*) Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995 t 2, tr 267

(2) Hồ Chí Minh : *Sđđ*, t 1, tr 278

các thế hệ mai sau. Bằng những lời lẽ ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, Người luôn căn dặn chúng ta : "Nước lấy dân làm gốc. Trong công cuộc kháng chiến kiến quốc, lực lượng chính là ở dân"⁽³⁾, "thắng lợi của cách mạng là do sự phấn đấu hy sinh và trí thông minh sáng tạo của hàng triệu nhân dân"⁽⁴⁾, "quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân"⁽⁵⁾, "việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công"⁽⁶⁾.

Những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh cách đây hơn nửa thế kỷ, vẫn còn nguyên giá trị và tính thời sự nóng hổi trong cuộc sống của chúng ta. Bài học lịch sử của đất nước đã chỉ ra : Mỗi khi nhân dân ta đoàn kết thống nhất, trên dưới đồng lòng thì chiến thắng được thiên tai, địch họa, giữ yên bờ cõi, đất nước được thái bình, thịnh vượng.

Ngay từ buổi đầu của cách mạng, Đảng ta đã khẳng định công tác vận động quần chúng là một nhiệm vụ chiến lược, có ý nghĩa quyết định cho sự thành bại của cách mạng nước ta. Những cán bộ, đảng viên lớp đầu tiên của Đảng đã không quản gian lao, thực hiện chủ trương "vô sản hóa" tiến hành "ba cùng" với dân, tuyên truyền giác ngộ nhân dân lao động và thành lập các tổ chức quần chúng đoàn kết xung quanh Đảng, tạo sức mạnh và động lực cho cách mạng theo tư tưởng của Bác Hồ : "Đem sức ta mà giải phóng cho ta". Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã nhất tề đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám thành công, dựng lên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Từ địa vị người nô lệ, nhân dân ta đã trở thành người làm chủ nước nhà.

Tiếp đó, trong những năm tháng kháng chiến và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, Đảng ta đã tổ chức,

rèn luyện và hình thành một đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận gắn bó máu thịt với nhân dân ở khắp mọi miền của đất nước. Nhiều cán bộ, chiến sĩ đã chịu đựng hy sinh, gian khổ, kiên cường bám dân để thực hiện xuất sắc nhiệm vụ Đảng giao cho. Nhân dân tin tưởng và che chở cho cán bộ khi bị địch truy lùng, chăm sóc chạy chữa khi đau yếu, móc nối khi mất liên lạc và đùm bọc, chia ngọt sẻ bùi như con em trong gia đình. Trong những năm tháng đó, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, các phong trào "Ba sẵn sàng", "Ba đảm đang", "Năm xung phong"... đã phát triển rộng khắp và mạnh mẽ ; tạo nên bầu nhiệt huyết cách mạng sôi động trong nhân dân cả nước, tất cả vì sự nghiệp độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc. Công tác dân vận đã góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Bác Hồ với tấm lòng son sắt và thủy chung, không gì lay chuyển được.

Khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, từ tổng kết thực tiễn, với sự đóng góp trí tuệ của các tầng lớp nhân dân, Đảng ta đã khởi xướng sự nghiệp đổi mới đất nước. Đường lối đổi mới đã thể hiện rõ ý Đảng hợp với lòng dân, được nhân dân đồng tình hưởng ứng và sáng tạo thực hiện trong cuộc sống. Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) đã có Nghị quyết quan trọng về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, củng cố và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Đây là định hướng quan trọng trong sự lãnh đạo của Đảng ở thời kỳ mới. Hệ thống tổ chức công tác dân vận từ

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 409

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 11, tr 372

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 698

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 700

trung ương đến cơ sở với một đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân đầy tâm huyết, giàu kinh nghiệm, đã sáng tạo nhiều hình thức và biện pháp để chuyển tải kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đến với các tầng lớp nhân dân. Nhiều phong trào thi đua yêu nước đã nhanh chóng lan tỏa khắp nơi, đến được với từng gia đình, thôn, xóm, bản, làng. Nổi bật là : phong trào thi đua sản xuất, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phong trào xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, v.v.. Khi tinh thần làm chủ được phát huy, nhân dân ta với ý thức trách nhiệm và lòng tin yêu Đảng đã phát hiện kịp thời, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn các hiện tượng quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ; góp phần đấu tranh ngăn chặn âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Trong quá trình triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, nhiều điển hình tiên tiến, nhiều nhân tố mới xuất hiện và thông qua kết quả các phong trào cách mạng, quần chúng đã giúp cho Đảng ta có cơ sở tiến hành tổng kết, đúc rút kinh nghiệm để kịp thời có những quyết sách đúng đắn và phù hợp với tình hình mới của đất nước. Nhờ đó, chúng ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đưa công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay, tạo nên thế và lực mới cho đất nước. Thành quả mà Đảng và nhân dân ta đạt được có nhiều nguyên nhân, nhưng một nguyên nhân vô cùng quan trọng là sự gắn bó chặt chẽ với dân, quan hệ mật thiết giữa Đảng với dân, biết phát huy và khai thác sức mạnh to lớn của nhân dân.

Tuy nhiên, chúng ta cũng cần nghiêm túc nhận thấy, trong những năm gần đây

công tác dân vận của Đảng bộc lộ nhiều hạn chế. Tệ quan liêu, bệnh thành tích và hình thức còn khá phổ biến từ nhiều ngành trung ương đến cơ sở, khiến cho phong trào nhiều nơi có bề nổi, chưa có chiều sâu, chưa thật ăn sâu, bám rễ trong nhân dân, nhất là với đồng bào vùng sâu, vùng xa đời sống còn nhiều khó khăn. Một tồn tại nữa là, khuynh hướng "*hành chính hóa*" các tổ chức quần chúng và công tác vận động quần chúng đang có xu hướng phát triển. Tệ cửa quyền, tham nhũng ở không ít cán bộ, đảng viên có chức, có quyền đã làm cho nhân dân bất bình, dư luận xã hội phê phán nghiêm khắc. Đây thực sự là những vấn đề bức xúc cần được xem xét nghiêm túc và có biện pháp giải quyết hữu hiệu để giữ vững và tiếp tục phát huy bản chất tốt đẹp của Đảng ta trong công tác dân vận.

Trong lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước, đại đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta. Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định : "Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Để công cuộc đổi mới thành công phải động viên được mọi tầng lớp nhân dân và các thành phần kinh tế tham gia"⁽⁷⁾.

Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần tham gia, lợi ích của các tầng lớp nhân dân được thể hiện rất đa dạng. Điều đó đòi hỏi phải tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, thường xuyên chăm lo vun đắp và thực hiện tốt tình đoàn kết keo sơn trong các tầng lớp nhân dân, trong nội bộ từng cơ quan, doanh nghiệp và từ các cộng đồng dân cư đến mỗi gia đình. Tập trung

(7) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nhà Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 82

giải quyết hài hòa về lợi ích giữa các tầng lớp nhân dân. Đây là nhân tố có ý nghĩa quyết định trong việc xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân ngay từ cơ sở. Đồng thời, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, xây dựng tấm lòng yêu nước, tin cậy lẫn nhau, cùng chung sức, chung lòng xây dựng quê hương, đất nước.

Nhà nước ta có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Các cấp chính quyền cần tăng cường công tác dân vận, đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân.

Cần nghiên cứu kỹ lưỡng, lắng nghe và tiếp thu những ý kiến xác đáng của nhân dân khi xây dựng các chủ trương, chính sách, làm cho chính sách sát hợp với lòng dân, tác động tích cực vào sản xuất và bảo đảm đời sống của nhân dân.

Người dân tiếp xúc với các cơ quan Đảng, Nhà nước chủ yếu là qua những con người cán bộ cụ thể. Vì vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh vững vàng, năng lực tốt, thạo nghiệp vụ, có tác phong làm việc sát dân, tôn trọng dân, tận tụy phục vụ nhân dân, biết lắng nghe và tiếp thu ý kiến xác đáng của các tầng lớp nhân dân, hướng dẫn nhân dân khi họ có yêu cầu để được giải quyết công việc một cách thuận lợi và làm gương để dân tin là điều hết sức quan trọng đồng thời cũng đang là đòi hỏi của nhân dân.

Công tác dân vận của Đảng trong thời kỳ mới đang đòi hỏi đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận của Đảng phải tiếp tục vươn lên lãnh nhận trách nhiệm trước Đảng, trước dân, khắc phục khó khăn và những mặt yếu kém, nhạy cảm nắm bắt và tham gia giải quyết có hiệu quả những vấn

đề từ thực tiễn cuộc sống đặt ra, góp phần thiết thực củng cố và tăng cường mối quan hệ bền vững, mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Một yếu tố quan trọng có tính quyết định để nâng cao hiệu quả của công tác dân vận là phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác dân vận của Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách, sống hòa đồng với mọi người là thiết thực làm tốt công tác dân vận. Cấp ủy đảng phân công những cán bộ có uy tín với dân, có kinh nghiệm và năng lực trực tiếp phụ trách công tác dân vận. Tôn trọng và tiếp thu ý kiến đóng góp của mặt trận, đoàn thể; tôn trọng tính độc lập và sáng tạo trong hoạt động thực tiễn của từng tổ chức. Quan tâm lãnh đạo về đổi mới các hoạt động đối ngoại nhân dân, không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác, có chính sách phù hợp và biết cách thu hút kiều bào ta ở nước ngoài và các nước trên thế giới ủng hộ và đóng góp vào sự nghiệp đổi mới của dân tộc ta.

Sự đóng góp sức lực và trí tuệ của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, chiến sĩ về công tác dân vận của Đảng là làm tăng thêm sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, là góp phần củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Đó cũng chính là cơ sở cho sự ổn định và phát triển bền vững, tạo thế và lực mới cho dân tộc ta vững bước tiến lên trong những thập kỷ tới.

Với truyền thống vẻ vang, với những kinh nghiệm quý báu và thành quả đạt được trong 72 năm qua, công tác dân vận của Đảng sẽ tiếp tục hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ mới, góp phần xứng đáng vào sự thành công của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ BÁO CHÍ ĐIỆN TỬ, IN-TƠ-NET

NGUYỄN KHOA ĐIỂM *

NGÀY 5-3-1997, Chính phủ ban hành Nghị định 21/CP về "Quy chế tạm thời về quản lý, thiết lập, sử dụng mạng In-tơ-net ở Việt Nam". Từ đây, báo chí điện tử nước ta và việc khai thác mạng In-tơ-net chính thức đi vào hoạt động. Trong bối cảnh nhiều quốc gia trên thế giới đang hướng tới nền kinh tế tri thức trên cơ sở sử dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ thông tin thì việc phát triển nhanh In-tơ-net, khắc phục sự tụt hậu xa hơn so với các nước trên thế giới về công nghệ thông tin là rất bức thiết đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, 5 năm qua, In-tơ-net và báo chí điện tử nước ta đã có bước phát triển quan trọng và ngày càng góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và tuyên truyền đối ngoại. Đến nay, tổng số thuê bao In-tơ-net đạt khoảng 250 000. Theo thống kê sơ bộ, tỷ lệ số người dùng In-tơ-net ở nước ta hiện nay là 1,26%. Nếu so với tỷ lệ trung bình trên thế giới và các cường quốc về

In-tơ-net thì tỷ lệ trên đây còn quá thấp (Mỹ : 61,58% ; Nhật Bản : 77,9% ; Hàn Quốc : 92,5% ; Xin-ga-po : 77,74%... và trung bình trên thế giới là 10,55%), nhưng với thời gian ngắn 5 năm và so với một vài nước trong khu vực (Trung Quốc : 3,35% ; Thái Lan : 2,87% ; Ấn Độ : 1,04%...) thì sự phát triển của Việt Nam là khá nhanh. Tốc độ xuất hiện các trang điện tử (Wep-sai) trên In-tơ-net ở Việt Nam được cải thiện một bước. Nội dung thông tin bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh ngày càng phong phú. Nhiều cơ quan nhà nước đã có Wep-sai để đưa thông tin chính thức của mình lên In-tơ-net.

Sự ra đời và phát triển của báo chí điện tử 5 năm qua là thành quả quan trọng của hoạt động In-tơ-net Việt Nam. Nếu như vào năm 1997, nước ta mới có 1 tạp chí điện tử thì đến tháng 8-2002 cả nước đã có 21 báo, tạp chí, 2 nhà xuất bản điện tử và một số báo có trang điện tử. Nhiều tờ báo lên mạng

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

điện tử có số lượng độc giả lớn gấp nhiều lần báo in. Báo *Nhân dân* từ năm 1998 đến nay đã có 170 triệu lượt người truy cập ; *Đài Tiếng nói Việt Nam* từ đầu năm 1999 đến nay có gần 40 triệu lượt người truy cập ; tạp chí *Quê hương* lên mạng từ tháng 9-1999, hiện nay có khoảng 250 nghìn người truy cập/1 tháng ; báo *Lao động điện tử* từ tháng 5-1999 đến nay đã có khoảng 246 triệu lượt người truy cập, trung bình mỗi ngày có 500 000 lượt người truy cập ; báo *Sài Gòn giải phóng* từ 21-6-2000 đến 20-8-2002 có hơn 77 triệu lượt người truy cập ; báo *Người Lao động* đưa lên mạng 7-2001, sau 1 năm có 42 triệu lượt người truy cập ; báo *Đầu tư* lên mạng từ tháng 4-2001 đến nay có 144 triệu 783 nghìn lượt người truy cập, mỗi ngày có 350 đến 400 lượt người truy cập ; *Thời báo Kinh tế* đến nay đã có hơn 370 triệu lượt người truy cập, hiện nay có 100 nghìn lượt người truy cập mỗi ngày ; báo *Saigon Times* từ 12-1999 đến nay có 21,7 triệu lượt người truy cập, trong đó 60 - 65% lượt người truy cập từ nước ngoài...

Báo chí điện tử trên thế giới nói chung và báo chí điện tử nước ta nói riêng tuy ra đời sau báo in, báo nói, báo hình, nhưng có những ưu thế mà các loại hình báo trên đây không thể có được. Nó đề cập khá nhanh các sự kiện xảy ra. Sau khi nhận được tin, đã có thể phát tức thời trên khắp thế giới. Với công nghệ của báo chí điện tử, chúng ta

có thể thực hiện chức năng đa phương tiện, làm cho tờ báo sống động, phục vụ đắc lực nhu cầu con người.

Hơn 2 500 Wep-sai với hàng vạn trang tin điện tử mỗi ngày của chúng ta hiện nay không chỉ cung cấp thông tin mà đã trở thành môi trường hoạt động chính trị, kinh tế, giáo dục, văn hóa, khoa học... có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

In-tơ-net chứa đựng một nguồn thông tin vô tận, thực sự là kho tri thức khổng lồ của nhân loại đang từng ngày được bổ sung và phát triển. Thông tin trên In-tơ-net phong phú, đa dạng bao gồm những lĩnh vực rộng lớn như : Thông tin khoa học công nghệ, thông tin các hoạt động kinh doanh, giáo dục, y tế, văn hóa, các hoạt động vui chơi, giải trí... Thông qua khai thác In-tơ-net, các nhà khoa học, các viện, các trường đại học, học sinh, sinh viên nước ta có cơ hội tiếp cận nhanh với những thành tựu khoa học thế giới và vận dụng nó vào công tác nghiên cứu, học tập.

Trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế, cạnh tranh toàn cầu thì sự thành bại của công ty, tổ chức, doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào khả năng tiếp cận và xử lý thông tin. Tiếp cận thông tin, rút ra những tri thức cần thiết, giúp các nhà quản lý lựa chọn và đưa ra những quyết sách đúng đắn.

Sau 5 năm hoạt động, báo chí điện tử và In-tơ-net đã mang lại những hiệu quả quan trọng. Nó là một trong những phương tiện hữu hiệu để tuyên truyền

chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ; giúp cho bạn bè quốc tế và hơn 2 triệu kiều bào Việt Nam đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài hiểu được đất nước Việt Nam đang đổi mới với những thành tựu to lớn.

Bên cạnh những kết quả bước đầu rất quan trọng, thực tiễn phát triển báo chí điện tử, In-tơ-net 5 năm qua cũng cho thấy những hạn chế, yếu kém đòi hỏi công tác quản lý phải theo kịp với sự phát triển. Có thể nói, hiện nay chúng ta còn phải xử lý hàng loạt vấn đề phức tạp đang đặt ra : Từ nội dung thông tin trên mạng, chủ trương, chính sách, luật pháp, cán bộ cho đến đầu tư, cơ sở hạ tầng, giá cả dịch vụ, công tác quản lý, tổ chức sử dụng, v.v.. In-tơ-net thực chất là một môi trường ảo, trên đó người ta có thể thực hiện rất nhiều các hoạt động : Kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế từ xa, các giao dịch điện tử, thương mại điện tử, các dịch vụ thông tin, giải trí, đánh bạc... Có những hoạt động lành mạnh mang lại lợi ích to lớn cho con người và xã hội. Song kẻ xấu cũng lợi dụng In-tơ-net gây phương hại đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, quảng bá thông tin xấu, phổ biến ấn phẩm văn hóa đồi trụy... Trong thời gian qua, một số tổ chức nước ngoài đã lợi dụng In-tơ-net để tăng cường chống phá Việt Nam. Trong khi đó, một số trang điện tử lại đưa lên mạng những thông tin thiếu cân nhắc, làm méo mó hình ảnh đất nước Việt Nam đang

đổi mới buộc Nhà nước phải kịp thời ngăn chặn.

Mặc dù các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí điện tử và In-tơ-net bước đầu đã ban hành các văn bản làm cơ sở pháp lý cho lĩnh vực hoạt động này, nhưng công tác quản lý báo chí điện tử và In-tơ-net không theo kịp sự phát triển. Tổng cục Bưu điện, Bộ Văn hóa - Thông tin chưa xây dựng được quy chế phối hợp, nên việc xử lý vi phạm còn lúng túng, chưa kịp thời, kém hiệu quả. Báo chí điện tử phần lớn là phiên bản của báo in đưa lên mạng. Bên cạnh báo chí điện tử, còn có các trang tin điện tử đề cập đến các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội... Trên thực tế, trang tin điện tử cũng là tờ báo, nhưng không được chính thức hóa là loại hình tờ báo nên chưa có cơ chế định hướng thông tin, kiểm tra thông tin, chưa nêu rõ trách nhiệm của người đứng đầu trang tin điện tử... bằng các văn bản quản lý của Nhà nước. Một số Wep-sai của các cơ quan, doanh nghiệp lại có xen với nội dung văn hóa, nghệ thuật, xã hội...

Chúng ta còn chưa xác định, phân loại thế nào là báo chí điện tử, thế nào là trang tin điện tử, nội dung Wep-sai của các cơ quan, doanh nghiệp phải tuân thủ theo quy định nào ? Ai ban hành quy định đó ? Những đối tượng nào phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin sai trái, người cấp nguồn tin, hay đơn vị, người cho phép truy cập ? Đây là những vấn đề

sắp tới cần phải xác định rõ. Khi cấp phép cho trang tin điện tử hoạt động phải căn cứ vào tôn chỉ, mục đích, phạm vi đề cập, hình thức thể hiện, người chịu trách nhiệm về nội dung trước pháp luật để quy định. Có như vậy mới tránh được tình trạng đưa thông tin tùy tiện, thiếu định hướng và chất lượng thấp. Cũng chỉ trên cơ sở này mới thực hiện được sự khen thưởng, xử phạt nghiêm minh trong hoạt động thông tin.

Việc kiểm soát và ngăn chặn thông tin độc hại trên In-tơ-net được thực hiện bởi "bức tường lửa" đặt tại cổng In-tơ-net quốc gia. Với số lượng thuê bao còn nhỏ ban đầu thì biện pháp này khả thi và có hiệu quả. Đến nay đã có số thuê bao In-tơ-net ngày càng lớn, cho nên "bức tường lửa" đã trở nên quá tải, sẽ làm giảm tốc độ truy suất thông tin. Về lâu dài, chúng ta phải hoàn chỉnh các biện pháp quản lý, kiểm tra nội dung thông tin một cách căn bản. Ngoài nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, phát hiện các thông tin chống đối Đảng, chống chế độ để kiên quyết ngăn chặn, thì chúng ta phải phát huy sức mạnh tổng hợp của các đơn vị tham gia hoạt động trên In-tơ-net, các Wep-sai của các bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể trong việc phát hiện thông tin tiêu cực để kịp thời có biện pháp ngăn chặn. Wep-sai của các bộ, ngành bên cạnh việc giới thiệu về đơn vị, khai thác thông tin trên mạng còn phải có nhiệm vụ phát hiện các thông tin xấu liên quan đến ngành, lĩnh vực mình để cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Báo chí điện tử có thêm một bộ phận độc giả nữa là người nước ngoài và kiều bào Việt Nam sống xa Tổ quốc. Trong đó, có một số người còn mang mặc cảm nặng nề về đất nước, lại rất thiếu thông tin về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như những thành tựu đổi mới của đất nước. Các thế lực thù địch lại ra sức tuyên truyền, xuyên tạc thực tế đổi mới ở Việt Nam, cố tình khai thác những thông tin về mặt trái, các hiện tượng tiêu cực nảy sinh trong cơ chế thị trường. Tình hình này đòi hỏi báo chí điện tử phải chọn lọc thông tin phù hợp với đối tượng độc giả, nhất quyết không đưa lên báo chí điện tử những thông tin thiếu định hướng, không có lợi cho tuyên truyền đổi mới ngoại.

Về cơ chế tài chính đối với báo điện tử, hiện nay các văn bản quản lý nhà nước chưa đề cập đến cơ chế tài chính đối với báo chí điện tử. Khi phát lên mạng In-tơ-net, cơ quan báo chí điện tử không thu lại được nguồn tài chính đã bỏ ra làm báo. Hiện nay, chủ yếu các báo điện tử tự trang trải bằng nguồn vốn tự có của mình. Đối với các đơn vị sự nghiệp, kinh phí dành cho làm báo điện tử không đáng là bao. Do đó không có điều kiện để cải tiến nội dung và hình thức tờ báo, tạp chí điện tử. Các trang báo điện tử hầu như còn đơn điệu, ít có ảnh, trình bày chưa đẹp, truy cập chậm. Một số báo, tạp chí chưa có wep-sai riêng mà dùng chung với bộ, ngành. Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Bưu chính -

Viễn thông và các cơ quan hữu quan cần phối hợp nghiên cứu đề xuất các giải pháp tài chính cho báo điện tử, tạo điều kiện cho loại hình báo chí này đầu tư chiều sâu, trang bị phương tiện, cải tiến nội dung, hình thức tờ báo, cải thiện đời sống cán bộ phóng viên.

Theo thống kê sơ bộ, hiện nay ở các thành phố lớn, đặc biệt là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có hàng ngàn điểm truy cập In-tơ-net công cộng, thu hút đông đảo học sinh, sinh viên, thanh niên tham gia. Có nước quy định trẻ em dưới 16 tuổi khi khai thác In-tơ-net phải có người lớn đi kèm. Ở nước ta cũng có nhiều việc cần làm để quản lý hoạt động này. Phần lớn các điểm truy cập In-tơ-net công cộng hoạt động không có giấy phép nên không có biện pháp ngăn chặn thông tin xấu. Nhiều thanh niên, sinh viên dành nhiều thời gian khai thác các loại thông tin này để thỏa tính tò mò cá nhân chứ không phải vì mục đích công việc. Một số đối tượng thông qua các điểm truy cập In-tơ-net công cộng đã tán phát tài liệu xấu, đánh cắp mật khẩu. Trong thời gian tới, một mặt, các cơ quan chức năng cần phải kiểm tra, xây dựng những quy định hoạt động của các điểm truy cập In-tơ-net công cộng, quy định đảm bảo an ninh thông tin ; xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm ; đồng thời, có kế hoạch đầu tư, tăng cường phát triển In-tơ-net trong nhà trường, đoàn thể, tổ chức xã hội để phục vụ nhu cầu người sử dụng In-tơ-net thật sự có ích, lành mạnh.

Báo chí điện tử nước ta mới hoạt động được 5 năm. Những người làm báo điện tử hiện nay phần lớn là từ báo in chuyển sang. Báo chí điện tử có đặc thù kỹ thuật cao so với các loại hình báo chí khác. Do đó người lãnh đạo, người quản lý, biên tập viên, phóng viên loại báo chí này cần được đào tạo, bồi dưỡng. Bộ Văn hóa - Thông tin cần phối hợp với Ban Chỉ đạo quốc gia về In-tơ-net và Công nghệ thông tin có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ này.

Bộ Chính trị có Chỉ thị 58 và Chính phủ đã ban hành Nghị định 55 đề ra chủ trương, biện pháp thúc đẩy In-tơ-net phát triển và quản lý tốt. Nhưng trong nhận thức của một số ngành, một số cán bộ lãnh đạo, cơ quan chuyên môn có liên quan chưa quán triệt yêu cầu nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước. Việc trang bị và sử dụng In-tơ-net ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, kém hiệu quả, lãng phí. Một số cơ quan, lãnh đạo và cấp ủy đơn vị chưa thực sự quan tâm để đầu tư phương tiện, đội ngũ, thả nổi việc khai thác trên In-tơ-net, chưa thiết thực phục vụ nhiệm vụ của đơn vị. Sắp đến, các bộ, các ngành, hệ thống tuyên huấn các cấp, các phương tiện thông tin đại chúng phải nghiên cứu, triển khai nghiêm túc Chỉ thị 58 của Bộ Chính trị và Nghị định 55 của Chính phủ về phát triển sử dụng In-tơ-net, báo chí điện tử ở nước ta, đồng thời tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân để các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước sớm đi vào cuộc sống, đem lại hiệu quả cao.□

CÔNG TÁC DÂN VẬN - MỘT BỘ PHẬN GẮN BÓ MẬT THIẾT VỚI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG VÀ CỦA DÂN TỘC TA

TÔNG THỊ PHÓNG *

CÁCH đây 72 năm, từ ngày 14 đến ngày 31-10-1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc), Hội nghị Trung ương lần thứ I của Đảng Cộng sản Việt Nam được tiến hành. Hội nghị thông qua Luận cương chính trị, Điều lệ Đảng, Án Nghị quyết về tình hình Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng, thông qua các án Nghị quyết về Công nhân vận động, Nông dân vận động, Phản đế đồng minh, Cộng sản thanh niên vận động, Phụ nữ vận động, Quân đội vận động (địch vận) và vấn đề cứu tế. Hội nghị đã xác định đường lối chính trị của Đảng, của cách mạng Việt Nam, trong đó có công tác vận động và giác ngộ quần chúng đứng lên làm cách mạng giải phóng dân tộc trở thành nhiệm vụ rất lớn của Đảng. Trung ương đã sớm thành lập các Ban : *Công vận, nông vận, thanh vận, phụ vận, quân đội vận và Mật trận phản đế*. Đây là những tổ chức tiền thân đặt nền móng cho công tác dân vận của Đảng và hệ thống chính trị sau này.

Xuất phát từ thực tế lịch sử có ý nghĩa chính trị to lớn nói trên, Bộ chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã quyết định lấy ngày 15-10 hằng năm làm ngày "*Truyền thống công tác dân vận của Đảng*". Ngày 15-10 cũng là ngày Chủ

tịch Hồ Chí Minh viết bài báo "*Dân vận*", đăng trên báo "*Sự Thật*" số 120 ra ngày 15-10-1949. Vì vậy, nhân kỷ niệm 50 năm ngày bài báo "*Dân vận*" được công bố, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã quyết định lấy ngày 15-10 hằng năm là "*Ngày Dân vận của cả nước*". Từ đó đến nay, ngày 15-10 đã đi vào đời sống chính trị của Đảng và nhân dân ta, đồng viên, nhắc nhở trách nhiệm cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, lực lượng vũ trang nhân dân và đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị thực hiện tốt hơn chủ trương của Đảng và lời dạy của Bác Hồ : "Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công"(1).

Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta cho thấy, công tác dân vận gắn liền với những chặng đường vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam và là một bộ phận không thể tách rời sự nghiệp của Đảng và nhân dân ta. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3-2-1930 là sự kết tinh của

* Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 700

chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam. Đây là kết quả của sự dày công chuẩn bị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Người đã trực tiếp tiến hành tổ chức công tác tuyên truyền, huấn luyện đội ngũ cán bộ cách mạng biết làm công tác dân vận.

Tháng 6-1925, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội) để giác ngộ lý tưởng cộng sản cho lớp trẻ, chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngay sau khi thành lập, Đảng ta đã nhanh chóng tổ chức ra các đoàn thể cách mạng, hình thành ngay bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận. Các đảng viên của Đảng đã đi vào các giai cấp, các tầng lớp nhân dân để tuyên truyền vận động, tổ chức và tập hợp quần chúng nhân dân đấu tranh chống áp bức, bóc lột, đòi dân sinh, dân chủ, đánh dấu bằng Cao trào Xô-viết Nghệ Tĩnh (1930-1931). Đó là cuộc tổng diễn tập đầu tiên của lực lượng cách mạng đã để lại cho Đảng ta những bài học quý báu về phát động quần chúng đấu tranh cách mạng, về xây dựng "Đội quân chính trị quần chúng", về thực hiện liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, về xây dựng chính quyền công nông trong điều kiện số lượng đảng viên của Đảng còn ít, hoạt động bí mật trong hoàn cảnh địch khủng bố gắt gao. Đồng thời, từ đây Đảng cũng thấy rõ những lệch lạc, ấu trĩ, tả khuynh trong nhận thức về đấu tranh giai cấp và các vấn đề dân tộc, làm hạn chế việc mở rộng lực lượng cách mạng.

Đến thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương (1936-1939) - cuộc tổng diễn tập lần thứ hai của cách mạng nước ta - với mục tiêu đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa,

tay sai phát xít, đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình, Đảng ta đã chủ trương mở rộng chính sách đại đoàn kết toàn dân và công tác Mặt trận. Quần chúng đã được tập hợp qua các hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp. Bằng khẩu hiệu đấu tranh cho lợi ích và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, mà các đoàn thể chính trị (đã được đổi tên) làm nòng cốt, Đảng ta đã tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân, bao gồm nhân sĩ trí thức, tư sản dân tộc và cả ngoại kiều. Đây thực sự là bước phát triển mới trong việc xây dựng lực lượng chính trị quần chúng. Từ những thành công và không thành công của hai cuộc tổng diễn tập, Đảng ta càng thấm thía rằng, muốn cách mạng đi đến thắng lợi, Đảng phải có đường lối, chủ trương, chính sách đúng và tạo được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Năm 1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, tình hình thế giới và trong nước đã có những biến động lớn, Đảng ta đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược. Đó là giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc trước nhiệm vụ chống phong kiến và giành ruộng đất cho nông dân; coi nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng là chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Mặt trận Việt Minh ra đời với chủ trương đoàn kết hết thảy các giới đồng bào yêu nước, đứng lên đánh đuổi Nhật - Pháp để dựng lên nước Việt Nam độc lập, tự do. Các chính sách của Mặt trận Việt Minh nêu ra rất phù hợp với lợi ích của các tầng lớp xã hội, có sức hấp dẫn và tính thuyết phục cao nên đã đông viên được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, tạo thành cao trào đánh Pháp, đuổi Nhật, tiến lên khởi nghĩa từng phần. Đi đôi với đẩy mạnh đấu tranh chính trị là đấu tranh vũ trang. Đảng ta đã nhanh chóng phát triển lực lượng chính trị

quần chúng và thành lập lực lượng vũ trang nhân dân với tên gọi là Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Khi thời cơ đến, Đảng đã lãnh đạo thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã chứng minh đường lối cách mạng của Đảng là đúng đắn. Đó cũng là thắng lợi của nghệ thuật vận động quần chúng. Chỉ với hơn 5 000 đảng viên, song do biết dựa vào dân, tin ở dân, gắn bó với nhân dân, tuyên truyền giác ngộ nhân dân, Đảng ta đã tổ chức tập hợp và hướng dẫn quần chúng nhân dân đấu tranh từ thấp đến cao ; cuối cùng là nổi dậy, làm cuộc Tổng khởi nghĩa trên phạm vi toàn quốc.

Trong suốt 30 năm chiến đấu gian khổ vì độc lập dân tộc (1945- 1975), bằng niềm tin và sức mạnh đoàn kết toàn dân, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Trong cuộc đấu tranh quyết liệt ấy, Đảng đã có những kinh nghiệm sáng tạo về Mặt trận dân tộc thống nhất và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, theo tư tưởng Hồ Chí Minh "vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân, không bỏ sót một người nào, góp thành lực lượng toàn dân" (2). Đó là bước phát triển mới của công tác dân vận trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Lực lượng vũ trang nhân dân đã trở thành lực lượng quan trọng trong công tác dân vận của Đảng.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), cách mạng ở hai miền Nam - Bắc có những nhiệm vụ khác nhau, nhưng cùng một mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ, thống nhất đất nước. Công tác dân vận trong

thời kỳ này là, vận động nhân dân ra sức xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, huy động sức người, sức của chi viện cho miền Nam, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đảng ta luôn coi trọng và chăm lo củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Dựa vào dân, lấy dân làm gốc, tập hợp và phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh "*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công !*" (3). Tổ chức Đảng được củng cố, tôi luyện trong cuộc chiến đấu của nhân dân ; khối liên minh công - nông được dày công xây đắp ; đội quân chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân càng đánh càng mạnh. Mặt trận dân tộc giải phóng cùng các đoàn thể nhân dân ngày càng tập hợp đông đảo các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, tranh thủ rộng rãi sự ủng hộ của nhân dân thế giới. Công tác dân vận của Đảng ở cả miền Nam và miền Bắc được phát triển lên một tầm cao mới, đã động viên đến mức cao nhất lực lượng các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, các lứa tuổi và các giới nhân dân, đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước đến toàn thắng.

Khi cả nước bước vào thời kỳ mới, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đứng trước những thuận lợi và khó khăn mới. Trên cơ sở lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, Đảng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tại Đại hội lần thứ VI, Đảng ta đã khởi xướng công cuộc đổi mới, đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế -

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 698

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 607

xã hội, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đứng trước giai đoạn phát triển mới của đất nước, công tác dân vận của Đảng phải tiếp tục được đổi mới. Nghị quyết 8b-NQ/TW, ngày 27-3-1990, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) là sự tổng kết có ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Đảng về *"Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân"*. Từ đây, công tác dân vận của Đảng đã có nhiều khởi sắc, đi vào chiều sâu, tạo ra động lực cho phong trào quần chúng, và sự chuyển biến toàn diện cả về nội dung, hình thức và phương thức vận động quần chúng, góp phần quan trọng vào công cuộc đổi mới xây dựng đất nước.

Thực tiễn công tác dân vận của Đảng 72 năm qua đã để lại cho chúng ta nhiều bài học lịch sử quý báu :

Một là, tin ở lực lượng và sức mạnh của nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân, một lòng một dạ phục vụ nhân dân. Kế thừa tinh hoa và truyền thống dân tộc, ngay từ khi ra đời Đảng ta đã xác định : mục đích chiến đấu của Đảng là vì hạnh phúc của nhân dân, ngoài lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng ta không có lợi ích gì khác. Suốt 72 năm qua Đảng đã kiên trì phấn đấu cho mục tiêu cao đẹp đó.

Trải qua các thời kỳ cách mạng, nhất là trong thời kỳ thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ, phải chiến đấu trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn gian khổ, đối mặt từng giây từng phút giữa cái sống và cái chết nhưng cuối cùng chúng ta đã giành được thắng lợi huy hoàng. Có được thắng lợi đó là do mọi nơi, mọi lúc, cả khi khó khăn cũng như thuận lợi, Đảng đều gắn bó mật thiết với dân, yêu thương dân, tin ở dân, dựa vào dân, học hỏi ở dân, từ đó hình thành những chủ

trương, chính sách đúng đắn hợp lòng dân, trên cơ sở đó tuyên truyền giác ngộ cách mạng, đưa cách mạng đến thắng lợi.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng tăng cường phát huy quyền làm chủ của nhân dân, không ngừng tăng cường và củng cố mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân. Song, trong điều kiện Đảng cầm quyền, đã xuất hiện tình trạng quan liêu, xa rời quần chúng, đi ngược lại lợi ích của dân khiến nhân dân giảm sút lòng tin ở Đảng, ở chế độ... Trước tình hình đó, bước vào sự nghiệp đổi mới Đảng đã rút ra bài học lớn là, trong điều kiện Đảng cầm quyền, phải đặc biệt chăm lo củng cố sự liên hệ giữa Đảng và nhân dân, tiến hành tổ chức cuộc đấu tranh ngăn ngừa và khắc phục chủ nghĩa quan liêu.

Hai là, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, nhất quán và phù hợp với từng giai đoạn cách mạng. Đoàn kết là tư tưởng nhất quán của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta từ khi ra đời đến nay, trở thành truyền thống tốt đẹp trong toàn bộ lịch sử của Đảng, của cách mạng. Trong từng thời kỳ cách mạng, Đảng đã đề ra những chủ trương, chính sách phù hợp với lợi ích của các giai tầng xã hội. Tư tưởng của chính sách đại đoàn kết dân tộc lấy lợi ích cơ bản của nhân dân, của dân tộc làm nền tảng, kết hợp và giải quyết hài hòa lợi ích dân tộc với lợi ích của từng giai cấp, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân. Để tăng cường đoàn kết được mọi lực lượng, Đảng luôn linh hoạt trong việc lựa chọn các hình thức và tên gọi của Mặt trận, phù hợp với từng thời kỳ cách mạng.

Ba là, tổ chức tập hợp nhân dân vào các hình thức hoạt động thích hợp trong từng

giai đoạn cách mạng. Lực lượng của nhân dân rất to lớn, nhưng lực lượng đó phải được tổ chức và lãnh đạo mới phát huy được sức mạnh. Do đó, trong mọi thời kỳ cách mạng Đảng ta luôn đặc biệt coi trọng việc tập hợp lực lượng nhân dân vào Mặt trận các đoàn thể chính trị xã hội rộng rãi để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng. Gần hai thập kỷ tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng tăng cường mở rộng tập hợp nhân dân theo hướng đa dạng các hình thức, tập trung vào 3 loại hình chính sau : Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ; các đoàn thể chính trị xã hội ; các tổ chức xã hội nghề nghiệp. Nội dung và phương thức hoạt động mang tính thiết thực, hiệu quả, sát cơ sở. Qua chăm lo lợi ích, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của quần chúng mà gắn bó đoàn viên, hội viên trong tổ chức, tăng cường giáo dục và động viên mọi người làm tròn nghĩa vụ đối với đất nước, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng và bảo vệ Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Bốn là, công tác dân vận phải bám sát đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gắn chăm lo và bảo vệ lợi ích của nhân dân với động viên nhân dân xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Trong cách mạng dân tộc dân chủ, đấu tranh thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, công tác dân vận đã đi đúng đường lối của Đảng, góp phần quan trọng vào Chiến thắng lịch sử mùa Xuân năm 1975, cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong sự nghiệp đổi mới, vận dụng sáng tạo tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tình hình mới của cách mạng, công tác dân vận được Đảng cụ thể hóa trong Nghị quyết Trung ương 8b, khóa VI : *"Các tổ chức Đảng từ Trung ương đến chi bộ đều phải lấy công tác vận động và chăm lo lợi ích của quần chúng làm một nội dung chính trong hoạt động của mình"*. Nghĩa là, dân vận phải

đi sâu vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị nhằm thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và chăm lo lợi ích chính đáng của nhân dân.

Năm là, công tác dân vận luôn gắn chặt với công tác xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích của toàn dân tộc. Như vậy, ngay từ khi ra đời, Đảng ta đã gắn chặt sứ mệnh lịch sử của mình với các tổ chức quần chúng. Sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ sức mạnh của nhân dân. Điều đó cho thấy, muốn Đảng với chính quyền vững mạnh không có con đường nào khác là phải xây dựng phong trào cách mạng của quần chúng vững mạnh. Từ công tác dân vận mà bảo vệ Đảng trong những năm tháng chiến tranh ác liệt. Từ công tác dân vận mà củng cố, xây dựng, phát triển Đảng. Từ Mặt trận và đoàn thể mà hình thành, xây dựng chính quyền ngày càng vững mạnh. Thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước cho thấy, công tác dân vận phải gắn chặt với công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền cũng phải gắn chặt với công tác dân vận thì mới có hiệu quả.

Sáu là, thường xuyên chăm lo xây dựng bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận. Bộ máy dân vận của Đảng ra đời ngay từ khi thành lập Đảng. 72 năm qua, bộ máy dân vận có nhiều mô hình khác nhau, tên gọi khác nhau nhưng đều có một chức năng quan trọng là tham mưu cho Đảng về công tác vận động quần chúng. Bên cạnh chức năng tham mưu nghiên cứu đề xuất chủ trương còn có chức năng hướng dẫn, kiểm tra và làm công tác cán bộ trong khối dân

vận theo qui định. Thực tiễn 72 năm qua cho thấy, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương và các cấp ủy đảng về công tác dân vận, Mặt trận, đoàn thể có chất lượng đến đâu, phần lớn tùy thuộc vào chất lượng của bộ máy tham mưu và đội ngũ cán bộ. Đây chính là lực lượng chủ yếu, là nhân tố quyết định để thực hiện tốt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công".

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ thời cơ và thách thức đối với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã làm cho thế và lực của đất nước ta lớn mạnh lên nhiều. Đồng thời, đất nước ta phải đối mặt với nhiều thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta từng chỉ rõ : tụt hậu xa hơn về kinh tế ; chênh lệch xã hội chủ nghĩa ; nạn tham nhũng và tệ quan liêu ; âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đe dọa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Đại hội khẳng định : Đại đoàn kết toàn dân là "đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội"(4).

Hội nghị Trung ương 7, khóa IX, sẽ cụ thể hóa một bước tư tưởng của Đại hội IX về "phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân", "tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"(5).

Nhằm đáp ứng yêu cầu của thời kỳ cách mạng mới, hệ thống công tác dân vận các cấp của Đảng phải phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các

ngành, để tham mưu cho Đảng chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây :

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo và tư tưởng dân vận của Bác Hồ, trong hệ thống chính trị, trước hết là trong đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra.

2. Củng cố và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, khóa IX. Đặc biệt chăm lo cho cơ sở chính trị ở các vùng dân tộc, những địa bàn khó khăn, miền núi, nhằm thu hẹp dần cơ sở yếu kém, tăng dần các cơ sở vững mạnh, biết chủ động các mặt công tác, ổn định và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân.

3. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở các loại hình cơ sở ; cùng phối hợp để làm tốt công tác dân vận của chính quyền ; đảm bảo dân chủ và kỷ cương xã hội ; tạo môi trường thuận lợi để các cơ sở, các thành phần kinh tế ổn định và phát triển.

4. Tiếp tục đổi mới và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, đại diện cho lợi ích của các tầng lớp nhân dân, tạo chuyển biến thực sự công tác đoàn kết tập hợp nhân dân và thi đua yêu nước ở các đơn vị công tác và các địa bàn dân cư. Chăm lo bồi dưỡng cán bộ dân vận, Mặt trận và các đoàn thể ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ của thời kỳ mới.□

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 123

(5) Văn kiện đã dẫn, tr 341



HỌC THUYẾT MÁC - LÊ-NIN VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

ĐẶNG HỮU TOÀN*

TỔNG kết 15 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở nước ta (1986-2000), tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta đã khẳng định: *"Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh"*(1).

Những thành tựu thu được trong 15 năm đổi mới đã chứng minh giá trị to lớn của bài học đó. Đảng ta đã vận dụng đúng đắn và sáng tạo quan niệm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin về chủ nghĩa xã hội (CNXH), về thời kỳ quá độ và khả năng quá độ lên CNXH không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa (TBCN) vào sự nghiệp đổi mới của đất nước ta.

1- Học thuyết Mác - Lê-nin đã cung cấp cho Đảng ta Thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn

Chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật của triết học Mác - Lê-nin đã ra đời như một tất yếu lịch sử không những vì nó phản ánh thực tiễn xã hội, thực tiễn cách mạng của giai cấp vô sản toàn thế giới, mà còn là sự phát triển hợp logic của lịch sử tư tưởng nhân loại.

Triết học đó đã khắc phục sự tách rời thế giới quan duy vật và phép biện chứng trong lịch sử phát triển của triết học, trở thành khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Khoa học triết học ấy không chỉ là thế giới quan khoa học của giai cấp công nhân - giai cấp tiên bộ và cách mạng nhất trong thời đại ngày nay, mà còn là "hình thức tư duy quan trọng nhất" đối với sự phát triển của các khoa học. Nó đã đem lại cơ sở khoa học đúng đắn cho việc luận chứng và giải thích những hiện tượng của đời sống xã hội, nhất là cho việc "cải tạo thế giới" hiện thực.

Trong công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta, khi thực tiễn đất nước nảy sinh những vấn đề cần được giải đáp về mặt lý luận, Đảng ta đã đứng trên quan điểm, phương pháp luận của triết học Mác - Lê-nin để xem xét. Nhờ đó, Đảng ta đã hiểu được quy luật và định ra được đường lối, phương châm, bước đi cụ thể thích hợp với thực tiễn cách mạng nước ta.

* PGS, TS Triết học, Phó Tổng biên tập Tạp chí Triết học

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 81

Có thể nói, chúng ta không thể đưa công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đến thành công nếu xa rời lập trường, quan điểm, phương pháp luận của triết học Mác - Lê-nin. Đương nhiên, những vấn đề của CNXH do quá trình đổi mới đặt ra, từ vấn đề kinh tế, chính trị đến vấn đề văn hóa, xã hội, không thể giải quyết được chỉ bằng lý luận triết học Mác - Lê-nin. Triết học Mác - Lê-nin cung cấp cho chúng ta cách tư duy biện chứng đúng đắn, nhưng bản thân cách tư duy ấy cũng cần phải luôn luôn đổi mới theo yêu cầu của thực tiễn, gắn với thực tiễn thì mới đúng đắn. Theo đó, việc tìm ra những giải pháp để đưa công cuộc đổi mới ấy đến thành công, cũng như việc bổ sung và phát triển lý luận triết học Mác - Lê-nin phải được thực hiện thông qua tổng kết kinh nghiệm thực tiễn. Do vậy, công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng XHCN và phát triển lý luận triết học Mác - Lê-nin là một quá trình thống nhất, luôn luôn bổ sung cho nhau.

2- Lý luận về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ và về khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa

Học thuyết Mác - Lê-nin ra đời đã đáp ứng những nhu cầu và nhiệm vụ cách mạng của thời đại, thể hiện một cách chính xác những nhu cầu cơ bản của cuộc đấu tranh cách mạng do giai cấp vô sản cách mạng và chính đảng của nó lãnh đạo để thay đổi thế giới nhằm giải phóng con người khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, khỏi mọi sự tha hóa, để đưa con người "từ vương quốc tất yếu sang vương quốc tự do".

Trong suốt quá trình xây dựng lý luận về CNXH khoa học, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n luôn hướng tới mục đích nhân đạo là giải phóng con người, luôn khẳng định giai cấp có sứ mệnh lịch sử giải phóng con người là giai cấp vô sản. Với các ông, CNXH khoa học là học thuyết về điều kiện giải phóng giai cấp vô sản, về sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản.

Trong quan niệm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, cách mạng XHCN chỉ có thể diễn ra khi có các tiền đề vật chất khách quan là lực lượng sản xuất phát triển cao, không thể tiếp tục phát triển trong khuôn khổ của quan hệ sản xuất TBCN được nữa và giai cấp vô sản đã trở thành giai cấp tự giác.

Vận dụng học thuyết Mác - Lê-nin vào việc phân tích chủ nghĩa tư bản (CNTB) ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa trong quá trình phát triển lịch sử của nó và xuất phát từ thực tiễn cách mạng Nga, V.I. Lê-nin đã đưa ra luận điểm về khả năng thắng lợi của cách mạng vô sản ở các nước nông nghiệp lạc hậu, về khả năng quá độ lên CNXH không qua giai đoạn phát triển TBCN. Phát biểu tại Đại hội II Quốc tế cộng sản về khả năng phát triển của các dân tộc lạc hậu sau thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc, V.I. Lê-nin khẳng định rằng : Các dân tộc ấy không nhất thiết phải trải qua giai đoạn phát triển TBCN, "với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ xô-viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa"(2).

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 41, tr 295

Một điểm đáng lưu ý là, trong quan niệm của C. Mác, Ph. Ăng-ghe-nơ và trong quan niệm của V.I. Lê-nin, CNXH không phải là một hình thái kinh tế - xã hội độc lập, mà chỉ là một giai đoạn, một trình độ phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Đó "không phải là một xã hội chủ nghĩa cộng sản *đã phát triển* trên những cơ sở của chính nó, mà trái lại là một xã hội cộng sản chủ nghĩa *vừa thoát thai* từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội, về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lột lòng ra"(3). Xã hội ấy "không phải là cái gì đó nhất thành bất biến, mà cũng như mọi chế độ xã hội khác, nó cần phải được xem xét như một xã hội được thay đổi và cải tạo thường xuyên"(4). CNXH, mặc dù chỉ là một giai đoạn, một nấc thang của xã hội mới, là xã hội trực tiếp phát sinh từ CNTB, song nó là một xã hội phát triển cao hơn và tốt đẹp hơn CNTB. Sự phát triển cao hơn và tốt đẹp hơn đó không chỉ là ở chỗ nó tạo ra một năng suất lao động cao hơn và mục tiêu của nó là vì sự phát triển của con người, vì sự giải phóng con người, mà còn là ở chỗ nó tạo ra cách thức tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới, lấy nguyên tắc phân phối theo lao động làm nguyên tắc cơ bản để phân chia sản phẩm được xã hội sản xuất ra cho người lao động, xóa bỏ chế độ người bóc lột người và xóa bỏ mọi sự khác biệt giai cấp, thực hiện công bằng và bình đẳng xã hội, có khả năng phát huy tối đa năng lực sáng tạo của quần chúng nhân dân.

Thực tiễn cách mạng thế giới và công cuộc xây dựng CNXH ở nhiều nước trên phạm vi toàn thế giới kể từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại,

cũng như thực tiễn cách mạng Việt Nam và công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam đã khẳng định tính đúng đắn, bản chất cách mạng và khoa học trong học thuyết Mác - Lê-nin về CNXH, về thời kỳ quá độ và khả năng quá độ lên CNXH không qua giai đoạn phát triển TBCN. Thế nhưng, sau sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu, đã có không ít người hoài nghi tính đúng đắn của học thuyết Mác - Lê-nin về CNXH, họ coi sự sụp đổ đó của hệ thống XHCN thế giới là "sự cáo chung" của toàn bộ lý luận mácxít về CNXH, về thời kỳ quá độ và khả năng quá độ lên CNXH không qua chế độ TBCN. Thắng lợi của đường lối đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hơn 15 năm qua đã cho thấy, *những tư tưởng, những luận điểm cơ bản trong học thuyết Mác - Lê-nin về CNXH vẫn đúng trong thời đại ngày nay, vẫn là cơ sở lý luận, là kim chỉ nam cho hành động của chúng ta xây dựng CNXH.*

Chúng ta cần tiếp tục làm sáng tỏ những luận điểm cụ thể nào về CNXH vẫn còn phù hợp và không còn phù hợp trong điều kiện lịch sử đã biến đổi hoặc không diễn ra như các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã dự kiến, để trên cơ sở đó, góp phần phát triển và hoàn thiện lý luận xây dựng đất nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH là những vấn đề lý luận có ý nghĩa thời sự.

3- Lý luận về vấn đề sở hữu trong chủ nghĩa xã hội

C. Mác, Ph. Ăng-ghe-nơ và V.I. Lê-nin đều coi lý luận về sở hữu chiếm vị trí đặc

(3) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 19, tr 33

(4) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ : *Sđd*, t 37, tr 617-618

biệt quan trọng trong hệ thống lý luận của các ông về xã hội nói chung, xã hội XHCN nói riêng. Tất cả những lập luận, kiến giải của các ông về CNXH đều dựa trên luận điểm về tính tất yếu của việc xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân TBCN đối với tư liệu sản xuất chủ yếu.

Khi chuyển sang thực hiện "chính sách kinh tế mới", trong quan niệm của V.I. Lê-nin về xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu trong CNXH đã có sự thay đổi nhất định. Ông đã coi việc thủ tiêu chế độ tư hữu không nhất thiết là phải ngay một lúc quốc hữu hóa tất cả các tư liệu sản xuất xã hội, mà có thể sử dụng những giải pháp mềm dẻo, linh hoạt, thích hợp với tình hình cụ thể ở mỗi giai đoạn cụ thể của cách mạng, kể cả giải pháp cho phép có sự tồn tại của thành phần kinh tế tư bản nhà nước trong điều kiện giai cấp vô sản cách mạng nắm quyền lãnh đạo.

Sự tồn tại của các hình thức sở hữu khác ngoài sở hữu toàn dân trong thời kỳ quá độ lên CNXH chỉ có thể coi là những hình thức sở hữu trung gian, quá độ và sự tồn tại của chúng không mâu thuẫn với việc nhà nước nắm các tư liệu sản xuất chủ yếu.

Khi vận dụng quan niệm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề sở hữu, đặc biệt là của V.I. Lê-nin trong "chính sách kinh tế mới", để giải quyết vấn đề sở hữu trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta, cần phải thừa nhận sự tồn tại tất yếu của cả hình thức sở hữu nhà nước lẫn hình thức sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, kể cả sở hữu tư nhân TBCN, bởi vì tất cả các hình thức sở hữu ấy đều có vai trò nhất định và hiệu quả không nhỏ trong sự phát triển của sản xuất ở thời kỳ quá độ.

Ở nước ta hiện nay, việc thực hiện mô

hình kinh tế thị trường định hướng XHCN mà trong đó, có sự cùng tồn tại nhiều loại hình sở hữu khác nhau, thậm chí đối lập nhau, là sự vận dụng đúng đắn lý luận sở hữu của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong thời kỳ quá độ, là một phương án để thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển năng động.

4- Lý luận về con người và giải phóng con người

Trên cơ sở phê phán một cách sâu sắc, triệt để, có luận cứ khoa học từ lập trường duy vật biện chứng và quan niệm duy vật về lịch sử đối với quan niệm của các nhà triết học cũ, nhất là Ph. Hê-ghe và L. Phoi-ơ-bắc, C. Mác và Ph. Ăng-ghe đã xây dựng nên những luận cứ cho một quan niệm mới về con người và giải phóng con người. Sự nhận thức đúng đắn về con người và giải phóng con người chỉ có thể có được khi xem xét con người với tư cách là con người hiện thực, con người với sự phát triển lịch sử của nó, với đời sống xã hội của nó.

Khi coi con người là một thực thể sinh học - xã hội, vừa là sản phẩm của tự nhiên, vừa là sản phẩm của xã hội, C. Mác và Ph. Ăng-ghe đã khẳng định: "Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội". Thông qua hoạt động thực tiễn - vật chất, hoạt động lao động sản xuất và cải tạo xã hội, con người tạo ra đời sống xã hội của mình, làm nên lịch sử của mình.

Xem xét con người trong xã hội tư bản, C. Mác và Ph. Ăng-ghe cho rằng con đường duy nhất để giải phóng con người và qua đó giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội là tiến hành cách mạng vô sản để

xóa bỏ chế độ tư hữu, xóa bỏ mọi sự tha hóa của con người sinh ra bởi chế độ tư hữu và thiết lập xã hội mới. Lực lượng có sứ mệnh lịch sử tiến hành sự nghiệp giải phóng con người là giai cấp vô sản cách mạng.

Thấm nhuần quan điểm khoa học và cách mạng của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin về con người và giải phóng con người, ngay từ buổi đầu bắt tay vào công cuộc xây dựng chế độ xã hội mới ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định lấy sự nghiệp phát triển con người làm mục tiêu phấn đấu cao nhất, là cơ sở nền tảng để xây dựng chế độ xã hội mới.

Trong khi tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng ta đã xác định rõ vị trí và vai trò to lớn của con người Việt Nam hiện nay : Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới đất nước. Trên thực tế, Đảng ta đã chủ trương xây dựng nhiều chính sách xã hội hợp lý, thực hiện những giải pháp đồng bộ, trong đó phát triển giáo dục - đào tạo là "quốc sách hàng đầu" để từng bước "xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội"(5).

Việc tiếp tục khai thác những giá trị khoa học, tính chất khai sáng và ý nghĩa cách mạng vạch thời đại trong học thuyết Mác - Lê-nin về con người và giải phóng con người, làm rõ sự đúng đắn, tính sáng

tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh và trong quan niệm của Đảng ta về sự phát triển con người, về vai trò của con người để sử dụng chúng vì mục đích phát triển con người Việt Nam hiện đại, tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao, đủ sức tiến hành thành công sự nghiệp đổi mới đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là công việc nghiên cứu lý luận có tầm quan trọng đặc biệt.

5- Lý luận về văn hóa và vai trò của nó trong công cuộc xây dựng xã hội mới

Trong quan niệm của C. Mác, văn hóa là phương thức hoạt động sống đặc thù của con người, là phương thức con người "nhào nặn vật chất theo quy luật của cái đẹp". Với V.I. Lê-nin, việc "tiến hành công tác văn hóa trong nông dân" là một trong "hai nhiệm vụ chủ yếu có ý nghĩa đánh dấu thời đại" và để xây dựng thành công CNXH, cần phải "hoàn thành cuộc cách mạng văn hóa", phát triển nền văn hóa mới.

Trên cơ sở lý luận về văn hóa của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Đảng ta quan niệm : Văn hóa là cái gắn liền với lao động sản xuất, với năng lực sáng tạo của quần chúng nhân dân, với các thể chế kinh tế, chính trị, xã hội, với truyền thống dân tộc, với trình độ phát triển của con người ; văn hóa là nội lực của mọi sự phát triển, văn hóa phải thiết thực phục vụ nhân dân ; phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa, lấy kinh tế làm nền tảng để phát triển văn hóa và phát triển văn hóa chính là để phát triển kinh tế.

Trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay, phát triển văn hóa, giữ gìn và phát huy

(5) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 114

bản sắc văn hóa dân tộc, "giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa trong quá trình phát triển" chính là cơ sở, là nền tảng cho sự phát triển lâu bền ; phát triển trên cơ sở kết hợp một cách hài hòa giữa kinh tế và văn hóa là sự phát triển năng động, có hiệu quả và vững chắc nhất.

Xây dựng nền kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mở cửa, giao lưu, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển quan hệ hợp tác văn hóa với khu vực và thế giới mà xa rời những giá trị văn hóa truyền thống "sẽ làm mất bản sắc dân tộc, đánh mất bản thân mình", "sẽ lâm vào nguy cơ tha hóa".

Việc tiếp tục làm rõ quan niệm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin về văn hóa và vai trò của nó trong công cuộc xây dựng xã hội mới ; làm rõ quan điểm của Đảng ta về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; làm rõ vai trò là yếu tố nội sinh, là mục tiêu, là động lực và là hệ điều tiết của văn hóa đối với mọi quá trình phát triển kinh tế - xã hội ; tìm ra những giải pháp hữu hiệu cho sự phát triển văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, các giá trị truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa, kinh tế thị trường... là những vấn đề vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn cấp bách trong công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay.

*

* *

Trong thời đại ngày nay, học thuyết Mác - Lê-nin mà cơ sở lý luận nền tảng của nó là triết học duy vật biện chứng, với

những luận điểm, quan điểm, tư tưởng cơ bản vẫn thấm đượm tính khoa học và bản chất cách mạng, mãi mãi là lý tưởng cao đẹp và là cách thức thay đổi thế giới, "cải tạo thế giới" vì mục tiêu giải phóng con người, giải phóng xã hội. Trong công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay, Đảng ta vẫn khẳng định : Kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin là vấn đề có tính nguyên tắc số một đối với Đảng ta. Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin có nghĩa là nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vận dụng một cách đúng đắn, thích hợp với điều kiện nước ta, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách sáng tạo.

Mặc dù ngày nay do sự biến đổi mạnh mẽ của lịch sử, một số luận điểm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã trở nên không còn thích hợp với điều kiện lịch sử mới, song hoàn toàn không thể vì thế mà phủ nhận giá trị của những quan điểm, luận điểm, tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về CNXH ; không vì sự thoái trào tạm thời của phong trào cách mạng vô sản thế giới, của CNXH mà chối bỏ một học thuyết khoa học và cách mạng. Và, "quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh" (6) của Đảng và nhân dân ta là hoàn toàn có cơ sở khoa học. Việc Đảng ta xác định *kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh*, coi đó là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng là hoàn toàn đúng đắn. □

(6) *Văn kiện đã dẫn*, tr 83

ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG : vấn đề còn lắm gian nan

LƯƠNG NGỌC TOÁN *

NGHỊ quyết 40 của Quốc hội khóa X về "Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông" là nghị quyết quan trọng được cả xã hội quan tâm. Theo Nghị quyết này, bắt đầu từ năm học 2002 - 2003 ngành giáo dục sẽ thực hiện triển khai đại trà chương trình và sách giáo khoa mới ở lớp 1 và lớp 6 ; từ năm học 2004 - 2005 ở lớp 10 và ở tất cả các lớp cuối cấp vào năm học 2006 - 2007. Trước và trong khi thực hiện Nghị quyết, nhiều câu hỏi, nhiều vấn đề cần được làm sáng tỏ, được bàn luận để thống nhất quan điểm trong ngành và tạo niềm tin trong xã hội.

Về sự cần thiết phải đổi mới chương trình giáo dục phổ thông : "*Chương trình canh tân (đổi mới) giáo dục để phát triển*" cho vùng Châu Á - Thái Bình Dương (gọi tắt là APEID) - một chương trình được hoạch định bởi văn phòng phụ trách Châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO nhằm mục đích giúp các quốc gia trong khu vực (trong đó có Việt Nam) xây dựng các chính sách

giáo dục cho phù hợp hơn với các mục tiêu phát triển xã hội - đã nêu : "Đối với các quốc gia phát triển (hay đang phát triển), đổi mới giáo dục luôn luôn là một nhu cầu thường xuyên và bức thiết nếu không muốn tụt hậu trong cuộc chạy đua phát triển diễn ra ngày càng gay gắt". Các chuyên gia cao cấp của

UNESCO cũng khẳng định một quy luật thép là "không có sự thành đạt và tiến bộ quốc gia nào mà lại có thể tách khỏi sự tiến bộ và thành đạt trong lĩnh vực giáo dục của quốc gia đó. Và những quốc gia nào coi nhẹ giáo dục hoặc không có đủ tri thức và khả năng làm giáo dục một cách hiệu quả thì số phận quốc gia đó coi như đã an bài và điều đó còn tệ hơn là phá sản". Một kinh nghiệm lớn của thế giới đã được đúc rút thành quy luật là, "hễ quốc gia nào đầu tư đúng và đủ cho giáo dục thì quốc gia ấy sẽ tiến nhanh trên con đường phát triển, còn nếu ngược lại, sự chậm phát triển hoặc tụt lùi là điều không thể tránh khỏi". Cuộc chạy đua ở thế kỷ XXI này thực chất là cuộc chạy đua trong giáo dục. Vì vậy, đại bộ phận các quốc gia đều tiến hành đổi mới giáo dục hoặc cải cách giáo dục để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Luôn xác định rõ tầm quan trọng của giáo dục, Đảng ta đã ra nhiều nghị quyết

* PGS, TS, nguyên Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

riêng về giáo dục và đào tạo : Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) ; Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và mới đây Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) đã có kết luận dành chuyên đề về giáo dục và đào tạo. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), đã khẳng định việc đổi mới căn bản và tăng cường cơ sở vật chất các trường học là nhiệm vụ trung tâm của giáo dục và đào tạo. Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX của Đảng (4-2001) đã nêu : *"Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục ; thực hiện "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa"*⁽¹⁾. Một trong những nội dung quan trọng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội từ 2001 - 2010 của Đảng cũng xác định : "Khẩn trương biên soạn và đưa vào sử dụng ổn định trong cả nước bộ chương trình và sách giáo khoa phổ thông phù hợp với yêu cầu phát triển mới"... Thể chế hóa chủ trương của Đảng, Nghị quyết 40/2000/QH10, ngày 09-12-2000, về "Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông" của Quốc hội nhằm mục tiêu xây dựng nội dung chương trình, đổi mới phương pháp giáo dục, đổi mới sách giáo khoa phổ thông nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phù hợp với thực tiễn và truyền thống Việt Nam, tiếp cận trình độ giáo dục phổ thông ở các nước phát triển trong khu vực và thế giới. Thủ tướng Chính phủ cũng đã ra Chỉ thị 14/2001/CT-TTg về

việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, thực hiện Nghị quyết số 40 của Quốc hội khóa X.

Như vậy về cơ sở pháp lý, việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông là thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước ta nhằm đưa sự nghiệp giáo dục gắn liền và phục vụ đắc lực công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phù hợp với xu hướng chung của giáo dục thế giới.

Để chuẩn bị cho chương trình giáo dục phổ thông, ngành Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành triển khai dạy thí điểm chương trình sách giáo khoa mới ở một số trường đại diện cho các vùng, miền trong cả nước. Chương trình và sách giáo khoa tiểu học đã được thí điểm tại 429 trường tiểu học thuộc 12 tỉnh, thành phố. Đến nay, mỗi cuốn sách giáo khoa, sách giáo viên, vở bài tập các môn Toán, Tiếng Việt, Đạo đức của chương trình sách giáo khoa tiểu học mới đã được dạy thí điểm, điều chỉnh và hoàn thiện từ 4 đến 5 lần. Chương trình và sách giáo khoa lớp 6 đã được thí điểm tại 156 trường thuộc 12 tỉnh, thành phố. Mỗi tỉnh, thành phố chọn một huyện, tất cả các trường trong huyện đều được tham gia thí điểm và đã tiến hành thí điểm hai vòng trong hai năm học (2000 - 2001 và 2001 - 2002) ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục. Ủy ban Văn hóa, Thanh, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội đã được giao nhiệm vụ giám sát việc thực hiện Nghị quyết 40 của

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 109

Quốc hội. Ủy ban đã tiến hành khảo sát ở 8/12 tỉnh, thành phố thí điểm chương trình và sách giáo khoa lớp 1 ; 7/12 tỉnh, thành phố thí điểm chương trình và sách giáo khoa lớp 6 ; trực tiếp làm việc với nhiều trường thí điểm, lắng nghe ý kiến của các đồng chí lãnh đạo, chuyên viên của các Sở Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt, nghe trực tiếp ý kiến của các giáo viên dạy thí điểm các môn. Kết quả giám sát của Ủy ban cho thấy, nói chung các cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên hoan nghênh chương trình và sách giáo khoa mới, bởi những ưu điểm nổi bật : chương trình và sách giáo khoa mới thể hiện sự cải tiến nhiều về phương pháp dạy học, tạo điều kiện cho giáo viên phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh trong học tập. Muốn đổi mới phương pháp giảng dạy, giáo viên phải chuẩn bị bài (giáo án) chu đáo, công phu hơn trước, giảm thuyết giảng, tăng cường hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu, tự phát hiện tri thức mới, tham gia một cách chủ động, tích cực vào quá trình nhận thức..., tạo điều kiện cho học sinh nắm kiến thức tốt hơn. Có thể đánh giá khái quát như sau : khi dạy và học theo chương trình và sách giáo khoa mới, người giáo viên có nhiều cơ hội đổi mới cách dạy, học sinh nhất thiết phải đổi mới cách học, chủ động sáng tạo hơn trong học tập. Giáo viên trở thành người tổ chức, hướng dẫn quá trình dạy học, học sinh tự phát hiện, tự chiếm lĩnh kiến thức mới, tập dượt và làm quen với việc tự nghiên cứu, tăng cường tự học. Thực tiễn từ các lớp thí điểm cho thấy, khâu thí nghiệm, thực hành vận dụng kiến thức được coi trọng

hơn và chiếm ưu thế trong hoạt động dạy và học ; việc sử dụng các thiết bị dạy học trở thành một yêu cầu bắt buộc đối với việc đổi mới phương pháp dạy học. Thực tiễn dạy và học ở các trường thí điểm đã kiểm tra tính khoa học, tính khả thi của chương trình và sách giáo khoa mới. Trên cơ sở kết quả thử nghiệm và thí điểm, Ban soạn thảo chương trình tiểu học và trung học cơ sở đã tiến hành chỉnh lý dự thảo chương trình, sách giáo khoa mới. Sau đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cho công bố trên báo chí để lấy ý kiến trong ngành và ý kiến của nhân dân, rồi tổ chức các hội thảo với sự tham gia của các nhà quản lý, các chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà sư phạm, các giáo viên giỏi của ngành.

Các cuộc hội thảo từ Nam đến Bắc đã thu hút nhiều ý kiến có chất lượng, giúp Ban soạn thảo có cơ sở hoàn thiện chương trình và sách giáo khoa, để Hội đồng thẩm định quốc gia xem xét trước khi trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và ban hành. Việc thẩm định tiến hành theo quy trình chặt chẽ, khoa học ; các hội đồng đều làm việc nghiêm túc, khách quan, dân chủ với tinh thần khoa học và trách nhiệm cao ; các kết luận của hội đồng về chương trình và sách giáo khoa mới đều đáng tin cậy.

Như vậy, sau thời gian soạn thảo, thí điểm, thẩm định, chương trình và sách giáo khoa mới đã đáp ứng yêu cầu đề ra. Mọi khâu từ tổ chức soạn thảo - đến thực nghiệm - xin ý kiến và tổ chức thẩm định đều bảo đảm tính khoa học, tính sư phạm và tính thực tiễn. Tuy vậy, sách mới vẫn

còn nhiều chỗ sai sót về mặt kỹ thuật, và cũng còn không ít ý kiến bàn luận về vấn đề này. Để kịp thời khắc phục những điểm còn bất cập của chương trình và sách giáo khoa mới, Thủ tướng Phan Văn Khải đã yêu cầu Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục nghiên cứu kỹ các ý kiến đó, hoàn chỉnh bộ sách giáo khoa mới thật tốt để sử dụng lâu dài.

Về việc chuẩn bị các điều kiện để triển khai chương trình và sách giáo khoa mới ra đại trà, có hai vấn đề hết sức quan trọng là : bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và chăm lo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Việc bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đã được tổ chức thành các đợt tập huấn nghiệp vụ ở cấp quốc gia và cấp tỉnh, huyện, trường. Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện chủ trương đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên theo phương châm người học tự nghiên cứu, thảo luận, thu hoạch. Kế hoạch bồi dưỡng đã được công bố, khâu tập huấn cốt cán địa phương được tiến hành nhiều đợt. Đến nay, các địa phương đã triển khai và cơ bản hoàn thành công tác bồi dưỡng theo kế hoạch của Bộ. Giáo viên, nhất là giáo viên dạy lớp 1 và lớp 6 năm học 2002 - 2003, đã nắm vững những vấn đề cơ bản của nội dung chương trình, sách giáo khoa và yêu cầu đổi mới phương pháp. Ngoài các lớp bồi dưỡng tập trung theo kế hoạch, Bộ Giáo dục và Đào tạo còn phối hợp với Đài Truyền hình và Đài Phát thanh từ trung ương đến địa phương, phổ biến các nội dung bồi dưỡng trên, tạo điều kiện cho các bậc phụ huynh và những người quan tâm tìm

hiểu những nét mới trong chương trình, sách giáo khoa và phương pháp giảng dạy... Cho đến nay, các địa phương đã chọn đủ số giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục để dạy lớp 1 và lớp 6.

Vấn đề lo ngại nhất hiện nay là, các địa phương còn quá thiếu kinh phí để chăm lo cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học. Khó khăn này đã được Đảng và Chính phủ hết sức quan tâm chỉ đạo để khắc phục. Tại Hội nghị triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới (ngày 14-4-2002), Thủ tướng Phan Văn Khải đã nhấn mạnh quan điểm và quyết tâm của Chính phủ trong đầu tư cho giáo dục và trách nhiệm của các ngành các cấp đối với sự nghiệp giáo dục nước nhà giai đoạn hiện nay với những yêu cầu cụ thể là :

Các địa phương phải bảo đảm ngân sách cho giáo dục, trước hết là kinh phí triển khai chương trình, sách giáo khoa mới và xây dựng đội ngũ giáo viên. Các địa phương phải quy hoạch mạng lưới trường, lớp từ giáo dục phổ thông đến giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh phải chỉ đạo, dành đất đai cho xây dựng, nâng cấp trường học theo quy chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thực hiện nhanh chủ trương kiên cố hóa trường lớp của địa phương. Chính phủ sẽ chỉ đạo một chương trình lớn từ nay đến năm 2005 hoàn thành việc kiên cố hóa trường, lớp trong toàn quốc. Thủ tướng cũng khẳng định, trong điều kiện kinh tế, xã hội của nước ta hiện nay hoàn toàn cho phép thực hiện chương trình này.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần ban hành ngay một danh mục đồ dùng dạy học mới, cung cấp thiết bị tối thiểu và cần thiết cho nhà trường. Cần có quy định rõ khoản kinh phí tương xứng cho thiết bị dạy học trong tổng số kinh phí thường xuyên của giáo dục. Thủ tướng cũng nhấn mạnh : phải xác định phần "cứng" là quan trọng nhất, thiết yếu nhất do ngân sách nhà nước cấp, phần "mềm" cần huy động nguồn lực của xã hội để hoàn thiện.

Cần hình thành và tìm nhiều cách xây dựng ngay tủ sách giáo khoa dùng chung và nên bắt đầu từ sách lớp 1, lớp 6, giúp cho học sinh nào cũng có sách giáo khoa, các gia đình giảm được khoản tiền mua sách và giảm dần số lượng sách giáo khoa phải in lại hằng năm.

Yêu cầu trên của Thủ tướng có thực hiện được hay không, câu trả lời không chỉ thuộc các bộ, ngành liên quan và các địa phương mà còn là trách nhiệm công dân của mỗi chúng ta đối với thế hệ tương lai của nước nhà. Trong thực tế, các thành phố lớn, các tỉnh có điều kiện kinh tế, xã hội phát triển thì những điều nêu trên là hoàn toàn khả thi, các tỉnh còn nhiều khó khăn thì nhà nước phải tập trung hỗ trợ. Thủ tướng cũng đã giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo phải có kế hoạch cụ thể giúp các tỉnh có khó khăn, nhất là các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long sớm thực hiện được yêu cầu đã đặt ra cho ngành giáo dục.

Trong phần tổ chức thực hiện, Nghị quyết 40 của Quốc hội có nêu : Giao Chính phủ chỉ đạo thực hiện đổi mới

giáo dục phổ thông, hằng năm báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội kết quả và tiến độ thực hiện ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông ở địa phương ; xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, trình độ cơ cấu, đạt chuẩn đào tạo theo quy định của luật giáo dục ; tiến hành nâng cấp và xây dựng trường, lớp, trang thiết bị theo hướng chuẩn hóa. Chính phủ đã tổ chức Hội nghị, triệu tập các đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố để chỉ đạo việc triển khai Nghị quyết 40 của Quốc hội. Sau Hội nghị của Chính phủ, hầu hết các tỉnh, thành phố đã tổ chức Hội nghị triển khai Nghị quyết 40 của Quốc hội đến các ngành và nhân dân trong tỉnh. Cho dù, việc triển khai chương trình, sách giáo khoa mới ở giai đoạn đầu không tránh khỏi những khó khăn, song có sự chỉ đạo sát sao của Thủ tướng Chính phủ, có quyết tâm cao của các ngành, các địa phương và sự ủng hộ của nhân dân, chúng ta tin rằng Nghị quyết 40 của Quốc hội nhất định sẽ được thực hiện có hiệu quả, mở ra những triển vọng đáng mừng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cuối cùng, cũng cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia UNESCO : không nên có ảo tưởng chỉ một lần cải cách giáo dục là có thể giải quyết nhiều được vấn đề tích tụ lại. Chừng nào xã hội còn vận động, biến chuyển không ngừng thì đổi mới giáo dục phải được xem là một việc làm thường xuyên ; điều này hoàn toàn không mâu thuẫn với bản chất ổn định của giáo dục. □

Mấy vấn đề về phát triển kinh tế cửa khẩu VIỆT - TRUNG

HOÀNG HẢI

VỚI chủ trương "nâng cấp các cửa khẩu biên giới và phát triển kinh tế cửa khẩu", Việt Nam đang đẩy mạnh phát triển các khu thương mại và khu kinh tế cửa khẩu theo hướng đầu tư tập trung có trọng điểm. Trong đó, phía Bắc - nơi có đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc, được đặc biệt chú trọng. Một trong những nguyên nhân quan trọng góp phần phát triển kinh tế cửa khẩu phía Bắc là sự trở lại bình thường hóa quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc từ tháng 11-1991, theo phương châm "láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai".

Lâu nay, khi nghiên cứu về kinh tế cửa khẩu, thường người ta chỉ chú ý đến vùng biên giới trên bộ và một phần vùng giáp hải phận quốc tế. Nhưng xét toàn diện thì hoạt động kinh tế cửa khẩu còn bao gồm các hoạt động kinh tế thông qua cửa khẩu đường sắt, cảng biển và cảng hàng không. Xuất phát từ góc nhìn đó, bài viết này trình bày về quan hệ kinh tế giữa hai nước thông qua các cửa khẩu thời kỳ đầu thế kỷ XXI.

1. Khái quát hoạt động kinh tế cửa khẩu Việt - Trung

Do có đường biên giới chung trên đất liền dài khoảng 1 350 km chạy qua 6 tỉnh (31 huyện) của Việt Nam và 2 tỉnh gồm 6 thành phố, địa khu, châu (14 huyện) của Trung Quốc nên mấy năm gần đây, quan hệ buôn bán giữa Việt Nam và Trung Quốc chủ yếu được thực hiện qua các cửa khẩu ở phía Bắc. Các hoạt động buôn bán qua biên giới hai nước được thực hiện qua 15 cửa khẩu, trong đó có 5 cửa khẩu quốc gia và 10 cửa khẩu cấp tỉnh. Hàng hóa được vận chuyển thông qua hệ thống đường bộ thuộc 6 tỉnh biên giới phía Bắc gồm : Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Quảng Ninh, Lào Cai và Lạng Sơn. Ngoài ra, một số tỉnh biên giới phía Bắc còn có cửa khẩu đường thủy. Các cửa khẩu đường biển thì từ các cảng biển có tàu đi sang các cảng của Trung Quốc, nhưng chủ yếu là cảng Hải Phòng và các cảng Quảng Ninh. Cửa khẩu hàng không thì chủ yếu là từ cảng hàng không Nội Bài (đến Nam Ninh, Quảng Châu và Hồng Kông). Riêng ở Lào Cai và Lạng Sơn còn có cửa khẩu đường sắt. Tính từ tháng 2-1996 (khi thực hiện hiệp định liên vận vận tải đường sắt quốc tế và nghị định thư đường sắt biên giới Việt - Trung) đến đầu năm 2002, vận chuyển đường sắt qua cửa khẩu Lào Cai đạt trên 1 triệu tấn hàng hóa và trên 12 000 lượt hành khách...

Các hình thức giao thương chủ yếu giữa hai nước là chính ngạch, tiểu ngạch, dân gian, tạm nhập tái xuất. Ngoài ra, còn có hình thức buôn lậu không thể kiểm soát được hết ở các cửa khẩu khu vực phía Bắc (hình thức buôn lậu này đang ngày càng

gia tăng và giá trị đôi khi còn cao hơn cả số liệu thống kê chính thức).

Trong giai đoạn 1991 - 1996, tổng kim ngạch buôn bán Việt - Trung qua các cửa khẩu của 6 tỉnh biên giới phía bắc như sau : Lạng Sơn (1 063 triệu USD), Quảng Ninh (365,73 triệu USD), Lào Cai (129,08 triệu USD), Cao Bằng (23,84 triệu USD), Hà Giang (11,86 triệu USD), Lai Châu (3,25 triệu USD). Trong 6 tỉnh trên, Lạng Sơn và Quảng Ninh là hai tỉnh có kim ngạch lớn nhất, với khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu lớn nhất.

Nhờ sự phát triển buôn bán qua biên giới 6 tỉnh phía Bắc nên giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc tăng từ 7,8 triệu USD (năm 1989) lên 1 534 triệu USD (năm 2000) và trong danh sách các bạn hàng nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam thì Trung Quốc từ vị trí thứ 18 (chỉ chiếm 0,32% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam) đã vươn lên vị trí thứ 2 (sau Nhật). Tiếp theo kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc trong 10 tháng đầu năm 2001, tăng tới 85% so với cùng kỳ năm 2000 và trong 6 tháng đầu năm 2002, tăng 82,3% so với cùng kỳ năm 2001. Trong điều kiện xuất khẩu của Việt Nam ra các khu vực trên thị trường thế giới đang gặp nhiều khó khăn thì mức tăng trưởng liên tục này là khá cao. Nhưng sự tăng trưởng này chủ yếu là tăng tỷ trọng hàng xuất khẩu chính (nguyên liệu và các mặt hàng thực phẩm thô hoặc sơ chế), từ 61,9% năm 1999 lên mức 75,6% năm 2000 và đạt tới 83,6% trong 6 tháng đầu năm 2001. Các mặt hàng còn lại là thủ công, mỹ nghệ ; hàng công nghiệp thì hầu như tăng không đáng kể. Trong số các mặt hàng xuất khẩu vào Trung Quốc, nhiều mặt hàng của Việt Nam ngày càng khẳng

định được thị phần của mình như dầu thô, hàng hải sản, rau quả, hạt điều... ; đặc biệt, mặt hàng cao su được Trung Quốc nhập khẩu khoảng 80 000 tấn (chiếm 60% sản lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam). Những sản phẩm này đáp ứng được những nhu cầu của nền kinh tế và đời sống nhân dân Trung Quốc, đặc biệt là đối với các tỉnh có chung đường biên giới với Việt Nam.

Hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam từ Trung Quốc chủ yếu gồm 5 nhóm mặt hàng chính : dây chuyền sản xuất đồng bộ (đường, xi măng lò đứng...) ; máy móc thiết bị (y tế, vận tải, máy nông nghiệp) ; nguyên, nhiên liệu (xăng dầu, phân bón, xi măng, sắt thép, vật liệu xây dựng...) ; hàng nông sản (lương thực, bột mỳ, đường, hoa quả ôn đới như táo, lê, ...) ; và hàng tiêu dùng (sản phẩm điện tử, xe máy, quần áo, đồ chơi trẻ em). Sở dĩ hàng nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam qua các cửa khẩu phía Bắc ngày càng tăng là do đáp ứng nhu cầu về máy móc cho sản xuất nhỏ và các mặt hàng tiêu dùng có giá rẻ (năm 1990 mới chỉ có 4 triệu USD, chiếm 0,15% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam ; đến năm 2000 tăng lên mức 1 423 triệu USD, chiếm 9,4%). Trong 10 tháng đầu năm 2001, nhập khẩu từ Trung Quốc tăng trưởng ở mức 40% và Trung Quốc đã trở thành bạn hàng nhập khẩu đứng thứ 5 sau Xin-ga-po, Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc.

Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày càng phát triển theo hướng đa dạng hóa chủng loại và mặt hàng. Nhưng trong tổng giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc vận chuyển qua các khu kinh tế cửa khẩu Việt - Trung thì hàng

chính ngạch vẫn luôn chiếm tỷ trọng lớn (hơn 75%). Mặc dù với quy mô và số lượng ngày càng tăng, chiếm tỷ trọng không nhỏ trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Trung Quốc nhưng kim ngạch xuất nhập khẩu tiểu ngạch vẫn chỉ chiếm ở mức dưới 25 %. Sở dĩ như vậy vì : có nhóm hàng khối lượng nhỏ hoặc chất lượng kém không thể tiến hành trao đổi theo hình thức thương mại chính ngạch ; những kẻ đầu cơ, buôn bán lợi dụng sự sơ hở trong công tác quản lý xuất nhập khẩu ở biên giới để tiến hành buôn lậu, trốn thuế ; việc thanh toán trong trao đổi hàng hóa theo hình thức tiểu ngạch linh hoạt hơn so với hình thức chính ngạch, không phụ thuộc vào những quy định có tính pháp quy của hai nước...

Ngoài các hoạt động về trao đổi thương mại hàng hóa, dịch vụ, các hoạt động về trung chuyển, thu hút khách du lịch ở các khu kinh tế cửa khẩu cũng nhận nhịp không kém, tạo ra nguồn lợi nhuận không nhỏ cho các khu kinh tế cửa khẩu. Lượng khách quốc tế có quốc tịch Trung Quốc qua các cửa khẩu vào Việt Nam năm 1995 mới có 62,6 nghìn lượt người, thì các chỉ số tương ứng của năm 1999 là 484 nghìn, tăng 27,2% ; năm 2000 là 492 nghìn, tăng 23% ; năm 2001 là 675,8 nghìn, tăng 29%. Từ năm 1996 đến nay, Trung Quốc luôn là nước đứng đầu và vượt xa nước đứng thứ hai trong danh sách các nước có số khách du lịch đến Việt Nam đông nhất từ các cửa khẩu phía Bắc.

2. Một số mặt tích cực và những vấn đề đặt ra cần khắc phục đối với phát triển quan hệ kinh tế Việt - Trung qua cửa khẩu

Việc đẩy mạnh giao lưu buôn bán với Trung Quốc đã đem lại những chuyển biến

tích cực cho các khu kinh tế cửa khẩu giáp với Trung Quốc. Đời sống của nhân dân vùng biên giữa hai nước, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số đã được cải thiện rõ rệt. Các khu kinh tế cửa khẩu đã dần trở thành đầu mối vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc, trở thành các điểm phát triển kinh tế, thương mại lớn của đất nước.

Cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh) là khu được áp dụng chính sách thí điểm đầu tiên đối với khu kinh tế cửa khẩu từ năm 1996. Sau 6 năm thực hiện, với nhiều chính sách ưu đãi trong phát triển kinh tế cửa khẩu, Móng Cái đã có sự phát triển kinh tế - xã hội vượt bậc ; trở thành cửa ngõ giao lưu kinh tế giữa Việt Nam với Trung Quốc và các nước trong khu vực, trở thành một trong hai trung tâm thương mại lớn nhất của Quảng Ninh hiện nay. Giai đoạn 1996 - 2001, tại khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, GDP tăng bình quân mỗi năm đạt 15 - 17% (GDP bình quân đầu người trước đây chỉ đạt 200 USD/năm, nay đã đạt 514 USD/năm), doanh thu từ du lịch tăng trung bình 24,45% ; 80% dân nông thôn được dùng nước sạch và tỷ lệ số hộ nghèo đói chỉ còn dưới 9% so với 32% của năm 1990. Hệ thống giao thông được nhựa hóa, bê tông hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân buôn bán. Đến tháng 7-2001, Móng Cái có 3 351 hộ kinh doanh buôn bán, trong đó có 350 hộ là người Trung Quốc ; có 61 doanh nghiệp mở văn phòng đại diện, 4 doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài ; thu hút 10 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với số vốn đăng ký 51 triệu USD. Thương mại, du lịch và dịch vụ đã trở thành kinh tế mũi nhọn của Móng Cái.

Tại Hà Giang, khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy dù mới được thành lập năm 2001 đã bắt đầu phát huy tác dụng khá rõ. Kim ngạch mậu dịch hai chiều chỉ với 5 tháng đầu năm 2002 đã gấp đôi cả năm 2001, trong đó chủng loại hàng xuất khẩu ban đầu chỉ có quặng thô, lâm sản thu hái, cây dược liệu nay đã có thêm mặt hàng hải sản, mủ cao su, hạt tiêu...

Tại Lạng Sơn, trong 4 năm thực hiện chính sách phát triển khu kinh tế cửa khẩu (1998 - 2001), các hoạt động thương mại, du lịch và dịch vụ phát triển mạnh mẽ, nhất là trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa và du lịch; kết cấu hạ tầng của khu vực cửa khẩu Hữu Nghị, Đồng Đăng, Tân Thanh và một số xã biên giới được tập trung đầu tư xây dựng mạnh. Hiện nay, toàn tỉnh đã có 57 dự án được triển khai với số lượng hoàn thành trên 160 tỉ đồng. Với 253 km đường biên giáp Quảng Tây (Trung Quốc) gồm hai cửa khẩu quốc tế (cửa khẩu Hữu Nghị - đường bộ và cửa khẩu Đồng Đăng - đường sắt), hai cửa khẩu quốc gia và 7 cặp chợ biên giới đã trở thành một thị trường trung chuyển lớn, thuận lợi cho việc mua bán trao đổi hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc. Hiện nay có khoảng 380 đầu mối của Việt Nam kinh doanh xuất nhập khẩu với thị trường Trung Quốc qua các cửa khẩu ở Lạng Sơn. Năm 2001, kim ngạch ngoại thương đạt 647 triệu USD, chiếm trên 50% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của các tỉnh biên giới phía Bắc với thị trường Trung Quốc. Tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 15%/năm, thu nhập bình quân đầu người tăng 20,2%/năm (năm 2001, GDP bình quân đầu người đạt 8,34 triệu đồng). Tỷ lệ hộ đói nghèo của Lạng Sơn giảm xuống còn 17,06%. Sự phát triển của các khu

kinh tế cửa khẩu đã giúp cho hoạt động thương mại, du lịch và dịch vụ của Lạng Sơn phát triển cả về quy mô và chất lượng. Năm 2001, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ hàng hóa đạt 119% kế hoạch, tăng 18,2%, thu hút được hơn 200 000 lượt khách du lịch đến thị xã, tăng 29,4% so với năm 2000. Hoạt động thương mại, du lịch và dịch vụ phát triển đã tạo ra trên 85% số thu ngân sách trên địa bàn, đưa Lạng Sơn vào danh sách 10 tỉnh thu ngân sách đứng đầu toàn quốc. Nhờ chính sách phát triển khu kinh tế cửa khẩu mà cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội như: giao thông, thủy lợi, điện, trường học, y tế, phát thanh - truyền hình, bưu điện ở Lạng Sơn cũng được phát triển đáng kể, tạo môi trường thu hút vốn đầu tư. Riêng khu kinh tế cửa khẩu Tân Thanh đã có 27 dự án đăng ký đầu tư, trong đó có 3 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã hoạt động với tổng mức vốn đầu tư là 9,75 triệu USD. Hiện nay, 4/24 dự án đầu tư trong nước đã triển khai hoạt động, tạo việc làm ổn định cho trên 200 lao động của địa phương.

Thực tiễn phát triển các khu kinh tế cửa khẩu ở 6 tỉnh biên giới phía Bắc trong những năm qua đã bộc lộ *một số nhược điểm, tồn tại* như:

- Quan hệ trao đổi hàng hóa xuất nhập khẩu qua các khu kinh tế cửa khẩu Việt - Trung chưa tương xứng với những tiềm năng sẵn có, thể hiện qua kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa (kể cả chính ngạch và tiểu ngạch), chiếm tỷ lệ không lớn trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của mỗi nước (kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Trung Quốc chiếm 5% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam và chỉ bằng 0,4% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc).

- Có sự chênh lệch về trình độ, chính sách cũng như mức độ đầu tư giữa các khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam và Trung Quốc. Đây cũng có thể được xem là nguyên nhân chính tạo nên sự phát triển mất cân đối giữa các khu kinh tế cửa khẩu của hai nước, gây tác động không nhỏ đến kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa. Ví dụ, Trung Quốc có chính sách đặc biệt khuyến khích các hoạt động xuất nhập khẩu tiểu ngạch qua các khu kinh tế cửa khẩu, các khu thương mại đường biên (giảm 50% thuế đối với hàng nhập khẩu, thoái thuế đối với hàng xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu một số mặt hàng Việt Nam có ưu thế như gạo, cao su thiên nhiên...). Trong khi đó, Việt Nam vẫn chưa có chính sách phù hợp trên phương diện này.

- Công tác quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa ở các khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam vẫn còn yếu kém, xảy ra nhiều tiêu cực làm cho nạn hàng giả, hàng kém phẩm chất và buôn lậu qua biên giới đang ngày một gia tăng, khó kiểm soát. Không ít ý kiến cho rằng, kinh tế của các khu kinh tế cửa khẩu phát triển có phần là nhờ vào tình trạng buôn lậu phát triển đã trực tiếp gây cản trở đến việc phát triển thương mại chính ngạch.

- Khả năng đáp ứng cũng như năng lực cạnh tranh của hàng hóa và của chính các doanh nghiệp kinh doanh, sản xuất hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam còn rất hạn chế.

Việc Trung Quốc trở thành thành viên của WTO tuy có tạo thời cơ cho một số mặt hàng của Việt Nam gia tăng xuất khẩu vào Trung Quốc qua các khu kinh tế cửa khẩu, nhưng cũng có những thách thức. Một mặt, hàng hóa của các nước thành viên WTO nhập khẩu vào Trung Quốc do

được hưởng thuế suất thấp hơn trước sẽ tăng lên hơn nhiều, tác động đến thị phần và sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam xuất khẩu vào Trung Quốc. Mặt khác, do hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc vào các nước thành viên WTO sẽ được cắt giảm thuế, giá sẽ rẻ hơn, do vậy, sức cạnh tranh sẽ tăng lên. Trong khi đó, hàng hóa xuất khẩu cùng loại của Việt Nam lại chưa được miễn giảm thuế nên sẽ cạnh tranh rất khó khăn với hàng hóa của Trung Quốc làm cho kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa qua các khu kinh tế cửa khẩu Việt - Trung, theo đó cũng bị giảm sút.

3. Hướng nâng cao hiệu quả kinh tế cửa khẩu Việt - Trung

Để phát triển kinh tế cửa khẩu Việt - Trung ngày càng có hiệu quả, đối với Việt Nam cần có các biện pháp sau :

Một là, khai thác các lợi thế về điều kiện tự nhiên của vùng biên giới phía Bắc để mở rộng hợp tác quốc tế, trong đó, tích cực hợp tác buôn bán và đầu tư với các doanh nghiệp Trung Quốc. Tuy đã có môi trường pháp lý tương đối hoàn chỉnh, với 30 hiệp định và thỏa thuận đã được ký kết giữa hai nước song cần chỉnh lý, bổ sung thích hợp hơn nữa đối với Hiệp định hợp tác kinh tế thương mại, Hiệp định về mua bán hàng hóa ở vùng biên giới, Hiệp định tạm thời về việc xử lý những sự việc ở biên giới hai nước, Hiệp định hợp tác đảm bảo và chứng nhận lẫn nhau về hàng hóa xuất nhập khẩu, Ghi nhận hội đàm chống buôn lậu, Hiệp ước biên giới trên đất liền... Chỉ có như vậy mới tạo cơ sở cho việc trao đổi kinh tế, thương mại Việt - Trung qua các khu kinh tế cửa khẩu ngày càng phát triển và thịnh vượng. Trước mắt, Nhà nước và các tỉnh có cửa khẩu cần khẩn trương xây dựng một chiến lược dài hạn để các khu

kinh tế cửa khẩu Việt - Trung nói riêng và các khu kinh tế cửa khẩu khác trong toàn quốc nói chung phát triển một cách thực chất, chứ không phải là những chợ biên giới. Tức là có đầu tư sản xuất, có sản phẩm, có hiệu quả kinh tế, tăng trưởng ổn định và tạo việc làm lâu dài cho nhân dân địa phương. Xóa bỏ tình trạng mua bán chộp giật theo thời vụ, cai đầu dài trong xuất khẩu hàng hóa (do quy định chỉ có các thương nhân thuộc 6 tỉnh biên giới phía Bắc mới được kinh doanh xuất khẩu thông qua cửa khẩu). Sửa đổi những ưu đãi cho phù hợp với thực tế của từng vùng, khu vực ; cơ chế đầu tư trở lại không dưới 50% tổng số thu trên địa bàn để xây dựng cơ sở hạ tầng của khu kinh tế cửa khẩu chỉ có lợi đối với những địa phương có số thu lớn, chưa phù hợp với những nơi có nguồn thu ít.

Hai là, đẩy nhanh tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng, quy hoạch đô thị của khẩu một cách khoa học và hiệu quả. Ngoài các khu kinh tế cửa khẩu điển hình đang phát triển ở Lạng Sơn, Móng Cái như đã đề cập ở trên, các khu kinh tế cửa khẩu nằm trên các địa phương khác ở biên giới Việt - Trung cũng đang từng bước được hình thành và phát triển theo hướng ngày một hoàn thiện hơn. Với những kinh nghiệm thành công của khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh nên đẩy nhanh kế hoạch thực hiện dự án thành lập khu kinh tế cửa khẩu Hoàng Mô - Đồng Văn và Bắc Phong Sinh. Lào Cai cũng sớm hoàn thành chương trình chuyển tỉnh lỵ vào sâu trong nội địa để dành toàn bộ thị xã cho việc xây dựng khu kinh tế cửa khẩu. Cơ sở hạ tầng của các khu kinh tế cửa khẩu cần được cả hai nước chú trọng đầu tư, nhằm thực hiện ý tưởng xây dựng

khu mậu dịch tự do Đông Hưng - Móng Cái, Bằng Tường - Đồng Đăng, Pò Chài - Tân Thanh, Hà Khẩu - Lào Cai...

Ba là, tiếp tục hoàn thiện các chính sách quản lý vĩ mô.

Trong xu hướng phát triển của khu vực cũng như trong bối cảnh quốc tế hiện nay, các khu kinh tế cửa khẩu Việt - Trung đang có nhiều cơ hội thuận lợi để phát triển. Trung Quốc đã là thành viên của WTO, trở thành một thị trường giàu tiềm năng. Việt Nam và Trung Quốc đều là thành viên của Tổ chức hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) ; Trung Quốc cùng với Việt Nam và các nước thành viên ASEAN khác đang xúc tiến thành lập khu vực thương mại tự do ; các cảng của Việt Nam, đặc biệt là cảng Hải Phòng trở thành cửa khẩu thông ra biển rất gần với khu vực Đông Nam Trung Quốc. Vấn đề đặt ra là, Việt Nam tiếp tục hoàn thiện các chính sách về quản lý kinh tế vĩ mô, trước hết trên lĩnh vực thương mại có tính chất song phương hoặc đa phương nhằm không ngừng thúc đẩy quy mô, tốc độ, giao thương giữa hai nước Việt - Trung lên một cấp độ mới, tương xứng với tiềm năng, đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao và đa dạng của hai bên.

Nhờ có những chính sách đúng đắn và cụ thể về phát triển kinh tế cửa khẩu Việt - Trung nên đã mang lại những hiệu quả kinh tế - xã hội rất to lớn cho cả hai nước. Mặc dù việc xây dựng và phát triển các khu kinh tế cửa khẩu Việt - Trung còn một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, xem xét để hoàn thiện, nhưng có thể khẳng định đây là một hướng phát triển đúng đắn và đang mở ra nhiều cơ hội phát triển trong tương lai. □



Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam VỚI VIỆC XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

TRƯƠNG THỊ KHUÊ *

NHỮNG ngày mùa thu lịch sử năm nay, phụ nữ cả nước ta đang phấn khởi thi đua lập thành tích chào mừng 72 năm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (Hội LHPNVN). Suốt 72 năm trưởng thành và phát triển, Hội LHPNVN đã và đang giữ vị trí rất quan trọng trong việc huy động lực lượng phụ nữ tham gia công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước. Hội LHPNVN là một tổ chức quần chúng đại diện cho quyền bình đẳng, dân chủ, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ, đem lại những lợi ích thiết thực và có hiệu quả cho các tầng lớp phụ nữ, đồng thời có những đóng góp to lớn vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Phát huy truyền thống tốt đẹp đó, phong trào phụ nữ và hoạt động của Hội LHPNVN hiện nay đã có những bước phát triển mới, đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước ta trong 15 năm qua đã đạt được những bước tiến quan trọng về kinh tế, văn hóa, xã hội. Những chính sách đổi mới và mở cửa, hội nhập kinh tế, giao lưu quốc tế của Nhà nước ta đã tạo điều kiện cho các

tầng lớp nhân dân, các tổ chức đoàn thể, trong đó có Hội LHPNVN phát huy tính năng động, sáng tạo, vận dụng lý luận vào thực tiễn để đưa phong trào phụ nữ ngày càng đi lên. Tuy nhiên, trong cơ chế thị trường hiện nay cũng như những yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn cuộc sống đang đặt ra cho các cấp Hội phải tiếp tục đổi mới các nội dung và phương thức hoạt động, tập hợp hội viên.

Là một tổ chức chính trị - xã hội được tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, ngoài việc thực hiện nhiệm vụ của Hội, các cấp Hội còn triển khai nhiều hoạt động của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành ở địa phương, tham gia nhiều việc trong hệ thống chính trị.

Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ IX nhiệm kỳ 2002 - 2007 đề ra mục tiêu : Nâng cao năng lực và trình độ mọi mặt, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ, thực hiện nam nữ bình đẳng. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam yêu nước, có tri thức, có sức khỏe, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng

* Phó Chủ tịch Thường trực Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

nhân hậu, quan tâm tới lợi ích xã hội và cộng đồng. Đây mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế là những việc có ý nghĩa quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu nêu trên.

Để thực hiện những mục tiêu đó, hầu hết các cấp Hội đã chủ động bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương và của Hội ; năng động, tìm tòi nhiều mô hình hoạt động có hiệu quả ; đổi mới nội dung, phương thức tập hợp, thu hút hội viên, đem lại những quyền lợi thiết thực cho phụ nữ. Nổi bật và có kết quả cụ thể là các mô hình tuyên truyền, giáo dục, nâng cao kiến thức, năng lực của phụ nữ và các mô hình hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế.

Có thể nói rằng, chưa bao giờ các hình thức tuyên truyền, giáo dục của các cấp Hội phụ nữ lại phong phú như hiện nay. Ngoài các hình thức mít tinh, hội thảo, tọa đàm, gặp mặt, liên hoan văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, ở các địa phương còn tổ chức các hội thi với nhiều nội dung : tìm hiểu luật pháp, truyền thống phụ nữ nước ta, truyền thống dân tộc, nữ công gia chánh, cán bộ hội giỏi phù hợp với nhiều đối tượng, sở thích, độ tuổi, vùng miền... Khai thác đặc thù của địa phương, một số cấp Hội còn tổ chức các hội thi với những nội dung mới như : tìm hiểu đa dạng sinh học ; văn hóa ẩm thực ; chế biến món ăn truyền thống ; dân số - gia đình và trẻ em ; bình đẳng giới - nhận thức và hành động ; ngày hội văn hóa ; năng khiếu truyền thông ; nhóm trưởng phụ nữ giỏi ; hội viên giỏi... Cùng với các hội thi là các câu lạc bộ (CLB) được phát triển ở tất cả các tỉnh như : CLB không

sinh con thứ 3 ; CLB phụ nữ, dân số và phát triển ; CLB sức khỏe sinh sản ; CLB gia đình hạnh phúc, CLB vợ cựu chiến binh, CLB gia đình không có tệ nạn xã hội...

Một trong những mối quan tâm trong công tác tuyên truyền, giáo dục của các cấp Hội là giáo dục truyền thống cho các tầng lớp phụ nữ. Một số tỉnh có các hình thức giáo dục truyền thống có hiệu quả như : Quảng Ngãi, Quảng Trị, Đà Nẵng. Tại Đà Nẵng có hoạt động *Hành trình về thăm các xã anh hùng*. Đây là một trong những hoạt động mang đậm tính giáo dục truyền thống cho phụ nữ, thu hút đông đảo cán bộ, hội viên tham gia.

Cùng với các mô hình tuyên truyền, giáo dục là những mô hình hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế. Phong trào "*Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình*" đã được phụ nữ hưởng ứng từ nhiều năm nay với các hình thức : mượn vốn, mượn tiền, hiện vật ; đồng thời, vận động chị em xây dựng tổ nhóm phụ nữ hùn vốn, tiết kiệm, tín dụng - tiết kiệm huy động và tập trung nguồn vốn nhân rồi để giúp nhau và tự quản theo nhóm. Ở hầu hết các tỉnh, số nhóm, tổ tín dụng - tiết kiệm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước. Để đáp ứng nhu cầu về vốn, các cấp Hội đã chủ động khai thác từ các nguồn như : Chương trình 120, vốn xóa đói giảm nghèo, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Phục vụ người nghèo, chương trình hỗ trợ của các tổ chức nước ngoài.

Điều đáng phấn khởi là, hầu hết các cấp Hội đã chủ động, sáng tạo các mô hình kinh tế, phù hợp với đặc điểm,

tình hình địa phương. Quảng Ngãi có nhóm ngành nghề thủ công, nhóm chế biến hải sản, Câu lạc bộ chăn nuôi 10 con vật, Câu lạc bộ phát triển kinh tế, Câu lạc bộ làng nghề truyền thống. Ở Quảng Trị có các mô hình nuôi tôm sú, vỗ béo bò lai, làm nấm. Quảng Bình có các mô hình : làm nấm rơm, an ninh lương thực, trồng rau trên cát, chăn nuôi lợn siêu nạc, gà siêu trứng.

Hiện nay, ở các địa phương trong số các hộ đói nghèo, những hộ có phụ nữ làm chủ hộ chiếm tỷ lệ tương đối nhiều. Vì vậy, giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ đang là một trong những hoạt động có ý nghĩa thiết thực đối với các cấp Hội. Hằng năm, Hội tiến hành thống kê, phân loại hộ đói nghèo có phụ nữ làm chủ hộ để có kế hoạch giúp đỡ cụ thể. Ví dụ, Quảng Trị phát động phong trào : Dòng họ tự nhận nuôi con hộ nghèo, nhận tạo việc làm cho các cháu ; phụ nữ có kinh tế khá nhận đỡ đầu các cháu con hộ nghèo. Quảng Bình hoạt động theo phương châm tỉnh nhận giúp một huyện nghèo, huyện nhận giúp một xã nghèo, chi hội nhận giúp các hộ nghèo. Một số cấp Hội ở Lào Cai như : Thị xã Lào Cai có sáng kiến phân công 2 - 3 hộ kinh tế khá có trách nhiệm giúp đỡ 1 hộ nghèo vươn lên thoát đói, giảm nghèo ; huyện Bảo Thắng xây dựng mô hình quỹ tự tạo tại xã, giúp chị em làm kinh tế gia đình.

Qua thực tế phong trào, có thể tổng hợp được nhiều mô hình hoạt động tốt trong phong trào phụ nữ thời gian gần đây. Tuy nhiên, một điều dễ nhận thấy là, các mô hình này chưa được nhân rộng. Cơ sở chính là nơi sáng tạo, xây dựng các

mô hình, nhưng ở một số nơi, Trung ương và tỉnh chưa chú trọng phát hiện các mô hình mới, từ đó rút kinh nghiệm chỉ đạo nhân ra diện rộng.

Mặc dù đạt được những kết quả nhất định trong việc thực hiện các hoạt động nhằm nâng cao kiến thức, năng lực cho phụ nữ, nhưng thực tế phong trào vẫn còn nhiều bất cập. Nhiều phụ nữ, nhất là phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, tôn giáo thiếu sự tiếp cận về thông tin, thiếu hiểu biết về pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước, trình độ và năng lực còn hạn chế. Do đó, một bộ phận chị em dễ bị kẻ xấu lợi dụng, kích động, lôi kéo tham gia khiêu khích đông người, tham gia tà đạo, vi phạm pháp luật hoặc bị lừa gạt. Vẫn còn tình trạng cán bộ chủ chốt ở một số nơi mù chữ, tái mù chữ và chưa phổ cập tiểu học, nhất là ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đây chính là những cản trở đối với phụ nữ trong tình hình hiện nay khi thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đi vào kinh tế tri thức.

Bên cạnh đó, các hoạt động tuyên truyền, giáo dục của Hội chưa đến được tất cả các đối tượng phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ miền núi, vùng sâu, vùng xa. Một số nội dung giáo dục, nhất là giáo dục pháp luật cho phụ nữ chưa được quan tâm đúng mức, kết quả còn hạn chế. Việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng, giáo dục phẩm chất, đạo đức, lối sống trong phụ nữ chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Các nữ chủ doanh nghiệp có quy mô làm ăn lớn còn rất ít. Trình độ, năng lực về hoạt động kinh tế của đội ngũ cán bộ Hội còn

hạn chế. Chính vì thế, trong hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế cho phụ nữ, mới dừng lại ở xóa đói, giảm nghèo, chưa có những điểm bứt phá mạnh mẽ để tạo nên hoạt động có tầm rộng lớn, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ IX đề ra.

Cũng như phụ nữ trên thế giới, phụ nữ Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai. Với đức tính cần cù, thông minh, sáng tạo, với ý thức phấn đấu vươn lên, dám nghĩ, dám làm, chị em có thể tham gia mạnh mẽ vào nhiều lĩnh vực của đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Tuy nhiên, phụ nữ phải đương đầu với vô vàn khó khăn, nhất là tình trạng thiếu việc làm, thu nhập thấp. Hiện nay, tỷ lệ hộ đói nghèo trong cả nước vẫn còn cao (17,2% năm 2001, tương đương 2,8 triệu hộ). Tỷ lệ hộ thuần nông còn chiếm tới 62,22% (phần lớn hộ nghèo lại là những hộ thuần nông). Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong tuổi lao động ở khu vực đô thị là 6,5% (77 vạn lao động). Tình trạng thiếu việc làm còn phổ biến ở khu vực nông thôn, việc sử dụng thời gian lao động mới đạt khoảng 74%. Tỷ lệ lao động nữ qua đào tạo nghề mới đạt khoảng 20%. Phụ nữ mới chiếm 25% trong các khóa đào tạo, bồi dưỡng khuyến nông về chăn nuôi và 10% ở các khóa khuyến nông về trồng trọt, trong khi tỷ lệ lao động nữ khu vực nông nghiệp chiếm 54% tổng số và chiếm 92% số lao động mới tạo ra hàng năm trong ngành nông nghiệp.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2000 - 2005 xác

định : về cơ bản không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn 10% ; thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế : tỷ trọng nông nghiệp còn 56%, dịch vụ 23% ; mỗi năm tạo việc làm cho 1,4 - 1,5 triệu lao động ; tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nữ ở khu vực nông thôn lên 75%, giảm tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ khu vực thành thị xuống 5 - 6% ; tăng tỷ lệ lao động nữ được đào tạo ngành nghề lên 30%, trong đó đào tạo nghề là 20%. Để thực hiện được mục tiêu nêu trên, vấn đề đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tạo thêm việc làm mới cho người lao động nói chung, phụ nữ nói riêng đang là vấn đề bức xúc và phải có chiến lược giải quyết lâu dài. Hội LHPNVN giải quyết vấn đề này không chỉ xuất phát từ thực trạng đời sống của phụ nữ mà còn tham gia thực hiện mục tiêu của Đảng và Nhà nước.

Nhằm đẩy mạnh các hoạt động giáo dục phẩm chất, nâng cao kiến thức, năng lực của phụ nữ và hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, trong thời gian tới, các cấp Hội tập trung thực hiện và làm tốt một số nội dung trọng tâm sau :

1- *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức, nâng cao kiến thức và năng lực của phụ nữ.* Tăng cường bám sát cơ sở, nắm bắt cuộc sống thực tế của các tầng lớp phụ nữ, nhất là ở những địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, tôn giáo. Nâng cao số lượng và chất lượng các cuộc họp giao ban theo vùng, cụm, khu vực để kịp thời nắm bắt vấn đề, rút kinh nghiệm để điều chỉnh hoạt động có hiệu quả thiết thực hơn.

Củng cố và phát triển đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của Hội đảm bảo về số lượng và chất lượng. Phát triển mạng lưới báo cáo viên theo từng chuyên đề. Ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cần quan tâm phát triển mạng lưới cộng tác viên, tuyên truyền viên là người biết các thứ tiếng dân tộc nhằm tiếp cận, nắm bắt thông tin và tình hình một cách kịp thời, góp phần giải quyết các "điểm nóng", ổn định chính trị, xã hội ngay tại cơ sở.

Các cấp Hội địa phương phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ đội Biên phòng, các tổ chức liên quan vận động và tổ chức các lớp học xóa mù chữ. Vận động các bà mẹ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo còn có nhiều khó khăn không ngừng quan tâm, tạo điều kiện để con em trong độ tuổi, nhất là trẻ em gái được đi học. Duy trì và phát triển các hình thức *Quý khuyến học, Hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó*, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu quốc gia về phổ cập trung học cơ sở. Đẩy mạnh việc tổ chức kết nghĩa giữa các tỉnh, thành phố ở miền xuôi với các tỉnh miền núi, nơi có khó khăn để trực tiếp hỗ trợ, giúp đỡ các nguồn lực nhằm thực hiện thanh toán mù chữ và phổ cập tiểu học cho cán bộ Hội ở cấp cơ sở, vùng dân tộc thiểu số, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng đề án giáo dục xóa mù chữ cho cán bộ Hội cấp cơ sở, tiến tới không còn cán bộ Hội mù chữ.

2- Chương trình hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế trong thời gian tới tập trung vào những công việc cụ thể như :

- Huấn luyện, bồi dưỡng cho cán bộ Hội các cấp về kiến thức và kỹ năng cần

thiết để hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế. Mở rộng hoạt động huấn luyện kiến thức, kỹ năng quản lý doanh nghiệp. Ở hoạt động này, tập trung tổ chức khảo sát nhu cầu của nữ chủ doanh nghiệp, hộ gia đình, trên cơ sở đó xây dựng nội dung, chương trình tập huấn và xác định các hoạt động hỗ trợ phù hợp.

- Tranh thủ nguồn vốn từ các dự án quốc tế, từ các ngành chức năng để tổ chức huấn luyện về quản lý tín dụng tiết kiệm, quản lý doanh nghiệp nhỏ cho cán bộ Hội. Nghiên cứu mô hình tập hợp các nữ chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ khu vực nông thôn với mô hình "Điểm tư vấn doanh nghiệp nữ". Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các ngành liên quan tổ chức hoạt động cung cấp thông tin, tư vấn doanh nghiệp về chính sách, thị trường tiêu thụ sản phẩm và tác động về chính sách đối với doanh nghiệp nữ ; hình thành và phát triển mạng lưới tập hợp các nữ chủ doanh nghiệp (như các câu lạc bộ, hiệp hội).

Với vai trò là tổ chức đại diện cho phụ nữ Việt Nam, Hội LHPNVN luôn quán triệt phương châm "nơi nào có phụ nữ, nơi đó có Hội". Do đó, Hội luôn đổi mới nội dung, phương thức hoạt động sát hợp với các chương trình hoạt động đã đề ra, phát huy dân chủ và trí tuệ tập thể, mở rộng tính liên hiệp, đoàn kết thống nhất, tăng cường quan hệ hợp tác với các ngành, đoàn thể, các tổ chức trong nước và quốc tế để tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển, thông qua nhiều mô hình hoạt động, tập hợp thu hút đông đảo các tầng lớp phụ nữ tham gia.□

Bước chuyển mới của ĐỒNG NAI

LÊ HOÀNG QUÂN

NẪM trong vùng kinh tế trọng điểm của phía Nam nước ta, Đồng Nai là một trong những địa phương có các khu công nghiệp được hình thành sớm và phát triển rất năng động. Để tìm hiểu điều đó, phóng viên Tạp chí Cộng sản đã có cuộc trao đổi với đồng chí Lê Hoàng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai.

Hỏi : Thưa đồng chí, nhiều ý kiến cho rằng : Những thành tựu nổi bật về kinh tế - xã hội của Đồng Nai trong những năm gần đây là nhờ tỉnh nhà đã phát huy có hiệu quả các yếu tố "thiên thời, địa lợi, nhân hòa". Xin đồng chí vui lòng cho biết đôi nét về vấn đề này ?

Trả lời : Về mặt "địa lợi", Đồng Nai thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta. Đồng Nai có diện tích tự nhiên là 5 864,4 km², tiếp giáp với 5 tỉnh và thành phố với những lợi thế cho phát triển kinh tế - xã hội.

Đồng Nai có hệ thống giao thông thuận lợi với nhiều tuyến đường huyết mạch quốc gia đi qua như : quốc lộ 1A, quốc lộ 20, quốc lộ 51 ; hiện đang được nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam ; nhiều tuyến đường liên tỉnh và các cảng Gò Dầu, Phú Mỹ... cùng với cảng Sài Gòn, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, v.v., tạo thành một mạng lưới giao thông thuận lợi cho hoạt động kinh tế trong vùng cũng như cả nước. Đồng Nai có nền đất lý tưởng với kết cấu có độ chịu nén tốt, thuận tiện cho việc mở mang xây dựng các khu công nghiệp (KCN). Bên cạnh nguồn điện dồi dào từ các nhà máy thủy điện Trị An, nhiệt điện Phú Mỹ, Đồng Nai cũng là xứ sở của nhiều nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng và phong phú như vàng, thiếc, kẽm (dạng hợp chất sun-phua và các-bô-nát) ; nhiều mỏ đá, cao lanh, than bùn, đất sét, cát sông ; rừng và nguồn nước v.v., rất thuận lợi cho việc phát triển các ngành nghề truyền thống như sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ mỹ nghệ... Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa với khí hậu ôn hòa, ít chịu ảnh hưởng của thiên tai, Đồng Nai có đất đai màu mỡ mà phần lớn là đất đỏ ba-zan nên đã sớm hình thành những vùng chuyên canh cây công nghiệp ngắn và dài ngày, những vùng cây ăn trái nổi tiếng... cùng với nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp, tạo thành môi trường hấp dẫn cho ngành du lịch, nhất là du lịch miệt vườn, du lịch trên sông, leo núi...

Về "thiên thời", Đồng Nai là vùng đất lịch sử, có truyền thống cách mạng hào

hùng. Từ khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Gia Định - Biên Hòa, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đứng lên khởi nghĩa và đấu tranh anh dũng. Đồng Nai là nơi sớm ra đời đội ngũ công nhân từ đầu thế kỷ XX, một tiền đề quan trọng để nhanh chóng hình thành và phát triển các tổ chức của Đảng. Qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, với tinh thần "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", Đảng bộ và quân, dân Đồng Nai đã viết nên những trang sử hào hùng với những địa danh và chiến công vang dội : căn cứ chiến khu Đ, Phước An - Rừng Sác ; chiến thắng La Ngà, Trảng Bom (chống Pháp) ; chiến thắng trận tập kích sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, Mậu Thân 1968, chiến dịch Xuân Lộc 1975 (chống Mỹ), đã góp phần to lớn cùng cả nước giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Với những cống hiến đó, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân".

Về "nhân hòa", Đồng Nai hiện có dân số trên 2 triệu người với nhiều dân tộc và tôn giáo khác nhau : gồm đạo Phật, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo... Từng sống và chiến đấu vì độc lập tự do trong cái nôi cách mạng ; từng đi qua những gian nan thử thách và góp phần tạo nên những kỳ tích anh hùng với "Miền Đông gian lao và anh dũng", Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Nai vốn có truyền thống đoàn kết gắn bó, một lòng đi theo Đảng, hôm nay vẫn không ngừng phát huy truyền thống đó. Và với đức tính cần cù,

chịu khó, sáng tạo, nguồn lao động dồi dào, có trình độ cao từ mọi miền đất nước hội tụ về... Đồng Nai đang không ngừng nâng cao trí và lực để đáp ứng nhu cầu của tỉnh nhà trong công cuộc xây dựng và phát triển. Phát huy những lợi thế riêng có, Đồng Nai đang vì cả nước và cùng cả nước hướng tới tương lai tươi sáng.

Hỏi : Thừa đồng chí, những lợi thế đó đã được Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai tận dụng và phát huy như thế nào trong thời gian qua ?

Trả lời : Thành tựu chung nhất của 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới là đã nhanh chóng nắm bắt những thời cơ, thuận lợi cả ở trong nước và quốc tế, từng bước xây dựng Đồng Nai trở thành một tỉnh có cơ cấu công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, để cùng với Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương hình thành nên một vùng kinh tế trọng điểm của khu vực phía Nam. Từ chỗ thiếu ăn với bình quân lương thực là 90 kg/người/năm (1995), chỉ sau 10 năm đã tăng gấp hơn 3 lần : 300 kg/người/năm. Giá trị sản xuất của Đồng Nai từ 3 219 tỉ đồng (năm 1995) đã tăng lên 3 879 tỉ đồng (năm 2000). Những năm gần đây, tổng sản phẩm quốc nội của Đồng Nai tăng từ 10 - 12%/năm ; trong đó công nghiệp tăng 12 - 13%, dịch vụ tăng 10% và nông nghiệp tăng 3,5 - 4%/năm. Đến nay, Đồng Nai đã giảm được 45 000 hộ nghèo (hộ nghèo chỉ còn 2% dân số) ; thu nhập bình quân đầu người đã đạt 740 USD/năm và mỗi năm giải quyết việc làm cho hơn 65 000 người. Chỉ riêng về công nghiệp, 6 tháng đầu năm 2002, Đồng Nai

đã dẫn đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư vào sản xuất. Đến hết tháng 7-2002, toàn ngành sản xuất công nghiệp của Đồng Nai đạt 57,18% kế hoạch năm, tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ là 15,32%, đạt chỉ tiêu nghị quyết đề ra. Tăng trưởng với tốc độ cao nhất là khu vực dân doanh : 56,45%, khu vực đầu tư nước ngoài tăng 15,10%, quốc doanh địa phương tăng 14,97%. Ở khu vực đầu tư nước ngoài, tính hết tháng 7-2002 đã có 25 quốc gia và lãnh thổ tham gia với tổng số 384 dự án và tổng số vốn là 5 174,27 triệu USD ; trong đó có 296 dự án đã đi vào sản xuất kinh doanh với vốn đầu tư trên 4 999 triệu USD, chiếm tỷ lệ 77,47% so với tổng số vốn đăng ký. Đầu năm đến nay, Đồng Nai đã cấp giấy phép cho 43 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký 130,6 triệu USD. Diện tích đất đã cho thuê là 1 172,9 héc-ta, chiếm 60,5% - đây là tỷ lệ cao so với các khu công nghiệp khác trong cả nước. Ở khu vực dân doanh, trong 7 tháng đã có 231 doanh nghiệp thành lập mới, với số vốn đăng ký trên 300 tỉ đồng, đưa tổng số doanh nghiệp dân doanh của toàn tỉnh hiện nay lên hơn 1 900 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký là 2 700 tỉ đồng. Cũng trong 6 tháng đầu năm 2002, nhờ kinh tế tăng trưởng khá, tổng nguồn thu ngân sách nhà nước là 1 786,2 tỉ đồng, đạt 60% dự toán ; trong đó, thu nội địa đạt 53% dự toán, thu từ lĩnh vực nhập khẩu là 800 tỉ đồng, đạt 73% dự toán ; cả 3 chỉ tiêu này tăng lần lượt là 23% - 19% và 71% so với cùng kỳ. Như vậy, có thể khẳng định : Đồng Nai đang từng bước tạo thế đứng có nền tảng vững chắc của một tỉnh công nghiệp.

Hỏi : Thừa đồng chí, vậy đâu là những kinh nghiệm trong chặng đường đầu phát triển kinh tế của Đồng Nai mà đồng chí cho là tâm đắc nhất ?

Trả lời : Đồng Nai mới chỉ đi được một chặng đường ngắn trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhưng từ những thành tựu đã đạt được, bước đầu chúng tôi thấy có thể rút ra một số bài học sau :

Một là, từ những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, căn cứ vào các điều kiện cụ thể của địa phương, Đồng Nai đã mạnh dạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa - coi đây là nhiệm vụ trọng tâm. Với "Thiên thời, địa lợi, nhân hòa" như đã nêu, được soi rọi bởi các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, Đồng Nai đã từng bước hình thành một thế "kiềng ba chân" trong lĩnh vực công nghiệp, gồm công nghiệp quốc doanh ; công nghiệp ngoài quốc doanh và công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đối với công nghiệp quốc doanh, Đồng Nai tập trung sắp xếp lại hệ thống theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Để góp phần khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, tỉnh ưu tiên đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, tăng sức cạnh tranh trên thị trường cho doanh nghiệp quốc doanh địa phương. Đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh, tỉnh khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất kinh doanh với nhiều quy mô và trình độ, tạo mọi điều kiện có thể để hình thành và phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ (mục tiêu

năm nay sẽ thu hút thêm 250 tỉ đồng và từ 4 000 đến 5 000 lao động từ khu vực này). Riêng công nghiệp thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, tỉnh tiếp tục thực hiện cơ chế thông thoáng trong giải quyết và đáp ứng các yêu cầu của các nhà đầu tư. Như vậy, cùng với hướng đi đã hình thành, thể "kiềng ba chân" đã được xác lập và vận hành tích cực, đang tạo nên hậu thuẫn đắc lực cho Đồng Nai trong cuộc hành trình đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hai là, Đồng Nai đã biết kết hợp và vận dụng có hiệu quả phương châm "hai phát huy". Đó là *phát huy truyền thống cách mạng và phát huy các lợi thế riêng có* của địa phương. Đồng Nai vốn là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa đáng tự hào. Đi qua những thăng trầm của lịch sử, vùng đất này ngày càng được biết đến như một cái nôi văn hóa của miền Đông Nam Bộ. Đây cũng là vùng đất qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc đã làm nên biết bao kỳ tích mà người Đồng Nai rất tự hào. Đồng Nai đã đặc biệt chú trọng đến công tác giáo dục truyền thống và thực tế đã nỗ lực thực hiện điều này. Và, một trong những thành công của Đồng Nai hiện nay - theo tôi là đã kết hợp khá nhuần nhuyễn các yếu tố của "nhân tạo" (tức là những gì thuộc về con người và do con người tạo nên) với các yếu tố "thiên tạo" (những ưu ái của tự nhiên) để có được một Đồng Nai với sự khởi đầu tự tin, mạnh dạn vào cuộc một cách đúng hướng và hiệu quả.

Ba là, Đồng Nai đã chủ động xây dựng và vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính

sách một cách đồng bộ và thông thoáng để đẩy nhanh việc thực hiện những mục tiêu chiến lược. Những năm gần đây, Đồng Nai luôn chú trọng và tích cực thực hiện "hai cải" - đó là *cải thiện môi trường đầu tư và cải cách thủ tục hành chính*. Cùng với việc sắp xếp lại và bảo đảm phát huy hiệu quả hệ thống các cơ quan chức năng và hệ thống các doanh nghiệp thuộc từng khu vực, Đồng Nai tiến hành rà soát lại hệ thống các văn bản pháp quy, xem xét tính thực tế và hiệu lực của chúng để điều chỉnh kịp thời hoặc kiến nghị với Trung ương sắp xếp điều chỉnh. Đồng Nai thực hiện đổi mới các công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt và khen thưởng ; công tác tiếp xúc và đối thoại giữa các cơ quan chức năng với doanh nghiệp. Mới đây, tỉnh đã có Quyết định số 790/QĐ-UBT, ngày 28-3-2002, về thu hút vốn đầu tư ; phân định các nhóm KCN ưu tiên đã được Chính phủ phê duyệt ; quy định về thời hạn cấp phép ; xử lý các vấn đề liên quan như đất đai, thuế... Tỉnh và các cơ quan chức năng đã tập hợp, giới thiệu những thông tin cần thiết đến các nhà doanh nghiệp và toàn dân. Sở Công nghiệp đã mở trang "web-sai" giới thiệu về những cơ hội đầu tư ; ban quản lý các KCN mở "Show-room" (phòng triển lãm) xúc tiến thương mại, hỗ trợ các nhà đầu tư... Đồng thời thực hiện phân công, phân cấp quản lý, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của ban quản lý các KCN, của các công ty kinh doanh hạ tầng KCN, của Sở Kế hoạch và Đầu tư ,v.v. cũng như mối quan hệ trong hợp tác giữa các cơ quan chức năng vì nhiệm vụ chung.

Bốn là, thực hiện tăng trưởng kinh tế nhanh đi đôi với các biện pháp bảo đảm phát triển bền vững. Ngay từ đầu, tỉnh đã xác định rằng : muốn ổn định kinh tế và thu hút được đầu tư (nhất là đầu tư ngoài tỉnh và nước ngoài), bên cạnh cơ chế, chính sách thông thoáng, hấp dẫn, phải thuyết phục các nhà doanh nghiệp bằng một nền chính trị - xã hội ổn định. Đây là hai mặt của một vấn đề có quan hệ biện chứng. Ở Đồng Nai, sự ổn định đó được thể hiện qua các mặt sau :

- Đồng Nai là vùng đất có cư dân của nhiều địa phương trong cả nước hội tụ về. Vì thế, thành phần dân cư, dân tộc và tôn giáo, v.v., rất đa dạng. Để đảm bảo "an dân", Đồng Nai luôn coi trọng phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân. Đây là một trong những ưu điểm của Đồng Nai, được xác lập, khẳng định qua hai cuộc kháng chiến giữ nước và ngày nay không ngừng được kế thừa và phát triển.

- Cũng như nhiều địa phương trong vùng, Đồng Nai khởi đầu trong một hoàn cảnh đầy tàn tích chiến tranh và phải đương đầu với hàng loạt khó khăn thách thức. Nhưng với ý chí tự lực tự cường, quyết tâm và phấn đấu bền bỉ, Đồng Nai đã nhanh chóng vượt lên. Song song với quá trình đó, Đồng Nai không ngừng quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trên tất cả mọi lĩnh vực : kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng. Đó là các chương trình phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo ; đầu tư cho các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao ; giải quyết tốt các chính sách xã hội ; phát triển sự nghiệp

giáo dục, v.v.. Chính sự chăm lo đó đã tạo cho Đồng Nai một cộng đồng ổn định và phát triển.

- Nằm ở vùng Đông Nam Bộ, án ngữ phía Đông Bắc thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai có vị trí chiến lược quan trọng cả về kinh tế và quốc phòng. Mặt khác, từ cơ sở hạ tầng đã và sẽ xây dựng ; với cơ chế chính sách hấp dẫn v.v.. Đồng Nai nỗ lực tạo ra sức hút mạnh mẽ đối với các nhà đầu tư. Vì vậy, cùng với nhiệm vụ củng cố an ninh quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang gắn liền với phát triển kinh tế, Đồng Nai xác định phải luôn giữ vững sự ổn định về chính trị là hết sức cần thiết. Trong điều kiện đảng cầm quyền, phải không ngừng tăng cường công tác xây dựng Đảng, nhằm phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, nhất là trong kinh tế là vấn đề then chốt. Đây chính là kinh nghiệm mà tôi tâm đắc nhất. Đồng Nai thường xuyên quán triệt đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết của Trung ương và tỉnh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ; xây dựng các chương trình hành động cụ thể và chỉ đạo sát sao để thực hiện tốt các chương trình đó. Cán bộ các cấp ủy và tổ chức đảng luôn bám sát cơ sở, theo dõi, lắng nghe những tâm tư nguyện vọng, nắm bắt những chuyển biến tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân để có những chủ trương đúng và chỉ đạo kịp thời. Bên cạnh đó, Đồng Nai luôn coi trọng công tác phát triển Đảng trong các doanh nghiệp và tại các KCN.

Xin cảm ơn đồng chí ! □

LÂM TRƯỜNG ĐÌNH LẬP -

mẫu hình về chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong cơ chế mới

LÊ XUÂN ĐÌNH

đứng bên bờ vực phá sản, thì Lâm trường Đình Lập mấy năm vừa qua nổi lên như một điểm sáng trong việc mạnh dạn, sáng tạo tìm phương án chuyển đổi cơ cấu sản xuất để vươn lên trong cơ chế mới.

LÂM trường quốc doanh (LTQD) là loại hình doanh nghiệp nhà nước có quá trình phát triển gắn với sự nghiệp lâm nghiệp của đất nước. Trong cơ chế cũ, các LTQD là những đơn vị đầu tàu của quá trình khai phá, phát triển kinh tế ở các vùng cao, vùng sâu và vùng xa. Từ khi có Nghị quyết 10 (1988) của Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp, LTQD vẫn là nơi tập hợp các nguồn lực của Nhà nước để phát triển và bảo vệ rừng ở khắp các địa phương miền núi.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, LTQD hiện đang gặp rất nhiều khó khăn, các nguồn lợi từ rừng đã bắt đầu cạn kiệt, Nhà nước quyết định đóng cửa rừng. Nguồn tài chính của Nhà nước cung cấp cho sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng tuy có tăng lên đáng kể (Chương trình 327, Chương trình 661 và các dự án khác), nhưng việc sử dụng lại do nhiều thành phần kinh tế tham gia. Trong khi nhiều LTQD chưa thực sự thích nghi với cơ chế thị trường, lao động thiếu việc làm, thu nhập không đủ trang trải chi phí cuộc sống, không ít LTQD đang

Lâm trường Đình Lập
đóng trên địa bàn của một huyện miền núi vùng cao biên giới thuộc phía Đông - Bắc tỉnh Lạng Sơn. Từ năm 1959, Lâm trường đã quản lý tới 88 ngàn héc-ta rừng và đất rừng. Đến năm 1990, theo chủ trương của Nhà nước, Lâm trường đã được quy hoạch gọn lại còn 11 939 héc-ta, bao gồm 27 tiểu khu, 156 khoảnh và 961 lô. Năm 2001, Lâm trường đã cơ bản trồng kín hết diện tích trong vùng quy hoạch. Còn lại 3 479 héc-ta đất dốc nằm xa đường giao thông nên chưa có đủ điều kiện để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh. Do đó, hiện nay về cơ bản Lâm trường đã chuyển sang quá trình luân kỳ kinh doanh và khai thác trên phần đất quy hoạch của mình.

Lâm trường có 7 trung tâm lâm nghiệp trực thuộc làm nhiệm vụ trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác gỗ, khai thác nhựa thông và làm dịch vụ cây, con phục vụ đồng bào địa phương trồng rừng. Ngoài ra, còn có 2 trung tâm vận chuyển, chế biến lâm sản và tiếp thị. Trong đó, có 2 xưởng chế biến gỗ, một nhà máy chế biến nhựa thông, 2 chi nhánh tiêu thụ lâm sản và dịch vụ tại thị xã Lạng Sơn và thị xã Bắc Ninh. Tất cả có 218 người, trong đó 15 người có trình độ đại

học, 12 người trình độ trung cấp, 55 công nhân thợ nghề.

Trong cơ chế mới nguồn thu nhập của Lâm trường phụ thuộc vào hai mảng hoạt động chính, đó là thực hiện chức năng dịch vụ xã hội, dịch vụ công thông qua việc thực hiện các dự án khuyến lâm, trồng, bảo vệ rừng do Nhà nước giao ; sản xuất kinh doanh trong phạm vi chức năng và điều kiện cho phép. Lâm trường hiện đang phải đương đầu với những khó khăn sau :

Thứ nhất, lâm trường nói chung là một ngành sản xuất và kinh doanh đặc thù, chịu nhiều sự ràng buộc về mặt pháp lý đối với sản phẩm từ rừng. Chẳng hạn, trồng cây gì, ở đâu cũng phải theo quy hoạch và đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành và nhiều bộ phận, như địa chính, lâm nghiệp, chính quyền địa phương, kiểm lâm, và chủ thể sản xuất kinh doanh là lâm trường. Muốn khai thác một cây gỗ từ rừng kinh tế cũng phải qua nhiều khâu kiểm tra, kiểm soát, phải có giấy phép mới được đưa gỗ ra khỏi rừng, dù là gỗ nguyên liệu giấy hay cột chống lò. Nhiều lúc, người mua phải chờ đợi cả tháng vì chưa có đủ các thủ tục cần thiết. Đó là chưa nói đến những diễn biến thất thường của giá cả thị trường.

Thứ hai, bên cạnh lâm trường còn có hệ thống lâm nghiệp xã hội. Các hộ gia đình người địa phương ở đây đã được nhận sổ bìa xanh (với số đất rừng không phải là ít - gần 55 ngàn héc-ta quy hoạch theo Dự án 327 và 661), trên thực tế số đất này thuộc quyền quản lý của hộ gia đình, nên việc triển khai các chương trình, dự án trồng rừng phòng hộ cho Nhà nước đang gặp rất nhiều trở ngại. Trình độ dân trí của phần lớn đồng bào

vùng cao, vùng sâu thường lại rất có hạn. Cán bộ Lâm trường đã không ít trường hợp phải giải thích, động viên nhiều lần các hộ mới chịu tiếp thu. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chỉ tiêu, Ban khuyến lâm của Lâm trường xuống tận thôn bản khảo sát thực địa, bàn bạc với thôn trưởng để tiếp tục phân bổ chỉ tiêu cho từng hộ gia đình. Sau đó mở hội nghị tập huấn cho bà con về kỹ thuật phát băng, cuốc lấp hố, trồng rừng, chăm sóc rừng... Để bảo đảm cây sống, thường là phải chuẩn bị sẵn hiện trường, khi điều kiện thời tiết cho phép mới chỉ đạo trồng, nên có lúc cán bộ Lâm trường phải ở tại bản với dân.

Trong điều kiện khó khăn nhiều mặt hiện nay của nghề rừng, nhiều người cho rằng, không thể sống được bằng nghề rừng với lý do chính là nuôi một cây rừng cần thời gian khá dài, trong khi vốn vay dài hạn rất khan hiếm. Lấy ngắn nuôi dài nơi đất dốc, cần cỗi không phải là chuyện dễ. Trong khi đó, chức năng đặc thù của lâm trường nói chung là phát triển và bảo vệ rừng. Trước thực tế đó, cán bộ và công nhân viên Lâm trường đã cùng nhau bàn bạc phương án sản xuất kinh doanh làm sao để tìm ra lời giải tối ưu cho "bài toán" là vừa hoàn thành nhiệm vụ chính trị hàng đầu trước Nhà nước, phát triển và bảo vệ vốn rừng cho xã hội, vừa tạo ra thu nhập thường xuyên để không những không rơi vào cảnh thiếu đói, mà còn vươn lên làm giàu từ nghề rừng. Lâm trường Đình Lập đã nêu cao được khẩu hiệu : "Giữ đất, giữ rừng, giữ lâm sản".

Lối ra duy nhất mà Lâm trường Đình Lập đã lựa chọn, đó là mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu sản xuất lâm nghiệp, vận dụng triệt để

những lợi thế hiện có. Cụ thể, ngoài việc bảo vệ tốt nhất những khu rừng đặc dụng và rừng đầu nguồn do Nhà nước giao, Lâm trường xác định :

Trong khâu gây tạo vốn rừng, thực hiện trồng bù, trồng và làm đầy rừng, giàu rừng trên diện tích đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lâm trường đã sử dụng nhiều biện pháp lâm - sinh học để gây tạo vốn rừng hiệu quả. Việc áp dụng cơ chế khoán đã thực sự mang lại hiệu quả tốt, gắn được mục tiêu phát triển và bảo vệ rừng với lợi ích thiết thân của từng cán bộ công nhân viên Lâm trường. Chẳng hạn, nhận rừng từ năm thứ nhất trở đi, hộ gia đình được hưởng tiền thù lao hàng năm (20 000 đ/ha) và được hưởng 20% sản lượng khi rừng cho thu hoạch. Nhận rừng từ năm thứ 6 trở đi, hộ gia đình được hưởng 15% sản lượng thu hoạch ngoài tiền thù lao hàng năm. Từ năm thứ 10 trở đi, ngoài tiền thù lao hàng năm còn có 10% sản lượng thu hoạch...

Trong việc xác định cây chủ lực, với điều kiện khí hậu, đất đai ở vùng cao, Đình Lập khó có thể phát triển cây ăn quả hoặc các loại cây đặc sản khác. Nhưng ở đây, lại rất hợp với cây thông mã vĩ (đặc tính của loài thông này là ưa sáng, chịu hạn cao, tốc độ sinh trưởng nhanh - từ 10 đến 12m³ gỗ/ha/năm, khả năng cho nhựa tốt - nếu áp dụng phương pháp trích nuôi dưỡng thời gian cho nhựa từ 8 đến 10 năm, mỗi năm thu 2,5 - 3 tấn/ha), các loài cây khác như hồi, quế, trâu... chỉ phát triển được ở vùng có khe, suối có độ ẩm cao, nên từ rất sớm nơi đây đã được quy hoạch trồng chủ yếu là thông mã vĩ. Hiệu quả kinh tế của cây thông

mã vĩ tại Lâm trường Đình Lập đã được tính toán kỹ càng, cụ thể :

Biểu 1 : Hạch toán hiệu quả kinh tế cho 1 ha thông mã vĩ

(Ngàn đồng)

Chi phí giai đoạn tạo rừng		Thu hoạch	
Khoản chi	Thành tiền	Khoản thu	Thành tiền
1. Trồng rừng	2 700	1. Thu về gỗ khối, 300 m ³	150 000
2. Chăm sóc rừng	350	2. Chi mở đường khai thác	45 000
3. Bảo vệ rừng 25 năm (50*25)	1 250	3. Chi vận chuyển bốc vác	30 000
4. Quản lý phí	310	4. Thu về nhựa thông, 2 tấn/năm	6 000
5. Lãi vay ngân hàng	8 800	5. Khai thác nhựa 8 năm (H4* 3 000 đ)	48 000
6. Chi phí khác	2 000	6. Tổng thu (H 1+H5)	198 000
Tổng chi giai đoạn tạo rừng	15 410	7. Thu trừ chi phí khai thác (H6 - H3 - H4)	123 000

Kết quả hạch toán ở biểu 1 cho thấy, nếu trồng, chăm sóc và tủa thưa đúng quy trình kỹ thuật, rừng được bảo vệ tốt, tránh được rủi ro do thiên tai và hỏa hoạn, thì 1 ha đất đồi dốc như ở Đình Lập không có cây gì cho thu hoạch khá như cây thông mã vĩ. Cụ thể, sau khi trừ tất cả các khoản chi phí, mỗi năm (tính cho chu kỳ nuôi 25 năm) thu được bình quân 4 304 ngàn đồng [(123 000 - 15 410)/25].

Trong khâu công nghiệp rừng, Lâm trường thực hiện khai thác hợp lý sản lượng lấy ra hàng năm ; khai thác theo luân kỳ kinh doanh rừng. Nguyên tắc của quá trình này là bảo đảm sản lượng gỗ lấy ra hàng năm luôn nhỏ hơn lượng tăng trưởng bình quân của rừng. Đồng thời khai thác đến đâu trồng lại rừng mới đến đó. Ngoài khai thác, vận chuyển và chế biến gỗ, Lâm trường còn thực hiện khai thác, vận chuyển và chế biến nhựa thông. Kết quả tổng hợp về sản xuất kinh doanh của Lâm trường mấy năm gần đây được thể hiện qua biểu sau :

Biểu 2 : Kết quả sản xuất, kinh doanh của Lâm trường Đình Lập giai đoạn 1997 - 2001

	Đơn vị đo	1997	1998	1999	2000	2001
Gieo ươm	Tr cây	3.9	3.8	4.2	3.7	4.1
Trồng rừng	ha	237.5	190.7	247	160.7	202
Chăm sóc rừng	ha	259	444.7	556.7	450.4	430
Khai thác gỗ tròn	m ³	1444	2093	2656	2399	2754
Chế biến gỗ	m ³	722	820	1042	1416	1442
Khai thác nhựa thông	Tấn	446	453	598	681	574
Chế biến từng hương	Tấn	140	87	356.6	475	321
Lương bình quân	1000 đ	450	450	500	550	550
Lãi nộp Ngân sách	Tr đồng	23	27.9	28.9	34.2	44.7

Hiệu quả kinh tế thể hiện rõ nét trên các chỉ số cơ bản, như giá trị tích lũy vốn rừng hàng năm đạt từ 5 - 6 tỉ đồng ; quy mô sản xuất không ngừng được phát triển (vốn rừng, quỹ cây) ; nhất là phát triển được sản xuất công nghiệp, dịch vụ để tạo thu nhập thường xuyên (chiếm tỷ trọng khoảng 75% doanh thu hàng năm) ; đến nay vốn cố định do Lâm trường tự bổ sung (chưa kể giá trị tích lũy vốn rừng) đã chiếm tới 80% tổng số vốn của Lâm trường.

Bên cạnh hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội thiết thực của việc lựa chọn cơ cấu sản xuất phù hợp, phát triển công nghiệp chế biến lâm sản thể hiện ở chỗ Lâm trường đã giải quyết được nhiều việc làm cho người dân địa phương, từng bước giúp đồng bào cải thiện thu nhập, ước tính mỗi năm có từ 2,5 - 3 tỉ đồng (chưa kể số hộ gia đình nhận khoán rừng được hưởng sản lượng cuối kỳ lúc thu hoạch). Thu nhập được cải thiện nghèo đói ắt sẽ bị đẩy lùi, dân trí được mở mang và nâng cao, nhất là ổn định đời sống đối với đồng bào dân tộc thiểu số nơi vùng cao, vùng biên giới. Hiệu quả tất yếu của toàn bộ quá trình ấy là đồng bào không còn

cảnh du canh, đốt nương làm rẫy, thì cuối cùng rừng được phát triển và bảo vệ tốt, cả xã hội được lợi.

Tóm lại, mặc dầu còn tồn tại nhiều khó khăn của một doanh nghiệp lâm nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, nhưng Lâm trường Đình Lập đã bám trụ và phát triển tốt, cuộc sống của cán bộ công nhân viên Lâm trường không ngừng được cải thiện. Trong số những thành tích chung ấy, điều đáng khích lệ hơn cả và cũng là bằng chứng tổng hợp nhất cho sự cố gắng chung của toàn thể cán bộ công nhân viên Lâm trường, đó là từ một lâm trường loại IV trước đây, đến năm 1985 Lâm trường Đình Lập đã được xếp lên loại III, và ngày nay đã trở thành lâm trường loại II của Nhà nước. Từ thực tế ở Lâm trường Đình Lập có thể rút ra mấy vấn đề, như sau :

1 - Mặc dầu công tác lâm nghiệp hiện nay đã có tính chất xã hội, do nhiều người, nhiều thành phần kinh tế tham gia phát triển và bảo vệ rừng, nhưng phải *khẳng định vai trò chủ đạo về lâm nghiệp đối với các LTQD*. Nhìn về đại thể, LTQD vốn xưa nay là cơ sở chuyên ngành, ở đó có đầy đủ kinh nghiệm về tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh nghề rừng, tập trung đội ngũ khoa học - kỹ thuật của nghề rừng, nhất là lại tự hội được các yếu tố quan trọng cho sự phát triển ấy nơi vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Thực tế làm được như ở Lâm trường Đình Lập càng tỏ rõ LTQD là cơ quan dịch vụ đầu vào và đầu ra đáng tin cậy và có hiệu quả, cùng với địa phương tập trung quản lý tốt đối với khâu phát triển lâm nghiệp xã hội trong vùng.

Nhưng để sàng lọc những LTQD thực sự có khả năng đảm đương tốt chức năng bảo

vệ và phát triển rừng, Nhà nước, một mặt, cần tiến hành nhanh chóng việc sắp xếp lại hệ thống LTQD theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ ba (khóa IX). Mặt khác, nên nghiên cứu đổi mới cơ chế cung cấp kinh phí trồng và bảo vệ rừng trên cơ sở ai có khả năng làm tốt thì nên giao cho họ làm. Nhà nước là người chọn thầu, kiểm tra và nghiệm thu kết quả.

2 - Qua thực tế ở Lâm trường Đình Lập, hoàn toàn có thể khẳng định rằng, nếu biết cách chuyển dịch cơ cấu sản xuất nội bộ lâm trường tốt, thì chẳng những có thể phát triển vốn rừng và bảo vệ rừng tốt, mà còn nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân viên lâm trường. Ngoài ra còn trợ giúp cho địa phương phát triển và bảo vệ rừng thông qua các khâu dịch vụ kỹ thuật, đầu vào, đầu ra và xây dựng mô hình để đồng bào học tập, noi theo.

3 - Đối với trường hợp của Lâm trường Đình Lập, không nên tách chức năng ban quản lý rừng phòng hộ, như tinh thần của Quyết định 187/1999/QĐ-TTg và Thông tư liên tịch số 109/2000/TTLN-BNN-BTC, bởi vì, bản thân tiêu chí phân loại LTQD dựa trên diện tích (trên 5000 héc-ta) rừng chưa nói lên hết vị trí vai trò cũng như hiệu quả thực tế của một lâm trường. Chẳng hạn, do đặc điểm địa lý và lịch sử, rừng sản xuất và rừng phòng hộ ở Đình Lập phân bố theo thế "gia báo", nếu tách ra e rằng sẽ phá vỡ phương án sản xuất của Lâm trường, kể cả phương án quản lý bảo vệ rừng. Trong trường hợp đó nên để Lâm trường đảm nhận chủ dự án bảo vệ rừng để thống nhất việc quản lý rừng và đất rừng.

4 - Phải khẳng định rằng, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển lâm nghiệp

xã hội là rất đúng đắn. Kết quả từ năm 1993 đến nay về trồng rừng phòng hộ là một thành tựu lớn chúng ta đã đạt được nhờ các Chương trình mục tiêu 327 và 661. Trong hệ thống các văn bản pháp quy về phát triển lâm nghiệp xã hội, Quyết định 178 (năm 2001) đã quy định về quyền hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân trồng rừng, nhưng chưa quy định rõ ràng và cụ thể quyền lợi và nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ dự án về quản lý bảo vệ rừng. Đồng thời, trong Chương trình trồng 5 triệu héc-ta rừng nên được bổ sung phần kết hợp kinh tế với phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, có như vậy thiết kế dự toán trồng rừng mới đưa ra được giải pháp kinh tế - kỹ thuật thích hợp cho từng vùng, miền, xác định loại cây, mật độ trồng... căn cứ vào đặc điểm khí hậu, thời tiết cụ thể của từng địa phương.

5 - Trong bản thân mỗi LTQD vừa có nội dung là doanh nghiệp - sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường, vừa có nội dung hoạt động sự nghiệp (có thu) thực hiện chức năng dịch vụ công. Phân định rõ hai chức năng này là rất quan trọng, sẽ giúp xác định cơ chế chính sách cho phù hợp. Chẳng hạn, nếu là sản xuất kinh doanh thì không có bao cấp, LTQD tự lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh như thế nào để lấy thu bù chi, tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Nếu là hoạt động dịch vụ công, thì Nhà nước đầu tư vốn, thẩm định kết quả thực hiện cụ thể rõ ràng như các tổ chức làm dịch vụ công khác. Và như thế sẽ tồn tại hai hệ thống hạch toán kinh tế trong mỗi lâm trường tùy theo hai chức năng dịch vụ công và sản xuất kinh doanh. Đây đồng thời cũng là nét riêng có của loại hình doanh nghiệp nhà nước trong lâm nghiệp. □



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

NHI LÊ

Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, tiếp tục nhìn lại và tổng kết một cách sâu sắc thực tiễn cách mạng trong quá trình đổi mới đất nước, không ngừng phát triển lý luận, nhất là về khoa học Xây dựng Đảng, tiếp tục hoạch định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nhân dịp kỷ niệm 57 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh nước ta, tháng 9-2002, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia ấn hành cuốn sách : *"Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước"* của đồng chí *Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Phụ trách công tác lý luận của Đảng, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương*. Với dung lượng 694 trang, khổ 15 x 22 cm, cuốn sách gồm gần 60 bài viết, với gần 26 vạn từ, đã được tác giả công bố trên các báo, tạp chí lý luận chính trị của Đảng, trong thời gian hơn 15 năm đất nước ta tiến hành sự nghiệp đổi mới.

*

* *

Tiếp nối và phát huy truyền thống lịch sử, sự lãnh đạo công cuộc đổi mới thành công hơn 15 năm qua là bước phát triển mới của Đảng ta trên tất cả các phương diện lý luận và tổ chức thực tiễn cách mạng, trong

bối cảnh, điều kiện mới của thời đại ngày nay. Để góp phần tổng kết một bước vấn đề trọng đại đó, cuốn sách được cấu trúc thành ba phần. Xuất phát từ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, tác giả trình bày, kiến giải các vấn đề cơ bản về sự vận động và phát triển của Đảng gắn chặt với phân tích và tổng kết thực tiễn công cuộc đổi mới hơn 15 năm qua dưới ngọn cờ của Đảng, nhìn nhận và dự báo những chuyển động có tính toàn cục hết sức phức tạp của tình hình thế giới ; từ đó, nhận diện và đề xuất những quan điểm, phương châm chỉ đạo và các biện pháp xây dựng Đảng ngang tầm công cuộc đổi mới trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

Mở đầu cuốn sách, *Phần Một* với nhan đề : *"Đổi mới - quy luật và nhu cầu phát triển của đất nước"*, tác giả phân tích những vấn đề về đường lối chung, phản ánh sự đổi mới tư duy lý luận chính trị của Đảng, nhấn mạnh đổi mới là quy luật và nhu cầu phát triển của đất nước ta. Với chuyên luận đầu tiên : *"Đại hội VI của Đảng mở ra thời kỳ phát triển mới của đất nước"*, tác giả luận chứng và khẳng định quyết tâm đổi mới, ý chí đoàn kết tiến lên của Đảng ta : Đổi mới là một yêu cầu khách quan, một đòi hỏi của chính thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước

ta, nhằm nhận thức đúng hơn về chủ nghĩa xã hội, khắc phục những mặt trì trệ, đẩy nhanh quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa một cách hợp quy luật, đạt hiệu quả cao, củng cố và tăng cường chủ nghĩa xã hội. Với tư cách là đảng cầm quyền lãnh đạo toàn xã hội trong điều kiện khó khăn của đất nước, tình hình quốc tế có nhiều biến động nhanh chóng và phức tạp, từ kinh nghiệm lịch sử cách mạng, trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, tác giả khẳng định : Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới ở nước ta. Đó vừa là quy luật, vừa là nhu cầu phát triển của đất nước. Nghiên cứu các văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng - Đại hội khởi xướng công cuộc đổi mới đất nước, tác giả khái quát : Đây là *mốc son* đánh dấu sự đổi mới quan trọng của Đảng ta trong lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ; đánh dấu *bước chuyển có ý nghĩa quyết định* trong việc nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn, sức mạnh và uy tín của Đảng ta, tăng cường khối đoàn kết, nhất trí trong Đảng, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân và bầu bạn quốc tế.

Từ tầm cao và ý nghĩa sâu sắc của Đại hội lần thứ VI của Đảng, bằng nhiều cách tiếp cận, nghiên cứu trên các phương diện khác nhau, tác giả giải quyết tương đối toàn diện các vấn đề khoa học cơ bản và chủ yếu chung quanh công cuộc đổi mới đất nước với tư cách là mục tiêu của tiến trình tự đổi mới, tự chỉnh đốn chính bản thân Đảng. Tác giả khẳng định : Đảng tự đổi mới không ngừng và toàn diện ngang tầm công cuộc đổi mới là một tất yếu *khách quan*, một *nhu cầu*, một *nhân tố quyết định* sự thành công của tiến trình đổi mới đất nước. Đó chính là một

trong những lĩnh vực cơ bản của sự đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội nói chung và đổi mới với toàn bộ công tác xây dựng Đảng nói riêng, bảo đảm không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong công cuộc đổi mới.

Với nhiều chuyên luận, tác giả nghiên cứu những vấn đề mang tầm chỉ đạo vĩ mô : *"Về phương hướng phát triển đất nước trong thời kỳ mới"*, *"Phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh"*, *"Định hướng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta"*, *"Giữ vững niềm tin đi con đường đã chọn"*, *"Một số vấn đề về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta"*, *"Đổi mới sâu sắc để tiếp tục tiến lên"*, *"Tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi soi sáng con đường xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam"*, *"Định hướng xã hội chủ nghĩa là văn hóa"*,... làm nền tảng phương pháp luận trong việc lý giải toàn bộ quá trình tìm tòi, khám phá sáng tạo xây dựng đường lối đổi mới của Đảng.

Mặt khác, tác giả tiếp tục giải quyết những yêu cầu và nhiệm vụ cấp bách trên bình diện tổ chức thực tiễn sáng tạo, tổng kết và phát triển lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong quá trình đổi mới : *"Tổng kết tốt kinh nghiệm để tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới"*, *"Quá trình đổi mới ở Việt Nam : thành tựu, khuyết điểm và bài học"*, *"Những bài học của mười năm đổi mới"*, *"Các quan điểm cơ bản chỉ đạo quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta"*, *"Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế"*, *"Sự nghiệp văn hóa ở nước ta : quan điểm và phương hướng phát triển"*... Qua các chuyên luận này, nổi bật lên một sự quyết tâm cao, nhất quán, khoa học và phù hợp trong việc

tiến hành sự nghiệp đổi mới, đặc biệt là đổi mới *tư duy lý luận chính trị, xây dựng đường lối phát triển đất nước* của Đảng ta, với điểm đột phá trước hết là đổi mới tư duy kinh tế và tổ chức thực tiễn phát triển về kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Qua nghiên cứu lý luận, tổ chức thực tiễn, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, thậm chí cả tranh luận gay gắt trong nội bộ; tổng kết từ cơ sở, trân trọng lắng nghe ý kiến nhân dân, học tập kinh nghiệm tốt của các nước..., Đảng ta xây dựng thành công một *đường lối chính trị* sáng tạo, đúng đắn, được thực tiễn thừa nhận và chứng minh, được nhân dân ủng hộ. Qua thực tiễn lãnh đạo và tổ chức thực tiễn công cuộc đổi mới theo đường lối chính trị ấy, Đảng ta không ngừng trưởng thành về mọi mặt, nhất là về tư tưởng và tổ chức.

Có thể nói, *Phần Một* cuốn sách đã góp phần nghiên cứu một cách cơ bản, luận chứng một cách khoa học về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta: từ định hướng xã hội chủ nghĩa tới mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, những giải pháp thực hiện, *xét trên cả hai phương diện lý luận và tổ chức thực tiễn*. Đó chính là thành công cơ bản, có ý nghĩa quyết định của Đảng trong tiến trình lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới đất nước hơn 15 năm qua. Và, đó cũng là bước *phát triển và trưởng thành to lớn và toàn diện* của Đảng trong sứ mệnh là người khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Một cách lô-gích, *Phần Hai* cuốn sách có nhan đề: *"Công cuộc đổi mới và vai trò lãnh đạo của Đảng"*, tác giả đề cập và từng bước giải quyết những vấn đề cơ bản: về bản chất của Đảng, các quy luật, các nguyên tắc xây

dựng Đảng trong công cuộc đổi mới, từ đó làm nổi bật sự cần thiết khách quan về vị trí, vai trò và những phẩm chất cần có của một đảng cầm quyền trước yêu cầu phát triển mới của đất nước làm cơ sở cho việc phân tích, luận giải về mối quan hệ tất yếu giữa sự lãnh đạo của Đảng với công cuộc đổi mới, xét trong chỉnh thể toàn bộ sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Với các chuyên luận: *"Công cuộc đổi mới và vai trò lãnh đạo của Đảng"*, *"Vì sao Đảng ta kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin?"*, *"Giá trị bền vững của học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội"*, *"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cầm quyền"*, *"Hiểu thế nào về bản chất Đảng ta"...*, tác giả đã nghiên cứu nền tảng tư tưởng chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng làm cơ sở soi sáng việc khảo sát thực tiễn công cuộc đổi mới, tổng kết kinh nghiệm, phát triển lý luận nhằm tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Với xuất phát điểm đó, tác giả tổng kết một cách cơ bản trên bình diện tổ chức thực tiễn vĩ mô: *"Kinh tế thị trường và vai trò lãnh đạo của Đảng"*, *"Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa thật sự của dân, do dân và vì dân"*, *"Cải cách nền hành chính quốc gia: quan điểm và giải pháp"*, *"Liên hệ chặt chẽ với quần chúng - một bài học lịch sử vô giá"*, *"Đảng và quần chúng trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội"*, *"Sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân"*, *"Một số bài học về xây dựng Đảng trong những năm đổi mới"...* Đồng thời, tác giả phê phán những nhận thức lệch lạc, những tư tưởng sai lầm, những luận điệu thù địch cố tình xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bôi nhọ Đảng, phủ định sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng: *"Luận điệu mới của các thế lực chống Đảng Cộng sản"*, *"Về nguyên tắc tập*

trung dân chủ trong Đảng", "Vì sao Đảng Cộng sản Liên Xô tan rã ?", v.v., hợp thành một hệ thống các vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản và chủ yếu của công tác xây dựng Đảng trong công cuộc đổi mới, hơn 15 năm qua.

Có thể nói, qua Phần Hai cuốn sách, chúng ta có thể hình dung một cách toàn diện, cơ bản và cụ thể không chỉ quy mô, tốc độ, tính chất và ý nghĩa của công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà ở tầm bao quát và sâu sắc hơn là, nhận thức ngày càng đúng đắn và chuẩn xác những quy luật và những vấn đề mang tính quy luật của công tác xây dựng Đảng, với tư cách là một khoa học, một công tác then chốt có ý nghĩa quyết định thắng lợi trong mối liên hệ hữu cơ với toàn bộ công cuộc đổi mới đất nước, mà Đảng là người khởi xướng và lãnh đạo thành công. Tác giả khẳng định : Có được những thành tựu đó là do Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đường lối lãnh đạo đúng đắn, đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện Việt Nam. Qua đó, Đảng ta ngày càng được tôi luyện và trưởng thành không ngừng đáp ứng tốt những yêu cầu, nhiệm vụ mới của cách mạng nước ta. Từ thực tiễn lãnh đạo công cuộc đổi mới, một bài học được khắc sâu và ngày càng sáng tỏ : *Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới ; và, chính trong quá trình lãnh đạo và tổ chức thực tiễn công cuộc đổi mới mà Đảng ngày càng phát triển, trưởng thành.* Nói cách khác, qua thực tiễn lãnh đạo công cuộc đổi mới, chúng ta nhận rõ hơn vị thế và tầm vóc, dung mạo và tố chất, bản lĩnh chính trị và sự nhạy bén thời cuộc, uy tín xã hội và năng lực thực tế, sự trung thành vô hạn với sức sáng tạo không ngừng của Đảng ta.

Phần Ba cuốn sách góp một cách tiếp cận và phân tích nhằm làm rõ và sâu sắc hơn những nhận định đúng đắn, nhạy cảm của Đảng ta trong việc dự báo một thời kỳ mới, với những cơ hội và thách thức, trong thế kỷ XXI, đòi hỏi Đảng phải chuẩn bị toàn diện để đương đầu và giải quyết : *"Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng"*, như phần kết, khép lại cuốn sách.

Trên cơ sở nhận định tình hình thế giới và bối cảnh trong nước, tác giả viết : Là đảng cầm quyền lãnh đạo toàn xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường và tình hình quốc tế có nhiều biến động nhanh chóng và phức tạp, Đảng ta ý thức rất rõ trách nhiệm và vinh dự của mình đối với đất nước và dân tộc. Đại hội VI của Đảng khởi xướng công cuộc đổi mới. Tiếp mạch nguồn đó, Đại hội VII của Đảng thông qua *"Chương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"*. Đại hội VIII và IX của Đảng tiếp tục khẳng định con đường đi lên của cách mạng nước ta là : Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tác giả nhận định : Cả ba Đại hội nối tiếp nhau tiếp tục đi một con đường : độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Đó là cuộc hành trình lớn và thành công của Đảng trong sự nghiệp lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước hơn 15 năm qua. Bước sang thế kỷ XXI, bên cạnh những cơ hội và thuận lợi lớn, có không ít khó khăn và thách thức lớn đòi hỏi Đảng ta phải luôn luôn vững vàng về bản lĩnh chính trị, tính kiên định cách mạng, tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo ; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ; nắm bắt và tổng kết thực tiễn sáng tạo của nhân dân, kịp thời

đề ra các chủ trương đúng đắn, khơi dậy và phát huy hiệu quả tiềm năng to lớn của nhân dân. Đảng phải tiếp tục xứng đáng với vai trò chiến sĩ cách mạng tiên phong.

Xuất phát từ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng ; từ thực tiễn đất nước, bối cảnh thời đại và những thành tựu khoa học tiên bộ, tác giả góp phần kiến giải sâu sắc hơn những phương hướng, phương châm và các biện pháp vừa cơ bản, lâu dài vừa cấp bách, trước mắt nhằm không ngừng nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nếu chuyên luận *"Liên hệ chặt chẽ với quần chúng - một bài học lịch sử vô giá"* mở đầu Phần Hai thì Phần Ba được bắt đầu bằng chuyên luận *"Tăng cường mối liên hệ giữa đảng viên và quần chúng"* như một lời khẳng định chân lý : Đảng ta là đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân, là đại biểu trung thành cho lợi ích của toàn thể nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam. Đó là ngọn nguồn sức mạnh của Đảng ta. Do đó, xây dựng *cơ sở xã hội - chính trị* vững mạnh của Đảng luôn là nhân tố quyết định sự sống còn của Đảng, của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng là người lãnh đạo ; đồng thời, cũng là người con ưu tú của dân tộc, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Đó không chỉ là quy luật mà còn là nhu cầu phát triển tất yếu của dân tộc Việt Nam và của chính bản thân Đảng khi được nhân dân trao cho sứ mệnh lịch sử cao cả và thiêng liêng: *Người duy nhất đủ uy tín và năng lực lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam*. Đó cũng chính là mục tiêu xuyên suốt cách mạng nước ta, là phương hướng chỉ đạo toàn bộ công tác xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ công cuộc cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới, như

Đại hội lần thứ IX của Đảng khẳng định : *Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*.

Để góp phần thực hiện nhiệm vụ trọng đại đó, tác giả dành sự ưu tiên thỏa đáng nghiên cứu những vấn đề lý luận mang tầm chỉ đạo vĩ mô : *"Phát huy những truyền thống tốt đẹp của Đảng trong thời kỳ đổi mới"*, *"Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng"*, *"Phấn đấu thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng"*, *"Đánh giá đúng tình hình để có giải pháp chính xác"*... Trên cơ sở đó, tác giả đặt ra và giải quyết khá thấu triệt các vấn đề về quy luật và tính quy luật trong các biện pháp xây dựng Đảng vững mạnh toàn diện gắn chặt với công cuộc đổi mới.

Các vấn đề chung, bao trùm và xuyên suốt yêu cầu và nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng : *"Để làm trong sạch đội ngũ của Đảng"*, *"Điều kiện bảo đảm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng"*, *"Cơ chế thị trường và vấn đề cán bộ"*... gắn chặt với việc tổng kết những lĩnh vực lý luận cơ bản của khoa học xây dựng Đảng : *"Tổng kết thực tiễn - một nhiệm vụ trọng yếu của công tác lý luận hiện nay"*, *"Một số vấn đề rút ra từ thực tiễn công tác cán bộ trong những năm đổi mới"*, *"Để bảo đảm dân chủ trong Đảng"*, *"Cái làm nên uy tín đảng viên"*... được tác giả thể hiện một cách sinh động và kiến giải khúc chiết. Mặt khác, xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, tác giả đặt ra và giải quyết những nhiệm vụ cấp bách nhưng hết sức quan trọng của công tác xây dựng Đảng, trong tình hình mới : *"Vấn đề cán bộ : Vì sao 'đổi' nhiều mà ít 'mới' ?"*, *"Chức vụ và uy tín"*, *"Bản lĩnh chính trị của người cán bộ"*

lãnh đạo", "Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ", "Tạo bước chuyển mới trong việc học tập lý luận của cán bộ, đảng viên", "Công tác tư tưởng văn hóa đối với thế hệ trẻ"...

Ở chừng mực nào đó, có thể nói, Phần Ba cuốn sách đã phác thảo một cách tổng thể và mạch lạc phương hướng, phương châm và những biện pháp mang tính khả thi cao vừa cơ bản vừa cấp bách nhằm xây dựng Đảng ngang tầm thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong tầm nhìn 2020 - năm nước ta phấn đấu cơ bản trở thành một nước công nghiệp, theo hướng hiện đại - như *"Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"*, do Đại hội lần thứ VII của Đảng hoạch định. Đó chính là một bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong những thập niên đầu thế kỷ XXI.

*
* *

Hơn 15 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã và đang tiếp tục tiến lên chủ nghĩa xã hội với một *tương quan mới, vị thế mới, tốc độ mới*; và, tầm mình trong công cuộc đổi mới, với tư cách vừa là người khởi xướng vừa là người lãnh đạo vừa là người tổ chức thực tiễn, Đảng ta *không ngừng phát triển và trưởng thành vượt bậc một cách toàn diện*. Theo đó, công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tiến những bước quan trọng, đưa nước ta bước vào một *thời kỳ phát triển mới, với một vị thế mới, tương quan mới và một gia tốc mới*. Nói như các đồng chí và bầu bạn quốc tế tại Diễn đàn Đại hội lần thứ VIII và IX của Đảng ta: "Đường lối đổi mới... là con đường

của người mở đường mới mẻ trong lịch sử... mà chưa một ai đi qua", "là con đường phù hợp với thực tế Việt Nam" ⁽¹⁾; "thắng lợi của đổi mới ở Việt Nam có ý nghĩa quốc tế, có tầm quan trọng lịch sử ở mức độ góp phần quyết định tương lai của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới" ⁽²⁾. Tất cả những "điều đó chứng tỏ hùng hồn khả năng của Đảng các đồng chí trong việc xử lý những thay đổi ở trong nước, trong khu vực và trên thế giới, đồng thời giữ gìn bản sắc cách mạng cả về thực tiễn và lý luận" ⁽³⁾.

Góp phần tổng kết 15 năm đổi mới và tiếp tục hoạch định con đường phát triển đất nước, nhằm làm phong phú hơn kho tàng lý luận của Đảng ta, ở một góc độ nào đó, có thể nói, cuốn sách *"Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước"* của đồng chí Nguyễn Phú Trọng là một *công trình có tầm vóc lớn và rất quý giá*; xét trên nhiều bình diện, như là một *bản tổng kết tương đối toàn diện và khá sâu sắc về lý luận và thực tiễn của công tác xây dựng Đảng* - một trong những vấn đề khó khăn nhất nhưng cơ bản nhất và có ý nghĩa quyết định sự thành công của sự nghiệp đổi mới. Với tầm bao quát vĩ mô song cũng rất thiết thực và cụ thể, cuốn sách còn mang ý nghĩa *chỉ đạo* đối với việc thực hiện các vấn đề vừa cơ bản vừa bức xúc trong công tác xây dựng Đảng nhằm không ngừng xây dựng Đảng vững mạnh ngang tầm sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong những thập niên đầu thế kỷ XXI. □

(1) Lời chào mừng Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 53

(2) A.Li-lốp: "Việt Nam biểu tượng của thế kỷ XX", Báo Nhân dân, số ra ngày 20-9-2000, tr 5

(3) Lời chào mừng Đại hội VIII Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 114



KINH TẾ LIÊN BANG NGÀ

trong những năm cải cách thị trường

NGUYỄN TIẾN NGHĨA

CUỘC cải cách nền kinh tế được thực hiện ở Liên bang Nga đến nay đã hơn mười năm. Về cuộc cải cách này, có ý kiến cho rằng, nó đã làm cho kinh tế đất nước chẳng những không phát triển được, mà còn bị rơi vào tình trạng suy thoái nặng nề. Có đánh giá khác lại khẳng định, đây thực sự là một cuộc cách mạng kinh tế... Những ý kiến này tuy khác nhau và từ các góc độ khác nhau, nhưng trong một chừng mực nào đó đã phản ánh khá đúng thực trạng nền kinh tế Nga trong hơn mười năm qua. Một nền kinh tế Nga suy thoái trong gần suốt những năm 90 và một nền kinh tế Nga khởi sắc từ 1999 đến nay.

1. Nhằm nhanh chóng chuyển sang nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, đầu những năm 90, Nga đã tiến hành những cải cách theo "liệu pháp sốc" với ba hướng chủ yếu là tự do hóa kinh tế, tư nhân hóa và hạn chế tối đa vai trò điều tiết của nhà nước. Song, do áp dụng một cách máy móc, vội vàng mô hình cải cách thị trường tự do của phương Tây vào thực tế nước Nga - nơi mà mức độ kế hoạch hóa của nền kinh tế tập trung rất cao và yếu tố thể chế thị trường còn quá thấp, nên những cải cách ban đầu đã bị thất bại; và, kinh tế Nga vì thế mà đắm chìm vào suy thoái trầm trọng. Trong nhiều năm liên tục, GDP luôn ở mức âm. Năm 1990 GDP là -2%, năm 1991 : -15%, năm 1992 :

-18,5%, năm 1993 : -15,5%, năm 1994 : -12,6%, năm 1995 : - 6%. Sau một thời gian dài kinh tế suy thoái, tới năm 1997, GDP lần đầu tiên tăng 0,9%, so với năm 1996, và đạt 0,4%(1). Tuy nhiên, dấu hiệu khởi sắc này lại quá ngắn ngủi. Do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á (7-1997) cộng với sự yếu kém vốn có của nền kinh tế, tới tháng 8-1998, nước Nga đã rơi vào khủng hoảng tài chính - tiền tệ. Theo số liệu của Ủy ban Thống kê quốc gia Nga, từ năm 1990 đến năm 1997, GDP của Nga thấp hơn 10 lần so với Mỹ, 5 lần so với Trung Quốc. Xuất khẩu - hoạt động mũi nhọn của nền kinh tế - tuy không bị ảnh hưởng nhiều trong những năm khủng hoảng, nhưng vẫn giảm 0,2 lần, dịch vụ giảm 1,5 lần, xây dựng và đầu tư giảm 3 lần, chi phí quân sự giảm 4 lần, các chi tiêu xã hội, mức tiêu dùng của người dân, sản xuất nông nghiệp giảm từ 1,7 đến 1,8 lần, giao thông vận tải và viễn thông giảm 2 lần(2). Kinh tế suy thoái dẫn đến đời sống của người dân giảm sút. Hệ số phân hóa dân cư theo mức thu nhập tăng từ 8,0 (1992) lên 13,9 (1998). Tỷ lệ người có thu nhập dưới mức sống tối thiểu (dưới 1 USD/ngày) giảm không đáng kể, từ 33,5% (1992) xuống

(1) Xem Tạp chí *Nhà kinh tế*, số 1-2002, tr 12 (tiếng Nga)

(2) Xem Thông tấn xã Việt Nam : *Tài liệu tham khảo*, số 5-2002, tr 14

29,9% (1998). Tỷ trọng tiền lương trong tổng thu nhập từ 69,9% (1992) giảm xuống 36,0% (1998)(3)...

Tình trạng ảm đạm của nền kinh tế Nga trong những năm đầu cải cách do nhiều nguyên nhân, trong đó phải kể đến một số nguyên nhân cơ bản như :

- Nga chưa xây dựng được một chiến lược phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, rõ ràng. Các mục tiêu và biện pháp tiến hành cải cách không đạt được sự đồng bộ nhất định. Việc thực hiện vội vàng những biện pháp cải cách kinh tế - xã hội theo "liệu pháp sốc" đã làm cải cách mất phương hướng. Việc đẩy nhanh quá trình tư nhân hóa, trong khi thiếu vắng sự đồng bộ về thể chế chính sách kinh tế - xã hội và luật pháp là cơ hội cho tệ nạn tham nhũng hoành hành...

- Nga chưa thâm nhập được vào thị trường thế giới và chưa đủ khả năng cung cấp các loại sản phẩm có sức cạnh tranh. Thị phần của Nga về công nghệ cao trên thế giới chỉ chiếm 1% so với 36% của Mỹ và 30% của Nhật Bản. Khoảng 70% thiết bị máy móc đã hoạt động hơn 10 năm mà chưa được đổi mới ; việc đầu tư vào khu vực sản xuất sụt giảm 5 lần, trong đó đầu tư vào vốn cố định giảm 3,5 lần.

- Trong khi nợ nước ngoài của Nga rất lớn (năm 1998, Nga đứng đầu thế giới về mức độ nợ, chiếm đến 80% GDP) thì tình trạng chảy vốn ra bên ngoài lại diễn ra với số lượng không nhỏ, khoảng 20 tỉ USD mỗi năm. Các luồng vốn bị tẩu tán hoặc có liên quan đến nạn rửa tiền bất hợp pháp, hoặc xuất phát từ những hoạt động kinh doanh trốn lậu thuế. Nhưng, nguyên nhân sâu xa của tình trạng này là do sự bất ổn định kéo dài về chính trị - xã hội trong nước ; sự yếu kém của hệ thống tài chính - ngân hàng ; sự kiểm soát thiếu chặt chẽ trong lĩnh vực thuế quan và tiền tệ...

Hậu quả của cải cách trong những năm 90 của thế kỷ XX đối với nền kinh tế Nga là quá

nặng nề. Tuy nhiên, những cải cách đó cũng đã bước đầu tạo ra những cơ sở quan trọng của nền kinh tế thị trường (như việc xuất hiện khu vực kinh tế tư nhân trong các ngành kinh tế) và những tiền đề cho việc mở rộng các loại hình kinh tế thị trường (như thị trường hàng hóa, thị trường vốn, thị trường sức lao động, thị trường công nghệ...). Trong hai năm cuối cùng của thế kỷ XX, hàng loạt những cải cách trên nhiều lĩnh vực đã bắt đầu được thực hiện đồng bộ và mạnh mẽ, đặc biệt là từ khi ông V. Pu-tin lên nhậm chức Tổng thống Liên bang Nga (3-2000). Điểm lại, đó là những biện pháp cải cách thể chế hành chính, cải cách tòa án và bộ máy quản lý nhà nước nhằm nâng cao quyền lực của nhà nước trung ương, khắc phục sự chia rẽ giữa trung ương và địa phương cũng như sự phân tán địa phương, tăng cường sự thống nhất giữa Chính phủ và Đu-ma quốc gia trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng ; là những biện pháp cải cách kinh tế mang tính đột phá, như thông qua mức thuế thu nhập đồng loạt là 13% (mức thấp nhất ở châu Âu) thay cho mức thu từ 12% đến 30% như trước đây để thu hút đầu tư nước ngoài cũng như huy động được các nguồn vốn trong nước, giảm bớt tình trạng trốn thuế ; ổn định đồng rúp và chống lạm phát ; triển khai chiến lược sản xuất hàng thay thế nhập khẩu nhằm khuyến khích sản xuất trong nước và hạn chế nhập khẩu những mặt hàng có thể sản xuất được ; đẩy mạnh hoạt động sản xuất và xuất khẩu vũ khí ; tư nhân hóa đất đai ; giải quyết vấn đề lương, nâng lương cho cán bộ, công chức và người về hưu ; tích cực hội nhập kinh tế khu vực và kinh tế thế giới...

2. Những nỗ lực của Chính phủ Nga trong việc thực hiện đồng bộ những biện pháp trên đây cùng với việc giá dầu mỏ - mặt hàng xuất

(3) Xem Tạp chí *Nhà kinh tế*, số 1-2002, tr 8 (tiếng Nga)

khẩu chủ đạo của Nga (nước đứng thứ hai trên thế giới về sản xuất dầu mỏ) - trên thị trường thế giới tăng cao là những nhân tố mang lại sự khởi sắc cho nền kinh tế Nga. Nếu năm 1999, mức tăng trưởng GDP của Nga mới chỉ đạt 1,8% thì sang năm 2000, kinh tế Nga đã đạt mức tăng cao nhất kể từ sau khi Liên Xô sụp đổ, là 8,3%. Lạm phát giảm mạnh, từ 36,5% (1999) xuống còn 20%. Kim ngạch xuất khẩu tăng 44,5%, đạt 82,2 tỉ USD, trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu tăng 9%, đạt 34,7 tỉ USD; nhờ vậy, thặng dư thương mại đạt mức kỷ lục 47,5 tỉ USD⁽⁴⁾. Đây là điều kiện quan trọng góp phần giải quyết việc tăng đầu tư trong nước, trả nợ lương, tăng lương, trả nợ nước ngoài đúng hạn mà không phải vay thêm tiền của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF). Với những dấu hiệu khả quan này, Nga được nhiều nhà kinh tế phương Tây đánh giá là nước có tốc độ phát triển kinh tế nhanh nhất thế giới thời kỳ hậu khủng hoảng tài chính 1997 - 1998. Trên tờ *Tiêu điểm* ("Le Point" Pháp) số tháng 6-2000, Ông J. Lơ-mi-re, Chủ tịch Ngân hàng xây dựng và phát triển châu Âu (BERD) đã nói: "Nước Nga đang trở lại: sự tăng trưởng là đây, ngân sách vững vàng, nợ nước ngoài đã trả... Cách đây ba năm, không ai dám nghĩ rằng đó là điều có thể".

Những thành quả kinh tế đạt được trong hai năm cuối cùng của thế kỷ XX là hành trang để Nga bước vào thế kỷ mới. Năm 2001, GDP tuy có giảm xuống so với năm 2000, nhưng vẫn đạt ở mức cao: 5,5%, sản xuất công nghiệp tăng hơn 10%, tổng sản phẩm nông nghiệp tăng 6,8%, kinh tế ngầm giảm (hiện chỉ chiếm 18% GDP, năm 2000, con số đó là 25%). Tổng số nợ nước ngoài của Nga từ 160 tỉ USD (1999) giảm xuống còn 138 tỉ USD (2001). So với năm 2000, thì năm 2001 số người thất nghiệp giảm 9,4%, thu nhập thực tế của người dân tăng 6%. Báo cáo về những thắng lợi trong việc thực

hiện chính sách kinh tế của Chính phủ trước Đu-ma quốc gia (30-11-2001), Thủ tướng Nga M. Ca-xi-a-nốp khẳng định: "Sau một thời kỳ đình đốn kéo dài, suy thoái và hết cuộc khủng hoảng này đến cuộc khủng hoảng khác, cuối cùng nền kinh tế Nga đã đạt được nhịp độ phát triển tích cực. Đây là những thành tựu... có thể đưa nền kinh tế thoát khỏi các loại rủi ro. Nhiệm vụ chủ yếu của Chính phủ hiện nay là duy trì sự phát triển kinh tế năng động và tạo ra những điều kiện để tiếp tục tăng trưởng kinh tế vững chắc trong tương lai"⁽⁵⁾. Theo báo cáo của Bộ phát triển kinh tế Nga, trong năm tháng đầu năm 2002, kinh tế Nga đạt mức tăng trưởng 3,7%, lạm phát kiềm chế ở mức 8,4%, bội thu ngân sách đạt mức tương đương 1,3 - 1,4% GDP, dự trữ ngoại tệ tăng 16%, đạt 42,5 tỉ USD, phúc lợi nhân dân tăng 9,5% so với 4,4% cùng kỳ năm ngoái⁽⁶⁾.

Tuy nhiên, những thành tựu mà Nga đạt được trong mấy năm qua không có nghĩa là mọi vấn đề của kinh tế vĩ mô và cơ cấu nền kinh tế đã được giải quyết triệt để. Ngược lại, nhiều vấn đề vẫn tiếp tục thách thức Nga, vẫn khiến kinh tế nước này rất dễ bị tổn thương trước những "cú sốc" mới. Về mức tăng trưởng kinh tế trong năm nay, Chính phủ hy vọng vào khả năng GDP sẽ tăng 4%, nhưng các nhà kinh tế đưa ra dự báo không mấy lạc quan: năm 2002, GDP chỉ đạt khoảng 3,2%. Tạp chí *"Thế giới năm 2002"* (Pháp) sau khi phân tích hiện trạng kinh tế Nga, đã dự báo mức tăng GDP của nước này là 3,8%⁽⁷⁾, còn

(4) Xem *Kinh tế thế giới 2000-2001: Đặc điểm và triển vọng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 271

(5) Xem Báo *Thương mại*, 5-12-2001 (tiếng Nga)

(6) Xem Thông tấn xã Việt Nam: *Tin thế giới*, 25-6-2002, tr 22-23

(7) Xem Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu tham khảo*, số 1-2001, tr 49

(8) Xem Thông tấn xã Việt Nam: *Tin tham khảo thế giới*, 20-4-2002, tr 15

theo IMF, con số đó là 3,6%(8). Về mức tăng GDP của Nga trong các năm tiếp theo, người ta cũng đưa ra những dự báo rất khác nhau. Gạt sang một bên sự khác nhau của các dự báo này, thì những con số đưa ra đều cho thấy, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nga đã chậm lại và có dấu hiệu sụt giảm. Đây là lý do khiến các chuyên gia đi đến nhận định rằng, tốc độ phát triển kinh tế của Nga mấy năm gần đây tuy cao nhưng thiếu tính ổn định. Lý giải điều này, một số ý kiến cho là các yếu tố tích cực có được sau khủng hoảng tạo nên sự tăng trưởng đột biến trong năm 2000, đến nay đã hết. Một số khác khẳng định rằng, khủng hoảng kinh tế - xã hội ở Nga vẫn chưa hoàn toàn được khắc phục... Tựu trung lại, điều đó được cắt nghĩa bởi thực tế nước này vẫn còn phải đối diện với rất nhiều vấn đề nan giải :

- Cơ cấu kinh tế mất cân đối, thiên về xuất khẩu nguyên liệu, nhiên liệu, chủ yếu là dầu mỏ, dẫn đến sự phụ thuộc của các chỉ số kinh tế vĩ mô vào giá dầu mỏ trên thế giới. Theo tính toán, giá mỗi thùng dầu giảm 1 USD, thì ngân sách của Nga sẽ thất thu khoảng 400 triệu USD.

- Quy mô đầu tư vốn cơ bản không tương xứng với nhu cầu thực tế của công cuộc cải cách và hiện đại hóa bộ máy sản xuất. Tình trạng lạc hậu phổ biến của máy móc, thiết bị dẫn đến việc sản phẩm làm ra bị hàng nhập khẩu lấn lướt ngay tại thị trường trong nước.

- Cơ sở hạ tầng của Nga đã bị xuống cấp nghiêm trọng. Để khắc phục tình trạng đó, Nga cần ít nhất 100 tỉ USD. Đây là một thách thức lớn đối với nền kinh tế Nga, vì con số này lớn hơn 4 lần ngân sách hằng năm.

- Nợ nước ngoài vẫn là một gánh nặng đối với kinh tế Nga. Tính đến 1-4-2002, Nga vẫn còn nợ nước ngoài 128,3 tỉ USD. Trong khi đó, theo thống kê của ngành cảnh sát thuế Liên bang, các luồng vốn vẫn đang chảy khỏi

nước Nga một cách bất hợp pháp với tốc độ ít nhất là từ 1 đến 1,5 tỉ USD/ tháng.

- Nạn tham nhũng phát triển tràn lan. Theo điều tra của quỹ "Indem" về tệ tham nhũng ở Nga hiện nay, khối lượng chung của "thị trường dịch vụ" tham nhũng trong kinh doanh năm 2001 là 33,5 tỉ USD, trong khi đó thu nhập của ngân sách liên bang năm 2000 chỉ khoảng 40 tỉ USD(9). Trên báo "Sự thật thanh niên" (Nga) số ra ngày 21-2-2002, các chuyên gia phương Tây cho rằng, nạn tham nhũng là trở ngại chính cho sự phát triển kinh tế Nga, 75% số quan chức nhà nước nhận hối lộ, gần 60% nguồn tài chính của các xí nghiệp do các băng đảng tham nhũng kiểm soát.

- Một bộ phận đông đảo nhân dân lâm vào cảnh sống khó khăn. Số người nghèo và quá nghèo chiếm đến 77,5% dân số. Sự phân tầng xã hội ngày càng sâu sắc. Những điều tra mới đây cho thấy, chênh lệch thu nhập của 10% gia đình giàu nhất và 10% gia đình nghèo nhất là 24 lần(10), tức là gần gấp ba lần ngưỡng mà người ta thường coi là một tình thế dẫn đến cách mạng xã hội.

Nếu những vấn đề trên đây không được khắc phục thì tính chất phát triển thiếu ổn định của nền kinh tế Nga sẽ càng gia tăng, màu sáng trên bức tranh kinh tế của Nga những năm tới rất có thể sẽ mờ dần đi.

3. Để cải thiện tình hình, ngay từ tháng 11-2000, Hội đồng nhà nước Nga đã thảo luận và thông qua Chiến lược phát triển kinh tế dài hạn đến năm 2010 và khẳng định mục tiêu chiến lược : thiết lập một nhà nước mạnh, có hiệu quả. Nhiệm vụ quan trọng được đặt ra là, duy trì mức độ tăng trưởng kinh tế một cách vững chắc với tốc độ trung bình hằng

(9) Xem Thông tấn xã Việt Nam : *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, 10-6-2002, tr 10

(10) Xem Tạp chí *Đối thoại*, số 4-2002, tr 30 (tiếng Nga)

năm ít nhất là 5%. Nếu tốc độ tăng trưởng thấp hơn, thì không thể hy vọng vào khả năng trong vòng 10 - 15 năm tới Nga sẽ tạo ra những đột phá hay bước nhảy vọt nào về kinh tế. Trong Thông điệp liên bang thứ ba, đọc trước đại biểu của hai viện Quốc hội và các thành viên Chính phủ hồi tháng tư vừa qua, Tổng thống V. Pu-tin đã chỉ thị cho Chính phủ phải thông qua những mục tiêu "tham vọng" hơn trong chính sách kinh tế. Ông V. Pu-tin nhấn mạnh, để trở thành một nước có kinh tế mạnh, đủ sức cạnh tranh với tất cả các nước trên thế giới, có vị thế xứng đáng trên trường quốc tế, kinh tế Nga phải tăng trưởng với tốc độ nhanh hơn, không dưới 8% mỗi năm, có như vậy thì trong vòng 15 năm tới, Nga mới hy vọng đuổi kịp Bồ Đào Nha, một nước nghèo nhất thuộc Liên minh châu Âu (EU). Trả lời phỏng vấn hãng tin Roi-tơ ngày 18-4, Thủ tướng Nga M. Ca-xi-a-nốp cho hay, Nga có khả năng đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức 8% mỗi năm. Tuy nhiên, ông cũng cảnh báo rằng, tốc độ này có thể sẽ dẫn đến những nguy cơ khác, như mâu thuẫn trong xã hội sẽ tăng lên, "tính độc tài" sẽ lớn hơn... Vậy nên, để tránh các rủi ro có thể xảy ra và bảo đảm khả năng phát triển ổn định, theo ông M. Ca-xi-a-nốp, Chính phủ Nga cần chọn hướng đi khác phù hợp với thực tế hơn, tức là duy trì mức tăng trưởng kinh tế khoảng 3,5 - 4,5% trong những năm tới. Còn theo đánh giá của nhiều chuyên gia, để khắc phục tình trạng lạc hậu hơn (từ 25 - 30 năm) so với các quốc gia phát triển, kinh tế Nga trong thập niên này phải đạt tốc độ tăng trưởng không dưới 10% mỗi năm. Nếu nền kinh tế Nga chỉ tăng trung bình hằng năm 4% như hiện nay và cho dù tỷ lệ lạm phát có giảm xuống bằng mức trung bình của EU trong 10 năm qua, thì Nga vẫn sẽ không thể đuổi kịp Bồ Đào Nha cho đến tận năm 2065.

Vậy là, vấn đề tăng trưởng kinh tế với tốc độ nào vẫn còn đang được tranh luận. Song, điều quan trọng nhất được Chính phủ thống

nhất là, các biện pháp cải cách tiếp theo sẽ phải tập trung vào những nội dung chủ yếu sau đây : Giữ vững ổn định chính trị để phát triển kinh tế ; cải tổ bộ máy hành chính nhà nước nhằm giảm bớt tình trạng quan liêu, tham nhũng ; tiếp tục cải cách kinh tế thị trường trên cơ sở hoàn thiện các chính sách pháp luật và tăng cường vai trò điều tiết của nhà nước ; chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế theo hướng xã hội hậu công nghiệp ; tăng cường đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, khoa học, giáo dục và y tế ; thi hành chính sách chống độc quyền và khuyến khích hoạt động kinh doanh nhỏ và vừa ; đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu vũ khí, đẩy nhanh những hoạt động gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO)...

Trong quá trình triển khai các biện pháp trên, tuy phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, nhưng Nga cũng có không ít ưu thế và thuận lợi để phát triển kinh tế trong thập niên đầu tiên của thế kỷ này, như : nguồn nhân lực đông đảo, có trình độ cao ; tiềm năng khoa học và giáo dục to lớn ; tài nguyên thiên nhiên giàu có ; nguồn vốn trong nước dồi dào ; công nghệ chế tạo máy bay, tên lửa, tàu vũ trụ rất phát triển ; vị thế địa - chính trị chiến lược như hành lang nối liền Đông - Tây... Ngoài ra, việc Nga được Hoa Kỳ chính thức công nhận là "một nền kinh tế thị trường" kể từ ngày 1- 4-2002, sự trở lại nước Nga của các nhà đầu tư lớn trên thế giới sẽ tạo thêm nhiều cơ hội và khả năng mới cho nước này đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng như lộ trình gia nhập WTO vào cuối năm tới.

Với việc khai thác có hiệu quả những lợi thế vốn có và thực hiện một cách đồng bộ các biện pháp mang tính chiến lược về cải cách kinh tế - xã hội đã được thông qua, hy vọng rằng, Liên bang Nga sẽ dần vượt qua những trở ngại hiện nay, từng bước phát triển vững chắc, giành lại vị thế xứng đáng với tiềm năng to lớn và vị trí quan trọng của mình trên thế giới. □

Hội thảo khoa học : "CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG THẾ KỶ XX - NHỮNG KINH NGHIỆM LỊCH SỬ"

N GÀY 31-8-2002, tại Thành phố Hà Nội, Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội phối hợp với Ban chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Nhà nước KX 08-09 về *"Triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI"* tổ chức hội thảo với chủ đề : *"Chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XX - những kinh nghiệm lịch sử"*.

Tham dự hội thảo có đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Nội ; các giáo sư, tiến sĩ, các nhà khoa học của Hội đồng lý luận Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản, Ban Tuyên giáo Thành ủy và một số cơ quan nghiên cứu của Thành phố Hà Nội.

Nội dung các tham luận được trình bày tại Hội thảo xoay quanh các vấn đề : Chủ nghĩa xã hội - lý tưởng và hiện thực ; Cách mạng Tháng Mười Nga và ý nghĩa của nó ; những thành tựu và vấn đề của chủ nghĩa xã hội hiện thực ; những bài học kinh nghiệm về các vấn đề kinh tế, hệ thống chính trị, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội với quan hệ giai cấp - dân tộc, chủ nghĩa xã hội với vấn đề tôn giáo và về xây dựng Đảng... Khẳng định những giá trị tốt đẹp mà chủ nghĩa xã hội đã mang lại cho loài người, các tham luận đã khắc sâu những thành tựu to lớn mà Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt được trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, khoa học, giáo dục, văn hóa, phúc lợi xã hội, quan hệ con người... suốt gần chín thập kỷ của thế kỷ XX. Qua thực tiễn, mô hình chủ nghĩa xã hội của Liên Xô và một số nước ở Đông Âu sụp đổ là một tổn thất vô cùng lớn lao đối với nhân loại, với phong trào cách mạng thế giới trong thế kỷ XX. Các tham luận chỉ rõ một số nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ đó :

- Một số khuyết điểm về xây dựng chủ nghĩa xã hội nảy sinh và phát triển do bộ máy hành chính quan liêu để kéo dài, chậm được sửa chữa.
- Các phát minh, sáng chế cải tiến, đổi mới công nghệ của các nhà khoa học, các nhà kinh tế không được xem xét và áp dụng, dẫn đến lạc hậu về kinh tế.
- Công tác xây dựng đảng không được quan tâm đúng mức, phẩm chất của người đứng đầu đảng suy thoái.
- Công tác lãnh đạo và quản lý báo chí bị lũng đoạn.
- Sự phá hoại và âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.
- Tuy đã nhận ra khiếm khuyết nhưng đường lối, phương pháp sửa chữa không đúng : cải cách chính trị đi trước cải cách kinh tế, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, đặt ngang hàng Đảng với các tổ chức chính trị khác, v.v.

Đa số ý kiến của các nhà khoa học đều cho rằng, một trong những bài học đặc biệt quan trọng mà chúng ta cần lưu tâm là vấn đề xây dựng Đảng, trong đó nổi bật là vấn đề tổ chức cán bộ. Khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu bị khủng hoảng về chính trị và có nguy cơ sụp đổ, Đảng ta đã sáng suốt đề ra đường lối đổi mới đúng đắn : Trước hết cải cách về

kinh tế ; sau đó, từng bước cải cách chính trị. Thực tế sau 16 năm đổi mới chúng ta đã có đường lối, phương pháp đổi mới của chúng ta bước đầu là đúng đắn. Nước ta đã thoát khỏi khủng hoảng và có bước phát triển đáng kể, đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt. Hiện nay, chúng ta có một đội ngũ đảng viên đông đảo. Nhưng một đảng có nhiều đảng viên chưa chắc đã là một đảng mạnh. Vì vậy, rất cần chú trọng về công tác xây dựng Đảng. Chúng ta đã có chủ trương, nghị quyết về vấn đề này, việc còn lại là làm sao thực hiện một cách tốt nhất các nghị quyết của Đảng về công tác cán bộ và đặc biệt là thực hiện tốt cuộc vận động "xây dựng, chỉnh đốn Đảng".

Từ những bài học thành công và chưa thành công, trên cơ sở những nghiên cứu khoa học, các báo cáo đã cung cấp một số căn cứ cho việc dự báo tương lai của chủ nghĩa xã hội và khẳng định : Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội. □

Hội thảo khoa học - thực tiễn : "CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT TỈNH SƠN LA"

N GÀY 26-9-2002, tại Sơn La, Ban Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.03.02 đã phối hợp với Tỉnh ủy Sơn La tổ chức cuộc Hội thảo "Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt tỉnh Sơn La".

PGS, TS Vũ Văn Hiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài tiếng nói Việt Nam, Chủ nhiệm đề tài KX.03.02 và TS. Thảo Xuân Sùng, Quyền Bí thư Tỉnh ủy Sơn La, chủ trì cuộc Hội thảo. Các đồng chí Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, lãnh đạo các huyện, thị, sở, ban, ngành và một số thành viên tham gia nghiên cứu đề tài đã tham gia Hội thảo.

Từ thực tiễn công tác, qua trao đổi, các đại biểu tham dự Hội thảo đã nêu những kinh nghiệm bước đầu trong công tác quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh :

- Trong công tác cán bộ, việc đánh giá đúng cán bộ là khâu hết sức quan trọng vì nó quyết định đến hướng đào tạo, quy hoạch, luân chuyển cán bộ. Để đánh giá đúng cán bộ, cần dựa vào nhiều căn cứ : tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh lãnh đạo, quản lý ; hiệu quả làm việc, công tác ; quá trình rèn luyện, thử thách qua các công việc, tình huống cụ thể... Hằng năm, Sơn La đã tổ chức rà soát, nhận xét, đánh giá cán bộ dựa trên các tiêu chuẩn đã ban hành và đối chiếu với kết quả công tác.

- Quan tâm đúng mức việc nâng cao chất lượng đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ trong diện quy hoạch. Hiện nay, ở Sơn La, mặc dù đã xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy đảng, Ban cán sự Đảng, Đảng ủy trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có quyết định về chính sách đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhưng việc đào tạo bồi dưỡng và đào tạo lại cán bộ có lúc còn chưa thật gắn với nhu cầu, tiêu chuẩn và quy hoạch, chưa quan tâm đúng mức tới cán bộ chủ chốt cấp xã ; còn đào tạo theo xu hướng "phổ cập" bằng cấp, nên có chuyên ngành đào tạo quá nhiều, có lĩnh vực chuyên môn lại rất thiếu...

- Thực hiện luân chuyển cán bộ một cách khoa học, hợp lý là khâu đột phá trong công tác cán bộ. Nó giúp cho cán bộ sớm có cơ hội bộc lộ khả năng của mình, phát huy tính chủ động, sáng tạo, khắc phục tâm lý chủ quan, "sức ỳ", sự hài lòng với hiện tại. Sơn La đã xây dựng,

bổ sung, hoàn thiện quy chế và tiêu chuẩn trong việc quy hoạch, quản lý, đào tạo, đề bạt và điều động luân chuyển cán bộ phù hợp với nhiệm vụ được giao. Tỉnh đã mạnh dạn bố trí và luân chuyển cán bộ trẻ, có triển vọng vào các cương vị công tác ở cấp huyện và cơ sở, coi đây là nơi trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện và thử thách cán bộ ; và, thông qua thực tiễn công tác để điều chuyển, bổ nhiệm cán bộ giữ các trọng trách cao hơn.

Các đại biểu tham dự Hội thảo cũng nêu những đề xuất, kiến nghị về lý luận và thực tiễn cán tiếp tục nghiên cứu, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt nói chung và tỉnh miền núi Sơn La nói riêng. □

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC VĂN HÓA - TƯ TƯỞNG VÀ CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ Ở BINH CHỪNG TĂNG - THIẾT GIÁP

N GÀY 23 và 24-9-2002, tại Lữ đoàn 215 (Quỳnh Lưu, Nghệ An), Binh chủng Tăng - Thiết giáp tổ chức Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa ; 5 năm đổi mới công tác giáo dục chính trị và thực hiện thông báo 71-TB/TW của Thường vụ Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền miệng và Hội nghị Rút kinh nghiệm công tác đảng, công tác chính trị trong xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật (2000 - 2002). Dự hội nghị có các đồng chí lãnh đạo cơ quan Tổng cục Chính trị - Bộ Quốc phòng, đại diện các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng (Bộ Tổng tham mưu, Cục Tổ chức, Cục Tuyên huấn), các đồng chí Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư lệnh, lãnh đạo chỉ huy các cơ quan, đơn vị, nhà trường trong Binh chủng ; phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo ở trung ương và Nghệ An. Đại tá Lê Xuân Tấu, Phó Tư lệnh Tham mưu trưởng, chủ trì hội nghị. Đại tá Nguyễn Hữu Thìn, Bí thư Đảng ủy, Phó Tư lệnh Chính trị, khai mạc hội nghị. Báo cáo tổng kết do Đại tá Phạm Văn Đức, Ủy viên Thường vụ, Cục trưởng Cục Chính trị trình bày, đã đánh giá kết quả thực hiện 5 tiêu chuẩn đơn vị có môi trường văn hóa tốt ; 5 năm đổi mới công tác giáo dục ; công tác tuyên truyền miệng ; rút ra những bài học kinh nghiệm và hoạch định phương hướng hoạt động của các công tác nói trên.

Các đại biểu đã thảo luận, tham gia góp ý về những kết quả đã đạt được, những kinh nghiệm được tổng kết và thống nhất một số điểm nổi bật như sau : Mười năm qua, cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa đã triển khai rộng khắp và thu được kết quả tốt ; phát huy tốt vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, trách nhiệm của người chỉ huy và cán bộ các cấp, đặc biệt là vai trò của các cơ quan chính trị ; đồng thời đã khơi dậy phong trào cách mạng của mọi cấp, ngành, xây dựng được nhiều mô hình tiên tiến ở cơ sở. Đã nâng cao chất lượng giác ngộ chính trị, góp phần tích cực trong việc chấp hành kỷ luật, xây dựng phong cách người quân nhân cách mạng. Các cơ quan, đơn vị đã gắn cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa với các cuộc vận động : "Xây dựng nền nếp chính quy", "Xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện"... Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh, hệ thống thiết chế văn hóa tương đối đồng bộ ; đã hình thành đội ngũ cán bộ hạt nhân văn hóa, văn nghệ, tích cực đấu tranh chống ảnh hưởng

văn hóa độc hại và các tệ nạn xã hội ; tiến hành nhiều hoạt động văn hóa thiết thực, giao lưu văn hóa, văn nghệ, góp phần xây dựng quân dân một ý chí, nâng cao hình ảnh tốt đẹp của bộ đội Tăng - Thiết giáp trong nhân dân.

Hội nghị đã tổng kết, rút ra một số kinh nghiệm trong quá trình triển khai cuộc vận động như : đề cao trách nhiệm của cấp ủy, người chỉ huy, cơ quan chính trị và đội ngũ cán bộ đảng viên ; thường xuyên bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên ; công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị phải được kết hợp chặt chẽ với các hoạt động thi đua trong cơ quan, đơn vị ; phải có kế hoạch chủ động sắp xếp thời gian, nội dung học tập cho từng đối tượng ; thường xuyên xây dựng, kiện toàn bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác giáo dục và tuyên truyền có đủ số lượng, chất lượng tốt.

Về Hội nghị **Rút kinh nghiệm công tác đảng, công tác chính trị trong xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật (2000 - 2002)**, các ý kiến tham luận của cơ quan Tham mưu, Cục Kỹ thuật, Cục Hậu cần, Lữ đoàn 201, Trường Hạ sĩ quan xe tăng 1, Lữ đoàn 215, Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp, Trường Hạ sĩ quan xe tăng 2, Trường bắn Cam Lâm... đều khẳng định vị trí, vai trò của xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật ; tập trung phân tích các nội dung của xây dựng chính quy, những nguyên nhân, bài học, phương hướng trong xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật. Công tác xây dựng chính quy đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ trung tâm. Do vậy, các đơn vị, nhà trường luôn tăng cường công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ ; phát huy nội lực và bản lĩnh "thép" của bộ đội Tăng - Thiết giáp, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đảng viên, ý thức tự giác, sáng tạo của người chiến sĩ. Trên cơ sở đó, xây dựng không khí chính trị tốt trong tập thể quân nhân ; phát huy dân chủ trong cơ quan, đơn vị ; khơi dậy niềm tin, tự hào về người chiến sĩ xe tăng trong thời kỳ mới.

Kết luận hội nghị, Đại tá Nguyễn Hữu Thìn nhấn mạnh : Các cơ quan toàn Binh chủng đều chấp hành nghiêm túc nên cuộc vận động thực sự có sức sống trong đơn vị. Tuy nhiên, cũng còn một số tồn tại như nhận thức về cuộc vận động trong một bộ phận cán bộ đảng viên chưa sâu ; việc kiểm tra đôn đốc có lúc còn buông lỏng, sự chỉ đạo còn chưa được đặt thành vấn đề trọng tâm... Để thực hiện tốt công tác đảng, công tác chính trị trong xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật, chủ trương của Binh chủng như sau :

- **Về lãnh đạo** : các tổ chức đảng phải có nghị quyết lãnh đạo sâu về nội dung.

- **Về công tác tổ chức** : tổ chức thành đợt sinh hoạt trong quý IV để khơi dậy phong trào, thông qua việc học lại các quy định. Phát động đợt thi đua mới từ ngày 5-10-2002 đến ngày 22-12-2002 với mục tiêu : văn hóa - chính trị - kỷ cương - tình nhuệ.

- **Về văn hóa** : tổ chức hội diễn nghệ thuật quần chúng, hội thi cán bộ công đoàn giỏi.

Cũng trong ngày 24-9, Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp kết hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Nghệ An tổ chức đêm giao lưu "**Đoàn kết quân dân xây dựng môi trường văn hóa**". Dự đêm giao lưu có Thiếu tướng Đoàn Sinh Hưởng, Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp, đồng chí Nguyễn Quốc Việt, Giám đốc *Đài phát thanh và truyền hình Nghệ An*, PGS, TS Trần Quang Nhiếp, Phó Tổng biên tập Phụ trách *Tạp chí Cộng sản*, Đại tá Lê Đình Bình, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 215 cùng đông đảo cán bộ, chiến sĩ Lữ đoàn 215, nhân dân các xã thuộc huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An. Đêm giao lưu diễn ra trong bầu không khí thắm tình đoàn kết quân dân, để lại ấn tượng tốt đẹp trong nhân dân địa phương. □



CÔNG TY GỐM XÂY DỰNG **ĐÔNG TRIỀU**

ĐỊA CHỈ: HỒNG PHONG- ĐÔNG TRIỀU- QUẢNG NINH

ĐT: 033. 870038 * FAX: 033. 670067 * GIÁM ĐỐC: ĐẬU VĂN MINH

Là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng Việt Nam, được thành lập năm 1994. Trải qua quá trình hoạt động từ đó tới nay, Công ty Gốm xây dựng Đông Triều đã có những thành tích, đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Hiện nay, Công ty đang tập trung toàn bộ nguồn lực cho đầu tư, mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng của sản phẩm, nhằm mục tiêu đến hết năm 2003 sẽ đạt sản lượng 100 triệu sản phẩm/năm; đạt tổng doanh thu khoảng 40 tỉ đồng. Đồng thời, Công ty cũng sẽ giải quyết việc làm cho trên 1000 lao động địa phương, nâng mức lương của CBCNV lên mức trên 1 triệu đồng/người/tháng.

Chín tháng đầu năm 2002 vừa qua, Công ty đã đầu tư thêm trang thiết bị, dây chuyền nhà máy, và dự kiến dây chuyền này sẽ nâng tổng công suất lên 82 triệu sản

phẩm/ năm, với doanh thu trên 30 tỉ đồng, tăng 150% so với năm 2001.

Song song với việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, Công ty Gốm xây dựng Đông Triều còn rất chú trọng đến đầu tư, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, địa phương, tham gia tích cực vào các công tác đoàn thể, xã hội khác.

Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty luôn lấy con người làm mục tiêu, động lực cho sự phát triển. Hàng năm, ngoài việc thực hiện đầy đủ việc đóng BHYT, BHXH, Công ty còn tăng lương từ 6%- 10%, giải quyết nhiều chế độ khác như: phụ cấp, ăn trưa, tham quan- nghỉ mát cho anh chị em cán bộ, công nhân. Mỗi năm, đơn vị đóng góp hàng chục triệu đồng cho công tác từ thiện, công tác xã hội. Đặc biệt Công ty đang nhận phụng dưỡng, chăm nuôi một Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Mặc dù còn nhiều khó khăn cũ để lại, nhất là vốn đầu tư, đương đầu với sự cạnh tranh khốc liệt trong thương trường, nhưng trong vài năm gần đây, lãnh đạo và tập thể CBCNV

Công ty đã nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch nộp ngân sách. Ban đầu chỉ có 10 đảng viên, đến nay Đảng bộ Công ty đã có 53 đồng

chí và nhiều năm liên được cấp trên đánh giá là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội Cựu Chiến binh luôn có những đóng góp to lớn cho sự phát triển của Công ty và địa phương, hàng năm đều được

nhận cờ xuất sắc, bằng khen của tỉnh.

Với sự giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi của tỉnh Quảng Ninh, Tổng Công ty, Công ty Gốm xây dựng Đông Triều đang tận dụng và phát huy tối đa nội lực, đảm bảo hoàn thành xuất sắc những chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao.



Phơi gạch trong nhà kính



Sản xuất



Tiêu thụ

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NHÌN LẠI HƠN 10 NĂM ĐỔI MỚI

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa lớn của đất nước. Trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt với những chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, Thành phố đã thu hút được lượng vốn đầu tư lớn trong và ngoài nước, thúc đẩy kinh tế phát triển, tốc độ tăng trưởng các ngành nghề cao. Hòa trong không khí phát triển chung, ngành Thuế cũng đã tiến hành cải cách toàn diện từ hệ thống chính sách đến bộ máy tổ chức và công tác hành thu. Công tác thuế đã theo kịp quá trình chuyển đổi cơ chế của nền kinh tế, đồng thời góp phần ổn định kinh tế nước nhà.



Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị có số thu lớn, chiếm 30% tổng thu ngân sách cả nước, với số lượng đối tượng nộp thuế nhiều nhất, đa dạng nhất. Liên tục hơn 10 năm qua, Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh luôn hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách, với số thu năm sau cao hơn năm trước. Có được kết quả trên là do Cục Thuế thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý thu theo quy định; đồng thời, luôn nghiên cứu, đề xuất cải tiến quy trình quản lý thu phù hợp với thực tế phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Cục Thuế cũng đã tập trung nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả công nghệ tin học vào công tác quản lý thuế, góp phần rút ngắn thời gian thực hiện quy trình quản lý thu thuế, tiết kiệm thời gian cho người nộp thuế và tinh giản được biên chế của ngành. Mặt khác, Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh cũng nhận thức được trách nhiệm quản lý các sắc thuế hiện nay. Đối với thuế gián thu, tuy có nhiều thuận lợi nhưng để đảm bảo công bằng xã hội và từng bước xây dựng sắc thuế tiên tiến nên mặc dù có khó khăn Cục Thuế cũng đã tổ chức thuế trực thu. Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh là nơi duy nhất đã thành lập Phòng thuế Thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập cao. Cục Thuế cũng đã có nhiều sáng kiến trong công tác phổ biến, tuyên truyền về luật thuế; nhất là trong giai đoạn cải cách thuế bước 2, một số phương thức tuyên truyền của Cục Thuế đã được toàn ngành học tập như: thiết lập đường dây nóng, tổ chức đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, để kịp thời giải đáp, xử lý những vướng mắc của doanh nghiệp.

Là một trong những đơn vị đầu tiên được Bộ Tài chính cho phép, đầu tháng 4-2002, Cục thuế TP. Hồ Chí Minh đã thành lập tổ dịch vụ hỗ trợ tổ chức và cá nhân nộp thuế; qua đó, hướng dẫn cho doanh nghiệp thực hiện chính sách thuế, đảm bảo cho việc thu đúng, thu đủ kịp thời các loại thuế vào ngân sách. Đồng thời, giúp các doanh nghiệp hạn chế các sai phạm không cố ý, mang lại lợi ích và giảm thiểu thiệt hại cho họ; không ngừng xây dựng mối quan hệ chân tình giữa cơ quan thuế và người nộp thuế.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH 1990 - 2001

NĂM	KẾ HOẠCH GIAO	THỰC HIỆN	% TH/KH	% SO CÙNG KỲ
1990	8.11,50	941,90	116,40	137,60
1991	1.213,00	1.719,20	129,90	182,50
1992	2.600,00	3.198,30	123,00	186,00
1993	4.145,00	5.321,10	126,00	155,00
1994	7.380,00	7.459,00	101,00	142,60
1995	10.325,00	9.785,60	94,80	139,60
1996	12.439,90	12.695,50	102,20	129,70
1997	14.223,060	14.271,20	100,20	112,47
1998	15.167,00	15.192,00	100,10	106,40
1999	12.313,00	13.745,00	111,00	95,00(*)
2000	12.424,00	14.036,00	112,97	104,00
2001	14.610,00	16.390,00	112,18	119,00

(*) Năm 1999 thực hiện các Luật thuế mới, cơ cấu nguồn thu có thay đổi.

Kế hoạch thu thuế năm 2002 là 17050 tỷ đồng thực hiện 9 tháng đầu năm 13105 tỷ đồng đạt 78,07% kế hoạch và đạt 114,8% so với cùng kỳ năm trước, dự kiến thu cả năm tương đương 18000 tỷ đồng, vượt 5,5% so với dự toán thu đầu năm và tăng 9,8% so với cùng kỳ.

Hơn 10 năm qua Cục thuế không những hoàn thành vượt mức số thu của Trung ương giao cho TP mà còn xây dựng được đội ngũ cán bộ công chức vững về chính trị, tốt về đạo đức và có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có khả năng đáp ứng được nhiệm vụ ngày càng cao.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

Đảng ủy Văn phòng cục thuế TP.HCM trực thuộc Đảng bộ khối chính quyền thành phố. Hiện nay có 8 chi bộ và 145 đảng viên. Trong 3 năm qua, đã kết nạp 25 đảng viên mới (13 nữ), liên tục 5 năm liền đạt danh hiệu "Đảng bộ trong sạch vững mạnh" ... các chi bộ cơ sở ở các Chi cục Thuế quận, huyện cũng không ngừng lớn mạnh, một số Chi cục Thuế quận, huyện như Quận 5, Quận 11, Bình Chánh, Tân Bình, Củ Chi, ... đã thành lập Đảng bộ cơ sở trực thuộc Quận, Huyện ủy. Hầu hết các chi bộ, đảng bộ của 22 Chi cục Thuế quận, huyện được đảng bộ địa phương đánh giá khá và trong sạch vững mạnh.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐOÀN THỂ KHÁC VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI:

Hầu hết CBVC của Cục thuế đều tham gia hoạt động đoàn thể như công đoàn, đoàn thanh niên và hội cựu chiến binh. Các hoạt động phong trào do hội đoàn phát động đều được CBVC tham gia sôi nổi, tích cực. Chất lượng hoạt động phong trào ngày càng được củng cố và có định hướng thiết thực phục vụ cho công tác chuyên môn của đơn vị.

Tại 22 Chi cục Thuế quận, huyện hoạt động đoàn thể gắn liền với liên đoàn lao động, đoàn thanh niên và hội cựu chiến binh quận huyện. CBVC các Chi cục Thuế ngoài việc tích cực thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình còn tham gia hoạt động phong trào tại địa phương. Qua nhiều năm liên tục, đều được các đoàn thể tại địa phương đánh giá cao và khen tặng nhiều giấy khen, cờ thi đua.

Riêng tại 20 phòng thuộc Cục thuế, hoạt động công đoàn, đoàn thanh niên gắn với khối chính quyền thành phố, Hội Cựu chiến binh trực thuộc Hội Cựu chiến binh Quận 3. Nhiều năm qua, hoạt động đoàn thể của văn phòng Cục cũng luôn được cấp trên đánh giá thực hiện tích cực, có chất lượng, hiệu quả và đã được khen tặng nhiều bằng khen và cờ thi đua xuất sắc.

Ngoài ra, CBVC Cục thuế TP. Hồ Chí Minh còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội như sau:

- Xây dựng 28 căn nhà tình nghĩa tặng bà mẹ Việt Nam anh hùng và thân nhân liệt sĩ ở Tiền Giang, Tân Trụ, Long Khê - Long An, Bến Tre, Hóc Môn... 11 căn nhà tình thương ở Củ Chi, Bình Chánh.
- Ủng hộ đồng bào lũ lụt, quỹ bà mẹ Việt Nam anh hùng, quỹ ủng hộ nhân dân Cu Ba, trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ em khuyết tật, quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh, Bộ đội Biên phòng và Hải đảo, đóng góp ủng hộ quỹ "vì người nghèo, vì xã nghèo" hàng năm. Tổng số tiền đóng góp để thực hiện chương trình công tác xã hội qua các năm là 1,2 tỷ đồng. Ngoài ra, hầu hết công chức, viên chức Cục thuế TP còn tham gia hiến máu nhân đạo do Hội chữ Thập đỏ TP phát động. Đây là một nghĩa cử đẹp của công chức, viên chức ngành Thuế.

KẾT QUẢ KHEN THƯỞNG THI ĐUA:

Là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua ngành thuế trên các lĩnh vực: Thanh tra thuế, quản lý khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, quản lý thuế ngoài quốc doanh. Hàng năm, có hơn 60% công chức đạt lao động giỏi và loại A. Qua 10 năm đã đạt được các danh hiệu thi đua như sau:

- 120 bằng khen và 2 cờ dẫn đầu phong trào thi đua của UBND TP.
- 60 bằng khen của Bộ Tài chính.
- 12 bằng khen của Chính phủ.
- 03 cờ thi đua của Bộ Tài chính.
- 02 cờ thi đua của Chính phủ.
- 08 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành Tài chính và Chiến sĩ thi đua ngành Thuế.
- 01 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.
- 15 Huân chương Lao động Hạng ba.
- 01 Huân chương Lao động Hạng nhì.



Và năm 2002, Bộ Tài chính và UBND TP. Hồ Chí Minh đã thống nhất đề nghị Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động cho Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới.

Với sự nỗ lực và phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ công chức, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh đã thực sự trở thành lá cờ đầu của ngành Thuế cả nước. Đơn vị luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước giao, góp phần thiết thực vào việc thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1

CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 14

ĐC : 8 PHẠM NGỌC THẠCH - PHƯỜNG 6 - QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Tel : 08. 822 1226 - 829 0039 - Fax : (84-8) 829 3714



**CONSTRUCTION
COMPANY N°14**

Công ty Xây dựng số 14 là doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Bộ Xây dựng, chuyên ngành xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng. Công ty Xây dựng số 14 là một trong 6 doanh nghiệp của ngành Xây dựng được xếp hạng 1 kể từ ngày 1-12-1999 - Quyết định 1557/QĐ-BXD ngày 7-12-1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Với quá trình hoạt động trên 20 năm liên tục, Công ty đã xây dựng các công trình có quy mô vừa và lớn như: Nhà máy Xi-măng Hà Tiên, Nhiệt điện Hiệp Phước, Bọt ngọt Vedan ... Những công trình cao tầng như: Ocean Place, Diamond Plaza, Landmark, Nha Trang Lodge Hotel, chung cư 18 tầng, Nhà máy Xi-măng Hà Tiên mở rộng, Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ, Trung tâm Bưu chính khu vực 3 Quy Nhơn, Bệnh viện Long An, Văn phòng Điều hành Cảng Sài Gòn, Văn phòng UBND tỉnh An Giang, Tòa nhà Công nghệ cao E-TOWN, Trung tâm Đài Truyền hình, dây chuyền sản xuất giấy trắng phần 45.000 tấn/năm.

Đội ngũ cán bộ khoa học-kỹ thuật của Công ty gồm 135 thạc sĩ, kỹ sư xây dựng, 45 cử nhân kinh tế và trên 140 cán bộ chuyên viên. Là đội ngũ có năng lực, giàu kinh nghiệm luôn luôn được ủng hộ, đào tạo và phát triển theo đà phát triển công nghệ, quản lý tiên tiến của khu vực. Lực lượng công nhân được đào tạo lành nghề đa dạng, thích ứng với mọi nhu cầu chủ đầu tư.

Công ty đặc biệt chú trọng công tác đầu tư mới công nghệ, trang thiết bị, xe máy. Hiện nay, Công ty vẫn đang tiếp tục nghiên cứu đầu tư nhiều thiết bị hiện đại đảm bảo phục vụ thi công các công trình ngầm, công trình cao tầng, công trình có tính kỹ thuật cao, phức tạp ở mọi địa hình.

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận ISO 9001 - 2001.



**Uy Tín
Chất Lượng
Hiệu Quả**

**LÀ ĐỘNG LỰC VÀ NỀN TẢNG
CHO SỰ TỒN TẠI, PHÁT TRIỂN
CỦA CÔNG TY**

BỘ VĂN HOÁ THÔNG TIN

VIỆN NGHỆ THUẬT VÀ LƯU TRỮ ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM

ĐC: 523 Kim Mã - Hà Nội * Tel: 04. 8 343 451 - Fax: 04. 7 719 193

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

- Dịch vụ in sang băng, đĩa hình.
- Tu sửa ảnh kỹ thuật số, tu sửa hình ảnh điện tử.
- Nhận làm phim dịch vụ các thể loại, quay tư liệu theo yêu cầu.
- Nhận các dịch vụ chiếu phim, tổ chức hội nghị, hội thảo.
- Dựng phim kỹ thuật số.
- Làm kỹ xảo vi-đê-ô.
- Làm âm thanh phim vi-đê-ô, lồng tiếng thuyết minh.
- In chuyển phim sang băng và ngược lại.



LIÊN ĐOÀN ĐỊA CHẤT THỦY VĂN - ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH MIỀN NAM DIVISION OF HYDROGEOLOGY AND ENGINEERING GEOLOGY FOR THE SOUTH OF VIET NAM (DHES)

Địa chỉ: 8 Trần Nãi, Phường Bình An - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.8992133 * Fax: 84.8.8999044 * Email: Liendoandctv@hcm.vnn.vn

Liên đoàn ĐCTV - ĐCCT Miền Nam thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Lập bản đồ ĐCTV, ĐCCT, ĐCĐT và ĐCMT
- Thăm dò địa chất thủy văn
- Điều tra nước dưới đất phục vụ việc quản lý, sử dụng nguồn nước dưới đất cho các địa phương
- Quan trắc động thái nước dưới đất
- Khảo sát địa chất công trình
- Khoan khai thác nước ngầm
- Đo đạc địa hình, khảo sát địa vật lý
- Gia công sửa chữa cơ khí
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành
- Tư vấn các lĩnh vực ĐCTV - ĐCCT



LIÊN ĐOÀN ĐCTV - ĐCCT MIỀN NAM LUÔN MANG ĐẾN CHO BẠN SỰ CÔNG

CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐỒ GỖ CAO CẤP TRƯỞNG THÀNH



**ĐC: THÔN VẠN ĐIỂM -
XÃ VẠN ĐIỂM -
H. THƯỜNG TÍN - T. HÀ TÂY**
DIỆN THOẠI: (034) 784 450
CHỦ DOANH NGHIỆP:
PHÙNG THỊ HƯƠNG



Gấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301000116 do UBND tỉnh Hà Tây cấp ngày 08-05-2002.

Cơ sở sản xuất Trưởng Thành là doanh nghiệp tư nhân chuyên sản xuất các sản phẩm: Đồ gỗ chạm khắc cao cấp, các loại bàn ghế, sập gụ, tủ chè... và hàng thủ công mỹ nghệ.

Đặc biệt sản phẩm **HOA GỖ** (các loại hoa hồng, hoa mai, hoa sủng, hoa đại, hoa cúc... được làm từ chất liệu gỗ), do cơ sở sản xuất đã được xuất khẩu sang nhiều nước: Cộng hòa Séc, Slô-va-ki-a, Bỉ...

Tháng 9 - 2002, chị Phùng Thị Hương đã được UBND tỉnh Hà Tây tặng Bằng khen Phụ nữ cơ sở sản xuất đồ gỗ cao cấp.

Huân chương Lao động hạng Ba

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG-GIAO THÔNG QUẢNG NINH

Quang ninh Transport Engineering Consultants Company

Địa chỉ: Đường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long

Tel: 033.846338 Fax: 033.845275 Email: quint@tcogroup.vn

Ngành nghề chính: Tư vấn, khảo sát thiết kế các công trình giao thông, xây dựng dân dụng và xây dựng công nghiệp.

Công ty chúng tôi luôn mong muốn được phục vụ và hợp tác với trách nhiệm cao nhất nhằm cung cấp những sản phẩm uy tín, chất lượng tối ưu khách hàng trong và ngoài tỉnh.

Giám đốc Công ty K.s Hoàng Vũ

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I

CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION CORPORATION No. 1- (CIENCO 1)



**CHỦ TỊCH HĐQT
KỸ SƯ VŨ KIM CHUNG**



**TỔNG GIÁM ĐỐC
KỸ SƯ TRẦN VĂN TÂN**



TRỤ SỞ CHÍNH : 623 LA THÀNH - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

ĐT : (04).8350099 - 8350096 - 8350930 * Fax : (84.4) 7721232 - 8351101 * E-mail : cienco @hn.vnn.vn

CHI NHÁNH TẠI TPHCM : 135 - NGUYỄN VĂN ĐẬU, P. 5, QUẬN BÌNH THẠNH

ĐT: (08).8417825 - 8417826 * Fax : (08). 8417826

CHI NHÁNH KHU VỰC TÂY BẮC : 14 TỔ 1 - CHU VĂN THỊNH , P. TÔ HIỆU, TX SƠN LA - TỈNH SƠN LA

ĐT: (022).858160 - 858161 * Fax: (022).858161

BAO GỒM 17 CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ 01 TRƯỞNG KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, 02 TRUNG TÂM, 02 XÍ NGHIỆP, 03 CÔNG TY CỔ PHẦN, 01 BAN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ ĐẤT KHU ĐÔ THỊ.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

+ Xây dựng các công trình giao thông (cầu đường bộ, đường sắt, bến cảng, sân bay...) trong và ngoài nước.

+ Xây dựng công nghiệp, dân dụng và các công trình khác (thủy lợi, quốc phòng, điện, thủy điện, san lấp mặt bằng...)

+ Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê-tông đúc sẵn.

+ Sửa chữa phương tiện, thiết bị thi công và gia công dầm cầu thép, sản phẩm cơ khí.

+ Đào tạo công nhân kỹ thuật, nghiệp vụ.

+ Xuất khẩu lao động

+ Tư vấn đầu tư xây dựng, KSTK, giám sát, thí nghiệm các công trình giao thông.

+ Cung ứng, xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị GTVT.

NHỮNG CÔNG NGHỆ MỚI ĐÃ VÀ ĐANG ỨNG DỤNG TRONG XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH :

- Thi công nền đường với công nghệ tiên tiến, các loại mặt đường bê-tông xi-măng cấp cao, thi công sân bay với tổ hợp thiết bị - công nghệ hiện đại, đồng bộ theo quy định AASHTO và tiêu chuẩn châu Âu. Thi công các cảng sông, cảng biển ở mọi hình với các công nghệ phức tạp, ở mọi quy mô.

- Thi công cọc khoan nhồi đường kính lớn ($\phi 1,5 - 3m$), sản xuất và hạ cọc ống $\phi 1 - 2m$ đến độ sâu 90m.

- Sản xuất dầm bê-tông dự ứng lực 33m/60T, 35m/80T căng kéo trước, căng kéo sau, trên bệ căng kéo không cố định.

- Đã thi công các công trình cầu với dầm bê-tông cốt thép dự ứng lực, tiết diện hình hộp, đúc hẫng cân bằng đối xứng và không cân bằng với chiều dài 120m/nhịp, cầu quay sông Hàn và tham gia xây dựng cầu Mỹ Thuận (cầu dây văng khẩu độ lớn), sử dụng dầm Super - T đầu tiên ở Việt Nam.

- Sử dụng dây chuyền công nghệ gia công, chế sửa dầm dân thép nhịp 64 - 105 m và sản xuất dầm I 1800mm phục vụ thi công cầu đường bộ, đường sắt và bến cảng.

- Chế tạo máy cảm bậc thấm để xử lý nền đất yếu (độ sâu từ 10 - 30 m)

- Sử dụng các thiết bị hiện đại, công suất lớn của Đức, I-ta-li-a, Nhật, Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga như tổ hợp khoan nhồi đường kính lớn, máy rải cấp phối liên tục, máy rải bê tông, trạm trộn bê tông Asphalt và trạm bê-tông xi-măng công suất lớn, đầm rung 16 - 30T, máy xúc, máy ủi và nhiều thiết bị khác... phục vụ cho thi công, xây dựng.

TCT đã thắng thầu và hoàn thành nhiều dự án lớn trên QL1, QL5, QL51, QL 18, cầu Phú Lương, cầu Quán Toan, cầu sông Hàn, Hiệp Phước, cầu đường sắt Đà Nẵng, sông Cái, Xương Giang, Phù Đổng, Hòa Bình, Đồng Đăng, Mai Pha, hồ cầu Tân Đệ, cảng Sài Gòn, cảng Nghi Sơn, cảng Cửa Lò, nhà ga T1 Nội Bài, cầu và đường dự án ADB4, ADB7, ADB8, đường thủ đô Viên chân (Lào) ...Hiện nay, TCT đang triển khai các dự án lớn trên QL1A, QL14, QL10, các cầu Ba Đồn, cầu Ông Lãnh, cầu Long Kiểng, cầu đường Nguyễn Tri Phương (TPHCM), cầu Tuần (Huế), cầu vượt nút giao thông Ngã tư Vọng (TP Hà Nội), 2 gói thầu 10 cầu đường sắt (Hà Nội-TPHCM). Bến xuất sản phẩm KCN Dung Quất, dự án cải tạo hành lang Tây Sơn và vành đai 3 TP Hà Nội, dự án nâng cấp QL6, cầu Tạ Khoa (Sơn La), cầu Văn Phú (Yên Bái), cầu và đường dẫn phía Nam hầm đèo Hải Vân, cầu Thủ Bộ, (Long An), cầu Tuyên Sơn, cầu Bình (Hải Phòng), đường 9 và đường 18B(Lào)... Ngoài ra, TCT đang triển khai thi công đường HCM với chiều dài 58,1 km, 5 cầu lớn, 20 cầu trung. Năm 2001, tổng giá trị sản lượng đạt trên 1500 tỉ đồng. Mục tiêu năm 2002 đạt giá trị sản lượng từ 2000 tỉ đồng trở lên.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP, KÝ KẾT, THỰC HIỆN CÁC HỢP ĐỒNG VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUÝ KHÁCH CÓ NHU CẦU, SẴN SÀNG HỢP TÁC VỚI CÁC ĐƠN VỊ BẠN TRONG NƯỚC VÀ CÁC ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI.

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

BẢO VỆ CÔNG TRÌNH VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI



Sản xuất khe co giãn cao su dạng ống



Sản xuất gối cầu cao su cốt bản thép



Công nghệ kích năng dầm thay gối cầu bằng ống chịu lực trong điều kiện vận tải giao thông bình thường



Sửa chữa nâng cấp cầu Vĩnh Điện QL. 1A bằng DU'L ngoài và sơn bảo vệ cọc thép bằng hệ sơn epoxy pek than đá



Bà thép DU'L được bảo vệ ức chế chống ăn mòn

ĐC: 1252 HUỖNG LĂNG - Q. ĐỒNG ĐA - TP. HỒ CHÍ MINH - Đ. 100.000.000.000 - 7.880.000
FAX: 100.000.000.000 - 7.880.000

GIỚI THIỆU NHANH

1. Nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ KHCN trong lĩnh vực bảo vệ chống ăn mòn các công trình, phương tiện vận tải.

2. Tư vấn, khảo sát thiết kế, lựa chọn và thí nghiệm đánh giá vật liệu trong lĩnh vực bảo vệ chống ăn mòn cho các công trình, phương tiện vận tải.

3. Xây dựng các phương pháp đánh giá mức độ hư hỏng do ăn mòn gây ra ở các công trình và công nghệ sửa chữa, gia cường bằng các vật liệu mới.

4. Xây dựng các tiêu chuẩn, cẩm nang kỹ thuật ăn mòn, hướng dẫn cho các công tác thiết kế công trình GTVT.

5. Sản xuất thử nghiệm vật liệu (sơn, polymer, mỡ, phụ gia ức chế ăn mòn, gối cầu cao-su, khe co giãn cao-su, protetor...) chống ăn mòn và ứng dụng công nghệ bảo vệ cho công trình, phương tiện vận tải).

6. Tham gia triển khai các dự án của Viện về áp dụng công nghệ tiên tiến trong xây dựng cầu.

NHỮNG CÔNG NGHỆ

ĐÃ ĐƯỢC ÁP DỤNG

1. Công nghệ bảo vệ kết cấu thép bằng sơn cao-su clo hóa, epoxy, polyurethan... với tuổi thọ 5 - 10 năm cho các công trình vùng ven biển (Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Quảng Nam, các khu vực miền Trung...).

2. Công nghệ bảo vệ vùng mòn nước trên cơ sở nhựa Epoxy - Pek than đá cho khu vực xâm thực mạnh của công trình cầu, cảng



P. VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHCN GTVT - GIÁM ĐỐC
PGS.TS - Đ. 100.000.000.000

bằng thép và BTCT (Hải Phòng, Đà Nẵng, Quảng Nam...)

3. Công nghệ bảo vệ bằng mỡ, phụ gia và chất ức chế ăn mòn cho kết cấu thép, BTCT, cáp thép và cáp thép cường độ cao (Lạng Sơn, Quảng Bình, Quảng Trị, Nghệ An...).

4. Công nghệ chế tạo và thi công lắp đặt chống thấm bằng vật liệu polymer cho mặt cầu BTCT.

5. Công nghệ chế tạo và thi công lắp đặt kết dính polymer - chống thấm cho bề mặt cầu Orrthotrope của cầu Nguyễn Văn Trỗi - Đà Nẵng.

6. Công nghệ chế tạo và thi công lắp đặt và thay thế gối cầu cao-su tổng hợp Neopren - cốt bản thép cho công trình cầu (cầu Phủ, cầu Ghép).

7. Công nghệ chế tạo và thi công lắp đặt và thay thế khe co giãn cao-su cho mặt cầu thép và BTCT (cầu Nguyễn Văn Trỗi, cầu Bến Thủy).

8. Dự kiến công nghệ sửa chữa cầu bằng các vật liệu mới trong điều kiện cầu vẫn khai thác (cầu Vĩnh Điện, cầu Châu Ổ).

9. Công nghệ chế tạo và thi công lắp đặt Protector, trạm ca-tốt bảo vệ kết cấu thép (cầu Nguyễn Văn Trỗi, cầu Tân Thuận, cầu Bến Thủy).



Mô hình công nghệ dây chuyền gia công (Đ. 100.000.000.000)



Bệnh viện Tâm thần trung ương thành lập ngày 17 tháng 6 năm 1963 theo Quyết định số 519/BYT của Bộ Y tế

1- Khám và điều trị những bệnh nhân tâm thần từ các tỉnh, thuộc bệnh viện tuyến trung ương thuộc chuyên khoa khác, các cơ quan trung ương và bệnh nhân

tâm thần người nước ngoài. Bệnh viện có 500 giường bệnh với tổng số 500 cán bộ, trong đó 70 người có trình độ sau đại học, (2 phó giáo sư, 12 tiến sĩ, 10 bác sĩ chuyên khoa hai, 15 thạc sĩ, 30 bác sĩ chuyên khoa một)



VIỆN TRƯỞNG PGS.TS.BSCKII

TRẦN VĂN CƯỜNG

(PHÓ CHỦ TỊCH HỘI TÂM THẦN HỌC VIỆT NAM)



2- Nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu các biện pháp phòng ngừa và điều trị các bệnh tâm thần (đã có 2 đề tài cấp Nhà nước, 5 đề tài cấp Bộ và 30 đề tài cấp cơ sở)

3- Đào tạo Thầy thuốc chuyên khoa tâm thần với đối tượng là các bác sĩ đa khoa đã tốt nghiệp tại các trường đại học. Đến nay, đã tổ chức được 26 khoá (tổng số là 650 cán bộ).

4- Chỉ đạo theo tuyến: các cơ sở chuyên khoa tâm thần trong toàn quốc gồm:

- * 24 bệnh viện chuyên khoa
- * 3 Trung tâm có giường bệnh.
- * 24 khoa tâm thần trong Bệnh viện Đa khoa Tỉnh
- * 09 trạm chuyên khoa độc lập
- * 22 khoa nằm trong Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội.

5- Giám định pháp y tâm thần cho những đối tượng do cơ quan pháp luật yêu cầu.

6- Là đầu mối chính trong quan hệ quốc tế về chuyên ngành tâm thần

7- Nghiên cứu những phương pháp cai nghiện ma túy.

Liên tục trong các năm gần đây, Bệnh viện luôn hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch được cấp trên giao, thực hiện vượt từ 130%-140%.

Bệnh viện đã hai lần được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Đảng bộ Bệnh viện liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Công đoàn liên tục đạt vững mạnh xuất sắc.

Phong trào thanh niên, phụ nữ, tự vệ xếp loại tốt.

Bốn bác sĩ được phong tặng danh hiệu Thầy thuốc ưu tú.

Bệnh viện luôn là đơn vị thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.



Do người tiêu dùng bình chọn
06 NĂM LIÊN
1997-1998-1999-2000-2001-2002

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN - KYMDAN
KD KYMDAN
SINCE 1954 CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

28 Đường Bình Thới, Q.11, TP. HCM ĐT: (84.8)8657158 - 8658 402 - 8617 619 Fax: (84.8) 8657 419
Email: kymdan@hcm.vnn.vn - Website: http://www.kymdan.com.vn



Chứng nhận được phép lưu hành tại châu Âu

Chương trình khuyến mãi Xổ số trúng thưởng *Khi Quý khách hàng mua 1 sản phẩm KYMDAN*



Xuân 2003

Tặng

Lịch xuân QUÍ M

(Có in số tham dự trúng thưởng cho 49.999 sản phẩm)

& 1 Phiếu xăng

Theo chương trình khuyến mãi
Chào mừng Quốc khánh 2/9
(2 lít Mogas 92)

**Chương trình áp dụng
từ ngày 02-10-2002
trên phạm vi toàn quốc**

Lưu ý: Không áp dụng cho các sản phẩm gối, nệm du lịch, nệm trẻ em, salon miếng và thú phun nhung

THẺ LỆ THAM DỰ XỔ SỐ TRÚNG THƯỞNG

A. THẺ LỆ THAM DỰ XỔ SỐ TRÚNG THƯỞNG:

- Công ty KYMDAN phát hành lịch năm 2003 trên đó có mã số được in trên tờ lịch bia và cuối dùng để tham dự chương trình xổ số trúng thưởng.
- Công ty KYMDAN sẽ tổ chức xổ số vào ngày 15/12/2003 và kết quả trúng thưởng sẽ được công bố từ ngày 25/12/2003 trên báo Người Lao Động và một số báo khác.
- Khách hàng có lịch mang số trúng thưởng theo kết quả đã công bố gửi kèm theo tên, địa chỉ thường trú (có ấp, phường, xã, quận, huyện, tỉnh, thành, để tránh trùng lặp khi giao hàng), điện thoại và bản sao CMND về văn phòng Công ty KYMDAN chậm nhất là ngày 15/01/2004 (cần cứ theo dấu bưu điện). Công ty KYMDAN sẽ gửi thông báo đến từng khách hàng may mắn trúng giải.
- Danh sách khách hàng trúng giải sẽ được công bố trên báo Người Lao Động và một số báo khác từ ngày 20/02/2004.
- Khách hàng trúng giải sẽ nhận phần thưởng tại Chi nhánh, cửa hàng trực thuộc Công ty hay Đại lý KYMDAN gần nơi cư ngụ của mình nhất từ ngày 20/02/2004.

B. CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG:

- 02 giải Nhất: Mỗi giải thưởng là 01 bộ salon KYMDAN
- 10 giải Nhì: Mỗi giải là 01 giường di động KYMDAN qui cách 1 x 2m có nệm dày 5cm.
- 100 giải Ba: Mỗi giải là 01 tấm nệm KYMDAN qui cách 1,6 x 2,0 x 0,1m có áo bọc bằng thun jersey.

C. ĐIỀU KIỆN XÉT TRÚNG THƯỞNG:

- Lịch trúng giải gửi về Công ty KYMDAN phải còn đủ 6 tờ, sạch sẽ, không rách hay bị rơi khỏi quyển lịch.
- Phần số không bị rách hay tẩy xóa.
- Công ty KYMDAN không chịu trách nhiệm đối với trường hợp gửi lịch trúng giải trễ hạn hay bị thất lạc.

Lưu ý:

- Phần thưởng không có giá trị quy đổi thành tiền mặt.
- Phần thưởng không bao gồm các chi phí phát sinh do vận chuyển từ nơi nhận giải đến nhà người trúng thưởng.
- Các phần thưởng không người nhận sẽ được quy đổi để tặng cho bệnh viện.

Bảo hành 5 năm (rõ ràng - cụ thể - thỏa đáng cho các trường hợp kẹt (lún), chảy nhựa, lão hóa, bỏ mủ)
Độ bền trên 20 năm - Sử dụng nệm KYMDAN là hiệu quả và tiết kiệm

Digitized by Google

RETURN
200
X
n được ph
tại châu Âu
28B
YMD
UÍ M
999 sản
ăng
mãi
2/9
ung
uốc
ung
báo khác
ảnh trung
VN sẽ g
02/2004
bỏ
kiến
hi

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



31
11-2002

NOV 27 2002

CURRENT SERIALS

TRUNG TÂM KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC

LIÊN HIỆP KHOA HỌC SẢN XUẤT CÔNG NGHỆ SINH HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: A15, 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 04. 7568261 - 0913219187 * Fax: 04 8363144, 7568261 * Email: cuongwg@yahoo.com

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA LIÊN HIỆP

- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ tiên tiến thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học vào việc khai thác, chế biến tài nguyên động thực vật và sản xuất các chế phẩm sinh học trong nước.

- Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, thiết bị thuộc các lĩnh vực chuyên ngành vi sinh, hoá sinh hữu cơ, hoá dược.

- Sản xuất thử nghiệm các chế phẩm sinh học, giống cây trồng vật nuôi, vật liệu có giá trị cao phục vụ các ngành nông, lâm, ngư nghiệp và môi trường

- Đào tạo cán bộ khoa học - công nghệ, công nhân lành nghề trong lĩnh vực công nghệ sinh học và môi trường.

- Liên kết với mọi tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài để trao đổi khoa học - kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, trang thiết bị tiên tiến vào Việt Nam.

- Thực hiện các dịch vụ khoa học-kỹ thuật với công nghệ cao, phân tích, giám định các chỉ tiêu di truyền phân tử, đánh giá tác động của môi trường, các dự án xử lý môi trường ...

CÁC SẢN PHẨM CHỦ YẾU

- Các giống lúa chống chịu, năng suất cao phù hợp với nhiều vùng sinh thái bằng công nghệ nuôi tế bào thực vật in vitro.

- Phân bón hữu cơ vi sinh.

- Thuốc thú y và vắc-xin cho vật nuôi: Entega,

Agari, kích phát tố, vắc-xin Gumboro nhược độc, KIT chuẩn đoán bệnh vi rút sốt trắng và chế phẩm xử lý môi trường nuôi tôm, một số loại thức ăn đặc chủng cho vật nuôi và động vật quý hiếm.

- Các quy trình công nghệ nhân nhanh các giống cây ăn quả, cây công nghiệp; công nghệ cấy chuyển phôi tạo ra giống bò cao sản, công nghệ sản xuất tinh...

- Trong lĩnh vực y dược: các loại thuốc bổ dưỡng Naturent, Pluriamin, Caventon; thuốc chữa bệnh Biolactovin và dược phẩm khác.

- Về lĩnh vực môi trường: các công trình xử lý rác thải sinh hoạt, phế thải chế biến nông lâm sản (sắn, cà phê, mía đường...) làm phân bón, quy trình công nghệ xử lý nước thải làng nghề, kim loại nặng, xử lý ô nhiễm dầu và các chế phẩm xử lý môi trường: Microcom, Microphot, Oilcleaner và một số thiết bị xử lý nitrơ liên kết.



Sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh



Sản phẩm thuốc Biolactovin



Khu thí nghiệm của Liên hiệp





THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 660

31

11-2002

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :
<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

• Phó Tổng Biên tập phụ trách :
TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : V.I. Lê-nin tại Xô-viết
Mát-xcơ-va

Tranh : Đ.Han-ban-đi-an

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

PHAN DIỄN - Một số vấn đề quan trọng về công tác tổ chức và cán bộ của Đảng hiện nay	3
PHẠM MẠNH HÙNG - Bảo đảm tính công bằng trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân	10

NHÂN KỶ NIỆM 85 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ VĨ ĐẠI (7-11-1917 - 7-11-2002)

LÊ HỮU NGHĨA - Sức sống của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại	14
ĐẶNG TOÀN - Cách mạng Tháng Mười Nga - giá trị lịch sử, nguồn cổ vũ lớn lao đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam	20
QUANG LỢI - 85 năm Cách mạng Tháng Mười : Bài học cách mạng tự bảo vệ	27

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN CHÍ TÌNH - Về những trang sách và những con người Xô-viết	31
TRẦN KIM DUNG - Hơn một thế kỷ quan hệ hữu nghị, hợp tác Việt - Nga	35
ĐOÀN NHẬT DŨNG - Xây dựng một thể hệ doanh nhân, doanh nghiệp mới	40

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TRẦN QUANG HẢI - Cải cách hành chính "một cửa, một dấu" ở Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh	45
CHU THÁI THÀNH - Diễn Châu giàu lên và đẹp hơn	50

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN THỊ HOA - Mỹ muốn xây dựng "trật tự thế giới mới"	55
--	----

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

Về tính tất yếu lịch sử của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại	60
---	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN, THỰC TIỄN

* Kỳ họp thứ tư Hội đồng Lý luận Trung ương	63
---	----

* Hoạt động xuất bản, in và phát hành sách nhân kỷ niệm 50 năm thành lập ngành (10-10-1952 - 10-10-2002)

СОДЕРЖАНИЕ

ФАН ЗИЕН: Некоторые важные проблемы об организационной и кадровой работе Партии на данном этапе. ФАМ МАНЬ ХУНГ: Обеспечение справедливости в работе по здравоохранению народа. ЛЕ ХЫУ НГИА: Жизненные силы Великой Октябрьской революции. ДАНГ ТОАН: Русская Октябрьская революция – историческая ценность, великолепный источник воодушевления для курса обновления во Вьетнаме. КУАНГ ЛОЙ: 85 лет Октябрьской Революции – революционный урок самозащиты. НГУЕН ТЫИ ТИНЬ: О страницах советских книг и советских людях. ЧАН КИМ ЗУНГ: Более века отношений дружбы и сотрудничества между Вьетнамом и Россией. ДОАН НЬЯТ ЗУНГ: Создание нового поколения вьетнамских предпринимателей и предприятий. НГУЕН ТХИ ХОА: США хотят построить «новый порядок мира».

CONTENTS

PHAN DIỄM: Some principal issues regarding the organising work and cadres' work of the Party nowadays. PHAM MẠNH HÙNG: To ensure justice in protection and in taking care of the people's health. LÊ HỮU NGHĨA: Vitality of the Great Russian October Revolution. ĐẶNG TOÀN: The Russian October Revolution – its historical significance, a spring of encouragement for Vietnam's renovation cause. QUANG LỢI: 85 years of the October Revolution: the revolutionary lesson of self-defense. NGUYỄN CHÍ TÌNH: Regarding soviet book's pages and the soviet men. TRẦN KIM DUNG: Over a century of friendly and collaborative relations between Vietnam and Russia. ĐOÀN NHẬT DŨNG: To form a new generation of Vietnamese businessmen and business enterprises. NGUYỄN THỊ HOA: The USA wants to build "a new world's order".

SOMMAIRE

PHAN DIỄM: Quelques questions importantes du travail d'organisation et à l'intention des cadres du Parti à l'heure actuelle. PHAM MẠNH HÙNG: Assurer l'égalité dans la protection et le soin de la santé publique. LÊ HỮU NGHĨA: La vitalité de la grande Révolution russe d'Octobre. ĐẶNG TOÀN: La Révolution russe d'Octobre - valeur historique, grand encouragement pour l'œuvre de renouveau au Vietnam. QUANG LỢI: 85 ans de la Révolution russe d'Octobre : leçons révolutionnaires d'autodéfense. NGUYỄN CHÍ TÌNH: Sur les pages de la littérature et des hommes russes. TRẦN KIM DUNG: Plus d'un siècle de l'amitié et de coopération vietnamo-russes. ĐOÀN NHẬT DŨNG: L'édification d'une nouvelle génération des hommes d'affaires, des entreprises vietnamiens. NGUYỄN THỊ HOA: Les Etats-Unis veut édifier un "nouveau ordre mondial".

SUMARIO

PHAN DIỄM: Algunos cuestiones importantes sobre el trabajo de organización y cuadros del Partido en la actualidad. PHAM MẠNH HÙNG: Asegurar igualdad en la protección y mantenimiento de la salud pública. LÊ HỮU NGHĨA: la fuerza vital de la Gran Revolución de Octubre. ĐẶNG TOÀN: la Revolución de Octubre de Rusia - valor histórico, gran fuente de estímulo para con la renovación en Vietnam. QUANG LỢI: 85 años de la Revolución de Octubre - las lecciones revolucionarias de autodefensa. NGUYỄN CHÍ TÌNH: Sobre las páginas de literatura y de hombres soviéticos. TRẦN KIM DUNG: Más de un siglo de relaciones de amistad y cooperación ruso-vietnamitas. ĐOÀN NHẬT DŨNG: La edificación de una nueva generación de empresarios y empresas vietnamitas. NGUYỄN THỊ HOA: Estados Unidos quiere edificar un "nuevo orden del mundo".

目录

潘演：关于目前党员干部人事组织工作的一些重要问题•范孟雄：保证人民保健的公平性•黎友义：伟大的十月革命的活力•邓全：俄国十月革命—历史价值 越南革新事业的巨大鼓舞源泉•光科：十月革命85周年—自我保卫的革命课题•阮至情：有关苏维埃的书及苏维埃人•陈金融：一个多世纪的越—俄友谊、合作关系•段日勇：树建越南新一代企业家及新的企业•阮氏花：美国想建立“新的世界秩序”。



MỘT SỐ VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ CỦA ĐẢNG HIỆN NAY

PHAN DIỄN*

TRONG lịch sử cách mạng của Đảng ta, công tác tổ chức và cán bộ luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu. Sau khi xác định được đường lối, chính sách đúng đắn, yếu tố có ý nghĩa quyết định để tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách đó chính là công tác tổ chức và cán bộ.

Kiểm điểm thực hiện ba nghị quyết Trung ương về công tác tổ chức và cán bộ, Hội nghị Trung ương 6 khóa IX đã đánh giá : trong thời gian qua, công tác tổ chức và cán bộ đã đạt được nhiều thành tích, góp phần quan trọng làm nên những thắng lợi của sự nghiệp đổi mới ; đồng thời Trung ương cũng nhận định : Công tác tổ chức và cán bộ còn nhiều khuyết điểm, yếu kém, công tác xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ chưa đáp ứng tốt yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, các cấp, các ngành cần tiếp tục quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả hơn nữa những nhiệm vụ về tổ chức và cán bộ đã đề ra trong các nghị quyết Trung ương các khóa VII, VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khóa IX mới đây về công tác tổ chức,

cán bộ ; tìm ra những giải pháp, biện pháp cụ thể, phù hợp với cấp mình, ngành mình, địa phương mình để thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ của công tác tổ chức xây dựng Đảng thời gian tới.

Về công tác tổ chức

Đảng ta luôn nhấn mạnh, để nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và sức chiến đấu của tổ chức đảng, phải chăm lo xây dựng Đảng cả về ba mặt : chính trị, tư tưởng và tổ chức. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được đổi mới, tăng cường là một nhân tố bảo đảm thống nhất ý chí và hành động, tạo nên sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị để thực hiện thắng lợi đường lối và nhiệm vụ chính trị của Đảng. Kien toàn, đổi mới tổ chức bộ máy cho phù hợp với yêu cầu của từng thời kỳ cách mạng là việc làm cần thiết ; hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng không có tính cố định, mà phải được hoàn thiện không ngừng, phù hợp với hoàn cảnh và nhiệm vụ của Đảng trong từng thời kỳ. Việc kien toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị phải nhằm giữ vững và tăng cường sự

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Thường trực Ban Bí thư

lãnh đạo của Đảng, giữ vững bản chất định hướng xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta, giữ vững ổn định chính trị, đồng thời tạo điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội của đất nước.

Sau 15 năm đổi mới, mô hình tổ chức của hệ thống chính trị ở nước ta với nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng đã được định hình trên những nét cơ bản ; cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ ngày càng được cụ thể hóa. Đây là thành quả lớn của công tác tổ chức trong thời gian qua. Tuy nhiên, trong hoạt động thực tiễn, hệ thống chính trị và từng bộ phận của hệ thống đó còn bộc lộ nhiều yếu kém ; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ giữa các tổ chức chưa được phân định rành mạch ; nhiều chủ trương đúng đắn về tổ chức, cán bộ đã nêu trong các nghị quyết chưa được thực hiện nghiêm chỉnh ; nhiều vấn đề về tổ chức và phương thức hoạt động, lề lối làm việc của các bộ phận trong hệ thống chính trị, nhất là mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ trong điều kiện Đảng duy nhất cầm quyền, chưa được nghiên cứu làm rõ ; chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy chưa cao, kỷ luật, kỷ cương không nghiêm, việc giáo dục, quản lý cán bộ chưa tốt, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên tha hóa, hư hỏng.

Thực tế trên đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính trị. Đương nhiên, không thể làm việc này một cách nóng vội, mà phải chỉ đạo chặt chẽ, có trọng tâm, trọng điểm, có bước đi và yêu cầu cụ thể đối với từng vấn đề, từng địa phương, từng cấp. Vấn đề bao trùm là phải xác định cho đúng, cho rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức và

mối quan hệ giữa các tổ chức đó. Vừa tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là sự lãnh đạo đối với công tác tổ chức và cán bộ, vừa phát huy được dân chủ và sức mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các ban của đảng và tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân phải đủ sức tham mưu cho cấp ủy đảng trong việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách lớn và trong vấn đề xây dựng Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo, kiểm tra của cấp ủy đảng trong quá trình thực hiện. Đảng phải mạnh từ trung ương tới cơ sở, đồng thời bộ máy của các cấp ủy phải tinh gọn, chất lượng cao.

Với tinh thần đó, cần tiếp tục sắp xếp các ban đảng ở trung ương theo Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII, tiến tới ổn định bộ máy các cơ quan tham mưu và các đơn vị sự nghiệp của Đảng ở trung ương.

Thời gian qua, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII về sắp xếp các ban đảng ở trung ương có việc thực hiện còn chậm. Sắp tới, phải tiếp tục thực hiện sắp xếp các ban đảng và các trường đào tạo cán bộ ở trung ương và tỉnh theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ chung của các ban đảng đã được xác định tiếp tục hoàn thiện quy định về lề lối làm việc và quan hệ công tác của từng ban. Sớm ban hành quy chế tiếp nhận cán bộ về công tác tại các ban đảng ở trung ương để tạo thuận lợi cho việc tăng cường và luân chuyển cán bộ, bổ sung cán bộ trẻ có đủ điều kiện, đã qua thực tiễn về các ban đảng ; rà soát, lập kế hoạch cử cán bộ làm công tác đảng đi đào tạo trong và

ngoài nước, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ban đảng ở trung ương.

Coi trọng xây dựng mô hình tổ chức đảng bộ khối cơ quan trung ương và cấp tỉnh, mô hình tổ chức đảng trong các tổng công ty ; đồng thời tập trung xây dựng cơ sở đảng, nhất là tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, trong các cơ quan hành chính sự nghiệp. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX, cần tiếp tục xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của từng tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, đồng thời giải quyết tốt vấn đề chính sách, đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ cơ sở xã, phường, thị trấn, nhất là ở các địa bàn xung yếu.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu những cơ sở lý luận, khoa học và tổng kết thực tiễn về tổ chức bộ máy đảng và toàn bộ hệ thống chính trị trong điều kiện một đảng cầm quyền, nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường ; đầu tư nhiều công sức hơn nữa để có được cái nhìn tổng thể và định hướng chiến lược tổng thể.

Về công tác cán bộ

Công tác tổ chức luôn phải gắn với công tác cán bộ, cán bộ phải thích ứng đòi hỏi của tổ chức, bảo đảm cho tổ chức hoàn thành nhiệm vụ. Ngược lại tổ chức phải tạo điều kiện để cán bộ phát triển tài năng, phẩm chất. Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của chế độ và của đất nước, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Không có đội ngũ cán bộ tốt, dù đề ra được đường lối, nhiệm vụ chính trị đúng thì đường lối, chủ trương của Đảng cũng không trở thành hiện thực trong

cuộc sống được. Chúng ta đã có nhiều nghị quyết, quy định, quy chế về công tác cán bộ, nhưng nhìn chung kết quả thực hiện còn thấp. Một số chủ trương chưa được cụ thể hóa để thực hiện. Nhiều việc chưa được thực hiện đầy đủ.

Đánh giá cán bộ là khâu yếu nhất và còn chậm được khắc phục trong công tác cán bộ hiện nay. Việc đánh giá cán bộ trong nhiều trường hợp còn thiếu chính xác, thiếu căn cứ khách quan, chưa lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu ; có nơi vì tình trạng phe cánh, cục bộ, mà có tình đánh giá sai lệch ; có khi vì quan hệ cá nhân, vì cảm tình riêng mà nể nang, né tránh, đánh giá không đúng cán bộ. Không ít tổ chức và người lãnh đạo quản lý cán bộ không tốt, không nắm chắc cán bộ. Không ít cấp ủy, trước hết là người đứng đầu cấp ủy nhận thức chưa sâu sắc, đầy đủ về trách nhiệm và tầm quan trọng của việc đánh giá cán bộ, hoặc chưa thật sự công tâm trong việc đánh giá cán bộ. Cũng có nguyên nhân là chúng ta chưa cụ thể hóa được các tiêu chí đánh giá cán bộ, nên khi đánh giá thiếu căn cứ thống nhất ; chưa tuân thủ nghiêm túc quy chế, quy trình công tác cán bộ, trong đó có việc đánh giá cán bộ ; chưa quy định rõ ràng, hợp lý chế độ trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cán bộ.

Để khắc phục tình trạng trên, phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định, quy trình đánh giá cán bộ, lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo phẩm chất và năng lực cán bộ, thực hiện đúng nguyên tắc tập thể quyết định công tác cán bộ. Đánh giá cán bộ phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ. Tiêu chuẩn chung nhất đối với cán bộ là phải có đủ đức, đủ tài, nhưng phải cụ thể

hóa “đức”, “tài” trong mỗi giai đoạn cách mạng, đối với mỗi chức vụ và cương vị công tác. Trong tình hình hiện nay, việc đánh giá cán bộ cần hết sức lưu ý đánh giá tính kiên định mục tiêu, lý tưởng của cán bộ, biểu hiện rõ trong thái độ, quan điểm chính trị của mỗi người khi tình hình trong nước và trên thế giới có những diễn biến phức tạp, hay gặp những thử thách, khó khăn gay gắt. Phải quan tâm đánh giá đạo đức, lối sống và quan hệ với nhân dân của cán bộ, nhất là tinh thần đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí xảy ra quanh mình, trong công tác và trong đời sống hằng ngày. Đồng thời, chúng ta phải coi trọng xem xét, đánh giá trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực hiện sáng tạo các nghị quyết của Đảng, các nhiệm vụ, chủ trương của Nhà nước, của mỗi cán bộ thể hiện qua thực tế công việc của họ. Cán bộ lãnh đạo phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có kiến thức và năng lực thực tiễn, nhạy cảm với cái mới, có đạo đức cách mạng trong sáng, gần gũi với nhân dân, có phong cách làm việc dân chủ, tôn trọng tập thể, trung thực, thẳng thắn, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, dám chịu trách nhiệm, quy tụ và đoàn kết được mọi người. Các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn phải căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương để cụ thể hóa tiêu chuẩn của từng chức danh cán bộ, sao cho phù hợp với từng đối tượng, từng cấp, từng địa phương, từng ngành, từng lĩnh vực. Đồng thời phải có định hướng để phấn đấu nâng dần chất lượng cán bộ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và trong

điều kiện nước ta ngày càng hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới, đề ra phương pháp đánh giá phân loại cán bộ một cách khoa học, toàn diện, cụ thể.

Để đánh giá đúng cán bộ, cần nhiều giải pháp mang tính chất tổng hợp. Trước hết phải công tâm, khách quan, cán bộ lãnh đạo phải có tâm trong sáng. Lãnh đạo không thực tâm, lại thực hiện không nghiêm túc quy trình, quy chế thì đánh giá cán bộ sẽ sai lệch, từ đó việc sử dụng, bố trí, đề bạt cán bộ sẽ sai lầm. Vì vậy, cần cụ thể hóa các vấn đề : dân chủ hóa, công khai hóa công tác cán bộ ; tổ chức lấy ý kiến nhân dân và cán bộ cấp dưới tham gia đánh giá cán bộ ; xây dựng cơ chế phát huy trách nhiệm của người đứng đầu và cơ quan sử dụng cán bộ... Khách quan, công bằng, dân chủ là điều kiện cần thiết để bảo đảm đánh giá đúng đắn cán bộ.

Trên cơ sở cụ thể hóa các nội dung đánh giá về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao, tập thể ban thường vụ cấp ủy, lãnh đạo đơn vị phải nhận xét, kết luận về mức độ hoàn thành công việc, khả năng, triển vọng phát triển của từng cán bộ. Phải kiên trì thực hiện thành nền nếp việc đánh giá cán bộ hằng năm, đánh giá cán bộ trước khi bổ nhiệm, giới thiệu vào các chức danh lãnh đạo, quản lý. Phải căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ để xem xét bổ nhiệm lại. Không bổ nhiệm cán bộ không có triển vọng, khả năng. Muốn đánh giá cán bộ đúng phải định rõ trách nhiệm cá nhân, trước hết là trách nhiệm người đứng đầu. Phải làm tốt việc nhận xét, góp ý kiến đối với cán bộ khi chuyển đơn vị công tác.

Người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về những yếu kém trong công tác, về tệ tham nhũng,

quan liêu, lãng phí... của địa phương, cơ quan, đơn vị đó. Khắc phục tình trạng khi kiểm điểm tập thể thì chỉ ra được khuyết điểm, nhưng khi kiểm điểm cá nhân thì không quy được trách nhiệm cho ai.

Đồng thời, qua đánh giá cán bộ, có kế hoạch để giúp cán bộ tiếp tục được đào tạo, rèn luyện, thử thách và tiến bộ trong thực tiễn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh : Đối với cán bộ chẳng những phải xem xét rõ ràng trước khi cất nhắc. Mà sau khi đã cất nhắc phải giúp đỡ họ, vun trồng lòng tự tin, tự trọng của họ.

Về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý

Việc này chúng ta đã làm, nhưng còn khá lúng túng, hình thức, hiệu quả thấp, nhiều nơi “quy hoạch xong để đấy, quy hoạch một đường, làm một nẻo”. Vì vậy, việc bố trí, sắp xếp cán bộ vẫn còn chắp vá, bị động, tình trạng hẫng hụt cán bộ kể cận ở các cấp, các ngành và địa phương khá phổ biến.

Cần kiên trì và tích cực triển khai thực hiện chiến lược cán bộ, coi trọng công tác quy hoạch cán bộ, chuẩn bị lớp cán bộ kế cận. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, thực trạng đội ngũ cán bộ hiện có, nhiệm vụ cách mạng và yêu cầu của đội ngũ cán bộ sắp tới, từng ngành, từng cấp, cơ quan, đơn vị xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo và quản lý, nhất là quy hoạch người đứng đầu. Phải căn cứ vào những biểu hiện trong thực tế của cán bộ trên cả ba mặt lý tưởng, đạo đức lối sống, trình độ, năng lực đã nói ở trên, nhất là phải xem xét, đánh giá triển vọng phát triển, không nên chỉ nhìn về bề dày công tác để bố trí quy hoạch cán bộ. Đối với các vị trí cán bộ lãnh đạo, quản lý

cần coi trọng khả năng đoàn kết tập thể, đồng chí, đồng nghiệp. Sau khi có quy hoạch phải dựa vào quy hoạch để đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng và luân chuyển cán bộ. Đồng thời, phải định kỳ xem xét, đánh giá cán bộ trong diện quy hoạch để có sự bổ sung, điều chỉnh cần thiết.

Cần tập trung chỉ đạo, xây dựng tốt quy hoạch cán bộ cấp tỉnh, thành phố, coi đây là trọng tâm công tác quy hoạch cán bộ năm 2002. Từ đó, rút kinh nghiệm và chỉ đạo thực hiện tốt công tác quy hoạch ở các cấp chính quyền, các bộ, ngành.

Về luân chuyển cán bộ

Chủ trương luân chuyển cán bộ đã có từ lâu và chúng ta đã thực hiện thành công trong nhiều giai đoạn cách mạng trước đây. Tuy nhiên, thời gian gần đây việc này chưa được coi trọng đúng mức. Vì vậy, Bộ Chính trị đã có Nghị quyết về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý, coi luân chuyển cán bộ là một trong những giải pháp đột phá về công tác cán bộ trong tình hình hiện nay. Từ sau Đại hội IX đến nay, Bộ Chính trị đã điều động, luân chuyển 12 đồng chí Ủy viên Trung ương. Một số nơi cũng đã làm và thu được kết quả bước đầu. Cán bộ được luân chuyển đã thể hiện bản lĩnh và năng lực lãnh đạo, trưởng thành nhanh hơn. Điều này khẳng định chủ trương luân chuyển cán bộ của Bộ Chính trị là đúng đắn. Thời gian tới phải quyết tâm làm tốt hơn.

Để thực hiện tốt việc luân chuyển cán bộ phải thống nhất cao về nhận thức tư tưởng : luân chuyển là để cán bộ lãnh đạo, quản lý có điều kiện rèn luyện, trưởng thành về bản lĩnh và năng lực thực tiễn, khắc phục tình trạng khép kín, trì trệ và tiêu cực trong công tác cán bộ đang tồn tại ở nhiều nơi.

Chúng ta có cơ sở để tin rằng, làm tốt việc luân chuyển cán bộ sẽ tạo điều kiện để chúng ta làm tốt hơn việc đánh giá, quy hoạch, đào tạo cán bộ. Đây là việc làm khó, phải làm tích cực nhưng thận trọng, không làm ồ ạt, gây xáo trộn không cần thiết trong đội ngũ cán bộ. Cán bộ, đảng viên phải phục tùng tuyệt đối quyết định điều động của Đảng và Nhà nước, đồng thời phải kết hợp nhiều mặt công tác và chính sách cán bộ, làm sao để cán bộ diện luân chuyển yên tâm, phấn khởi khi nhận nhiệm vụ. Cấp ủy, địa phương, đơn vị có cán bộ được điều động về phải tạo điều kiện cho cán bộ làm tốt nhiệm vụ ; đồng thời, phải ngăn ngừa những biểu hiện lợi dụng việc luân chuyển cán bộ để đẩy những người không “ăn cánh” đi nơi khác. Cần chỉ đạo làm thí điểm luân chuyển 6 chức danh cán bộ chủ chốt và cán bộ quản lý ở một số tỉnh, thành phố để rút kinh nghiệm, sau đó sẽ xem xét việc nhân rộng.

Qua đánh giá lại đội ngũ cán bộ, cần đưa những người không đủ tiêu chuẩn, tha hóa, biến chất ra khỏi bộ máy và tuyển dụng cán bộ trẻ, đủ điều kiện, tiêu chuẩn. Nghiên cứu có chính sách thỏa đáng đối với cán bộ diện không đủ tiêu chuẩn ra khỏi bộ máy, đồng thời có cơ chế để tạo môi trường cho cán bộ trẻ thể hiện khả năng, qua đó phát hiện, tuyển chọn để đưa vào quy hoạch.

Một vấn đề rất quan trọng đặt ra hiện nay là công tác bảo vệ cán bộ. Phải qua đào tạo, rèn luyện thử thách mới có được cán bộ tốt, nhưng nếu không giáo dục thường xuyên, không làm tốt việc quản lý, giám sát cán bộ thì rất dễ mất cán bộ, nhất là trong cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế, trước sự tấn công của đồng tiền và nhiều cám dỗ vật chất khác. Thời gian qua một số

cán bộ, kể cả cán bộ cao cấp bị sa ngã, sống buông thả, thoái hóa, biến chất, không giữ gìn phẩm chất chính trị, tư cách, đạo đức, dẫn đến vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước đã để lại cho chúng ta bài học về việc quản lý và bảo vệ cán bộ. Chúng ta cần nghiêm khắc nhìn nhận về những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác quản lý cán bộ, đảng viên, cả ở nơi công tác và nơi cư trú dẫn đến mất cán bộ không chắc, không sát, để tiêu cực tấn công vào một số cán bộ. Trong Đảng, cần nghiêm túc tự phê bình và phê bình với tình đồng chí, tình người, nhưng thẳng thắn không tránh né, phải kiên quyết đấu tranh với những sai lầm, khuyết điểm. Đồng thời phải phát huy dân chủ, xây dựng cơ chế để nhân dân góp ý phê bình, giám sát cán bộ, công chức. Tăng cường quản lý, giám sát cán bộ chính là phương thức tốt nhất để đánh giá, bảo vệ cán bộ, ngăn ngừa kịp thời từ khi cán bộ có dấu hiệu vi phạm.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa IX ; thực hiện tốt các biện pháp nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, quan liêu. Tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên về nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, chống tư tưởng cơ hội, thực dụng. Cán bộ, công chức phải tự giác nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tận tâm, tận tụy với công việc ; đồng thời phải khẩn trương xây dựng và thực hiện cơ chế để nhân dân và công luận giám sát cán bộ, công chức về kết quả công tác, đạo đức, lối sống. Cần nghiêm túc thực hiện chủ trương kê khai tài sản của cán bộ, công chức và phải tiếp tục nghiên cứu xây dựng quy chế về trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo trong

những trường hợp để cơ quan, đơn vị mà mình trực tiếp quản lý xảy ra những vụ tiêu cực, tham nhũng, hoặc vi phạm pháp luật lớn.

Về tổ chức cơ sở đảng và đảng viên

Công tác tổ chức có mối quan hệ hữu cơ với công tác cán bộ và công tác tổ chức cơ sở, đảng viên. Hội nghị Trung ương 5 khóa IX đã có Nghị quyết về tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Thực hiện chủ trương đề ra trong Nghị quyết, Ban Tổ chức Trung ương đã dự thảo Hướng dẫn đánh giá tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, nhằm đánh giá đúng chất lượng của tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng công tác tổ chức, công tác cán bộ, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Tổ chức, cán bộ và đảng viên luôn luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa quyết định thành công của cách mạng. Công cuộc đổi mới của chúng ta đạt được những thành tựu to lớn, có phần đóng góp quan trọng của công tác tổ chức, cán bộ và đảng viên. Tuy nhiên, như Đại hội IX và Kết luận Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) đã nhận định, đây là lĩnh vực còn nhiều yếu kém, bất cập. Vì vậy, các cấp ủy cần tiếp tục quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ về tổ chức, cán bộ và đảng viên đã đề ra trong các nghị quyết và kết luận của Trung ương.

Đội ngũ những người làm công tác tổ chức, cán bộ, quản lý đảng viên của Đảng cần nhận thức sâu sắc đây là một nhiệm vụ vẻ vang, một “nghề” rất quan trọng, nhưng cũng rất khó khăn, vì đó là công việc về tổ chức, về con người - tổng hòa các mối quan

hệ xã hội. Vì vậy, đòi hỏi cán bộ tổ chức, trước hết phải là những cán bộ tốt, gần gũi nhân dân, vì nhân dân, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Thời gian tới, nhiệm vụ đặt ra cho công tác tổ chức và cán bộ rất nặng nề, vì vậy đòi hỏi các đồng chí nỗ lực cao hơn, phát huy thành tích, ưu điểm, đồng thời cũng cần kiểm điểm thiếu sót, khuyết điểm, trách nhiệm của mình - cơ quan tham mưu cho cấp ủy - trong những yếu kém, khuyết điểm của công tác tổ chức, cán bộ. Ban Tổ chức Trung ương và ban tổ chức cấp ủy các cấp cần đi sâu trong việc kiện toàn cơ quan, đơn vị, đổi mới phong cách công tác, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức, cán bộ ngày càng vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài. Trước hết, cần tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt các nhiệm vụ có tính chất đột phá trong công tác tổ chức, cán bộ hiện nay là : sớm hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng của bộ máy ; đẩy mạnh công tác quy hoạch gắn với đào tạo, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý để chuẩn bị đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cho cả trước mắt và lâu dài của Đảng.

Kiên trì, quyết tâm thực hiện chiến lược cán bộ, thực hiện tốt các nghị quyết trung ương về công tác tổ chức, cán bộ, nhất định chúng ta sẽ xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên “vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn”, đảm đương được nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.□

BẢO ĐẢM TÍNH CÔNG BẰNG TRONG BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN

PHẠM MẠNH HÙNG*

CON người là nguồn tài nguyên quý báu nhất, quyết định sự phát triển của đất nước, nhưng sức khỏe lại là vốn quý nhất của mỗi con người và của toàn xã hội. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã rất quan tâm chỉ đạo công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe (CSSK) nhân dân. Nhiều văn bản, chính sách quan trọng đã được Đảng và Nhà nước ban hành để tăng cường cho công tác này. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng chỉ rõ nhiệm vụ CSSK nhân dân trong thời gian tới là : *Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe ; đổi mới cơ chế và chính sách viện phí ; có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân...* Để thực hiện những chính sách, chiến lược đó, thì đầu tư cho y tế, nhất là cung cấp tài chính, đóng vai trò rất quan trọng.

Hiện nay, có bốn nguồn tài chính cơ bản cho công tác CSSK ở nước ta : ngân sách nhà nước, thu từ bảo hiểm y tế, thu viện phí, và các nguồn tài trợ khác. Những nguồn tài chính này có thể gộp thành hai nhóm chính : Nguồn đầu tư từ ngân sách công (ngân sách nhà nước, viện trợ nước ngoài) và nguồn do người dân tự chi trả (thông qua việc mua bảo hiểm y tế hoặc trả viện phí trực tiếp).

Để đảm bảo tính công bằng trong công tác CSSK, hệ thống tài chính y tế cần phải có hai yếu tố cơ bản, **một là : ngân sách nhà nước phải là nguồn kinh phí chính dành cho y tế ; hai là : Nhà nước phải có chính sách và biện pháp hữu hiệu để tổ chức cho nhân dân chi trả phần còn lại.** Chúng ta có thể nhìn nhận hai yếu tố này ở Việt Nam và so sánh với tình hình tài chính y tế ở các nước khác trên thế giới.

Yếu tố thứ nhất : Đầu tư từ ngân sách công cho y tế. Ở hầu hết các nước trên thế giới, y tế và giáo dục được coi là hai lĩnh vực dịch vụ xã hội cơ bản được nhà nước ưu tiên đầu tư. Một số người cho rằng, y tế là một ngành không tạo ra sản phẩm hàng hóa, vì thế, đầu tư cho y tế là ít mang lại lợi nhuận. Đó là quan điểm hoàn toàn sai lầm. Sức khỏe là vốn quý nhất của con người và của toàn xã hội. Không thể có một xã hội phát triển nếu sức khỏe của cộng đồng không tốt. Một dân tộc có sức khỏe tốt là điều kiện quan trọng trước tiên cho sự phát triển. Đầu tư cho y tế phải được coi là đầu tư cơ bản cho con người và cho phát triển kinh tế - xã hội.

* GS. TSKH, Thứ trưởng thường trực Bộ Y tế

Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm, nhưng đầu tư cho y tế từ ngân sách công còn thấp cả về số tuyệt đối và số tương đối.

Số liệu (bảng 1, cột 6) dưới đây là mức chi tiêu công cho y tế tính theo đầu người dân của các nước châu Á và một số nước phát triển. Chúng ta không thể so sánh với các nước thu nhập cao (Ví dụ : Mỹ, Thụy Điển và các nước châu Âu chi ngân sách nhà nước cho y tế khoảng 2 000 USD/người/năm), nhưng ngay cả khi so sánh với các nước đang phát triển trong khu vực thì Việt Nam cũng thuộc nhóm những nước có mức đầu tư cho y tế từ ngân sách công còn thấp. Một số nước có điều kiện kinh tế kém hơn Việt Nam, nhưng ngân sách công dành cho y tế cũng ở mức cao hơn (ví dụ : Băng-la-đét, Lào).

Bảng 1. Tình hình chi tiêu cho y tế ở các nước châu Á và một số nước phát triển.

Quốc gia	Tổng chi cho y tế		Chi tiêu công cho y tế		
	Tổng chi y tế theo GDP (%)	Tổng chi y tế theo đầu dân (USD)	Tỷ lệ chi tiêu công trong tổng chi y tế (%)	Chi tiêu công cho y tế theo GDP (%)	Chi tiêu công cho y tế theo đầu dân (USD)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Sin-ga-po	3,1	876	35,8	1,1	313,6
Hàn Quốc	6,7	700	37,8	2,5	264,6
Ma-lai-xi-a	2,4	110	57,6	1,4	63,4
Thái Lan	5,7	133	33,0	1,9	43,9
Phi-lip-pin	3,4	40	48,5	1,6	19,4
Xri Lan-ca	3,0	25	45,5	1,4	11,4
Lào	3,6	13	62,7	2,3	8,2
Ấn-đô-nê-xi-a	1,7	18	36,8	0,6	6,6
Băng-la-đét	4,9	13	46,0	2,3	6,0
Trung Quốc	2,7	20	24,9	0,7	5,0
Việt Nam	4,8	25	20,0	1,0	5,0
Cam-pu-chia	7,2	21	9,4	0,7	2,0
Đức	10,5	2.713	77,5	8,1	2.102,6
Thụy Điển	9,2	2.456	78,0	7,2	1.915,7
Mỹ	13,7	4.187	44,1	6,0	1.846,5

Nguồn : Báo cáo của Tổ chức Y tế thế giới năm 2000

Về số tương đối, có thể lấy mức chi tiêu công cho y tế trong tổng thu nhập quốc dân làm chỉ số đánh giá sự quan tâm đầu tư của nhà nước cho y tế. Số liệu của các nước trên thế giới cho thấy, khi nền kinh tế càng phát triển thì tỷ lệ chi cho y tế theo GDP cũng càng tăng. Các nước phát triển thường chi cho y tế chiếm khoảng 6 - 8% GDP, trong khi đó những nước thu nhập thấp thường chi khoảng 1 - 2% GDP cho y tế (số liệu ở cột 5, bảng 1).

Trong những năm gần đây, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế hằng năm của nước ta đạt khoảng 7%. Nhờ đó, tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và các dịch vụ an sinh xã hội khác cũng tăng lên rất lớn. Tuy nhiên, tỷ lệ chi cho y tế hầu như lại tăng không đáng kể.

Số liệu điều tra về *Mức sống dân cư Việt Nam* do Tổng cục Thống kê tiến hành năm 1998 cho thấy, trong khi chi tiêu công cho y tế khoảng 5 USD/đầu người dân/năm thì người dân tự chi tiêu cho y tế gấp bốn lần. Nói cách khác, chi tiêu công cho y tế chỉ chiếm 19,5% so với tổng chi tiêu cho y tế của toàn xã hội.

Yếu tố thứ hai : Chi tiêu tư cho y tế. Thực tế cho thấy, trên thế giới không có hệ thống y tế của nước nào có thể hoàn toàn dựa vào ngân sách nhà nước. Tất cả các nước đều phải có sự tham gia đóng góp tài chính của người dân cho công tác CSSK (tạm gọi là chi tiêu tư cho y tế). Số liệu thống kê cho thấy, tỷ lệ chi tiêu tư trong tổng chi tiêu cho y tế không phụ thuộc nhiều vào mức độ phát triển kinh tế, mà chủ yếu là dựa vào chính sách đầu tư cho các dịch vụ xã hội (trong đó có y tế) của các nước. Ngay trong các nước phát triển thì tỷ lệ này cũng rất khác nhau. Ví dụ, chi tiêu tư chỉ chiếm 22,5% ở Đức, 22,0% ở Thụy Điển, trong khi đó tỷ lệ này ở Mỹ chiếm đến 55,9%. Tỷ lệ chi tiêu tư ở các nước đang phát triển có xu hướng cao hơn so với các nước phát triển, nhưng mức độ cũng lại rất khác nhau. Tỷ lệ này khá thấp ở Ma-lai-xi-a, Lào, Phi-lip-pin, Xri Lan-ca..., trong khi đó lại rất cao ở Việt Nam (80%) và một số nước khác. Với tỷ lệ

này, Việt Nam là một trong 5 nước có chỉ số "Công bằng trong tài chính y tế" thấp nhất thế giới, đứng thứ 187 trong tổng số 191 nước thành viên của Tổ chức Y tế thế giới.

Các chi phí tư nhân trong y tế chủ yếu là do người dân tự mua thuốc về điều trị, khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế ngoài công lập và trả viện phí trực tiếp khi sử dụng các dịch vụ khám chữa bệnh. Ngoài viện phí, những chi phí này hầu hết không hợp lý và nằm ngoài phạm vi quản lý của Nhà nước. Số liệu nghiên cứu ở nhiều nước đang phát triển trên thế giới cho thấy chi phí cao cho y tế trực tiếp từ túi người dân là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến đói nghèo. Theo ước tính, trong số 15 triệu người nghèo ở nước ta, có khoảng 3 triệu người (20%) bị nghèo do các lý do liên quan đến y tế. Nhiều người nghèo vì không có đủ tiền nên đã không được chăm sóc y tế. Những người đến được với cơ sở y tế thì lại phải chịu gánh nặng chi phí cao. Để có thể chi trả các chi phí khám chữa bệnh, nhiều người đã phải bán tài sản, bán công cụ sản xuất, giảm thiểu các chi tiêu cơ bản cho gia đình, trẻ em phải bỏ học để giảm chi tiêu và tăng sức lao động... Số liệu điều tra cho thấy, có khoảng 20% số người khi đi khám chữa bệnh đã phải vay, mượn tiền. Tỷ lệ này ở nhóm người nghèo lên đến 40 - 50%. Nhiều người sau khi đi khám chữa bệnh đã lâm vào cảnh nợ nần.

Chi phí cho y tế có rất nhiều đặc điểm khác so với các chi tiêu khác. Chi tiêu cho giáo dục thường được báo trước về thời gian (ví dụ, đầu năm học) và số lượng. Vì vậy, các hộ gia đình, kể cả những hộ nghèo có thể thu xếp trước để chi trả. Trái lại, những chi tiêu cho y tế, ốm đau, bệnh tật thường xảy ra bất ngờ, khó định trước; chi tiêu y tế thường xảy ra vào những lúc khó khăn (thiên tai, thảm họa, những lúc giáp hạt, đói kém thì bệnh tật lại dễ phát triển); chi tiêu y tế mang tính bắt buộc cao, nhất là khi bị bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo; tổng số chi tiêu thường không biết trước... Tất

cả những đặc điểm này khiến cho chi tiêu y tế dễ làm cho người không nghèo (nhưng thực sự thu nhập cũng rất thấp), và kể cả người khá giả trở thành nghèo đói, nợ nần; những người nghèo thì lại càng cùng quẫn hơn (hay còn gọi là "Bẫy nghèo y tế").

Thách thức lớn cho công tác CSSK hiện nay là phải bảo đảm quyền được CSSK, bảo đảm công bằng xã hội trong cơ chế thị trường. Điều này có nghĩa là mọi người dân, bất kể là ai, đều có quyền được CSSK một cách công bằng theo đúng "nhu cầu" cần được chăm sóc. Khi bị mắc những bệnh như nhau thì phải được điều trị, chăm sóc như nhau, bất kể giàu nghèo. Bên cạnh đó, trong cơ chế thị trường rất dễ xuất hiện một cách nghĩ sai lầm cho rằng, dịch vụ y tế cần được cung cấp giống như các loại dịch vụ hàng hóa thông thường khác, người bệnh phải mua những dịch vụ y tế mình cần và chi trả cho các dịch vụ đó thông qua viện phí.

"Viện phí" là một loại "phí" đánh vào những người ốm. Người càng ốm nhiều thì phải trả "phí" càng nhiều, nghĩa là những người nghèo, người già, trẻ em, những đối tượng thiệt thòi về sức khỏe thì phải nộp "phí" nhiều hơn. Trong khi đó, những người giàu, người khỏe mạnh, người trong độ tuổi lao động thì ít phải nộp "phí" này. Số liệu điều tra mức sống dân cư cho thấy, chi phí trung bình từ túi cá nhân cho mỗi lần sử dụng dịch vụ y tế công vẫn còn cao và quá khả năng chi trả của người nghèo, và đặc biệt cao với người nghèo. Ví dụ, chi phí cho *một lần* chữa bệnh tại bệnh viện công đã chiếm tới 22% chi tiêu mua thực phẩm *một năm* của một người thuộc nhóm 20% dân nghèo nhất, trong khi đó tỷ lệ này chỉ là 5% đối với người thuộc nhóm 20% dân giàu nhất. Đây là một trong những yếu tố mất công bằng xã hội cần phải giải quyết.

Trong khi Nhà nước chưa thể đủ kinh phí chi trả cho y tế thì việc người dân phải chi trả một phần cho các dịch vụ y tế (nhất là dịch vụ

khám chữa bệnh ở tuyến trên) là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, điều quan trọng nhất trong tài chính y tế là Nhà nước phải có biện pháp tổ chức tốt để người dân có nguồn chi trả cho y tế khi cần thiết, tránh những tác động đột ngột gây nghèo đói do chi tiêu y tế. Ngoài ra, nếu Nhà nước tổ chức tốt phần người dân tự chi trả thì sẽ giảm được tổng số tiền người dân phải chi cho y tế, vì sẽ giảm được các chi tiêu không cần thiết, không hợp lý (so với khi người dân tự mua thuốc về điều trị). Nhờ vậy, với số tiền chi trả ít hơn, người dân có thể nhận được các dịch vụ y tế chất lượng hơn, an toàn hơn.

Vấn đề đặt ra là, Nhà nước cần tổ chức phần chi tiêu tư cho y tế như thế nào? Hệ thống tài chính y tế công bằng là hệ thống có sự hỗ trợ lẫn nhau trong xã hội về CSSK: Người giàu hỗ trợ người nghèo, người khỏe hỗ trợ người ốm, người trong độ tuổi lao động hỗ trợ người già, trẻ em... Biện pháp hỗ trợ hiệu quả nhất là thông qua các hình thức chi trả trước (ví dụ: bảo hiểm y tế, quỹ CSSK...). Với các hình thức này, ngoài việc toàn xã hội không chỉ cùng nhau chia sẻ nguy cơ ốm đau, bệnh tật, giảm gánh nặng chi phí cho những đối tượng yếu thế mà còn tạo điều kiện cho các đối tượng này có thể chi trả một phần khi cần thiết (thông qua việc đóng góp trước khi bị bệnh).

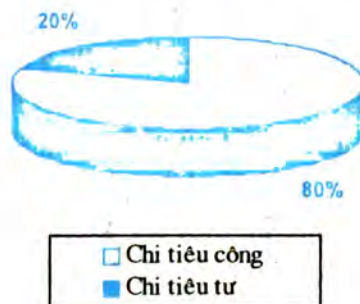
Sự kết hợp của hai yếu tố nói trên là rất cần thiết và quan trọng, bảo đảm *chi tiêu công* - nguồn chi chủ yếu cho CSSK, đồng thời Nhà nước tổ chức tốt cho nhân dân *chi trả phần còn lại*, mặc dù không lớn.

Thực tế ở Việt Nam cho thấy, chi tiêu công cho y tế còn thấp. Chi ngân sách của Nhà nước cho y tế mới chỉ chiếm khoảng gần 20% tổng số chi cho CSSK của toàn xã hội (Biểu đồ 1). Trong khi đó, việc tổ chức cho nhân dân chi trả phần còn lại chưa được thực hiện tốt. Người dân chủ yếu chi trả thông qua viện phí trực tiếp cho các cơ sở khám chữa bệnh. Tỷ lệ

người dân có bảo hiểm y tế mới chỉ đạt khoảng 15% (chủ yếu là bảo hiểm y tế bắt buộc). Vì vậy, hệ thống tài chính y tế của nước ta hiện nay vẫn chưa đảm bảo được tính công bằng trong CSSK.



Biểu đồ 1: Chi tiêu công cho y tế thấp



Biểu đồ 2: Chi tiêu công cho y tế cao

Trong thời gian tới, Nhà nước cần từng bước tăng chi tiêu công (ví dụ, từ ngân sách nhà nước) dành cho y tế (theo xu hướng ở biểu đồ 2). Bên cạnh đó, tổ chức tốt để người dân tự chi trả phần còn lại, cụ thể là phát triển các hình thức chi trả trước cho CSSK (các hình thức bảo hiểm y tế, quỹ khám chữa bệnh...), đồng thời quản lý tốt hơn hệ thống y tế tư nhân và có các giải pháp để giảm các chi tiêu không cần thiết, chi tiêu bất hợp lý của người dân cho CSSK. Thực hiện tốt những định hướng này, hệ thống tài chính y tế Việt Nam sẽ mang tính công bằng hơn, góp phần thực hiện mục tiêu "công bằng", "chất lượng" và "hiệu quả" trong bảo vệ và CSSK nhân dân của ngành y tế trong những năm tới. □

SỨC SỐNG CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI

LÊ HỮU NGHĨA*

TÁM mươi lăm năm đã trôi qua kể từ ngày nổ ra cuộc Cách mạng Tháng Mười vĩ đại do V.I. Lê-nin lãnh đạo. Trong 85 năm ấy, biết bao sự kiện đã xảy ra sôi động, hào hùng, khốc liệt, bi tráng trên mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới. Trong tất cả những sự kiện ấy, Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga chính là một sự kiện có ý nghĩa, tầm vóc lịch sử vĩ đại, để lại những dấu ấn không thể phai mờ, ấn định cả chiều hướng phát triển của xã hội loài người, mang một sức sống bất diệt. Bởi vì cuộc cách mạng này đã mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, thời đại hình thành, thực hiện và phát triển của những tư tưởng và của sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giải phóng các dân tộc bị áp bức. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định : Giống như mặt trời chói lọi, Cách mạng Tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất.

Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga đã nổ ra như một tất yếu lịch sử. Nó chấm dứt thời đại hoành hành của chủ nghĩa tư bản tàn bạo với hình ảnh ghê tởm của “con đĩa hai vôi” hút máu giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở chính quốc và nhân dân các dân tộc thuộc địa.

Chính nhân dân Nga đói khổ mà bộ phận đông đảo nhất là công - nông - binh đã lựa chọn con đường cách mạng của Đảng Bôn-sê-vích, lật đổ chế độ chuyên chế Nga hoàng, giành chính quyền về tay mình, giành lấy hòa bình và ruộng đất. Cách mạng Tháng Mười đã nổ ra và thắng lợi như vậy. Đảng Bôn-sê-vích được tôi luyện nhiều năm trong phong trào công nhân và trong đấu tranh lý luận, đã trở thành người lãnh đạo cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Cách mạng

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc thường trực Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Tháng Mười thật sự đã làm rung chuyển thế giới, thức tỉnh nhân loại trên con đường tự giải phóng, hướng tới tương lai tươi sáng.

Sinh ra từ Cách mạng Tháng Mười, chính phủ công - nông - binh do V.I. Lê-nin đứng đầu ngay từ đầu đã tuyên bố hai sắc lệnh nổi tiếng về hòa bình và ruộng đất, công bố những chính sách cơ bản của mình : ngày làm 8 giờ, giáo dục không mất tiền, chữa bệnh không mất tiền, bảo hiểm xã hội, tự do tín ngưỡng, nam nữ bình quyền, tách nhà thờ khỏi nhà trường và nhà trường khỏi nhà thờ, xóa bỏ các hiệp ước bất bình đẳng mà Sa hoàng ký với các nước, các dân tộc trong đế quốc Nga có quyền tự quyết... Đương thời không có một cương lĩnh nào, chính sách nào rõ ràng và tiến bộ như thế. Nó đáp ứng được ước mơ giải phóng không những của nhân dân Nga mà của các dân tộc thuộc địa trong “nhà tù của đế quốc Nga”. Nhờ cuộc Cách mạng Tháng Mười, nhân dân Nga đã đạt được những thành quả mà giai cấp công nhân và nhân dân lao động các dân tộc khác phải đấu tranh hàng trăm năm mới có. Đối với các nước thuộc địa, Cách mạng Tháng Mười đã mở ra con đường giải phóng các dân tộc bằng cách liên minh tranh đấu giữa giai cấp vô sản toàn thế giới với các dân tộc bị áp bức.

Cách mạng Tháng Mười đã khơi nguồn những sức mạnh tiềm ẩn trong nhân dân Nga. Nước Nga Xô-viết với di sản tiêu điều của quá khứ, “bị đánh gần

chết” (theo cách nói của V.I. Lê-nin) trong cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất, quá mệt mỏi bởi nội chiến, với giai cấp nông dân bị phá sản và chịu những tổn thất do sai lầm của “chính sách cộng sản thời chiến”, đã dũng cảm bắt tay vào những công cuộc cải biến vĩ đại : tiến hành điện khí hóa toàn quốc, khôi phục và xây dựng đường sắt... Đặc biệt, chỉ trong vòng vài tháng đầu năm 1921, V.I. Lê-nin đã dũng cảm khởi thảo và thi hành “*chính sách kinh tế mới*” (NEP) mà từ đó đã tạo những tiền đề hết sức căn bản cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đúng như V.I. Lê-nin dự đoán : Từ một nước Nga của NEP sẽ có một nước Nga xã hội chủ nghĩa. Năm 1936, chưa đầy 20 năm sau Cách mạng Tháng Mười, trải qua những khó khăn thử thách chưa từng có ở bất kỳ một nước nào vào thời kỳ ấy, Liên Xô đã tuyên bố xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đất nước đã được công nghiệp hóa, tăng trưởng kinh tế hàng năm 17,1%. Liên Xô đã vượt một số nước tư bản chủ nghĩa hàng đầu, vươn lên đứng đầu châu Âu và thứ hai thế giới (sau Mỹ). Tỷ trọng kinh tế của Liên Xô trong nền sản xuất thế giới là 10%, trong khi dân số chỉ chiếm khoảng 5% dân số thế giới. Tính đến năm 1970 công nghiệp Liên Xô tăng trung bình 7,4%/năm, các nước khối SEV tăng trưởng kinh tế 9,6%/năm. Trong lúc đó ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, công nghiệp tăng trung bình 1,2%/năm và tăng trưởng kinh tế là 4,6%/năm.

Chính lý tưởng của Cách mạng Tháng Mười đã cổ vũ sự hy sinh vô bờ bến của nhân dân Xô-viết trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại 1941 - 1945. Nhờ sức mạnh công nghiệp hùng hậu, nhờ nguồn động viên của chế độ xã hội, nhờ sự lao động và hy sinh quên mình của nhân dân, tài tổ chức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô, một đảng được tôi luyện trong ngọn lửa Tháng Mười, Liên Xô đã trở thành lực lượng quyết định nhất tiêu diệt chủ nghĩa phát-xít, cứu loài người khỏi thảm họa hủy diệt. Không những thế, chỉ trong vòng 20 năm sau chiến tranh, Liên Xô đã đạt những thành tựu vĩ đại làm cả thế giới sửng sốt, khâm phục: nước đầu tiên khai phá con đường chinh phục vũ trụ, cũng là nước đầu tiên đưa năng lượng hạt nhân vào phục vụ đời sống hòa bình của con người. Khoa học Xô-viết đã tiến tới những đỉnh cao trong tất cả các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn. Ở Liên Xô những tuyên ngôn của Cách mạng Tháng Mười được thực hiện triệt để trong lĩnh vực xã hội. Mọi người dân Liên Xô từ lúc mới sinh ra đến lúc qua đời đều được bảo đảm về mặt xã hội. Bảo đảm xã hội đã trở thành một giá trị hiển nhiên và bản chất trong xã hội Xô-viết.

Chính vì vậy, Liên Xô từ di sản của một nước Nga lạc hậu tiểu nông, trải qua nhiều tổn thất do nội chiến và chiến tranh vệ quốc, đã trở thành một siêu

cường với tiếng nói có trọng lượng lớn trên trường quốc tế. Với sức mạnh của mình, Liên Xô phá tan thế độc quyền chính trị của Mỹ trong bản đồ chính trị thế giới. Liên Xô là người giúp đỡ hào hiệp cho gần 200 tổ chức chính trị quốc gia và quốc tế trên toàn thế giới. Liên Xô còn có ảnh hưởng trực tiếp đến những thành quả xã hội mà giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa giành được. Tiềm lực kinh tế và khoa học - kỹ thuật hùng mạnh cho phép Liên Xô trang bị cho quân đội của mình những vũ khí, trang thiết bị quân sự hiện đại nhất. Trên thế cân bằng quân sự đạt được, Liên Xô đã trở thành trụ cột của hòa bình thế giới.

Với Hiến pháp đầu tiên năm 1918, Nhà nước công - nông Nga là nhà nước đầu tiên tuyên bố chế độ nhà nước của mình là chế độ xã hội chủ nghĩa. Năm 1936, có 11 nước Cộng hòa trong Liên bang tham gia nhà nước ấy. Năm 1945, với 15 nước Cộng hòa trong Liên bang Xô-viết và các nước xã hội chủ nghĩa khác, đã tạo thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Với những thành tựu đạt được trong 60 năm, bằng Hiến pháp năm 1977 Liên Xô tuyên bố bắt tay vào công cuộc xây dựng "chủ nghĩa xã hội phát triển". Các hiến pháp Liên Xô đều trao cho công dân của mình các quyền tham gia rộng rãi vào đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội của đất nước, tạo ra không gian pháp lý rộng lớn cho khả năng sáng tạo và phát triển con người Xô-viết, nhân cách Xô-viết.

Đi đầu trên con đường khai phá một cuộc sống hoàn toàn mới được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười là gần 18 triệu đảng viên Đảng Cộng sản Liên Xô. Đó là những người đi tiên phong trong mọi thử thách, hạt nhân của đời sống chính trị Xô-viết, lãnh đạo và động viên nhân dân Liên Xô tạo ra những kỳ tích vĩ đại, những công trình “thế kỷ”, đưa dân tộc Nga và các dân tộc Xô-viết lên vị trí các dân tộc tiên phong trên thế giới.

Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu vào cuối những năm 80 - đầu những năm 90 của thế kỷ XX không phải là tất yếu. Đây là sự kiện bi kịch lịch sử mà những người cộng sản và nhân dân lao động toàn thế giới còn phải tiếp tục suy ngẫm nhiều để từ đó rút ra những bài học cần thiết, sâu sắc về lý luận và thực tiễn.

Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu bị sụp đổ, nhiều nhà chính trị phản động và cơ hội đã coi Cách mạng Tháng Mười là “một sai lầm của lịch sử”, là “một cuộc cách mạng để non”. Hoàn toàn không phải như vậy ! Bất kỳ sự kiện lịch sử nào cũng đều có nguyên nhân của nó. Cách mạng Tháng Mười đã nổ ra trong điều kiện khác với điều kiện mà Mác dự đoán, nhưng lại nổ ra ở nơi mà giai cấp công nhân và chính đảng của nó đã chuẩn bị đầy đủ và là nơi tình thế cách mạng đã chín muồi. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã phát triển với những thành tựu căn bản và rực rỡ mà đỉnh cao của

nó đã đạt được vào những năm 70 của thế kỷ XX. Vào thời kỳ đó, chủ nghĩa xã hội đã biết đặt ra và giải quyết những vấn đề cốt lõi nhất của mình ở một quy mô rộng lớn. Nhưng để củng cố những thành tựu đó, chủ nghĩa xã hội cần phải phát triển theo chiều sâu, điều mà về mặt nhận thức lúc đó đã quá rõ ràng. Chính sự chậm trễ trong việc phát hiện và khắc phục những thiếu sót, khuyết tật của mô hình cũ về chủ nghĩa xã hội đã làm cho chủ nghĩa xã hội bắt đầu lâm vào khủng hoảng cũng từ đỉnh cao những năm 70 ấy, khi xã hội Xô-viết đã mất động lực đổi mới về cả lý luận lẫn thực tiễn trên nhiều vấn đề cơ bản.

Kế hoạch hóa kinh tế là phát minh của chủ nghĩa xã hội ; và ngày nay nó trở thành giá trị của nhân loại. Chủ nghĩa xã hội đã đưa ra và thực thi một mô hình phát triển kinh tế có kế hoạch khi thế giới còn bị thống trị bởi sự hỗn loạn của kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa tự do cạnh tranh, của khủng hoảng định kỳ và đại khủng hoảng, của tình trạng tất cả phó thác cho “bàn tay vô hình” của thị trường. Nền kinh tế kế hoạch hóa đã chứng minh ưu thế của nó ở tính tổ chức, sự cân đối, khả năng huy động cao nhân tài vật lực cho những nhu cầu lớn của nhà nước và xã hội. Nhưng mặt khác, cơ chế kế hoạch hóa tập trung không có khả năng giải quyết tất cả mọi vấn đề, đặc biệt là các vấn đề kinh tế liên quan đến đời sống văn hóa tinh thần đa dạng và tinh tế của toàn xã hội. Vì vậy việc duy trì quá lâu cơ chế

kế hoạch hóa tập trung, bao cấp đã cản trở tính năng động, sáng tạo của người lao động. Họ trở nên thờ ơ với sở hữu công cộng, thờ ơ với các phong trào thi đua hình thức mà quyền lợi mang lại nặng tính chất bình quân chủ nghĩa. Người lao động trở nên kém sáng kiến, thụ động. Nền chính trị Xô-viết mang lại cho nhân dân các quyền rộng lớn. Nhưng các quyền này không được thực hiện đầy đủ trong thực tiễn. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dành cho đại đa số nhân dân lao động đã bị biến dạng, quyền lực chính trị bị tách xa nhân dân, nhân dân trở nên bàng quan với chính trị.

Cho đến ngày Liên Xô sụp đổ, Đảng Cộng sản Liên Xô có gần 18 triệu đảng viên. Cùng với Đảng Cộng sản Liên Xô còn có các tổ chức cộng sản khác như Đoàn thanh niên Côm-xô-môn, Công đoàn Liên Xô, cùng với lực lượng vũ trang, an ninh là những tổ chức chiến đấu của Đảng. Đảng Cộng sản Liên Xô là đảng mác-xít - lê-nin-nít kiểu mới - đảng tiên phong chiến đấu. Đảng viên của Đảng thực sự là những tấm gương hy sinh phấn đấu quên mình trong đấu tranh giành chính quyền và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước. Nhưng khi chủ nghĩa xã hội đã phát triển lên một giai đoạn mới - giai đoạn phát triển theo chiều sâu, khi tình hình đang thay đổi về chất, thì bộ máy của Đảng trở nên cồng kềnh, quan liêu, kém nhạy bén, trong Đảng xuất hiện tầng lớp đặc quyền đặc lợi đối lập với số đông đảng viên bình

thường. Đến lượt mình, những công lao của các thời kỳ trước làm cho nhiều đảng viên trở nên “kiêu ngạo cộng sản” với quần chúng. Đúng như V.I. Lê-nin từng viết : “Tất cả những đảng cách mạng đã bị tiêu vong cho tới nay, đều bị tiêu vong vì tự cao tự đại, vì không biết nhìn rõ cái gì tạo nên sức mạnh của mình, và vì sợ sệt không dám nói lên những nhược điểm của mình” (1). Các mối quan hệ đẳng cấp trong Đảng làm cho trong Đảng cũng mất dần tinh thần dân chủ của các thời kỳ cách mạng. Từ đó Đảng mất khả năng tự đổi mới, mất chỗ dựa to lớn của mình là quần chúng công - nông. Đảng Cộng sản - bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân - đã bị mất sức chiến đấu, bị tê liệt ý chí ; còn đảng viên bị mất hết bản lĩnh chính trị, thậm chí một số người trở nên cơ hội. Kết quả là, một đảng mặc dù lớn như vậy đã bị tan rã bởi một lời tuyên bố và bị đặt ra “ngoài vòng pháp luật” trong một trò chơi chính trị.

Điểm yếu của công cuộc cải tổ ở Liên Xô là ở chỗ nó không được chuẩn bị đầy đủ và có hệ thống về mặt lý luận ; bệnh giáo điều về lý luận đã làm cho tư duy chính trị bị xơ cứng. Nó còn bị tâm lý phản kháng bất bình, với những động cơ cả tiêu cực lẫn tích cực vốn bị dồn nén qua hàng chục năm, chi phối. Những tâm lý này lại được sự kích thích bởi kẻ thù của Liên Xô cả bên trong lẫn

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, t 45, tr 141

bên ngoài với phương châm “càng xấu càng tốt”, cộng thêm sự phản bội của những người đứng đầu trong ban lãnh đạo của Đảng đã làm cho việc sửa chữa những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô-viết biến thành việc phá bỏ toàn bộ mô hình đó. Mà phá bỏ mô hình đó cũng đồng nghĩa với phá bỏ chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô. Phá bỏ Nhà nước Xô-viết đối với kẻ thù của nó vừa là phá bỏ chủ nghĩa xã hội vừa là tiêu diệt một đối thủ chính trị chiến lược, một đối trọng quyền lực trên trường chính trị và quân sự quốc tế, tạo ra thế đơn cực dưới sự thống trị của Mỹ.

Sự sụp đổ của Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa làm cho chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào. Song đó chỉ là sự sụp đổ một mô hình của chủ nghĩa xã hội, nó không đồng nhất với chủ nghĩa xã hội nói chung. Nó buộc những người xã hội chủ nghĩa và các đảng của họ phải tìm kiếm hình thức mới, nội dung mới cho chủ nghĩa xã hội. Bởi vì chủ nghĩa xã hội phát triển trong lòng nhân loại, hấp thụ tinh hoa nhân loại và nở hoa kết trái cho nhân loại. Sự thất bại hay sự biến dạng của chủ nghĩa xã hội nơi này hoặc nơi khác không phải do Cách mạng Tháng Mười gây ra. Cách mạng Tháng Mười, một sự kiện vạch thời đại, mở ra chân trời mới và soi sáng con đường phát triển của xã hội loài người. Cách mạng Tháng Mười không chịu trách nhiệm về những sai lầm chủ quan của các nhà lãnh đạo sau đó. Chủ nghĩa xã hội thế giới từ

Cách mạng Tháng Mười Nga đang theo xu hướng tiến lên phía trước tuy phải trải qua con đường quanh co phức tạp, thậm chí có bước thụt lùi tạm thời. Bất chấp những chẩn đoán và dự báo khác nhau về thời cuộc và tương lai, chủ nghĩa xã hội vẫn tiếp tục cuộc hành trình táo bạo, đầy thử thách. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa vẫn là bất diệt, vẫn là lý tưởng mà nhân loại tiến bộ đang hướng tới.

Đối với nhân dân Việt Nam, Cách mạng Tháng Mười đã mở ra con đường giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức đế quốc thực dân. Đến với Cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa xã hội, những người yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX tựa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn. Từ tình cảm tốt đẹp đến niềm tin khoa học, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa xã hội là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi ; và chính Người đã dẫn dắt nhân dân ta đi trên con đường Cách mạng Tháng Mười.

Bằng thực tiễn đấu tranh yêu nước qua các thời kỳ trước và sau Cách mạng Tháng Mười, lịch sử Việt Nam chứng minh rằng nhân dân Việt Nam đã không thể lựa chọn con đường nào khác con đường kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Đó chính là ngọn cờ mà Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam giương cao gần suốt thế kỷ qua. Dưới ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười, nhân dân ta đã giành được

(Xem tiếp trang 26)

THẾ kỷ XX - thế kỷ của các phong trào cách mạng sâu rộng - đã đi vào lịch sử nhân loại với những dấu ấn cực kỳ sâu sắc. Một trong những dấu ấn mà cho đến nay, khi nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI, vẫn tỏa sáng - đó là Cách mạng Tháng Mười Nga, cuộc

nâng họ lên hàng những người chủ thật sự của chế độ xã hội mới. Với thắng lợi của cuộc cách mạng ấy, ở nước Nga một xã hội hoàn toàn mới - xã hội xã hội chủ nghĩa - đã ra đời. Và nước Nga, một nước vốn có nền kinh tế kém phát triển nhất trong số các nước tư bản châu Âu khi đó,

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA - GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, NGUỒN GỐC VĨ LỚN LAO ĐỐI VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

ĐẶNG TOÀN *

cách mạng gắn liền với tên tuổi của V.I. Lê-nin vĩ đại và được cả cộng đồng nhân loại tiến bộ thừa nhận là một trong những sự kiện lớn lao nhất của lịch sử loài người. Thế giới 85 năm qua đã diễn ra biết bao thăng trầm, với không ít khúc quanh lịch sử, nhưng Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 vẫn sống mãi với tư cách là "cuộc cách mạng vĩ đại mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội" ⁽¹⁾.

Giá trị lịch sử của Cách mạng Tháng Mười trước hết là ở chỗ, với nước Nga, thắng lợi của cuộc cách mạng này đã triệt để giải phóng những người vô sản và nông dân Nga khỏi sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản, của chế độ Sa hoàng; đã làm thay đổi hoàn toàn địa vị xã hội của họ,

chỉ trong vòng vài thập niên đã trở thành một cường quốc thế giới. Sau Cách mạng Tháng Mười, nước Nga xã hội chủ nghĩa và sau đó là Liên Xô đã trở thành thành trì vững chắc cho phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức, trở thành lực lượng cơ bản cứu nhân loại thoát khỏi thảm họa của chủ nghĩa phát-xít, tạo điều kiện và giúp cho một loạt nước ở Đông Âu, châu Á và sau đó là các nước ở châu Phi và Tây bán cầu tiến hành thắng lợi cách mạng giải phóng và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Giá trị lịch sử của Cách mạng tháng Mười còn là ở chỗ, thắng lợi của nó không

* PGS, TS, Viện Triết học

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 61

chỉ đơn thuần trở thành tấm gương cổ vũ cho các dân tộc khác, mà thực sự đã tạo ra con đường cách mạng hoàn toàn mới cho phong trào giải phóng dân tộc trên phạm vi toàn thế giới. Theo con đường Cách mạng Tháng Mười, toàn thể nhân loại bị áp bức, bóc lột đã đứng lên đấu tranh giành tự do và độc lập dân tộc. Những tư tưởng của Cách mạng Tháng Mười đã đem lại một xung lực mới cho phong trào công nhân quốc tế, đưa giai cấp công nhân trở thành giai cấp trung tâm của thời đại ; mở ra cho các dân tộc thuộc địa chiếm hơn một nửa nhân loại con đường duy nhất đúng đắn để đấu tranh vì chủ quyền và độc lập dân tộc.

Dưới ảnh hưởng và tác động trực tiếp của Cách mạng Tháng Mười, cả một hệ thống rộng lớn của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới đã hoàn toàn sụp đổ ; hàng loạt nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh, trong đó có Việt Nam, đã giành được độc lập dân tộc ; hàng trăm triệu người được giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ. Một hệ thống xã hội quốc tế chưa từng có trong lịch sử nhân loại - hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa - ra đời và đóng vai trò lớn lao trong tiến trình phát triển của thế giới hiện đại - tiến trình phát triển vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Sau hơn 70 năm tồn tại, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa không còn bởi sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Song, vẫn còn đó Việt Nam và một số nước khác mà công cuộc cải cách, đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa với những thành công bước đầu đã, đang và sẽ đem lại cho các nước này

một thế đứng vững vàng. Chế độ xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại với tư cách một hệ thống thế giới, song điều đó không có nghĩa là con đường đi tới chủ nghĩa xã hội đã bị chặn lại. Trên phạm vi toàn thế giới vẫn có nhiều quốc gia, dân tộc phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, theo lý tưởng của Cách mạng Tháng Mười. *Quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn là quy luật tiến hóa của xã hội loài người mà Cách mạng Tháng Mười Nga là thắng lợi đầu tiên. Như V.I. Lê-nin đã nhận định, thắng lợi đầu tiên đó chưa phải là thắng lợi cuối cùng, song nó đã mở ra một thời đại mới, một sự nghiệp mới trong lịch sử nhân loại - sự nghiệp giải phóng những người lao động toàn thế giới ; Cách mạng Tháng Mười Nga đã bắt đầu sự nghiệp ấy, còn bao giờ và trong thời hạn nào thì những người vô sản nước nào sẽ hoàn thành được sự nghiệp ấy, điều đó không quan trọng. Điều quan trọng, chính là băng đã tan, đường đã mở, lối đã vạch ra rồi... (2)*

Cách mạng Tháng Mười Nga đã đi vào lịch sử nhân loại 85 năm, song thắng lợi của nó không phải đã thuộc về quá khứ của nhân loại. *Cách mạng Tháng Mười vẫn tiếp tục đi vào lịch sử nhân loại trong thế kỷ XXI với tư cách nhân tố thúc đẩy lịch sử nhân loại phát triển theo đúng quỹ đạo của nó - phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.* Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười cho thấy, đây là con đường được lựa chọn hợp quy luật, theo đúng tiến trình phát triển lịch sử - tự nhiên. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ

(2) Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 187

nghĩa Đông Âu cộng với sự chững lại của phong trào cộng sản quốc tế đã có ảnh hưởng tiêu cực tới sự nghiệp cách mạng của các dân tộc đang đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Thất bại tạm thời ấy khiến cho "chủ nghĩa xã hội đang đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang phải trải qua những bước quanh co ; song *"loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội, vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử"* ⁽³⁾ (Tác giả nhấn mạnh).

85 năm đã trôi qua, và sẽ còn nhiều năm tiếp theo nữa, nhưng thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười vẫn đem đến cho giai cấp vô sản và các dân tộc trên toàn thế giới niềm tin vào khả năng tiến hành cách mạng giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc. Và như Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam - đã khẳng định : *"Giống như mặt trời chói lọi, Cách mạng Tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất. Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế"* ⁽⁴⁾.

Nói đến giá trị lịch sử của Cách mạng Tháng Mười không thể không khẳng định đây là cuộc cách mạng "có tính tất yếu lịch sử là sẽ tái diễn trong phạm vi quốc tế". Nó "không phải chỉ có ý nghĩa địa phương, ý nghĩa đặc biệt - dân tộc, ý nghĩa riêng cho nước Nga mà có ý nghĩa quốc tế" ⁽⁵⁾. Thực tiễn lịch sử nhân loại 85 năm qua, tiến trình phát triển của cách mạng thế giới và sự nghiệp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nhiều nước trong nhiều thập niên qua, cũng như công cuộc đổi mới đất nước

theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và ở một số nước khác trên thế giới trong những năm gần đây đã cho thấy : *Cách mạng Tháng Mười là một sự kiện mang ý nghĩa thời đại, là cuộc cách mạng có tác động mạnh mẽ tới toàn bộ tiến trình phát triển của nhân loại*. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười không chỉ là thắng lợi vĩ đại của giai cấp vô sản và nhân dân các dân tộc Nga, mà còn là thắng lợi vĩ đại của giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Đã không có và cũng sẽ "không thể có bức tường ngăn cách giữa những chiến thắng của Cách mạng Tháng Mười và những chiến thắng của cách mạng xã hội chủ nghĩa quốc tế" ⁽⁶⁾. Thực tiễn lịch sử nhân loại đã, đang và sẽ còn cho thấy, chính thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười đã tạo ra cơ hội cho nhân loại thực hiện bước quá độ lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, trong đó bao hàm cả khả năng quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đối với các nước chậm phát triển mà Việt Nam ta là một trường hợp. Cơ hội ấy đã được thực tiễn lịch sử nhân loại 85 năm qua xác nhận và là điều không thể phủ nhận được, cho dù những biến động đầy kịch tính mà nhân loại đang phải chứng kiến từ những thập niên cuối thế kỷ XX đến nay có làm cho tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại chậm lại.

(3) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 8

(4) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 300

(5) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 41, tr 3

(6) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 36, tr 615

Học thuyết Mác - Lê-nin là một giá trị trường tồn trong lịch sử phát triển tư tưởng nhân loại. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười là thắng lợi đầu tiên của học thuyết đó, thắng lợi đưa chủ nghĩa xã hội khoa học từ chỗ chỉ là ước mơ cao đẹp của giai cấp vô sản, của quần chúng nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới trở thành "một hiện thực trong xã hội, có sức mạnh vô cùng to lớn lôi cuốn hàng nghìn triệu người vào hành động cách mạng, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội"⁽⁷⁾. Do đó, nó cũng là một giá trị lịch sử hiện thực trường tồn. Thắng lợi đó đem lại cho nhân loại toàn thế giới một chân lý không thể bác bỏ là bất cứ một chế độ xã hội nào đã tỏ ra lỗi thời trong lịch sử, tất yếu sẽ bị thay thế bởi một chế độ xã hội tiến bộ hơn, khi quần chúng nhân dân lao động được một đảng cách mạng chân chính lãnh đạo nhất loạt nổi dậy đấu tranh để tự giải phóng.

Không chỉ thế, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười đã "mở đầu một thời đại mới trong lịch sử thế giới, thời đại thống trị của một giai cấp mới, giai cấp bị áp bức trong tất cả các nước tư bản và ở khắp nơi đều đang tiến tới một cuộc đời mới, tới chỗ chiến thắng giai cấp tư sản". Thắng lợi ấy đã mở đầu cho "một sự nghiệp mới mẻ" trong xã hội loài người - "sự nghiệp sáng tạo ra một *kiểu* chế độ nhà nước xưa nay chưa từng có" - "chế độ dân chủ ở mức cao nhất cho công nhân và nông dân", "chế độ dân chủ *kiểu mới*", "chế độ dân chủ vô sản hay là chuyên chính vô sản" ⁽⁸⁾. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười đã khai phá con đường mới cho cả nhân loại - con đường đi tới chủ

nghĩa xã hội, dẫn tới khả năng sáng tạo to lớn và triệt để nhất nhằm thực hiện lý tưởng giải phóng đông đảo quần chúng lao động bị áp bức, đưa con người "từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do".

Cách mạng Tháng Mười còn cho thấy, trong thời đại ngày nay, *sự kết hợp tất yếu, hữu cơ giữa cuộc đấu tranh vì dân chủ và cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội, giữa dân chủ và chủ nghĩa xã hội không chỉ là mục tiêu, mà còn là động lực mạnh mẽ thúc đẩy tiến bộ xã hội*, đưa cộng đồng nhân loại tới công bằng và bình đẳng xã hội. Với thắng lợi của cuộc cách mạng này, lần đầu tiên trong lịch sử, nhiều dân tộc trên thế giới đã có được những điều kiện bảo đảm thực hiện công bằng và bình đẳng xã hội trong thực tiễn cuộc sống. Cách mạng Tháng Mười đã chỉ ra cho cả cộng đồng nhân loại thấy con đường duy nhất đúng đắn để giải quyết vấn đề dân tộc, tạo ra một xã hội có bình đẳng dân tộc, thịnh vượng và đoàn kết dân tộc - đó là con đường *gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội*.

Đi theo con đường mà Cách mạng Tháng Mười mở ra, vận động trong quỹ đạo của cách mạng vô sản và *tuân theo quy luật của tiến trình phát triển lịch sử*, cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam mà người sáng lập và rèn luyện là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã giành được những và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại trong cuộc đấu tranh oanh

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 303

(8) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 44, tr 184

liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam đã mở ra - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Vận dụng một cách khoa học và sáng tạo những bài học lịch sử, những kinh nghiệm cách mạng mang tính phổ biến và sâu sắc của Cách mạng Tháng Mười, cách mạng Việt Nam đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và đang chứng minh cho giá trị trường tồn của Cách mạng Tháng Mười. Có thể khẳng định, thắng lợi của cách mạng Việt Nam là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, của lý tưởng Cách mạng Tháng Mười, của mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Với thắng lợi vĩ đại đó, cùng với nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới, nhân dân Việt Nam đã góp phần không nhỏ vào việc khẳng định và tạo nên sức mạnh của thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

85 năm qua, dưới ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười, dù sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới phải trải qua bao bước thăng trầm, khủng hoảng, song chủ nghĩa xã hội với tất cả những cống hiến lịch sử của nó đối với tiến trình phát triển lịch sử nhân loại đã, đang và mãi là một giá trị trường tồn. *Con đường mà Cách mạng Tháng Mười khai phá vẫn là con đường phát triển tất yếu, hợp quy luật của lịch sử nhân loại.* Giờ đây, chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc,

có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Vì vậy theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội ⁽⁹⁾.

Với tư cách là một phong trào xã hội hiện thực, vận động và phát triển trên cơ sở khoa học là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười, chủ nghĩa xã hội không thể không tự làm phong phú thêm và sâu sắc hơn bằng những tri thức mới, kinh nghiệm mới, đồng thời thay thế, loại bỏ những gì đã trở nên lạc hậu và bị thực tiễn lịch sử vượt qua. Theo đó, có thể nói *đổi mới chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan* nhằm đáp ứng những đòi hỏi lý luận của chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội 85 năm qua cho thấy, chủ nghĩa xã hội không phải là một xã hội đã hoàn chỉnh ngay từ đầu, mà cũng như mọi chế độ xã hội khác trong lịch sử nó cần phải thường xuyên tự đổi mới theo tiến trình vận động và phát triển hiện thực của lịch sử. *Chỉ có trên cơ sở tự đổi mới cả lý luận lẫn thực tiễn, chủ nghĩa xã hội hiện thực mới có khả năng tìm ra động lực phát triển và tự vạch ra con đường cho sự phát triển tiếp theo của nó và của nhân loại tiến bộ.*

Trong lịch sử nhân loại, chủ nghĩa xã hội khoa học do các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đưa ra chỉ có một, Cách mạng Tháng Mười do V.I. Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích Nga lãnh đạo thực hiện chỉ có một, song con đường đến với chủ nghĩa xã hội khoa học, đến với lý tưởng của Cách mạng

(9) Xem Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 65

Tháng Mười không chỉ có một. Mô hình thể hiện các luận điểm khoa học và lý tưởng đó cũng không chỉ có một. Sự nghiệp cải tổ, đổi mới không thành công ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu chỉ là sự không thành công của một mô hình cụ thể nhất định trên con đường thực hiện lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học và lý tưởng Cách mạng Tháng Mười. Việc lý tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa, lý tưởng Cách mạng Tháng Mười "bị đẩy lùi" ở đây không có nghĩa là chúng bị xóa bỏ. Những thành công đáng khích lệ của công cuộc đổi mới và sự ổn định, tiếp tục phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa nhờ đổi mới một cách có nguyên tắc, sáng tạo và năng động trên cơ sở kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với nền tảng lý luận là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho thấy : *lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học, lý tưởng Cách mạng Tháng Mười vẫn sống và đang tiếp tục được thực hiện, vẫn là những giá trị trường tồn trong lịch sử tư tưởng nhân loại.*

Thật vậy, cùng với năm tháng ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tháng Mười ngày càng được nhân loại tiến bộ trên phạm vi toàn thế giới nhận thức một cách rõ ràng và sâu sắc hơn. Tuy nhiên, chúng ta vẫn khó có thể đánh giá hết giá trị lịch sử và ý nghĩa quốc tế, ý nghĩa vạch thời đại của cuộc cách mạng này. Bởi vì Cách mạng Tháng Mười là một cuộc cách mạng chưa từng có không chỉ trong thế kỷ XX mà trong cả toàn bộ lịch sử nhân loại. Lịch sử nhân loại trước và sau Cách mạng Tháng Mười đã từng có không ít cuộc cách mạng xã hội có ảnh hưởng tới sự phát triển và

tiến bộ xã hội, nhưng Cách mạng Tháng Mười mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong lịch sử nhân loại mà không có cuộc cách mạng nào có thể so sánh.

Hơn 100 năm trước, khi đánh giá Công xã Pa-ri, C. Mác đã khẳng định cách mạng có thể bị thất bại, nhưng cách mạng không bao giờ bị tiêu diệt. Điều mà C. Mác khẳng định đó hoàn toàn đúng khi nói về giá trị lịch sử, ý nghĩa toàn cầu của Cách mạng Tháng Mười. Với tư cách là kết quả phát triển tất yếu của lịch sử nhân loại, Cách mạng Tháng Mười và lý tưởng cao đẹp của nó, ý nghĩa lịch sử toàn cầu của nó sẽ bất diệt. Ngày nay, nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới vẫn đang hướng theo những lý tưởng của Cách mạng Tháng Mười là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tiếp thu và phát triển sáng tạo những lý tưởng đó, nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới vẫn đang tiến hành đấu tranh cho hòa bình, cho một trật tự thế giới công bằng, bình đẳng và tiến bộ. Không chỉ là thành quả của một cuộc cách mạng xã hội, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười còn là thành quả phát triển của nền văn hóa, văn minh nhân loại. Với tư cách đó, Cách mạng Tháng Mười vẫn mãi là cuộc cách mạng có giá trị lịch sử lớn lao, mang ý nghĩa toàn cầu, là bài học kinh nghiệm thực tiễn quý giá cho tất cả các quốc gia, dân tộc quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay. Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười vẫn là nguồn cổ vũ động viên, tiếp thêm sức mạnh cho nhân loại tiến bộ trên con đường tự giải phóng. Ánh sáng của tư tưởng Cách mạng Tháng Mười không bao giờ tắt. Dưới ánh sáng của Cách mạng

Tháng Mười, *giải phóng và sáng tạo* vẫn là triết lý phát triển của thời đại ngày nay - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Tháng Mười mở đầu cho việc thực hiện trong đời sống xã hội lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; và giai cấp vô sản Nga là người đã đem lại cho phong trào vô sản thế giới kinh nghiệm thực hiện lý luận ấy. "Kinh nghiệm đó, - như V.I. Lê-nin đã khẳng định, - sẽ không bị quên đi..., sẽ không thể bị gạt bỏ, dù cho cách mạng Nga và cách mạng xã hội chủ nghĩa quốc tế sẽ có trải qua những đột biến gian khổ đến mấy đi nữa... căn cứ vào kinh nghiệm đó mà cách mạng quốc tế tương lai sẽ xây dựng lên lâu dài xã hội chủ nghĩa của mình" ⁽¹⁰⁾.

85 năm qua, Cách mạng Tháng Mười Nga đã đi vào lịch sử nhân loại với tư cách là một cuộc cách mạng xã hội vĩ đại nhất - cuộc cách mạng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, "mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc và cả loài người, mở đầu một thời đại mới trong lịch sử, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới"⁽¹¹⁾. Đối với Việt Nam, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười luôn là nguồn cổ vũ lớn lao, là bài học kinh nghiệm lịch sử quý giá cho công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đang quyết tâm thực hiện. □

(10) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 36, tr 473

(11) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 301

SỨC SỐNG...

(Tiếp theo trang 19)

những chiến công vĩ đại, đánh thắng hai đế quốc xâm lược Pháp và Mỹ, bước tới kỷ nguyên độc lập tự do và quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

So với gần một thế kỷ đấu tranh giải phóng dân tộc, thời kỳ hòa bình xây dựng của chúng ta thật ngắn ngủi. Ngoài những chiến công vĩ đại, cùng với những thành tựu to lớn về nhiều mặt, chúng ta cũng đã không tránh khỏi những tổn thất, sai lầm. Năm 1986 Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện để đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tiếp đến các Đại hội VII, VIII và IX của Đảng là quá trình không ngừng bổ sung, hoàn thiện, phát triển đường lối đổi mới. Đường lối đó là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của đất nước trong bối cảnh mới của tình hình thế giới, trên cơ sở kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa - lý tưởng của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Những thắng lợi to lớn của công cuộc đổi mới hơn 15 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đã chứng tỏ tính đúng đắn của đường lối đổi mới. Những thắng lợi đó đã tạo ra thế và lực mới cho nước ta, đưa nhân dân ta vững bước trên con đường Cách mạng Tháng Mười, chủ động nắm bắt các cơ hội và vượt qua mọi thách thức do tình hình thế giới tạo ra trong thế kỷ XXI. □

85 năm Cách mạng Tháng Mười :

BÀI HỌC CÁCH MẠNG TỰ BẢO VỆ

QUANG LỢI

TÁM mươi lăm năm trước đây, ngày 7-11-1917, cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga thắng lợi đã đánh dấu bước đột phá vĩ đại, mở ra thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Lịch sử nhân loại đã từng có nhiều cuộc cách mạng có ảnh hưởng tới sự phát triển xã hội, nhưng cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga là cuộc cách mạng mang ý nghĩa lịch sử toàn cầu.

Cách mạng Tháng Mười là câu trả lời lịch sử rằng, chủ nghĩa tư bản sớm muộn cũng phải bị thay thế bằng một chế độ xã hội tốt đẹp hơn - chế độ xã hội chủ nghĩa. Cách mạng Tháng Mười là sự kiện vĩ đại nhất của thế kỷ thứ XX. Tám mươi lăm năm qua, lịch sử nhân loại đã trải qua biết bao thăng trầm, biết bao khúc quanh khốc liệt, nhưng Cách mạng Tháng Mười, với những giá trị bất diệt, vẫn là sự kiện mang ý nghĩa thời đại, có tác động mạnh mẽ đến toàn bộ quá trình phát triển của thế giới.

Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi và sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới đã trở thành biểu tượng của niềm tin, là sự cổ vũ mãnh liệt đối với hàng ngàn triệu người thuộc các dân tộc bị chủ nghĩa đế quốc, thực dân áp bức nô dịch, vùng lên đấu tranh tự giải phóng. Dù có những khuyết điểm, vấp vấp khó tránh khỏi

trong quá trình trưởng thành, nhưng chế độ xã hội chủ nghĩa trên vùng đất 1/6 diện tích địa cầu đã cơ bản xóa bỏ nạn người bóc lột người, dân tộc này áp bức dân tộc khác ; tư liệu sản xuất, cơ sở vật chất để làm ra của cải xã hội không còn nằm trong tay giai cấp bóc lột mà đã thuộc về nhân dân lao động. Từ khi xã hội loài người phân chia thành giai cấp, điều đó chưa xảy ra. Đó là thành tựu lớn lao nhất của thế kỷ XX mà ở những thế kỷ trước chỉ là điều mơ ước. Chính điều này đã quyết định chiều hướng phát triển của lịch sử. Cũng chính vì thế, Cách mạng Tháng Mười đã đánh dấu bước ngoặt căn bản của xã hội loài người.

Chiến công chói lọi đập tan chủ nghĩa phát xít, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược tàn khốc nhất trong lịch sử loài người là cống hiến cực kỳ vĩ đại của Liên Xô. Điều đó không những chứng minh sức mạnh to lớn mà còn là biểu hiện sáng ngời bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Cùng với sự ra đời và phát triển của nhiều nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã trở thành một lực lượng có ảnh hưởng quyết định đến xu thế vận động của thời đại.

Khúc quanh lịch sử kịch tính nhất, đau đớn nhất từ sau Cách mạng Tháng Mười đến nay chính là sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ

nghĩa hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu. Bước trầm này của lịch sử càng cho thấy lời dạy của V.I. Lê-nin từ ngày đầu cách mạng đến nay vẫn còn nóng hổi tính thời sự : *giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn nhiều*. Cuộc đổ vỡ đó trước hết bắt nguồn từ những nguyên nhân bên trong. Việc duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp đã làm phát sinh những căn bệnh nguy hiểm trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và chính quyền như chuyên quyền, độc đoán, đặc quyền, đặc lợi, trì trệ, bảo thủ... Tình trạng này đã làm tích tụ nhiều mâu thuẫn và chuyển hóa các mâu thuẫn từ không đối kháng thành đối kháng trong lòng các nước xã hội chủ nghĩa, làm xói mòn uy tín của Đảng Cộng sản đối với quần chúng nhân dân, làm cho chủ nghĩa xã hội không thể hiện được tính ưu việt của mình. Thấy được nguy cơ đó, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã tiến hành cải tổ, cải cách. Nhưng thực tế đã cho thấy, trong quá trình này, một số nước đã tạo ra *"những khoảng trống về quyền lực"* để cho một số thế lực chống chủ nghĩa xã hội đủ mọi màu sắc ngóc đầu dậy, tập hợp lực lượng tạo thành một loại *"âm binh"*, ra sức lôi kéo quần chúng nhân dân bằng những khẩu hiệu mị dân, làm tê liệt và vô hiệu hóa bộ máy quyền lực và các công cụ quan trọng của chuyên chính vô sản.

Ở Liên Xô, khi *"cải tổ"* ra mắt thế giới, lập tức được mệnh danh là *"cuộc cách mạng lớn nhất trong thời bình"*. Người ta nói rằng, cải tổ là để có nhiều chủ nghĩa xã hội hơn nữa. Nhưng cuộc cách mạng này đã dần dần thay đổi tính chất mà không phải ai trong vòng xoáy của nó cũng dễ dàng nhận ra được. Các bài diễn văn ngày một nhiều hơn, dài hơn, các cuộc tranh luận ngày một gay gắt hơn, các đạo luật được ban hành ngày một dày đặc hơn, nhưng *"Tổ quốc vĩ đại"* thì ngày một thêm rối bời, mệt mỏi, kiệt sức.

Các nhà chính trị vẫn say mê công cuộc tìm kiếm quyền lực của họ khi con tàu khổng lồ đã bị vỡ bánh lái và mất phương hướng. Những liều thuốc *"công khai"*, *"dân chủ hóa"* do M. X. Goóc-ba-chốp, người được mệnh danh là *"kiến trúc sư của cải tổ"*, kê ra mới dùng một phần nhỏ mà con bệnh đã qua đời : *một siêu cường bị giết chết*.

Cải tổ đã từng được coi là một *"cuộc cách mạng vì chủ nghĩa xã hội"*. Nhưng cải tổ đã bị giết chết bằng chính cuộc *"cách mạng"* đó. Và chế độ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng bị tiêu vong trong cuộc cách mạng đó. Sẽ là đơn giản nếu giải thích nguyên nhân thoái trào cách mạng xã hội chủ nghĩa, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu chỉ bằng cách nêu lên tính quanh co, phức tạp của các hình thái kinh tế - xã hội. Trong tổ hợp các nguyên nhân, các nhà lý luận mác-xít đã cho rằng, sự trì trệ, kém hiệu quả của nền kinh tế, tình trạng tập trung, quan liêu vốn là nhược điểm đã tích tụ thành khuyết tật tai hại của một mô hình chủ nghĩa xã hội dựa trên chế độ kế hoạch hóa, cứng nhắc và tập trung quan liêu. Cải cách, cải tổ, thay đổi mô hình, sửa chữa khuyết tật là tất yếu. Nhưng bằng cải tổ, người ta đã đập tan ngôi nhà xã hội chủ nghĩa từ thượng tầng chính trị, tư tưởng đến hạ tầng cơ sở kinh tế. Hơn 10 năm trôi qua, các nhà lý luận mác - xít đã nêu ra một bài học lịch sử : *cải tổ là tất yếu nhưng sụp đổ lại không phải là tất yếu nếu có đường lối đúng, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin*. Đáng tiếc là trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiều nước ở Đông Âu và Liên Xô đã xa rời những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Điều cực kỳ nguy hại là, một bộ phận lãnh đạo chớp bu ở các nước này đã trượt vào con đường cơ hội và phản bội, liên tiếp phạm những sai lầm nghiêm trọng trong

hoạch định và thực thi đường lối. Thay vì khắc phục những hạn chế để hoàn thiện hệ thống dân chủ xã hội chủ nghĩa, họ đã hoàn toàn đảo lộn nó bằng chủ nghĩa đa nguyên chính trị. Thay vì đổi mới cơ cấu và cơ chế quản lý kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, họ đã áp dụng các biện pháp cực đoan như "liệu pháp sốc", "tư nhân hóa" và "tư bản hóa", theo cách thức "đốt cháy" khiến toàn bộ nền kinh tế ngày càng lún sâu hơn vào tình trạng suy sụp không lối thoát.

Trước sự thoái trào tạm thời của phong trào cộng sản quốc tế, một số học giả tư sản đã vội khẳng định rằng, Cách mạng Tháng Mười là "một bước nhầm của lịch sử". Họ coi chủ nghĩa xã hội là "một quái thai dị dạng", một cuộc cách mạng diễn ra "không theo đúng quy luật khách quan", "không theo đúng tiến trình phát triển lịch sử tự nhiên". Sự đổ vỡ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu cùng với sự thoái trào tạm thời của phong trào cộng sản quốc tế có làm chậm bước tiến sự nghiệp cách mạng của các dân tộc đang đấu tranh cho độc lập dân tộc, hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, nhưng không thể vì thế mà phủ nhận ý nghĩa lịch sử vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười.

Hơn một thế kỷ trước, khi nói về Công xã Pa-ri, C. Mác đã khẳng định *cách mạng có thể bị thất bại, nhưng cách mạng không bao giờ bị tiêu diệt*. Điều này vẫn hoàn toàn đúng khi ngày nay, chúng ta nói về ý nghĩa thời đại của Cách mạng Tháng Mười. Lý tưởng của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại đã và đang soi sáng con đường của thời đại - con đường dẫn tới hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Mặc dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ từ hơn một thập kỷ nay, nhưng nội dung cơ bản của thời đại vẫn không thay đổi. Đó là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa

xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Đây là xu hướng phát triển tất yếu của lịch sử, nhưng là một quá trình lịch sử lâu dài, một con đường gập ghềnh, đầy khó khăn, phức tạp. "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" của Đảng ta đã khẳng định : "Chủ nghĩa xã hội đang đứng trước nhiều khó khăn, thử thách ; lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co ; song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội, vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử".

V.I. Lê-nin đã từng chỉ rõ : "Một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nào nó biết tự bảo vệ". Chân lý này đã được kiểm nghiệm, khẳng định bằng thực tiễn hùng hồn của Cách mạng Tháng Mười cũng như của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa sau này, trong đó việc mất chính quyền dẫn tới sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu trở thành bài học đắt giá nhất, đau đớn nhất. Hơn mười năm sau cuộc "chuyển dời đầu bẻ" đó, chúng ta càng thấy rõ rằng, bảo vệ thành quả cách mạng, củng cố chính quyền luôn luôn phải được coi là nhiệm vụ quan trọng nhất, có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Tháng Mười đã chỉ rõ, để bảo vệ chủ nghĩa xã hội không chỉ thuần túy là đánh bại các cuộc tấn công vũ trang của các lực lượng đế quốc thù địch từ bên ngoài mà còn làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn thâm thấu hòa bình nham hiểm của chúng từ bên trong. Mặt khác, cách mạng tự bảo vệ không chỉ bằng những công cụ, biện pháp của chuyên chính vô sản mà cách tốt nhất là phải tăng cường sức mạnh nội sinh, luôn chủ động đổi mới một cách sáng tạo toàn diện cả trong tư duy lý luận lẫn hành động thực tiễn, tạo ra thế và lực đủ mạnh để tiến hành hiệu quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Không thể phủ nhận rằng hiện nay, chủ nghĩa tư bản đang thống trị phần lớn thế giới. Sau khi tạm thời thắng thế trong cuộc đấu tranh với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản đang chuyển mạnh sang giai đoạn mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền mà có người gọi là giai đoạn *"chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa"*. Toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển của thế giới, không ai có thể cưỡng lại được. Bất cứ quốc gia nào không tham gia vào các luồng hội nhập khu vực và toàn cầu đều tự đánh mất đi cơ hội quan trọng bậc nhất để phát triển trong một thế giới mà hợp tác và cạnh tranh đang đan xen nhau một cách hết sức phức tạp.

Đảng ta mang trong mình bản chất cách mạng và khoa học, dám chịu trách nhiệm trước vận mệnh của dân tộc, dám tự phê phán những khuyết điểm sai lầm của mình. Sớm nắm bắt được xu thế của thời đại, Đảng đã sớm đề ra đường lối đổi mới phù hợp với lợi ích tối cao của đất nước, của dân tộc. Khả năng thể hiện mình trước những tình thế khó khăn, gay gắt là một tố chất đặc biệt Việt Nam. Non sông gấm vóc của ta vẫn lung linh tỏa sáng trong mỗi tâm hồn người con đất Việt ; gương mặt và bản lĩnh Việt Nam vẫn rạng ngời trong cộng đồng thế giới. Mới hay, ẩn số của phương trình thời đại hóc búa nhất lại nằm ngay ở chân lý rõ ràng nhất : **nội lực Việt Nam !**

Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã biết tự bảo vệ bằng những thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới mà Đảng đã đề xướng và lãnh đạo nhân dân ta thực hiện trong 16 năm qua. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã biết tự bảo vệ bằng việc bắt rễ sâu vào đời sống của các tầng lớp nhân dân lao động. Không chỉ về mặt lý luận, nhân dân đã thực sự làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của chính mình. Chỉ có cách

mạng xã hội chủ nghĩa mới đem lại cho họ điều vĩ đại đó. Chính nhân dân được hưởng những thành quả của cách mạng và những thành tựu của công cuộc đổi mới. Chủ nghĩa xã hội cũng như công cuộc đổi mới tiềm tàng sức sống, có khả năng vượt qua mọi thử thách, cam go là do vậy và vì vậy. Các nhà khoa học, các học giả từ khắp nơi trên thế giới đến dự cuộc Hội thảo quốc tế *"Việt Nam trong thế kỷ thứ XX"*, tổ chức tại Hà Nội tháng 9-2000, đã nhất trí khẳng định rằng : *Đổi mới của Việt Nam là một tiến trình cách mạng đầy tính sáng tạo. Đó là một đóng góp lớn lao không chỉ cho phong trào cộng sản quốc tế mà còn cho cả nhân loại.* Giáo sư, tiến sĩ A.Li-lốp (Bun-ga-ri) nói : *"Ý nghĩa siêu quốc gia của cuộc đổi mới ở Việt Nam cần được nhận thức không chỉ như một sự đánh giá mà trước hết phải nhận thức như một tầm quan trọng lịch sử của công cuộc đổi mới này, trách nhiệm đối với thắng lợi cuối cùng của cuộc đổi mới ấy"*. Sau khi phân tích ý nghĩa siêu quốc gia của công cuộc đổi mới trên các bình diện lý luận, lịch sử, kinh tế, chính trị, giáo sư lại nhấn mạnh ý nghĩa này trên bình diện địa chiến lược : *"Thắng lợi của công cuộc đổi mới sẽ phục hồi lại ở mức độ lớn ý nghĩa chiến lược của chủ nghĩa xã hội trong sự phát triển thế giới, sẽ mở ra những triển vọng khắc phục cuộc khủng hoảng đang vương vãi, thúc đẩy việc hình thành một thế giới đa cực một trật tự thế giới chính nghĩa hơn"*.

Cách mạng Tháng Mười không chỉ mang ý nghĩa của một cuộc cách mạng chính trị, một cuộc cách mạng xã hội vĩ đại mà còn là thành quả của nền văn minh nhân loại. Tinh thần Cách mạng Tháng Mười sẽ sống mãi với xã hội loài người, với sự nghiệp đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa của chúng ta. □



VỀ NHỮNG TRANG SÁCH VÀ NHỮNG CON NGƯỜI XÔ-VIỆT

NGUYỄN CHÍ TÌNH

ĐỐI với những người thuộc lớp tuổi chúng tôi, sớm bước vào đời những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, trải qua kháng chiến chống Mỹ và những năm đầu xây dựng hòa bình ở miền Bắc rồi cả nước, hình ảnh của đất nước và con người Xô-viết hoàn toàn không phải là những gì xa lạ. Trong mỗi người chúng tôi, hình ảnh đó gắn liền với tình cảm nồng ấm và lý tưởng đẹp đẽ nhất, cái lý tưởng mà tuổi 17 đã hồ hởi đón nhận ngay giữa những năm tháng khói lửa và đầy gian khổ của cuộc đấu tranh vì chính lý tưởng đó. Vâng, hồi ấy Liên Xô vĩ đại đã đến với chúng tôi, tự nhiên như chính cuộc sống: từ bài giảng của người thầy tâm huyết, câu chuyện truyền miệng của anh cán bộ thông tin lưu động. Bài thơ “Đợi anh về” đọc nói nhau giữa chiều mưa rừng, cho đến những trang sách, nói đúng hơn là những trang giấy chép tay hay in thạch đã nhàu nát, ố vàng...

Tôi nhớ, không lâu sau chiến thắng Điện Biên Phủ 1954, đơn vị thanh niên xung phong chúng tôi vẫn đóng quân ở một cánh rừng Tây Bắc. Tôi phụ trách văn nghệ đại đội, may mắn xin được ở ban tuyên huấn tiểu đoàn một cuốn “Thép đã

tôi thế đấy” lược dịch bỏ đi quá nửa, không ghi tên người dịch và in bằng thứ chữ to trên giấy bản hạng ba. Thế là, hằng đêm chúng tôi tập hợp anh em trước cửa hang, lấy ngọn đuốc lớn làm đèn, chọn mấy anh em tốt giọng đọc to cho cả đại đội nghe từng đoạn một. Về sau này tôi khó mà tìm lại được cái cảnh hàng trăm con người im lặng chăm chú đến tột cùng, ngồi giữa rừng đêm thấp thoáng ánh đuốc, lắng nghe câu chuyện của người thanh niên ở cách xa mình hàng mấy chục năm thời gian và hàng vạn cây số không gian. Xen giữa các đoạn văn, bù vào những chỗ bị lược đi, tôi kể lại cho anh em những gì mà anh cán bộ tuyên huấn tiểu đoàn đã “bồi dưỡng” truyền khẩu lại cho tôi, và tất nhiên cũng dành “tạ tội” với nhà văn đã quá cố để “chêm pha dấm ớt” bất cứ chỗ nào mà trí nhớ không còn trung thành với tôi. Thường không có đoạn văn nào anh em cho phép chỉ đọc một lần. Người ta thích nhấm nháp từng hình ảnh, từng lời nói thấm thía. Sáng hôm sau, tôi đành phải để cho những tờ văn vừa đọc chuyển tay từ tiểu đội này qua tiểu đội khác, biết rằng nó sẽ hoen ố, tả tơi, nhưng cũng sẽ được chấp đi dán lại hàng chục lần để không mất đi một chữ nào...

Lúc này, mọi người đều biết hòa bình đang tới gần. Chúng tôi đang nghĩ tới những ngày khải hoàn trở lại về xuôi, về với những cánh đồng, dòng sông quê hương, và trí tưởng tượng thanh xuân của chúng tôi cũng đã vẽ ra cảnh Thủ đô Hà Nội tung bừng “đón anh về” giữa ngàn cờ đỏ, hoa tươi và thiếu nữ áo dài...

Vậy, nhưng các đơn vị thanh niên xung phong lại được lệnh đóng tại chỗ chờ ngày hành quân lên một vùng địa đầu biên giới để bắt đầu một công trình “mở đường chiến lược”. Nhiều anh em không khỏi phân vân và mệt mỏi. Có anh đã nghĩ đến chuyện xin về phép “rời tính sau”. Đúng lúc ấy, Pa-ven Coóc-sa-ghin - một người thanh niên Xô-viết đã đến với chúng tôi. Không phải chỉ như một nhân vật văn học, mà từ trang sách bước ra, anh là một con người thực, sống động, như trước đó chúng tôi từng thấy anh có mặt trong các chiến dịch như những Phan Đình Giót, Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện... Thân thiết và khích lệ biết bao. Không cần đại đội đặt kế hoạch chung, chúng tôi đã cảm xúc, suy nghĩ rồi tập hợp nhau bất kỳ lúc nào để nói chuyện sôi nổi về người thanh niên Xô-viết đó, với những năm tháng làm thợ, làm lính, trên yên ngựa hay trên công trường, hay những ngày cuối cùng trên giường bệnh, con người biết yêu thương trọn vẹn và hy sinh trọn vẹn... Đến mức mà ngày ấy, thay cho câu hỏi nhau trước đó, “có xung phong lên trận địa mới không?”. Chúng tôi lại hỏi nhau: “Có làm Pa-ven không đây?”. Và rồi chúng tôi hành quân lên công trường sắp mở, ở cái rừng mờ sương tím tấp phía trước mặt, trong hành trang - trái tim, mang theo một Pa-ven Coóc-sa-ghin từ nay đã là bạn đồng hành gần gũi.

Tôi có thể nhớ hết nhưng không thể nào kể hết, và trên đây chỉ là một trường hợp trong rất nhiều trường hợp mà lần đầu tiên những con người Xô-viết và tình cảm Xô-viết đến với chúng tôi qua những trang sách văn học.

Sau đó, tôi chuyển qua nhiều môi trường công tác khác nhau, và tôi còn được chứng kiến với một niềm vui ngày càng lớn, biết bao tác phẩm văn học và nhân vật văn học Xô-viết đã đến để đi vào cuộc sống, vào tâm lòng của tôi cùng các đồng chí, đồng nghiệp của tôi. Trong cánh nhà báo trẻ hồi ấy, chúng tôi thường chuyền tay nhau đọc và tâm tặc về những trang bút ký chiến tranh của I. Ê-ren-bua: Cái văn phong hào hùng và tráng lệ, kiệm lời mà nhiều ý tưởng và tràn trề sức truyền cảm, đã chuyển tải tới chúng tôi hình ảnh những con người, cả dân và quân Xô-viết, đã chiến đấu và chiến thắng với một tinh thần dũng cảm và một tư thế kiêu hãnh nhường nào. Ở công trường thủy điện Thác Bà, những người bạn của tôi, từ kỹ sư đến công nhân, đã ngồi liền mấy đêm để nghe đọc “Bài thơ Biển” của Đốp-gien-kô - kịch bản về cuộc chiến lao động trên một công trình thủy điện khổng lồ của Liên Xô - để rồi sau đấy háo hức bảo nhau rằng cuộc chiến hùng vĩ đó đang lặp lại ngay trên quê hương mình. Tại một đơn vị phòng không ở ngoại thành Hà Nội, cuốn truyện “Một người chân chính” của B. Pô-lê-vôi trở thành sách gối đầu giường của nhiều anh em; và nếu anh em rất đổi kinh ngạc trước nghị lực phi thường của anh phi công Ma-ret-xép đã mất cả hai chân vẫn tiếp tục ngồi trong buồng lái để hạ thêm máy bay địch, thì họ cũng cười khoái trá khi nghe chuyện hai anh nhà báo phương Tây đã mất mấy ngàn đô-la Mỹ cho tác giả vì nhất

quyết đánh cuộc là không thể có một con người như Ma-rét-xép ở nước Nga...

Thế đấy, những kỷ niệm cũ, mỗi lần nhớ lại vẫn cho tôi hiểu rằng, hồi ấy, khi cánh cửa tinh thần của lớp tuổi chúng tôi lần đầu tiên mở ra nước ngoài, thì văn học Xô-viết, hay đúng hơn đất nước và con người Xô-viết, thông qua văn học, đã đến với chúng tôi như những luồng gió mới, những luồng gió tuy không mang theo hương đồng cỏ nội của quê hương mà vẫn mát lành và đầy sức hồi sinh !

Nhưng nếu trong bài bút ký này, tôi chỉ ghi lại câu chuyện về những trang sách văn học Xô-viết, thì có lẽ những gì tôi viết ra chỉ nên dành để làm cứ liệu cho một công trình nghiên cứu văn học. Điều may mắn của bản thân tôi và không ít người thuộc lớp tuổi chúng tôi, là ngay hồi ấy, đồng thời hay chỉ sau chút ít những trang sách văn học, chúng tôi lại gặp trong đời thực đúng những con người Xô-viết. Tôi nói đến những chuyên gia Liên Xô, cách đây gần nửa thế kỷ, đã lập tức có mặt trên các công trường xây dựng miền Bắc, giữa một đất nước còn nham nhở vết thương chiến tranh và đang hồi hã bắt tay xây dựng cuộc sống mới...

Tại công trường xây dựng nhà máy chè Phú Thọ năm 1956, 1957 thế kỷ trước, tôi gặp một cặp vợ chồng phiên dịch Liên Xô là Pô-pôp - Pô-pô-va - họ đều là sinh viên khoa Việt ngữ, lại có học thêm nghề xây dựng, và tình nguyện sang Việt Nam khi vừa tốt nghiệp. Khi tôi nói chuyện là đã đọc nhiều tác phẩm của văn học Xô-viết, hai anh chị tỏ ra rất thích thú :

- Thế thì thật tuyệt. Anh đã đọc và anh đã biết những con người Xô-viết trong văn học, và như anh nói, anh rất... mê họ. Thì

giờ đây, hãy quan sát đi. Một đặc điểm quan trọng của nền văn học chúng tôi là sự gắn liền trang viết và đời thực. Ngay trên công trường này, với một nhóm chuyên gia Xô-viết, anh cũng sẽ thấy điều đó.

Vợ chồng người phiên dịch nói quá không sai. Ngay tại đây, công trường nhà máy chè này, tôi đã chứng kiến những người Xô-viết lao động như thế nào, đúng hơn, chúng tôi mới tình quốc tế đầm thắm của họ trong lao động như thế nào. Có thể nói họ đã trở thành những người thợ - và những người thầy - thực sự, xây tường, trát vách, gò sắt, đổ bê-tông... Vôi vữa vương đầy áo, mình đầm đìa mồ hôi... Họ có mặt dưới móng sâu, trên giàn giáo cao, giữa những đồng gạch cát ngổ ngang, trong những quầng bụi mịn mù... bất kể ngày đêm, bên ánh điện hay dưới nắng thiêu. Khi cầm búa, khi cầm đục, khi cầm bản vẽ, họ làm tất cả, để mắt đến tất cả. Không cần nói nhiều, họ xoa tay cười hể hã "Khơ-ra-sô!" để khen anh em, hay tỏ ra đau đớn thực sự trước một hiện tượng làm ẩu của con... Anh em ở đây kể rằng, có đồng chí chuyên gia, ngay trong cơn sốt, cơn sốt vùng nhiệt đới rất khó chịu với người châu Âu, vẫn yêu cầu anh em đi đi, trùm áo khoác ho sù sụ, đứng trên giàn giáo chúng kiến đợt đổ bê-tông đang dồn dập suốt ngày đêm...

Không phải chỉ ở công trường nhà máy chè. Cuộc đời xuôi ngược của một người làm báo hồi ấy đã đưa tôi đi đến hàng trăm công trường và nhà máy khác nhau, và ở đâu cũng vậy, hình ảnh của các chuyên gia Xô-viết là những gì tươi đẹp nhất, xúc động nhất tôi có thể mang theo mỗi lần xốc lại ba lô, lên đường tìm đến một địa chỉ khác.

Vâng, làm sao quên được những người bạn, những người đồng chí ấy ! Chuyên gia Ma-mát-sen-cô ở công trường Su-pe phốt-phát, bây giờ anh ở nơi đâu ? Tôi vẫn nhớ đôi mắt sáng rực và cánh tay vung cao của anh khi anh đứng giữa hàng trăm đoàn viên thanh niên công trường nói về “quyết tâm đẩy mạnh thi công trong mùa mưa”. Rồi sau đó, tự mình làm người thử nghiệm thách thức với trời đất. Anh đánh trần đi giữa trời mưa như trút nước, bất ngờ sẩy chân vào một cái hố nước vôi ngập lên đến ngực, vai bị thương, máu nhòa đỏ, nhưng lập tức nhảy lên cười ồ ồ, vui thích như... một người đi tắm biển ! Đồng chí cán bộ địa chất Cô-lô-đi-a-sơ-nê cao tuổi nữa - bây giờ đồng chí có còn sống để vượt qua cái ngưỡng 100 tuổi như đồng chí hằng mơ ước không ? Trên những con đường núi Yên Bái cheo leo, lởm chởm, gai góc, sên vắt, thiếu ăn, thiếu nước... anh ấy vẫn say sưa nhắc lại những năm tháng đầu tiên đầy gian nan của những người thanh niên Côm-xô-môn trên các công trường kế hoạch 5 năm lần thứ nhất : Vào một lúc tạm nghỉ, tuột đôi giày vải, Cô-lô-đi-a-sơ-nê giơ lên đôi bàn chân đỏ lự và sưng vù, nhưng vẫn cười - đồng chí ấy cười, nhưng anh em ta ứa nước mắt vì cảm động ! Và, các đồng chí chuyên gia lái tàu điện chở quặng ở mỏ thiếc Cao Bằng, có bao giờ các đồng chí trở lại vùng mỏ năm xưa, để nhớ lại những ngày vui vẻ và kiên nhẫn ngồi trong buồng lái nhỏ chỉ dẫn cho các cô gái người Nùng, người Dao trở thành người lái tàu điện ? Tôi vẫn nhớ hôm ấy, trời Cao Bằng đổ sương mù xuống những quảng điện sáng, tôi được ngồi cùng chuyên gia Lu-scô và cô gái Nùng tên là Sao để chứng kiến chuyên lái kiểm tra “tốt

nghiệp” của tay lái nữ thực tập. Điều duy nhất tôi nhận ra là, nét mặt căng thẳng của hai thầy trò. Nhưng rồi, khi con tàu đột nhiên dừng lại yên ổn ở ga cuối đường ray, Lu-scô nhảy lên reo và bỗng ôm lấy cô gái Nùng đang mở tròn đôi mắt đầy xúc động, đến nỗi cô không còn biết ngượng ngịu trước cử chỉ đường đột của người thầy Liên Xô...

Tôi tự biết là những kỷ niệm về con người Xô-viết, dù những kỷ niệm của riêng tôi, nếu nhớ lại cũng khó hết, mà viết ra lại càng không thể hết.

Nhưng tôi lại tự an ủi là cái phần tươi sáng nhất, quý giá nhất đằng sau những kỷ niệm đó thì hẳn bao giờ cũng bền vững, cũng trọn vẹn. Trên tàu vét bùn Liên Xô Zem-la-xốt 20 làm việc ở cảng Hải Phòng những năm 1956, 1957 ấy, có cô gái Lê-na lúc đó mới 18 tuổi, làm cấp dưỡng cho đoàn thủy thủ trên tàu.

Những lúc rảnh rỗi Lê-na thường lên đất liền, lân la đến các hiệu ăn để học cách nấu các món ăn Việt Nam. Chị bảo với tôi :

- Tôi yêu Việt Nam, yêu người Việt Nam. Tôi học thế này, để sau này về nước, nấu các món ăn Việt Nam, cùng gia đình bạn bè ăn, để nhớ tới Việt Nam.

Bây giờ Lê-na hẳn đã trở thành bà nội, bà ngoại và khó còn có dịp trở lại xứ sở này. Nhưng tôi tin thỉnh thoảng chị lại “chiêu đãi” con cháu một món ăn Việt Nam để nhắc lại những ngày không thể nào quên ở cái xứ sở đầy nắng gió và đầy tình nghĩa.

Vâng, đó là những ngày không thể nào quên và những tình cảm không bao giờ phai nhạt, với Lê-na, với các bạn Xô-viết, và với tất cả chúng ta. □

Hơn một thế kỷ QUAN HỆ HỮU NGHỊ, HỢP TÁC VIỆT - NGÀ

TRẦN KIM DUNG

1 - Những cuộc tiếp xúc đầu tiên của người Nga với Việt Nam

Trong đa số các công trình nghiên cứu của các thời kỳ trước về quá trình hình thành và phát triển mối quan hệ Nga - Việt, các tác giả đều cho rằng, sự tiếp xúc của hai nền văn hóa chỉ thực sự được mở đầu từ thời kỳ sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười. Qua những sử liệu được công bố, và kết quả nghiên cứu của nhiều nhà khoa học cả hai nước trong thập kỷ gần đây, hoàn toàn có cơ sở để nói rằng, cuộc tiếp xúc giữa hai nền văn hóa trên thực tế đã được khởi đầu sớm hơn, *ngay từ nửa sau của thế kỷ XIX*. Từ thời Sa hoàng, nhiều người Nga đã biết đến quốc gia phương Đông xa xôi, là thuộc địa của Pháp, bấy giờ còn bị gọi bằng cái tên khinh miệt : nước - An Nam. Thời kỳ này trên thế giới, quá trình quốc tế hóa được đẩy nhanh ; sự tiếp xúc, giao lưu giữa các quốc gia được tăng cường. Trong khi đó, ở Việt Nam, triều đình nhà Nguyễn thi hành chính sách hai mặt : một mặt cầu kết với phương Tây, dựa vào chế độ thực dân để duy trì ngai vàng ; mặt khác, lại thực hiện bế quan, tỏa cảng

nhằm hạn chế bớt ảnh hưởng của phương Tây. Chính vào giai đoạn đầy biến động này, cuộc tiếp xúc giữa hai nền văn hóa Nga - Việt được mở đầu trên xứ Nam Kỳ xưa, với thủ phủ là Sài Gòn - một vùng đất thuận tiện về giao thông đường biển (phương tiện đi lại chính của khách viễn dương thời bấy giờ) đã là nơi được đón tiếp nhiều người nước ngoài, trong đó có không ít các chính khách.

Trung tâm Việt Nam học thuộc Viện Á - Phi (Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Lô-mô-nô-xốp thuộc Cộng hòa Liên bang (CHLB) Nga) còn lưu giữ khá nhiều tư liệu quý giá : các thông tin, kỷ yếu khoa học, các tác phẩm văn học nhiều thể loại ... do các nhà xuất bản đầy uy tín thời Sa hoàng như Xanh Pê-téc-bua, I-go, Pê-trô-grát ấn hành vào các thời kỳ từ 1846 đến 1913. Các tác giả thuộc nhiều thành phần xã hội, từ công tước, đô đốc đến các nhà văn, nhà ngoại giao, nhà quân sự... Vì những lý do khác nhau, họ đã được đến Việt Nam. Các tác phẩm của họ không chỉ đơn thuần ghi lại những điều mắt thấy, tai nghe về xứ sở này mà rất nhiều người trong số họ hiểu biết uyên thâm về Việt Nam. Trong bút ký du hành "*Cuộc viễn du phương Đông của đức hoàng thượng Ni-cô-lai đệ nhị*" (1890 - 1891), Công tước E.U-khơ-tôm-xki đã kể lại về chuyến ghé thăm Sài Gòn của Sa hoàng Ni-cô-lai đệ nhị lúc còn là hoàng thái tử. Ông đã bày tỏ sự khâm phục của mình về đất nước nhỏ bé và con người ở đây : "... Dân bản địa đã bảo vệ từng tấc đất ven biển, dũng cảm tấn công lại kẻ thù... không chấp nhận sự thống trị khôn ngoan của ngoại bang : đó là bản năng của những con người muốn khẳng định cá tính cho dù

dưới một gương mặt đám đông đường nét nhòe nhoẹt chứ quyết không để mất đi bản sắc, quyết không cam chịu nô dịch tinh thần". Ông đã không tiếc lời ca ngợi thiên nhiên giàu có, đa dạng của xứ sở nhiệt đới này : "...Ngũ cốc và rau quả châu Âu dễ dàng gieo trồng trên đất này. Gạo có chất lượng cao nhất... Bắp, bông, trà, sầu không, thuốc lá, mía, cà-phê, trà, đủ các loại hoa quả, các loài cây hương liệu và thảo dược,... đủ các loại gỗ, tơ tằm, ngà voi, sừng trâu, da bò, muối, cá...". Còn nữ văn sĩ Sáp-ki-na Ku-bê-níc (1874 - 1952) trong loạt bút ký *"Những bức thư từ phương xa"* đã kể về những cuộc gặp gỡ lý thú giữa bà và hoàng tử Lý Tông (tên gọi vua Hàm Nghi lúc bị đi đày ở An-giê-ri). Bà đã bày tỏ lòng ngưỡng mộ và cảm thông sâu sắc với vị hoàng đế Việt Nam mà bà hân hạnh được gặp gỡ. K. Xtan-nhi-u-kê-vich, nguyên là sĩ quan hải quân, trong cuốn *"Vòng quanh thế giới trên tàu Korsun"* (1867), qua nhân vật chàng thanh niên A-xa-nhin may mắn có mặt tại vùng đất phía Nam nước ta vào thời điểm lịch sử, khi triều đình nhà Nguyễn ký hòa ước cắt ba tỉnh miền Đông cho Pháp. Ông đã miêu tả rất sinh động những giờ phút quyết liệt trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp của nghĩa quân Trương Công Định mà ông tận mắt chứng kiến. Vị khách từ nước Nga xa xôi đã rất khâm phục tinh thần quả cảm và lòng yêu nước của nghĩa quân. Đ. Xi-mô-nốp, một sĩ quan trong quân đội Nga hoàng, sau một vài lần tới Nam Kỳ, ông đã viết bài *"Đạo chơi ở Đông Pháp"*, bài viết thể hiện sự hiểu biết thấu đáo của ông về văn hóa truyền thống Việt Nam : "Người An Nam công nhận sự độc tôn, quyền lực tối cao của đức vua, của tổ tiên,

những người đã sinh ra gia đình họ và của những người đã cứu nguy và tạo vinh quang cho Tổ quốc họ". "Các phong tục, tập quán, tín ngưỡng, triết lý của họ chính là sức mạnh phát triển của Tổ quốc họ và là bản chất tư tưởng của họ". Không phải chỉ các bài viết, rất nhiều những bức ảnh tư liệu sử của các tác giả Nga chụp hoặc minh họa cũng nói lên tình cảm chân thành, lòng cảm thông sâu sắc với người dân Việt Nam (1).

2 - Giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX

Qua tiếp xúc với những vị khách đến từ nước Nga, mặc những rào cản ngôn ngữ và khác biệt về văn hóa, nhiều người Việt Nam cũng ít nhiều biết đến vùng đất mà thời đó hết sức xa lạ đối với họ. Song, ảnh hưởng của văn hóa Nga đến Việt Nam thời kỳ này còn khá mờ nhạt, chủ yếu là đối với giới trí thức bằng *con đường gián tiếp*, qua các ngôn ngữ trung gian của những tác phẩm dịch :

- *Từ tiếng Nga dịch sang tiếng Pháp*, chủ yếu do người Pháp đưa vào. Vào thời điểm này, số người Việt biết tiếng Pháp, có thể tiếp cận qua bản dịch để biết về nền văn hóa Nga giàu truyền thống cũng chỉ là những con số hiếm hoi. Hơn nữa, nguồn tư liệu này cũng không thường xuyên và ít ỏi. Thêm vào đó, để duy trì chính sách thực dân nhằm cai trị và kìm hãm sự phát triển của văn hóa dân tộc, ru ngủ tinh thần đấu tranh của những người dân thuộc địa, thực dân Pháp không cho du nhập vào Việt Nam những tác phẩm của các tác giả cổ điển Nga mang nội dung tiến bộ, nhất là các tác giả đại diện cho dòng văn học

(1) Xem *Những tiếp xúc đầu tiên của người Nga với Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1997

hiện thực phê phán. Trong thư mục sách tiếng Pháp của Thư viện Đông Dương (cũ) còn được lưu giữ ở Thư viện Quốc gia Hà Nội không thấy thậm chí cả tác phẩm của các nhà văn Nga nổi tiếng thế giới : A. Pu-skin, M. Léc-môn-tốp, N. Gô-gôn, Ph. Đô-xtôi-ép-xki, L. Tôn-xtôi..., chứ đừng nói gì đến các tác giả mà theo họ là "chính trị nguy hiểm" như M. Goóc-ki, V. Mai-a-cốp-xki, A. Pha-đê-ép...

- Nguồn tư liệu thứ hai mà gián tiếp qua đó người Việt Nam có thể phần nào biết về đất nước, con người Nga là tài liệu, sách Nga dịch sang tiếng Trung Quốc (số người Việt Nam biết tiếng Hán nhiều hơn số biết tiếng Pháp). Nguồn tài liệu này bổ sung đáng kể những kiến thức về nước Nga và cuộc cách mạng vĩ đại mà người Nga đã thực hiện thành công. Sau này, nhiều dịch giả Việt Nam còn dịch sang tiếng Việt những tác phẩm : "Người mẹ" của đại văn hào M. Goóc-ki, "Thép đã tôi thế đấy" của N. Ô-xtrốp-xki... Đối với nhiều độc giả, những cuốn sách này trở thành sách "gối đầu giường" và góp phần đáng kể cho việc hình thành nhân sinh quan cách mạng.

Những cuộc gặp gỡ đầu tiên của các nhà cách mạng Việt Nam, đại diện là Phan Bội Châu với những người Xô-viết bắt đầu vào đầu những năm 20 của thế kỷ XX. Phan Bội Châu đã nhắc tới cuộc gặp gỡ này trong cuốn tự sự "Ký sự cuộc đời tôi"(2). Trong các hồi ký của mình, Phan Bội Châu đã viết, việc cử các đồng chí Việt Nam sang học tại nước Nga Xô- viết đã được đem ra thảo luận tại cuộc gặp đầu tiên này. Lần gặp thứ hai của Phan Bội Châu với các đại diện Xô-viết vào năm 1924, tại Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc).

Những cuộc tiếp xúc Liên Xô - Việt Nam trên đất Nga được tiến hành thông qua Quốc tế cộng sản và gắn liền trước tiên với tên tuổi và hoạt động của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Người đã thiết lập những mối liên hệ giữa các tổ chức yêu nước và cách mạng Đông Dương với Quốc tế cộng sản và đặt vấn đề đào tạo ở Liên Xô những cán bộ cộng sản cho đất nước. Theo một số tư liệu thì những người Việt Nam đầu tiên (khoảng 3 người) đã đến Mát-xcơ-va từ nước Pháp vào nửa sau năm 1925 ; nhóm sinh viên Việt Nam tiếp theo tới từ châu Âu vào năm 1926. Theo các tài liệu sơ bộ, trong thời gian từ 1925 đến cuối những năm 30... đã có hơn 60 người Việt Nam theo học... Tính đến năm 1935 đã có 47 người Việt Nam tốt nghiệp Đại học phương Đông(3). Những người Việt Nam được vinh dự sang học tập tại quê hương của V.I. Lê-nin và Cách mạng Tháng Mười vĩ đại này là những người đầu tiên được tiếp xúc trực tiếp với văn hóa và ngôn ngữ Nga. Chính họ cũng là những nhà truyền bá tích cực cho quá trình giao lưu văn hóa hai nước. Trong những năm 30 của thế kỷ XX, những mô tả khái quát về Việt Nam (chủ yếu là nghiên cứu về tình hình kinh tế - xã hội) được công bố ở Liên Xô. Người ta cũng bắt đầu biết đến tên tuổi của hai nhà Việt Nam học A. Gu-be và B. Đan-xích.

3 - Từ sau khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

Thắng lợi của cuộc cách mạng vô sản ; thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội và

(2) Theo Trung tâm lưu trữ và nghiên cứu tài liệu lịch sử hiện đại Nga, tủ 495, hộp 154, hồ sơ 585, tờ 11

(3) A. Xô-cô-lốp : *Quốc tế cộng sản và Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia , Hà Nội, 1999, tr 64

truyền thống văn hóa lâu đời của nước Nga Xô-viết được coi là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng tích cực đến tiến trình hình thành và hiện đại hóa nền văn hóa cách mạng Việt Nam. Sự ra đời của nhà nước công nông non trẻ đầu tiên ở Đông Nam Á (tháng 8-1945) tạo nhiều điều kiện thuận lợi để nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tiếp nhận ảnh hưởng của văn hóa Nga - Xô-viết; đồng thời, là tiền đề cho việc thiết lập quan hệ ngoại giao và hợp tác toàn diện giữa hai nước. Đầu năm 1950, trong lúc cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân ta còn gặp nhiều khó khăn, chúng ta bị bao vây, cô lập từ nhiều phía nhưng Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã chính thức công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta, mở ra giai đoạn mới trong phát triển đất nước, khẳng định vai trò và vị thế Việt Nam trên trường quốc tế. Có thể nói, thời kỳ những năm 50 đến những năm 80 của thế kỷ XX, nhất là sau khi ký kết *Hiệp định kinh tế, thương mại* (1955) và *Hiệp định trao đổi văn hóa song phương* (1957), là giai đoạn rất hiệu quả trong quan hệ hợp tác nhiều mặt Việt - Xô. Chính phủ Việt Nam ngay từ đầu đã đánh giá cao vai trò của nước Nga và ảnh hưởng của văn hóa Xô-viết. Tiếng Nga được đưa vào giảng dạy trong nhiều trường đại học và trường phổ thông. Số người Việt Nam biết tiếng Nga và hiểu sâu về văn hóa Nga ngày càng gia tăng. Nhiều tác phẩm với các thể loại, đặc biệt là thi ca viết về đề tài xô-viết đã ra đời.

Nghiên cứu về đất nước, con người Việt Nam cũng trở thành nhu cầu của nhiều người dân Xô-viết và là mục tiêu hoạt động của các cơ quan nghiên cứu Đông phương

và các tổ chức hoạt động thực tiễn. Viện sĩ A. Gu-ber đã đặt nền móng cho ngành Việt Nam học ở Nga với nhiều tên tuổi A. Si-tô-va, I. Óc-nhê-tốp, D. Đe-ô-píc, N. Ni-cu-lin... Vào đầu những năm 50 thế kỷ XX, ông đã trình bày những bài giảng đầu tiên về lịch sử Việt Nam từ thời cổ đại đến hiện đại. Cũng ở thời gian này, Trường Đại học Mát-xcơ-va đã có những nghiên cứu sinh chuyên về Việt Nam. Từ giữa những năm 60, môn Việt Nam học của Nga đã trở thành một lĩnh vực nghiên cứu độc lập. Đầu những năm 70, tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam đã được quan tâm nghiên cứu. Những năm gần đây, nhiều tài liệu nghiên cứu có giá trị của Việt Nam đã được dịch sang tiếng Nga (bộ biên niên sử "Đại Việt sử ký toàn thư"; các bộ sử của các tác giả, các văn kiện, gia phả...). Tính tới năm 1975, đã có hơn 135 đầu sách khác nhau của Việt Nam được dịch ra các thứ tiếng của Liên Xô (cũ). Đề tài Việt Nam đấu tranh là một mảng nổi trội gồm nhiều tác phẩm hay, có tầm cỡ, phong phú về thể loại trong văn học Xô-viết thời kỳ những năm 70 - 80 của thế kỷ XX. Nhiều cuốn phim truyện và thời sự được hợp tác sản xuất giữa hai nước (*Hồ Chí Minh trên đất nước V.I. Lê-nin, Ngôi sao của tình hữu nghị, Tọa độ chết...*). Năm 1951, đoàn sinh viên Việt Nam với 21 người được cử sang Liên Xô học tập, đến năm 1983 đã có 9 600 sinh viên và 990 nghiên cứu sinh học tập tại 150 trường đại học thuộc 35 thành phố của Liên Xô trước đây.

Khuynh hướng hiện nay của ngành Việt Nam học là nghiên cứu sâu hơn về lịch sử Việt Nam, dịch, bình luận, nghiên cứu các nguồn sử liệu Trung Quốc viết về

Việt Nam⁽⁴⁾. Tháng 5-2002, Hội thảo Quốc tế về Việt Nam học được tổ chức ở thành phố Xanh Pê-téc-bua (Cộng hòa Liên bang Nga). Hội thảo đã thu hút nhiều đại biểu quốc tế tham dự, trong đó đoàn Nga chiếm số đại biểu đông thứ 2 sau Việt Nam (38 người). Lần đầu tiên tiếng Việt được chọn là một trong 3 ngôn ngữ của hội thảo. PGS, TS V. Kô-lô-tốp, Phó Trưởng khoa Đông phương của Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Xanh Pê-téc-bua, Thư ký khoa học của hội thảo cho biết : Hội thảo thể hiện tính đa dạng của ngành Việt Nam học trên thế giới nói chung và nước Nga nói riêng và tập hợp được rất nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về Việt Nam, trong đó nhiều công trình của các nhà khoa học Nga. Các công trình này đang được nghiên cứu, tổng hợp, dịch và sẽ được giới thiệu cho bạn đọc trong thời gian gần đây. Việt Nam cùng với nền văn hóa có truyền thống lâu đời và giàu bản sắc vẫn đang và sẽ là đề tài hấp dẫn cho những người Nga.

Từ khi Liên bang Xô-viết tan vỡ, sau một thời gian lắng xuống, năm 1994, Nhà nước Nga đã tìm về tính chất lưỡng thể Âu - Á, phát huy thế mạnh về vị trí địa lý, điều kiện lịch sử, văn hóa, điều chỉnh chính sách đối ngoại từ định hướng Đại Tây Dương sang định hướng Âu - Á, song không xem nhẹ mối quan hệ với các nước phương Tây. Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam là nước duy nhất mà Nga có quan hệ truyền thống, có ảnh hưởng khá lớn trong một thời gian đáng kể. Tháng 4-1994, I-a-dốp, Phó Thủ tướng Cộng hòa Liên bang Nga đã có chuyến thăm nhằm tăng cường mối quan hệ sẵn có và giành lại vị trí trước đây của Nga ở Việt Nam. *Hiệp ước về những nguyên tắc*

cơ bản trong quan hệ Liên bang Nga và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (6-1994) và *Tuyên bố chung giữa hai Chính phủ về thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học* (11-1997) được ký kết. Mối quan hệ Nga- Việt đặc biệt nóng lên sau chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống V. Pu-tin vào đầu năm 2001. Nga quan tâm đến việc tăng cường tay nghề chuyên môn và đào tạo lại cho số cán bộ Việt Nam đã học tại Nga và mở rộng các hình thức hợp tác hiệu quả ở cấp địa phương.

Đảng và Nhà nước ta coi quan hệ với Liên bang Nga là một trong những hướng ưu tiên. Tháng 7-1999, chuyến thăm chính thức Cộng hòa Liên bang Nga của Chủ tịch nước Trần Đức Lương và của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh vào tháng 10-2002 mới đây, đã mở ra triển vọng khả quan, thúc đẩy quan hệ truyền thống nhiều mặt trên quy mô lớn giữa hai nước. Ước tính, hiện có hàng vạn người Việt Nam đang học tập, làm ăn và sinh sống tại Nga. Những định hướng lớn hiện nay trong quan hệ Việt - Nga là : Tăng cường hợp tác nhiều mặt. Khai thác triệt để thị trường nước Nga để kích thích phát triển kinh tế trong nước. Lựa chọn những nội dung kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ có hiệu quả để hợp tác ; khai thác những yếu tố tích cực trong cộng đồng người Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Nga. Tiếp tục kêu gọi, tạo điều kiện thuận lợi trong hợp tác kinh tế, đầu tư. củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức tham gia vào các quan hệ hợp tác nhiều mặt. □

(4) TS. D. Đê-ô-píc : *Tình hình nghiên cứu Việt Nam ở Nga*, Báo cáo trên Hội thảo quốc tế về Việt Nam học tại Hà Nội, ngày 15 -7-1998

XÂY DỰNG MỘT THỂ HỆ DOANH NHÂN, DOANH NGHIỆP MỚI

ĐOÀN NHẬT DỪNG *

Sự phát triển của kinh tế thế giới cho thấy, sự giàu mạnh của một quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế khởi nguồn từ sự giàu mạnh của các doanh nghiệp, cụ thể hơn là từ năng lực của những người đứng đầu doanh nghiệp. Vì thế, khi đất nước ta đang phải đối diện với những thách thức gay gắt của nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, việc đặt *doanh nhân, doanh nghiệp* vào trung tâm của sự phát triển không còn là ý muốn chủ quan mà là đòi hỏi khách quan. Trong thế kỷ XX, thế giới đã chứng kiến nhiều thành tựu kinh tế khá ngoạn mục : ở thập niên 60, là sự phát triển của Nhật Bản ; ở thập niên 80, là thành tựu kinh tế của những nền công nghiệp mới như Hàn Quốc, Hồng Kông, Xin-ga-po... Cách thức mà các nước áp dụng để làm nên những chuyện thần kỳ về kinh tế có thể không giống nhau ; nhưng, chắc chắn có cùng một điểm chung là có một hệ thống doanh nghiệp hùng mạnh và một lực lượng doanh nhân giỏi làm nền tảng vững chắc cho việc dựng lên tòa nhà kinh tế khang trang và bền vững. Do vậy, để xây dựng thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta phải tạo

ra môi trường thuận lợi cho sự hình thành và phát triển đội ngũ doanh nhân giỏi.

1. Quan niệm về doanh nhân trong thời kỳ phong kiến

Để hình thành và phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam, trước hết cần thay đổi về quan niệm đối với doanh nhân. Trước đây, trong xã hội phong kiến tồn tại tâm lý coi trọng trật tự "sĩ, nông, công, thương". Điều này đã in sâu vào tiềm thức người dân do xuất phát từ ý thức hệ Nho giáo. Trong xã hội phong kiến, theo quan niệm Nho giáo ở Việt Nam ngày xưa, những chữ "luân lý" và "danh phận" đóng vai trò độc tôn tuyệt đối, hoàn toàn không có chỗ cho những khái niệm "tự do", "bình đẳng" vốn xuất hiện kể từ các cuộc cách mạng tư sản. Chính vì vậy, trong cơ cấu trật tự xã hội đó không có chỗ đứng hợp thức cho các nhà kinh doanh.

Một đặc điểm quan trọng cần được chú ý trong tư tưởng Nho giáo là tư tưởng không được "muu lợi" vì khái niệm "lợi" là một thứ đặc biệt hủ kỵ. "Nhân nghĩa" và "lợi" là những phạm trù không thể

* Ủy ban Chứng khoán nhà nước

lượng lập, mà bài trừ lẫn nhau một cách tuyệt đối. Xuất phát từ quan niệm triết lý này, có thể hiểu rõ hơn vì sao trong xã hội phong kiến, người ta kỳ thị nhà buôn, nhà kinh doanh, và thường ca ngợi những kẻ sĩ không cầu danh mà cũng không cầu lợi. Đến thời "kinh tế xã hội chủ nghĩa" theo mô hình kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp đối lập với "kinh tế thị trường" thì những người buôn bán ấy lại bị giáng thêm một cấp nữa là "lũ con phe". Hình ảnh đồng tiền thường bị đồng hóa với cái xấu xa, cái dễ dẫn đến tội lỗi. Có thể thấy rõ, lịch sử xã hội như vậy không thể là một nền tảng thuận lợi cho sự phát triển của tầng lớp doanh nhân.

Ngày nay, vẫn có thể tìm thấy không ít yếu tố xã hội "cản trở" đối với kinh doanh do bắt nguồn từ ý thức hệ Nho giáo và guồng máy phong kiến. Thí dụ điển hình là cơ chế "xin - cho" thường được mọi người nhắc tới. Hiểu một cách sâu xa, cơ chế này phản ánh thứ quan hệ không vận hành theo chức năng, mà chủ yếu theo mối quan hệ quyền lực. Trong đó, một bên tức là các doanh nhân, doanh nghiệp chỉ được phép đi xin (và phải "xin" thì họa may mới được "cho"), còn một bên là cán bộ, ngành, địa phương thì có quyền cho hay không cho. Hệ quả không tránh khỏi là chạy chọt, nhờ vả theo đường dây quan hệ quen biết, để rồi sau đó buộc phải biếu xén hoặc hối lộ để "trả ơn". Trong môi trường đó làm sao có thể hình thành được một lực lượng doanh nhân giỏi và một hệ thống doanh nghiệp hùng mạnh. Do đó, nhất thiết phải tiếp tục khắc phục những hạn chế lịch sử đó mới mong tạo nên môi trường kinh doanh thuận lợi để xây dựng một thể hệ doanh nhân mới ở Việt Nam.

2. Hướng đi của các doanh nhân Việt Nam

Để đóng vai trò trung tâm của sự phát triển, các doanh nhân Việt Nam cần phát huy truyền thống tốt đẹp đã được rèn luyện trong những thời kỳ lịch sử : đó là lòng yêu nước, ý thức dân tộc, sự thống nhất giữa ích nước với lợi nhà. Đồng thời, muốn đương đầu được với những đối tác là các tập đoàn tư bản trong quá trình hội nhập kinh tế của đất nước, các doanh nhân, doanh nghiệp phải xây dựng được cho mình con đường đi mới. Đó là :

- *Chạy tiếp sức thay cho mạnh ai nấy chạy.* Doanh nhân Việt Nam nên hiểu rằng, để có thể đến đích nhanh, họ phải chọn cách chạy tiếp sức, thay vì mạnh ai nấy chạy - một đặc tính tồn tại từ trước tới nay ở các doanh nghiệp Việt Nam. Mỗi người đều phải nỗ lực chạy nhanh hơn đồng đội (tinh thần cạnh tranh), nhưng đồng thời cũng sẵn sàng hợp tác lúc cần thiết. Làm được điều đó, các doanh nghiệp sẽ tận dụng được ưu điểm của cả cạnh tranh và hợp tác : cạnh tranh để có được sản phẩm tốt nhất và giá hạ nhất (điều kiện sống còn của doanh nghiệp), hợp tác để mở rộng quy mô cạnh tranh tại thị trường trong nước và nước ngoài, giải quyết các công việc mang tính quy mô hơn, có công nghệ phức tạp (điều kiện sống còn của cả hệ thống doanh nghiệp Việt Nam).

- *Có một tầm nhìn lâu dài trong đầu tư.* Để làm được điều này, các doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam phải giảm ưu tiên đối với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận trong ngắn hạn, đưa mục tiêu lợi nhuận trong dài hạn lên hàng đầu, tức là phải có chiến lược kinh doanh dài hạn. Chiến lược kinh

doanh này thể hiện ở việc xây dựng được những chiến lược cụ thể.

Chiến lược sản phẩm : Phải chọn những sản phẩm mà doanh nghiệp có thể mạnh, không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm theo nhu cầu tiêu dùng ngày càng phát triển, hiện đại hóa khâu thiết kế, đồng thời chọn lựa hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trên thế giới phù hợp với doanh nghiệp nhằm đạt được chất lượng sản phẩm cao hơn.

Chiến lược giảm chi phí : Chiến lược này bao gồm giảm các chi phí đầu vào và các chi phí trung gian khác để hạ giá thành, tăng lợi nhuận và tăng khả năng bán ở mức giá cạnh tranh.

Chiến lược tạo ra các sản phẩm độc đáo : Doanh nghiệp cần tìm mọi cách để sản phẩm của doanh nghiệp mình có tính khác biệt, độc đáo so với sản phẩm cùng loại của các doanh nghiệp khác (ví dụ sự độc đáo về giá trị sử dụng, mẫu mã, bao bì...).

Chiến lược thị trường trọng điểm : Tùy theo khả năng và ưu thế của mình, doanh nghiệp có thể chỉ tập trung vào một vài phân đoạn của thị trường trọng điểm, trực tiếp phục vụ nhu cầu của một nhóm khách hàng giới hạn theo khu vực địa lý, mức độ giàu nghèo, tuổi tác, nghề nghiệp, hoặc theo từng phân đoạn nhỏ của thị trường trong một dòng sản phẩm đặc thù.

Chiến lược ma-két-ting : Doanh nghiệp cần làm tốt công tác nghiên cứu thị trường, tạo được một đội ngũ những nhà tiếp thị, phát triển mạng lưới tiếp thị rộng khắp và luôn có kế hoạch mở rộng thị trường. Phát triển mạng lưới tiêu thụ, thường xuyên đưa ra các hình thức khuyến mãi phù hợp với

từng lúc, từng nơi, cải tiến phương thức phục vụ khách hàng. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống phân phối, kể cả chất lượng của dịch vụ trước và sau khi bán cho phù hợp với đặc điểm văn hóa tiêu dùng trên thị trường. Ngoài ra, cũng cần nắm bắt và phản ứng nhanh nhạy trước những thay đổi của đối thủ cạnh tranh.

Chiến lược đổi mới công nghệ : Doanh nghiệp phải xây dựng kế hoạch từng bước đổi mới dây chuyền công nghệ để tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng hàng hóa. Điều trước tiên, cần lựa chọn các khâu quan trọng trong dây chuyền sản xuất có ảnh hưởng đến chất lượng và giá thành sản phẩm để tiến hành hiện đại hóa trước.

Chiến lược con người : Đó là nâng cao trình độ, năng lực kinh doanh, điều hành, quản lý doanh nghiệp cho giám đốc, trình độ tay nghề của người lao động, kiến thức về tiếp thị, công nghệ thông tin, chú trọng phát huy sáng kiến, cải tiến trong hoạt động của doanh nghiệp.

Chiến lược xây dựng và quảng cáo cho thương hiệu sản phẩm : Khuyến khích thương hiệu sản phẩm đóng vai trò rất quan trọng, góp phần thúc đẩy khách hàng mua hàng của doanh nghiệp mình chứ không mua của doanh nghiệp khác. Thương hiệu nổi tiếng giúp cho doanh nghiệp mở rộng và chiếm lĩnh thị phần, chi phối, làm cho các đối thủ phải nản lòng khi muốn chia sẻ thị phần.

Chiến lược văn hóa doanh nghiệp : Văn hóa kinh doanh là những nét văn hóa rất được chú trọng trong các quốc gia công nghiệp hóa nhanh và thành công. Do vậy, các doanh nghiệp Việt Nam muốn đứng vững và phát triển trong cạnh tranh cũng

phải xây dựng cho mình một mô hình văn hóa doanh nghiệp mới, phù hợp với nền văn minh mới.

Chiến lược vốn : Trên cơ sở chiến lược kinh doanh dài hạn và các mục tiêu kinh doanh trước mắt, doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược huy động vốn. Một trong những khó khăn của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là tình trạng thiếu vốn, trong khi một số ngân hàng thương mại lại thừa vốn. Do vậy, vấn đề đặt ra là các doanh nghiệp phải xây dựng được phương án kinh doanh khả thi và ngân hàng cũng phải cải tiến phương thức cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp mà không nên cho vay một cách thụ động, máy móc. Ngoài nguồn vốn có thể huy động từ ngân hàng, các công ty cổ phần, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, các doanh nghiệp có thể huy động vốn từ thị trường chứng khoán qua việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu để giúp thực hiện những dự án kinh doanh lớn trong thời gian dài.

Tóm lại, thực hiện được những chiến lược trên sẽ bảo đảm sự phát triển bền vững cho các doanh nghiệp Việt Nam khi đã quyết giành chiến thắng trong cuộc chạy đua với các đối thủ cạnh tranh.

3. Một số giải pháp

Thứ nhất, để nhanh chóng xây dựng một thể hệ doanh nhân, doanh nghiệp mới cần thiết phải đẩy mạnh cải cách thể chế kinh tế. Thực tế chỉ rõ, thể chế nào sẽ có doanh nhân, doanh nghiệp ấy. Một thể chế kinh tế nếu phù hợp lòng dân, phù hợp với thực trạng đất nước và quy luật phát triển của thời đại sẽ có tác dụng thúc đẩy rất lớn đối với sự phát triển của đất nước, thúc đẩy sự hình thành tầng lớp doanh nhân - doanh nghiệp hùng mạnh có khả năng

cạnh tranh trên phạm vi toàn cầu ; nếu không, có thể sẽ có tác dụng ngược lại. Do đó, cần phải đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo hành lang pháp lý ổn định, bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Mọi lĩnh vực hoạt động đều phải xuất phát và căn cứ vào các quy định của luật pháp. Do vậy, cần nhanh chóng xây dựng bộ máy làm luật một cách chuyên nghiệp, có tầm nhìn chiến lược trong bối cảnh thế giới ngày càng có quan hệ tương tác chặt chẽ với nhau và biến đổi nhanh chóng. Việc tiếp tục cải cách hành chính một cách sâu rộng sẽ giúp đạt được hai mục tiêu quan trọng : *một là*, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế, đảm bảo cho những chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước được thực thi nghiêm túc ; *hai là*, tạo sự minh bạch, công khai trong hoạt động kinh doanh và thúc đẩy nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ hai, cần nhanh chóng hình thành, phát triển và hoàn thiện các loại thị trường, chú trọng các thị trường cơ bản và những thị trường mới hiện còn sơ khai như thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học - công nghệ...

Thứ ba, tạo ra môi trường cạnh tranh. Doanh nhân - giám đốc doanh nghiệp là một nghề và phải được luật pháp thừa nhận như các nghề khác. Như vậy, đồng thời với việc đào tạo, bồi dưỡng để hình thành một tầng lớp doanh nhân thực thụ, chuyên nghiệp, phải tạo được cơ chế cạnh tranh bình đẳng ngay trong việc tuyển dụng doanh nhân. Có như vậy mới chọn được những doanh nhân xuất sắc, làm cho đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh.

Riêng đối với doanh nghiệp nhà nước, thực tế chỉ rõ khi giám đốc doanh nghiệp vẫn là quan chức do Nhà nước bổ nhiệm thì lợi ích của họ không gắn bó trực tiếp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước. Do vậy, chúng ta cần thay đổi cơ chế tuyển dụng theo hướng thực hiện việc tuyển dụng giám đốc thông qua cơ chế cạnh tranh trên thị trường. Xóa bỏ chế độ đẳng cấp doanh nghiệp, trả lương theo kết quả phân loại doanh nghiệp; theo hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và có sự kích thích tính năng động, sáng tạo của giám đốc trong kinh doanh.

Thứ tư, điều chỉnh vai trò và trách nhiệm của Nhà nước theo hướng phải là "Nhà nước phục vụ" và những công chức trong bộ máy nhà nước dứt khoát không thể là những người đứng trên doanh nhân, doanh nghiệp, đầy quyền uy "cho" hoặc "không cho" như trong cơ chế "xin - cho" tràn lan trước đây. Bởi lẽ, doanh nhân là những người làm ra của cải cho xã hội, nộp thuế để nuôi bộ máy, đến lượt mình, bộ máy phải định hướng và phục vụ lại doanh nhân. Điều chỉnh vai trò và trách nhiệm của Nhà nước đối với doanh nhân, doanh nghiệp cần bắt đầu từ đổi mới nhận thức. Từ đó, sắp xếp lại bộ máy và điều chỉnh hành vi của công chức, đi đôi với việc thực thi kỷ luật hành chính thật nghiêm.

Thứ năm, cần tạo dựng môi trường xã hội, khuyến khích kinh doanh, khuyến khích làm giàu, tôn trọng doanh nhân giỏi, phân biệt những doanh nhân kinh doanh đúng pháp luật với những kẻ kiếm tiền dựa

vào lừa đảo, móc ngoặc, chà đạp đạo đức kinh doanh. Khuyến khích lớp trẻ chọn nghề kinh doanh. Xóa bỏ tâm lý cho rằng con em học giỏi, đi làm cán bộ (làm quan) sẽ có địa vị vững chắc, bổng lộc hơn người; nếu làm kinh doanh thì vào doanh nghiệp nhà nước là nơi có nhiều ưu ái và chắc chắn hơn là vào doanh nghiệp dân doanh.

Thứ sáu, có cơ chế bảo vệ doanh nhân, khắc phục khuynh hướng hình sự hoá các quan hệ dân sự đang gây cho không ít doanh nhân tâm trạng không dám mạnh dạn sáng tạo, không dám chịu rủi ro. Đồng thời, tạo lập thị trường hoàn chỉnh, quy phạm pháp luật đồng bộ, rõ ràng, công khai để ngăn chặn một số doanh nhân làm ăn không chính đáng.

Thứ bảy, cần khuyến khích các hình thức hiệp hội doanh nghiệp; khuyến khích sự hình thành câu lạc bộ và những tổ chức xã hội dân sự tự nguyện của bản thân doanh nhân để doanh nhân có cơ hội cùng nhau trao đổi thông tin, bàn bạc, giúp đỡ nhau trong kinh doanh cũng như bảo vệ những quyền lợi hợp pháp của mình.

Trong vòng hơn 10 năm cuối thế kỷ XX, chúng ta đã chứng kiến lớp các nhà doanh nghiệp thế hệ mới luôn phấn đấu, vượt qua thử thách, vươn lên một cách tự tin, năng động và đầy nghị lực trong cơ chế thị trường. Các doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam đã đóng góp những thành tựu rất đáng tự hào trong công cuộc đổi mới kinh tế do Đảng và Nhà nước khởi xướng và lãnh đạo. Họ đang và sẽ tiếp tục trưởng thành, góp phần to lớn trong công cuộc xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. □



Cải cách hành chính

"một cửa, một dấu"

Ở QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN QUANG HẢI

QUẬN 1 là một trong ba quận, huyện của Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố chọn thực hiện thí điểm cải cách hành chính (CCHC) theo mô hình "một cửa, một dấu". Sau hơn 5 năm triển khai, công tác CCHC ở đây đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Là quận trung tâm của Thành phố Hồ Chí Minh, Quận 1 có tổng diện tích 7,5 km² với dân số 240 400 người (tính tròn) ; được sáp nhập từ Quận 1 và Quận 2 trước đây vào những năm đầu sau giải phóng, chia thành 25 phường ; và đến năm 1989 lại được sáp nhập còn 10 phường mang tên như hiện nay. Trước năm 1989, UBND Quận 1 có 24 phòng, ban trực thuộc, qua nhiều lần sắp xếp, còn 17 phòng, ban (năm 1989) rồi 11 phòng, ban (năm 1992) ; và hiện nay, là 10 phòng, ban. Theo đó, biên chế khu vực quản lý nhà nước của quận cũng giảm từ 160 người (năm 1986) xuống còn 104 người hiện nay.

Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, nhiều thủ tục hành chính tỏ ra không phù hợp, tổ chức bộ máy công kênh, nhiều đầu mối ; chức năng nhiệm vụ chồng chéo, hiệu lực và hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước thấp, Quận ủy, UBND Quận 1 xác định : CCHC là một yêu cầu cấp thiết. *Mục đích cơ bản nhất của CCHC theo mô hình "một cửa, một dấu" của Quận 1 là nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi tổ chức và công dân khi có yêu cầu giải quyết hồ sơ hành chính, chỉ cần đến trụ sở UBND Quận để được hướng dẫn, nộp hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả đúng ngày, hẹn tổ chức hoặc người dân trở lại nhận kết quả. Người dân không còn phải đi lại nhiều lần, nhiều nơi như trước, đồng thời hạn chế các tiêu cực có thể xảy ra do việc những nhiễu của cán bộ thụ lý.* Để thực hiện chương trình này, Quận ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND Quận đã ban hành những nghị quyết, xây dựng nhiều chương trình và kế hoạch chuyên đề về công tác cải cách hành chính, mà trọng tâm là thực hiện mô hình "một cửa, một dấu" ; đồng thời, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý

nhà nước ; ứng dụng tiêu chuẩn ISO 9002 : 1994 vào dịch vụ hành chính, từng bước tiến tới xây dựng chính quyền điện tử.

Để mô hình "một cửa, một dấu" có đầy đủ yếu tố pháp lý, ngày 27-1-1996, UBND Quận đã có đề án trình UBND Thành phố, xin được thực hiện thí điểm. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, ngày 26-4-1996, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định phê duyệt quy chế tạm thời tổ chức, hoạt động thí điểm theo mô hình mới "một cửa, một dấu" của UBND Quận 1. Đây chính là khởi đầu của công tác chuẩn bị đề án.

Cùng với việc chuẩn bị đề án, UBND Quận quan tâm chuẩn bị các điều kiện, mà việc đầu tiên là đầu tư cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND Quận, trong đó xây dựng một phòng tiếp nhận hoàn trả hồ sơ tập trung, gắn với khu vực hành chính tập trung với thiết bị và tiện nghi làm việc đồng bộ, hiện đại để đảm bảo được tiến độ, yêu cầu công việc và tạo thuận lợi cho công tác quản lý, kiểm tra, xử lý các công việc.

Đồng thời, UBND Quận tập trung chú trọng vào công tác nhân sự. Qua sắp xếp và lựa chọn, quận thành lập một bộ phận hướng dẫn, tiếp nhận, thụ lý và hoàn trả hồ sơ gồm những cán bộ có đủ năng lực, trình độ, am hiểu về pháp luật và các quy định về hành chính. Công tác đào tạo, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức quản lý nhà nước v.v. cũng được tổ chức thường xuyên, đảm bảo cho 100% cán bộ quận và phường được đào tạo, trong đó có trên 200 đồng chí đã tốt nghiệp Cử nhân Luật và Cử nhân Chính trị. Mặt khác, Quận đã rà soát lại các quy trình, thủ tục ; thời gian giải quyết, các khoản thu phí, lệ phí... ; qua đó, điều chỉnh phù hợp

với yêu cầu mới. Tiếp theo đó, Quận tiến hành mẫu hóa các loại văn bản để có sự thống nhất về mặt hình thức, kỹ thuật văn bản, tạo thuận lợi cho việc phân định trách nhiệm của ủy ban và các phòng ban theo thẩm quyền ; tổ chức tập huấn để quán triệt và nâng cao trình độ mọi mặt, nhất là về nghiệp vụ cho từng cán bộ, công chức.

Tháng 3-1996, Quận 1 bắt đầu triển khai thí điểm quy trình hành chính "một cửa". Theo quy trình này, mọi thủ tục hành chính có liên quan trực tiếp đến yêu cầu của tổ chức và công dân được tập trung về "phòng tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ". Tại đây, cán bộ và công chức sẽ hướng dẫn các thủ tục hồ sơ liên quan cho các tổ chức hoặc công dân, cấp giấy biên nhận và hẹn ngày trả kết quả. Khách hàng không còn phải đi, đến nhiều nơi, nhiều lần như trước (vì mọi yêu cầu đều đã được cán bộ - công chức và bộ máy của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Quận thực hiện).

Quy trình hành chính "một cửa" chỉ yêu cầu các tổ chức và công dân đến một nơi để giao dịch về hồ sơ, các thủ tục hành chính được đơn giản hóa, dễ hiểu, quy trình giải quyết được điều chỉnh hợp lý và khoa học ; trách nhiệm của cán bộ công chức được định rõ, nâng lên, hạn chế một bước quan trọng những tiêu cực và những nhiễu. Trước đây, trong một số lĩnh vực, hồ sơ hành chính không xác định rõ thời gian giải quyết, đến nay đã được quy định cụ thể. Nhiều loại hồ sơ đã giảm tối thiểu được 1/3 so với trước đây, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hoặc sớm hơn thời gian hẹn bình quân đạt 98%.

Sau khi triển khai có hiệu quả qui trình hành chính "một cửa", Quận 1 đã có Quyết định số 358/QĐ-UB, ngày 31-7-1997, về việc ủy nhiệm cụ thể cho các trưởng phòng ký và

đóng dấu của UBND Quận với danh nghĩa thừa ủy nhiệm của Chủ tịch UBND đối với một số loại văn bản mang tính chất hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ. Từ tháng 7 đến tháng 12-1996, hầu hết con dấu của các phòng ban cơ bản đã được thu hồi (trừ dấu của Văn phòng Ủy ban và Thanh tra quận). Thực hiện cơ chế này, UBND Quận đã ban hành quy chế làm việc của UBND Quận, quy chế làm việc và phối hợp giữa các phòng, ban. Nhờ đó, mối quan hệ giữa các phòng, ban ngày càng chặt chẽ, đảm bảo sự nhịp nhàng và đạt hiệu quả cao.

Áp dụng cơ chế "một dấu", đồng thời với việc tăng ủy nhiệm cho trưởng các phòng, ban trực thuộc, Quận 1 đã thu được những kết quả rất đáng khích lệ :

- Với cơ chế ủy nhiệm cho trưởng các phòng, ban..., một phần đáng kể số lượng công việc mang tính chất nghiệp vụ chuyên môn được giải quyết nhanh, gọn và hiệu quả. Nhờ vậy, quỹ thời gian của lãnh đạo ủy ban được tập trung vào việc giải quyết những công việc quan trọng.

- Nâng cao trách nhiệm của các trưởng phòng, ban ; hạn chế được sự tùy tiện về hình thức, kỹ thuật, nội dung và phát hành văn bản... Hiệu lực và tính pháp lý của các văn bản được ký và đóng dấu UBND cũng được tăng lên.

- Phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn giữa cơ quan có thẩm quyền chung và cơ quan có thẩm quyền chuyên môn, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực.

- Lãnh đạo UBND Quận kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, kịp thời đối với tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các phòng, ban trực thuộc.

Qua thực tiễn có thể thấy rằng : Mô hình hành chính "một cửa, một dấu" ở Quận 1 có nhiều ý nghĩa thiết thực.

Thứ nhất là, công khai hóa những nội dung hành chính liên quan và giảm đáng kể những phiền hà không đáng có. Đơn giản hóa một số thủ tục hồ sơ hành chính, rút ngắn đáng kể thời gian giải quyết công việc, qua đó củng cố hơn lòng tin của nhân dân đối với chính quyền trong dịch vụ hành chính.

Thứ hai là, nâng cao năng lực và tạo sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các phòng, ban và trong từng khâu xử lý ; hạn chế được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các phòng, ban hoặc tặc phò thác cho người dân "tự lo qua mọi cửa" như trước đây. Mô hình "một cửa, một dấu" đã khẳng định, ở cấp quận, cơ quan công quyền duy nhất là UBND Quận, các phòng, ban chuyên môn tham mưu giúp việc.

Thứ ba là, tăng cường hơn trách nhiệm, quyền hạn được phân định cho các phòng, ban ; đề cao trách nhiệm xử lý công việc theo phạm vi được phân công. Giảm nhiều công việc mang tính sự vụ cho Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND Quận, để họ tập trung vào các công việc trọng tâm ; đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về tiến độ, kết quả xử lý công việc, giúp lãnh đạo nắm chắc khối lượng, chất lượng, nội dung công việc của các phòng, ban ; phát hiện và uốn nắn kịp thời những sai sót nhằm giải quyết công việc trong thời gian ngắn nhất.

Thứ tư là, đem lại kết quả khả quan về chấn chỉnh và sắp xếp lại tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động ; qua đó, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trên địa bàn.

Có thể coi đây là một khâu quan trọng trong cải cách hành chính.

Để góp phần đẩy mạnh CCHC, nâng cao chất lượng và hiệu quả mô hình "một cửa, một dấu", UBND Quận 1 cũng đồng thời tiến hành ứng dụng các công cụ hỗ trợ như :

a. Ứng dụng công nghệ tin học vào quản lý nhà nước và CCHC

Mục tiêu tổng thể của dự án này là, xây dựng hệ thống thông tin phục vụ cho công tác quản lý và điều hành của UBND ; tập trung ứng dụng cho mô hình CCHC "một cửa, một dấu" ; tiến tới thực hiện chức năng điều hành một phần bộ máy quản lý nhà nước thông qua hệ thống thông tin trên mạng máy tính diện rộng ; phát triển và hoàn thiện hệ thống để hòa nhập với hệ thống thông tin trong thành phố và quốc gia. Đây cũng là tiền đề và cơ sở quan trọng để hình thành "chính quyền điện tử" tại Quận 1 trong tương lai.

b. Thực hiện khoán biên chế và chi phí hành chính

Quận 1 là một trong 10 cơ quan, đơn vị được UBND Thành phố chọn làm thí điểm thực hiện đề án khoán biên chế và chi phí hành chính ở Thành phố Hồ Chí Minh. Qua hơn hai năm thực hiện, bộ máy cán bộ, công chức thuộc các phòng, ban của quận từng bước được tinh gọn ; năng lực, trách nhiệm đều được nâng lên, hiệu quả công việc tốt hơn ; các chi phí trong danh mục khoán đều được tiết kiệm. Các khoản chi trong hai năm (2000 - 2001) của khối cơ quan UBND Quận đã giảm được trên một tỉ đồng, tăng mức thu nhập bình quân của mỗi cán bộ, công chức lên thêm 250 - 280 ngàn đồng/tháng.

c. Thực hiện ứng dụng ISO 9002 : 1994 vào quản trị dịch vụ hành chính công

Theo nguyên tắc đã đặt ra là "Làm đúng

ngay từ đầu", bao gồm các công việc : xây dựng đề án, tổ chức đào tạo chuyên gia đánh giá chất lượng nội bộ, soạn thảo sổ tay chất lượng, chính sách chất lượng, viết các thủ tục, v.v.. Việc ứng dụng tiêu chuẩn ISO 9002 : 1994 vào quản trị dịch vụ hành chính công ở Quận 1 được triển khai thực hiện tại 4 lĩnh vực : đăng ký kinh doanh, cấp phép xây dựng, sao y chứng thực, xác nhận giấy chứng nhận hành nghề. Sau khi hoàn tất công tác chuẩn bị và triển khai thử nghiệm, Quận 1 đã tiến hành đánh giá trong nội bộ ba lần, tổ chức tập huấn hướng dẫn cho các chuyên viên và mời các bên có liên quan tham gia đánh giá. Kết quả cho thấy, hệ thống chất lượng đã được vận hành chính xác và đủ tiêu chuẩn để cấp giấy chứng nhận. Việc này cho thấy một số ưu điểm sau :

- Việc chuẩn hóa các quy trình hành chính đảm bảo các hồ sơ được giải quyết đúng trình tự và thời gian theo các thủ tục đã ban hành.

- Các chuyên viên đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, nắm vững các quy định pháp luật hiện hành cũng như các quy định theo thủ tục hướng dẫn công việc.

- Giúp lãnh đạo xử lý công việc nhanh hơn. Các bộ phận gắn bó với nhau hơn về trách nhiệm trong xử lý công việc. Trách nhiệm của mỗi công chức ở mỗi công đoạn được xác định rõ ràng.

- Thực hiện ứng dụng ISO 9002 : 1994 đã tạo ra những cam kết về mục tiêu chất lượng, dịch vụ hành chính được đo bằng chất lượng cụ thể ; quy trình hành chính được thực hiện có hệ thống và ổn định

Qua hơn 6 năm thực hiện chương trình CCHC, có thể nói Quận 1 đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Nhiều thủ tục hành chính được đơn giản hóa, thời gian giải quyết

hồ sơ được rút ngắn, quy trình giải quyết được công khai. Cùng với việc tách bạch chức năng quản lý và chức năng dịch vụ của các phòng, ban và 10 phường thuộc Quận, trách nhiệm của cán bộ, công chức nói chung và thủ trưởng đơn vị nói riêng không ngừng được nâng lên, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và chiến lược cung ứng dịch vụ hành chính công cho nhân dân. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ hành chính hằng năm luôn đạt trên 98%. Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng ISO 9002 : 1994 vào dịch vụ hành chính đã từng bước tạo nên phong cách làm việc mới cho đội ngũ cán bộ, công chức với thái độ văn minh, lịch sự và có trách nhiệm hơn.

Thực hiện CCHC đã thực sự góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Đây là một phương pháp tốt để thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Với sự phân công trách nhiệm rõ ràng và chặt chẽ, người dân có thể kiểm tra, giám sát các công chức nhà nước khi thi hành công vụ. Từ đó tạo thêm lòng tin và sự đồng tình ủng hộ của nhân dân đối với các hoạt động của chính quyền.

Từ công tác CCHC của Quận 1, dù còn không ít những khó khăn, vướng mắc tiếp tục cần giải quyết, nhưng bước đầu có thể rút ra một số kinh nghiệm chủ yếu sau đây :

Một là, để thực hiện tốt CCHC, phải chuẩn bị một đội ngũ cán bộ, công chức từ lãnh đạo đến nhân viên thừa hành tương xứng với sự đổi mới về phong cách và lề lối làm việc. Bên cạnh đó, phải tạo được sự nhất trí, quyết tâm cao và sự đổi mới đồng bộ từ nhận thức đến việc làm của cả bộ máy, trong đó người đứng đầu cấp ủy và chính quyền đóng vai trò hết sức quan trọng.

Hai là, vấn đề cốt lõi nhất để thực hiện tốt công tác CCHC là hoàn thiện hệ thống quy trình, hệ thống văn bản pháp quy, đặc biệt là quy chế hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Trong đó, một số nội dung cơ bản cần được tập trung xử lý như : quy trình công việc ; trách nhiệm cá nhân của cán bộ công chức...

Ba là, duy trì thường xuyên các lớp tập huấn về pháp lệnh cán bộ công chức gắn liền với nghiên cứu, quán triệt quy chế hoạt động làm việc của cơ quan ; cập nhật các quy định mới của pháp luật, tập huấn kỹ năng hành chính cho công chức. Và định kỳ sơ kết, tổng kết để đánh giá cụ thể các ưu, nhược điểm ; thống nhất nội dung và phương hướng công việc thời gian tới...

Là một trong ba quận, huyện được Thành phố chọn thực hiện công tác CCHC, Quận 1 đã mạnh dạn "vào cuộc" và đã đạt được những kết quả bước đầu rất khả quan, khởi đầu và xác lập một mô hình mới về CCHC đáng tin cậy. Trong chặng đường tiếp theo, mục tiêu mà Quận 1 đang hướng tới là, không ngừng cải tiến thủ tục, quy trình, khắc phục và phòng ngừa những điểm không phù hợp hoặc chưa phù hợp, nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống quản lý. Không chỉ cố gắng để duy trì và ổn định sự vận hành của hệ thống chất lượng hiện nay mà Quận 1 tiếp tục đổi mới hơn nữa để phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn. Trong sự nỗ lực của mình, lãnh đạo Quận ủy, UBND và đội ngũ cán bộ, công chức Quận 1 luôn mong đợi tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều hơn nữa của các ban ngành Trung ương, của Thành phố và nhất là sự ủng hộ, góp ý phê bình của nhân dân trong quận, để góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

TRONG quá trình xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, qua các thời kỳ cách mạng sôi động, cán bộ, đảng viên và nhân dân Diễn Châu đã không ngừng đóng góp xứng đáng vào những thành tựu chung của quê hương xứ Nghệ và đất nước. Vị trí địa lý, tiềm năng đất đai, cốt cách, phẩm chất con người, kỹ năng lao động và cả khát vọng làm giàu chính đáng của người dân Diễn Châu là yếu tố quyết định bước đầu về mọi chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở một huyện đồng bằng

có biển, có rừng. Đánh giá đúng thực trạng, dự báo được sự vận động tích cực, cùng những cản trở, khó khăn, biết chọn điểm đột phá và tổ chức điều hành quản lý tốt, Diễn Châu đã tạo được động lực cho sự phát triển.

1. Giàu lên từ "nước mặn, đồng chua..."

Theo chân đồng chí Cao Đăng Vĩnh, Bí thư Huyện ủy Diễn Châu, chúng tôi đi dọc 25 km đường bờ biển, từ Quỳnh Lưu đến cửa Hiền, nơi mà theo truyền thuyết, vua Thục An Dương Vương đã không chịu rơi vào tay giặc, cùng ngựa nhảy xuống biển tuấn tiết, mới cảm nhận được *tiềm năng và thế mạnh về biển và giàu lên từ biển* của người dân vùng đất này. Cái tên "cửa Hiền" biểu hiện khát vọng của người dân nơi đây, mong muốn lúc nào cửa biển cũng bình yên để con người làm ăn sinh sống. Biển Diễn Châu nước trong xanh, cát mịn màng và sạch. Trên bờ biển là cả một giải phi lao suốt ngày đêm rì rào chấn

bão giông, gió, cát. Nguồn hải sản ở đây rất phong phú. Nhiều loại có giá trị kinh tế cao và đã nổi tiếng một thời như : tôm he, mực, rau câu, hải sâm... Các nhà hải dương học cho biết : "Biển Diễn Châu lắm phù du và có những dòng hải lưu thu hút nhiều loài hải sản quý trong vịnh Bắc Bộ". Du khách qua

đây thường trầm trồ khi được ăn *tôm he* ở Diễn Thịnh, Diễn Trung ; "*cơm gạo hẻo* với *cá thèn* nghèo đuôi" ở Diễn Ngọc, Diễn Bích ; *cá nục* luộc phơi khô mang từ biển về và bát canh hào ở Diễn Vạn...

DIỄN CHÂU giàu lên và đẹp hơn

CHU THÁI THÀNH

Biển Diễn Châu có vùng bãi ngang hàng ngàn héc-ta rất thuận tiện cho việc nuôi trồng hải sản. Sản lượng đánh bắt, nuôi trồng hải sản mỗi năm đạt hơn 10 ngàn tấn. Người dân ở đây có nghề làm muối cổ truyền, năng suất hàng năm đạt từ 15 - 18 ngàn tấn, không những cung ứng đủ cho 25 vạn dân trong huyện, mà còn cung cấp nguyên liệu sản xuất muối i-ốt cho các huyện miền núi mỗi năm 5 ngàn tấn. Nước mắm Vạn Phần thơm ngon nổi tiếng cả nước. Ngày xưa nước mắm, mực khô, tôm hùm của Diễn Châu đã làm quà cung tiến vua trong những ngày lễ tết. Chúng tôi đến thăm gia đình ông Thụ (Vạn Phần), làm nghề chế biến nước mắm, có sản lượng mỗi năm hơn 10 ngàn lít. Ông Thụ cho biết : Để kinh doanh mặt hàng truyền thống này phát triển, vấn đề số một là chất lượng nước mắm phải bảo đảm từ 10 độ đậm trở lên, thơm ngon, để lâu không phai nhạt. Kỹ thuật chế biến

được gia đình tích lũy từ đời này sang đời khác, nhiều lão ngư có tay nghề giỏi được mời về làm cố vấn, kiểm định chất lượng cho cơ sở. Nước mắm của ông cạnh tranh được với nước mắm của doanh nghiệp Nhà nước và cung ứng cho khách hàng nhiều nơi trong cả nước. Hằng chục gia đình trong 8 xã vùng biển Diễn Châu đều có nghề làm nước mắm, thu hút hằng trăm tấn nguyên liệu, tạo công ăn việc làm cho hằng ngàn người.

Từ nhiều năm trước, nghề đánh cá biển Diễn Châu đã có những hợp tác xã nổi tiếng như Chiến Thắng, Hải Lý, Hải Lộc, Quang Thành... bước vào cơ chế mới, một số địa phương đã bị động trong chỉ đạo, tổ chức sản xuất, làm cho nghề đánh cá biển trở thành manh mún, mỗi gia đình chỉ có một thuyền lưới quanh quẩn trong lồng. Gần đây, nhiều người dân đã mạnh dạn cùng nhau hùn vốn và vay thêm ngân hàng để đóng thuyền lớn ra khơi theo dự án đánh bắt xa bờ. Nhờ đó, các phương tiện đánh bắt cá đã được trang bị khá hiện đại, phương tiện thông tin về thời tiết bão đảm chính xác, tổ chức cấp báo, cấp cứu cũng nhanh chóng, người dân ra biển đánh cá không còn lo lắng về những cơn giông bất ngờ. Ra khơi vào lồng bằng thuyền máy, họ thỏa sức làm nghề. Sản lượng cá đánh bắt hằng năm đạt trên 7 ngàn tấn.

Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy rằng, do thiếu kinh nghiệm và trình độ sử dụng các thiết bị hiện đại, nên hiệu quả đánh bắt cá của ngư dân vùng biển Diễn Châu còn thấp, chưa vững chắc. Vẫn còn nhiều ngư dân do thiếu vốn, trong khi thủ tục vay ngân hàng còn lằng nhằng, khó khăn, nên không thực hiện được dự án đánh bắt xa bờ. Muốn tháo gỡ khó khăn này, điều cơ bản đối với ngư dân là phải có sự hỗ trợ của Nhà nước. Muốn ra khơi đánh bắt cá có hiệu quả cao thì thuyền phải lớn, thiết bị thăm dò cá, đo độ sâu, theo dõi thời tiết và thông tin

liên lạc phải hiện đại, đòi hỏi vốn đầu tư khá lớn. Ngân hàng "sợ rủi ro", khó thu hồi vốn mà không mạnh dạn cho vay thì ngư dân khó mà phát triển được nghề đánh cá hiện đại.

Bên cạnh thế mạnh về biển, Diễn Châu còn có vùng màu rộng hơn 10 ngàn héc-ta là thế mạnh để thâm canh lạc, vùng. Liên tục trong nhiều năm, Diễn Châu được suy tôn là "vua lạc", với sản lượng lạc, vùng mỗi năm hơn 10 ngàn tấn. Tự bao giờ cây lạc, cây vùng đã thủy chung kiên nhẫn sinh trưởng trên vùng bãi ngang, đất cát bạc màu. Mảnh đất nắng lửa, khô khát này nếu chỉ trông chờ vào cây lúa một vụ thì cứ nghèo mãi. Những năm chiến tranh chống Mỹ, bom đạn rơi bời, nhưng người dân nơi đây vẫn không rời bỏ cây lạc, cây vùng. Hạt lạc, hạt vùng của Diễn Châu trong những năm chống Mỹ cùng với hạt lúa, củ khoai thực sự góp phần ổn định cuộc sống ở địa phương. Khi chuyển cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, sản lượng lạc, vùng càng không dừng lại ở mức thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng mà trở thành hàng hóa. Mỗi năm, trên đất cát bạc màu chỉ trồng được một vụ lúa, người dân đã trồng xen cây lạc vào vụ xuân, cây vùng vụ thu, cây rau vụ đông. Phương thức canh tác đa cây, nối vụ đã tạo ra nhiều sản phẩm trên cùng một đơn vị diện tích. Phá bỏ một tập quán canh tác truyền thống không mấy đơn giản. Từ cách nghĩ chật hẹp, bon chen, bóc lột đất, người dân đã mạnh dạn đầu tư hoàn chỉnh hệ thống tưới tiêu, thay đổi giống lạc cho năng suất cao hơn. Mới đây, kỹ thuật gieo lạc, phủ ni lông, chống mưa đập, sương muối được người dân áp dụng trên diện rộng. Tiến bộ kỹ thuật chỉ mới đạt tới các khâu giữ độ ẩm, chống xói đất, chống rét khi lạc vừa nảy lá mà năng suất củ đã tăng gấp bốn lần so với phương pháp thâm canh truyền thống. Cây lạc thu hoạch tới đâu, đất được bừa đập rồi gieo vùng tới đó. Cây vùng ăn nhờ phân bón

lót từ cây lạc vụ trước, gặp mưa rào cuối hạ, bật dậy một màu xanh mơn mẩn rồi cho quả sau 75 ngày. Nhiều hộ nông dân đã giàu lên từ cây lạc, cây vừng.

Diễn Châu đã quy hoạch vùng chuyên canh lạc, vùng tạo nguồn nông sản hàng hóa có giá trị kinh tế cao. Sản lượng một vạn tấn lạc, vùng xuất khẩu được Đại hội Đảng bộ Diễn Châu khóa 27 đề ra cách đây hơn một năm đã trở thành hiện thực. Chỉ còn nỗi lo từ phía người trồng lạc, vùng và cả người lãnh đạo huyện là tìm thị trường tiêu thụ ổn định. Củ lạc, hạt vừng Diễn Châu tham gia vào thị trường trong và ngoài nước mấy năm qua đều nhờ tư thương "bao gói" thông qua hệ thống đại lý từ cổng làng tới cổng chợ. Vùng nguyên liệu lạc, vùng dồi dào, phong phú này chưa tìm được những người bạn hàng lớn từ các nhà máy trong và ngoài nước. Người nông dân Diễn Châu vừa thoát ra khỏi tập quán sản xuất "tự cung, tự cấp", đang hăm hở bước vào nền kinh tế thị trường lại rơi vào cảnh "tự sản, tự tiêu". Vấn đề bức xúc đặt ra ở đây là, phải làm thế nào để giải quyết được công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đồng chí Cao Đăng Vinh, Bí thư Huyện ủy, tâm sự với chúng tôi : Đêm nằm suy nghĩ mới thấm thía sâu sắc bài báo "*Làm thế nào cho lạc thêm vui*" mà Bác Hồ viết cách đây đã hơn 40 năm, nay vẫn còn nóng hổi giá trị hiện thực. Bác dạy cả người trồng lạc và người có trách nhiệm phải chăm lo đến năng suất cây trồng và tiêu thụ sản phẩm ; phải làm sáng giá nguồn nguyên liệu từ hạt lạc, hạt vừng để từng bước đi lên.

Diễn Châu đang khai thác 8 500 héc-ta vùng đất trống, đồi núi trọc để phát triển trang trại, trồng cây gây rừng, bảo vệ môi trường sinh thái. Nhảy bèn với tình hình, bốn anh em nhà ông Nguyễn Ngọc Lễ (Diễn Đoài) đã góp vốn, góp công khoan nuôi trồng rừng, làm VAC, mua máy cày, máy tuốt lúa, xe công nông phục vụ, cung ứng cho hàng trăm gia

đình. Với phương thức kinh doanh tổng hợp, mỗi năm họ đã thu nhập trên 100 triệu đồng, tạo công ăn việc làm cho hàng chục người. Gia đình ông Chiến (Diễn Lâm) đã xây dựng một trang trại trên 11 héc-ta đồi trọc, đất cần tro sỏi đá, thế mà bây giờ đã có 1,7 vạn cây bạch đàn, trị giá khoảng 350 triệu đồng. Trang trại còn có ao cá, dưa, mít, đu đủ, hồ tiêu... cho thu nhập mỗi năm hàng chục triệu đồng. Những mô hình kinh doanh tổng hợp này có hiệu quả kinh tế cao, đang được nhân rộng trong toàn huyện.

Cuộc sống mới ở Diễn Châu đang sinh sôi nảy nở ; các ngành nghề phát triển mạnh và đa dạng. Nghề luyện quặng sắt ở Nho Lâm ; đúc đồng ở Tây Tháp ; dệt vải, nuôi tằm, làm tơ lụa ở Phượng Lịch ; đóng thuyền ở Thanh Bích ; dệt chiếu ở Phú Hậu ; đúc lưỡi cày ở Diễn Kỳ ; chạm mộc ở Trảng Thân... Nơi nào cũng có những tỉ phú và nhiều gia đình giàu lên với nghề thủ công truyền thống này. Chúng tôi đến thăm ông chủ luyện quặng thủ công Chu Quang Hùng (Diễn Hồng). Cơ sở của ông mỗi ngày tiêu thụ 5 tấn nguyên liệu sắt với 5 mẻ nấu, thu hút hàng trăm lao động trong và ngoài xã thu gom phế liệu lúc nông nhàn. Sản phẩm làm ra đến đâu, bán hết ngay đến đó.

Các ngành nghề phát triển, sản phẩm hàng hóa phong phú, hoạt động thương mại ở Diễn Châu cũng có những bước phát triển mới. Đến nay, Diễn Châu đã hình thành được 8 thị tứ và 25 chợ. Thị trấn Diễn Châu nối dài ra phía Bắc và phía Nam đến 3 km. Nhiều vùng quê trước đây chủ yếu là sản xuất thuần nông thì nay hoạt động thương mại - dịch vụ khá sôi động. Bộ mặt nông thôn khởi sắc theo hướng đô thị hóa. Nhiều nghề dịch vụ mới xuất hiện như : thu gom phế liệu, trao đổi đồ đồng nhôm, dịch vụ hải sản, trâu bò, lợn, lạc, vừng. Các khu dịch vụ mới được hình thành như xay xát gạo ở cầu Bùng, mặt hàng trang trí nội thất cao cấp, máy nông, ngư nghiệp ở cầu Thực Phẩm.

Đã xuất hiện nhiều gia đình kinh doanh giỏi. Bà Khai (Diễn Kỷ), kinh doanh hằng năm một ngàn tấn gạo, 500 tấn lạc, cho xuất chuồng 20 tấn lợn thịt, giải quyết 15 lao động có việc làm, thu lãi hàng chục triệu đồng. Ông Công, bà Bốn (Diễn Bích), bà Quyên (Diễn Ngọc) vừa chế biến nước mắm, vừa thu mua đặc sản biển, đan lưới... mỗi năm thu lãi ròng từ 40 - 50 triệu đồng. Gần đây, dịch vụ du lịch, đặc sản biển, giải khát, đồ trang sức ở bãi biển Diễn Thành đang mở ra hướng đi mới cho ngành du lịch biển.

Sự phát triển đa dạng các mô hình sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế ở Diễn Châu đã khai thác được lao động, nguồn tài nguyên cho phát triển sản xuất hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đây là giải pháp tích cực, tạo nhiều việc làm tại chỗ, giảm thời gian nông nhàn, góp phần xóa đói giảm nghèo và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa.

Từ một vùng quê nghèo, "nước mặn, đồng chua, đất cày lên sỏi đá", đến nay, gương mặt nông thôn Diễn Châu đã sáng sủa hẳn lên, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện rõ rệt. Chỉ mới 5 năm qua, toàn huyện đã xây dựng được thêm 9 trạm điện, 100 km đường bê tông, 800 km đường nhựa, hoàn thành 5 cầu lớn nhỏ với tổng giá trị xây dựng cơ bản là 229 tỉ đồng. Trong đó, đóng góp của nhân dân và ngân sách địa phương là 96 tỉ đồng, chiếm 42% tổng nguồn vốn. Trồng mới được hơn 200 héc-ta rừng, đưa độ rừng che phủ lên 30%. Giờ đây, Diễn Châu đã có hơn 90% số hộ có điện thấp sáng, 27 nhà văn hóa bưu điện xã, 3 050 máy điện thoại, 31/39 xã, thị có trường học cao tầng. Mạng lưới y tế thôn xóm không ngừng được củng cố; 81% số xóm có y tá và 50% số trạm y tế có bác sỹ. Phong trào ngôi nhà văn hóa, trụ sở làm việc, xây dựng nhà trẻ kiểu mẫu được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. 98% số hộ có nhà ngói và nhà mái bằng khang

trang, 75% có ti vi. Số gia đình khá giả mỗi năm tăng từ 10 đến 12%. Xây dựng và sửa chữa được 256 ngôi nhà tình nghĩa, tu sửa nâng cấp 11 đài tưởng niệm và nghĩa trang liệt sỹ, mua 940 sổ tiết kiệm cho các đối tượng chính sách. Mỗi năm giải quyết được việc làm cho từ 2 đến 3 ngàn lao động.

2. Định hướng phát triển cho tương lai

Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện Diễn Châu khóa 27 đã đề ra nhiệm vụ xây dựng và phát triển huyện vững mạnh toàn diện, có nền kinh tế đa dạng, đời sống nhân dân được nâng lên đồng đều ở tất cả các vùng, các xã. Đến năm 2005 đạt 12,2 vạn tấn lương thực, trong đó 80% là thóc. Sản lượng lạc, vùng xuất khẩu đạt một vạn tấn. Tăng đàn lợn hằng năm từ 4,5 - 5,5%, sản lượng thịt 11 ngàn tấn. Phát động phong trào cải tạo vườn tạp, thực hiện có hiệu quả chương trình đánh bắt xa bờ, kiên cố hóa kênh mương, nhựa hóa đường nông thôn. Mở mang ngành nghề, phát triển trồng dâu nuôi tằm, nghề nước mắm ở các xã ven biển. Huy động 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường, 100% số xã có trường học cao tầng và đường nhựa vào trung tâm xã. 100% số xóm có y tá và các trạm xá đều có bác sỹ. Giảm hộ đói nghèo từ 15% (năm 2000) xuống còn 7% (năm 2005). Tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm là 10%. Thu nhập bình quân đầu người tăng 1,7 lần so với năm 2000. Hạ tỷ lệ phát triển dân số xuống 1% vào năm 2005...

Đằng sau những con số, chỉ tiêu có sức hấp dẫn, thuyết phục đó là cả tấm lòng của mỗi cán bộ, mỗi người dân Diễn Châu đang hướng tới tương lai bằng tinh thần thi đua lao động và sức sáng tạo của mình. Điều quan trọng là, phải biết ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Toàn bộ diện tích lúa màu phải được gieo trồng 100% giống mới, trong đó 70% diện tích là lúa lai, lạc sen lai, ngô lai. Thâm canh tốt vụ hè thu và đưa vụ

đồng thành vụ sản xuất chính. Đi đôi với trồng rừng, làm kinh tế gia đình theo mô hình VAC, Diễn Châu khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân, hợp tác xã, liên doanh liên kết để tạo thêm việc làm, sản xuất ra nhiều hàng hóa cho xã hội. Phát triển trang trại nhỏ ở vùng đồi núi, khuyến khích nuôi tôm, nuôi cá lồng ở ven biển, kết hợp với nghề câu tôm hùm, mực, chế biến hải sản, tạo ra mặt hàng xuất khẩu phong phú, đa dạng. Tăng cường liên doanh liên kết giữa các xã vùng lúa với vùng biển để trao đổi hàng hóa, nhất là sản phẩm lúa gạo và các loại hải sản.

Phát triển mạnh các cụm thủ công nghiệp ở các thị tứ, hình thành các làng nghề, trong đó chú trọng chế biến nông sản, lắp ráp sửa chữa điện tử, cơ khí, tàu thuyền, mộc dân dụng, tiến tới xây dựng nhà máy may xuất khẩu và khu công nghiệp chế biến tổng hợp cầu Bung. Tập trung ưu tiên cho thủy lợi, coi thủy lợi là một trong những biện pháp thâm canh giành năng suất cao đối với nông nghiệp và phát triển kinh tế vườn. Nâng cấp, sửa chữa 300 km mương nội đồng, 50 trạm bơm điện và các hồ đập lớn, bảo đảm đủ nước tưới tiêu cho 10 ngàn héc-ta lúa thâm canh. Xây dựng khu du lịch Đền Cuông - Hồ Xuân Dương - cửa Hiền - biển Diễn Thành - lên Hai Vai ngày càng đẹp và hiện đại, có sức hấp dẫn lớn đối với khách du lịch trong nước và nước ngoài.

Đổi mới công tác tài chính và tín dụng để vừa khơi tăng nguồn thu, vừa bảo đảm cho vay và sử dụng vốn vay có hiệu quả. Đưa tổng thu các ngân hàng hằng năm lên 80 tỉ đồng ; trong đó, cho vay mỗi năm 40 - 50 tỉ đồng để thâm canh lúa, trồng màu và phát triển kinh tế gia đình. Phát triển mạnh các loại hình giáo dục như quốc lập, dân lập, tư thục, bán công, đào tạo và đào tạo lại giáo viên đạt chuẩn, vừa để nâng cao dân trí, vừa phấn đấu đến năm 2005 phổ cập xong trung học cơ sở. Chuẩn bị tốt trường lớp để đón 12 vạn học sinh các cấp vào năm học mới 2005 - 2006.

Muốn xây dựng huyện phát triển bền vững, phải có đội ngũ cán bộ giỏi. Diễn Châu đã quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đến năm 2005, bảo đảm 100% cán bộ cấp huyện đạt trình độ đại học, mỗi xã từ 3 đến 4 cán bộ có trình độ đại học. Khi lựa chọn bố trí cán bộ phải coi tiêu chuẩn phẩm chất, đạo đức là điều kiện "cần", kiến thức, năng lực trí tuệ và khả năng tổ chức thực hiện là điều kiện "đủ". Thiếu một trong hai điều kiện đó, cán bộ khó có thể đáp ứng được nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Động lực của phong trào thi đua là quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm. Muốn dân chủ công khai thì trước hết phải dân chủ trong Đảng. Dân chủ phải được thực hiện thông qua hệ thống quy chế, quy ước... và được xây dựng từ lòng dân và ý Đảng trên cơ sở pháp luật của Nhà nước. Tổ chức Đảng và gia đình cá nhân đảng viên phải gương mẫu thực hiện những nội dung của quy chế dân chủ. Muốn dân tin thì tổ chức Đảng phải kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, tư tưởng thực dụng, tham vọng cá nhân, lối sống vị kỷ của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Tổ chức Đảng phải thường xuyên giáo dục tinh thần tự lực, tự cường, biết nhân rộng những mô hình, điển hình tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh, làm giàu hợp pháp của các cá nhân và tập thể, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Phấn đấu đến năm 2005, Diễn Châu có trên 80% đảng bộ, chi bộ cơ sở đạt danh hiệu "trong sạch vững mạnh", không còn đảng viên nghèo và 100% gia đình đảng viên đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục những khó khăn thử thách, Đảng bộ và nhân dân Diễn Châu đang quyết tâm khơi nguồn nội lực, thực hiện bằng được những mục tiêu đã đề ra, xây dựng quê hương ngày càng giàu lên và đẹp hơn, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. □



Mỹ muốn xây dựng "TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI"

NGUYỄN THI HOA

TỪ nhiều tháng nay và nhất là thời gian gần đây, dư luận thế giới hết sức lo ngại trước việc Mỹ tăng cường sự có mặt về quân sự ở nhiều nơi trên thế giới và ráo riết chuẩn bị về dư luận, ngoại giao và quân sự cho cuộc tấn công I-rắc. Ngày 1-7-2002, Tổng thống G. W. Bu-sơ tuyên bố : Mỹ có quyền tấn công trước, áp đảo bằng quân sự đối với các mối đe dọa tiềm tàng đến lợi ích của Mỹ. Thử nghiệm đầu tiên của học thuyết "tấn công phủ đầu" của Mỹ là cuộc tấn công I-rắc. Nếu thành công, Mỹ sẽ tiếp tục mở rộng học thuyết sang các khu vực khác. Những động thái của Mỹ khiến dư luận đặt câu hỏi, cuộc chiến "chống khủng bố" do Mỹ cầm đầu sẽ dẫn dắt thế giới đến đâu ? Phải chăng từ sự kiện ngày 11-9-2001 và từ cuộc chiến "chống khủng bố" ở Á-p-ga-ni-x-tan đang có khả năng lây lan sang một loạt nước tiếp theo, sẽ mở đầu cho một sự sắp xếp lại trật tự thế giới trong thế kỷ mới, một biểu hiện của chủ nghĩa bá quyền Mỹ ?

Thực ra, tham vọng bá chủ thế giới của Mỹ đã có từ lâu. Nhưng chỉ trong thời gian khoảng một thập niên trở lại đây, Mỹ mới cho rằng đã xuất hiện điều kiện và khả năng để thực hiện ý đồ lãnh đạo thế giới. Điều kiện, khả năng đó là gì ? Đó là sự sụp đổ

của Liên Xô đã mang lại cho Mỹ một cơ hội chưa từng có để triển khai chính sách toàn cầu nhằm sắp xếp lại trật tự thế giới. Tháng 3-1992, Chính phủ Mỹ đã vạch mục tiêu chiến lược quốc gia, xác lập thể chế thống trị một cực duy nhất của Mỹ. Các báo cáo an ninh quốc gia Mỹ nhận định đây là dịp mà R. Ních-xon từng kêu gọi "chộp lấy thời cơ" lãnh đạo thế giới. Cựu Ngoại trưởng Mỹ W. Cri-xtô-phơ cho rằng, nếu nắm được vai trò lãnh đạo, Mỹ có thể duy trì được đà đánh bại chủ nghĩa cộng sản, làm cho Mỹ thoát khỏi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, xây dựng một thế giới mà những lợi ích và lý tưởng của Mỹ có thể phát triển mạnh mẽ. Cũng trong thời điểm này, người Mỹ còn nói nhiều đến một thuyết địa lý chính trị mà theo đó, các liên minh trên thế giới đều có khu vực sinh tồn của mình còn trong phạm vi toàn cầu sẽ là địa lý chính trị của Mỹ, vì Mỹ chi phối tất cả các liên minh như một siêu thủ lĩnh⁽¹⁾. Mỹ tự coi mình là nước có sức mạnh và ảnh hưởng lớn nhất trên thế giới, "vừa là cường quốc châu Âu, vừa là cường quốc châu Á" mà không một nước nào hay một nhóm nước nào có khả

(1) Xem Báo Nhân dân, 11-3-1992

năng thách thức lợi ích quốc gia Mỹ. Điều này trước hết là do vị trí địa lý đặc biệt của Mỹ cách xa các cường quốc khác bởi hai đại dương, có ưu thế về mặt chiến lược và an ninh. Sau nữa, nước Mỹ có vị trí tối ưu để tận dụng những thành quả của xu thế toàn cầu hóa.

Theo tờ *Các vấn đề đối ngoại* (Mỹ) (tháng 3 và 4-2000), việc kết thúc chiến tranh lạnh đã đặt Mỹ vào một vị trí ưu thế chưa từng có. Nền kinh tế Mỹ lớn hơn 40 lần nền kinh tế của đối thủ sát nút nhất, chi phí quốc phòng tương đương với sáu nước gần nhất cộng lại... Bốn trong sáu nước này là những đồng minh thân cận của Mỹ, do vậy lợi thế của Mỹ thậm chí còn lớn hơn cả điều mà những con số này cho thấy. Mỹ đi đầu thế giới trong lĩnh vực giáo dục cao đẳng, nghiên cứu khoa học, công nghệ tiên tiến (đặc biệt công nghệ thông tin). Nhà lý luận người Mỹ J. S. Ni-ơ cho rằng, sự chênh lệch giữa Mỹ và các nước còn lại trên thế giới là rất lớn. Về lĩnh vực quân sự, Mỹ là nước duy nhất có vũ khí hạt nhân và lực lượng can thiệp quân sự trải rộng trên toàn cầu. Trong lĩnh vực kinh tế, Mỹ chiếm 31% sản lượng thế giới, ngang bằng với sản lượng của bốn nước Nhật Bản, Đức, Anh và Pháp cộng lại. Về văn hóa, Mỹ là cường quốc số 1 về xuất khẩu phim ảnh và vô tuyến truyền hình trên thế giới...⁽²⁾

Với những ưu thế đó, Mỹ thấy cần tận dụng thời cơ để tạo dựng "thế kỷ nước Mỹ", tìm cách xây dựng một trật tự thế giới thích hợp với những giá trị cơ bản của mình. Để thực hiện quyền bá chủ toàn cầu trong thế kỷ XXI, những năm gần đây Mỹ ráo riết tăng cường chủ nghĩa can thiệp mới, thông qua viện trợ nước ngoài, bao vây, cấm vận kinh tế và can thiệp quân sự. Mỹ một mình thao túng một số công việc quốc tế, đồng

thời xác lập và khôi phục ảnh hưởng ở một số khu vực có ý nghĩa quan trọng đối với lợi ích Mỹ.

Sự kiện ngày 11-9-2001 tuy gây tổn thất cho Mỹ, nhưng, như một số người nói, cũng mang lại cơ hội chiến lược hiếm thấy để Mỹ tiếp tục thực hiện ý định "tái định hình một thế giới an toàn hơn". Cố vấn An ninh quốc gia Mỹ, bà C. Rai-xơ nói rõ : Sự kiện 11-9 và cuộc tiến công quân sự của Mỹ vào Áp-ga-ni-xtan đã chấm dứt thời kỳ quá độ của trật tự thế giới sau khi Liên Xô tan rã, rằng Mỹ cần thực hiện một hành động có tính quyết định để quy hoạch trật tự quốc tế mới. Còn tờ *Nhà kinh tế* (Anh) ra ngày 29-6-2002 cho rằng : "Kể từ năm 1989... lần đầu tiên Mỹ có cơ hội và động lực để xác lập lại thế giới"⁽³⁾. Lần đầu tiên trong lịch sử, Mỹ đã kêu gọi và tập hợp được liên minh ủng hộ rộng lớn chỉ trong một thời gian ngắn, cùng đứng trong trận tuyến "chống khủng bố". Tuyên bố của chính quyền Mỹ : "Các nước phải quyết định đứng về phía Mỹ hoặc phía bọn khủng bố" có tính chất công khai dọn đường cho việc thực hiện chiến lược toàn cầu của Mỹ. Cuộc chiến "chống khủng bố" của nước Mỹ không kết thúc ở Áp-ga-ni-xtan, mà mới chỉ bắt đầu, như tuyên bố của Tổng thống Mỹ G.W. Bu-sơ trong bản thông điệp đầu năm 2002.

Thực chất của cuộc chiến "chống khủng bố" do Mỹ cầm đầu, là sự tận dụng thời cơ để sắp xếp lại các con bài địa - chính trị toàn cầu, phục vụ lợi ích và chiến lược quốc gia Mỹ mà mục tiêu quan trọng hàng đầu là không chệch toàn bộ vùng trung tâm giữa hai

(2) Xem Tạp chí *Nhà kinh tế* (*The Economist*), 23-3-2002, tr 23

(3) Xem Tạp chí *Nhà Kinh tế*, 29-6-2002, tr 54

đại lục Âu - Á, từ Ban-căng, Trung Đông, Vùng Vịnh, Cáp-ca-dơ tới vùng chiến lược quan trọng là Tây Á. Chiến lược này được đồng thời mở ra theo nhiều hướng, bằng nhiều biện pháp, cách thức khác nhau.

Bước đi đầu tiên là tấn công Áp-ga-ni-xtan, quốc gia mà Mỹ coi là căn cứ địa của chủ nghĩa khủng bố. Chiến thắng ở mặt trận Áp-ga-ni-xtan cũng đồng nghĩa với việc Mỹ đặt được một chân vào khu vực Trung Á. "Vùng đất trái tim" này có trữ lượng dầu lửa và khí đốt lớn thứ hai sau Vùng Vịnh và là nơi con đường tơ lụa lịch sử đi qua, nối liền hai châu lục Âu - Á nên có một vị trí địa - chiến lược quan trọng. Sau Áp-ga-ni-xtan, như thực tế cho thấy, Mỹ đang chuẩn bị cho giai đoạn hai của chiến dịch "chống khủng bố" với I-rắc là đối tượng tấn công hàng đầu. Theo chính giới Mỹ, tấn công I-rắc thuộc về "quyền tự vệ" trước mối hiểm họa là một quốc gia nằm trong "trục ma quỷ" sở hữu vũ khí giết người hàng loạt.

Đối với cuộc xung đột Ả Rập-I-xra-en, Mỹ luôn giữ thái độ nước đôi. Thực tế cho thấy dưới sự bảo trợ của Mỹ, con tàu hòa bình Trung Đông từ nhiều năm nay vẫn tiếp tục trôi nổi. Những diễn biến tình hình phức tạp ở Trung Đông thời gian qua cho thấy tham vọng của Oa-sinh-ton về việc sắp xếp lại "một cơ cấu an ninh mới", một trật tự mới ở Trung Đông không thay đổi.

Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực chiến lược quan trọng hiện nay của Mỹ, địa bàn trọng điểm để Mỹ triển khai chính sách toàn cầu. Đối thủ chiến lược của Mỹ từ Liên Xô trước đây nay dường như đã chuyển sang Trung Quốc như chính tờ *Tuần tin tức* (Mỹ) ra ngày 16-4-2001 nhận xét: "Mỹ đối xử với Trung Quốc không như một đối tác chiến lược mà như một địch thủ, một Liên Xô sau chiến tranh lạnh".

Nhân chuyến thăm ba nước châu Á là Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc đầu năm 2002 vừa qua, Tổng thống G. W. Bu-sơ đặc biệt nhấn mạnh việc Mỹ muốn tiếp tục duy trì địa vị của Mỹ ở châu Á. Chuyến thăm này cũng nằm trong ý đồ chiến lược của Mỹ là xây dựng một mặt trận ủng hộ "chống khủng bố" ngay tại khu vực.

Mỹ còn tuyên bố mở rộng phạm vi tấn công tới hơn 60 nước mà họ coi là có dấu hiệu liên quan đến khủng bố. Theo "vết quân khủng bố", quân Mỹ đồng thời đặt "dấu chân quân sự" lên những vùng đất mà trước đây Mỹ từng đeo đuổi. Vành đai quân sự Mỹ không chỉ giới hạn ở một vài trận tuyến, mà sẽ mở rộng tỷ lệ thuận với những cuộc chiến "chống khủng bố". Nhiều nhà phân tích cho rằng, mục đích và ý đồ của Oa-sinh-ton không chỉ là chống khủng bố, tiêu diệt lực lượng Ta-li-ban, An Kê-da, Bin La-đen hay lật đổ chính quyền hiện tại ở I-rắc, cũng không chỉ dừng chân ở Trung Đông, khu vực có nguồn tài nguyên và khoáng sản phong phú, mà còn là nhẩy vào Trung Á, kiểm soát vùng Xi-bê-ri của Liên Xô trước đây, kiềm chế Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, hoàn tất một vòng cung khép kín trong chiến lược toàn cầu của Mỹ.

Đó là những bước quan trọng để Mỹ củng cố địa vị siêu cường, mở rộng phạm vi ảnh hưởng, tiến tới xác lập lại "trật tự thế giới mới" có lợi cho Mỹ, một trật tự lấy "chống khủng bố" để xác lập và định vị. Học thuyết "tấn công phủ đầu" của Mỹ là dấu hiệu mở màn cho một cuộc chiến đầy phức tạp, nguy hiểm, bất ngờ, không giới hạn phạm vi, không rõ kẻ thù, không định ngày kết thúc, kéo theo những hệ quả khôn lường, và là sự tiếp tục chiến lược toàn cầu mà các đời tổng thống Mỹ hằng đeo đuổi.

Như vậy, Mỹ đang muốn áp đặt một "trật tự" dựa trên sức mạnh áp đảo về quân sự. Dưới chiêu bài "chống khủng bố", Mỹ không ngần ngại "bơm tung cả thế giới" nếu có thể, từ đó bày xếp lại một "trật tự mới" phù hợp với lợi ích quốc gia Mỹ. Một hình thái chiến tranh kiểu mới có thể xuất hiện. Đó không đơn giản là cuộc chiến chống khủng bố, bởi họ đang cố tình làm lẫn lộn giữa mục đích và thủ đoạn chống khủng bố, đi quá xa tính chất và phạm vi một cuộc chiến chống khủng bố thực sự. Đó cũng không hẳn là "một phần của cuộc đấu tranh lâu dài giữa đạo Hồi và thế giới phương Tây", là "cuộc xung đột giữa các nền văn minh" hay cuộc "chiến tranh tôn giáo" như ai đó tuyên truyền hoặc làm tưởng. Thực chất, đây có thể là một cuộc chiến áp đặt và chống áp đặt giá trị lợi ích của Mỹ và thế giới tư bản phương Tây, thể hiện bằng các cuộc đấu tranh trên các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế giữa một bên là các lực lượng do Mỹ cầm đầu và một bên là các quốc gia độc lập, có chủ quyền trên thế giới. Điều đặc biệt nguy hiểm của cuộc chiến tranh mới này là dưới danh nghĩa "chống khủng bố", có thể tấn công trước bằng quân sự nước này, răn đe hay kiểm chế nước khác mà Mỹ nghi ngờ đe dọa lợi ích an ninh Mỹ. Hơn nữa, nhân danh "chống khủng bố", có thể mặc sức tự cho phép mình can thiệp vào khu vực, lãnh thổ có lợi ích sống còn, mở rộng phạm vi ảnh hưởng, tiến tới xác lập vị thế bá quyền dựa trên một trật tự có lợi hơn đối với Mỹ.

Tuy nhiên, xét về nhiều phương diện, ý đồ xây dựng trật tự đơn cực đó của Mỹ bị hạn chế bởi nhiều nhân tố, và không phải dễ dàng thực hiện như mong muốn. Tình hình quốc tế tiếp tục biến động phức tạp, gây những thách thức mới đối với vai trò siêu cường của Mỹ.

Thứ nhất, lịch sử cho thấy, chưa có một quốc gia nào, kể từ thời đế chế La Mã, có sức mạnh bao trùm toàn cầu. Cách đây ba năm trên một tờ tạp chí của Mỹ, nhà học giả Mỹ S.P. Hơ-nơ-tinh-ton cho rằng thế giới hiện nay chỉ có một siêu cường, nhưng điều đó không có nghĩa là thế giới có *một cực*; rằng một thế giới đơn cực bá quyền của Mỹ chỉ tồn tại được một vài năm và đã bị thay thế bằng thế giới đơn - đa cực ⁽⁴⁾.

Hơn nữa, khái niệm đơn cực hiện nay chỉ có tính chất tương đối. Về mặt quân sự, Mỹ có ưu thế tuyệt đối. Song về mặt kinh tế, dù Mỹ đi đầu trong một số lĩnh vực, nhưng cũng chỉ là một trong số các cường quốc và nhóm nước có nền kinh tế phát triển nhất như Nhật Bản, Liên minh châu Âu... Ngoài ra, nói đến cường quốc thế giới, không thể không đề cập đến vị thế, vai trò của nước đó trong đời sống quốc tế và quan hệ quốc tế nói chung. Vậy mà gần đây lại xuất hiện phong trào chống Mỹ ở một số nơi trên thế giới và xảy ra việc Mỹ bị cộng đồng thế giới lên án, bị gạt ra khỏi một số tổ chức quốc tế và một số công việc quốc tế.

Thứ hai, quyền lãnh đạo toàn cầu của một siêu cường thường không kéo dài chỉ bởi chính thực lực của bản thân nước đó. Những khó khăn trong nước cộng với những thách thức bên ngoài tất sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế của siêu cường, sẽ bị phân tán lực lượng, do đó suy giảm sức mạnh.

Việc chính quyền Bu-sơ theo đuổi chủ nghĩa đơn phương gây mối đe dọa đối với hòa bình, an ninh thế giới tất sẽ ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia Mỹ. Mỹ lợi dụng cuộc chiến chống khủng bố nhằm tập hợp lực

(4) Các vấn đề đối ngoại (Foreign Affairs), tháng 3/4-1999

lượng, phân chia "bạn, thù", chia cắt các khu vực để dễ bề kiểm soát, tiến tới xác lập địa vị toàn cầu. Song, cuộc chiến này càng kéo dài bao nhiêu thì nước Mỹ càng hao tâm tổn sức bấy nhiêu, địa vị một cực của Mỹ càng bị thách thức. Và nữa, liệu liên minh chống khủng bố mà Mỹ xây dựng sẽ biến đổi như thế nào còn tùy thuộc vào chính sách đối ngoại của Mỹ và sự thay đổi của tình hình quốc tế.

Thứ ba, một siêu cường không thể duy trì lâu quyền lãnh đạo toàn cầu của mình nếu không có sự hỗ trợ và hợp tác của các quốc gia khác. Trong thời đại cách mạng thông tin và toàn cầu hóa, các nước ngày càng phụ thuộc lẫn nhau. Trước những vấn đề toàn cầu như ô nhiễm môi trường, ma túy, khủng bố... cần có sự phối hợp, liên minh quốc tế mới có thể giải quyết được. Nghịch lý của siêu cường Mỹ trong thế kỷ XXI là không thể đạt được những mục tiêu đơn phương trong một thế giới thông tin toàn cầu.

Thứ tư, sự sắp xếp trật tự thế giới diễn ra trong thời gian dài, có quá trình hình thành, tồn tại, phát triển và tiêu vong. Đó là quá trình xóa bỏ dần các yếu tố của thời kỳ trật tự cũ, tích lũy các yếu tố mới của hình thái trật tự mới. Sự kiện ngày 11-9-2001 và cuộc chiến tranh ở Á-p-ga-ni-x-tan không phải đã làm thay đổi ngay lập tức cục diện thế giới và so sánh cán cân lực lượng quốc tế. Cũng như cuộc chiến "chống khủng bố" mà Mỹ đang tiến hành không phải là sự kết thúc giai đoạn quá độ của trật tự thế giới. Sau "chiến tranh lạnh", xu thế đa cực, nhiều trung tâm trên thế giới cũng đã dần định hình. Và xu thế này tiếp tục rõ nét trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Mâu thuẫn thời đại, giai cấp, đấu tranh ý thức hệ vẫn còn gay gắt. Cuộc đấu tranh vì một trật tự

phi đơn cực sẽ còn lâu dài và là chủ đề quan trọng trong thế kỷ mới.

Thứ năm, trật tự thế giới còn là kết quả của sự phân chia, đấu tranh giữa các lực lượng. Nó mang tính lịch sử, không phụ thuộc vào bất cứ mong muốn của riêng ai. Trong chiến lược toàn cầu của Mỹ, tham vọng thì nhiều nhưng khả năng có hạn. Nước Mỹ dù mạnh đến đâu cũng chỉ đóng vai trò như một siêu cường đối với một số khu vực, không đủ sức trải rộng ra toàn cầu, thôn tóm toàn bộ thế giới trong tay, cũng không thể đơn phương sắp đặt "trật tự" theo mong muốn, phớt lờ các công ước, luật pháp quốc tế - một cơ chế bảo đảm trật tự thế giới.

Những gì mà chính quyền Mỹ đã và đang ráo riết thực hiện trong những năm qua, đặc biệt là thời gian gần đây cho thấy tính chất nguy hiểm của mưu đồ sắp đặt lại số phận nhân loại theo ý chí Mỹ. Thế giới không thể có trật tự và yên bình một khi còn có mưu đồ tổ chức nhân loại một cách độc đoán, chuyên quyền. Những luật lệ của trật tự quốc tế mới không thể chỉ do một cường quốc nào định đoạt hay chi phối, không thể hình thành trên cơ sở trụ cột cuộc chiến chống khủng bố hay bất cứ cuộc chiến tranh quân sự nào nhằm phân chia địa giới. Xu thế thời đại ngày nay đã cho thấy điều đó. Các lực lượng, các trung tâm và các nước lớn trên thế giới đang ngày càng có xu hướng phát triển độc lập, thoát khỏi sự phụ thuộc vào Mỹ, trở thành những "đối thủ tiềm tàng" của siêu cường Mỹ. Các nước đang phát triển ngày càng khẳng định vị trí, vai trò của mình trên trường quốc tế. Một trật tự quốc tế mới phải được xây dựng trên ý chí và nguyện vọng của nhân loại tiến bộ đang đấu tranh vì một trật tự quốc tế mới công bằng, tiến bộ và hợp lý. □



Về tính tất yếu lịch sử CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ VĨ ĐẠI

XÉT trên bình diện lịch sử toàn thế giới, Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại thực sự là một sự kiện chính mang ý nghĩa thời đại của thế kỷ XX. Đúng như V.I. Lê-nin từng đánh giá rằng, cuộc cách mạng này "mở đầu một thời đại mới trong lịch sử thế giới" ⁽¹⁾. Tính tất yếu lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Mười là điều không thể phủ nhận.

Vậy mà, có một số người, mới đây, đã lập lại luận điệu cho rằng, cuộc cách mạng này là sự kiện chỉ mang tính ngẫu nhiên. Phê phán cách đánh giá không đúng này, trong bài báo đăng trên Tạp chí *Đối thoại* (Nga) số 4-2002, GS, TS Sử học V. Pôn-ca-nốp khẳng định : Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại là sự kiện lịch sử tất yếu, phù hợp quy luật phát triển của cách mạng Nga. Tuy nhiên, ông cho rằng cần phải xem xét lại một cách nghiêm túc, khách quan một số tình tiết, sự kiện ngẫu nhiên trong tiến trình của cuộc cách mạng đã bị người ta cố tình cường điệu hóa để rồi đi tới kết luận lệch lạc về tính hoàn toàn ngẫu nhiên của cuộc cách mạng vĩ đại này.

Tháng hai năm 1917, ở nước Nga Sa hoàng, cuộc cách mạng tư sản đã bùng nổ. Cuộc cách mạng này là một sự kiện tất yếu. Tám tháng sau đó, cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười đã giành thắng lợi. Khoảng thời gian ngắn ngủi giữa hai cuộc cách mạng đó là "căn cứ" để một số người vội kết luận về tính ngẫu nhiên của Cách mạng Tháng Mười. Họ lập luận rằng, cuộc cách mạng sau, xét về mặt thời gian, nhất thiết phải cách cuộc cách mạng trước một khoảng thời gian dài để các điều kiện khách quan và chủ

quan cho một tình thế cách mạng được chín muồi. Theo họ, thời gian tám tháng là chưa đủ để làm chín muồi các điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện những biến chuyển về chất trong xã hội. Cứ theo lô-gíc của họ, phải chăng việc những người bên-sê-vích tiến hành cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười là trái với lý luận của V.I. Lê-nin về tình thế cách mạng ?

Chúng ta không phủ nhận một thực tế là, cho tới tận đầu năm 1917, Đảng bên-sê-vích Nga vẫn chỉ định hướng hoạt động của mình vào việc thực hiện nhiệm vụ tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng dân chủ - tư sản ở nước Nga. V.I. Lê-nin lúc đó chưa kêu gọi Đảng xúc tiến hoạt động giành chính quyền. Năm 1908, tổng kết những thay đổi xã hội diễn ra trong những năm 1905 - 1907. V.I. Lê-nin đã yêu cầu những đảng viên dân chủ - xã hội "phải giải thích rõ tính chất tiểu tư sản của cuộc cách mạng nông dân cũng như tính vô căn cứ của những hy vọng "xã hội chủ nghĩa" vào cuộc cách mạng đó"⁽²⁾. Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa *lần đầu tiên* được V.I. Lê-nin vạch ra trong bản *Luận cương tháng tư* (1917) và tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Công nhân dân chủ - xã hội (b) Nga (tháng tư - 1917), Người đã thuyết phục được các đồng chí của mình về sự cần thiết phải chuyển từ cuộc cách mạng dân chủ - tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đường lối khởi nghĩa vũ trang được V.I. Lê-nin

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 184

(2) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 16, tr 414

đưa ra và đã được đa số đại biểu thông qua ở Đại hội lần thứ VI của Đảng Công nhân dân chủ - xã hội (b) Nga (tháng tám - 1917).

Giữa tháng chín năm 1917, tình hình trong nước thay đổi nhanh chóng có lợi cho cách mạng. Chớp lấy thời cơ này, V.I. Lê-nin (khi đó Người đang phải hoạt động bí mật ở Phần Lan), đã gửi về nước hàng loạt thư cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng với yêu cầu mau chóng xúc tiến khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Yêu cầu của Người đã không được Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện. An-tô-nốp Ôp-xe-en-cô và Pát-vôi-xki đã được phái sang gặp V.I. Lê-nin với "sứ mệnh" thuyết phục Người từ bỏ yêu cầu này. Sự kiên định của V.I. Lê-nin vào đường lối tiến hành khởi nghĩa vũ trang khiến một số người vội chụm mũ, rêu rao rằng, quyết định của V.I. Lê-nin mang tính "phiêu lưu cách mạng"; rằng, Cách mạng Tháng Mười đã diễn ra hoàn toàn theo "chỉ thị ngẫu hứng" của V.I. Lê-nin, v.v.. Cách xem xét lịch sử của họ như vậy rõ ràng là chủ quan, phiến diện, xa rời tình hình thực tế nước Nga.

Lúc bấy giờ, thay chân chính thể quân chủ bảo thủ, Chính phủ Lâm thời vẫn tiếp tục chính sách cực đoan phản động là đẩy nước Nga chìm sâu vào vòng xoáy của chiến tranh thế giới. Từ năm 1915 đến năm 1917, chi phí mỗi ngày cho cuộc chiến này từ 24,2 triệu rúp tăng lên 69 triệu rúp. Tổng số nợ trong nước và nợ nước ngoài lên đến 100 tỉ rúp. Chiến tranh đã cướp đi sinh mạng của hơn 3 triệu người. Tình hình trong nước đã trở nên căng thẳng cực độ. Quần chúng lao động bị rơi vào cảnh sống cùng cực và quần bách hơn mức bình thường. Ở nông thôn, Chính phủ Lâm thời đã ra mặt bảo vệ lợi ích của bọn địa chủ, nên ruộng đất chưa hề được chuyển đến tay người nông dân. Ở thành phố, ngày làm việc của công nhân, như trước đây, vẫn kéo dài hơn 10 tiếng, trong khi tiền lương của công nhân lại giảm xuống bằng nửa mức lương trước chiến tranh. Tình trạng thất nghiệp gia tăng. Trong 2 tháng ba và tư - 1917, có 120 xí nghiệp công nghiệp đã phải đóng cửa, hơn 10 nghìn công nhân không có việc làm. Những

đòi hỏi chính đáng tối thiểu của công nhân không được Chính phủ Lâm thời đáp ứng, bởi lẽ Chính phủ này, xét về thành phần giới chóp bu lãnh đạo, thực chất vẫn là chính phủ tư sản và bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản.

Như vậy, Cách mạng tư sản Tháng Hai (1917) đã không giải quyết được đâu chỉ một trong những vấn đề đã trở nên quá chín muồi. Phê phán những kẻ cầm đầu Chính phủ Lâm thời và những người men-sê-vích, phê phán những đảng viên dân chủ - cách mạng - tay sai cho Chính phủ này, V.I. Lê-nin đã đặt câu hỏi: "Nếu các ngài thực sự bắt đầu cuộc cách mạng xã hội, thì liệu trên thế gian này còn tìm đâu ra được một anh chàng ngốc nào - dù chỉ là một thôi - lại đi làm cách mạng nữa không?"⁽³⁾.

Năm 1917, đứng trước nước Nga là ba vấn đề lịch sử mà các đảng tư sản cầm quyền đã không có khả năng giải quyết: đó là vấn đề ruộng đất, vấn đề đưa nước Nga thoát khỏi cuộc chiến tranh và vấn đề cải thiện vai trò quyền lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản. Tại Đại hội I các xô-viết toàn Nga (tháng sáu - 1917), V.I. Lê-nin tuyên bố: Đảng bôn-sê-vích phải dũng cảm nhận lấy sứ mệnh trọng đại giải quyết những vấn đề khó khăn đó.

Để giải quyết ba vấn đề nói trên, những người bôn-sê-vích đã đưa ra các khẩu hiệu đơn giản, dễ hiểu và vô cùng thiết thực: "Hòa bình cho các dân tộc", "Nhà máy và công xưởng cho công nhân", "Ruộng đất cho nông dân", "bánh mì cho người nghèo đói". Tháng tám năm 1917, sau khi bè lũ Coóc-ni-lốp bị đập tan bởi sức mạnh của những người bôn-sê-vích và Xô-viết thành phố Pê-tơ-rô-grát với đội quân hơn 40 nghìn công nhân được vũ trang, quần chúng nhân dân trong cả nước đã hoàn toàn tin tưởng vào sức mạnh vững chắc của những người bôn-sê-vích và toàn tâm toàn ý ủng hộ họ. Do vậy, việc những người bôn-sê-vích giành lấy chính quyền về tay mình là lẽ tất yếu. Sự tất yếu này còn được nhiều nhân chứng là những nhà khoa học và

(3) V.I. Lê-nin: *Sđđ*, t 40, tr 206

chính trị hàng đầu của nước Nga khi đó, những người hoàn toàn chẳng hề có chút cảm tình nào với những người bôn-sê-vích, cũng phải thừa nhận. A.N. Bê-đi-a-ép, người đã bị trục xuất khỏi nước Nga, vẫn phải công nhận : "Ngày từ năm 1907, tôi đã tiên đoán rằng, nếu ở nước Nga nổ ra một cuộc đại cách mạng thực sự, thì những người bôn-sê-vích ắt hẳn sẽ là người chiến thắng trong cuộc cách mạng đó... Chủ nghĩa cộng sản sẽ là tiền đề không thể tránh khỏi đối với nước Nga"⁽⁴⁾. Nhiều sử gia nổi tiếng trên thế giới hiện nay như A.Rabin-nô-vích, X. Cô-ên, R. Ta-ke-rơ... cũng đều khẳng định như vậy. Ngay cả A. Đê-ni-kin, nguyên tổng chỉ huy quân bạch vệ ở miền Nam nước Nga khi đó cũng phải thốt lên rằng : "Chính phủ Lâm thời yếu ớt đã để mất quyền lực. Trong nước, ngoài những người bôn-sê-vích, không có một tổ chức hữu hiệu nào có tư cách đưa ra những quyền của mình đối với di sản nặng nề đó..."⁽⁵⁾.

Rất cần thiết và quan trọng phải khẳng định lại rằng, việc những người bôn-sê-vích, đứng đầu là V.I. Lê-nin, giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Mười không chỉ đơn giản là sự tất yếu lịch sử phù hợp với những điều kiện cụ thể lúc đó. Chính trong hành động giành chính quyền đã thể hiện rõ vấn đề tính quy luật chung của việc thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa - vấn đề đã được V.I. Lê-nin phát hiện và luận chứng một cách khoa học và cách mạng.

Trong bài báo *"Về cuộc cách mạng của chúng ta"*, V.I. Lê-nin đã chỉ rõ tính chất vô căn cứ trong sự phê phán mang tính "thông thái rởm", sáo rỗng đối với cuộc Cách mạng Tháng Mười từ phía những "anh hùng" của Quốc tế II và những nhà dân chủ tiểu tư sản - những người tuyệt nhiên không hiểu được điểm căn bản trong chủ nghĩa Mác, tức là phép biện chứng cách mạng của chủ nghĩa Mác. Theo họ, lực lượng sản xuất của nước Nga chưa đạt đến trình độ phát triển đầy đủ để thực hiện chủ nghĩa xã hội. Với luận điểm này họ (và cả những kẻ theo đuôi họ ngày hôm nay) "luôn luôn chum ra, luôn nhai đi nhai lại bằng đủ mọi giọng...", vì họ "hoàn toàn không

hiểu được rằng tính quy luật chung của sự phát triển trong lịch sử toàn thế giới đã không loại trừ mà trái lại, còn bao hàm một số giai đoạn phát triển mang những đặc điểm hoặc về hình thức, hoặc về trình tự của sự phát triển đó"...

Nếu như để xây dựng chủ nghĩa xã hội cần phải đạt tới một trình độ văn hóa nhất định... thì tại sao chúng ta lại không thể bắt đầu trước hết từ việc giành lấy những điều kiện tiên quyết cho trình độ nhất định đó bằng con đường cách mạng để về sau, nhờ có một chính quyền công nông, nhờ có chế độ xô-viết, mà tiến lên và đuổi kịp những dân tộc khác ?...

Các anh nói là muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải văn minh đã. Được lắm. Nhưng tại sao chúng ta lại không có thể bắt đầu tạo ra ở nước ta những điều kiện tiên quyết ấy của văn minh, bằng cách đuổi cổ bọn địa chủ, đuổi cổ bọn tư bản ra khỏi nước Nga, để rồi bắt đầu tiến lên chủ nghĩa xã hội ? Các anh đã đọc trong những quyển sách nào nói rằng những sự thay đổi như thế trong trình tự lịch sử thông thường là không thể thừa nhận được, không thể có được ?"⁽⁶⁾.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại là sự thể hiện hợp quy luật những thay đổi về hình thức, trình tự của quá trình phát triển lịch sử thông thường. A. Anh-xtanh lúc bấy giờ, dù chưa tin tưởng các biện pháp đấu tranh của những người bôn-sê-vích, nhưng vẫn phải khẳng định : "Những người bôn-sê-vích thực sự là những con người bảo vệ và làm sống lại lương tâm của nhân loại".

Những lý tưởng của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại sẽ sống mãi và sẽ chiến thắng. □

NHẬT LINH
(Lược thuật)

(4) Xem A.N. Bê-đi-a-ép : *Nguồn gốc và mục tiêu của chủ nghĩa cộng sản ở Nga*, Mát-xcơ-va, 1990, tr 93 (Tiếng Nga)

(5) Xem Tạp chí *Ngôn luận*, số 11-1990, tr 47 (Tiếng Nga)

(6) V.I. Lê-nin : *Sdd*, t 45, tr 431 - 433

KỶ HỌP THỨ TƯ HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

TRONG hai ngày 12 và 13 tháng 10-2002 tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương đã tiến hành kỳ họp thường kỳ thứ tư, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, phụ trách công tác lý luận của Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương ; đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ; đồng chí Nguyễn Khoa Điểm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã đến dự. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng khai mạc Hội nghị và báo cáo những công việc của Hội đồng trong quý III-2002.

Hội đồng Lý luận Trung ương đã khảo sát thực tiễn ở địa phương và nghiên cứu lý luận một số đề tài do Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương giao ; chuẩn bị nội dung Hội thảo (lần 2) của Hội đồng ; dự thảo nội dung và kế hoạch thực hiện Công trình nghiên cứu của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2001 - 2005 ; theo dõi, đôn đốc thực hiện các Chương trình khoa học xã hội cấp Nhà nước ; tham gia góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ bảy ; chuẩn bị xuất bản cuốn sách đấu tranh bác bỏ một số quan điểm sai trái ; xuất bản đều kỳ Bản tin hàng tháng của Hội đồng Lý luận Trung ương...

Kỳ họp đã dành phần lớn thời gian tiến hành Hội thảo (lần 2) về “Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân” do Bộ Chính trị và Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) giao cho Hội đồng Lý luận Trung ương nghiên cứu. Cuộc hội thảo diễn ra sôi nổi, cởi mở, dân chủ và đạt kết quả tốt. □

HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH SÁCH

NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM THÀNH LẬP NGÀNH (10-10-1952 - 10-10-2002)

N NGÀY 10-10-1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 122/SL thành lập Nhà in Quốc gia trực thuộc Nha Tuyên truyền Văn nghệ (sau này là Bộ Văn hóa - Thông tin). Ngày này được chính thức coi là ngày truyền thống của Ngành Xuất bản nước ta. Đây là sự kiện lịch sử quan trọng về lĩnh vực Văn hóa - Tư tưởng của Nhà nước dân chủ nhân dân Việt nam kể từ khi cách mạng nước ta giành được chính quyền (tháng Tám năm 1945). Nhà in Quốc gia Trung ương trong những năm đầu thành lập vừa là một doanh nghiệp quốc gia trên cơ sở thống nhất và sắp xếp lại các cơ sở in : Nhân dân, Cứu quốc, Độc lập, Lao động và Quốc gia ấn Thư cục ; đồng thời, là cơ quan quản lý cấp quốc gia về xuất bản, in và phát hành sách.

Quá trình xây dựng và trưởng thành của Ngành Xuất bản, In và Phát hành sách (gọi chung là Ngành Xuất bản) gắn liền với lịch sử oanh liệt trong đấu tranh cách mạng, xây dựng và

bảo vệ Tổ quốc của dân tộc. Qua nửa thế kỷ, Ngành không ngừng lớn mạnh về mọi mặt, đã đáp ứng được các yêu cầu của xã hội về sản phẩm xuất bản, trở thành một binh chủng quan trọng trên lĩnh vực Tư tưởng - Văn hóa của Đảng, góp phần vào thành tựu phát triển chung của đất nước trong mọi thời kỳ lịch sử.

Nhưng giai đoạn phát triển mạnh, đạt được nhiều thành tích quan trọng nhất của Ngành Xuất bản là giai đoạn 10 năm gần đây trên cả 3 lĩnh vực : xuất bản, in và phát hành sách.

- **Về xuất bản** : Năm 1991, số đầu sách xuất bản là 3 122 cuốn gồm 62,943 triệu bản ; bình quân mức hưởng thụ tính theo số dân đạt 0,93 bản/người. Đến năm 2001, số đầu sách xuất bản là 14 390 với 190,940 triệu bản ; mức hưởng thụ của người dân tăng lên 2,5 bản/người/năm ; số đầu sách năm 2001 tăng gấp 4,6 lần so với năm 1991 ; số lượng bản sách tăng gấp 3 lần và mức hưởng thụ của nhân dân tăng 2,7 lần.

- **Về in** : Công nghệ in đã đạt được bước phát triển hiện đại về trang thiết bị kỹ thuật và dây chuyền công nghệ. Tổng sản phẩm trang in từ 75 tỉ trang năm 1991 tăng lên 330 tỉ trang in trong năm 2001, gấp 4,4 lần sau 10 năm. Sản phẩm in đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, nhiều sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- **Về phát hành sách** : Tốc độ phát triển hàng năm tăng 10% ; xây dựng được thị trường sách và văn hóa phẩm trong cả nước, bảo đảm tính đa dạng về nhu cầu, phương thức phục vụ và thống nhất trong quản lý. Chỉ tính trong 5 năm (1996 - 2001) số lượng sách phát hành trong nước tăng 56,4% ; văn hóa phẩm tăng 34,4%. Hoạt động xuất nhập khẩu sách báo bước đầu đã hòa nhập và hội nhập với thị trường khu vực và quốc tế. Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu đạt gần 1,5 triệu USD và nhập khẩu đạt 3,5 triệu USD.

Các mặt hoạt động khác của Ngành Xuất bản như : quản lý nhà nước, đào tạo và xây dựng đội ngũ, công tác cán bộ, hoạt động khoa học và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào thực tiễn hoạt động ngành, hoạt động xã hội - từ thiện... đều đạt được thành tích tốt. Từ Cục xuất bản, Liên hợp các Xí nghiệp In, Tổng Công ty Phát hành sách đến các đơn vị trong ngành đã được Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý : 2 Huân chương Hồ Chí Minh ; 15 Huân chương Độc lập ; 118 Huân chương Lao động ; 2 Huân chương Quân công và 11 Huân chương Chiến công. Các đơn vị được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động có : Công ty In Tiến bộ (2 lần), Công ty In Trần Phú, Xí nghiệp 951 và Công ty In bao bì 27/7 Hà Nội ; Hàng trăm cờ thi đua xuất sắc và các phần thưởng khác, ghi nhận sự đóng góp của Ngành Xuất bản nước ta.

Ngành Xuất bản cũng đã hoàn thành xây dựng quy hoạch phát triển đến năm 2005 và 2010 theo định hướng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Mục tiêu đến năm 2005 là phấn đấu nâng mức hưởng thụ cho nhân dân (nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa) về sách lên 4 bản/người/năm.

Riêng năm 2002, dự báo đây là một năm Ngành Xuất bản giành được những thành tích to lớn, toàn diện trên nhiều mặt hoạt động để kỷ niệm nửa thế kỷ thành lập Ngành. Và, ngay trong những ngày đầu tháng 10, dưới sự chủ trì của Bộ Văn hóa - Thông tin, Cục Xuất bản, Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam và Tổng Công ty Phát hành sách đã tổ chức "Triển lãm - Hội chợ sách" lớn nhất từ trước đến nay tại Thủ đô Hà Nội. □

P.V



Thực hiện Nghị quyết TW2 (Khoá VII) "Về chiến lược phát triển GD - ĐT", Trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên Thị xã Uông Bí đang gấp rút triển khai nhiều chương trình nhằm đổi mới mục tiêu GD phổ thông, chú trọng đào tạo ngắn hạn, mở rộng quy mô, năng lực cũng như đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đáp ứng được nhu cầu thiết thực của nhân dân địa phương nói riêng và đòi bức thiết của xã hội nói chung.

Trong những năm vừa qua, Trung tâm đã đạt được những kết quả đáng khích lệ kể cả quy mô lẫn chất lượng đào tạo, nhất là việc phát triển số lượng lớp và sắp xếp mạng lưới giáo dục lao động hướng nghiệp. Từ năm học 1996-1997 đến năm học 2001- 2002, Trung tâm đã đào tạo và liên kết đào tạo tổng số 301 lớp, 10 646 học sinh, trong đó: THCS có 128 lớp, 4 969 học sinh; THPT có 173 lớp, 5 677 học sinh

Ngoài giáo dục lao động hướng nghiệp, Trung tâm còn mở các lớp bổ túc trung học hướng nghiệp với 60 lớp, 2 723 học sinh, học viên, phối hợp với UBBVVCSTE và phòng TCLĐ Thị xã mở 2 lớp học đặc biệt dành cho 63 học sinh là con em những gia đình khó khăn, gia đình chính sách. Liên kết với Trường Ẩn uống- Du lịch Hà Nội mở 2 lớp với 71 học viên học nghề du lịch, dịch vụ. Năm học 2001- 2002 Trung tâm có số lượng học sinh dự thi cao nhất trong các năm từ khi thành lập với 1 768 học sinh và cao nhất trong 6 trung tâm của tỉnh, tăng so với năm học trước là 174% (754 học sinh).

Bằng hoạt động lao động sản xuất, với tinh thần phát huy nội lực, trong những năm qua Trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên Thị xã Uông Bí đã chủ động làm thay đổi rõ nét bộ mặt trung tâm, nhiều công trình có ý nghĩa: Vườn cây hướng nghiệp, nhà để xe học sinh, đường đi, sân chơi, bãi tập, mua sắm thiết bị dạy và học với trị giá bằng khoảng 30% tổng kinh phí đầu tư hàng năm.

Ban Giám đốc luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo, uy tín của Trung tâm để đứng vững trong cơ chế thị trường. Do đó, nội dung đào tạo được soạn thảo, bổ sung, chỉnh lý, xây dựng chương trình giảng dạy, sát hợp với yêu cầu người học, căn cứ vào nhu cầu của địa phương. Trung tâm đang tăng cường quan hệ, liên kết với các trường, đơn vị khác để mở rộng quy mô chất lượng cũng như phạm vi đào tạo. Một số nghề đã được kết hợp giữa thực tập với sản xuất để làm ra sản phẩm, tiết kiệm được kinh phí đào tạo, nâng cao tay nghề cho học sinh và có thu nhập cho giáo viên và học sinh.

Đặc biệt, Trung tâm rất quan tâm, trú trọng tới việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho dạy học và thực hành. Hiện nay, với biên chế gồm 13 giáo viên, Trung tâm chưa đáp ứng được nhu cầu học của địa phương cũng như những quy định, quy chế của ngành học. Cũng do biên chế chưa phù hợp, nên việc bố trí sử dụng còn mang tính chất xử lý tình huống chưa hình thành rõ đặc thù của một cơ sở giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp dạy nghề.

Với sự quan tâm ủng hộ của các cấp, các ngành, đặc biệt là của lãnh đạo và nhân dân địa phương Trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên Thị xã Uông Bí đang từng bước nâng cao vị trí, vai trò của mình trong sự nghiệp giáo dục đào tạo.

TRUNG TÂM HƯỚNG NGHIỆP & GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN THỊ XÃ UÔNG BÍ

ĐC: TỔ 14 KHU 3 - QUANG TRUNG -

UÔNG BÍ - QUẢNG NINH

ĐT: (033) 854 416

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN HUY BÌNH

Trong sản xuất nông nghiệp, thủy lợi đóng vai trò hàng đầu nhằm đảm bảo sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Công ty Quản lý và Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ninh ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu đó.

Hiện tại Công ty được biên chế 104 cán bộ công nhân viên và được giao quản lý 15 hồ, đập, 10 trạm bơm, đảm bảo tưới tiêu cho 8700 Ha/năm đất canh tác trên địa bàn huyện Đông Triều.

Cơ sở vật chất của Công ty trong những năm vừa qua đã được đổi mới bằng những dự án Lâm mới, Cải tạo, Nâng cấp (đầu tư chiều sâu), được Nhà nước phê duyệt, đã góp phần nâng cao hiệu quả của các công trình thủy lợi.

Để đáp ứng được yêu cầu phục vụ ngày càng tăng của cơ chế thị trường, Công ty luôn coi trọng yếu tố con người, trẻ hoá đội ngũ, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào lĩnh vực sản xuất nhằm tăng năng suất lao động; mặt khác Công ty còn tận dụng khai thác những thuận lợi sẵn có đầu tư tiền vốn để sản xuất, phát triển ngành nghề, thu hút lao động, từng bước hoà nhập với cơ chế thị trường và tăng dần đời sống cho anh chị em công nhân viên trong Công ty như: phát triển trang trại, nuôi trồng thủy sản, đại lý xăng dầu... tiến tới sẽ mở thêm Dịch vụ du lịch sinh thái lòng hồ....

Những năm qua Công ty luôn luôn hoàn thành nhiệm vụ, được UBND Tỉnh tặng nhiều bằng khen và cờ thi đua trong khối. Nội bộ Công ty luôn đoàn kết, hăng say sản xuất, bám sát công trình, sát đồng ruộng - làm tốt công tác ba quản (Quản lý công trình, Quản lý nước, Quản lý kinh tế), không để xảy ra sự vỡ lỡ công trình, không gây ảnh hưởng xấu trong sản xuất cũng như quan hệ bạn hàng. Do vậy, hàng năm số thu thủy lợi phí của Công ty đều đạt 95/98% kế hoạch. Công tác quản lý, khai thác thủy lợi ngày càng đi vào nề nếp.

Nguyên nhân chủ yếu để có kết quả trên là: Công ty đã đề ra được những quy chế và biện pháp quản lý chặt chẽ, thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm, có sự phối kết hợp chặt chẽ với các hợp tác xã, các hộ nông dân và các đơn vị chức năng trên địa bàn.



**BÍ THƯ - GIÁM ĐỐC
ĐOÀN VĂN CHIẾN**

CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ KHAİ THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI QUẢNG NINH

ĐC: XÃ HƯNG ĐẠO - ĐÔNG TRIỀU - QUẢNG NINH
ĐT: (033) 870 863; 870 862 * FAX: (033) 870 863



Trụ sở Công ty



**Trạm bơm tiêu Hồng Phong
công suất 24.000m³/h**



**Cầu máng sông Cẩm
dẫn nước tưới**



Hồ Khe Chè 12 triệu m³ nước

TRƯỜNG TRUNG HỌC KINH TẾ

ĐC: NAM KHÊ - UÔNG BÍ - QUẢNG NINH * ĐT: (033) 850 400; 850 053 * HIỆU TRƯỞNG: LÊ VĂN BẠCH

Lược thành lập năm 1970, hiện nay Nhà trường đào tạo các lớp trung cấp và các khóa bồi dưỡng ngắn hạn ở các chuyên ngành: Kế toán, kiểm toán, phân tích kinh tế, tài chính tiền tệ trên phạm vi toàn miền Bắc. Ngoài ra, Trường còn kết hợp với các trường đại học mở các lớp đại học tại chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Trong những năm học vừa qua, Trường đã để ra được phương hướng đúng đắn, trong đó lấy đào tạo là trung tâm và chất lượng đào tạo là mục tiêu hàng đầu; đồng thời, để ra được những biện pháp thực hiện hợp lý, có hiệu quả nên đã đạt được những thắng lợi tương đối toàn diện, đã tạo thuận lợi cho những năm học tiếp theo.

Kết quả tuyển sinh ở tất cả các ngành, hệ đào tạo đều vượt chỉ tiêu nhà trường đề ra. Chỉ riêng các lớp đào tạo liên kết ngắn hạn, hàng năm Trường đã tuyển sinh hàng ngàn học viên đáp ứng được nhu cầu của xã hội và của địa phương. Chất lượng đào tạo được nâng lên rõ rệt, hầu hết sau một vài năm các học sinh sau khi tốt nghiệp đã tìm được việc làm.

Gần đây, Nhà trường đang đặc biệt chú trọng tới công tác đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nghiên cứu, dạy, học và thực hành nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo. Các phòng chức năng đều được trang bị máy vi tính. Qua thực tế cho thấy, những trang thiết bị này đều hoạt động có hiệu quả trong công tác quản lý và phụ trợ giảng dạy.

Là hội viên "Câu lạc bộ những trường kinh tế" của miền Bắc, Nhà trường tham gia vào hội đồng khoa học và được chỉ đạo, phân công viết nhiều đề tài khoa học, viết giáo trình, mở các cuộc hội thảo. Đến nay, nhờ có công tác này mà các thầy, cô giáo và học sinh của Trường đã có nhiều giáo trình, sách và tài liệu tham khảo chuyên sâu, cập nhật được những kiến thức mới phù hợp với nội dung đào tạo hiện nay.

Một trong những thành tích nổi bật của Trường là, xoá bỏ những tệ nạn xã hội trong học viên, đặc biệt là tệ nạn ma túy. Những năm 1990, Trường là một điểm nóng của tỉnh về tệ nạn này. Qua đó, Nhà trường phát động phong trào chống tệ nạn xã hội. Ban lãnh đạo, các thầy, cô giáo đã tìm nhiều biện pháp để kiên quyết bài trừ ma túy như: Làm hòm thư góp ý phát hiện, mua que thử nếu phát hiện ra đối tượng nghiện hút lập tức tạm đình chỉ một học kỳ để cai nghiện, nếu tái nghiện đuổi học; học sinh ngoại trú phải được sự cho phép của Trường. Nhà trường đã đề nghị mở tòa án lưu động tại sân trường để xét xử, tuyên án một đối tượng buôn bán ma túy là học viên, lấy đó làm bài học cảnh báo.

Có được những thành tựu đáng nói trên phải kể tới những nỗ lực của Ban Giám hiệu cùng đội ngũ



Thầy Hiệu trưởng Lê Văn Bạch khai mạc Hội thi Olympic môn Chính trị Mác - Lê-nin



Báo cáo tốt nghiệp

giáo viên 100% là đảng viên, được đào tạo cơ bản theo chương trình chuẩn hóa của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong những năm tới, Nhà trường sẽ tiếp tục mở rộng đầu tư, chức năng, quy mô theo hướng lấy tiêu chí chất lượng làm đầu, từ đó tập trung cho việc kiện toàn đội ngũ giáo viên và đầu tư xứng đáng cho cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Với những thành tích trên, Trường Trung học Kinh tế đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và nhiều giấy khen, bằng khen khác của tỉnh và của Bộ.



VIỆN DẦU KHÍ

TRỤ SỞ CHÍNH: YÊN HOÀ - CẦU GIẤY - HÀ NỘI * ĐT: (84). 4. 8345 061; 8345 062; 8351 849 * FAX: (84). 4. 8345 156
CHI NHÁNH: KHÁCH SẠN THANH BÀ - Q. BÌNH THẠNH - TP. HCM * ĐT: (84). 8. 8990 144; 8990 155 * FAX: (84). 8. 8990 080



VIỆN TRƯỞNG
VŨ VĂN KINH

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VẬT LIỆU BÊ TÔNG NẶNG, SIÊU NẶNG VÀ CÔNG NGHỆ MỚI CHO CÁC DỰ ÁN BỌC BÊ TÔNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ



Thi công và rung

dụng dây chuyên công nghệ mới bọc bê-tông gia tải cho đường ống bằng phương pháp phun phủ hợp với điều kiện Việt Nam. Công nghệ mới này có nhiều ưu điểm vượt trội so với phương pháp cũ: **năng suất bọc bê-tông gấp 6-8 lần** dây chuyên công nghệ bằng phương pháp và rung và có khả năng **bọc bê-tông** cho các đường kính ống khác nhau với **dải rộng**, từ đường kính ống 6-38 (đối với công nghệ rung chỉ bọc bê-tông duy nhất cho 01 loại đường kính ống, tương ứng với một loại khuôn).

Nghiên cứu công nghệ mới bọc bê-tông nặng và siêu nặng gia tải cho đường ống dẫn khí bằng phương pháp phun là sự chuẩn bị sẵn sàng của VPI và cũng là mong muốn, nguyện vọng của cán bộ KHCN Viện Dầu khí được ứng dụng kết quả nghiên cứu KHCN vào sản xuất, đón đầu các dự án bọc bê-tông cho đường ống dẫn khí Phú Mỹ - TP. HCM, PM3... Trong thời gian tới, VPI phục vụ ngành Dầu khí Việt Nam ngày càng lớn mạnh và phát triển.



Thí nghiệm cuộn ống

Digitized by Google

Sau một thời gian dài, tập thể cán bộ khoa học kỹ thuật Viện Dầu khí (VPI) đã nghiên cứu ứng dụng thành công công nghệ bọc bê-tông gia tải cho đường ống dẫn khí bằng phương pháp và rung với vật liệu bê-tông nặng. Năm 2001, Viện Dầu khí đã tiến hành bọc bê-tông thành công cho 5,6 km đường ống dẫn khí Rang Đông - Bạch Hổ do PETROGAS là chủ đầu tư, XNLD Vietsovpetro (VSP) là tổng thầu.

Trong dự án này, VPI lần đầu tiên tại Việt Nam đã ứng dụng thành công vật liệu bê-tông nặng ($\gamma \geq 2.500 \text{ kg/m}^3$) trong đó có cốt liệu nặng là Barite để bọc bê-tông cho tuyến ống trên bằng công nghệ và rung. Sản phẩm ống bọc bê-tông đã được đăng kiểm Quốc tế Germanischer Lloyd cấp chứng chỉ chất lượng. Năm 2001, VSP đã thi công an toàn trên biển số ống trên và đưa vào sử dụng cho tuyến ống dẫn khí Rang Đông - Bạch Hổ.

Tiếp theo các ứng dụng vật liệu bê-tông nặng trong công nghệ bọc bê-tông gia tải cho đường ống dẫn khí Rang Đông - Bạch Hổ bằng phương pháp và rung, từ tháng 8-2001 đến nay, VPI đã tiến hành tính toán thí nghiệm có hệ thống các mẫu bê-tông siêu nặng. Tỷ trọng các mẫu bê-tông siêu nặng trong phòng thí nghiệm và thử nghiệm tại hiện trường đã đạt đến $\gamma \geq 3.140 \text{ kg/m}^3$ (một trong số các loại bê-tông siêu nặng để bọc gia tải các đường ống dẫn khí khai thác ngầm dưới đáy biển), trong đó nguồn vật liệu nặng của các mẫu bê-tông này được khai thác trong nước. Đồng thời, cũng trong thời gian qua, VPI đã kết hợp với đối tác nước ngoài để nghiên cứu ứng

VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC

ĐỊA CHỈ: 101 TRẦN HƯNG ĐẠO - HÀ NỘI* ĐIỆN THOẠI: (04)9423108.FAX: (04)8221521

VIỆN TRƯỞNG: PGS.TS. TRẦN KIỀU

PHÓ VIỆN TRƯỞNG: PGS.TS. NGUYỄN HỮU CHÂU * TS. NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

NGÀY THÀNH LẬP: 06 THÁNG 12 NĂM 1961, ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TẶNG THƯỞNG:

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT (NĂM 2001)

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA (NĂM 1991)

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHỊ (NĂM 1996)

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT (NĂM 1987)

CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ:

1. Nghiên cứu cơ bản và triển khai kết quả nghiên cứu về khoa học giáo dục đối với giáo dục mầm non, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên; thiết kế mục tiêu, chương trình, phương pháp, phương tiện dạy học cho các loại hình trường lớp từ mẫu giáo đến trung học phổ thông, trung học dạy nghề thuộc hệ chính qui, phi chính qui, phù hợp với các loại đối tượng trẻ em, người lớn và các đối tượng bị thiệt thòi ở các vùng miền khác nhau trong cả nước; nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản về sinh lý học, tâm lý học, xã hội học giáo dục, kinh tế học giáo dục, khoa học quản lý giáo dục và các vấn đề liên quan đến việc đảm bảo chất lượng dạy học (đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, đánh giá...); tư vấn khoa học cho Bộ trưởng trong việc thực hiện các chương trình, hoạt động giáo dục đào tạo; tổng kết kinh nghiệm giáo dục tiên tiến; xây dựng mô hình giáo dục cho tương lai; góp phần xây dựng nền khoa học giáo dục Việt Nam.

2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có trình độ đại học và sau đại học về khoa học giáo dục.

3. Thông tin giáo dục phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, chỉ đạo và quản lý giáo dục.

4. Hợp tác nghiên cứu khoa học giáo dục với các nước và tổ chức quốc tế.

CƠ CẤU TỔ CHỨC:

Tổng số CBCNV: 314 người, trong đó có: 13 phó giáo sư, 02 tiến sĩ khoa học, 66 tiến sĩ, 42 thạc sĩ

THÀNH TỰU NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 1996-2001:

Giai đoạn 1996-2001, công tác nghiên cứu của Viện Khoa học giáo dục tập trung vào việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 2 khóa VIII "Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000".

Hệ thống đề tài nghiên cứu của Viện trong giai đoạn này gồm: 2 đề tài cấp Nhà nước, 89 đề tài cấp Bộ, 123 đề tài cấp Viện, 10 dự án hợp tác cấp quốc tế, 05 dự án sản xuất - thử nghiệm, 7 đề tài tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp Nhà nước và 11 đề tài tiêu chuẩn đo lường cấp ngành. Ngoài các công trình nghiên cứu của trên, còn có 30 luận án tiến sĩ và gần 200 luận văn thạc sĩ chuyên ngành Tâm lý học, Giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn đã bảo vệ thành công tại Viện trong 5 năm qua.



ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU TỪ NAY ĐẾN 2010:

Xuất phát từ những tư tưởng chỉ đạo trong Nghị quyết TW2 khóa VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX và từ chức năng, nhiệm vụ của Viện, từ nay đến năm 2010, những nghiên cứu của Viện tiếp tục gắn chặt hơn nữa, bám sâu hơn nữa vào thực tiễn giáo dục rất phong phú, đa dạng, phức tạp đang phát sinh những vấn đề mới trong bối cảnh kinh tế - xã hội đang đổi mới. Cụ thể là:

1. Tiếp tục nghiên cứu để nhận thức đầy đủ về người học và người dạy ở các ngành học, bậc học trong bối cảnh kinh tế - xã hội đang đổi mới và đất nước đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Nghiên cứu mô hình nhà trường và hệ thống giáo dục quốc dân vào những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI trong điều kiện đất nước hội nhập kinh tế với thế giới và khu vực, khắc phục tình hình mất cân đối về quy mô, cơ cấu và chất lượng giáo dục - đào tạo hiện nay.

3. Nghiên cứu các giải pháp để thực hiện thành công Nghị quyết 40/2000/QH10 của Quốc hội về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, Nghị quyết 41/2000/QH10 của Quốc hội về phổ cập trung học cơ sở, trên cơ sở nhận thức đầy đủ về mục tiêu chung đã được xác định trong Nghị quyết TW2 khóa VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng IX của Đảng.

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN SÓC SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Sóc Sơn - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội

Điện thoại: 04.8 840 194



Trung tâm giáo dục thường xuyên Sóc Sơn được thành lập năm 1994 theo QĐ số 1067/QĐ-UB của UBND Thành phố Hà Nội. Là đơn vị giáo dục theo phương thức giáo dục không chính qui duy nhất ở huyện Sóc Sơn, ngoại thành Hà Nội.

Nội dung giáo dục đào tạo:

- Thực hiện chương trình xoá mù chữ và phổ cập tiểu học
- Xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng
- Giáo dục tương đương
- Chương trình hướng nghiệp, dạy nghề, ngoại ngữ, tin học
- Đào tạo tại chức

Năng lực của Trung tâm

- + Trung tâm được giao quản lý 3 khu vực tổng diện tích hơn 1000m² với 26 phòng học khang trang (2 khu nhà: 01 nhà 3 tầng, 01 nhà 2 tầng)
- + 01 phòng vi tính gồm 15 máy, 01 phòng may, 01 xưởng thực hành và nhiều phòng dùng cho cán bộ giáo viên, nhà để xe...
- + Đội ngũ cán bộ, giáo viên gồm 24 đồng chí có năng lực chuyên môn

Thành tích đạt được:

- + 1995-1996 đến 2001-2002 liên tục được công nhận danh hiệu trường tiên tiến xuất sắc cấp thành phố.
- + 1998-1999 được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen.
- + 1999-2000, 2000-2001 được UBND TP Hà Nội tặng bằng khen.
- + 1999 và 2000 Chi bộ được công nhận là Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh.
- + LĐLĐ huyện Sóc Sơn tặng cờ: "Công đoàn cơ sở trường học xuất sắc 5 năm", CĐGD huyện tặng cờ: "Công đoàn cơ sở trường học xuất sắc 3 năm"
- + 06 đồng chí được tặng Huy chương Vì sự nghiệp GD, 8 đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam và nhiều đồng chí được công nhận là lao động giỏi

VIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH Y TẾ (HEALTH STRATEGY AND POLICY INSTITUTE)

ĐC: 138 đường Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội * ĐT (844) - 8234167 * Fax: (844) - 8232448 *E-mail: hspi@hn.vnn.vn

LỊCH SỬ CƠ SỞ PHÁP LÝ

Viện chiến lược và chính sách y tế được thành lập theo quyết định số 203/1998/QĐ-TTg, ngày 30/11/1998.

Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 612 do Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp ngày 5/3/1999.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

- Nghiên cứu các vấn đề chiến lược, chính sách y tế, cung cấp luận cứ khoa học làm cơ sở cho việc dự báo để xây dựng, bổ sung chiến lược và chính sách y tế.

- Nghiên cứu chiến lược y tế, chính sách y tế, xã hội học y tế, pháp luật y tế và các khoa học xã hội liên quan đến y tế (kinh tế y tế, tâm lý, nhân học y học)

- Hợp tác quốc tế: Thiết lập các quan hệ với các viện nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới. Gút cán bộ đi đào tạo, trao đổi, nghiên cứu khoa học với các tổ chức, các nước trong khu vực và trên thế giới. Mời các chuyên gia đến đào tạo cho cán bộ về chiến lược và chính sách y tế.

TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA VIỆN

LÀNH ĐẠO VIỆN: THỦ TRƯỞNG KIỂM VIỆN TRƯỞNG PGS, TS. NGUYỄN VĂN THƯỜNG; CÁC PHÓ VIỆN TRƯỞNG: PGS, TS. PHẠM HUY DŨNG, PGS, TS: LÊ QUANG HOÀNH, TS: LƯU HOÀI CHUẨN.

Các phòng chức năng: Quản lý kế hoạch Khoa học và Đào tạo, Tổ chức Hành chính Quản trị, Tài chính kế toán

Các khoa chuyên môn: Chiến lược và Chính sách y tế, Xã hội học y tế, Kinh tế y tế, Y tế nông thôn.

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC

Đề tài nghiên cứu trong nước.

1. "Nghiên cứu thực trạng và xây dựng mô hình huy động xã hội thực hiện xã hội hóa y tế đảm bảo công bằng và hiệu quả trong chăm sóc sức khỏe nhân dân"

Mục tiêu: Xây dựng được mô hình xã hội hóa y tế nhằm huy động được các nguồn lực phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân công bằng và hiệu quả.

2. Quy hoạch, phát triển mạng lưới y tế Hà Nội 2001 - 2010.

- Quy hoạch, phát triển mạng lưới y tế Gia Lai 2001 - 2010.

- Xây dựng chiến lược chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Viện còn thực hiện hàng chục đề tài cấp Bộ và cấp cơ sở như: Viện phí, Chính sách miễn phí khám chữa bệnh cho trẻ em, Bảo hiểm y tế tự nguyện, Đào tạo nhân viên y tế nông thôn...

CÁC ĐỀ TÀI HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Chương trình nghiên cứu hệ thống y tế và thực địa dịch tễ học Ba Vi, Việt Nam.

Hợp tác giữa Viện chiến lược và Chính sách y tế và đơn vị sức khỏe Quốc tế (IHCA) viện Ka-rô-lin-ska, Stôc-khôm (Thụy Điển).

MỤC TIÊU CỦA HSRP LA

- Tăng cường năng lực nghiên cứu viên cho y tế Việt Nam

- Cơ sở thực địa Ba Vi hiện là một thành viên của mạng lưới thực địa dịch tễ học quốc tế.

Về đào tạo: Đã hỗ trợ cho 11 tiến sĩ và 20 thạc sĩ trong nghiên cứu của chương trình

Thực địa dịch tễ học

- Bao phủ 32 xã gồm 55 000 người tại huyện Ba Vi trong nhiều năm về vấn đề sức khỏe của nhân dân.

2. Chương trình phòng chống thương tích, xây dựng cộng đồng an toàn ở Việt Nam.

Các mục tiêu chính của chương trình là: phòng chống, từng bước hạn chế những tai nạn, thương tích trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như giao thông vận tải, lao động sản xuất, sinh hoạt trong gia đình, nhà trường, nơi công cộng... Bảo đảm ngày càng an toàn hơn tính mạng, tài sản, hạnh phúc của nhân dân, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của quốc gia trên các mặt kinh tế chính trị, xã hội cũng như nâng cao thái độ và hành vi đối với an toàn. Chương trình là cơ sở khoa học để Chính phủ phê duyệt chính sách quốc gia phòng chống tai nạn thương tích, xây dựng cộng đồng an toàn vào tháng 12-2001.

Viện đã hợp đồng với các tổ chức trong nước và Quốc tế

- Các vụ, cục thuộc Bộ Y tế, Viện Chiến lược phát triển thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Viện Con người thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Hội Nông dân Việt nam, Tổng cục Thống kê và nhiều địa phương trong cả nước...

- SIDA, WHO, UNICEF, CIDSE, UNFPA.

Viện Chiến lược và Chính sách Y tế đang nỗ lực đào tạo cán bộ và xây dựng cơ sở vật chất, đồng thời không ngừng mở rộng sự hợp tác với các cơ quan trong và ngoài ngành y tế trong nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chính sách CSSKND trong thời gian tới.

CÔNG TY THAN CỘC SÁU

**ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN HẠCH TOÁN ĐỘC LẬP THUỘC
TỔNG CÔNG TY THAN VIỆT NAM**

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN



**ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CẨM PHÚ - THỊ XÃ
CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH**

Tel: 033 862062 - Fax: 033 863936

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY : NGUYỄN VĂN KIÊM
THÀNH LẬP NGÀY 01/8/1960**

Đơn vị Anh hùng Lao động năm 1996, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 2002.

- 03 cán bộ và công nhân của công ty được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.
- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 1991 và
- 56 Huân chương Lao động các loại cho tập thể và cá nhân trong công ty.
- Bác tặng 19 Huy hiệu mang tên người cho 19 CBCN của Công ty.
- Được nhận cờ luân lưu Hồ Chí Minh 1968.
- Bác Hồ viết thư và điện khen (1960, 1965, 1968).
- Liên tục 42 năm hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.
- Sản lượng tiêu thụ cao, bình quân 1,5 triệu tấn/năm.

Năm 2000, Công ty được Chính phủ tặng cờ thi đua - UBND Tỉnh Quảng Ninh công nhân doanh nghiệp giỏi.



Nhà điều hành Công ty Than Cốc Sáu
Ảnh : Khắc Dạm



Cảng đá bùn Công ty Than Cốc Sáu
luôn chuẩn bị tốt nguồn hàng
phục vụ khách hàng mua than trong nước
Ảnh : Khắc Dạm



Công ty Than Cốc Sáu thường xuyên chăm sóc
thăm hỏi Bà mẹ Việt Nam Anh hùng Dương Thị Cáp
ở Vân Đồn do Công ty nhận phụng dưỡng

Ảnh : Khắc Dạm



Công ty Than Cốc Sáu khẩn trương
bốc đất trong mùa mưa, chuẩn bị bước
vào vụ than mới khi mùa khô đến

Ảnh : Khắc Dạm



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Trường Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh hiện nay là một trong mười trường đại học trọng điểm quốc gia, là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học kinh tế có uy tín trong cả nước. Chức năng về đào tạo của trường là đào tạo, bồi dưỡng và cung cấp cho xã hội những nhà hoạch định chính sách kinh tế, các nhà quản trị doanh nghiệp và các chuyên gia kỹ thuật trong lĩnh vực kinh tế có trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học.

Trường hiện có 10 khoa chuyên ngành:

- ❖ Khoa Kinh tế Phát triển.
- ❖ Khoa Quản trị Kinh doanh.
- ❖ Khoa Thương mại Du lịch.
- ❖ Khoa Tài chính Nhà nước.
- ❖ Khoa Tài chính doanh nghiệp và Kinh doanh tiền tệ.
- ❖ Khoa Kế toán Kiểm toán.
- ❖ Khoa Thống kê - Toán.
- ❖ Khoa Tin học Quản lý.
- ❖ Khoa Kinh tế Chính trị.
- ❖ Khoa Luật Kinh tế.



- Trường hiện có 706 cán bộ, công chức, trong đó, đội ngũ giảng viên gồm 469 người với số lượng có học hàm học vị như sau: Giáo sư: 02; Phó giáo sư: 17; Tiến sĩ: 126; Thạc sĩ: 217.

- Kể từ khi thành lập năm 1976 đến nay, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh đã cung cấp cho xã hội số sinh viên đại học và cao đẳng hệ chính quy tốt nghiệp ra trường là 51 390 sinh viên.

Hiện nay, số sinh viên của các bậc và hệ đào tạo đang được đào tạo tại trường như sau:

- Cao đẳng chính quy: 2 312 sinh viên
- Đại học chính quy: 17 969 sinh viên
- Đại học không chính quy: (không kể 14 605 sinh viên hiện đang được liên kết đào tạo với các địa phương): 3 090 sinh viên
- Tổng số Đảng viên của trường: 280 ĐV/700 CBCC & GV, được tổ chức thành 21 chi bộ theo các khoa, phòng, ban và một chi bộ khối sinh viên. Năm 2001 - 2002, đã tổ chức 2 lớp "Bồi dưỡng nhận thức về đảng" cho 538 cán bộ, giáo viên, công nhân viên, trong đó, có 452 là sinh viên.

Số lượng đảng viên kết nạp qua các năm:

- 1998: 15 Đảng viên trong đó có 2 sinh viên
- 1999: 24 Đảng viên trong đó có 6 sinh viên
- 2000: 12 Đảng viên trong đó có 5 sinh viên
- 2001: 22 Đảng viên trong đó có 11 sinh viên
- 2002: 13 Đảng viên trong đó có 9 sinh viên
- Đặc biệt, trong chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh tại mặt trận Ba Tri - Bến Tre, đã kết nạp 4 chiến sĩ khối sinh viên vào Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Năm 1999 - 2000 Đảng bộ trường được Đảng ủy khối công nhận "Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh"

CHÀO ĐÓN THUÊ BAO THỨ 1.000.000

CHƯƠNG TRÌNH ÁP DỤNG CHO TẤT CẢ CÁC THUÊ BAO
VINAPHONE, VINACARD, VINADAILY

TỪ 20/10/2002

Hòa mạng ngay
GIẢI THƯỞNG LỚN...



...KHUYẾN MÃI LỚN

GIẢI ĐẶC BIỆT
**01 xe
Yamaha**



CHO THUÊ BAO THỨ 1.000.000



V70

TB thuê 999.999
TB thuê 1.000.001



V60

TB thuê 999.998 & 999.997
TB thuê 1.000.002 & 1.000.003



T190

TB thuê 999.996 & 999.995
TB thuê 999.994 & 999.993 & 999.992
TB thuê 1.000.004 & 1.000.005
TB thuê 1.000.006 & 1.000.007 & 1.000.008

Viện nghiên cứu chiến lược và chính sách
Khoa học và Công nghệ - tên giao dịch quốc
tế: National Institute for Science and Technology
policy and Strategy Studies (NISTPASS) - là cơ
quan nghiên cứu của Bộ Khoa học - Công nghệ
và Môi trường được thành lập theo Quyết định
số 248/TTg ngày 23-4-1996 của Thủ tướng Chính
phủ trên cơ sở hợp nhất hai viện: Viện nghiên
cứu dự báo và chiến lược khoa học và công nghệ
và Viện nghiên cứu Quản lý khoa học.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- * Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về tổ chức và quản lý khoa học và công nghệ Việt Nam. Nghiên cứu dự báo xu thế phát triển khoa học, công nghệ của thế giới và khu vực.
- * Nghiên cứu xây dựng chiến lược, chính sách và cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.
- * Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của vai trò nghiên cứu - phát triển (R & D) và đổi mới công nghệ phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng các luận cứ và cơ sở khoa học cho chính sách quốc gia về nghiên cứu - phát triển và đổi mới công nghệ.
- * Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến tác động của khoa học, công nghệ đến môi trường kinh tế - xã hội và văn hóa.
- * Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về luật pháp khoa học công nghệ.
- * Đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành chính sách khoa học và công nghệ.
- * Tổ chức các dịch vụ và tư vấn về lĩnh vực khoa học và công nghệ.
- * Xuất bản các ấn phẩm, tạp chí trên cơ sở các kết quả nghiên cứu và các hoạt động liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Viện.
- * Xây dựng và phát triển mối quan hệ quốc tế (các tổ chức, cá nhân các nhà khoa học và công nghệ để thực hiện các nhiệm vụ của Viện)

CÁC BAN TRONG VIỆN:

1. Ban nghiên cứu dự báo khoa học và công nghệ
2. Ban nghiên cứu chính sách khoa học.
3. Ban nghiên cứu chính sách công nghệ.
4. Ban nghiên cứu phát triển bền vững
5. Ban Thông tin - Tư liệu - Thư viện.
6. Ban Đào tạo sau đại học
7. Văn phòng
 - Tổng hợp kế hoạch
 - Quan hệ quốc tế
8. Trung tâm hỗ trợ khoa học và công nghệ phát triển Nông thôn (CERUDEP)

TỔ CHỨC CÁN BỘ:

Viện có một đội ngũ cán bộ gồm 80 người. Cán bộ làm công tác nghiên cứu, phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và quản lý thuộc các ngành, các lĩnh vực khoa học khác nhau.

THÀNH TỰU:

*** Thực hiện các đề án lớn của nhà nước:**

- Tầm nhìn Việt Nam 2020
- Chiến lược phát triển KH&CN đến 2010
- Luật KH&CN
- Đổi mới cơ chế quản lý KH&CN 2001-2005

*** Nghiên cứu khoa học (1996-2001)**

- 31 đề tài cấp Bộ
- 54 đề tài cấp cơ sở

* Ngoài ra Viện còn hợp tác với các tổ chức nghiên cứu và phát triển của nhiều nước trên thế giới thực hiện các đề án, dự án nghiên cứu.



BỘ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ (NISTPASS)

ĐỊA CHỈ: 38 NGÔ QUYỄN - HÀ NỘI

ĐT: (84.4) 8.265.451 * FAX: (84.4) 8.252.973

E- mail: ctt-vnvp@hn.vnn.vn

Web: http://nistpass.gov.vn/

Viện trưởng: TS. LÊ ĐÌNH TIẾN

Phó Viện trưởng: TS. ĐẶNG DUY THỊNH

TS. PHAN NIÊM THIẾT

TS. TRẦN NGỌC CÀ



HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

DEC 18 2002

CURRENT SERIALS

32

11-2002



CÔNG TY THAN HÀ TU

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG HÀ TU - HÒN GAI - QUẢNG NINH

ĐT: (033) 835 629 * FAX: (033) 836 120

**CON NGƯỜI LÀ MỤC TIÊU, ĐỘNG LỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN,
TRƯỞNG THÀNH CỦA CÔNG TY THAN HÀ TU.**



Trong những năm vừa qua, Ban lãnh đạo Công ty Than Hà Tu đã chủ trương ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, từng bước hoàn thiện hóa đội ngũ cán bộ công nhân viên cả trên hai phương diện quản lý và trình độ chuyên môn.

- Trê hoá đội ngũ cán bộ, ổn định tổ chức đổi mới phương thức quản lý nhằm tập chung toàn lực cho sản xuất-kinh doanh.



- Công ty luôn cập nhật các kiến thức mới về khoa học kỹ thuật công nghệ cho CBCNV, phối hợp với Trường Đào tạo nghề Mỏ Hồng Cẩm tổ chức nhiều lớp đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý, vì tính cho cán bộ văn phòng và công nhân viên. Hiện nay, Công ty có một đội ngũ chuyên môn sâu về tin học quản lý và hầu hết các đơn vị phòng ban trong Công ty đã được trang bị máy vi tính. Ngoài ra, Công ty thường xuyên phát động những phong trào thi đua lao động sáng tạo, chỉ tính riêng năm 2001 toàn Công ty đã có 95 sáng kiến, làm lợi trên 9 tỉ đồng.



- Quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của toàn bộ cán bộ công nhân viên. Thực hiện tốt các chế độ tiền lương, tiền thưởng, khám chữa bệnh, thăm quan- nghỉ mát. Công ty đang khơi dậy nhiều phong trào văn-thể và đã đạt được những thứ hạng cao tại tỉnh và Tổng Công ty ở các nội dung như: ca nhạc, bóng chuyền, bóng đá,... là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần CBCNV, góp phần thúc đẩy sản xuất - kinh doanh.



- Làm tốt các công tác xã hội, thành lập những quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ phúc lợi, quỹ khuyến học...để phụng dưỡng người có công, khuyến khích tài năng trẻ là con em cán bộ công nhân viên, đóng góp đầy đủ nghĩa vụ đối với chính quyền địa phương.

- Bên cạnh yếu tố con người, Công

ty còn xác định cho mình một chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh cụ thể, phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ, đảm bảo và vượt chỉ tiêu kế hoạch của Tổng Công ty giao. Hiện nay, Công ty đang đặc biệt chú trọng đến công tác thị trường. Ngoài việc giữ vững thị trường truyền thống trong nước, Công ty còn thường xuyên cử lãnh đạo đi trực tiếp khảo sát, tiếp xúc với những khách hàng tiềm năng ở các nước bạn như Nhật Bản, Hàn Quốc... tìm được những thị trường riêng phù hợp với đặc trưng sản phẩm than mịn, xốp, dễ nghiền của vùng mỏ Hà Tu.

Hiệu quả của những chủ trương chính sách đúng đắn, phù hợp đó đã giúp cho Công ty khắc phục được những khó khăn về tài nguyên, khai trường, máy móc, trang thiết bị, thời tiết và giải quyết việc làm ổn định cho số lượng công nhân viên tăng đột biến trong những năm qua. Một trong những thành công mang tính bứt phá của Công ty là, việc tổ chức thực hiện tìm kiếm thêm tài nguyên mới tại các khu vực khai trường đang khai thác bằng việc cập nhật, bổ sung thêm tài liệu địa chất, quan sát địa hình địa mạo, mạnh dạn thăm dò khai thác những khu vực khả quan. Năm 2001, Công ty đã khai thác trên 70 000 tấn than nguyên khai ngoài tài liệu thiết kế, và 6 tháng đầu năm 2002, Công ty tiếp tục đẩy mạnh thăm dò, tìm kiếm tài nguyên, mở rộng trữ lượng địa chất trên những vùng chưa được thăm dò, tích cực đầu tư vào công nghệ, thiết bị, tìm mọi biện pháp kéo dài thời gian khai thác của mỏ đến 2020 bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch được Tổng Công ty giao. Với những thành quả đã đạt được, Công ty Than Hà Tu đang là một điểm sáng trong phong trào thi đua xây dựng đất nước trong thời kỳ đổi mới.



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 661

32

11-2002

BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

Cơ quan thường trú

ại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
[mail: bttccs@hn.vnn.vn](mailto:bttccs@hn.vnn.vn)

Phó Tổng Biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Công trình thủy điện YA Ly

Ảnh : Trần Cử

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Điểm tựa cơ bản về phương pháp luận
nghiên cứu thế giới đương đại 3

ĐAN TÂM - Công đoàn Việt Nam trước yêu cầu của đất nước
và cuộc sống của người lao động 13

VŨ ĐÌNH CỰ - Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển một số
công nghệ cao - bước đột phá quan trọng 20

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN SINH CÚC - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng
đồng bằng sông Cửu Long 24

LÊ VĂN HƯNG - Cần có các quy định cho doanh nghiệp
nhà nước trong việc thực hiện Luật Cạnh tranh 30

NGUYỄN BÁ DƯƠNG - Mấy suy nghĩ về nâng cao chất lượng,
hiệu quả công tác tư tưởng hiện nay 35

NGÔ XUÂN SƠN - Nâng cao năng lực dịch vụ xã hội của
giao thông vận tải đường thủy nội địa 39

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

BÙI HỮU ĐỨC - Phát triển thị trường nông thôn Hà Tây theo
hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa 45

PHẠM THẮNG - Tiếp tục phát triển kinh tế tư nhân 50

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

NGỌC ĐẰN - Học tập - con đường tiến bộ của mọi người 54

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN THANH NGÀ - Toàn cầu hóa - hai mặt thuận và
ngịch đối với thương mại của Việt Nam 57

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN, THỰC TIỄN

● Chính phủ họp phiên thường kỳ, tháng 10-2002 62

● Hội thảo về nghiên cứu, giảng dạy lịch sử ở các bậc đại học,
cao đẳng Sư phạm và phổ thông 63

● Hội thảo - Tập huấn đo đạc chỉ số phát triển con người
Việt Nam 64

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ДЫК БИНЬ: Главная методологическая опора в изучении современной истории. ДАН ТАМ: Вьетнамский профсоюз перед требованиями страны и жизни трудящихся. ВУ ДИНЬ КЫ: Активизация применения, развития некоторых высоких технологий – многозначительный прорыв. НГУЕН ШИНЬ КУК: Трансформация экономической структуры в дельте Кыулонг. ЛЕ ВАН ХЫНГ: Должны быть в наличии правила для государственных предприятий в выполнении Закона о конкуренции. НГУЕН БА ЗЫОНГ: Некоторое мнение о повышении качества, эффективности идеологической работы на данном этапе. НГО СУАН ШОН: Повышение способности общественного обслуживания водного транспорта во внутренней стране. БУЙ ХЫУ ДЫК: Развитие сельского рынка в провинции Хатей по направлению индустриализации и модернизации. ФАМ ТХАНГ: Продолжение развития частного экономического сектора. НГУЕН ТХАНЬ НГА: Глобализация – положительная и отрицательная сторона по отношению к вьетнамской торговле.

CONTENTS

NGUYỄN ĐỨC BÌNH: The main methodological backing in study of the contemporary world. ĐAN TÂM: Vietnamese trade unions in face of the country's demands and life of the working people. VŨ ĐÌNH CỰ: Accelerating application, development of some hi-technologies – an important breakthrough. NGUYỄN SINH CÚC: To shift economic structure of the Cửu Long Delta. LÊ VĂN HUNG: Regulations for state enterprises in implementation of the Law on Competition are needed. NGUYỄN BÁ DƯƠNG: Some thoughts on enhancement of quality and effect of the modern ideological work. NGÔ XUÂN SƠN: To raise social-service capability of transport by inner water ways. BUI HỮU ĐỨC: To develop countryside market in Hà Tây province in the direction of industrialisation and modernisation. PHẠM THĂNG: To continue to develop private economy. NGUYỄN THANH NGA: Globalisation – its favorable and unfavorable circumstances to Vietnam's trade.

SOMMAIRE

NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Le point d'appui essentiel de la méthodologie de l'étude du monde contemporain. ĐAN TÂM: Le syndicat vietnamien face aux demandes du pays et de la vie des travailleurs. VŨ ĐÌNH CỰ: Impulser l'application et le développement de certaines hautes technologies – un bond important. NGUYỄN SINH CÚC: Sur la restructuration économique du delta du Mékong. LÊ VĂN HUNG: Il faut avoir des réglementations guidant les entreprises d'Etat dans l'application de la Loi sur la concurrence. NGUYỄN BÁ DƯƠNG: Quelques réflexions sur l'amélioration de la qualité et de l'efficacité du travail idéologique à l'heure actuelle. NGÔ XUÂN SƠN: Rehausser la capacité de prestation des services sociaux du transport par voie navigable à l'intérieur du pays. BUI HỮU ĐỨC: Développer le marché rural à Hà Tây à l'orientation d'industrialisation et de modernisation. PHẠM THĂNG: Poursuivre le développement de l'économie privée. NGUYỄN THANH NGA: La globalisation – ses côtés positif et négatif pour le commerce vietnamien.

SUMARIO

NGUYỄN ĐỨC BÌNH: El punto de apoyo principal de la metodología de estudio del mundo contemporáneo. ĐAN TÂM: El Sindicato de Vietnam ante las demandas del país y de la vida del trabajador. VŨ ĐÌNH CỰ: Impulsar la aplicación y el desarrollo de ciertas tecnologías avanzadas – un importante eslabón de vanguardia. NGUYỄN SINH CÚC: La transmutación de estructura económica en el Delta de Mekong. LÊ VĂN HUNG: Hay que aplicar las normas para las empresas estatales en el cumplimiento de la Ley Competitiva. NGUYỄN BÁ DƯƠNG: Algunas meditaciones acerca de la calidad y la eficiencia del actual trabajo ideológico. NGÔ XUÂN SƠN: Elevar la capacidad de servicio social de circulación y transporte de la vía navegable interna. BUI HỮU ĐỨC: Desarrollar el mercado rural de Hà Tây a la orientación de industrialización y modernización. PHẠM THĂNG: Seguir fomentado la economía privada. NGUYỄN THANH NGA: La globalización – dos caras positiva y negativa para con el comercio de Vietnam.

目录

阮德平：当代世界方法论研究的基本支点。丹心：越南工会面临的国家和劳动者生活的要求。武廷矩：一个重要的突破——促进高科技的应用与发展。阮生菊：九龙江平原经济结构的转变。黎文兴：实施《竞争法》必须对国有企业作出规定。阮伯阳：关于提高目前思想工作的质量和效果的几点思考。吴春山：提高内河水运的社会服务能力。裴友德：按工业化、现代化方向发展河西的农村市场。范升：继续发展私人经济。阮清娥：全球化对越南贸易的积极和消极影响。



ĐIỂM TỰA CƠ BẢN VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU THẾ GIỚI ĐƯƠNG ĐẠI

NGUYỄN ĐỨC BÌNH *

CUỘC sống luôn thay đổi và có những xu thế cơ bản đang hình thành trong thế giới chúng ta, nằm ở tầng sâu những sự kiện và quá trình hỗn độn. Phát quát lên những xu thế đó là nhiệm vụ của khoa học. Song, đó là việc rất không đơn giản, dễ dàng, bởi nếu hiện tượng hoàn toàn đồng nhất với bản chất thì khoa học hóa ra thừa.

Trong vài thập niên cuối thế kỷ XX, nhất là từ sau những kịch biến chính trị ở Liên Xô và Đông Âu, trên thế giới đã ra đời không biết bao nhiêu cuốn sách, bài báo, những công trình nghiên cứu về thế giới ở buổi giao thừa giữa hai thế kỷ, hai thiên niên kỷ. Đặc biệt đáng chú ý là những nghiên cứu về thế giới "*hậu chiến tranh lạnh*", dự báo những xu thế lớn của thế giới trong thế kỷ XXI hoặc trong vài thập niên đầu thế kỷ. Những nghiên cứu đó đã cung cấp một khối lượng kiến thức đồ sộ trên tất cả các mặt của sự phát triển thế giới, đặc biệt về khoa học, kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, lao động - nghề nghiệp, cuộc sống con người, gia đình, những hình thức sinh hoạt cộng đồng và giao tiếp, về môi trường sống v.v.. Bên cạnh

đó là những dự báo tổng quát hơn về xu thế phát triển thế giới và các khu vực, về bàn cờ lớn địa - chính trị, địa - chiến lược, về hòa bình và chiến tranh, về phát triển, suy thoái và khả năng khủng hoảng kinh tế, bao trùm nhất là về toàn cầu hóa và trật tự thế giới mới v.v.. Trên hướng nghiên cứu này, các ý kiến cũng hết sức đa dạng và phong phú. Nhiều nhà tương lai học nói về nền văn minh hậu công nghiệp, về xã hội thông tin, xã hội tri thức. Nhiều nhà khoa học chính trị và chính khách nói đến xã hội hậu tư bản, đến chủ nghĩa tư bản mới, đến chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa, đến chủ nghĩa tư bản nhân dân, chủ nghĩa tư bản xã hội, chủ nghĩa tư bản của những người lao động. Có không ít nhà nghiên cứu luận bàn về 4 kịch bản có thể có cho tương lai : thế giới đơn cực, thế giới hai cực, thế giới đa cực, thế giới của bảy nền văn minh, v.v..

Để nghiên cứu sự phát triển thế giới đương đại, thiết tưởng luận điểm mác-xít "*lịch sử càng biến thành lịch sử thế giới*", được C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n lần đầu tiên

* GS.

đề ra trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* (1846), có thể là khởi điểm phương pháp luận chung nhất. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n viết : "Lịch sử chẳng qua chỉ là sự nối tiếp của những thế hệ riêng rẽ trong đó mỗi thế hệ đều khai thác những vật liệu, những tư bản, những lực lượng sản xuất do tất cả những thế hệ trước để lại ; do đó, mỗi thế hệ một mặt tiếp tục cái hoạt động được truyền lại, trong những hoàn cảnh đã hoàn toàn thay đổi, và mặt khác, lại biến đổi những hoàn cảnh cũ bằng một hoạt động hoàn toàn thay đổi... Những lĩnh vực riêng biệt tác động lẫn nhau càng mở rộng ra trong quá trình phát triển đó, sự biệt lập ban đầu giữa các dân tộc riêng biệt càng bị phá hủy bởi phương thức sản xuất đã được cải tiến, bởi sự giao tiếp và bởi sự phân công lao động do đó mà hình thành ra một cách tự nhiên giữa các dân tộc khác nhau thì lịch sử càng biến thành lịch sử thế giới" (1). "Lịch sử càng biến thành lịch sử thế giới" - đó là quang cảnh lớn đang diễn ra trước mặt chúng ta thông qua quá trình toàn cầu hóa, là môi trường sống và hoạt động của các quốc gia dân tộc, là vũ đài vừa liên kết hợp tác vừa cạnh tranh và đấu tranh mà Việt Nam chúng ta không thể đứng ngoài trong sự nghiệp phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì "*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*".

Thời trước Cách mạng Tháng Tám, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, ban lãnh đạo Đảng ta mỗi lần họp bàn các vấn đề lớn về cách mạng, về kháng chiến kiến quốc, đều bắt đầu từ nhận định tình hình thế giới, từ "ngó quanh chân trời" như Hồ Chủ tịch

và các đồng chí lãnh đạo Đảng ta đương thời thường nói. Phải như thế bởi cách mạng Việt Nam vốn là một bộ phận không tách rời của cách mạng thế giới. Không hiểu đúng tình hình thế giới thì không thể giải quyết đúng và đúng những vấn đề của cách mạng Việt Nam. Ngày nay, càng như vậy. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đòi hỏi trước hết phải hiểu sâu tình hình đất nước, những điều kiện lịch sử cụ thể và mọi mặt tình hình. Nếu không đặt đất nước trong cả thế giới, gắn với thế giới, với tiến trình phát triển thế giới thì cũng không thể hiểu sâu sắc và đầy đủ bản thân đất nước. Chỉ có tự giác nắm chắc những quy luật sâu xa của sự phát triển lịch sử thế giới, mới có thể xác định đúng con đường đi cho dân tộc. Chỉ có nắm bắt nhanh nhạy những tình hình mới, những động hướng mới, những xu thế mới diễn ra trên thế giới, mới có thể đề ra những chủ trương chiến lược, sách lược đúng đắn, thích hợp. Các hiện tượng và quá trình diễn ra trên thế giới là vô cùng phức tạp và biến hóa khôn lường, đến nỗi người ta có thể nắm lấy các ví dụ riêng rẽ, muốn bao nhiêu cũng có, để chứng minh cho bất cứ quan điểm nào. Do đó, để có quan điểm đúng về thế giới, để không lạc hướng trước thế giới các sự kiện bề bộn ngổn ngang, chúng ta cần nắm được các mối liên hệ bản chất, những quy luật và tính quy luật nằm ở tầng sâu thế giới hiện tượng, những xu thế cơ bản ở tầm "*lịch sử thế giới*", tầm thời đại.

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghe-n : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1995, t 3, tr 65 - 66

Tư duy mác-xít về "lịch sử thế giới" chính là *phương pháp luận duy vật biện chứng áp dụng vào nghiên cứu thế giới*. Các phương pháp tiếp cận thế giới đương đại và dự báo tương lai thế giới có nhiều. Mỗi phương pháp có thể đem lại những kiến thức cụ thể, sống động, bổ ích về mặt này hay mặt khác của đời sống xã hội và sự phát triển thế giới. Tuy nhiên, đó thường là phương pháp xã hội học cụ thể, thiên về mô tả trên bề mặt các hiện tượng, nhiều khi lại chỉ nắm lấy và tuyệt đối hóa riêng mặt nào đó của đời sống và quá trình phát triển xã hội, chẳng hạn chỉ nhấn mạnh lực lượng sản xuất, khoa học công nghệ, dân tộc, hoặc tôn giáo v.v.. Những cách tiếp cận đó không tránh khỏi những hạn chế, không cho phép đi sâu vào *bản chất, nguồn gốc bên trong, các động lực thực sự của sự vận động và phát triển lịch sử*. Chỉ có chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử mới có khả năng đó, mới có thể giúp nhận thức thâm nhập vào những tầng sâu của quá trình lịch sử, từ đó phát hiện ra logic của lịch sử và trên cơ sở đó mới giúp khoa học lịch sử tái hiện được một cách thật sự khoa học lịch sử thế giới với tính cách lịch sử thế giới xét trong tổng thể.

Chúng ta đều biết lực lượng sản xuất đóng vai trò như thế nào trong quá trình phát triển xã hội, quá trình lịch sử thế giới. Hơn ai hết, C. Mác thấy tầm quan trọng quyết định, xét cho cùng, của lực lượng sản xuất đối với quá trình lịch sử. Người chỉ rõ : thời đại này khác thời đại khác không phải ở chỗ người ta sản xuất ra cái gì, mà ở chỗ sản xuất bằng công cụ gì. Cái cối xay quay bằng tay đưa lại một xã hội có ông chúa

phong kiến đứng đầu. Cái máy hơi nước đưa lại một xã hội do nhà tư bản công nghiệp đứng đầu. Thiên tài của C. Mác ở chỗ, sống giữa thế kỷ XIX, Người đã dự báo lịch sử thế giới sẽ đến ngày khoa học biến thành lực lượng sản xuất trực tiếp, dự báo đó ngày nay đã và đang biến thành hiện thực. Một cách khái quát hơn, Ph.Ăng-ghe-n nói : "*Khoa học đối với Mác là một động lực lịch sử, một lực lượng cách mạng*".

Khoa học, kỹ thuật, lực lượng sản xuất đối với C. Mác là như thế. Song, C. Mác không chỉ thấy có khoa học, kỹ thuật, không chỉ thấy có lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa Mác xa lạ với thuyết duy lực lượng sản xuất, với quan niệm kỹ trị, những quan niệm này ghi rõ dấu ấn trong những lý thuyết về văn minh hậu công nghiệp, về xã hội thông tin, v.v.. Chủ nghĩa Mác xuất phát từ chỗ trong sự sản xuất xã hội, con người ta không chỉ có quan hệ với giới tự nhiên, mà còn có những quan hệ nhất định, tất yếu giữa người với nhau, tức những quan hệ sản xuất. Những quan hệ này phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất hợp thành phương thức sản xuất. Nó là cơ sở kinh tế trên đó mọc lên kiến trúc thượng tầng chính trị, tư tưởng, văn hóa, đạo đức v.v.. Chính phép biện chứng của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là động lực cơ bản của sự vận động lịch sử, là nguồn gốc sâu xa của các cuộc cách mạng xã hội đưa đến sự chuyển biến từ hình thái kinh tế - xã hội này lên hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn. Lý luận mác-xít về 5 hình thái kinh tế - xã hội chính là kết quả khái quát trên tầm vĩ mô quá trình vận động lịch sử thế giới, nó là

logic của lịch sử xét trên quy mô toàn thế giới (không tính đến những trường hợp đặc thù và riêng biệt). Đó chính là cái logic bên trong khiến lịch sử ngày càng biến thành lịch sử thế giới. Lịch sử thế giới không gì khác là lịch sử ra đời, phát triển rồi suy vong của các hình thái kinh tế - xã hội, là lịch sử thay thế lẫn nhau hợp quy luật giữa các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp lên cao.

Nói tư duy "lịch sử thế giới", về "lịch sử càng biến thành lịch sử thế giới", vì vậy, thực chất là sự quán triệt *phương pháp luận tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội*. Phương pháp luận này không hề đối lập và loại trừ phương pháp tiếp cận theo nền văn minh, trái lại cả hai còn bổ sung cho nhau. Chẳng phải Ph. Ăng-ghe-nơ đã từng đề cập thời đại mông muội, thời đại dã man, thời đại văn minh trong tác phẩm *Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước* đó sao ! Từ đó, hoàn toàn tự nhiên có thể nói đến văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp. Có điều phạm trù văn minh ở đây thực chất là nói về văn minh kỹ thuật nên chưa thể đưa lại bức tranh xã hội như một chỉnh thể. Hơn nữa, xã hội là quan hệ xã hội, quan hệ giữa người với người ; cách tiếp cận theo các nền văn minh kỹ thuật tuy có miêu tả được những biến đổi cụ thể nào đó trong đời sống con người, gia đình, việc làm, cách tổ chức lao động, các mối quan hệ cộng đồng, giao tiếp, v.v., dưới tác động của những kỹ thuật và công nghệ mới, nhưng vì nó bỏ qua những quan hệ cơ bản, nhất là quan hệ sản xuất, các quan hệ giai cấp, dân tộc, do đó không thể đưa lại bức tranh tổng thể về quá trình xã hội dưới tác động của những nguồn gốc và

những động lực sâu xa của lịch sử. Phương pháp luận tiếp cận lịch sử theo hình thái kinh tế - xã hội do chủ nghĩa Mác cung cấp giúp khắc phục những hạn chế đó. Nó đưa lại bức tranh tổng thể về quá trình phát triển lịch sử, về sự thay thế hợp quy luật giữa các nền văn minh - văn minh cổ đại (chế độ nô lệ), văn minh trung cổ (chế độ phong kiến), văn minh tư bản chủ nghĩa, văn minh xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Ở mỗi nền văn minh ấy có mặt không chỉ lực lượng sản xuất mà cả quan hệ sản xuất, không chỉ cơ sở kinh tế mà cả kiến trúc thượng tầng, với sự tác động qua lại biện chứng giữa tất cả các nhân tố đó trên cơ sở kinh tế, trong đó xét cho cùng, lực lượng sản xuất, phép biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là nhân tố đóng vai trò quyết định nhất. Với tư duy "*lịch sử thế giới*" mà nội dung cốt lõi là học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, câu hỏi đặt ra là : thế giới hiện nay đang ở đâu, đang vận động theo những hướng cơ bản nào và đâu là tương lai thế giới ?

Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu, mặc dù còn mấy nước xã hội chủ nghĩa, song chủ nghĩa tư bản căn bản chiếm lĩnh phần lớn trận địa thế giới. Nhưng, vận mệnh và tiền đồ chủ nghĩa tư bản sẽ như thế nào ? Mọi người đều biết chủ nghĩa tư bản đã có lịch sử 400 năm. Nó đã có những cống hiến cực kỳ to lớn cho loài người. Nó đã tạo ra những lực lượng sản xuất không những đồ sộ mà còn tinh xảo, tinh vi, những máy móc "*thông minh*" những vật liệu, năng lượng kỳ diệu v.v.. Với đại công nghiệp, nó đã tạo ra thị trường thế giới thay cho tình trạng biệt lập trước đó của

các địa phương và dân tộc vốn tự cung, tự cấp. Do xâm chiếm thuộc địa, bóp nặn thị trường thế giới, chủ nghĩa tư bản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới. Chính chủ nghĩa tư bản đã có công làm cho lịch sử biến thành lịch sử thế giới. Nhưng đó là thế giới gì ?

Trước Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, toàn bộ thế giới là thế giới tư bản, bao gồm các "chính quốc" và cả hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đến năm 1991, thế giới chia thành hai hệ thống đối lập (xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa). Nhưng sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu tan rã, chủ nghĩa tư bản chiếm lĩnh đa phần thế giới, bản đồ chính trị thế giới thay đổi căn bản. Lịch sử thế giới sẽ diễn biến theo đường hướng nào đây, hay "lịch sử đã kết thúc" ở chủ nghĩa tư bản, "tột đỉnh" của văn minh loài người như kết luận của Phu-cu-y-a-ma ? Thực tiễn thế giới "hậu Xô-viết" đã sớm bác bỏ kết luận vội vàng ấy. Có điều cần ghi nhận : Ngày nay, ít ai còn mang ảo tưởng nay mai chủ nghĩa tư bản sẽ chết ; nhưng phải chăng, số người tin tuyệt đối vào sức sống vĩnh hằng của chủ nghĩa tư bản cũng ngày càng vơi dần. Có lẽ đa số đánh giá chủ nghĩa tư bản còn lâu mới tiêu vong, nhưng cuối cùng nhất định không tránh khỏi tiêu vong.

Thật ra, sức sống còn lại của chủ nghĩa tư bản, mà đôi khi có người choáng ngợp với vẻ bề ngoài của nó, một phần do sức của nó chưa thật cạn kiệt, còn một phần rất quan trọng là do những yếu kém và sai lầm dẫn

đến sụp đổ cay đắng một mảng lớn chủ nghĩa xã hội hiện thực. Một sự thật nữa cũng đáng lưu ý là, tâm trạng hoan hỉ của phương Tây trước sự sụp đổ của Liên Xô chỉ được nhất thời. Sau đó, khi không còn địch thủ đáng gờm phải đối mặt, thì những đầu óc ít nhiều tỉnh táo, sáng suốt trong các giới học giả và chính khách phương Tây bình tĩnh quay về nhìn lại bản thân chủ nghĩa tư bản, đã kịp thời cảnh báo : coi chừng nguy cơ đe dọa vận mệnh chủ nghĩa tư bản vốn không phải từ phía Liên Xô và chủ nghĩa xã hội, mà nằm trong lòng chính ngay chủ nghĩa tư bản. Rõ ràng, chủ nghĩa tư bản cũng đang "tự phản tỉnh", "tự phê phán", đang thấy khó mà tự duy trì nếu không có phép gì mầu nhiệm hơn những phép đã dùng gần như cạn kiệt để tự điều chỉnh và thích nghi. Khái niệm "xã hội hậu tư bản", hay "chủ nghĩa tư bản mới", hay "chủ nghĩa tư bản nhân dân", "chủ nghĩa tư bản của những người lao động" v.v..., mà một số học giả phương Tây phải dùng đến, vừa là một sự nguy biệן rằng chủ nghĩa tư bản đã không còn là chủ nghĩa tư bản nữa vì nó không còn bóc lột ; vừa là - về khách quan mà nói - mặc nhiên thừa nhận chế độ tư bản đã hết lý do tồn tại, đã hết khả năng tự biện minh ; có nghĩa chính ngay họ cũng đã mất dần niềm tin ở chủ nghĩa tư bản. Trong khi đó, một số người trước đây, sau Liên Xô sụp đổ, niềm tin đối với chủ nghĩa xã hội ở họ bị lung lay, thì với thực tiễn thế giới hơn 10 năm qua, nhất là hiện nay Mỹ tung hoành ngang ngược với vị thế siêu cường duy nhất, họ có phần suy nghĩ lại rằng, dù chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô có khuyết tật nặng nề thế nào đi nữa,

nhưng thảm họa trông thấy rõ là không còn Liên Xô thì Mỹ tha hồ làm mưa làm gió.

Luận chứng về tính tất yếu trước sau rồi cũng tiêu vong của chủ nghĩa tư bản xuất phát từ những quy luật phát triển chung của lịch sử xã hội loài người, từ phép biện chứng trong sự vận động nội tại của chính phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, từ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu ngày càng sâu sắc trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, đó là những căn cứ phương pháp luận vững chắc, không thể bác bỏ. Điều quan trọng hiện nay là, trên cơ sở những nguyên tắc phương pháp luận chung nhất ấy, cần đi sâu phân tích tình hình cụ thể sát với những dữ kiện mới. Chẳng hạn, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại cho thấy, quả là chủ nghĩa tư bản trong khi vì lợi nhuận tối đa còn khả năng nhất định đẩy tới nền văn minh kỹ thuật thì đồng thời, cũng bằng cách đó - về khách quan - nó đã đang xúc tiến chuẩn bị những tiền đề vật chất đầy đủ nhất cho sự tiêu vong và thay thế chính nó bằng chủ nghĩa xã hội. Cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại làm cho sức sản xuất phát triển cao độ, làm cho tính xã hội của sản xuất, của sức sản xuất mang tính quy mô toàn cầu chứ không còn bó hẹp trong từng quốc gia. Do đó, cũng khiến cho mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đạt tới đỉnh điểm và với quá trình toàn cầu hóa hiện nay, mâu thuẫn ấy được mở rộng và trù lên toàn thế giới.

Khoa học đã và đang biến thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Bản thân khoa học,

cội nguồn của kỹ thuật, công nghệ, mang tính xã hội sâu sắc trong nguồn gốc và bản chất của nó. Các phát minh lớn đều gắn với tên tuổi một nhà bác học lớn. Nhưng xét về nguồn gốc, tiền đề, nó là kết tinh trí tuệ sáng tạo và kinh nghiệm thực tiễn xã hội được tích lũy từ bao đời, được chưng cất, thăng hoa. Mặt khác, khoa học ra đời và tồn tại, xét về bản chất, nội dung và sứ mệnh, là vì mục đích cuộc sống con người và tiến bộ xã hội, không vụ lợi cá nhân. "Sở hữu trí tuệ", vì vậy, đúng ra phải được xã hội hóa để phục vụ con người và loài người, với sự tôn vinh và đãi ngộ xứng đáng nhất đối với những cá nhân sáng tạo, đó là điều tự nhiên và hợp đạo lý cao cả của bản thân khoa học. Thật quá nghịch lý khi những sản phẩm sáng tạo cao nhất của trí tuệ loài người lại nằm trong tay một thiểu số người dùng làm công cụ bóc lột và áp bức quảng đại nhân dân và các dân tộc. Càng nghịch lý khi những thành tựu đó được đem dùng để hủy diệt loài người, tàn phá nền văn minh. Chiến tranh công nghệ cao giết người hàng loạt, là biểu hiện nghiêm trọng nhất của tình trạng lao động trí óc bị tha hóa khỏi bản chất vốn nhân đạo của nó do quyền độc chiếm sở hữu trí tuệ của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc bá quyền.

Không chỉ lao động - cả lao động chân tay và lao động trí óc bị tha hóa mà đến bản thân tư bản (gốc cũng do lao động tạo ra) cũng đã tự tha hóa đến mức quái gở. Một trong những hình thái biểu hiện rõ nhất tình trạng tha hóa quái gở đó là ở thị trường tài chính, tiền tệ trên thế giới hiện nay với sức mạnh phi lý của "kinh tế ảo". Là "nền kinh tế ảo", "kinh tế bong bóng", nhưng trong tay

các nhà tư bản tài chính, đầu cơ tiền tệ đầy phép ảo thuật, với phương tiện điện tử cực kỳ hiện đại, cái "ảo" có thể làm chao đảo, thậm chí lật nhào trong phút chốc cả những nền kinh tế thật. Lá cổ phiếu cũng như tờ giấy bạc là biểu hiện bằng tiền của giá trị thực, nhưng một khi bị tha hóa khỏi hiện vật, nó trở nên có đời sống riêng, biến thành sức mạnh riêng, dù chỉ thuần túy là những ký hiệu điện tử, là "ảo", là cái "bóng", nhưng có sức tàn phá ghê gớm những giá trị thực vốn từ đó nó được sinh ra ! Đến bản thân tư bản cũng tự tha hóa nốt khỏi chính nó, biến thành "tư bản ảo", nhưng nó có sức mạnh thống trị lại, thậm chí tàn phá tư bản thật. Nghĩa là, *chính tư bản hủy hoại tư bản*, đến thế thì chế độ tư bản quả không còn lý do để tồn tại !

Thế nhưng, phải chăng chủ nghĩa tư bản đã thật sự hết đất sống ? Có thể nói vừa còn, vừa không còn. Một thực tế rộng lớn bày ra trước mắt chúng ta là, khu vực các nước đang phát triển và chậm phát triển (ngoại trừ mấy nước đang đi con đường xã hội chủ nghĩa như Việt Nam, Trung Quốc, Cu Ba...) đang đứng trước hai tình huống lớn, gay gắt.

Một là, bản thân các nước này, trong điều kiện quốc tế trước đây khi còn Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, từng có hai con đường. Khá nhiều nước đã lựa chọn định hướng xã hội chủ nghĩa hoặc con đường phi tư bản chủ nghĩa. Nhưng nay điều kiện quốc tế đã thay đổi hẳn, xem ra tất cả các nước ấy chỉ còn con đường tư bản chủ nghĩa, không thể có lựa chọn nào khác ?

Hai là, cả khu vực các nước đang phát triển và chậm phát triển này phải chăng có

thể coi là dư địa - nói "dư địa" tương nhỏ, thực ra là cả một không gian rộng lớn chiếm 2/3 hành tinh - là nguồn dự trữ bổ sung to lớn, là đất sống mệnh mông cho những nước tư bản phát triển, cho chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa ?

Phải chăng ở đây nên lưu tâm suy nghĩ mấy điều :

Bản thân các nước này trong điều kiện hiện nay đúng là không thể, hoặc rất khó có thể có lựa chọn nào khác ngoài con đường tư bản chủ nghĩa. Nhưng liệu con đường tư bản chủ nghĩa có khả năng đưa đến tương lai tốt đẹp cho các nước đó hay không ? Chắc chắn không. Nhưng liệu có cách nào khác ? Có thể có mấy kịch bản : hoặc phải chấp nhận một chủ nghĩa tư bản nguyên thủy, man rợ ; hoặc một thân phận thuộc địa kiểu mới, "văn minh", trở thành những mắt xích trong hệ thống tư bản chủ nghĩa toàn cầu ; hoặc phải chịu gạt hẳn ra ngoài rìa lịch sử. Nhưng cũng có thể có kịch bản khác : trong khi không chịu đựng nổi cảnh sống dờ chết dờ, các dân tộc này đứng lên tích cực chuẩn bị điều kiện cho một cuộc cách mạng mới dưới hình thức này hay hình thức khác thích hợp khi có thời cơ bên trong, bên ngoài ? v.v.. và như thế vẫn để ra hai khả năng đồng thời chứ không phải chỉ có một khả năng là các nước tư bản phát triển được có thêm không gian sinh tồn ? Ngoài khả năng đó còn một khả năng khác đi kèm và nhất định xảy ra là, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, đế quốc, vì độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia, vì con đường phát triển tự chủ và tiến bộ xã hội. Nếu khả năng này được thực hiện và có thể tin chắc rằng

sớm muộn sẽ được thực hiện thì không phải chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc hiện đại được tăng thêm sức sống, mở rộng đất sống, mà ngược lại, nó bị co lại như miếng da lừa và những mâu thuẫn cực kỳ gay gắt càng bị dồn nén về bên trong "chính quốc", bên trong trung tâm và giữa các trung tâm tư bản giành nhau không gian sinh tồn, vận mệnh chủ nghĩa tư bản do đó càng khó kéo dài. Rõ ràng mâu thuẫn Bắc - Nam ngày càng trở nên sâu sắc và nổi bật nhất trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay. Bên cạnh đó, những mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển, giữa các nước tư bản đế quốc với nhau cũng ngày càng trở nên gay gắt; mâu thuẫn giữa các nước xã hội chủ nghĩa với chủ nghĩa đế quốc tuy bề ngoài dịu đi, nhưng về khách quan và trong sâu xa, vẫn rất gay gắt bởi chủ nghĩa đế quốc vẫn không từ bỏ mưu toan xóa sổ hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên hành tinh này. Tất cả những mâu thuẫn ấy cùng nhiều những mâu thuẫn giai cấp, dân tộc, sắc tộc, lãnh thổ, xung đột xã hội, tôn giáo, v.v.. từ đó phát sinh, đang tác động qua lại lẫn nhau chằng chịt, rất dễ gây bùng nổ nơi này, nơi kia và dễ lây lan, góp phần ngày càng làm mất ổn định và mong manh thêm, chứ không phải tăng cường và kéo dài vận mệnh chủ nghĩa tư bản. Đó là một xu hướng lớn, tất yếu của thế giới đương đại.

Tính tất yếu tiêu vong của chủ nghĩa tư bản không chỉ do nó đã đẩy những mâu thuẫn xã hội đến cực điểm mà còn tạo ra mâu thuẫn cũng đã đạt tới mức không thể nào chấp nhận giữa xã hội, con người với thiên nhiên, với môi trường sống. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n có một luận điểm thật cơ

bản : Sự sản xuất xã hội ra đời sống con người diễn ra trong một *quan hệ đôi* - một mặt là quan hệ với tự nhiên, mặt khác là quan hệ xã hội. Sự đồng nhất giữa giới tự nhiên và con người biểu hiện ở chỗ quan hệ hạn chế của con người với giới tự nhiên quyết định quan hệ hạn chế giữa con người với nhau và quan hệ hạn chế của con người với nhau lại quyết định quan hệ hạn chế giữa con người với giới tự nhiên (2).

Xét từ ý nghĩa cơ bản, xuất phát này, liên hệ đến những thảm họa về môi trường toàn cầu mà loài người đang phải chịu đựng và còn phải chịu đựng với những hậu quả chưa thể lường hết được. Chẳng hạn, chỉ nói về sự gia tăng hiệu ứng nhà kính do khí thải công nghiệp làm khí hậu trái đất ngày càng nóng lên thì rõ ràng đã đến lúc sự sống của cả loài người ngày càng không thể chịu đựng được với cái chế độ xã hội chịu trách nhiệm về tình hình đó. Việc chuyển căn bản từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa lấy lợi nhuận tối đa cho một số ít người làm mục đích sang một chế độ xã hội mới lấy việc phục vụ con người và bảo vệ cuộc sống con người, tập thể xã hội và cộng đồng nhân loại làm mục đích sản xuất, hình thành nền văn minh sinh thái, trong đó thể hiện mối quan hệ hài hòa giữa con người với thiên nhiên. Bước chuyển đó, cố nhiên không dễ thực hiện trong ngày một, ngày hai, nhưng chắc chắn đã trở thành mệnh lệnh cuộc sống của cả loài người và cả hành tinh chúng ta.

Thật sâu sắc và vẫn mang ý nghĩa thời sự nóng hổi, khi từ phân tích biện chứng của

(2) Xem : *Sđd*, t 3, tr 42, 44

phát triển và "phản phát triển", Ph. Ăng-ghe-n, cách đây hơn 100 năm, đã đi tới một dự báo thiên tài. Theo Ph. Ăng-ghe-n, phải thấy hai mặt trong mỗi thắng lợi của chúng ta trong chinh phục giới tự nhiên. Bởi vì, cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta. Thật thế, mỗi một thắng lợi, trước hết là đem lại cho chúng ta những kết quả mà chúng ta hằng mong muốn, nhưng đến lượt thứ hai, lượt thứ ba thì nó lại gây ra những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được, những tác dụng thường hay phá hủy tất cả những kết quả đầu tiên đó... Và, những sự việc đó nhắc nhở chúng ta, từng giờ, từng phút rằng, chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác ; như một người sống bên ngoài giới tự nhiên, mà trái lại, bản thân chúng ta, với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, chúng ta nằm trong lòng giới tự nhiên ⁽³⁾.

Vậy, chế độ tư bản sau khi hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, kể cả sứ mệnh "chinh phục" giới tự nhiên, đã trở thành kẻ thù không những của toàn thể loài người mà còn là kẻ thù của cả giới tự nhiên. Chủ nghĩa tư bản, xét trên quy mô toàn thế giới, đã thật sự chín muồi, đòi hỏi phải được thay thế bằng một chế độ xã hội công bằng, nhân đạo. Chế độ mới này chỉ có thể là *chủ nghĩa xã hội*.

Sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã làm thay đổi căn bản so sánh lực lượng trên thế giới. Cách mạng thế giới tạm thời lâm vào thoái trào. Chủ nghĩa tư bản đắc thắng, những tưởng cứ thế chẳng

mấy chốc nó có thể an bài trật tự thế giới mới. Nhưng hoan hỉ chẳng được bao lâu, khi không còn địch thủ số 1 bên ngoài đáng gờm nhất thì bao nhiêu mâu thuẫn nội tại lại dồn nén và bùng phát lên từ trong lòng chủ nghĩa tư bản. Khủng hoảng kinh tế, tài chính, xã hội và chính trị xảy ra nay chỗ này, mai chỗ khác và gây ra những phản ứng dây chuyền. Nền kinh tế ngay ở các trung tâm tư bản lớn cũng lâm vào trì trệ, suy thoái, thậm chí có dự báo không loại trừ khả năng khủng hoảng, đương nhiên vẫn chưa hết khả năng phục hồi, nhưng những chu kỳ ổn định và phát triển ngày càng ngắn lại. Nếu vậy thì rồi những gì sẽ xảy ra với cả thế giới ?

"Lịch sử càng biến thành lịch sử thế giới", quá trình toàn cầu hóa càng mở rộng và đi vào chiều sâu với ưu thế chủ đạo của chủ nghĩa tư bản như hiện nay, thì thế giới càng biến thành một mạng lưới chằng chịt những quốc gia, những dân tộc, những lãnh thổ vừa là những đơn vị chủ quyền mang bản sắc riêng, vừa quan hệ khăng khít và tùy thuộc lẫn nhau, vừa chứa chất đầy mâu thuẫn chắc chắn không có sự phát triển đồng đều, càng không thể đồng nhất trong tính chất xã hội, chính trị, kinh tế và văn hóa.

Như vậy, giai đoạn mới của lịch sử thế giới với toàn cầu hóa như hiện nay, khiến cho bộ mặt thế giới càng đa dạng, phức tạp, phân hóa sâu sắc, hệ thống thế giới như là cả một sợi dây chuyền, trong đó mỗi khâu, mỗi mắt xích lớn bé khác nhau, mạnh yếu khác nhau, cứng mềm khác nhau, tất cả, dù muốn

(3) Xem : *Sđd*, t 20, tr 654 - 655

dù không, đều bị cuốn hút vào một cuộc "cạnh tranh sinh tồn", mạnh được, yếu thua - một chứng minh cho thuyết Đắc-uy-n xã hội chẳng ? Tuyệt đối không phải. Nằm ở tầng sâu các hiện tượng nhảy múa trên bề mặt vẫn là phép biện chứng của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ; là vận động đầy mâu thuẫn của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa ; là sự ra đời, đấu tranh đầy khó khăn, trắc trở và quanh co của hình thái kinh tế - xã hội mới ; là cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc cực kỳ gay go, phức tạp vì tiến bộ xã hội. Mặc dù sau khi chủ nghĩa xã hội bị đổ vỡ một mảng lớn, toàn cầu hóa đang do chủ nghĩa tư bản thao túng, lịch sử thế giới vẫn nằm trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội bắt đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Có điều thực tế hơn 10 năm qua cho thấy, quả đúng như V.I. Lê-nin từng cảnh báo, nếu hình dung lịch sử thế giới như một con đường thẳng tắp, trơn tru, không có những bước gập ghềnh, khúc khuỷu, không có những thất bại tạm thời, cả những bước lùi đôi khi rất lớn thì không biện chứng, không khoa học, không đúng về mặt lý luận. Tuy nhiên, hoàn toàn có cơ sở để không bi quan tuyệt vọng trước tình hình, bởi lịch sử thế giới, bằng sức mạnh có tính quy luật của nó, nhất định mở đường đi cho mình bằng qua mọi thác ghềnh hiểm trở.

Ngày nay, chủ nghĩa tư bản hiện đại, qua thất bại tạm thời của chủ nghĩa xã hội, tựa hồ còn nhiều sức sống. Nhưng, mọi mâu thuẫn nan giải của nó đã lên tới đỉnh điểm mà quy luật là "vật cực tất phản" và không có lối ra nào khác là chủ nghĩa xã hội - chủ

nghĩa xã hội mà những tiền đề của nó đã được chủ nghĩa tư bản chuẩn bị đầy đủ. Ngoài ra, từ trong lòng xã hội tư bản cũng xuất hiện ngày càng nhiều những nhân tố mầm mống của xã hội tương lai, chẳng hạn : các công ty cổ phần, các hợp tác xã của những người lao động, quá trình ngày càng xích lại gần nhau giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa thành thị và nông thôn, v.v.. Đúng như hình ảnh mà V.I. Lê-nin đã từng gọi ra từ năm 1918 : *"Ngày nay thì chủ nghĩa xã hội nhìn sang chúng ta từ tất cả các khung cửa của chủ nghĩa tư bản hiện đại : chủ nghĩa xã hội đang hiện ra trực tiếp, trên thực tiễn, trong mỗi biện pháp quan trọng tạo thành một bước tiến trên cơ sở chủ nghĩa tư bản hiện đại ấy"* (4).

Tất nhiên, một lần nữa nhắc lại, tưởng cũng không thừa, cần tránh ảo tưởng thắng lợi chóng vánh. Song, nếu nhìn tương lai mờ mịt cũng không đúng. Chủ nghĩa tư bản càng toàn cầu hóa, càng chất đầy thêm mâu thuẫn và mở rộng các mâu thuẫn ra toàn thế giới. Với vai trò thao túng ngày càng tăng lên của tư bản tài chính, nền kinh tế thế giới càng dễ vượt ra ngoài tầm kiểm soát, càng dễ bị tổn thương, dễ tạo ra những khâu yếu có khả năng đưa đến những chấn động từ kinh tế đến xã hội, đến chính trị và những phản ứng dây chuyền. Rốt cuộc triển vọng của chủ nghĩa xã hội phụ thuộc một cách quyết định vào các nhân tố chủ quan muốn có sự thay đổi. □

(4) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t 34, tr 258

CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

trước yêu cầu của đất nước

và cuộc sống của người lao động

DAN TÂM

Để bảo đảm thắng lợi vững chắc sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đại hội IX của Đảng đề ra, cùng với sự đổi mới lãnh đạo của Đảng, sự quản lý và điều hành của Nhà nước, thì sự đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân, trong đó Công đoàn là một tổ chức trọng yếu, nhằm đáp ứng được yêu cầu của đất nước và cuộc sống của người lao động là hết sức cấp thiết.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu phấn đấu của toàn dân tộc cũng là mục tiêu phấn đấu cao cả của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam ; là biểu hiện cao nhất sự thống nhất lợi ích giai cấp công nhân với lợi ích toàn dân tộc. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã, đang và sẽ là động lực to lớn và là hành động cách mạng của phong trào công nhân và Công đoàn nước ta trên chặng đường lịch sử lâu dài, vẻ vang nhưng không ít khó khăn, thách thức. Một trong các khó khăn lớn nhất mà Đảng ta đã xác định thành nguy cơ là sự tụt hậu xa hơn nữa về kinh tế

và trình độ phát triển so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Do vậy, vai trò quyết định của giai cấp công nhân đối với củng cố độc lập dân tộc và đưa đất nước từng bước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trước mắt là xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập - tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa. V.I. Lê-nin đã nói : "Cơ sở kinh tế duy nhất có thể có được của chủ nghĩa xã hội là nền đại công nghiệp cơ khí. Ai quên điều đó, người đó không phải là người cộng sản" ⁽¹⁾.

Ngày nay, loài người đang chuyển từ văn minh công nghiệp sang văn minh trí tuệ, không có nghĩa là không còn cần đến công nghiệp ; mà trong tương lai không xa, nền công nghiệp được tri thức hóa, tức là kinh tế tri thức sẽ là phổ biến. Và cho dù đã là kinh tế tri thức, thì vẫn tồn tại một phần rất quan trọng và không thể thiếu được của nền sản xuất vận hành bằng phương thức công nghiệp, kèm theo đó là một lực lượng quan trọng công nhân công nghiệp. Hơn nữa,

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 60

muốn có kinh tế tri thức và khi đã là kinh tế tri thức thì phần lớn công nhân phải được tri thức hóa, tức là công nhân trí thức. Do vậy, cho dù là nền kinh tế công nghiệp truyền thống hay kinh tế tri thức thì vai trò và lực lượng quyết định của giai cấp công nhân vẫn không thay đổi. Hơn nữa đối với nước ta, từ từng bước phát triển kinh tế tri thức đến có được nền kinh tế tri thức, ít ra cũng phải vài chục năm sau nữa, tức là sau khi cơ bản đã kết thúc thời kỳ CNH, HĐH, cho dù có đi tắt, đón đầu.

Mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được bảo đảm và phát triển nhanh chóng, vững chắc, thì lực lượng giai cấp công nhân được phát triển nhanh chóng về số lượng, đặc biệt là được nâng cao về kiến thức nghề nghiệp (tri thức hóa), vai trò quyết định của giai cấp công nhân về chiều hướng đi lên của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và thế của thời đại được củng cố và tăng cường. Tiền đề phát triển và quyền lợi, cuộc sống của công nhân, lao động được bảo đảm vững chắc. Đoàn kết và động viên được lực lượng to lớn của giai cấp công nhân đi đầu thực hiện thắng lợi mục tiêu cao cả trên đây, thì vị thế của tổ chức công đoàn trong thời kỳ mới được khẳng định và nâng cao.

Thực hiện sứ mệnh trên, giai cấp công nhân có thuận lợi cơ bản là đường lối cách mạng và chiến lược phát triển kinh tế của Đảng đã gắn kết hữu cơ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, đã và đang từng bước cụ thể hóa, hiện thực hóa bằng các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị và bằng sự quản lý, điều hành của Nhà nước. Công nhân, trí thức, lao động

nước ta, trải qua rèn luyện, thử thách của hơn 15 năm đổi mới, đã có sự trưởng thành đáng kể nhất là về bản lĩnh và nghề nghiệp cần có của nền kinh tế thị trường : vững tin hơn vào đường lối đổi mới của Đảng. Tuy vậy, họ đang và sẽ phải đối mặt với những thách thức nghiệt ngã của sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường trong nước và hội nhập kinh tế, hòa nhập thị trường quốc tế. Sự chưa hoàn thiện về cơ chế quản lý kinh tế, về chính sách, chế độ lao động và sự bất cập, yếu kém về quản lý của Nhà nước cũng như sự bất cập về tổ chức và hoạt động công đoàn, nhất là việc làm, dân chủ và tiền lương, tiền công... đang là lực cản không nhỏ.

Việc làm, dân chủ và các lợi ích chính đáng khác, trước hết là tiền lương, tiền công, của người lao động nước ta, bình thường đã rất khó khăn, do điểm xuất phát và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thấp, trong hội nhập kinh tế và hòa nhập quốc tế của xu thế toàn cầu hóa, lại càng khó khăn hơn.

Việc làm là nguồn sống, là quyền lợi thiết thân của người lao động, đồng thời là điều kiện tiên quyết khẳng định vị thế của người lao động đối với xã hội, đối với đất nước. Người lao động không có việc làm là coi như bị tước bỏ mất chức năng cơ bản lao động sản xuất ; và trên thực tế cũng bị gạt ra ngoài dây chuyền sản xuất của công nghiệp, của xã hội. Nhưng trong những năm trước mắt, việc làm cho nhân dân nói chung, cho người lao động công nghiệp nói riêng đang và sẽ rất khó khăn, cấp bách, cả về tương đối và tuyệt đối. Bởi vì, do phải tổ chức lại nền kinh tế, sắp xếp lại các ngành sản xuất (sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi

theo hướng CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn), nên số lao động sẽ dư ra rất lớn (hàng chục vạn lao động công nghiệp, hàng chục triệu lao động nông nghiệp). Thêm vào đó, hằng năm, số người bước vào tuổi lao động ở nước ta là khoảng 1,4 triệu người, tương đương với số người mà quỹ quốc gia giải quyết việc làm có thể bảo đảm được. Mặt khác, do yêu cầu đổi mới công nghệ kèm theo là đổi mới lực lượng lao động để doanh nghiệp đứng vững và cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường và hội nhập, nên việc thừa lao động (không nghề hoặc nghề không đáp ứng), thiếu lao động kỹ thuật (công nghệ mới và cao) diễn ra hằng ngày.

Do đó, việc làm cho người lao động vừa là mối quan tâm hàng đầu, vừa là mối lo lắng hằng ngày của tổ chức công đoàn, góp phần cùng Đảng và Nhà nước mở rộng sản xuất, xây dựng, dịch vụ tất cả các thành phần kinh tế và xuất khẩu lao động để tạo thêm ngày càng nhiều chỗ làm việc cho người lao động và con em họ. Việc trực tiếp mà Công đoàn có khả năng thực hiện có hiệu quả nhất là tham gia bố trí lao động hợp lý trong sắp xếp và tổ chức lại sản xuất doanh nghiệp, là đào tạo và đào tạo lại để người lao động đáp ứng được yêu cầu cao của kỹ thuật hiện đại, công nghệ tiên tiến, tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các chính sách và chế độ bảo trợ xã hội cho lực lượng lao động dôi dư, thất nghiệp và nghỉ hưu trước tuổi, là việc làm cần thiết và cấp bách trước mắt. Bởi đối với nền sản xuất công nghệ hiện đại, việc tồn tại một tỷ lệ thất nghiệp là khó tránh khỏi, mà còn là cần thiết đối với tư cách là "lực lượng lao động dự trữ".

Dân chủ của người lao động nói ở đây là dân chủ cụ thể trong lao động sản xuất, chủ yếu là dân chủ kinh tế.

Về mặt luật pháp, tuy còn phải tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh nhưng phải thừa nhận rằng, từ sau ngày đổi mới, nhất là từ những năm 90 của thế kỷ trước, đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã liên tục ban hành, bổ sung, sửa đổi nhiều luật lệ quan hệ trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ, tức là quyền dân chủ về kinh tế và xã hội của người lao động. Thể hiện tập trung nhất là trong Bộ Luật Lao động năm 1994 (bổ sung, sửa đổi năm 2002), trong Luật Công đoàn và Quy chế Dân chủ trong doanh nghiệp, Quy chế Dân chủ trong cơ quan (ban hành năm 1999).

Với những quy định cụ thể về quyền làm việc, quyền hưởng thụ, quyền được biết, được bàn, được tham gia quyết định những vấn đề quan hệ với quyền và trách nhiệm của người lao động, quyền được tôn trọng nhân phẩm, quyền nghỉ ngơi, quyền được bồi thường vật chất khi phải nghỉ việc, thôi việc, quyền được bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động, quyền được chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe... là một bước tiến dài về chế độ lao động được pháp luật hóa ở nước ta. Điều kiện để bảo đảm và thực hiện các quyền dân chủ cụ thể, thiết thực đó của người lao động đang từng bước được hiện thực hóa và có hiệu quả, thông qua cơ chế chủ yếu là *hợp đồng lao động* (đối với cá nhân) và *thỏa ước lao động tập thể* (đối với đơn vị doanh nghiệp) và *Quy chế Dân chủ*. Nhờ vậy mà quyền dân chủ về mặt kinh tế của người lao động được bảo đảm tốt hơn.

Đình công là đỉnh cao của tranh chấp lao động mỗi năm một tăng, bên cạnh do số doanh nghiệp cũng ngày một tăng, nói lên

quan hệ lao động chưa được cải thiện tốt theo mong muốn của Đảng, Nhà nước, Công đoàn (và cả của người lao động và người sử dụng lao động). Nhưng bằng hòa giải, thương lượng và cao hơn là bằng xét xử của tòa án, cuối cùng lẽ phải, quyền lợi của người lao động được đảm bảo, chính là nhờ có Bộ Luật Lao động, thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động. Vì vậy, để làm tốt trách nhiệm bảo vệ quyền dân chủ kinh tế cho người lao động, cùng với việc tạo lập bầu không khí thân thiện, hiểu biết, thông cảm lẫn nhau giữa người lao động, đại diện người lao động (công đoàn) với những người sử dụng lao động, thì công cụ chủ yếu của Công đoàn và của người lao động là nắm chắc và sử dụng tốt thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động ; và quan trọng hơn là cần thực hiện rộng rãi và nâng cao về chất lượng các cơ chế dân chủ đó. Khu vực có nhiều phức tạp và chứa đựng nhiều nhân tố dễ bùng nổ về quan hệ lao động là ngoài quốc doanh thì tỷ lệ thực hiện cam kết lao động còn thấp (doanh nghiệp liên doanh và đầu tư của nước ngoài là trên 50%, tư doanh là 30%) ; về chất lượng cũng rất thấp (phần lớn là hợp đồng lao động ngắn hạn, hợp đồng theo mùa vụ). Không ít thỏa ước lao động tập thể chẳng những không cao hơn các điều khoản của Bộ Luật Lao động cần khuyến khích, mà còn những trường hợp vi phạm rất nghiêm trọng các điều khoản tối thiểu của Luật.

Quy chế Dân chủ là hình thức làm chủ trực tiếp của công dân, công chức, tuy đã được xây dựng trong 70 - 80% doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, nhưng hiệu quả thực hiện còn thấp và không ít còn mang tính hình thức. Nên trên thực tế, người lao động chưa

được trực tiếp bàn bạc quyết định, giám sát việc thực hiện các chính sách, chế độ quản lý, chế độ lao động trong doanh nghiệp, cơ quan, cũng như phát hiện, đấu tranh, ngăn ngừa các hành vi tiêu cực, nhất là lãng phí của công, tham nhũng đang khá phổ biến trong các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước. Lãng phí và tham nhũng vừa làm tổn hại tài sản của nhà nước, của nhân dân, vừa xâm phạm lợi ích cụ thể của người lao động.

Thanh tra công nhân cũng là một công cụ quan trọng của Công đoàn để bảo đảm thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của công đoàn và bảo vệ lợi ích công nhân, người lao động, nhưng hiện mới chỉ có khoảng 30% số ban thanh tra hoạt động có hiệu quả, nên Công đoàn cần nâng cao chất lượng hoạt động hơn nữa.

Tiền lương, tiền công cùng với việc làm, là mối quan tâm nhất của người lao động, là "cái ruột" nhạy cảm nhất của quan hệ lao động, bởi làm việc là để hưởng thụ, là để được trả công tương xứng. Tiền công, tiền lương là quyền lợi thiết thân nhất, trực tiếp nhất gắn bó người lao động với doanh nghiệp, cơ quan.

Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nguyên tắc làm căn cứ để xác định tiền lương, tiền công là *"phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội"*. Đối với khu vực liên doanh và đầu tư của nước ngoài, Nhà nước cũng đã có quy định mức lương tối thiểu cho người lao động.

Tuy vậy, thực trạng tiền lương, tiền công ở nước ta đang rất lộn xộn, tùy tiện. Bên cạnh việc "phá rào", "vượt rào", thu nhập ngoài lương cao rất nhiều so với tiền lương

danh nghĩa, thì số bị trả dưới mức tối thiểu là rất lớn, tạo ra khoảng cách thu nhập ngày càng doãng ra. Lương bình quân năm 2001 của công nhân ở Thành phố Hồ Chí Minh là 1,63 triệu đồng (đ), cả nước là 800 000 đ ; trong khi đó, lương công nhân nông, lâm trường chỉ có 250 000 đ - 300 000 đ/tháng.

Hai năm 2000, 2001 liên tiếp, "thưởng" cuối năm của một số giám đốc doanh nghiệp đến 120 - 130 triệu đồng. Nước ta hiện khó mà có được hệ số chênh lệch thu nhập tin cậy, do thu nhập "ngầm" quá lớn.

Thực trạng trên chẳng những tạo ra sự bất công xã hội, mà là tác nhân trực tiếp gây ra sự biến động lao động, sự "chảy máu chất xám" từ khu vực nhà nước sang khu vực khác ; kéo theo sự biến động về tổ chức của giai cấp công nhân và công đoàn. Đảng và Nhà nước đang tiến hành nghiên cứu để cải cách cơ bản tiền lương. Nhưng điều này không hề dễ dàng, nếu không xuất phát từ việc tổng kết đầy đủ thực trạng lao động và tiền lương nước ta trong thời kỳ tồn tại và phát triển nhiều thành phần kinh tế đan xen và nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của người lao động.

Về quyền lợi tiền lương của người lao động, bên cạnh việc tham gia cải cách chính sách, xây dựng thang, bảng lương, điều quan trọng thường xuyên đối với công đoàn là tham gia xác định mức lao động, mức khoán sản phẩm làm cơ sở cho việc trả lương, trả công và giám sát việc trả công, trả lương (kể cả làm thêm giờ, làm ca đêm), trả thưởng đúng quy định, đúng thời hạn và trực tiếp.

Những vấn đề trên có thực hiện được hay không, tùy thuộc vào phong trào công đoàn, mà tổ chức và cán bộ công đoàn giữ vai trò trọng yếu, đang đứng trước thời cơ lớn và thách thức cũng rất lớn.

Về tổ chức, công nhân, người lao động nước ta vốn có ý thức tham gia và hoạt động trong các tổ chức chính trị - xã hội. Qua thực tiễn của cạnh tranh kinh tế, nhất là thách thức của quan hệ lao động mới, người lao động thuộc các thành phần kinh tế nước ta ngày càng thấy phải có sự bảo vệ quyền lợi cho mình của các tổ chức, trước hết là tổ chức công đoàn. Về phần mình, tổ chức công đoàn cũng thấy sự cấp thiết nếu không nhanh chóng tập hợp được tuyệt đại bộ phận công nhân, lao động các thành phần kinh tế, đặc biệt là công nhân, lao động ngoài quốc doanh, thì khó đại diện, bảo vệ được lợi ích của người lao động, và có được sức mạnh thực sự về tổ chức, khó phát huy được tác dụng cầu nối Đảng với công nhân, lao động và làm chỗ dựa về mặt chính trị và xã hội đối với chính quyền nhà nước.

Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm việc xây dựng và phát triển lực lượng tổ chức công đoàn ; không chỉ quyền hạn, mà cả về tổ chức công đoàn cũng đã được pháp luật hóa. Mỗi năm, Chính phủ đã hỗ trợ cho Tổng Liên đoàn hàng chục tỉ đồng để xây dựng, phát triển tổ chức công đoàn khu vực ngoài quốc doanh.

Nhưng đến nay việc xây dựng tổ chức công đoàn, nhất là trong khu vực ngoài quốc doanh, còn thấp. Tính chung cả nước có khoảng 7 triệu công nhân, viên chức, lao động. Nhưng tính đến cuối năm 2001, mới có 3,5 triệu đoàn viên công đoàn, trong khu vực kinh tế đầu tư của nước ngoài là khoảng 74% số đơn vị có tổ chức công đoàn, khu vực tư doanh là 30%. Thực trạng này không có nghĩa là người lao động không muốn có tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của

mình. Bởi thực tế vừa qua, nơi này nơi kia, người của giới chủ đã thành lập ra "Ban đại diện công nhân" để ngăn cản việc thành lập tổ chức công đoàn và tranh giành ảnh hưởng với công đoàn, dù không được pháp luật công nhận. Vấn đề đặt ra là, cần xem xét hình thức tập hợp, phương thức hoạt động, nhất là cán bộ công đoàn, làm sao để người lao động khu vực này thấy được lợi ích thiết thân mà cuộc sống rất phức tạp của người lao động không thể không có Công đoàn. Đánh rằng, tổ chức công đoàn trong khu vực kinh tế nhà nước cần tiếp tục xây dựng vững mạnh để góp phần phát huy tác dụng đi sâu và làm nòng cốt của lực lượng kinh tế nhà nước, nhưng công đoàn khu vực ngoài quốc doanh, trước mắt cũng như lâu dài là cực kỳ quan trọng. Bởi ở khu vực này, tổ chức cơ sở đảng rất ít và mỏng, không có bộ máy chính quyền nhà nước trực tiếp và quan hệ lao động rất phức tạp. Ý thức chính trị, xuất thân thành phần nghề nghiệp của công nhân, lao động rất đa dạng và khác nhau. Số lượng hiện đã chiếm hai phần ba lực lượng của công nhân lao động nước ta và tương lai còn tăng mạnh hơn nữa, nên rất cần thu hút họ vào tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác để đoàn kết thống nhất lực lượng giai cấp công nhân Việt Nam thành một khối vững chắc, làm nòng cốt và đi đầu trong CNH, HĐH đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, như chiến lược phát triển kinh tế do Đại hội IX của Đảng đề ra. *Tổ chức công đoàn vừa phải rộng, vừa phải mạnh.*

Vấn đề của cán bộ công đoàn, cũng như cán bộ các ngành, các tổ chức khác, trước đã có vai trò quyết định, nay lại càng có vai trò quyết định hơn đối với hoạt động công đoàn.

Vai trò quyết định của cán bộ công đoàn ngày nay là ở năng lực tập hợp, đoàn kết và tổ chức cho đoàn viên, công nhân lao động hành động trong môi trường kinh tế thị trường đầy biến động và lợi ích cá nhân đan xen, khác biệt, có khi đối lập nhau. Bởi, cán bộ không thể làm thay cho công nhân, lao động. Hơn thế nữa, công đoàn là tổ chức của những người lao động tự nguyện liên kết với nhau do tương đồng về lợi ích và vì quyền lợi của mình, của giai cấp, của đất nước. Chừng nào mà chưa được như thế, thì phong trào công đoàn trên thực tế chỉ là hoạt động của một số cán bộ công đoàn. Và như thế thì không thể có tổ chức công đoàn thực sự mạnh được, mặc dầu không ít những trường hợp được suy tôn, khen thưởng. Bởi hoạt động công đoàn trước hết và chủ yếu là *nhằm đáp ứng những vấn đề từ cuộc sống của người lao động đặt ra, là từng bước thỏa mãn nhu cầu và lợi ích chính đáng của người lao động*. Đó cũng là "chất keo" gắn kết người lao động với tổ chức công đoàn.

Trong quan hệ lao động ngày càng đa dạng và phức tạp hiện nay, cái quyết định nhất là bản lĩnh cán bộ công đoàn. Hằng ngày, cán bộ cơ sở công đoàn phải đối mặt với mối quan hệ lao động giữa lao động với người sử dụng lao động. Kèm theo đó là quan hệ lợi ích của người lao động với người sử dụng lao động và với tập thể, với nhà nước, mà người cán bộ công đoàn phải thể hiện rõ thái độ và cách xử lý để làm sao vừa bảo vệ được lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động, bảo đảm lợi ích quốc gia, nhưng vẫn giữ được mối quan hệ thông cảm, hiểu biết lẫn nhau giữa công đoàn với người sử dụng lao động. Độc lập về nghề nghiệp và quyền lợi đã khó, đằng này đến

90% số cán bộ công đoàn và cơ sở lệ thuộc vào việc làm và tiền lương vào người sử dụng lao động và giới chủ, là điều cực kỳ khó khăn. Không ít trường hợp đã bị giới chủ vô hiệu hóa, tệ hơn là sa thải cán bộ công đoàn dám bênh vực lẽ phải và đấu tranh bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động, mặc dù pháp luật không cho phép. Đã có không ít trường hợp cán bộ công đoàn buộc phải làm ngơ, thậm chí cá biệt phải đồng tình với giới chủ hoặc đã phải xin từ chức chủ tịch công đoàn cơ sở, xin thôi làm cán bộ công đoàn chuyên trách. Một nguyên nhân chủ yếu là chưa có được sức mạnh về tổ chức (của tổ chức công đoàn) ngay tại đơn vị làm hậu thuẫn, có tác dụng ngăn chặn và răn đe những hành vi xâm phạm quyền công đoàn và coi thường cán bộ công đoàn. Sự gắn bó hữu cơ tổ chức và cán bộ, không chỉ là nguyên lý, mà là thực tiễn sinh động đang diễn ra hằng ngày ở cơ sở.

Có bản lĩnh vững vàng là rất cơ bản, nhưng phải có cách ứng xử, cách hoạt động năng động, linh hoạt mới đáp ứng được tình hình diễn biến phức tạp, mau lẹ của phong trào công nhân, lao động và quan hệ đối tác của Công đoàn, như không thể áp dụng máy móc phương thức quan hệ ứng xử của Công đoàn khu vực nhà nước vào khu vực ngoài nhà nước và ngược lại. Ngay cùng một khu vực, cũng không thể áp dụng "nguyên xi" cách ứng xử ngày hôm qua vào ngày hôm nay, nếu như tình hình kinh doanh và quản lý ở đó đã có những thay đổi đáng kể. Cũng như thế, cùng một khu vực nhưng không thể áp dụng phương thức hoạt động ở cơ quan hành chính sự nghiệp cũng như ở doanh nghiệp, ở tư doanh cũng như ở cơ sở đầu tư của nước ngoài...

Bản lĩnh giai cấp vững vàng và phương pháp công tác năng động, linh hoạt đáp ứng yêu cầu thực tiễn của hoạt động công đoàn, cũng là đòi hỏi của người lao động đối với cán bộ công đoàn, là điều kiện quyết định nhất việc phát huy vai trò của Công đoàn là tổ chức đại diện quyền và bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của công nhân, lao động trong kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Một đội ngũ cán bộ công đoàn như vậy chỉ có thể được hình thành và phát triển thông qua hoạt động và tuyển lựa từ phong trào hành động của quần chúng công nhân, lao động ở cơ sở, được quần chúng tin nhiệm suy tôn, được quần chúng ủng hộ, bảo vệ. "Nguồn mạch sống" của tổ chức công đoàn phải bao gồm cả hai mặt : công đoàn từ quần chúng, do quần chúng tự nguyện liên kết lại ; đồng thời cán bộ công đoàn cũng phải từ quần chúng mà ra và được quần chúng ủng hộ, bảo vệ. Điều mà các lãnh tụ của Đảng và giai cấp công nhân đã rất nhiều lần nhấn mạnh : *Muốn cho công tác công đoàn thành công, thì cán bộ công đoàn phải gần gũi quần chúng một cách đặc biệt, phải biết tường tận đời sống công nhân, phải sống trong lòng quần chúng, giành được lòng tin tuyệt đối của quần chúng, phải biết thích ứng với quần chúng* ⁽²⁾. *"Cán bộ công đoàn phải cùng ăn, cùng ở, cùng làm và cùng bàn bạc với quần chúng"* ⁽³⁾. Tuy pháp lệnh công chức điều xếp cán bộ tổ chức chính trị - xã

(Xem tiếp trang 44)

(2) Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va, 1978, t 44, tr 427

(3) Hồ Chí Minh : *Giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1986, tr 121

ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN MỘT SỐ CÔNG NGHỆ CAO - BƯỚC ĐỘT PHÁ QUAN TRỌNG

VŨ ĐÌNH CỰ *

HỘI nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII về khoa học và công nghệ, đồng thời ra *Kết luận* về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và phương hướng phát triển từ nay đến năm 2005 và 2010. *Kết luận* đã nêu bốn nhiệm vụ chủ yếu cần tập trung giải quyết, nhấn mạnh *việc ứng dụng và phát triển mạnh mẽ một số công nghệ cao*, và coi đó là bước đột phá có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Dưới đây chúng tôi trình bày một số suy nghĩ nhằm góp phần vào việc nhận thức để triển khai bước đột phá "đẩy mạnh ứng dụng và phát triển một số công nghệ cao", thực hiện thắng lợi định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thập kỷ này và tiếp tục sau đó để đạt mục tiêu nước công nghiệp vào năm 2020.

1 - Công nghệ cao và cạnh tranh trong toàn cầu hóa

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã nhiều lần nhấn mạnh đến vai trò của công nghệ trong sản xuất xã hội, rằng công nghệ, trước hết, làm

nổi bật thái độ tích cực của con người đối với tự nhiên. Thái độ tích cực ấy thể hiện trong hoạt động quan trọng nhất của con người là sản xuất. Con người với tư cách là một bộ phận của tự nhiên, lại là bộ phận nắm giữ dạng vận động cao nhất của vật chất là hoạt động trí tuệ, phát hiện ra các quy luật của tự nhiên và vận dụng các quy luật ấy sáng tạo ra công nghệ để "sản xuất trực tiếp ra đời sống của con người và những điều kiện của đời sống xã hội của họ". Những khái niệm tinh thần của xã hội như tôn giáo, luật pháp, đạo đức, nghệ thuật... đều bắt nguồn từ các điều kiện của đời sống xã hội, nghĩa là cũng liên quan với công nghệ.

Lịch sử loài người chứng tỏ rằng thái độ của con người đối với tự nhiên, nói chung, ngày càng tích cực lên. Tri thức về tự nhiên được tích lũy ngày càng tăng, do đó trình độ công nghệ ngày càng cao và lực lượng sản xuất ngày càng gia tăng. Sự phát triển liên tục của công nghệ chính là tiền đề cho sự cạnh tranh quyết liệt của cơ chế thị trường. Mỗi khi có đột phá về công nghệ thường nảy sinh các

* GS. TSKH

biến động có tính cách mạng về lực lượng sản xuất trong xã hội.

Theo sự phân tích trên đây, trình độ công nghệ của thời kỳ lịch sử sau tất phải cao hơn trình độ công nghệ của thời kỳ lịch sử trước. Vậy thuật ngữ "công nghệ cao" đang dùng hiện nay có một ý nghĩa đặc biệt. Từ cách mạng công nghiệp giữa thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX, công nghệ chủ yếu dựa trên các tri thức cơ giới thể hiện bằng máy móc cơ khí, với ba khâu (động cơ, cơ cấu truyền lực, máy công cụ hay còn gọi là máy công tác). Mặc dầu trong hơn một trăm năm đó, trình độ công nghệ đã tăng lên mạnh mẽ, nhất là năng lượng điện đã được đưa vào sử dụng ngày càng rộng rãi, nhưng về cơ bản vẫn sử dụng máy móc cơ khí (hoặc cơ khí - điện). Đến đầu thế kỷ XX, với cuộc cách mạng khoa học hiện đại, con người phát hiện các quy luật của thế giới vi mô của phân tử, nguyên tử, hạt cơ bản (thuyết lượng tử); các quy luật của thế giới đại vĩ mô của vũ trụ (thuyết tương đối); và đến giữa thế kỷ XX thì khám phá cấu trúc xoắn kép của phân tử nhân tế bào (phân tử DNA) làm hé mở cơ chế bí mật của sự sống (di truyền học phân tử).

Những tri thức mới mẻ, hết sức phong phú, vượt ra khỏi cơ giới luận của các thành tựu khoa học trên đây đã làm bùng phát cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại từ giữa thế kỷ XX với các mốc lịch sử về công nghệ: máy điện toán (còn gọi máy tính điện tử) và máy vi điện tử (mạch IC, chip); nhà máy điện hạt nhân, tên lửa vũ trụ và vệ tinh nhân tạo; sinh vật biến đổi gen và nhân bản vô tính.

Những ngành công nghệ dựa trên các tri thức của thuyết lượng tử, thuyết tương đối, vượt ra khỏi khuôn khổ của cơ giới luận, ngày nay được gọi là công nghệ cao. Như vậy, tính

từ "cao" ở đây đề chỉ các ngành công nghệ dựa trên khoa học hiện đại. Có những ngành công nghệ cao tác động đến nhiều lĩnh vực rộng lớn của sản xuất và đời sống, gọi là công nghệ cao cơ bản (còn gọi là công nghệ cao nguồn). Ví dụ, công nghệ thông tin; công nghệ sinh học; công nghệ vật liệu mới. Vận dụng công nghệ cao cơ bản vào các lĩnh vực chuyên ngành hẹp ta có các công nghệ cao chuyên ngành. Ví dụ, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động ngân hàng ta có công nghệ ngân hàng là một công nghệ cao chuyên ngành.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, cạnh tranh quyết liệt càng thúc đẩy phát triển công nghệ cao. Như vậy, lợi thế sẽ thuộc về các nước công nghiệp phát triển và các công ty đa quốc gia, vì các phòng thí nghiệm ở đây có đủ năng lực để nhanh chóng phát triển các công nghệ cao phục vụ cho cạnh tranh. Cũng có nghĩa là, sự phân cực giàu nghèo sẽ tất yếu tăng lên. Đó là một trong các vấn đề chính trị bi thảm của thế kỷ XXI mà Hội nghị thượng đỉnh thế giới ở Nam Phi vừa qua không tìm được câu trả lời.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp riêng, biết phát huy nguồn lực nội tại, tranh thủ thời cơ mà những công nghệ cao mở ra, một số nước đang phát triển có thể vươn lên nhanh, đạt tới mức phát triển cao trong một thời gian tương đối ngắn. Ví dụ: một số nước đang phát triển ở Đông Á, Nam Á, Nam Mỹ, v.v..

2 - Công nghệ cao, khâu đột phá

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay, với các thành tựu quan trọng sau 15 năm đổi mới, chúng ta vận dụng kinh nghiệm một số nước đã vươn lên thành công nhờ công nghệ cao, để lựa chọn việc đẩy mạnh phát triển một số công nghệ cao làm khâu đột phá cho công

ng nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là một quyết sách táo tạo mà muốn thành công đòi hỏi phải có ý chí và năng lực tổ chức cao.

Trong quá trình đổi mới, chúng ta đã tiếp thu được một số thành tựu ứng dụng công nghệ cao trong các ngành bưu chính - viễn thông ; chế biến thủy, hải sản ; khai thác dầu khí ; tiếp thu giống lúa mới ; chế biến nông sản, v.v.. Tuy nhiên, nhìn chung nền kinh tế còn ở trình độ công nghệ thấp và tính cạnh tranh yếu kém. Đi vào công nghệ cao chúng ta sẽ gặp phải các khó khăn như : thiếu cán bộ, nhất là thiếu nhân tài về công nghệ cao ; thiếu vốn, phòng thí nghiệm để tiếp thu, phát triển công nghệ cao ; thiếu kinh nghiệm, chính sách và luật pháp về quản lý công nghệ cao. Vì vậy, việc đầu tiên là phải có các biện pháp để khắc phục hoặc giảm nhẹ các khó khăn này.

Chúng ta cần *ứng dụng và phát triển mạnh mẽ một số công nghệ cao*. Nhưng, các công nghệ cao gồm những lĩnh vực nào, ai chịu trách nhiệm lập ra danh mục "một số công nghệ cao" ? Cách đây ít lâu một số ngành được giao làm việc này, nhưng còn phân tán và nguyên tắc lựa chọn chưa rõ ràng. Ở các nước công nghiệp phát triển thường có một tổ chức gọi là *Hệ thống đổi mới công nghệ quốc gia*. Tổ chức này có nhiệm vụ đưa ra chiến lược về phát triển công nghệ, dự báo và khuyến nghị danh mục các công nghệ cao cần ưu tiên tiếp thu hoặc phát triển ; và nó nhận được sự bảo trợ của nhà nước, nhưng hoạt động theo sự đặt hàng của các doanh nghiệp, các cơ quan kế hoạch, các trường đại học và viện nghiên cứu... Có thể ta chưa lập ra hệ thống này, nhưng việc cấp bách cần biết là các công nghệ cao nào phải do nhà nước, doanh nghiệp hay tư nhân, tìm kiếm để hợp đồng tiếp thu hoặc tự nghiên cứu phát triển.

Ở nước ta hiện nay, trừ một số trường hợp đặc biệt, chúng ta chủ yếu tiếp thu công nghệ cao. Việc tiếp thu công nghệ cao có hiệu quả khi chỉ mua thiết bị của công nghệ cao đó lần đầu, sau đó bên bán công nghệ cao phải chuyển giao cả công nghệ sản xuất các thiết bị công nghệ cao đó. Nếu cứ tiếp diễn tình trạng tiếp thu công nghệ cao mà không sản xuất được thiết bị đi kèm công nghệ cao đó thì giá thành sản phẩm sẽ rất cao và khả năng cạnh tranh bị triệt tiêu. Như vậy, phải có những cơ sở cơ khí - điện tử đủ mạnh để tiếp thu công nghệ cao kèm theo tiếp thu công nghệ chế tạo thiết bị công nghệ cao đi cùng, thì việc tạo ra đột phá mới khả thi. Đây là những yếu tố rất quan trọng trong việc ứng dụng và phát triển một số công nghệ cao có thể tạo ra đột phá. Phải phấn đấu quyết liệt thực hiện quá trình này mới mong đạt được mục tiêu. Nhiều nước đang phát triển "mua" hàng loạt công nghệ cao về, nhưng đã thất bại vì không có các yếu tố như nói ở trên.

3 - Công nghệ thông tin, công nghệ của thời đại mới

Công nghệ thông tin là ngành công nghệ cao cơ bản, có vai trò đặc biệt trong lực lượng sản xuất mới đặc trưng cho thời đại mới, thời đại thông tin. Công nghệ thông tin với máy điện toán đã tạo ra cơ sở để chế tạo được các chủng loại máy móc hoàn toàn mới về chất : máy biết nhớ, biết tính toán, biết suy đoán lô-gích, biết thẩm định đánh giá, biết học tập..., nghĩa là biết thực hiện một số hoạt động trí tuệ của con người. Đây là một bước đột biến cách mạng có ý nghĩa to lớn không chỉ đối với sản xuất mà còn có tác động mạnh mẽ đến các quan hệ xã hội.

Vào những năm đầu thế kỷ XXI, ở các nước phát triển cao, tổng lao động trong nông

ng nghiệp và công nghiệp giảm xuống còn khoảng 25 - 30% của tổng số lao động xã hội, trong khi lao động dịch vụ tăng lên đạt khoảng 70 - 75%. Hệ trục của kết cấu hạ tầng sản xuất không phải là hệ thống giao thông vận tải mà là hệ thống siêu lộ thông tin (các mạng cáp quang đường trục). Hệ thống siêu lộ thông tin này được dùng để điều khiển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng sản xuất như hệ giao thông - vận tải thông minh, hệ năng lượng thông minh, v.v..

Đảng và Nhà nước ta đã sớm đánh giá đúng tầm quan trọng của công nghệ thông tin và đã có nhiều chính sách để phát triển ngành này. Chúng ta đã đạt được một số kết quả về công nghệ thông tin nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh. Khoảng cách tụt hậu về công nghệ thông tin của nước ta so với mức trung bình của thế giới vẫn còn khá lớn.

Sự phát triển công nghệ thông tin trong thời gian qua dẫn đến nhiều sản phẩm mới có ý nghĩa xã hội rất lớn như : in-tơ-nét, thương mại điện tử, chính quyền điện tử, học từ xa, khám bệnh, phẫu thuật từ xa, v.v.. Những loại dịch vụ trên mạng, nói chung, đang phát triển mạnh góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển. Tuy nhiên, các loại dịch vụ này có một đặc thù là chỉ xuất hiện ở "đầu cuối" của mạng, còn trên đường truyền chúng là vô hình hoặc còn gọi là các dịch vụ trong không gian điện tử. Một vấn đề nghiêm trọng nảy sinh là việc phòng chống các hành vi tội phạm "vô hình" trong không gian điện tử (tức là trên mạng đường truyền) : tin tặc, vi-rút máy tính, đột nhập, trộm cắp mật khẩu, hành vi vô đạo đức... Nhìn chung an ninh, an toàn thông tin đang là vấn đề nan giải cả về kỹ thuật và tổ chức. Ta phải kiểm soát chặt loại tội phạm này.

Trong những năm 90 của thế kỷ trước, chúng ta đã chi khoảng 300 tỉ đồng để tin học hóa hệ thống quản lý nhà nước. Dự án này đã thu được một số kết quả nhưng nhìn chung hiệu quả còn thấp. Hiện nay, chúng ta đang có kế hoạch lớn để công nghệ thông tin tham gia nâng cao chất lượng quản lý nhà nước và cải cách hành chính. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao cần phải nghiên cứu kỹ, xác định qua thử nghiệm các loại dịch vụ có thể áp dụng công nghệ thông tin. Cần phải lưu ý rằng, khái niệm "thông tin" trong thuật ngữ công nghệ thông tin hiện nay cả thế giới vẫn chưa xác định được một cách khoa học, rõ ràng. Có những loại "thông tin ẩn" không thể điều chế hóa, lượng hóa, mô phỏng hóa được. Chúng ta chưa thể dùng công nghệ thông tin làm dịch vụ "đánh giá cán bộ", mặc dù có thể xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân sự. Một quan chức phụ trách việc thực hiện chính quyền điện tử ở thủ đô của một nước phương Tây có cho chúng tôi biết rằng : Trong số hơn 300 dịch vụ mà Hội đồng thành phố đảm nhiệm đối với dân cư, mới chỉ 30 dịch vụ là đã được điện tử hóa.

Thực tế của 15 năm đổi mới đất nước cho thấy ngành nào, cơ sở nào, thậm chí hộ gia đình nào ứng dụng công nghệ cao một cách "có bài bản" thì đều "ăn nên làm ra" và giàu lên nhanh chóng một cách hợp pháp. Như vậy, lựa chọn việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển một số công nghệ cao như một khâu đột phá là có cơ sở lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, cần có kế hoạch hành động đúng, nhanh chóng khắc phục các khó khăn, đồng thời phải có cơ chế quản lý thích hợp để mọi thành phần kinh tế đều có điều kiện và được ưu đãi trong ứng dụng và phát triển công nghệ cao. □



CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGUYỄN SINH CÚC*

ĐỒNG bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng trọng điểm số 1 của cả nước về sản xuất lúa, trái cây và nuôi trồng, đánh bắt thủy sản. Năm 2001, vùng ĐBSCL sản xuất gần 16 triệu tấn lúa, chiếm 50%; hơn 3 triệu tấn trái cây, chiếm 60% và 1,2 triệu tấn hải sản, chiếm 51% của cả nước. Là vùng sản xuất nông sản hàng hóa lớn, trong những năm đổi mới, nhất là thời kỳ 1996 - 2001, ĐBSCL đã đóng góp 80% sản lượng lúa hàng hóa, 90% sản lượng gạo xuất khẩu, 70% sản lượng thủy sản xuất khẩu của cả nước, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, nâng cao vị thế của nông sản, thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới. Không chỉ tăng về số lượng mà chất lượng nông sản, thủy sản hàng hóa vùng này cũng ngày càng cao, đáp ứng được yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

Vị thế hàng đầu của vùng ĐBSCL về nông sản, thủy sản hàng hóa được khẳng định và ngày càng vững chắc. Song, cho đến nay ĐBSCL vẫn chưa thoát khỏi kinh tế thuần nông. Theo kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001, do Tổng cục Thống kê công bố

tháng 4-2002 : Ở ĐBSCL, có 80% số hộ nông thôn vẫn lấy sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản làm nghề sống chính, chỉ có 5% hộ công nghiệp, xây dựng và 8,6% hộ thương nghiệp ; vùng Đông Nam Bộ, 3 chỉ tiêu tương ứng là 64,2% ; 12,6% và 10,9%. Trong 2 năm (2000 và 2001), giá lúa gạo, trái cây và thủy sản giảm, thị trường trong nước và thế giới biến động theo chiều hướng cung vượt cầu, nên vùng trọng điểm nông nghiệp ĐBSCL bị chao đảo. Trong nhiều năm liền, tỷ trọng GDP của vùng chỉ chiếm từ 22,5% đến 25% của cả nước. Thuần nông đi cùng với cái nghèo đã làm giảm vị thế kinh tế của ĐBSCL so với cả nước, nhất là so với vùng Đông Nam Bộ. Theo đánh giá của UNDP ⁽¹⁾, cho đến nay ĐBSCL vẫn là vùng nghèo với tỷ lệ hộ nghèo là 37% (so với 8% của vùng Đông Nam Bộ) và tốc độ giảm nghèo rất chậm : chỉ đạt 1%/năm (so với 4,5% của vùng Đông Nam Bộ và 6% của đồng bằng sông Hồng). Nhiều chỉ tiêu kinh tế và đời sống của vùng

* PGS, TS, Vụ trưởng, Tổng cục Thống kê

(1) UNDP và TCTK *Mức sống trong thời kỳ kinh tế bùng nổ Việt Nam*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2001, tr 15

ĐBSCL suốt trong những năm qua cũng chỉ đạt mức trung bình của cả nước và thấp xa so với vùng Đông Nam Bộ. Năm 1999, thu nhập bình quân của vùng này chỉ đạt 342 nghìn đồng/người/tháng, trong khi đó vùng Đông Nam Bộ là 528 nghìn đồng. Sự tụt hậu này đã kéo dài trong nhiều năm. Nguyên nhân chủ yếu là cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.

Nhận thức được thực tế đó, những năm gần đây được sự đầu tư và hỗ trợ của Trung ương, các địa phương trong vùng đã có nhiều chủ trương và giải pháp tích cực nhằm tạo tiền đề thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) và bước đầu đã đạt được một số kết quả. Những lợi thế so sánh của các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các địa phương dần được phát huy. Đặc biệt, tỷ trọng các ngành kinh tế trong GDP của vùng đã có những thay đổi đáng kể : nông, lâm, thủy sản đã giảm từ 64% (năm 1995) xuống 55% (năm 2001), công nghiệp, xây dựng tăng từ 12% lên 18% và dịch vụ tăng từ 24% lên 27% trong thời gian tương ứng. Cơ cấu kinh tế trong nội bộ từng nhóm ngành cũng chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa gắn với cơ chế thị trường. Tỷ trọng nông nghiệp, nhất là trồng trọt giảm ; tỷ trọng thủy sản, nhất là thủy sản nuôi trồng tăng nhanh. Trong trồng trọt, tỷ trọng nhóm cây lương thực giảm, tỷ trọng nhóm cây ăn quả và cây công nghiệp tăng nhanh.

Những năm qua, trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, vùng ĐBSCL đã xuất hiện một số mô hình mới.

1 - Mô hình đa dạng hóa nông nghiệp gắn với công nghiệp nông thôn

Trước đổi mới, kinh tế An Giang chủ yếu là nông nghiệp, với tỷ trọng 78% GDP của tỉnh, nhưng tốc độ tăng trưởng lại chậm : từ 2,2% đến 2,8%/năm. Tình trạng độc canh còn nặng nề nên 80% giá trị tổng sản lượng nông nghiệp thuộc về cây lúa. Trong 15 năm đổi mới, nhất là thời kỳ 1996 - 2000, An Giang đã có bước tiến mới trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng hóa ; phát triển mạnh chăn nuôi, thủy sản, công nghiệp và dịch vụ đi đôi với thâm canh lúa, cây màu, cây công nghiệp và cây ăn quả.

Nét mới trong việc tăng vụ của An Giang là, chú trọng chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp bằng cách tăng nhanh diện tích màu, cây công nghiệp, cây rau đậu có giá trị kinh tế cao và có thị trường tiêu thụ như ngô lai, đậu đỏ, bông vải, chuối cấy mô, đậu xuất khẩu, mía giống mới, mè (vùng). Việc chuyển một bộ phận diện tích lúa sang trồng màu và cây công nghiệp, cây rau, đậu... đã đem lại hiệu quả kinh tế rõ nét. Thực tế cho thấy, với mô hình 2 màu 1 lúa (nếu sản xuất 2 vụ ngô lai) thì mỗi héc-ta đạt 23,1 triệu đồng, 2 lúa 1 màu đạt 23,7 triệu đồng. Trong khi đó, nếu trồng 3 vụ lúa (đông xuân, hè thu, thu đông) cũng chỉ đạt 21 triệu đồng/ha, còn chuyên 2 lúa, dù được đầu tư cao hơn, chỉ đạt 18,67 triệu đồng/ha.

Cùng với việc đa dạng hóa nông nghiệp, ngành công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn An Giang cũng đã có nhiều khởi sắc. Theo hướng CNH nông thôn, An Giang tập trung đẩy mạnh đa dạng hóa ngành nghề phục vụ nông nghiệp, có quy mô vừa và nhỏ,

phân bố khá đồng đều trên địa bàn tỉnh với phương thức dựa vào vốn của dân là chính. Trong năm 1996, vốn của dân đầu tư cho công nghiệp nông thôn đạt 150 tỉ đồng, chiếm 61,4% tổng số vốn đầu tư cho công nghiệp. Là tỉnh nông nghiệp, sản lượng lúa hàng hóa lớn, nên công nghiệp nông thôn An Giang tập trung xây dựng các cụm chế biến nông sản, thủy sản xuất khẩu như : chế biến gạo xuất khẩu (xã Hòa An, huyện Chợ Mới), sản xuất bông gòn xuất khẩu (chợ Vàm - huyện Phú Tân), se tơ tằm (thị trấn Tân Châu - huyện Tân Châu) ; hoặc sản xuất nông cụ, vật liệu xây dựng như : rèn nông cụ (xã Phú Mỹ - Phú Tân), kỹ nghệ sắt (Mỹ Phước - Long Xuyên), sản xuất gạch ngói (An Châu - Châu Thành), v.v.. Có thể nói, sự phục hồi và mở rộng các ngành nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn An Giang đã mở ra hướng đi đúng về phát triển công nghiệp nông thôn trong điều kiện một tỉnh vốn độc canh cây lúa, giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động. Đáng chú ý là các ngành nghề chế biến mắm cá, khô bò, khô cá tra phòng, trứng vịt muối, bánh tráng, đá chẻ thủ công, tơ tằm se... ngày càng phát triển. Sản phẩm của các ngành này đã xuất khẩu sang nhiều nước, với số lượng ngày càng tăng. Năm 2000, giá trị xuất khẩu của các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp của An Giang đạt gần 6 triệu USD, trong đó tơ tằm se là 3,5 triệu USD, mắm và khô cá là 254 580 USD, v.v.

Công nghiệp nông thôn của An Giang phát triển rộng khắp mà huyện Chợ Mới là một điểm sáng. Toàn huyện có 15 287 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thu hút 32 000 lao động, hằng năm tạo ra giá trị

134 tỉ đồng, chiếm 26% tổng giá trị sản xuất của huyện. Ở đây, đã hình thành một cụm công nghiệp điển hình là xã Hòa An - một trung tâm xay xát đánh bóng gạo lớn nhất vùng. Toàn xã đã có 29 nhà máy xay xát loại lớn do nhân dân bỏ vốn xây dựng cùng 3 nhà máy khác với công suất 50 tấn thóc/ngày. Ngoài ra, xã còn có 4 nhà máy đánh bóng gạo mới được xây dựng với công suất 150 tấn/ngày. Một xã có 2 955 hộ mà có tới 32 nhà máy xay, 4 nhà máy đánh bóng, 500 hộ có ghe thuyền có tải trọng từ 5 tấn trở lên, vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất. Lúa từ Cà Mau, Rạch Giá, Cần Thơ, Đồng Tháp theo tàu thuyền về các nhà máy xay xát, đánh bóng, sau đó gạo lại lên tàu, xuống ghe tỏa đi các thị trường trong nước và xuất khẩu. Công nghiệp và vận tải phát triển, nên ở Hòa An không có tình trạng thất nghiệp, thu nhập của lao động nông thôn khá cao : Giá một ngày công lao động thấp nhất 30 ngàn đồng, và cao nhất tới 80 đến 100 ngàn đồng mà có lúc vẫn thiếu nhân công. Chỉ một nhà máy đánh bóng gạo cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân An đã thu hút đến 150 lao động các loại. Công nghiệp và vận tải phát triển, hàng loạt các dịch vụ và hoạt động thương mại cũng phát triển theo, cơ cấu kinh tế chuyển đổi nhanh theo hướng CNH ; bộ mặt nông thôn đổi mới, đời sống nhân dân được cải thiện rõ nét, không còn hộ đói, giảm nhanh hộ nghèo (năm 2002 chỉ còn khoảng 2 - 3%), số hộ giàu tăng nhanh, mục tiêu xóa đói giảm nghèo được thực hiện tốt.

Tuy nhiên, công nghiệp nông thôn An Giang nói chung ở huyện Chợ Mới nói riêng hoặc điểm sáng Hòa An vẫn còn chưa được

các yếu tố chưa ổn định, trong đó rõ nét nhất là vốn ít, máy móc và thiết bị cũ còn phổ biến, công suất thấp, kỹ thuật lạc hậu, khả năng đầu tư chiều sâu rất hạn chế. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng, nhất là điện và đường bộ ở khu vực nông thôn còn có khoảng cách khá xa so với yêu cầu CNH, HĐH ; trình độ dân trí còn thấp, thị trường trong và ngoài nước vẫn còn nhiều biến động, chưa có sức hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, v.v.

2 - Mô hình phát triển công nghiệp và dịch vụ

Nằm ở vị trí trung tâm vùng ĐBSCL, Cần Thơ là một trong những tỉnh sản xuất lúa gạo hàng hóa nổi tiếng gắn với phát triển công nghiệp và dịch vụ. Sự khởi sắc của Cần Thơ trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế rõ nét nhất là phát triển công nghiệp và dịch vụ. Trong thời kỳ 1996 - 2000, công nghiệp của Cần Thơ tăng trưởng với tốc độ bình quân 15,46%/năm với cơ cấu đa ngành và đa thành phần kinh tế. Đặc điểm của công nghiệp Cần Thơ là gắn với nông nghiệp, thủy sản và lấy công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm làm hướng chính. Sự gia tăng của công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong những năm gần đây và hoạt động của khu công nghiệp Cần Thơ đã góp phần đổi mới cơ cấu sản phẩm và công nghệ, tạo cho công nghiệp Cần Thơ thế và lực mới, tăng trưởng nhanh hơn. Năm 2000 so với năm 1996, tổng doanh lợi tăng gấp đôi, xay xát gạo tăng 25%, đường tăng 2,66 lần, NPK tăng 4,2 lần, xi măng tăng 6,8 lần, v.v.. Tác động của công nghiệp vào nông nghiệp và kinh tế nông thôn ngày càng rõ nét. Công nghiệp nông thôn Cần Thơ chủ yếu là

tiểu thủ công nghiệp với các ngành nghề chế biến lương thực, thực phẩm, gỗ, đóng ghe xuồng, tàu biển, may thêu, đan lát, dệt da... được phục hồi và mở rộng. Đến năm 1996, toàn vùng nông thôn Cần Thơ có 3 200 hộ, 17 000 lao động tham gia sản xuất tiểu thủ công nghiệp, tăng 1 400 hộ và 7 000 lao động so với năm 1992. Chỉ riêng các xã vùng ven thành phố Cần Thơ và huyện Châu Thành đã có hàng trăm cơ sở chế biến, xay xát lúa gạo hoạt động liên tục quanh năm, thu hút hàng chục ngàn lao động vào các khâu bóc vỏ, vận chuyển, đóng gói, phân loại, giao dịch. Các cơ sở chế biến thủy sản của Cần Thơ đã có thị trường ổn định. Năm 1996, giá trị xuất khẩu đạt trên 30 triệu USD, chiếm 25% tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh.

Hoạt động dịch vụ ở nông thôn, đặc biệt là các dịch vụ làm đất, bảo vệ thực vật, thú y, thủy lợi, vận chuyển, cung ứng vật tư, thu gom sản phẩm, tín dụng, ... phát triển mạnh và rộng khắp đến tận xã, ấp, hộ nông dân đã tạo ra những tiền đề chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích cực. Tỷ trọng nông nghiệp giảm từ trên 60% (năm 1991) xuống 53,8% (năm 1995), tỷ trọng công nghiệp tăng từ 13% lên 17,5%, và dịch vụ tăng từ 27% lên 28,7% ; tỷ trọng hộ nông nghiệp trong nông thôn giảm từ 80% xuống 75% trong thời gian tương ứng, thu nhập và đời sống nông dân được cải thiện.

Cũng như An Giang, quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở Cần Thơ cũng còn nhiều mặt hạn chế. Đó là sự phát triển không đều về kinh tế - xã hội giữa các vùng. Cơ sở hạ tầng yếu kém, trình độ dân trí

thấp, đời sống nông dân vùng sâu còn khó khăn. Công nghiệp và dịch vụ nông thôn có phát triển nhưng thiếu định hướng quy hoạch, còn mang nặng tính tự phát. Máy móc, thiết bị chưa đồng bộ, công nghệ lạc hậu, nên chất lượng sản phẩm của công nghiệp nông thôn chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Mức độ đầu tư vốn, khoa học và công nghệ cho công nghiệp và dịch vụ nông thôn chưa tương xứng với tiềm lực và yêu cầu của một tỉnh nông nghiệp trọng điểm và là trung tâm kinh tế của vùng ĐBSCL trong thời kỳ đổi mới và mở cửa. Cán bộ khoa học - kỹ thuật và quản lý có trình độ cao làm việc trực tiếp trên địa bàn nông thôn vừa ít, vừa không đồng bộ, mặc dù Cần Thơ có Trường đại học Cần Thơ, Viện lúa ĐBSCL, Nông trường quốc doanh Sông Hậu là những trung tâm lớn đào tạo, nghiên cứu và thí nghiệm khoa học - kỹ thuật nông nghiệp.

3 - Mô hình gắn công nghiệp và dịch vụ với nông nghiệp hàng hóa

Nông trường Sông Hậu vừa trồng lúa, vừa chế biến lúa gạo, vừa làm chức năng xuất nhập khẩu tổng hợp, trong đó được Chính phủ cho phép xuất khẩu gạo trực tiếp với nước ngoài. Mô hình kinh doanh tổng hợp của Nông trường đã và đang tạo ra những tiền đề và điều kiện để phát triển công nghiệp chế biến nông sản phục vụ xuất khẩu, hình thành chu trình khép kín sản xuất lúa → chế biến đánh bóng gạo → xuất khẩu gạo → nhập vật tư nông nghiệp → sản xuất lúa hàng hóa và lúa giống. Đó là mô hình tiêu biểu của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, một mô hình

liên kết nông + công + thương trên một địa bàn nông thôn. Hiện nay, Nông trường đã có hệ thống kho chứa lúa với sức chứa 77 000 tấn, 8 nhà máy xay xát lúa công suất 350 tấn/ngày, hệ thống đánh bóng gạo công suất 1 500 tấn/ngày, năng lực chế biến gạo xuất khẩu 30 000 tấn/tháng ; một nhà máy sấy lúa lớn và 42 lò sấy lúa thủ công với tổng công suất 900 tấn/ngày. Nông trường có nhà máy nhiệt điện công suất 600 kW để chủ động nguồn năng lượng cho sản xuất công nghiệp. Trong năm 1997, Nông trường đã đầu tư 11 tỉ đồng để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho chế biến gạo xuất khẩu và lắp đặt một dây chuyền đóng đồ hộp tự động. Công nghệ tự động hóa đã được áp dụng vào công nghiệp chế biến nông sản tại nơi sản xuất là nét đặc sắc về CNH, HĐH nông nghiệp. Đây cũng là điểm riêng có của mô hình này. Ngoài sản phẩm chính là lúa gạo xuất khẩu, hiện nay, Nông trường còn có các mặt hàng chế biến khác lấy nguyên liệu ngoài tỉnh như muối, sấy, đóng lọ, đóng hộp rau, quả với 6 phân xưởng sản xuất. Nông trường còn hợp tác với các cơ quan nghiên cứu khoa học để đưa nhanh tiến bộ sinh học vào sản xuất nông nghiệp như sản xuất phân vi sinh, lai tạo giống lúa mới, sản xuất rau sạch, tận dụng đất ven bờ trồng rau, màu, các loại dưa, đậu, gừng, làm nấm rơm xuất khẩu... Nông trường Sông Hậu là một mô hình tốt về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL.

Tiếp tục phát huy lợi thế của vùng sản xuất lương thực, rau quả, thủy sản hàng hóa lớn nhất của cả nước, tăng nhanh diện tích gieo trồng, năng suất và chất lượng đi đôi với

phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản xuất khẩu và dịch vụ. Có thể dự báo đến năm 2010, cơ cấu kinh tế vùng ĐBSCL theo 3 khu vực sẽ là : nông nghiệp 34%, công nghiệp 31% và dịch vụ 35%. Để biến khả năng thành hiện thực, từ nay đến năm 2010 cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau :

Một là : Hoàn thiện quy hoạch tổng thể vùng ĐBSCL phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng và yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng theo Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Trên cơ sở quy hoạch chung, các bộ, ngành Trung ương phối hợp với các địa phương trong vùng điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng tỉnh. Trong quy hoạch tổng thể và cụ thể cần đảm bảo sự đồng bộ giữa các yếu tố vật chất như vốn đầu tư, công nghệ, lao động, thị trường (đầu vào và đầu ra) và cơ chế chính sách. Ưu tiên thỏa đáng cho khu vực II và III để tạo chỗ làm mới, thu hút lao động dư thừa ở khu vực I.

Hai là : Xây dựng và nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật trong vùng, trong đó ưu tiên đường giao thông, cảng biển, nhất là cảng Cần Thơ, điện lưới quốc gia, trường học, thông tin liên lạc, các công trình thủy lợi (hệ thống đê bao, trạm bơm điện), khu dân cư "sống chung với lũ" lâu dài và ổn định. Trong việc xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng, cần thực hiện sự phân cấp rõ ràng và huy động các nguồn vốn, nhất là vốn của các doanh nghiệp, của dân, dành vốn ngân sách và vốn vay cho các công trình lớn như các cầu Rạch Miễu, Cần Thơ. Phương

thức Nhà nước và nhân dân cùng làm được phát huy phù hợp với khả năng từng vùng, từng địa phương.

Ba là : Đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và nâng cao trình độ văn hóa, nghề nghiệp cho người lao động để họ có khả năng tiếp thu kiến thức khoa học, kỹ thuật mới vào sản xuất, nhất là sản xuất công nghiệp và hoạt động dịch vụ. Nội dung và chương trình đào tạo cũng cần được đổi mới, phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động trong vùng ĐBSCL. Chương trình khuyến công, khuyến ngư cần được quan tâm và đầu tư thỏa đáng cùng với khuyến nông để tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

Bốn là : Nâng cấp các trường đại học và viện nghiên cứu hiện có trong vùng để các cơ sở đào tạo và nghiên cứu này đóng góp tích cực hơn nữa cho việc tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở vùng ĐBSCL trong thế kỷ XXI. Nội dung chương trình giảng dạy và nghiên cứu của Đại học Cần Thơ, Đại học An Giang, Viện lúa ĐBSCL, Viện Cây ăn quả miền Nam... cũng cần được cải tiến theo hướng tăng thêm các ngành học về kinh tế vĩ mô, công nghiệp, thương mại, du lịch cho phù hợp với yêu cầu CNH, HĐH và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng. Phương châm kết hợp lý thuyết với thực hành của các trường, viện nghiên cứu cần được mở rộng, trước hết ở các mô hình mới về CNH, HĐH trong vùng ĐBSCL. □

Cần có các quy định cho doanh nghiệp nhà nước trong việc thực hiện **LUẬT CẠNH TRANH**

LÊ VĂN HUNG *

CẠNH tranh là một hiện tượng gắn liền với kinh tế thị trường. Thực tiễn nhiều nước đã chứng minh, nếu được kiểm soát tốt, cạnh tranh mang lại nhiều lợi ích cho nền kinh tế, cho công chúng tiêu dùng, vì họ có thể hưởng những dịch vụ với giá rẻ hơn và chất lượng tốt hơn. Có nhiều cách hiểu khác nhau về cạnh tranh, song tựu trung lại, có thể quan niệm: Cạnh tranh là việc các nhà kinh doanh sử dụng những phương thức khác nhau để giành ưu thế thương trường về mình so với các đối thủ khác. Cạnh tranh là quá trình nhà kinh doanh "giành" lấy khách hàng cho mình bằng cách cung cấp những điều kiện tốt hơn so với đối thủ về giá cả, chất lượng hoặc các dịch vụ hỗ trợ khác. Pháp luật về cạnh tranh xuất hiện từ khá lâu. Công ước Pa-ri (1883) được ghi nhận là văn bản pháp lý đầu tiên đề cập đến khái niệm cạnh tranh thông qua việc quy định những hành vi cạnh tranh bất chính và biện pháp xử lý chúng. Hiện nay, ở hầu khắp các nước có nền kinh tế thị trường đều đã có Luật Cạnh tranh. Các nước có nền kinh tế chuyển đổi như Cộng hòa Liên bang Nga,

Trung Quốc,... cũng đã lần lượt ban hành Luật Cạnh tranh.

Có nhiều tiêu chí khác nhau để phân loại các hình thức cạnh tranh. Căn cứ vào mức độ chi phối của nhà nước, có *cạnh tranh tự do và cạnh tranh có sự điều tiết của nhà nước*.

Cạnh tranh tự do là hình thức cạnh tranh trên

cơ sở nền kinh tế phát triển tự do, không có sự can thiệp của Nhà nước. Giá cả chịu sự chi phối hoàn toàn của thị trường.

Cạnh tranh có sự điều tiết của nhà nước là hình thức cạnh tranh diễn ra trong một nền kinh tế có sự điều tiết của Nhà nước thông qua một số công cụ quản lý như pháp luật, chính sách tài chính, thuế...

Căn cứ vào mức độ chi phối của doanh nghiệp đối với thị trường, có cạnh tranh hoàn hảo và cạnh tranh không hoàn hảo.

Cạnh tranh hoàn hảo là hình thức cạnh tranh trong đó giá cả hàng hóa không bị chi phối bởi yếu tố nào khác ngoài quy luật cung - cầu. Không một nhà kinh doanh nào đủ lớn để có thể tác động đến giá cả trên thị trường.

Cạnh tranh không hoàn hảo là hình thức cạnh tranh trong đó có một số nhà kinh doanh đủ lớn có thể chi phối giá cả trên thị trường. Đây là sự manh nha của hình thức độc quyền sau này.

* ThS, Trường khoa Luật, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ tính chất và các phương thức mà nhà kinh doanh sử dụng, nên có thể là cạnh tranh lành mạnh hoặc cạnh tranh không lành mạnh.

Cạnh tranh lành mạnh là hình thức cạnh tranh hoàn toàn dựa trên những phương pháp hợp pháp và hợp đạo đức kinh doanh ; không có những thủ đoạn, những hành vi gian dối, tiêu diệt lẫn nhau.

Cạnh tranh không lành mạnh là hình thức cạnh tranh, theo đó, một số nhà kinh doanh sử dụng các thủ đoạn gian dối, hối lộ, ăn cắp độc quyền sở hữu công nghiệp... nhằm giành phần thắng về mình và loại trừ đối thủ cạnh tranh.

Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh có tác động tích cực và tiêu cực :

- **Tác động tích cực :**

. Đáp ứng thị hiếu và nhu cầu người tiêu dùng ở mức cao nhất.

. Đảm bảo cho người tiêu dùng được thỏa mãn yêu cầu cao hơn, với giá cả rẻ nhất.

. Khuyến khích nhà kinh doanh tích cực áp dụng công nghệ mới nhằm giảm chi phí, hạ giá thành, bán sản phẩm rẻ hơn.

. Từ ba yếu tố trên dẫn đến sự tăng trưởng nhanh, liên tục của nền kinh tế.

- **Tác động tiêu cực :**

. Nhà kinh doanh vì lợi nhuận nên bằng mọi cách thu hút khách hàng, do vậy có thể áp dụng những hành vi cạnh tranh không lành mạnh như : đầu cơ, phá giá, làm hàng giả, hàng kém phẩm chất.

. Cạnh tranh dẫn đến phá sản các doanh nghiệp yếu, đưa đến những gánh nặng cho nhà nước như thất nghiệp, các tệ nạn khác.

. Cạnh tranh thường dẫn đến việc một số doanh nghiệp ngày càng mạnh lên, độc chiếm thị trường và trở thành độc quyền.

Dù còn một số dị biệt song nhìn chung Luật Cạnh tranh của các quốc gia đều có một số nội dung về cơ bản thống nhất như sau :

- Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với Hội nghề nghiệp và giữa các Hội nghề nghiệp bằng văn bản, bằng lời nói hoặc bằng các hình thức khác nhằm tạo ra các rào cản gây hạn chế cạnh tranh trên thị trường.

- Địa vị thống lĩnh thị trường và vị trí độc quyền của một hay một nhóm doanh nghiệp nhằm khai thác một cách thái quá sức mạnh thị trường cốt mưu đạt một trong các mục đích : hạn chế cạnh tranh của các doanh nghiệp khác hoặc loại bỏ đối thủ, thu lợi bất chính.

- Tập trung quyền lực kinh tế bằng cách hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

Pháp luật cạnh tranh cấm trường hợp tập trung kinh tế bằng các hình thức trên để tạo ra hoặc tăng cường vị trí thống lĩnh hay vị trí độc quyền của doanh nghiệp và hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường (trừ trường hợp sự tập trung đó là nhằm tạo ra lợi ích thiết thực cho nền kinh tế và lợi ích đó phải lớn hơn lợi ích tạo ra từ vị trí thống lĩnh hay vị trí độc quyền).

- Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh như : từ chối giao dịch một cách bất hợp lý, giả mạo chỉ dẫn thương mại, xâm phạm bí mật kinh doanh, gièm pha đối thủ kinh doanh, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa nhân viên của đối thủ cạnh tranh, bán phá giá, quảng cáo gian dối, khuyến mãi không lành mạnh, v.v..

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong nhiều năm dưới thời kỳ bao cấp mang một đặc trưng cơ bản là sự can thiệp của Nhà nước vào hoạt động của doanh nghiệp thông qua hệ thống các chỉ tiêu pháp lệnh mang tính

hoạch định sẵn từ cơ quan nhà nước trung ương. Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, mức độ độc quyền có giảm đi nhưng nhìn chung vẫn còn. Mặt khác, do chưa có sự phân định rõ ràng giữa độc quyền nhà nước và độc quyền doanh nghiệp, nên doanh nghiệp nhà nước (DNNN) được trao quá nhiều quyền hạn, vô hình chung dẫn đến tình trạng độc quyền. Tuy nhiên, nếu phân tích kỹ, ta có thể thấy tính chất độc quyền của doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam mang một số đặc điểm như sau :

- Độc quyền của DNNN được hình thành trên cơ sở các quyết sách mang tính hành chính - kinh tế của Nhà nước chứ không phải là kết quả của quá trình cạnh tranh như quy luật vốn có của nó. Tính chất độc quyền của DNNN không phản ánh năng lực nội tại của doanh nghiệp mà là do tác động ngoại lai. Vì vậy, tính chất độc quyền của DNNN thường đi liền với tính cửa quyền (vốn xa lạ với hoạt động kinh doanh), biểu hiện trì trệ kém hiệu quả, thua lỗ triền miên, khả năng thích nghi và chuyển đổi kịp với những đòi hỏi của cơ chế mới rất kém.

- Nhiều tổng công ty nhà nước được hình thành không phải trên cơ sở tự nguyện của các doanh nghiệp thành viên nhằm liên kết tạo thế mạnh trong kinh doanh mà là do những quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, sự gắn kết trong tổng công ty rất kém, lỏng lẻo, cục bộ... ; mặt khác, sự liên kết các doanh nghiệp dựa trên tính chất ngành nghề, vì vậy dễ dẫn đến tình trạng độc quyền bao trùm toàn bộ nền kinh tế. Ngoài ra DNNN còn được hưởng một số ưu đãi của Nhà nước về vốn, tài chính, giá cả v.v. Điều này làm cho sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế - vốn là một điều kiện cơ bản của luật

cạnh tranh - trở nên khó thực hiện. Các ưu đãi này mới thoát nhìn có vẻ như là thế mạnh của DNNN, song về lâu dài sẽ làm nảy sinh tâm lý ỷ lại, dựa dẫm vào Nhà nước và làm cho DNNN gặp nhiều khó khăn khi bao cấp của Nhà nước không còn.

- Với đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta với sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế tư nhân ngày càng giữ một vai trò quan trọng, đòi hỏi Nhà nước phải ban hành Luật Cạnh tranh, nhằm tạo môi trường thuận lợi cho mọi đối tượng vừa cạnh tranh vừa hợp tác phát triển. Tuy nhiên, phải nhìn nhận là khi ban hành luật cạnh tranh với những đặc thù về nội dung của nó như đã nói, Nhà nước phải giải quyết một mâu thuẫn là xây dựng vị thế chủ đạo của kinh tế nhà nước nhưng trong sự bình đẳng với các thành phần kinh tế khác. Bởi vậy, phải có luật cạnh tranh để tạo "sân chơi" bình đẳng giữa các doanh nghiệp, mặt khác, phải dành một số ưu đãi đặc thù cho DNNN nhằm thực hiện có hiệu quả những chính sách kinh tế - xã hội, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

Chúng tôi cho rằng, để giải quyết mâu thuẫn này, khi xây dựng Luật Cạnh tranh, cần chú ý giải quyết những vấn đề sau :

- Một là, về tên gọi của luật, nên sử dụng tên gọi của luật sắp ban hành là "Luật Cạnh tranh và Kiểm soát độc quyền". Ở đây, độc quyền tự bản thân nó không phải hoàn toàn xấu, nếu độc quyền đó là sự cần thiết vì những lợi ích lớn hơn ở cấp độ vĩ mô. Khái niệm "kiểm soát độc quyền" cho thấy khả năng tồn tại độc quyền trong một số ngành, lĩnh vực cần thiết, nhưng đây là sự độc quyền chủ động, có cân nhắc, tính toán và có phương thức thực hiện độc quyền đúng đắn.

Giữ độc quyền trong quá nhiều lĩnh vực vì độc quyền rất dễ dẫn đến những sự dựa dẫm, kinh doanh kém hiệu quả. Mặt khác, càng ít lĩnh vực độc quyền, Nhà nước càng dễ kiểm soát hơn.

Hai là, cần phân biệt rõ độc quyền nhà nước và độc quyền doanh nghiệp. Tùy thuộc vào các yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, kinh tế tại từng thời kỳ, Nhà nước có quyền ấn định những ngành, lĩnh vực mà Nhà nước giữ độc quyền. Đó là những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Phương thức thực hiện độc quyền nhà nước cũng cần thay đổi. Trước đây, độc quyền nhà nước đồng nhất với độc quyền doanh nghiệp. Điều này có nghĩa là sẽ có một số doanh nghiệp nhà nước được hưởng những ưu đãi đặc biệt so với các doanh nghiệp khác. Nay cần phải điều chỉnh lại theo hướng : Nhà nước giữ độc quyền nhưng có thể cho phép nhiều doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau tham gia nhưng phải tuân theo những quy định đặc thù của Nhà nước. Điều này tạo khả năng cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong việc thực hiện đơn đặt hàng của Nhà nước thông qua đấu thầu công khai. Nhà nước độc quyền một số lĩnh vực nhưng Nhà nước không tự mình lập các doanh nghiệp để thực hiện độc quyền, mà chỉ ban hành các chuẩn mực, quy tắc, yêu cầu để bất kỳ doanh nghiệp nào, nếu có đủ điều kiện đều có thể tham gia. Đây chính là cách tốt nhất để giải quyết hai yêu cầu vốn mâu thuẫn nhau về bản chất : cạnh tranh và độc quyền.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX cũng chỉ rõ vấn đề này : Bảo hộ cần thiết, có điều kiện đối với những ngành, lĩnh vực, sản phẩm quan trọng. Thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực cần thiết, nhưng không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp. Xóa bỏ

cấp, đồng thời có chính sách đầu tư đúng đắn và hỗ trợ phù hợp đối với những ngành, lĩnh vực sản phẩm cần ưu tiên phát triển.

Ba là, vấn đề lợi ích quốc gia trong quan niệm và đối xử với DNNN khi thực thi "Luật Cạnh tranh và Kiểm soát độc quyền". Ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi giống Việt Nam (như Nga, Trung Quốc...), khi xây dựng Luật Cạnh tranh họ cũng thường áp dụng một số miễn trừ đối với DNNN trong một số lĩnh vực để bảo đảm lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, xu hướng chung là ngày càng giảm dần tính đặc miễn này. Pháp luật về cạnh tranh của Việt Nam không nhất thiết phải lặp lại điều đó ; song cũng cần lưu ý về những "mẫu số chung" mà pháp luật cạnh tranh nào cũng phải tuân thủ. Trong một số lĩnh vực độc quyền ở nước ta hiện nay, các DNNN buộc người tiêu dùng phải sử dụng hàng hóa, dịch vụ của họ với giá cao, được ấn định trước và không có những lời giải thích hợp lý về cơ cấu giá. Thậm chí, các DNNN này còn tính cả những tổn thất trong khâu lưu thông (như tổn thất trong dẫn nước, dẫn điện...)

Chúng tôi cho rằng, mục đích sâu xa của việc nắm giữ độc quyền của Nhà nước cũng là nhằm hướng đến lợi ích của nhân dân. Vì vậy, song song với chế định đặc thù của DNNN trong luật cạnh tranh, cần phải có những quy định khác ràng buộc hoạt động của DNNN, cải tiến quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và tham gia thị trường với chất lượng phục vụ tốt hơn. Đây là điều rất cần thiết nhằm từng bước trang bị cho DNNN khả năng tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế, sắp tới là gia nhập AFTA và WTO. Tư tưởng này đã được quán triệt tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa IX. Vấn đề đặt ra là, nhanh chóng vận dụng tư tưởng của

Nghị quyết để ban hành các văn bản pháp luật nhằm tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của DNNN.

Bốn là liên quan đến hoàn thiện việc cạnh tranh cần phải chú ý vấn đề cạnh tranh giữa các DNNN. Nền kinh tế thị trường ở Việt Nam có một số đặc thù so với các nước : Nó thoát thai từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, với thành phần kinh tế chủ yếu là DNNN và nó đã phát triển về số lượng trong hầu khắp các ngành, lĩnh vực, các địa phương. Do vậy, khi chuyển sang kinh tế thị trường, hiện tượng cạnh tranh giữa các DNNN là tất yếu. Mặt khác, nhiều tổng công ty của chúng ta hình thành theo kiểu số cộng các DNNN hiện hữu (cùng ngành hoặc cùng một địa bàn) ; nên sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thành viên là một điều không thể tránh khỏi. Về nguyên tắc chung, cạnh tranh giữa các DNNN mang lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng và cho cả chính doanh nghiệp (qua việc cải tiến công nghệ, quản lý...). Tuy nhiên, mặt trái của cạnh tranh cũng không thể không tính đến là do lợi ích cục bộ hoặc do sử dụng các hình thức cạnh tranh không lành mạnh, dẫn đến có thể gây thiệt hại cho một bộ phận DNNN ; và xét trên tổng thể, cũng là thiệt hại chung cho kinh tế nhà nước.

Vì vậy, chúng tôi cho rằng, cần phải xử lý tính chất đặc thù của DNNN trong môi trường cạnh tranh, có thể bằng một chế định riêng trong luật hoặc một số quy định mang tính ngoại lệ đối với các loại hành vi cạnh tranh. Điều này sẽ đảm bảo vừa có một "luật chơi" chung cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, vừa đảm bảo thực hiện vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. □

Mấy suy nghĩ về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng hiện nay

NGUYỄN BÁ DƯƠNG*

ĐẢNG ta luôn khẳng định, công tác tư tưởng có vai trò đặc biệt, là một trong những lĩnh vực trọng yếu trong công tác lãnh đạo, tuyên truyền, giáo dục, động viên và tổ chức nhân dân thực hiện nhiệm vụ cách mạng ở mọi thời kỳ. Công tác tư tưởng, với ý nghĩa là hoạt động lãnh đạo của Đảng nhằm nâng cao ý thức tự giác cách mạng của con người, chủ động, sáng tạo tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do vậy, Đảng ta luôn đề cao và coi trọng công tác tư tưởng, coi đây là vũ khí sắc bén trong hoạt động cách mạng, là bộ phận trực tiếp xây dựng, củng cố và phát triển Đảng. Trong điều kiện hiện nay, thế giới có nhiều biến động tác động mạnh mẽ đến tình hình tư tưởng của cán bộ và nhân dân nước ta khá phức tạp, do đó, công tác tư tưởng càng trở nên đặc biệt quan trọng. Công tác tư tưởng sẽ góp phần tích cực xây

* TS. Chủ nhiệm bộ môn Lịch sử Triết học, khoa Triết học, Học viện Chính trị quân sự

dựng Đảng vững mạnh về chính trị, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đảng ta đã có nhiều Nghị quyết chỉ đạo công tác tư tưởng ; đề cập đến những vấn đề cơ bản của công tác tư tưởng. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX ra Nghị quyết "Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới". Đây là định hướng quan trọng về nội dung, phương hướng, biện pháp công tác tư tưởng ở nước ta hiện nay.

Nhìn lại công tác tư tưởng của chúng ta trong những năm qua đã có nhiều tiến bộ, góp phần tích cực vào sự nghiệp đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoạt động tư tưởng được đẩy mạnh hơn bằng nhiều biện pháp, trên nhiều lĩnh vực, thu hút nhiều đối tượng tham gia, nhờ đó đã góp phần quan trọng vào việc củng cố và tăng cường sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta ; sự nhất trí cao giữa ý Đảng với lòng dân. Công tác tư tưởng giúp cho cán bộ, đảng viên có nhận thức đúng đắn và sâu sắc hơn về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đồng tình với chủ trương, đường lối của Đảng, ra sức phấn đấu để đưa đất nước sớm thoát khỏi đói nghèo, chậm phát triển. Qua khó khăn, thử thách, phần đông cán bộ, đảng viên vẫn giữ vững phẩm chất đạo đức trong sáng, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của mình. Rõ ràng công tác tư tưởng đã góp phần quan trọng giúp chúng ta đạt được mức tăng trưởng và sự ổn định, phát triển kinh tế - xã hội như hiện nay. Những thành

tựu của công cuộc đổi mới hơn 15 năm qua đã củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Bên cạnh những mặt tích cực, tiến bộ nêu trên, công tác tư tưởng của chúng ta thời gian qua vẫn còn nhiều bất cập. Đó là tình hình tư tưởng, tâm trạng ở một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn thiếu phần khởi ; niềm tin vào thắng lợi của công cuộc đổi mới ở một số người chưa thật vững chắc. Những tiêu cực và tệ nạn xã hội có lúc, có nơi còn nghiêm trọng, là nguy cơ lớn đối với sự ổn định và tiến bộ xã hội. Hiện nay, nền kinh tế nước ta có mức tăng trưởng khá nhưng chưa thật vững chắc. Điều đó ảnh hưởng đến việc giải quyết các vấn đề xã hội và có tác động đến diễn biến tư tưởng của nhân dân. Tâm trạng xã hội còn nhiều nỗi lo : lo tụt hậu thua kém, yếu thế trong cạnh tranh với nước ngoài ; lo thất nghiệp tăng ; lo giá các loại sản phẩm hàng hóa, nhất là nông phẩm và thủy sản sút giảm, nhiều loại cây trồng được mùa nhưng giá rẻ, hoặc không tiêu thụ được. Trong nội bộ cán bộ, đảng viên có biểu hiện thiếu phần khởi trước những tiêu cực và tệ nạn xã hội chậm được khắc phục. Lo lắng vì một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống thể hiện cơ hội chính trị, hữu khuynh, quan liêu, mất dân chủ, cá nhân chủ nghĩa, cục bộ địa phương ; bệnh hình thức và hiện tượng chạy chức, chạy quyền diễn ra ở nhiều nơi, nhiều cấp. Tình trạng thiếu kỷ cương, mất dân chủ tuy có giảm bớt nhưng vẫn là những vấn đề bức xúc, gây ảnh hưởng đến tâm tư cán bộ, đảng viên, nhân dân, làm nảy sinh tâm trạng thiếu phần khởi trong nội bộ, làm tổn hại đến danh dự, uy tín của Đảng, như đã nêu.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cũng còn diễn biến phức tạp ở một vài nơi, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Cá biệt vẫn có người bắn khoả về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, sùng ngoại, choáng ngợp chủ nghĩa tư bản hiện đại tiếp thu lối sống thực dụng. Một số người mê tín dị đoan, hoặc cả tin vào các tín điều tôn giáo. Có người vô tình hoặc hữu ý bị bọn phản động lợi dụng ngấm ngầm hoặc công khai tuyên truyền quan điểm sai trái, xuyên tạc, chống đối đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta. Có người lợi dụng dân chủ khiêu kiện vượt cấp gây nên bất ổn định ở một số địa phương. Trước tình hình phức tạp nêu trên, công tác tư tưởng của Đảng đã có nhiều cố gắng trong đấu tranh chống tiêu cực, định hướng tư tưởng cho nhân dân đạt được những kết quả đáng khích lệ. Nhưng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng ở nhiều nơi còn chưa đồng bộ, trình độ chưa ngang tầm đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng. Chưa đáp ứng những yêu cầu của tình hình mới. Còn lúng túng trước những tình huống phức tạp nảy sinh cần giải quyết. Đặc biệt là còn thiếu đội ngũ cán bộ có nhiều kinh nghiệm, say mê, nhiệt tình, sáng tạo làm công tác tư tưởng. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác tư tưởng tuy đã được tăng cường, song vẫn có hiện tượng chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng, hiệu quả chưa cao. Phương pháp tuyên truyền giáo dục tư tưởng, chính trị chưa thật sự đổi mới, còn giáo điều, kinh viện, khô khan, kém hấp dẫn. Các tác phẩm có giá trị về tư tưởng, lý luận cao chưa nhiều. Vì thế chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng còn nhiều hạn chế, chưa thật vững chắc.

Những vấn đề nêu trên có nhiều nguyên nhân, song, nguyên nhân chủ quan vẫn là chính. Sự yếu kém buông lỏng trong quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên làm cho số cán bộ, đảng viên thiếu ý chí vươn lên, lười học, ngại phấn đấu, không có chí tiến thủ. Cơ chế, chính sách, pháp luật có những điểm chưa phù hợp, thực hiện không nghiêm, thiếu nhất quán. Việc giáo dục ý thức hệ, giáo dục kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội chưa có chiều sâu, chất lượng không cao, chưa thật bám sát tình hình đặc điểm từng đối tượng; chưa bám sát yêu cầu, nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng để có nội dung thích hợp. Nhiều cấp lãnh đạo chưa quan tâm đến công tác tư tưởng, còn coi nhẹ, làm cũng được, không làm cũng được, dành sự đầu tư chính cho làm ăn kinh tế. Đảng, Nhà nước chưa có cơ chế, chính sách hợp lý, đồng bộ để phát huy sức mạnh tổng hợp của các binh chủng làm công tác tư tưởng.

Trong những hạn chế, yếu kém kể trên, có mặt có thể khắc phục ngay, có mặt phải có thời gian mới dần dần khắc phục được. Song, công tác tư tưởng là công tác rất sáng tạo nên phải có sự đổi mới liên tục để nâng cao chất lượng, hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng. Nội dung chủ yếu của công tác tư tưởng hiện nay là nghiên cứu, quán triệt sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước mà trước hết là Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX. Từ nội

dung này, trọng tâm việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tư tưởng là làm cho cán bộ, đảng viên, toàn dân và toàn quân nhất trí, tin tưởng sâu sắc vào các quan điểm, đường lối, nhiệm vụ cách mạng, các quyết sách của Đảng. Việc tuyên truyền các nghị quyết của Đảng không chỉ dừng ở việc thuyết minh, giới thiệu mà phải thông qua chương trình hành động cụ thể của các cấp ủy đảng và chính quyền.

Để tạo nên sự thống nhất tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức chiến đấu của công tác tư tưởng trong giai đoạn cách mạng mới, chúng ta cần tập trung vào một số việc chính sau :

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với công tác tư tưởng trong tình hình mới

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác tư tưởng. Người luôn luôn chỉ đạo và trực tiếp làm công tác tư tưởng, công tác vận động quần chúng. Người khẳng định rõ, công tác tư tưởng là của toàn Đảng. Do vậy, muốn công tác này thực sự đạt hiệu quả sâu rộng thì toàn bộ đội ngũ cán bộ, đảng viên phải trực tiếp, tự giác và tích cực tham gia. Đảng ta nhận thức sâu sắc rằng, công tác tư tưởng có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tạo ra sự thống nhất cao về ý chí và hành động trong Đảng và toàn dân, quyết tâm đưa nghị quyết vào thực hiện trong cuộc sống. Điều đó thể hiện rõ sự đổi mới phong cách lãnh đạo của Đảng, nhất là những đổi mới trong cách ra nghị quyết, tuyên truyền và đưa nghị quyết vào cuộc sống. Đảng ta đã có rất nhiều nghị

quyết bàn về công tác tư tưởng trong những năm qua. Có thể thấy rằng, các nghị quyết Trung ương trước đây, cũng như hiện nay bàn về công tác tư tưởng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, có tính hệ thống trong việc đưa Cương lĩnh, đường lối, nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, các cấp ủy đảng và từng cán bộ, đảng viên đặc biệt quan tâm thường xuyên tổng kết thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm, giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ, đảng viên. Tiếp tục đổi mới phong cách lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, khẩn trương bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy chế làm việc của các cơ quan, bộ máy làm công tác tư tưởng. Các cấp ủy đảng và mỗi cán bộ, đảng viên làm công tác tư tưởng phải tiếp tục đổi mới phong cách, lề lối làm việc, có những đóng góp cụ thể, thiết thực vào công việc hoạch định, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Thứ hai, đổi mới phương thức công tác tư tưởng, mở rộng dân chủ, giữ vững định hướng chính trị trong công tác tư tưởng

Để công tác tư tưởng đạt hiệu quả, phục vụ tốt nhiệm vụ trọng tâm công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần tích cực đổi mới phương thức hoạt động của công tác tư tưởng ; nhạy bén hơn, sinh động hơn và có hình thức phù hợp hơn. Tăng cường đối thoại với nhân dân, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong công tác

tư tưởng. Xuất phát từ tình hình thực tiễn, giải quyết kịp thời những vướng mắc về nhận thức tư tưởng, không để tồn đọng gây tâm trạng nặng nề, ảm ức trong nhân dân. Huy động toàn dân làm công tác tư tưởng thực hiện sự liên kết rộng lớn trong việc gắn công tác tư tưởng với các công tác khác. Quá trình làm công tác tư tưởng, tôn trọng việc đi sâu nghiên cứu, tìm ra chân lý, bảo vệ chân lý. Muốn vậy cần đoàn kết, thân ái, dân chủ, cởi mở, bình đẳng và có nguyên tắc, tránh áp đặt, định kiến, quy chụp. Trong thảo luận khuyến khích tự do phát biểu ý kiến cá nhân, ngay cả những ý kiến chưa thật thống nhất, nhưng phải có động cơ đúng, xây dựng và thống nhất trong hành động khi thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thứ ba, đẩy mạnh nghiên cứu tổng kết thực tiễn

Tư tưởng là sự phản ánh ý nghĩ của con người về những vấn đề của đời sống xã hội. Công tác tư tưởng phải xuất phát từ thực tiễn cuộc sống xã hội tác động làm nảy sinh tư tưởng của con người. Nhiệm vụ của các cấp ủy đảng và người làm công tác tư tưởng thường xuyên đi sâu nghiên cứu thực tiễn để nhận rõ những yếu tố tác động đến tư tưởng quần chúng ; tìm ra những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành tư tưởng trong đời sống thực tiễn hằng ngày. Các cơ quan, cán bộ, đảng viên làm công tác tư tưởng phải coi nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn là nhiệm vụ thường xuyên của mình. Nếu người làm công tác tư tưởng chưa đủ căn cứ khoa học phân tích sáng rõ các vấn đề làm nảy sinh tư tưởng thì khó thuyết

phục được người khác. Nghiên cứu thực tiễn còn có tác dụng giúp người làm công tác tư tưởng truyền đạt đường lối của Đảng một cách sắc bén và thuyết phục. Tổng kết thực tiễn là phương pháp cơ bản để đúc kết, khái quát lý luận nâng cao nhận thức ; là cách thức để khắc phục chủ nghĩa giáo điều, sự yếu kém, lạc hậu, xa rời thực tiễn. Công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là thực tiễn lớn nhất để chúng ta tổng kết. Qua tổng kết "mắt thấy, tai nghe, tay làm" mà bổ sung, sửa đổi, đưa đường lối, nghị quyết của Đảng vào cuộc sống và góp phần đưa cuộc sống vào nghị quyết.

Thứ tư, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác tư tưởng ngang tầm nhiệm vụ mới

Công tác tư tưởng là sự nghiệp của toàn Đảng, song người trực tiếp phụ trách là đồng chí bí thư và các cấp ủy đảng. Tuy nhiên, người giữ vai trò nòng cốt ở mặt trận này là đội ngũ cán bộ, đảng viên chuyên làm công tác tư tưởng. Do vậy, chúng ta đầu tư công sức đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng đủ về số lượng, đa dạng về loại hình, ngành nghề, mạnh về chất lượng, bao gồm những người có lập trường kiên định, vững vàng, có trình độ chính trị và kiến thức chuyên môn cơ bản, luôn luôn sáng tạo, giàu tâm huyết, trí tuệ, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn và nghiệp vụ, có đạo đức, phẩm chất, nhiệt tình, say mê công tác, gắn bó mật thiết với nhân dân, với đời sống xã hội. Đây vừa là yêu cầu cấp bách, vừa là giải pháp cơ bản lâu dài để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng hiện nay. □

NƯỚC ta có nhiều sông ngòi, kênh rạch, lại có đường biển ven bờ rất dài. Đó là hệ thống đường thủy nội địa (ĐTNĐ), nếu chúng ta biết khai thác, sử dụng tốt sẽ trở thành một nguồn lực quan trọng trong quá trình phát triển, hướng tới mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nâng cao năng lực dịch vụ xã hội của giao thông vận tải đường thủy nội địa

NGÔ XUÂN SON*

Từ xưa, khi đường bộ, đường sắt và các loại hình giao thông vận tải khác chưa phát triển, nhân dân ta đã biết lợi dụng các dòng sông tự nhiên vào mục đích vận chuyển và đi lại. Ngày nay, nhờ ứng dụng những tiến bộ của khoa học - kỹ thuật, nhiều loại hình giao thông vận tải thuận lợi và đạt được tốc độ cao. Tuy vậy, giao thông vận tải ĐTNĐ vẫn không hề bị giảm đi mà qua thực tiễn nó đóng vai trò không thể thiếu trong nền kinh tế, bởi tính ưu trội đặc biệt của loại hình này :

Trước hết, về lợi ích kinh tế, chi phí vận tải của ĐTNĐ ở mức thấp nhưng hiệu quả lại đạt giá trị cao. Tính ra, việc chi phí năng lượng cho vận chuyển ĐTNĐ Việt Nam chỉ bằng 1 phần 4 so với đường bộ và 1/15 đến 1/20 so với đường hàng không. Ở các nước châu Âu, giá vận chuyển ĐTNĐ cũng chỉ bằng 30% của vận chuyển đường sắt.

Thứ hai, về đầu tư tài chính để xây dựng, thiết lập một tuyến vận tải ĐTNĐ ít tốn kém hơn. Nếu so sánh việc xây dựng một tuyến ĐTNĐ với đường sắt và đường bộ có năng lực vận tải tương ứng, thì mức đầu tư đối với đường thủy chỉ mất 30%. Lợi thế này sẽ giúp cho các doanh nghiệp dễ dàng hơn khi phải tìm lời giải về hiệu

quả kinh tế từ việc đầu tư tài chính. Đây cũng là một cơ hội làm tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm vận tải ĐTNĐ ở mức cao hơn. Theo số liệu thống

kê trong 10 năm cuối thế kỷ XX, về giá trị đầu tư xây dựng cơ bản giao thông ĐTNĐ hằng năm chỉ bằng 1,16% giá trị của toàn ngành giao thông vận tải, nhưng tỷ trọng hàng hóa luân chuyển nội địa lại đạt từ 25 - 30% tổng lượng hàng hóa. Suất đầu tư cho vận tải 1 tấn hàng hóa/km của các loại hình vận tải như sau : đường sông là 37,5 đ/tấn km ; đường sắt 128,5 đ/tấn km ; đường biển 22,2 đ/tấn km và đường bộ là 2 023 đ/tấn km⁽¹⁾. Điều đó cho thấy vị trí và hiệu quả cao về kinh tế của giao thông ĐTNĐ khiến chúng ta cần quan tâm, nhất là trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay.

Thứ ba, vận tải ĐTNĐ có khả năng vận chuyển các loại hàng hóa siêu trường, siêu

* TS, Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam

(1) Nguồn : *Niên giám thống kê 1990 - 2000* của Tổng cục Thống kê

trọng và trên thực tế các phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ hoặc đường hàng không không thể đảm đương được. Ở những dòng sông có mực nước sâu cho phép thì lưu lượng, năng lực vận tải thông qua có thể đạt được một khối lượng lớn. Ngược lại, việc chi phí cho duy tu luồng lạch và cảng bến lại thấp hơn nhiều so với các loại hình vận tải khác.

Thứ tư, do địa hình của nước ta không thuần nhất, nhiều vùng sâu, vùng xa hiểm trở, nhất là vùng đầu nguồn các con sông lớn nên giao thông đường bộ và đường sắt không thể đến được. Do vậy chỉ có thể nhờ vận tải đường thủy theo các luồng lạch của sông mà đi sâu vào nội địa. Hiện nay, trong 61 tỉnh, thành phố của cả nước chỉ có 12 tỉnh là không có đường thủy. Nếu khai thác tốt ưu thế này, vận tải ĐTNĐ không những đem lại hiệu quả kinh tế to lớn mà còn thúc đẩy sự giao lưu nhiều mặt, có ý nghĩa về văn hóa - xã hội và xóa dần ranh giới cách biệt giữa các vùng, miền trong nước.

Cuối cùng, tính ưu trội của giao thông ĐTNĐ là sự bảo đảm an toàn hơn cho môi trường, ít bị ô nhiễm bởi chất thải của khói bụi và tiếng ồn, khắc phục được những bất cập trong lưu thông mà vận tải đường bộ và đường sắt thường xảy ra.

Trong những năm qua, vận tải ĐTNĐ là lĩnh vực phát triển rất sôi động và đã đạt được sự tăng trưởng cao. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách hàng năm tăng 9,4%, đứng thứ hai toàn ngành, chỉ sau vận tải đường bộ. ĐTNĐ vùng kinh tế trọng điểm ở cả ba miền : ở Bắc bộ gồm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh ; ở miền Trung gồm Thừa thiên - Huế - Đà Nẵng -

Quảng Nam - Quảng Ngãi và miền Nam là Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Rịa - Vũng Tàu - Đồng Nai. Vùng trọng điểm kinh tế phía Bắc và phía Nam, vận tải ĐTNĐ chiếm giá trị 46,36% GDP của ngành công nghiệp và 66,7% GDP giá trị dịch vụ của cả nước.

Sự phát triển toàn diện của vận tải ĐTNĐ được thể hiện cả ở "chất" và "lượng". Ngoài các loại hàng hóa truyền thống là than, vật liệu xây dựng, lương thực và phân bón, các chủng loại hàng hóa khác cũng được khai thác vận tải trong ĐTNĐ như nông sản, hàng bách hóa, sắt thép cấu kiện và hàng có kích cỡ, trọng lượng lớn ; tham gia trung chuyển vận tải và xếp dỡ hàng từ tàu biển và hàng xuất nhập khẩu... Nhờ có các chủ trương chính sách phù hợp của Đảng và Nhà nước, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ của tập thể và tư nhân đã mạnh dạn đầu tư mua sắm và đóng mới phương tiện tàu tự hành có trọng tải từ 50 - 300 tấn và các tàu tự hành vận tải pha sông - biển 600 - 1 000 tấn. Các công ty lớn đưa vào khai thác các đoàn tàu đẩy trọng tải từ 1 600 lên 2 000 tấn... Chỉ tính riêng năm 2001, các doanh nghiệp đã đóng mới 100 000 tấn phương tiện chở hàng và 20 000 ghế hành khách. Theo thống kê của ngành, đến đầu năm 2002, tổng số phương tiện vận tải thủy có 75 300 chiếc với 2 410 000 tấn phương tiện và 232 900 ghế hành khách. Điều đáng chú ý là khối lượng phương tiện ngoài quốc doanh chiếm 74,1% về tấn phương tiện và 90% số ghế vận tải hành khách, trong đó loại tàu vận tải hành khách có tốc độ cao và tiện nghi sang trọng chiếm ưu thế đã thu hút nhiều khách du lịch nước ngoài, mở ra hướng làm ăn mới cho vận tải

ĐTNĐ những năm trước mắt và trong tương lai.

Bước đầu, nhờ cơ chế chính sách thông thoáng, ĐTNĐ đã có thời cơ phát triển thuận lợi. Tuy vậy, vận tải ĐTNĐ của ta vẫn chưa thể khai thác tương xứng với tiềm năng của nó. Một phần quan trọng của tiềm năng ấy vẫn còn "ngủ yên" và đặt ra cho ngành những thách thức mới. Đến nay, trong số 2 360 con sông, kênh, hồ với tổng chiều dài trên 41 000 km và 3 200 km đường biển ven bờ, 112 cửa sông ... trên cả nước, nhưng ngành mới chỉ khai thác các lộ trình vận tải thủy được khoảng 17 000 km. Chúng ta đã và đang thực hiện nhiều dự án nhằm phát triển giao thông vận tải ĐTNĐ như : Dự án nâng cấp hai tuyến đường thủy phía Nam và cảng Cần Thơ ; Dự án giao thông thủy sông Hồng ; Dự án cải tạo cửa sông Bas Sac ; Dự án tiêu chuẩn hóa giao thông thủy nội địa ở Việt Nam ... Nhưng có thể đánh giá là các dự án ấy chưa đủ mạnh để có thể biến những tiềm năng thành nội lực cho sự phát triển. Nhiều vướng mắc chưa được giải quyết đồng bộ và toàn diện. Kết quả đạt được mới là một chỉ số còn quá khiêm tốn so với đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX đã xác định mục tiêu đến năm 2010 là : "Đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển ; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại". Từ nay đến năm 2010 mục tiêu của Đại hội là, nâng tổng sản phẩm xã hội (GDP) lên ít nhất gấp đôi năm 2000 và

nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm doanh nghiệp và nền kinh tế ; đáp ứng tốt hơn nhu cầu thiết yếu, một phần đáng kể nhu cầu sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu".

Vận tải ĐTNĐ Việt Nam gắn liền với quá trình lịch sử phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy đạt được một số thành tựu bước đầu nhưng cần nhìn nhận và đánh giá một cách nghiêm túc là ngành vận tải ĐTNĐ Việt Nam vẫn đang đứng trước một thực trạng khó khăn, nhiều mặt còn non kém. Để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ mà Đại hội toàn quốc của Đảng đã đặt ra, ngành ĐTNĐ thời gian tới nhằm vào những định hướng lớn như sau :

- *Nâng cao năng lực vận tải*, đạt bằng được mục tiêu vận chuyển một khối lượng hàng hóa, phù hợp với yêu cầu tăng tổng sản phẩm xã hội (GDP) đến 2005, ước tính là 4 717 triệu tấn/km và năm 2010 là 7 000 triệu tấn/km. Cùng với việc hoàn thành nhiệm vụ vận tải là giải quyết đồng bộ về phát triển phương tiện, khai thác luồng lạch, hàng hóa và nâng cấp các cơ sở hạ tầng như bến cảng, phao tiêu, đèn hiệu, nâng cao tốc độ vận tải và luân chuyển... đó là công việc phức tạp, liên quan đến nhiều nội dung phải xử lý và giải quyết.

- *Bảo đảm chất lượng vận chuyển*, tăng độ an toàn cho người, phương tiện và hàng hóa, đảm bảo nhanh chóng và tiện lợi, phấn đấu hạ giá thành và đủ sức hấp dẫn khách hàng ; đổi mới chính sách tài chính. Phải chấp nhận sự cạnh tranh một cách lành mạnh với các loại hình dịch vụ vận tải đường bộ, đường sắt... trong cơ chế thị trường.

- Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công nhân theo hướng vừa đa dạng vừa chuyên sâu về từng lĩnh vực có liên quan đến sự phát triển của ngành. Cục Đường sông đã triển khai thực hiện tốt dự án "Nâng cấp trường kỹ thuật nghiệp vụ Hàng Giang I - Hải Dương" và đang tiếp tục nâng cấp trường kỹ thuật nghiệp vụ Hàng Giang II - Thành phố Hồ Chí Minh, đào tạo có chất lượng cao các thuyền trưởng, máy trưởng và các ngành chuyên môn khác. Yêu cầu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết phải có một đội ngũ có đủ năng lực lao động kỹ thuật và quản lý theo đúng định hướng, trong khi hiện nay đội ngũ của ngành vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là việc tiếp nhận và thực thi các dự án lớn trong quá trình phát triển.

Để khai thác tiềm năng và lợi thế của giao thông vận tải ĐTNĐ tốt nhất, góp phần phát triển kinh tế và văn hóa xã hội theo định hướng của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, cần có những giải pháp và cơ chế chủ yếu sau đây :

Về nhận thức : Mạng lưới giao thông ĐTNĐ là một loại hình, một bộ phận quan trọng trong toàn bộ hệ thống giao thông của quốc gia. Ở nông thôn, ĐTNĐ còn là một cơ sở hạ tầng quan trọng rộng lớn và có hiệu quả kinh tế cao, nhất là vùng ven biển và vùng châu thổ của Việt Nam. Tiếp nối truyền thống khai thác và sử dụng giao thông vận tải ĐTNĐ trong lịch sử và phát triển mạnh loại hình giao thông này, làm cho nó liên kết chặt chẽ với các loại hình giao thông khác như đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không trong nước và quốc tế, nhằm tạo ra sự thống nhất

và hỗ trợ lẫn nhau để mở rộng quy mô phát triển là một yêu cầu rất quan trọng và cấp bách của nền kinh tế. Vì vậy, cần có kế hoạch khai thác triệt để sự ưu đãi của thiên nhiên, nghiên cứu và đầu tư phù hợp, làm cho giao thông vận tải ĐTNĐ được phát huy mạnh như một nguồn lực và điều hòa các loại hình giao thông khác, đem lại hiệu quả kinh tế cao trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa nền kinh tế. Ngoài ra, khai thác và sử dụng giao thông ĐTNĐ không nên dừng lại ở mục tiêu chỉ là giao thông vận tải. Với tính ưu trội của nó, mạng lưới giao thông ĐTNĐ sẽ đem lại cho chúng ta sự phát triển đa dạng về mục đích và giá trị sử dụng như : khai thác thủy lợi, nuôi trồng thủy sản, du lịch, thể thao - văn hóa và bảo vệ môi trường hoặc về mục đích bảo đảm an ninh quốc gia ...

- **Về quy hoạch phát triển :** Trên cơ sở nhận thức toàn diện về vai trò, vị trí, chức năng..., Cục Đường sông Việt Nam - cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực giao thông ĐTNĐ đã xây dựng quy hoạch định hướng phát triển giao thông vận tải ĐTNĐ và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 16/2000/QĐ-TTg với nội dung chủ yếu như sau :

Một là tiếp tục quy hoạch chi tiết nâng cấp các tuyến đường sông, cảng sông theo phân vùng địa lý và theo từng lĩnh vực, nhằm bảo đảm tính ổn định trong vận tải, phục vụ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Việc nâng cấp các tuyến giao thông vận tải ĐTNĐ đang thực hiện theo các dự án lớn đã có sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài. Ở khu vực phía Bắc tập trung nâng cấp 6 tuyến đường sông :

Tuyến Quảng Ninh đi Ninh Bình qua sông Luộc từ cấp III lên cấp II để bảo đảm vận chuyển than cho Nhà máy điện Ninh Bình và các loại hàng hóa khác phục vụ hành lang sông Luộc.

Tuyến Quảng Ninh - Phả Lại bảo đảm hoàn thành tiêu chuẩn cấp II trên toàn tuyến vào năm 2010, vận chuyển than cho Nhà máy nhiệt điện và hàng hóa phục vụ tuyến.

Tuyến Hải Phòng - Hà Nội qua sông Đuống nâng từ cấp III cấp IV lên cấp II để chuyển tiếp hàng hóa từ tàu biển vào nội địa.

Tuyến Lạch Giang - Hà Nội nâng cấp tiêu chuẩn cấp I để vận chuyển ven biển và đường sông phục vụ các cơ sở sản xuất thuộc hành lang sông Hồng.

Tuyến Cửa Đáy - Ninh Bình kết hợp vận chuyển đường biển và đường sông phục vụ nhu cầu sản xuất và dân sinh.

Các tuyến Việt Trì - Hòa Bình, Việt Trì - Tuyên Quang và Việt Trì - Yên Bái duy trì tiêu chuẩn cấp III phục vụ sản xuất và nhu cầu dân sinh trên các hành lang sông Đà, sông Hồng và sông Lô.

Khu vực phía Nam có mật độ sông và kênh rạch rất cao, thủy văn thuận lợi và người dân có truyền thống đi lại, sinh hoạt từ lâu đời trên các dòng sông, kênh. Có 4 tuyến vận tải sông lớn phía Nam đang được quy hoạch là :

Tuyến Sài Gòn - Cà Mau mục tiêu xây dựng đạt tiêu chuẩn cấp III, phục vụ cho các tỉnh miền Tây đồng bằng sông Cửu Long.

Tuyến Sài Gòn - Kiên Lương, nâng cấp phục vụ khu vực Đồng Tháp Mười và khu công nghiệp Kiên Lương tỉnh Kiên Giang.

Tuyến cửa Định An - Cần Thơ và Tân Châu.

Tuyến Cửa Tiểu - Hồng Ngự - Cam-pu-chia. Cùng với việc mở rộng, nâng cấp các tuyến vận tải chính là mở các tuyến nhánh, và nâng cấp hàng loạt cảng sông. Mục tiêu nâng cấp các tuyến đường sông trên đây, trong một tương lai gần hệ thống giao thông vận tải ĐTNĐ của ta sẽ là một hệ thống hoàn chỉnh, bảo đảm khai thác trong một thời gian dài và đem lại những kết quả to lớn.

Hai là hoàn chỉnh việc xây dựng hệ thống văn bản pháp quy thuộc các cấp từ Chính phủ, Bộ chủ quản và ngành cùng với những văn bản hướng dẫn phù hợp. Vừa tăng cường quản lý về mặt Nhà nước, vừa mở rộng và thu hút được các nguồn đầu tư tài chính tham gia để có thể đưa các luồng, tuyến vận tải vào cấp kỹ thuật đã được quy hoạch. Trên thực tế, đã có một số dự án đang được thực hiện có kết quả. Hành lang pháp lý Nhà nước được mở rộng trên cơ sở bảo đảm quyền tự chủ quốc gia nhưng cũng tạo được tính chủ động và khách quan của các nhà đầu tư, phù hợp với các tiêu chuẩn và điều kiện của khu vực và quốc tế. Cục Đường sông Việt Nam cũng đã hoàn thành dự thảo lần thứ 8 Luật Đường thủy nội địa, thông qua Ban chỉ đạo soạn thảo của Bộ Giao thông vận tải để trình Chính phủ và Quốc hội.

Ba là ứng dụng nhanh chóng các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn hoạt động nhằm tạo nên một diện mạo mới của giao thông vận tải ĐTNĐ Việt Nam. Việc ứng dụng khoa học vào xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng như hệ thống báo hiệu và các cảng sông một

cách đồng bộ sẽ đẩy nhanh tốc độ về năng lực vận tải xếp dỡ... Đồng thời, đó là điều kiện để thực hiện vận tải đa phương thức, tạo được mối liên hệ, hợp đồng trong hoạt động vận tải ĐTNĐ với các lĩnh vực vận tải trong nước và với vận tải ĐTNĐ các nước trong khu vực.

Bốn là thực hiện khoa học hóa việc quản lý và hoạt động giao thông vận tải ĐTNĐ Việt Nam. Đây là một công việc không ít khó khăn nhưng ngành đã chú trọng đến hoạt động nghiên cứu khoa học và đạt được một số thành tựu quan trọng. Nghiên cứu khoa học để đề ra được các giải pháp có tính khả thi về quản lý và hoạt động thực tiễn, tạo cho ngành có một tiềm lực, một cách nhìn nhận và đánh giá chính xác trong việc xây dựng và thực hiện các đề án, nhất là các dự án, đề án có sự tham gia của đối tác nước ngoài.

Như vậy, không chỉ trong truyền thống lịch sử kinh tế - xã hội, vai trò và năng lực xã hội của giao thông vận tải ĐTNĐ có tầm quan trọng mà ngày nay, trên con đường phát triển đưa nền kinh tế của đất nước trong một tương lai gần thành một nước "cơ bản là một nước công nghiệp" như các nghị quyết của Đảng đã chỉ ra, giao thông vận tải ĐTNĐ càng có một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc phát triển toàn diện và vững chắc toàn bộ nền kinh tế. Trước mắt, giao thông vận tải ĐTNĐ đang phải đối diện với rất nhiều khó khăn trên nhiều bình diện, nhưng giao thông vận tải ĐTNĐ đã và sẽ vượt qua những thách thức để đạt được các mục tiêu đặt ra, góp phần tích cực cho sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước. □

CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 19)

hội là công chức, nhưng thiết nghĩ, cán bộ các đoàn thể không thể hoạt động theo kiểu công chức, cho dù là cấp trên cơ sở.

Tất nhiên, cán bộ công đoàn phải thông thạo lý luận và nghiệp vụ công đoàn và tùy theo từng cấp phải được học tập và từng bước nâng cao trình độ chính trị, kiến thức quản lý kinh tế, kiến thức pháp luật. Nhưng tất cả những kiến thức đó, nếu chỉ dừng ở lý thuyết, sách vở, mà không qua hoạt động thực tiễn thì khó mà tạo ra hai tố chất cơ bản (bản lĩnh và năng động) của cán bộ công đoàn hoạt động trong kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế, hòa nhập quốc tế.

Những người tham gia hoạt động công đoàn, bên cạnh trách nhiệm giai cấp, trách nhiệm xã hội với ý thức tự nguyện, còn là đam mê hoạt động xã hội (mà trong tương lai "đam mê hoạt động xã hội" là nhu cầu không thể thiếu đối với con người), không nên suy tính thiệt thòi mà còn phải biết hy sinh quyền lợi cá nhân khi cần thiết. Nhưng Đảng và Nhà nước cần quan tâm hơn nữa nhu cầu lợi ích vật chất và tinh thần của anh chị em. Về vật chất cần bảo đảm cho anh chị em có được cuộc sống cần thiết để có thể dành công sức và thời gian nhiều hơn cho hoạt động công đoàn. Về tinh thần, cần được coi trọng hơn nữa vị thế của công đoàn trong xã hội, nhất là có sự động viên, ủng hộ, khích lệ những việc làm đúng và kiên quyết bảo vệ những cán bộ trung thực, đúng đắn, vì lợi ích chính đáng của người lao động mà bị truy trù, thậm chí bị vô hiệu hóa, sa thải... □



PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NÔNG THÔN HÀ TÂY THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

BÙI HỮU ĐỨC *

Hà Tây là một tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ ; tổng diện tích tự nhiên là 2 192,95 km², số dân là 2 420 936 người (trong đó dân số nông thôn 2 228 880 người, chiếm 92,1%) ; sản phẩm nông nghiệp chiếm 40% trong cơ cấu GDP của toàn tỉnh.

Về cơ bản Hà Tây vẫn là một tỉnh nông nghiệp. Vì vậy, trong quá trình phát triển kinh tế của Hà Tây theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì phát triển thị trường nông thôn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Thuận lợi của Hà Tây là có vị trí địa lý tiếp giáp với nhiều tỉnh lân cận ; trong đó có tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Hà Tây lại nằm trên khu vực chuyển tiếp từ Tây Bắc và trung du miền Bắc xuống đồng bằng sông Hồng, qua một mạng lưới giao thông đa dạng, có đường thủy, đường bộ, đường sắt và các bến cảng tương đối phát triển. Hà Tây bao quanh thành phố Hà Nội về hai phía tây và nam, với 3 cửa ngõ vào Thủ đô (trong 7 cửa ngõ) qua các quốc lộ 1, 6 và 32. Vị trí đó là những thuận lợi không nhỏ cho Hà Tây trong trao đổi, lưu thông hàng hóa, mở rộng thị trường, phát triển kinh tế nông thôn.

Tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh Hà Tây trong thời gian qua đã có những biến chuyển đáng khích lệ : tăng GDP bình quân thời kỳ 1996 - 2000 của tỉnh là 7,3%/năm (cả nước cùng thời kỳ này là 6,8%/năm). Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng tích cực ; tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ ; giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp (tỷ trọng nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ năm 1990 là 56,4% - 23% - 20,6% ; năm 1995 là 49,5% - 24,5% - 26%, đến năm 2000 là 40% - 30,8% - 29,2%). Giá trị sản xuất các ngành kinh tế đều có sự tăng trưởng khá qua các năm, trong đó, sản xuất nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng bình quân 8,1%/năm, sản xuất công nghiệp tăng bình quân 16%/năm (thời kỳ 1996 - 2000). Sự phát triển của kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm cho thị trường nông thôn trở nên sôi động hơn, thể hiện trên mấy nội dung, như sau :

- Nhiều thành phần kinh tế tham gia hoạt động ở thị trường nông thôn. Thương nghiệp quốc doanh, sau thời kỳ đầu sa sút khi chuyển sang cơ chế thị trường, đã dần

* ThS, Giảng viên Trường Đại học Thương mại

thích nghi với hoạt động kinh doanh trong điều kiện mới. Thương nghiệp ngoài quốc doanh phát triển ngày càng nhanh và chiếm tỷ trọng cao trong bán lẻ, đóng góp tích cực vào các hoạt động lưu chuyển hàng hóa trên thị trường. Nếu năm 1995, tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ cả tỉnh đạt 1 316 525 triệu đồng, thì đến năm 2000, con số đó là 2 798 761 triệu đồng (tăng 2,13 lần), trong đó khu vực kinh tế ngoài quốc doanh luôn chiếm tỷ trọng trên 71% (tương ứng là 73,2% và 71,2%). Nhiều thành phần kinh tế tham gia thị trường với các phương thức mua bán đa dạng, phong phú không những tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất và tiêu dùng, mà còn xuất hiện yếu tố cạnh tranh giữa những người sản xuất và lựa chọn của người tiêu dùng. Điều đó đã trở thành động lực để các nhà sản xuất đầu tư cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng, tính toán để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

- Dung lượng hàng hóa cung ứng cho thị trường nông thôn đã không ngừng tăng lên cả về số lượng và chất lượng, cơ cấu và chủng loại. Năm 2000, GDP bình quân đầu người đạt 2 990 000 đồng, tăng 57,4% so với năm 1995, ước khoảng trên 200 USD, nhờ đó sức mua người dân dần được nâng lên. Sản phẩm hàng hóa lưu thông trên thị trường khá đa dạng, phong phú, nhiều mặt hàng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Sản phẩm hàng hóa của sản xuất nông nghiệp đã có sự thay đổi đáng kể. Ngoài các sản phẩm truyền thống như lúa, ngô, khoai, sắn, lạc..., đã bắt đầu xuất hiện và phát triển các mặt hàng khác như hoa quả tươi, sản phẩm sữa, thủy sản...

- Sức mua và trình độ tiêu dùng của người dân nông thôn từng bước được nâng cao. Sự phát triển của sản xuất nông nghiệp

và đặc biệt là việc khôi phục và phát triển các làng nghề đã làm cho thu nhập của người dân Hà Tây được cải thiện đáng kể. Nếu thu nhập bình quân đầu người năm 1995 mới chỉ đạt khoảng 1,9 triệu đồng, thì năm 2000, đã tăng gần 1,6 lần. Sức mua tăng lên cùng với sự thay đổi xu hướng tiêu dùng của người dân nông thôn là yếu tố quan trọng để mở rộng thị trường, giải quyết đầu vào và đầu ra cho sản xuất.

- Các điều kiện vật chất - kỹ thuật phục vụ cho việc trao đổi, lưu thông hàng hóa trên thị trường nông thôn, như : cơ sở hạ tầng, hệ thống chợ, mạng lưới thương mại... đã được chú ý đầu tư cải tạo với quy hoạch tương đối hợp lý. Đặc biệt, hệ thống chợ nông thôn là nơi chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa của cư dân nông thôn về cơ bản đã được đầu tư, xây dựng mới hoặc cải tạo lại và phân bố tương đối đều khắp tại 2 thị xã và 12 huyện. Hiện nay, Hà Tây có 19 chợ thị xã, 149 chợ thị trấn và chợ xã. Ngoài ra, mạng lưới thương nghiệp, nhất là thương nghiệp bán lẻ, cũng được phân bố rộng khắp trên các địa bàn dân cư, trang thiết bị ngày càng hiện đại hơn.

Tuy nhiên, nếu so với yêu cầu đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, như tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX là : "... Xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, hiệu quả và bền vững, có năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu ; xây dựng nông thôn ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng

hiện đại"⁽¹⁾, thì thị trường nông thôn Hà Tây vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế phải sớm được khắc phục. Cụ thể là :

- Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã (HTX) chưa thực sự làm tốt vai trò điều tiết nhà nước trên thị trường. Thương mại ngoài quốc doanh phát triển khá nhanh về số lượng, phạm vi hoạt động rộng, đa dạng, linh hoạt trong kinh doanh đã góp phần không nhỏ trong phục vụ sản xuất và đời sống. Tuy nhiên, lực lượng này vẫn còn yếu, mới đảm bảo được chưa quá 30% mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ trong tỉnh khoảng 5 - 6 năm vừa qua ; hoạt động mang tính tự phát ; chưa tích cực vươn lên làm tốt vai trò là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, khi có "đầu ra" thì đẩy mạnh thu mua, khi "đầu ra" khó khăn thì ép giá hoặc quay lưng lại bỏ mặc người nông dân. Chính vì vậy, khi thương mại quốc doanh và HTX không được tổ chức tốt, không làm tốt vai trò của mình thì chắc chắn lợi ích của người dân nông thôn sẽ bị ảnh hưởng đáng kể, nhất là bảo đảm chất lượng và độ tin cậy trong việc cung ứng các dịch vụ nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, như : phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống...

- Thu nhập của dân cư ở nông thôn thời gian qua tuy đã từng bước được cải thiện, nhưng nhìn chung vẫn còn thấp và không đồng đều giữa các vùng. Theo số liệu của Cục Thống kê Hà Tây, chỉ tiêu GDP bình quân đầu người năm 2000 đã tăng lên đáng kể so với năm 1995 (đạt trên 200 USD theo tỷ giá hiện hành), nhưng nếu so với bình quân cả nước vẫn là con số thấp, chỉ gần bằng 60% của cả nước và 48% mức bình quân vùng trọng điểm Bắc Bộ. Đặc biệt là, tình trạng quá chênh lệch giữa các vùng nông thôn, hay giữa khu vực nông thôn với khu vực thành thị. Những vùng khó khăn,

vùng sản xuất thuần nông thu nhập chỉ khoảng 1,6 triệu đồng/ người/ năm (bằng 53,5% mức bình quân chung của cả tỉnh) ; đặc biệt là, ở 9 xã vùng cao huyện Ba Vì, thu nhập của người dân rất thấp, vẫn còn nhiều hộ đói, nghèo... Chính điều này đã tạo nên sự chênh lệch tương đối lớn về mức độ phát triển thị trường giữa các vùng trong tỉnh.

- Bên cạnh sự phát triển của thị trường hàng hóa tiêu dùng và nguyên liệu phục vụ sản xuất, các loại thị trường mới rất cần thiết cho sự phát triển kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, như : thị trường vốn, thị trường sức lao động, thị trường công nghệ, thị trường thông tin... vẫn còn kém phát triển. Tình trạng người nông dân không có vốn để đầu tư phát triển sản xuất, nhưng không vay được vốn ngân hàng, hoặc phải vay với lãi suất cao ở thị trường tài chính - tiền tệ phi chính thức còn khá phổ biến. Các cơ sở chế biến nông sản không được chú ý đầu tư, trang thiết bị lạc hậu, phân bố không hợp lý. Đặc biệt, sự yếu kém của thị trường thông tin và khả năng tiếp cận thông tin thấp của đại bộ phận các hộ nông dân, nông thôn là những nguyên nhân cơ bản làm cho sự gắn kết giữa sản xuất và thị trường không chặt chẽ. Người nông dân sản xuất chủ yếu vẫn còn mang tính tự phát, bị động hoàn toàn trước việc lựa chọn sản xuất cây gì, con gì, số lượng bao nhiêu, sau đó sẽ bán cho ai và ở đâu ?...

- Vẫn còn tình trạng buôn bán hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng... làm rối loạn thị trường, gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống. Thời gian qua, thực hiện

(1) Báo Nhân Dân, ngày 30-3-2002

Chỉ thị 853/TTg ngày 11-10-1997 của Thủ tướng Chính phủ, Sở Thương mại Hà Tây đã phối hợp với các cơ quan liên quan như công an, hải quan, tài chính, thuế... tiến hành tổ chức các lực lượng kiểm tra, kiểm soát thị trường. Tính từ cuối năm 1997 đến hết năm năm 1999, các lực lượng đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát thị trường 23 935 vụ, phạt tiền, đình chỉ kinh doanh 4 512 vụ ; tổng số tiền thu nộp ngân sách là 14 126 triệu đồng, trong đó truy thu thuế 13 226 triệu đồng, tiền phạt hành chính 848 triệu đồng. Ngoài ra còn chuyển cơ quan chức năng truy tố pháp luật 13 vụ, hủy nhiều loại hàng giả, hàng cấm, hàng kém chất lượng... Tuyệt đại bộ phận trong số các vụ việc tiêu cực trên thị trường vừa qua đều rơi vào các cơ sở kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân. Tình hình đó, một mặt, phản ánh sự hoạt động tích cực của các ban, ngành có liên quan trong công tác quản lý thị trường, mặt khác, cho thấy vẫn còn rất nhiều vấn đề cần phải giải quyết để làm lành mạnh hóa thị trường...

Để thúc đẩy phát triển thị trường nông thôn Hà Tây theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời gian tới, theo chúng tôi, nên tập trung làm tốt mấy giải pháp cơ bản sau đây :

Thứ nhất, tiếp tục sắp xếp, củng cố, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, chuyển đổi các HTX theo hướng phục vụ sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tăng năng lực cạnh tranh. Doanh nghiệp nhà nước có quy mô nhỏ cần đẩy mạnh tiến độ cổ phần hóa ; giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê. Các doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả thì tiến hành giải thể, sáp nhập. Nhưng, dù dưới hình thức nào cũng cần có mạng lưới các doanh

nghiệp tại các huyện lỵ, thị trấn, các trung tâm cụm xã. Khuyến khích các hộ nông dân tham gia cổ phần, nhằm xây dựng các doanh nghiệp đa sở hữu trở thành địa chỉ tin cậy của người dân nông thôn trong việc cung ứng, dịch vụ các yếu tố đầu vào và giải quyết đầu ra cho sản xuất nông nghiệp, phát triển ngành nghề ở nông thôn. Tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn đọng của các HTX cũ để tạo điều kiện cho xã viên chuyển đổi, xây dựng HTX theo luật mới với hình thức HTX thương mại - dịch vụ đa năng.

Thứ hai, phát triển hệ thống hợp đồng như một hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh đưa kinh tế tiểu nông lên sản xuất hàng hóa, khắc phục tình trạng tự phát chạy theo thị trường dẫn đến những thua thiệt không đáng có cho người nông dân. Đó là cơ chế hợp đồng hai chiều giữa doanh nghiệp với HTX hoặc hộ nông dân nhằm gắn bó trách nhiệm và lợi ích giữa người sản xuất và người tiêu thụ và chế biến nông sản. Trên cơ sở nghiên cứu thị trường, các doanh nghiệp (trước hết là các doanh nghiệp nhà nước) sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng hai chiều với HTX và hộ nông dân. Nội dung của hợp đồng cần xác định rõ những quy định điều kiện về số lượng, chất lượng nông sản được bán ra của người dân nông thôn và trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc cung cấp vốn, trợ giúp kỹ thuật, công nghệ đầu vào của sản xuất và các dịch vụ khác cho nông dân. Hợp đồng với các điều khoản rõ ràng xét về nhiều mặt là có thể cho phép thỏa mãn được các yêu cầu về cung cấp vốn, công nghệ và tạo thị trường cho các hộ nông dân ; nhờ đó tạo ra và duy trì được khả năng gắn kết bền vững giữa sản xuất và tiêu thụ.

Thứ ba, mở rộng phương thức bán trả góp, trả chậm. Đây là giải pháp cần làm

ngay nhằm góp phần giải quyết khó khăn về vốn cho người dân nông thôn. Tất nhiên, để làm được điều này thì các doanh nghiệp cần có tiềm lực tài chính lớn trong khi hiện tại nhiều doanh nghiệp của Hà Tây vẫn đang ở trong tình trạng khó khăn về vốn. Vì vậy, cần xác định rõ số lượng và cơ cấu mặt hàng thuộc diện thực hiện phương thức bán trả góp, trả chậm để lập kế hoạch và có cơ chế triển khai thực hiện thích hợp ; đồng thời, các ban, ngành có liên quan cần nghiên cứu cho các doanh nghiệp được hưởng tín dụng ưu đãi để đảm bảo vốn trong quá trình người mua trả dần.

Thứ tư, tiếp tục nghiên cứu quy hoạch hợp lý, đầu tư xây dựng và cải tạo cơ sở hạ tầng, nhất là các công trình trọng điểm về thương mại và dịch vụ ở nông thôn. Cần được quan tâm nhiều hơn tới việc phân bố mạng lưới, quy mô, loại hình, phương thức quản lý hệ thống chợ nông thôn. Mạng lưới chợ huyện cần được phát triển với quy mô đủ lớn để làm chức năng đầu mối phân phát các luồng hàng tiêu dùng, vật tư nông nghiệp... đến các đại lý ; đồng thời, là nơi tập kết phần lớn sản phẩm hàng hóa từ các vùng nông thôn để tiêu thụ trong nước, chế biến hay xuất khẩu. Gắn hệ thống chợ nông thôn với việc quy hoạch phát triển thị trấn và thị tứ làm đầu tàu kéo các vùng xung quanh phát triển toàn diện kinh tế - xã hội trên cơ sở khai thác lợi thế so sánh của từng vùng, kể cả vùng cao, vùng sâu và vùng xa. Hiện tại, mặc dù hệ thống chợ nông thôn của Hà Tây được phân bố rộng khắp nhưng phần lớn là quy mô nhỏ, do mức đầu tư vừa qua cho việc nâng cấp, cải tạo chợ nông thôn chưa thật thỏa đáng. Thời gian tới, cần tăng cường ngân sách địa phương, huy động đóng góp của doanh nghiệp, các HTX, các hộ kinh doanh tại chợ và dùng nguồn thu từ chợ để xây dựng và nâng cấp hệ thống chợ.

Thứ năm, hình thành và phát triển hệ thống thông tin thị trường, xúc tiến thương mại. Xây dựng hệ thống thu thập, phân tích và truyền bá, phổ cập thông tin thị trường. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ tiếp thị (kho hàng, bến bãi, trung tâm hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm). Tích cực nghiên cứu thăm dò mở rộng thị trường, kể cả thị trường trong nước và thị trường nước ngoài ; khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận thị trường nước ngoài, tham gia các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước.

Thứ sáu, tăng cường công tác quản lý thị trường, chống hàng lậu, hàng giả và gian lận thương mại khác. Đây là công việc cần tiến hành một cách thường xuyên, tránh tình trạng làm ồ ạt theo đợt hay theo chu kỳ. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục các hộ kinh doanh, đồng thời xử lý nghiêm minh, kiên quyết, công bằng đối với các hành vi vi phạm pháp luật.

Tóm lại, để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn, ngoài những giải pháp về thị trường như đã đề cập, cũng cần tiến hành đồng bộ các giải pháp khác, như : chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ; phát triển các cụm công nghiệp ; phát triển các làng nghề thủ công truyền thống ; có cơ chế khuyến khích để người sản xuất tiếp cận kịp thời với các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh ; phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội... xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiềm năng phát triển kinh tế của Hà Tây còn rất lớn, hy vọng rằng, sự nỗ lực của bản thân các doanh nghiệp, sự khát khao vươn lên làm giàu chính đáng của các hộ gia đình nông dân sẽ đưa kinh tế Hà Tây phát triển nhanh hơn nữa cùng với cả nước trong thời gian tới. □

NHÌN lại 10 năm qua, kinh tế tư nhân đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng tiếp tục xác định : "Thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, trong đó *kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo*, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân", "*kinh tế cá thể, tiểu chủ được Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ phát triển*", "*kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích và phát triển rộng rãi trong các ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm*".

Như vậy, quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân đã được thể hiện nhất quán và xác định rõ. Nhờ vậy, hơn 10 năm qua, kinh tế tư nhân gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh cá thể và các loại hình *doanh nghiệp tư nhân* đã phát triển rộng khắp trong cả nước.

Tuy nhiên, Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX cũng chỉ rõ những mặt hạn chế, yếu kém của kinh tế tư nhân là : "Phần lớn có quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ sản xuất lạc hậu, trình độ quản lý yếu

Tiếp tục phát triển kinh tế tư nhân

PHẠM THẮNG *

kém, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, ít đầu tư vào lĩnh vực sản xuất ; còn có nhiều khó khăn vướng mắc về vốn, về mặt bằng sản xuất kinh doanh, về môi trường pháp lý và môi trường tâm lý xã hội ; nhiều đơn vị kinh tế tư nhân chưa thực hiện tốt những quy định của pháp luật đối với người lao động, không ít đơn vị vi phạm pháp luật, trốn lậu thuế, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép ...".

Đồng thời, Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX cũng thừa nhận : "Quan điểm của Đảng trên một số vấn đề cụ thể về phát triển kinh tế tư nhân chưa được làm rõ để tạo sự thống nhất cao. Một số cơ chế chính sách của Nhà nước chưa phù hợp với đặc điểm của kinh tế tư nhân, đại bộ phận có quy mô vừa và nhỏ ; quản lý có phần buông lỏng và có những sơ hở, hạn chế việc thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển đúng hướng". Nghị quyết là

* TS, Trưởng Phòng công tác Chính trị, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

bước cụ thể hóa các quan điểm xuyên suốt của Đảng.

THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN

Quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam diễn ra nếu lấy thời điểm 1955 làm mốc, cho đến nay đã trải qua nhiều thời kỳ khác nhau. Căn cứ vào đặc trưng của từng giai đoạn có thể phân chia thành 4 thời kỳ :

Thời kỳ 1955 đến 1964 : Mục tiêu kinh tế trong thời kỳ này được Đại hội lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960) xác định là xây dựng miền Bắc làm hậu phương vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Trong thời kỳ này, sự tồn tại kinh tế tư nhân hầu như không đáng kể.

Thời kỳ 1965 - 1975 : Cả nước có chiến tranh. Mô hình kinh tế trong thời kỳ này có tính tập trung cao độ, giống như mô hình "cộng sản thời chiến".

Mục đích của mô hình kinh tế này là huy động mọi nguồn lực để giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Những nhược điểm của mô hình này đã được Hội nghị Trung ương lần thứ 20, đặc biệt là Hội nghị Trung ương lần thứ 24 khóa III (tháng 9 năm 1976) đề cập, trong đó có việc duy trì nền kinh tế nhiều thành phần ở miền Nam trong một thời gian nhất định. Tuy nhiên, sự phát triển của kinh tế tư nhân ở thời kỳ này vẫn ở trình độ thấp.

Thời kỳ 1976 - 1986 : Mô hình tập trung bộc lộ rõ nhất những nhược điểm của nó. Đó là cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội cuối những năm 70 đầu những năm 80. Chỉ thị 100 ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư khóa IV về khoán sản phẩm

đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã và Quyết định 25/CP về việc hạch toán kinh doanh trong các doanh nghiệp nhà nước ra đời. Cùng với hai văn bản quan trọng này là hai lần cải cách giá lương tiền.

Đây cũng là thời kỳ tư duy kinh tế mới từng bước được hình thành : Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa IV, Nghị quyết Đại hội V, Hội nghị lần thứ 8 khóa V và Nghị quyết của Bộ Chính trị khóa V. Các văn kiện này đều nhằm khẳng định sự tồn tại tất yếu của kinh tế tư nhân trong sự phát triển của nền kinh tế.

Thời kỳ 1986 đến nay : Thời kỳ chuyển đổi một cách căn bản từ cơ chế tập trung cao độ sang cơ chế kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm cơ bản của các văn kiện Đại hội VI, VII, VIII và IX đều từng bước hoàn thiện và khẳng định vai trò của kinh tế tư nhân. Những chính sách và luật lệ lần lượt được ban hành, cụ thể hóa những quan điểm trên, đặc biệt là *Luật Doanh nghiệp* được áp dụng từ đầu năm 2000.

Chỉ sau một năm thực hiện Luật Doanh nghiệp, cả nước đã có hơn 30 000 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh. (Tính đến ngày 13-11-2000, sau 10 tháng thực thi Luật Doanh nghiệp, cả nước đã tạo thêm được 200 000 chỗ làm việc từ các doanh nghiệp mới hình thành, bình quân 22 lao động/doanh nghiệp, với mức thu nhập bình quân 300 - 400 ngàn đồng/người (ở nông thôn) và 500 - 700 ngàn đồng (ở thành thị). So với năm 1999, số doanh nghiệp đã tăng ba lần, số vốn đầu tư tăng hai lần.

Trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, từ đầu năm 2002 đến nay (ngày 13-6-2002) đã có 2 029 doanh nghiệp được thành lập mới với tổng số vốn đầu tư là 3 201 tỉ đồng. Trong đó có 483 doanh nghiệp tư nhân với tổng số vốn là 204 tỉ đồng. Ngoài ra, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố còn cấp 1 026 giấy phép thành lập các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Điều đó chứng tỏ tiềm lực của kinh tế tư nhân ở Việt Nam là rất lớn. Vấn đề là, cần có chính sách đúng để khai thác nguồn lực này cho phát triển kinh tế, trước hết là ở một số trung tâm kinh tế.

Theo số liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh, cho thấy :

	Số lượng	Vốn đăng ký (tỉ đồng)
- Doanh nghiệp tư nhân	7 307	3 630,9
- Công ty cổ phần	1 000	8 091,7
- Công ty TNHH	14 218	24 699,4
- Công ty TNHH 1 thành viên	31	143,7
- Công ty hợp danh	01	0,5
- Đơn vị thị trường doanh nghiệp ngoài quốc doanh	6 946	79,9

Ngoài ra, TP. Hồ Chí Minh còn hiện có 172 400 cơ sở kinh doanh thương mại dịch vụ thu hút nhiều lao động tham gia.

VỀ XU THẾ PHÁT TRIỂN, CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã xác định : "Kinh tế cá thể, tiểu chủ được Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ phát triển. Kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển rộng rãi trong các ngành nghề sản xuất kinh doanh mà pháp luật không cấm". Để chuyển Nghị

quyết Đại hội IX của Đảng thành hiện thực, theo chúng tôi trong những năm tới việc phát triển kinh tế tư nhân cần có những giải pháp cụ thể như sau :

Một là, phải nhất quán quan điểm kinh tế tư nhân là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế, phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài của nước ta. Do đó, các biện pháp, chính sách (từ Trung ương tới địa phương) phải thống nhất và đồng bộ. Nhân tố quyết định là, phải có chủ trương đúng và phải giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện chủ trương này. Tuyệt đối không để tình trạng sai sót đã rõ mà không kịp thời sửa chữa.

Hai là, xác định rõ, cụ thể trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong đăng ký kinh doanh và quản lý sản xuất của kinh tế tư nhân. Việc sửa đổi, bổ sung luật phải theo hướng vừa khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi, vừa chặt chẽ và có chế tài xử lý nghiêm minh những vi phạm của kinh tế tư nhân cũng như của cán bộ, cơ quan thi hành công vụ. Tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về kinh tế tư nhân, một mặt để người dân hiểu và chấp hành, mặt khác để đấu tranh với việc vi phạm các chủ trương, quan điểm, chính sách ấy. Những cá nhân, đơn vị kinh tế tư nhân kinh doanh có hiệu quả cao, có đóng góp đáng kể cho ngân sách nhà nước, tạo nhiều việc làm mới cho người lao động phải được tôn vinh. Bảo hộ sự phát triển, tạo dựng môi trường tâm lý xã hội thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân cũng là một việc làm hết sức cần thiết để phát triển kinh tế tư nhân.

Ba là, Nhà nước cần xây dựng mới các khu công nghiệp và khu chế xuất có cơ sở hạ tầng cần thiết và định giá phù hợp để khuyến khích các doanh nhân đầu tư phát triển sản xuất.

Khuyến khích mạnh mẽ việc sử dụng đất ở những vùng đất trống, đồi trọc. Cho phép các doanh nghiệp tư nhân được dùng giá trị quyền sử dụng đất để thế chấp khi vay vốn, hoặc góp cổ phần liên doanh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Đối với các tư nhân đang sử dụng đất đã có giấy xác nhận quyền sử dụng, hoặc được chuyển nhượng quyền sử dụng hợp pháp, nếu tiếp tục sử dụng để kinh doanh, thì không phải nộp tiền thuê đất cho Nhà nước.

Về tài chính tín dụng, Nhà nước phải tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân tiếp cận và được hưởng chế độ ưu đãi của nhà nước, kể cả cho kinh tế hộ, cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cải tiến chế độ kê khai và nộp thuế cho phù hợp với đặc điểm của các hộ kinh doanh theo hướng các hộ cam kết và tự khai mức thuế phải nộp, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thất thu thuế do lậu thuế, trốn thuế, nợ, đọng thuế. Khuyến khích việc thành lập và tham gia quỹ bảo hiểm sản xuất có sự trợ giúp của Nhà nước. Bên cạnh những quyền lợi được thụ hưởng từ phía Nhà nước, kinh tế tư nhân phải thực hiện đúng những quy định của pháp luật, như Luật Lao động, về chế độ tiền lương, tiền thưởng và những điều kiện về vệ sinh an toàn lao động... Phải có những quy định chặt chẽ để xử lý những vi phạm về kinh tế trong chính sách lao động - tiền lương.

Mặt khác, Nhà nước cần có chính sách thiết thực và cụ thể để hỗ trợ kinh tế tư nhân về vốn, công nghệ, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh. Mở rộng dịch vụ tư vấn, khuyến khích, hỗ trợ kinh tế tư nhân ứng dụng công nghệ mới (kể cả công nghệ thông tin), hỗ trợ thông tin và xúc tiến thương mại ở thị trường trong và ngoài nước ; nghiên cứu tổng kết thực tiễn nhằm phát huy ưu điểm, kịp thời phát hiện những khuyết điểm, nhược điểm của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để có những quyết định phù hợp.

Bốn là, xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý cơ chế chính sách để quản lý kinh tế tư nhân. Giám sát chặt chẽ việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và cần có một đầu mối để phối hợp theo dõi quản lý kinh tế tư nhân từ cấp cơ sở đến Trung ương. Các cơ quan bảo vệ pháp luật chỉ được phép kiểm tra, thanh tra các đơn vị kinh tế tư nhân khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Cuối cùng, vấn đề có tính chất quyết định để đảm bảo cho kinh tế tư nhân phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân và các hiệp hội để bảo đảm sự phát triển một cách bền vững. Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX đã và đang tạo cho kinh tế tư nhân thời cơ phát triển thuận lợi, động lực và sinh khí mới. Nếu tổ chức thực hiện tốt kinh tế tư nhân sẽ tiếp tục góp phần không nhỏ vào sự nghiệp chung, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. □



Học tập - con đường tiến bộ của mọi người

NGỌC ĐÁN*

TỪ khi loài người sinh ra, khát vọng làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân mình để mưu cầu cuộc sống hạnh phúc đã trở thành một mục tiêu cụ thể, đích thực của con người. Con đường để đi đến cái đích đó không gì khác hơn là phải lao động, học tập. Bởi vậy, học tập luôn là chủ đề được quan tâm trong mọi xã hội, mọi hoàn cảnh đối với con người. "Ngu dốt không đáng hổ thẹn bằng thiếu ý chí học hỏi", "Hãy học tập như anh phải sống mãi, học tập làm trí tuệ rạng sáng ra"... Việc học tập phải đi đến tận cùng của cuộc đời mỗi con người, bất kỳ họ làm việc gì.

Sự nghiệp phát triển giáo dục, tạo môi trường xã hội lành mạnh cho việc học tập của mọi người dân được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm, coi đó là

"quốc sách", là nhiệm vụ hàng đầu trong bất kỳ hoàn cảnh nào, nhất là trong thời kỳ tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngày nay, hàm lượng tri thức đóng vai trò rất to lớn trong việc tạo ra mỗi sản phẩm xã hội. Nếu ai không thường xuyên bổ sung kiến thức, tiếp thu những tri thức mới sẽ dậm chân tại chỗ, tụt hậu, tiếp tục chịu cảnh đói nghèo. Ta hãy thử quan sát công việc của người nông dân. Làm ra hạt lúa, củ khoai, trồng cà phê, cây điều mà dùng giống cũ, kỹ thuật cổ truyền thì năng suất thấp kém, giá cả không cạnh tranh được với thị trường. Trong công nghiệp, các xí nghiệp, nhà máy nếu không đổi mới công nghệ, phù hợp với những hướng đi mới với các mặt hàng mới thích hợp thì sẽ phá sản hoặc phải nhờ "bầu sũ" nhà nước mới tồn tại được. Đó là chưa nói

những vấn đề tổ chức, quản lý kinh doanh đòi hỏi chúng ta phải học tập, nâng cao kiến thức hằng ngày.

Học tập theo nghĩa rộng (không chỉ trong nhà trường) đang thực sự trở thành một yêu cầu cấp bách. Ngay cả trong công tác tư tưởng, lý luận cũng vậy. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin với tư cách là một học thuyết khoa học phải được nghiên cứu, nhận thức đầy đủ và thường xuyên được bổ sung, phát triển trong sự vận động không ngừng của thế giới. Nắm chắc chủ nghĩa Mác - Lê-nin là phải thường xuyên suy nghĩ hiện thực đời sống xã hội, giải thích đúng đắn sự vận động của nó và vận dụng những nguyên lý cơ bản trong việc đề ra đường lối, chủ trương thích ứng với điều kiện đổi mới, phù hợp với xu thế thời đại. Sự đúng đắn và sáng tạo trong việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta qua các thời kỳ cách mạng đã chứng minh điều đó. Ngày nay, nhận thức đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lê-nin là phải nắm

* Đài Truyền hình Việt Nam

chắc điều kiện khách quan, chủ quan để phát triển những tư tưởng khoa học đó trong từng lĩnh vực cụ thể. Cuộc đời Bác Hồ là tấm gương vĩ đại đối với chúng ta về việc học tập, nghiên cứu một cách khoa học sáng tạo. Cuộc sống thường xuyên vận động, biến đổi, những tri thức ngày hôm qua cần được bổ sung, phát triển đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài của cuộc sống. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong điều kiện thực tế của Việt Nam.

Ngày nay, để thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" thì một trong những giải pháp cơ bản là phải thúc đẩy xã hội học tập. Học tập để chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, nâng cao tri thức của mỗi người làm tiền đề cho việc xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm thúc đẩy công tác giáo dục, tạo mọi cơ hội để phát triển khả năng học tập của mỗi con người. Mặc dù vậy, hiện tại chúng ta vẫn thấy rằng, so với các nước quanh ta, sự nghiệp giáo dục, đào tạo nước ta vẫn ở mức lạc hậu. Chúng ta

đang vươn tới phổ cập tiểu học thì Hàn Quốc đã nhảy vọt đến phổ cập đại học. Năm 2000, số sinh viên trên một trăm nghìn dân ở ta chỉ đạt 117 người, thì Thái Lan đạt 216 người, Phi-lip-pin là 271 người ...

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nhận thức sâu sắc giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Đảng ta dự báo rằng : "Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt, kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng xã hội". Từ đó, Đảng ta khẳng định phải làm cho văn hóa, giáo dục thấm sâu vào đời sống xã hội, trở thành nhu cầu của từng cá nhân, từng cộng đồng và của toàn xã hội.

Cán bộ, đảng viên phải nhận thức tầm quan trọng của việc học tập và gắn học với hành, lý luận với thực tiễn. Trong thực tế, mọi người, bất cứ họ là ai đều phải học, cuộc sống đòi hỏi chúng ta phải không ngừng nâng cao trình độ, kiến thức, học cái mà mình đang cần, cái phải hướng tới. Học phải gắn bó với lao động sản xuất và đáp ứng yêu cầu phát triển của thực tiễn.

Phần lớn cán bộ, đảng viên của ta hiện nay đều có trình độ văn hóa, trình độ học vấn tương đối cao, nhưng đó mới chỉ là chìa khóa để mở đầu sự vươn tới. Nếu chỉ dừng lại ở những kiến thức nhà trường cung cấp, không tiếp tục đọc thêm, học thêm, nghiên cứu thêm, sẽ tụt hậu. Sự lạc hậu về tư duy lý luận, kiến thức chuyên môn, hiểu biết xã hội, nhất là đối với đội ngũ những nhà lãnh đạo, quản lý, thì hậu quả để lại thật khốn lường. Điều đó không những cản trở sự phát triển của xã hội mà thậm chí còn gây lãng phí, phá hoại sự nghiệp của một tập thể. Thực tế là có một số cán bộ, đảng viên có bằng cấp thật, nhưng quá trình học tập nghiên cứu thiếu thực chất nên không tương xứng với giá trị của bằng cấp mà Đảng, Nhà nước trao cho họ. Một số khác thì không chịu học tập, nghiên cứu một cách nghiêm túc, thỏa mãn với những vốn kiến thức ít ỏi từ mấy chục năm trước mà mình đã có, kiến thức ngày càng mòn, không đáp ứng yêu cầu công việc. Bởi vậy, phải vận động mọi người tự giác học, không được chủ quan, tự mãn ; từ bỏ lối học giáo điều, thụ động, tiếp thu một

chiều. Xã hội không đủ trường lớp và điều kiện công tác cũng không cho phép mỗi cán bộ, đảng viên có thể học suốt trong nhà trường. Vì vậy, mỗi người phải chủ động tự học, tự nghiên cứu, tự nâng cao trình độ học vấn và tay nghề của mình.

Chúng ta đã chứng kiến không ít người có kiến thức sâu rộng, học giả uyên bác mà kết quả đó là sự rèn luyện, tự học tập. Nhà bác học Lê Quý Đôn đã từng nói : Muốn viết được "trong đầu phải có ba vạn cuốn sách, trong mắt phải thấy được hết núi non, hiểm trở". Tự học tập là tự đọc, tự nghiên cứu, tìm tòi trong thực tiễn để sáng tạo. Tự học là quá trình cần mẫn, dày công suy nghĩ những điều mình đọc được trong sách vở, trong cuộc sống đất nước, phân tích, lý giải những vấn đề của thời đại. Quá trình đó phải được đặt ra nghiêm túc, thường xuyên. Mặt khác, chúng ta cũng phải thấy rằng điều kiện để tự học, nâng cao trình độ ngày nay tương đối thuận lợi cho những người có ý thức học tập. Sự phát triển của khoa học - công nghệ, trực tiếp là công nghệ thông tin, đã kéo theo những tác động

khách quan làm thay đổi cả bản chất của việc tự học, nhất là đối với những người có trình độ đại học. Nhờ có máy tính, đặc biệt là mạng In-tơ-nét, kho tàng tri thức của nhân loại đã được lưu trữ, xử lý và trao đổi dễ dàng trên phạm vi toàn cầu theo nhu cầu và không phụ thuộc vào vị trí địa lý cũng như địa vị xã hội của người sử dụng. Từ đó xuất hiện một kiểu tự học có điều khiển như một phương thức đào tạo từ xa. Như vậy, quá trình học qua mạng In-tơ-nét đã khắc phục được tình trạng thiếu thông tin, thiếu tư liệu, thậm chí, giờ đây người học lại chịu sự quá tải về thông tin, dư thừa về tài liệu. Cho nên, người học ngày nay phải có phương pháp nghiên cứu đúng đắn, xác định rõ mục tiêu tự học, học cái gì, nhằm mục đích gì và kết quả nghiên cứu tùy thuộc khả năng xử lý thông tin của mỗi người.

Cùng với quá trình đổi mới nội dung và hình thức đào tạo ở các nhà trường, việc xây dựng xã hội học tập tức là tạo môi trường mới để mọi người có thể học tập qua nhiều kênh, bằng nhiều phương thức và vấn đề xác định mục tiêu học tập của mỗi người

cũng hết sức quan trọng. Học là để phục vụ cho nhu cầu công tác, làm việc của mỗi người, gắn với thực tiễn. Việc nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng phải được nhận thức sâu sắc qua thực tiễn cuộc sống, kiểm nghiệm trong thực tế, trong lĩnh vực hoạt động của mình. Tức là được tiếp thu một cách tích cực, chứ không phải thụ động, kinh viện. Mỗi cấp ủy đảng cần hướng mục tiêu học tập vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn của mình, trong tổ chức của mình, góp phần khơi dậy mạnh mẽ và sâu sắc tính tích cực của xã hội trong hành động thực tế.

Học tập rõ ràng đã trở thành một yêu cầu bức thiết của toàn xã hội, trước hết là đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vì Đảng ta là đội quân tiên phong, tiêu biểu cho đổi mới và trí tuệ. Học tập để không ngừng nâng cao tri thức là tiền đề hết sức quan trọng để xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đấu tranh chống lại những tư duy thiển cận, vụ lợi và sự tụt hậu. □



TOÀN CẦU HÓA - hai mặt thuận và nghịch đối với thương mại của Việt Nam

NGUYỄN THANH NGÀ*

XÉT trên khía cạnh kinh tế, đối với một nước, toàn cầu hóa là sự hội nhập với nền kinh tế thế giới thông qua mở cửa và áp dụng chiến lược tăng trưởng nhờ xuất khẩu trong khuôn khổ nền kinh tế thị trường, chịu tác động của các quy định, luật lệ của các định chế đa phương.

Hội nhập kinh tế quốc tế là một tất yếu khách quan. Nó đặt ra những cơ hội và thách thức đối với bất cứ nước nào. Đối với Việt Nam cũng như vậy, dù quá trình hội nhập được bắt đầu từ khi thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa năm 1986, tiếp đến là gia nhập ASEAN và APEC, ký kết các hiệp định thương mại song phương, đặc biệt quan trọng là Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và đàm phán gia nhập WTO.

Với việc ký kết các hiệp định thương mại song phương, khu vực và đa phương, *Việt Nam có thể tham gia vào thương mại thế giới trên nguyên tắc có đi có lại, không phân biệt đối xử dựa trên quy chế tối huệ quốc (MFN) và đối xử quốc gia (NT)*. Đây là lợi ích quan trọng nhất, bởi Việt Nam sẽ được tiếp cận thị trường thế giới trên cơ sở bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh với

hàng hóa của các đối thủ cạnh tranh và của nước nhập khẩu.

Nguyên tắc trên mang lại lợi ích nhiều hơn cho Việt Nam với tư cách thành viên trong ASEAN và APEC và đặc biệt nếu Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO. Việt Nam được hưởng lợi ích từ các cam kết tự do hóa đơn phương và đa phương của các nước thành viên nhằm giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan, đặc biệt là những thành quả đàm phán trong GATT và sau này là WTO. Việt Nam cũng sẽ được hưởng những điều khoản ưu đãi dành cho các nước đang và kém phát triển. Ngoài ra, nguyên tắc này còn tạo cơ hội để Việt Nam thương lượng và giải quyết những tranh chấp thương mại nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia trong cơ chế giải quyết tranh chấp (DSM) công minh và bình đẳng. Việt Nam cũng có cơ hội để nhận được sự giúp đỡ kỹ thuật và tư vấn về những vấn đề thống kê mậu dịch và chính sách thương mại. Khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam sẽ được quyền tham gia vào các cuộc đàm phán, thương lượng

* Chuyên viên nghiên cứu Viện Nghiên cứu Thương mại, Bộ Thương mại

phân chia quyền lợi, thị trường và đấu tranh hoặc thỏa thuận về những vấn đề gây phương hại đến lợi ích thương mại của quốc gia.

Hội nhập đòi hỏi sự *điều chỉnh và hoàn thiện chính sách thương mại theo hướng mở cửa và phù hợp với thông lệ quốc tế*. Thể chế thương mại của Việt Nam đã thay đổi theo hướng nới lỏng sự kiểm soát và điều tiết của Nhà nước : khuyến khích việc sản xuất xuất khẩu, mở rộng quyền kinh doanh xuất nhập khẩu cho mọi thành phần kinh tế và bãi bỏ những giấy phép và thủ tục rườm rà liên quan đến xuất nhập khẩu. Những chính sách thương mại hiện nay của Việt Nam đều được rà soát và điều chỉnh theo những quy định và luật lệ trong WTO nên có thể coi đây là giai đoạn chuẩn bị để Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức này. Những thay đổi trên có tác dụng nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế và đem lại lợi ích trên nhiều mặt.

Sự mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu không những giúp tăng kim ngạch xuất khẩu mà còn phân tán rủi ro thương mại. Trước đây, thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là các nước Đông Âu thuộc khối SEV và một số nước xã hội chủ nghĩa khác. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, tỷ trọng xuất sang khu vực này giảm dần từ 57% trong tổng kim ngạch xuất khẩu năm 1990 xuống xấp xỉ 2% hiện nay.

Nhờ quan hệ thương mại của Việt Nam đã được mở rộng hơn với việc gia nhập ASEAN, APEC, ký kết Hiệp định với EU và Hiệp định Việt - Mỹ, đàm phán gia nhập WTO nên dù có những biến động trên thị

trường thế giới trong một thập niên qua, xuất khẩu có lúc bị chững lại nhưng nhìn chung tỷ trọng xuất khẩu trong GDP không ngừng tăng, từ 22,8% năm 1990 lên 31,0% năm 1996 và đạt 50% vào năm 2001. Kim ngạch xuất khẩu tăng gấp 10 lần từ 789 triệu USD năm 1986 lên 7 255 triệu USD năm 1996. Trong giai đoạn 1991 - 2001, xuất khẩu đã tăng 7,5 lần từ 2 042 triệu USD lên 15 027 triệu USD.

Cũng chính nhờ có chính sách đa dạng thị trường xuất khẩu, thương mại của ta tuy có suy giảm sau khủng hoảng tài chính châu Á nhưng không bị tác động quá nặng nề. Ta đã nhanh chóng mở rộng thương mại với các châu lục khác đặc biệt là với Mỹ và châu Đại Dương. Đó là hướng đi đúng đắn. Bởi trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động và sự phục hồi của các nền kinh tế đều không chắc chắn, để duy trì được mức xuất khẩu, nhất thiết chúng ta phải tiếp tục đa dạng hóa thị trường.

Toàn cầu hóa giúp *đa dạng hóa và chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng tăng giá trị gia tăng*. Nó cho phép các nước sử dụng các yếu tố như hàng hóa, dịch vụ, vốn, nhân công, thông tin và nhiều yếu tố khác ngoài giới hạn của nguồn lực và thị trường trong nước. Ngoài ra, các nước có thể sử dụng các nguồn lực của mình một cách có hiệu quả do sự chuyên môn hóa sản xuất dựa trên lợi thế so sánh của từng nước. Kể từ giai đoạn hội nhập 1991 - 1995, xuất khẩu Việt Nam tăng đều một số mặt hàng có lợi thế so sánh như dầu thô, gạo, cà-phê, giày dép, hàng dệt may, hải sản, sản phẩm gỗ tinh chế và linh kiện điện tử, trong khi tỷ trọng các nguyên vật liệu thô và khoáng sản có xu hướng giảm.

Nhưng đáng nói hơn là sự năng động thương mại từ toàn cầu hóa. Mở rộng xuất khẩu thúc đẩy việc đạt được giá và chất lượng cạnh tranh quốc tế, dẫn đến cải thiện năng suất lao động và làm đa dạng, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng tăng giá trị gia tăng. Nhập khẩu tăng cũng gây áp lực, buộc các nhà sản xuất trong nước phải tăng năng suất, hạ chi phí sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Minh chứng cho điều này là hàm lượng chế biến cũng như tỷ trọng hàng chế biến trong xuất khẩu của Việt Nam tăng tương đối nhanh trong giai đoạn vừa qua, đặc biệt là từ sau năm 1997. Điều này cũng phản ánh sự gia tăng tốc độ chuyển giao vốn, dây chuyền sản xuất, công nghệ từ các nước phát triển, trong đó chủ yếu là từ các nước công nghiệp mới (NIEs) sang Việt Nam. Việt Nam hội nhập nhiều hơn vào nền kinh tế thế giới sẽ tạo điều kiện thu hút nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành chế biến và công nghiệp chế tạo sử dụng nhiều lao động trong thời gian tới.

Tự do hóa thương mại và hội nhập vừa ép buộc vừa thúc đẩy sự phát triển các ngành dịch vụ ở Việt Nam. Để có thể phát triển được xuất khẩu hàng hóa thì các dịch vụ hạ tầng phục vụ xuất khẩu phải phát triển. Đồng thời, tự do hóa thương mại không chỉ dừng lại ở tự do hóa thương mại hàng hóa mà mọi tổ chức thương mại trên thế giới đều buộc các nước thành viên phải tự do hóa khu vực dịch vụ. Sự mở rộng đầu tư và tham gia của khu vực tư nhân và của nước ngoài cũng tạo ra môi trường cạnh tranh và thúc đẩy các ngành dịch vụ trong nước phát triển.

Sự phát triển các ngành dịch vụ và xuất khẩu dịch vụ có mối liên hệ nhân quả

mật thiết với phát triển kinh tế và nó đặc trưng cho nền kinh tế phát triển. Đối với Việt Nam, xuất khẩu dịch vụ ra nước ngoài tuy còn khó khăn, nhưng sức ép cạnh tranh đã làm phong phú và nâng cao chất lượng các hình thức cung cấp dịch vụ của các ngành du lịch, ngân hàng, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải, điện, nước v.v. Chính sự nâng cấp này đã mang lại nguồn thu lớn cho đất nước, đặc biệt thông qua xuất khẩu dịch vụ tại chỗ. Trong vài năm trở lại đây, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu dịch vụ trong tổng xuất khẩu có phần nhanh hơn xuất khẩu hàng hóa.

Toàn cầu hóa còn tạo ra nhiều cơ hội để Việt Nam tăng mật độ dịch. Nó không chỉ đơn thuần thúc đẩy việc hình thành môi trường kinh doanh cởi mở và công bằng hơn mà còn giúp nâng cao chất lượng các nguồn lực đầu vào như vốn, công nghệ, trình độ nhân lực, trong đó phải kể đến cơ hội để các doanh nhân Việt Nam nâng cao nghệ thuật và trình độ kinh doanh. Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng có những mặt tiêu cực.

Hội nhập kinh tế được thể hiện bằng việc Việt Nam tham gia vào các hiệp định thương mại song phương, khu vực và đa phương. Điều này buộc Việt Nam phải xây dựng khuôn khổ pháp lý và cải cách chính sách thương mại sao cho đảm bảo tăng trưởng xuất khẩu và phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế và những cam kết trong các Hiệp định. Song vấn đề không dễ dàng khi Việt Nam vẫn đang trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường, có sự thiếu đồng bộ trong các chính sách và trong thực thi pháp luật còn có trường hợp tùy tiện của một vài cấp chính quyền địa phương và doanh nghiệp.

Tranh chấp thương mại đang diễn ra khá phổ biến trong bối cảnh thương mại quốc tế hiện nay. Những vụ kiện về bán phá giá không chỉ phổ biến trong thương mại Nam - Bắc mà ngay cả trong thương mại Nam - Nam. Những tranh chấp này sẽ được giải quyết theo DSM của một quốc gia hay khu vực, ví dụ DSM của ASEAN hoặc DSM của WTO. Việc nâng cao năng lực pháp lý để có thể theo kiện không phải là đơn giản nhưng đó là việc phải làm trong quá trình hội nhập. Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực chưa đầy một năm nhưng đã có vụ kiện bán phá giá cá ba sa. Mức độ hội nhập càng sâu, thì những trường hợp tương tự càng nhiều hơn.

Với chiến lược tăng trưởng kinh tế nhờ vào xuất khẩu, viễn cảnh tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ phụ thuộc nhiều vào viễn cảnh nền kinh tế thế giới, đặc biệt là các nền kinh tế lớn. Tỷ trọng xuất khẩu trên GDP của ta khá cao : năm 2001 là 50%. Sự lệ thuộc vào xuất khẩu sẽ khiến nền kinh tế dễ bị tổn thương bởi những biến động của các thị trường thế giới.

Triển vọng kinh tế thế giới trong những năm tới không mấy sáng sủa. Sự phục hồi của các nền kinh tế Mỹ, EU và Nhật Bản không rõ ràng. Biến động giảm giá của đồng đô-la Mỹ so với đồng Ô-rô và đồng Yên gây ra những biến động trên các thị trường chứng khoán thế giới và làm giảm giá trị xuất khẩu của hàng xuất khẩu Việt Nam. Sự gia tăng chi phí quân sự ở các nước giàu như Mỹ và một số nước EU có thể khiến mức tiêu dùng hàng nhập khẩu từ các nước đang phát triển giảm. Ngoài ra, giá dầu có thể tăng cao do những biến động ở Trung Đông. Do vậy, Chính phủ luôn phải chủ động áp dụng những chính sách

tiền tệ và tài khóa phù hợp để duy trì lạm phát ở mức thấp và không làm giảm khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu. Các doanh nghiệp cũng cần có khả năng đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn. Điều quan trọng hơn là, phải có sự tư vấn trong việc đề ra chính sách giữa Chính phủ và các doanh nghiệp dựa trên sự thông suốt về thông tin.

Thương mại phụ thuộc nhiều vào xu hướng giá cả các hàng hóa thế giới. Giá cánh kéo giữa hàng xuất khẩu và nhập khẩu của các nước đang phát triển nói chung giảm đáng kể trong hai thập niên trở lại đây. Sự giảm giá này đã có tác động rất tiêu cực đến sản xuất và xuất khẩu một số mặt hàng của Việt Nam. Những mất mát do thay đổi giá cánh kéo này sẽ kéo theo giảm thu nhập quốc gia từ thương mại, đặc biệt khi tỷ trọng thương mại trên GDP cao. Với việc giá các hàng công nghiệp chế tạo xuất khẩu ước tính tăng từ 4 đến 4,5%/năm và việc đồng đô-la có xu hướng mất giá thì mất mát từ thương mại của các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, là khá lớn.

Mặc dù toàn cầu hóa được coi là sân chơi bình đẳng cho các quốc gia dựa trên khuôn khổ luật pháp thế giới nhưng các nước giàu vẫn bằng mọi cách lạm dụng hệ thống thương mại thế giới này để thu được lợi ích thương mại nhiều hơn. Họ thường gây áp lực thông qua cơ chế ràng buộc trong WTO hay các điều kiện cho vay của IMF hoặc WB để buộc các nước nghèo đẩy nhanh tự do hóa thương mại. Nhưng ngược lại, chính họ lại xây dựng các hàng rào bảo hộ cho các ngành sản xuất nhạy cảm của họ như nông sản, dệt may - những ngành mà chính các nước đang phát triển có lợi thế

xuất khẩu. Họ cũng dựng lên những hàng rào phi thuế như hạn ngạch và các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với một số mặt hàng xuất khẩu có tiềm năng của các nước phát triển như những quy định ngặt nghèo về tiêu chuẩn chất lượng, độ an toàn thực phẩm đối với nông sản, hải sản chế biến nhập khẩu.

Quá trình toàn cầu hóa đặt các doanh nghiệp trong nước vào cuộc cạnh tranh gay gắt. Toàn cầu hóa được đặc trưng bởi sự tự do lưu chuyển các luồng vốn, hàng hóa, dịch vụ và sự bành trướng của các công ty xuyên quốc gia. Như vậy, một nước phải tự do hóa thương mại đơn phương, song phương và đa phương ; áp dụng việc đối xử MFN và NT đối với hàng hóa và dịch vụ của nước khác. Các doanh nghiệp Việt Nam với vốn, quy mô kinh doanh nhỏ, thiếu kinh nghiệm thương trường, dễ tòn tại trong cuộc cạnh tranh đó không phải điều đơn giản.

Trước những mặt thuận và không thuận của toàn cầu hóa đối với thương mại của Việt Nam, chúng ta phải làm tốt mấy việc sau.

Nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp ; mặt khác, phải lựa chọn và ấn định thời gian duy trì bảo hộ các ngành non trẻ trong nước. Khả năng cạnh tranh của hầu hết các ngành của ta đều thấp, cộng vào đó là sức ỳ của một số nhóm, ngành vốn được lợi nhờ bảo hộ. Theo nghiên cứu gần đây của Ngân hàng thế giới về cải cách chính sách thương mại của Việt Nam⁽¹⁾, thì mức bảo hộ hiệu quả (ERP) đối với các ngành công nghiệp chế tạo của Việt Nam là trên 100%, cao hơn nhiều so với các nước khác trong khu vực. Trong

khi đó, ta lại không bảo hộ nhiều hàng nông sản và các hàng chế tạo sử dụng nhiều lao động có tiềm năng xuất khẩu khác như các ngành : may, nhựa, đồ da, gốm sứ và linh kiện điện tử.

Ngoài ra, bảo hộ một ngành sản xuất trong nước chắc chắn sẽ kéo theo việc phân biệt đối xử đối với hàng nhập khẩu có khả năng cạnh tranh, đẩy giá nội địa lên cao làm người tiêu dùng chịu thiệt và có tác động bất lợi đối với những ngành sản xuất khác trong nước.

Chính các nước phát triển cũng phải bảo hộ ngành sản xuất của mình như Mỹ bảo hộ ngành thép, EU bảo hộ nông sản. Nhưng liệu ta có đủ khả năng tài chính để bảo hộ các ngành của mình khi các đối thủ cạnh tranh có khả năng giảm chi phí xuống rất thấp. Đây là chưa kể bảo hộ luôn phải đương đầu với những biện pháp trả đũa. Do đó về lâu dài vẫn phải tăng khả năng cạnh tranh hàng hóa của ta.

Hiện nay, những đối thủ cạnh tranh của Việt Nam là những nước có lợi thế chi phí nhân công thấp.

Vậy, vấn đề đặt ra là Việt Nam cần có chính sách thích hợp để đầu tư có hiệu quả và thích đáng vào các cơ sở hạ tầng dịch vụ cho xuất khẩu như phát triển mạng lưới thông tin liên lạc, đường sá, phương tiện vận tải, giảm cước phí điện, nước, viễn thông, v.v.. Xây dựng chiến lược phát triển thương mại điện tử cũng là một đòi hỏi cấp thiết. □

(1) Pre-me-chan-đa A-thu-ko-ra-la : *Cải cách chính sách thương mại, chiến lược xuất khẩu và cơ cấu khuyến khích xuất khẩu*, Đại học Quốc gia Ô-xtrây-li-a, tháng 3-2002

CHÍNH PHỦ HỌP PHIÊN THƯỜNG KỲ, THÁNG 10 - 2002

NGÀY 30 và 31-10-2002, Chính phủ đã họp phiên thường kỳ tháng 10. Được sự ủy nhiệm của Thủ tướng Phan Văn Khải, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Tấn Dũng chủ trì phiên họp.

Mở đầu phiên họp, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Tấn Dũng thông báo với Chính phủ về vụ cháy lớn chiều 29-10 tại Trung tâm Thương mại quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Chính phủ dành phút tưởng niệm những người đã mất, chia sẻ tổn thất, đau thương với các nạn nhân và gia đình những người bị nạn. Thực hiện chỉ thị của đồng chí Tổng Bí thư và thay mặt Chính phủ, ngay trong sáng 30-10, Phó Thủ tướng Vũ Khoan đã có mặt tại Thành phố Hồ Chí Minh để cùng các đồng chí lãnh đạo địa phương chỉ đạo khắc phục hậu quả vụ hỏa hoạn nghiêm trọng này.

Chính phủ dành nhiều thời gian tập trung thảo luận : Đề án cải cách tiền lương và chính sách xã hội ; Những giải pháp cấp bách chống ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông ; Nghị định về việc chuyển đổi tổ chức Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước theo mô hình công ty mẹ - công ty con ; Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện *Kết luận* của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về khoa học, công nghệ và giáo dục, đào tạo. Chính phủ nhấn mạnh, về khoa học và công nghệ, từ nay đến năm 2010 nhằm giải đáp kịp thời những vấn đề lý luận và thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân ; chú trọng chuyển giao kỹ thuật tiên bộ và thành tựu khoa học - công nghệ cho nông thôn ; xây dựng và phát triển có trọng điểm một số hướng công nghệ cao và một số ngành công nghiệp công nghệ cao ; đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý, nâng cao trình độ quản lý khoa học công nghệ, tạo động lực phát huy mạnh mẽ năng lực nội sinh, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ. Về giáo dục và đào tạo, Chính phủ chỉ đạo từ nay đến năm 2010 phải nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo ; phát triển quy mô giáo dục, đào tạo cả đại trà và mũi nhọn, trên cơ sở bảo đảm chất lượng và điều chỉnh cơ cấu đào tạo, gắn đào tạo với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo với sử dụng ; thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, đào tạo.

Sau khi thảo luận *Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 10 và 10 tháng năm 2002*, Chính phủ nhận định, kinh tế - xã hội 10 tháng qua có nhiều chuyển biến tích cực : công nghiệp tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng cao, sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, mức thiệt hại do thiên tai, lũ lụt giảm thấp ; dịch vụ tiếp tục phát triển ; thực hiện khối lượng vốn đầu tư đạt khá, thu ngân sách Nhà nước vượt cao so với dự kiến ; hoạt động xuất khẩu trong tháng 10 có tiến bộ rõ rệt, đạt 1,5 tỉ USD/tháng... Các hoạt động trong lĩnh vực xã hội đạt được những kết quả đáng kể, nhất là công tác xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe trẻ em.

Phát biểu ý kiến kết thúc phiên họp, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Tấn Dũng nêu rõ những nguyên nhân đạt được các kết quả đáng phấn khởi trong những tháng qua là do chủ trương và đường lối đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo chặt chẽ và hiệu quả của Chính phủ, nhất là việc chỉ đạo, điều hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn sản xuất với thị trường có hiệu quả ; sự năng động, sáng tạo trong sản xuất và tổ chức đời sống của các tầng lớp nhân dân... Phó Thủ tướng Thường trực nhấn mạnh một số mặt yếu kém trong công tác chỉ đạo, điều hành cần được khắc phục tốt trong thời gian còn lại của

năm 2002, trước mắt là giảm các chi phí trung gian còn cao đối với một số sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp. Phó Thủ tướng Thường trực cũng yêu cầu lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc, nhất là tai nạn giao thông, tệ nạn ma túy, mại dâm và giải quyết dứt điểm các vụ việc đã được thanh tra xem xét, kết luận ; chuẩn bị tốt việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2003. □

HỘI THẢO VỀ NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY LỊCH SỬ Ở CÁC BẬC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG SƯ PHẠM VÀ PHỔ THÔNG

TRONG hai ngày 23 và 24-10-2002, tại Hà Nội, Hội Giáo dục Lịch sử thuộc Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam và Khoa Lịch sử Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đã tổ chức Hội thảo : *Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử thời Nguyễn ở Đại học - Cao đẳng Sư phạm và Phổ thông*. Tham dự hội thảo có đại biểu Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, các viện nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng sư phạm, các sở giáo dục và đào tạo, các nhà khoa học, nhà sư phạm trong cả nước.

Trong số hơn 100 báo cáo khoa học gửi đến Hội thảo, có 10 báo cáo đề cập đến các vấn đề chung bao gồm : định hướng tư tưởng và phương pháp luận ; 34 báo cáo đề cập về nội dung và phương pháp giảng dạy các vấn đề có liên quan đến lịch sử thời Nguyễn trong chương trình, sách giáo khoa lịch sử phổ thông hiện hành và việc giảng dạy lịch sử thời Nguyễn trong các trường đại học, cao đẳng sư phạm ở nước ta hiện nay ; gần 70 báo cáo phản ánh những thành tựu nghiên cứu và nhận thức mới về lịch sử thời Nguyễn như : Nhà nước thời Nguyễn (thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa, tôn giáo, pháp luật, quân sự, chính sách đối nội, đối ngoại) ; một số nhân vật tiêu biểu thời Nguyễn ; nhà Nguyễn đối với nhân dân, dân tộc ; vị trí triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam trước đây và hiện nay...

Hội thảo tập trung phân tích, làm rõ những nội dung cơ bản : Tình hình nghiên cứu và giảng dạy lịch sử thời Nguyễn ; lịch sử thời Nguyễn và các vấn đề như kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội, chống ngoại xâm ; nội dung và phương pháp dạy học lịch sử thời Nguyễn ở đại học, cao đẳng, phổ thông ; những phát hiện mới về mặt tư liệu có liên quan đến lịch sử thời Nguyễn...

Hội thảo đặt vấn đề phải có cách nhìn nhận, đánh giá lịch sử thời Nguyễn một cách khoa học, khách quan, gợi mở những ý tưởng về phương thức tích hợp giữa các thành tựu nghiên cứu mới về lịch sử thời Nguyễn với việc giảng dạy lịch sử, nhất là lịch sử phổ thông. Cần có sự đánh giá công bằng về thời Nguyễn, trên cơ sở xem xét cả hai mặt : tích cực và hạn chế của triều đại này.

Tại Hội thảo, các nhà khoa học, các nhà sư phạm lịch sử trong cả nước đã có điều kiện gặp gỡ để trao đổi, thảo luận, bày tỏ ý kiến và quan niệm của mình dưới những góc độ khác nhau về lịch sử thời Nguyễn, vì một mục đích chung là nâng cao chất lượng giáo dục, giáo dưỡng thông qua việc giảng dạy bộ môn lịch sử ở đại học, cao đẳng sư phạm và phổ thông. Hội thảo đã gợi mở và góp phần định hướng cho các nhà nghiên cứu, các nhà sư phạm trong quá trình xây dựng chương trình, biên soạn sách giáo khoa và phương pháp dạy học môn lịch sử ở đại học, cao đẳng sư phạm và phổ thông. □

HỘI THẢO - TẬP HUẤN ĐO ĐẠC CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM

Hội thảo - Tập huấn đo đạc chỉ số phát triển con người Việt Nam : Phương pháp tiếp cận và ứng dụng thực tiễn, do Viện Nghiên cứu Con người thuộc Trung tâm khoa học nhân văn quốc gia tổ chức, tại Hà Nội, từ ngày 10 đến ngày 12-10-2002.

Tham dự Hội thảo, có đại diện Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học - Công nghệ, Tổng cục Thống kê và đại diện một số bộ, ngành..., hiệu trưởng các trường đại học, các viện nghiên cứu, các nhà khoa học, các báo và tạp chí cùng các chủ tịch Ủy ban nhân dân, trưởng ban tuyên giáo tỉnh ủy, giám đốc sở giáo dục và đào tạo, cục trưởng cục thống kê, giám đốc sở khoa học - công nghệ ; trưởng phòng giáo dục và đào tạo huyện (thị)... ở các địa phương trong cả nước.

Sau phát biểu của GS, VS. Phạm Minh Hạc, Phó Trưởng Ban thứ nhất Ban Khoa giáo Trung ương, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Con người, 20 bản tham luận của các nhà khoa học, Ban chủ nhiệm chương trình KX. 05 và đề tài KX. 05.05, được trình bày tại Hội thảo, tập trung vào 9 chủ đề cơ bản sau :

- Một số vấn đề về quan điểm nghiên cứu phát triển con người và nguồn nhân lực Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tổng quan về chỉ số phát triển con người (HDI) : những kiến giải của Việt Nam trong thời gian qua.

- Một số phương pháp tính chỉ số HDI trong hoàn cảnh của Việt Nam.

- Tổng quan về phương pháp tính chỉ số kinh tế trong hoàn cảnh của Việt Nam.

- Tổng quan phương pháp tính các chỉ số giáo dục.

- Tổng quan phương pháp tính các chỉ số tuổi thọ.

- Tiếp cận giới trong HDI - xác định chỉ số giới (GDI) ở Việt Nam.

- Chỉ số nghèo khổ (HPI), tiếp cận trong hoàn cảnh Việt Nam.

- Kinh nghiệm tính chỉ số HDI của tỉnh Quảng Ngãi.

Hội thảo đã giúp các địa phương tháo gỡ nhiều lúng túng về nhận thức, đồng thời mở ra một số động thái mới cho các tỉnh (thành phố) trong việc triển khai *đo đạc chỉ số phát triển con người Việt Nam* trong thời gian tới. Đặc biệt là, sự thống nhất về quan điểm phát triển con người Việt Nam trên năm đặc trưng cơ bản. *Thứ nhất*, con người được coi là trung tâm của sự phát triển. *Thứ hai*, người dân không chỉ là phương tiện mà còn là mục tiêu của phát triển. *Thứ ba*, phát triển là nâng cao vị thế của người dân. *Thứ tư*, phát triển con người là tạo lập sự bình đẳng về cơ hội cho người dân, không phân biệt chủng tộc, tầng lớp, tôn giáo, giới tính, quốc tịch. *Cuối cùng*, quan điểm phát triển con người mang tính toàn diện vì đó là một quá trình mở rộng cơ hội lựa chọn của người dân về các mặt của cuộc sống như : kinh tế, chính trị, môi trường. Trên cơ sở đó, điều chỉnh mô hình đo chỉ số phát triển con người ở Việt Nam theo 5 chỉ số cơ bản, trong đó có 3 chỉ số của mô hình truyền thống là *sức khỏe, học vấn, mức sống* và 2 chỉ số bổ sung xuất phát từ thực tiễn Việt Nam là, *chỉ số phát triển văn hóa cộng đồng và chỉ số lãnh mạnh xã hội*. □



BỘ Y TẾ

TRƯỜNG KỸ THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ

TRỤ SỞ: PHỐ LƯƠNG ĐÌNH CỬA - P. PHƯƠNG MAI - Q. ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI

ĐT: (84.4) 8522513 - 5760370 - 8525061 * Fax: (84.4) 5760871 * HIỆU TRƯỞNG: BÙI ĐÌNH KIÊN

TRƯỜNG ĐƯỢC THÀNH LẬP NGÀY 14 - 8 - 1973 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 320/ BYT - QĐ CỦA BỘ Y TẾ.
ĐÂY LÀ TRƯỜNG DẠY NGHỀ DUY NHẤT CỦA NGÀNH Y TẾ ĐÀO TẠO CB KỸ THUẬT VỀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ



HIỆU TRƯỞNG: BÙI ĐÌNH KIÊN



TS. Lê Ngọc Trọng, Thứ trưởng Bộ Y tế cùng các vụ chức năng của Bộ thăm Trường



Giờ thực tập thí nghiệm điện tử Y sinh

Dược sự lãnh đạo của Bộ Y tế và sự quan tâm chỉ đạo của Tổng cục Dạy nghề - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trường Kỹ thuật Thiết bị Y tế luôn luôn cố gắng phấn đấu để trở thành trường trọng điểm quốc gia.

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

- Đào tạo chính quy bậc 3/7 công nhân kỹ thuật sửa chữa thiết bị y tế.
- Đào tạo lại, đào tạo nâng cao và bổ túc nâng bậc cho đội ngũ CNKT thiết bị y tế toàn ngành.
- Đào tạo mới, đào tạo lại về sử dụng, bảo dưỡng các thiết bị y tế cho cán bộ y - dược - trang thiết bị y tế.
- Thực hiện lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị y tế theo yêu cầu của các cơ sở.

QUY MÔ ĐÀO TẠO

- + Đào tạo hệ chính quy:**
 - Thời gian: 18-24 tháng.
 - Đối tượng: Học sinh, Cán bộ, công nhân viên tốt nghiệp PTTH và tương đương.
 - Lưu lượng bình quân: 1 000 học sinh/năm.
- + Đào tạo lại:**
 - Thời gian: 1 - 6 tháng.
 - Đối tượng: Kỹ sư, bác sĩ, KVTY - Dược - TTB y tế đã và đang cộng tác tại các cơ sở y tế.
 - Lưu lượng: 300 - 500 học viên/năm.

NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

- Nghề thiết bị điện tử y tế.
- Nghề thiết bị xét nghiệm y tế.
- Nghề thiết bị chuẩn đoán hình ảnh.
- Nghề thiết bị cơ điện y tế.
- Nghề thiết bị điện tử dân dụng.
- Nghề thiết bị điện dân dụng.

HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trường Kỹ thuật Thiết bị Y tế là trường dạy nghề kỹ thuật duy nhất của Bộ Y tế, với yêu cầu kỹ thuật cao. Có trách nhiệm rất lớn để thực hiện mục tiêu chung theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc: "Phê duyệt chính sách Quốc gia về trang thiết bị y tế giai đoạn 2002 - 2010", trong đó phần đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên ngành để khai thác, sử dụng bảo dưỡng, sửa chữa và kiểm chuẩn trang thiết bị y tế.

Chính vì vậy, được phép của Bộ Y tế, Tổng cục Dạy nghề - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND.TP Hà Nội, Trường đang tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và đào tạo đội ngũ giáo viên để trong thời gian từ 5 đến 7 năm tới trở thành "Trung tâm đào tạo kỹ thuật cao về nhân lực kỹ thuật thiết bị y tế", nhằm phát huy và khai thác sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị y tế phục vụ tốt sức khỏe nhân dân. Đồng thời, góp phần thực hiện mục tiêu chung theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đến năm 2010 đạt trình độ kỹ thuật cao về trang thiết bị y tế ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực.

Y - DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ GIỜ ĐÂY ĐÃ LÀ BA BỘ PHẬN CẤU THÀNH NGÀNH Y TẾ VIỆT NAM

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN ĐÔNG MỸ

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÔNG MỸ - THANH TRÌ - HÀ NỘI • ĐT: (04) 8 611479

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN ĐÔNG MỸ GÓP PHẦN ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CHO NỀN KINH TẾ



Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Đông Mỹ được thành lập theo Quyết định số 523/QĐUB của UBND TP Hà Nội trên cơ sở Trường Bổ túc văn hóa Đông Mỹ. Ra đời trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, thiếu trường lớp, cơ sở vật chất nghèo nàn, đội ngũ cán bộ giáo viên còn thiếu. Song với những nỗ lực của mình, đặc biệt là sự quan tâm giúp đỡ của Huyện ủy, UBND huyện Thanh trì cùng các ban ngành khác..., Trung tâm đã được kiện toàn củng cố, các hoạt động đi vào nền nếp và đạt được những thành quả rất đáng khích lệ: Chi bộ của Trung tâm liên tục được công nhận là chi bộ trong sạch, vững mạnh; Công đoàn được Công đoàn Ngành GDVN tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc năm 2002. Đặc biệt, Trung tâm được Chủ tịch UBND Thành phố tặng bằng khen đơn vị tiêu biểu xuất sắc cấp Thành phố 5 năm (1998 - 2002).

Năm học 2001 - 2002, Trung tâm với 18 cán bộ, giáo viên trong biên chế và (9 giáo viên hợp đồng) đã mở được 92 lớp, với 6 210 học viên trong tất cả các loại hình đào tạo (năm 1991 - 1992 trung tâm chỉ có 1 lớp với 12 học viên). Với các loại hình giảng dạy, như: xóa mù chữ, bổ túc tiểu học, bổ túc THCS, bổ túc THPT, chuyên đề nâng cao chất lượng cuộc sống, dạy ngoại ngữ, dạy nghề chính quy và nghề phổ thông... đã phần nào đáp ứng được nhu cầu học tập, nâng cao trình độ trong nhân dân, góp phần quan trọng vào chương trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện.

Trong điều kiện hiện nay, vấn đề chất lượng giáo viên, chất lượng đào tạo luôn được Trung tâm đặt lên hàng đầu và coi đây là yếu tố có tính quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mình. Cho tới nay, đội ngũ giáo viên của Trung tâm đã được chuẩn hóa 100%, hai tổ giáo viên đạt lao động giỏi cấp thành phố, 07 giáo viên giỏi cấp huyện.

Bên cạnh việc phát huy nội lực, Trung tâm đã liên kết với các Trường KTNV - GTVT Hà Nội, Trường Trung học Nông nghiệp Hà Nội, Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh Hà Nội... phối hợp tổ chức tốt việc đào tạo công nhân kỹ thuật bậc 3/7 gồm các nghề: sửa chữa ô tô, hàn cắt kim loại, điện cơ khí, sửa chữa điện tử... Do có sự kết hợp chặt chẽ với các trường dạy nghề, nên chất lượng đào tạo nghề của Trung tâm luôn ổn định, tỷ lệ học viên tốt nghiệp đạt loại khá giỏi tương đối cao, nhiều học sinh sau khi ra trường đã tìm được việc làm ổn định và đảm nhiệm tốt những công việc được giao. Hiện nay, Trung tâm đang được đầu tư xây dựng thêm xưởng trường, trước mắt Trung tâm sẽ mở rộng liên kết với các trường dạy nghề để tổ chức đào tạo các nghề phù hợp với đặc thù của địa phương, đáp ứng được yêu cầu việc làm của nhân dân huyện, phù hợp với nhu cầu phát triển của các khu công nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn.

Những kết quả đạt được đã khẳng định: Trung tâm đã hoạch định cho mình một hướng đi đúng, phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và nguyện vọng nhu cầu của nhân dân. Trong thời gian tới, cùng với sự giúp đỡ của Huyện ủy, UBND huyện Thanh Trì các cấp các ngành của địa phương..., cán bộ, giáo viên và học sinh của Trung tâm sẽ thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đào tạo nhân lực cho công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước.





CÔNG TY THAN VÀNG DANH

ĐC: VÀNG DANH - UÔNG BÍ - QUẢNG NINH * ĐT: (033) 853 104 * FAX: (033) 853 120

BÍ THƯ ĐẢNG ỦY: TRẦN VĂN LỄ - GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN DẬU

CÔNG TY THAN VÀNG DANH

**VỚI "NHIỆM VỤ KINH TẾ LÀ TRỌNG TÂM
NHIỆM VỤ XÂY DỰNG ĐẢNG LÀ THEN CHỐT"**



Dót than ở cảng Diễn Công của Công ty



Áp dụng công nghệ mới chống dãn mềm khai thác than ở vỉa dốc của phân xưởng Kt4 của Công ty.

Là đơn vị thành viên, trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam, nằm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, Đảng bộ, Ban Giám đốc Công ty Than Vàng Danh xác định nhiệm vụ kinh tế là trọng tâm, nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt. Từ đó, kịp thời nắm bắt cơ chế, chính sách mới, chủ động đề ra những chủ trương cụ thể, sát thực với từng thời kỳ để lãnh đạo, sản xuất - kinh doanh phù hợp với cơ chế thị trường, lựa chọn hướng đi thích hợp, đầu tư vào những khâu trọng tâm, có hiệu quả thiết thực để duy trì ổn định và phát triển. Công ty luôn chú trọng và chăm lo đến đời sống của CB-CNV, tạo điều kiện để CB-CNV phát huy nội lực, sáng tạo, yên tâm gắn bó với công việc, với Công ty, nâng cao năng suất lao động, hiệu suất công tác và hiệu quả sản xuất - kinh doanh. Qua đó, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, xây dựng hệ thống chính trị vững vàng và giữ vững an ninh chính trị xã hội tại địa phương, thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh - chính trị nội bộ.

Đảng bộ, Ban Giám đốc Công ty đã chủ động sáng tạo và kịp thời từng bước tháo gỡ khó khăn, đề ra chủ trương đúng đắn, xây dựng các mục tiêu, biện pháp và giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm thực hiện thắng lợi toàn diện những nhiệm vụ, mục tiêu đề ra là: Giữ vững sự ổn định sản xuất và có hướng phát triển, nâng cao hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, có chủ trương đầu tư hợp lý trọng tâm trước mắt và lâu dài; chủ động mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Công ty đã đề ra nhiều biện pháp chỉ đạo có hiệu quả như: tăng cường quản lý, tận thu tiết kiệm tài nguyên và nguyên vật liệu, phát huy sáng kiến, hợp lý hoá sản xuất, áp dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến... Đảng bộ, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên quan tâm đến giải quyết việc làm và đảm bảo thu nhập, ổn định cuộc sống cho người lao động, bố trí tổ chức, sắp xếp lại lao động, giải quyết được một lượng lớn lao động cho địa phương. Với tổng số 4 953 người, thu nhập bình quân gần 1,5 triệu đồng/người/tháng nhưng việc chi trả tiền lương, thường được đảm bảo kịp thời, các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc. Hơn nữa, Công ty còn chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên, tạo điều kiện cho anh chị em được tham gia nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần lành mạnh.

Công tác xây dựng Đảng trong Công ty thường xuyên được củng cố và tăng cường, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ. Mục tiêu của công tác này là: "xây dựng các chi bộ và xây dựng Đảng bộ vững mạnh", phấn đấu đạt danh hiệu Đảng bộ vững mạnh xuất sắc. Vì vậy, công tác xây dựng Đảng đã được tập trung đồng bộ trên cả 3 lĩnh vực: chính trị, tư tưởng, và tổ chức, đảm bảo phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, đồng thời thực hiện tốt chức năng cơ bản là lãnh đạo và kiểm tra. Đảng bộ luôn coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ công nhân viên, tổ chức phổ biến và quán triệt đầy đủ, sâu sắc những chủ trương, đường lối, chính sách mới của Đảng, Nhà nước, phương hướng hoạt động của Công ty; đồng thời, tiến hành xây dựng chương trình hành động để đưa những chủ trương, đường lối chính sách ấy áp dụng vào công việc cụ thể một cách hiệu quả. Hiện nay, Đảng bộ Công ty có 1 152 đảng viên được chia làm 45 chi bộ và 1 Đảng bộ bộ phận trực thuộc. Với số lượng đảng viên đông đảo như vậy nhưng Đảng bộ Công ty vẫn luôn đảm bảo duy trì tốt công tác bồi dưỡng nâng cao lý luận chính trị, kiến thức toàn diện thông tin viên, báo cáo viên, tổ chức thường xuyên các buổi nói chuyện thời sự, các buổi sinh hoạt chuyên đề, tổ chức các cuộc thi dành cho cán bộ làm công tác Đảng và đoàn thể, khen thưởng và động viên những chi bộ vững mạnh và đảng viên xuất sắc. Hàng năm, Đảng bộ Công ty đã phát triển từ 6%-10% đảng viên mới, đây sẽ là đội ngũ kế cận khả quan, có trình độ năng lực và phẩm chất, tiếp bước những thế hệ trước của Công ty, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Công ty than Vàng Danh đã đạt được nhiều danh hiệu cao quý:

- Đảng bộ liên tục đạt danh hiệu vững mạnh xuất sắc do Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ninh trao tặng.

- Công ty được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì, Huân chương Độc lập hạng Ba; được Chính phủ tặng cờ thi đua và nhiều phần thưởng khác.

- Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba, nhiều cơ thưởng, bằng khen, giấy khen của công đoàn, tổ chức Đoàn cấp trên và liên tục đạt danh hiệu Công đoàn, Đoàn cơ sở vững mạnh.



TỔNG CÔNG TY CAO-SU VIỆT NAM CÔNG TY CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO-SU (RUBICO)

64 Trương Định Phường 7 ; Quận 3 – TP. HCM
ĐT : 9327173 – 9321214 – 9326384. Fax : 9327171

Email : Rubico@hcm.vnn.vn

Giám đốc : Tiến sĩ kinh tế NGUYỄN HỒNG PHÚ

Công ty Công nghiệp xuất nhập khẩu Cao-su (tên giao dịch quốc tế là RUBICO) Công ty là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập ngày 06-11-1984 trực thuộc Tổng Công ty Cao-su Việt Nam. Công ty chuyên sản xuất các sản phẩm từ cây cao-su, các mặt hàng gia dụng, trang trí nội thất bằng gỗ cao-su, sản phẩm cao-su kỹ thuật, giày thể thao, đế giày bằng cao-su và E-va, dép, xăng-dan, vv...

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC :

- 1. XN Giày Thể thao Vĩnh Hội**
1C Tôn Thất Thuyết; Phường 01 - Quận 4;
Tp. Hồ Chí Minh.
ĐT: 08.8253326 - Fax : 08.9404564
- 2. XN Tinh chế gỗ cao-su Đông Hòa:**
Xã Đông Hòa; huyện Thuận An; tỉnh Bình Dương.
Điện thoại : 0650.751313 - Fax : 0650.750570
- 3. XN chế biến gỗ Dĩ An**
KP. Thống Nhất; thị trấn Dĩ An - huyện Dĩ An - tỉnh Bình Dương.
ĐT : 0650.752075 - Fax : 0650.732185
- 4. XN Cao su Tam Hiệp**
Đường số 3 - Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 - Đồng Nai.
Điện thoại : 061.836068 - Fax : 061.836291
- 5. Chi nhánh Công ty tại Hà Nội**
40 Chùa Vua - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại : 04.9782471 - Fax : 04.9784850

Một sản phẩm giày dép sản xuất từ cao-su



CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ :

Công ty được Tổng Công ty giao nhiệm vụ xuất khẩu trực tiếp cao-su, nguyên liệu, các sản phẩm do Công ty sản xuất (các mặt hàng gia dụng bằng gỗ, cao-su, giày dép, đế giày và loại tấm nhập khẩu máy móc thiết bị, vật tư, phân bón, hóa chất, vv... phục vụ sản xuất của Công ty và toàn ngành cao-su.

Thị trường :

Thị trường tiêu thụ các sản phẩm của Công ty gồm: Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan và các nước EU. Với 1600 công nhân lành nghề, thiết bị tiên tiến, sản phẩm của Công ty có mẫu mã và kiểu dáng đa dạng luôn đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và làm hài lòng Quý khách hàng.

Hân hạnh được hợp tác liên doanh liên kết với tất cả các doanh nghiệp và các nhà đầu tư trong và ngoài nước.



Một số sản phẩm gia dụng sản xuất từ gỗ cao-su

Digitized by Google



NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ CÁC DOANH NGHIỆP DƯỚI HÌNH THỨC TÀI TRỢ VỐN THÔNG QUA VIỆC CHO THUÊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI...



CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
Người bạn đồng hành tin cậy của các doanh nghiệp.



HÃY ĐẾN VỚI CHÚNG TÔI THEO ĐỊA CHỈ:

CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Số 10 Phố Thiên Quang - Hà Nội - Việt Nam

Tel : (04) 8 223 863; 8 226 455 * Fax : (04) 8 223 862 * Email : VCBLeaco@hn.vnn.vn

GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH TỐI ƯU THÚ TỤC GIẢI QUYẾT NHANH CHÓNG, KHOA HỌC, TIỆN LỢI ĐỐI VỚI CHÚNG TÔI LUÔN LUÔN LÀ CAM KẾT HÀNG ĐẦU

BỆNH VIỆN BẮC THĂNG LONG

ĐC: KHỐI 3A - TT ĐÔNG ANH - HÀ NỘI

ĐT: (04) 8221 283 * FAX: (04) 8820 033



**Giám đốc
BS. NGUYỄN THỌ KHẢO**



Hội thao kỹ thuật năm 2001

Là một bệnh viện hạng II với quy mô 200 giường bệnh, nhưng hằng năm, công tác khám chữa bệnh luôn vượt mức kế hoạch đề ra. Riêng 6 tháng đầu năm vượt so với cùng kỳ năm ngoái là 122,5% và so với kế hoạch năm đạt 63%. Trong năm qua, Bệnh viện đã tổ chức khám chữa bệnh cho 32 000 ca, trong đó khám chung cho 16 682 ca, cấp cứu và điều trị cho 1 804 ca tai nạn, số lượng bệnh nhân phải chuyển viện là 139 ca (chiếm 2,2%). Bên cạnh công tác khám chữa bệnh, Bệnh viện luôn chú trọng đến việc thực hiện các quy chế chuyên môn như: thường trực, cấp cứu, lập hồ sơ bệnh án với chất lượng ngày càng được nâng cao. Cũng trong 6 tháng qua, công tác phẫu thuật và cấp cứu, cứu sống người bệnh nguy kịch đã thu được nhiều kết quả: năm khoa, phòng đã được khen thưởng (khoa ngoại, khoa nhi, phòng cấp cứu...). Công tác cấp phát thuốc và điều trị đã được nâng cao, đặc biệt là thái độ phục vụ của y bác sĩ đối với từng bệnh nhân, đối với những bệnh nhân thuộc đối tượng chính sách, diện bảo hiểm y tế. Bệnh viện luôn quan tâm và

đảm bảo mọi quyền lợi mà người bệnh được hưởng. Từ một bệnh viện trực thuộc 2 công ty than, ngay sau khi về sinh hoạt cùng các đơn vị trong Sở y tế Hà Nội. Bệnh viện Bắc Thăng Long đã được niềm tin trong lòng người bệnh. Cho đến nay, phạm vi hoạt động của Bệnh viện đã được mở rộng, nhiều bệnh nhân từ các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc và huyện Đông Anh đã về thăm khám.

Có được kết quả trên là, do Bệnh viện Bắc Thăng Long đã tìm ra hướng đi đúng trong quá trình chăm sóc và điều trị cho người bệnh: từ thái độ đến chuyên môn đều được nâng lên. Việc nâng cao chất lượng chuyên môn cho từng y bác sĩ, tiếp tục đào tạo bác sĩ chuyên sâu vào một số khoa có định hướng, và đào tạo sau đại học để đáp ứng được yêu cầu phục vụ người bệnh ngày càng được chú trọng. Phần đầu chuẩn hóa đội ngũ y, bác sĩ, tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chuẩn đoán hợp lý, chống tiêu cực trong quá trình khám chữa bệnh để xứng với lời Bác dạy: **LƯƠNG Y NHƯ TỪ MẪU.**

XIN HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH HÀNG VỚI CÁC PHƯƠNG THỨC KINH DOANH TIỆN LỢI NHẤT

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TUYÊN QUANG



ĐC : KM7- XÃ TRUNG MÔN - YÊN SƠN - TUYÊN QUANG

DIỆN THOẠI : (027) 824030 ; FAX: (027)890014

HIỆU TRƯỞNG: PHẠM KIỂM TOÀN

Dược thành lập ngày 11 - 2 - 1999 theo Quyết định số 18/TTCP của Thủ tướng Chính phủ, Trường Cao đẳng Sư phạm Tuyên Quang với ba năm hoạt động đào tạo, đến nay đã có những đóng góp đáng kể cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh. Cùng với sự hỗ trợ kịp thời về đường lối chính sách của Tỉnh ủy, UBND như Nghị quyết 25, Nghị quyết 01 và đặc biệt là Nghị quyết số 57B của Tỉnh ủy, Nhà trường đã thực sự đưa Nghị quyết TW2 vào cuộc sống.

Với quy mô hệ cao đẳng, hiện tại Nhà trường có 44 lớp với gần 2 100 sinh viên tại 4 khoa, gồm: giáo dục mầm non, Tiểu học, xã hội, Tự nhiên và 8 ngành học: toán tin, lý - kỹ thuật công nghiệp, sinh - kỹ thuật nông nghiệp, hoá - kỹ thuật nông nghiệp, sinh - thể dục, địa - giáo dục công dân, sử - giáo dục công dân và cao đẳng tiểu học. Tổng số CBCNV là 140. Trình độ: 29 Thạc sĩ, 1 Tiến sĩ, và có 3 đồng chí đang nghiên cứu Tiến sĩ (toán, văn, lý). Nhà trường không ngừng kiện toàn nâng cao đội ngũ cán bộ giảng dạy cả về chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ (tạo điều kiện cho giáo viên được đi học nâng cao, học tin học, ngoại ngữ, lý luận chính trị).



Xuất phát từ thực tiễn, trong những năm qua, hoạt động đào tạo của Nhà trường theo hướng phân luồng. Song từ 1999 đến nay, được sự quan tâm đúng đắn của Tỉnh, Nhà trường đổi mới, không theo hướng khép kín mà chuyển sang hướng đào tạo mở. Cho nên, hàng năm, bên cạnh việc tuyển sinh theo quy định, Nhà trường còn chủ động khai thác nhu cầu đào tạo nghề trong và ngoài tỉnh theo hình thức ký thỏa thuận đào tạo.

Kết quả đào tạo phân luồng từ 1999 đến 2002, với 12 ngành đào tạo của 2 bậc đào tạo, hàng năm sinh viên tốt nghiệp 100%, tỷ lệ chuyển lớp đạt khá giỏi từ 5%-10%. Năm 2002 có 2 088 sinh viên ra trường. Những sinh viên này đã được tiếp nhận làm việc tại địa bàn tỉnh, giúp cho việc phổ cập giáo dục tại tỉnh Tuyên Quang đạt được những thành quả nhất định.

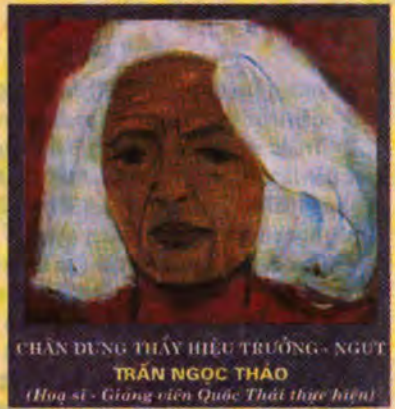
Về trang thiết bị phục vụ giảng dạy, Nhà trường có một phòng tin học, một phòng nghe nhìn, một phòng hoá sinh. Từ nay đến cuối năm, căn cứ vào vị trí và phát triển quy mô của Nhà trường, Bộ GD&ĐT đầu tư cho 3 phòng thí nghiệm (sinh học, vật lý, hoá học). Tỉnh cũng hướng dẫn đầu tư cho Trường một nhà thực hành đa chức năng để đảm bảo chất lượng học tập cho số lượng 1 800 sinh viên / năm.

Trong những năm tới, Nhà trường tiếp tục mở rộng chức năng, quy mô từ đó tập trung cho việc kiện toàn chất lượng đội ngũ giáo viên, để đến năm 2005, Nhà trường có thể trở thành trường Đại học Cộng đồng, như chủ trương của tỉnh.

Có được những kết quả đáng khích lệ đó, Đảng bộ Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, quan tâm kịp thời về mọi mặt đối với CBCNV, các tổ chức đoàn thể. Trong những năm qua, 100% các chi bộ hoạt động tích cực và Đảng bộ Nhà trường là đảng bộ trong sạch vững mạnh.

TRƯỜNG TRUNG HỌC VĂN HÓA NGHỆ THUẬT HẢI PHÒNG

ĐC: 41 HAI BÀ TRUNG - HẢI PHÒNG * ĐT: (031) 631 873



Sự hấp dẫn nền văn hóa của mỗi dân tộc chính là sự phong phú đa dạng, độc đáo của văn hóa nghệ thuật, nền văn hóa của một quốc gia là sự tổng hợp của văn hóa văn nghệ các vùng, các miền văn hóa địa phương.

Văn hóa nghệ thuật đóng góp vai trò quan trọng trong việc kích thích sự bay bổng trong lao động sáng tạo, trong nghiên cứu khoa học, trong sản xuất tạo ra năng suất lao động ngày càng cao hơn. Vai trò của văn hóa nghệ thuật và cá nhân nghệ sĩ có vị trí vô cùng quan trọng trên mặt trận văn hóa. Nó sẽ khẳng định bản sắc văn hóa của từng dân tộc để trong khi hội nhập với khu vực và thế giới sẽ không bị hòa tan.

Riêng về lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, Hải Phòng là cái nôi của nền tân nhạc Việt Nam với những gương mặt sáng giá như: Hoàng Quý, Văn Cao với nhóm Đồng Vọng, Đoàn Chuẩn...

Trong công tác xã hội hóa đào tạo văn hóa nghệ thuật, cùng với việc phát triển giáo dục, Trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật Hải Phòng luôn quan tâm tới sự đa dạng hóa các hình thức đào tạo văn hóa nghệ thuật, cùng phối hợp với các đoàn nghệ thuật trong công tác đào tạo hoặc mở rộng, giao lưu liên kết đào tạo trong nước và quốc tế. Trường luôn tìm ra nhiều biện pháp tốt để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Đồng thời, Nhà trường đang nhanh chóng đào tạo đội ngũ trí thức văn hóa nghệ thuật tài năng, có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức để đáp ứng yêu cầu của đất nước và thành phố trên 3 mặt sau:

* Đào tạo đội ngũ văn hóa nghệ thuật ở cơ sở (trước mắt bậc trung học) bao gồm các loại hình cán bộ: trưởng ban văn hóa xã phường, cán bộ văn hóa, cán bộ thông tin cổ động, hạt nhân văn nghệ. Những cán bộ này có vai trò tổ chức hướng dẫn quần chúng hưởng thụ và sáng tạo văn hóa nghệ thuật nhân dân, sẽ là nhân tố quan trọng trong việc xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

* Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên nhạc - họa, giáo viên thư viện trường học để làm tốt công tác giáo dục thẩm mỹ trong nhà trường.

* Đào tạo những tài năng về văn hoá nghệ thuật.

Tới đây, Nhà trường sẽ có một số hoạt động nhân kỷ niệm ngày sinh nhà thơ, nhạc sĩ Văn Cao như: dựng tượng chân dung, tổ chức hai đêm thơ và nhạc Văn Cao tại thành phố Hải Phòng, vận động thành lập quỹ hỗ trợ tài năng nghệ thuật trẻ trong các trường văn hoá nghệ thuật toàn quốc mang tên giải thưởng Văn Cao, lễ tưởng niệm khánh thành tượng Văn Cao và đêm thơ nhạc Văn Cao tại Trường TH VHNT Hải Phòng vào đêm 15-11-2002.

Việc dựng tượng Văn Cao tại Trường còn có ý nghĩa là tôn vinh một nhà giáo, nhạc sĩ để những người làm công tác giáo dục văn hoá nghệ thuật tự hào về người thầy giáo đồng nghiệp của mình. Ý tưởng dựng tượng Văn Cao được lãnh đạo các ban, ngành của thành phố Hải Phòng, các cá nhân tổ chức xã hội cũng như gia đình nhạc sĩ Văn Cao đồng ý, ủng hộ về cả vật chất và tinh thần. Tượng bằng chất liệu đồng đúc, do các nghệ nhân Đức đồng Ngũ Xã thực hiện, có chiều cao 2,5m kể cả bệ tượng.

Từ mái trường này, nhiều học sinh đã thành danh là giáo viên sư phạm nhạc - họa giỏi, là Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ sĩ xuất sắc của thành phố. Từ phương châm "Nhà trường gắn liền với xã hội", Nhà trường đã làm tốt nhiệm vụ phục vụ chính trị thành phố, nhiều em là những cán bộ, là diễn viên nòng cốt của sự nghiệp văn hóa - thông tin Hải Phòng. Qua các hội thi ca múa hội diễn sân khấu ngành và cấp quốc gia, nhiều em học sinh đã đạt giải cao.

Có thể nói, năm học 2000 - 2001, cán bộ giáo viên CNVC và học sinh của Trường đã có nhiều cố gắng, xứng đáng được Bộ Văn hóa - Thông tin, UBND thành phố trao tặng cờ thi đua xuất sắc.



TƯỢNG ĐỒNG NGHỆ SĨ VĂN CAO
(Nhà điêu khắc Phạm Văn Hạng thực hiện)

Digitized by Google

“NÉT MỞI TRONG MÔ HÌNH ĐÀO TẠO”

Trường Đại học Dân lập Thăng Long là trường dân lập đào tạo bậc đại học đầu tiên ở nước ta. Trước đây, Trường mang tên Trung tâm Đại học Dân lập Thăng Long, được thành lập theo Quyết định số 1687/KHTV ngày 15-12-1988 của Bộ Đại học, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề.

Qua 5 năm, một ban chỉ đạo tổng kết do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ tọa, sau khi xét hồ sơ “Thí điểm Trung tâm Đại học Dân lập Thăng Long” đã đánh giá mô hình thí điểm trên với những kết luận tích cực. Trên cơ sở đó, Nhà nước đã có chủ trương cho phát triển mô hình Đại học dân lập. Ngày 09-08-1994, theo Quyết định số 441/TTG của Thủ tướng Chính phủ, Trung tâm Đại học Dân lập Thăng Long trở thành Trường Đại học Dân lập Thăng Long.

Hiện nay, Trường Đại học Dân lập Thăng Long có các khoa: toán - tin học, quản lý và tiếng Anh với tổng số sinh viên là 3 300. Khoa toán - tin học, được thành lập năm 1988 cùng lúc thành lập Trường. Sinh viên khoa này được trang bị một chương trình toán học cơ bản như chương trình toán học dành cho sinh viên ngành toán trong những năm đầu. Những năm sau, sinh viên đi sâu vào tin học. Khoa toán - tin học đào tạo sinh viên theo 3 chuyên ngành: tin học, công nghệ thông tin, tin học viễn thông.

Khoa quản lý thành lập từ năm 1992 với sự giúp đỡ về chương trình học và đào tạo đội ngũ giáo viên ban đầu của Viện Đại học Quản lý Pa-ri (Pháp; Khoa quản lý đào tạo sinh viên theo 5 chuyên ngành: quản trị doanh nghiệp; tài chính - kế toán, tài chính - ngân hàng; ma-két-ting - thương mại; tin học quản lý.

Khoa tiếng Anh, thành lập từ năm 1994, hiện có 3 chuyên ngành: tiếng Anh doanh nghiệp; tiếng Anh sư phạm, tiếng Nhật. Sinh viên các chuyên ngành của khoa tiếng Anh đều được rèn luyện thuần thục các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh và được trang bị các kiến thức cơ bản về quản lý doanh nghiệp, kinh tế, kế toán, thương mại.

Trong quá trình trưởng thành, Nhà trường luôn quan tâm giáo dục toàn diện, nhằm đào tạo ra những cán bộ có đức, có tài phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu của Trường có gần 100 người. Ngoài 7 giáo sư, tiến sĩ, còn lại ba phần tư trong tổng số gần 60 giáo viên của Trường có trình độ thạc sĩ hoặc đang theo học thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và ngoài nước. Số giảng viên cơ hữu mà

đa phần còn rất trẻ đảm nhận khoảng 40% số giờ giảng dạy. Hơn 100 giảng viên thỉnh giảng mà hầu hết có trình độ giáo sư, tiến sĩ, đảm nhận số giờ giảng dạy còn lại. Đội ngũ giảng viên của Trường giàu tâm huyết, đề cao “giáo dục” đến với sinh viên với tất cả tình thương và trách nhiệm.

Trường đào tạo theo chế độ “tín chỉ”. Do đó, sinh viên được phát huy tính chủ động của mình trong cả quá trình học tập tại Trường. Đây là bộ luật cơ bản chỉ dẫn cho sinh viên học tập rèn luyện.

Với hơn 200 máy tính (khoảng 15 sinh viên/máy) bảo đảm cho sinh viên được học tập, thực hành, không hạn chế thời gian. Trong tháng 11-2002, Nhà trường hoàn thiện một kênh In-tơ-nét dùng riêng, bảo đảm cho cán bộ, giảng viên, sinh viên làm việc, học tập nghiên cứu khoa học liên tục trong ngày.

Hàng năm, Nhà trường trao hàng trăm suất học bổng để khuyến khích sinh viên học giỏi, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nhưng đã có nhiều cố gắng trong học tập và rèn luyện. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên cũng được hỗ trợ mỗi năm trên một trăm triệu đồng để hoạt động. Công tác Đoàn và Hội đã được Trung ương Đoàn cấp trên khen thưởng nhiều lần.

Trường quản lý sinh viên khá chặt chẽ, đặc biệt số sinh viên học yếu hoặc ý thức chưa tốt. Số này được quản lý đến từng người. Do vậy, nhiều sinh viên đã vượt qua khó khăn, vươn lên học tập ngày một tốt hơn. Tất cả phụ huynh khi đến trường đều được cung cấp đầy đủ số liệu về học tập và tư cách của con em mình; nhờ đó, phụ huynh yên tâm hơn khi cho con vào học tại Trường.

Trải qua 14 năm trưởng thành, hàng ngàn sinh viên đã tốt nghiệp; hầu hết đã có việc làm, một số đã và đang học tập để đạt các học vị thạc sĩ và tiến sĩ ở trong nước và nước ngoài.

Trường Đại học Dân lập Thăng Long luôn lấy việc bảo đảm chất lượng đào tạo làm trọng và đã từng bước khẳng định được vị trí của mình với tư cách là cơ sở đào tạo dân lập bậc Đại học đầu tiên ở nước ta.

Đại học Dân lập Thăng Long rộng mở cánh cửa cho mọi thanh niên có tư chất tốt, muốn hấp thụ một nền giáo dục cơ bản, có lòng say mê học vấn, có ước mơ cao đẹp về cuộc sống, vì quê hương và vì sự phát triển.



Lễ trao bằng tốt nghiệp



Phòng máy vi tính

**ĐẠI
HỌC
DÂN
LẬP
THĂNG
LONG**

ĐỊA CHỈ :

P. KHƯỜNG TRUNG -
Q. THANH XUÂN - HÀ NỘI

TEL : 04. 858 7346;

858 4490

FAX : 04. 858 7347

E-mail:

thlong_u@hn.vnn.vn



VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

(HANOI OPEN UNIVERSITY)

ĐC: 46 Phố Tạ Quang Bửu, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (08 - 4) 8.694.822 * Fax: (08 - 4) 8.691.587

E-mail: dhm-hou@hn.vnn.vn * Website: www.dhm-hnou.edu.vn



GS. TS Nguyễn Kim Truy khai mạc Hội thảo quốc tế do Đại học Mở Hà Nội và Đại học Mở Su Kho Thái Thammathirat (Thái Lan) đồng tổ chức.

MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG

MỤC TIÊU CỦA ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI LÀ MỞ CƠ HỘI HỌC TẬP CHO NHIỀU NGƯỜI BẰNG CÁCH:

* ĐA DẠNG HÓA LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:

- ĐÀO TẠO HỆ TẬP TRUNG CHÍNH QUY
- ĐÀO TẠO HỆ TỪ XA
- ĐÀO TẠO HỆ VỮA HỌC VỮA LÀM

* ĐA DẠNG HÓA CHƯƠNG TRÌNH HỌC TẬP:

- CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO CÁC CẤP HỌC KHÁC NHAU (CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC, SAU ĐẠI HỌC)
- CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO DÂN TRÍ CHO NHỮNG NGƯỜI CÓ NHU CẦU CẬP NHẬT KIẾN THỨC, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ.



Ghi hình bài giảng tại Stu-di-ô của Viện

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

"VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI LÀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ NGHIÊN CỨU CÁC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA, ĐÀO TẠO TẠI CHỖ NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU HỌC TẬP ĐA DẠNG CỦA XÃ HỘI..."

VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI LÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRONG HỆ THỐNG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA DO BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRỰC TIẾP QUẢN LÝ VÀ ĐƯỢC HƯỞNG MỌI QUY CHẾ CỦA MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP..."

(TRÍCH QĐ 535 / TTg NGÀY 3 - 11 - 1993 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC THÀNH LẬP VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI)



Phòng học từ xa qua mạng

HỆ THỐNG CÁC KHOA ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH.

- KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH
- KHOA DU LỊCH
- KHOA TẠO DẲNG CÔNG NGHIỆP
- KHOA NGOẠI NGỮ
- KHOA CÔNG NGHỆ TIN HỌC
- KHOA CÔNG NGHỆ SINH HỌC
- KHOA ĐIỆN TỬ - THÔNG TIN
- KHOA LUẬT
- TRUNG TÂM HỢP TÁC ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

CÁC TRẠM ĐÀO TẠO TỪ XA ĐẶT TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG:

LANG SON, THÁI NGUYÊN, BẮC GIANG, HÀ TÂY, HÀ NỘI, HẢI PHÒNG, HẢI DƯƠNG, QUẢNG NINH, NAM ĐỊNH, THANH HÓA, NGHỆ AN, ĐÀ NẴNG, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, LÂM ĐỒNG, VINH PHÚC, LAI CHÂU, BẮC NINH, GIA LAI, ĐẮC LẮC, QUẢNG NAM



ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

5 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH 1997- 2002

ĐC: 307 Đường Lê Lai - P. Đông Sơn - TP. Thanh Hoá *ĐT: (307) 910 222

Fax : (037) 910 475 * Email : hongduc-th@hn.vnn.vn



QUYỀN HIỆU TRƯỞNG: TS NGUYỄN VĂN TƯỜNG

Trường Đại học Hồng Đức thành lập theo Quyết định số 797/ TTg ngày 24 - 9 - 1997 của Thủ tướng Chính phủ. Là trường công lập; đa lĩnh vực, đa ngành, đa cấp đào tạo; trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa. Được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (2002).

Khen thưởng trong 5 năm (1997 - 2002):

Huân chương Lao động hạng Ba cho khoa tập thể và 5 cán bộ, giảng viên.

Đảng bộ liên tục đạt trong sạch, vững mạnh; Công đoàn và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường được Tổng LĐLĐ Việt Nam và Trung ương Đoàn tặng cờ thi đua.

ĐÀO TẠO HỆ CHÍNH QUY

ĐẠI HỌC

Đại học sư phạm : toán, vật lý, ngữ - văn, lịch sử, hóa học, sinh vật, tiếng Anh.

Đại học : nông lâm nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật.

Đại học : kinh tế, kế toán, quản trị kinh doanh.

Đại học : kỹ thuật - công nghệ, tin học.

CAO ĐẲNG :

+ Sư phạm : Đào tạo giáo viên THCS các ban thuộc khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, ngoại ngữ (tiếng Anh), giáo viên Mầm non, giáo viên thể dục - công tác Đội và giáo viên tiểu học

+ Kinh tế : kế toán, quản trị kinh doanh

+ Nông - lâm nghiệp: trồng trọt, chăn nuôi - thú y, lâm nghiệp

+ Y: điều dưỡng

+ Tin học



QUYỀN HIỆU TRƯỞNG: TS NGUYỄN VĂN TƯỜNG

TRUNG HỌC

Kế toán doanh nghiệp, kế toán ngân sách, địa chính giáo viên mẫu giáo, điều dưỡng viên trung học, y sĩ y học dân tộc, y sĩ sản nhi, nữ hộ sinh trung học và KTV trung học.

ĐÀO TẠO HỆ KHÔNG CHÍNH QUY (TẠI CHỨC)

- Phối hợp với các trường đại học trung ương đào tạo bậc đại học các chuyên ngành tính có nhu cầu.

- Đào tạo bậc cao đẳng các ngành: kinh tế, nông, lâm nghiệp, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, bồi dưỡng chuyên đề giáo viên mẫu giáo và THCS.

- Dạy nghề chăn nuôi - thú y bảo vệ thực vật, tin học văn phòng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2005

Đội ngũ có 50% giảng viên có trình độ sau đại học, trong đó 15% có trình độ tiến sĩ

- Quy mô đào tạo đến năm 2005 có 6000 SV hệ chính quy, 4 000 học viên hệ không chính quy.



BÍ THƯ ĐẢNG ỦY, P. HIỆU TRƯỞNG- TS NGUYỄN VĂN BẢO TẠI HỘI NGHỊ

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

JAN 08 2003

CURRENT SERIALS

33

11-2002

Digitized by Google



KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG NINH

ĐC: BẠCH ĐẰNG - QUẢNG NINH * ĐT: (033). 825 315 - 825 779 * FAX: (033). 825 315 * GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN LONG



Các hộ dân nuôi cá lồng bè được Kho bạc Nhà nước Quảng Ninh cho vay vốn

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG NINH PHÁT HUY HIỆU QUẢ KINH TẾ TỪ NGUỒN VỐN CHO VAY

Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh có chức năng quản lý nhà nước về quỹ ngân sách nhà nước, các nguồn thu ngân sách tỉnh, các quỹ tài chính tập trung, quỹ dự trữ tài chính, quỹ tài chính chuyên dùng của tỉnh, của các tổ chức tài chính công; các quỹ, tiền trong thanh toán của các tổ chức cá nhân thụ hưởng ngân sách nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội hoạt động theo luật pháp; các khoản tiền, tài sản, tạm thu tạm giữ, ký cược, thế chấp, ký gửi, các tài sản quý hiếm...

Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh có nhiệm vụ tập trung các khoản thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Tổ chức kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước (gồm cả chi thường xuyên và chi cho đầu tư phát triển). Thực hiện quản lý thu chi, thanh toán cho các quỹ tài chính trên địa bàn tỉnh, các quỹ vốn của tổ chức, cá nhân theo qui định của pháp luật và yêu cầu của các chủ tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán.

Với tư cách như một ngân hàng, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh là một thành viên tham gia vào hệ thống thanh toán của nền kinh tế của tỉnh và cung ứng cho các đơn vị, cá nhân các dịch vụ về thanh toán và ngân quỹ theo yêu cầu của các chủ tài khoản.

Trong những năm gần đây, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh đã có những giải pháp đúng đắn và kịp thời công tác giải ngân nguồn vốn từ các dự án. Phát huy lợi thế của một tỉnh có nhiều tiềm năng kinh tế, trong năm 2001 Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức giải ngân 461 dự án trên tổng số 473 dự án được duyệt đạt 94% tổng vốn duyệt. Dự nợ cho vay giải quyết việc làm cuối năm là 26,922 tỉ tăng

5,36 tỉ so với dự nợ đầu năm. Trong đó số lượng dự án kỳ hạn vay ngắn giảm mạnh, kỳ hạn một năm là 195 dự án chiếm 21,6%, kỳ hạn 2 năm là 220 dự án chiếm 24,4%, đặc biệt số lượng dự án kỳ hạn vay 3 năm đã tăng lên. Cũng trong những năm gần 6000 lao động đã được giải quyết việc làm từ các dự án, có thể nói nguồn vốn 120 đã phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội, có ý nghĩa thiết thực đối với các hộ vay. Một số dự án đã đầu tư chiều sâu vào một số ngành như kinh tế biển và du lịch đã phát huy được hiệu quả vốn đầu tư như TP. Hạ Long, H. Đông Triều và Tiên Yên.

Trong những tháng đầu năm 2002 việc giải ngân cho nhiều mô hình sản xuất đã góp phần làm chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi và hướng đầu tư của các hộ sản xuất. Tại một số đơn vị, tiêu biểu như Đông Triều đã bước đầu hình thành vùng kinh tế, trang trại kết hợp với chăn nuôi gia súc và thủy sản. Nhiều mô hình kinh tế tại đây được nhân rộng và bước đầu đã thu được kết quả như mô hình nuôi cá lồng bè, trong đó có một số hộ đã vươn lên làm giàu từ các mô hình trên. Trong quá trình giải ngân, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh đã có những điều chỉnh để tháo gỡ khó khăn cho các dự án, như đối với những dự án có kỳ hạn 2 năm và 3 năm sẽ có tỷ lệ nợ quá hạn thấp chứng tỏ kỳ hạn vay dài phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh của cây trồng vật nuôi. Đây cũng là yếu tố quyết định đến hiệu quả của đồng vốn. Đặc biệt, thông qua các đoàn thể như Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh cho vay và tăng cường mở rộng các địa bàn xuống các cơ sở, mặt khác tăng cường công tác kiểm tra thực tế tránh để nợ quá hạn, tích cực phấn đấu thu nợ nhằm nâng cao chất lượng dự án và hiệu quả nguồn vốn cho vay.

Hiện nay, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh tổ chức 26 điểm thu lưu động trực tiếp tại các chợ, trung tâm buôn bán kinh doanh, khu vực cửa khẩu theo lịch thông báo của cơ quan thuế vụ dưới sự giám sát, hối thúc của cơ quan thuế, hải quan, công an. Cán bộ công nhân viên của Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh hiện nay có tay nghề nghiệp vụ vững là những cán bộ trung thực, tận tụy với khách hàng (năm 1990 đến nay đã trả lại cho khách hàng hơn 1 tỷ 400 triệu đồng tiền thừa, nhầm lẫn trong quá trình giao nộp).

Để thực hiện tốt các nguồn vốn, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh đã đề ra một số biện pháp và phương hướng sau:

+ Tiếp tục đẩy mạnh cho vay, tăng cường cho vay ở một số địa bàn như: Cẩm Phả, Uông Bí, Móng Cái, Yên Hưng, Văn Đồn, Bình Liêu.

+ Tiếp tục bám sát dự án, tăng cường công tác kiểm tra thực tế, tích cực đôn đốc thu nợ, phấn đấu không để nợ quá hạn và phát sinh mới. Tiếp tục đôn đốc thu và xử lý các dự án quá hạn đã lâu. Phấn đấu đưa nợ quá hạn xuống dưới 3%

+ Xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, kiểm soát chi thường xuyên đảm bảo chi ngân sách đúng mục đích, đúng đối tượng và tiết kiệm.



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 662

33

11-2002

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• Phó Tổng Biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Ngày 20-11, ở Trường Tiểu học
Kim Liên, Hà Nội Ảnh : TTXVN

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

Thông báo Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX	3
NGUYỄN TẤN DŨNG - Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa	6
PHẠM QUANG NGHỊ - Lễ hội và ứng xử của người làm công tác quản lý lễ hội hiện nay	13

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ THANH VÂN - Về tổ chức và hoạt động của Quốc hội với yêu cầu hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	18
NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC - Khuyến khích phát triển thành phần kinh tế tư nhân, không phải là tư nhân hóa toàn bộ nền kinh tế	25
NGUYỄN ĐÌNH BÍCH - Ổn định thị trường nhà đất là yếu tố quan trọng để phát triển bền vững	28
ĐÀO CÔNG TIẾN - Nghiên cứu giảm nghèo ở nông thôn - từ cách tiếp cận vi mô	33

HỘI NGHỊ CÁN BỘ TOÀN QUỐC TRIỂN KHAI KẾT LUẬN CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 6, KHÓA IX VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ

TỔNG THUẬT HỘI NGHỊ	37
---------------------	----

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NHÂM GIA QUÂN - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh Thái Bình	43
HÀ KHANH - Để trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao	47
DOÃN ĐÌNH HUÊ - Cảng biển đông Bắc : Tiềm năng và định hướng phát triển	52

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NAM DŨNG - Lại bàn về vấn đề số một	57
-------------------------------------	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

TƯỜNG DUY KIẾN - Việt Nam với việc tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người	59
---	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN, THỰC TIỄN

* Hội thảo khoa học : "Cách mạng Tháng Mười Nga - Ý nghĩa thời đại"	63
* Công tác dân vận trong giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân	

СОДЕРЖАНИЕ

*** Информационное сообщение о VII^{ом} Пленуме Центрального Комитета КПВ IX^{ого} созыва. НГУЕН ТАН ЗУНГ: Создание независимой самостоятельной экономики по социалистической ориентации. ФАМ КУАНГ НГИ: Народные фестивали и поведение управляющих народных фестивалей на данном этапе. ЛЕ ТХАНЬ ВАН: Об организации и деятельности Национального Собрания и требовании усовершенствования правового социалистического государства Вьетнама. НГУЕН ДИНЬ БЮК: Поощрение развития частной экономики не означает приватизацию всей экономики. НГУЕН ДИНЬ БИТЬ: Упорядочение рынка жилищ и земельных участков – необходимое условие для прочного развития. ДАО КОНГ ТИЕН: Изучение проблемы уменьшения бедности – микро-подход к нему. *** Генеральный обзор об Общенациональной Конференции кадровых работников о развёртывании Итоговых выводов VI^{ого} Пленума Центрального Комитета КПВ IX^{ого} созыва по организационному и кадровому вопросу. ТЫОНГ ЗУЙ КИЕН: Вьетнам и ратификация международных договоров о правах человека.

CONTENTS

*** Information of the 7th Plenum of CPV Central Committee (IXth tenure). NGUYỄN TẤN DŨNG: To build independent, self-control economy in the direction of socialism. PHAM QUANG NGHỊ: Festivals and their treatment by contemporary managers of festivals. LÊ THANH VÂN: Regarding organisation, activity of the National Assembly and the demand for perfection of the Law-governed Socialist State of Vietnam. NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC: Promotion of development of private economic component does not mean privatisation of the whole economy. NGUYỄN ĐÌNH BÍCH: Stabilisation of housing and land markets is an important element for permanent development. ĐÀO CÔNG TIẾN: Study of poverty reduction in the countryside: a microcosmic approach to it. *** Overview of the Nation-wide Cadres' Conference for the deployment of the Conclusions of CPV Central Committee's 6th Plenum (IXth tenure) regarding the organisational and cadres' work. TƯỜNG DUY KIÊN: Vietnam and participation in international treaties on human rights.

SOMMAIRE

*** Communiqué du 7^e plénum du Comité central du Parti (issu du IX^e Congrès). NGUYỄN TẤN DŨNG: Edifier une économie indépendante, souveraine, à l'orientation socialiste. PHAM QUANG NGHỊ: Fêtes et comportement des cadres chargés de la gestion des fêtes à l'heure actuelle. LÊ THANH VÂN: Sur l'organisation et les activités de l'Assemblée nationale face aux demandes de perfectionner l'Etat de droit socialiste du Vietnam. NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC: Encourager le développement de l'économie privée ne signifie pas privatiser toute l'économie. NGUYỄN ĐÌNH BÍCH: La stabilisation du marché immobilier – facteur important pour un développement durable. ĐÀO CÔNG TIẾN: Etudes visant à réduire la pauvreté à la campagne – d'une micro-approche. *** Compte rendu de la Conférence nationale sur la mise en œuvre des conclusions du 6^e plénum du Comité central du Parti concernant le travail d'organisation et à l'intention des cadres. TƯỜNG DUY KIÊN: Le Vietnam et sa participation aux conventions internationales sur les droits de l'homme.

SUMARIO

*** Comunicación de la Sexta Sesión del Comité Central del Partido Comunista de Vietnam (IX Legislatura). NGUYỄN TẤN DŨNG: Edificar una economía independiente, autónoma a la orientación socialista. PHAM QUANG NGHỊ: Las fiestas y los comportamientos de los administradores de las mismas en el día de hoy. LÊ THANH VÂN: Sobre la organización y las actividades de la Asamblea Nacional para con la exigencia de perfeccionar el Estado de Derecho socialista de Vietnam. NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC: Acelerar el desarrollo del componente económico privado no es privatizar toda la economía. NGUYỄN ĐÌNH BÍCH: Estabilizar el mercado de inmueble es el factor importante para un desarrollo estable. ĐÀO CÔNG TIẾN: Investigaciones sobre la disminución de la pobreza en el campo- partiendo del método de acercamiento micro. *** Reportaje general sobre el Congreso Nacional de Cuadros por la aplicación de las Conclusiones del VI Sesión del Comité Central (IX Legislatura) sobre el trabajo de organización y cuadros. TƯỜNG DUY KIÊN: Vietnam y su participación en las convenciones internacionales sobre el derecho del hombre.

目录

*** 越南党中央委员会九届七中全会通报·阮晋勇: 按社会主义定向建设独立、自主的经济·范光议: 传统庙会及目前传统庙会管理人员的礼仪·黎青云: 国会的组织和活动及完善越南社会主义法制国家机制的要求·阮廷约: 鼓励发展私有经济成分并不等于私有化全部经济·阮庭碧: 房地产市场的稳定是稳固发展的重要要素·陶公进: 农村减贫工作的研究——从微观着手*** 总述展开党中央九届六中全会有关人事组织、干部工作的结论的全国干部会议·样维坚: 越南与参加有关人权国际条约。



THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

HỘI nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã họp từ ngày 7 đến ngày 9-11-2002 tại Thủ đô Hà Nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Tại Hội nghị, Ban Chấp hành Trung ương đã nghe và thảo luận báo cáo về "Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2003", nghe báo cáo về dự án Thủy điện Sơn La và cụm khí - điện - đạm Cà Mau, do Ban cán sự đảng Chính phủ được ủy quyền của Bộ Chính trị trình bày.

1 - Về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002

Hội nghị nhất trí đánh giá : Năm 2002, trong bối cảnh phải đương đầu với những khó khăn, thách thức rất to lớn ở cả trong nước và ngoài nước, chúng ta đã giành được những thành tựu quan trọng và khá toàn diện : giữ vững ổn định chính trị, kinh tế, xã hội. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng 7%, cao hơn năm 2001. Hầu hết các chỉ tiêu kinh tế - xã hội được Quốc hội thông qua đều đạt và vượt. Các nguồn vốn cho phát triển kinh tế được huy động tốt hơn. Cơ cấu kinh tế, nhất là trong nông nghiệp bước đầu có chuyển biến tích cực. Thu ngân sách vượt dự toán, lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng có một số tiến bộ.

Công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm tiếp tục được đẩy mạnh. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm phát triển. Đời sống của các tầng lớp nhân dân tiếp tục được cải thiện. Trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước được giữ vững.

Hội nghị khẳng định : Đạt được những kết quả đó là nhờ sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành, các địa phương. Các quan điểm về phát huy nội lực, kích cầu, mở rộng thị trường trong nước, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề văn hóa, xã hội, với bảo đảm quốc phòng, an ninh đã bước đầu được quán triệt và thực hiện có hiệu quả. Những kết quả đạt được còn cho thấy tiềm năng, các nguồn nội lực của đất nước là to lớn, cần được phát huy mạnh mẽ trong những năm tới.

Hội nghị cũng thẳng thắn, nghiêm khắc chỉ rõ những hạn chế, yếu kém, chưa vững chắc trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa ổn định, một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra, nhất là chỉ tiêu về kim ngạch xuất khẩu. Công tác xây dựng quy hoạch và chỉ đạo thực hiện quy hoạch phát triển các ngành, các vùng kinh tế còn yếu. Đầu tư còn dàn trải, kém hiệu quả, lãng phí,

thất thoát trong đầu tư, xây dựng cơ bản lớn. Đầu tư cho đổi mới thiết bị công nghệ, cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm. Công tác giải phóng mặt bằng, đấu thầu còn nhiều ách tắc làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án và môi trường đầu tư. Chi phí sản xuất trung gian của nhiều sản phẩm cao... Các yếu tố đó đã làm cho chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. Đây là điều đáng lo ngại khi thời điểm thực hiện các cam kết hội nhập đang đến gần.

Lĩnh vực xã hội vẫn tồn tại nhiều vấn đề bức xúc. Đời sống, việc học hành, chữa bệnh của nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bị thiên tai còn rất khó khăn. Chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng tăng lên. Tình trạng thiếu việc làm vẫn gay gắt. Nạn tham nhũng, các tệ nạn xã hội ma túy, mại dâm, tội phạm chưa được ngăn chặn có hiệu quả, tai nạn giao thông nghiêm trọng, các vụ cháy lớn gây thiệt hại về người và của diễn ra ở nhiều nơi. Trật tự, an toàn xã hội có nơi, có lúc còn phức tạp.

2 - Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2003

Hội nghị nhận định : Năm 2003, bên cạnh những thuận lợi do những kết quả đạt được trong các năm trước, thì những khó khăn, thách thức là rất lớn. Hội nghị cũng nhấn mạnh, việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2003 có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Hội nghị xác định kế hoạch năm 2003 hướng vào thực hiện các nhóm mục tiêu sau :

- Giữ vững an ninh chính trị trong mọi tình huống ; tiếp tục phát triển kinh tế với tốc độ cao và bền vững ; chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, giảm nhanh chi phí sản xuất và phát triển mạnh các loại sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao ; nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

- Huy động tối đa các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, nhất là nội lực, nguồn lực trong dân, có bước chuyển dịch mạnh về cơ cấu đầu tư và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư. Tăng cường kỷ luật tài chính. Đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm. Thực hiện có hiệu quả các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực ; đẩy mạnh xuất khẩu đi đôi với khai thác tốt thị trường trong nước.

- Phát triển các hoạt động văn hóa xã hội ; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ; đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ trong hoạt động kinh tế - xã hội ; tiếp tục thực hiện xóa đói, giảm nghèo, cải thiện mức sống của dân cư ; giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, Hội nghị nhấn mạnh cần thực hiện tốt một số biện pháp sau :

- Làm tốt hơn việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn (trong nước và ngoài nước) cho đầu tư phát triển. Tiếp tục thực hiện tốt quan điểm phát huy nội lực. Tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích nhân dân tự đầu tư, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc, cải thiện môi trường đầu tư để thu hút mạnh mẽ hơn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Soát xét kỹ lại quy hoạch phát triển các ngành, các vùng, các sản phẩm để có cơ sở tập trung đầu tư, khắc phục đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Giải quyết các ách tắc trong khâu giải phóng mặt bằng, đấu thầu để bảo đảm tiến độ thực hiện các dự án. Tập trung đầu tư để đổi mới công nghệ và tạo ra sự chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, phát triển những ngành, những sản phẩm có hiệu quả cao, có sức cạnh tranh cao. Đồng thời, chú ý đầu tư phát triển các ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động và các ngành công nghiệp cơ bản, tạo cơ sở để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Ưu tiên đầu tư cho các công trình lớn, các công trình trọng điểm làm tăng nhanh thực lực kinh tế của đất nước. Đầu tư phát triển mạnh hơn các lĩnh vực dịch vụ.

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, các Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, về phát triển kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân.

Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới thiết bị, công nghệ trong tất cả các ngành kinh tế.

- Tập trung giải quyết để tạo cho được một bước chuyển biến quan trọng, có ý nghĩa về một số vấn đề xã hội bức xúc. Tiếp tục chỉ đạo tốt công tác xóa đói, giảm nghèo, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; củng cố vững chắc kết quả xóa đói, giảm nghèo đã đạt được. Đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; phòng, chống các tệ nạn ma túy, mại dâm, tội phạm, tai nạn giao thông, mất trật tự an toàn xã hội; chấn chỉnh việc quản lý để

giảm bớt những tiêu cực trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, những tiêu cực, thất thoát trong đầu tư, xây dựng cơ bản, trong hoàn thuế giá trị gia tăng (VAT).

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm mạnh những thủ tục phiền hà; phân công, phân cấp rõ trách nhiệm, quyền hạn của các ngành, giữa Trung ương với địa phương, phân cấp mạnh cho địa phương, quy định rõ trách nhiệm cá nhân; tập trung giải quyết tình trạng khiếu nại, tố cáo của nhân dân ngay tại cơ sở. Phát huy dân chủ, đề cao kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm minh mọi cán bộ sai phạm; làm trong sạch bộ máy Đảng, Nhà nước, đoàn thể từ Trung ương đến cơ sở. Chuẩn bị làm tốt cải cách tiền lương trong năm 2003.

Phấn đấu đạt mức tăng trưởng (GDP) năm 2003 là từ 7 - 7,5%.

Hội nghị đồng ý với chủ trương xây dựng cụm khí - điện - đạm Cà Mau, giao Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan có liên quan chuẩn bị trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội cho phép và ủy nhiệm Chính phủ chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện dự án này, bảo đảm tiến độ và hiệu quả. Hội nghị cũng đồng ý giao Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan có liên quan chuẩn bị trình Quốc hội về một số vấn đề cụ thể của dự án Thủy điện Sơn La.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi đồng bào, đồng chí cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài đoàn kết một lòng, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2003, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. □

XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

NGUYỄN TẤN DŨNG*

ĐỘC lập tự chủ là khát vọng ngàn đời của dân tộc Việt Nam. Trải qua biết bao thử thách, hy sinh, nhân dân ta mới đánh đuổi được ngoại xâm, giành được độc lập dân tộc và ngày nay đang bằng mọi nỗ lực cao nhất của mình để phấn đấu vì mục tiêu cao cả : *Độc lập dân tộc - Chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Đại hội IX của Đảng đã đề ra luận điểm và chủ trương rất quan trọng là *xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Từ thực tiễn Việt Nam và kinh nghiệm của các nước trên thế giới, chúng ta ý thức sâu sắc rằng, đối với một quốc gia, dù lớn hay nhỏ, độc lập tự chủ về kinh tế luôn là nền tảng vật chất cơ bản để giữ vững độc lập tự chủ về chính trị và tăng cường độc lập tự chủ của quốc gia. Không thể có độc lập tự chủ về chính trị trong khi bị lệ thuộc về kinh tế. Điều đó càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nước ta, một đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong hoàn cảnh quốc tế diễn biến rất phức tạp, đầy biến động với những bất trắc khó lường.

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự tùy thuộc lẫn nhau về kinh tế

ngày càng gia tăng, các nước trên thế giới đều rất coi trọng đến khả năng độc lập tự chủ về kinh tế nhằm bảo đảm lợi ích chính đáng của quốc gia, dân tộc mình trong cuộc cạnh tranh kinh tế gay gắt và để xác lập một vị thế chính trị nhất định trên trường quốc tế.

Độc lập tự chủ về kinh tế phải được đặt trong mối quan hệ biện chứng với độc lập tự chủ về chính trị và các mặt khác để tạo thành sức mạnh tổng hợp và độc lập tự chủ đầy đủ của một quốc gia. Độc lập tự chủ về kinh tế, trước hết là không bị chi phối, lệ thuộc vào bên ngoài về đường lối, chính sách phát triển kinh tế, vào những điều kiện kinh tế, chính trị mà họ muốn áp đặt cho ta trong trợ giúp, hợp tác song phương, đa phương... mà những điều kiện ấy sẽ gây tổn hại cho chủ quyền quốc gia và lợi ích cơ bản của dân tộc. Độc lập tự chủ về kinh tế cũng có nghĩa là, trước những chấn động của thị trường, của khủng hoảng kinh tế - tài chính, cũng như trước sự bao vây, cô lập từ bên ngoài vẫn giữ được sự ổn định và phát triển cần thiết, không bị sụp đổ về kinh tế và chính trị. Đối với nước ta, độc

* Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ

lập tự chủ về kinh tế còn là *một điều kiện tiên quyết* để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Khác với trước đây, khi nói độc lập tự chủ về kinh tế, nhiều người thường hình dung đến một nền kinh tế khép kín, tự cung tự cấp. Trong điều kiện ngày nay, độc lập tự chủ về kinh tế phải là độc lập tự chủ trong phát triển nền kinh tế thị trường và chủ động mở cửa, hội nhập có hiệu quả với nền kinh tế thế giới ; tích cực tham gia vào sự giao lưu, hợp tác, phân công lao động quốc tế, trên cơ sở phát huy tốt nhất nội lực, lợi thế so sánh của quốc gia để cạnh tranh có hiệu quả trên thương trường quốc tế.

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ phải có được những yếu tố cơ bản sau đây :

Một là, phải có đường lối, chính sách độc lập tự chủ về phát triển kinh tế - xã hội

Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng XHCN phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta và bối cảnh quốc tế ; kết hợp chặt chẽ nội lực và ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp, trong đó nội lực giữ vai trò quyết định ; có đường lối đối ngoại đúng đắn, tạo được môi trường thuận lợi để phát triển và bảo vệ chủ quyền quốc gia, lợi ích dân tộc và ứng phó có hiệu quả với các tình huống phức tạp ; đồng thời, chủ động hội nhập quốc tế và tranh thủ được tốt nhất thời cơ, thuận lợi, nguồn lực bên ngoài cho sự phát triển của đất nước.

Kinh nghiệm phát triển kinh tế của thế giới rất phong phú, cần nghiên cứu tham khảo, song không thể áp dụng một cách

máy móc, giáo điều, mà phải xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể và lợi ích của đất nước để định ra đường lối, chính sách, cách làm đúng đắn và phù hợp. Đây là một bài học kinh nghiệm lớn, sâu sắc từ thực tiễn cách mạng nước ta.

Hai là, phải có thực lực và tiềm lực kinh tế đủ mạnh ở mức cần thiết

Toàn bộ nền sản xuất xã hội (tính theo giá trị) không chỉ đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của toàn xã hội mà còn có *phần tích lũy cần thiết* để thực hiện tái sản xuất mở rộng trên tổng thể nền kinh tế. Trong những năm chiến tranh trước đây và đến hết thập kỷ 80 của thế kỷ XX, nền kinh tế nước ta vẫn chưa đạt được yêu cầu này, nên một phần quỹ tiêu dùng xã hội và toàn bộ quỹ tích lũy của nền kinh tế đều phải dựa vào viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa. Từ thập kỷ 90 đến nay, nền kinh tế nước ta thoát khỏi tình trạng đó và được cải thiện khá nhanh, đến năm 2001 đã có mức tích lũy bằng 28,8% GDP. Đó là mức trung bình của một nước đang phát triển (những nước đang phát triển ở thời kỳ tăng tốc đã có mức tích lũy đến 35 - 40% như Hàn Quốc, Trung Quốc, một số nước Đông Nam Á...).

Điều này có ý nghĩa rất quyết định đến khả năng tạo ra và huy động nguồn vốn trong nước để phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (nguồn vốn đầu tư trong nước thường được huy động từ 75 - 80% tổng nguồn tích lũy trong nước), và để tiếp nhận, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn bên ngoài. *Không có một tỷ lệ nhất định vốn trong nước mà chỉ dựa vào nguồn vốn bên ngoài, nhất là vốn vay, thì khó có thể có được độc lập tự chủ*

kinh tế và cũng không thể phát triển đất nước một cách bền vững. Trong chiến lược 10 năm (2001 - 2010) và kế hoạch 5 năm (2001 - 2005), chúng ta dự định nâng mức tích lũy từ nội bộ nền kinh tế lên khoảng 30% GDP và bảo đảm nguồn vốn trong nước chiếm trên 60% trong tổng vốn đầu tư phát triển. Mặt khác, vẫn phải bảo đảm mức tăng quỹ tiêu dùng xã hội khoảng 5 - 6%/năm để tiếp tục cải thiện đời sống nhân dân.

Nền kinh tế phải có sức cạnh tranh cao (bao gồm sức cạnh tranh của hàng hóa, sức cạnh tranh của doanh nghiệp và sức cạnh tranh của nền kinh tế) dựa trên việc phát huy lợi thế so sánh về con người - nguồn nhân lực, tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý, việc vận dụng tốt những tiến bộ khoa học - công nghệ, giáo dục đào tạo, văn hóa, tổ chức quản lý, cơ chế chính sách,...

Thực tế cho thấy, trong cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực vừa qua, những nền kinh tế có sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước, quốc tế đều có sức chịu đựng tốt hơn và hạn chế tối đa được tác động tiêu cực của khủng hoảng. Và, không nhất thiết phải là một nền kinh tế lớn mới đạt được trình độ cạnh tranh cao, mà một nền kinh tế nhỏ nếu biết khai thác, vận dụng, phát huy tốt các lợi thế so sánh, đặc biệt là yếu tố con người - nguồn nhân lực, sự tiến bộ khoa học - công nghệ và năng lực quản lý thì vẫn có thể đạt được sức cạnh tranh cao.

Để tạo được sức cạnh tranh kinh tế của một quốc gia, cần hội đủ nhiều yếu tố, trong đó điều đặc biệt quan trọng là phải *xây dựng và luôn hoàn chỉnh một cơ cấu kinh tế hợp lý, gắn với cơ cấu công nghệ tiên bộ và xây dựng được năng lực nội sinh*

(tự thân, tự phát triển) cần thiết về khoa học và công nghệ của đất nước.

Cơ cấu kinh tế hợp lý trong điều kiện cụ thể của nước ta và trong bối cảnh hội nhập quốc tế là một cơ cấu có khả năng đáp ứng được yêu cầu gia tăng sức cạnh tranh; thực hiện tái sản xuất mở rộng, tạo được sự *phát triển nhanh, hiệu quả cao và bền vững* theo định hướng xã hội chủ nghĩa và giữ được sự ổn định kinh tế - xã hội. Cơ cấu kinh tế này bao gồm cơ cấu các ngành và lĩnh vực kinh tế chủ yếu; cơ cấu các vùng lãnh thổ; cơ cấu thành phần kinh tế; cơ cấu xuất nhập khẩu; cơ cấu đầu tư (ngắn hạn và dài hạn, trực tiếp và gián tiếp); trong đó, *cơ cấu các ngành, lĩnh vực kinh tế chủ yếu có vai trò quan trọng hàng đầu.*

Dân số nước ta đến nay đã gần 80 triệu và sẽ tăng lên khoảng 100 triệu người sau vài thập kỷ tới. Nước ta ở vào vị trí địa chính trị và địa kinh tế có tính đặc thù trong khu vực, với điều kiện tài nguyên thiên nhiên khá đa dạng, nguồn lực con người giàu tiềm năng... Vì vậy, yêu cầu cơ cấu *các ngành và lĩnh vực kinh tế chủ yếu phải gắn với cơ cấu các vùng lãnh thổ và phải tương đối đa dạng đi đôi với có trọng điểm.* Sự đa dạng và có trọng điểm này, vừa phát huy được thế mạnh của đất nước, vừa đáp ứng được yêu cầu và mục tiêu phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cũng như nhu cầu cuộc sống của nhân dân với gần 80% là nông dân và đang trong quá trình chuyển đổi; đồng thời, phải thích ứng được với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, với thị trường thế giới đòi hỏi ngày càng cao và hết sức đa dạng.

Trong quá trình hội nhập và cạnh tranh, kinh tế nước ta cần tạo nên những mối quan

hệ tùy thuộc qua lại với kinh tế thế giới trong quá trình phân công lao động quốc tế. Vì vậy, phải cập nhật thông tin, dự báo tương đối sát các nhu cầu của thị trường, lựa chọn đầu tư phát triển những sản phẩm mà ta có lợi thế với công nghệ tiên tiến, có sức cạnh tranh cao, chiếm được thị phần nhất định trên thị trường quốc tế.

Quá trình hình thành một cơ cấu kinh tế hợp lý phải xem xét đến *hiệu quả tổng hợp* cả về kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh, quốc phòng ; trong đó, phải *ưu tiên cho hiệu quả kinh tế*, không lấy hiệu quả kinh tế làm gốc thì về lâu dài cũng không thể bảo đảm các mặt hiệu quả khác. Bài học kinh nghiệm của các nước châu Á bị khủng hoảng kinh tế gần đây cho thấy, để thoát khỏi khủng hoảng thì một trong những việc trước tiên là, phải cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng có hiệu quả cao hơn, có sức cạnh tranh lớn hơn. Đó là điều mà chúng ta cần đặc biệt quan tâm.

Trong thời đại ngày nay, lợi thế và sức cạnh tranh kinh tế cũng như sự phát triển của một quốc gia phần lớn tùy thuộc vào khả năng nắm bắt, vận dụng, phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt là những công nghệ hiện đại. Chỉ có một số ít nước có khả năng phát triển toàn diện khoa học và công nghệ, sáng tạo ra các công nghệ hiện đại nhất. Song, việc vận dụng những thành quả của sự phát triển khoa học và công nghệ không loại trừ một quốc gia nào, nếu có được những điều kiện cần thiết ; trước hết là, có chính sách đúng đắn, có đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ và lao động kỹ thuật mạnh. Với khả năng và nhu cầu phát triển của mình, nước ta cần và hoàn toàn có khả năng đi nhanh vào nắm bắt, vận dụng khoa học và công nghệ hiện

đại ; đồng thời, phấn đấu *sáng tạo để làm chủ và thích nghi nhanh với công nghệ mới*. Mặt khác, để phát triển bền vững và bảo đảm sự hợp tác bình đẳng với các đối tác kinh tế và công nghệ, đòi hỏi phải có thêm *khả năng tự sáng tạo ra công nghệ mới* của riêng mình, dù chỉ trên một số lĩnh vực, ở một số phạm vi, khía cạnh nhất định trong quá trình phân công lao động quốc tế. Tóm lại, chúng ta phải vươn lên nắm bắt nhanh và kiên trì gây dựng một *năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ* làm cơ sở cho việc phát huy tác dụng của khoa học, công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo ra sự tùy thuộc qua lại giữa ta và các nước về công nghệ và sản xuất.

Cho đến nay, việc tạo dựng một cơ cấu kinh tế phù hợp, hiệu quả và xây dựng một năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ để bảo đảm cho sự phát triển bền vững và khả năng độc lập tự chủ vững chắc về kinh tế của nước ta đang còn ở giai đoạn khởi đầu. Đây là một quá trình, một khâu có ý nghĩa rất quyết định, đòi hỏi chúng ta phải đầu tư nhiều nguồn lực và sự tập trung chỉ đạo.

Phải có một số yếu tố vật chất thiết yếu để bảo đảm an toàn và điều kiện cơ bản cho sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, cũng như sự độc lập tự chủ về kinh tế trong tình huống phức tạp.

Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Nước ta dân số đông (thứ 2 khu vực Đông Nam Á, thứ 13 trên thế giới), phần lớn dân cư sống ở nông thôn và chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Do đó, vấn đề bảo đảm an ninh lương thực cả về số lượng, chất lượng,

cơ cấu, trong phạm vi cả nước và trên từng vùng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để giữ vững ổn định kinh tế - xã hội và tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. An ninh lương thực không có nghĩa là tự cấp tự túc trong từng địa bàn hẹp và sản xuất lương thực với bất cứ giá nào, không tính hiệu quả so sánh, mà phải làm tốt việc điều hòa lương thực giữa các vùng và có dự trữ quốc gia về lương thực với đủ mức cần thiết. Cần có quy hoạch sử dụng đất để đảm bảo cho sản xuất lương thực và có chính sách khuyến khích lợi ích của người sản xuất lương thực. Không thể quan niệm giản đơn rằng, chỉ cần có đủ ngoại tệ để nhập khẩu lương thực là sẽ bảo đảm được an ninh lương thực quốc gia. Nếu làm như vậy cũng là tự tước bỏ đi một thế mạnh kinh tế quan trọng, một khả năng hiện thực để bảo đảm độc lập tự chủ kinh tế.

Bảo đảm an toàn năng lượng. Trong sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất và văn minh của cuộc sống con người, năng lượng luôn giữ vị trí đặc biệt và không thể thiếu được. Nước ta có nguồn tiềm năng tương đối khá về năng lượng, cả dầu - khí, thủy điện, than... Do đó, cần huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển đáp ứng tốt cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tạo ra một nguồn xuất khẩu quan trọng. Vấn đề hàng đầu để bảo đảm an toàn năng lượng là phát triển điện năng đi trước với một cơ cấu hợp lý và từng bước thực hiện điện khí hóa nông thôn, miền núi. Trong mối quan hệ hữu nghị, chúng ta cần tính đến khả năng hợp tác với Lào, Cam-pu-chia về phát triển và sử dụng nguồn thủy điện để hỗ trợ lẫn nhau bảo đảm an toàn năng lượng.

Bảo đảm được mức cần thiết về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Kết cấu hạ tầng là nền tảng vật chất chủ yếu của nền kinh tế - xã hội, là tiền đề cơ bản để vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. Đối với nước ta, yêu cầu phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội là rất lớn, rất bức xúc và đòi hỏi ngày càng cao ; phải bằng các nguồn lực, trước hết là ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng nhanh, có hiệu quả, vượt qua được những khó khăn yếu kém trong lĩnh vực này, đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu sản xuất, đời sống nhân dân và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát triển có hiệu quả một số ngành và cơ sở công nghiệp có tính chất nền tảng. Sức mạnh kinh tế của nước ta chủ yếu và về lâu dài phải dựa vào sức mạnh của nền công nghiệp. Phát triển công nghiệp là nhiệm vụ trung tâm của cả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Như trên đã trình bày, sức mạnh kinh tế, khả năng độc lập tự chủ về kinh tế, trước hết và chủ yếu tùy thuộc vào sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Sự bảo hộ sản xuất trong nước chỉ có thời hạn và có điều kiện. Do đó, phát triển công nghiệp *phải ưu tiên cho những ngành, lĩnh vực, sản phẩm có thể tạo ra được sức cạnh tranh cao*, dựa trên thế mạnh và lợi thế so sánh của nước ta. Đồng thời, phải dành một phần nguồn lực thích hợp để phát triển có hiệu quả một số ngành và sản phẩm vẫn thường được gọi là *công nghiệp nặng*, hay *công nghiệp nền tảng*, như cơ khí chế tạo, luyện kim, hóa chất, hóa dầu, một số vật liệu xây dựng quan trọng,... Đây là những ngành tạo ra nguồn nguyên vật liệu quan trọng, những máy móc thiết bị để trang bị và trang

bị lại cho nền kinh tế. Cần khẳng định rằng, trong cơ cấu kinh tế của nước ta, để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, những ngành công nghiệp này phải có một vị trí quan trọng, chẳng những nó cần thiết mà còn có điều kiện về nguồn tài nguyên thiên nhiên, về tiềm năng nguồn nhân lực để phát triển có hiệu quả. Trong 5 - 10 năm tới, chúng ta cần lựa chọn đầu tư một số dự án, sản phẩm với công nghệ tiên tiến và nguồn vốn thích hợp để đáp ứng yêu cầu ở mức cần thiết. Sự lựa chọn này phải trên luận chứng kinh tế cụ thể cho từng ngành, từng sản phẩm, từng dự án và *phải tính đến hiệu quả tổng hợp*. Dự án nào chưa đủ điều kiện làm ngay thì cần tích cực chuẩn bị, nhất là chuẩn bị đầu tư vào nguồn nhân lực. Riêng đối với công nghiệp quốc phòng, phải căn cứ vào nhu cầu bức xúc và khả năng thực tế mà đầu tư thích hợp để đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Bảo đảm an toàn môi trường. Sự phát triển bền vững, trong đó có bền vững về môi trường, trở thành một yêu cầu và mục tiêu phát triển hàng đầu của mọi quốc gia trước những thách thức to lớn về sự suy thoái môi trường trên phạm vi toàn cầu. Một khi để thảm họa về môi trường xảy ra thì sẽ ảnh hưởng lớn và xấu đến sức mạnh nền kinh tế, cuộc sống của nhân dân và nếu có sự hỗ trợ quốc tế thì cũng không loại trừ đi kèm những điều kiện nhất định. Vì vậy, phải có chiến lược quốc gia về bảo đảm an toàn môi trường và trong từng bước phát triển, trong từng chương trình, dự án phải được gắn chặt với việc bảo đảm nghiêm ngặt về môi trường.

Ba là, xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô

Trong lĩnh vực này, vấn đề quan trọng là tạo ra môi trường thuận lợi về luật pháp và kinh tế để cho mọi tổ chức kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế đều được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng và đều là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng, là một công cụ vĩ mô để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế. Có chính sách khuyến khích hình thành những doanh nghiệp mạnh với những sản phẩm có giá trị nội địa và sức cạnh tranh cao. Doanh nghiệp nhà nước phải được sắp xếp lại, hình thành nhanh những tập đoàn, những tổng công ty lớn kinh doanh đa ngành và thông qua cạnh tranh lành mạnh vươn lên giữ những vị trí then chốt, đi đầu trong ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực quản lý, nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật. Cần kiên quyết đẩy nhanh việc cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX).

Trong quá trình hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần *tạo lập đồng bộ các loại thị trường*. Ngoài việc tiếp tục hoàn thiện những loại thị trường về hàng hóa và dịch vụ hiện có, cần phát triển nhanh thị trường vốn và tiền tệ, *thị trường bất động sản, bao gồm quyền sử dụng đất* theo quy định của pháp luật, thị trường sức lao động, thị trường các loại dịch vụ khoa học, công nghệ, sản phẩm trí tuệ, bảo hiểm, tư vấn. Việc hoàn thiện đồng bộ các loại thị trường là yêu cầu khách quan, bức thiết, nhưng phải có bước đi thích hợp nhằm phát huy mặt tích cực và

hạn chế các mặt tiêu cực, tạo ra sự năng động, hiệu quả cao, bền vững, cạnh tranh lành mạnh. Phạm vi và cơ chế hoạt động của mỗi loại thị trường cần có sự quản lý thích hợp của Nhà nước.

Trong thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chức năng cơ bản của Nhà nước về kinh tế là định hướng phát triển nền kinh tế thông qua việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách; xây dựng môi trường pháp lý về kinh tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, tạo mọi thuận lợi cho các chủ thể kinh tế hoạt động và cạnh tranh lành mạnh; xây dựng quan hệ sản xuất và phân phối lợi ích một cách hợp lý, thông qua việc sử dụng các công cụ ngân sách, thuế khóa, tín dụng...; thực hiện tốt việc kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế theo đúng pháp luật và chính sách.

Trong quản lý kinh tế, Nhà nước sử dụng hai loại công cụ chính là chính sách, luật pháp và thực lực của kinh tế nhà nước để thực hiện chức năng định hướng phát triển và điều tiết kinh tế, điều tiết thị trường. Đây là mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường, trong đó thị trường hoạt động theo quy luật khách quan, như giá cả, cung cầu, cạnh tranh.... Nhà nước phải chủ động tạo điều kiện cho thị trường hoạt động lành mạnh và điều tiết ở những khâu, những thời điểm cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển. Trong quá trình này, cần đặc biệt coi trọng *giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô*, không để xảy ra những tai biến bất thường hoặc khủng hoảng; và phải xem đây là một điều kiện, một yếu tố rất quan trọng để bảo đảm phát triển bền vững và độc lập tự chủ kinh tế.

Cùng với việc duy trì các cân đối vĩ mô của nền kinh tế, một lĩnh vực rất quan trọng là phải *xây dựng và vận hành hệ thống tài chính - tiền tệ của nền kinh tế lành mạnh*, bảo đảm an ninh về tài chính - tiền tệ trong cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

Hệ thống tài chính - tiền tệ phải được xây dựng, vận hành theo những nguyên tắc của kinh tế thị trường, công khai, minh bạch, theo đúng pháp luật và phải thật sự trở thành mạch máu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước hội nhập với khu vực và quốc tế theo một lộ trình chủ động. Cần đặc biệt quan tâm xây dựng và quản lý chặt chẽ *chiến lược vay và trả nợ*, bảo đảm phát huy hiệu quả các nguồn vốn vay, trả được nợ, giữ vững cán cân thanh toán lành mạnh. Và cần có một lượng *dự trữ ngoại tệ đủ mức cần thiết* để bảo đảm an toàn cho các dịch vụ trả nợ đến hạn, dự phòng ứng phó với những thâm hụt về cán cân thanh toán quốc tế và những biến động bất thường của thị trường tài chính, tiền tệ cả trong và ngoài nước.

Xây dựng nền *kinh tế độc lập tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề hệ trọng của đất nước ta, chế độ ta*. Đây là một quá trình phát triển và hoàn thiện dần, vững chắc, từ thấp lên cao. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, các cấp các ngành cần quán triệt sâu sắc, kiên định và quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện, nhất định chúng ta sẽ đạt được mục tiêu mà Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra và giữ vững Độc lập Tự chủ của đất nước trong mọi tình huống. □

LỄ HỘI VÀ ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ LỄ HỘI HIỆN NAY

PHẠM QUANG NGHỊ *

Lễ hội là một sinh hoạt văn hóa cộng đồng, có tính phổ biến trong đời sống xã hội, có sức lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Là sản phẩm sáng tạo của các thế hệ tiền nhân để lại cho hôm nay, lễ hội chứa đựng những mong ước thiết tha vừa thánh thiện, vừa đời thường ; vừa thiêng liêng, vừa thế tục của bao thế hệ con người.

Nói tới lễ hội không thể không nói tới yếu tố tín ngưỡng tâm linh mà hầu như lễ hội nào cũng có. Đây có thể là tín ngưỡng thờ thành hoàng làng, thờ tổ tiên, hay thờ mẫu. Nhân vật trung tâm thường là những nhân vật lịch sử - văn hóa có công dựng nước, giữ nước, có công trong việc mang lại cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho người dân như các vua Hùng, Thánh Gióng, Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Chử Đồng Tử, nhị vị phu nhân... Người dân mở các lễ hội là để thể hiện niềm biết ơn thành kính của mình với các nhân vật lịch sử và văn hóa ấy. Thái độ uống nước nhớ nguồn này là một nét văn hóa đẹp đáng trân trọng của lễ hội.

Đến với lễ hội, con người vừa muốn gửi gắm, bộc lộ những ý nguyện thầm kín thiêng liêng hoặc bức xúc như cầu may, giải hạn hoặc muốn được giải tỏa và tự thể

hiện mình trong các hoạt động tế lễ, vui chơi, giao tiếp. Lễ hội thể hiện thái độ, tình cảm ứng xử của con người trần thế với các nhân vật thiêng mà họ tin tưởng, phụng thờ, là nhân tố góp phần làm cân bằng đời sống tinh thần, tâm linh của con người cả trong lúc bất hạnh, âu lo hoặc mừng vui sung sướng. Niềm tin ấy chứa đầy yếu tố xúc cảm, có lúc thừa nhận cả những yếu tố tưởng tượng, phi lý, nên dễ dẫn tới mê tín dị đoan. Chính đặc điểm này dẫn tới những hiện tượng như bói toán, rút thẻ, đốt vàng mã tràn lan, buôn thần bán thánh... Cũng đặc điểm này dẫn tới trong lễ hội, ranh giới giữa nhu cầu tín ngưỡng thành tâm và tự nguyện với sự mê muội đam mê đôi khi hết sức mong manh. Vì thế, trong lễ hội có sự đan xen cả yếu tố tiêu cực lẫn yếu tố tích cực của tín ngưỡng, đan quện vào nhau đến mức khó chia tách được.

Lễ hội như một bảo tàng văn hóa dân gian lưu giữ nhiều sinh hoạt văn hóa do các thế hệ tiền nhân sáng tạo. Một trò "nghiêm quân" ở lễ hội làng Giá (xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây), những trò diễn

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

Thánh Gióng đánh giặc trong lễ hội làng Phù Đổng (huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội), nghi lễ trong lễ hội thờ Hai Bà Trưng ở Hát Môn (tỉnh Hà Tây), ở Mê Linh (tỉnh Vĩnh Phúc), trò thổi cơm thi, trò thi đấu vật... trong lễ hội ở các làng quê là những sinh hoạt văn hóa dân gian mang đậm bản sắc dân tộc. Nét đặc biệt của lễ hội là những sinh hoạt văn hóa ấy được bảo tồn trong tâm thức con người từ thế hệ này qua thế hệ khác, rất ít thay đổi.

Khác với các loại di sản văn hóa phi vật thể như tiếng nói, chữ viết, ngữ văn truyền miệng, lối sống, nếp sống..., ngoài đặc điểm tồn tại trong tâm thức con người, lễ hội còn có đặc điểm gắn bó mật thiết với địa danh, di tích, như một yếu tố cấu thành không thể tách rời. Địa danh, di tích là môi trường tồn tại của lễ hội, là "không gian thiêng" của lễ hội. Vì thế, có thể nói, lễ hội là di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Theo *Luật di sản văn hóa*, lễ hội là di sản văn hóa phi vật thể.

Công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, đòi hỏi chúng ta phải có tư duy mới, cách ứng xử mới, đúng đắn về công tác quản lý lễ hội trong tình hình hiện nay. Trong các di sản văn hóa, cả vật thể lẫn phi vật thể, của các thế hệ tiền nhân để lại cho thế hệ hôm nay, lễ hội rõ ràng là một vốn văn hóa mà chúng ta phải có trách nhiệm kế thừa và phát huy. Với nhận thức như trên, lễ hội có những mặt tích cực phải được giữ gìn, nhưng cũng có những mặt phải gạt bỏ, phải loại bỏ trên hành trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thái độ của chúng ta đối với di sản văn hóa, trong đó có lễ hội, như lời Bác Hồ viết trong tác phẩm *Đời sống mới* : Cái gì cũ mà xấu thì phải

bỏ, cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý, cái gì cũ mà tốt thì phát triển thêm.

Vấn đề đặt ra là, nhận thức cho đúng những giá trị và những đặc điểm bản chất của lễ hội và tín ngưỡng gắn bó với lễ hội. Không phải ai cũng nhận thức đầy đủ giá trị và bản chất của hai yếu tố ấy. Không phải ai cũng biết tự đặt ra câu hỏi vì sao có lễ hội ? Và vì sao con người lại gắn bó với lễ hội nhiều khi đến mức không thể dứt bỏ được ? Cái khó cho nhận thức của chúng ta ở chỗ, lễ hội là sáng tạo từ quá khứ chảy theo dòng thời gian đến với chúng ta, của các thế hệ tiền nhân để lại cho thế hệ hôm nay. Nhìn nhận lễ hội, nếu không đứng trên lập trường, thế giới quan chủ nghĩa duy vật lịch sử, sẽ khó mà nhận thức đúng bản chất của lễ hội. Cũng như nhìn nhận về tín ngưỡng, không thể không thấy đầy đủ nguyên nhân nhận thức, trình độ khoa học, dân trí... và nguyên nhân xã hội và tồn tại xã hội còn vô vàn những điều chưa giải thích, làm rõ được. Nhận thức không đúng, không thể có được sự ứng xử văn hóa, coi lễ hội là hành trang mặc dù trong hành trang ấy không phải mọi thứ đều tinh tươm, đẹp đẽ, đều cần thiết cho chúng ta. Cái khó nữa là lễ hội gắn bó mật thiết với tín ngưỡng, như nhân dân ta thường nói : phi lễ bất thành hội. Tín ngưỡng là hiện tượng nhạy cảm, phức tạp, dễ ảnh hưởng với số đông người. Xử lý các vấn đề của lễ hội cũng tức là xử lý các vấn đề của tín ngưỡng. Chẳng hạn, xử lý vấn đề sư giả, chùa giả, động giả ở chùa Hương, nhìn qua hiện tượng bên ngoài, dường như đó chỉ là vấn đề vi phạm di tích lịch sử - văn hóa, phá vỡ cảnh quan của di tích nhưng không phải chỉ có thế. Đó còn là vấn đề tín ngưỡng, một

vấn đề hết sức tế nhị và phức tạp, và không phải ai cũng phân biệt được trong số những người vi phạm, đâu là chân tín, đâu là lợi dụng tín ngưỡng để trục lợi, làm điều xằng bậy.

Với những đặc điểm ấy, quản lý lễ hội đòi hỏi chúng ta phải có một tư duy đúng đắn, phù hợp với nội dung bản chất của lễ hội. Đã có một thời, do giản đơn và ấu trĩ, không ít người nghĩ rằng, có thể dùng mệnh lệnh, dùng các biện pháp hành chính là nhanh chóng loại bỏ được những tàn dư lạc hậu, những tàn tích của quá khứ. Di hại của cuộc chiến tranh kéo dài hơn ba mươi năm và đi liền với nó là tư duy trong điều kiện nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp của một thời khiến cho lễ hội không thể phát triển bình thường. Vì thế, một số người nghĩ rằng, bằng các mệnh lệnh là xóa hẳn được những tàn tích của quá khứ, là loại bỏ được những mặt trái của tín ngưỡng, của lễ hội. Thực tế cho thấy, tín ngưỡng, lễ hội tồn tại lâu bền trong tâm thức con người, có lúc âm ỉ, có lúc trỗi dậy một cách ồn ào, náo nhiệt. Sau nhiều năm lắng dịu, sự phát triển bột phát của lễ hội, tín ngưỡng ở nước ta như hiện nay đã chứng tỏ điều ấy. Trước sự trỗi dậy trở lại của lễ hội như vậy thì lại xuất hiện khuynh hướng dường như trái ngược với trước đây, cho phục hồi cái cũ một cách tràn lan, khiến cho một số nghi thức trở nên rườm rà, linh đình tốn kém, thậm chí linh đình tốn kém hơn cả như nó từng có trong quá khứ. Đây là sự buông lỏng, vô tình hay hữu ý, muốn dùng sự buông lỏng này để "sửa chữa" sự chặt chẽ thái quá của công tác quản lý lễ hội trước đây do duy ý chí, do ấu trĩ. Nhà triết học Ph. Hê-ghen nói : Cái gì hợp lý thì tồn tại, cái gì tồn tại thì hợp lý. Vì thế, thái độ cực

đoan, phiến diện trong công tác quản lý lễ hội đều không phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý lễ hội hiện nay.

*

* *

Tính đến năm 2002, theo thống kê sơ bộ, có lẽ là chưa đủ, cả nước hiện có gần 6 000 lễ hội theo các quy mô khác nhau, diễn ra chủ yếu vào mùa xuân. Ngoài các lễ hội tổ chức ở phạm vi làng xã còn có các lễ hội có quy mô một vùng, hoặc toàn quốc, kéo dài nhiều ngày, có tới hàng chục vạn, hàng triệu người cả trong nước, lẫn ngoài nước tham gia như lễ hội giỗ tổ Hùng Vương, lễ hội chùa Hương, lễ hội núi Sam (thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang), lễ hội Phủ Dày (huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định), lễ hội đền Kiếp Bạc (tỉnh Hải Dương), lễ hội núi Bà Đen (tỉnh Tây Ninh)... Sự đa dạng, phong phú, giá trị nhân văn sâu sắc, cũng như những tàn dư lạc hậu trong các lễ hội đều đang đặt ra yêu cầu cho chúng ta phải chọn lọc kế thừa và phát huy mặt tích cực, loại bỏ mặt tiêu cực, phải làm thật tốt công tác quản lý lễ hội.

Trong mấy năm gần đây, công tác quản lý nhà nước về văn hóa, trong đó có lễ hội được quan tâm hơn trước. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chỉ thị, nghị định, quy chế nhằm tăng cường công tác quản lý, tổ chức lễ hội ở các địa phương. Vấn đề đặt ra là, để những văn bản ấy phát huy được hiệu lực trong thực tiễn thì công tác tổ chức lễ hội phải được các cấp các ngành, trước hết là những người làm công tác quản lý văn hóa đặc biệt quan tâm. Thực tế đã chứng minh ý nghĩa của việc giải tỏa 42 điểm xây dựng trái phép ở Hương Sơn, từng làm nhức nhối dư luận, không chỉ có tác dụng trả lại cho di tích bộ mặt như nó vốn có, mà còn khẳng

định hiệu lực của công tác quản lý nhà nước. Thực tế cũng chứng minh chúng ta hoàn toàn có khả năng tổ chức tốt những lễ hội có quy mô lớn như lễ hội Đền Hùng (Phú Thọ), Trường Yên (Ninh Bình), bà Chúa Xứ núi Sam (An Giang), núi Bà Đen (Tây Ninh)... Điều đó không chỉ có tác dụng khẳng định vai trò của bộ máy quản lý nhà nước trong việc giữ gìn và phát huy di sản văn hóa dân tộc mà còn góp phần nâng cao hiểu biết cho người dân về truyền thống văn hóa của dân tộc. Thực tế cũng đã chứng minh nhiều lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số như lễ Katê của người Chăm ở miền Trung, lễ Chol Chnam Thmây của người Khme ở Nam Bộ được đảng bộ và chính quyền các cấp quan tâm, tổ chức chu đáo. Một số lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, Việt Bắc, Tây Nguyên được khôi phục, là biểu hiện sinh động của những sinh hoạt văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc. Các lễ hội cách mạng, lịch sử cũng đang được hình thành, phát triển và tổ chức tốt ở nhiều địa phương như lễ hội làng Sen (huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An), lễ hội Uống nước nhớ nguồn, kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ 27-7 tại các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, nghĩa trang Việt - Lào (huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An), lễ hội Thống nhất non sông ở sông Bến Hải (tỉnh Quảng Trị), Festival Huế 2002, lễ hội đền Bến Dược (thành phố Hồ Chí Minh)... đã cho thấy những tiến bộ mới trong công tác quản lý và tổ chức lễ hội ở các cấp độ, quy mô và nội dung khác nhau.

Trong thời gian qua, chúng ta cũng đã dần dần đưa các hoạt động lễ hội vào nền nếp. Hầu hết các lễ hội đều thành lập Ban tổ chức. Mô hình ban tổ chức lễ hội được

thành lập phù hợp với quy mô và loại hình lễ hội. Nhờ thực hiện đúng quy trình tổ chức lễ hội theo Quy chế của Bộ Văn hóa - Thông tin ; đồng thời, có sự phối hợp, phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên trong ban tổ chức lễ hội, nên nhiều lễ hội có quy mô lớn đã khắc phục được về cơ bản nạn ùn tắc giao thông, vấn đề vệ sinh môi trường, tăng cường thanh tra, kiểm tra đối với sách báo mê tín và các ấn phẩm không được phép lưu hành, ngăn chặn, hạn chế các hoạt động buôn thần bán thánh, lợi dụng lễ hội để truyền đạo trái phép, giải quyết tương đối tốt nạn ăn xin, hành khất. Vì vậy, mặc dù số lượng người tham dự lễ hội ngày càng tăng, nhưng do chuẩn bị tốt về điều kiện giao thông bến bãi, bố trí lực lượng hướng dẫn nên tại các lễ hội lớn đã đảm bảo được trật tự an ninh. Các hoạt động dịch vụ đi lại ăn nghỉ cho khách hành hương được đưa vào nền nếp hơn trước. Nhiều lễ hội trở thành điểm sáng du lịch văn hóa, phát huy được giá trị văn hóa của di tích, danh thắng. Nhiều sinh hoạt văn hóa ở làng quê được khôi phục, trở thành ngày hội văn hóa ở địa phương.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực nói trên, cũng phải thẳng thắn thừa nhận rằng việc quản lý và tổ chức lễ hội còn nhiều bất cập, yếu kém. Không ít lễ hội bị buông lỏng quản lý, nặng về kinh doanh. Có địa phương tổ chức đấu thầu, khoán thu phí lễ hội, hàng quán dịch vụ tràn lan, lấn di tích. Ở nhiều lễ hội đặt quá nhiều hòm công đức, đặt ra các khoản thu phí cầu đường, xe cộ không hợp lý. Cúng tiền công đức của cá nhân, các tổ chức chưa được sử dụng đúng mục đích cho việc tôn tạo, bảo tồn di tích, còn buông lỏng công tác quản lý tài chính trong lễ hội, để cho một số

người thu lời bất chính. Hiện tượng thấp hương, đốt vàng mã tràn lan, sắm sửa mâm lễ tốn kém trong ngày lễ hội, đôi khi cả ngày thường vẫn còn chưa giảm.

Nhiều người không phân biệt được giữa tình cảm tôn kính, biết ơn, nhu cầu bày tỏ và phụng thờ các bậc tiền nhân có công giúp dân, giúp nước với sự mê tín dị đoan. Không ít người trong đời thường không quan tâm rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức cá nhân, không chú trọng làm điều nhân nghĩa mà lại quá ham bói toán, dăng sớ, khẩn lễ cầu xin cho mình những điều mà không chỉ thánh, thần mà bất cứ người nào có lương tri đều không thể ửng thuận. Những người bất hiếu với cha mẹ, với nhân dân, bất tín với bạn bè, bất trung với nước mà chỉ chăm lo nay đi chùa, mai đi lễ, cầu xin thăng quan tiến chức thì chẳng những trái đạo đức cách mạng mà còn trái với đạo đức tôn giáo, tín ngưỡng.

Có không ít người lấy "mâm cao cỗ đầy" thay cho sự thành tâm. Về điều này danh nhân Đặng Huy Trứ đã từng nói : Nếu chỉ những ai có nhiều lễ vật cúng tế mới được hưởng phúc lộc của thánh thần, thì có lẽ những người nghèo khó đã chết hết từ lâu rồi.

Trước tình hình trên, ở một số địa phương, ngành văn hóa thông tin chưa phát huy tốt vai trò chỉ đạo, quản lý của mình. Sự phối hợp giữa ngành Văn hóa - Thông tin và ngành Du lịch đối với các lễ hội chưa chặt chẽ, chưa tạo điều kiện để phát huy các giá trị văn hóa của các lễ hội, di tích.

*

* *

Để công tác quản lý lễ hội ngày càng đi vào nền nếp và có hiệu quả hơn, chúng ta cần giải quyết tốt các vấn đề sau.

Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và ngành văn hóa thông tin từ trung ương tới cơ sở tiếp tục tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Chỉ thị 27/CT-TU của Bộ Chính trị khóa VIII, Chỉ thị số 14/1998-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và Thông tư hướng dẫn số 04/1998-TT-BVHTT của Bộ Văn hóa - Thông tin. Đưa nội dung thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội vào nội dung thi đua thực hiện cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác sưu tầm, nghiên cứu lễ hội. Những năm qua, nhiều công trình sưu tầm nghiên cứu về lễ hội đã ra mắt bạn đọc như công trình *Lễ hội cổ truyền* của Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian, *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam* của Tạp chí Văn hóa nghệ thuật... nhưng so với kho tàng lễ hội phong phú, giàu có của dân tộc, trách nhiệm của chúng ta còn rất nặng nề.

Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục để mọi người nhận thức ngày càng tốt hơn về lễ hội. Đa dạng hóa các loại hình ấn phẩm để giới thiệu, tuyên truyền về lễ hội, bên cạnh những ấn phẩm bằng tiếng Việt, cần có cả những ấn phẩm bằng tiếng nước ngoài. Tận dụng thế mạnh của các phương tiện truyền thông đại chúng để tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu cái hay, cái đẹp của lễ hội, cũng như chỉ ra những yếu tố tiêu cực, lạc hậu cần phê phán, loại bỏ.

Tích cực nghiên cứu đề xuất, xây dựng mô hình, mẫu hình lễ hội. Các mô

(Xem tiếp trang 24)



VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI VỚI YÊU CẦU HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

LÊ THANH VÂN*

"Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân" là nguyên tắc chung, cơ bản và xuyên suốt trong việc thiết kế mô hình chính thể nhà nước ta từ trước đến nay. Nó được ghi nhận trong chương đầu ở tất cả bốn bản Hiến pháp của Nhà nước ta. Việc ghi nhận một tư tưởng tiến bộ như vậy vào nội dung của Hiến pháp là thành quả đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ và hy sinh của nhân dân Việt Nam.

Để xây dựng Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân, điều hết sức quan trọng là bảo đảm cho nhân dân thực hiện đầy đủ những quyền và nghĩa vụ của mình, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa để nhân dân thực sự được tham gia bàn bạc và quyết định những vấn đề cơ bản đối với sự phát triển các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước trong mỗi giai đoạn cụ thể. Chính vì vậy, các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước có bốn phạm "tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng"⁽¹⁾.

Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà

nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quan điểm này đã khẳng định một cách rõ ràng việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước ta. Việc không thừa nhận nguyên tắc phân chia trong tổ chức quyền lực nhà nước ở Việt Nam là để giữ vững bản chất giai cấp và thể hiện tính nhân dân sâu sắc của Nhà nước ta. Đó là Nhà nước mà "bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân..., quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân"⁽²⁾ và "phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân... làm cho mọi người công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc Nhà nước"⁽³⁾. Tuy nhiên, cũng cần làm rõ vấn đề quyền lực nhà nước tập trung thống nhất (tập quyền) vào đâu ?

Quan điểm cho rằng : quyền lực nhà nước tập trung thống nhất vào Quốc hội, thẩm quyền của các cơ quan khác của Nhà nước

* Văn phòng Quốc hội

(1) Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 1992, Điều 8

(2) Hồ Chí Minh : Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 5, tr 698

(3) Hồ Chí Minh : Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 8, tr 563

có được là xuất phát từ thẩm quyền của Quốc hội. Theo đó, quyền lực của Quốc hội là quyền lực gốc, còn quyền lực của các cơ quan khác của Nhà nước là quyền lực phái sinh. Chính vì vậy, bên cạnh việc quy định những nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu, Hiến pháp năm 1980 còn trao cho Quốc hội quyền tự quy định cho mình, quy định cho Hội đồng Bộ trưởng thêm những quyền hạn mới khi xét thấy cần thiết (đoạn cuối các Điều 83, 100, 107, Hiến pháp 1980). Có thể nói, đây là tư tưởng chỉ đạo trong việc thiết kế mô hình tổ chức bộ máy nhà nước ta theo quan điểm tập quyền và mọi quyền lực đều tập trung vào Quốc hội. Qua thực tiễn áp dụng đã chứng tỏ tính hình thức cũng như tính không khoa học của quan điểm này. Vì vậy, Hiến pháp năm 1992 đã có bước đổi mới về nhận thức và khắc phục nhược điểm đó trong việc thiết kế mô hình tổ chức các cơ quan nhà nước. Khái niệm "quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân" ngày càng được phát triển, từng bước hoàn thiện hơn trong Hiến pháp 1992. Nếu như trong các Hiến pháp trước chỉ ghi là "*quyền lực*" mà chưa xác định hay nói rõ là quyền lực gì, thì trong Hiến pháp năm 1992, Điều 2 đã ghi rõ hơn khái niệm "*quyền lực nhà nước*". Từ quy định này trong Hiến pháp 1992, có thể khẳng định rằng : Nhân dân là nguồn gốc của quyền lực nhà nước, là chủ thể duy nhất và tối cao của quyền lực nhà nước. Đó là quyền lực gốc xuất phát từ nhân dân, các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp là các nhánh của quyền lực nhà nước thống nhất. Thừa nhận Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, không có nghĩa là Quốc hội nắm toàn bộ quyền lực nhà nước, cũng như tùy tiện tự định cho mình những quyền hạn khi thấy cần thiết. Quốc hội trước hết cũng là một cơ quan nhà nước, nên phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp

luật. Chúng ta phải xây dựng một hệ thống cơ quan hành chính nhà nước (cơ quan hành pháp) mạnh mẽ, vững chắc, thống nhất, có thứ bậc từ trung ương đến cơ sở để điều hành đất nước. Trong hoạt động hành chính nhà nước, có một cơ chế giám sát, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong hoạt động lập quy, trong thi hành và áp dụng pháp luật, tổ chức, chỉ huy và điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước. Quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng không có nghĩa là không có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Việc phân công quyền lực nhà nước và giao cho các cơ quan nhà nước khác nhau phối hợp thực hiện ba quyền trong một thể thống nhất, nhằm tránh sự độc quyền và lạm dụng quyền lực, chông chéo và cản trở công việc của nhau trong quá trình thực thi quyền lực nhà nước.

Như vậy, chúng ta đã có sự vận dụng những yếu tố hợp lý của thuyết phân chia quyền lực trong việc xác định cơ chế thực hiện quyền lực nhà nước, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của Nhà nước ta, nhằm nâng cao một bước hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay. Để làm tốt yêu cầu có tính nguyên tắc này, cần phân định càng cụ thể càng tốt trong các văn bản luật về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các cơ quan nhà nước ở trung ương, tạo ra tính độc lập tương đối trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Kết hợp đúng đắn giữa hai yếu tố tập trung và dân chủ trong từng thời kỳ cách mạng là một trong những yếu tố mang tính quyết định, tạo nên sức mạnh trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ; tạo ra sự thống nhất của cả tập thể và từng cá nhân,

của cả nước và từng địa phương. Vì vậy, trong quá trình đổi mới và hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước, phải tăng cường sự lãnh đạo và điều hành tập trung thống nhất của trung ương, nhằm khắc phục tình trạng tự phát, vô chính phủ. Bên cạnh đó, phải phát huy trách nhiệm và tính năng động, sáng tạo của từng địa phương, kết hợp chặt chẽ giữa quản lý ngành và quản lý lãnh thổ.

Trong quá trình tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước, nguyên tắc tập trung dân chủ được thể hiện rõ nét nhất ở cách thức tổ chức và phân công quyền lực giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương (Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao). Theo đó, nguyên tắc tập trung dân chủ không đặt ra những công thức, khuôn mẫu cứng nhắc, bất biến, mà được vận dụng mềm dẻo và linh hoạt, tùy thuộc vào những đặc điểm của từng cơ quan nhà nước cụ thể. Vì vậy, nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ cần được quy định rõ ràng, cụ thể hơn trong pháp luật theo hướng Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, có quyền lập hiến và lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước và thực hiện quyền giám sát tối cao đối với các cơ quan nhà nước. Với vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đó, đòi hỏi Quốc hội phải hoạt động theo "chế độ tập thể" hay "chế độ hội nghị", tức là nhấn mạnh đến yếu tố dân chủ. Theo đó, mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội đều phải được đưa ra bàn bạc chung, thảo luận kỹ lưỡng và phải được biểu quyết theo đa số. Tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội chủ yếu diễn ra tại các kỳ họp của Quốc hội, thể hiện qua việc Quốc hội ban hành các đạo luật và các nghị quyết. Quốc hội không chỉ đạo cụ thể các hoạt động của Chính phủ. Song,

Quốc hội là cơ quan ra các quyết định quan trọng nhất, cơ bản nhất để căn cứ vào đó, Chính phủ thi hành. Mặt khác, thông qua hoạt động giám sát của mình, Quốc hội sửa đổi hoặc bãi bỏ các chính sách, thể chế do Chính phủ ban hành.

Trong tổ chức và hoạt động của Chính phủ, nguyên tắc tập trung dân chủ được áp dụng theo cách thức khác. Chính phủ là cơ quan tổ chức thực hiện luật, là cơ quan chấp hành của Quốc hội, là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Chính phủ cũng như các cơ quan trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước được tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng, tức là nhấn mạnh mặt tập trung, đặc biệt là đề cao vai trò lãnh đạo tập trung thống nhất của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, cũng cần đề cao dân chủ trong việc bàn bạc, quyết định những vấn đề quan trọng mang tính tập thể của Chính phủ.

Đối với Tòa án nhân dân tối cao, nguyên tắc tập trung dân chủ đòi hỏi phải đảm bảo việc độc lập xét xử, chỉ tuân theo pháp luật và quyết định theo đa số. Đối với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, nguyên tắc tập trung dân chủ đòi hỏi phải bảo đảm chế độ lãnh đạo tập trung thống nhất của Viện trưởng theo hệ dọc.

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quá trình xây dựng và hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước có ý nghĩa rất quan trọng, chỉ đạo suốt quá trình đổi mới và hoàn thiện Nhà nước ta. Lý luận và thực tiễn đều khẳng định rằng, chỉ khi nào pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước được tuân thủ triệt để thì bộ máy nhà nước mới phát huy được sức mạnh và hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Vì vậy, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, quản lý xã hội bằng pháp luật,

xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam là nhằm đề cao vai trò của pháp luật trong tổ chức, hoạt động của Nhà nước cũng như trong đời sống xã hội.

Sự điều chỉnh của pháp luật đối với việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước là điều kiện quan trọng hàng đầu để đảm bảo tính tổ chức, trật tự, kỷ luật, ổn định, thống nhất và sự ăn khớp trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Để làm tốt nguyên tắc này, một mặt Nhà nước cần tăng cường công tác xây dựng pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật, làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước. Mặt khác, tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước và của cả bộ máy nhà nước đều phải tuân theo những quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, cần tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát đối với tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm cho các quy định của pháp luật được thực hiện đầy đủ, nghiêm minh ở mọi lúc, mọi nơi. Đồng thời, cần xử lý nghiêm khắc những vi phạm pháp luật trong các cơ quan nhà nước và cán bộ nhà nước. Bảo đảm và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước là nhân tố tiên quyết, bảo đảm cho quá trình đổi mới, hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng không những là quan điểm chỉ đạo quá trình đổi mới, hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà còn là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước, cũng như trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong điều kiện hiện nay, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phải gắn liền với việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng, bao gồm

đổi mới cả nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước không có nghĩa là hạ thấp vai trò, làm giảm quyền lãnh đạo của Đảng, mà phải đề cao hơn nữa về mặt pháp lý vai trò lãnh đạo của Đảng. Phương thức lãnh đạo của Đảng phải phù hợp với đặc điểm tổ chức của mỗi cơ quan trong bộ máy nhà nước. Vì vậy, nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cần được cụ thể hóa cho phù hợp với từng loại cơ quan. Sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường không phải dựa vào uy quyền, mệnh lệnh mà là ở tinh hoa trí tuệ, năng lực lãnh đạo của Đảng, ở khả năng vạch ra đường lối chính trị đúng đắn, ở khả năng giáo dục và thuyết phục toàn xã hội chấp nhận, ở vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên và các tổ chức đảng trong điều kiện một Đảng cầm quyền.

*

* *

Trong điều kiện hiện nay, trên tinh thần đổi mới toàn diện do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, Quốc hội cần được hoàn thiện cả về tổ chức và hoạt động, nhằm nâng cao hơn nữa vị trí, vai trò, hiệu quả hoạt động của mình. Để thực hiện chủ trương này, theo chúng tôi, cần quan tâm đến một số vấn đề như sau :

a) Về cơ cấu tổ chức : Nghiên cứu đổi mới cơ cấu tổ chức của Quốc hội theo hướng thành lập thêm một số ủy ban của Quốc hội để giúp Quốc hội thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trên một số lĩnh vực công tác, như :

- Ủy ban soạn thảo các dự án luật giúp Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xây dựng dự thảo luật, pháp lệnh thay vì các cơ quan của Chính phủ vẫn đảm nhiệm công tác này. Sự ra đời của ủy ban này sẽ bảo đảm

tính khách quan trong việc soạn thảo các dự án luật, tránh được tình trạng chủ quan hay vì lợi ích cục bộ do việc "tự mình soạn thảo" như hiện nay.

- Ủy ban công tác dân nguyện giúp Quốc hội tổng hợp, phân tích tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Qua đó, tham mưu, đề xuất với Quốc hội những vấn đề về chính sách chiến lược, các giải pháp thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội hàng năm, cũng như nghiên cứu dư luận để điều chỉnh chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế, với lòng dân và với quy luật phát triển.

- Ủy ban tổ chức nhà nước giúp Quốc hội trong việc xây dựng, thiết kế mô hình tổ chức bộ máy nhà nước bảo đảm tinh gọn, có hiệu lực và hiệu quả; xác định các tiêu chí khách quan, khoa học trong việc xác lập đơn vị hành chính - lãnh thổ, tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển các tiềm năng tự nhiên và xã hội ở các địa phương; xem xét tư cách các chức danh lãnh đạo Nhà nước do Quốc hội cử ra trong quá trình thi hành nhiệm vụ được giao.

- Ủy ban kiểm toán giúp Quốc hội kiểm soát tình hình thu, chi ngân sách nhà nước; tham mưu, giúp Quốc hội những vấn đề về chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia và cân đối ngân sách nhà nước.

Trước mắt, khi điều kiện chưa cho phép, các ủy ban này có thể do Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập, giúp Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn nhất định. Qua kiểm nghiệm thực tiễn hoạt động, nếu có hiệu quả và thấy cần thiết, các cơ quan này sẽ do Quốc hội thành lập.

b) Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp của Quốc hội

Trong điều kiện hiện nay, vai trò lập pháp của Quốc hội càng được đặc biệt coi

trọng. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp của Quốc hội trở thành một trong những nhiệm vụ mà Đại hội VIII, IX của Đảng vạch ra để đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển đất nước, xây dựng và kiện toàn bộ máy nhà nước vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực và hiệu quả.

Do yêu cầu phải ban hành kịp thời các văn bản pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội đã và đang phát sinh, trong thời gian tới, Quốc hội vẫn phải giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các pháp lệnh để quy định những vấn đề cần thiết. Nhưng, các pháp lệnh này phải được Quốc hội nâng lên thành luật sau một thời gian thực hiện. Mặt khác, vẫn phải giao cho Chính phủ ban hành nghị định quy định những vấn đề hết sức cần thiết nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Việc ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và trong những trường hợp nhất định, phải có sự nhất trí của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội về những vấn đề có liên quan.

Chất lượng xây dựng luật của Quốc hội đã từng bước nâng cao nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhiều văn bản chưa phát huy được hiệu lực và hiệu quả. Có những đạo luật vừa mới ban hành đã phải sửa đổi, bổ sung. Nhiều quy định của luật còn quá chung chung, không chi tiết, cụ thể. Muốn thực hiện lại phải chờ các văn bản hướng dẫn, thậm chí có những luật cần hàng chục văn bản giải thích. Có những trường hợp văn bản hướng dẫn không đúng tinh thần của luật, rắc rối, không thống nhất và khó thực hiện hơn luật. Tuy nhiên, cũng cần nhận thức được rằng, việc ban hành luật là xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn. Thực tiễn đưa ra đơn đặt hàng và các nhà làm luật phải đáp

ứng được những yêu cầu do đơn đặt hàng nêu ra.

Để khắc phục tình trạng trên, các luật do Quốc hội ban hành phải bảo đảm các yêu cầu chính xác, cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện để khi các văn bản đó có hiệu lực thì được thi hành ngay. Trong trường hợp luật, pháp lệnh có các điều khoản cần được quy định chi tiết bằng văn bản khác, thì ngay tại điều, khoản đó phải ghi rõ cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền giải thích, hướng dẫn và thời hạn ban hành văn bản. Văn bản qui định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh phải được soạn thảo cùng với dự án luật và pháp lệnh để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời ban hành khi luật và pháp lệnh có hiệu lực. Giải pháp này nhằm khắc phục tình trạng luật, pháp lệnh đã có hiệu lực rồi, nhưng vẫn chưa được thi hành mà phải chờ văn bản hướng dẫn. Mặt khác, coi trọng tổng kết, đánh giá hiệu quả áp dụng các quy phạm pháp luật trong thực tiễn để điều chỉnh hoặc sửa đổi kịp thời và coi đây là công việc thường xuyên. Quy định nào có lợi cho dân, cho nước thì duy trì và hoàn thiện thêm. Ngược lại, phải sửa đổi ngay những quy định không còn phù hợp để tránh thiệt hại cho kinh tế - xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, cần có những quy định cụ thể và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các dự thảo luật. Đối với những luật hoặc những vấn đề nào có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân phải tổ chức trưng cầu dân ý.

c) Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng cường đại biểu Quốc hội chuyên trách

Đây chính là yêu cầu quan trọng để đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội nói chung và hoạt động lập pháp của Quốc hội nói riêng. Đại biểu Quốc

hội là người có năng lực, trình độ, có điều kiện để tham gia các hoạt động của Quốc hội. Quốc hội cần có một tỷ lệ thích đáng những đại biểu là các chuyên gia kinh tế, chuyên gia pháp luật để giúp Quốc hội nghiên cứu, quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực này. Cần quy định rõ tiêu chuẩn, quyền, nghĩa vụ và nội dung hoạt động cụ thể của đại biểu Quốc hội chuyên trách; kết hợp tốt giữa tính đại biểu và tính chuyên nghiệp trong hoạt động của đại biểu Quốc hội. Phân biệt quyền hạn của đại biểu chuyên trách với quyền hạn của đại biểu không chuyên trách để đại biểu chuyên trách thấy rõ vị trí, vai trò của mình. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các đại biểu Quốc hội chuyên trách hoạt động có hiệu quả như: trụ sở làm việc, phương tiện đi lại, tài liệu, thông tin liên lạc, v.v.. Mặt khác, bảo đảm việc bố trí công việc cho đại biểu chuyên trách sau khi hết nhiệm kỳ của Quốc hội.

d) Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội

Trong các bản Hiến pháp của nước ta từ trước đến nay đều quy định chức năng giám sát tối cao của Quốc hội đối với các cơ quan nhà nước. Nhưng cho đến nay, việc thực hiện chức năng này vẫn còn mang tính hình thức, còn nhiều lúng túng, hiệu quả thấp, chưa đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn đặt ra. Vì vậy, nâng cao chất lượng hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội là một trong những phương hướng nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; xác định rõ hơn phạm vi, nội dung, cơ chế thực hiện quyền giám sát tối cao của Quốc hội, của Ủy ban Thường vụ và các Ủy ban của Quốc hội; phân định rõ tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sự khác nhau

giữa hoạt động giám sát của hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước nói chung và quyền giám sát tối cao của Quốc hội nói riêng với hoạt động kiểm tra, thanh tra của hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước và hoạt động kiểm sát của hệ thống cơ quan Viện kiểm sát nhân dân. Các hoạt động này hiện nay còn trùng lặp, chưa phân định rõ, nên khó tránh khỏi tình trạng kém hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Đổi mới hoạt động giám sát của Quốc hội được đặt trong quá trình đổi mới toàn diện và sâu sắc các mặt về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, đặc biệt gắn liền với đổi mới hoạt động lập pháp. Sớm ban hành Luật Giám sát của Quốc hội để quy định phạm vi, nội dung, phương pháp tiến hành hoạt động giám sát. Quy định rõ ràng và cụ thể về quyền hạn của các chủ thể giám sát, trách nhiệm của các đối tượng bị giám sát, các biện pháp chế tài, bảo đảm để xử lý các vấn đề vi phạm trong hoạt động giám sát. Mặt khác, cũng làm rõ khía cạnh pháp lý của các hình thức thực hiện chức năng giám sát của Quốc hội như : xét báo cáo công tác, chất vấn, địa vị pháp lý của Đoàn giám sát...

Những yêu cầu đổi mới đối với hoạt động giám sát của Quốc hội cần được thể chế hóa thành các quy định pháp luật chặt chẽ, rõ ràng để Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội cũng như các đại biểu Quốc hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Bên cạnh đó, nghiên cứu các điều kiện để nhân dân, các cơ quan hữu quan trong bộ máy nhà nước có thể dễ dàng thực hiện các biện pháp hỗ trợ cho các cơ quan của Quốc hội trong việc thực hiện quyền giám sát của mình. □

LỄ HỘI VÀ ỨNG XỬ...

(Tiếp theo trang 17)

hình, mẫu hình này phải kết hợp và phát huy được các yếu tố tích cực truyền thống và lịch sử, gắn liền yếu tố bản sắc độc đáo của từng lễ hội với yếu tố văn minh, hiện đại. Thông qua tổ chức lễ hội, cần nghiên cứu bổ sung các hình thức sinh hoạt văn hóa có tính chất quần chúng sâu rộng và lành mạnh như hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ : làng vui chơi, làng ca hát, tổ chức mừng công, báo công, khuyến học, khuyến tài, hội diễn hội thi thể dục thể thao... Khuyến khích tổ chức các lễ hội lịch sử, cách mạng, nhằm giáo dục tinh thần yêu nước, uống nước nhớ nguồn như lễ hội làng Sen (Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An), lễ hội Thống nhất non sông (Quảng Trị), lễ hội đền Bến Dược (thành phố Hồ Chí Minh)...

Chăm lo đào tạo cán bộ văn hóa - thông tin bằng nhiều hình thức tập trung, tại chức, mở các lớp tập huấn... để nâng cao hiểu biết, năng lực quản lý lễ hội cho đội ngũ cán bộ này. Những người làm công tác quản lý các hoạt động văn hóa cần biết gạn lọc, giữ gìn và phát huy những cái hay, cái tốt đẹp của lễ hội ; hạn chế, loại bỏ những yếu tố tiêu cực, lạc hậu trong lễ hội. Có như vậy, lễ hội mới thực sự trở thành hành trang tinh thần của chúng ta, là di sản văn hóa của các thế hệ tiền nhân truyền lại cho đời sau. Và đó cũng chính là một vốn quý, một bộ phận không thể tách rời trong nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. □

KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN THÀNH PHẦN KINH TẾ TƯ NHÂN, không phải là tư nhân hóa toàn bộ nền kinh tế

NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC*

HIỆN nay, hoạt động kinh tế, thương mại đang nổi lên, giữ vị trí máu chốt trong sự nghiệp phấn đấu của nhân dân ta để vừa đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vừa bảo vệ nền độc lập của dân tộc và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta thực hiện chiến lược phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, coi trọng kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, đồng thời khuyến khích kinh tế tư nhân và các thành phần kinh tế khác phát triển. Thành phần kinh tế nhà nước của ta đã có nền móng nhưng chưa đủ mạnh trong cạnh tranh; còn nhiều doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả hoặc thua lỗ.

Trong tình thế đó, mũi nhọn tiến công của các thế lực chống lại chủ nghĩa xã hội đã tập trung đòi tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước, hòng đánh một đòn quyết định vào cơ sở hạ tầng của chủ nghĩa xã hội, làm tan rã tận gốc định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đòn quyết định này của chúng được tiến hành toàn diện trên các mặt:

- Đẩy mạnh sự chèn ép kinh tế nhà nước, đòi tư nhân hóa toàn bộ nền kinh tế nước ta.

- Lấn dần, thu hẹp, xâm nhập để từng bước làm suy yếu các doanh nghiệp nhà nước, đòi tham dự vào các lĩnh vực quan trọng, các mạch

máu kinh tế như ngân hàng, bưu chính viễn thông, vận tải hàng không, đường sắt, đường thủy, dầu khí, năng lượng v.v..

- Trên mặt trận tư tưởng, triệt để phê phán, đả kích kinh tế nhà nước, để làm nản lòng những người kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, đề cao kinh tế tư nhân, coi đó là động lực chủ yếu để phát triển kinh tế - xã hội. Trên mặt trận này, chúng ta có lúc còn lúng túng vì chưa khắc phục có hiệu quả sự yếu kém của một số doanh nghiệp nhà nước, chưa vạch trần được thực chất phản động, nham hiểm của luận điệu đòi tư nhân hóa toàn bộ nền kinh tế nước ta.

Nếu tư nhân hóa đồng loạt các doanh nghiệp nhà nước, chắc chắn sẽ biến nước ta thành một nước tư bản chủ nghĩa hoàn chỉnh, sẽ làm biến đổi hẳn bản chất của Đảng Cộng sản hoặc khoác cho nó cái vỏ "xã hội dân chủ", rơi vào con đường phản bội lại sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta.

* Trung tướng, PGS

Hiện nay, các nước tư bản chủ nghĩa đang có lợi thế trong toàn cầu hóa. Họ muốn đầu tư vào Việt Nam để xây dựng các doanh nghiệp tư bản tư nhân. Họ có vốn, có công nghệ mới, có kinh nghiệm quản lý, có thị trường nên dễ chèn ép các doanh nghiệp nhà nước của ta. Trong cuộc cạnh tranh quyết liệt này, các doanh nghiệp nhà nước của ta phải vượt qua thử thách, vươn lên, để đạt được những bước tiến bộ.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã khẳng định, chủ nghĩa xã hội muốn thắng chủ nghĩa tư bản phải thể hiện bằng năng suất lao động cao hơn. Năng suất đó không phải chỉ do quan hệ sản xuất tạo ra mà còn do lực lượng sản xuất - một yếu tố năng động nhất, có tác dụng quyết định nhất. Thực tiễn sinh động ngày nay đã có nhiều bài học về quá trình hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển lực lượng sản xuất và vận dụng sự tác động qua lại giữa hai yếu tố đó. Có lúc chúng ta hiểu quan hệ sản xuất chủ yếu là quyền sở hữu tư liệu sản xuất, coi nhẹ việc tổ chức quản lý và phân phối, quá nhấn mạnh tác dụng mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển. Có thời kỳ chúng ta đã quốc hữu hóa tràn lan, xóa bỏ thành phần kinh tế tư nhân, đưa hợp tác xã lên cấp cao với quy mô mở rộng, tốc độ nhanh. Kết quả là, quan hệ sản xuất vượt quá xa trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất, làm cho nền kinh tế chậm phát triển, cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Chúng ta có lúc còn coi nhẹ cạnh tranh trong nền kinh tế hàng hóa ; chỉ nhấn mạnh hợp tác xã hội chủ nghĩa, nên không coi trọng cạnh tranh lành mạnh để nâng cao năng suất lao động của toàn xã hội. Về lực lượng sản xuất, chúng ta coi con người là

yếu tố quyết định là đúng, nhưng phải là con người cụ thể đủ sức làm chủ được, cải tiến được các công cụ sản xuất. Yếu tố công cụ sản xuất trên cơ sở đổi mới khoa học công nghệ, tăng hàm lượng trí tuệ, ngày càng giữ vị trí thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa tư bản vì lợi nhuận cao nên không ngừng tự điều chỉnh, cải tiến quản lý, lao vào cuộc cạnh tranh trên thị trường, đầu tư đổi mới công nghệ và khuyến khích nâng cao năng suất, coi trọng trả lương gắn với hiệu quả lao động ; mặt khác cũng bóc lột rất nặng nề. Chúng ta quan tâm củng cố chế độ công hữu tư liệu sản xuất, nhưng có lúc còn coi nhẹ cải tiến tổ chức quản lý ; việc phân phối còn bình quân, và ngại cạnh tranh dù là cạnh tranh lành mạnh.

Ngày nay, hội nhập nền kinh tế và tham gia hoạt động thương mại toàn cầu, sự cạnh tranh là rất quyết liệt ; sản phẩm nào giá thành cao, chất lượng kém không đáp ứng yêu cầu thị trường là ế ẩm, lỗ vốn, xí nghiệp không đứng vững được. Vì vậy, chúng ta bảo vệ kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã cũng phải đưa các thành phần kinh tế này vào cạnh tranh, thúc đẩy tiến bộ, chứng minh rõ tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Xí nghiệp quốc doanh nào quá kém mà không vực dậy được, cũng phải chịu phá sản. Chủ nghĩa tư bản đang có lợi thế trong toàn cầu hóa, có sức cạnh tranh mạnh, đang hướng tới độc quyền cao, bằng các công ty lớn siêu quốc gia. Các doanh nghiệp nhà nước của ta phải tiếp tục đổi mới toàn diện, phải coi trọng cả các xí nghiệp quy mô lớn và quy mô vừa, vì quy mô vừa dễ đổi mới công nghệ thích ứng với thị trường. Phải đào tạo đội ngũ các nhà quản lý giỏi, phải tiếp tục đổi mới trong

phân phối, đảm bảo công bằng, không bình quân, khuyến khích mạnh mẽ nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế. Cần đặc biệt quan tâm đến kỹ thuật hóa, trí thức hóa, nâng cao trình độ chính trị của đội ngũ công nhân, đổi mới cơ cấu và chất lượng của giai cấp công nhân ngang tầm với yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chúng ta không chờ cho đến khi thành phần kinh tế nhà nước làm ăn có hiệu quả cao, có sức cạnh tranh mạnh mới đấu tranh chống lại các quan điểm phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta. Phải tiếp tục đấu tranh không khoan nhượng với những quan điểm sai trái này, vì nó chống lại lợi ích căn bản của nhân dân ta, đòi thủ tiêu nền tảng vật chất của việc thực hiện mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nếu không phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể có hiệu quả thì Nhà nước không có "chủ bài" để giữ vững các mạch máu kinh tế sống còn, sẽ không xây dựng và giữ được nền kinh tế độc lập, tự chủ, không thể kết hợp có hiệu quả kinh tế với quốc phòng. Hơn nữa, như vậy sẽ không đảm bảo được hướng đầu tư đúng, làm cho các vùng của đất nước từ thành thị, nông thôn đến miền núi phát triển đồng bộ ; không thể ngăn ngừa có hiệu quả sự phân hóa giàu nghèo ; không có cơ sở vật chất để củng cố khối đoàn kết toàn dân, trên cơ sở liên minh công nông và trí thức. Như vậy, sẽ không có bình đẳng căn bản trong nhân dân trên nền tảng cơ sở vật chất - kỹ thuật của một chế độ xã hội công bằng, dân chủ. Cũng không thể có dân chủ thực sự về chính trị, vì các tầng lớp giàu có coi dân

chủ là phương tiện để củng cố vị trí thống trị của mình trong xã hội. Trong khi đó, xã hội tư bản là như vậy !

Ngày nay, nước ta đang có điều kiện thuận lợi để phát triển và nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước. Vì vấn đề này thuộc về đường lối chính trị, kinh tế của Đảng ; là một nhiệm vụ chủ yếu của Nhà nước ta - Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã có Nghị quyết chuyên đề về kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Chúng ta chú trọng và cải tiến các doanh nghiệp nhà nước và kinh tế tập thể là củng cố một yếu tố vật chất làm nền tảng để thực hiện sự công bằng xã hội. Các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, nhưng mỗi thành phần có một vị trí riêng. Nước ta ngày nay đã có nhiều doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí xung yếu trong nền kinh tế, tích lũy được kinh nghiệm quản lý kinh tế, lại có một đội ngũ cán bộ quản lý trưởng thành. Nước ta đang có điều kiện để học tập kinh nghiệm tiên tiến của các nước. Đảng và Nhà nước ta khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển, nhằm huy động mọi tiềm năng để phát triển lực lượng sản xuất. Song, phải nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội phải được xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu của nền sản xuất hiện đại (nhưng không phải là xóa bỏ mọi quyền sở hữu). Hơn nữa, thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là một thời kỳ lịch sử lâu dài. Như V.I. Lê-nin đã chỉ ra rằng : Thời kỳ quá độ là thời kỳ cái mới chưa hình thành đầy đủ, cái cũ chưa biến đổi hết. Cái mới và cái cũ còn đan xen.

(Xem tiếp trang 32)

THỊ trường nhà đất ở nước ta là loại thị trường trẻ, mới được hình thành từ khi có Luật Đất đai và khi chế độ bao cấp về nhà ở được xóa bỏ. Tuy nhiên, thị trường này đã trải qua hai cơn sốt trong 10 năm qua và giá đất được đẩy lên rất cao. Đây là điều cần đặc biệt quan tâm, bởi ổn định thị trường nhà đất là một yếu tố tạo nền tảng để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững như Đại hội IX của Đảng đã đề ra.

kinh doanh, mà đầu cơ đất đai, nhà ở. Những hành vi này đã khiến cho thị trường bất động sản còn sơ khai của nước ta ngày càng diễn biến phức tạp, để lại nhiều hậu quả kinh tế - xã hội khác : đất đai bỏ hoang hóa, nông dân mất việc làm, quy hoạch bị phá vỡ...

Trên quy mô tổng thể nền kinh tế, chỉ riêng giá trị của 25 km² đất khu vực nội thành Hà Nội, hiện đã nhiều gấp 1,16 lần tổng sản phẩm trong nước (GDP)

ỔN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NHÀ ĐẤT *là yếu tố quan trọng để phát triển bền vững*

NGUYỄN ĐÌNH BÍCH*

Hiện nay, diễn biến thị trường nhà đất rất phức tạp, thậm chí tới mức nghiêm trọng. Những hậu quả do sự biến động phức tạp của giá đất gây ra có thể còn rất lớn :

Thứ nhất, các cơn sốt giá nhà đất chứa đựng trong nó các cơ hội "bồng chóc trở thành tị phú" đã thúc đẩy sự phân hóa giàu nghèo vốn có trong xã hội tăng nhanh. Đây là nguy cơ tiềm ẩn có thể dẫn đến sự phát triển không bền vững của đất nước trên tất cả các mặt.

Thứ hai, giá nhà đất lên quá cao đã đẩy đông đảo những người lao động bình thường, các công chức thanh liêm vào tình trạng hầu như không thể cải thiện được chỗ ở.

Thứ ba, việc giá đất sốt đã thúc đẩy nhiều người không đầu tư vào sản xuất,

năm 2001⁽¹⁾. Thực tế ở Nhật Bản cho thấy, năm 1990 là thời điểm giá bất động sản đạt tới mức kỷ lục, giá trị đất cũng chỉ gấp 5,8 lần GDP⁽²⁾, điều đó đã tác động rất lớn trực tiếp làm cho nền kinh tế trì trệ và hệ thống tài chính vốn rất mạnh bị suy yếu. Ở nước ta, tuy chưa đến mức như vậy, nhưng nền kinh tế trong 15 tháng qua cũng đã có những dấu hiệu không bình thường. Đó là : tình trạng khẩn trương thanh toán của các ngân hàng và cơn sốt giá vàng hiện nay không xuất phát từ việc phát triển kinh tế, mà là do có những nguồn vốn khổng lồ đã đổ vào đầu cơ nhà đất. Do vậy, nguy cơ hệ

* Chuyên viên kinh tế, Bộ Thương mại

(1), (2) : Vũ Phong : "Nhìn nhận thị trường bất động sản", *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, Số 49, ngày 24-4-2002

thống tài chính vốn đã không mạnh của nước ta bị suy yếu thêm là điều dễ xảy ra.

Thứ tư, giá nhà đất tăng vọt, đứng ở mức càng cao, càng ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất, kinh doanh ; chi phí về trụ sở làm việc của các doanh nghiệp tăng vọt, và đây là một yếu tố quan trọng cấu thành chi phí sinh hoạt, đặc biệt việc tìm kiếm trụ sở làm việc của doanh nghiệp mới càng trở nên khó khăn.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, song có thể khái quát ở mấy điểm chính sau :

Một là, hoạt động đầu tư được đẩy mạnh liên tục. Đây là nguyên nhân quan trọng nhất, bởi tăng mạnh liên tục đầu tư đồng nghĩa với tăng mạnh liên tục nhu cầu đất đai xây dựng nhà xưởng, trụ sở làm việc và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Trong cơn sốt giá nhà đất lần trước, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đã liên tục tăng 7 năm liền (1987 - 1993) : lần lượt là 339,72% ; 507,46% ; 215,66% ; 58,1% ; 77,68% ; 83,63% ; 70,28%. Điều đặc biệt đáng lưu ý, do được khuyến khích mạnh mẽ bởi Luật Đầu tư nước ngoài (năm 1988), nguồn vốn đầu tư này đã tăng đột biến so với năm trước : 17 lần (năm 1989) ; 1,53 lần (năm 1990) ; 1,94 lần (năm 1991) ; 2,69 lần (năm 1992) ; 2,05 lần (năm 1993) ; 1,55 lần (năm 1994) ; 1,33 lần (năm 1995) và Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm thu hút nguồn vốn này nhiều nhất. Đối với cơn sốt giá nhà đất lần này, mặc dù nhịp độ tăng trưởng vốn đầu tư toàn xã hội đã chậm lại, nhưng trong nội hàm của nó lại có ba sắc thái rất mới :

+ Nhịp độ tăng trưởng vốn đầu tư toàn xã hội từ năm 1998-2001 (thứ tự là 0,48% ;

6,61% ; 16,21% và 24,38%) chỉ rất khiêm tốn so với 7 năm trước (1987-1993), nhưng do quy mô đầu tư hiện nay đã tăng tới khoảng 60 lần, nên giá trị tuyệt đối tăng thêm của vốn đầu tư mỗi năm hiện nay còn lớn hơn cả tổng vốn đầu tư cả mười năm trước đây.

+ Nhà nước tăng cường sử dụng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội vào xây dựng cơ sở hạ tầng, khiến gia tăng mạnh nhu cầu về đất đai, và làm giá đất tăng hơn rất nhiều.

+ Do được khuyến khích bởi Luật Doanh nghiệp, sự ra đời của hơn 41 nghìn doanh nghiệp trong 28 tháng qua, với tổng số vốn đăng ký kinh doanh 41 222 tỉ đồng, tạo áp lực rất lớn đối với thị trường nhà đất, đặc biệt ở các đô thị lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (chiếm khoảng 60%). Theo kết quả điều tra gần đây, tới 90% các doanh nghiệp phải đi thuê đất làm văn phòng, nên càng làm cho giá đất tăng cao.

Hai là, kinh tế tăng trưởng nhanh, đời sống dân cư được nâng lên, nhu cầu nhà đất cũng tăng cao. Nhìn lại cả chặng đường đổi mới 16 năm qua, nếu như nhịp độ tăng trưởng kinh tế năm 1986 mới chỉ là 2,84% ; năm 1987 đã đạt mức 3,63% ; năm 1988 là 6,01% ; hai năm tiếp theo là 4,68% và 5,09%. Trong giai đoạn 5 năm (1991-1995), nền kinh tế bước vào giai đoạn gặt hái những thành công với nhịp độ tăng trưởng hầu như liên tục năm sau cao hơn năm trước và đạt kỷ lục 9,54% năm 1995.

Trong điều kiện kinh tế tăng trưởng, đời sống của nhân dân nước ta đã chuyển từ trạng thái thiếu đói sang "có của ăn, của để", nên nhu cầu cải thiện nhà ở cũng dần tăng lên. Đây cũng là yếu tố quan trọng dẫn đến cơn sốt giá nhà đất xuất hiện tại

Thành phố Hồ Chí Minh và lan ra Hà Nội năm 1992.

Nếu chỉ phân tích như vậy thì dường như cơn sốt giá nhà đất lần này là thiếu cơ sở, bởi nhịp độ tăng trưởng kinh tế từ năm 1996 đến nay hầu như ở trạng thái "xuống dốc". Vấn đề cốt lõi là, do kinh tế ngày càng phát triển không đều giữa hai khu vực đô thị và nông thôn, nên trong khi thu nhập của dân cư khu vực nông thôn tăng rất chậm, thì thu nhập của dân cư khu vực đô thị tăng nhanh hơn rất nhiều so với khu vực nông thôn, khiến nhu cầu về nhà đất ở đô thị vẫn tăng nhanh.

Ba là, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là hai "cực nam châm" có sức hút dân cư rất mạnh, trong đó sức hút của Hà Nội có phần mạnh hơn. Cụ thể, nếu như năm 1990, dân số của Hà Nội là 2,1 triệu người (chiếm 14,13% dân số của vùng đồng bằng sông Hồng và 3,21% dân số cả nước), thì năm 2000 là 2,7 triệu người (chiếm tương ứng 16,08% và 3,52%), còn ở Thành phố Hồ Chí Minh là 4,1 triệu người, (chiếm 43,93% và 6,28% so với vùng Đông Nam bộ và cả nước trong năm 1990); năm 2000 là 5,2 triệu người (chiếm 43,26% và 6,72%). Nhìn từ một góc độ khác, trong khi tốc độ tăng dân số trung bình của cả nước trong 10 năm qua chỉ là 1,64%/năm, thì của Hà Nội là 3,74%/năm và thành phố Hồ Chí Minh 3,57%/năm. Số dân tăng cơ học của Hà Nội năm 2000 là 291,6 nghìn người, chiếm 18,44% và của Thành phố Hồ Chí Minh 748,1 nghìn người, chiếm 17,16%. Hiển nhiên, điều đó tất yếu sẽ kéo theo nhu cầu về nhà ở, đất ở tăng rất mạnh.

Bốn là, nhà ở và đất ở của khu vực đô thị, đặc biệt của Hà Nội có hạn: Về nhà ở, diện tích bình quân đầu người không những

thấp hơn nhiều so với của cả nước, mà còn có xu hướng giảm trong một thời kỳ rất dài (1954-1992). Nhà ở hiện nay đang trong tình trạng xuống cấp rất nghiêm trọng, tạo ra tâm lý sợ nhà chung cư cao tầng và chuồng nhà "hình ống" trong dân cư. Về đất ở, diện tích cũng bị thu hẹp. Tại khu vực nội thành, diện tích đất ở bình quân đầu người năm 1996 là 22,75 m², đến năm 2000 chỉ còn 14,1 m², giảm tới 38,02%.

Năm là, chính sách đất đai hiện còn nhiều bất cập. Trước hết, vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng ở Hà Nội mỗi năm khoảng 15 000 tỉ đồng, ở Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 18 000 nghìn tỉ đồng. Rõ ràng, với quy mô dân số và diện tích nhỏ hơn nhiều so với Thành phố Hồ Chí Minh, thì Hà Nội là nơi có chi phí đầu tư vào cơ sở hạ tầng bình quân đầu người cao nhất nước. Nghĩa là, hai thành phố này có diện tích đất tăng giá nhiều nhất.

Trong khi đó, Nhà nước vẫn "cung cấp miễn phí" cho những người có quyền sử dụng đất ở các khu vực có dự án. Vì vậy, việc giải phóng mặt bằng ngày càng trở nên khó khăn, gây cản trở tới tiến độ đầu tư của bất kỳ công trình nào, đẩy chi phí đầu tư ngày càng lên cao. Những người có quyền sử dụng đất thuộc diện giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án, không chỉ đòi bằng được tiền đền bù theo giá đất vốn có, mà theo giá đất khi đã được đầu tư để được hưởng sự "công bằng" khiến cho giá đền bù trở thành vấn đề "nóng" ở các đô thị và giá thành xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng bị "đội" lên một cách cực kỳ phi lý. Mặt khác, chính việc giải phóng mặt bằng trên quy mô lớn cho hàng loạt dự án đầu tư cũng tạo ra áp lực rất lớn về nhu cầu nhà đất, bởi hàng nghìn hộ bị giải tỏa, được đền bù những số tiền rất lớn để tự lo nhà ở, đất ở.

Sáu là, quản lý nhà nước về đất đai bị buông lỏng. Điều đó đồng nghĩa với việc nuôi dưỡng và tạo điều kiện thuận lợi để cơn sốt giá nhà đất bùng phát. Theo đánh giá của các cơ quan chức năng, tình hình vi phạm về đất đai ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội rất nghiêm trọng. Kết quả kiểm tra tại 43 tỉnh, thành phố, cũng cho thấy hiện tượng chính quyền các cấp giao đất trái thẩm quyền diễn ra một cách khá phổ biến.

Bảy là, có một số nguyên nhân đặc thù khác góp phần làm cho cơn sốt giá nhà đất lần này bùng phát. Như chính sách cho phép Việt kiều mua nhà (đã tạo áp lực cho nhà đất ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh khan hiếm hơn) ; lãi suất tiết kiệm thấp ; thị trường chứng khoán còn đang trong giai đoạn thử nghiệm, cơ hội đầu tư ít...

Như vậy, có rất nhiều nguyên nhân tác động "cộng hưởng" lẫn nhau dẫn đến sốt giá nhà đất vừa qua. Trong đó, nếu như gia tăng vốn đầu tư và kinh tế tăng trưởng nhanh là những nguyên nhân khách quan, tất yếu, thì sự bất cập của chính sách, buông lỏng quản lý và việc tập trung phát triển kinh tế quá mức ở hai đô thị lớn nhất nước là những nguyên nhân chủ quan.

Nhờ những biện pháp cấp bách vừa được hai thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh thực thi, thị trường nhà đất bước đầu đã có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, những biện pháp cấp bách đó không thể loại trừ được hết những nguyên nhân kinh tế như triển khai các dự án đầu tư, găm giữ, đầu cơ nhà đất... Điều đó có nghĩa là, nguy cơ phát triển không ổn định của thị trường này vẫn còn. Do đó, cần phải áp dụng những giải pháp có tác dụng triệt tiêu

nguyên nhân dẫn đến đầu cơ và tạo nền tảng để xóa bỏ thị trường "ngầm" về nhà đất. Những giải pháp đó có thể bao gồm :

1. Trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cần thực hiện nguyên tắc, Nhà nước bỏ vốn đầu tư thì phải thu lại phần lớn khoản lợi nhuận từ 85% - 90% do công trình đầu tư đó mang lại để tái tạo vốn đầu tư. Nghĩa là, phần lợi nhuận do công trình đầu tư của Nhà nước để lại cho những người có quyền sử dụng các khu đất lân cận hưởng khoảng 10% - 15%. Những người được hưởng lợi này có thể gồm hai nhóm : 1- nhóm có khả năng tài chính để góp vào ngân sách nhà nước (85% - 90% khoản lợi nhuận phát sinh trên phần đất thuộc quyền sử dụng của mình) và chỉ khi đó họ mới được quyền tiếp tục sử dụng ; 2- nhóm không có khả năng tài chính ấy, hoặc không muốn tham gia vào dự án đó, bao gồm cả những người bị mất quyền sử dụng đất do thực hiện các dự án đầu tư. Khi tiến hành thu hồi đất, Nhà nước xóa bỏ việc đền bù bằng tiền mặt và chuyển sang đền bù bằng đất ở hoặc nhà ở. Đây chính là giải pháp làm triệt tiêu cơ sở kinh tế của nạn đầu cơ đất đai, bởi nó làm mất đi khả năng "một vốn, bốn lời". Đương nhiên, để thực hiện được điều này, các công việc như chuyển đất nông nghiệp thành đất ở (theo quy hoạch), xây dựng các khu đô thị mới phục vụ việc di dời phải "đi trước một bước".

2. Xóa bỏ cơ chế cấp đất, giao đất theo giá do Nhà nước quy định và thay thế bằng cơ chế đấu thầu rộng rãi quyền sử dụng đất để phục vụ quy hoạch đã được duyệt. Giải pháp này sẽ vừa tránh được tình trạng "chạy" dự án, găm đất, hoặc bán dự án theo kiểu "bán lúa non" để kiếm lợi, vừa có thể khắc phục được tình trạng lãng phí nhiều

mặt và bảo đảm được vẻ đẹp, tính thống nhất về kiến trúc tổng thể của các đô thị ; đồng thời, huy động được các nguồn nội lực còn rất lớn trong nền kinh tế vào việc phát triển quỹ nhà ở.

3. Đẩy nhanh tiến độ cấp "sổ đỏ" để tạo tiền đề pháp lý cho việc trao đổi, chuyển nhượng hợp pháp nhà đất cho mọi người dân và tổ chức xóa bỏ thị trường bất động sản "ngầm" rất phổ biến hiện nay. Cần xây dựng chính sách thuế kinh doanh bất động sản nhằm điều tiết thu nhập trong lĩnh vực này một cách hợp lý.

4. Thông qua nhiều chính sách và giải pháp khác nhau, từng bước khắc phục tình trạng phát triển kinh tế tập trung quá mức vào hai đô thị lớn như vừa qua ; chú trọng phát triển đô thị ở nhiều địa phương, đặc biệt cần đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, nhằm tạo ra các đô thị nhỏ trong vùng nông thôn, thực hiện phương châm "ly nông bất ly hương", giảm áp lực di dân vào các đô thị lớn.

Nhìn một cách tổng thể, cùng với việc thực hiện các giải pháp cấp bách nhằm "hạ nhiệt" thị trường nhà đất, thì việc nghiên cứu và áp dụng các giải pháp quan trọng nói trên chính là để "hình thành và phát triển thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật ; từng bước mở rộng thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đầu tư" như Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2001 - 2010 của Đảng khẳng định. Để thực hiện được những điều này, vấn đề nghiên cứu sửa đổi hệ thống pháp luật hiện hành phải là công việc "đi trước một bước". □

KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN...

(Tiếp theo trang 27)

Vì vậy, việc duy trì nền kinh tế nhiều thành phần là một chiến lược lâu dài. Từ khi Đảng và Nhà nước ta thực hiện chính sách này, nền kinh tế nước ta đã phát triển năng động hẳn lên. Song, ở nước ta, một điều phân biệt căn bản với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa là trong các thành phần kinh tế đó, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể phải là nền tảng và ngày càng phát huy tác dụng chủ đạo. Nhà nước ta khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển, tuyệt nhiên không phải là khuyến khích tư nhân hóa toàn bộ nền kinh tế, không phá tan cơ sở hạ tầng của chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, phải xây dựng từng bước quan hệ sản xuất ở các xí nghiệp nhà nước cả về chế độ sở hữu, tổ chức quản lý, phân phối, đảm bảo phát triển được lực lượng sản xuất, làm ăn thực sự có hiệu quả, và giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tư nhân hóa toàn bộ thành phần kinh tế nhà nước là nhằm mở đường cho kinh tế tư bản lên ngôi thống trị, chi phối nền kinh tế, lũng đoạn những mạch máu kinh tế chủ yếu, tạo đà cho nền kinh tế nhiều thành phần phát triển tự phát theo con đường tư bản chủ nghĩa, chống lại định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, nếu hình thành sẽ chi phối nền dân chủ của nước ta theo "mẫu" của các nước phương Tây do giai cấp tư sản thống trị, sẽ đẩy lùi xã hội Việt Nam, tạo ra một cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc mới rất khốc liệt. Chúng ta kiên quyết lên án quan điểm sai trái, phản động này. □

NGHIÊN CỨU GIẢM NGHÈO Ở NÔNG THÔN - TỪ CÁCH TIẾP CẬN VI MÔ

ĐÀO CÔNG TIẾN*

TRONG thời gian qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta với sự trợ giúp của nhiều tổ chức quốc tế, đã rất quyết tâm và tập trung nhiều nỗ lực cho công cuộc xóa đói, giảm nghèo nói chung và xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn nói riêng. Do tăng trưởng kinh tế gắn với công bằng và tiến bộ xã hội, mức sống của nhân dân từng bước được cải thiện, công cuộc xóa đói giảm nghèo đã đạt được những thành quả to lớn.

Tuy nhiên, Việt Nam là nước nghèo, mức sống thấp, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn lớn (tính theo chuẩn quốc gia khoảng 17%, theo chuẩn quốc tế còn cao hơn nhiều). Đối nghèo ở Việt Nam có sự phân bố không đều về mức sống và tình trạng nghèo đói giữa các vùng (nông thôn và thành thị, giữa các vùng nông thôn với nhau) ; giữa các tầng lớp dân cư v.v. ; trong đó, nhóm có mức sống thấp và nghèo đói nhất lâm vào hoàn cảnh rất đáng lo ngại. Có thể thấy rõ điều đó ở vùng miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long, người sản xuất lúa gạo đang cùng một lúc phải gánh chịu hai sức ép - thiệt hại do lũ và thiệt hại bởi rớt giá tiêu thụ, trong khi giá các yếu tố đầu

vào của sản xuất vẫn có xu hướng tăng cao. Ở các vùng có áp lực cao về nhân khẩu và lao động cần việc làm, như đồng bằng sông Hồng và duyên hải miền Trung (nơi sản sinh ra những dòng người di cư tạm thời đổ vào các đô thị lớn), mức sống của người dân rất thấp, tỷ lệ đói nghèo cao và chậm được cải thiện, nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp rất đáng lo ngại.

Bên cạnh những cơ hội mang lại từ công cuộc đổi mới, từ những nỗ lực khai thác có hiệu quả những thuận lợi, để xóa đói giảm nghèo (tăng trưởng kinh tế, cơ sở hạ tầng và tiện nghi sinh hoạt của người dân được cải thiện, giáo dục y tế phát triển trên diện rộng, sự trợ giúp quốc tế và nguồn lực tài chính cho xóa đói giảm nghèo v.v. có gia tăng...), thì những thách thức vẫn còn rất lớn, gây cản trở trên nhiều mặt đối với công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nông thôn. Từ việc thực hiện chương trình nghiên cứu đói nghèo của Chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu vì sự phát triển của nông thôn bền vững (VNRP), có thể rút ra một số vấn đề đáng chú ý sau :

* PGS, Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo VNRP - Chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu vì sự phát triển của nông thôn bền vững

Một là, đại bộ phận người nghèo ở nông thôn sống bằng nghề nông, nhưng hiệu quả sản xuất nông nghiệp không cao, liên tục trong nhiều năm tiêu thụ nông sản gặp khó khăn, nhất là rớt giá, trong khi giá các yếu tố đầu vào của sản xuất vẫn tăng cao, làm giảm nguồn thu nhập chính của nông dân. Bên cạnh đó là hậu quả của lũ lụt - một trong những tác nhân lớn làm cho người nông dân đã nghèo lại càng nghèo hơn.

Hai là, áp lực về nhân khẩu và lao động trên nhiều vùng nông thôn vẫn còn rất lớn, trong khi tốc độ tăng tự nhiên dân số vẫn còn ở mức cao. Một số vùng ở Tây Nguyên còn gánh chịu thêm tình trạng tăng cơ học với tốc độ nhanh bởi những dòng dân di cư đến (trước 1985 chủ yếu là di dân có kế hoạch, sau 1985 chủ yếu là di dân tự do) tạo nên một sức ép lớn về nhân khẩu và lao động, gây xáo trộn lớn đời sống kinh tế - xã hội và môi trường. Áp lực về nhân khẩu và lao động với mức độ cao ở nông thôn thường dẫn đến những tranh chấp trong việc khai thác tài nguyên và hưởng thụ những thành quả mang lại. Từ đó, những người nghèo đói luôn gánh chịu sự thua thiệt, bởi nguồn lực tự thân của họ quá yếu kém, không tạo được sức cạnh tranh cao.

Ba là, tình trạng suy thoái tài nguyên môi trường tự nhiên gia tăng cùng với thiên tai ngày càng khắc nghiệt trên một số vùng đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất cũng như đời sống của nhân dân; trong đó, đối tượng chịu thiệt hại nhiều nhất vẫn là tầng lớp người nghèo, vì khả năng phòng tránh của họ thấp. Sự thiệt hại hàng ngàn tỉ đồng qua những trận lũ lớn ở đồng bằng sông Cửu Long, qua những đợt nóng hạn ở Tây Nguyên, những trận bão lụt ở

duyên hải miền Trung mà hàng trăm ngàn hộ dân nghèo đói gánh chịu cần được khẩn cấp cứu trợ... đã thể hiện khá rõ điều đó.

Bốn là, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công được cải thiện tuy đã đem lại môi trường thuận lợi chung khá hơn, nhưng vẫn còn quá thấp kém so với khu vực đô thị và cũng không phải mọi người đều có điều kiện và khả năng như nhau trong việc khai thác và thụ hưởng. Bộ phận thua thiệt nhiều nhất lại vẫn là người nghèo. Dân trí hạn chế và sự thiếu năng động, sáng tạo của người nghèo ở nông thôn thường đi liền với sự đánh mất cơ hội, gặp nhiều rủi ro ngoài ý muốn trong sản xuất và đời sống cũng chính là một trong những nguyên nhân của sự đói nghèo.

Năm là, các chính sách hiện hành của Nhà nước vẫn còn những mặt hạn chế, nhất là năng lực tổ chức thực hiện của những tổ chức hữu quan và của người dân còn nhiều bất cập. Vì vậy, ngay cả những cái đúng cũng không thể được thực hiện trong cuộc sống một cách đầy đủ, đã làm giảm hiệu quả của những nỗ lực chung.

Nét nổi bật của nguyên nhân đó là, người nghèo - vì thiếu nguồn lực tự thân, nhất là thiếu hiểu biết và năng động, nên không khai thác và sử dụng được cái mình có, từ đó đánh mất luôn cả cơ hội và phải hứng chịu những rủi ro từ môi trường bên ngoài.

Hiện nay, những vấn đề đặt ra và việc nghiên cứu một cách khoa học vấn đề xóa đói giảm nghèo (cho giai đoạn phát triển mới của Việt Nam nói chung và nông thôn nói riêng) vẫn còn nhiều và không kém phần phức tạp, cần tập trung nhiều nỗ lực để giải quyết. Phải "nghiên cứu giảm nghèo" từ nghiên cứu nhận dạng

"hộ nghèo" ; và từ đó, có thể nghiên cứu xã nghèo, tỉnh nghèo và vùng nghèo, với những phạm vi và mức độ cần thiết. Có thể khái quát rằng, tình trạng của hộ nghèo biểu hiện trên nhiều mặt, chẳng hạn mức thu nhập, mức chi tiêu (cả mức tính trên một nhân khẩu của hộ) ; mức thụ hưởng các dịch vụ công ; tình trạng thất học ; tình trạng bệnh tật, v.v.. Theo đó, phải có một hệ thống tiêu chí thích hợp, bao gồm tiêu chí chính và tiêu chí bổ sung để đánh giá đúng về hộ nghèo.

Suy cho cùng, mức thu nhập và mức chi tiêu của hộ là sự biểu hiện tập trung, trực tiếp và cơ bản nhất của tình trạng nghèo. Vì, mức thu nhập và chi tiêu vừa phản ánh năng lực tự thân để đáp ứng nhu cầu đời sống của hộ, vừa phản ánh năng lực khai thác, hữu hiệu hóa nguồn lực bên ngoài. Trên thực tế, hầu hết hộ nghèo vì thu nhập thấp, không đủ khả năng thanh toán các chi phí dù ở mức rất tối thiểu, nên đã không khai thác và thụ hưởng được nhiều các dịch vụ công với sự trợ giúp từ Nhà nước và cộng đồng.

Cả về lý thuyết cũng như thực tế, hộ là đơn vị sản xuất tạo ra thu nhập và cũng là đơn vị tiêu dùng. Thu nhập và tiêu dùng thường được điều chỉnh để cân bằng. Do vậy, để giản đơn trong tính toán, có thể lấy mức thu nhập để xác định mức sống, xác định chuẩn nghèo. Vậy, cần xác định, để cải thiện mức sống và giảm tình trạng nghèo đói gắn với kết quả xem xét về của hai hướng tác động : Một là, từ nguồn tự thân và thu nhập của hộ ; hai là, từ môi trường bên ngoài với vai trò của Nhà nước và cộng đồng để phát huy nội lực vượt nghèo. Vị trí và mối quan hệ của hai hướng tác động này được xử lý khác nhau bởi

trình độ phát triển của kinh tế và đặc điểm thể chế chính sách của mỗi nước quy định. Do đó, đối với Việt Nam không nhất thiết phải rập khuôn theo chuẩn quốc tế một cách máy móc để nhận dạng nghèo. Chuẩn quốc gia hiện tại về nghèo đói của Việt Nam có độ chênh quá lớn so với chuẩn quốc tế (xấp xỉ ba lần), thiết nghĩ cần phải được xem xét.

Vấn đề đặt ra của công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nông thôn nước ta (cả mục tiêu và giải pháp) trong giai đoạn tiếp theo xét trên góc độ tổng thể, thực chất là vấn đề tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo. Tạo việc làm, nâng cao khả năng tiếp cận việc làm của người lao động nghèo với hiệu suất và thu nhập cao, tăng cường sự hỗ trợ từ chính sách của Nhà nước và thể chế của cộng đồng là những vấn đề trực tiếp của xóa đói giảm nghèo, góp phần vào sự tăng trưởng và phát triển nông thôn bền vững. Cách tiếp cận hiện nay được các nhà nghiên cứu quan tâm là, giải quyết vấn đề tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo trong các mối quan hệ tương tác với :

- Bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- Giới và phát triển con người.
- Áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.
- Chính sách của Nhà nước và thể chế cộng đồng.

Tài nguyên, môi trường, cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học luôn gắn với sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Đây là những yếu tố không thể thiếu được để tạo việc làm cho chương trình xóa đói giảm nghèo ở nông thôn. Vì thế, phải có những thể chế, chính sách hợp lý của Nhà nước và cộng đồng để những nguồn lợi tự nhiên đó tham dự vào công

việc của người nghèo và được người nghèo bảo vệ, tôn tạo cũng như khai thác chúng một cách hợp lý.

Phụ nữ và trẻ em là bộ phận có vai trò quan trọng trong quan hệ giới và phát triển toàn diện yếu tố con người, nhưng đây cũng là bộ phận chịu nhiều thiệt thòi nhất trong cộng đồng những người nghèo khó. Vậy thì, xóa đói giảm nghèo trước hết phải nhằm giải phóng phụ nữ, trẻ em và phát huy nguồn động lực của xóa đói giảm nghèo từ họ. Chỉ có như vậy mới có một cộng đồng đồng thuận và năng động để vượt ra khỏi tình trạng đói nghèo.

Sức mạnh của khoa học - công nghệ như nhiều người đã biết, cũng là yếu tố không thể thiếu được cho xóa đói giảm nghèo. Song không thể áp đặt, mà phải có sự tự giác tiếp nhận của người nghèo, trên cơ sở thực thi một chính sách chuyển giao khoa học - công nghệ có sự tham dự của người nghèo.

Xóa đói giảm nghèo ở nông thôn là một bộ phận của chiến lược toàn diện về tăng trưởng và phát triển nông thôn bền vững. Do đó, cần có một hệ thống thể chế, chính sách tương thích của Nhà nước nhằm tạo điều kiện để khuyến khích nông nghiệp và kinh tế nông thôn chuyển dịch cơ cấu theo hướng phù hợp sinh thái, có công nghệ cao và tương thích với thị trường. Qua sự phân tích trên có thể thấy : Những vấn đề trực tiếp và cấp thiết cần có sự tác động từ chính sách của Nhà nước và thể chế của cộng đồng để thực hiện xóa đói giảm nghèo là :

- Thực hiện giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông hộ nông dân.

- Hỗ trợ phát triển năng lực nội sinh của người nghèo từ các hoạt động giáo dục -

đào tạo nghề, chăm sóc sức khỏe, cung cấp thông tin tư vấn.

- Hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động.

- Giảm thiểu sự đóng góp của người nghèo từ các kênh điều tiết tài chính - miễn giảm thuế và phí ; đồng thời, gia tăng trợ cấp, cứu trợ, nhất là trong những trường hợp cần thiết.

- Tạo quỹ và lồng ghép các quỹ liên quan đến việc xóa đói giảm nghèo, quản lý sử dụng có hiệu quả nguồn quỹ bằng việc tăng cường công khai, dân chủ và có sự tham dự của cộng đồng nghèo.

Từ những phân tích và nhận định trên, theo chúng tôi, những vấn đề cần triển khai để góp phần xóa đói giảm nghèo là :

- Chuyển giao những kết quả nghiên cứu (nhất là những kết quả nghiên cứu đã trở thành tiếng nói chung, đã được ghi nhận ở hội thảo) đến các nhà hoạch định chính sách, các tổ chức triển khai thực hiện và đến cộng đồng người nghèo.

- Tăng cường và lồng ghép các chương trình của nhiều tổ chức nghiên cứu triển khai khoa học - công nghệ ; của các nhà khoa học, các dự án liên quan đến xóa đói giảm nghèo để nhận dạng rõ thực trạng, xu hướng và giải pháp cho xóa đói giảm nghèo.

VNRP là một trong những chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu vì sự phát triển nông thôn bền vững. Với sự quan tâm đến nghiên cứu giảm nghèo ở nông thôn từ cách tiếp cận vi mô, chúng tôi xin được chia sẻ một phần trách nhiệm và luôn mong muốn tiếp tục hợp tác với các tổ chức, cá nhân các nhà khoa học để thực hiện thành công các mục tiêu đã xây dựng. □

HỘI NGHỊ CÁN BỘ TOÀN QUỐC TRIỂN KHAI KẾT LUẬN CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 6, KHÓA IX VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ

Lời Bộ Biên tập : Vừa qua, tại Hà Nội, Ban Tổ chức Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị cán bộ toàn quốc triển khai thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương 6, khóa IX về công tác tổ chức và cán bộ.

Dự Hội nghị có gần 500 đại biểu của 61 tỉnh, thành phố và các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương. Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh cùng các đồng chí Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương chủ trì Hội nghị. Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng đã đến dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo Hội nghị. Sau đây là bài Tổng thuật do phóng viên Tạp chí Cộng sản thực hiện.

TỔNG THUẬT HỘI NGHỊ

QUÁN triệt sâu sắc, cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả hơn nữa những nhiệm vụ về tổ chức và cán bộ đã đề ra trong các Nghị quyết Trung ương các khóa VII, VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 6 khóa IX về công tác tổ chức và cán bộ ; tìm ra những giải pháp cụ thể phù hợp để thực hiện, nhằm tạo ra bước chuyển rõ rệt về công tác tổ chức và cán bộ trong cả hệ thống chính trị thời gian tới, là nội dung và yêu cầu của Hội nghị này.

Bản Đề án hướng dẫn và Báo cáo đề dẫn do đồng chí Phạm Văn Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương trình bày, ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phan Diễn, cùng 24 văn bản dự thảo, Hội nghị

đề cập tới nhiều vấn đề thiết thực, thuộc phạm vi công tác tổ chức, cán bộ, thể hiện tập trung ở hai phần nội dung chính :

I- Các giải pháp về công tác cán bộ

Báo cáo đề dẫn Hội nghị nêu rõ : Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khóa IX nhấn mạnh một số nhiệm vụ quan trọng về công tác cán bộ là : "Tiếp tục cụ thể hóa và thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, phát huy trách nhiệm của các bộ phận trong hệ thống chính trị, tập thể quyết định, đồng thời phát huy vai trò trách nhiệm của người đứng đầu", "khắc phục tình trạng trì trệ và những mâu thuẫn nảy sinh hiện nay trong đội ngũ cán bộ, công chức", "xây dựng quy hoạch, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ", "nâng cao tinh thần trách nhiệm

và đạo đức cán bộ, công chức, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác". Để thực hiện Kết luận đó, Ban Tổ chức Trung ương đã chuẩn bị các đề án, các dự thảo, quy định, hướng dẫn và hướng dẫn bổ sung về đánh giá cán bộ ; về quy hoạch cán bộ ; về luân chuyển cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Bộ Nội vụ đã chuẩn bị các đề án về : bổ sung chính sách tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp ; tuyển dụng công chức dự bị và công chức tăng cường về cơ sở; thực hiện kê khai tài sản của cán bộ, công chức ; về xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở ; trong đó nêu chi tiết các chủ trương, chính sách, tình hình, nguyên nhân và những giải pháp cụ thể.

1. Về dự thảo Hướng dẫn đánh giá cán bộ

Ý kiến của các đại biểu đều cho rằng : Nhận xét, đánh giá cán bộ là việc làm rất quan trọng, vì nó làm cơ sở cho việc quy hoạch cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ. Nếu nhận xét, đánh giá đúng cán bộ thì quy hoạch, đào tạo, luân chuyển và bố trí, sử dụng cán bộ mới trúng. Việc đánh giá cán bộ phải được tiến hành dân chủ, khách quan, công tâm.

Về cơ bản, Hội nghị nhất trí lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ làm thước đo chủ yếu trong đánh giá ; nhất trí với ba mức như đề án đã nêu : hoàn thành xuất sắc chức trách, nhiệm vụ ; hoàn thành chức trách nhiệm vụ ; chưa hoàn thành chức trách nhiệm vụ. Việc đánh giá phải được tiến hành hằng năm, giữa nhiệm kỳ, hết nhiệm kỳ và đánh giá khi đề bạt, luân chuyển, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ.

Về phương pháp đánh giá cán bộ, hầu hết các đại biểu tán thành cả hai

phương pháp đề án đưa ra. Việc đánh giá phụ thuộc rất cơ bản vào cái tâm và tầm nhìn của cấp ủy. Tùy điều kiện cụ thể, ngành và địa phương cần cụ thể hóa cho phù hợp, có thể lựa chọn một trong hai phương pháp hoặc cả hai phương pháp để thực hiện thí điểm, rút kinh nghiệm.

Một số ý kiến đề nghị cần bổ sung, sắp xếp lại thứ tự các tiêu chí mà dự thảo đưa ra. Tập thể cấp ủy sau khi đánh giá cán bộ, phải thông báo kết quả đánh giá cho cán bộ, đảng viên đó biết. Về phương pháp "kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý", nhiều ý kiến cho rằng, đây là vấn đề mới, đáng hoan nghênh, cần được nghiên cứu kỹ hơn.

2. Dự thảo Đề án quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý

Hội nghị nhất trí : Công tác quy hoạch cán bộ phải dựa trên cơ sở đánh giá cán bộ. Quy hoạch của các bộ, thành phố, tỉnh là trọng điểm trong quy hoạch cán bộ. Quy hoạch cán bộ cấp dưới là nguồn quy hoạch cán bộ cấp trên và phải được xây dựng trong thời gian 5 năm, 10 năm. Việc xây dựng quy hoạch tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý phải được thực hiện trong phạm vi rộng, không hạn chế trong một cơ quan, một bộ, ngành, một địa phương. Đa số ý kiến đều đồng tình với phương thức : Một cán bộ quy hoạch vào 2 đến 3 chức danh và một chức danh quy hoạch từ 2 đến 3 cán bộ dự bị (theo cả chiều dọc và chiều ngang), và có thể đưa ra công khai. Hằng năm, có kế hoạch xem xét việc thực hiện quy hoạch cán bộ theo quy định để kịp thời bổ sung, điều chỉnh. Một số ý kiến đề nghị cần làm rõ mối quan hệ giữa cấp ủy cấp trên duyệt quy hoạch với cấp ủy cấp dưới trực tiếp quản lý cán bộ.

Về các bước và thời gian quy hoạch trong dự thảo đề phục vụ Đại hội Đảng các cấp và bầu cử Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ tới, Hội nghị nhất trí cao về quy trình, quy hoạch theo bốn bước, song thời gian thực hiện các bước cần có sự điều chỉnh, thay đổi. Cụ thể là, xây dựng bước 1 quy hoạch cán bộ (gọi là quy hoạch A₁) nên tiến hành vào quý I năm 2003 ; bước 2 rà soát bổ sung quy hoạch A₁ (gọi là quy hoạch A₂) ; bước 3 rà soát bổ sung quy hoạch A₂ (gọi là quy hoạch A₃) đồng ý như trong dự thảo ; bước 4, xem xét toàn bộ quy hoạch cán bộ trên cơ sở bổ sung quy hoạch A₃, được coi là khâu cuối cùng chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng các cấp (gọi là quy hoạch A₄) thực hiện vào tháng 6 năm 2005 để phục vụ cho kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ tới.

3. Về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý

Hội nghị nhất trí cao về mục đích, yêu cầu, phạm vi và đối tượng, kế hoạch luân chuyển mà dự thảo đưa ra.

Hội nghị tập trung thảo luận, góp ý kiến sôi nổi nhất trong dự thảo này là phần hướng dẫn về chế độ, chính sách. Hội nghị kiến nghị cần thiết phải có bổ sung, hướng dẫn về chính sách cụ thể hơn nữa. Một số tỉnh đề nghị có trợ cấp một lần. Có tỉnh cho rằng, phải căn cứ vào địa bàn cụ thể để có phụ cấp hoặc không cần phụ cấp, vùng đặc biệt khó khăn cần trợ cấp thường xuyên ; thực hiện bảo lưu lương. Qua thảo luận, Hội nghị thống nhất : Tùy đặc điểm, tình hình từng địa phương để có chính sách cho phù hợp.

Về thời gian luân chuyển, dự thảo nêu : Đối với trung ương, tỉnh, thành phố nói

chung từ 3 năm trở lên ; đối với quận, huyện từ 2 năm trở lên. Qua thảo luận, Hội nghị nhất trí việc quy định thời gian luân chuyển ít nhất là 3 năm chung cho tất cả các cấp.

Có ý kiến cho rằng, trong luân chuyển cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương có thể điều động trực tiếp từ cấp bí thư, chủ tịch huyện trở lên trên địa bàn cả nước. Một số ý kiến khác đề nghị, nên công khai việc đánh giá, nhận xét số cán bộ không đạt yêu cầu đề ra và chuyển số này sang nơi phù hợp. Về những ý kiến đó, Hội nghị ghi nhận và thấy cần có sự nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung sau.

Về chủ trương bố trí 6 chức danh cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt cấp tỉnh, quận, huyện không nhất thiết phải là người địa phương. Hội nghị thống nhất, trước mắt Ban Tổ chức Trung ương làm thí điểm ở một số tỉnh để rút kinh nghiệm, sau đó phổ biến ra cả nước với tinh thần : kết hợp giữa luân chuyển và điều động ; luân chuyển cả chiều ngang và chiều dọc ; cả các chuyên gia, cán bộ chuyên môn.

Hội nghị nhất trí với đề án của Ban Tổ chức Trung ương là, trong nhiệm kỳ tới, việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý phải đạt các yêu cầu : Bộ trưởng, nói chung phải qua chức danh Bí thư tỉnh ủy, thành ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ; Ủy viên thường vụ tỉnh ủy, thành ủy nói chung phải qua các chức danh bí thư quận ủy, huyện ủy, giám đốc sở, ban, ngành hoặc trưởng ban đảng, đoàn thể ở tỉnh, thành phố.

4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Nhiều ý kiến đồng tình với dự án và nhấn mạnh một số biện pháp nhằm

nâng cao chất lượng đào tạo *lý luận chính trị* cho cán bộ lãnh đạo quản lý. Cụ thể là : Đối với người trong diện quy hoạch cán bộ nguồn chủ chốt, cần qua đào tạo tập trung bắt buộc 2 năm tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Kết hợp cả đào tạo tập trung và đào tạo tại chức nhưng phải khắc phục tình trạng mở lớp tại chức tràn lan, kém chất lượng.

Một số ý kiến đề nghị, ngoài đào tạo lý luận cơ bản, nên có nội dung chuyên sâu theo một số chức danh cụ thể. Cán bộ phải được đào tạo đầy đủ mới đề bạt. Đối tượng dự nguồn cho chức chủ tịch bắt buộc phải qua lớp quản lý kinh tế, quản lý nhà nước ; cho chức bí thư phải qua lớp lý luận chính trị, quản lý nhà nước.

Nhiều ý kiến đề nghị, phải tăng cường hơn nữa hệ thống trường lớp, sắp xếp lại hệ thống trường chính trị. Các trường chính trị tỉnh nên có sự chỉ đạo thống nhất (tỉnh ủy quản lý hay ủy ban nhân dân tỉnh quản lý) kể cả về nội dung đào tạo và kinh phí đào tạo. Cần thống nhất hệ thống cấp bằng, chứng chỉ ; dành kinh phí thỏa đáng cho việc đào tạo. Trung ương cần có chính sách chung về đào tạo cán bộ cơ sở. Phải có kế hoạch "gốc" và kế hoạch bổ sung, có hướng dẫn khung về chính sách chung, để trên cơ sở đó, các ngành, các địa phương sẽ vận dụng cụ thể. Tiến tới chiêu sinh là do ngành tổ chức quản lý và đối tượng phải trong diện quy hoạch.

5. Đề án xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở

Đề án nêu rõ các quy định về chức danh, nhiệm vụ đối với từng loại cán bộ chuyên trách, không chuyên trách, đồng thời xác định rõ các tiêu chuẩn cụ thể từng đối tượng cán bộ tương ứng với yêu cầu về tổ chức cán bộ cơ sở các vùng miền. Nhiều

ý kiến cho rằng, Trung ương chỉ nên xác định các tiêu chuẩn chung, còn tùy theo tình hình đội ngũ cán bộ cụ thể ở từng nơi để địa phương vận dụng cho phù hợp. Bộ Nội vụ đã xác định hai đối tượng điều chỉnh là : *một*, cán bộ chuyên trách giữ chức vụ qua bầu cử ; *hai*, cán bộ chuyên môn. Hội nghị đề nghị, cần phân biệt và cụ thể hóa các chức vụ, chức danh là cán bộ và công chức ; các chức vụ là cán bộ không chuyên trách ; sớm xây dựng, ban hành chế độ, chính sách đối với từng loại cán bộ, công chức cũng như quy chế quản lý cán bộ công chức ở cơ sở. Cần có cơ chế khuyến khích cán bộ đồng thời đảm đương hai chức danh, nhưng việc kiêm nhiệm không nên đưa ra cụ thể ngành nào, chức nào nên kiêm nhiệm ; đồng thời, quy định cụ thể mức được hưởng phụ cấp đối với các chức vụ, chức danh kiêm nhiệm.

Một số ý kiến đề nghị bổ sung thêm vào Đề án chức danh thường trực đảng ủy cơ sở và cán bộ kỹ thuật làm nhiệm vụ khuyến nông. Tuy nhiên, qua thảo luận Hội nghị nhất trí, chức danh thường trực đảng ủy cơ sở có thể kiêm nhiệm phó chủ tịch Hội đồng nhân dân. Còn cán bộ khuyến nông thì không thể là cán bộ hành chính.

Thực tế cho thấy, do các vùng, miền của đất nước có những đặc điểm địa lý, kinh tế, văn hóa, xã hội... khác nhau. Cho nên, đề án cần thể hiện được các yêu cầu đối với việc tiêu chuẩn hóa cán bộ cho các vùng đồng bằng, miền núi. Đối với Tây Nguyên, Tây Nam Bộ cần có đề án riêng.

6. Về bổ sung chính sách tình giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp ; tuyên dụng công chức dự bị và công chức tăng cường về cơ sở

Dự thảo nêu ra một số chính sách để tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức chưa đến tuổi nghỉ hưu ; đối với cán bộ quản lý doanh nghiệp ; đối với cán bộ, công chức tăng cường về cơ sở. Trong dự thảo cũng đã nêu các vấn đề về tinh giản biên chế ; các điều kiện phân bổ chỉ tiêu tuyển công chức dự bị, điều kiện trở thành công chức dự bị, chế độ đối với công chức dự bị...

Hội nghị nhất trí tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP đến hết năm 2005. Dành 7% chỉ tiêu biên chế hành chính trong hệ thống chính trị, theo đó có thể bổ sung nguồn công chức trẻ tuổi, có trình độ, năng lực vào các cơ quan của Đảng, Nhà nước. Việc đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở đối với xã còn thiếu cán bộ tại chỗ, xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới cần kết hợp đào tạo cán bộ thông qua việc thực hiện luân chuyển cán bộ huyện, tỉnh tăng cường về công tác tại cơ sở, đẩy mạnh việc hướng dẫn, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ. Nhà nước cần có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức yên tâm công tác tại cơ sở.

7. Đề án Hướng dẫn thực hiện kê khai tài sản của cán bộ, công chức

Các đại biểu cho rằng : Cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có kết quả các nội dung của Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Chỉ thị 03/CT-TW của Bộ Chính trị về kê khai tài sản - nhà, đất, nguồn tiền cho vợ (chồng), con đi học tự túc nước ngoài của cán bộ công chức, để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được biết, làm căn cứ xem xét khi giới thiệu bầu cử,

bổ nhiệm, phục vụ cho công tác quản lý cán bộ.

Việc kê khai tài sản không chỉ giới hạn đối với cán bộ, công chức được đề nghị bổ nhiệm hoặc giới thiệu bầu cử giữ chức vụ lãnh đạo, mà còn đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc kê khai bổ sung phải được tiến hành hằng năm và coi như một tài liệu không thể thiếu trong hồ sơ quản lý cán bộ, công chức. Việc tổ chức thực hiện phải thận trọng, tránh hình thức hoặc lợi dụng việc kê khai để gây mất đoàn kết nội bộ ; phân công trách nhiệm rõ ràng, có kiểm tra, đánh giá kết quả.

II- Các giải pháp về công tác tổ chức

Để cụ thể hóa, tổ chức thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ về công tác tổ chức do Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) đề ra, Ban Tổ chức Trung ương đã xây dựng dự thảo các quy định, hướng dẫn và hướng dẫn bổ sung về : chức năng, nhiệm vụ của đảng ủy dân chính đảng ; chức năng, nhiệm vụ của đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh ; chức năng, nhiệm vụ của ban tổ chức tỉnh ủy, huyện ủy ; đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng ; đánh giá chất lượng đảng viên.

Các đề án đã đưa ra những giải pháp cụ thể, dưới đây là sự tổng hợp những ý kiến đóng góp, bổ sung tại Hội nghị.

1. Hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ của ban tổ chức tỉnh ủy

Các ý kiến cơ bản nhất trí với các nội dung dự thảo và cho rằng, mô hình tổ chức trong ban tổ chức tỉnh, thành ủy quy định như vậy là phù hợp. Dự thảo Hướng dẫn đề ra ba mô hình tổ chức của ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy ; căn cứ vào đó, mỗi tỉnh ủy, thành ủy xem xét, quyết định xác lập

bộ máy theo một trong các mô hình cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và đặc điểm tình hình của địa phương mình.

2. Dự thảo Quy định về chức năng, nhiệm vụ của đảng ủy khối cơ quan dân chính đảng

Các ý kiến tập trung thống nhất cho rằng, về tổ chức và bộ máy của đảng ủy khối cơ quan dân chính đảng cần có : văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo, cơ quan ủy ban kiểm tra. Mỗi ban do một đồng chí ủy viên thường vụ phụ trách và có từ một đến ba cán bộ chuyên trách. Đảng ủy khối cơ quan dân chính đảng tỉnh được sử dụng một số cán bộ kiêm nhiệm, không nên có cộng tác viên trong khối đảng, cơ quan tỉnh.

3. Về chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy đảng ủy khối doanh nghiệp trực thuộc tỉnh, thành ủy

Đây là vấn đề mới, do vậy cũng là nội dung được hội nghị quan tâm thảo luận, góp ý sôi nổi. Hiện nay, cả nước mới có 14 tỉnh, thành phố lập đảng ủy khối doanh nghiệp nhà nước. Các tỉnh này đều nhất trí cho rằng, cần có hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ của loại hình tổ chức một cách cụ thể. Về mô hình tổ chức, có một số ý kiến băn khoăn vì hiện nay trong quá trình tổ chức lại mô hình sản xuất, nhiều doanh nghiệp ở địa phương đang và sẽ cổ phần hóa không còn là doanh nghiệp nhà nước nữa, thì có cần lập đảng bộ khối doanh nghiệp nhà nước không, cơ cấu bên trong khối doanh nghiệp nên như thế nào là phù hợp ? Tại Hội nghị, nhiều ý kiến cho rằng : Cần có mô hình tổ chức đảng ủy khối doanh nghiệp (cả quốc doanh và ngoài quốc doanh) ; cần phải có tổ chức đảng phù hợp trong các doanh nghiệp tư nhân

liên doanh với nước ngoài đang phát triển mạnh mẽ trong điều kiện kinh tế thị trường.

Hội nghị cho rằng, trong dự thảo chưa bao quát hết, chưa dự báo hết được các vấn đề của thực tại và tương lai ; đề nghị Ban Tổ chức Trung ương tiếp tục nghiên cứu trao đổi thêm để có các quy định, hướng dẫn cho phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn đặt ra.

4. Dự thảo Hướng dẫn đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng

Đánh giá đúng chất lượng tổ chức cơ sở đảng là việc khó. Những năm qua, mặc dù đã có nhiều cố gắng, song việc đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng vẫn mang tính hình thức, chưa chính xác. Có những phương pháp không còn phù hợp.

Nhìn chung, đa số nhất trí với nội dung đánh giá theo ba loại : trong sạch, vững mạnh ; hoàn thành nhiệm vụ ; yếu kém. Trên cơ sở tiêu chuẩn chung, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy cụ thể hóa các tiêu chuẩn tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh cho sát hợp.

5. Dự thảo Hướng dẫn đánh giá chất lượng đảng viên

Hội nghị nhất trí về nội dung để phân tích chất lượng đảng viên, về tiêu chuẩn để đánh giá chất lượng đảng viên. Riêng về mức độ đánh giá, một số ý kiến đề nghị chỉ nên phân thành hai loại, nhưng đa số đều thống nhất với dự thảo là phân thành 3 mức : đảng viên đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ; đảng viên đủ tư cách, hoàn thành nhiệm vụ ; đảng viên vi phạm tư cách, chưa hoàn thành nhiệm vụ. □

THÁI SON
(Tổng thuật)



Cơ cấu kinh tế phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế. Một nền kinh tế có tỷ trọng công nghiệp lớn thường là nền kinh tế đạt trình độ phát triển cao. Ở nền kinh tế đó, năng suất lao động xã hội và thu nhập bình quân đầu người cao hơn nền kinh tế có tỷ trọng công nghiệp thấp. Thế nhưng đối với từng địa phương cụ thể không nên dập khuôn, máy móc chạy theo một cơ cấu định sẵn, nhất là chỉ trên con số đơn thuần về tỷ trọng công - nông nghiệp và dịch vụ. Nội dung sâu xa của một cơ cấu kinh tế phải là ở

tính hợp lý của nó, có nghĩa là phải đem lại một hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất có thể có được trên cơ sở huy động và khai thác tối đa các nguồn lực và lợi thế.

Nói đến Thái Bình là nói đến một tỉnh có nhiều thế mạnh về nông nghiệp, vì nó là trọng điểm của "vựa lúa" đồng bằng Bắc Bộ. Trong cơ cấu kinh tế của tỉnh những năm qua, nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao. Nhưng nhiều yếu tố tăng trưởng mạnh, như đất đai, giống và kỹ thuật canh tác hầu như đã được khai thác "tới trần", bên cạnh đó giá cả nông sản phẩm mấy năm gần đây liên tục giảm sút cả trên thị trường trong nước và thế giới, nên tốc độ tăng trưởng nông nghiệp của Thái Bình đạt thấp (tốc độ tăng trưởng nông nghiệp Thái Bình bình quân 5 năm 1996 - 2000 đạt 2,7%/năm). Nền công nghiệp của

tỉnh lại chưa phát triển mạnh. Điều đó đang làm cho tốc độ tăng GDP bình quân hằng năm của Thái Bình thấp hơn so với tốc độ tăng GDP bình quân chung của cả nước rất nhiều, tốc độ tăng GDP bình quân 5 năm (1996 - 2000) là 4,5%/năm ; trong khi đó tốc độ tăng GDP bình quân chung cả nước là 6,7%/năm.

Thái Bình lại là tỉnh có mật độ dân số vào loại cao nhất nước, nếu không tính các thành phố lớn. Do đó, nếu không có sự bứt phá trong việc phát triển ngành nghề, tạo nhiều công ăn việc làm cho

người lao động, phát triển công nghiệp và dịch vụ để đem lại giá trị gia tăng lớn cho tỉnh, thì nguy cơ tụt hậu của Thái Bình là khó tránh khỏi, đời sống của nhân dân Thái Bình sẽ còn gặp nhiều khó khăn.

Vì vậy, để thoát khỏi tình trạng tăng trưởng thấp, Thái Bình phải tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung và huy động tối đa các nguồn lực để phát triển công nghiệp và dịch vụ. Điều đó đã được thể hiện trong chủ trương đúng đắn của Đảng bộ tỉnh Thái Bình. Đến nay, nhìn lại thực trạng cơ cấu kinh tế của Thái Bình có thể thấy kết quả của những nỗ lực tìm hướng đi lên trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh :

* Thạc sĩ - Phó chủ nhiệm Khoa kinh tế - chính trị, Trường Chính trị tỉnh Thái Bình

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh **THÁI BÌNH**

NHÂM GIA QUÂN*

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng nông nghiệp giảm đáng kể, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng lên, trong đó tốc độ tăng dịch vụ khá nhanh (xem biểu 1).

Biểu 1: Cơ cấu kinh tế qua các năm

Đơn vị : %

Ngành, lĩnh vực kinh tế	1990	1995	2000
Nông nghiệp	74,85	65,41	56,0
Công nghiệp và xây dựng	10,00	13,10	12,3
Dịch vụ	15,15	21,49	31,7

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp từng bước chuyển dịch theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt từ 79,6% (năm 1995) xuống 75% (năm 2000), tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi cùng thời điểm từ 18% lên 21%. Cơ cấu ngành trồng trọt chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng cây lương thực, tăng tỷ trọng rau màu, cây công nghiệp. Bước đầu hình thành một số vùng sản xuất rau màu xuất khẩu có hiệu quả kinh tế cao ở hai huyện Thái Thụy, Quỳnh Phụ ; hình thành một số vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn quả gắn với phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp và chế biến. Cơ cấu giống lúa chuyển dịch theo hướng tăng tỷ lệ các giống lúa thuần, lúa lai có năng suất cao. Vì vậy, 6 năm qua (1996 - 2001) năng suất lúa của Thái Bình đều liên tục đạt trên 120 tạ/ha/năm, sản lượng lương thực luôn giữ vững trên 1 triệu tấn/năm. Trong cơ cấu giống vật nuôi có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các giống gia súc, gia cầm có chất lượng cao, như : lợn hướng nạc, bò lai sind, vịt siêu trứng...

Thủy hải sản phát triển mạnh, đã mở ra hướng mới cho tập trung đầu tư khai thác, đánh bắt xa bờ và nuôi trồng ven biển. Diện tích nuôi tôm, cua, ngao, cá chim trắng, trồng rau câu... được mở rộng. Từng bước chuyển

từ nuôi quảng canh, khai thác thủy sản tự nhiên sang nuôi trồng bán thâm canh và thâm canh.

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển. Bước đầu hình thành cụm công nghiệp tập trung ở thị xã và huyện Tiền Hải. Một số ngành có tốc độ tăng trưởng cao, chiếm tỷ trọng lớn, giải quyết việc làm cho nhiều lao động, như : dệt, may, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, thực phẩm, sữa...

- Dịch vụ phát triển phong phú, đa dạng, đáp ứng yêu cầu cho sản xuất và đời sống nhân dân trong tỉnh. So với nhiều ngành nghề khác thì dịch vụ là lĩnh vực thu hút được nhiều lao động hơn cả.

Bên cạnh những kết quả tích cực như đã nêu, cơ cấu kinh tế ở Thái Bình còn bộc lộ nhiều tồn tại, yếu kém :

- Trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng còn rất nhỏ (12,3% năm 2000). Tốc độ tăng trưởng của công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thấp và không ổn định. Trong khi đó nhiều tiềm năng về khai thác khí đốt, sản xuất vật liệu xây dựng còn mang nặng tính tự phát, thiếu quy hoạch cụ thể, nên khả năng thu hút vốn đầu tư mang tính chất công nghiệp còn yếu.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch chậm. Nhiều xã trong tỉnh vẫn là những xã thuần nông, tỷ trọng nông nghiệp chiếm trên 80% tổng thu nhập của người dân trong xã.

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa chậm, chưa tạo ra được khối lượng sản phẩm lớn và tập trung đáp ứng yêu cầu chế biến, xuất khẩu. Trồng trọt chủ yếu vẫn là cây lúa, chăn nuôi chiếm tỷ trọng thấp, mang nặng tập quán chăn nuôi theo phương thức tận dụng, sản xuất nhỏ.

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp quy mô còn nhỏ, bé, phân tán, công nghệ lạc hậu, giá thành cao, chất lượng sản phẩm kém, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên thị trường trong và ngoài nước rất hạn chế ; chưa hình thành được ngành và sản phẩm mũi nhọn có tính đột phá. Công nghiệp chế biến phát triển chậm, chưa tạo được sự hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp và đánh bắt hải sản.

- Thương mại, dịch vụ tuy phát triển nhanh nhưng doanh số thấp, nhất là xuất khẩu. Thương mại thiếu chủ động trong việc mở rộng và chiếm lĩnh thị trường.

Những tồn tại, yếu kém trên đây xuất phát từ mấy nguyên nhân cơ bản sau :

Một là : Nền kinh tế Thái Bình chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, hơn 90% dân số sống ở nông thôn, đất hẹp, người đông, điều kiện giao lưu hàng hóa khó khăn, tài nguyên khoáng sản để khai thác công nghiệp không nhiều đã hạn chế rất lớn đến việc thu hút vốn đầu tư cả trong và ngoài nước để phát triển công nghiệp, dịch vụ.

Hai là : Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền trong cơ chế mới còn nhiều hạn chế. Các cơ quan chức năng chưa làm tốt công tác định hướng phát triển cho các ngành sản xuất trong tỉnh và tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển mạnh mẽ, vững chắc.

Các cấp, các ngành chưa nhận thức đầy đủ yêu cầu cấp bách của việc chuyển mạnh sản xuất nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Vì vậy, tổ chức chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm, sản xuất nông nghiệp chưa gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Trong quá trình tổ chức, quản lý, điều hành còn thiếu những chính sách kinh tế và giải pháp cụ thể, đầu tư còn hạn chế, đổi mới công nghệ chưa kịp thời.

Ba là : Tập quán sản xuất nhỏ, tự cấp, tự túc cùng với tâm lý trông chờ, ỷ lại của người sản xuất tạo sức ỳ trong quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và cả trong việc phát triển ngành nghề và du nhập nghề mới.

Bốn là : Công tác đào tạo nghề cho người lao động chưa được chú trọng, vì vậy chất lượng lao động thấp. Phát triển nhiều ngành công nghiệp, dịch vụ gặp nhiều khó khăn do thiếu lao động được đào tạo. Hiện nay, ở Thái Bình có tới gần 90% người thất nghiệp, thiếu việc làm là những thanh niên chưa được đào tạo nghề.

Năm là : Cơ chế, chính sách chưa đồng bộ, chưa khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là các chính sách về đất đai, tín dụng, thị trường và khoa học công nghệ.

Sáu là : Công tác nghiên cứu, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của Thái Bình chưa được quan tâm đúng mức. Các hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm, dự báo nhu cầu thị trường chưa được coi trọng.

Trước thực tế đó, không còn cách nào khác, tỉnh Thái Bình phải tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm mạnh tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Phân đầu đến năm 2005, như Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Tỉnh đã nêu, cơ cấu kinh tế ở Thái Bình là : nông nghiệp chiếm tỷ trọng 48%, công nghiệp và xây dựng 17%, dịch vụ 35% trong GDP của tỉnh. Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn, đưa một phần lao động nông nghiệp sang phát triển ngành nghề và dịch vụ, giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp nông thôn.

Cơ cấu lao động ở Thái Bình năm 2005 sẽ là : lao động nông nghiệp chiếm tỷ trọng 68% ; lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ chiếm 19%, lao động dịch vụ chiếm 13%. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi. Phân đầu đến năm 2005, ngành trồng trọt chiếm tỷ trọng 64,5%, chăn nuôi 30,7% ; dịch vụ nông nghiệp 4,8%. Chuyển đổi mạnh mẽ giống cây trồng, vật nuôi, tiếp thu nhanh các giống mới có năng suất, chất lượng cao, đem lại hiệu quả kinh tế lớn vào sản xuất. Lấy hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích làm thước đo tính hợp lý của việc lựa chọn cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho từng địa phương trong tỉnh và để bố trí cây trồng, vật nuôi.

Phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, rau màu, nấm..., hình thành các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ phát triển công nghiệp chế biến, nghề và làng nghề ở nông thôn. Chuyển 12 000 ha diện tích cấy lúa, làm muối kém hiệu quả sang nuôi trồng cây con khác có giá trị kinh tế cao hơn như dâu, cóc, dứa, cây ăn quả, rau màu xuất khẩu. Phát triển sản xuất, khai thác tiềm năng, thế mạnh của sản xuất vụ đông, phân đầu đưa vụ đông lên 40 - 45% diện tích canh tác. Phát triển chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, hướng mạnh sang xuất khẩu.

Đẩy mạnh khai thác, nuôi trồng thủy hải sản. Tập trung đầu tư phát triển mạnh mẽ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Hình thành một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung có tính đột phá, mở đường. Ưu tiên phát triển nghề và làng nghề. Phân đầu tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân hàng năm đạt 13% trở lên, giá trị xuất khẩu hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 51 triệu USD.

Đẩy mạnh hoạt động thương mại, dịch vụ, gắn sản xuất với thị trường trong và ngoài

nước, gắn hiệu quả kinh doanh với hiệu quả kinh tế - xã hội, coi trọng xuất khẩu.

Để từng bước tháo gỡ những khó khăn, hạn chế và sớm thực hiện được phương hướng trên, theo chúng tôi, giải pháp cơ bản trước mắt là :

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục làm chuyển biến sâu sắc nhận thức của các cấp, các ngành và người sản xuất về yêu cầu cấp bách phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Trong nông nghiệp, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, vật nuôi để chuyển sản xuất nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân.

2. Làm tốt công tác quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp tập trung ở thị xã, Tiền Hải, Diêm Điền và một số cụm công nghiệp ven Quốc lộ 10, Quốc lộ 39 ; quy vùng chuyển đổi các loại cây trồng, vật nuôi, đảm bảo tính đồng bộ giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ, tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung bao gồm : vùng chăn nuôi, vùng cây công nghiệp, cây ăn quả, vùng nuôi trồng thủy hải sản.

3. Tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm, dự báo nhu cầu thị trường. Tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia tìm kiếm thị trường, liên kết, hợp tác sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

4. Tích cực cải tiến, đổi mới công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước cơ giới hóa, hiện đại hóa tất cả các ngành sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của

(Xem tiếp trang 58)

TRƯỜNG Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được thành lập vào thời điểm sự nghiệp đổi mới toàn diện của đất nước đã tạo ra những vận hội mới cho các khoa học xã hội và nhân văn phát triển. Tuy kế thừa thành tựu và truyền thống của trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, song thời gian đầu nhà trường còn có những khó khăn : cơ sở vật

là đào tạo và nghiên cứu khoa học. Kết quả bước đầu ấy không chỉ làm tăng niềm tin của nhân dân, mà còn khích lệ thêm tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác, tự chủ, đoàn kết trong lao động sáng tạo của đảng viên, cán bộ, công chức và sinh viên. Vị thế của nhà trường đang được khẳng định và tiềm lực ngày càng được phát huy.

ĐỂ TRỞ THÀNH TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHẤT LƯỢNG CAO

HÀ KHANH

chất thiếu thốn và nghèo nàn ; đội ngũ cán bộ của nhiều ngành chưa đồng bộ ; một số đơn vị mới thành lập gặp nhiều khó khăn ; tâm tư, tình cảm cán bộ trong và ngoài trường về sự "nhập", "tách" Đại học Quốc gia Hà Nội chưa có sự thống nhất cao.

Khắc phục những khó khăn chủ quan, khách quan, nhà trường đã xây dựng 5 chương trình hành động, nhằm từng bước chuẩn bị các điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo ; có ý thức kiên quyết gìn giữ kỷ cương, xây dựng môi trường đào tạo trong sạch ; từng bước nâng cao chất lượng quy hoạch, tuyển dụng cán bộ ; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học ; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất theo hướng hiện đại hóa, bước đầu cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, sinh viên và tạo dựng bầu không khí dân chủ trong mọi hoạt động, nhất

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn chú trọng thực hiện nhiệm vụ đào tạo chuyên môn và giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, công chức và sinh viên. Sinh hoạt của các tổ chức đảng, đoàn thể đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức, góp phần nâng cao nhận thức chính trị của đảng viên, cán bộ, công chức, sinh viên về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các hoạt động học nghị quyết, báo cáo thời sự về tình hình trong nước và quốc tế, đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo nhà trường với cán bộ, công chức và sinh viên ; các cuộc thi thể thao, thi tiếng hát sinh viên, thi cán bộ Đoàn giỏi, thi tìm hiểu về Đảng, Bác, về đất nước và Thủ đô đã góp phần tích cực vào việc giáo dục truyền thống yêu nước, từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho đảng viên, cán bộ, sinh viên, thiết

thực chống "diễn biến hòa bình" và chủ động ngăn ngừa việc nảy sinh điều kiện "tự diễn biến hòa bình".

Nhận thức rõ vai trò của các khoa học xã hội và nhân văn đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, nhà trường không ngừng tìm kiếm những giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy các môn khoa học Mác - Lê-nin, các môn khoa học xã hội và nhân văn, gắn các hoạt động chuyên môn với nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng nhân cách, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức và sinh viên. Nhà trường đã chỉ đạo cụ thể, giải quyết tốt những vấn đề tư tưởng nảy sinh trong quan hệ giữa cá nhân với tập thể, giữa cá nhân với cá nhân và trong phong cách làm việc chưa tốt... của một số ít đơn vị.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã hoàn thiện cơ chế quy hoạch cán bộ theo hướng nâng cao chất lượng. Hiện nay, trường có 363 cán bộ biên chế, 169 cán bộ hợp đồng, 51 cán bộ kiêm nhiệm và hơn 100 cộng tác viên là các nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao đang công tác tại các cơ quan trung ương và Hà Nội. Đồng thời, trường đã có chế độ cụ thể nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Kết quả là, so với khi mới thành lập, hiện nay đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học của trường tăng từ 40% lên 72% (206/282), số cán bộ giảng dạy trẻ dưới 30 tuổi đã tăng từ 2,8% lên 13,6%. Bắt đầu từ năm 2002, đối tượng dự thi tuyển biên chế cán bộ giảng dạy bắt buộc phải có học vị thạc sĩ. Đến nay, nhà trường có 9 nhà giáo nhân dân, 24 nhà giáo ưu tú, 16 giáo sư và 34 phó giáo sư. Để ghi nhận 45 năm đóng góp của thế hệ các nhà giáo, nhà trường đã được Nhà nước tặng Huân chương Độc lập hạng nhất. Có một khoa là đơn vị anh hùng. Đặc biệt, có 15 nhà giáo đã và đang công tác

tại trường được Nhà nước tặng thưởng 8 giải thưởng Hồ Chí Minh và 7 giải thưởng Nhà nước. Đây là một thành tích hiếm có trong các trường đại học Việt Nam.

Nhà trường thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, tiến hành qui hoạch lớp cán bộ kế cận đầu ngành và có kế hoạch từng bước tạo điều kiện để họ vươn lên đạt trình độ chuyên môn cao. Chủ trương mời các giáo sư, phó giáo sư đã nghỉ hưu nhưng sức khỏe còn tốt, tiếp tục hợp đồng làm việc đã góp phần giải quyết được tình trạng hẫng hụt chuyên gia trong đào tạo, nghiên cứu khoa học; và chủ trương quy hoạch nguồn cán bộ từ các sinh viên học tập và rèn luyện tốt đã bước đầu phát huy tác dụng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy của trường. Nhà trường cũng đã từng bước chuẩn bị các điều kiện nâng dần chất lượng đào tạo, đưa công tác giảng dạy và học tập vào kỷ cương, nề nếp. Các chính sách học bổng, khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên được thực hiện nghiêm túc. Việc quản lý sinh viên có nhiều cải tiến, sáng kiến như lập sổ quản lý sinh viên ngoại trú... được sinh viên và các cấp quản lý đánh giá cao.

Nhà trường đã mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học ở nhiều nước trên thế giới. Chỉ tính từ tháng 1-1999 đến tháng 3-2001, đã có 196 lượt đoàn khách quốc tế đến giảng dạy, trao đổi khoa học và học tập tại trường và 202 lượt cán bộ và sinh viên của trường đi công tác, học tập ở nước ngoài. Việc mở rộng quan hệ với các nước giúp cho đội ngũ cán bộ của trường có điều kiện nâng cao kiến thức về mọi mặt, đồng thời cũng góp phần tạo điều kiện giao lưu văn hóa, nâng cao vị thế của đất nước ta trên trường quốc tế. Thông qua hợp tác quốc tế, nhà trường tranh thủ được nguồn tài trợ đáng kể và tăng cường thêm các thiết bị, kinh phí để triển khai phối hợp nghiên cứu

khoa học. Đến nay, nhà trường đã ký kết và thực hiện Hiệp định hợp tác với 33 trường đại học trên thế giới.

Trong thời gian qua, nhà trường liên tục cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất làm tiền đề nâng cao chất lượng giảng dạy của thầy, học tập của trò. Đây là chương trình hành động thứ tư của trường. Thực tiễn cho thấy, nhà trường đã nỗ lực vượt bậc, hoàn thành chỉ tiêu đặt ra và hiện đang chuyển sang giai đoạn từng bước hiện đại hóa điều kiện làm việc và giảng dạy. Cơ sở vật chất nhìn chung, đã được cải thiện một cách căn bản, giảng đường có đủ tiện nghi tối thiểu ; nhà trường tiếp tục trang bị những thiết bị hiện đại và đội ngũ cán bộ giảng dạy có khả năng làm chủ kỹ thuật, sử dụng thành thạo các thiết bị đó ; nhiệm sở của nhiều đơn vị đã khang trang, rộng rãi, khuôn viên đã sạch, đẹp thoáng rộng hơn trước. Công tác quản lý cơ sở vật chất và tài chính đảm bảo công khai, dân chủ, có kế hoạch, hiệu quả và đúng quy định, góp phần đắc lực vào việc ngăn ngừa tham nhũng và làm thất thoát tiền bạc, tài sản của Nhà nước. Làm tốt công tác này còn góp phần quan trọng vào ổn định tư tưởng, khuyến khích lao động, tạo niềm tin, tăng thêm sức mạnh đoàn kết, nhất trí trong cán bộ, đảng viên.

Các cấp bộ Đảng trong trường luôn coi trọng việc giữ gìn phẩm chất của người đảng viên trên mặt trận khoa học, giáo dục. Các chi bộ đã quan tâm tổ chức sinh hoạt chính trị, tư tưởng, định hướng phát triển chuyên môn, coi đấu tranh tự phê bình, phê bình là phương thức tạo ra sức mạnh của tổ chức Đảng. Qua đợt thực hiện Nghị quyết trung ương 6 (lần 2), tất cả đảng viên trong Đảng bộ không ai vi phạm kỷ luật. Hằng năm toàn Đảng bộ đều triển khai phân tích chất lượng đảng viên, phần lớn đảng viên đều thuộc diện đủ tư cách, phấn đấu tốt. Nhiều năm Đảng bộ được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Công tác phát triển Đảng có nhiều tiến bộ. Mỗi năm trung bình có khoảng 800 cán bộ và đoàn viên (chủ yếu là đoàn viên sinh viên) tham gia các lớp bồi dưỡng tìm hiểu về Đảng. Đã có những chi bộ chủ động tổ chức các đợt sinh hoạt giới thiệu về Đảng cho sinh viên của khoa mình. Nguyên tắc tập trung dân chủ được thể hiện tốt trong sinh hoạt đảng các cấp trong trường. Hằng tháng, bí thư các chi bộ tham dự hội nghị giao ban toàn trường và định kỳ hai tháng giao ban với Ban Thường vụ Đảng ủy, giúp cho các chi ủy nắm đầy đủ các thông tin về hoạt động của nhà trường, của Đại học Quốc gia Hà Nội và các thông tin thời sự.

Từ thực tiễn, nhà trường rút ra mấy bài học kinh nghiệm bước đầu và nguyên nhân của sự thành công như sau ⁽¹⁾ :

1. Đảng bộ phải đoàn kết nhất trí cao, quy tụ được đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, có ý chí sáng tạo, có bản lĩnh chính trị, tâm huyết, gương mẫu, đoàn kết, vững vàng trước mọi thử thách, kiên định xây dựng nhà trường theo định hướng phát triển của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Lãnh đạo nhà trường lấy dân chủ, công khai để tập hợp, phát huy sức mạnh tổng hợp, đoàn kết, thống nhất ý chí của mọi cán bộ, nhân viên, sinh viên nhà trường trong mọi hoạt động. Kết hợp hài hòa lợi ích tập thể với lợi ích cá nhân, coi trọng ý kiến của quần chúng, biết phát huy quyền chủ động sáng tạo của đảng viên, công chức, sinh viên ; lấy kiểm tra làm phương tiện thúc đẩy công việc và cũng thông qua đó lấy chất lượng làm hiệu quả để đánh giá hoạt động của tập thể và cá nhân nhằm vươn tới sự công bằng trong lao động, trong việc đánh giá và đãi ngộ.

(1) Xem : *Các văn bản Đại hội đại biểu lần thứ ba Đảng bộ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, tháng 5-2001

3. Các cấp bộ đảng trong trường đầu tư trí tuệ vào việc xác định đúng những nhiệm vụ trọng yếu trong quá trình xây dựng nhà trường. Điều đó thể hiện trong việc xây dựng và triển khai năm chương trình hành động của nhà trường.

4. Tăng cường vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, tuyệt đối của tổ chức đảng đối với mọi tổ chức, mọi hoạt động, mà hạt nhân là các cấp ủy đảng trong Đảng bộ. Phát huy tinh thần làm chủ, tính chủ động của các tổ chức và toàn thể cán bộ, công chức, sinh viên trong lao động sáng tạo xây dựng nhà trường. Sức mạnh, sự trong sáng, uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ chỉ được khẳng định thông qua tính gương mẫu, tinh thần tự phê bình, phê bình của từng đảng viên, mà trước hết là của các cấp ủy.

Có thể nói đó là những bài học quý báu nhằm tiếp tục xây dựng và phát triển trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn giữ vững vị trí hàng đầu trong hệ thống các cơ sở vừa đào tạo, vừa nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn của cả nước, tạo tiền đề để tiến kịp trình độ đại học của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI; phục vụ thiết thực và hiệu quả công cuộc xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, hiện nay trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đang đứng trước một khó khăn lớn là : đa số các cán bộ có học hàm, học vị cao đã và sẽ nghỉ hưu trong một vài năm tới, nhưng số cán bộ kế cận đầu ngành vẫn chưa đủ về số lượng lẫn chất lượng ; đội ngũ cán bộ giảng dạy trẻ được bồi dưỡng toàn diện nhưng cũng chưa đảm đương được nhiệm vụ chủ yếu trong đào tạo. Ba thể hệ cán bộ giảng dạy nói trên không có sự đan xen cần thiết, mà vẫn còn khoảng cách về chuyên môn rất rõ. Đây cũng là vấn đề có tính lịch sử cần sớm được khắc phục. Thêm

vào đó, trình độ ngoại ngữ của cán bộ giảng dạy vẫn đang đòi hỏi phải có những nỗ lực vượt bậc mới đáp ứng được yêu cầu. Lực lượng cán bộ giảng dạy ở một số đơn vị (nhất là ở các khoa, các bộ môn mới thành lập) đã mỏng, sự liên thông trong nội bộ trường lại chưa cao, làm cho tình trạng thiếu cán bộ càng chậm được khắc phục. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp trong trường được trẻ hóa, khá năng động, tận tụy với công việc, song vẫn cần phải thường xuyên gương mẫu, nâng cao trình độ nhận thức chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ mới đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới.

Nhà trường đang từng bước xây dựng và phát triển thành một cơ sở đào tạo - nghiên cứu khoa học có uy tín. Nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện đối với sinh viên và các học viên cao học, nghiên cứu sinh, hướng tới mục tiêu đào tạo những cán bộ khoa học xã hội và nhân văn không chỉ có đạo đức, phẩm chất chính trị tốt, phong cách lao động công nghiệp, có tri thức hiện đại, nhận thức sâu sắc về xã hội và con người trên lập trường, phương pháp luận khoa học, mà còn có kỹ năng thực hành tốt, trình độ tin học, ngoại ngữ thành thạo, chủ động, vững tin trong hội nhập quốc tế.

Có nhiều hình thức phong phú cho hoạt động tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng và giáo dục truyền thống yêu nước phù hợp với từng đối tượng cán bộ, đảng viên, sinh viên. Xây dựng nhà trường trở thành một môi trường trong sạch, lành mạnh, không có tệ tham nhũng, hối lộ, quan liêu, cửa quyền ; chủ động phòng chống các tệ nạn xã hội trong sinh viên. Tăng cường đầu tư nâng cao hơn nữa đời sống tinh thần cho cán bộ và sinh viên bằng nhiều hoạt động văn hóa, thể thao phong phú, có hiệu quả. Duy trì chế độ đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo nhà trường với cán bộ và sinh viên. Đảm bảo an ninh chính

trị và trật tự an toàn xã hội trong môi trường hoạt động chuyên môn của cán bộ, công chức và môi trường học tập của sinh viên.

Trong vài năm tới, nâng tổng số cán bộ, công chức lên 420 người, trong đó cán bộ giảng dạy chiếm 80% và 80% cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học ; sớm bổ sung cán bộ để đa số các khoa mới thành lập tối thiểu có 15 cán bộ, mỗi bộ môn tối thiểu có 3 cán bộ trong biên chế. Từng bước bồi dưỡng, bổ sung đội ngũ chuyên gia đầu ngành cho các ngành khoa học để đáp ứng nhiệm vụ đào tạo với chất lượng cao ở các ngành đào tạo, các bậc học ; mở rộng quy mô đào tạo hợp lý, đặc biệt là đào tạo sau đại học, xây dựng trường thực sự trở thành một trường tiên tiến cả về chất lượng đào tạo và phong cách quản lý. Chuẩn bị đội ngũ cho việc mở các ngành học mới và chỉ mở ngành học mới khi có số lượng tối thiểu đội ngũ chuyên gia.

Xác định quy mô đào tạo một cách hợp lý (về cơ cấu ngành nghề, quy mô ngành) ở các loại hình đào tạo (đại học, sau đại học). Tập trung hoàn thiện và điều chỉnh các chương trình đào tạo, cơ cấu ngành nghề để có cơ cấu tổ chức đào tạo hợp lý và phát huy hết tiềm năng chuyên môn của đội ngũ cán bộ giảng dạy trên quy mô toàn trường. Sang năm 2003, tất cả các môn học đều phải có bài giảng, trong đó 60% môn học ở bậc đại học có giáo trình và 40% môn học và chuyên đề ở bậc sau đại học có sách tham khảo ; ưu tiên cho việc biên soạn, xuất bản các giáo trình lý luận chính trị.

Các đề tài nghiên cứu tập trung theo hướng : tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với chất lượng cao, đồng thời kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách trong đào tạo và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao vị thế của trường,

tạo tiềm lực trong hợp tác quốc tế. Cải tiến và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên theo hướng đưa công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên vào quy trình đào tạo với nội dung và hình thức thích hợp trong từng ngành đào tạo cụ thể, gắn đề tài nghiên cứu của sinh viên với chuyên ngành theo học và hướng thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Đẩy mạnh đầu tư theo chiều sâu, nhằm hiện đại hóa trang thiết bị làm việc, giảng dạy, học tập để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học ; xây dựng một số phòng học mẫu, phòng nghiên cứu và thực hành ; tiếp tục sắp xếp lại nơi làm việc và học tập một cách hợp lý. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý của nhà trường ; hướng dẫn cán bộ khai thác hiệu quả mạng In-tơ-nét đã cài đặt tại các khoa và tạo điều kiện cho sinh viên sử dụng miễn phí phòng truy cập In-tơ-nét.

Phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục những khó khăn, thử thách, cán bộ, đảng viên, công nhân viên, sinh viên trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đang quyết tâm khơi nguồn nội lực, trí tuệ, nhân văn nhằm thực hiện nhiệm vụ nâng cao hơn nữa chất lượng quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ, triển khai thực hiện cơ chế liên thông cán bộ, xây dựng cơ cấu tổ chức một cách hợp lý ; đẩy mạnh việc biên soạn hệ thống giáo trình đại học, tài liệu tham khảo sau đại học ; đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ; gắn nghiên cứu khoa học với nhiệm vụ đào tạo và phục vụ xã hội có hiệu quả hơn ; tăng cường các biện pháp quản lý và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của cán bộ và sinh viên. Tiếp tục thực hiện 5 chương trình, xây dựng và phát triển nhà trường theo hướng *chuẩn hóa* và *hiện đại hóa*. Tất cả các mặt hoạt động của nhà trường đều trong điều kiện tự chủ tài chính. □

CẢNG biển vùng Đông Bắc có vị trí rất quan trọng về kinh tế, quốc phòng của Việt Nam. Hệ thống cảng biển vùng Đông Bắc gồm các cảng Cái Lân, Hòn Gai, Cẩm Phả, Mũi Chùa, Vạn Gia, Móng Cái, Tiên Yên... đã phát huy mối giao lưu buôn bán với nước ngoài, đóng vai trò quan trọng phát triển kinh tế tiểu vùng và liên quan trực tiếp đến các vấn đề nhạy cảm về kinh tế - xã hội. Có thể nói, đây là cửa ngõ thông thương quan trọng nhất trong quan hệ thương mại giữa các tỉnh phía Bắc với các nước trên thế giới.

Cảng Cẩm Phả có vị trí quan trọng, than xuất khẩu của ta đã đến nhiều cảng trên thế giới. Việc giao lưu hàng hóa với nước ngoài đã tạo nguồn thu ngoại tệ cho Việt Nam. Bên cạnh việc cảng đón nhận hàng xuất nhập khẩu, cảng còn làm nhiệm vụ trung chuyển hàng hóa mà nhiều cảng trong nước không làm được. Nguồn thu bằng con đường trung chuyển hàng hóa là thế mạnh của vùng đất mỏ Quảng Ninh (có đường biên giới với Trung Quốc là 132 km). Chính vì vậy, Quảng Ninh nằm trong số ít tỉnh, thành của cả nước có nguồn thu ngân sách cao, tự cân đối được ngân sách.

Những năm gần đây, trong xu hướng hội nhập với kinh tế thế giới, cảng Cái Lân được coi là trọng điểm. Đây là một trong hai cảng nước sâu, có quy mô lớn nhất phía Bắc (có độ sâu 9 m, dài 166 m) đang được khai thác và tiếp tục đầu tư xây dựng. Trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, vai trò của cảng biển vùng Đông Bắc gồm

các cảng Cái Lân, Cẩm Phả có vị trí rất quan trọng. Hầu hết các tàu lớn đều qua đây ; và từ đây đưa hàng hóa về Hà Nội, đến các tỉnh khu vực phía Bắc và sang nước bạn. Trong quá trình phát triển nền kinh tế nước ta theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc nhập khẩu hàng hóa là vô cùng quan trọng. Thực tế cho thấy, đối với các nước đang phát

CẢNG BIỂN ĐÔNG BẮC : *Tiềm năng và định hướng phát triển*

DOÀN ĐÌNH HUỆ

triển, trong quá trình công nghiệp hóa thì cơ cấu nhập khẩu bao giờ cũng lớn hơn xuất khẩu, tình trạng "đói vốn" là tất yếu. Cảng biển là điều kiện quyết định để hình thành các khu công nghiệp, đặc khu kinh tế và các nhà máy, thúc đẩy phát triển kinh tế vùng. Sau khi Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực thực thi, trong xu hướng toàn cầu hóa, tàu viễn dương từ Việt Nam có thể cập cảng biển của châu Mỹ, châu Âu, châu Phi và các nước châu Á (như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và các nước ASEAN...). Quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng và ASEAN đã và đang phát triển tốt đẹp, cùng với hệ thống đường bộ, đường sắt liên vận quốc tế được đầu tư xây dựng sẽ thúc đẩy vận tải đường biển phát triển hơn. Cho nên, việc đầu tư xây dựng hệ thống cảng biển Đông Bắc là đúng hướng,

phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Vấn đề đặt ra là, phải xây dựng cảng biển vùng Đông Bắc đúng với tầm cảng quốc tế, với cơ sở hạ tầng và các phương tiện kỹ thuật, dịch vụ đáp ứng được bạn hàng nước ngoài.

Điều cần coi trọng là, cảng biển vùng Đông Bắc nằm liền kề vịnh Hạ Long, một di sản thiên nhiên thế giới... Khách thăm quan, du lịch trong và ngoài nước đến đây để du ngoạn, thưởng thức cảnh đẹp thiên nhiên ban tặng. Hầu hết các đoàn khách nước ngoài đến thăm Việt Nam đều muốn ra khu vực bảo tồn tự nhiên là danh thắng nổi tiếng của vịnh Hạ Long. Các khách thập phương trong nước và nước ngoài đều mong muốn di sản thiên nhiên được UNESCO công nhận cần được gìn giữ và tôn tạo ngày càng đẹp hơn. Cho nên, việc xây dựng cảng biển ở đây phải được đồng thời với việc bảo vệ môi trường sinh thái nhằm không ngừng vừa giữ gìn, tôn tạo, làm cho vẻ đẹp thiên nhiên sinh động vừa là nơi giải trí, vừa đem lại nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Trong các công ty du lịch của cả nước, Công ty Du lịch Quảng Ninh có nguồn thu lớn, thu hút khách đến Vịnh ngày càng đông và đang cố vươn lên đáp ứng được yêu cầu nhiều mặt của du khách. Việc liên kết với các Công ty Du lịch Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong cả nước đang đặt ra nhiều vấn đề bức xúc cần giải quyết để thu hút du khách đến đây ngày càng đông hơn. Sự phát triển của cảng biển vùng Đông Bắc là một điều kiện thuận lợi để cho khách du lịch, thăm quan ở trong nước và thế giới. Thực tế lâu nay, khách du lịch bằng đường biển đến Vịnh vẫn còn hạn chế. Vấn đề đặt ra là, cần phát triển các tua du lịch đường biển để từ vùng than Quảng Ninh có thể đến nhiều cảng biển của

các nước trên thế giới ; từ Quảng Ninh đi các cảng của nhiều tỉnh, thành phố ở trong nước.

Cùng với việc bảo vệ môi trường sinh thái của vịnh Hạ Long, việc xây dựng cảng biển vùng Đông Bắc cần chú trọng đến an ninh quốc phòng. Mỗi quan hệ kinh tế với quốc phòng luôn được đặt ra để hỗ trợ nhau phát triển. Muốn xây dựng kinh tế giỏi, muốn giữ được thành quả kinh tế phải đặt nó trong mối quan hệ với quốc phòng. Cảng biển trong thời bình thì xây dựng kinh tế, khi chiến tranh xảy ra phải là cảng quân sự phục vụ chiến đấu. Dẫu cho thời bình, song việc giữ vững an ninh quốc gia luôn phải đặt lên hàng đầu, phải xây dựng thế trận quốc phòng bảo vệ cho phát triển kinh tế, phải sẵn sàng vào cuộc và tác chiến khi các sự biến phức tạp xảy ra, chủ quyền quốc gia bị các thế lực thù địch bên ngoài đe dọa. Sự phát triển lực lượng quân sự là nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia và bảo vệ nền kinh tế của đất nước. Sự phát triển kinh tế của một nước trong hội nhập kinh tế với bên ngoài phải được bảo đảm bởi an ninh quốc phòng, chính trị ổn định. Được như vậy, các dự án đầu tư nước ngoài và tạo nguồn thu ngân sách mới phát triển và từng bước vươn ra làm ăn với bên ngoài, thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển. Vì lẽ đó, càng đòi hỏi cảng biển vùng Đông Bắc vươn lên trong sự nghiệp đổi mới của đất nước. Điều đó càng lý giải được câu hỏi tại sao nhiều quốc gia dù tài nguyên ít, không có được điểm du lịch hấp dẫn, nhưng họ lại biết tạo ra nguồn thu ngoại tệ bằng các loại hình dịch vụ và mở rộng hợp tác kinh tế đối ngoại.

Để cảng biển Đông Bắc tương xứng với vị trí và tầm của vùng Đông Bắc nói riêng và của miền Bắc nói chung, cần phát triển cảng biển này theo hướng :

1. Xác định rõ cảng biển vùng Đông Bắc trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta

Cải tạo, nâng cấp hiện đại hóa các cảng hiện có, dựa vào các điều kiện tự nhiên và các cơ sở sẵn có nhằm đầu tư hợp lý, khai thác có hiệu quả các cụm cảng. Tập trung xây dựng một số cảng nước sâu (cảng Công-tai-nơ, cảng trung chuyển quốc tế, cảng chuyên dùng cho hàng rời, hàng lỏng) tại các vùng kinh tế trọng điểm cho tàu có trọng tải từ 10 000 đến 50 000 DWT. Xây dựng các cảng vệ tinh có quy mô vừa và nhỏ, có chức năng phục vụ cho kinh tế địa phương. Vì vậy, cần chủ động thúc đẩy tiến độ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cảng biển theo kế hoạch được Nhà nước đã phê duyệt. Quá trình phát triển hệ thống cảng biển Đông Bắc (từ Hải Phòng đến Quảng Ninh) bao gồm các cụm cảng :

Cụm cảng Hải Phòng, gồm các cảng tổng hợp phục vụ các khu công nghiệp, đặc khu kinh tế, xuất nhập khẩu ngoại thương và trao đổi nội địa trên các tàu hàng bách hóa, tàu Công-tai-nơ. Cảng Hải Phòng có trang thiết bị tương đối hiện đại ở trong nước và khu vực. Cảng Chùa Vẽ đang được nâng cấp để đáp ứng hội nhập kinh tế quốc tế. Cảng biển nước sâu Đình Vũ và Nam Đồ Sơn sẽ được đầu tư xây dựng để tàu có trọng tải cỡ lớn vào cập cảng năm 2010.

Cụm cảng Hạ Long, gồm các cảng tổng hợp phục vụ các khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm, xuất nhập khẩu ngoại thương và các trung tâm dịch vụ hàng hải. Cảng Cái Lân có tổng số vốn đầu tư là 1 049 tỉ đồng, có 7 bến cho tàu từ 10 000 đến 50 000 DWT cập cảng, với tổng lượng hàng hóa thông qua là 21 triệu tấn vào năm 2010. Cải tạo cảng tàu khách Hòn Gai đủ năng lực tiếp nhận các

tàu khách lớn, tàu du lịch của trong và ngoài nước đến di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long.

Cụm cảng Cẩm Phả, gồm các cảng chuyên dùng cho tiêu thụ và xuất khẩu than. Cảng Cẩm Phả đang được mở rộng đủ sức tiếp nhận từ 30 000 đến 50 000 DWT, đưa than xuất khẩu công suất đạt 3 triệu tấn/năm vào năm 2010 lên 5 triệu tấn/năm vào năm 2020. Đầu tư xây dựng khu chuyển tải Hòn Nét thành khu trung chuyển cho tàu hàng trăm ngàn tấn ra vào, vì đây là vùng neo đậu có độ sâu và rộng lý tưởng. Ngoài công nghiệp than truyền thống, ở Cẩm Phả sẽ xây dựng công nghiệp luyện thép có công suất 4 triệu tấn/năm vào năm 2010. Trong tương lai, khu vực Cẩm Phả sẽ xây dựng cảng biển nước sâu cỡ lớn, vì Bái Tử Long có điều kiện tự nhiên khá thuận lợi, không có sóng lớn, không bị sa bồi và có địa chất tốt.

Ngoài ba cụm cảng biển trên, vùng Đông Bắc này còn hai cụm cảng biển cỡ nhỏ : **Cụm cảng Mũi Chùa**, gồm các cảng tiềm năng phục vụ cho kinh tế địa phương, trung chuyển hàng hóa cho vùng Đông Bắc và tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc). **Cụm cảng Vạn Gia**, gồm các cảng nhỏ nằm sát biên giới Việt - Trung, phục vụ lưu thông hàng hóa, có mật độ tàu thuyền qua lại lớn, hàng hóa buôn bán tiểu ngạch, tàu du lịch. Trong tương lai, đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long - Móng Dương - Móng Cái sẽ đưa tổng lượng hàng hóa qua cảng ngày càng tăng. Mặt khác, đây là vùng biên, cần có chính sách quản lý phù hợp với tính chất và đặc thù của hai cụm cảng biển này, nhất là buôn bán tiểu ngạch và du lịch xuyên vùng.

Khi đầu tư xây dựng hệ thống cảng biển Đông Bắc, cần coi trọng phát triển các loại hình dịch vụ hàng hải, các nhà máy, khu

kinh tế. Ở các nước trên thế giới, cảng biển thường gắn với các dịch vụ sửa chữa, đóng tàu biển, các khách sạn, nhà hàng, các nơi vui chơi giải trí. Kinh nghiệm từ các thành phố lớn cũng cho thấy, nguồn thu về dịch vụ thường chiếm tỷ trọng khá lớn so với các ngành kinh tế khác.

Một loại hình dịch vụ đem lại nguồn ngoại tệ lớn là du lịch. Các tua du lịch Vịnh Hạ Long đi Móng Cái, Trà Cổ, Đông Hưng (Trung Quốc) ; Vịnh Hạ Long đi Cát Bà, Cát Hải, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh cần được tính đến trong tương lai. Đây sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao, nếu chúng ta có dịch vụ tốt, biết quảng cáo chào đón khách, nhất là khách nước ngoài.

Trong dự án xây dựng hệ thống cảng biển vùng Đông Bắc, cần coi trọng việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, đi tắt đón đầu như ngành bưu điện đã làm. Xác định được quy mô cảng, từ đó đầu tư vốn có hiệu quả để công trình có tiến độ nhanh đưa vào sử dụng ngay. Đầu tư cho kết cấu hạ tầng cần uyển chuyển trong kế hoạch, tiến độ sao cho có thể chia nhỏ một công trình lớn nhiều hạng mục nhỏ để vừa thi công vừa khai thác. Về thiết bị, phải tính toán hiệu quả kinh tế, với nhiều giai đoạn, tùy theo khả năng tài chính.

2. Khai thác các nguồn vay vốn để đầu tư xây dựng cảng biển vùng Đông Bắc

Xây dựng hệ thống cảng biển đòi hỏi một nguồn vốn lớn, cho nên cần tận dụng và thu hút được các nguồn vốn đầu tư như : vốn ODA ; vốn vay ưu đãi của các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế ; vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước ; nguồn thu hồi từ đầu tư cơ sở hạ tầng cảng biển ; vốn ngân sách ; nguồn thu từ các loại

phí ; phát hành trái phiếu ; nguồn vốn từ các thành phần kinh tế. Để thu hút các nguồn vốn trên, Chính phủ cần có một chính sách vĩ mô phát triển hệ thống cảng biển vùng Đông Bắc. Việc huy động vốn để mở rộng, cải tạo và xây dựng cảng biển cần tính đến tính khả thi và tính hiệu quả của nó. Nghĩa là, căn cứ vào tình hình cụ thể của nhu cầu thị trường để xây dựng quy mô cảng phù hợp.

Trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, chúng ta cần sử dụng các loại vốn vay của Chính phủ, khai thác các nguồn vốn vay của các tổ chức quốc tế và các nguồn vốn vay trên thị trường tài chính quốc tế. Mỗi nguồn vốn vay đều có những đặc điểm riêng của nó. Các khoản vay của nước ngoài tuy có những ràng buộc về chính trị, kinh tế, nhưng lại có thể mạnh là lãi suất thấp và thời hạn dài. Ngân hàng thế giới và các ngân hàng khu vực, ngoài việc cho vay theo lãi suất thị trường còn có các khoản tín dụng thông thường. Nguồn vốn này có vai trò rất quan trọng trong hỗ trợ tài chính, bởi với lãi suất ưu đãi và với thời gian dài so với các khoản tín dụng các nước hội viên, sẽ khắc phục những khó khăn về cân cân thanh toán. Cho nên, cần sử dụng vốn vay nước ngoài để đầu tư và xây dựng cảng biển vùng Đông Bắc. Việc này cần tính đến diễn biến kinh tế tài chính trong nước và nước ngoài, bảo đảm hiệu quả kinh tế, thực hiện theo đúng thủ tục của Chính phủ đã quy định. Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, Bộ Tài chính trực tiếp cấp vốn, trực tiếp thực hiện biện pháp thu hồi vốn và trực tiếp trả nợ nước ngoài. Đối với lĩnh vực đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sẽ thực hiện phương thức vay để cho vay. Bộ Tài chính vay nước ngoài, sau đó các tổ chức kinh tế trong nước vay lại với lãi suất thích hợp.

Những tổ chức này phải hoàn vốn vay cho Bộ Tài chính, đồng thời Bộ Tài chính sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho chủ nợ nước ngoài. Điều quan trọng là, cảng biển vùng Đông Bắc có tầm quan trọng của quốc gia và khu vực nên việc thu hồi vốn chắc không khó khăn. Nhưng vấn đề đặt ra là, làm thế nào thu hút nhiều hàng, nhiều tàu quốc tế cập cảng và nhiều nước có quan hệ ngoại thương với ta, để cảng biển vùng Đông Bắc phát huy được thế mạnh vừa đem lại nguồn ngoại tệ cho đất nước, vừa hoàn trả nhanh nguồn vốn vay.

3. Mối quan hệ giữa cảng biển Đông Bắc với bảo vệ môi trường sinh thái và gắn kinh tế với quốc phòng

Xây dựng hệ thống cảng biển Đông Bắc, chúng ta cần tính đến sự tác động qua lại giữa việc phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái, nhất là di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long. Bởi vì, các cảng Cái Lân, Cẩm Phả, Vạn Gia... được cải tạo và mở rộng sẽ làm cho thay đổi cơ sở hạ tầng ở vùng liên kề các cảng. Xu hướng tất yếu là, các dịch vụ phát triển sẽ làm cho dân cư đổi mới, nhưng cũng sẽ gây ô nhiễm môi trường. Điều cần chú ý là, vùng biển Đông Bắc là một trong bốn ngư trường trọng điểm của cả nước giàu về nguồn lợi phong phú về chủng loại, có diện tích nuôi trồng thủy sản lớn như ngọc trai, bào ngư, cá lồng bè, tôm... Do đó, việc dự báo và hạn chế tình trạng tổn hại môi trường, cảnh quan, cần phải được xem xét và có phương án giải quyết.

Trong hệ thống cảng biển Đông Bắc, cần phân định cảng kinh tế và cảng du lịch hoặc cùng một cảng làm nhiều chức năng để việc khai thác không bị chồng chéo. Sẽ là khiếm khuyết, nếu cảng du lịch lại có những hàng hóa vận chuyển bụi bẩn và ảnh hưởng đến khách du lịch. Quản lý chặt chẽ các tàu,

thuyền của các thành phần kinh tế cùng khai thác vận tải trên địa bàn. Quy định những luồng lạch giữa tàu du lịch và tàu hàng nhằm cho việc hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Bởi vì, việc bảo tồn vịnh Hạ Long là rất hệ trọng. Nếu chúng ta không xem xét điều đó, để cho di sản thiên nhiên thế giới bị xuống cấp, thì hàng năm đã đánh mất một nguồn ngoại tệ lớn do các tổ chức quốc tế đem hỗ trợ.

Ngoài ra, việc gắn kinh tế với quốc phòng cần được đặt ra đúng tầm của nó. Nếu lực lượng quốc phòng không mạnh thì vùng biển Đông Bắc rộng lớn sẽ có nhiều phức tạp xảy ra. Đây là vùng thuận tiện cho việc thông thương với thị trường lớn. Các đơn vị quân đội có nhiệm vụ bảo vệ vùng biển, chốt giữ đảo sẵn sàng tác chiến khi cần, nhưng không được gây tổn hại tới lĩnh vực kinh tế, hoặc gây trở ngại cho quan hệ kinh tế giữa các đơn vị kinh tế trong nước và nước ngoài. Nhiệm vụ chính của quân đội và các lực lượng liên ngành là bảo vệ chủ quyền và các nguồn lợi kinh tế của đất nước.

Phát triển cảng biển vùng Đông Bắc là góp phần khai thác tiềm năng kinh tế vùng Đông Bắc nói riêng và của miền Bắc nói chung. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng chỉ rõ : "Các vùng, khu vực đều phát huy lợi thế để phát triển, tạo nên thế mạnh của mình theo cơ cấu kinh tế mở, gắn với nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước"⁽¹⁾. Sự phát triển kinh tế cảng biển sẽ góp phần thúc đẩy nền kinh tế, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, hợp tác và gọi vốn đầu tư nước ngoài nhằm đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 179



Lại bàn về VẤN ĐỀ SỐ MỘT

NAM DỪNG

VỪA bước chân đến Tổng Công ty H. thuộc Bộ C., tôi được ông Kh., Tổng Giám đốc ra đón và vỗn vỗ bắt tay. Với tác phong thân mật song không khách khí, ông đi thẳng vào chuyện: Tôi vừa đọc bài *Vấn đề số một* của anh đăng trên Tạp chí Cộng sản số 28. Những vấn đề anh nêu trong đó chỉ đúng ở tầm vĩ mô, còn với mức vi mô là chưa đủ, chưa đúng. Anh chẳng sâu sát gì cơ sở cả.

Tôi khựng người, đang chờ ông khen cho "sướng" nào ngờ ông lại "phê" mới buồn chứ. Rồi ông tiếp, ở Tổng công ty của tôi không phải vấn đề con người, cán bộ là số một mà là vấn đề khác - đó là vấn đề thiết bị, máy móc. Tôi cười và đáp liền, tưởng gì ghê gớm chứ cái đó thì dễ quá, mua cả đồng, đủ các loại, công nghệ hiện đại đời mới nhất cũng có. Anh đưa tiền tôi mua ngay cho. Đây, vấn đề là ở chỗ đó, anh bạn ạ - ông Kh. ôn tồn - nhưng không đơn giản như vậy đâu. Máy móc, thiết bị thời buổi mở cửa, hội nhập này thì quả là dễ kiếm nhưng nguồn vốn để mua thì không dễ. Tôi lại phá lên cười,

và "phê" lại liền: Ông là nhà doanh nghiệp của một "tổng" vào loại cỡ mà lại nói là thiếu vốn nghe như "chuyện lạ đó đây". Ta vay Ngân hàng, ta huy động vốn của mọi cán bộ công nhân viên (CBCNV), ta vay nguồn ưu đãi, ta làm việc với công ty cho thuê tài chính... có mà, ông sẽ là khách hàng "sộp" của họ đấy! Vâng, thưa anh tôi biết, nhưng vay thì phải trả, tôi đã vay và đang là "con nợ" khó đòi của họ đấy. Cách đây 5 năm tôi đã mạnh dạn đi vay một lúc gần 100 tỉ đồng và cũng hăng hái đi đầu nhập một loạt thiết bị của cả châu Âu, châu Á, nhưng khốn nỗi mình dốt quá nên nhập toàn công nghệ "đời xưa", giờ cứ "kì cạch" làm mà không đủ trả lãi, hàng nghìn CBCNV hiện nay đang rơi vào cảnh "ba cọc ba đồng".

Vậy thì sao anh lại nêu máy móc thiết bị bây giờ đang là vấn đề số một của Tổng Công ty anh? Vâng, đúng vậy - ông Kh. vẫn khẳng định. Cách đây chừng gần chục năm, Tổng tôi cũng vào diện "chờ thanh lý" của Bộ. Có thể nói là nát như tương, nội bộ lũng củng, bè

phái, mất đoàn kết. Cán bộ thì không gương mẫu, vớ vẩn; phong trào thi đua thì "vinh dự" được xếp vào "số 1" tính từ cuối lên. Đời sống CBCNV rất thấp, phân tâm, nhiều người xin chuyển, xin nghỉ chế độ trước... Thế rồi chúng tôi được trên giúp đỡ "xốc" lên, dựng lại bộ máy, và vấn đề con người, cán bộ lúc đó được đặt lên vị trí số một - đúng như anh nêu. Chúng tôi đã đầu tư khá bài bản và kỹ lưỡng cho việc đánh giá, tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo cho toàn thể CBCNV. Chúng tôi đã ra sức tập trung cho vấn đề cốt tử này. Bây giờ khá rồi, về nguồn nhân lực, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật chúng tôi không thiếu, có phần "dư dật". Nhưng còn vấn đề máy móc, thiết bị, như anh biết đấy, nó đã lạc hậu và không thể cho ra sản phẩm đáp ứng "cầu" của thị trường. Bây giờ muốn bứt phá, muốn mua máy móc thiết bị có công nghệ tiên tiến để "muu đồ" trả "học phí" của 5 năm trước đây thì quả là không dễ chút nào. Vay vốn thì chẳng ngân hàng nào dám cho vay, huy động vốn của CBCNV thì đa số họ mới đủ ăn hoặc còn nghèo, một số có khả năng thì chưa tin tưởng lãnh đạo, xin vốn nhà nước cấp thì "trời cao lòng lộng" càng khó khăn. Chúng tôi rơi vào cảnh "tiền thoái lương nan", cố gắng lắm để đủ ăn và trả lãi. Như vậy, anh tính có phải vấn đề số một của chúng tôi là máy móc, thiết bị là công nghệ không?

Tôi thấy ông Kh. nêu cũng có khía cạnh đúng với Tổng Công ty ông song chưa toàn diện. Tôi tranh luận : Anh nêu vậy, tôi thấy cũng chưa đủ. Yếu tố cần và đủ của nhà quản lý doanh nghiệp theo ngôn ngữ tiếng Anh là ở 5 chữ M : Man (người, nhân sự) ; Money (tiền, vốn) ; Machinery (máy móc, thiết bị) ; Marketing (tiếp thị) và Management (quản lý). Theo cách quản lý đó thì Tổng Công ty của anh còn thiếu nhiều và chưa biết bao giờ mới hội đủ để ổn định, để bứt phá và phát triển.

Ông Kh. cũng không phải "tay" vừa : Ông lý sự, thế thì cả hai chúng ta đều chưa đủ và chưa đúng, ta giảng hòa nhé. Tôi không chịu, tiếp tục "tấn công" : Vấn đề của Tổng Công ty anh là vấn đề cụ thể của một đơn vị, tuy nó được chẻ nhỏ ra, nhưng ngay cả việc đó ta cũng giải được bằng cách rút gọn

5 M thành một "công thức" đơn giản hơn. Đó là : Con người + thiết bị công nghệ = sự tăng trưởng.

Tôi sẽ giải từng chữ M một nhé. Hai chữ M là : Machinery (máy móc, thiết bị) và Money (tiền, vốn) thực ra chỉ là một, nó tạm thời tồn tại ở hai dạng thể khác nhau, vì đã có Money - tiền vốn thì sẽ có Machinery - máy móc, thiết bị. Có điều, phải biết sử dụng đồng vốn đó sao có hiệu quả và không được phép lằm lằm như 5 năm trước đây của anh. Rõ ràng phải có *con người*, có cán bộ đủ trình độ và khả năng mới biết làm chủ nhân đích thực của 2 chữ M này.

Tôi tiếp : Vậy còn lại 3 chữ M là : Man (người), Marketing (tiếp thị) và Management (quản lý), thì cũng chính là do *con người* cả. *Con người* hay cán bộ ở đây là cái gốc của mọi vấn đề. Có cán

bộ giỏi, biết quản lý, biết tập hợp đoàn kết, công tâm, hết lòng vì việc chung thì sẽ giải quyết được tất cả.

Như vậy, rút gọn "công thức" trên ta có thể hiểu là : Ở một đơn vị, một cơ quan, một địa phương, một ngành, hay một quốc gia thì con người nói chung, cán bộ nói riêng, có lúc nào và bao giờ nó không phải là *vấn đề số một* không ? Nó không chỉ đúng ở tầm vĩ mô mà ngay cả ở vi mô lại càng đúng.

Tôi nói một mạch như muốn áp đặt mọi suy nghĩ của mình. Ông Kh. im lặng một lát... Bỗng có tiếng gõ cửa, anh thư ký vào nhắc ông đã đến giờ họp. Ông Kh. phân bua : Hôm nay ta tạm dừng ở đây nhé, cứ cho là anh đúng. Nhưng, như vậy không có nghĩa là tôi không có dịp trở lại *vấn đề số một* này đâu nhé. Tôi cũng vào diện "thù lâu, nhớ dai" đấy. □

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU...

(Tiếp theo trang 46)

sản phẩm hàng hóa trên thị trường trong và ngoài nước.

5. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành. Mở rộng diện đào tạo nghề cho người lao động dưới nhiều hình thức nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động phát triển các ngành nghề trong tỉnh.

6. Ban hành và triển khai cơ chế chính sách cấp nhà nước địa phương kịp thời và sát thực nhằm khuyến khích đầu tư sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhất là sản xuất phục vụ

xuất khẩu như giảm giá thuê đất, giải phóng nhanh mặt bằng cho các dự án đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất đến tận chân hàng rào doanh nghiệp.

7. Tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, nâng cao vai trò của kinh tế tập thể. Coi những thành phần kinh tế này như những đầu tàu có sức kéo mạnh trong quá trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong tỉnh.

8. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội, nhất là năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng và hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp từ tỉnh xuống cơ sở trong việc lãnh đạo, tổ chức, quản lý, điều hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Thái Bình. □



QUYỀN con người ra đời từ rất sớm, gắn liền với sự xuất hiện của giai cấp và nhà nước. Nhưng phải đến khi cách mạng tư sản giành được thắng lợi vào thế kỷ XVII - XVIII, với bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ (1776) và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp

(1789) thì nó mới trở thành khái niệm pháp lý và mang đậm sắc thái chính trị. Tuy vậy, trong suốt gần 170 năm, kể từ khi quyền con người được ghi nhận trong hai bản tuyên ngôn trên, cho đến tận giữa thế kỷ XX, các quyền cơ bản của con người chẳng những không được đảm bảo mà trái lại, loài người phải hứng chịu hai cuộc đại chiến thế giới, như *Lời nói đầu* của Hiến chương Liên hợp quốc : "Thảm họa chiến tranh đã hai lần gây cho nhân loại những đau thương không thể nào kể xiết". Và quả thực, những tiến bộ cơ bản về quyền con người chỉ có được sau nỗi kinh hoàng của Chiến tranh thế giới thứ II.

Từ thảm họa của chiến tranh, năm 1945, cộng đồng quốc tế đã cùng nhau thiết lập bản Hiến chương Liên hợp quốc (LHQ) với mục đích nhằm : *duy trì hòa bình và an ninh thế giới ; tin tưởng vào những quyền cơ bản, nhân phẩm và giá trị của con người, ở quyền bình đẳng giữa nam và nữ, và ở quyền bình đẳng giữa nước lớn và nhỏ*. Tiếp đó, năm 1948, Đại hội đồng LHQ đã thông qua bản Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền, mở ra một kỷ nguyên mới cho những cam kết và hành động quốc tế trong việc đảm bảo các

VIỆT NAM VỚI VIỆC THAM GIA CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

TƯỜNG DUY KIÊN *

quyền tự do cơ bản của con người. Lần đầu tiên, quyền con người chính thức được đặt trên nền tảng Hiến chương LHQ và luật pháp quốc tế, khẳng định tính phổ biến của các quyền, nhất là quyền bình đẳng ; công nhận việc thực hiện nhân quyền là mục tiêu chung của nhân loại ; xác định tính toàn diện của quyền con người trên tất cả các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa ; đồng thời, xây dựng những tiêu chuẩn, luật pháp quốc tế và tạo dựng một hệ thống đảm bảo quốc tế để thúc đẩy, giám sát việc thực hiện nhân quyền. Thiết lập tính trách nhiệm của nhà nước đối với các cam kết và nghĩa vụ nhân quyền theo luật quốc tế.

Chỉ tính từ năm 1948, tức là khi Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền được thông qua, cho đến nay đã có hơn 60 văn kiện quốc tế về nhân quyền, trong đó có gần 30 công ước quốc tế và nghị định thư bổ sung công ước đã được LHQ thông qua, chưa kể các văn kiện quốc tế khác về nhân quyền hoặc liên quan đến nhân quyền do các tổ chức

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

chuyên môn thuộc hệ thống LHQ, như : Tổ chức Lao động thế giới, Tổ chức Y tế thế giới, Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục LHQ và các tổ chức quốc tế khác như Hội chữ thập đỏ thế giới... thông qua.

Quyền con người bắt nguồn từ chủ nghĩa nhân đạo, nhân văn cao cả, từ phẩm giá nội tại của con người. Nhưng bản thân quyền con người lại không tự đến với mỗi người và mỗi dân tộc. Có được những cam kết và hành động quốc tế mạnh mẽ trong việc bảo vệ, thúc đẩy và phát triển nhân quyền như hiện nay là nhờ kết quả của các cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ của nhân loại, chống áp bức, bóc lột, bất công để vươn tới quyền làm người, quyền được tự do, bình đẳng, hạnh phúc.

Dân tộc Việt Nam với truyền thống nhân đạo, yêu chuộng hòa bình và công lý, lại phải trải qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, chống giặc ngoại xâm, nên hơn ai hết, chúng ta hiểu rõ giá trị đích thực của tự do, công lý, của nền độc lập dân tộc và quyền con người. Một năm sau khi giành được độc lập (1945), Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp dân chủ đầu tiên của nền cộng hòa được ban hành đã thiết lập và đảm bảo cho công dân thực hiện và hưởng thụ các quyền tự do dân chủ. Trong các bản Hiến pháp tiếp theo (1959, 1980 và 1992), quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam được phát triển và mở rộng không những về nội dung, số lượng mà cơ chế đảm bảo tính hiện thực của các quyền cũng ngày càng được hoàn thiện. Điều đặc biệt là, Nhà nước Việt Nam không chỉ tuyên bố, thừa nhận nhân quyền về mặt pháp lý quốc gia, mà còn cam kết và chủ động hành động nhân đạo quốc tế. Ngay từ trong kháng chiến

chống đế quốc Mỹ, dù đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Nhà nước ta đã gia nhập bốn Công ước nhân đạo quốc tế, ngay từ ngày 5-6-1957 : Công ước Giơ-ne-vơ về việc bảo hộ thường dân trong chiến tranh ; Công ước Giơ-ne-vơ về đối xử với tù binh ; Công ước Giơ-ne-vơ về cải thiện tình cảnh của những người thuộc các lực lượng vũ trang trên biển bị thương, bị bệnh hoặc bị đắm tàu ; Công ước Giơ-ne-vơ về cải thiện tình cảnh của những người thuộc các lực lượng vũ trang chiến đấu trên bộ bị thương, bị bệnh hoặc bị đắm tàu. Các công ước này được Hội nghị ngoại giao về Thiết lập các Công ước quốc tế Bảo vệ các nạn nhân chiến tranh thông qua ngày 12-8-1949 tại Giơ-ne-vơ.

Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, năm 1977, Việt Nam đã trở thành thành viên LHQ. Kể từ đó, Việt Nam đã tham gia nhiều công ước quốc tế về quyền con người và tích cực đóng góp vào các hoạt động bảo vệ nhân quyền. Mốc thời gian chính, đánh dấu sự cam kết của Nhà nước Việt Nam trong việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền giai đoạn này là vào các năm 1981, 1982 và 1983, Việt Nam bắt đầu thực hiện Hiến pháp 1980 (Hiến pháp thống nhất trong cả nước). Đồng thời, Việt Nam đã gia nhập một loạt các điều ước quốc tế về nhân quyền, như : *Công ước quốc tế về ngăn ngừa và trừng trị tội ác diệt chủng* ; *Công ước quốc tế về loại trừ tất cả các hình thức phân biệt chủng tộc* ; *Công ước quốc tế về ngăn ngừa và trừng trị tội ác A-pác-thai* ; *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị* ; *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa* ; *Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ* ; *Công ước về không áp dụng thời hiệu tố tụng*

đối với tội phạm chiến tranh và tội phạm chống lại nhân loại.

Tiếp theo đó, từ năm 1990 trở lại đây, Việt Nam đã tham gia ký và phê chuẩn Công ước quốc tế về quyền trẻ em (1989) ; trong các năm từ 1994 đến 1996 tiếp tục gia nhập một loạt các công ước quốc tế khác về quyền trẻ em hoặc liên quan đến quyền trẻ em do Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) thông qua. Trong năm 2000, Việt Nam đã gia nhập Công ước số 182 (Công ước về nghiên cứu và hành động ngay lập tức để xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất), đưa tổng số công ước do ILO thông qua được Việt Nam phê chuẩn hay gia nhập lên 15 công ước và tiếp đó, vào tháng 9-2001, Việt Nam đã ký hai Nghị định thư bổ sung Công ước quốc tế về quyền trẻ em của LHQ (Nghị định thư không bắt buộc về việc sử dụng trẻ em trong xung đột vũ trang và Nghị định thư không bắt buộc về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em) và tiếp tục tiến hành nghiên cứu để chuẩn bị tham gia một số điều ước quốc tế khác.

Như vậy, không kể việc tham gia các công ước về nhân quyền hoặc liên quan đến nhân quyền do các tổ chức quốc tế khác thông qua, tính đến nay Việt Nam đã ký, phê chuẩn hoặc gia nhập 8 công ước và 2 nghị định thư bổ sung công ước trong tổng số 30 công ước và nghị định thư bổ sung công ước về nhân quyền do LHQ ban hành. So với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam xếp ở mức độ khá. Trong khi đó, Mỹ tự cho mình là "mẫu mực về nhân quyền" và hay đi phán xét nước khác về nhân quyền thì đến nay Mỹ vẫn chưa phê chuẩn nhiều công ước quan trọng về nhân quyền, như : Công ước quốc tế về các quyền

kinh tế, xã hội và văn hóa ; Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và Công ước quốc tế về quyền trẻ em ⁽¹⁾.

Tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người, Việt Nam ý thức sâu sắc đó là sự cam kết chính trị - pháp lý của Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ nhân quyền trước cộng đồng thế giới. Chính vì vậy, trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, đường lối nhất quán của Đảng, Nhà nước ta là đặt con người ở vị trí trung tâm của các chính sách kinh tế, xã hội, trong đó, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người được xem là nhân tố quan trọng cho phát triển bền vững, đảm bảo thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tháng 4-2001, Đảng ta xác định : "Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người ; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia" ⁽²⁾ là cơ sở lý luận, chính trị vững chắc cho hành động thực tiễn bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong các năm đầu của thiên niên kỷ thứ ba.

Không chỉ tham gia tích cực các điều ước quốc tế về nhân quyền mà Nhà nước ta còn không ngừng thể chế hóa các chuẩn mực quốc tế vào pháp luật trong nước. Điều 50, Hiến pháp 1992 : "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp

(1) Những Công ước này Mỹ đã ký, nhưng chưa phê chuẩn

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 134

và luật" ⁽³⁾, đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đảm bảo quyền con người. Hoạt động lập pháp từ năm 1986 đến nay là, tiếp tục thực hiện chủ trương, đường lối nhất quán của Đảng, Nhà nước Việt Nam là vì con người, đề cao các giá trị của quyền con người, đây được coi là nhân tố tạo dựng xã hội dân chủ và tiến bộ. Mặt khác, Nhà nước thực hiện pháp luật cũng như công dân thực hiện có hiệu quả các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hiến pháp và pháp luật sẽ đảm bảo tốt cho việc hưởng thụ nhân quyền của tất cả mọi người. Nhà nước đã không ngừng bổ sung và sửa đổi pháp luật hiện hành hoặc ban hành mới nhằm đáp ứng các chuẩn mực nhân quyền quốc tế và những thay đổi to lớn của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước. Khoảng 13 000 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có hơn 40 văn bản luật gồm (bộ luật, luật), trên 120 pháp lệnh, gần 850 văn bản của Chính phủ và các cơ quan của Chính phủ đã được ban hành từ năm 1986 đến nay.

Bên cạnh việc thể chế hóa các quy định nhân quyền quốc tế vào hệ thống pháp luật quốc gia, đảm bảo sự hài hòa giữa các quy định của hai hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế, các hoạt động khác nhằm thực thi các quy định nhân quyền quốc tế cũng được thực hiện rất tích cực và đa dạng. Các công ước quốc tế về nhân quyền mà Nhà nước ta đã phê chuẩn hay gia nhập được dịch sang tiếng Việt và công bố trên nhiều sách, báo và phương tiện thông tin đại chúng. Một số công ước còn được dịch sang cả tiếng dân tộc thiểu số và đưa vào chương trình giáo dục phổ thông, như : Công ước quốc tế về quyền trẻ em, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Nhiều hội

nghị, hội thảo khoa học, các khóa tập huấn về nhân quyền đã được tổ chức và đạt kết quả tốt. Nếu so sánh với các quy định nhân quyền quốc tế, ở mức độ khái quát, có thể khẳng định : *Hệ thống pháp luật Việt Nam về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra cho việc thúc đẩy, bảo vệ quyền con người, quyền công dân*. Những nỗ lực phấn đấu và thành quả hiện thực trên lĩnh vực thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền ở nước ta trong suốt thời gian qua đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao, với việc Việt Nam được bầu làm thành viên Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc, nhiệm kỳ (2001 - 2003).

Cam kết và thực hiện các quy định nhân quyền quốc tế là trách nhiệm, trước hết thuộc về quốc gia thành viên, với sự hợp tác, đối thoại và trợ giúp quốc tế trên tinh thần xây dựng, học hỏi những kinh nghiệm tốt của nhau, là cơ sở cho sự thúc đẩy và phát triển nhân quyền. Nhưng thực thi nhân quyền cũng không thể thoát ly điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể, văn hóa truyền thống và trình độ phát triển kinh tế, xã hội của từng quốc gia và mỗi khu vực như đã nêu trong Tuyên bố Viên và Chương trình Hành động được Hội nghị thế giới về Nhân quyền thông qua năm 1993 tại Viên (Áo) : *"Tất cả các quyền đều mang tính phổ cập, phụ thuộc lẫn nhau, không thể chia cắt, và có quan hệ qua lại. Cộng đồng quốc tế phải xử lý các quyền con người một cách công bằng, bình đẳng, trong khi phải luôn ghi nhớ ý nghĩa của tính đặc thù dân tộc, khu vực và bối cảnh khác nhau về lịch sử, văn hóa và tôn giáo"*. □

(3) *Hiến pháp Việt Nam* (Năm 1946, 1959, 1980 và 1992), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 153

Hội thảo khoa học :

"CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA - Ý NGHĨA THỜI ĐẠI"

NHÂN dịp kỷ niệm 85 năm Cách mạng Tháng Mười Nga (7-11-1917 - 7-11-2002), tại Hà Nội, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội thảo khoa học : **"Cách mạng Tháng Mười Nga - ý nghĩa thời đại"**. Giáo sư Nguyễn Đức Bình, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị ; lãnh đạo Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ; đại diện Hội đồng lý luận Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tư tưởng - Văn hóa, Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Tạp chí Cộng sản, Báo Nhân Dân... và đồng đạo các nhà khoa học đã đến dự Hội thảo. Trong Báo cáo đề dẫn, GS, TS Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc Thường trực Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, nhấn mạnh : **"Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga đã có ảnh hưởng sâu rộng tới toàn bộ tiến trình của thế kỷ XX cho đến ngày nay"**. **"Sự thất bại hay biến dạng của chủ nghĩa xã hội ở nơi này hoặc nơi khác không phải do Cách mạng Tháng Mười tạo ra. Cách mạng Tháng Mười, một sự kiện vạch thời đại, mở ra chân trời mới với những sự chỉ dẫn, soi sáng cho con đường phát triển của xã hội loài người. Cách mạng Tháng Mười không chịu trách nhiệm về những sai lầm của các nhà lãnh đạo sau đó"**. **"Ngày nay, khẳng định sức sống, ảnh hưởng và những giá trị của Cách mạng Tháng Mười vẫn là một chủ đề quan trọng, nóng hổi về mặt lý luận, tư tưởng, nó có ý nghĩa về phương pháp luận cũng như về hệ tư tưởng trong Đảng và xã hội ta hiện nay"**.

Các báo cáo tham gia Hội thảo đã tập trung làm rõ những nội dung sau :

- Điều kiện khách quan, chủ quan, bối cảnh nước Nga và quốc tế dẫn tới sự thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười năm 1917, khẳng định tính tất yếu, khách quan của cuộc cách mạng. Từ đó, góp phần làm rõ vai trò to lớn của V.I. Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vich, người lãnh đạo và tổ chức thắng lợi Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, mở ra một thời đại mới cho nước Nga và nhân loại.

- Khẳng định giá trị to lớn và những thành tựu vĩ đại trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng... do chủ nghĩa xã hội mang lại trong hơn 70 năm tồn tại và phát triển ở Liên Xô. Khẳng định ý nghĩa và những bài học về giành, giữ chính quyền ; về Chính sách kinh tế mới ; về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản ; về nguyên tắc tập trung dân chủ của V.I. Lê-nin và giải quyết những vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Liên Xô trong những năm sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, trong thời kỳ Chiến tranh vệ quốc vĩ đại và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Phân tích, làm rõ những nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ của chế độ chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và khẳng định, đó không phải là sự tất yếu như một số thế lực thù địch của chủ nghĩa xã hội xuyên tạc, mà nó có nguyên nhân sâu xa, cụ thể, trong đó trực tiếp là sai lầm về đường lối chính trị, về tổ chức, tư tưởng và sự phản bội của người đứng đầu Đảng Cộng sản Liên Xô vào cuối những năm 80 của thế kỷ XX, cùng với sự phá hoại của các thế lực thù địch.

Các báo cáo dành một phần quan trọng để khẳng định những bài học của Cách mạng Tháng Mười Nga, của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô ; ý nghĩa của những bài học đó đối với cách mạng Việt Nam ; khẳng định sự đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta trong công cuộc đổi mới và kiên định mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Đi sâu phân tích ý nghĩa to lớn và mối quan hệ giữa Cách mạng Tháng Mười Nga với cách mạng Việt Nam. Khẳng định vai trò và sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đối với sự phát triển của nhân loại.□

PV

CÔNG TÁC DÂN VẬN TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO CỦA CÔNG DÂN

VỪA qua, tại Hà Nội, Ban Dân vận Trung ương đã tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm về **"Công tác dân vận trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân"**. Các đồng chí lãnh đạo Ban Dân vận Trung ương và gần 100 đại biểu, đại diện cho hơn 50 cơ quan, đơn vị thuộc các ban, ngành, đoàn thể ở trung ương và một số tỉnh, thành ủy của cả nước đã đến dự. Đồng chí Trương Quang Được, Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Phó Chủ tịch Quốc hội chủ trì Hội nghị.

Sau Báo cáo đề dẫn của đồng chí Đinh Văn Tư, Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương, các đại biểu đã sôi nổi trao đổi về lý luận và thực tiễn, những kinh nghiệm công tác dân vận trong giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân ở địa phương mình, ngành mình. Hội nghị đã thống nhất cho rằng :

1. Công tác dân vận trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân là một phương thức được quán triệt quan điểm quần chúng của Đảng để sử dụng hay kết hợp sử dụng trong toàn bộ quá trình này. Khiếu nại, tố cáo của công dân phần lớn là có cơ sở, chủ yếu xuất phát từ mâu thuẫn nội bộ. Nhưng nếu không giải quyết tốt sẽ bị các thế lực thù địch lợi dụng, dẫn tới nguy cơ làm mất ổn định xã hội, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ. Do đó, các cấp, các ngành phải quan tâm, nhận thức đúng tầm quan trọng của vấn đề để thực hiện một cách có hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

2. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng khiếu nại, tố cáo của công dân, nhưng nhìn chung có hai loại nguyên nhân chính.

Về nguyên nhân khách quan, các đại biểu cho rằng, nước ta trải qua các giai đoạn cách mạng khác nhau, nhiều vấn đề do lịch sử để lại, nhưng đến nay vẫn chưa xây dựng được đầy đủ cơ chế, chính sách nhằm giải quyết phù hợp. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang được đẩy mạnh, quỹ đất nông nghiệp ngày càng giảm, giá trị đất đai ngày càng tăng nhanh. Nguồn lợi kinh tế từ đất đai biến đổi nhanh chóng làm phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh chấp, song chính sách, pháp luật về đất đai chưa đồng bộ, chưa phù hợp với sự vận động của thực tế, chưa góp phần giải quyết thỏa đáng khiếu nại, tố cáo của công dân, dẫn đến nhiều vụ khiếu kiện vượt cấp và kéo dài.

Về nguyên nhân chủ quan, trong quá trình lãnh đạo, quản lý xã hội, một số cán bộ, đảng viên, một số cấp ủy đảng còn xem nhẹ, buông lỏng, chưa thực hiện đúng tư tưởng, quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác dân vận ; vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, coi nhẹ việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, quan liêu, xa dân, thích dùng mệnh lệnh hành chính, coi nhẹ giáo dục, thuyết phục. Ở nhiều nơi còn để xảy ra nhiều vụ vi phạm trong quản lý nhà nước về đất đai, tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản, trong sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân, tư lợi, tham-nhũng, vi phạm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, khiến dân bất bình dẫn đến khiếu kiện.

Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa nhận thức được đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ; chưa có sự phối hợp, phân công trách nhiệm rõ ràng trong việc tiếp dân, tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhiều nơi chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời còn đùn đẩy, né tránh, không công tâm, khách quan... làm giảm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của cấp ủy đảng và cơ quan công quyền tại địa phương. Ở những địa phương có khiếu kiện đông người, nguyên nhân chủ yếu thường xuất phát từ sự mất đoàn kết nội bộ, sức chiến đấu của tổ chức đảng bị giảm sút, vai trò điều hành, quản lý của chính quyền yếu kém, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chưa được phát huy. Nhiều công dân chưa nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bị một số phần tử xấu lợi dụng, kích động nên đã có những đòi hỏi vô lý, cố tình khiếu kiện kéo dài và không tuân thủ những quy định của pháp luật.

Từ thực tế giải quyết khiếu nại, tố cáo trong những năm vừa qua, các đại biểu tham gia Hội nghị đã thống nhất nêu lên một số vấn đề cần quan tâm sau đây :

Một là, phải thực sự quán triệt tư tưởng, quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác dân vận trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Tức là, phải gần dân, tin dân, hiểu dân, có trách nhiệm với dân và học dân ; chăm lo và bảo vệ lợi ích của dân. Dựa vào lực lượng và trí tuệ của dân để giải quyết những vấn đề bức xúc, những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

Hai là, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Công khai, dân chủ là cách thực hiện công tác dân vận có hiệu quả trong giải quyết khiếu nại, tố cáo. Dân phải làm chủ trong giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Ba là, phải kết hợp và thực hiện nhuần nhuyễn những biện pháp như : vận động, thuyết phục, đối thoại trực tiếp và tại chỗ ; phát huy vai trò và tác dụng của tổ hòa giải, ban thanh tra nhân dân ; thanh tra, kiểm tra kinh tế, hành chính, pháp luật ; giải quyết khiếu nại, tố cáo từ cộng đồng dân cư, từ cơ sở trong suốt quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Bốn là, giải quyết khiếu nại, tố cáo phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của tổ chức đảng, sự tổ chức thực hiện của chính quyền, nhất là vai trò của người đứng đầu và sự phối hợp đồng bộ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Năm là, tổng hợp những kiến nghị từ cấp dưới và của nhân dân để đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung các điều của Luật Khiếu nại, tố cáo bảo đảm phù hợp với sự vận động của thực tiễn cách mạng nước ta .

PV

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HUYỆN HIỆP HOÀ

ĐC :KHU 2 THỊ TRẤN THẮNG- HIỆP HOÀ- BẮC GIANG * ĐT : (0240) 872.526; 872. 217

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII về "Chiến lược phát triển GD-ĐT", Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Hiệp Hoà đã chỉ đạo công tác giáo dục đào tạo của toàn huyện, tiếp tục phát triển tích cực cả về hệ thống mạng lưới, quy mô, loại hình trường lớp lẫn chất lượng đào tạo của các ngành và bậc học.

Hiện nay, trên địa bàn toàn huyện có 26 trường mầm non, 34 trường tiểu học, 25 trường THCS, 5 trường THPT và 1 TTGDTX. Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện đã thực hiện tốt mục tiêu kế hoạch về phát triển số lượng trường, lớp, học sinh. Về số lượng trường, lớp, mục tiêu đến năm 2000, mỗi xã có 1 trường mầm non, 1 đến 2 trường tiểu học, 1 trường THCS đã được thực hiện. Về số lượng học sinh, ở cấp mầm non, trẻ 5 tuổi đến lớp đạt 99,94%, ở cấp tiểu học, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% độ tuổi. Đây có thể coi là một thành tích đáng khích lệ của Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Hiệp Hoà.

Bên cạnh đó, Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện đã hoàn thành công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi 11 đạt 87,6% và phổ cập THCS đạt 81% tại thời điểm tháng 12 năm 2001.

Bằng tinh thần quyết tâm khắc phục khó khăn từng bước đổi mới công tác vận động quần chúng, đổi mới công tác quản lý điều hành, đẩy mạnh thi đua hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cá nhân và tập thể, Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện đã đẩy cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cán bộ nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo, công tác xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường chuẩn Quốc gia, xã hội hoá giáo dục, phong trào khuyến học và khuyến tài đã và đang tiếp tục phát triển mạnh.

Đặc biệt, hiệu lực quản lý của Phòng Giáo dục ngày càng được tăng cường. Phòng Giáo dục đã chỉ đạo việc tổng kết năm học cũ, triển khai chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học mới, chỉ đạo công tác khai trường, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, công tác thi tốt nghiệp và tuyển sinh hằng năm.

Với sự quan tâm ủng hộ của các cấp, các ngành, đặc biệt của lãnh đạo và nhân dân địa phương, Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Hiệp Hoà đang từng bước vững chắc đi lên.



Trưởng phòng
DƯƠNG VĂN THANH



Các đại biểu trong hội nghị bàn về công tác xã hội hoá giáo dục huyện Hiệp Hoà



Trường Tiểu học Thị trấn là trường chuẩn Quốc gia đầu tiên trong huyện

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH XI MĂNG

BÌNH ĐIỀN



NHÂN HIỆU HÀNG HÓA BIỂU TƯỢNG CON KỶ LÂN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

- Chuyên sản xuất xi măng Poóc Lăng hỗn hợp PCB 30 TCVN 3260 - 1997
- Công bố chất lượng hàng hóa: 01/2001/CBTC/XNLDXMBĐ
- Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền thiết bị của Hoa Kỳ bảo đảm chất lượng cao, được khách hàng tín nhiệm và ưa chuộng.

GIÁM ĐỐC: VŨ ĐỨC HIỂN

ĐC: C1/3 QUỐC LỘ 1 XÃ TÂN KIẾN - HUYỆN BÌNH CHÁNH-TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT: 088.750284 - FAX: 088.752750

Digitized by Google

HUYỆN TIỀN LĂNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

ĐỊA CHỈ : THỊ TRẤN TIỀN LĂNG - HẢI PHÒNG

ĐIỆN THOẠI: 031.883 108 * FAX : 031.883353

Huyện Tiên Lăng nằm ở phía đông nam thành phố Hải Phòng, diện tích 180 km², trong đó có 9500 ha sản xuất lúa. Dân số của huyện có gần 15 vạn người sống trên địa bàn 22 xã và 1 thị trấn. Cơ cấu kinh tế chủ yếu là sản xuất nông - ngư nghiệp chiếm tỷ trọng 65,5% GDP, với các sản phẩm chủ yếu là sản xuất lúa, trồng thuốc lá, một số loại cây màu xuất khẩu, nuôi trồng đánh bắt thủy sản.

Tiên Lăng là một trong những địa phương có phong trào đấu tranh cách mạng sớm của tỉnh Kiến An trước đây (nay là thành phố Hải Phòng) và là huyện có vị trí quan trọng cả về kinh tế và quốc phòng của thành phố Cảng.

Qua hai cuộc kháng chiến, Đảng bộ, quân và dân Tiên Lăng đã có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp phát triển chung của thành phố và đất nước, được Đảng và Nhà nước tặng nhiều danh hiệu vẻ vang.

Trong cuộc kháng chiến thực dân Pháp có hơn 4000 thanh niên tham gia bộ đội, 1200 người đi dân công phục vụ các chiến dịch. Ngày 29 / 9 / 1953, nhân dân chiến sĩ và cán bộ huyện Tiên Lăng được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen về thành tích chống càn Cờ Lốt thắng lợi, huyện được Chủ tịch nước tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có 13.910 người nhập ngũ (chiếm 13,75% số dân). Liên tục trong 10 năm, từ 1965 - 1975 là đơn vị lá cờ đầu của Hải Phòng về công tác tuyển quân, 1480 gia đình có từ 2 con trở lên nhập ngũ.

Trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc có 14.371 người nhập ngũ.

Toàn huyện có 4200 liệt sỹ, 1715 thương binh, 492 bệnh binh, 400 gia đình liệt sỹ, trong đó 22 gia đình có 3 liệt sỹ trở lên, đặc biệt có 53 gia đình liệt sỹ tiêu biểu được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập từ hạng Nhất đến hạng Ba. Có 210 bà mẹ được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng". Riêng xã Hùng Thắng có 29 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, nhiều nhất so với các xã ở Hải Phòng.

Lực lượng dân quân xã Vinh Quang được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân (năm 1970). Các xã : Hùng Thắng, Khởi nghĩa và thị trấn Tiên Lăng vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân.

Ngày 30/8/1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định phong tặng danh hiệu cao quý "Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân" cho nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Tiên Lăng. Hai tám gương tuổi trẻ tiêu biểu được truy tặng: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân - Liệt sỹ Phạm Ngọc Đa và Anh hùng Lao động liệt sỹ Bùi Thu Nội.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng bộ, quân và dân Tiên Lăng luôn phát huy truyền thống anh hùng của quê hương, nêu cao tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực tự cường, chủ động sáng tạo, vượt qua nhiều khó khăn thử thách, hàng năm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội do thành phố giao cho.

Kinh tế của Huyện liên tục tăng trưởng, năng suất lúa đến nay đã đạt trên 10 tấn / ha - năm. Huyện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng khai thác tiềm năng về thủy sản. Từng bước quy hoạch chuyển 500 ha ruộng trũng năng suất thấp, bấp bênh sang nuôi trồng thủy sản. Tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án phát triển nuôi trồng thủy sản. Tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án phát triển nuôi tôm công nghiệp ở vùng bãi bồi kết hợp với trồng rừng nước mặn bảo vệ đê điều. Hiện nay trên địa bàn huyện đã có các dự án lớn đang được thực hiện có hiệu quả: Khu kinh tế thanh niên nuôi trồng - chế biến thủy sản; Dự án nuôi tôm công nghiệp của Công ty Việt Mỹ là dự án lớn nhất miền Bắc về nuôi trồng thủy sản; Dự án 130ha nuôi tôm công nghiệp tại xã Đồng Hưng - Tây Hưng và một số dự án khác đang được triển khai. Phát



Đồng chí Phạm Văn Lương thành Ủy viên, Chủ tịch UBND huyện Tiên Lăng (đứng thứ 4 bên phải sang) nhận cờ thi đua của Chính phủ

triển kinh tế trang trại, chăn nuôi theo hướng xuất khẩu, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, thực hiện quy vùng sản xuất nhằm tạo ra vùng hàng hóa lớn tập trung tạo giá trị thu nhập cao trên cùng đơn vị diện tích đang là hướng đi đúng đắn được một số địa phương trong huyện thực hiện có hiệu quả. Chính vì vậy, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, cơ sở hạ tầng ngày càng được củng cố hoàn thiện, 100% số dân đã có điện thắp sáng.

Liên tục trong 5 năm qua huyện có học sinh giỏi quốc gia, 14/26 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ cao nhất thành phố, 100% số xã, thị trấn có lớp học cao tầng. Năm 1991 huyện hoàn thành phổ cập giáo dục Tiểu học và xóa mù chữ. Năm 1998 hoàn thành phổ cập giáo dục THCS sớm nhất thành phố. Các loại hình trường lớp công lập, bán công, TTGDTX, trung tâm học tập cộng đồng được tạo điều kiện phát triển để nâng cao dân trí của cộng đồng dân cư địa phương. Ngành Giáo dục huyện được thành phố tặng cờ đơn vị dẫn đầu nhiều năm liên.

Đến nay, toàn huyện có 61 làng văn hóa, trong đó có 22 làng văn hóa cấp huyện, 10 làng văn hóa cấp thành phố, hương ước làng được xây dựng đúng quy luật và tiến bộ. Hoạt động văn hóa - thông tin - thể thao phát triển, 10 năm liền từ 1993-2002 đoạt giải vô địch vật tự do - vật cổ điển thành phố tranh Cúp Báo Hải Phòng. Sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, BVCSTE, ĐSKHHGD liên tục được các ngành trong thành phố đánh giá cao. UBMTTQ và các tổ chức, đoàn thể tổ chức tốt các hoạt động phối hợp với chính quyền các cấp dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Đảng bộ huyện.

Huyện đã kiện toàn bộ máy các phòng ban chức năng theo Nghị định 12/CP của Chính phủ để nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước. An ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững. 100% các trường thôn và khu dân cư đã được học tập và bồi dưỡng kiến thức về QLNN. Việc thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở ngày càng thúc đẩy và củng cố hệ thống chính trị ở địa phương. Đảng bộ Tiên Lăng 11 năm liền được Đảng bộ thành phố công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Phong trào thi đua của huyện 4 năm liền từ 1998-2002 dẫn đầu thành phố về xây dựng kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Hai.

Tiếp tục phát huy truyền thống của một huyện tiêu biểu ở thành phố Hải Phòng, Đảng bộ, nhân dân huyện Tiên Lăng dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, sự chỉ đạo của UBND và sự có mặt của các ngành trong thành phố sẽ ngày càng quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, đoàn kết nhất trí, phấn đấu xây dựng quê hương thành một huyện giàu về kinh tế, văn hóa giáo dục phát triển, vững mạnh về an ninh, quốc phòng và trật tự xã hội.

BƯU ĐIỆN TỈNH HOÀ BÌNH

Hoa Binh Post And TeleComs

Tel : 018.852005 - Fax : 018.853030

Với mạng lưới Bưu chính-Viễn thông chất lượng cao, rộng khắp toàn Tỉnh. Bưu điện tỉnh Hoà Bình đang phục vụ tốt các loại dịch vụ truyền thống trong nước và ngoài nước. Hiện nay, đã có thêm các loại dịch vụ mới như:

- Chuyển phát nhanh (EMS)
- Chuyển tiền nhanh
- Tiết kiệm Bưu điện
- Bưu chính ủy thác
- Bưu phẩm không địa chỉ
- Điện hoa, điện thoại thấy hình
- Điện thoại di động, nhắn tin, Telex, Fax
- Giải đáp thông tin kinh tế xã hội (108)
- Dịch vụ khai giá
- Các dịch vụ của tổng đài TDX-1B như giữ cuộc gọi, chuyển thoại, điện thoại hội nghị, v.v...



Bưu điện tỉnh Hoà Bình rất hân hạnh được phục vụ quý khách với thái độ văn minh, lịch sự, nhanh chóng, chính xác, an toàn, tiện lợi./.

SINHANCO
Start your Dreams

Một loại xe xuất sắc
Một giá trị vững bền
Một dịch vụ chuyên nghiệp
Một tên gọi

SUPER SIVA



Không khó để nhận biết sự vượt trội của Động cơ KOREA E-SMART sản xuất tại Hàn Quốc khi kết hợp với bộ chế hòa khí KEI/HIN Thái Lan.

Cũng không khó để tìm hiểu giá trị của **SUPER SIVA** qua tiêu chuẩn ISO 9001 và danh hiệu Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao do người tiêu dùng bình chọn.

Càng không khó để tìm các dịch vụ chuyên nghiệp trong hệ thống S.P.S (Sinhanco Premier Services) có mặt khắp mọi nơi.

Và...

Sẽ rất dễ dàng để cảm nhận sự xuất sắc của **SUPER SIVA** nếu bạn ghé qua một trong các trung tâm hay đại lý được ủy quyền của Sinhanco trên toàn quốc, hoặc nếu cần biết thêm thông tin về sản phẩm, hãy gửi yêu cầu của bạn về địa chỉ: siva@sinhanco-vn.com



**ISO
9001**

SINHANCO
MOTORCYCLE

KHÔNG NGỪNG SÁNG TẠO

32 - 34 Lý Thường Kiệt, Tp. Vũng Tàu. ĐT: (064) 854297 - 810594. Fax: (064) 510245. E-mail: pkdshc@hcm.vnn.vn



VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI INSTITUTE OF WATER RESOURCES PLANING .IWARP.

Địa chỉ: 162 Trần Quang Khải, Hà Nội
Tel: (04) 8254081 * Fax: (04) 8258707
Email: iwrp.hanoi@hn.vnn.vn



VIỆN TRƯỞNG
TS. Tô Trung Nghĩa

MỘT SỐ THÀNH TỰU

- Quy hoạch trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng
- Quy hoạch khai thác đồng bằng sông Cửu Long
- Quy hoạch khai thác các sông trên toàn quốc
- Giúp Lào và Cam-pu-chia lập quy hoạch thủy lợi.
- Đã thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học: 2 chương trình KHCN cấp Nhà nước 06-03 (81-85) và KC 12 (91-95); chương trình nghiên cứu xâm nhập mặn ở ĐBSCL; biến đổi khí hậu và môi trường toàn cầu; chương trình nghiên cứu đất ngập nước; quy trình vận hành hồ chứa Hòa Bình; đánh giá ảnh hưởng hồ Hòa Bình đến hạ du; thẩm định lựa chọn phương án bậc thang và công suất máy thủy điện Sơn La...
- Hợp tác các nước và các tổ chức Quốc tế: WB, ADB, SIDA, (Thụy Điển), JICA, NIPPON KOEL (Nhật Bản), DANIDA (Đan Mạch), MDB (Úc)...

CÁC PHÂN THƯỞNG CAO QUÝ

- Huân chương Độc lập hạng Nhì (2001)
- Huân chương Độc lập hạng Ba (1994)
- Huân chương Lao động hạng Nhất (1991)
- Huân chương Lao động hạng Nhì (1985)
- Huân chương Lao động hạng Ba (1978)
- Bộ chính trị Trung Ương Đảng Lao động biểu dương (1962)



CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ

Là cơ quan chuyên ngành về quy hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có chức năng nghiên cứu lập quy hoạch phát triển tài nguyên nước trong phạm vi cả nước nhằm điều hòa sử dụng, bảo vệ và phát triển kinh tế - xã hội.

- Lập quy hoạch sử dụng tổng hợp và bảo vệ nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên lãnh thổ.
- Xây dựng chiến lược phát triển tài nguyên nước.
- Tham gia lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội toàn quốc, vùng lãnh thổ, tỉnh, ngành có liên quan đến nguồn nước.
- Lập dự án tiền khả thi và khả thi các công trình khai thác và bảo vệ nguồn nước.

- Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về quy hoạch thủy lợi về môi trường và chất lượng nước.
- Hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế trong việc lập quy hoạch các lưu vực sông liên quốc gia.
- Thực hiện nghiên cứu khoa học công nghiệp và tổ chức thực hiện công tác điều tra cơ bản phục vụ cho quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước.
- Thực hiện thẩm định các dự án quy hoạch thủy lợi cho các địa phương, các ngành khác có liên quan đến nguồn nước.
- Theo dõi thực hiện các quy hoạch phát triển tài nguyên nước.
- Tham gia lập quy hoạch vận hành các công trình lớn lợi dụng tổng hợp nguồn nước...



TỔNG CÔNG TY HOÁ CHẤT VIỆT NAM VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP

TRỤ SỞ CHÍNH : SỐ 2 PHẠM NGŨ LÃO - HÀ NỘI

Tel: (84-4) 8.253930 * Fax: (84 - 4) 8.257383 * E-mail: vienhoacn@hn.vnn.vn

CƠ SỞ 2: KM 10,5 ĐƯỜNG HÀ NỘI-SƠN TÂY * Tel: (84-4) 764 4889



VIỆN TRƯỞNG:
PGS-TS. MAI NGỌC CHÚC

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

- Nghiên cứu KHCN hóa học, triển khai và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật bao gồm nghiên cứu ứng dụng, thực nghiệm, sản xuất - chế tạo ra công nghệ, sản phẩm, và vật liệu mới cho ngành công nghiệp hóa chất và các ngành kinh tế khác.
- Đánh giá, phân tích chất lượng sản phẩm hóa chất, tài nguyên, môi trường.
- Tư vấn và đầu tư cho Tổng Công ty và các đơn vị kinh tế trong và ngoài Tổng công ty về khoa học kỹ thuật.
- Tham gia lập và thẩm định các dự án KHKH.
- Đào tạo sau đại học cán bộ KHKH và công nghệ chuyên ngành.

- Dịch vụ KHKH, sản xuất, kinh doanh.
- Viện Hóa học công nghiệp đã chủ trì và tham gia các chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước: chương trình Hóa dầu và Vật liệu hóa.

NHỮNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Viện đã chủ trì và hoàn thành xuất sắc các đề tài cấp Tổng Công ty, cấp Bộ và cấp Nhà nước.
- Viện đã thực hiện thành công các dự án P (xây dựng dây chuyền công nghệ sản xuất thứ nguyên thuốc tuyến DPO - 93 để tuyển quặng Apatit loại III; xây dựng dây chuyền sản xuất polysaccharit Fe; xây dựng dây chuyền sản xuất Dextran Fe)...
- Viện đã thực hiện các hợp đồng triển khai - dịch vụ KHKH.
- Hàng năm, Viện đã triển khai thực hiện trên dưới 30 hợp đồng tiêu biểu.
- Xử lý nước thải các nhà máy, khu công nghiệp.
- Sơn nền nhà xưởng Công ty cấp sợi quang VINA - GSC, Sơn phủ bảo vệ chịu môi trường hóa chất khắc nghiệt, chịu nhiệt độ cao cho kết cấu công trình sắt thép, bê tông tại các nhà máy trong các Tổng Công ty.
- Chế biến quặng Apatit theo phương pháp

nhật để sản xuất phân bón.

- Từ những hoạt động khoa học, Viện đã tạo ra các sản phẩm có giá trị được thị trường chấp nhận:

- * Sơn tổng hợp công nghiệp và dân dụng.
- * Dầu phanh VH 3 - 2.
- * Thuốc tuyến.
- * Tinh dầu các loại
- * Chất tẩy rửa các loại
- * Extract thảo dược các loại dùng cho Mỹ phẩm.
- * Dextran Fe
- * Gluconat Fe, Cu, Zn...
- * Chất trợ lắng
- * Rotudin.
- * Chất tẩy gỉ, tẩy cặn.
- * Dầu mỡ bôi trơn các loại
- * Thuốc thử Nước dùng trong công nghệ SX nước sạch (được UNICEP tin nhiệm).
- * Gần đây Viện đã đạt được nhiều thành tích lớn:
- Nghiên cứu công nghệ sản xuất thuốc tuyển quặng Apatit - Việt Nam.
- Đạt giải nhất công trình khoa học sáng tạo VIFOTEC - năm 2001.
- Đã được Nhà nước đầu tư phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Q. 3 - TP. HCM

ĐT : (08) 9316211 - 9318289 - 9317849 - 8465596

Fax : (84.8) 8437450 - Email : nxbt@hcm.vnn.vn

Chi nhánh NXB Trẻ Tại Hà Nội:

48 Láng Hạ - Quận Đống Đa - Hà Nội

ĐT : (04) 7762128 - Fax : (04) 8357444

Email : vanphongnxbtre@hn.vnn.vn

GIỚI THIỆU BỘ SÁCH "NAM BỘ NHÂN VẬT CHÍ"



"NAM BỘ NHÂN VẬT CHÍ" là chương trình sách nhằm giới thiệu cuộc đời, hành trang và những đóng góp của các nhân vật Nam Bộ trong quá trình xây dựng và phát triển của vùng đất mới Phương Nam.

Nhân vật Nam Bộ được giới thiệu trong loạt sách này bao gồm các nhân sĩ trí thức, các nhà hoạt động cách mạng, các nhà văn hóa, văn nghệ sĩ... - những người đã có công khai phá trên từng lĩnh vực văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Từng tựa sách được viết dưới nhiều thể loại : biên khảo, công trình nghiên cứu, tham luận khoa học trong hội thảo, ký, bút ký...

Đến nay đã có các tựa sách sau đây được xuất bản :

1. Anh hùng kháng Pháp Nguyễn Trung Trực - Nguyễn Văn Khoa
2. Nguyễn Hữu Huân, nhà yêu nước kiên cường, nhà thơ bất khuất
GS Phạm Thiều - Cao Tự Thanh - Lê Minh Đức
3. Khởi Nghĩa Trương Định - PGS TS Nguyễn Phan Quang - TS Lê Hữu Phước
4. Bùi Hữu Nghĩa, con người và tác phẩm - Bảo Định Giang
5. Nguyễn Tri Phương - Phan Trần Chúc - Lê Quế
6. Phan Văn Trị, cuộc đời và tác phẩm
Nguyễn Khắc Thuần - Nguyễn Quảng Tuân
7. Gương sáng ngàn đời - Bảo Định Giang - Huỳnh Lứa - Nguyễn Quảng Tuân

8. Những ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX
Bảo Định Giang
9. Nguyễn An Ninh, "Tôi chỉ làm cơn gió thổi" - Nguyễn Thị Minh
10. Lê Văn Duyệt - Nhiều tác giả
11. Thế kỷ XXI nhìn về Trương Vĩnh Ký - Nhiều tác giả
12. Chí sĩ Nguyễn Quang Diêu - Nguyễn Văn Hầu
13. Võ Duy Dương - Nguyễn Văn Hầu

Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu.

THUỐC HO BỔ PHẾ

VIÊN NGẬM



SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI
Công ty Cổ phần dược phẩm Nam Hà
415 Hàn Thuyên, Thành phố Nam Định

CẢI TIẾN ĐỂ TĂNG TÍNH ƯU VIỆT : TIỆN DỤNG VÀ HIỆU QUẢ

Thuốc ho bổ phế dạng viên ngậm là sản phẩm bào chế dạng mới theo công thức Bổ phế chỉ khái lộ - sản phẩm truyền thống 40 năm của Công ty Cổ phần dược phẩm Nam Hà.

Bằng phương pháp chiết xuất dược liệu rồi làm khô trong môi trường áp suất giảm, nhiệt độ thấp thu được cao khô còn nguyên những tính năng, tác dụng của dược liệu. Từ cao khô áp dụng công nghệ bào chế phương tây, công ty sản xuất ra thuốc viên ngậm.

- ◆ Ở dạng viên, thuốc rất tiện lợi cho việc sử dụng, có thể mang theo người khi đi xa.
- ◆ Ở dạng viên ngậm, thuốc có tác dụng trực tiếp và liên tục vào cổ họng giúp giảm ho nhanh hơn và hiệu quả lâu dài hơn.

CÔNG THỨC : Cho 1 viên

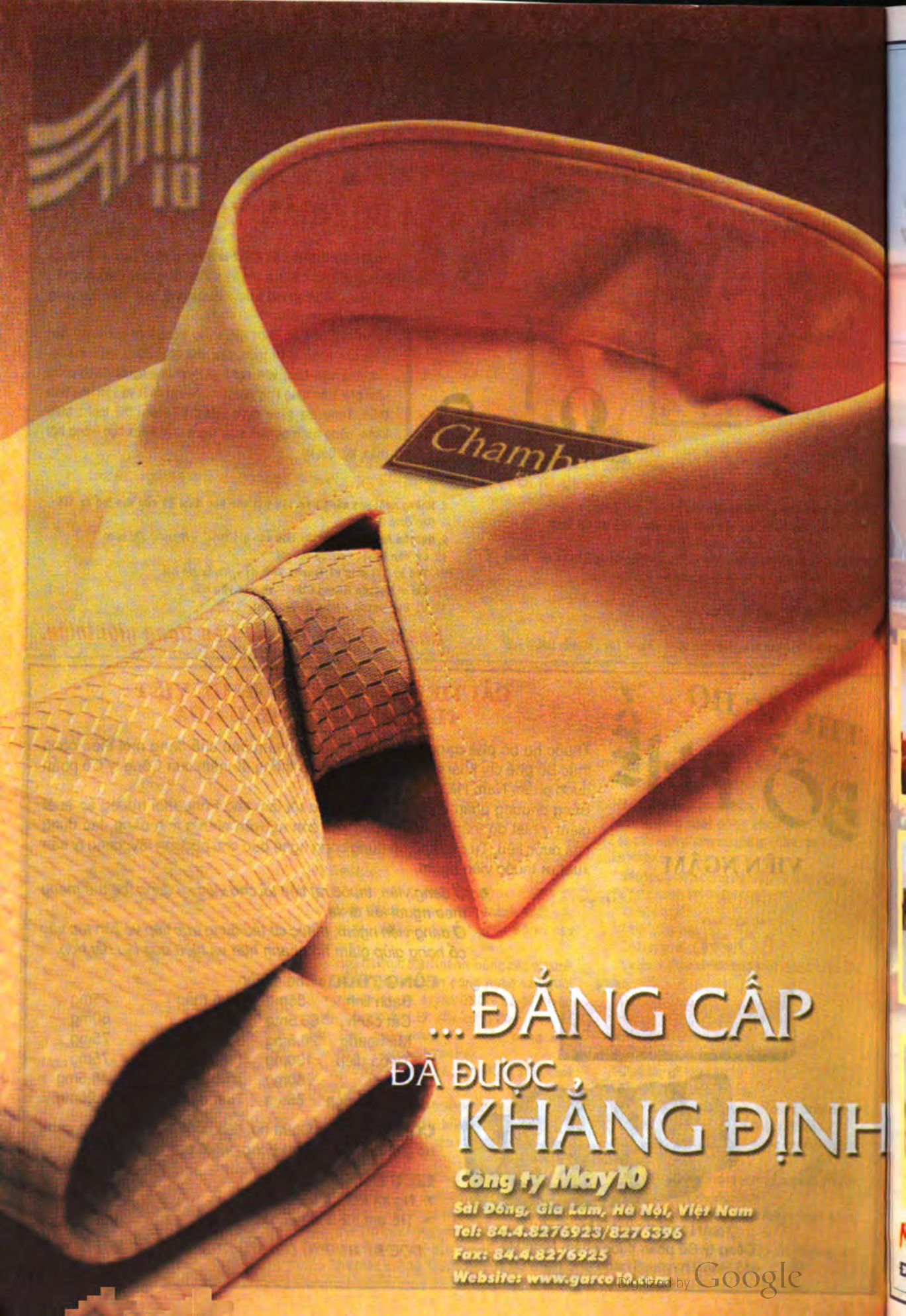
Bạch linh	36mg	Cam thảo	25mg
Cát cánh	68,5mg	Bản hạ	60mg
Ma hoàng	26,5mg	Bạch bộ	75mg
Tỳ bà diệp	130mg	Tang bạch bì	75mg
Ô mai	60mg	Thiên môn đông	48,5mg
Bạc hà diệp	65mg	Tinh dầu bạc hà	0,25mg

CÔNG DỤNG : Chữa ho, tiêu đờm. Chuyên trị ho cảm, ho gió, ho khan, viêm họng, viêm phế quản.

LIỀU DÙNG :

- > Người lớn : 4-6 viên/ngày
- > Trẻ em : 2-3 viên/ngày

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG



...ĐẲNG CẤP
ĐÃ ĐƯỢC
KHẲNG ĐỊNH

Công ty May 10

Sài Đồng, Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 84.4.8276923/8276396

Fax: 84.4.8276925

Website: www.garco10.com

Digitized by Google

NHÀ KHÁCH TỔNG LIÊN ĐOÀN

95 TRẦN QUỐC TOẢN



GIÁM ĐỐC:
Cử nhân. NGUYỄN THỊ YẾN



Nhà khách Tổng Liên đoàn được thành lập theo Quyết định số 187 QĐ/TLĐ (21/1/1997) của Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam. Nhà khách có nhiệm vụ phục vụ cán bộ công nhân viên, khách quốc tế của TLĐLĐ Việt Nam về nghỉ, hội nghị, làm việc. Đặc biệt, hàng năm, Nhà khách tiếp đón, phục vụ khoảng 400-500 khách thuộc diện chính sách của Nhà nước với giá ưu đãi. Ngoài ra, để tận dụng hết công suất, Nhà khách mở rộng thêm chức năng kinh doanh phục vụ, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Hiện nay, Nhà khách có thể tiếp đón cùng lúc hơn 180 khách, với 79 phòng phục vụ khách trong nước và 12 phòng khách quốc tế đầy đủ tiện nghi, có thang máy và hệ thống thông tin liên lạc hiện đại, thông suốt, 2 phòng ăn rộng, trang trọng có sức chứa 600 chỗ ăn cùng lúc cho tiệc cưới, tiệc hội nghị, đặc biệt có ba hội trường, phòng họp trong đó có một hội trường lớn có sức chứa trên 200 chỗ, đủ điều kiện phục vụ các cuộc hội nghị, hội thảo lớn, nhỏ cho các đơn vị.

Tuy mới thành lập được năm năm, nhưng nhờ sự giúp đỡ Tổng Liên đoàn, sự cố gắng nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV, Nhà khách đang khẳng định uy tín của mình bằng việc không ngừng nâng cao tinh thần, chất lượng phục vụ, từng bước đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất.

Nhờ vậy, mà trong những năm qua đơn vị đã hoạt động kinh doanh có hiệu quả, công suất phòng nghỉ luôn đạt từ 75%- 80% và được tặng bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Nhà khách Tổng Liên Đoàn rất hân hạnh được phục vụ quý khách

ĐỊA CHỈ: 95 TRẦN QUỐC TOẢN - HÀ NỘI * TEL: (04). 8222 521 - 8222 522 - 8223 656



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN - KYMDAN
KD KYMDAN
 SINCE 1954 CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ



28 Đường Bình Thới, Q.11, TP. HCM ĐT: (84.8) 8657158 - 8658 402 - 8617 619 Fax: (84.8) 8657 419
 Email: kymdan@hcm.vnn.vn • Website: http://www.kymdan.com.vn

Chứng nhận được phép lưu hành
 tại châu Âu

Chương trình khuyến mãi Xổ số trúng thưởng *Khi Quý khách hàng mua 1 sản phẩm KYMDAN*



Tặng

Lịch xuân QUÍ MÙ

(Có in số tham dự trúng thưởng cho 49.999 sản phẩm đã)

& 1 Phiếu xăng

Theo chương trình khuyến mãi
 Chào mừng Quốc khánh 2/9
 (2 lit Mogas 92)

Xuân 2003



**Chương trình áp dụng
 từ ngày 02-10-2002
 trên phạm vi toàn quốc**

Lưu ý: Không áp dụng cho các sản phẩm gối, nệm du lịch, nệm trẻ em, salon miếng và thú phun nhung

THẺ LỆ THAM DỰ XỔ SỐ TRÚNG THƯỞNG

A. THẺ LỆ THAM DỰ XỔ SỐ TRÚNG THƯỞNG:

- Công ty KYMDAN phát hành lịch năm 2003 trên đó có mã số được in trên tờ lịch bia và cuối cùng để tham dự chương trình xổ số trúng thưởng.
- Công ty KYMDAN sẽ tổ chức xổ số vào ngày 15/12/2003 và kết quả trúng thưởng sẽ được công bố từ ngày 25/12/2003 trên báo Người Lao Động và một số báo khác.
- Khách hàng có lịch mang số trúng thưởng theo kết quả đã công bố gửi lịch kèm theo tên, địa chỉ thường trú (có ấp, phường, xã, quận, huyện, tỉnh, thành, để tránh trùng lặp khi giao hàng), điện thoại và bản sao CMND về văn phòng Công ty KYMDAN chậm nhất là ngày 15/01/2004 (căn cứ theo dấu bưu điện). Công ty KYMDAN sẽ gửi thông báo đến từng khách hàng may mắn trúng giải.
- Danh sách khách hàng trúng giải sẽ được công bố trên báo Người Lao Động và một số báo khác từ ngày 20/02/2004.
- Khách hàng trúng giải sẽ nhận phần thưởng tại Chi nhánh, cửa hàng trực thuộc Công ty hay Đại lý KYMDAN gần nơi cư ngụ của mình nhất từ ngày 20/02/2004.

B. CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG:

- 02 giải Nhất: Mỗi giải thưởng là 01 bộ salon KYMDAN
- 10 giải Nhì: Mỗi giải là 01 giường di động KYMDAN qui cách 1 x 2m có nệm dày 5cm.
- 100 giải Ba: Mỗi giải là 01 tấm nệm KYMDAN qui cách 1,6 x 2,0 x 0,1m có áo bọc bằng thun jersey.

C. ĐIỀU KIỆN XÉT TRÚNG THƯỞNG:

- Lịch trúng giải gửi về Công ty KYMDAN phải còn đủ tờ, sạch sẽ, không rách hay bị rơi khỏi quyển lịch.
- Phần số không bị rách hay tẩy xóa.
- Công ty KYMDAN không chịu trách nhiệm đối với trường hợp gửi lịch trúng giải trễ hạn hay bị thất lạc.

Lưu ý:

- Phần thưởng không có giá trị quy đổi thành tiền mặt.
- Phần thưởng không bao gồm các chi phí phát sinh do vận chuyển từ nơi nhận giải đến nhà người trúng thưởng.
- Các phần thưởng không người nhận sẽ được quy đổi để tặng cho bệnh viện.

Bảo hành 5 năm (rẻ ràng - cụ thể - thỏa đáng: cho các trường hợp xẹp (lún), rách, nhua, lão hóa, bỏ mục)

Độ bền trên 20 năm | Sử dụng nệm KYMDAN là hiệu quả và tiết kiệm !

HX
9
H168B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

JAN 27 2003

CURRENT SERIALS

34

12-2002

Digitized by eGangotri

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Trụ sở chính : 105, Lê Lợi, TP. Vũng Tàu

Điện thoại : 64- 839871/72. Fax : 64- 839857



XNLD VIETSOVPETRO được Nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động lần thứ hai, là đơn vị liên doanh giữa Việt Nam và Liên bang Nga khai thác dầu khí lớn nhất ở Việt Nam, đang hoạt động trên 3 mỏ: Bạch Hổ, Rồng và Đại Hùng. Sản lượng dầu khai thác từ năm 1986 đến năm 2001 đạt 101,3 triệu tấn. Khí cung cấp vào bờ từ năm 1995 đến năm 2001 đạt 6,75 tỉ mét khối.

XNLD VIETSOVPETRO sẵn sàng hợp tác với các công ty dầu khí khác trong nhiều lĩnh vực: địa chất dầu khí, thiết kế, lắp ráp, xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí biển, khoan thăm dò, khai thác dầu khí, dịch vụ cảng, vận tải biển, phòng chống phun trào dầu khí, bảo vệ môi trường.



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

THĂNG RA 3 KỲ

SỐ 663

34

12-2002

● BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

● Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchiconsan.org.vn>
Email: bttccs@hn.vnn.vn

● Phó Tổng Biên tập phụ trách : TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Thanh niên làm chủ công nghệ mới
Ảnh : TL

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC - Công tác dân vận trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân	3
HOÀNG BÌNH QUÂN - Vai trò xung kích đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của thế hệ trẻ Việt Nam	6
CAO SỸ KIỂM - Phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, thực hành tiết kiệm, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng	11

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN VĂN ĐỘNG - Các quyền xã hội cơ bản của công dân từ Hiến pháp năm 1980 đến Hiến pháp năm 1992	16
ĐẶNG CẢNH KHANH - Mấy suy nghĩ về thanh niên và phong trào thanh niên	21
NGUYỄN BÁCH KHOA - Toàn cầu hóa và sự đổi mới quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp	26
NGUYỄN HOÀNH XANH - Nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trong hội nhập quốc tế	30

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

*** Hội nghị phát hành và bạn đọc Tạp chí Cộng sản toàn quốc	35
--	----

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

MAI HẢI OANH - Đảng lãnh đạo văn hóa văn nghệ : Thực tiễn và bài học	41
LÊ XUÂN ĐÌNH - Làm gì để Trà My vươn dậy trong cơ chế thị trường	47
NGỌC HỒ - Củng cố và tăng cường hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú	52

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

TRỌNG NGUYỄN - "Tiếp xúc cử tri"	57
----------------------------------	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN HUY QUÝ - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc	59
--	----

СОДЕРЖАНИЕ

ЧЫОНГ КУАНГ ДЫОК: Агитационная работа среди масс и работа по рассмотрению заявлений и жалоб граждан. ХОАНГ БИНЬ КУАН: Авангардная роль вьетнамского молодого поколения в индустриализации и модернизации. КАО ШИ КИЕМ: Выдвижение внутренних сил, повышение эффективности международного сотрудничества, проведение экономной политики для успешного выполнения резолюций IX^{ого} Съезда КПВ. НГУЕН ВАН ДОНГ: Основные социальные права граждан от Конституции 1980 года до Конституции 1992 года. ДАНГ КАНЬ КХАНЬ: Некоторое мнение о молодёжи и молодёжном движении. НГУЕН БАТЬ КХОА: Глобализация и обновление управления предпринимательской деятельностью предприятий. НГУЕН ХОАНЬ САНЬ: Повышение конкурентоспособности вьетнамских товаров в условиях международной интеграции. *** Общенациональная конференция выпускной деятельности и читателей *Журнала Коммунист*. МАЙ ХАЙ ОАНЬ: Партия руководит работой по культуре и искусству: практика и извлеченные уроки. НГОК ХО: Упорядочение и усиление системы школ – национальных интернатов. НГУЕН ХУ КУИ: XVI^{ый} Всекитайский Съезд делегатов Компартии КНР.

CONTENTS

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: The matter of propaganda and agitation among the people in dealing with citizens' petitions and accusations. HOÀNG BÌNH QUÂN: The vanguard role of Vietnam's younger generations in pushing up the country's industrialisation, modernisation. CAO SỸ KIÊM: To promote internal forces, to enhance effect of international collaboration, to practice thrift, to implement successfully resolutions of the IX Party Congress. NGUYỄN VĂN ĐỘNG: The principal social rights of citizens from the 1980 Constitution to the 1992 Constitution. ĐẶNG CẢNH KHANH: Some thoughts on youth and youth movement. NGUYỄN BÁCH KHOA: Globalisation and renovation of business administration of enterprises. NGUYỄN HOÀNH XANH: To raise competitiveness of Vietnamese goods in World's merging. *** Nation-wide Congress of Distribution and Readers of the *Communist Review*. MAI HẢI OANH: The Party's leadership of culture and literature and arts: the reality and lessons. NGỌC HỒ: To strengthen and consolidate the system of boarding schools of ethnic minorities. NGUYỄN HUY QUÝ: The XVIth Nation-wide Congress of Party Delegates of the Communist Party of China.

SOMMAIRE

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: Le travail de mobilisation dans le règlement des plaintes et dénonciations des citoyens. HOÀNG BÌNH QUÂN: Le rôle d'avant-garde de la jeune génération vietnamienne dans l'accélération de l'industrialisation et de la modernisation du pays. CAO SỸ KIÊM: Mettre en valeur la force endogène, rehausser l'efficacité de la coopération internationale, pratiquer l'économie pour bien mettre en œuvre les Résolutions du IX^e Congrès national du Parti. NGUYỄN VĂN ĐỘNG: Les droits sociaux fondamentaux du citoyen, de la Constitution de 1980 à celle de 1992. ĐẶNG CẢNH KHANH: Quelques réflexions sur la jeunesse et le mouvement des jeunes. NGUYỄN BÁCH KHOA: La globalisation et la rénovation de l'administration commerciale des entreprises. NGUYỄN HOÀNH XANH: Elever la compétitivité des marchandises du Vietnam dans l'intégration internationale. *** Conférence Diffusion et Lecteurs de la *Revue Communiste* dans l'ensemble du pays. MAI HẢI OANH: La direction du Parti dans le domaine de la culture et des arts: Pratique et leçons. NGỌC HỒ: Consolidation et intensification du système des internats pour les élèves des ethnies minoritaires. NGUYỄN HUY QUÝ: Le XVI^e Congrès national des représentants du Parti communiste chinois.

SUMARIO

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: El trabajo de movilización en las resoluciones de las reclamaciones y denuncias de los ciudadanos. HOÀNG BÌNH QUÂN: El papel de vanguardia de la juventud vietnamita en el impulso de la industrialización y modernización del país. CAO SỸ KIÊM: Poner en alto la fuerza interna, elevar la eficiencia de la cooperación internacional, practicar el ahorro para cumplir victoriosamente la Resolución del IX Congreso Nacional del Partido. NGUYỄN VĂN ĐỘNG: Los derechos sociales básicos del ciudadano de la Constitución de 1980 a la del 1992. ĐẶNG CẢNH KHANH: Algunas reflexiones sobre la juventud y el movimiento juvenil. NGUYỄN BÁCH KHOA: La globalización y la renovación de administración comercial de las empresas. NGUYỄN HOÀNH XANH: Elevar la eficacia competitiva de las mercancías de Vietnam en la integración internacional. *** Conferencia entre la distribución y los lectores de la *Revista del Comunismo*. MAI HẢI OANH: La dirección del Partido en la Cultura y Artes: práctica y lecciones. NGỌC HỒ: Consolidación e intensificación del sistema de escuelas generales internas de las minorías étnicas. NGUYỄN HUY QUÝ: El XVI Congreso Nacional de Representantes del Partido Comunista de China.

目录

- 张光得: 民运工作在解决公民的申诉、控诉中的作用
- 黄平君: 越南青年一代在大力推动国家工业化、现代化事业中的突击作用
- 高士彬: 发挥内在潜力, 提高国际合作的效果, 力行节约, 胜利地落实越共九大决议
- 阮文侗: 1980年至1992年《宪法》中公民的一些基本社会权利
- 邓景卿: 有关青年和青年运动的几点想法
- 阮百科: 全球化及企业经营管理革新
- 阮横撑: 提高越南商品在融入国际氛围中的竞争能力
- *** 全国《共产杂志》发行与读者会议
- 梅海莺: 党领导文化、文艺—实践与教训
- 玉胡: 巩固、增强民族寄宿普通学校系统
- 阮辉贵: 中国共产党第十六次全国代表大会



CÔNG TÁC DÂN VẬN TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO CỦA CÔNG DÂN

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC*

KHIẾU nại, tố cáo là một trong những quyền cơ bản của công dân, được ghi trong Hiến pháp và được cụ thể hóa trong Luật Khiếu nại, tố cáo và các văn bản pháp luật của Nhà nước, tạo cơ sở pháp lý cho công dân, cơ quan nhà nước thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chăm lo đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng của nhân dân, thực hiện đại đoàn kết toàn dân và phát huy quyền làm chủ của nhân dân là ba nội dung cơ bản, quan trọng nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận. Do đó, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân là một nhiệm vụ dân vận quan trọng của cả hệ thống chính trị.

Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU, ngày 06-03-2002, của Ban Bí thư Trung ương Đảng, về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải quyết khiếu nại tố cáo hiện nay, Ban Dân vận Trung ương đã phối hợp với Tỉnh ủy An Giang và Tỉnh ủy Thái Bình tổ chức hai hội nghị trao đổi kinh nghiệm về công tác dân vận trong giải quyết

khiếu nại, tố cáo ở cụm đồng bằng sông Cửu Long và cụm đồng bằng sông Hồng. Tại hai địa phương trên, các hội nghị trao đổi kinh nghiệm với chủ đề thiết thực trên đây đã được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đón nhận với tinh thần trách nhiệm cao. Các ý kiến phát biểu đều hoan nghênh và cho rằng những vấn đề các hội nghị đặt ra là bổ ích, đúc rút được nhiều kinh nghiệm tốt trong giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân ở các địa phương, cơ sở.

Tại Thủ đô Hà Nội, Ban Dân vận Trung ương phối hợp với một số ban, ngành, đoàn thể ở trung ương và một số tỉnh, thành ủy tiếp tục tổ chức hội nghị về công tác dân vận trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, nhằm thống nhất quan điểm, nhận thức và phương pháp dân vận của hệ thống chính trị các cấp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, thực hiện có kết quả

* Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội

Chỉ thị 09 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, làm cho mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ngày càng bền chặt.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, chúng ta thấy rằng tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân vẫn chưa giảm và có nơi còn diễn biến phức tạp, nếu không giải quyết tốt sẽ xuất hiện tình trạng mất ổn định chính trị, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tình hình này, có nhiều nguyên nhân, song nhìn chung có hai loại nguyên nhân chính.

Trước hết, là những nguyên nhân khách quan. Đất nước ta trải qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, qua nhiều năm chiến tranh, nhiều cuộc cải tạo, nhiều việc tồn đọng do lịch sử để lại, đến nay chưa có đủ điều kiện về cơ chế chính sách nên chưa giải quyết được một cách đồng bộ, toàn diện và bền vững. Trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhất là trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, giá trị sử dụng đất đai ngày càng tăng nhanh. Nguồn lợi kinh tế từ đất biến đổi rất nhanh, song chính sách, pháp luật về đất đai chưa đồng bộ, chưa phù hợp với thực tế, phát sinh nhiều mâu thuẫn về lợi ích, dẫn đến tranh chấp, khiếu nại, tố cáo.

Bên cạnh đó, nổi lên một số nguyên nhân chủ quan đáng chú ý. Trong quá trình lãnh đạo, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, một số cán bộ, đảng viên, cấp ủy đảng, chính quyền

xem nhẹ, buông lỏng, chưa thực hiện đúng tư tưởng, quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác dân vận. Cán bộ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, coi nhẹ việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, quan liêu, thích dùng mệnh lệnh hành chính, coi nhẹ việc giáo dục, thuyết phục dân, có nhiều vi phạm về quản lý nhà nước trong đất đai, tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản, trong sử dụng các khoản đóng góp của dân, tư lợi, bao che, tham nhũng, vi phạm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, khiến dân bất bình dẫn đến khiếu kiện đông người.

Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức hiểu biết và chấp hành trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; chưa có sự phối hợp thống nhất trong tiếp dân, tiếp nhận giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhiều nơi chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, đùn đẩy, né tránh, không khách quan..., làm giảm lòng tin của dân vào sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương và cơ quan công quyền. Cách xử lý như vậy khiến dân bất bình, dẫn đến từ việc nhỏ thành việc lớn, đơn giản thành phức tạp. Mặt khác, chưa kiên quyết lên án và xử lý nghiêm những hành vi kích động, xúi dục của bọn xấu, "cò mồi" đi khiếu kiện, chưa nghiêm trị những kẻ gây rối, coi thường kỷ cương, phép nước. Ở những địa phương có khiếu kiện đông người, gay gắt thường do nội bộ mất đoàn kết, sức chiến đấu của tổ chức đảng giảm sút, vai trò điều hành,

quản lý của chính quyền yếu kém. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chưa được phát huy đầy đủ. Công tác vận động quần chúng không được thực hiện tốt.

Không ít công dân chưa nắm vững đường lối, chính sách, pháp luật, lại bị một số phần tử xấu lợi dụng, kích động nên có những đòi hỏi vô lý, trái pháp luật, cố tình khiếu kiện kéo dài và không thực hiện những quy định của pháp luật.

Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ta đã coi trọng việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Trung ương cử nhiều đoàn đi kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; đồng thời, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp thực hiện tốt vấn đề này và thu được những kết quả nhất định, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quan trọng hơn, công tác dân vận đã thu được một số kinh nghiệm quý mà các cấp, các ngành có thể vận dụng trong quá trình tiếp tục giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Những kinh nghiệm đó bước đầu có thể khái quát như sau:

Thứ nhất, phải thực sự học tập và quán triệt sâu sắc tư tưởng, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta về công tác dân vận trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân. Đó là phải gần dân, tin dân, hiểu dân, có trách nhiệm với dân và học dân; chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của dân. Dựa vào lực lượng và trí tuệ của

dân để giải quyết những vấn đề bức xúc, những vướng mắc trong nội bộ nhân dân.

Thứ hai, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Công khai, dân chủ là cách làm dân vận có hiệu quả trong giải quyết khiếu nại, tố cáo. Dân phải được làm chủ trong việc giải quyết vấn đề này.

Thứ ba, trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo phải thực hiện nhuần nhuyễn, tổng hợp những phương pháp "dân vận khéo" như: vận động, thuyết phục dân, đối thoại với dân, phát huy tác dụng của tổ hòa giải, các ban thanh tra nhân dân. Thực hiện thanh tra, kiểm tra về kinh tế, tài chính, giám sát việc thực hiện pháp luật theo một quy trình thống nhất, có nguyên tắc, có lý, có tình; phải giải quyết khiếu nại, tố cáo từ cộng đồng dân cư, từ cơ sở nơi người dân sinh sống.

Thứ tư, giải quyết khiếu nại, tố cáo phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của tổ chức đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu và sự phối hợp đồng bộ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong công tác thuyết phục dân, thực hiện đúng pháp luật.

Thứ năm, các cơ quan nhà nước nghiên cứu, sửa đổi, hoàn chỉnh Luật Khiếu nại, tố cáo của công dân và các văn bản pháp quy có liên quan. Tăng cường hoạt động của hệ thống tòa án nhân dân và tòa hành chính, chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. □

VAI TRÒ XUNG KÍCH ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC CỦA THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM

HOÀNG BÌNH QUÂN*

TRONG suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, tuổi trẻ Việt Nam đã luôn thể hiện rõ vai trò xung kích trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên, với kẻ thù ngoại xâm vì sự tồn tại và phát triển phồn vinh của dân tộc. Đánh giá đúng đắn và gửi gắm niềm tin vào lực lượng thanh niên, Đảng ta luôn xác định thanh niên là *người chủ tương lai của nước nhà*. Vì vậy, vấn đề phát huy lực lượng thanh niên, tập hợp đoàn kết thanh niên, xây dựng nguồn nhân lực nhằm tạo ra một đội ngũ lao động trẻ yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, giàu nhiệt tình và sáng tạo, giỏi về tay nghề, chuyên môn, làm chủ khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại có ý nghĩa chiến lược và cấp bách đang được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư hơn bao giờ hết.

Nhìn lại chặng đường 5 năm qua (1997-2002), công tác Đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi có bước phát triển toàn diện cả bề rộng và chiều sâu. Tuổi trẻ học đường thực hiện có kết quả phong trào "*Học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp*". Các hình thức hoạt động như khuyến học,

khuyến tài; các loại quỹ học bổng; các cuộc thi tài năng trẻ... đã động viên, cổ vũ đông đảo thanh thiếu niên thi đua học tập, nghiên cứu khoa học, vươn lên làm chủ kiến thức, khoa học - kỹ thuật. Nhiều học sinh, sinh viên đã đạt thành tích cao trong các cuộc thi quốc gia và quốc tế. Từ phong trào hỗ trợ thanh niên mưu sinh, lập nghiệp, phát huy tiềm năng của tuổi trẻ xung kích tham gia phát triển kinh tế - xã hội, vươn lên xóa đói, giảm nghèo làm giàu chính đáng trong thanh niên nông thôn. Lớp thanh niên giỏi sản xuất, kinh doanh, tham gia chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã xuất hiện ngày càng đông đảo. Sự phát triển mạnh của phong trào tiết kiệm, tích lũy, thanh niên tự giúp nhau giống, vốn, kinh nghiệm làm ăn, các hình thức hợp tác sản xuất kinh doanh như các chủ trang trại trẻ, làng thanh niên, khu kinh tế thanh niên... đã và đang là những nhân tố góp phần xác lập những cách thức làm ăn mới, có hiệu quả trong nông nghiệp và

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

nông thôn, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho thanh niên.

Thanh niên công nhân, viên chức đẩy mạnh các hoạt động sáng tạo, các hội thi tay nghề, các hình thức hỗ trợ, khuyến khích tuổi trẻ nỗ lực học tập, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật... Phong trào đã có bước phát triển mới, thiết thực, phong phú, đa dạng, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội ngày càng rõ hơn, tạo sức sống mới, hướng đi mới cho phong trào thanh niên công nhân, viên chức. Vai trò của Đoàn, của thanh niên trong phát triển kinh tế càng rõ khi Đoàn chủ động, tích cực thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm quốc gia và các địa phương như: các dự án trồng rừng, xây dựng cụm dân cư mới, dự án Đảo Thanh niên Bạch Long Vĩ và đảo Cồn Cỏ, tham gia xây dựng và chi viện cho tuyến đường Hồ Chí Minh, thực hiện chương trình xóa "cầu khỉ", xây dựng cầu mới ở đồng bằng sông Cửu Long, triển khai dự án đưa trí thức trẻ về vùng sâu, vùng xa tham gia phát triển nông thôn, miền núi... Cả nước sôi nổi với các công trình, phần việc thanh niên tham gia phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn. Điểm nổi bật và có ấn tượng là sự phát triển mạnh mẽ của phong trào "*Thanh niên tình nguyện*", bởi nó khơi dậy bản chất xung kích, trách nhiệm cộng đồng của thanh niên. Mặt khác, phong trào này còn là môi trường để bồi dưỡng thanh niên, là phương thức tập hợp thanh niên, phát triển Đoàn, Hội trong giai đoạn hiện nay. Trong hai năm 2001 và 2002, phong trào thanh niên tình nguyện đã phát triển rộng rãi, đa dạng, có hiệu quả thiết thực trên khắp cả nước, thu hút đông đảo thanh

niên tham gia. Chiến dịch mùa hè tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng năm 2002 đã tạo thành cao trào thanh niên tình nguyện trong toàn quốc với hơn 4 triệu lượt thanh niên và hàng trăm đội thanh niên tình nguyện, tham gia sôi nổi các hoạt động ở cộng đồng. Hoạt động của lực lượng thanh niên xung phong có nhiều khởi sắc, đang hăng hái "*lên rừng, xuống biển*" tham gia đảm nhận nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở những địa bàn, lĩnh vực khó khăn, gian khổ.

Trong phong trào "*Tuổi trẻ giữ nước*", đáng chú ý là phong trào của tuổi trẻ trong các lực lượng vũ trang tiếp tục phát triển với chất lượng ngày càng cao, hình thức ngày càng phong phú. Bên cạnh việc thi đua phần đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị của ngành, thanh niên lực lượng vũ trang đã xung phong tình nguyện giúp dân khắc phục hậu quả thiên tai, tham gia xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí ở vùng sâu, vùng xa, xây dựng và củng cố tổ chức Đoàn, Hội, Đội ở cơ sở. Việc triển khai sâu rộng cuộc vận động "*Nghĩa tình biên giới, hải đảo*" đã nâng cao nhận thức về tình hình, nhiệm vụ mới và ý thức trách nhiệm cho tuổi trẻ cả nước đối với chủ quyền an ninh quốc gia. Nhiều hoạt động giao lưu, kết nghĩa giữa các địa phương, đơn vị đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng khu vực biên giới, hải đảo của Tổ quốc. Tổ chức Đoàn, Hội và các đối tượng thanh, thiếu nhi tham gia ngày càng có hiệu quả và thể hiện rõ vai trò xung kích trên mặt trận giữ gìn trật tự an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội.

Gắn liền với những chuyển biến của phong trào thanh niên, tổ chức cơ sở của Đoàn ngày càng được củng cố; mô hình tổ chức triển khai đa dạng hơn, thích ứng với những thay đổi trong cơ cấu xã hội. Tỷ lệ cơ sở đoàn đạt khá, mạnh tăng đều qua các năm. Số thôn, ấp, bản "trắng" tổ chức đoàn cơ sở dần được thu hẹp. Công tác kết nạp thanh niên vào tổ chức đoàn vượt chỉ tiêu Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VII đề ra. Đến nay, cả nước có hơn 4 triệu đoàn viên. Số lượng đoàn viên ưu tú được đứng trong hàng ngũ của Đảng ngày càng tăng. Đây là những kết quả đầy ý nghĩa, khẳng định niềm tin của thế hệ trẻ Việt Nam vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.

Những kết quả đạt được của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong 5 năm qua đã khẳng định vai trò xung kích của thanh niên trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, các phong trào và hoạt động của thanh niên chưa có sức lôi cuốn đông đảo các tầng lớp thanh niên tham gia, chưa phát triển đồng đều trong các đối tượng, lĩnh vực, nhất là việc chỉ đạo chưa chú ý đến chiều sâu. Vì vậy, việc hình thành những phẩm chất, nhân cách của thế hệ thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước chưa đạt hiệu quả cao.

Đất nước ta bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin phát triển nhanh chóng, toàn cầu hóa kinh tế trở thành một xu thế phát triển tất yếu. Đây vừa là thời cơ, vừa

là thách thức gay gắt đối với các nước chậm phát triển, đang phát triển nói chung, đối với nước ta nói riêng. Bước sang thế kỷ XXI, trí tuệ con người trở thành lợi thế so sánh giữa các quốc gia và trở thành nhân tố quyết định trong cuộc chạy đua quyết liệt trên con đường phát triển. Trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã dành sự quan tâm đặc biệt đối với việc bồi dưỡng và phát huy tiềm lực con người Việt Nam, trí tuệ Việt Nam. Vì vậy, cùng với việc phát huy tối đa lực lượng lao động hiện có, xây dựng nguồn nhân lực trẻ có trí tuệ và tay nghề cao đang trở thành vấn đề cấp bách hiện nay. Giải quyết vấn đề này là trách nhiệm của toàn xã hội và trước hết thuộc về thanh niên. Thanh niên có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng và tương lai của dân tộc. Họ sẽ là những người thay thế cha anh trong các chặng đường tiếp theo. Lịch sử đã chứng minh vai trò, vị trí của lực lượng thanh niên. Trước đây, thế hệ trẻ Việt Nam đã cùng với cha anh hoàn thành xuất sắc sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, nhiệm vụ lịch sử của thanh niên là học tập, tiến quân vào khoa học - công nghệ và là lực lượng chủ yếu thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới - giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước - đòi hỏi thế hệ trẻ Việt Nam phải có niềm tin vững chắc và quyết tâm cao, kiên trì mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện nhiệm vụ lịch sử trọng đại là đưa nước ta ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu bằng ý chí quật cường và tài năng trí tuệ của con người

Việt Nam. Đó là đội ngũ những con người mang trong mình truyền thống tốt đẹp của dân tộc, có trí tuệ, ham học hỏi, biết tiếp thu tinh hoa nhân loại. Đó là đội ngũ những con người có trình độ công nghệ, có thể chất, có ý thức công dân, có hoài bão, có bản lĩnh tự chủ, năng động sáng tạo, có tinh thần tận tụy, hợp tác. Những phẩm chất này sẽ làm gia tăng giá trị của nguồn nhân lực trẻ, đảm bảo cho thế hệ trẻ đủ sức thực hiện sứ mệnh của mình. Vì vậy, tổ chức đoàn chẳng những phải phát huy, huy động thanh niên mà còn phải là nơi trợ sức cho thanh niên, hướng dẫn, giúp đỡ thanh niên, là người tham gia tích cực và là môi trường để đào tạo, bồi dưỡng và phát triển thế hệ trẻ. Với vai trò to lớn ấy, công tác đoàn và phong trào thanh niên trong thời gian tới tập trung huy động cao độ sức lực và trí tuệ của tuổi trẻ cả nước để thực hiện những nhiệm vụ cơ bản, có ý nghĩa quyết định mà Đảng và Nhà nước đã giao phó.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, bồi dưỡng lý tưởng, truyền thống cách mạng, xây dựng bản lĩnh vững vàng cho thanh niên trong hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo sự kiên định, khẳng định sự trung thành tuyệt đối của thanh niên Việt Nam với lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Chú trọng giáo dục chính trị và tổ chức tốt các sinh hoạt chính trị trong thanh niên. Tập trung giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho thanh niên, bồi dưỡng nhận thức, kiến thức về quốc phòng an ninh trong giai đoạn mới góp phần hình thành thế giới quan và nhân sinh quan cách mạng trong các tầng

lớp thanh niên, kiên định bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Đảng ta. Giáo dục chính trị là nền tảng tư tưởng quan trọng để tổ chức các hoạt động giáo dục, xây dựng nhân cách, bồi đắp lòng yêu nước cho thanh niên. Lòng yêu nước của thanh niên ngày nay thể hiện cụ thể ở ý thức tự tôn dân tộc, tự cường dân tộc, ý chí chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, xung phong tình nguyện xây dựng quê hương, đất nước phồn vinh. Đoàn còn thường xuyên quan tâm giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên. Thời gian qua, tổ chức đoàn các cấp đã đẩy mạnh nội dung này với nhiều hình thức khá phong phú và đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Song, để giúp thanh niên khắc phục những biểu hiện tiêu cực, lối sống thực dụng, ích kỷ đang có nguy cơ lây lan, Đoàn phải góp phần tổ chức cho thanh niên có cuộc sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phát huy lòng nhân ái, tình thần vị tha trong các hoạt động xã hội, như hoạt động nhân đạo, từ thiện, sẵn sàng xung phong giúp đỡ nhân dân các vùng sâu, vùng xa, vùng gặp thiên tai hoạn nạn. Tiếp tục tổ chức nhiều sân chơi bổ ích cho thanh niên, đẩy mạnh cuộc vận động "Sống đẹp", "Tiết kiệm", các hoạt động đa dạng và phong phú để bảo vệ, phát huy nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Tích cực xây dựng lối sống lành mạnh trong thanh niên.

Đẩy mạnh phong trào thanh niên một cách toàn diện, đặc biệt là phong trào thanh niên tình nguyện. Phấn đấu để phong trào thanh niên tình nguyện phát huy rộng rãi hơn, thu hút đông đảo mọi

đối tượng thanh niên tham gia một cách thường xuyên. Muốn vậy, phải đẩy mạnh phong trào thanh niên tình nguyện tại chỗ. Tình nguyện thể hiện ngay trong thái độ và chất lượng hoạt động của thanh niên trên lĩnh vực công tác của mình. Tích cực cổ vũ, huy động đông đảo thanh niên tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thanh niên chủ động tham gia có hiệu quả các chương trình, dự án quốc gia và của các địa phương; đi đầu thực hiện Chương trình xóa đói giảm nghèo, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn. Mở rộng các đội hình thanh niên tham gia phát triển kinh tế, phát triển mạnh lực lượng thanh niên xung phong, nhân rộng mô hình chủ trang trại trẻ, làng thanh niên, khu kinh tế thanh niên, đội trí thức trẻ tình nguyện, các hình thức hợp tác trong thanh niên, các hợp tác xã thanh niên... Đây là biện pháp rất quan trọng đáp ứng trực tiếp lợi ích của thanh niên và là "chất keo" kết dính họ với Đoàn. Đối với thanh niên học đường, cần phát động rộng rãi phong trào thi đua học tập. Thanh niên phải là lực lượng đi đầu trong việc xây dựng xã hội học tập theo định hướng Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng; tổ chức động viên, hướng dẫn thanh niên tiến quân vào khoa học - công nghệ. Khơi nguồn sáng tạo, coi trọng các sáng kiến, cải tiến khoa học - kỹ thuật trong thanh niên. Thực hiện các giải pháp bồi dưỡng tài năng trẻ. Chủ động tổ chức các hình thức hỗ trợ, cổ vũ, tôn vinh, nêu gương các tài năng trẻ trên các lĩnh vực, tạo dựng lớp thanh niên tiên tiến, đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Coi đây là một trong những biện

pháp để đoàn kết, tập hợp thanh niên, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tích cực đề xuất với Nhà nước các chính sách bồi dưỡng và sử dụng tài năng trẻ. Đồng thời, huy động đông đảo thanh niên vào mặt trận phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn trật tự an toàn giao thông, xung kích bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động *"Nghĩa tình biên giới, hải đảo"*, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân ngay từ cơ sở.

Tập trung phát triển lực lượng, củng cố và phát triển tổ chức, mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên. Tìm các biện pháp nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đoàn, nhất là chi đoàn, nơi trực tiếp thực hiện các chủ trương công tác của Đoàn, trực tiếp rèn luyện đoàn viên, thanh niên. Tổ chức cơ sở đoàn vững mạnh là một tổ chức có bản lĩnh, có khả năng tập hợp, đoàn kết được đông đảo thanh niên, tổ chức họ vào các phong trào sôi nổi, thiết thực, thực sự là mái nhà chung của thanh niên, là môi trường để thanh niên cống hiến, rèn luyện và trưởng thành. Nâng cao chất lượng đoàn viên, đặc biệt là chất lượng chính trị, tính tiên phong, gương mẫu và sức thu hút của người đoàn viên đối với thanh niên. Đẩy mạnh đoàn kết, tập hợp thanh niên thông qua việc xây dựng, phát triển tổ chức hội với phương châm *"Ở đâu có thanh niên ở đó có tổ chức đoàn, tổ chức hội"*. Là một bộ phận quan trọng của hệ thống chính trị nước ta, sự vững mạnh của tổ chức đoàn, tổ chức hội sẽ góp phần làm lên sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc. □

PHÁT HUY NỘI LỰC, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỢP TÁC QUỐC TẾ, THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

CAO SỸ KIÊM*

HỘI nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ban hành Nghị quyết quan trọng : *Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, khơi dậy và phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cân kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH)...* ; trong đó, chủ trương lớn quan trọng hàng đầu là thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Thực hiện Nghị quyết, trong mấy năm qua, các yếu tố nội lực đã được phát huy, tạo cơ sở cho việc tăng cường hợp tác quốc tế, duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế trong điều kiện thế giới và khu vực có nhiều biến động bất lợi. Đầu tư toàn xã hội tiếp tục được mở rộng do thực hiện có kết quả chính sách huy động vốn đầu tư trong tất cả các thành phần kinh tế. Đáng chú ý là, vốn trong nước tăng nhanh, đã làm thay đổi quan hệ giữa vốn trong nước và vốn nước ngoài. Nếu như trong những năm đầu của thập kỷ 90 thế kỷ XX, vốn nước ngoài có lúc đã chiếm đến 60% tổng vốn đầu tư xã hội, khiến nhiều người nghiêng về quan điểm

cho rằng phát triển kinh tế Việt Nam phải dựa chủ yếu vào vốn nước ngoài, thì đến nay vốn trong nước đã chiếm trên 60% và xu hướng tiếp tục tăng lên. Điều đó đã chứng minh tính đúng đắn và tính thực tế của quan điểm Đại hội lần thứ VIII của Đảng "Vốn trong nước có ý nghĩa quyết định, vốn ngoài nước có ý nghĩa quan trọng" ⁽¹⁾. Tỷ lệ tiết kiệm trong nước đã tăng khá nhanh, khoảng cách giữa tỷ lệ tiết kiệm và tỷ lệ đầu tư ngày càng được thu hẹp (xem bảng).

Tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư 1997 - 2000

Nguồn : Tổng cục Thống kê

Năm	Tiết kiệm/GDP	Đầu tư/GDP	Tiết kiệm/đầu tư
1997	21,63%	34,55%	62,60%
1998	23,90%	32,45%	73,65%
1999	27,09%	32,80%	82,59%
2000	31,06%	32,91%	94,38%

Cơ cấu đầu tư được điều chỉnh theo hướng tập trung hơn cho những lĩnh vực trọng điểm

* TS, Phó Trưởng Ban kinh tế Trung ương

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 228

của công nghiệp, xây dựng, nông, lâm, ngư nghiệp, các vùng kinh tế trọng điểm và vùng gặp nhiều khó khăn như Tây Nguyên, vùng núi phía Bắc, đồng bằng sông Cửu Long. Vốn nhà nước tập trung cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, dùng để hỗ trợ, khuyến khích thu hút các nguồn vốn xã hội tham gia đầu tư phát triển.

Nhờ đó, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong GDP tăng lên và tỷ trọng lợi thế so sánh của một số sản phẩm đã được phát huy, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển với tốc độ khá cao. Tăng trưởng GDP bình quân trong 4 năm 1998 - 2001 đạt 6,04%/năm ; trong đó : nông, lâm, ngư nghiệp đạt 4%/năm, tỷ trọng trong GDP giảm từ 25,98% xuống còn 23,62% (cuối tháng 9-2002 còn 23,1%), công nghiệp, xây dựng đạt 9,1%/năm, tỷ trọng tăng từ 32,49% lên 37,83% (cuối tháng 9-2002 đạt 38,7%), dịch vụ đạt 4,7%/năm, tỷ trọng giảm từ 41,73% xuống còn 38,55% (cuối tháng 9-2002 còn 38,2%). Trong nội bộ ngành nông, lâm, ngư nghiệp, cơ cấu đã được chuyển dịch rõ nét theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao hiệu quả sản xuất và giá trị tạo ra trên đơn vị diện tích canh tác. Trong công nghiệp, xây dựng, một số nhóm sản phẩm có lợi thế so sánh được tập trung chú ý phát triển, giá trị sản xuất tăng nhanh, tạo việc làm cho lượng lao động đáng kể. Một số lĩnh vực dịch vụ phát triển với tốc độ khá, như : bưu chính - viễn thông, bảo hiểm, tín dụng, vận tải, du lịch, thương mại... Các vùng kinh tế trọng điểm tăng nhanh, đóng góp ngày càng lớn cho sự phát triển chung của đất nước. Trong cơ cấu các thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo ở một số ngành then chốt và đang trong quá trình sắp xếp, đổi mới để nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh ; kinh tế tập

thể đang chuyển đổi và phát triển theo mô hình mới, có một số điển hình tốt. Kinh tế tư nhân tiếp tục được giải phóng năng lực sản xuất, tỷ trọng ngày càng tăng lên, thu hút nhiều lao động. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng cao. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động trong công nghiệp - xây dựng và dịch vụ ; tỷ lệ lao động qua đào tạo được nâng dần. Công nghệ đã được chú ý đổi mới trong một số ngành sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ, số sản phẩm có chất lượng và giá trị cao tăng dần lên.

Xuất khẩu được tập trung đẩy mạnh, thị trường tiếp tục được mở rộng. Mặc dù thị trường và giá cả có nhiều biến động, kim ngạch xuất khẩu vẫn có mức tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng bình quân 4 năm qua đạt 13,8%/năm ; số mặt hàng có kim ngạch trên 100 triệu USD tăng thêm ; hàng Việt Nam đã có mặt ngày càng nhiều ở các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Đồng thời, thị trường trong nước cũng được các doanh nghiệp coi trọng hơn, sức mua tăng lên, nhất là ở thành thị. Lưu thông hàng hóa thông thoáng, tiêu thụ hàng trong nước tốt hơn góp phần giải quyết khó khăn, duy trì và thúc đẩy sản xuất của nhiều doanh nghiệp, nhất là khi xuất khẩu gặp khó khăn.

Thực tế đã khẳng định Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII) là đúng đắn, không chỉ có ý nghĩa tình thế khi Việt Nam chịu tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực (xảy ra tháng 7-1997), mà còn có ý nghĩa chiến lược lâu dài trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết cũng còn những mặt yếu kém, kết quả hạn chế, chưa

đạt được mục tiêu đề ra, thể hiện tập trung nhất ở chỗ cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, chưa tạo ra chuyển biến mạnh về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển vẫn chủ yếu theo chiều rộng, dựa nhiều vào tăng vốn đầu tư, đổi mới công nghệ chuyển biến chưa mạnh, chưa chú ý giảm chi phí trung gian, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm. Sản xuất công nghiệp còn lệ thuộc quá nặng vào nguyên liệu nhập khẩu, do đó thiếu chủ động, giá thành cao. Công nghiệp chế biến phát triển chậm, nhất là chế biến nông sản, khiến nông dân lo ngại về đầu ra của sản phẩm khi chuyển sang sản xuất hàng hóa lớn. Công nghiệp chế tạo chuyển biến còn chậm. Nhiều loại dịch vụ phát triển chưa tương xứng tiềm năng và đòi hỏi của nền kinh tế, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Tỷ trọng dịch vụ trong GDP có xu hướng giảm dần (năm 1995 chiếm tới 44,06% GDP, năm 1996 giảm xuống 42,51%, năm 1997 còn 42,15%, năm 1998 tiếp tục giảm còn 41,73%, năm 1999 chiếm 40,07%, năm 2000 chỉ còn 38,73%, năm 2001 là 38,55% và sang năm 2002 tiếp tục giảm) là điểm đáng suy nghĩ. Tính gắn kết và phân công giữa các địa phương trong vùng kinh tế và giữa các vùng kinh tế còn chưa rõ nét, cơ cấu còn nhiều bất hợp lý. Thực hiện sắp xếp, đổi mới kinh tế nhà nước chậm, hiệu quả còn thấp; vai trò của kinh tế tập thể còn quá nhỏ bé; kinh tế tư nhân, cá thể còn nhiều hạn chế, yếu kém; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giảm sút về số đơn vị đăng ký mới.

Vốn đầu tư ngày càng lớn nhưng hiệu quả đầu tư nhìn chung còn kém, tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với lượng vốn đầu tư tăng lên; vốn đầu tư bố trí có chỗ dãn trải, có chỗ trùng lặp, thiếu đồng bộ, có phần thiếu gắn chặt với sự đòi hỏi của thị trường trong và

ngoài nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, chưa khớp với quy hoạch, quản lý chưa tốt, lãng phí, thất thoát nhiều, chất lượng nhiều công trình kém. Quản lý đất đai lỏng lẻo; đây là một nguồn lực rất lớn chưa được khai thác triệt để, thị trường ngầm phát triển mạnh, gây phức tạp về giá và thiệt hại cho Nhà nước.

Xuất khẩu tăng chưa ổn định, cơ cấu hàng xuất khẩu còn bất lợi. Tỷ trọng hàng gia công, hàng thô và sơ chế trong cơ cấu hàng xuất khẩu còn lớn, giá trị gia tăng thấp; tuy tổng kim ngạch xuất khẩu hiện nay đã đạt khoảng 50% GDP, nhưng phần giá trị gia tăng chỉ bằng khoảng 18-19% GDP. Thị trường EU, Nhật Bản tăng chậm, thị trường Nga, Trung Quốc, châu Phi, khu vực Mỹ La-tinh... chưa được tận dụng khai thác, thiếu sự chuẩn bị cần thiết để xâm nhập thị trường Mỹ, chưa thực hiện được việc liên kết giữa các nhà sản xuất cùng một mặt hàng để ký được những đơn hàng có số lượng lớn và thời hạn cung ứng ngắn.

Tổ chức thị trường trong nước còn nhiều yếu kém, chưa thiết lập được mạng lưới phân phối trong nước, trước hết là những sản phẩm thiết yếu cho sản xuất và đời sống; tổ chức hệ thống cung ứng giống, vật tư và tiêu thụ nông sản, nguyên liệu chưa tốt, giá cả vẫn bất lợi cho nông dân. Thu nhập và sức mua của nông dân, nông thôn còn thấp, chênh lệch nhiều với thành thị. Chất lượng một số hàng hóa, dịch vụ thấp, văn minh thương nghiệp, vệ sinh thực phẩm chưa cao. Tình trạng buôn lậu và gian lận thương mại chưa được khắc phục có hiệu quả, hàng ngoại tràn vào làm một số mặt hàng sản xuất trong nước tiêu thụ khó khăn.

Những yếu kém trên có nguyên nhân khách quan về trình độ xuất phát điểm thấp của nền kinh tế và chịu tác động của điều kiện bất lợi

bên ngoài. Tuy nhiên, nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu, trong đó có những yếu tố quan trọng như : quy hoạch, kế hoạch có phần chưa phù hợp cơ chế thị trường, thực hiện không nghiêm túc ; phân công, phân cấp chưa rõ ràng, chưa hợp lý ; đặc biệt trong điều hành có nhiều yếu kém, biện pháp thiếu đồng bộ, thiếu cụ thể ; kiểm tra chưa thường xuyên, phát hiện vi phạm chưa kịp thời, xử lý chưa kiên quyết, nghiêm minh và công bằng.

Từ thực tiễn thực hiện Nghị quyết có thể rút ra bài học sâu sắc là :

- Nội lực luôn luôn là yếu tố quyết định, do đó phải dựa vào sức mình là chính, phải chủ động giải quyết các vấn đề đặt ra, đồng thời hết sức tranh thủ, tận dụng các nguồn lực bên ngoài ; có như vậy mới hạn chế được trở ngại, khó khăn, tận dụng được thời cơ, thuận lợi, thậm chí biến khó khăn thành thuận lợi để đứng vững và phát triển.

- Điều hành tập trung, đồng bộ, nhất quán, kiên quyết là điều kiện không thể thiếu để thực hiện được những mục tiêu đề ra. Sau khi xác định rõ mục tiêu phải tận dụng mọi công cụ, chính sách, huy động mọi nguồn lực, tập trung cao trong chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện, có như vậy các chủ trương, đường lối của Đảng mới đi vào cuộc sống.

*

* *

Nghị quyết Đại hội IX đề ra mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là : "Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững ; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc

làm ; cơ bản xóa đói, giảm số hộ nghèo ; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia". Trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân cần đạt 7,5%/năm. Trong hai năm đầu, tốc độ tăng trưởng bình quân chưa đạt 7%/năm, sẽ dồn sức ép lớn cho ba năm còn lại, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân có quyết tâm rất cao, tạo chuyển biến mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực, trong đó chú trọng đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Rút kinh nghiệm chỉ đạo điều hành thời gian qua, hướng vào mục tiêu trên, cần chú trọng thực hiện những giải pháp thiết yếu dưới đây.

Một là : Đổi mới nội dung và phương pháp lập quy hoạch, kế hoạch, cân đối sát giữa yêu cầu phát triển và điều kiện thực hiện ; cân đối giữa ngành, vùng và lĩnh vực. Trong việc lập quy hoạch, kế hoạch, cần chú ý cả yếu tố "tĩnh" và yếu tố "động" để vừa giữ vững định hướng, vừa thích ứng nhanh nhạy theo cơ chế thị trường. Hệ thống kết cấu hạ tầng cơ bản, những sản phẩm trọng yếu, then chốt của nền kinh tế... cần được chỉ đạo kiên quyết, chặt chẽ, thực hiện đúng theo quy hoạch dài hạn ; các bộ phận, sản phẩm khác, xây dựng kế hoạch có tính hướng dẫn và cần được điều chỉnh linh hoạt, kịp thời theo diễn biến của thị trường. Coi trọng, cải tiến, nâng cao chất lượng công tác dự báo thị trường. Quy hoạch ngành bám sát nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn bó chặt chẽ với quy hoạch vùng,

phù hợp phân bố lực lượng sản xuất trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, tránh bố trí trùng lặp. Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm làm đầu kéo cho sự phát triển chung của cả nước ; ở các vùng khác, cần xác định trọng điểm để tập trung phát triển, tạo tác động lan tỏa rộng.

Hai là : *Chọn lọc chương trình, dự án, bố trí vốn đầu tư tập trung, có trọng điểm, lấy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư làm tiêu chí chủ yếu để lựa chọn phương án và quyết định đầu tư ; kiểm soát, quản lý chặt chẽ, chống lãng phí, thất thoát trong đầu tư.* Vốn nhà nước cần tập trung vào hạ tầng kỹ thuật, xã hội, những sản phẩm then chốt, giáo dục, y tế, chữa bệnh và hưởng thụ văn hóa cho người nghèo, xóa đói giảm nghèo. Trừ lĩnh vực an ninh quốc phòng, cần đổi mới sử dụng vốn nhà nước, dùng làm "vốn môi" để huy động được các nguồn vốn xã hội cùng đầu tư dưới dạng các công ty cổ phần. Thực hiện cơ chế, chính sách phù hợp đủ để khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, phát triển các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế.

Ba là : *Tiếp tục phát triển thị trường trong nước ; tăng cường xúc tiến thương mại, khai thác, mở rộng thị trường ngoài nước.* Khẩn trương xây dựng hệ thống phân phối trong nước, trước hết là đối với những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống, chú trọng thị trường nông sản, nông thôn. Chuyển mạnh sự hỗ trợ của Nhà nước từ hỗ trợ đầu ra sang hỗ trợ đầu vào. Thực hiện bảo hộ bằng thuế có điều kiện, có thời hạn, có lộ trình cụ thể, công bố rõ đối với từng mặt hàng ; chuyển dần sang bảo hộ bằng hàng rào kỹ thuật và các biện pháp phù hợp thông lệ quốc tế. Đầu tư mạnh cho xúc tiến thương mại, tiếp cận, khai thác và mở rộng thị trường nước ngoài ; có biện pháp phù hợp để nâng cao sức cạnh tranh của hàng

Việt Nam với hàng cùng loại của các nước trong khu vực.

Bốn là : *Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chính sách tài chính quốc gia, tăng vốn của xã hội và Nhà nước cho đầu tư, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng.* Tăng thu ngân sách trên cơ sở nuôi dưỡng nguồn thu, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh và đẩy mạnh công tác quản lý tài chính. Đẩy mạnh và cải tiến phương thức phân cấp ngân sách, tạo động lực, khuyến khích tất cả các địa phương chủ động, sáng tạo, khai thác các nguồn thu để tăng chi. Đẩy mạnh phát triển thị trường vốn, hướng thị trường chứng khoán vào huy động vốn cho đầu tư phát triển. Sử dụng tốt hơn ngoại tệ gửi ở nước ngoài của hệ thống ngân hàng. Khuyến khích mạnh việc áp dụng các hình thức đầu tư như BOT, BT, BTO... với sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế. Kịp thời khắc phục những điểm kém hấp dẫn về môi trường đầu tư so với các nước trong khu vực, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, tăng nhanh thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn FDI.

Năm là : *Tiếp tục đổi mới, kiện toàn hệ thống ngân hàng, xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô, lành mạnh hóa và phát triển nhanh các tổ chức tín dụng.* Cung ứng tiền linh hoạt, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của nền kinh tế. Kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa chính sách tỷ giá và chính sách lãi suất, điều chỉnh sát với diễn biến thị trường, điều tiết có hiệu lực thị trường tiền tệ. Xây dựng lộ trình khắc phục dần tình trạng đô la hóa. Thực hiện kỷ luật tiền mặt. Tập trung phát triển có kết quả thanh toán qua ngân hàng. Tiếp tục lành mạnh hóa, sắp xếp, củng cố và phát triển hệ thống ngân hàng, nâng cao sức cạnh tranh, chuẩn bị khả năng

(Xem tiếp trang 34)



CÁC QUYỀN XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN từ Hiến pháp năm 1980 đến Hiến pháp năm 1992

NGUYỄN VĂN ĐỘNG*

1- Hiến pháp năm 1980 - sự mở đầu cho quá trình hoàn thiện các quyền xã hội cơ bản của công dân ở nước ta

Hiến pháp năm 1980 ra đời trong điều kiện đất nước ta thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. Việc thống nhất về mặt nhà nước và pháp luật đã tạo ra tiền đề chính trị - pháp lý quan trọng nhất để cả nước cùng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, Hiến pháp năm 1980 khẳng định lại các quyền xã hội cơ bản trong Hiến pháp năm 1959, nhưng bổ sung, mở rộng nội dung phần lớn các quyền đó cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới.

Về *quyền bảo hiểm xã hội của người lao động* (Điều 59). Điểm mới trong điều luật này là Hiến pháp quy định nghĩa vụ của Nhà nước hướng dẫn các hợp tác xã thực hiện từng bước chế độ bảo hiểm đối với xã viên hợp tác xã. Xã viên hợp tác xã cũng được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; mở rộng dần sự nghiệp bảo hiểm xã hội theo trình độ phát triển của nền kinh tế quốc dân và bảo đảm cho người lao động được hưởng quyền đó. Đối với *quyền bình đẳng nam, nữ* (Điều 63), Hiến pháp bổ sung bốn điểm mới: *một là*,

Nhà nước và xã hội có nghĩa vụ chăm lo nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học, kỹ thuật và nghề nghiệp của phụ nữ để phát huy vai trò của phụ nữ trong xã hội; *hai là*, Nhà nước cần hoạch định chính sách lao động phù hợp với điều kiện của phụ nữ; *ba là*, xã viên hợp tác xã cũng được hưởng phụ cấp sinh đẻ; *bốn là*, Nhà nước và xã hội phải chăm lo phát triển các nhà hộ sinh, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, các nhà ăn công cộng và những cơ sở phúc lợi khác. Trong Điều 64 về *quyền được Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình*, Hiến pháp bổ sung bốn điểm mới: khẳng định gia đình là tế bào của xã hội; hôn nhân được xây dựng trên các nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng; cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dạy con thành những công dân có ích cho xã hội, con có nghĩa vụ kính trọng và chăm sóc cha mẹ; Nhà nước và xã hội không thừa nhận sự phân biệt đối xử giữa các con. Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến Việt Nam, Hiến pháp năm 1980 dành một điều riêng quy định quyền của trẻ em (Điều 65), trong đó xác định rõ nghĩa vụ của Nhà nước và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em,

* TS Luật học, Giảng viên chính, Trường Đại học Luật Hà Nội

bảo đảm cho trẻ em phát triển bình thường, toàn diện. *Quyền của thanh niên* được quy định tại Điều 66, trong đó có hai điểm bổ sung quan trọng : Nhà nước và xã hội có nghĩa vụ bồi dưỡng lý tưởng cộng sản chủ nghĩa và giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên ; thanh niên có nghĩa vụ tham gia tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. *Quyền được sống* được quy định trong hai điều - Điều 69 và Điều 70. Điều 69 quy định quyền bất khả xâm phạm về thân thể, trong đó bổ sung hai điểm : việc bắt và giam, giữ người phải theo đúng pháp luật và nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình. Điều 70 quy định *quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng*.

Nhằm phát huy hơn nữa nguồn lực con người trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trên phạm vi cả nước, căn cứ vào những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực xã hội sau 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc (kể từ khi có Hiến pháp năm 1959) và các nhiệm vụ của Nhà nước, xã hội trong việc khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, Hiến pháp năm 1980 quy định 6 quyền xã hội mới : *quyền được bảo vệ sức khỏe* (Điều 61), *quyền có nhà ở* (Điều 62), *quyền của các đối tượng thuộc chính sách ưu đãi, ưu tiên của Nhà nước và của những người có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn* (Điều 74).

Theo Điều 61, mọi công dân đều có quyền được bảo vệ sức khỏe và Nhà nước thực hiện chế độ khám, chữa bệnh không phải trả tiền.

Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến nước ta, Hiến pháp năm 1980 ghi rõ : "*Công dân có quyền có nhà ở*" (Điều 62). Điều đó có nghĩa là, Nhà nước có trách nhiệm xây dựng nhà ở để phân phối cho dân ở. Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959 chỉ quy

định quyền bất khả xâm phạm về nhà ở. Với quy định này, Nhà nước ta thể hiện sự quan tâm sâu sắc tới một trong những vấn đề xã hội bức xúc nhất của người dân là nhà ở.

Theo nội dung Điều 74, cần phân biệt hai nhóm đối tượng - nhóm một gồm: thương binh, gia đình liệt sĩ, những người và những gia đình có công với cách mạng ; nhóm hai gồm : người già, người tàn tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa. Những người thuộc nhóm một được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước, được Nhà nước khen thưởng, chăm sóc, phù hợp với đạo lý truyền thống của dân tộc "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây". Những người thuộc nhóm hai được Nhà nước và xã hội giúp đỡ, phù hợp với truyền thống nhân đạo của dân tộc "lá lành đùm lá rách", "chị ngã em nâng", "bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn",...

Hiến pháp năm 1980 đã đạt được sự hoàn thiện đáng kể cả về nội dung lẫn hình thức trong việc xác lập các quyền xã hội cơ bản của công dân. Nội dung các quyền được quy định đầy đủ, cụ thể hơn và có kèm theo nghĩa vụ của Nhà nước. Về hình thức, Hiến pháp năm 1980 có 21 điều quy định 45 quyền cơ bản của công dân, trong đó có 10 điều quy định 17 quyền xã hội cơ bản (có 7 quyền mới).

Việc Hiến pháp năm 1980 tiếp tục ghi nhận và mở rộng nội dung các quyền xã hội cơ bản đã được quy định trong Hiến pháp năm 1959 không những nói lên rằng xã hội Việt Nam đã chuyển sang một giai đoạn mới - giai đoạn cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, mà còn thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với quyền con người, quyền công dân nói chung, các quyền xã hội nói riêng. Suy rộng ra, đó là sự quan tâm tới con người ; mà con người lại vừa là chủ thể

sáng tạo, vừa là sản phẩm của sự sáng tạo ấy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bảng 1 : Các quyền xã hội cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 1980.

(Xếp theo thứ tự từ thấp đến cao của các điều luật)

Số TT các điều luật	Số điều luật	Số TT các quyền xã hội cơ bản	Tên các quyền xã hội cơ bản
1	59	1	Quyền nghỉ ngơi
		2	Quyền được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội
2	61	3	Quyền được bảo vệ sức khỏe (mới)
3	62	4	Quyền có nhà ở (mới)
4	63	5	Quyền bình đẳng nam, nữ
		6	Quyền được hưởng chế độ thai sản của phụ nữ
5	64	7	Quyền được Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình
6	65	8	Quyền của trẻ em
7	66	9	Quyền của thanh niên
8 và 9	69 và 70	10	Quyền được sống
10	74	11	Quyền của thương binh (mới)
		12	Quyền của gia đình liệt sĩ (mới)
		13	Quyền của người có công với cách mạng (mới)
		14	Quyền của gia đình có công với cách mạng (mới)
		15	Quyền của người già
		16	Quyền của người tàn tật
		17	Quyền của trẻ em mồ côi (mới)

2 - Hiến pháp năm 1992 - bước phát triển của việc hoàn thiện các quyền xã hội cơ bản của công dân trong điều kiện đổi mới

Là sản phẩm của thời kỳ đổi mới, Hiến pháp năm 1992 đạt tới sự phát triển cao trong việc hoàn thiện các quyền xã hội cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 1992, một mặt, tiếp tục ghi nhận những quyền xã hội mà Hiến pháp năm 1980 quy định ; mặt khác, sửa đổi, bổ sung nội dung các quyền đó cho phù hợp với khả năng và điều kiện

của đất nước. Từ đó cũng làm xuất hiện một số quyền xã hội mới.

Trước hết nói về một số điểm bổ sung, sửa đổi nội dung các quyền xã hội mà Hiến pháp năm 1980 quy định.

Quyền bảo hiểm xã hội của người lao động được quy định tại Điều 56. Điểm mới ở đây là Hiến pháp quy định khuyến khích phát triển các hình thức bảo hiểm xã hội khác đối với người lao động ngoài chế độ bảo hiểm xã hội của Nhà nước đối với viên chức nhà nước và người làm công ăn lương.

Tại Điều 61 về **quyền được bảo vệ sức khỏe** có bốn điểm mới quan trọng đáng chú ý : *một là*, Hiến pháp xóa bỏ chế độ bao cấp trong việc khám, chữa bệnh, trừ một số đối tượng được miễn viện phí; *hai là*, Hiến pháp quy định nghĩa vụ của Nhà nước trong việc ban hành và thực hiện chế độ viện phí, chế độ miễn, giảm viện phí, chế độ bắt buộc cai nghiện và chữa các bệnh xã hội nguy hiểm ; *ba là*, nghiêm cấm sản xuất, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ, sử dụng trái phép thuốc phiện và các chất ma túy khác ; *bốn là*, Hiến pháp xác định nghĩa vụ của công dân thực hiện các quy định về vệ sinh phòng bệnh và vệ sinh công cộng.

Hiến pháp năm 1980 quy định công dân có quyền có nhà ở (Điều 62). Tới Hiến pháp năm 1992 thì quyền này được sửa lại thành ba quyền mới tại Điều 62 là : *quyền được xây dựng nhà ở theo quy hoạch và pháp luật, quyền được pháp luật bảo hộ của người có nhà cho thuê và quyền được pháp luật bảo hộ của người thuê nhà*. Việc Hiến pháp năm 1992 xóa bỏ chế độ bao cấp về nhà ở cũng là điều đúng đắn vì Nhà nước không có khả năng lo nhà ở cho mọi tầng lớp nhân dân, mà Nhà nước có thể xây nhà ở rồi cho dân thuê hoặc khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận

lợi để người dân tự xây dựng nhà ở cho mình theo quy hoạch và pháp luật.

Điều 63 quy định quyền bình đẳng nam, nữ và bổ sung : "Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ". Việc bổ sung này là cần thiết nhằm phòng ngừa và chống lại những hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, đánh đập, hành hạ, mua bán phụ nữ, sử dụng phụ nữ như là một công cụ để làm giàu phi pháp. Điều 64 quy định quyền được bảo hộ hôn nhân và gia đình, trong đó bổ sung cháu có bốn phận kính trọng và chăm sóc ông bà. Quy định này mang tính đạo đức sâu sắc và nó xuất phát từ thực tế hiện nay là trong nhiều gia đình có ba, thậm chí có bốn thế hệ chung sống, do đó con vừa có bốn phận kính trọng, chăm sóc cha mẹ, vừa kính trọng, chăm sóc ông bà.

Trong các điều quy định *quyền của trẻ em* (Điều 65) và *quyền của thanh niên* (Điều 66), Hiến pháp bổ sung thiết chế gia đình vào các thiết chế khác (Nhà nước và xã hội) cũng có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thanh niên. Điều đó khẳng định vị trí, vai trò ngày càng tăng của gia đình với tư cách là tế bào của xã hội, cái nôi đầu tiên của con người, đồng thời nhắc nhở mọi người hãy quan tâm xây dựng, củng cố gia đình để trẻ em, thanh niên được chăm sóc, giáo dục tốt hơn vì tương lai của đất nước, vì hạnh phúc của mọi nhà. Tại Điều 67 về quyền của các đối tượng được ưu đãi, của những người gặp hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt, Hiến pháp bổ sung một quyền mới là *quyền của bệnh binh được hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước*.

Để bảo đảm tính hiện thực của các quyền xã hội và tính thống nhất về quyền và nghĩa vụ trong quan hệ giữa Nhà nước và công dân, Hiến pháp năm 1992 tiếp tục xác định

rõ, cụ thể các nghĩa vụ của Nhà nước kèm theo các quyền xã hội cơ bản của công dân.

Từ những điều trình bày ở trên cho thấy Hiến pháp năm 1992 vừa kế thừa, vừa phát triển những quy định của Hiến pháp năm 1980 về các quyền xã hội cơ bản của công dân. Trong 23 điều quy định 55 quyền cơ bản có 9 điều xác lập 20 quyền xã hội cơ bản (có 4 quyền mới). Việc sửa đổi, bổ sung nội dung các quyền xã hội cơ bản đã được Hiến pháp năm 1980 ghi nhận càng làm cho chúng có tính khả thi hơn.

Bảng 2 : Các quyền xã hội cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 1992.

(Xếp theo thứ tự từ thấp đến cao của các điều luật)

Số TT các điều luật	Số điều luật	Số TT các quyền xã hội cơ bản	Tên các quyền xã hội cơ bản
1	56	1	Quyền được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội
		2	Quyền nghỉ ngơi
2	61	3	Quyền được bảo vệ sức khỏe
3	62	4	Quyền được xây dựng nhà ở theo quy hoạch và pháp luật (mới)
		5	Quyền được pháp luật bảo hộ của người có nhà cho thuê (mới)
		6	Quyền được pháp luật bảo hộ của người thuê nhà (mới)
4	63	7	Quyền bình đẳng nam, nữ
		8	Quyền được hưởng chế độ thai sản của phụ nữ
5	64	9	Quyền được Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình
6	65	10	Quyền của trẻ em
7	66	11	Quyền của thanh niên
8	67	12	Quyền của thương binh
		13	Quyền của bệnh binh (mới)
		14	Quyền của gia đình liệt sĩ
		15	Quyền của người có công với nước
		16	Quyền của gia đình có công với nước
		17	Quyền của người già
		18	Quyền của người tàn tật
		19	Quyền của trẻ mồ côi
9	71	20	Quyền được sống

Qua phân tích các quy định của Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992 về các quyền xã hội cơ bản của công dân, có thể rút ra một số nhận xét cơ bản sau đây :

Thứ nhất, các quyền xã hội cơ bản của công dân được hai Hiến pháp ghi nhận là sự cụ thể hóa các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia, thể hiện thái độ trước sau như một của Đảng và Nhà nước ta là luôn luôn tôn trọng và bảo đảm thực hiện các quyền con người nói chung, các quyền xã hội của con người nói riêng ở Việt Nam.

Thứ hai, các quyền xã hội cơ bản luôn luôn là bộ phận cấu thành trong hệ thống những quyền hiến định của công dân và có quan hệ chặt chẽ với các quyền khác về kinh tế, chính trị, dân sự, văn hóa (Hiến pháp năm 1980 quy định 45 quyền, trong đó có 17 quyền xã hội ; Hiến pháp năm 1992 quy định 55 quyền, trong đó có 20 quyền xã hội).

Thứ ba, các quyền xã hội cơ bản của công dân được hoàn thiện cả về nội dung lẫn hình thức qua hai Hiến pháp. Điều đó nói lên rằng, xã hội Việt Nam không ngừng biến đổi theo hướng tích cực và nhu cầu mọi mặt liên quan tới sự tồn tại và phát triển toàn diện của con người cũng ngày càng tăng lên, đòi hỏi phải được đáp ứng ; mặt khác, thể hiện sự phát triển liên tục của nền lập hiến nước nhà, mà trước hết là kỹ thuật lập hiến - từ chỗ Hiến pháp chủ yếu quy định những đối tượng cần được Nhà nước, xã hội giúp đỡ về

mặt xã hội, tới việc xác định rõ, cụ thể công dân có quyền được hưởng gì, quyền được làm gì. Rõ ràng, đó là quá trình phát triển của nền lập hiến Việt Nam, từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, gắn liền với sự phát triển đi lên của đất nước.

Thứ tư, cùng với những quyền hiến định của công dân, các quyền xã hội cơ bản là những giá trị xã hội quý báu được thừa nhận chung, mà sự tôn trọng và hiện thực hóa chúng là một trong những tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá mức độ hiệu quả hoạt động của Nhà nước và xã hội, vì mục tiêu : "Tất cả vì con người, cho con người". Từ đây thấy cần phải hoàn thiện bảo đảm pháp lý cho các quyền công dân nói chung, các quyền xã hội nói riêng, về phương diện tổ chức, hoạt động của bộ máy Nhà nước và về pháp luật.

Thứ năm, các quyền hiến định của công dân nói chung, các quyền xã hội cơ bản nói riêng, phản ánh địa vị làm chủ của công dân trong xã hội, khi quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Bởi thế cho nên, mỗi cá nhân cần luôn có ý thức tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích của Nhà nước và xã hội ; sử dụng đúng quyền của mình và thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh nghĩa vụ đối với Nhà nước, xã hội theo các nguyên tắc : "Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân" (Điều 51 Hiến pháp năm 1992), "Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật" (Điều 52 Hiến pháp năm 1992). □

Mấy suy nghĩ về thanh niên và phong trào thanh niên

ĐẶNG CẢNH KHANH *

1. Những cơ hội và thách thức đối với thanh niên trong những năm đầu thế kỷ XXI

Thanh niên luôn là lực lượng tiên phong, xung kích trong mọi hoạt động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, có một vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng. Nhận định về vị trí, vai trò của thanh niên trong sự nghiệp đổi mới, Đảng ta đã khẳng định: "Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước bước vào thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước trên con đường xã hội chủ nghĩa (XHCH) hay không phần lớn tùy thuộc vào lực lượng thanh niên, vào việc bồi dưỡng rèn luyện thế hệ thanh niên; công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng"⁽¹⁾.

Những năm qua, hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Đoàn TNCS Hồ Chí Minh) và phong trào thanh, thiếu niên đã có những bước phát triển mới

về chất. Số thanh niên phấn đấu trở thành Đoàn viên, Đảng viên Cộng sản đã tăng lên nhanh chóng. Các hoạt động của Đoàn không ngừng được đổi mới cả về nội dung và hình thức, năng động, phù hợp hơn với xu hướng phát triển chung của đất nước, đáp ứng nhu cầu, lợi ích của tuổi trẻ.

Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đối với thanh niên và phong trào thanh niên, sự ổn định về chính trị - xã hội của đất nước, môi trường hòa bình, hợp tác, liên kết quốc tế hiện nay, chính là *những cơ hội lớn* cho thanh, thiếu niên cống hiến, trưởng thành. Thanh niên ngày nay có nhiều điều kiện thuận lợi để "lập thân, lập nghiệp, xây dựng quê hương, đất nước" và phát huy vai trò, sức mạnh của thế hệ mình trên trường quốc tế. Tiến độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước, yêu cầu của sự phát triển kinh tế tri thức cùng với những hoạt động của "năm thanh niên" và bước phát triển mới của phong trào "thanh niên tình nguyện" đã trở thành động lực và tiền đề quan trọng để đoàn kết tập hợp, giáo dục thanh thiếu niên.

Tuy vậy, thanh niên ngày nay cũng phải đối mặt với những thách thức lớn. Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra trong quá trình đổi mới xây dựng đất nước (là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, nguy cơ lệch hướng XHCN, nguy cơ tham nhũng và nguy cơ diễn biến hòa bình) đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp. Đó vừa là thách thức chung đối với dân tộc ta, nhưng đồng thời cũng là những thách thức lớn đối với thanh niên.

* PGS, TS. Viện trưởng Viện Nghiên cứu Thanh niên

(1) Nghị quyết 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa VII về Thanh niên và công tác thanh niên

Sự thiếu đồng bộ về cơ chế, chính sách có liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên ; sự khác nhau về nhận thức giữa quyền lợi và nghĩa vụ giữa các thế hệ đối với thanh niên và phong trào thanh thiếu niên ; sự không tương xứng giữa phát triển tổ chức và yêu cầu ngày càng cao của công tác thanh niên ; những hạn chế nhất định của tổ chức Đoàn trong các hoạt động bảo vệ quyền lợi chính đáng của thanh, thiếu niên ; những thiếu thốn, khó khăn về cơ sở vật chất, điều kiện hoạt động... đã làm cho không ít tổ chức đoàn ở cơ sở còn thiếu sức sống, chưa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt và hoạt động của thanh, thiếu niên.

2. Một số dự báo về tình hình thanh niên

Về cơ cấu dân số thanh niên : Theo kết quả Tổng điều tra dân số năm 1999, tỷ lệ thanh niên từ 15 tuổi đến 35 tuổi chiếm 36% số dân (27 458 617 người) nước ta. Nhìn chung, trong những năm đầu thế kỷ XXI, thanh niên vẫn chiếm một vị trí quan trọng và một tỷ lệ cao trong cơ cấu dân số và trong nguồn nhân lực lao động xã hội. Tỷ lệ lao động trẻ chiếm tỷ lệ cao và là mũi nhọn của vấn đề giải quyết việc làm trong xã hội. Cùng với sự chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển khu vực công nghiệp, dịch vụ và sự thu hẹp của khu vực nông nghiệp, sự chuyển dịch lao động trẻ, cơ cấu xã hội, nghề nghiệp của thanh niên sẽ có thay đổi lớn so với hiện nay. Trong cơ cấu bên trong của nhóm nhân khẩu thanh niên, tỷ lệ những người không có việc làm sẽ giảm dần, tỷ lệ nhóm công nhân kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao sẽ tăng lên cùng với đà phát triển của quá trình CNH, HĐH. Thanh niên giữa các khu vực, vùng miền tiếp tục có sự phân hóa, chênh lệch ngày càng lớn về thu nhập, mức sống, về trình độ học vấn, về cơ hội và điều kiện phát triển cũng như hưởng thụ văn hóa, vui chơi, giải trí...

Về sự phát triển thể chất và sức khỏe của thanh, thiếu niên : Trong bối cảnh kinh tế tiếp tục phát triển, điều kiện chăm sóc sức khỏe và chế độ dinh dưỡng được cải thiện, thanh, thiếu niên nước ta chắc chắn sẽ phát triển mạnh hơn về thể chất và sức khỏe. Nếu như gần đây, các chỉ số về chiều cao và cân nặng của thanh, thiếu niên đã có những dấu hiệu được cải thiện thì trong những năm tới các chỉ số này sẽ còn tiếp tục được nâng lên. Thanh, thiếu niên nước ta sẽ có thể tham gia vào các cuộc tranh tài về thể dục, thể thao trong khu vực và thế giới với những thành tích ngày càng cao.

Chính sách phòng bệnh và khám, chữa bệnh cho nhân dân trong đó có thanh, thiếu niên được đầu tư thích đáng hơn cũng sẽ giúp cho thanh, thiếu niên nước ta ngăn chặn được nhiều loại bệnh tật, đặc biệt là các loại dịch bệnh, chẳng hạn như suy dinh dưỡng, bại liệt, lao, thương hàn... Tuy nhiên, do sự phát triển mạnh mẽ của quá trình CNH, HĐH, một số bệnh tật gắn liền với những điều kiện của xã hội hiện đại như tim mạch, thần kinh căng thẳng, nhiễm độc về môi trường và thực phẩm, hoặc một số bệnh xã hội, v.v.. cũng sẽ xuất hiện và phát triển. Bởi vậy, chúng ta cần có chính sách và chương trình hoạt động cụ thể để ngăn chặn kịp thời những loại bệnh tật này.

Về khả năng trí tuệ của thanh niên : Được quan tâm tốt hơn về điều kiện giáo dục đào tạo, trình độ văn hóa của thanh, thiếu niên sẽ được nâng cao hơn và không ngừng phát triển. Việc hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục toàn dân sẽ giúp cho thanh, thiếu niên có được những kiến thức cơ bản cần thiết để vào đời. Trong những điều kiện phát triển mới của khoa học, kỹ thuật, sự xuất hiện của những ngành nghề đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, cũng sẽ buộc thanh niên phải sống trong một môi trường cạnh tranh

mạnh mẽ về chất lượng lao động và phải có những nỗ lực lớn trong học tập để nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn. Vì thế khả năng trí tuệ của thanh niên sẽ có những bước phát triển đáng kể so với trước đây.

Ngoài việc nâng cao mặt bằng dân trí chung của xã hội, những thanh, thiếu niên ưu tú có năng lực tư duy, trí thông minh và sự cần mẫn sẽ có điều kiện để vượt lên. Họ chính là những nhân tố mới, những tài năng của đất nước. Có thể khẳng định, trong những điều kiện được chăm sóc, bồi dưỡng tốt, giai đoạn phát triển của những năm tới đây sẽ là giai đoạn phát triển mạnh của những tài năng trẻ. Những tài năng này sẽ xuất hiện trước tiên ở những lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật mũi nhọn. Xã hội tạo điều kiện để các tài năng trẻ xuất hiện và đến lượt mình những nhân tài trẻ tuổi này lại đóng góp tích cực vào sự phát triển tiến bộ của xã hội.

Về nhận thức chính trị và tính tích cực xã hội của thanh niên : Những thành tựu của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước mà thanh niên là lực lượng nòng cốt đã làm cho chính thanh niên nhận thức ngày càng rõ hơn về tương lai, tiền đồ của đất nước. Nhận thức chính trị và tính tích cực xã hội của thanh niên được tăng cường sẽ giúp họ chủ động, tích cực trong việc bảo vệ, xây dựng đất nước, bảo vệ những thành quả cách mạng mà các thế hệ trước mang lại.

Nếu những nghiên cứu gần đây cho thấy, tỷ lệ thanh niên tích cực phấn đấu để gia nhập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt nam ngày càng cao thì trong những năm tới, tỷ lệ này sẽ tiếp tục được duy trì. Thanh niên sẽ có mặt với tinh thần xung kích cách mạng trong các lĩnh vực hoạt động mũi nhọn của đất nước, tiếp tục là lực lượng chủ yếu trên mặt trận bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Với tinh thần tích cực, quên mình của những người tình nguyện, họ cũng xuất hiện ở những nơi khó khăn gian khổ, những vùng nghèo đói, văn hóa xã hội còn chậm phát triển, những xóm, bản xa xôi hẻo lánh, để lao động, sản xuất, giúp đỡ mọi người. Sự tham gia tích cực của thanh niên trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, cho phép chúng ta tin tưởng rằng thế hệ trẻ sẽ có đủ khả năng và bản lĩnh chính trị để đảm đương được những nhiệm vụ lịch sử quan trọng của thời đại, đưa cách mạng nước ta phát triển lên một tầm cao mới.

Tuy nhiên, trước những biến động phức tạp của cuộc sống, những thách thức từ cơ chế thị trường và chính sách mở cửa, một bộ phận không nhỏ trong thanh niên cũng có thể không duy trì được bản lĩnh chính trị cần thiết. Họ bị cuốn hút bởi sự cám dỗ của đồng tiền và những đòi hỏi vật chất, ít quan tâm đến quyền lợi chung của tập thể. Một số khác, trước ảnh hưởng của lối sống cá nhân, vị kỷ, những tác động xấu từ văn hóa phương Tây, có thể sẽ sa vào các tệ nạn xã hội. Số thanh, thiếu niên vi phạm pháp luật, làm ăn phi pháp, thanh niên nghiện ma túy, thanh niên tham gia vào các tệ nạn cờ bạc, mại dâm... nếu không được ngăn chặn kịp thời sẽ có thể còn tăng lên. Tình hình này có thể sẽ làm cho bộ mặt xã hội có những phức tạp, ảnh hưởng xấu tới nhận thức và hành động chung của thanh, thiếu niên. Đây là sẽ là một trong những thách thức lớn đối với hoạt động chung của phong trào thanh, thiếu niên cũng như của chính sự phát triển nguồn nhân lực thanh niên trong thời gian tới.

Những động lực mới của phong trào thanh niên.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh với tính chất là tổ chức của những người cộng sản trẻ tuổi, là trường học XHCN của thanh niên, là hạt

nhân đoàn kết, tập hợp, giáo dục thanh niên, phụ trách thiếu nhi, đội dự bị tin cậy của Đảng, chỗ dựa vững chắc của chính quyền nhân dân, sẽ là một tổ chức chính trị xã hội có vị trí quan trọng đặc biệt trong phong trào thanh niên sẽ ngày càng phát triển vững mạnh.

Với phương châm : *"Chất lượng cơ sở là trọng tâm, cán bộ là then chốt, đoàn kết tập hợp thanh niên là nhiệm vụ hàng đầu"* trong nhiệm kỳ hoạt động 2002 - 2007, Đoàn sẽ kết nạp thêm khoảng 4 triệu đoàn viên mới, nâng tổng số đoàn viên đến cuối nhiệm kỳ là 5 triệu đoàn viên, không để tình trạng thôn, bản, ấp chưa có tổ chức đoàn, và sẽ giới thiệu cho Đảng khoảng 1,2 triệu đoàn viên ưu tú.

Trong bối cảnh trên, hệ thống tổ chức và cơ chế hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục được đổi mới và hoàn thiện. Sự gắn kết giữa Đoàn với đoàn viên, giữa Đoàn với thanh niên sẽ ngày càng được tăng cường. Đoàn sẽ giữ vững vai trò là tổ chức đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của thanh niên.

Đoàn cũng sẽ phát triển mạnh về tổ chức trong những đội hình thanh niên tình nguyện tập trung, trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các ngành, lĩnh vực kinh tế xã hội đặc thù và trong cả cộng đồng thanh niên ở nước ngoài, với phương châm : *"Ở đâu có thanh niên, ở đó có tổ chức của thanh niên (Đoàn, Hội) hoặc sự tác động, ảnh hưởng của Đoàn"*. Mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên sẽ không ngừng được mở rộng, tổ chức Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Hội Sinh viên Việt Nam cũng sẽ được củng cố và phát triển mạnh mẽ hơn. Trong nhiệm kỳ tới, chúng ta sẽ có từ 90% đến 100% số xã, phường, 10% đến 20% số doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có tổ chức Hội ; hầu hết các trường đại học, cao đẳng và

trung học chuyên nghiệp, dạy nghề sẽ có tổ chức Hội Sinh viên Việt Nam hoặc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Cùng với sự phát triển trên, Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam trong Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cũng sẽ được củng cố và phát triển. Công tác thanh niên trong các vùng tôn giáo và dân tộc cũng được củng cố.

Trong giai đoạn mới, các phong trào hành động cách mạng của thanh niên sẽ tiếp tục phát triển và nâng cao từng bước. Kế thừa và phát huy kết quả nhiều mặt của hai phong trào lớn *"thanh niên lập nghiệp"* và *"tuổi trẻ giữ nước"*, trong thời gian tới, phong trào *"thi đua, tình nguyện"* sẽ được triển khai sâu rộng trong tất cả các đối tượng thanh niên. Nội dung cơ bản của phong trào *"thi đua, tình nguyện"* là : Thi đua học tập, đi đầu xây dựng xã hội học tập và phát triển kinh tế tri thức ở nước ta. Thực hiện theo lời Bác Hồ dạy : *"Học để làm người, học để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân"*,

Bên cạnh, việc phát triển rộng rãi các hình thức hỗ trợ học tập, rèn luyện trong nhà trường như các loại hình câu lạc bộ, các cuộc thi, các loại giải thưởng, học bổng, các đợt thi đua, chương trình hỗ trợ tài năng trẻ... Đoàn Thanh niên cũng tham gia tích cực vào việc động viên, khuyến khích đoàn viên đổi mới phương pháp dạy và học trong nhà trường, cổ vũ phong trào học tập trong mọi đối tượng thanh niên theo phương châm : *"học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học ở nhân dân"*, *"ở nơi nào cũng phải học, làm việc gì cũng phải học"*. Phát triển rộng rãi các đội hình thanh niên tình nguyện tham gia chống tái mù chữ và phổ cập giáo dục trung học cơ sở cho thanh niên miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Trong những năm tới, chúng ta sẽ cố gắng phấn đấu 100% tổ chức đoàn cấp huyện có

quỹ khuyến học, khuyến tài, hầu hết đoàn cơ sở có hoạt động hỗ trợ, khuyến khích tài năng trẻ. Thi đua lập nghiệp và lao động sáng tạo, xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong điều kiện mới.

Đoàn sẽ tiếp tục phát triển các loại hình dạy nghề, tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, hướng dẫn đoàn viên thanh niên lập các dự án vay vốn, đồng thời phối hợp xây dựng các cơ chế cần thiết giúp thanh niên vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Trong bối cảnh trên, mô hình trang trại trẻ sẽ tiếp tục được nhân rộng và phát triển. Làng thanh niên, làng ngư nghiệp thanh niên, khu kinh tế thanh niên sẽ được tiếp tục hoàn thiện và nhân rộng. Một số hình thức liên kết lao động mới sẽ hình thành và phát triển như mô hình hợp tác xã thanh niên.

Các hoạt động lao động sáng tạo gắn với tri thức, công nghệ mới, với năng suất lao động và chất lượng sản phẩm cao hơn sẽ được đẩy mạnh. Phong trào phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới sẽ có những bước phát triển. Hầu hết các cơ sở đoàn ở nông thôn sẽ có điểm trình diễn kỹ thuật hoặc hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Với tinh thần xung phong tình nguyện, sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu làm bất cứ việc gì mà Đảng và nhân dân yêu cầu, ngày càng có nhiều thanh niên tham gia phong trào thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng, tham gia phát triển kinh tế, xã hội ở những lĩnh vực, địa bàn, khó khăn như : phát triển kinh tế biển, đảo ; xây dựng mô hình đảo thanh niên ; tham gia chương trình đánh bắt hải sản xa bờ, chương trình định cư trên đảo ; xây dựng đường Hồ Chí Minh ; phát triển

giao thông nông thôn ở đồng bằng sông Cửu Long...; thực hiện các chương trình, dự án về dân số, sức khỏe, môi trường..., phòng chống ma túy, tội phạm ; v.v.. Xây dựng những chuẩn mực văn hóa và lối sống mới phù hợp với yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước .

Với tinh thần sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ những thành quả cách mạng đã đạt được, thanh niên tình nguyện luôn đi đầu, cuốn hút đông đảo thanh niên tham gia phong trào bảo vệ Tổ quốc, tích cực thực hiện nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng phục vụ lâu dài trong quân đội, tình nguyện phục vụ ở biên giới, hải đảo... Thực hiện tốt các chính sách hậu phương quân đội, đẩy mạnh các phong trào : "Vì người bạn tòng quân", "Vì điểm tựa tiền tiêu Tổ quốc", "Vì các chiến sĩ nơi biên giới hải đảo".

Dự thảo Báo cáo của Ban chấp hành Trung ương Đoàn khóa VII tại Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh lần thứ VIII đã đưa ra mục tiêu cơ bản của công tác Đoàn và phong trào thanh, thiếu niên nhiệm kỳ 2002 - 2007 là : *"Tích cực chăm lo bồi dưỡng thanh niên về lý tưởng, đạo đức cách mạng, về trình độ học vấn, nghề nghiệp, về thể chất ; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thanh niên ; vận động thanh niên xung kích đi đầu tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đông đảo thanh niên xung phong tình nguyện tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc ; xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh vững mạnh, mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên, góp phần xây dựng Tổ quốc Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*. Thực hiện mục tiêu trên, thanh niên chúng ta sẽ nắm vững thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức cùng toàn Đảng, toàn dân đưa sự nghiệp cách mạng nước ta phát triển lên một tầm cao mới. □

Toàn cầu hóa và sự đổi mới quản trị kinh doanh CỦA CÁC DOANH NGHIỆP

NGUYỄN BÁCH KHOA*

NGÀY nay, khi các lực lượng tham gia toàn cầu hóa áp dụng những thành tựu công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, quá trình toàn cầu hóa đang kéo theo biết bao nhiêu biến đổi nhanh chóng trong nhiều lĩnh vực, kể cả những biến đổi trong kinh doanh.

Trong bối cảnh đó, một thách thức to lớn đối với các nhà quản trị doanh nghiệp là phải đề ra và thực hiện những chiến lược phát triển mới phù hợp. Khi hoạch định các chiến lược phát triển, cần tính đến những yếu tố sau :

Một là, toàn cầu hóa kinh tế tác động đến các doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất sẽ chuyển dịch tới những khu vực kinh tế thuận lợi hơn, hoặc các biện pháp bảo hộ để ngăn chặn những dòng chuyển dịch này sẽ làm tăng chi phí của các doanh nghiệp.

Hai là, công nghệ mới ngày càng tiến bộ sẽ liên tục chi phối hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Công nghệ nhân bản vô tính, biến đổi gen, kỹ thuật số, tự động hóa góp phần tạo ra những sản phẩm sinh học, thực phẩm mới, những

ngôi nhà, xe hơi thông minh và các rô-bốt trí tuệ sẽ thực hiện được rất nhiều việc thay cho con người.

Ba là, nhu cầu phát triển là một động lực thúc đẩy sự điều chỉnh các nền kinh tế.

Ngày càng có nhiều người, nhiều quốc gia tin rằng kinh tế thị trường sẽ hoạt động tốt hơn trong những điều kiện tương đối tự do, nơi mà người mua có thể quyết định mua cái gì, ở đâu và các doanh nghiệp được tự do quyết định sản xuất và bán cái gì.

Ngoài ra, trong bối cảnh toàn cầu hóa, các doanh nghiệp còn phải thấy rằng :

- Nếu trong phạm vi một nền kinh tế, kinh doanh của doanh nghiệp chủ yếu là tạo ra và cung ứng các hàng hóa và dịch vụ cho khách hàng trong nước, thì trong những điều kiện kinh doanh của toàn cầu hóa, đối tượng khách hàng được mở rộng hơn nhiều. Do vậy, các nhà quản trị doanh nghiệp phải mở rộng tầm nhìn kinh doanh, tạo ra nhiều sản phẩm mới có chất lượng, phục vụ nhu cầu ngày càng phong phú của đủ loại khách hàng quốc tế.

- Nếu kinh doanh trên thị trường nội địa, các doanh nghiệp xem xét chủ yếu nhu cầu của hai loại khách hàng là người

* PGS, TS., Trường Đại học Thương mại

tiêu dùng và các doanh nghiệp trong nước thì dưới tác động của toàn cầu hóa, thị trường quốc nội và thị trường quốc tế ngày càng được gắn kết các tổ chức phi lợi nhuận và các tổ chức chính phủ trở thành những khách hàng quan trọng.

Vì vậy, các doanh nghiệp cần cân nhắc đến các yếu tố cạnh tranh trên những thị trường toàn cầu, và phải có chiến lược kinh doanh mới hoàn toàn khác xa chiến lược kinh doanh ở thị trường trong nước. Nhiều doanh nghiệp cho rằng có 12 nhân tố mang tính toàn cầu tác động đến sự nhận dạng thời cơ cũng như thách thức mà mỗi doanh nghiệp phải biết và có đối sách thích ứng. Đó là :

- Ngoài sự chi phối mạnh mẽ của những quy định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), thương mại thế giới còn chịu tác động của các khu vực thương mại hay hiệp định thương mại tự do như EU, NAFTA, ASEAN, MERCOSUR,...

- Mức gia tăng nhanh chóng của vận tải, truyền thông và giao dịch tài chính quốc tế dẫn tới sự tăng trưởng mạnh của thương mại và đầu tư thế giới, đặc biệt là của 3 trung tâm kinh tế Bắc Mỹ, Tây Âu và Viễn Đông.

- Sức mạnh kinh tế của một số nước châu Á thể hiện ngày càng rõ trên thị trường thế giới.

- Nợ của nhiều nước làm cho hệ thống tài chính quốc tế chao đảo.

- Sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, cùng với việc xã hội hóa các doanh nghiệp nhà nước.

- Cùng với tăng trưởng kinh tế và mức sống, các nhu cầu của con người ngày càng cao.

- Thị trường được mở rộng tới các nước và khu vực mới như : Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Âu, các nước Ả Rập, Mỹ La-tinh, Đông Nam Á.

- Xu hướng sáp nhập và liên minh, liên kết của các công ty đa quốc gia tạo nên những tập đoàn khổng lồ cạnh tranh mạnh hơn.

- Xung đột sắc tộc và tôn giáo ở một số nước trở nên gay gắt, ảnh hưởng tới kinh doanh.

- Tăng số lượng nhãn hiệu hàng hóa có giá trị trên toàn cầu như nhãn hiệu ô-tô, thực phẩm, quần áo, đồ điện tử...

Doanh nghiệp cần thường xuyên theo dõi 12 nhân tố trên, đồng thời tính đến các điều kiện dân số, kinh tế, tự nhiên, công nghệ, chính trị - pháp luật và xã hội - văn hóa để nhận dạng đúng thời cơ đem lại tiềm năng sinh lợi và giảm thiểu rủi ro.

Đối với các doanh nghiệp, có thể nói rằng, dưới tác động của toàn cầu hóa, thị trường có thể trở nên rộng lớn song cũng có thể bị thu hẹp nhanh chóng. Những thay đổi này đã và đang tạo ra các thách thức mới cho kinh doanh. Doanh thu có thể bị suy giảm bởi phần lớn các mặt hàng kinh doanh của doanh nghiệp không thể được duy trì khi xuất hiện những sản phẩm và dịch vụ mới thay thế, có giá trị cao. Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải tích cực tìm kiếm những sản phẩm mới, công nghệ mới. Tăng trưởng chậm, doanh thu không cao buộc các doanh nghiệp phải tìm kiếm thị trường mới và họ càng nhận rõ

vai trò của ma-két-ting trong việc nhận dạng và lựa chọn thời cơ nhằm tìm kiếm những nguồn tăng doanh thu mới. Giá nội địa chịu tác động mạnh của giá thế giới, nhất là giá nông sản. Đây là một thách thức đối với nông dân. Mất mùa thì không có thu nhập, được mùa vào thời điểm rớt giá trên thị trường thế giới, thì hàng bị tồn đọng, không bán được, dẫn đến thu nhập giảm. Toàn cầu hóa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia cạnh tranh trên thị trường từ mọi hướng. Nhu cầu của người tiêu dùng ngày càng đa dạng và họ là những khách hàng khó tính vì họ mong muốn được hưởng chất lượng hàng hóa, dịch vụ cao hơn và được phục vụ theo mong muốn của họ. Họ ngày càng ít trung thành hơn đối với nhãn hiệu sản phẩm. Do có được nhiều thông tin hơn về các sản phẩm từ mạng In-tơ-nét và các nguồn thông tin khác nên việc mua sắm ngày càng được lựa chọn kỹ lưỡng hơn. Sự phát triển của hoạt động nghiên cứu và triển khai tạo sản phẩm, mẫu mã, nhãn hiệu mới ngày càng đa dạng và phong phú hơn. Các nhà sản xuất phải đối phó với sự cạnh tranh mạnh mẽ của những nhãn hiệu mới ở trong nước và nước ngoài, buộc phải tăng chi phí ma-két-ting, đặc biệt là các chi phí xúc tiến, quảng cáo hay khuyến mại và co hẹp lợi nhuận cận biên. Sức ép ngày càng tăng từ phía các nhà bán lẻ có vị thế lớn trên thị trường như các cửa hàng siêu thị, do những hãng này chiếm một tỷ trọng thị trường nhất định và sử dụng những thương hiệu riêng trong cạnh tranh với các thương hiệu khác.

Các thương nhân kinh doanh bán lẻ cũng bị sức ép bởi tình trạng gia tăng số

lượng cửa hàng bán lẻ. Họ phải đối mặt với sự cạnh tranh gia tăng từ các doanh nghiệp kinh doanh qua ca-ta-lô, In-tơ-nét, thư chào hàng trực tiếp, quảng cáo trên tivi, báo, tạp chí, bán giao hàng tại nhà... Do đó, để ứng phó, các nhà kinh doanh bán lẻ tìm cách tăng cường tiếp cận với khách hàng bằng cách mở những góc vui chơi giải trí, giải khát bên trong các khu siêu thị của mình như các quán ba cà-phê, hay tổ chức các buổi trưng bày, trình diễn, hội thảo. Rõ ràng trước những thách thức đó, sự ứng phó và điều chỉnh của các doanh nghiệp là điều cần thiết để hướng tới kinh doanh có hiệu quả.

Có thể nêu 9 xu hướng mà các doanh nghiệp Việt Nam có thể áp dụng : *Một là*, thay đổi cơ cấu tổ chức và công nghệ sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. *Hai là*, tạo nguồn bên ngoài, nghĩa là chuyển từ việc chế tạo mọi thứ ở bên trong nội bộ doanh nghiệp sang mua nhiều hơn các hàng hóa và dịch vụ từ bên ngoài doanh nghiệp nếu nó được làm rẻ hơn và tốt hơn. Một số doanh nghiệp đã chuyển dịch theo hướng tạo mọi nguồn ở bên ngoài và hình thành các doanh nghiệp vệ tinh quanh mình. Những doanh nghiệp này sẽ sở hữu rất ít tài sản và bởi vậy, chi phí đầu tư thấp và hoàn vốn nhanh. *Ba là*, phát triển thương mại điện tử, tức là ngoài việc thu hút khách hàng đến các cửa hàng, phải chào bán trên mạng In-tơ-nét toàn bộ các sản phẩm của mình. Các khách hàng có thể truy cập mạng đọc các hướng dẫn, xem xét lựa chọn mua sắm sản phẩm theo giá và thời hạn tốt nhất. Khách hàng có thể sử dụng những trang điện tử để mua những hàng hóa thông dụng. Việc bán hàng cho

cá nhân cũng có thể được đẩy mạnh theo phương thức thương mại điện tử, với việc người mua và người bán thường xuyên truy nhập mạng máy tính, xử lý thông tin, xem xét việc mua bán. *Bốn là*, thực hiện các chuẩn mực của thế giới. Doanh nghiệp nên chuyển từ hoạt động tự cải tiến của mình sang nghiên cứu và thực hiện những chuẩn mực của thế giới. *Năm là*, thực hiện liên minh, liên kết rộng rãi để hình thành mạng liên kết giữa các doanh nghiệp đối tác với nhau. *Sáu là*, thiết lập quan hệ đối tác tin cậy để giảm số lượng nhà cung cấp, tăng chất lượng những cơ sở cung cấp thông qua các mối quan hệ đáng tin cậy. *Bảy là*, lựa chọn thị trường trọng điểm theo các phân đoạn thị trường. *Tám là*, hình thành các doanh nghiệp không chỉ hoạt động mang tính địa phương mà còn có tính toàn cầu. *Chín là*, phân cấp công tác quản trị ở các cơ sở kinh doanh, phát huy sáng kiến.

Đối với các nhà ma-két-ting trong bối cảnh toàn cầu hóa sự điều chỉnh có thể thực hiện theo hướng :

Không chỉ tiến hành ma-két-ting ở các nơi giao dịch mà còn sử dụng các kênh khác nhau để xây dựng những mối quan hệ khách hàng có khả năng sinh lợi lâu dài. Quan tâm đến việc giữ khách hàng bằng cách chào bán sản phẩm có nhu cầu thường xuyên ở mức giá thấp hơn, từ đó có thể tăng lợi nhuận nhờ số khách mua hàng thường xuyên tăng lên. Tăng lượng khách hàng bằng cách nâng cao thị phần thông qua chào bán nhiều loại hàng hóa cho các khách hàng và thực thi những biện pháp lưu giữ khách hàng.

Ma-két-ting với mục tiêu từ chỗ bán hàng cho đồng loạt mọi người, cố gắng trở thành một doanh nghiệp có uy tín phục vụ tốt nhất cho những thị trường đã được xác định rõ. Thực hiện đặc thù hóa, nghĩa là từ bán sản phẩm giống nhau bằng cách thức như nhau cho mọi người trên thị trường mục tiêu sang bán hàng mang tính phục vụ chuyên biệt theo ý muốn đặc thù của từng khách hàng qua các thông điệp chào bán. Khách hàng sẽ có điều kiện yêu cầu những sản phẩm có các đặc điểm riêng trên các trang điện tử của doanh nghiệp.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về khách hàng gồm nhiều thông tin mua sắm, sở thích, dân số học và khả năng thanh toán của khách hàng. Sử dụng các phương tiện truyền thông hỗn hợp để quảng cáo thay cho việc chủ yếu dựa vào một công cụ duy nhất. Mỗi nhân viên của doanh nghiệp phải có ý thức là một nhà ma-két-ting, và có ý thức lấy khách hàng làm mục tiêu phục vụ.

Trong xu thế toàn cầu hóa, khi các thành tựu của công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi, những cơ hội xuất hiện song những thách thức cũng nảy sinh trước các doanh nghiệp. Thực tiễn ứng phó với toàn cầu hóa ở nhiều nước cho thấy, có nhiều doanh nghiệp thành công song cũng có không ít doanh nghiệp bị thất bại. Những doanh nghiệp trụ vững và tiếp tục phát triển là các doanh nghiệp coi trọng chữ tín với khách hàng, rất năng động, biết đổi mới, biết thay đổi phương thức, đối tượng và cơ cấu kinh doanh một cách nhanh chóng để thích ứng với những đòi hỏi đang biến đổi của thị trường. □

TRONG năm 2001, bức tranh kinh tế thế giới không mấy sáng sủa, tăng trưởng GDP chỉ đạt 1,3% (giảm 3,4% so với năm 2000), trong khi đó, kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng GDP 6,8% là một điều đáng mừng.

Việt Nam trở thành một địa chỉ đầu tư tin cậy trong khu vực và trên thế giới. Song, bên cạnh những thành tựu cũng còn không ít những yếu kém, nhất là ở hàng nông sản với các mặt hàng chủ lực như : gạo, cà-phê, hạt điều,

hạt tiêu. Năm 2001, xuất khẩu gạo tăng 64% về lượng nhưng kim ngạch giảm 8,5% ; cà-phê tăng xuất khẩu 29% nhưng kim ngạch giảm 20% ; hạt tiêu tăng 62% về lượng, kim ngạch giảm 28%. Tình hình xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2002 cũng có biểu hiện tương tự, khối lượng hàng xuất khẩu tăng 1,1%, trong khi giá hàng xuất khẩu giảm 5,2%, tương đương mức giảm 477 triệu USD. Xuất khẩu hàng sơ chế chiếm tới 60% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong khi đó, hàng công nghiệp chỉ chiếm 38% (Trong kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc và Thái Lan hàng công nghiệp chiếm tới 90%). Trình độ công nghệ của ta lạc hậu so với thế giới từ 10 đến 30 năm. Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam năm 1999 là 48/53, năm 2000 là 49/59, năm 2001 là 62/75. Điều đó nói lên *sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường thế giới còn*

rất kém. Nền kinh tế nước ta đang trong giai đoạn chuyển đổi từ kinh tế bao cấp sang kinh tế thị trường, từ trạng thái khan hiếm hàng hóa sang dư thừa hàng hóa, từ kinh tế tự cấp, tự túc sang kinh tế hội nhập. Ở nền kinh tế bao cấp,

Nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

NGUYỄN HOÀNH XANH*

trong quan hệ cung - cầu về hàng hóa thì "cung" quyết định "cầu" ; ngược lại, ở kinh tế thị trường, kinh tế hội nhập thì "*cầu*" sẽ quyết định "*cung*". Điểm khác biệt cơ bản này cần được quán triệt một cách sâu sắc khi chúng ta chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế thế giới với những đặc trưng là tự do hóa thương mại. Hiện nay, lộ trình hội nhập đã mở : Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã được Quốc hội hai nước phê chuẩn đang đi vào cuộc sống ; các cam kết về thuế quan để thực hiện AFTA đã chuẩn bị để thực hiện, đặc biệt là Trung Quốc gia nhập WTO. Xét trên nhiều phương diện sẽ không chỉ là thách thức mà là cả cơ hội cho nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam. Để tranh thủ thời cơ và vượt qua thách thức, chỉ có

* Thạc sĩ, Văn phòng Đại diện Ngân hàng Nhà nước tại TP HCM

một con đường duy nhất là nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trên các mặt :

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý và quản lý vĩ mô

Để có ưu thế về cạnh tranh xét trên bình diện quốc gia, chúng ta phải tạo nên sự an toàn, ổn định về an ninh chính trị, thông thoáng về hệ thống pháp luật và môi trường đầu tư, sự minh bạch công khai về hoạt động kinh doanh, nhất là lĩnh vực tài chính. Cần lưu ý là, tuy nước ta được PERC (Tổ chức tư vấn rủi ro về kinh tế và chính trị có trụ sở tại Hồng Kông) xếp vào loại an toàn nhất về môi trường đầu tư, nhưng lại bị xếp vào loại kém nhất về trình độ công khai, minh bạch trong hoạt động tài chính. Để xây dựng một hệ thống pháp lý rõ ràng, nhất quán, ổn định nhằm tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, cần nhanh chóng ban hành luật *Cạnh tranh* và *Chống độc quyền* - yếu tố pháp lý quan trọng cho kinh tế thị trường, đồng thời tiến hành cải cách cơ cấu kinh tế : hướng về xuất khẩu ; cải cách và hiện đại hóa hệ thống ngân hàng ; phát triển kinh tế tư nhân. Cần có khung pháp lý về *bảo hộ hàng sản xuất trong nước*.

Hiện nay, quan hệ thị trường chủ yếu chỉ được xác lập ở đầu ra của sản phẩm (tiêu thụ, dịch vụ), còn các yếu tố khác (thị trường sức lao động, thị trường bất động sản, thị trường công nghệ...) chưa có khung pháp lý rõ ràng, đầy đủ. Chính những yếu tố này đã trực tiếp hoặc gián tiếp làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam. Đó cũng chính là những rào cản cần nhanh chóng vượt qua trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Trước mắt, Chính phủ cần có những biện pháp *kiểm soát giá* của những doanh nghiệp Nhà nước độc quyền, mức giá độc quyền này phải được thị trường chấp nhận, trên cơ sở đó cần có sự trợ

giá, bảo hiểm giá đối với hàng nông sản. Mặt bằng giá của các sản phẩm độc quyền được bảo hộ như : xi-măng, đường mía, ô tô, xe máy, dịch vụ viễn thông đều cao hơn mức trung bình của khu vực. Giá xi-măng nhập từ Thái Lan về Việt Nam là 36 USD/tấn, còn xi-măng Việt Nam là 50 USD/tấn, nếu tính đến việc cắt giảm thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế, thì sự chênh lệch còn lớn hơn. Trong khi đó, hàng nông sản không được bảo hộ, phụ thuộc giá thị trường thế giới và thuộc loại rẻ nhất trong khu vực (nhất là giá gạo) làm giảm sút thu nhập của nông dân. Vì vậy, trên tầm vĩ mô, Nhà nước cần có chính sách điều tiết nhằm thu hẹp tỷ giá chênh kéo giữa hàng nông sản và hàng công nghiệp, dịch vụ. Đối với hàng nông sản cần tranh thủ khai thác "*chương trình bảo hiểm rủi ro giá hàng hóa*" của WB đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Bằng cách này, chúng ta sẽ được quyền chọn bán các mặt hàng nông sản như : gạo, cà-phê, điều... với mức giá kỳ hạn khi có những bất lợi về giá. Chúng ta biết rằng đối với lĩnh vực nông nghiệp làm tăng sản lượng thì dễ, nhưng làm tăng lợi tức thì không đơn giản chút nào, do đó tìm thị trường ổn định cho hàng nông sản đặt ra như một nhu cầu cấp thiết trong tiến trình hội nhập mang tính cạnh tranh gay gắt.

2. Cấu trúc lại nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

Hội nhập và cạnh tranh là hai mặt của một tiến trình toàn cầu hóa kinh tế quốc tế. Xét bên trong của một nền kinh tế thì sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp được xem như yếu tố nội sinh, một phương thức phân phối và sử dụng tài nguyên có hiệu quả nhất. Cạnh tranh tác động đến doanh nghiệp trên cả hai phương diện sẽ gây áp lực và tạo động lực. Trong nền kinh tế thị trường, sức ép này còn mạnh hơn cả

pháp luật. Để vươn lên và chiến thắng đối thủ, doanh nghiệp phải biết tiết kiệm và sử dụng hợp lý các nguồn lực, nhờ đó đem lại hiệu quả cao trong quá trình hoạt động. Cũng cần nói thêm rằng, cạnh tranh chắc chắn sẽ làm nhiều doanh nghiệp bị phá sản, kéo theo những mất mát khác, nhưng đó cũng chính là tiền đề của sự đổi mới, sự sáng tạo trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thực tế này cần phải được chấp nhận và xem như là điều bình thường trong hoạt động kinh tế. Một trong những điểm mấu chốt của việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam là tập trung *đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới hệ thống doanh nghiệp nhà nước*; kiên quyết giải thể, cho phá sản, bán hoặc cho thuê các doanh nghiệp thua lỗ kéo dài, bởi bản thân các doanh nghiệp này sẽ không đủ sức tồn tại và cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, họ khuyến khích tư bản nước ngoài thâm nhập vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ bằng các hình thức mua, sáp nhập, thuê, khoán để nâng cao trình độ kỹ thuật và quản lý doanh nghiệp là điều cần được nghiên cứu và học hỏi. Trong bối cảnh như vậy, doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải xây dựng cho mình một tổ hợp chiến lược kinh doanh thích hợp, các chiến lược này phải phù hợp với chiến lược tổng thể về cạnh tranh hội nhập của nền kinh tế, theo đó :

- Để nâng cao năng lực cạnh tranh, các doanh nghiệp nhanh chóng *đổi mới công nghệ* là vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu. Trong quá trình đổi mới công nghệ, cần lưu ý rằng không phải cứ công nghệ cao, hiện đại mới là tốt. Vấn đề ở chỗ doanh nghiệp phải *lựa chọn cho mình công nghệ phù hợp* với điều kiện sản xuất, trình độ tay nghề của người lao động nhằm tối ưu hóa việc kết hợp các nguồn lực để

đạt được hiệu quả cao, từ đó tạo điều kiện tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm. Đây là biện pháp quan trọng để chúng ta chủ động được cắt giảm thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế ; để có thể chiếm ưu thế về cạnh tranh đối với hàng nhập khẩu ngay trên thị trường trong nước, tạo điều kiện cho việc xuất khẩu hàng hóa - khâu trọng yếu trong lộ trình hội nhập. Thực hiện tốt chiến lược công nghệ sẽ quyết định đến nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn ; bởi lẽ, công nghệ là yếu tố động nhất, cách mạng nhất quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất. Chiến lược công nghệ của doanh nghiệp chỉ có thể thực hiện nhanh chóng và hiệu quả khi doanh nghiệp xem đây là khâu đột phá có tính chất cách mạng và sẵn sàng trả thù lao xứng đáng cho các phát minh sáng chế có giá trị thực tiễn trong việc đổi mới quy trình công nghệ phục vụ sản xuất và hoạt động dịch vụ, có chế độ đãi ngộ thích đáng đối với chuyên gia kỹ thuật giỏi. Đẩy mạnh hơn nữa sự liên kết hợp tác giữa các doanh nghiệp và các trường đại học, viện nghiên cứu, tạo nên sự giao thoa giữa tri thức khoa học và thực tiễn hoạt động sản xuất. Đây là vấn đề cần được quan tâm đặc biệt khi tiếp cận với kinh tế tri thức.

- Công khai hóa và minh bạch hoạt động tài chính được xem là điểm xuất phát của chiến lược tài chính, qua đó doanh nghiệp biết được thực trạng và hiệu quả của đồng vốn, có những quyết sách đúng đắn về sử dụng tài chính trong tương lai. Nhanh chóng *áp dụng các nguyên tắc kế toán và kiểm toán theo thông lệ quốc tế*, điều đó phải được xác định là vấn đề quan trọng trong quá trình cải cách các doanh nghiệp nhà nước. Việt Nam được PERC xếp hạng cao nhất về an toàn ở Đông Nam Á trong năm 2001 là điều thuận lợi để thu hút vốn

đầu tư nước ngoài. Nhưng, cũng chính tổ chức này đã xếp Việt Nam ở hạng thấp nhất về độ công khai, minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

- Các doanh nghiệp phải *dự báo được* sự biến đổi của *quan hệ cung cầu* về sản phẩm và khả năng tăng giảm trên thị trường trong nước và quốc tế. Khai thác được lợi thế của mình so với các đối thủ cạnh tranh, dự báo xu hướng thị hiếu tiêu dùng của khách hàng. Các doanh nghiệp cần thực hiện các tiêu chuẩn ISO 9002, quan tâm hơn nữa đến vòng đời sản phẩm, nâng cao uy tín của thương hiệu sản phẩm trên thị trường. Trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế quốc tế, vấn đề thông tin có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Thông tin kịp thời chính xác sẽ giúp cho doanh nghiệp có quyết sách đúng đắn để thực thi chiến lược kinh doanh, vì vậy việc triển khai công tác *xúc tiến thương mại* phải là sự quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp.

- Điều quyết định thành bại của doanh nghiệp là *chiến lược nhân lực*. Lựa chọn người có đủ năng lực, phẩm chất đạo đức và tài năng vào các vị trí chủ chốt của doanh nghiệp là khâu đột phá trong chiến lược sử dụng con người, thông qua cơ chế tuyển dụng, tuyển chọn nghiêm túc. Tiến tới mọi thành viên của doanh nghiệp phải biết được tình hình tài chính hàng năm của doanh nghiệp và hiệu suất sinh lời của đồng vốn, để kịp thời điều chỉnh các chiến lược kinh doanh.

3. Liên kết hợp tác để chủ động hội nhập

Trong quá trình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp với nhau không có nghĩa là chối bỏ sự hợp tác mà xem đây là biện pháp quan trọng để hạn chế những mặt tiêu cực của cơ chế cạnh tranh. Theo hướng đó, các doanh nghiệp cần hợp tác với nhau bởi đều là những bộ phận hợp thành nền kinh tế quốc dân thống nhất. Thí dụ,

sự kết hợp giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp dân doanh nhằm khắc phục một thực tế hiện nay : doanh nghiệp nhà nước có tiềm năng kinh tế cao, nhưng hiệu quả kinh tế nói chung kém. Doanh nghiệp dân doanh tiềm lực thấp hơn nhưng hiệu quả thường cao hơn. Chủ trương đó có thể mở rộng ra thị trường thế giới, kết hợp với các doanh nghiệp của Việt kiều ở nước ngoài nhằm tranh thủ được vốn, công nghệ hiện đại và kinh nghiệm thương trường. Đây là việc nên làm trong thời đại toàn cầu hóa kinh tế thế giới.

Hội nhập kinh tế quốc tế cũng có nghĩa là chấp nhận tự do hóa thương mại, đầu tư và hợp tác quốc tế, theo đó chúng ta nhanh chóng *hoàn thiện môi trường pháp lý theo thông lệ quốc tế* về các vấn đề như : giao dịch vốn, cạnh tranh, chống độc quyền, bảo hộ sản phẩm nội địa, bảo hộ thương hiệu sản phẩm. Chủ động hội nhập thực chất là tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, năng lực cạnh tranh của nước ta. Hiện nay, trong vị thế 62/75, nghĩa là hàng hóa cạnh tranh của ta trên thị trường thế giới còn rất kém. Do đó, đồng thời với chủ động tìm kiếm thị trường mới, cần nhanh chóng khôi phục lại thị trường truyền thống Đông Âu và nhất là Liên Xô trước đây. Thị trường Trung Quốc cũng cần được khai thác triệt để. Trung Quốc mới gia nhập WTO vào tháng 11-2001 mặc nhiên phải thực hiện các cam kết quốc tế về cắt giảm thuế nhập khẩu. Đó là cơ hội lớn để hàng Việt Nam thâm nhập vào thị trường có sức mua của 1,3 tỉ người. Sẽ sai lầm khi cho rằng, chỉ có doanh nghiệp xuất khẩu mới quan tâm tới thị trường kinh tế thế giới. Một khi các rào cản thuế quan bị dỡ bỏ theo các cam kết quốc tế, hàng hóa bên ngoài sẽ tràn vào, đẩy các doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng trong nước vào thế bị động.

Kinh tế thế giới hiện nay ở tình trạng chung là sức "cung" về sản phẩm thường vượt quá "cầu", vì thế sản phẩm hàng hóa muốn tiêu thụ được phải luôn có xu hướng ngày càng rẻ, mẫu mã đẹp và có tính sáng tạo. Kinh tế thế giới cũng đang chuyển sang dạng thức mới - kinh tế tri thức, có nghĩa là hàm lượng trí tuệ sẽ chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản phẩm.

Vấn đề cuối cùng cần xem việc hội nhập kinh tế quốc tế là phương tiện chứ không phải là mục đích trong hoạt động kinh tế, nó phải phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì thế, chỉ được coi là thành công khi nó thu hút được vốn, công nghệ hiện đại từ nước ngoài vào để đẩy mạnh hoạt động xuất, nhập khẩu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng không ít các thách thức. Vấn đề ở chỗ, chúng ta phải biết được điểm mạnh, điểm yếu của mình, từ đó tạo nên các lợi thế so sánh trong tiến trình hội nhập, điều này phụ thuộc rất nhiều vào tầm nhìn chiến lược của các nhà hoạch định chính sách và sự linh hoạt của các doanh nghiệp. Các nhà hoạch định phải có tầm nhìn chiến lược và nhãn quan sâu rộng về kinh tế quốc tế để có những quyết sách đúng đắn, phải thấy được quan hệ tương tác giữa kinh tế Việt Nam và kinh tế thế giới, đặc biệt là những biến động trên các thị trường nhạy cảm như : Bắc Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản, từ đó có thể chủ động ứng phó với mọi tình hình theo phương châm : "Dĩ bất biến, ứng vạn biến". Cần có quan niệm mới về tầng lớp doanh nhân, coi họ là đội quân chủ lực trong thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới ; đồng thời, phải có chiến lược lâu dài để xây dựng lớp doanh nhân Việt Nam làm giàu bằng trí tuệ và văn hóa, tạo ra nhiều thương hiệu Việt Nam trên thị trường quốc tế. □

PHÁT HUY NỘI LỰC...

(Tiếp theo trang 15)

để hội nhập kinh tế quốc tế trên lĩnh vực ngân hàng. Tích cực, chủ động trong cho vay phát triển sản xuất, kinh doanh, thực hiện phương châm : không một cơ hội kinh doanh có hiệu quả nào không được vay vốn ngân hàng. Phát triển nhanh các dịch vụ ngân hàng mới, hiện đại.

Sáu là : *Xây dựng, hoàn chỉnh thể chế ; nâng cao năng lực điều hành ở tất cả các cấp, các ngành, huy động mọi cơ chế, chính sách, công cụ, tập trung mọi nguồn lực phục vụ mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.* Tập trung xây dựng hệ thống luật pháp đồng bộ, nhất quán, minh bạch, tạo đủ hành lang pháp lý cho yêu cầu phát triển, phù hợp thông lệ quốc tế và các lộ trình đã cam kết ; trong đó dành ưu tiên trước mắt cho những lĩnh vực cấp bách của nền kinh tế. Xây dựng lộ trình tích cực nhằm giảm giá những sản phẩm đầu vào quan trọng của nền kinh tế ngang mức các nước trong khu vực, giảm bảo hộ, hạ giá thành, nâng sức cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp Việt Nam, chú ý lợi ích người tiêu dùng ; sửa lại thuế thu nhập đối với người Việt Nam và người nước ngoài để tạo động lực, khuyến khích người nước ngoài vào làm ăn ở Việt Nam và sử dụng nhiều lao động Việt Nam. Thực hiện cải cách cơ bản chính sách tiền lương đối với khu vực nhà nước. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp ngân sách, phân cấp đầu tư, tạo điều kiện cho các cấp, các ngành phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo và trách nhiệm trước cấp trên ; tăng cường kiểm tra, kịp thời tháo gỡ khó khăn và nghiêm khắc xử lý vi phạm. Phối hợp nhịp nhàng từ trung ương đến địa phương, nỗ lực, khẩn trương trong hành động, chung sức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX. □

HỘI NGHỊ PHÁT HÀNH VÀ BẠN ĐỌC TẠP CHÍ CỘNG SẢN TOÀN QUỐC

Lời Bộ Biên tập : Ngày 24-10-2002, tại Đồ Sơn (Hải Phòng), Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam và Thành ủy Hải Phòng tổ chức Hội nghị Phát hành và Bạn đọc Tạp chí Cộng sản toàn quốc năm 2002. Tham dự Hội nghị có đại diện các tỉnh ủy, thành ủy, ban tuyên giáo và bưu điện từ 45 tỉnh, thành phố. Các tham luận và báo cáo tại Hội nghị đã đánh giá vị trí, vai trò của Tạp chí đối với hoạt động thực tiễn của các địa phương; đánh giá công tác phát hành và bạn đọc những năm gần đây; đồng thời đề ra những giải pháp, kiến nghị cụ thể nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác phát hành và bạn đọc Tạp chí Cộng sản trong thời gian tới.

Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu những vấn đề cơ bản từ Hội nghị

TỔNG QUAN HỘI NGHỊ

I - Quan hệ gắn bó giữa Tạp chí Cộng sản với ban tuyên giáo các cấp và hệ thống bưu điện

Đây là mối quan hệ hữu cơ vì sự phát triển của mỗi bên và sự phát triển chung của tổng thể trong quá trình phát hành báo chí của Đảng nói chung, Tạp chí Cộng sản nói riêng. Tạp chí Cộng sản có đối tượng phục vụ rộng rãi đối với cán bộ, đảng viên, và những người có nhu cầu tìm hiểu về đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tạp chí tới tay bạn đọc chủ yếu qua hệ thống bưu điện các cấp. Nhưng để phát huy vai trò và ảnh hưởng của Tạp chí, rất cần có công tác tuyên truyền, tổ chức hoạt động sử dụng Tạp chí của đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo các cấp. Chính các cán bộ tuyên giáo là những cộng tác viên tích cực thân thiết và quan trọng của Tạp chí.

Trong Phát biểu chào mừng Hội nghị, đồng chí **Tô Huy Rúa**, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Hải Phòng, đã nêu bật vai trò quan trọng của Tạp chí trong việc tuyên truyền, làm rõ các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước qua các bài viết mang tính hướng dẫn, gợi mở cho địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Các điển hình tiên tiến, các kinh nghiệm hay trong lãnh đạo và quản lý được đăng tải trên Tạp chí cũng đã đưa đến cho các địa phương, đơn vị những gợi ý quý báu. Đồng chí nhấn mạnh: Thời gian qua, Tạp chí Cộng sản đã có nhiều đổi mới, gắn các nội dung bài viết với cuộc sống, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc, nhất là phát hiện cái mới, những điển hình tốt trên mọi lĩnh vực, có nhiều bài đấu tranh chống tư tưởng sai trái.

Tạp chí đã chú trọng nâng chất lượng cả nội dung và hình thức. Mở rộng đội ngũ cộng tác viên, gắn Tạp chí với bạn đọc, tăng cường mối quan hệ với những cơ quan và cá nhân làm công tác phát hành, tiếp tục tìm những hình thức có hiệu quả hơn để nâng cao chất lượng công tác phát hành và bạn đọc Tạp chí.

Nói về mối quan hệ gắn bó giữa Tạp chí với đội ngũ bạn đọc và tăng cường công tác phát hành, **PGS, TS Trần Quang Nhiếp**, Phó Tổng Biên tập phụ trách Tạp chí Cộng sản, nêu rõ : Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản luôn coi công tác phát hành, bạn đọc gắn bó hữu cơ với công tác biên tập, xuất bản Tạp chí. Thực tế cho thấy, công tác phát hành, bạn đọc của Tạp chí phải nhờ vào các cấp ủy đảng, chính quyền, ban tuyên giáo của các bộ, ngành, địa phương, Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông và hệ thống bưu điện phát hành trong cả nước mới làm cho Tạp chí không ngừng tăng về số lượng, đưa Tạp chí đến tay bạn đọc.

Ở một góc nhìn khác, **đồng chí Nguyễn Sỹ**, Phó Bí thư Tỉnh ủy Bắc Ninh, đã trình bày sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương trong việc mua và sử dụng báo và tạp chí của Đảng : Việc mua, đọc báo và tạp chí của Đảng là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác chỉ đạo của các cấp ủy đảng. Tỉnh ủy Bắc Ninh đã chỉ thị các huyện ủy, đảng ủy trực thuộc tổ chức triển khai việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng ; thường xuyên tiến hành kiểm tra, tổng kết hoạt động này. Hình thức hoạt động cụ thể là các cấp ủy chỉ đạo và cấp ngân sách, ban tuyên giáo các cấp chủ trì và phối hợp với bưu điện giúp Tỉnh ủy chỉ đạo, kiểm tra, sơ kết sáu tháng và hằng năm. Bưu điện tổ chức phát hành Tạp chí đến tận tay bạn đọc.

Với tư cách là đại diện cho những người làm công tác phát hành báo chí trên cả nước, **đồng chí Trần Đức Lai**, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện đánh giá về vai trò của Tạp chí Cộng sản : Đây là cuốn tạp chí không thể thiếu được đối với cán bộ, đảng viên hiện nay. Các bài viết mang tính nghiên cứu, khái quát cao về lý luận, đồng thời phân tích, lý giải sâu sắc nhiều vấn đề quan trọng trong đời

sống xã hội đã góp phần định hướng, nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị, bồi dưỡng về tư tưởng, lý luận, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Vì thế người làm công tác phát hành Tạp chí coi đây là vinh dự và trách nhiệm của mình.

II- Thực trạng công tác phát hành và bạn đọc của Tạp chí Cộng sản

1- Vai trò của Tạp chí Cộng sản trong việc định hướng tư tưởng, hướng dẫn hoạt động thực tiễn, tổng kết lý luận

Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Tạp chí Cộng sản có nhiệm vụ tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước tới từng cơ sở, tới từng đảng viên và toàn thể nhân dân. Các chủ trương, chính sách được Tạp chí tổ chức thành các bài với nội dung sát hợp, kịp thời, giúp các cấp lãnh đạo và cán bộ, đảng viên có nhận thức đúng đắn, rõ ràng trong việc cụ thể hóa các chủ trương đó vào thực tiễn địa phương.

Đồng chí Nguyễn Thái Hòa, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Giang, đã đề cập việc đọc, học tập để thấm nhuần đường lối, chính sách của Đảng qua các bài trên Tạp chí và vận dụng vào việc lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn là hết sức quan trọng. Cần nghiên cứu, chọn lọc những bài có nội dung phù hợp với nhu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Từ đó, tiến hành tổ chức hoạt động thực tiễn ở địa phương. Các cơ sở đảng đã sử dụng các bài viết trên Tạp chí làm tài liệu sinh hoạt và học tập, nhằm nâng cao trình độ nhận thức về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên.

Đề cập tới vấn đề không ngừng làm rõ tính khoa học và tính cách mạng của các chủ trương, nghị quyết của Đảng, góp phần phát triển lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, **đồng chí Nguyễn Xuân Chiêm**, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Ninh, nhấn mạnh : Tạp chí Cộng sản đã luôn đứng vững trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh để tổng kết

thực tiễn, phát triển lý luận góp phần kiến giải và khắc họa rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tiếp tục đóng góp vào quá trình phát triển, bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tham gia hoạch định đường lối chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ mới, bổ sung nhiều nhận thức quan trọng cho cán bộ, đảng viên. Ở một khía cạnh khác, **đồng chí Phạm Kỳ**, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lào Cai, cho rằng : Tạp chí Cộng sản thực sự là cẩm nang, là giáo trình về lý luận chính trị và cung cấp rất nhiều kinh nghiệm quý báu để cán bộ, đảng viên tự nâng cao trình độ hiểu biết và trình độ quản lý của mình, từ đó vận dụng vào hoạt động thực tiễn ở địa phương, nhằm thực hiện thắng lợi những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nhiều bài có tính thời sự góp phần giải đáp những vấn đề lý luận và thực tiễn cuộc sống đang đặt ra một cách kịp thời.

Từ nhiều khía cạnh, các đại biểu đã phân tích và xác nhận Tạp chí có nhiều hình thức thể hiện thông qua các bài viết chuyên tải nội dung các nghị quyết, chủ trương của Đảng đến với cơ sở với hiệu quả ngày càng cao. Bên cạnh các bài có tính chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, sự tham gia của các nhà nghiên cứu, các đồng chí lãnh đạo bộ, ban, ngành địa phương trong việc đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống là một hướng tuyên truyền vừa có hiệu quả, vừa phù hợp và sinh động.

Hiện nay, các thế lực thù địch không ngừng chống phá ta về mọi mặt, nhất là trên trận địa tư tưởng, lý luận thì cuộc đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực báo chí tuyên truyền có vai trò rất quan trọng. Những bài đấu tranh với các quan điểm thù địch, tư tưởng sai trái, Tạp chí cần đi sâu làm rõ hơn nữa tính cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, luận giải một cách thuyết phục về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. **Đồng chí Phùng Thảo**, Trưởng

Ban Tuyên giáo Thành ủy Hải Phòng, khẳng định : Tạp chí đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức, tư tưởng, lý luận cho cán bộ, đảng viên về đường lối, quan điểm cách mạng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, chính trị, đối ngoại, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng trong tình hình mới ; chống những âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Tạp chí đã cung cấp những luận cứ để kịp thời giải thích, đấu tranh với những biểu hiện nhận thức không đúng về đường lối đổi mới của Đảng, từ đó củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào chủ nghĩa xã hội.

TS. Nhị Lê, Q. Trưởng Ban Thư ký - Bạn đọc, Tạp chí Cộng sản, tổng hợp từ nhiều ý kiến bạn đọc gửi về Bộ Biên tập, đặt vấn đề : Trong bối cảnh bùng nổ thông tin hiện nay, cán bộ, đảng viên và nhân dân rất cần có sự định hướng, từ đó giúp họ lựa chọn có phê phán đối với các luồng thông tin đan xen phức tạp. Với tư cách là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, Tạp chí có nhiệm vụ góp phần trang bị thế giới quan, phương pháp luận cho đội ngũ cán bộ đảng viên và nhân dân, giúp họ có sự lựa chọn, xử lý khi tiếp nhận thông tin một cách đúng đắn. **Đồng chí Nguyễn Chí Mỹ**, Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội, rất đồng ý với các ý kiến trên và nhấn mạnh : Trong điều kiện toàn cầu hóa và bùng nổ thông tin, chúng ta cần phải giúp mọi người xử lý thông tin một cách khoa học. Chúng ta không được để trống thông tin, mà trái lại, chủ động chiếm lĩnh trận địa thông tin, giải thích cho mọi người hiểu rõ thực chất của vấn đề, thông suốt chủ trương, đường lối của Đảng. Từ sự thống nhất trong suy nghĩ mới dẫn đến sự thống nhất cao trong hành động để đi đến thành công. Đồng chí cũng đề nghị Tạp chí tăng cường hơn nữa tính chiến đấu trong các bài viết bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, nhất là tăng số lượng các bài có tính phê phán, theo tinh thần cộng sản để bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước ta.

Cùng với việc tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, Tạp chí còn là diễn đàn để các cấp ủy, cán bộ đảng viên và nhân dân trên khắp đất nước nói lên tiếng nói của mình. Những tâm tư, nguyện vọng cùng những khó khăn của mỗi địa phương nêu trên Tạp chí sẽ giúp Trung ương có thêm những đánh giá xác thực về tình hình đất nước. **Đồng chí Đinh Viết Ba**, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thanh Hóa, bày tỏ : Các chủ trương, chính sách của cấp trên phải phù hợp với thực tiễn, phản ánh đúng tâm tư, nguyện vọng và trở thành ý chí, hành động của nhân dân. Đối với Thanh Hóa, Tạp chí thường xuyên gắn bó, giúp cho địa phương những bài học quý trên nhiều lĩnh vực, như kinh nghiệm giải quyết điểm nóng ở nông thôn. Cho đến nay, những bài viết của Tạp chí về vấn đề này vẫn còn nguyên giá trị để nhìn nhận, đánh giá, giải quyết những mầm mống mất ổn định ở nông thôn hiện nay.

Tuy vậy, do tình hình đặc thù ở một số địa phương nên việc đón nhận, đọc và làm theo Tạp chí Cộng sản cũng có một số khó khăn. Báo cáo của **Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Gia Lai** có đoạn viết : Nội dung chủ yếu của Tạp chí là những vấn đề lý luận, những vấn đề có tầm vĩ mô, vì vậy mà quá tầm đôi với người đọc là cán bộ, đảng viên ở nông thôn, vùng dân tộc miền núi như Gia Lai.

2. Công tác phát hành Tạp chí ở các địa phương

Hiện nay, việc phát hành Tạp chí được thực hiện đa dạng, song chủ yếu theo mô hình : Bưu điện chuyển Tạp chí đến các cơ sở, đơn vị đặt mua, sau đó ban tuyên giáo các cấp tiến hành phối hợp với Bưu điện kiểm tra việc mua và đọc Tạp chí. Theo cách đó, hằng tháng gần 18 vạn cuốn Tạp chí tới tận tay bạn đọc. Đặc biệt, 5 năm qua, ban tuyên giáo các cấp đã làm tốt chức năng tham mưu cho các cấp ủy trong việc triển khai Chỉ thị 11-CT/TW, ngày 28-12-1996, "Về việc mua và đọc Báo, Tạp chí của Đảng" và Chỉ thị 60-CT/TW, ngày 22-12-2000, "Về công tác của Tạp chí Cộng sản trong tình hình mới", của Bộ Chính trị, các tỉnh ủy đều tổ chức Hội nghị liên

ngành thực hiện, yêu cầu các đảng bộ, chi bộ mua và đọc Tạp chí, cấp kinh phí bổ sung cho các địa phương khó khăn về ngân sách. Bưu điện địa phương đã phối hợp chặt chẽ hơn, thông báo thường xuyên danh sách khách hàng đặt mua Tạp chí, số lượng phát hành từng tháng, từng quý cho ban tuyên giáo các cấp.

Về phần mình, **đồng chí Phan Văn Tô**, Giám đốc Công ty Phát hành báo chí Trung ương bày tỏ : Bưu điện các cấp đã nâng cấp phương tiện, trang thiết bị, mở thêm nhiều tuyến phát hành thư, báo mới với mục đích phục vụ bạn đọc nhanh hơn, tiện lợi hơn, hình thức phục vụ cũng đa dạng hơn, tạo tất cả mọi điều kiện thuận lợi cho khách hàng. Kết quả là thời gian qua, Tạp chí đã được phát hành rất kịp thời và an toàn, sản lượng cũng tăng lên từng tháng. **Đồng chí Dương Thanh Tân**, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai minh chứng : Theo sự theo dõi và tổng kết của chúng tôi, tất cả các bạn đọc trong tỉnh đều nhận được Tạp chí trong thời gian nhanh nhất. Xin cảm ơn tinh thần và chất lượng phục vụ của hệ thống Bưu điện trong việc chuyển báo và tạp chí của Đảng tới tay bạn đọc.

Hội nghị đánh giá chung, mô hình phát hành Tạp chí hiện nay là thích hợp. Hệ thống chuyển giao ấn phẩm và trình độ chuyên môn của các đơn vị nghiệp vụ ngày càng được nâng cấp, thái độ trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, nhân viên bưu điện với công việc rất đáng khích lệ. Về chất lượng phát hành Tạp chí Cộng sản, Báo cáo của **Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Nam** viết : Tạp chí Cộng sản là một trong những Tạp chí của Đảng được phát hành sớm, đến tay bạn đọc nhanh ; Báo cáo của **Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh Phúc** có đoạn : Việc phát hành Tạp chí Cộng sản được các bưu cục triển khai nhanh, đúng kỳ, kịp thời. **Đồng chí Hoàng Trung Hải**, Giám đốc Bưu điện Quảng Ninh, nhấn mạnh : Bưu điện tỉnh tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị đặt mua Tạp chí Cộng sản. Hằng năm, cứ vào quý III, các đơn vị có thông báo về nhu cầu đặt mua Tạp chí và Bưu điện đã phối hợp với

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đáp ứng tốt nhu cầu của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị. **Đồng chí Hoàng Thọ Thái**, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam, khẳng định : Như vậy, công tác phát hành Tạp chí Cộng sản đã đảm bảo tốt về thời gian và chất lượng phục vụ, có sự phối hợp tốt của các cấp, các ngành trong lĩnh vực này.

Hội nghị cũng chỉ rõ một số khó khăn hiện nay đã và đang cản trở, hạn chế việc phát hành Tạp chí Cộng sản nói riêng, báo chí của Đảng nói chung. Về phía bưu điện, khó khăn chủ yếu là ở những địa bàn thuận lợi về giao thông thì có nhiều đầu mối tham gia, thậm chí tranh thị phần phát hành báo chí, trong khi đó tại những vùng khó khăn lại chỉ có ngành bưu điện đảm nhận. Đối với ban tuyên giáo các cấp, việc theo dõi hiệu quả sử dụng và số lượng đọc Tạp chí còn nhiều bất cập. Nếu không có sự phối hợp tốt hơn nữa với Bưu điện thì sự đánh giá, nhận xét việc đọc và làm theo Tạp chí sẽ thiếu chính xác. Đây là công việc cần phối hợp tốt hơn nữa giữa Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản với ban tuyên giáo các cấp và Bưu điện để thu hút mạnh mẽ bạn đọc.

Một khó khăn không thể không nhắc đến từ nhiều ý kiến là, giá bán Tạp chí. Với giá bán 5000 đồng/cuốn x 3 cuốn (3 số) sẽ thành 15 000 đồng một tháng như hiện nay là số tiền không nhỏ với đa số chi bộ ở nông thôn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. **Đồng chí Nguyễn Thị An**, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng, cho biết : Những đầu báo bắt buộc phải có đối với những đảng bộ cơ sở, gồm : báo Nhân Dân, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Xây dựng Đảng, báo Cao Bằng, Bản tin nội bộ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. Trong số đó, báo Cao Bằng và Bản tin nội bộ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được cấp phát, Bưu điện làm công tác phát hành ; còn báo Nhân Dân, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Xây dựng Đảng thì kinh phí để mua gồm có các nguồn : tỉnh hỗ trợ một phần và đảng phí. Do đó, nguồn kinh phí để mua các báo và tạp chí của Đảng là vấn đề khó khăn.

Bên cạnh việc phát hành trực tiếp, Tạp chí Cộng sản còn đến với bạn đọc qua các hình thức gián tiếp nhưng không kém phần hiệu quả và thiết thực. **Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Phú Thọ** thông báo tới Hội nghị : Tổng Công ty giấy Bãi Bằng ngoài việc mua đầy đủ các số Tạp chí cho các chi bộ, đảng bộ của mình, đã mua Tạp chí Cộng sản cung cấp cho đảng ủy, Ủy ban nhân dân của 21 cơ sở thuộc huyện Phù Ninh, nơi Tổng Công ty đặt trụ sở. Chẳng hạn, một cộng tác viên của Tạp chí - Bác Lê Hải Trà (ở thị xã Sơn La) - sau khi Đảng có chủ trương tăng phần đảng phí để lại cho cơ sở, đã tự vận động các chi bộ ở địa phương mua và đọc Tạp chí Cộng sản. Kết quả là, Đảng bộ phường Tô Hiệu - nơi bác sinh sống, từ chỗ chỉ có 1 cuốn Tạp chí nay đã tăng lên 16 cuốn Tạp chí Cộng sản mỗi kỳ.

Tạp chí Cộng sản rất xúc động trước ý thức và sự đóng góp của các cá nhân và những tổ chức đảng trên khắp đất nước đã và đang thầm lặng làm công tác phát hành Tạp chí của Đảng như bác Lê Hải Trà và Tổng Công ty giấy Bãi Bằng, qua "**Báo cáo về công tác phát hành và bạn đọc Tạp chí Cộng sản năm 2002**" do **TS. Nhị Lê**, trình bày. Đây là bằng chứng sinh động, cụ thể và thiết thực trong việc góp phần tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước một cách sâu rộng trong toàn Đảng và trong nhân dân mà 27 đơn vị Bưu điện tỉnh và Ban tuyên giáo Tỉnh ủy được Tạp chí Cộng sản và Tổng cục Bưu điện biểu dương, là những điển hình cần được nhân rộng.

III- Một số kiến nghị từ Hội nghị

1. Kết hợp chặt chẽ hơn nữa Tạp chí với bạn đọc

Hội nghị thống nhất mục tiêu của Tạp chí là phục vụ tốt nhất bạn đọc, tăng cường quan hệ chặt chẽ giữa Tạp chí với bạn đọc. Muốn vậy, Tạp chí phải không ngừng nâng cao chất lượng và cải tiến các biện pháp để Tạp chí đến tay bạn đọc nhanh, thuận tiện nhất. **PGS, TS Trần Quang Nhiếp** nhấn mạnh : Từ nguyện vọng của bạn đọc, bản thân mỗi cán bộ, phóng viên Tạp chí luôn tự ý thức

điều quan trọng đó. Tạp chí Cộng sản tiếp tục đi sâu nghiên cứu góp phần làm rõ những vấn đề bức xúc đang rất cần lời giải đáp. Quần chúng và đảng viên mong muốn được Đảng, qua Tạp chí giúp họ nhận thức rõ ràng những vấn đề về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ; sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; dân chủ và công bằng xã hội... Thời gian qua, Tạp chí đã không ngừng phấn đấu để làm tốt nhiệm vụ của mình, cũng như đáp ứng nhu cầu học tập của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tạp chí sẽ tiếp tục nỗ lực hơn nữa để làm tốt vai trò của mình trong thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam. Để làm được nhiệm vụ đó, Tạp chí rất mong sự hợp tác chặt chẽ của các cơ quan, địa phương có liên quan và sự đóng góp chân tình, quý báu của đông đảo bạn đọc.

Để nâng cao chất lượng của Tạp chí và gắn bó chặt chẽ với bạn đọc Tạp chí cần tăng cường, đi sâu nghiên cứu tổng kết thực tiễn, tăng tính thực tiễn trong các bài viết trên Tạp chí. **PGS, TS Trần Quang Nhiếp** xác định : Đây cũng chính là một trong những chức năng của Tạp chí. Tổng kết thực tiễn, qua thực tiễn sinh động, Tạp chí phản ánh hơi thở của cuộc sống, đưa hơi thở của cuộc sống vào các bài viết, phản ánh kịp thời, đúng đắn những tâm tư nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các địa phương. Từ những vấn đề nảy sinh trong công tác chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương, Tạp chí từng bước khái quát những vấn đề mang tính lý luận, góp phần làm rõ hơn những vấn đề của cuộc sống đang đặt ra.

2. Tiếp tục cải tiến phương thức, biện pháp phát hành Tạp chí

Hội nghị kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền tính toán phí phát hành với báo chí của Đảng một cách hợp lý là cách tích cực để đưa báo chí của Đảng ngày càng nhiều và nhanh tới bạn đọc. **Đồng chí Phan Văn Tô** đề xuất : Muốn có chủ trương hợp lý về phí phát hành đối với các loại báo và tạp chí phục vụ nhiệm vụ chính trị tại các vùng khó khăn, nên có mức phí cụ thể để tạo điều kiện cho ngành làm tốt

công việc được Đảng giao phó. Nhiều ban tuyên giáo và bưu điện cùng kiến nghị : Cần thiết phải trợ cấp phí phát hành đối với Tạp chí Cộng sản, hoặc đưa Tạp chí vào diện các loại báo chí được ưu đãi tuyệt đối. Qua đó, tiếp tục đẩy mạnh việc phát hành và tăng số lượng bạn đọc Tạp chí Cộng sản, nhất là ở các vùng khó khăn về ngân sách nhưng có nhu cầu cao về đọc báo chí của Đảng. Hội nghị cho rằng : đối với các địa phương hoặc các đơn vị có điều kiện về kinh phí, cần có sự phối hợp của ban tuyên giáo các cấp và Bưu điện để nâng số lượng đặt mua Tạp chí. Nhưng tại những nơi có khó khăn, đề nghị Đảng có chủ trương giảm giá Tạp chí hoặc trợ cấp hoàn toàn để đáp ứng nhu cầu của bạn đọc Tạp chí Cộng sản. Từ đó, việc hạ giá bán Tạp chí Cộng sản hoặc phát không cho các địa phương khó khăn cũng là một điều cần được tính đến. Mặt khác, cần phát huy vai trò của cấp ủy, ban tuyên giáo các cấp trong việc tuyên truyền về Tạp chí, kiểm tra đánh giá việc sử dụng Tạp chí một cách có hiệu quả nhằm phát huy tốt công sức, trí tuệ và tài sản của Đảng ở các địa phương. Để sử dụng Tạp chí một cách có hiệu quả, rất cần sự phối hợp của các cấp bộ đảng và ban tuyên giáo trong việc hướng dẫn, chỉ đạo đọc và làm theo Tạp chí.

Các phương tiện thông tin đại chúng có vai trò to lớn trong việc đưa nội dung Tạp chí đến với đông đảo bạn đọc. Thời gian qua, hệ thống báo chí ở trung ương cũng như địa phương đã đóng góp công sức rất lớn trong việc đưa Tạp chí Cộng sản đến với bạn đọc. Hội nghị rất mong thời gian tới, mối quan hệ đó tiếp tục được phát huy nhằm tuyên truyền nhanh, sâu rộng các chủ trương, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước tới mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phấn đấu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. □

HOÀNG BÍCH YẾN
NGUYỄN HOÀNG VIỆT
(Tổng thuột)



DẪNG LÃNH ĐẠO VĂN HÓA VĂN NGHỆ : Thực tiễn và bài học

MAI HẢI OANH

TRONG hơn bảy thập kỷ qua, Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) chủ trương xây dựng một nền văn hóa mới trên nền tảng những giá trị văn hóa truyền thống lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm kim chỉ nam của hành động nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Cùng với việc đưa lại độc lập cho dân tộc, tự do cho con người, Đảng đã đem đến cho văn hóa nghệ thuật nước nhà một tầm cao mới, một chất lượng mới. Hơn bảy thập kỷ lãnh đạo văn hóa văn nghệ, Đảng ta không chỉ thể hiện bản lĩnh vững vàng, sáng suốt mà còn tỏ rõ nghệ thuật ứng xử đầy tính nhân văn đối với những giá trị của dân tộc và thời đại.

Trước khi ĐCSVN ra đời, chính Nguyễn Ái Quốc với những bài báo xuất sắc vào những năm 20 của thế kỷ XX trên tờ "Người cùng khổ" nhất là tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Đường cách mệnh* đã đưa chủ nghĩa Mác - Lê-nin và nền văn hóa mác-xít vào Việt Nam. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Người đã dùng văn hóa như một vũ khí sắc bén. Trên thực tế, từ nhận thức văn hóa là một mặt trận nóng bỏng và có hiệu quả, Đảng ta đã dùng văn hóa văn nghệ để tuyên truyền cách mạng. Vừa ra đời, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương*, đề thức tỉnh lòng yêu nước,

Đảng ta đề ra 3 nhiệm vụ quan trọng nhằm mở mang dân trí "a. Tự do xem sách báo, b. Tự do mở trường, c. Tự do làm báo"⁽¹⁾. Những năm 1930 - 1936 đã diễn ra các cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa để làm lành mạnh nền văn hóa, chống lại ảnh hưởng của văn hóa thực dân, văn hóa tư sản, xác lập một ý thức hệ mới qua cuộc tranh luận về triết học duy vật và triết học duy tâm, nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh. Các hoạt động đó đã khuyến khích được tính chất dân chủ của văn hóa. Lần đầu tiên Đảng ta xuất bản báo chí công khai, nói lên tiếng nói của quần chúng cách mạng. Thời kỳ Mặt trận dân chủ 1936 - 1939 đã tạo được bầu không khí sôi sục và là một thời kỳ thử nghiệm con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xây dựng cuộc sống xứng đáng với con người. Thời kỳ này ở nước ta đã xuất hiện một loạt tác phẩm và hàng chục tờ báo công khai. Đến năm 1943, *Đề cương văn hóa Việt Nam* ra đời, có thể coi đây là một *Tuyên ngôn về văn hóa* của Đảng. Giữa lúc đất nước sục sôi khí thế chuẩn bị cuộc cách mạng, thì bản *Đề cương* có ý nghĩa tập hợp lực lượng, đoàn kết những nhà văn hóa văn nghệ, những trí thức có khuynh hướng tiến

(1) Về sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận tư tưởng văn hóa, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr 29

bộ (cả trong và ngoài nước) nhằm phát huy tinh thần yêu nước, lòng khao khát tự do, mong muốn giải phóng dân tộc, giải phóng nghệ thuật khỏi ách kìm kẹp của bọn thực dân, đế quốc. Lời kêu gọi nêu rõ : "Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động... không phải là làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa... Có lãnh đạo được phong trào văn hóa Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả"⁽²⁾. Đề cương đã đưa ra 3 nguyên tắc Dân tộc - Khoa học - Đại chúng. Với ba nguyên tắc trên, Đảng đã đề ra đường lối lãnh đạo văn hóa văn nghệ một cách nhất quán. Đó cũng thực sự là ba phương châm vận động văn hóa mới, hướng giới trí thức vào những mục tiêu cơ bản của cách mạng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và kháng chiến, yêu khoa học, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm kim chỉ nam cho hoạt động, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, gần gũi với quần chúng lao động.

Như vậy, ngay từ giai đoạn 1930-1945 rõ ràng văn hóa văn nghệ đã thực sự là một mặt trận sôi động có hiệu quả trong việc thúc đẩy lòng yêu nước, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam, tập hợp lực lượng, góp phần tạo nên sức mạnh chung để giành chính quyền về tay nhân dân.

Sau năm 1945, đất nước bước vào một kỷ nguyên mới, một vận mệnh mới. Chính cách mạng chính trị đã dọn đường cho cách mạng văn hóa tiến bước. Cách mạng văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, do toàn dân tham gia và xây dựng. Hội Văn hóa Cứu quốc được thành lập, củng cố và không ngừng phát triển. Nhiều phong trào quần chúng xuất hiện. Chữ quốc ngữ được đưa vào trường học, phong trào xây dựng đời sống mới, chống nạn mù chữ rầm rộ khắp nơi. Bắt đầu một sự nghiệp văn hóa do Đảng lãnh đạo khi đã giành được chính quyền. Tháng 11-1946 Hội nghị

văn hóa toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức thì tháng 12-1946 cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ ; một phong trào "văn hóa hóa kháng chiến và kháng chiến hóa văn hóa" rộng lớn được phát động dưới sự lãnh đạo của Đảng. Về thực chất, đây là một cuộc cách mạng vận dụng và mở rộng những tư tưởng đã được xác định trong *Đề cương văn hóa* ở một hoàn cảnh mới. Năm 1948 trong muôn vàn khó khăn Đảng đã mở Hội nghị giáo dục và đặc biệt là Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ II, lần đầu tiên nêu lên một cách hệ thống toàn diện các quan niệm về văn hóa và phát triển văn hóa theo lập trường mác-xít của Đảng. Thay mặt Đảng, đồng chí Trường Chinh đã trình bày cương lĩnh văn hóa của Đảng qua báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*. Nội dung cơ bản mà Đảng ta chủ trương là nhằm xây dựng "nền văn hóa dân chủ mới Việt Nam gồm cả ba tính chất dân tộc - khoa học - đại chúng" trên cơ sở các nguyên lý chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho xuất bản tác phẩm *Đời sống mới* hướng dẫn cụ thể việc ăn, việc ở, việc thiện việc nghĩa, ma chay, giỗ chạp, may mặc theo lối sống mới, cải tạo các hủ tục trong xã hội. Những luận điểm quan trọng của *Đề cương văn hóa* đã được nhấn mạnh và trở thành phương châm hành động của các giới văn hóa Việt Nam. Có thể nói, ngay sau khi giành được chính quyền, Đảng ta đã nhìn văn hóa với nhiều cấp độ xoay quanh cái trục *dân tộc và mác-xít*. Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam nhấn mạnh nhiệm vụ thực hiện đường lối chính trị theo đặc thù của mỗi lĩnh vực tác động vào đời sống kinh tế, vì lợi ích của nhân dân : giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

(2) *Văn kiện Đảng*, tập III, 1930 - 1945, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng TW xuất bản năm 1977, tr 363, 364, 365

Tác phẩm *Đời sống mới* một lần nữa làm rõ quan niệm "văn hóa phải thấm sâu vào tâm lý quốc dân" "văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi". Hồ Chí Minh đã phát biểu trong Hội nghị văn hóa toàn quốc lần I : Văn hóa phải đi sâu vào tâm lý nhân dân, gắn bó với thực tiễn cuộc sống nhân dân. Nhận chân được những ấu trĩ lỗi thời của lịch sử hàng nghìn năm còn để lại, cho nên nhiệm vụ thay đổi *trình độ người* phải bắt đầu trước hết từ cơ sở của *đời sống mới*. Như vậy, sau khi giành được chính quyền, cùng với việc thay đổi bộ mặt xã hội, Đảng ta từng bước xây dựng một đời sống văn hóa mới đặt nền móng cho sự phát triển lâu dài của nền văn hóa Việt Nam.

Ngay trên mặt trận chiến đấu, các phong trào sáng tác văn nghệ quần chúng được phát triển rộng khắp, các nghệ sĩ nhận thức rõ yêu cầu phục vụ kháng chiến là yêu cầu quan trọng nhất. Nhiều bài hát, bài thơ, vở kịch phản ánh nhiều mặt đời sống "Anh bộ đội cụ Hồ" xuất hiện. Tư tưởng văn hóa kiến quốc và phát triển truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, hấp thu cái mới của văn hóa tiên bộ thế giới để xây dựng nền văn hóa Việt Nam có tính dân tộc, khoa học và đại chúng⁽³⁾ được nhấn mạnh trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951) đã phát huy sức mạnh to lớn, trong thực tế đã tạo nên những tác phẩm văn nghệ chất lượng cao về một giai đoạn quan trọng của lịch sử văn hóa Việt Nam. Qua đó, cũng hình thành một đội ngũ văn nghệ sĩ kiểu mới, định hướng phát triển cho nền nghệ thuật kiểu mới. Văn hóa và các lực lượng văn hóa đã tham gia vào cuộc kháng chiến vĩ đại, giành độc lập thống nhất đất nước bằng sức mạnh và tâm huyết của mình.

Sau năm 1954, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Ở miền Bắc, việc tiến hành cách mạng văn hóa đồng thời với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa (XHCN) là một bộ phận

hữu cơ của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH). Việc tiến hành đồng thời cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa với cách mạng quan hệ sản xuất có mối liên hệ bản chất với quá trình xây dựng nền văn hóa mới con người mới. Đại hội III của Đảng đã đưa ra công thức phát triển nền văn hóa mới. Đó là nền văn hóa mang *nội dung XHCN và tính chất dân tộc*. Quán triệt tư tưởng của Đảng, chúng ta tiến hành xây dựng nền văn hóa XHCN ở miền Bắc ; đồng thời, thúc đẩy cổ vũ đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà. Với quan niệm xã hội XHCN ở Việt Nam phải là một xã hội có văn hóa cao, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh : "Muốn xây dựng CNXH trước hết cần có những con người XHCN". Đây chính là phương châm *trồng người* xuất phát từ bản chất nhân văn của văn hóa. Ý thức về tư tưởng tiên tiến, nhân cách và lối sống của con người là nội dung quan trọng của các quan hệ văn hóa, Đảng ta không chấp nhận một nền văn hóa mà ở đó sự phát triển kinh tế hay một phương diện nào đó lại kéo theo sự nô dịch con người, hoặc tạo ra hiện tượng phản giá trị trên bình diện nhân cách. Nội dung XHCN của văn hóa phải bao hàm vấn đề con người được giải phóng về nhân cách, được phát triển tự do và toàn diện, như C. Mác từng nói. Lối sống xã hội mới phải tạo ra sự liên hệ gắn bó giữa cá nhân và cộng đồng. Cộng đồng là cơ sở, là nền tảng giải phóng các năng lực cá nhân và ngược lại, cá nhân phải có trách nhiệm với cộng đồng. Con người ở giai đoạn này sống có lý tưởng khác hẳn về chất so với con người cũ, tạo thành *mẫu hình nhân cách người cách mạng*. Đây là bước tiến vượt bậc của văn hóa Việt Nam.

(3) Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t6, tr 173

Các hoạt động văn hóa nghệ thuật trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước đã hướng vào cổ vũ tinh thần yêu nước XHCN, giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng và xác lập hệ giá trị văn hóa mới. Văn hóa văn nghệ đã tích cực vạch trần bản chất thực dân kiểu mới của Mỹ, bảo vệ văn hóa dân tộc động viên đồng bào chiến sĩ cả nước quyết tâm giành độc lập thống nhất đất nước.

Trong khi sự nghiệp giải phóng dân tộc là nhiệm vụ chính trị hàng đầu thì văn hóa văn nghệ đã góp phần động viên tổ chức lực lượng phục vụ sự nghiệp cứu nước, cứu nhà. Lòng yêu nước, tinh thần dân tộc được khơi gợi, thức tỉnh, động viên một cách hiệu quả bằng sức mạnh của nghệ thuật. Đúng như Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: Tổ quốc và CNXH là hai đề tài cao đẹp nhất của văn nghệ trong thời kỳ chống Mỹ. Ở đâu ta cũng gặp không khí tiếng hát át tiếng bom. Những nguyên mẫu cao đẹp trong đời thường được nghệ thuật phản ánh chân thực có sức lôi cuốn hàng triệu người.

Vậy là suốt hơn 20 năm (1954-1975), Đảng ta đã lãnh đạo thành công một nền văn hóa mới với mục tiêu cao đẹp: Tất cả vì độc lập dân tộc và CNXH, tất cả vì Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân. Trong thời kỳ này, văn hóa văn nghệ đặc biệt là văn học nghệ thuật đã góp phần to lớn trong việc phát huy sức mạnh của lòng yêu nước, của lý tưởng XHCN, cổ vũ tinh thần đoàn kết ý chí cách mạng cao đẹp của nhân dân, thể hiện một cách sinh động thời đại "Việt Nam ra ngõ gặp anh hùng".

Cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, đất nước thống nhất, cả nước đi lên CNXH. Cùng với sự nghiệp xây dựng đất nước "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" là sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa mới phù hợp với tình hình mới. Đã có thời gian đất nước ta phải đứng trước thử thách nghiêm trọng: kinh tế chậm phát triển, đời sống khó

khăn kéo dài, tình trạng suy thoái đạo đức gia tăng, lòng tin của quần chúng đối với Đảng bị giảm sút. Đại hội VI của Đảng (1986), với phương châm nhìn thẳng vào sự thật đã thực hiện công cuộc đổi mới nhằm phát triển đất nước mang lại đời sống vật chất, tinh thần tốt hơn cho nhân dân. Cùng với việc đề ra những chủ trương, sách lược nhằm phát triển kinh tế xã hội, Đảng ta đã đề ra nhiệm vụ mới cho sự nghiệp xây dựng văn hóa : Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, thể hiện tầm cao và chiều sâu trình độ phát triển của dân tộc, là kết tinh những giá trị tốt đẹp nhất trong quan hệ giữa người với người, với xã hội là mục tiêu của chúng ta.

Do bản chất văn hóa là trình độ người của các quan hệ, muốn đổi mới văn hóa cần thiết phải nhìn nhận lại vai trò của văn hóa trong sự phát triển xã hội và con người. Tại Đại hội VII, Đảng ta đã chú trọng đến nhiệm vụ của văn hóa : Bồi dưỡng con người Việt Nam về trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, đời sống có nhân cách cao đẹp, có bản lĩnh ngang tầm sự nghiệp đổi mới của đất nước, mau chóng bắt kịp xu thế phát triển của thời đại ngày nay⁽⁴⁾. Đảng ta đã xác định cơ sở để đổi mới hệ thống lý luận văn hóa xuất phát từ việc tăng trưởng nguồn lực con người. Trên tầm nhìn mới về văn hóa và phát triển, Đảng ta đề xuất cách thức đổi mới tư duy lý luận, gắn sự phát triển lâu bền của xã hội với việc chăm lo bồi dưỡng và phát huy khả năng sáng tạo của con người. Đây thực sự là nhận thức sâu sắc hơn về vai trò, vị trí của văn hóa.

Hướng tới mục tiêu xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc với các đặc trưng cơ bản *dân tộc, hiện đại, nhân văn*, trước tình hình kinh tế thị trường phát triển một cách tự phát, nhiệm vụ to lớn của văn

(4) Xem Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà Nội 1991, tr 83

hóa là phải tạo ra môi trường văn hóa XHCN, ở đó tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống con người được phát triển lành mạnh, kết hợp hài hòa giữa các giá trị truyền thống và hiện đại, thấm nhuần tinh thần dân tộc và tính nhân văn. Đặc biệt, Đảng ta rất quan tâm đến thiết chế văn hóa nền tảng là gia đình ; Nhà nước đang thể chế hóa từng bước nhằm thúc đẩy một cuộc vận động lớn "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Bước sang thiên niên kỷ mới, xu thế toàn cầu hóa không chỉ cải biến sâu sắc tiến trình phát triển kinh tế nhân loại mà đối với văn hóa cũng nảy sinh những ảnh hưởng cực kỳ to lớn. Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX của Đảng đã chỉ rõ một số nhiệm vụ quan trọng của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới "phải góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, chặn đà suy thoái về đạo đức lối sống"⁽⁵⁾ và "làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình" âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch"⁽⁶⁾. Như vậy vấn đề trọng tâm của chiến lược văn hóa là xây dựng tinh thần yêu nước, lý tưởng XHCN sao cho mỗi con người Việt Nam đủ sức đề kháng trước ảnh hưởng tiêu cực của đủ loại văn hóa ngoại lai đang tràn vào Việt Nam qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Cùng với việc xây dựng các thiết chế văn hóa, Đảng ta cũng đã chú ý đến nhu cầu hưởng thụ, sáng tạo văn hóa của nhân dân. Nếu như trong thời thuộc Pháp, hơn 90% dân số nước ta mù chữ thì đến giữa năm 2000, toàn bộ 61 tỉnh, thành đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa nạn mù chữ và phổ cập tiểu học. Mạng lưới phát thanh, truyền hình đã phủ sóng khắp 61 tỉnh, thành trong cả nước ; với 490 cơ quan báo viết, 40 nhà xuất bản, hàng năm cho ra đời khoảng 9 000

đầu sách ; 184 đoàn nghệ thuật ; 116 nhà bảo tàng ; 24 hãng phim, gần 20 000 thư viện ; 747 nhà văn hóa ; 850 đội thông tin lưu động ; 25 000 đội văn nghệ quần chúng. Bên cạnh các cơ sở văn hóa do nhà nước thành lập và trợ cấp hoạt động, những tổ chức văn hóa nghệ thuật của tập thể và tư nhân ngày càng được nhân dân hưởng ứng. Đây là những thành tựu to lớn thể hiện nỗ lực cao độ của Đảng và nhân dân ta trên con đường xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc tiến tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Có thể nói, sự lãnh đạo của Đảng nói chung và sự lãnh đạo của Đảng về văn hóa nói riêng có ý nghĩa cốt tử trong mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Nền văn hóa Việt Nam đã từng bước phát triển và đạt được những thành tựu hết sức to lớn, dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam ngày càng có vị thế trên trường quốc tế. Nhìn lại những thành tựu đã đạt được trong hơn bảy thập kỷ qua từ những nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa, chúng ta có thể rút ra những bài học quý báu.

1. Ngay trong *Đề cương văn hóa Việt Nam* (1943), Đảng ta đã xác định rõ văn hóa văn nghệ là một trong ba mặt trận : kinh tế, chính trị, văn hóa. Khi cả nước thống nhất bước vào giai đoạn xây dựng CNXH, chúng ta tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng : cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa. Đến nay cùng với trào lưu phát triển của thế giới hiện đại, vai trò của văn hóa được Đảng ta nhận thức một cách rõ ràng hơn trong mục tiêu xây dựng nền kinh tế tri thức

(5), (6) Xem *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm BCH TW khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2002, tr 136, 137

khi mà tri thức đã vượt qua các nhân tố sản xuất truyền thống là vốn và sức lao động để trở thành nhân tố sản xuất quan trọng nhất, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đã nhấn mạnh phải kết hợp phát triển kinh tế với xây dựng và phát triển văn hóa. Bởi lẽ, khi quá chú ý đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà không tính đến môi trường văn hóa thì đó là sự phát triển hết sức khập khiễng, mất cân đối. Do đó, tiềm năng sáng tạo của dân tộc bị suy giảm và tất yếu cũng không đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

Mặt khác, sự phát triển văn hóa cũng chịu sự chi phối mạnh mẽ của kinh tế và chính trị. Nhất là trong xu thế toàn cầu hóa, các nước phát triển lợi dụng phương tiện khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến thâm nhập khắp thế giới khiến cho ý thức tư tưởng, hệ thống giá trị, hệ thống tín ngưỡng, nền văn hóa dân tộc của các nước đang phát triển cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Trong giai đoạn hiện nay, các thế lực đế quốc đang ráo riết thực hiện "diễn biến hòa bình" nhằm xóa bỏ chế độ XHCN mà bao thế hệ nhân dân Việt Nam đã hy sinh xương máu để xây dựng nên, chúng ta tất phải cảnh giác với sức thâm thấu chính trị qua con đường văn hóa. Trên thực tế, sự thâm thấu về tâm lý là rất khó nhận biết mà sức công phá của nó lại vô cùng to lớn. Chính vì thế, phải quán triệt nguyên tắc "văn hóa phải thâm sâu vào tâm lý quốc dân" trong quá trình xây dựng nền văn hóa dân tộc. Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc, Đảng ta hết sức chú ý đến chiến lược con người, chính nhân tố con người mới là yếu tố cốt tử tạo ra sức mạnh và tính nhân văn của nền văn hóa. Như thế, từ nhận thức *văn hóa cũng là một mặt trận*, qua các giai đoạn cách mạng vai trò của văn hóa ngày càng được Đảng ta

chú trọng và phát huy có hiệu quả hơn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng.

2. Nhìn vào tiến trình lịch sử, cuộc tiếp xúc với phong trào giải phóng dân tộc và CNXH đã đưa vào Việt Nam một hệ thống giá trị mới, trở thành một động lực lịch sử to lớn và trở thành con đường "cả dân tộc theo đi". Ngày nay, chúng ta xây dựng đất nước Việt Nam XHCN, phát triển khoa học công nghệ, giáo dục - đào tạo trong xu thế toàn cầu hóa có sự tác động, tương hỗ, thẩm thấu, can dự, giao lưu, mở cửa với thế giới. Vấn đề hội nhập như thế nào mà vẫn giữ được bản sắc văn hóa và độc lập dân tộc lại càng đặt ra cấp thiết hơn. Nói đến văn hóa là nói đến sự tích lũy lắng đọng và thể hiện ý thức và bản lĩnh dân tộc đồng thời là sự tụ hợp của tinh thần thời đại và khuynh hướng giá trị, thuộc về "kết cấu tầng sâu của sự vật", biểu đạt "tâm căn cước" của mỗi dân tộc.

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử dân tộc ta đã tạo nên được một truyền thống văn hóa mang bản sắc riêng. Trong quá trình giao lưu, hấp thụ văn hóa nhân loại, phải cương quyết loại bỏ những tư tưởng độc hại, những ấn phẩm văn hóa suy đồi; phải chọn lọc những giá trị phù hợp với dân tộc. Trong mối quan hệ văn hóa - kinh tế - chính trị thì chủ quyền văn hóa đồng thời cũng là chủ quyền kinh tế, chính trị. Việc bảo vệ phát triển nền văn hóa dân tộc có quan hệ trực tiếp đến sự tồn vong của dân tộc. Tầm quan trọng của vấn đề này là ở chỗ, nếu mất văn hóa, bị hủy diệt về văn hóa thì vĩnh viễn tổ chất dân tộc không thể tìm lại được. Để giữ vững độc lập dân tộc, độc lập văn hóa thì yếu tố lý tưởng XHCN và bản sắc dân tộc phải có vai trò quyết định sự lựa chọn chiến lược phát triển văn hóa. Đứng trước một thế giới có nhiều biến động khôn lường có thể nói đó là sự lựa chọn con đường sinh tử, và hơn nữa, đó cũng là sự lựa chọn tất yếu của lịch sử dân tộc. □

LÀM GÌ ĐỂ TRÀ MY VƯƠN DẬY TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

LÊ XUÂN ĐÌNH

TRÀ My là một huyện miền núi, nằm ở cực nam của tỉnh Quảng Nam, có tổng diện tích tự nhiên là 164 558 héc-ta, trong đó đất nông nghiệp là 5 373,26 héc-ta (chiếm 3,27%), nếu tính cả đất nông nghiệp và đất có khả năng nông nghiệp cũng chỉ khoảng 19% tổng diện tích toàn tỉnh.

Huyện Trà My có 54 629 người (tính đến tháng 12 năm 2001) với hơn 12 dân tộc anh em, đông nhất là dân tộc Ca Dong (tên gọi khác của dân tộc Xơ Đăng) chiếm 52,5%, thứ đến là dân tộc Kinh chiếm 36,4% và các dân tộc Cor, Mơ Nông, Mường, Nùng... Mật độ dân số vào loại thấp, khoảng 33 người/km². Huyện Trà My được chia thành 21 xã và một thị trấn. Một trung tâm cụm tám xã tại Tak Por, xã Trà Mai đang được khẩn trương xây dựng.

1. Trà My vẫn còn là huyện có nhiều khó khăn

Nhiều năm trong chiến tranh, Trà My là căn cứ cách mạng rất quan trọng, nên đây cũng là nơi bị đế quốc Mỹ tàn phá bởi bom đạn và chất độc da cam, hậu quả đến nay nhiều nơi vẫn chưa được khắc phục. Mặc dù thời gian vừa qua Nhà nước Trung ương và

địa phương đã tập trung nhiều nguồn hỗ trợ về vật chất, nhưng Trà My vẫn còn là một huyện nghèo, năm 2001 có tới 49,1% số hộ nghèo đói theo chuẩn mới, trong đó 12% hộ đói.

Trong khi đó Trà My lại là nơi có tiềm năng về đất đai và lao động không lớn. Những số liệu khảo sát vừa qua, chỉ cho thấy huyện có tiềm năng về đất

rừng và tiểu khí hậu để phát triển cây đặc sản. Chẳng hạn, phát triển kinh tế đồi và rừng, nhất là phát triển cây quế giống của địa phương vốn đã nổi tiếng trên thị trường trong và ngoài nước từ lâu đời.

Tốc độ tăng dân số của Trà My đang có xu hướng giảm dần. Nếu giai đoạn 10 năm (1976 - 1986), mỗi năm tăng 2 239 người, thì giai đoạn tiếp theo (1986 - 1996) còn 1 854 người và trong 5 năm cuối của thế kỷ XX chỉ còn 360 người. Đây là kết quả của công tác vận động dân số và kế hoạch hóa gia đình. Tương tự như bức tranh về dân số nói chung, lao động trong độ tuổi ở Trà My cũng đang có xu hướng tăng chậm dần lại. Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp còn quá cao, năm 2000 còn chiếm 84,3%.

Biểu 1: Tốc độ gia tăng bình quân hàng năm về lao động, người

	1976 - 1986	1986 - 1996	1996 - 2000
Dân số	2 239	1 854	369
Trong độ tuổi lao động	803	571	240
Lao động nông nghiệp	524	661	50

Điều đặc biệt là, do giao thông còn khó khăn, tình trạng kinh tế kém phát triển,

các nguồn lợi tự nhiên không nhiều, nên huyện Trà My không có hiện tượng di cư tự do (tăng dân số cơ học) đến khai phá đất để làm kinh tế trang trại gia đình. Ở nhiều địa phương, lao động tại chỗ giảm do số lao động trẻ, năng động bỏ thôn bản đi làm thuê ở nơi khác. Điều đó có thể thấy, tốc độ gia tăng lao động trong nông nghiệp bình quân hằng năm giảm nhanh, 5 năm gần đây chỉ có 50 người, trong khi hai thập niên trước đây là 524 và 661 người (Biểu 1).

Bài toán khó đang đặt ra trước ban lãnh đạo huyện và tỉnh là làm thế nào để với những điều kiện, hoàn cảnh đặc thù của một huyện vùng cao, vùng sâu như Trà My lại có thể nâng dân đời sống của đồng bào cả về vật chất và văn hóa. Điều dễ nhận ra là, phải biến tiềm năng hiện có về đất đai, lao động thành giá trị kinh tế và phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý. Nhưng để làm được điều đó Trà My đang gặp phải những khó khăn không dễ vượt qua trong "ngày một, ngày hai".

Do nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu do địa hình hiểm trở, tập tục canh tác lạc hậu của đại bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số... nên đến nay việc giao đất, giao rừng vẫn chưa hoàn chỉnh, nhất là việc cấp "sổ đỏ" còn rất hạn chế. Những địa phương vùng cao, vùng sâu, như Trà Mai, Trà Giác dường như Luật Đất đai chưa đến được với người dân. Đồng bào chủ yếu vẫn canh tác đất nương, rẫy theo lối đờn trước để lại cho đờn sau. Những nơi này vai trò điều phối đất đai của chính quyền địa phương hầu như chưa phải là tối cần thiết. Do đó, việc hạn chế du canh đang gặp rất nhiều khó khăn.

Trong thời gian qua, tuy có nhiều dự án đưa các loại cây vào các địa phương của Trà My để phát triển kinh tế đồi rừng, nhưng kết quả thấp do không nghiên cứu kỹ đặc tính khí

hậu, đất đai. Chẳng hạn, trước đây đã có những thời kỳ đầu tư trồng các loại cây khác nhau, như: trâu, cà phê, nhãn, xoài, cam, bơ, chôm chôm... Vốn đầu tư không ít, nhưng do hiệu quả đem lại thấp nên mất dần lòng tin của người dân vào các biện pháp có tính chất áp đặt từ trên xuống.

Tiềm năng về đất rừng và kinh tế đồi rừng khá lớn, nhưng đồng bào lại không có điều kiện để phát huy. Trước mắt, họ vẫn tập trung lo lương thực theo lối tự túc, khép kín (kinh tế tự nhiên). Phương thức canh tác còn nặng lối du canh cũ kỹ, lạc hậu. Điều đó một phần rất cơ bản là do *huyện Trà My vẫn chưa có quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chưa có quy hoạch phát triển cây, con cho các tiểu vùng và địa phương thật rõ ràng, phù hợp*. Bởi vậy, tình trạng tự phát, mảy mò gây lãng phí là khó tránh khỏi. Cán bộ huyện Trà My đã làm một phép tính so sánh hiệu quả giữa phát triển kinh tế đồi rừng với trồng cây lương thực, như sau: để có 1 héc-ta nương rẫy, người dân phải phá tới 4 - 5 héc-ta rừng, vì họ canh tác theo lối du canh, nên mỗi khoảnh chỉ canh tác được vài năm là hết màu, phải bỏ đi nơi khác, mà cứ 3 - 4 năm quay lại khu đất ban đầu. Tính chung hằng năm toàn huyện Trà My phải chặt phá 1 700 - 1 800 héc-ta rừng để làm nương rẫy. Dưới số đó là không bảo đảm đủ lương thực cho đồng bào. Trong khi đó 1 héc-ta rừng sau 20 năm không cần vất vả chăm bón như trồng lúa, chỉ cần bảo vệ tốt, là có thể cho thu hoạch 400 m³ gỗ (tương đương 400 triệu đồng thời giá hiện nay). Như vậy, 4 héc-ta sau 20 năm thu 1,6 tỉ đồng. Còn sản xuất lúa nương được 1,8 tấn thóc/ha/năm, nhưng phải "gánh" diện tích cho ít nhất 3 - 4 héc-ta khác thuộc đất rừng lưu hóa để luân phiên bị đốt trong vòng quay du canh của người dân địa phương, nên bình quân 1 héc-ta đất đồi rừng dành để trồng cây

lượng thực chỉ cho thu hoạch 450 kg lúa nương/năm (1 800kg/4ha), và trong 20 năm cho tổng thu là 9 tấn/ha, vị chi chỉ có 13,5 triệu đồng/ha trong suốt 20 năm (với giá thóc khoảng 1500 đ/kg).

Lợi ích kinh tế đã rõ. Ngoài ra còn lợi ích về môi sinh, môi trường và cân bằng sinh thái chưa tính đến. Không ít cán bộ địa phương đặt câu hỏi, tại sao Nhà nước không cấp lương thực cho người dân miền núi (chỉ với mức bình quân 13 kg gạo/người/ tháng) để họ chuyên tâm trồng và bảo vệ rừng, và toàn quyền thu hoạch sản phẩm từ rừng thay vào việc phải quá vất vả trồng lúa nương và tự túc lương thực ?!.

Mặt khác, trình độ của người lao động ở Trà My nhìn chung còn rất thấp. Trong khi ngân sách giáo dục của huyện Trà My chiếm khoảng 40% ngân sách huyện, nhưng việc nâng cao dân trí, nhất là cho đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu vẫn đang là vấn đề cấp bách. Những kiến thức thật sự cần thiết và có tính cấp bách cho đồng bào vùng cao chưa biết lấy ở đâu và ai cung cấp. Có em ở Trà Mai học hết lớp 10 (rồi bỏ học) nói, kiến thức em học ở trường không dùng được ở quê em, vì miền núi canh tác, trồng trọt, chăn nuôi khác miền xuôi.

Bên cạnh đó, trình độ lãnh đạo, quản lý của số cán bộ cơ sở cấp xã, thôn, nóc cũng đang rất bất cập. Cán bộ ở 18 xã chưa đủ năng lực quản lý dự án. Kế toán của 16 xã hiện nay do một kế toán viên của phòng tài chính huyện đảm nhiệm với tư cách trợ giúp, nhưng trên thực tế là phải làm thay, mặc dầu xã là cấp hạch toán độc lập.

Lao động thiếu được đào tạo cũng đang là lực cản trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đến với người dân, nhất là trong khâu chuyển giao các tiến bộ về khoa học, công nghệ. Cán bộ khuyến nông,

khuyến lâm có mà không phát huy được hiệu quả. Như ở Trà Giác, Chủ tịch xã nói, có cán bộ khuyến nông đã 10 năm nay, nhưng tiếp thu còn yếu, truyền đạt làm sao nổi, nhiều khi chính Chủ tịch xã lại đi làm khuyến nông, khuyến lâm. Đại đa số đồng bào Ca Dong chưa dùng phân bón cho trồng lúa, kể cả lúa nước, một số ít có dùng nhưng không biết thế nào là bón lót, bón thúc...

Tình trạng dân trí thấp còn thể hiện ở chỗ phần đông người dân còn chưa biết phải làm gì để phát triển sản xuất. Tập quán dựa vào thiên nhiên, du canh, đốt nương làm rẫy khá phổ biến đang cản trở việc huy động và sử dụng các đồng vốn. Nhà nước đã có chính sách cho vay vốn rất rộng rãi mà đồng bào không dám vay. Dư nợ cho vay toàn huyện đã lên đến hơn 30 tỉ đồng, đó là một nỗ lực rất đáng kể của các cấp lãnh đạo, cũng như ngành ngân hàng, nhất là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhưng trong tình hình chung về dân trí như vậy chưa thể nói là đồng vốn đã được sử dụng một cách có hiệu quả.

Hình thức sử dụng vốn vay còn rất đơn điệu cũng xuất phát từ dân trí thấp. Tuyệt đại đa số các hộ được vay vốn chỉ đầu tư vào chăn nuôi, chủ yếu lại là nuôi bò, lấy công làm lãi. Nuôi lợn và gà thường hay bị thất bại do dịch bệnh. Đội ngũ hướng dẫn vay vốn lại mỏng, địa hình phức tạp nên không thể làm xuể các việc như phối - kết hợp với khuyến nông, khuyến lâm.

Trong khi đó, chính sách cho vay vốn lại không tính đến đặc thù kinh tế lâm nghiệp của địa phương. Trồng cây rừng, mà lượng vốn vay ít, thời hạn vay vốn lại ngắn, nên người dân không thể dùng vào việc đầu tư trồng các loại cây lâm sản có giá trị kinh tế cao, như quế chẳng hạn, thời gian sinh trưởng cũng phải 10 - 20 năm.

2. Những tiền đề vật chất quan trọng ban đầu cho sự vươn dậy

Thời gian qua đã có khá nhiều chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước đến với Trà My, đã góp phần rất quan trọng, nếu không nói là quyết định đến việc thay đổi bộ mặt nông thôn các địa phương trong huyện. Chẳng hạn, Chương trình 135, huy động khoảng 24,5 tỉ đồng (trong đó : 18,4 tỉ cho xây dựng cơ sở hạ tầng ; 6 tỉ cho xây dựng trung tâm cụm xã). Kết quả là, từ năm 1997 - 2000, Chương trình 135 đã xây dựng 19 km đường giao thông nông thôn ; 22 km đường liên xã ; 3 công trình thủy lợi ; 7 trường học ; 1 trạm phát lại truyền hình ; 1 trạm y tế ; 1 công trình điện ; 1 trung tâm cụm xã, đang triển khai 2 trung tâm cụm xã khác.

Chương trình 133 đầu tư khoảng 400 triệu đồng/xã đang có tác dụng tích cực trong việc phát triển giao thông nông thôn. Chương trình 120 hỗ trợ tạo việc làm. Theo Kho Bạc huyện, hơn 7 năm thực hiện Chương trình 120, huyện Trà My đã cho vay 44 dự án, doanh số cho vay đạt 2 tỉ 641 triệu đồng, giải quyết được hơn 1000 lượt lao động có việc làm. Từ năm 1993 đến năm 1999, số tài chính dành cho 327, định canh định cư, xóa đói giảm nghèo, đối tượng đặc biệt khó khăn tại địa bàn huyện Trà My đã lên tới 800 triệu đồng (trong đó, vốn 327 : 450 triệu, vốn định canh, định cư : 78 triệu đồng, vốn xóa đói giảm nghèo : 50 triệu đồng, vốn hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn : 220 triệu đồng, đến năm 2000 là 395 triệu đồng). Hiệu quả là đã phát triển được 690 con bò, 100 héc-ta kinh tế vườn.

Từ năm 1997 - 2002, doanh số cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã lên đến con số gần 20 tỉ đồng. Cơ cấu vay vốn như sau : lĩnh vực nông nghiệp hơn 6 tỉ đồng ; cho vay phục vụ tiêu

dùng và đời sống gần 3,5 tỉ đồng ; phát triển thương mại, dịch vụ trên 1 tỉ đồng ; các ngành khác 582 triệu đồng. Dư nợ cho vay hộ nghèo tính đến hết quý I năm 2002 là hơn 7 tỉ đồng, tăng 2,4 lần so với năm 1997.

Ngoài ra, huyện Trà My còn được sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, như Dự án hỗ trợ phát triển của Ô-xtrây-li-a (AUSAID), Dự án phát triển hạ tầng nông thôn (RIDEF). Tổng vốn huy động lên tới 17,5 tỉ đồng. Kết quả là huyện đã có thêm : 4 cầu treo dây cáp cỡ trung, sửa chữa nâng cấp 2 tuyến đường dài 19,3km đáp ứng nhu cầu đi lại qua sông lớn cho dân cư 4 xã ; đảm bảo giao thông tuyến đường bộ qua 4 xã vùng thấp và một đoạn tuyến đường chủ yếu đi các xã vùng cao ; xây dựng 51 công trình hạ tầng cấp bách, như : thủy lợi, nước sạch, điện, trường học, cầu đường giao thông... thông qua việc lựa chọn ưu tiên của cộng đồng ở 14 xã trong vùng dự án ; tăng cường năng lực lập kế hoạch và quản lý dự án của cán bộ cấp huyện và xã.

3. Tìm hướng đi lên

Trước hết, phải từ con người. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, chính quyền các cấp ở Trà My nên có biện pháp phối hợp cụ thể, khẩn trương, để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cấp xã. Số cán bộ kế cận không những phải có đủ trình độ, bản lĩnh chính trị để đưa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với đồng bào, mà còn có đủ uy tín để đồng bào noi theo, dần dần từ bỏ các tập quán canh tác lạc hậu, học tập các phương pháp nuôi, trồng tiên tiến để tăng thu nhập, nâng cao đời sống.

Hai là, có bước đi nhanh nhưng thật sự vững chắc. Khi hoạch định chính sách phát triển kinh tế cần tính toán kỹ các đặc thù về văn hóa, xã hội của đồng bào các dân tộc

thiếu số của huyện. Việc duy trì sự phát triển bền vững phải đặc biệt chú ý đến yếu tố trình độ dân trí thấp, khả năng tiếp thu kém của đồng bào vùng sâu, vùng xa, nhất là làm sao để sự giàu lên của một bộ phận dân cư này không dẫn đến sự tụt hậu, rơi vào cảnh nghèo đói của một bộ phận dân cư khác. Muốn vậy, phải thận trọng từng bước dựa trên sự tính toán một cách đồng bộ, tổng thể để đồng bào cùng tiếp thu có hiệu quả các yếu tố mới, tiên tiến để cùng phát triển.

Ba là, tuân thủ quy luật phân công lao động xã hội trong kinh tế thị trường. Nhà nước nên cân nhắc việc đầu tư phát triển kinh tế rừng ở những vùng, miền có nhiều lợi thế về rừng theo quy luật phân công lao động xã hội của cơ chế thị trường. Nếu hạn chế được việc đốt rừng làm nương rẫy, để chuyển sang phát triển kinh tế vườn - rừng, vườn - đồi và chăn nuôi, thì chắc chắn đồng bào sẽ đỡ vất vả, mà diện tích rừng tái sinh ắt sẽ tăng lên. Hiệu quả kinh tế rừng, theo tính toán, cao hơn nhiều lần so với làm lương thực nơi đất dốc, thủy lợi khó khăn. Trong khi đó, chi phí cho sản xuất lương thực ở những vùng đất đai màu mỡ ở đồng bằng còn rẻ hơn rất nhiều. Vấn đề là phải có hàng hóa để trao đổi. Nhưng cũng có vấn đề vĩ mô đang đặt ra, trong khi đất nước chúng ta đang xuất khẩu 3 - 4 triệu tấn gạo/năm, lượng ngoại tệ thu được không nhỏ, nhưng phân huy động vào ngân sách nhà nước quả thực không thấm vào đâu so với hàng trăm ngàn tỉ đồng Nhà nước đã phải chi cho các chương trình mục tiêu để bảo vệ và phát triển rừng. Vậy đâu là hiệu quả kinh tế - xã hội thực sự có lẽ cũng phải tính kỹ ở cấp vĩ mô.

Bốn là, những chính sách ưu tiên đầu tư của tỉnh nên tính đến đặc thù của huyện miền núi. Chẳng hạn, theo Quyết định 19/2001/QĐ-UB, triển khai các chương trình kiên cố hóa kênh mương (xã, huyện bảo đảm 30%, nhà nước tỉnh bảo đảm 70%) ; phát

triển giao thông nông thôn (cũng theo phương thức đối ứng, tùy theo loại đường, ví dụ rộng 1,5 - 2 m, tỉnh bảo đảm 20 - 24%, huyện bảo đảm 25%, 55 - 51% còn lại do dân đóng góp), tỷ lệ huy động các nguồn vốn ở đồng bằng, miền núi đều cào bằng như nhau đang làm cho vốn ngân sách chảy mạnh về miền xuôi do vùng núi thưa dân hơn, phần đông dân số lại còn nghèo, trong khi địa hình và không gian đòi hỏi phải làm đường lại rất lớn. Một huyện (như Điện Bàn) miền xuôi huy động làm 90 km đường để như trở bàn tay, thì ở Trà My huy động để có đối ứng làm 1 km đường lại rất trắc trở.

Năm là, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các chương trình đối với huyện miền núi. Cán bộ cơ sở cho rằng, nếu chỉ vì Chương trình 133, 135 mà cắt các chương trình khác ở các địa phương miền núi cao, thì chính các chương trình này cũng sẽ bị chết yểu, không hiệu quả. Chính sách trợ cước, trợ giá hai mặt hàng thiết yếu (gồm muối và dầu lửa) hiện còn có những điều không minh bạch, không hiệu quả, Đảng và Nhà nước nên cấp không cho đồng bào. Thực tế, có địa phương dân đi 2 - 3 ngày đường mới đến được điểm đại lý bán hàng trợ giá, trợ cước, nên họ đã chọn mua với giá gấp 1,5 - 2 lần do tư thương mang hàng lên đến tận thôn, nóc và cửa nhà sàn.

Sáu là, có chế độ biên chế cán bộ riêng cho các địa phương vùng cao, vùng sâu. Biên chế cán bộ cấp huyện xã vùng cao đang có nhiều bất cập bởi mấy lý do sau : địa bàn rộng, giao thông khó khăn, số lượng cán bộ xã lại mỏng, nên không thể có điều kiện để mỗi năm cán bộ huyện gặp được một lần cho hết lượt các xã trong huyện. Nghị định 93 về công tác phí, và cước giao thông quy định chế độ thực chi thực thanh, nhưng vùng cao chỉ sử dụng được xe ôm lại không thể có vé để thanh toán. Chưa kể các khó khăn do tập tục lạc hậu, trình độ dân trí thấp. □

HON nửa thế kỷ qua, biết bao thầy cô giáo ở các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) đã không quản ngại khó khăn, vất vả, tình nguyện làm người chiến sĩ văn hóa, cần mẫn, thầm lặng gieo những hạt giống đầu tiên cho nền giáo dục xã hội chủ nghĩa trên những vùng núi cao.⁽¹⁾

Đất nước còn nghèo, với bộn bề khó khăn nhưng Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách, nhiều chương trình mục tiêu nhằm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Trong đó phải kể đến *Chương trình VII - Chương trình* này đã góp phần quan trọng tạo ra bước đột phá căn bản nhằm giải quyết những bế tắc và tụt hậu của giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa bấy lâu nay. Đây là một chủ trương, chính sách đúng đắn, kịp thời của Đảng và Chính phủ đối với sự nghiệp giáo dục, góp phần rất lớn vào việc đào tạo nguồn cán bộ dân tộc cho các tỉnh mở ra hướng mới đầy triển vọng để phát triển một số ngành nghề ở vùng núi, nâng cao dân trí cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Một trong những mục tiêu quan trọng của *Chương trình* là, tiến hành *củng cố xây dựng hệ thống trường dân tộc nội trú từ Trung ương đến địa phương*. Trong 10 năm (1991 - 2001), Nhà nước đã đầu tư 876,2 tỉ đồng để ngành Giáo dục và Đào tạo chuyển các trường PTDTNT về nơi trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của địa phương. Tập trung xây dựng mới 10 trường PTDTNT thuộc trung ương, 43 trường thuộc tỉnh và 190 trường thuộc huyện, ước khoảng 500 000 m² các hạng mục công trình cơ bản. Hầu hết các công trình này được xây dựng kiên cố, hiện đại. Những năm gần đây, chương trình đã vận dụng kinh phí của Ngân hàng thế giới để xây dựng khoảng 150 trường cụm xã (nhà 2 tầng) và một số lớp ghép tại bản làng ở một số địa phương.

CÙNG CỐ VÀ TĂNG CƯỜNG hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú

NGỌC HỒ

Sự xuất hiện của các trường PTDTNT ở các trung tâm kinh tế xã hội, văn hóa giáo dục của địa phương đã góp phần làm cho gương mặt miền núi, vùng cao, vùng khó khăn thêm khởi sắc ; sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở những nơi này như được "hồi sinh". Cùng với mạng lưới trường PTDTNT xã, hệ thống các trường PTDTNT ở huyện, ở tỉnh và ở Trung ương ngày càng được củng cố và có bước phát triển mới. Nếu năm học 1989 - 1990 cả nước chỉ có 79 trường PTDTNT với 10 370 học sinh thì chỉ sau hơn một thập kỷ , tới tháng 10-2002, cả nước đã có gần 400 trường PTDTNT với hơn 60 000 học sinh. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp, tốt nghiệp cuối cấp và hiệu quả đào tạo ngày càng cao (80,59% - năm 1996 - 1997 ; 84,17% - năm 1997 - 1998 ; 84, 59% - năm 1998 - 1999 ; 91,20% - năm 1999 - 2000). Số học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung

(1) Các số liệu sử dụng trong bài do Trung tâm nghiên cứu Giáo dục Dân tộc thuộc Viện Khoa học - Giáo dục cung cấp

học chuyên nghiệp ngày càng nhiều, tỷ lệ học sinh giỏi ngày càng tăng. Trong vòng 10 năm gần đây, có 9 012 em trúng tuyển vào đại học, cao đẳng; 190 em đoạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.

Nhìn lại sự phát triển của hệ thống trường PTDTNT trong thời gian qua, chúng ta nhận thấy những kết quả đáng mừng trên các mặt sau:

Thứ nhất: Sự phát triển nhảy vọt của mạng lưới trường PTDTNT cụm xã (190 trường) cho thấy các địa phương đã có hướng đầu tư đúng đắn vào cấp tiểu học - cấp học nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân. Sau khi có quyết định 661/QĐ của Bộ Giáo dục và Đào tạo⁽²⁾, các địa phương đã mở ra nhiều trường PTDTNT xã với những hình thức tổ chức linh hoạt: *Trường tiểu học bán trú xã, Trường nội trú dân nuôi, Trường nội trú liên xã...* Thực chất đây là các trường do nhân dân tự xây dựng cơ sở vật chất và đóng góp lương thực, thực phẩm để nuôi con em ăn học.

Trường PTDTNT xã chủ yếu thu nhận học sinh từ lớp 3 đến lớp 5, các lớp bé hơn các em học tại bản, cá biệt có trường có những lớp nhỏ của cấp trung học cơ sở (6, 7, 8). Nhờ phát triển nhiều trường PTDTNT xã, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được huy động tới lớp tăng nhanh, chất lượng giáo dục có chuyển biến tốt. Sự phát triển có tính chất "tự phát" của các trường PTDTNT xã chứng tỏ phong trào xã hội hóa giáo dục ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa đang có những chuyển biến tích cực. Người dân vùng cao không chỉ còn mãi lo cái ăn, cái mặc, mà đã ít nhiều quan tâm đến chuyện học hành của con em. Xã Sính Phình (Tủa Chùa, Lai Châu) có quy định: Mỗi lao động đóng góp 2 kg lương thực/ năm để nuôi học sinh nội trú, bảo đảm mỗi em có từ 10 đến 13 kg lương thực/tháng. Tỉnh Hà Giang có hình thức tổ chức bữa ăn cho học sinh nội trú xã. Gần đây, một số trường PTDTNT xã ở Lai Châu, Sơn La, Hà Giang đã được sự quan tâm giúp đỡ về cơ sở vật chất của

một số tổ chức nhân đạo trên thế giới. Tổ chức "Quan tâm thế giới" ở Quảng Nam đã hỗ trợ học sinh một số xã thuộc huyện Trà My mỗi tháng 14 000 đồng/ học sinh.

Phong trào toàn dân học tập, xã hội học tập đang từng bước lan rộng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng khó khăn; nhận thức của đồng bào về nghĩa vụ, quyền lợi học tập của con em được nâng lên không ngừng. Các bậc phụ huynh không chỉ còn ước mơ cơm áo thường nhật mà mơ ước xa hơn, cho con em họ học thành tú tài, cử nhân, tiến sĩ. Nhiều học sinh ra đi từ những đỉnh núi mù sương đã phấn đấu học hành trong các trường PTDTNT các cấp và đã thành đạt.

Thứ hai, các trường PTDTNT đã có những đóng góp tích cực cho yêu cầu tạo nguồn nhân lực cấp bách ở miền núi. Phần nhiều cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học đang giữ những chức vụ chủ chốt từ xã đến huyện, tỉnh và phần lớn lực lượng lao động có văn hóa, có kiến thức khoa học là người dân tộc thiểu số đang làm việc ở các địa phương miền núi hiện nay đã trưởng thành từ trường PTDTNT. Miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn có điểm xuất phát thấp, nhu cầu cán bộ và yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngày càng cấp thiết. Đội ngũ cán bộ hiện nay, nhất là cán bộ cơ sở, vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý nên chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thực hiện mục tiêu tạo nguồn cán bộ, các trường PTDTNT đã thiết lập mối liên kết và phối hợp chặt chẽ với nhau tạo một chu trình khép kín trong khâu tạo nguồn đào tạo theo địa chỉ. Trường xã là nguồn tuyển sinh của trường huyện, trường huyện là nguồn tuyển

(2) Quyết định số 661 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 29-6-1985, Ban hành bản quy định về tổ chức của trường PTDTNT

sinh cho trường tỉnh, trường tỉnh tạo nguồn cho Trung ương. Chu trình khép kín này đang là giải pháp tối ưu cho mục tiêu tạo nguồn nhân lực của hệ thống trường dân tộc nội trú. Nhờ chu trình đó học sinh là người dân tộc thiểu số được học lên bậc học cao ngày càng nhiều.

Thứ ba, nâng cao chất lượng giáo dục là điều kiện tiên quyết của hệ thống trường PTDTNT. Được sự đầu tư trang thiết bị phục vụ dạy và học ⁽³⁾ từ nguồn ngân sách của Nhà nước, và những nỗ lực của đội ngũ giáo viên..., mấy năm gần đây, các trường PTDTNT đã có đủ điều kiện để nâng cao chất lượng dạy và học. Đặc thù của trường PTTHNT là, học sinh ở nội trú có nhiều thời gian tự học, giờ tự học được quản lý chặt chẽ, có nhiều cơ hội học hỏi bè bạn, thầy cô, có điều kiện tham gia hoạt động ngoại khóa. Ngoài chương trình chung như các trường khác trong hệ thống giáo dục, trường PTDTNT còn có nhiều hình thức hoạt động bổ trợ nhằm giáo dục truyền thống dân tộc, tinh thần đoàn kết, bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh.

Sự chuyển biến tốt về chất lượng giáo dục toàn diện ở các trường PTDTNT đã tạo niềm tin cho học sinh dân tộc thiểu số vào khả năng học tập của mình. Khi vị thế của người học sinh dân tộc thiểu số trong nhà trường đã được nâng cao thì niềm tin của đồng bào đối với sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ càng thêm sâu sắc.

Thứ tư, Trường PTDTNT là một trường chuyên biệt, có nhiều nét đặc thù. Do đó, vấn đề hướng nghiệp dạy nghề cho học sinh là một vấn đề được các trường quan tâm đặc biệt. Theo nghiên cứu của các nhà khoa học giáo dục, trong 4 phương thức giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông (qua các môn học, qua hoạt động lao động sản xuất, qua các hoạt động ngoại khóa, qua sinh hoạt hướng nghiệp) thì hướng nghiệp qua việc tổ chức hoạt động lao động sản xuất là hiệu quả nhất.

Từ nhiều năm qua trường PTDTNT huyện Mộc Châu (Sơn La), PTDTNT huyện Lục Ngạn (Bắc Giang), và trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc... đều trở thành điển hình tiên tiến trong nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp thông qua việc tổ chức hoạt động lao động sản xuất cho học sinh.

Trường PTDTNT huyện Lục Ngạn (Bắc Giang) đã tạo dựng được một cơ ngơi khá bề thế phục vụ cho hoạt động lao động hướng nghiệp, gồm : 0,56 héc-ta ao thả cá, 2,9 héc-ta ruộng nước, 0,7 héc-ta vườn, 1,7 héc-ta rừng trồng cây lấy gỗ, 2,35 héc-ta trồng vải thiều đã cho thu hoạch. Nhà trường đã hình thành các tổ lao động chuyên sâu như tổ mộc, tổ sản xuất vật liệu xây dựng, tổ trồng cây lấy gỗ, tổ làm vườn, tổ trồng rau, tổ chăn nuôi... nhằm giúp mỗi học sinh làm quen với một nghề. Trường PTDTNT huyện Mộc Châu (Sơn La), ngoài việc tổ chức lao động bằng mô hình VAC, với dệt thổ cẩm, trồng rừng còn tổ chức cho học sinh tham gia xóa mù chữ cho đồng bào vùng cao vào dịp hè. Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc có 4,3 héc-ta để trồng cây, làm vườn, chăn nuôi và 4 máy khâu... ; hằng năm đã thu được gần 50 triệu đồng.

Thực tiễn đã chứng minh, con đường giáo dục hướng nghiệp qua lao động kết hợp với dạy nghề mà các trường ở Lục Ngạn, Mộc Châu và nhiều trường khác trong cả nước đã làm không chỉ là con đường hiệu quả nhất mà còn góp phần giải đáp những trăn trở về mục tiêu và phương hướng tổ chức hoạt động này ở các trường PTDTNT hiện nay.

Nguyên nhân có được những thành tựu ấy, trước hết là sự đầu tư toàn diện của Đảng và Nhà nước đối với hệ thống trường PTDTNT ; sau đó là sự lãnh đạo sâu sát triệt để của các

(3) Nhiều trường có tủ sách dùng chung với hàng ngàn đầu sách, có hệ thống thiết bị hiện đại, có phòng máy vi tính, phòng học ngoại ngữ, sân bãi tập thể dục thể thao, xưởng trường học nghề

cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương, sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành Giáo dục và Đào tạo với các ngành các cấp trong việc thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh các trường.

Mặc dù được đánh giá là *một trong 20 sự kiện giáo dục nổi bật của thế kỷ XX*, song sự phát triển hệ thống trường PTDTNT cũng còn bộc lộ nhiều bất cập :

Tỷ lệ học sinh gái trong các trường còn thấp. Một số dân tộc ít người vẫn chưa có con em học tại các trường PTDTNT. Nhiều trường còn lúng túng trong khâu tuyển sinh vì chưa giải quyết được mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao chất lượng và chất lượng đầu vào ; mâu thuẫn giữa chỉ tiêu có hạn với nhu cầu học tập của con em (trường Dự bị đại học Nha Trang, chỉ tiêu hằng năm từ 180 đến 200 học sinh, trong khi 12 tỉnh trong khu vực có tới hàng nghìn học sinh thi trượt đại học muốn vào học). Hình thức tuyển sinh chủ yếu hiện nay là cử tuyển nên không chọn được học sinh đạt yêu cầu ; chất lượng đầu vào quá thấp ảnh hưởng lâu dài đến chất lượng đào tạo và mục tiêu đào tạo. Mạng lưới trường dự bị đại học dân tộc hiện nay còn mỏng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục miền núi.

Còn quá nhiều bức xúc đặt ra trước mạng lưới trường xã từ tên gọi (chưa thống nhất) đến chế độ chính sách và quy mô phát triển. Có người cho rằng, mạng lưới trường PTDTNT xã phát triển ồ ạt, mang tính tự phát nên không đảm bảo yêu cầu nuôi dạy. Huyện Bắc Hà (Lào Cai) có 30 trường PTDTNT xã thì 26 trường chưa có công trình vệ sinh, 25 trường chưa có nguồn nước sạch. Theo thống kê của 32 trường thuộc 9 tỉnh miền núi phía Bắc, thì có đến 46,9% số trường không có nhà vệ sinh ; 40,6% không có giếng nước ; 90,6% không có nhà tắm... Song, việc phát triển hệ thống trường PTDTNT xã và cụm xã là yêu cầu tự thân, là hướng đi đúng của ngành giáo dục, do đó cần

được khuyến khích. 190 trường PTDTNT xã hiện nay mới chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ yêu cầu phát triển. Cả nước có 3 800 xã miền núi, trong đó có 2 200 xã đặc biệt khó khăn. Nếu cứ 2 đến 3 xã đặc biệt khó khăn mở một trường PTDTNT thì phải có hàng nghìn trường cụm xã và 30 000 lớp ghép tại bản, buôn làng mới đáp ứng yêu cầu phát triển.

Mức đầu tư ngân sách cho trường PTDTNT huyện, tỉnh, Trung ương hiện nay chưa hợp lý, và chưa thống nhất giữa các địa phương. Tỉnh Khánh Hòa có mức đầu tư thấp nhất, bình quân chỉ 1,8 triệu đồng/học sinh/năm ; thứ đến các tỉnh Vĩnh Long, Vĩnh Phúc, Hà Giang là 2 triệu đồng ; trong khi đó các tỉnh có mức đầu tư cao nhất như Nghệ An (4,2 triệu đồng) ; Lai Châu (4,1 triệu đồng) ; Bình Định (3,9 triệu đồng). Mức đầu tư cho trường huyện còn eo hẹp nếu các trường không tổ chức lao động sản xuất tự túc một phần thì việc tổ chức sinh hoạt đời sống rất khó khăn.

Công tác tạo nguồn và phân luồng đào tạo còn nhiều bất cập, do đó hiệu quả đào tạo chưa cao. Theo tính toán của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiệu quả đào tạo ở trường PTDTNT hiện nay là 5/4 (đào tạo 5 được 4). Trong 4 năm (1996 - 1999), có 7 818 học sinh học tại các trường PTDTNT tỉnh, tốt nghiệp bậc trung học nhưng chỉ có 59,56% vào học ở các trường cao đẳng, đại học, dự bị đại học và trung học chuyên nghiệp ; 40,44% về địa phương không được đào tạo nghề. Một thực tế là, trong số người thành đạt từ trường PTDTNT, rất ít người muốn trở thành cán bộ cơ sở đốc lòng xây dựng chính mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình. Phần đông trong số họ đều công tác ở tỉnh, huyện, thi thoảng mới ghé về thăm quê như những người "khách lạ". Vấn đề này vượt ra ngoài tầm của ngành giáo dục và bất cứ một cơ quan chuyên môn nào. Nó cần được nhìn nhận một cách tổng thể với sự tham gia hoạch định chính sách và phối hợp của nhiều ngành.

Vấn đề tổ chức lao động sản xuất và hướng nghiệp ở các trường PTDTNT hiện nay còn nhiều lúng túng từ cấp chỉ đạo đến thực hiện. Vì vừa thiếu đất, vừa không có thiết bị, dụng cụ chuyên dụng phục vụ dạy nghề, làm vườn và đặc biệt là không có giáo viên được đào tạo về kỹ thuật nông, lâm nghiệp. Hiện nay, chỉ có gần 30% số trường PTDTNT tỉnh và 50% số trường PTDTNT huyện có quỹ đất để xây dựng mô hình VAC hay (VARC), trong đó chỉ có 20% trường có quỹ đất xây dựng mô hình VAC tương đối hoàn chỉnh.

“Học đi đôi với hành”. Đó là phương châm, là mục tiêu mà giáo dục nước nhà cần vươn tới, nhất là trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay. Chúng ta không thể tách học sinh ra khỏi làng, bản của họ rồi nuôi dạy và chỉ dạy cho họ một mô kiến thức xa rời thực tế. Bản chất học sinh dân tộc thiểu số là cần cù chất phác, yêu lao động. Lao động còn là sợi dây bền chặt của khối đoàn kết tương thân tương ái, giúp các em luôn gần gũi với cộng đồng với quê hương dù còn khó khăn gian khổ, lạc hậu và thiếu thốn của mình, từ đó họ thấy được trọng trách của mình đối với quê hương. Hướng nghiệp cho học sinh các trường PTDTNT và tạo điều kiện cho họ được lao động là một vấn đề cấp bách, cần được Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan hữu trách sớm nghiên cứu chấn chỉnh.

Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX nhấn mạnh : Ưu tiên phát triển giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Chú trọng đào tạo cán bộ vùng dân tộc (cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể từ bản, ấp trở lên và cán bộ khoa học kỹ thuật). Củng cố và tăng cường hệ thống trường nội trú, bán trú cho học sinh dân tộc thiểu số ; từng bước mở rộng quy mô tuyển sinh, đáp ứng yêu cầu đào tạo toàn diện đi đôi với việc cải tiến chính sách học bổng cho học sinh loại trường này... Thực hiện chính sách cử

tuyển, đào tạo theo địa chỉ đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn... Để thực hiện những mục tiêu đó, trong thời gian tới, chúng ta cần phát huy những thành tựu đạt được, nhanh chóng khắc phục những tồn tại, yếu kém, tập trung vào những nhiệm vụ cơ bản sau :

1. Đổi mới chương trình và phương pháp dạy học, đồng thời có nhiều chương trình đào tạo bổ trợ góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và miền núi cho thật phù hợp với tính chất chuyên biệt của hệ thống trường PTDTNT.

2. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các nhà trường nâng mức học bổng và suất đầu tư để đảm bảo đời sống cho học sinh. Có quy chế quản lý và chính sách hỗ trợ về tài chính cho học sinh trường bán trú dân nuôi.

3. Đổi mới công tác tuyển sinh hàng năm, kết hợp giữa thi tuyển và cử tuyển cho phù hợp với thực tế địa phương. Đẩy mạnh phong trào xã hội hóa giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, từng bước giác ngộ quyền lợi, nghĩa vụ học tập cho nhân dân.

4. Tổng kết công tác tạo nguồn đào tạo cán bộ của các trường PTDTNT thời gian qua, có kế hoạch cụ thể, dành sự ưu tiên đào tạo cán bộ cơ sở, cán bộ cấp xã, phường, thị trấn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế văn hóa xã hội của địa phương.

5. Về mặt quản lý nhà nước, cần có một cơ quan vừa nghiên cứu vừa chỉ đạo loại hình trường này cho có hiệu quả hơn. Hiện nay, việc quản lý trường PTDTNT thuộc nhiều đầu mối nên hiệu quả chưa cao. Sự biệt lập giữa cơ quan nghiên cứu (Trung tâm Giáo dục Dân tộc thuộc Viện Khoa học Giáo dục) và các vụ chuyên môn (Vụ Tiểu học và và Vụ Trung học phổ thông) như hiện nay đã dẫn đến nhiều bất cập trong nghiên cứu, chỉ đạo chuyên môn ở các trường. □



"Tiếp xúc cử tri"

TRỌNG NGUYỄN

TRONG một chuyến công tác địa phương, tôi được cụ B, một lão thành cách mạng, tiếp chuyện. Cụ kể : Cuối năm ngoái, huyện chúng tôi có hai cuộc tiếp xúc cử tri. Cuộc đầu là để chuẩn bị cho Hội đồng nhân dân huyện họp. Sau khi đại diện lãnh đạo huyện trình bày bản dự thảo báo cáo với nhiều thành tích của huyện đạt được trong năm vừa qua, đại diện các cử tri (hầu hết là cán bộ cấp xã đang tại chức) được mời đóng góp ý kiến vào bản dự thảo. Như một sự sắp đặt từ trước, kẻ trước người sau, người ta "thi nhau" bày tỏ sự tán đồng đối với bản dự thảo và không quên bổ sung nhiều thành tích, các ưu điểm khác của huyện mà báo cáo chưa đề cập đến. Không khí hội trường có vẻ sôi động, hoan hỉ lắm. Không khí này sẽ không lắng xuống, nếu ở cuối hội trường không có một đại

biểu giơ tay có ý kiến. Sau một thoáng chần chừ, vị chủ trì cuộc tiếp xúc cử tri mời vị đại biểu nọ lên phát biểu.

Đó là một cán bộ đã về hưu.

Theo ông, báo cáo của huyện mới chỉ nói về ưu điểm, hầu như chưa đề cập đến khuyết điểm, yếu kém của các phong trào đã và đang diễn ra trên địa bàn huyện. Những hiện tượng tiêu cực như nạn tham nhũng, ăn cắp của công, tệ móc ngoặc, ăn hối lộ, lấn chiếm đất công, ức hiếp quần chúng, tệ gây rối và nhiều tệ nạn khác đang có chiều hướng phát triển mà vẫn chưa có biện pháp ngăn chặn được ông đưa ra với những dẫn chứng, tư liệu cụ thể. Sau khi phân tích các nguyên nhân dẫn đến tình trạng ấy, ông đề nghị bổ sung vào báo cáo những khuyết điểm, yếu kém mà ông đã nêu.

Cả hội trường lặng đi. Nhiều ánh mắt ngạc nhiên và không ít ánh mắt bối rối hướng về vị đại biểu dám "nói ngược" kia.

Nhưng cái im lặng ấy cũng nhanh chóng qua đi khi vị chủ tọa công nhận "khuyết điểm, yếu kém tất nhiên là vẫn có, nhưng thành tích của huyện ta vẫn là cơ bản" và người ta lại tiếp tục những lời ca ngợi phong trào. Thời gian trôi đi. Và ý kiến phát biểu thẳng thắn, trung thực và đúng đắn của vị cán bộ về hưu chìm dần vào yên lặng.

Cuộc thứ hai là các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gặp gỡ đại diện cử tri trong huyện. Lần này, một lãnh đạo tỉnh chủ trì, các đại biểu phát biểu thoải mái hơn. Khi phân tích tình hình trong toàn tỉnh (nhất là tình hình các huyện bạn) cũng có một số nhận xét thẳng thắn, một số kiến nghị có tính khả thi. Tuy vậy, phần lớn vẫn là những lời tán đồng, ca ngợi. Điều đó cũng rất dễ hiểu, vì các đại diện cử tri được chỉ định phát biểu đều là cán bộ huyện hoặc xã đang tại chức. Họ biết rằng, nêu ra

những khuyết điểm, yếu kém của địa phương tức là thừa nhận sự yếu kém của chính bản thân họ, là "vạch áo cho người xem lưng".

Đến lượt mình, đại diện cử tri (một cựu chiến binh) phát biểu, ông đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm hơn nữa đến việc khai tài sản của cán bộ. Ông cho biết, ở huyện hiện có những cán bộ không biết nhờ đâu mà giàu lên nhanh chóng đến vậy. Trong số họ, người thì có hai, ba cái nhà to, đẹp ; người thì ba, bốn lô đất, nắm toàn những chỗ đắc địa, sinh lời ; người thì cho con cái đi học tự túc ở nước ngoài với kinh phí hàng chục nghìn đô-la Mỹ và gia đình, vợ con họ sống rất xa hoa. Các cán bộ đó là ai ? Ông và bạn bè của ông đã chuẩn bị sẵn một danh sách với những họ tên cụ thể, sẵn sàng trình các cơ quan có thẩm quyền để xác minh. Ông còn nói thêm "sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về danh sách đó". Trong hội trường, nhiều cặp mắt chứa đựng nhiều tâm trạng hướng về phía ông. Nhưng, như một sự sắp đặt "tình tế", trong lúc chủ tọa còn đang "e hèm" chuẩn bị ý kiến, thì một số cánh tay đã giơ lên,

xin phát biểu ý kiến, hướng sự chú ý của hội nghị sang vấn đề khác.

Kể đến đây, cụ B. nói tiếp :

- Sau đó huyện không ra văn bản thông báo gì. Thế nhưng, một "lệnh" không thành văn đã lan truyền trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo cơ sở. Nội dung của "lệnh" là "khi tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri, chỉ những cán bộ đang tại chức mới được mời tham dự. Ai phát biểu phải được "duyet" trước". Nếu cấp trên tiếp xúc thì nhất thiết phải mời những người "dễ bảo", đề nghị họ "phát băng" chứ đừng phát biểu. Nghĩa là phải "bồi dưỡng nội dung" cho họ và phải có "chế độ" đối với họ. Từ đó các cuộc tiếp xúc cử tri ở địa phương không thấy có hai đại diện cử tri đã phát biểu những ý kiến trên tham dự.

Rồi cụ B. nói :

- Tiếp xúc cử tri là để nghe dân nói. Đó là điều thuộc nội dung của cơ chế dân chủ. Đã nghe thì phải nghe đúng lời dân nói và phải tiếp thu một cách nghiêm túc. Điều gì dân nói đúng thì phải biết sửa mình và làm theo lời dân. Chỉ thích nghe lời tán dương, nịnh nọt, chán lời nói thẳng

thì không chỉ là dân chủ hình thức mà còn là phản dân chủ. Ở nhiều nơi, có những cán bộ tha hóa, biến chất, có lối sống không lành mạnh, nên họ rất sợ dân biết, vạch mặt, chỉ tên thì "mất cả chì lẫn chài". Bên cạnh họ, lại có một số đồng chí yếu kém về năng lực, không đảm đương được công việc nhưng lại muốn giữ "ghế", muốn từ "ghế thấp" ngoi lên "ghế cao". Cho nên, trước dân, họ tìm cách che giấu những khuyết điểm, yếu kém của mình. Họ lợi dụng cả những cuộc tiếp xúc cử tri để dàn dựng những "trò phù thủy" trước dân.

Cuộc "tiếp xúc" của tôi với cụ B. cũng đến hồi kết. Chia tay cụ, cuốn sổ ghi chép của tôi như nặng thêm vì nỗi trăn trở của cụ : "Trong quá trình xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, chúng ta phải làm thế nào để thấy hết và ngăn chặn những cái "dịch đắc", những "trò phù thủy" của một bộ phận cán bộ có tư tưởng cơ hội, trục lợi ; từ đó, tạo điều kiện để dân được nói và để được nghe dân nói". Thiết nghĩ nỗi trăn trở của cụ B. cũng là nỗi trăn trở chung của chúng ta. □



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XVI ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC

NGUYỄN HUY QUÝ *

Từ ngày 8 đến 14-11-2002, tại Bắc Kinh, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI. Đây là Đại hội đầu tiên của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thế kỷ XXI, nhằm đề ra những quyết sách về xây dựng Đảng, về công cuộc cải cách, mở cửa, hiện đại hóa đất nước của nhân dân Trung Quốc trong những thập niên đầu của thế kỷ mới. 2134 đại biểu và khách mời đã tới dự Đại hội, thay mặt cho hơn 66 triệu đảng viên trong cả nước.

Chủ đề của Đại hội là "Giương cao ngọn cờ vĩ đại lý luận Đặng Tiểu Bình, quán triệt toàn diện tư tưởng quan trọng "ba đại diện", kế thừa quá khứ, mở đường tương lai, tiến cùng thời đại, xây dựng toàn diện xã hội khá giả, đẩy nhanh công cuộc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa (XHCN), phấn đấu mở ra cục diện mới cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) mang đặc sắc Trung Quốc"(1).

Đại hội lần này của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua Báo cáo của Ban Chấp hành (BCH) Trung ương khóa XV do Tổng Bí thư Giang Trạch Dân trình bày; thông qua Báo cáo công tác của Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương; thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi) của Đảng Cộng sản Trung Quốc, bầu BCH Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương khóa XVI.

I. ĐÁNH GIÁ THÀNH TỰU VÀ TỔNG KẾT KINH NGHIỆM CỦA CHẶNG ĐƯỜNG VỪA QUA

Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc tiến hành trong bối cảnh lịch sử thế giới vừa trải qua thế kỷ XX, bước sang thế kỷ XXI nhiều hứa hẹn, nhưng cũng lắm lo âu.

Từ sau chiến tranh lạnh, hòa bình và phát triển trở thành xu thế chủ yếu, nhưng thế giới vẫn chưa có hòa bình thực sự. Nhịp độ toàn cầu hóa kinh tế thế giới tăng nhanh và những biến động trong quan hệ quốc tế lúc giao thừa thế kỷ một mặt đã tạo cho Trung Quốc những cơ hội phát triển, nhưng đồng thời cũng đặt Trung Quốc trước những thử thách không nhỏ.

Trải qua hơn 20 năm cải cách và phát triển, Trung Quốc đạt được những thành tựu to lớn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm trên 9%, GDP bình quân đầu người đạt 900 USD. Năm 2002 là năm đầu tiên sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Trung Quốc đã bước đầu nắm bắt cơ hội, vượt qua thử thách, duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao (dự tính 8%), tình hình chính trị, xã hội ổn định,

* PGS, Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc

(1) Nhân dân nhật báo (Trung Quốc), 9-11-2002

uy tín và ảnh hưởng của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa trên trường quốc tế được nâng cao. Những thành tựu đã đạt được và những kinh nghiệm đã đúc rút được sẽ là hành trang cho nhân dân Trung Quốc vững bước đi vào thế kỷ XXI.

Trải qua hơn 20 năm lãnh đạo công cuộc cải cách, hiện đại hóa XHCN, nhất là từ sau Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII (tháng 6-1989) Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có nhiều thành tựu về lý luận và hoạt động thực tiễn. Đại hội lần này có nhiệm vụ tổng kết những kinh nghiệm của chặng đường vừa qua, tạo cơ sở lý luận cho những quyết sách đối với chặng đường sắp tới. Báo cáo của BCH Trung ương khóa XV Đảng Cộng sản Trung Quốc do Tổng Bí thư Giang Trạch Dân trình bày tại Đại hội có tiêu đề "Xây dựng toàn diện xã hội khá giả, mở ra một cục diện mới cho sự nghiệp XHCN mang đặc sắc Trung Quốc". Phần đầu tiên của bản Báo cáo có tiêu đề "Công tác 5 năm qua và kinh nghiệm cơ bản của 13 năm".

Bản Báo cáo đã khẳng định những thành tựu Trung Quốc giành được trong 5 năm qua kể từ Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1997 : Nền kinh tế quốc dân tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao và lành mạnh ; cải cách và mở cửa thu được kết quả tốt đẹp ; công cuộc xây dựng dân chủ XHCN và văn minh tinh thần XHCN có nhiều thành tựu ; công tác xây dựng quốc phòng và quân đội có bước tiến mới ; đời sống nhân dân nói chung đã đạt mức khá giả ; sự nghiệp thống nhất Tổ quốc đã có tiến triển mới ; công tác đối ngoại đã tạo ra được cục diện mới ; công tác xây dựng Đảng đã được tăng cường một cách toàn diện. Tổng Bí thư Giang Trạch Dân cho rằng : Những thành tựu đó chứng tỏ những quyết sách lớn của Đại hội XV của BCH Trung ương khóa XV đưa ra là đúng đắn, phù hợp với lợi ích căn bản của quảng

đại quần chúng nhân dân. Những thành tựu đó đặt cơ sở cho bước tiếp theo trong sự nghiệp của Đảng và đất nước. Mặt khác, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân cũng đã phân tích những khó khăn và hạn chế : Thu nhập của nông dân và một bộ phận cư dân thành phố tăng chậm, số người thất nghiệp nhiều lên, đời sống một bộ phận quần chúng còn rất khó khăn ; vấn đề quan hệ phân phối chưa được xử lý thỏa đáng ; trật tự kinh tế thị trường còn phải tiếp tục chỉnh đốn, đưa vào nền nếp ; một số địa phương an ninh xã hội không tốt ; tệ hình thức chủ nghĩa, tác phong quan liêu, hành vi giả dối, phô trương lãng phí tương đối nghiêm trọng trong một số cán bộ đảng viên, một số hiện tượng hủ bại vẫn còn nổi cộm ; phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng vẫn chưa hoàn toàn thích ứng được với tình hình và nhiệm vụ mới, một số tổ chức đảng rời rạc, yếu kém...

Nhìn lại chặng đường 13 năm qua kể từ sau Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII⁽²⁾ của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong sự nghiệp lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc xây dựng CNXH mang đặc sắc Trung Quốc, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân đã đúc rút mười bài học kinh nghiệm chủ yếu :

1. Kiên trì sự chỉ đạo của lý luận Đặng Tiểu Bình, không ngừng sáng tạo về lý luận.
2. Kiên trì lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, lấy phát triển làm biện pháp giải quyết các vấn đề trong quá trình đi lên.
3. Kiên trì cải cách mở cửa, không ngừng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN.
4. Kiên trì 4 nguyên tắc cơ bản, phát triển nền chính trị dân chủ XHCN.

(2) Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII Đảng Cộng sản Trung Quốc họp vào tháng 6 năm 1989 (sau sự kiện Thiên An Môn), bầu đồng chí Giang Trạch Dân làm Tổng Bí thư BCH Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc

5. Kiên trì phương châm vừa nắm vững văn minh vật chất vừa nắm vững văn minh tinh thần, kết hợp pháp trị và đức trị trong quản lý đất nước.

6. Kiên trì phương châm ổn định là trên hết, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa cải cách, phát triển và ổn định.

7. Kiên trì sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với quân đội, xây dựng quân đội phù hợp với đặc điểm của Trung Quốc.

8. Đoàn kết tất cả các lực lượng có thể đoàn kết, không ngừng tăng cường quan hệ gắn bó của dân tộc Trung Hoa.

9. Kiên trì chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ, bảo vệ hòa bình thế giới và thúc đẩy nhau cùng phát triển.

10. Kiên trì tăng cường và cải thiện sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh toàn diện công tác xây dựng Đảng theo quy hoạch mới.

II. NHỮNG QUYẾT SÁCH VỀ MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc nhận định 20 năm đầu của thế kỷ XXI là một thời cơ chiến lược Trung Quốc cần tranh thủ để "Xây dựng toàn diện xã hội khá giả, mở ra một cục diện mới cho sự nghiệp XHCN mang đặc sắc Trung Quốc".

Bản báo cáo do Tổng Bí thư Giang Trạch Dân trình bày đã khẳng định : Để mở ra một cục diện mới cho sự nghiệp xây dựng CNXH mang đặc sắc Trung Quốc, phải giương cao ngọn cờ lý luận Đặng Tiểu Bình, kiên trì quán triệt tư tưởng quan trọng "ba đại diện". Để quán triệt tư tưởng quan trọng "ba đại diện" phải có tinh thần luôn theo kịp thời cuộc, luôn mở ra những chân trời mới cho sự phát triển của lý luận Mác-xít ; luôn coi phát triển là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng trong sự nghiệp cầm quyền, xây dựng đất nước ; phải

huy động rộng rãi nhất, đầy đủ nhất mọi nhân tố tích cực, không ngừng tăng sức mạnh cho công cuộc phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa ; phải đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng với tinh thần cải cách ; không ngừng đưa vào cơ thể Đảng những nguồn sức sống mới.

Mục tiêu phấn đấu của 20 năm đầu thế kỷ là tập trung mọi nỗ lực để xây dựng một xã hội khá giả ở mức cao hơn, làm cho kinh tế phát triển hơn, dân chủ kiện toàn hơn, khoa học giáo dục tiến bộ hơn, văn hóa phồn vinh hơn, xã hội hòa hợp hơn, đời sống của nhân dân sung túc hơn.

Về kinh tế, Đại hội chủ trương tiếp tục kiên trì phương châm lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm, không ngừng giải phóng và phát triển sức sản xuất xã hội. Nhằm mục tiêu đó, Đại hội XVI đã đề ra 8 nhiệm vụ : Tiến hành công nghiệp hóa theo mô hình mới, thực hiện chiến lược chấn hưng đất nước bằng khoa học giáo dục và chiến lược phát triển bền vững ; xây dựng nền kinh tế nông thôn phát triển một cách toàn diện, đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa ; tích cực xúc tiến công cuộc đại khai phá Miền Tây, thúc đẩy sự phát triển hài hòa của các khu vực ; kiên trì và hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản, đi sâu cải cách thể chế quản lý tài sản nhà nước ; kiện toàn hệ thống thị trường hiện đại, tăng cường và hoàn thiện quản lý vĩ mô ; đi sâu cải cách chế độ phân phối, kiện toàn hệ thống bảo hiểm xã hội ; kết hợp thu hút đầu tư từ ngoài với đi ra ngoài đầu tư, nâng cao trình độ mở cửa đối ngoại ; tìm ra trăm phương nghìn kế để tạo thêm việc làm, không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân.

Về chính trị, Đại hội chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế chính trị một cách tích cực nhưng thận trọng, trên cơ sở kiên trì

4 nguyên tắc cơ bản⁽³⁾, mở rộng dân chủ XHCN, củng cố và phát triển cục diện chính trị đoàn kết dân chủ, sôi nổi sinh động, ổn định hòa hợp. Nhiệm vụ chủ yếu là kiên trì và hoàn thiện chế độ dân chủ XHCN ; tăng cường công tác xây dựng pháp chế XHCN ; cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng ; đi sâu cải cách chế độ tổ chức cán bộ ; tăng cường chế tài và giám sát quyền lực ; duy trì ổn định xã hội.

Về văn hóa, Đại hội chủ trương để xây dựng xã hội khá giả một cách toàn diện phải ra sức phát triển văn hóa XHCN, xây dựng nền văn minh tinh thần XHCN, phải nắm thật vững phương hướng phát triển của nền văn hóa tiên tiến ; ra sức khích lệ và giáo dục tinh thần dân tộc ; tăng cường công tác tư tưởng văn hóa một cách thiết thực ; ra sức phát triển sự nghiệp giáo dục và khoa học ; tích cực phát triển sự nghiệp văn hóa và các ngành nghề văn hóa ; tiếp tục đi sâu cải cách thể chế văn hóa.

Về an ninh, quốc phòng, Đại hội coi việc xây dựng nền quốc phòng vững mạnh là một nhiệm vụ chiến lược trong công cuộc hiện đại hóa của Trung Quốc, là một nhân tố quan trọng bảo đảm sự thống nhất của đất nước và công cuộc xây dựng xã hội khá giả. Đại hội chủ trương kiên trì phương châm kết hợp hài hòa xây dựng quốc phòng với phát triển kinh tế, đẩy mạnh hiện đại hóa quốc phòng và quân đội trên cơ sở phát triển kinh tế.

Về sự nghiệp thống nhất hoàn toàn đất nước, Đại hội chủ trương giải quyết vấn đề Đài Loan theo phương châm cơ bản "hòa bình thống nhất, một nước hai chế độ", quán triệt lập trường 8 điểm⁽⁴⁾, với tinh thần chân thành nhất, với sự nỗ lực lớn nhất để tranh thủ khả năng thống nhất một cách hòa bình.

Về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Đại hội nhận định rằng : hòa bình và phát triển vẫn là chủ đề của thời đại hiện nay ; sự phát triển của xu thế đa cực hóa thế giới và toàn cầu hóa kinh tế đã đem lại cơ hội và điều kiện thuận lợi cho hòa bình và phát triển. Trung Quốc chủ trương thiết lập một trật tự mới công bằng và hợp lý về chính trị kinh tế trên thế giới, Trung Quốc chủ trương phản đối chủ nghĩa khủng bố thể hiện bằng mọi hình thức, tăng cường hợp tác quốc tế, ngăn ngừa và tấn công các hoạt động khủng bố, tiêu trừ nguồn gốc sản sinh ra chủ nghĩa khủng bố. Đường lối đối ngoại của Trung Quốc là tiếp tục cải thiện và phát triển quan hệ với các nước phát triển ; tiếp tục chính sách láng giềng thân thiện với các nước xung quanh ; tiếp tục tăng cường đoàn kết và hợp tác với các nước thuộc thế giới thứ ba ; tiếp tục tích cực tham gia các hoạt động ngoại giao đa phương ; tiếp tục tăng cường giao lưu hợp tác với các chính đảng và các tổ chức chính trị các nước trên cơ sở 5 nguyên tắc chung sống hòa bình ; tiếp tục triển khai rộng rãi các hoạt động ngoại giao dân gian, mở rộng giao lưu văn hóa đối ngoại.

Về công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn mới, Đại hội chủ trương phải giương cao ngọn cờ lý luận Đặng Tiểu Bình, quán triệt toàn diện tư tưởng quan trọng "ba đại diện", bảo đảm cho đường lối phương châm chính sách của Đảng phản ánh lợi ích căn bản của nhân dân và yêu cầu phát triển của thời đại. Đại hội nhấn mạnh phải triển khai một cách sâu rộng cuộc đấu tranh chống

(3) 4 nguyên tắc cơ bản : Chủ nghĩa xã hội ; chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Mao Trạch Đông ; sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản ; chuyên chính dân chủ nhân dân

(4) Lập trường 8 điểm do Chủ tịch Giang Trạch Dân đề xuất đầu năm 1995 về vấn đề giải quyết quan hệ hai bờ eo biển Đài Loan

hủ bại, coi đó là một nhiệm vụ chính trị quan trọng của toàn Đảng...

III. VỀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XVI đã thông qua Nghị quyết về "Điều lệ (sửa đổi) của Đảng Cộng sản Trung Quốc". Nội dung sửa đổi trong Điều lệ như sau :

- Đại hội nhất trí đồng ý Điều lệ Đảng ghi rõ : "Đảng Cộng sản Trung Quốc là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân Trung Quốc và dân tộc Trung Hoa, là hạt nhân lãnh đạo sự nghiệp xây dựng xã hội XHCN mang đặc sắc Trung Quốc, đại diện cho yêu cầu phát triển của sức sản xuất tiên tiến Trung Quốc, đại diện cho phương hướng tiến lên của nền văn hóa tiên tiến Trung Quốc, đại diện cho lợi ích căn bản của quảng đại quần chúng nhân dân Trung Quốc. Lý tưởng cao nhất và mục tiêu cuối cùng của Đảng là thực hiện chủ nghĩa cộng sản".

- Đại hội nhất trí đồng ý Điều lệ Đảng quy định rõ : "Đảng Cộng sản Trung Quốc lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình và tư tưởng quan trọng "ba đại diện" làm kim chỉ nam hành động của mình ; tư tưởng quan trọng "ba đại diện" là tư tưởng chỉ đạo mà Đảng phải kiên trì lâu dài".

- Đại hội nhất trí đồng ý Điều lệ Đảng ghi rõ : "Mục tiêu phấn đấu xây dựng toàn diện xã hội khá giả".

- Đại hội nhất trí đồng ý Điều lệ Đảng ghi rõ : "Kiên trì và hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản lấy chế độ công hữu làm chủ thể, kinh tế thuộc nhiều chế độ sở hữu cùng phát triển ; kiên trì và hoàn thiện chế độ phân phối lấy phân phối theo lao động làm chủ thể, nhiều phương thức phân phối cùng tồn tại ; thực hiện chiến lược dựa vào khoa học - giáo dục để chấn hưng đất nước và chiến lược phát

triển bền vững, thúc đẩy sự phát triển hài hòa văn minh vật chất, văn minh chính trị và văn minh tinh thần XHCN, thực hiện quản lý đất nước bằng luật pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, kết hợp quản lý đất nước bằng luật pháp với quản lý đất nước bằng đạo đức. Đó là những thành quả quan trọng mà Đảng đã giành được trong thực tiễn xây dựng CNXH mang đặc sắc Trung Quốc".

- Đại hội nhất trí đồng ý quy định rõ trong Điều lệ Đảng : "Những công dân Trung Quốc đủ 18 tuổi là công nhân, nông dân, quân nhân, trí thức, và những phần tử tiên tiến trong các tầng lớp xã hội khác thừa nhận Cương lĩnh và Điều lệ của Đảng, tự nguyện tham gia một tổ chức của Đảng và tích cực công tác trong tổ chức đó, chấp hành các Nghị quyết của Đảng và nộp đảng phí theo định kỳ, có thể xin gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc". Đại hội cho rằng, quy định đó là có lợi cho việc tăng cường cơ sở giai cấp của Đảng và mở rộng cơ sở quần chúng của Đảng, tăng cường sự gắn bó và ảnh hưởng của Đảng trong toàn xã hội.

IV. VẤN ĐỀ NHÂN SỰ : BAN LÃNH ĐẠO MỚI CỦA ĐẢNG

Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa XVI gồm 198 ủy viên chính thức và 158 ủy viên dự khuyết. Đại hội cũng đã bầu ra 121 ủy viên Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương.

Tuổi đời bình quân của Ban Chấp hành Trung ương mới là 55,4. Trong Ban Chấp hành Trung ương mới hầu hết có trình độ học vấn từ đại học trở lên, 27 cán bộ nữ, 35 cán bộ dân tộc ít người, 180 ủy viên chính thức và dự khuyết mới vào Ban Chấp hành Trung ương lần đầu. Trong số 7 Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị khóa XV, đồng chí Hồ Cẩm Đào được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương khóa XVI.

Ngay sau Đại hội XVI, ngày 15-11, Ban Chấp hành Trung ương khóa XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tiến hành kỳ họp thứ nhất, bầu các cơ quan lãnh đạo của Đảng, kết quả như sau :

- Bộ Chính trị gồm 24 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết.

- Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị gồm 9 ủy viên : Hồ Cẩm Đào, Ngô Bang Quốc, Ôn Gia Bảo, Giả Khánh Lâm, Tăng Khánh Hồng, Hoàng Cúc, Ngô Quan Chính, Lý Trường Xuân, La Cán.

- Đồng chí Hồ Cẩm Đào được bầu làm Tổng Bí thư BCH Trung ương. Hội nghị đã thông qua danh sách thành viên Ban Bí thư do Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị đề cử : Tăng Khánh Hồng, Lưu Văn Sơn, Chu Vĩnh Khang, Hạ Quốc Cường, Vương Cường, Từ Tài Hậu, Hà Dũng.

Hội nghị đã quyết định các thành viên của Hội đồng Quân sự Trung ương do đồng chí Giang Trạch Dân làm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch là Hồ Cẩm Đào, Quách Bá Hùng, Tào Cương Xuyên.

Hội nghị đã phê chuẩn Bí thư, các Phó Bí thư và ủy viên Thường vụ Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương do Hội nghị lần thứ nhất Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương bầu ra. Bí thư là đồng chí Ngô Quan Chính.

*
* *
*

Trong Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc, nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Giang Trạch Dân đã đánh giá : Đại hội lần này rất thành công, là "Đại hội đoàn kết, Đại hội thắng lợi, Đại hội phấn chấn đi lên". Tờ Nhân dân nhật báo Trung Quốc đã đăng xã luận chào mừng thành công của Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung

Quốc, kêu gọi : "... Đoàn kết chung quanh Trung ương Đảng, kiên trì quán triệt lý luận cơ bản, đường lối cơ bản, cương lĩnh cơ bản và kinh nghiệm cơ bản của Đảng, nhìn rõ hơn nữa đại cục, coi trọng hơn nữa đoàn kết, giữ gìn hơn nữa ổn định, đi theo con đường Đại hội XVI đã chỉ, muôn người như một, phấn đấu vươn lên, không ngừng đưa sự nghiệp CNXH mang đặc sắc Trung Quốc tiến lên, cùng nhau xây đắp cuộc sống hạnh phúc và tương lai tươi đẹp của chúng ta"(5).

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã thay mặt toàn Đảng và toàn dân ta gửi tới Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc lời chúc mừng : "Chúng tôi tin tưởng chắc chắn rằng những quyết sách mới của Đại hội XVI - Đại hội đầu tiên của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thế kỷ XXI, sự kiện trọng đại có ý nghĩa lịch sử lớn lao trong đời sống chính trị của toàn Đảng và toàn dân Trung Quốc, sẽ đưa sự nghiệp xây dựng CNXH mang đặc sắc Trung Quốc bước vào giai đoạn phát triển mới, đẩy mạnh thực hiện chiến lược phát triển, đưa Trung Quốc trở thành một nước phát triển trên thế giới vào giữa thế kỷ XXI...

... Chúng tôi tin tưởng chắc chắn rằng, thế theo phương châm chỉ đạo "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" mà lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai nước đã xác định, quan hệ hữu nghị đoàn kết truyền thống và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Trung Quốc không ngừng được củng cố và phát triển, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì lợi ích của CNXH, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực và trên thế giới"(6).□

(5) Nhân dân nhật báo (Trung Quốc), ngày 15-11-2002

(6) Báo Nhân dân, ngày 8-11-2002

VIỆN ÂM NHẠC

BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN NỀN ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Sau hơn 40 năm trường thành, từ tiền thân ban đầu là Ban Âm nhạc (trực thuộc Vụ Văn học Nghệ thuật, được thành lập theo Sắc lệnh 172 ngày 17/11/1950 của Chính phủ VNDCH), Ban Nghiên cứu Nhạc vũ, Ban nghiên cứu Âm nhạc... cho đến Viện Âm nhạc hôm nay, Viện Âm nhạc, (thuộc Nhạc viện Hà Nội, Bộ VHNT) đã có những đóng góp quan trọng trong việc nghiên cứu, xây dựng, bảo tồn và phát triển nền âm nhạc truyền thống Việt Nam. Bước sang thế kỷ mới, để đáp ứng những yêu cầu và nhiệm vụ mới đặt ra trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Viện Âm nhạc đã xác định những mục tiêu mới theo định hướng của Nghị quyết Trung ương 5 về "Xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

Phát huy vai trò của một Viện nghiên cứu khoa học chuyên ngành, trong những năm qua, Viện Âm nhạc đã đề nhiều chương trình, kế hoạch cụ thể trong 5 lĩnh vực hoạt động: công tác sưu tầm, lưu trữ, công tác nghiên cứu khoa học; công tác

phát triển công nghệ; công tác trưng bày và giới thiệu âm nhạc truyền thống Việt Nam. Các đề tài nghiên cứu, tập trung làm rõ giá trị nghệ thuật và vai trò của âm nhạc dân gian, cổ truyền và âm nhạc dân tộc đương đại trong đời sống hiện nay.

Trong giai đoạn mới, Viện Âm nhạc đã xây dựng định hướng phát triển từ năm 2001 đến năm 2005, với nhiều chương trình nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực âm nhạc học, dân tộc nhạc học, xã hội học nhạc, âm thanh học, âm nhạc trên những hệ thống công nghệ thông tin hiện đại. Viện sẽ tiến hành khẩn trương công tác điển dã sưu tầm, khôi phục, lưu trữ âm nhạc dân gian và truyền thống Việt Nam để đến hết năm 2005 sẽ tổ chức "Hội nghị báo cáo tổng kết vốn di sản âm nhạc cổ truyền". Đồng thời, Viện sẽ tăng cường công tác thông tin khoa học, công tác trưng bày, xuất bản các công trình khoa học, sản xuất các chương trình CD và VCD tư liệu âm nhạc dân gian để phục vụ công tác đào tạo và giới thiệu âm nhạc trong cả nước. Về khả năng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu âm nhạc, Viện có các chương trình trao đổi,

hợp tác với các nước (đặc biệt với các nước trong khối ASEAN). Năm 2002, Viện Âm nhạc đã chính thức triển khai dự án ngân hàng dữ liệu âm nhạc dân gian và nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam. Theo dự kiến hết năm 2003, Ngân hàng dữ liệu sẽ chính thức đi vào hoạt động.

Để các hoạt động đi vào chiều sâu, hiệu quả, Viện Âm nhạc rất coi trọng việc đào tạo và nâng cao trình độ của cán bộ, nhân viên. Thông qua các lớp đào tạo chính quy, lớp ngắn hạn, nâng cao tay nghề và kiến thức, Viện đã và đang tập hợp một đội ngũ cán bộ, nhân viên được đào tạo bài bản, trẻ trung, năng động để tiếp bước những thành tựu 50 năm qua mà các thế hệ đi trước của Viện đã dày công xây dựng.

Những thực tiễn sôi động của đời sống âm nhạc Việt Nam hôm nay đang đòi hỏi đội ngũ cán bộ, nhân viên Viện Âm nhạc phải nỗ lực hơn nữa để góp phần xứng đáng cho việc bảo tồn và phát triển nền âm nhạc truyền thống Việt Nam.

ĐC: 32 NGUYỄN THÁI HỌC - HÀ NỘI
ĐT: 04.0733.2080 - FAX: 04.643.4953

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ BƯỚC 1

Với mục đích xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) trở thành trung tâm đào tạo & nghiên cứu khoa học đa ngành, đưa ĐHQGHN trở thành trung tâm văn hoá, một đầu mối giao lưu khoa học quan trọng, có vị trí đặc biệt trong hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam, ĐHQGHN bước đầu được thành lập trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các trường đại học lớn như Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội. Về lâu dài ĐHQGHN sẽ được xây dựng đồng bộ hoàn chỉnh trên khu vực 1000 héc-ta tại Nông trường 1A- huyện Thạch Thất - tỉnh Hà Tây. Dự án đầu tư bước 1 được thực hiện tại khu vực Cầu Giấy và Mễ Trì trên tổng diện tích sàn là 34.921 m², với tổng mức đầu tư khoảng 132 tỉ đồng, mục tiêu chính là đầu tư xây dựng các giảng đường, thư viện, nhà điều hành ĐHQG HN và đầu tư chiều sâu về thiết bị giảng dạy cho các ngành đào tạo vật lý, hoá, hoá dầu và sinh học với thời gian hoàn thành dự án vào năm 2002.

Trong quá trình thực hiện dự án, Ban Quản lý Dự án đầu tư bước 1 đã thực

hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về quản lý sử dụng vốn đầu tư, từ khâu lập hồ sơ đến khi ký kết hợp đồng. Trong quá trình thi công, thanh quyết toán công trình, Ban Quản lý đều phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tư vấn, thiết kế, giám sát, kiểm định chất lượng, kiểm toán và Cục đầu tư nhằm phát hiện kịp thời các sai sót và bổ sung để hoàn thiện tốt hơn các công trình khi thi công.

Dự án này đã đáp ứng một phần nhu cầu cấp bách nhằm tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng, thiết bị đào tạo và nghiên cứu khoa học, mở rộng hợp tác quốc tế và phát triển các chuyên ngành đào tạo sâu về khoa học vật lý, hoá dầu và sinh học. Có thể nói, dự án này đã và đang đóng góp một phần không nhỏ vào việc đào tạo tài năng cho đất nước. Điều đáng mừng là ngay sau khi dự án bước 1 hoàn thành, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các nguyên thủ quốc gia của các nước đến tham quan và làm việc với Nhà trường. Đây là kết quả đáng khích lệ đối với cán bộ Nhà trường nói chung và Ban Quản lý Dự án đầu tư bước 1 nói riêng.



ĐC: KM8 - ĐƯỜNG 32 - CẦU GIẤY - HÀ NỘI

ĐT: 04. 8332518; 8332517

GIÁM ĐỐC: LÊ ĐỨC MINH

Digitized by Google

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN LỰC

TRỤ SỞ CHÍNH : ĐƯỜNG HOÀNG QUỐC VIỆT - TỪ LIÊM - HÀ NỘI * Tel: (84-4) 8 362 672 * Fax: (84 - 4) 8 362 065

CƠ SỞ 2: XÃ TÂN MINH - HUYỆN SÓC SƠN - HÀ NỘI * Tel: (84-4) 8 850 794

Trong những năm qua, Đảng bộ Trường Cao đẳng Điện lực đã ra sức củng cố, phát triển, thể hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị trên tất cả các mặt hoạt động, từ đó nâng cao uy tín của Trường cũng như niềm tin của nhân dân. Nhờ có tập thể đảng vững mạnh, đoàn kết, hằng năm Nhà trường đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chính trị được giao.

Hiện nay, với tổng số 82 đảng viên, 11 chi bộ, chiếm 48% tổng số cán bộ giáo viên (82 đảng viên/170 CB-GV), Đảng bộ Nhà trường luôn luôn bám sát những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, triển khai thường xuyên việc phổ biến văn kiện, nghị quyết mới, xây dựng chi tiết kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Tổng Công ty giao cho từng giai đoạn, từng thời kỳ từ đó có được sự chỉ đạo thực tế và sâu sát.

Công tác phát triển Đảng được Đảng bộ Nhà trường đặt lên

hàng đầu. Hằng năm, Đảng bộ kết nạp từ 5 đến 7 đảng viên, trong đó có cả những học sinh gương mẫu, ưu tú, có thành tích xuất sắc trong học tập.

Với những kết quả khả quan đã đạt được, Trường Cao đẳng Điện lực đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng hai Huân chương Lao động hạng Hai, một Huân chương Lao động hạng Ba, Đảng bộ Nhà trường liên tục nhiều năm đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, cùng nhiều bằng khen khác của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công nghiệp và Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

Trước mắt, Đảng bộ, Ban Lãnh đạo Nhà trường đang tập chung đầu tư cho cơ sở vật chất trang thiết bị, đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ của giáo viên, tạo tiền đề cho những bước phát triển bền vững trong tương lai.



**TỔNG CỤC
THỐNG KÊ**

VIỆN KHOA HỌC THỐNG KÊ

ĐC: 48A Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội * ĐT: (04) 8343763 * Fax: (04) 7751356 * Email: vienthongke@hn.vnn.vn

CUỘC ĐIỀU TRA NGHIÊN CỨU SÂU VỀ TIẾN SỸ KHOA HỌC VÀ TIẾN SỸ NĂM 2000.

Ngày 05-10-2000 Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê đã có Quyết định số 497/TCTK-QĐ về việc: "Điều tra thu thập thông tin để nghiên cứu sâu về cán bộ có trình độ tiến sỹ, phó tiến sỹ" (nay gọi là tiến sỹ khoa học và tiến sỹ) và giao cho Viện Khoa học Thống kê tổ chức thực hiện.

Cuộc điều tra được tiến hành dựa trên cơ sở danh sách của đối tượng điều tra được trích ngang với các tiêu thức: Họ tên và địa chỉ kèm theo từ phiếu Tổng điều tra Dân số và nhà ở ngày 1-4-1999. Nhằm xác minh lại đối tượng điều tra và bổ sung một số thông tin cần thiết về lý lịch và hoạt động khoa học của những người có trình độ tiến sỹ khoa học và tiến sỹ để xây dựng danh mục các nhà khoa học, tổng hợp số liệu về tiến sỹ và tiến sỹ khoa học (gọi chung là tiến sỹ), theo các tiêu thức khác nhau, phục vụ cho yêu cầu quản lý, đào tạo và sử dụng cán bộ có học vị cao. Sau hơn một năm tiếp cận với thực tế, Viện Khoa học Thống kê đã hoàn thành cuộc điều tra này với những sản phẩm như sau:

1. Hệ thống biểu tổng hợp số liệu của 8965 tiến sỹ trong đó có 8550 tiến sỹ và 415 tiến sỹ khoa học chiếm khoảng 2/3 tổng số tiến sỹ hiện có.

2. Báo cáo phân tích về đội ngũ cán bộ có trình độ tiến

sỹ khoa học và tiến sỹ. Nội dung bao gồm nhiều vấn đề trong đó có giới thiệu và phân tích những đặc điểm cơ bản; quá trình đào tạo và tình hình phân bố, sử dụng tiến sỹ.

3. Danh sách tiến sỹ khoa học và tiến sỹ được xếp theo thứ tự A,B,C... của tên gọi tiến sỹ và biên soạn cho từng tỉnh, thành phố. Đây là tài liệu quan trọng trong việc tìm kiếm nhân sự để thành lập các hội đồng khoa học, các ban, các hiệp hội cũng như đáp ứng yêu cầu khác trong nghiên cứu và đào tạo.

4. Cơ sở dữ liệu quan trọng về các nhà khoa học cũng như số liệu đã được tổng hợp phục vụ cho nghiên cứu sử dụng của các đối tượng khác nhau trong thời gian trước mắt và lâu dài.

Tuy đây là cuộc điều tra nhỏ, có tính chất nghiên cứu nhưng nó cung cấp thông tin khá đầy đủ, đặc biệt dựa trên số liệu (1) & (2) Viện Khoa học Thống kê đã cho ấn hành cuốn "THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÓ TRÌNH ĐỘ TIẾN SỸ VÀ TIẾN SỸ KHOA HỌC Ở VIỆT NAM QUA SỐ LIỆU THỐNG KÊ" - (Nhà xuất bản Thống kê - năm 2002). Đây là ấn phẩm mang ý nghĩa thực tiễn rất cao và có tác dụng lớn đối với xã hội, một kết quả thiết thực cho việc xây dựng chiến lược đào tạo và quy hoạch đội ngũ cán bộ có trình độ tiến sỹ trong cả nước.

BỘ Y TẾ BỆNH VIỆN K

TRỤ SỞ: 43 QUÁN SÚ-HÀ NỘI * ĐIỆN THOẠI: (04) 8252.143

Bệnh viện K được thành lập theo quyết định số 711/ BYT-QĐ ngày 17/7/1969 của Bộ Y tế. Trải qua 33 năm xây dựng và phát triển, đến nay Bệnh viện K đã trở thành bệnh viện đầu ngành về chuyên ngành ung thư của cả nước, góp phần tích cực, hiệu quả trong việc phát hiện sớm, chữa trị bệnh ung thư cho toàn dân.

Với quy mô 440 giường, 508 cán bộ nhân viên, trong đó có: 3 PGS, 7 TS, 79 BS và 213 cán bộ hợp đồng cùng 2 cơ sở kang trang sạch đẹp và đang hoàn thành theo dự án xây dựng Bệnh viện Ung thư Quốc gia để Bệnh viện phát triển ngang tầm với bệnh viện của các nước trong khu vực.

CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ

Điều trị phẫu thuật: Bệnh viện xây dựng một khu mổ đúng tiêu chuẩn, có công suất cao; tiến hành nhiều loại phẫu thuật hoàn hảo: cắt tuyến giáp, phổi, dạ dày, đại tràng, tá tụy...

Điều trị tia xạ: Bệnh viện đầu tư thay nguồn mới 2 máy COBALT 60 và 1 máy xạ trị gia tốc đầu tiên ở Việt Nam.

Điều trị hoá chất: Bệnh viện luôn được cập nhật thông tin để chuẩn hoá phương thức điều trị phục vụ nhu cầu nhân dân, áp dụng các phác đồ tiên tiến để nâng cao tỷ lệ chữa trị khỏi bệnh.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Bệnh viện tích cực xây dựng và tham gia vào các đề tài nghiên cứu khoa học: Năm 2001 đã tiến hành 41 đề tài trong đó có 3 đề tài cấp nhà nước, đề tài hợp tác quốc tế, 5 đề tài cấp bộ...

ĐÀO TẠO VÀ CHỈ ĐẠO TUYẾN

Góp phần xây dựng một số khoa ung thư, hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn và đào tạo ở các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Hải Phòng, Thái Nguyên...

Tuyên truyền phòng bệnh và phát hiện sớm ung thư trong nhân dân.

Với những cố gắng và đóng góp đó, trong Lễ kỷ niệm 33 năm thành lập vừa qua, Bệnh viện K đã được vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng ba, một phần thưởng cao quý do Đảng và Nhà nước trao tặng.



GIÁM ĐỐC: PGS.TS
NGUYỄN BÁ ĐỨC



Máy xạ trị gia tốc đầu tiên ở
Việt Nam



Ngân hàng công thương Việt Nam

CHI NHÁNH KHU VỰC CHƯƠNG DƯƠNG HÀ NỘI

CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC:

- Ngân hàng Công thương Sài Đồng

Địa chỉ: Thị trấn Sài Đồng - Gia Lâm - Hà Nội

Điện thoại: (04) 8 753 179 - Fax: (04) 8 272 275

- Ngân hàng Công thương Yên Viên

ĐC: 180 đường Hà Huy Tập - Thị trấn Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội

Điện thoại: (04) 8 273 043 / 8 274 597 - Fax: (04) 8 782 040

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Huy động vốn:

- Nhận tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn (bằng VND và ngoại tệ) của mọi tổ chức kinh tế.

- Phát hành trái phiếu, kỳ phiếu và các hình thức huy động khác.

Cho vay và đầu tư dự án:

- Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phục vụ sản xuất, kinh doanh, xây dựng và cho vay các thành phần kinh tế.

Dịch vụ kinh doanh khác:

- Cho thuê, cầm đồ, bảo lãnh hoặc tái bảo lãnh, bảo lãnh đấu thầu, bảo lãnh thanh toán L/C và các dịch vụ bảo lãnh khác.

- Thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc.

- Các dịch vụ ngân hàng khác như: dịch vụ thanh toán, chuyển tiền nhanh qua mạng vi tính, chi trả kiểu hối.

Địa chỉ: Thị trấn Gia Lâm - Hà Nội

Điện thoại: 84.4 8 271 635 - Fax: 84.4.8 273 836

Giám đốc: TS. Nguyễn Thanh Đảo



RẤT HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH!



CÔNG TY

CUNG ỨNG NHÂN LỰC QUỐC TẾ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G10 Thanh Xuân Nam-quận Thanh Xuân - TP.Hà Nội * ĐT: (84-4) 552 0173 - 854 8209

Fax: (84-4) 552 0401 ; 753 5526 * Email: simco@hn.vnn.vn * **GIÁM ĐỐC: CHU MINH TUẤN**

Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài kể từ tháng 5 - 1997. Trên cơ sở đó, Trung tâm Hợp tác lao động nước ngoài Sông Đà đã được thành lập theo Quyết định số 19 TCT/TCLĐ ngày 31-10-1997 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà và chính thức đi vào hoạt động kể từ tháng 11 - 1997.

Để phù hợp với xu thế chung và thuận lợi trong hoạt động, nhằm thúc đẩy hoạt động xuất khẩu lao động của Tổng Công ty phát triển hơn nữa, tháng 6 - 2000, Công ty Cung ứng nhân lực quốc tế và thương mại Sông Đà được thành lập trên cơ sở Trung tâm hợp tác lao động nước ngoài Sông Đà. Kể từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã từng bước củng cố hoàn thiện bộ máy, cơ cấu tổ chức, điều kiện cơ sở vật chất và các điều kiện khác để thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được Tổng Công ty giao.

Bám sát chủ trương đường lối chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, khai thác các

thế mạnh của Tổng Công ty và theo kịp tình hình thực tế trên các thị trường, Công ty đã chủ động tìm kiếm các đối tác để ký kết các hợp đồng cung ứng lao động. Đến hết năm 2000, tổng số lao động của Công ty tại các thị trường là 412 người và tính đến hết tháng 6 - 2002, Công ty đã đưa trên 1000 người đi làm việc tại nước ngoài. Thị phần của Công ty tại các thị trường ngày càng được củng cố và mở rộng, uy tín trong hoạt động của Công ty ngày càng cao, bao gồm cả với đối tác nước ngoài và đối với người lao động trong nước.

Hiện tại, Công ty đã mở ra được 4 thị trường: Đài Loan, Li-bi-a, Nhật Bản, Cộng hoà Sip, Ma-lai-xi-a. Định hướng của Công ty trong quý IV năm 2002 là tiếp tục phát triển thị trường sẵn có gắn chặt với nghiên cứu đẩy mạnh công tác tìm kiếm và mở thị trường mới; nắm bắt chặt chẽ tình hình biến động của từng thị trường để đề ra những giải pháp thích hợp, phù hợp với lợi ích chung của xã hội, của doanh nghiệp và người lao động trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh giữ được uy tín của Tổng Công ty và đơn vị.



CÔNG TY ĐÁ QUÝ VÀ VÀNG HÀ NỘI

HANOI GEM AND GOLD COMPANY



Giám Đốc:

KS. TRẦN CÔNG LẬP

CÔNG TY ĐÁ QUÝ VÀ VÀNG HÀ NỘI (VIGEGO HANOI) TRỰC THUỘC TỔNG CÔNG TY ĐÁ QUÝ VÀ VÀNG VIỆT NAM (VIGEGO) THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HẠCH TOÁN ĐỘC LẬP. TRƯỚC ĐÂY CÓ TÊN LÀ CÔNG TY ĐÁ QUÝ VIỆT NAM (VINAGEMCO) LÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC ĐẦU TIÊN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH ĐÁ QUÝ, HÀNG TRANG SỨC VÀ MỸ NGHỆ BẰNG ĐÁ QUÝ Ở VIỆT NAM.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA CÔNG TY:

- Gia công chế tác, kinh doanh đá quý, bán đá quý, vàng, hàng trang sức mỹ nghệ.
- Nội cấy, chế tác, kinh doanh ngọc trai biển.
- Trực tiếp xuất nhập khẩu sản phẩm, nguyên liệu, vật tư kỹ thuật trong ngành đá quý, vàng, ngọc trai.
- Đào tạo công nhân kỹ thuật cho các ngành nghề trên và làm các dịch vụ có liên quan khác.

Trong nhiều năm qua, Công ty là bạn hàng tin cậy đối với nhiều tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, đặc biệt là sản phẩm từ đá Ru-bi, Sa-phia, ngọc trai và các sản phẩm tranh, tượng bằng đá quý...

Bạn hãy bước vào thế giới của Đá quý và ngọc trai, sự may mắn và thành đạt là điều mà các sản phẩm của Công ty luôn đem đến cho các bạn.

CÔNG TY

DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT



GIÁM ĐỐC: NGUYỄN NGỌC CHUÔNG

ĐỊA CHỈ: SỐ 3 ĐƯỜNG 3/4
TP. ĐÀ LẠT, T.LÂM ĐỒNG
ĐIỆN THOẠI: 063. 833 611

CÁC KHU ĐIỂM DU LỊCH

Khu du lịch thác Prenn

Khu du lịch thác CamLy

Khu du lịch thác BoBla

Khu du lịch thác LangBian

CÁC KHỐI KHÁCH SẠN

Khách sạn Thanh Bình

Khách sạn Nguyễn An Ninh

Quận 1-TPHCM

Khách sạn Anh Đào- Đà Lạt

Khách sạn Phú Hoà - Đà Lạt

Khách sạn Hoà Bình - Đà Lạt

Khách sạn Thanh Thế - Đà Lạt

Khách sạn Cẩm Đô- Đà Lạt

Khu thương mại Ngã tư

Sương Mai - Đà Lạt

DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN

LỮ HÀNH

Tổ chức các chuyến xe du

lich chất lượng cao Đà Lạt -

TP.Hồ Chí Minh - Nha Trang và

ngược lại.

CÔNG TY DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÔNG NHÂN KỸ THUẬT CƠ KHÍ I



Thầy Nguyễn Công Truyền Q. Hiệu trưởng phát biểu tại lễ khai giảng



Già thực hành tiện - môn tiện vận năng

ĐỊA CHỈ: SỐ 28 KHỐI 6 TT. ĐÔNG ANH* HÀ NỘI
ĐT: 04. 883 2562; 882 0176 * FAX: 04. 882 0436

Nằm trên địa bàn huyện Đông Anh, Trường Đào tạo Công nhân Kỹ thuật Cơ khí I trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội có nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho ngành cơ khí của hai huyện Đông Anh và Sóc Sơn. Với chức năng của một trường nghề, theo Nghị quyết Đại hội thứ IX của Đảng, Nhà trường đã đề ra các nhiệm vụ sau:

1. Nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định vị thế, uy tín của Trường trên địa bàn huyện, trong đó:

- + Tăng cường bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho CBGV, CNV thông qua các lớp bồi dưỡng của Sở, ngành. Đẩy mạnh phong trào tự học nâng cao kiến thức, hoàn thành văn bằng, chứng chỉ.

- + Cải tiến nội dung chương trình, giáo trình, giảm thời lượng học lý thuyết, tăng thời lượng thực hành.

- + Tăng cường công tác quản lý giáo dục học sinh.

- + Tổ chức quản lý, giám sát, kiểm tra các quy định về giảng dạy học tập của thầy và trò đồng thời đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, lao động tốt.

- + Từng bước xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định của Trường, kiện

toàn tổ chức bộ máy theo định hướng chỉ đạo của Sở LĐ-TB và XH, và các quy định của điều lệ trường dạy nghề.

2. Tăng cường liên kết đào tạo với các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn huyện, thành phố, đa dạng hóa loại hình liên kết. Đào tạo theo địa chỉ, đào tạo chuyển đổi nghề, bồi dưỡng nâng bậc thợ... Nâng số lượng, chất lượng đào tạo hệ ngoài chỉ tiêu ngân sách và hệ ngắn hạn. Nghiên cứu áp dụng nội dung đào tạo với thực hành sản xuất nâng cao kỹ năng thực hành nghề cho học sinh, nhằm mục đích cải thiện, nâng cao đời sống cho CBGV, CNV và học sinh.

Bám sát hai mục tiêu chiến lược trên, với các biện pháp thiết thực, nhà trường đã triển khai tương đối đồng đều các mặt, đạt được nhiều kết quả khả quan. Năm học 2001-2002, Trường đã tổ chức tuyển sinh thuận lợi, đúng quy định chỉ tiêu được giao: số học sinh trúng tuyển là 532 em. Năm học 2002-2003 số học sinh trúng tuyển đạt 784 em. Những con số trên cho thấy, vị trí của Trường Đào tạo Công nhân Kỹ thuật Cơ khí I ngày càng được khẳng định. Tuy nhiên, để góp phần đào tạo nguồn nhân lực ngày càng tốt hơn cả về chất và lượng, ngoài sự đầu tư hơn nữa về trang thiết bị học tập, Ban lãnh đạo và toàn thể CBGV, CNV Trường phải nỗ lực nhiều hơn nữa.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG

ĐỊA CHỈ: PHÁP VÂN
THANH TRÌ - HÀ NỘI
TEL: 04 8 611 694 - 8 617 416
FAX: 8 617 573
GIÁM ĐỐC:
KS. NGUYỄN ĐỖ HUYỀN

Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cổ chúc năng xây dựng các công trình dân dụng, nông nghiệp nông thôn, công trình thủy lợi, đê kè, giao thông nông thôn. Trang trí nội thất, thi công các công trình nền móng, làm đất, san ủi cải tạo mặt bằng. Xây dựng các trạm biến thế điện, đường dây tải điện từ 35kV trở xuống. Kinh doanh vật tư xây dựng.

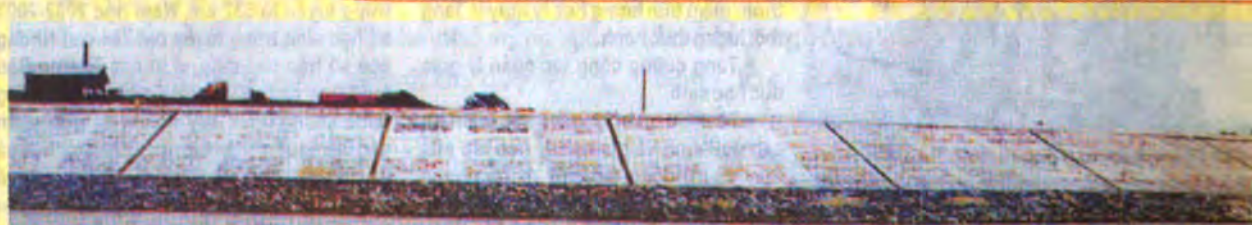
Được thành lập từ một trạm thiết bị của Tổng Công ty quản lý một khối lượng máy móc khoảng 30 tỉ đồng, trang thiết bị văn phòng hầu như không có, đó là chưa nói đến máy tính. Vấn đề đặt ra cho Ban Giám đốc cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty là phải khai thác, đưa thiết bị đó vào hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Với tinh thần làm chủ, đoàn kết phát huy nội lực sáng tạo nhằm mục tiêu cao nhất là nâng cao chất lượng công trình, Công ty đã vượt qua khó khăn gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cùng với sự năng động sáng tạo của Giám đốc và sự giúp đỡ của Tổng công ty, chỉ sau một thời gian ngắn, Công ty đã đưa hầu hết máy móc và thiết bị hoạt động trên các công trường. Không những thế Công ty còn bổ sung thêm những thiết bị cần thiết để phục vụ thi công các hạng mục công trình, như hệ thống khoan cọc nhồi, cần cẩu xây nhà cao tầng 105m, các thiết bị cốp-pha định hình, xe xúc, xe ủi, xe lu... có thể đáp ứng các công trình đòi hỏi kỹ thuật cao, mang tính hiện đại. Năm 2001-2002, Công ty nghiên cứu thành công để tài cấp Bộ về hệ thống chống thấm các đê kè, đập nước cụ thể đã thử nghiệm thành công hai công trình: đập Bầu Gia - Mả Tổ (Nghệ An); Đổng Hồ

(Can Lộc - Hà Tĩnh). Nghiên cứu thành công thiết bị rải thảm đá kè sông, tiết kiệm được rất nhiều sức người, sức của. Về thiết bị văn phòng và nhà làm việc đến nay đã đủ sức giúp cho cán bộ công nhân viên hoàn thành nhiệm vụ của mình. Công ty đã tham gia thi công rất nhiều công trình trong và ngoài nước như: kè Phú Gia III, kè An Cảnh III, kè Tân Châu - An Giang, hệ thống thủy lợi và trạm bơm Đông-phô-xi và Thapha-nông-phông trên đất nước Lào, kè sông Hàn - Đà Nẵng; kè Thạch Hãn - Quảng Trị; đập hồ Nội Sơn - Thanh Hoá; Trạm bơm Thiệu Duy - Thanh Hoá; đập chắn nước Rào Nan - Quảng Bình...; các công trình dân dụng: Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc - Lạng Sơn; chợ Việt Quang - Hà Giang; thư viện - phòng học Trường Đại học Lâm nghiệp; Trường dạy nghề Cao Bằng và nhiều công trình khác.

Với sự nhạy bén của lãnh đạo Công ty, sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, kết quả sản xuất kinh doanh hằng năm đều vượt mức kế hoạch đề ra, (1999 doanh thu đạt hơn 10 tỉ đồng; 2000 doanh thu hơn 62 tỉ đồng; 2001 doanh thu đạt hơn 70 tỉ đồng; 9 tháng đầu năm 2002: doanh thu đạt 80 tỉ đồng). Từ kết quả trên, tin rằng sẽ mở ra cho Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng nhiều triển vọng mới.



Hệ thống khoan cọc nhồi tại Cầu Tân Đệ



Kè Phú Gia III - Đê Hữu Hồng - Hà Nội, công trình thủy lợi cấp quốc gia đã đưa vào chống lũ năm 2000 do Công ty thi công được công nhận chất lượng và đạt Huy chương vàng



BAN QUẢN LÝ DI TÍCH DANH THẮNG HÀ NỘI

HANOI VESTIGES AND FAMOUS LANDSCAPES MANAGEMENT BOARD

Địa chỉ: 90 Thọ Nhuộm - Hà Nội
Điện thoại: 9.422 377 - 9.424 043
Trưởng ban: TS. Nguyễn Doãn Tuấn



Trưởng ban:
TS Nguyễn Doãn Tuấn



Tôn tạo công trình Đình Ngự triều Di Quy
Khu di tích Cổ Loa



Hội thảo khoa học: Bảo tồn tấm bia ghi
công A-lêch-xăng Đờ Rốt

BAN QUẢN LÝ DI TÍCH - DANH THẮNG LÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC DI TÍCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ TRỰC TIẾP QUẢN LÝ 11 DI TÍCH CÓ CON ĐẤU VÀ TÀI KHOẢN RIÊNG ĐƯỢC GIAO 9 NGHĨA VỤ SAU:

1. Tổ chức lập hồ sơ khoa học các di tích, phối hợp với UBND các cấp xét chọn và làm thủ tục trình UBND Thành phố và Bộ Văn hoá - Thông tin quyết định xếp hạng di tích.
2. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các ngành các cấp về chuyên môn nghiệp vụ trong công tác quản lý di tích và danh thắng theo pháp lệnh của Nhà nước và quy chế của UBND Thành phố. Trực tiếp quản lý những di tích do UBND Thành phố phân công cho Sở Văn hoá - Thông tin và phối hợp với UBND các quận, huyện, thị xã quản lý những di tích thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin và Thành phố quản lý.
3. Tham gia duyệt quy hoạch, thiết kế, tu bổ, tôn tạo các di tích thuộc UBND quận, huyện, thị xã quản lý và giám sát thi công những nội dung đó.
4. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, thanh tra việc quản lý sử dụng các di tích và danh thắng.
5. Giao dịch, ký hợp đồng với các tổ chức khảo sát, thiết kế, nghiên cứu lịch sử... để lập và thực hiện dự án thiết kế quy hoạch xây dựng tượng đài, đồng thời chịu trách nhiệm giám sát quản lý toàn bộ quá trình thực hiện dự án.
6. Khảo sát lập hồ sơ hiện trạng các tượng đài, tranh hoành tráng, đài kỷ niệm trên địa bàn Thủ đô.
7. Lập kế hoạch xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng cho từng giai đoạn từ 1996-2000, 2000-2005, 2005-2010; báo cáo các phương án xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng với Hội đồng QHXDTĐ để xem xét trình UBND Thành phố phê duyệt.
8. Tổ chức các cuộc họp và hội thảo khoa học để lấy ý kiến cho việc xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng.
9. Xây dựng và quản lý toàn bộ kinh phí thiết kế và đầu tư xây dựng tượng đài trên địa bàn thành phố; kinh phí hoạt động thường xuyên của Hội đồng QHXDTĐ trong các năm kế hoạch.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1

CÔNG TY CẦU 14

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

TRỤ SỞ CÔNG TY: THỊ TRẤN SÀI ĐỒNG, GIA LÂM, HÀ NỘI

DIỆN THOẠI: (84.4) 8276447 - FAX: (84.4) 8276133

Email: cau14cienco1@hn.vnn.vn

CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU TRONG 30 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

- Các cầu đường sắt tuyến kép Bãi Cháy (Quảng Ninh)
- Thi công đập Đáy (Hà Tây)
- Cảng than Phả Lại (Hải Dương)
- Cầu Nông Tiến (Tuyên Quang)
- Đường lăn sân bay Nội Bài (Hà Nội)
- Cầu Phú Lương (Hải Dương)

- Cảng Sài Gòn (TP. HCM)
- Cầu Chương Dương (Hà Nội)
- Cảng biển nhà máy xi măng Nghi Sơn (Thanh Hóa)
- Cầu Phú Đồng (Hà Nội)
- Cầu Tân Đệ (Hoàn thành vào 30-01-2002)
- Cầu Quý Cao (Hải Phòng - đang đúc hẫng)



Trụ sở Công ty



Cầu đường sắt Đà Nẵng (Phủ Yên)

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Công ty Cầu 14 phấn đấu trở thành công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực thi công cầu, cảng... Chúng tôi luôn nỗ lực làm thỏa mãn mọi yêu cầu của khách hàng vào mọi thời điểm.



VIETNAM INTERNATIONAL TRADEMARKS & PATENTS AGENT CÔNG TY SỞ HỮU TRÍ TUỆ INVENCO

**Number one Firm on patent and Trademark in Vietnam 2002
voted by M.I.P (England)**



Head Office: 29 Trương Han Siêu Str.

P.O. Box 412, Hanoi

Tel: (84.4) 8 222 153, 8 228 595, 8 222 664

Fax: (84.4) 8 226 059, 8 223 095

E-mail: invenco@hn.vnn.vn

Internet: http://invenco.vnn.vn

Branch Office in HCM City:

Room No. 503, 79 Trương Dinh Str. 1, HCM City

Tel: (84.8) 8 244 609 Fax: (84.8) 8 226 497

BUSINESS LINES

- Registration of trademarks, inventions, utility solution, industrial designs, appellation of origin of goods, copyrights.
- Advice on assignment and licensing.
- Advisory services on the protection of industrial property rights.
- Market research and investigations.
- Oppositions and relative proceedings
- Maintenance of intellectual property rights.
- Trademark registration in Laos, Cambodia, Myanmar, Russia, USA, EU and other countries.

CÁC DỊCH VỤ CHÍNH:

- Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ, sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghệ, tên gọi xuất xứ hàng hóa, bản quyền tác giả.
- Chuyển giao sở hữu công nghiệp.
- Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.
- Điều tra thị trường, phát hiện vi phạm.
- Giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.
- Duy trì hiệu lực quyền sở hữu công nghiệp.
- Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ tại Lào, Campuchia, My-an-ma, Nga, Mỹ, và các nước châu Âu.

INVENCO

BỆNH VIỆN BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 1 - Yên Bái 2 - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 9 761 129 * Fax: (84.4) 8 212 897

BÍ THƯ ĐẢNG ỦY - GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN OAI

Bệnh viện Bưu điện thuộc Tổng Công ty BC-VT VN, có nhiệm vụ khám và điều trị cho cán bộ công nhân viên ngành Bưu điện. Ngoài ra, Bệnh viện còn khám, chữa bệnh theo yêu cầu cho mọi tầng lớp nhân dân nhằm tận dụng tối đa công suất của trang thiết bị, giường bệnh, đẩy mạnh công tác xã hội hoá ngành y. Hiện nay, Bệnh viện có 150 giường bệnh với tổng số 169 cán bộ, trong đó có 16 bác sĩ chuyên khoa cấp 1, 4 bác sĩ chuyên khoa cấp 2, 12 thạc sĩ. Bệnh viện đang từng bước nâng cao năng lực, hiệu quả, chất lượng, tạo niềm tin, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của CBCNV ngành cũng như của nhân dân. Để thực hiện tốt những mục tiêu được đề ra, Ban Lãnh đạo Bệnh viện có những định hướng đúng đắn về công tác quản lý, công tác đào tạo, nghiên cứu và đưa những tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới vào ứng dụng trong thực tiễn.

Góp phần đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động của Bệnh viện, đặc biệt là công tác khám, chữa bệnh, Lãnh đạo Bệnh viện đã tổ chức tốt Đại hội công nhân viên chức, bổ sung, hoàn chỉnh các Quy chế lao động, Quy chế dân chủ, Quy chế khen thưởng - kỷ luật, Quy chế bình bầu A, B, C, Quy chế thưởng trực cấp cứu, ngoại viện, tuyển chọn lao động, xúc tiến xây dựng Quy chế phân phối thu nhập... Từ những quy chế nội bộ này, ý thức chấp hành nội quy, kỷ luật lao động, chăm sóc và phục vụ người bệnh của CBCNV đã trở thành nền nếp, tạo ra sự công bằng và bình đẳng giữa mọi người, giữa cá nhân với tập thể, kích thích và tăng hiệu quả lao động tự giác, không để xảy ra hiện tượng tiêu cực hoặc đơn thư khiếu nại của bệnh nhân. Những vi phạm đều được giáo dục, nhắc nhở và xử lý nghiêm minh, những cá nhân và tập thể có thành tích đều được khen thưởng thoả đáng. Lãnh đạo Bệnh viện đã đưa mạng vi tính vào quản lý hoạt động của Bệnh viện. Nhờ mạng vi tính này, đã kiểm soát được mọi hoạt động, đặc biệt là hoạt động

chuyên môn, tài chính, công tác khám, chẩn đoán, hội chẩn giữa các khoa, phòng nhanh chóng, thuận tiện.

Trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, Bệnh viện đã áp dụng rất nhiều loại hình: học chính quy tại các trường đại học, học theo chuyên đề sâu, học tại chức... trong nước và nước ngoài. Đội ngũ bác sĩ đã trưởng thành vượt bậc, có trên 50% bác sĩ có trình độ trên đại học. Bệnh viện thường xuyên tổ chức nhiều cuộc hội thảo chuyên đề có sự tham gia của các giáo sư và chuyên gia đầu ngành. Hiện nay, Bệnh viện đang hợp tác với Bệnh viện Đơ-râu của Cộng hoà Pháp để tăng cường công tác đào tạo về chuyên môn cho đội ngũ các bác sĩ, y tá. Qua bồi dưỡng và đào tạo, hiện nay rất nhiều bác sĩ trẻ tuổi đã thực sự làm chủ các trang thiết bị, máy móc hiện đại, làm chủ kỹ thuật mới, nhiều sáng kiến và đề tài khoa học được thực hiện, nghiệm thu và đưa vào sử dụng có hiệu quả (10 đề tài cấp bộ, 20 đề tài cấp cơ sở). Một số kỹ thuật mới được Bệnh viện áp dụng trong năm 2001 như: mổ nội soi tiền liệt tuyến, tán sỏi niệu quản, mổ nội soi cắt túi mật, viên ruột thừa, lấy sỏi ống mật chủ, tán sỏi trong gan, mổ cột sống, mổ sọ não, thay chỏm xương đùi, u nang buồng trứng, mũi xoang, tạo hình, chụp mạch, nút mạch điều trị K gan...

Từ những nỗ lực và kết quả đã đạt được, Bệnh viện và tập thể CBCNV rất vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba, Tổng cục Bưu điện, Tổng Liên đoàn LĐVN, Tổng Công ty BC-VTVN tặng cờ thi đua xuất sắc, Đảng bộ đơn vị nhiều năm liền đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Trong những năm tới, được sự quan tâm của Tổng Công ty và nhiều bộ ngành chức năng khác, Bệnh viện Bưu điện đang tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị, đào tạo đội ngũ y-bác sĩ có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu khám, chữa bệnh.



Mổ tán sỏi thận bằng kỹ thuật nội soi



Phòng siêu âm tại Bệnh viện



Thiết bị khám nội soi

5/30



VEFAC

TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM

VIETNAM EXHIBITION FAIR CENTRE

ĐC: 148 Đường Giảng Võ - Quận Ba Đình - Hà Nội - Việt Nam * ĐT: (04) 8312 000 * Fax: (84- 4) 845 4193



Tổng giám đốc: **TRẦN VĂN TÂN**

LÀ TRUNG TÂM QUỐC GIA CÓ UY TÍN CAO TRÊN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC.

CHUYÊN KINH DOANH:

- Tổ chức hội chợ triển lãm, Hội nghị trong nước và nước ngoài.
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ, quảng cáo, thông tin và thương mại trong nước và nước ngoài.

- Tư vấn đầu tư, khai thác và tiếp nhận các dự án đầu tư trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực văn hóa, thông tin.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, câu lạc bộ giải trí, thể dục thể thao.

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, hàng hóa, thiết bị phục vụ sản xuất tiêu dùng.

- Chế bản và in.

- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ và trang trí nội thất.

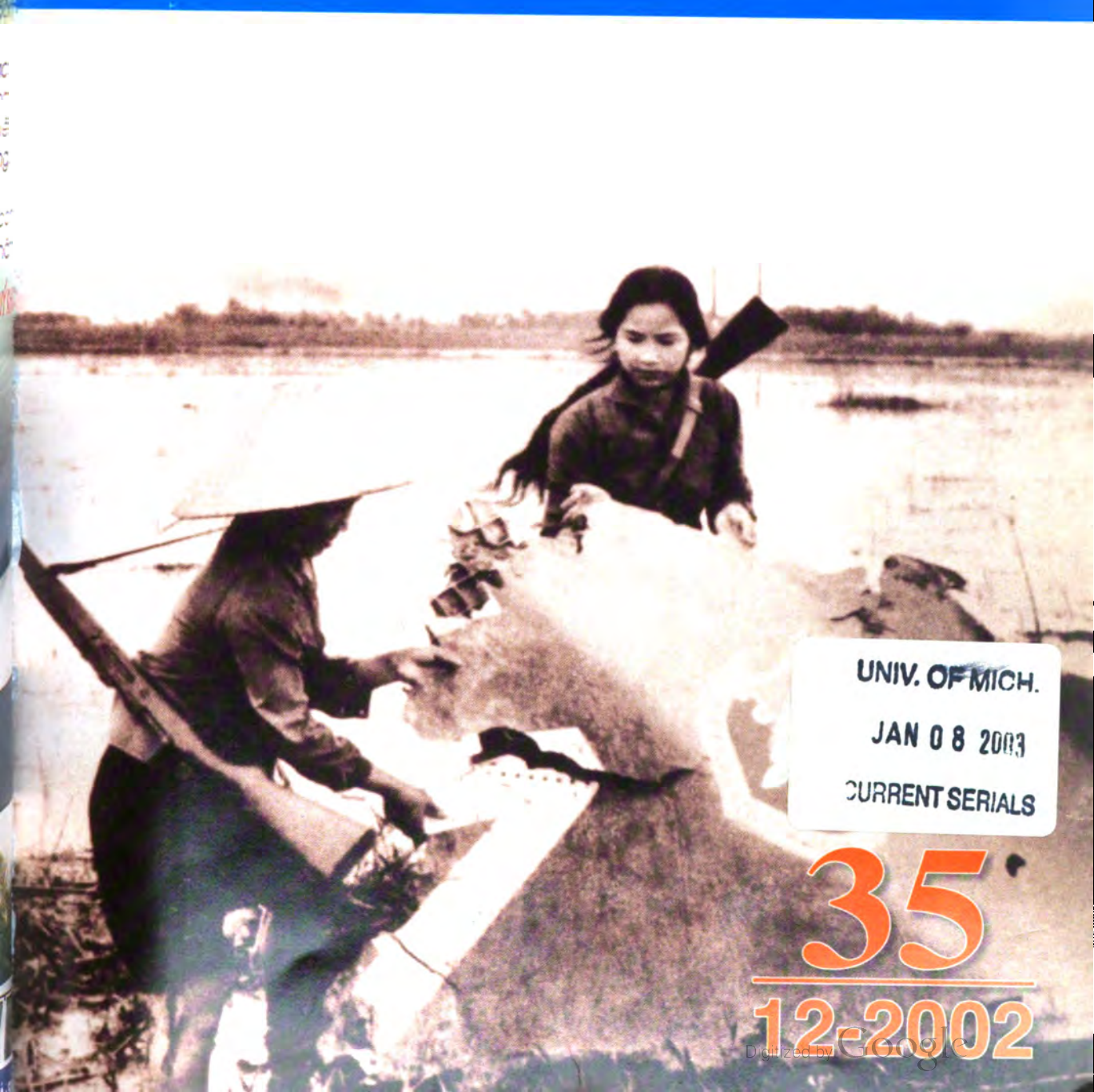
VỚI NHỮNG DỊCH VỤ VÀ CHẤT LƯỢNG NGÀY Càng Hoàn Hảo - RẤT MONG ĐƯỢC HÀI LÒNG QUÝ KHÁCH



HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

JAN 08 2003

CURRENT SERIALS

35

12-2002

Digitized by Google

VIỆN BẢO TÀNG QUÂN ĐỘI

ĐỊA CHỈ: 28 A - ĐIỆN BIÊN PHỦ - HÀ NỘI * ĐT: 8.234 264 - 7.336 453 - 069.552 396



Viện Bảo tàng Quân đội (Viện BTQĐ) thuộc Tổng cục Chính trị - Bộ Quốc phòng, là một trong những bảo tàng quốc gia, có số lượng hiện vật lớn, phản ánh trung thực cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Được thành lập ngày 22-12-1959, với nhiệm vụ trọng đại như Bác Hồ căn dặn khi Người đến thăm Bảo tàng Quân đội ngày 22-12-1959: BẢO TÀNG QUÂN ĐỘI LÀ "CUỐN SỬ SỐNG" ĐỂ TUYÊN TRUYỀN GIỮ VỮNG TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA QUÂN ĐỘI.

Thực hiện các nhiệm vụ chính của Bảo tàng là sưu tầm, hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm kê, bảo quản, trưng bày tuyên truyền, nghiên cứu và phổ biến khoa học, 43 năm qua được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Quân đội, bằng nỗ lực của mình, Viện BTQĐ đã sưu tầm được trên 15 vạn hiện vật, phản ánh sự lãnh đạo của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quá trình xây dựng chiến đấu trưởng thành của Quân đội Nhân dân Việt Nam Anh hùng.

Công tác sưu tầm là khâu nghiệp vụ đầu tiên quyết định đến sự tồn tại của Bảo tàng. Do đó, Viện BTQĐ đã đầu tư thích đáng cả nhân lực và vật lực vào khâu nghiệp vụ này. Trung bình mỗi năm, Hội đồng xét duyệt hiện vật Viện BTQĐ sưu tầm, nhập kho được từ 300 đến 500 hiện vật; gần đây, đã sưu tầm, bổ sung hơn 300 hiện vật và 400 ảnh chân dung tướng lĩnh quân đội, làm giàu kho cơ sở.

Ngoài hệ thống trưng bày cố định, hàng năm Viện còn tổ chức từ 4 đến 6 cuộc triển lãm chuyên đề tại Viện nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc và Quân đội. Cùng với một hệ thống trưng bày thường xuyên được củng cố, nâng cấp, bổ sung hiện vật, tư liệu mới sưu tầm, hàng năm Viện BTQĐ đón từ 35 đến 50 vạn lượt khách tham quan, trong đó

khách quốc tế chiếm 43,8%, là một trong các bảo tàng có số lượng khách tham quan đông nhất cả nước, nhất là khách nước ngoài.

Không dừng lại ở những kết quả đó, được sự chỉ đạo của Tổng cục Chính trị, hàng năm Viện BTQĐ còn tổ chức từ 3 đến 5 cuộc triển lãm lưu động, với chủ đề "Tuổi trẻ Anh hùng bảo vệ tổ quốc" phục vụ bộ đội và nhân dân vùng sâu, vùng xa. Từ huyện vùng cao Ba Bể, Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn, duyên hải Đông bắc, đảo Bạch Long Vĩ,... đến vùng biển miền Tây như đảo Thổ Chu, đảo Phú Quốc tỉnh Kiên Giang, thu hút từ 40 đến 70 nghìn lượt khách tham quan mỗi năm, trong đó chủ yếu là bộ đội. Triển lãm lưu động đã được các đơn vị đánh giá là một hình thức tuyên truyền giáo dục thiết thực nhất về truyền thống cách mạng cho bộ đội và nhân dân nơi vùng sâu, vùng xa. Sáu tháng đầu năm 2002, Viện BTQĐ đã đón 244 859 lượt khách đến thăm quan, trong đó khách quốc tế là 100 325 lượt, tăng 41,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là một cố gắng lớn của tập thể cán bộ và nhân viên Viện BTQĐ.

Nhờ có tinh thần đoàn kết nội bộ, phát huy nội lực, chủ động, sáng tạo, luôn bám sát nhiệm vụ chính trị, Viện BTQĐ luôn hoàn thành xuất sắc những mục tiêu đã đề ra, khẳng định vị trí, vai trò không thể thiếu trong đời sống xã hội cũng như trong lịch sử dân tộc.

Lịch sử như một dòng chảy, nhưng những gì mà Viện BTQĐ lưu giữ thì còn tồn tại mãi và tồn vinh lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng một lần đến thăm Viện BTQĐ đã viết: BẢO TÀNG QUÂN ĐỘI NHẮC LẠI LỊCH SỬ VĨNG VANG CỦA QUÂN ĐỘI TA. BẢO TÀNG QUÂN ĐỘI LÀ MỘT TRƯỜNG HỌC VÀ NGUỒN PHẢN KHƠI ĐỐI VỚI NGƯỜI XEM, ĐỐI VỚI NHÂN DÂN TA, QUÂN ĐỘI TA.

VIỆN BẢO TÀNG QUÂN ĐỘI MỞ CỬA CÁC NGÀY TRONG TUẦN TRỪ THỨ 2 VÀ THỨ 6



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 664

35

12-2002

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• Phó Tổng Biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Không lực Hoa Kỳ trên đồng
ruộng Việt Nam Ảnh : Tư liệu

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN KHÁNH - Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp	3
LÊ HỮU NGHĨA - Vấn đề cán bộ trong tác phẩm "Sửa đổi lỗi làm việc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh	10
LÊ ĐỨC BÌNH - Về chế độ nhận xét, đánh giá cán bộ	14

NHÂN KỶ NIỆM 58 NĂM NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM (22-12-1944 - 22-12-2002) VÀ 30 NĂM CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ "ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG" (18-12-1972 - 18-12-2002)

PHÙNG QUANG THANH - Phát huy truyền thống quyết chiến quyết thắng của quân đội ta	17
LÊ CƯỜNG - Chủ tịch Hồ Chí Minh tiên đoán chiến thắng lịch sử "Điện Biên Phủ trên không"	20

NHÂN KỶ NIỆM 54 NĂM NGÀY RA ĐỜI BẢN TUYÊN NGÔN THẾ GIỚI VỀ NHÂN QUYỀN CỦA LIÊN HỢP QUỐC (10-12-1948 - 10-12-2002)

HOÀNG VĂN NGHĨA - Nhân phẩm - giá trị toàn cầu và phổ biến của quyền con người	24
--	----

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN XUÂN THÔNG - Một số nội dung về đổi mới công tác cán bộ trong tư tưởng Hồ Chí Minh	28
MAI THÀNH - Doanh nghiệp Việt Nam trước những cam kết của Chính phủ tham gia AFTA	32
DƯƠNG TÙNG - Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở khu vực đô thị	37

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở Sơn La	41
---	----

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

HOÀNG ANH TUẤN - Nâng cao hiệu quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở Đảng bộ Tổng cục Kỹ thuật	46
NGUYỄN HUY LẬP - Nhìn lại 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, ở Thừa Thiên - Huế	50

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

TUẤN MINH - Phương án tối ưu ?!	54
---------------------------------	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

HÀ MỸ HƯƠNG - Về chính sách đối ngoại của Thủ tướng Nhật Bản J. Côi-dư-mi	56
VÕ THỦ PHƯƠNG - Mỹ: Từ Áp-ga-ni-xtan đến I-rắc	60

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

* Chính phủ họp phiên thường kỳ, tháng 11-2002	63
* Diễn đàn phát triển bền vững miền núi Việt Nam	

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН КХАНЬ: Обновление, усовершенствование организации аппарата, методов деятельности государственно-административных органов на разных инстанциях. ЛЕ ХЫУ НГИА: Кадровый вопрос в труде Президента Хо Ши Мина «Исправление стиля работы». ЛЕ ДЫК БИНЬ: О порядке вынесения замечания и оценки о кадрах. ФУНГ КУАНГ ТХАНЬ: Развитие традиции «быть решительным сражаться и победить» нашей Армии. ЛЕ КЫОНГ: Президент Хо Ши Мин предсказал историческую победу «Дьенбьенфу на небе». ХОАНГ ВАН НГИА: Человеческое достоинство – глобальная и всеобщая ценность прав человека. НГУЕН СУАН ТХОНГ: Некоторое содержание об обновлении кадровой работы в идеологии Хо Ши Мина. МАЙ ТХАНЬ: Вьетнамские предприятия перед лицом обязательств Правительства участвовать в АФТА. ЗЫОНГ ТУНГ: Создание культурной жизни на местах в городских районах. ХА МИ ХЫОНГ: О внешней политике Премьер-министра Японии Дж. Койзуми. ВО ТХУ ФЫОНГ: США: От Афганистана до Ирака.

CONTENTS

NGUYỄN KHÁNH: To renovate, to perfect apparatus organisation and activity methods of state administrative organs of various levels. LÊ HỮU NGHĨA: The problem of cadres in Hồ Chí Minh's work "To correct the working style". LÊ ĐỨC BÌNH: Regarding the regime of judging and estimating cadres. PHÙNG QUANG THANH: To promote "the tradition of being determined to fight and to win victory" of our Army. LÊ CƯỜNG: President in Hồ Chí Minh had predicted the historic victory "Điện Biên Phủ in the air". HOÀNG VĂN NGHĨA: Human dignity – a global and widespread value of human rights. NGUYỄN XUÂN THÔNG: Some contents of renovation of cadres' work in Hồ Chí Minh's ideas. MAI THÀNH: Vietnamese enterprises in the face of the Government's commitments to participate in AFTA. DUƠNG TÙNG: To build grassroots culture in the urban region. HÀ MỸ HUƠNG: Regarding foreign policy of Japan's Prime Minister J. Koizumi. VÕ THỦ PHƯƠNG: The USA: From Afghanistan to Iraq.

SOMMAIRE

NGUYỄN KHÁNH: Renouveler, perfectionner l'organisation de l'appareil et les modalités d'activités des organismes administratives étatiques de différents échelons. LÊ HỮU NGHĨA: Le problème de cadres dans l'ouvrage "Rectification de la manière de travailler" du président Ho Chi Minh. LÊ ĐỨC BÌNH: Sur le régime de donner des remarques et jugements à l'égard des cadres. PHÙNG QUANG THANH: Valorisation des traditions "se décider de combattre, se décider de vaincre" de notre armée. LÊ CƯỜNG: Prévisions de la victoire de la bataille "Dien Bien Phu aérien" par le président Ho Chi Minh. HOÀNG VĂN NGHĨA: La moralité – valeur globale et universelle des droits de l'homme. NGUYỄN XUÂN THÔNG: Quelques contenus de la pensée de Ho Chi Minh sur le renouvellement du travail à l'intention des cadres. MAI THÀNH: Les entreprises vietnamiennes face aux engagements du gouvernement à la participation à l'AFTA. DUƠNG TÙNG: Edification de la vie culturelle de base dans les centres urbains. HÀ MỸ HUƠNG: Sur la politique extérieure du Premier ministre japonais J. Koizumi. VÕ THỦ PHƯƠNG: Etats-Unis: de l'Afghanistan à l'Irak.

SUMARIO

NGUYỄN KHÁNH: Renovar, perfeccionar la organización del aparato y los métodos de actividades de los organismos administrativos estatales de diferentes escalones. LÊ HỮU NGHĨA: El problema de cuadros en la obra "Rectificación de la manera de trabajo" del Presidente Ho Chi Minh. LÊ ĐỨC BÌNH: Sobre el régimen de dar observaciones y juicios en consideración de los cuadros. PHÙNG QUANG THANH: Poner en alto la tradición de "decidirse a combatir, decidirse a vencer" de nuestro ejército. LÊ CƯỜNG: Previones de la victoria de la batalla "Điện Biên Phủ aérea" por el presidente Hồ Chí Minh. HOÀNG VĂN NGHĨA: La moralidad – valor global y universal de los derechos del hombre. NGUYỄN XUÂN THÔNG: Algunos contenidos del pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la renovación del trabajo a la intención de cuadros. MAI THÀNH: Las empresas vietnamitas ante los compromisos del Gobierno en la participación en la AFTA. DUƠNG TÙNG: Edificación de la vida cultural de base en los centros urbanos. HÀ MỸ HUƠNG: Sobre la política exterior del Primer Ministro japonés J. Koizumi. VÕ THỦ PHƯƠNG: Estados Unidos: de Afghanistan a Irak.

• 阮庆: 革新和完善国家高级行政单位的组织机构及其活动方式• 黎友义: 胡志明主席在《纠正工作方式》中涉及到的干部问题• 黎德平: 关于干部的鉴定、评价制度• 冯光青: 发挥我国军队决战决胜的传统• 黎强: 胡志明主席预测“空中奠边府”的历史性胜利• 黄文义: 人品—人权的全球性和普遍性的价值• 阮春通: 胡志明思想中的有关干部革新工作的一些内容• 梅成: 越南企业面对参加AFTA政府所作出的承诺• 杨松: 建设都市区基层文化生活• 何春美: 关于日本首相小泉纯一郎的对外政策• 武守方: 美国—从阿富汗至伊拉克



ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN TỔ CHỨC BỘ MÁY, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CÁC CẤP

NGUYỄN KHÁNH *

1 - Tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của mỗi cơ quan nhà nước được lập ra, được xây dựng chính là để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ấy. Cũng như vậy, *tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của chính phủ trong thời kỳ mới phụ thuộc vào chức năng và nhiệm vụ của chính phủ, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, trong sự phát triển xã hội, xây dựng và quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong khuôn khổ của hiến pháp.*

Nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng trong bất kỳ xã hội nào, bất kỳ cuộc cách mạng nào. Mọi chính phủ, dù ở nước nào, đều phải quản lý các hoạt động kinh tế, xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự theo yêu cầu của chế độ chính trị nước ấy. Ở các nước tư bản, có những học giả và những nhà kinh tế đưa ra những luận điểm về khả năng điều chỉnh tự nhiên của thị trường, về sự "không can thiệp" của chính phủ vào hoạt động của thị trường, nhưng trong thực tế sự can thiệp của các chính phủ không hề giảm. Ở nhiều nước, cả nước phát triển và nước đang phát triển, đang tiến hành cải cách khu vực công, cải cách bộ máy hành chính để chính phủ quản lý có hiệu quả các hoạt động kinh tế với hy vọng giành được thắng lợi trong cuộc cạnh tranh gay gắt trên thị trường quốc tế

và giải quyết tốt hơn - theo quan niệm của họ - các vấn đề xã hội ngày càng bức xúc.

Vai trò quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước, của Chính phủ nước ta cực kỳ quan trọng và ngày càng quan trọng. Nhà nước phải tổ chức và quản lý để bảo vệ được độc lập tự chủ, an ninh trật tự, đồng thời xây dựng những điều kiện, tiền đề cho xã hội mới. Nhà nước ta, Chính phủ ta phải quản lý để nhân dân được sống no ấm, yên bình, kinh tế phát triển với tốc độ nhanh và bền vững, để nước ta sớm thoát khỏi tình trạng nước nghèo, chậm phát triển, đến khoảng năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Nhà nước, Chính phủ phải xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sử dụng và phát huy những tác động tích cực của cơ chế thị trường để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; đồng thời, quản lý, điều khiển cơ chế thị trường, hạn chế và khắc phục những tác động tiêu cực, không để cho thị trường vận động một cách tự phát, dẫn đến những mất cân đối về kinh tế, những hệ quả xấu về xã hội. Nhà nước vừa là người dẫn đường cho dân, vừa là người phục vụ mọi hoạt động của xã hội. Chính phủ phải

* Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ

thực hiện đầy đủ cả chức năng quản lý hành chính hay còn gọi là chức năng công quyền và chức năng phục vụ xã hội, chăm lo đời sống, vật chất và tinh thần của nhân dân. Cùng với các công việc về quản lý hành chính, công quyền, Chính phủ chỉ đạo phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, các hoạt động cung ứng dịch vụ công cộng, phúc lợi xã hội.

Trước những nhiệm vụ mới mẻ và khó khăn ấy, tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động của Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp phải được đổi mới và hoàn thiện.

Hiện nay, đang diễn ra mâu thuẫn giữa đòi hỏi bức bách phải có một bộ máy hành chính nhà nước trong sạch, vững mạnh, quản lý có hiệu lực, hiệu quả cao với thực trạng còn nhiều yếu kém về năng lực quản lý và về tinh thần cách mạng, ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức trong các cơ quan chính quyền, kể cả ở cấp trung ương. Thực trạng ấy là trở ngại lớn cho việc triển khai cuộc cải cách hành chính mà Chính phủ đang chỉ đạo thực hiện trong toàn bộ hệ thống hành chính nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng. Để khắc phục được mâu thuẫn ấy, phải giải quyết đồng bộ các vấn đề về nhận thức, tư tưởng, về tổ chức cán bộ, về phương thức hoạt động, kết hợp chặt chẽ các công việc về cải cách hành chính với đổi mới các hoạt động lập pháp, cải cách tư pháp, với xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trước hết, cần có nhận thức đúng về vai trò và chức năng của Nhà nước, của Chính phủ trong thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội IX của Đảng đề ra chủ trương : "Điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,

quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong cả nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ"⁽¹⁾. Vị trí của Chính phủ là người điều hành vĩ mô, người cầm lái và giám sát kiểm tra, bảo đảm hiệu lực của bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở. Vai trò chỉ đạo của Chính phủ là làm cho cấp chính quyền nào cũng thực hiện đúng trách nhiệm và thẩm quyền, tạo ra sức mạnh chung của toàn bộ hệ thống hành chính nhà nước. Nhà nước có vai trò rất quan trọng, nhưng không phải như trong cơ chế cũ, can thiệp sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội bằng biện pháp hành chính, hạn chế tính năng động, sáng tạo của các tầng lớp nhân dân. Chính phủ, các bộ phải tập trung thực hiện chức năng xây dựng, ban hành thể chế, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và kiểm tra việc thực hiện, định ra các quy tắc cho các thành phần kinh tế hoạt động trong cơ chế thị trường, tạo ra những điều kiện thuận lợi về mọi mặt cho nhân dân làm ăn sinh sống. Chính phủ không thể và không nên vừa hoạch định chính sách vừa tổ chức cụ thể việc thi hành chính sách, mà phải dồn tâm sức vào các hoạt động quản lý vĩ mô, không để bị chìm ngập trong những công việc cụ thể mà cấp dưới có thể làm, có khả năng xử lý mà không cần có quyết định của Chính phủ.

Để điều chỉnh chức năng của mình theo chủ trương của Đảng, Chính phủ đang chỉ đạo thực hiện bốn loại công việc lớn mang tính chất cải cách hành chính : tách chức năng quản lý hành chính nhà nước với công việc quản trị kinh doanh ; phân biệt quản lý hành chính nhà nước với hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công ; xã hội hóa các dịch vụ công ; phân cấp quản lý hành chính rành mạch, tăng quyền hạn và trách nhiệm cho chính quyền địa phương. Những công việc này gắn liền với đổi mới tổ chức và

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 133

hoạt động của Chính phủ và cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Từ nhiều năm nay, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra chủ trương : cơ quan hành chính các cấp không can thiệp trực tiếp vào việc điều hành sản xuất kinh doanh, tiến tới xóa bỏ chế độ chủ quản đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế kinh doanh. Nếu xóa bỏ chế độ chủ quản, Chính phủ và các bộ không can thiệp trực tiếp vào việc điều hành sản xuất kinh doanh, thì tổ chức bộ máy nhất định có những thay đổi tương ứng, không cần có nhiều tổng cục, cục và các cơ quan khác để chỉ huy hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, cách làm việc của bộ cũng thay đổi để đáp ứng yêu cầu tập trung vào quản lý vĩ mô, giảm mạnh những loại việc "cho phép, xét duyệt" về chủ trương, về tài chính, về nhân sự cụ thể của doanh nghiệp. Mấy năm qua, Chính phủ đã chỉ đạo giải quyết vấn đề này khá tập trung, tạo ra những đổi mới quan trọng trong quan hệ giữa các bộ với các đơn vị sản xuất kinh doanh ; các doanh nghiệp nhà nước đã có quyền tự chủ. Tuy vậy, đến nay (2002) vẫn còn vướng mắc về cách thức thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước. Nhà nước ta thực hiện chức năng quản lý xã hội, đồng thời là người đại diện cho nhân dân thực hiện vai trò chủ sở hữu đối với tài sản của quốc gia. Thực hiện quyền sở hữu nhà nước như thế nào ? Giao toàn bộ quyền đại diện sở hữu nhà nước cho hội đồng quản trị và giám đốc doanh nghiệp nhà nước, hay giao quyền đó tập trung vào Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, hoặc giao cho từng bộ phụ trách quản lý ngành, lĩnh vực ? Làm thế nào để Nhà nước chủ sở hữu tài sản của quốc gia - hướng dẫn, hỗ trợ và kiểm tra được các doanh nghiệp của Nhà nước mà không trở lại chế độ chủ quản ? Chính phủ còn tiếp tục nghiên cứu để có những quy định cụ thể phân biệt quyền của chủ sở hữu và quyền kinh doanh của doanh

nh nghiệp, định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước.

Đại hội IX của Đảng khẳng định : "Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hóa, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội"⁽²⁾. Trong nền kinh tế hiện vật và bao cấp, với ý thức phục vụ nhân dân, Nhà nước ta đã tự nhận trách nhiệm làm đủ mọi việc cụ thể mà lẽ ra các công dân, các gia đình, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có thể làm và làm tốt. Trong cơ chế kinh tế mới, công dân, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội chẳng những có nhu cầu hưởng thụ các dịch vụ, mà còn có quyền và có khả năng cung ứng các dịch vụ công cộng. Chính phủ không thể và không cần phải đảm nhận hết việc trực tiếp phục vụ các nhu cầu của nhân dân về đời sống vật chất và văn hóa ngày càng cao và đa dạng trong một xã hội phát triển và hiện đại, trong nền kinh tế thị trường. Nhà nước trực tiếp tổ chức cung ứng các dịch vụ công cộng thiết yếu mà người dân và tổ chức xã hội không hoặc ít có điều kiện làm ; đồng thời, khuyến khích, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động dịch vụ công cộng của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và tư nhân để bảo đảm đúng pháp luật, đúng chính sách, nâng cao chất lượng dịch vụ, ngăn ngừa và khắc phục những hành vi tiêu cực. Việc thực hiện chủ trương xã hội hóa, chuyển một phần chức năng xã hội của Nhà nước cho nhân dân thực hiện sẽ tác động trực tiếp đến tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, sẽ giảm được nhiều loại việc về dịch vụ công mà các cơ quan nhà nước đang làm. Giảm công việc thì đương nhiên cần và

(2) Văn kiện đđ, tr 108

có thể điều chỉnh tổ chức và lực lượng cán bộ, công chức cho phù hợp.

Để làm đúng chức năng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội trong cả nước, Chính phủ phải điều chỉnh chức năng, định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, để các bộ đảm nhiệm đầy đủ chức trách của mình theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Chính phủ, chủ động giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ. Với khối lượng công việc quản lý nhà nước rất to lớn, các mối quan hệ dọc và ngang càng chằng chịt, yêu cầu chỉ đạo, điều hành nhanh nhạy, kịp thời, Chính phủ không thể ôm đồm công việc của các bộ, của chính quyền các địa phương. Chính phủ và các bộ phải chuyển giao nhiều hơn, mạnh hơn, rành mạch hơn những nhiệm vụ, thẩm quyền có tính chất điều hành cụ thể, mà lâu nay Chính phủ, các bộ đang nắm giữ cho chính quyền địa phương tiếp nhận và thực hiện. Tăng thêm trách nhiệm, quyền hạn cho địa phương và cơ sở không chỉ thể hiện sự quan tâm của cấp trên đối với cấp dưới mà là vấn đề tổ chức và quản lý theo tinh thần khoa học, để xử lý đúng và nhanh các tình huống sát với hoàn cảnh và khả năng cụ thể, cũng là vấn đề dân chủ hóa công tác quản lý hành chính nhà nước. Phân công, phân cấp rõ hơn, nhiều hơn cho các địa phương để Chính phủ, các bộ tập trung trí lực vào nhiệm vụ quản lý vĩ mô. Tức là điều chỉnh một phần chức năng quản lý của Chính phủ, theo đó tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy và cách làm việc của các cơ quan trung ương. Những loại việc đã phân cấp, chuyển giao cho địa phương thì không cần có các tổ chức ở cơ quan trung ương trực tiếp chỉ đạo như trước nữa.

Tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của Chính phủ, của các bộ phải phù hợp với yêu cầu quản lý nền kinh tế thị trường. Nhà

nước là chủ thể tổ chức, điều khiển sự vận động và phát triển của thị trường theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, Chính phủ và cơ quan hành chính nhà nước các cấp phải quản lý để tạo ra sự thông thoáng và bình đẳng theo luật pháp một cách thực tế giữa các thành phần kinh tế, nhằm huy động tối đa nguồn nội lực to lớn đang tiềm ẩn trong xã hội. Phải vừa nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, vừa xác lập và bảo đảm chế độ tự chủ của các doanh nghiệp, cả của Nhà nước, của tập thể và tư nhân, để doanh nghiệp chủ động làm ăn có hiệu quả, có sức cạnh tranh; đồng thời, tuân thủ pháp luật, hoạt động một cách tự giác theo phương hướng của kế hoạch nhà nước. Bộ máy của Chính phủ và các bộ cần được điều chỉnh, đổi mới về tổ chức và cách làm việc để tăng năng lực nghiên cứu xây dựng thể chế, chính sách, điều hòa, phối hợp các lực lượng và thanh tra, kiểm tra. Cần cắt bỏ những khâu trung gian trong bộ máy quản lý hành chính vốn là sản phẩm của cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, khi cơ quan hành chính nhà nước trực tiếp chỉ huy các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổ chức và hoạt động của cơ quan quản lý hành chính phải thích ứng với tính đa dạng, sinh động của thị trường, gắn kết sản xuất với lưu thông và tiêu thụ sản phẩm, gắn quản lý sản xuất với quản lý thị trường. Các bộ có chức năng quản lý nhà nước về kinh tế cần được tổ chức theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết nhanh các vấn đề kinh tế liên ngành.

2 - Tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của Chính phủ, các bộ còn phụ thuộc vào yêu cầu, mục tiêu xây dựng, hoàn thiện hệ thống hành chính nhà nước hiện nay và những năm sắp tới.

Đại hội IX của Đảng khẳng định phải "xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ,

trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa⁽³⁾. Chương trình tổng thể cải cách hành chính 10 năm (2001 - 2010) đề ra mục tiêu chung là : Xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng ; phấn đấu đến năm 2010 hệ thống hành chính về cơ bản được cải cách phù hợp với yêu cầu quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bản chất dân chủ của nền hành chính nhà nước được biểu hiện qua tổ chức, hoạt động của bộ máy và con người trong bộ máy quản lý hành chính. Hoạt động của cơ quan chính quyền từ trung ương đến cơ sở phải tạo điều kiện thuận lợi cho sự làm ăn sinh sống của dân, của các thành phần kinh tế, chứ không vì yêu cầu quản lý mà gây phiền hà, khó khăn cho dân, cho các doanh nghiệp. Chính với quan niệm ấy, với ý thức bảo vệ quyền làm chủ của dân mà Chính phủ đã xác định khâu đột phá của cuộc cải cách hành chính trong giai đoạn đầu là cải cách thủ tục hành chính, xóa bỏ tình trạng thủ tục hành chính rườm rà, rắc rối mà cán bộ, công chức đã dựa vào đó gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân. Tính chất dân chủ của nền hành chính còn được thể hiện ở chế độ làm việc của cơ quan hành chính trong quan hệ nội bộ và quan hệ với dân. Cơ quan chính quyền phải coi trọng và biết cách tổ chức thu thập ý kiến của dân, của cấp dưới trước khi quyết định các chủ trương quan trọng ; làm việc này một cách thiết thực, có chiều sâu, chứ không làm hình thức, chiếu lệ.

Chính phủ tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, với những quy định cụ thể về trách nhiệm tập thể và trách nhiệm cá nhân. Chính phủ thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số những vấn đề quan

trọng. Thủ tướng là người đứng đầu, lãnh đạo công tác của Chính phủ, chịu trách nhiệm cá nhân trước Quốc hội ; có quyền quyết định các chủ trương, biện pháp cần thiết để điều hành hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở. Đó là hai cơ chế hoạt động khác nhau nhưng gắn kết với nhau, cần được xác định rõ để bố trí tổ chức và cách làm việc phù hợp, quyết định rành mạch, trách nhiệm rõ ràng.

Trong cơ cấu nhân sự của Chính phủ ta, có Thủ tướng và các Phó Thủ tướng. Thủ tướng và các Phó Thủ tướng không phải là một tập thể lãnh đạo, mà Phó Thủ tướng giúp Thủ tướng điều hành hoạt động của Chính phủ theo sự phân công của Thủ tướng. Ở các bộ và cơ quan ngang bộ cũng vậy, bộ trưởng và các thứ trưởng không phải là một tập thể lãnh đạo, mà là quan hệ chỉ đạo theo chế độ thủ trưởng. Thứ trưởng giúp bộ trưởng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước bộ trưởng. Về cách làm việc, cần thường xuyên trao đổi ý kiến, hội ý hội báo, nhưng về nguyên tắc, phải định rõ trách nhiệm và thẩm quyền. Sự phân công các thứ trưởng phụ trách các mặt công tác không được dẫn đến tình trạng phân tán, tách rời các khối công việc, không bảo đảm trách nhiệm và quyền hạn cá nhân của bộ trưởng trong toàn bộ lĩnh vực mà bộ có trách nhiệm quản lý. Thẩm quyền và trách nhiệm của bộ chính là thẩm quyền và trách nhiệm của bộ trưởng.

Chính phủ đặt ra mục tiêu xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp là vì : không thể quản lý nhà nước có hiệu lực, hiệu quả cao, nếu không có một đội ngũ công chức được đào tạo và bồi dưỡng đầy đủ về phẩm chất và năng lực, có trình độ chuyên sâu về quản lý nhà nước, thành thạo công việc. Công chức hành

(3) Văn kiện đd, tr 133

chính là một nghề, nên người công chức phải là cán bộ chuyên nghiệp, được bố trí công tác ổn định, tích lũy được kinh nghiệm thực tế trong công tác quản lý hành chính. Chính do quan niệm không rõ về nghiệp vụ, năng lực chuyên môn của công chức hành chính, do cách đào tạo và sử dụng cán bộ thiếu quy hoạch lâu dài, nên các cơ quan nhà nước ta ít có cán bộ giỏi về quản lý hành chính. Tuy nhiên, không phải mọi cán bộ trong hệ thống hành chính nhà nước đều là công chức chuyên nghiệp. Những cán bộ lãnh đạo được bầu hoặc cử ra theo nhiệm kỳ của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp không phải là công chức chuyên nghiệp, nhưng phải được bồi dưỡng về trình độ, năng lực quản lý hành chính nhà nước sát với từng chức trách được giao.

Chức năng, trách nhiệm quản lý kinh tế - xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đòi hỏi Chính phủ và cơ quan quản lý hành chính các cấp phải từng bước hiện đại hóa mình về tổ chức và phương thức hoạt động, xóa bỏ dần cách làm việc thủ công, thiếu khoa học. Trình độ hiện đại của nền hành chính được thể hiện chủ yếu ở đội ngũ cán bộ, công chức có kiến thức khoa học, sử dụng được tri thức khoa học vào công việc quản lý hành chính ; ở tổ chức bộ máy được xây dựng một cách khoa học, tức là tinh và gọn, chức trách rành mạch, hoạt động ăn khớp, không có sự chồng chéo, trùng lặp ; ở cách làm việc khoa học, tức là trách nhiệm, thẩm quyền rõ ràng, giải quyết công việc dứt khoát và nhanh, có phương pháp khoa học để đánh giá chất lượng và hiệu quả. Mức độ hiện đại được đánh giá bằng năng lực sáng tạo qua hiệu quả, hiệu suất trong công việc thực tế, chứ không chỉ qua bằng cấp của cán bộ, công chức, cũng không chỉ bằng số lượng thiết bị kỹ thuật được sử dụng.

3 - Việc xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của cơ quan

hành chính phải kết hợp chặt chẽ với đổi mới, hoàn thiện công tác lập pháp và giám sát của Quốc hội, với cải cách tư pháp, với xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Ở nước ta, các chức năng lập pháp, hành pháp và tư pháp gắn chặt với nhau trong một cơ cấu quyền lực nhà nước thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hầu như mọi vấn đề lớn về quản lý hành chính đều có quan hệ trực tiếp với việc xây dựng và ban hành luật, tổ chức thi hành luật, bảo vệ pháp luật, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Quốc hội quyết định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, của Thủ tướng, của các bộ và bộ trưởng, của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. Trong nhiều văn bản luật, Quốc hội quyết định cả tổ chức và nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước đối với một ngành, một lĩnh vực. Hiện nay đang cần tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan lập pháp và cơ quan hành chính để nhanh chóng khắc phục hai điểm yếu trong việc xây dựng luật và tổ chức thi hành luật là : phân công và trách nhiệm chưa rõ trong việc soạn thảo các văn bản luật, pháp lệnh, chưa có tổ chức đủ mạnh để thẩm định chất lượng các dự luật ; kéo dài tình trạng luật được ban hành rồi nhưng phải chờ nghị định của Chính phủ và thông tư hướng dẫn của các bộ rồi mới thực sự được thi hành. Tổ chức và hoạt động của Chính phủ và các bộ có liên hệ mật thiết với các cơ quan tư pháp. Cần có sự phối hợp chặt chẽ để xử lý đúng và nhanh những vấn đề bức xúc, nóng hổi, quan hệ trực tiếp đến đời sống, quyền và nghĩa vụ của người dân, như giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, điều tra và khởi tố, tổ chức thi hành án...

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất của Đảng. Các vấn đề lớn về đường lối, chính sách, tổ chức bộ máy và nhân sự của

Chính phủ và chính quyền địa phương đều phải cần sự lãnh đạo của Đảng. Vì thế, việc đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của các cơ quan hành chính không thể đạt kết quả nếu không gắn kết chặt chẽ với xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Hầu hết cán bộ có chức, có quyền trong cơ quan quản lý hành chính nhà nước là đảng viên. Ở hầu hết cơ quan nhà nước từ trung ương đến cơ sở có tổ chức đảng. Trong điều kiện ấy, việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng đòi hỏi mỗi đảng viên công tác ở các cơ quan nhà nước phải là một công chức cần mẫn, liêm khiết và có năng lực; mỗi tổ chức đảng, cấp ủy đảng lãnh đạo cơ quan chính quyền cần đúng với tinh thần Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, không buông lỏng lãnh đạo chính trị, cũng không làm thay công việc của chính quyền, là nhân tố quyết định kết quả đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

4 - Trung ương Đảng và Quốc hội rất quan tâm theo dõi tiến trình cải cách hành chính để đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính. Đảng và Nhà nước đã nhiều lần nhận xét, phê bình sự chỉ đạo cải cách hành chính là chậm, thiếu kiên quyết. Thủ tướng Chính phủ đã tự phê bình trước Quốc hội và nhân dân về sự chậm trễ đó và đang tích cực khắc phục, tìm biện pháp đẩy nhanh tiến độ cải cách hành chính.

Một trong những lý do chính dẫn đến sự chậm trễ của tiến trình đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước là: cải cách hành chính chưa phải là mối quan tâm sâu sắc hằng ngày của những người lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước ở các ngành, các cấp. Các biện pháp chỉ đạo từ trung ương trong thời gian vừa qua chưa đúng với tầm quan trọng của cải cách hành

chính là trọng tâm xây dựng và hoàn thiện nhà nước. Vì thế, những chủ trương lớn về đổi mới bộ máy nhà nước, cải cách nền hành chính nhà nước tuy được đề ra gần như đồng thời với các chủ trương cải cách kinh tế nhưng lại thực hiện rất khó khăn. Cụ thể là, chưa "phát động" được đông đảo cán bộ, công chức là lực lượng trực tiếp thực thi các nhiệm vụ cụ thể về cải cách hành chính. Khá nhiều cán bộ, công chức nhận thức không rõ, không sâu về vai trò và phương thức quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về yêu cầu xây dựng nền hành chính dân chủ và hiện đại... Các cấp ủy đảng và các thủ trưởng cơ quan nhà nước chỉ đạo không chặt và không sâu công tác tư tưởng đối với đảng viên, công chức nhà nước.

Muốn đổi mới, cải cách được tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước, phải giải quyết nhiều vấn đề từ nghiên cứu lý luận, khảo sát và tổng kết thực tiễn đến xây dựng, đổi mới cơ chế và chính sách, tổ chức và cán bộ. Nhưng điều cốt yếu là, các cấp ủy đảng phải giáo dục và kiểm tra đảng viên trong cơ quan nhà nước, trước hết là những cán bộ giữ cương vị quản lý, chỉ huy, về ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng nhà nước, khắc phục thái độ thụ động của đảng viên, công chức, thái độ thiếu kiên quyết, dè dặt và do dự của nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý. Thực chất của những biểu hiện đó chính là tư tưởng ngại khó, né tránh khó khăn, ngại va chạm, không muốn sửa đổi những bất hợp lý đã rõ về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy hoặc lấy cớ là sợ gây ra xáo trộn, làm mất ổn định trong cơ quan, trong cán bộ, nhân viên. Nói tóm lại là, phải xóa bỏ cho được tàn dư của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp còn có ảnh hưởng khá nặng nề trong nếp nghĩ và cách làm của không ít cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước. □

VẤN ĐỀ CÁN BỘ TRONG TÁC PHẨM "SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC" CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

LÊ HỮU NGHĨA*

NẾU tác phẩm **"Đường Kách mệnh"** của đồng chí Nguyễn Ái Quốc (tức Hồ Chí Minh) là một trong những văn kiện lý luận quan trọng đầu tiên nhằm truyền bá Chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào phong trào cách mạng Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam làm cơ sở cho đường lối cách mạng của Đảng, thì tác phẩm **"Sửa đổi lối làm việc"**, viết năm 1947 với bút danh XYZ, trong lúc nhân dân ta đang tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, là một văn kiện có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, nhằm giáo dục cán bộ, đảng viên, xây dựng và củng cố Đảng, góp phần đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi vẻ vang.

Đọc tác phẩm **"Sửa đổi lối làm việc"**, càng nghiền ngẫm, càng đem lại cho chúng ta những nhận thức sâu sắc, những kinh nghiệm sống vô cùng bổ ích. Đặc biệt, chương viết về cán bộ, đã soi sáng cho cán bộ lãnh đạo các cấp của Đảng về công tác xây dựng cán bộ, chỉnh đốn Đảng - một vấn đề có ý nghĩa chiến lược, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ **"Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu**

về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân"⁽¹⁾. Đó là sự đảm bảo cho thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vì vậy, **"Sửa đổi lối làm việc"** có thể nói là quyển sách gối đầu giường của mỗi người cán bộ cách mạng, là một trong những di sản quý báu của tư tưởng Hồ Chí Minh.

"Sửa đổi lối làm việc" đã đề cập khá toàn diện về công tác xây dựng Đảng, nội dung vừa có tính khái quát vừa có tính cụ thể, sinh động và có ý nghĩa thời sự nóng hổi đối với sự nghiệp cách mạng của chúng ta hiện nay. Tác phẩm gồm 6 chương : *Chương I* đề cập vấn đề phê bình và sửa chữa ; *Chương II* nêu một số kinh nghiệm có tính chất tổng kết ; *Chương III* nói về tư cách và đạo đức cách mạng ; *Chương IV* nói về cán bộ ; *Chương V* nói về cách lãnh đạo ; *Chương VI* phê phán thói ba hoa.

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc Thường trực Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 141

Trong Chương IV - (viết về cán bộ), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiều nội dung phong phú, sinh động.

Mở đầu Chương IV, Người nói về huấn luyện cán bộ. Người cho rằng cán bộ là cái gốc của mọi việc, vì họ là người đem chính sách của Đảng và Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời, đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng. Vì vậy, huấn luyện cán bộ cũng là công việc gốc của Đảng. Hồ Chí Minh nêu lên những khuyết điểm của công tác huấn luyện cán bộ lúc đó. Người nêu ví dụ như : huấn luyện cán bộ hành chính mà không đụng đến công việc hành chính ; còn dạy chính trị thì mênh mông, không thiết thực, học rồi không dùng được ; cán bộ phần đông là công nông, văn hóa còn thấp, nhưng Đảng chưa tìm đủ cách để nâng cao trình độ văn hóa của họ ; huấn luyện lý luận cho cán bộ cao cấp, đến nay chưa làm, hoặc làm chưa đúng. Lý luận và thực tế không ăn khớp với nhau, dạy theo cách học thuộc lòng. Người coi đây là điều Đảng nên sửa chữa ngay và đề ra cách sửa chữa.

Về huấn luyện nghiệp vụ, phải thực hiện khẩu hiệu làm việc gì học việc ấy. Các cơ quan lãnh đạo của mỗi môn phải gom góp tài liệu, sắp xếp cách dạy và học, kiểm tra kết quả, sao cho cán bộ trong môn mình dần dần đi đến thạo công việc.

Về huấn luyện chính trị, tập trung huấn luyện thời sự và chính sách. Huấn luyện chính trị môn nào cũng phải học. Nhưng phải tùy theo mỗi môn mà quy định nhiều hay ít. Thí dụ : cán bộ chuyên môn về y tế thì học ít hơn, còn cán bộ về tuyên truyền, tổ chức thì học nhiều hơn.

Về huấn luyện văn hóa, đây là việc rất quan trọng, nhất là đối với những cán bộ còn kém văn hóa. Cán bộ có thể thay phiên nhau đi học.

Lớp văn hóa phải theo trình độ văn hóa cao hay thấp mà đặt lớp, chứ không theo cấp bậc cán bộ cao hay thấp.

Về huấn luyện lý luận, những cán bộ cao, trung cấp có sức nghiên cứu lý luận, ngoài việc học tập chính trị và nghiệp vụ, cần học thêm lý luận. Học lý luận không phải theo kiểu nhồi nhét, xa rời công tác thực tế, thành lý luận suông, mà phải gắn với việc nghiên cứu công tác thực tế, kinh nghiệm thực tế. Lúc học rồi, có thể tự mình làm ra phương hướng chính trị, có thể làm những công việc thực tế, có thể trở nên người tổ chức và lãnh đạo. Thế là lý luận thiết thực, có ích.

Vấn đề huấn luyện cán bộ mà Hồ Chí Minh đề cập cho ta thấy ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác này lúc bấy giờ. Nội dung và cách huấn luyện rất phù hợp với hoàn cảnh của cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ mà nhân dân ta đang tiến hành. Ngày nay, trình độ mọi mặt của cán bộ đã phát triển rất nhiều so với thời điểm đó. Công tác huấn luyện cán bộ cũng đã có những bước tiến mới nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới. Cũng chính vì vậy, một số cách thức mà Hồ Chí Minh đề ra trong huấn luyện nghiệp vụ, huấn luyện chính trị và huấn luyện lý luận càng có ý nghĩa thực tiễn đối với chúng ta.

Hồ Chí Minh cho rằng : Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Đảng phải nuôi dạy cán bộ như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng dụng nhân tài, trọng dụng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta. Đảng là một đoàn thể đấu tranh, trong cuộc đấu tranh thường hao tổn một số cán bộ quý báu. Vì vậy, chúng ta càng phải quý cán bộ, bổ sung cán bộ, phải giữ gìn cán bộ cũ và đào tạo cán bộ mới.

Theo Hồ Chí Minh, mặt trận dân tộc ngày càng rộng, nảy nở ra hàng ngàn, hàng vạn người hăng hái tham gia vào Đảng ta. Họ hăng hái nhưng lý luận còn thiếu, kinh nghiệm còn ít. Trong công tác, họ thường gặp vấn đề to tát, họ phải tự giải quyết. Vì vậy, chúng ta cần phải đặc biệt chú ý săn sóc họ. Do đó, vấn đề cán bộ rất trọng yếu, rất cần kíp.

Muốn dùng cán bộ trước hết phải hiểu biết cán bộ. Muốn hiểu biết cán bộ trước hết phải biết tự mình, phải biết đúng sự phải trái của mình thì mới biết đúng sự phải trái của người ta. Nếu không biết sự phải trái của mình thì chắc không nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu. Hồ Chí Minh phê phán những chứng bệnh mà người lãnh đạo hay mắc phải như : tự cao, tự đại ; ưa người ta nịnh mình ; đem lòng yêu ghét của mình mà đối với người ; đem một cái khuôn khổ chật hẹp nhất định mà lấp vào tất cả mọi người khác nhau. Người lãnh đạo phạm một trong bốn bệnh đó thì cũng như mắt đã mang kính màu, không bao giờ thấy rõ cái mặt thật của những cái mình trông.

Hồ Chí Minh nêu lên quan điểm biện chứng trong việc nhận xét cán bộ. Trong thế giới, cái gì cũng biến hóa, tư tưởng của con người cũng biến hóa, nên cách xem xét cán bộ cũng phải biến hóa. Thí dụ : có người khi trước theo cách mạng mà nay lại phản lại cách mạng. Thậm chí có người nay đang theo cách mạng, sau này có thể phản cách mạng. Một cán bộ trước có sai lầm, nhưng chắc gì sau này họ không bị sai lầm. Quá khứ, hiện tại và tương lai của mọi người không phải luôn giống nhau. Vì vậy, nhận xét cán bộ không nên nhận xét ngoài mặt, không nên chỉ xét một lúc, một việc mà phải xét kỹ cả toàn bộ công việc của họ. Hồ Chí Minh phê phán những bệnh thường mắc phải trong việc dùng cán bộ như : ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho họ là chắc chắn hơn người ngoài ; ham dùng những

kẻ khéo nịnh mình mà chán ghét những người chính trực ; ham dùng những người tính tình hợp với mình, mà tránh những người tính tình không hợp với mình.

Kết quả là, họ làm bậy mà mình vẫn cứ bao dung, che chở, bảo hộ, khiến cho họ ngày càng hư hỏng. Còn đối với những người chính trực thì bới lông tìm vết để trả thù. Như thế, cố nhiên, hỏng cả công việc của Đảng, hỏng cả danh giá của người lãnh đạo.

Hồ Chí Minh nêu lên bốn tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ. *Thứ nhất* là, những người đã tỏ ra trung thành và hăng hái công việc và trong đấu tranh. *Thứ hai* là, những người liên lạc mật thiết với dân, hiểu biết dân, luôn chú ý đến lợi ích của dân. Như thế dân mới tin cậy và nhận cán bộ đó là người lãnh đạo của họ. *Thứ ba* là, những người có thể phụ trách giải quyết các vấn đề trong những hoàn cảnh khó khăn. Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải người lãnh đạo. Người lãnh đạo đúng cần phải : khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo. Khi thi hành các nghị quyết, gan góc không sợ khó khăn. *Thứ tư* là, những người luôn luôn giữ đúng kỷ luật. Trên cơ sở những tiêu chuẩn đó mà lựa chọn cán bộ và phải biết cách dùng cán bộ cho đúng. Theo Hồ Chí Minh, người lãnh đạo phải có độ lượng vĩ đại thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư, không thành kiến, khiến cho cán bộ khỏi bị bỏ rơi.

Phải có tinh thần rộng rãi, mới có thể nâng đỡ những đồng chí còn kém, giúp họ tiến bộ ;

Phải sáng suốt mới khỏi bị bọn vu vơ bao vây mà xa lánh cán bộ tốt ; phải có thái độ vui vẻ, thân mật, các đồng chí mới vui lòng gần gũi mình.

Muốn cho cán bộ yên tâm làm việc, theo Người, phải có gan cất nhắc cán bộ. Cất nhắc cán bộ phải vì công tác, tài năng, vì cổ động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Như thế

công việc nhất định chạy. Nếu vì lòng yêu ghét, vì thân thích, vì nể nang nhất định không ai phục, mà gây nên lối lối thôi trong Đảng. Như thế là có tội với Đảng, với đồng bào.

Phải khiến cho cán bộ có gan nói, có gan đề ra ý kiến phê bình ưu, khuyết điểm của lãnh đạo. Như thế, chẳng những không phạm gì đến uy tín của người lãnh đạo mà lại tỏ ra dân chủ, thật thà trong Đảng.

Phải khiến cho cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc. Có nhiều việc hay, dở, một phần do cán bộ có đủ năng lực hay không. Nhưng một phần cũng do cách lãnh đạo có đúng hay không. Năng lực của con người không phải hoàn toàn do tự nhiên mà có, mà phần lớn là do công tác, do tập luyện mà có. Lãnh đạo khéo, tài nhỏ có thể hóa ra tài to, lãnh đạo không khéo tài to cũng hóa ra tài nhỏ.

Cũng theo Hồ Chí Minh, trước khi giao công tác cho cán bộ, phải bàn kỹ với họ. Nếu họ gánh không nổi, chớ miễn cưỡng trao việc đó cho họ. Khi đã trao cho họ thì cần phải chỉ đạo rõ ràng, sắp xếp đầy đủ, vạch rõ những điểm chính và những khó khăn có thể xảy ra. Một khi đã quyết định rồi thì thả cho họ làm, khuyên họ cứ cả gan làm và phải hoàn toàn tin họ. Nếu không tin cán bộ, sợ họ làm không được, rồi việc gì mình cũng nhúng vào, kết quả thành chứng bao biện mà công việc vẫn không xong. Cán bộ thì vớ vẩn cả ngày, sinh ra buồn rầu, nản chí.

Vấn đề thương yêu cán bộ được Chủ tịch Hồ Chí Minh phân tích một cách sâu sắc, giàu lòng nhân ái. Người cho rằng, không phải vài ba tháng, hoặc vài ba năm đã đào tạo được người cán bộ tốt mà cần phải công tác, tranh đấu, huấn luyện lâu năm mới được. Trái lại, trong lúc tranh đấu rất dễ mất cán bộ. Vì vậy, Đảng phải thương yêu cán bộ. Thương yêu không phải là vỗ về, nuông chiều, thả mặc mà là giúp đỡ cán bộ để họ tiến bộ; giúp họ giải

quyết những vấn đề khó khăn trong sinh hoạt, khi họ đau ốm được chăm nom, v.v.. Thương yêu là luôn luôn chú ý đến công tác của họ. Thấy họ có khuyết điểm thì giúp họ sửa chữa ngay. Đồng thời nêu rõ những ưu điểm, những thành công của họ, nhưng không làm cho họ kiêu căng, mà làm cho họ thêm hăng hái, thêm gắng sức, vun đắp chí khí của họ để đi đến chỗ "bại không nản, thắng không kiêu". Vì kiêu ngạo là bước đầu của thất bại.

Đối với cán bộ mắc sai lầm, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, ta không sợ sai lầm và khuyết điểm, chỉ sợ không chịu cố gắng sửa chữa. Và càng sợ, người lãnh đạo không biết tìm cách đúng để giúp cán bộ sửa chữa sai lầm. Cách đúng ở đây là, người lãnh đạo phải giúp đỡ họ một cách chí tình, làm cho họ tự giác thấy được nguyên nhân của sai lầm và tác hại của nó, để có biện pháp sửa chữa một cách tích cực và hiệu quả. Không phải vì một sai lầm to lớn mà đã vội cho họ là "cơ hội chủ nghĩa", đã "cảnh cáo", đã "tạm khai trừ". Những cách quá đáng như thế đều không đúng. Sửa chữa sai lầm một phần là trách nhiệm của người phạm sai lầm, một phần cũng là trách nhiệm của người lãnh đạo. Sửa chữa sai lầm bằng giải thích, thuyết phục, cảm hóa, dạy bảo là điều nên làm, nhưng không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Vấn đề là phải phân tích rõ ràng mức độ sai lầm nặng hay nhẹ một cách thấu tình, đạt lý mà dùng hình thức xử phạt cho đúng.

Hồ Chí Minh kết luận: Cách đối xử với cán bộ là một điểm trọng yếu trong tổ chức công việc. Cách đối xử có khéo, có đúng thì mới thực hiện được nguyên tắc "vấn đề cán bộ quyết định mọi việc". Phê bình, xử phạt cho đúng chẳng những không làm mất thể diện và uy tín của cán bộ, của Đảng. Trái lại còn làm cho sự lãnh đạo mạnh mẽ hơn, thiết thực hơn, do đó mà uy tín thể hiện càng tăng thêm. □

VỀ CHẾ ĐỘ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ

LÊ ĐỨC BÌNH*

VIỆC nhận xét, đánh giá cán bộ đã có quy chế của Bộ Chính trị từ mấy năm nay, nhưng số nơi thực hiện có nền nếp chưa nhiều, có những nơi thực hiện nhưng chất lượng thấp, tác dụng hạn chế. Tình trạng nhận xét chung chung, đánh giá cán bộ không rõ ràng là khá phổ biến.

Có thể có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân đầu tiên là có những cán bộ lãnh đạo còn nể nang, thiếu chân thành, thẳng thắn. Khi đối diện với cán bộ thì nói ưu điểm nhiều lên, nói khuyết điểm nhẹ đi vì ngại mất lòng, sợ đến dịp bầu cử hoặc lấy phiếu tín nhiệm mình sẽ bị mất phiếu, hoặc mình cũng có tật, "dễ với người dễ người dễ với mình". Một biểu hiện khác của bệnh nể nang là, dựa dẫm vào người đứng đầu, chê hay khen là dựa theo ý của người đứng đầu, không dám nói thật chính kiến của mình. Một nguyên nhân cũng không kém phần quan trọng là người lãnh đạo quan liêu, phong cách làm việc đại khái, ít kiểm tra đôn đốc, không sâu sát công việc của cán bộ, không sâu sát cơ sở và quần chúng, nên không đánh giá đúng ưu điểm và khuyết điểm, mặt mạnh và mặt yếu của cán bộ, không nắm được những diễn biến trong tư tưởng và đời sống của cán bộ. Do không hiểu rõ cán bộ, nên việc nhận xét rất hời hợt, thậm chí sai lệch, người kém nhưng khéo lấy lòng thủ trưởng thì được coi là cán bộ tốt, giỏi ; còn người giỏi, cương trực, thẳng thắn thì có khi bị thành kiến.

Để khắc phục tình trạng quản lý và đánh giá cán bộ đang là khâu yếu hiện nay như trong Kết luận của Hội nghị Trung ương 6, khóa IX đã nêu, một trong những việc quan trọng là cần làm tốt chế độ nhận xét, đánh giá cán bộ. Cụ thể là :

1- Trước hết, cần nhận rõ ý nghĩa, mục đích của việc nhận xét, đánh giá cán bộ. Một chức trách hàng đầu của cơ quan lãnh đạo và người thủ trưởng là quản lý cán bộ cấp dưới quyền, trong đó nhận xét, đánh giá cán bộ là khâu quan trọng đầu tiên của công tác quản lý cán bộ, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng cán bộ. Chỉ trên cơ sở nhận xét, đánh giá cán bộ một cách chính xác, cơ quan lãnh đạo mới có thể bố trí, sử dụng cán bộ đúng chỗ, đúng việc ; mới có thể lập quy hoạch cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ đúng hướng, có hiệu quả. Cơ quan lãnh đạo và người thủ trưởng cấp trên hằng ngày giao việc và theo dõi, kiểm tra công việc của cán bộ, hơn ai hết phải là người nắm chắc cán bộ, hiểu rõ kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, biết được ưu điểm, nhược điểm của cán bộ về phẩm chất chính trị, năng lực công tác và đạo đức lối sống. Đây còn là thể hiện trách nhiệm của cơ quan lãnh đạo và người thủ trưởng đối với cán bộ thuộc diện mình được phân công, phân cấp quản lý. Người cán bộ nào cũng mong muốn được cấp trên gần gũi đi sát, thông cảm và giúp đỡ giải quyết những khó khăn trong công tác ; mong cấp trên biết được những ưu điểm và cố gắng để động viên phát huy hơn nữa ; đồng thời được chỉ ra những yếu kém về năng lực hoặc phong cách, đạo đức để phấn đấu sửa chữa và tiến bộ.

* Hội đồng Lý luận Trung ương

Chủ tịch Hồ Chí Minh khi bàn về công tác cán bộ đã nhấn mạnh việc trước tiên là : "**Phải biết rõ cán bộ** - Từ trước đến nay, Đảng ta chưa thực hành cách thường xem xét cán bộ. Đó là một khuyết điểm to. Kinh nghiệm cho ta biết : mỗi lần xem xét lại nhân tài, một mặt thì tìm thấy những nhân tài mới, một mặt khác thì những người hủ hóa cũng lòi ra"⁽¹⁾.

Thực hiện chế độ nhận xét, đánh giá cán bộ chính là làm theo lời dạy ấy của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2- Chế độ nhận xét, đánh giá cán bộ có quan hệ mật thiết và cần kết hợp chặt chẽ với chế độ phê bình và tự phê bình. Bản thân người cán bộ nghiêm túc tự phê bình và chi bộ, cấp ủy nơi cán bộ đó sinh hoạt thực hiện tốt chế độ phê bình là cơ sở quan trọng để cấp trên nhận xét, đánh giá cán bộ chính xác. Chỉ với tinh thần tự giác của cán bộ thì việc nhận xét, đánh giá của cấp trên mới đem lại hiệu quả, giúp cán bộ đó tiến bộ. Mặt khác, cần thấy rằng chế độ tự phê bình và phê bình dù làm tốt đến đâu cũng không thể thay thế cho chế độ nhận xét, đánh giá cán bộ được. Chế độ tự phê bình và phê bình được thực hiện trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy đảng hoặc trong nội bộ đơn vị công tác. Còn chế độ nhận xét, đánh giá cán bộ là chức năng, trách nhiệm của thủ trưởng và cấp ủy cấp trên đối với cán bộ thuộc diện mình quản lý.

Để nhận xét, đánh giá cán bộ chính xác, cần phát huy dân chủ, dựa vào quần chúng, dựa vào các đoàn thể nhân dân ở đơn vị, cơ quan và nơi cư trú giám sát, góp ý kiến nhận xét, phê bình cán bộ. Người cán bộ lãnh đạo nên biết quần chúng và cấp dưới nhìn nhận và khen chê người cán bộ đó thế nào. Được như vậy, cơ quan lãnh đạo cấp trên có thêm thông tin để cân nhắc, nhận xét, đánh giá cán bộ một cách toàn diện và chính xác.

3- Người lãnh đạo cần có cái tâm trong sáng, khách quan, chí công vô tư, không cảm tình riêng, dễ dãi với cán bộ này hay thành

kiến, khắt khe với cán bộ kia. Mặt khác, cần có thái độ chân thành, thẳng thắn, thương yêu cán bộ, vì sự tiến bộ của cán bộ và vì lợi ích chung của Đảng, của cách mạng. Chỉ như vậy, việc nhận xét, đánh giá cán bộ mới công tâm và chính xác. Người cán bộ có phong cách sâu sát, không chỉ nghe cán bộ báo cáo trong các cuộc họp mà thường xuyên đi kiểm tra công việc của cấp dưới, gần gũi cán bộ, sâu sát cơ sở để hiểu rõ những thuận lợi và khó khăn của cán bộ trong quá trình thực hiện công việc được giao để có biện pháp giúp đỡ họ hoàn thành nhiệm vụ. Nếu người lãnh đạo quan liêu, không hiểu việc, hiểu người thì việc nhận xét, đánh giá cán bộ không thể chính xác.

4- Việc cơ quan nhận xét, đánh giá cán bộ cần được tiến hành dân chủ, công khai, trực tiếp với cán bộ. Cán bộ cấp dưới tự phê bình trước lãnh đạo, trực tiếp thu nhận những nhận xét và góp ý của lãnh đạo, đồng thời có thể nói lên tâm tư, nguyện vọng của mình với lãnh đạo. Nếu cán bộ thấy cấp trên có việc hiểu nhầm, đánh giá sai về mình thì yêu cầu được trình bày lại, đối thoại dân chủ. Cần khắc phục tình trạng thường diễn ra ở một số nơi là, lãnh đạo khi họp riêng thì đưa ra những nhận xét này nọ về cán bộ dưới quyền, nhưng khi gặp họ thì nể nang, tránh né, không nói thẳng thắn, chân thành, làm cho cán bộ mang nặng tâm tư, thắc mắc nhưng không có dịp bạch bạch với lãnh đạo, dễ gây tổn thương đến mối quan hệ giữa người lãnh đạo và cán bộ.

Nhận xét, đánh giá cán bộ là việc hệ trọng, thậm chí có quan hệ đến sinh mệnh chính trị của họ. Vì vậy, phải do tập thể cơ quan lãnh đạo tiến hành, chứ không thể chỉ riêng một người, kể cả người đứng đầu được quyết định một mình. Không nên chỉ giao cho cấp ủy nơi cán bộ công tác tiến hành nhận xét, đánh giá rồi báo cáo lên cấp trên để biết và thông qua.

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 274

Làm như vậy mới chỉ thực hiện chế độ phê bình và tự phê bình của cấp dưới, chứ chưa phải là chế độ cơ quan lãnh đạo nhận xét, đánh giá cán bộ ; chưa làm tròn trách nhiệm của cơ quan lãnh đạo đối với diện cán bộ được phân công, phân cấp quản lý.

Với việc thực hiện chế độ nhận xét, đánh giá cán bộ một cách công khai, dân chủ, trực tiếp như vậy thì những lời nhận xét của từng thành viên cơ quan lãnh đạo cấp trên cũng như ý kiến tiếp thu của cán bộ được ghi biên bản lưu vào hồ sơ cán bộ. Sau này, qua thực tiễn công tác sẽ kiểm nghiệm những nhận xét của người lãnh đạo chính xác hay sai lệch, có sâu sát, công tâm hay không ; cũng như có thể kiểm nghiệm thái độ tự phê bình và tiếp thu của người cán bộ đó có nghiêm túc hay không.

Về phương pháp đánh giá cán bộ, gần đây chúng ta thường bàn luận xem nên áp dụng phương pháp tính điểm hay là lấy biểu quyết không ký tên để bảo đảm khoa học và khách quan. Theo tôi nghĩ, dù áp dụng phương pháp nào thì cái "gốc" vẫn là tiến hành nhận xét, đánh giá một cách dân chủ, công khai, trực tiếp với cán bộ. Bảng tính điểm hoặc phiếu biểu quyết không thể nói rõ nội hàm của nó là cái gì. Ví dụ, ghi phiếu biểu quyết là không hoàn thành nhiệm vụ hoặc cho điểm về hoàn thành nhiệm vụ là 3 điểm (nghĩa là điểm kém). Cách làm này rất chung chung, trừu tượng. Người cán bộ đó không hiểu đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ nào, không phân tích rõ bản chất và nguyên nhân của sự việc, cán bộ phạm phải khuyết điểm gì, về nhận thức quan điểm, về năng lực tổ chức, về tác phong công tác hay vì cái gì. Do vậy, không giúp cho cán bộ đó biết phương hướng và biện pháp sửa chữa.

5- Nhận thức rõ ý nghĩa và có quyết tâm cao, đồng thời có kế hoạch và phương pháp làm thích hợp với việc thực hiện chế độ định kỳ nhận xét cán bộ. Danh mục cán bộ mỗi cấp ủy được phân cấp quản lý thường khá nhiều,

không thể làm vội đồng loạt mà trước hết hãy tập trung làm một số cán bộ chủ chốt. Ví dụ : Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy tiến hành nhận xét số bí thư huyện ủy và giám đốc sở, trưởng ban cấp tỉnh ; Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiến hành nhận xét các bộ trưởng và bí thư tỉnh ủy, thành ủy, chưa mở rộng đến các cán bộ khác trong danh mục quản lý của mình. Về thời gian tiến hành đánh giá, đối với cán bộ giữ chức vụ bầu cử nên khoảng hai năm rưỡi (tức là một nhiệm kỳ 5 năm được nhận xét, đánh giá 2 lần) ; đối với cán bộ bổ nhiệm thì nhận xét, đánh giá trước khi bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại. Quá trình làm không nên tập trung vào cuối năm hay cuối nhiệm kỳ.

Việc thực hiện chế độ định kỳ nhận xét cán bộ nên có sự chuẩn bị chu đáo, có kế hoạch, quy trình cụ thể, rõ ràng. Đầu tiên, bản thân cán bộ được nhận xét làm bản tự phê bình, chỉ bộ và cấp ủy cấp dưới góp ý phê bình và có biên bản nhận xét cụ thể. Sau đó, các cơ quan tham mưu như ban tổ chức, ban kiểm tra, ban quản lý khối, ngành v.v., có cán bộ đó gửi ý kiến nhận xét của mình. Những tài liệu này là cơ sở để các đồng chí lãnh đạo nghiên cứu và chuẩn bị ý kiến đánh giá, kết luận. Cuộc họp thường vụ cấp ủy để nhận xét cán bộ không nhất thiết phải có mặt đông đủ các thành viên, mà có thể phân công một số đồng chí có quan hệ nhiều đến công tác của cán bộ đó, như : đồng chí bí thư hoặc phó bí thư thường trực, một đồng chí chủ chốt bên chính quyền, đồng chí phụ trách khối có cán bộ đó, đồng chí phụ trách tổ chức, kiểm tra... Để việc định kỳ nhận xét cán bộ đạt chất lượng tốt, điều quan trọng nhất vẫn là thái độ phê bình nghiêm túc, chân thành, thẳng thắn trên tinh thần đồng chí.

Thực hiện tốt chế độ nhận xét, đánh giá cán bộ là thiết thực tăng cường công tác quản lý cán bộ, góp phần quán triệt việc chấp hành Kết luận Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tổ chức và cán bộ. □

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG QUYẾT CHIẾN QUYẾT THẮNG CỦA QUÂN ĐỘI TA

PHÙNG QUANG THANH*

NĂM nay, kỷ niệm 58 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam ; đồng thời, kỷ niệm 30 năm ngày quân và dân ta đã chiến thắng oanh liệt cuộc tập kích chiến lược của không quân Mỹ trên bầu trời Thủ đô Hà Nội anh hùng. Điều đó làm cho toàn quân, toàn dân ta thêm phần tự hào về truyền thống quyết chiến quyết thắng của quân đội ta.

Năm 1954, với chiến thắng Điện Biên Phủ, Quân đội ta, chưa đầy 10 tuổi đã đập tan tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, dẫn đến Hiệp định Giơ-ne-vơ về Việt Nam được ký kết. Chiến tranh xâm lược đã kết thúc, hòa bình được lập lại trên đất nước Việt Nam thân yêu. Với Hiệp định này, thực dân Pháp buộc phải chấp nhận thất bại thảm hại.

Cuối tháng Chạp năm 1972, đế quốc Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược bằng không quân ồ ạt vào Thủ đô Hà Nội bị thất bại và buộc phải ký Hiệp định Pa-ri về Việt Nam ; cam kết chấm dứt sự dính líu của Mỹ vào cuộc chiến ở Việt Nam ; công nhận độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Với ý nghĩa đó, chiến thắng của quân và dân ta trên bầu trời Hà Nội được coi là : Điện Biên phủ trên không.

Với thắng lợi của Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, chúng ta thực hiện được một phần lời dạy và điều mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh là "đánh cho Mỹ cút". Thế rồi bằng chiến thắng oanh liệt mùa Xuân năm 1975, chúng ta tiếp tục thực hiện trọn vẹn lời dạy và niềm mong ước của Người là "đánh cho ngụy nhào".

Cho đến ngày nay, âm vang của chiến thắng Điện Biên Phủ trên không như vẫn còn mãi trong trái tim chúng ta. Những đêm tháng Chạp năm 1972, đồng bào cả nước cũng như đông đảo nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên khắp toàn cầu không khỏi hồi hộp lo lắng khi được tin đế quốc Mỹ điên cuồng huy động hàng trăm lượt chiếc máy bay chiến đấu các loại đột ngột tấn công Hà Nội - nơi được coi là lương tâm phẩm giá của con người. Với sức mạnh quân sự hùng hậu, trong đó phải kể đến máy bay ném bom chiến lược B52 - con át chủ bài cuối cùng của không lực Hoa Kỳ và nhiều máy bay phản lực, trinh sát, chiến đấu cùng với nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại khác, đế quốc Mỹ những tưởng sẽ đè bẹp ý chí chiến đấu của quân và dân ta. Nhưng, với tinh thần "không có gì quý hơn độc lập tự do", quân và dân ta bằng vũ khí sẵn có

* Ủy viên Trung ương Đảng, Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam

trong tay với lòng dũng cảm, ý chí kiên cường và trí thông minh, sáng tạo tuyệt vời, đã làm nên một kỳ tích phi thường : Bắn rơi và bắn cháy hàng trăm máy bay, trong đó có nhiều máy bay B52 và máy bay F111A "cánh cụp cánh xòe", loại hiện đại nhất của Mỹ lúc bấy giờ. Chính bằng lưới lửa phòng không dày đặc, nhiều tầng, Thủ đô anh hùng ngàn năm văn hiến của chúng ta đã làm nên một Điện Biên Phủ trên không, chôn vùi uy thế của không lực Hoa Kỳ.

Chiến thắng lẫy lừng đó, không chỉ làm nức lòng nhân dân cả nước mà còn làm cho đông đảo nhân dân yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên toàn thế giới rất đổi vui mừng. Với họ, Việt Nam nói chung, Quân đội ta nói riêng là thần tượng của một dân tộc nhỏ bé nhưng kiên cường, đã chiến thắng đội quân xâm lược có sức mạnh quân sự, kinh tế hơn mình rất nhiều lần. Đó là một tấm gương chói lọi của sức mạnh chính nghĩa, chiến thắng hung tàn bạo ngược... Đó là vinh quang không chỉ riêng cho Việt Nam mà còn cho toàn thể nhân dân yêu chuộng hòa bình, công lý trên khắp toàn cầu.

Chiến thắng oanh liệt này, một lần nữa khẳng định đường lối lãnh đạo tài tình và sáng suốt của Đảng ta ; sức mạnh to lớn của nhân dân ta, của dân tộc ta, với ý chí sắt đá và tình đoàn kết keo sơn, son sắt, thủy chung đã sản sinh và nuôi dưỡng được một quân đội anh hùng trăm trận trăm thắng, luôn luôn trung với Đảng, hiếu với dân, quyết đánh và quyết thắng mọi kẻ thù, dù đó là kẻ thù hung hãn nhất.

Với chiến thắng này, nghệ thuật quân sự Việt Nam lại ghi thêm những trang mới rất quý giá : giữ gìn, phát huy truyền thống "lấy ít thắng nhiều" lấy "đoàn binh thắng trường trận".

Thắng lợi của quân và dân Thủ đô Hà Nội trong trận Điện Biên Phủ trên không

vào tháng 12 năm 1972 một lần nữa chứng minh rằng : chúng ta đã phát huy rất tốt truyền thống và sức mạnh của chiến tranh nhân dân toàn dân toàn diện, tạo nên sức mạnh tổng hợp do Đảng ta lãnh đạo. Đó cũng là kết quả của sự hợp đồng tác chiến nhuần nhuyễn giữa các lực lượng, là sự kết hợp hài hòa, sáng tạo giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ... Tất cả đã hợp lại làm nên sức mạnh phi thường thiêu cháy lũ giặc trời xâm lược.

Với thắng lợi này, một lần nữa khẳng định sai lầm có tính lịch sử và là căn bệnh cố hữu không thể khắc phục của quân xâm lược là luôn luôn có tâm lý ngạo mạn ỷ vào vũ khí, trang thiết bị, kỹ thuật, dùng vũ khí để đe dọa, trấn áp người khác, coi thường yếu tố con người, sẵn sàng gây chiến tranh phi nghĩa. Đối với chúng ta, vũ khí tuy quan trọng, nhưng quyết định lại là con người. Con người Việt Nam được kết tinh trong cán bộ, chiến sĩ quân đội ta vừa kiên cường và sáng tạo, vừa năng động và dũng cảm đã làm nên chiến thắng thần kỳ. Nhiều người nước ngoài do không thấy được sức mạnh của yếu tố con người đã không hiểu nổi tại sao chúng ta lại đánh sập được thần tượng không lực Hoa Kỳ, trong khi vũ khí, khí tài của ta thua kém hơn địch nhiều lần.

Với tinh thần sáng tạo quyết tâm làm chủ vũ khí và trang thiết bị kỹ thuật ; quyết tâm khai thác triệt để tiềm năng hiệu quả của vũ khí và trang thiết bị có trong tay, quân và dân ta đã nâng cao hiệu quả chiến đấu của vũ khí, trang bị kỹ thuật lên rất nhiều lần. Chính nhờ sự cải tiến trang thiết bị, vũ khí, kỹ thuật mà quân và dân ta đã vô hiệu hóa được sức mạnh của những trang thiết bị, vũ khí, hỏa lực của địch ; hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại mà địch có thể gây ra và tận dụng hết được khả năng vũ khí vốn có của mình để chiến thắng.

Thắng lợi to lớn của quân và dân ta trong trận Điện Biên Phủ trên không còn là thắng lợi của sự kết hợp giữa sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Biểu hiện sinh động của vấn đề đó là, bên cạnh sự phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường, Đảng và Nhà nước ta đã tranh thủ tối đa sự ủng hộ của đông đảo nhân dân yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên toàn thế giới, nhất là sự ủng hộ quý báu và có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa. Bài học về sự kết hợp giữa sức mạnh của thời đại và sức mạnh của dân tộc, cho đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị thời sự của nó. Đó là sự phát huy nội lực và tranh thủ hợp tác quốc tế để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khi nhìn lại thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, cũng như thắng lợi của trận Điện Biên Phủ trên không, chúng ta càng nhận rõ sức mạnh "Phù Đồng" của quân đội ta - sức mạnh thần kỳ của dân tộc ta trong chiến tranh giữ nước. Nếu như chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 có sự góp phần của một binh chủng rất non trẻ là pháo phòng không Việt Nam, thì chiến thắng Điện Biên Phủ trên không có công lao đóng góp của những binh chủng rất non trẻ như : Không quân nhân dân, Bộ đội tên lửa, Bộ đội ra đa v.v.. Điều này còn gọi lại chiến thắng Nà Ngần, Phay Khắt khi quân đội ta vừa mới ra đời, nhưng với sức vươn lên của Phù Đồng, quân đội ta đã đi từ chiến công này đến chiến công khác ngày càng to lớn hơn, vang dội hơn.

Những thắng lợi mà quân và dân ta đã lập được nói chung và thắng lợi của trận Điện Biên Phủ trên không nói riêng là rất đáng tự hào, đã tô thắm thêm cho truyền thống anh hùng của quân đội ta. Điều đó càng nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ của quân và dân ta, làm sao giữ vững, phát huy được truyền thống đó để hoàn thành nhiệm vụ

về vang trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực luôn luôn có những diễn biến hết sức phức tạp, có cả thuận lợi và khó khăn, nhưng thuận lợi là cơ bản, là bàn đạp vững chắc để chúng ta, Quân đội ta tiếp tục tiến lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Đó là truyền thống yêu nước, sống có đạo lý, tôn trọng lẽ phải, thông minh sáng tạo của nhân dân ta. Đó là truyền thống quyết chiến, quyết thắng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của quân và dân ta. Trong công cuộc đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta có nhiều thành tựu quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội đang tạo đà cho đất nước ta phát triển nhanh hơn, mạnh hơn. Sự phát triển của khoa học công nghệ ở nước ta, trong đó có khoa học công nghệ quân sự trong những năm gần đây cũng có những tiến bộ đáng kể. Đồng thời, Quân đội ta có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân. Do đó, chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của quân và dân ta được nâng lên rõ rệt.

Điều quyết định là chúng ta có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; có Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực sự của dân, do dân và vì dân quản lý. Chúng ta có nhân dân anh hùng, luôn luôn tin yêu đùm bọc lực lượng vũ trang của mình... Với những thuận lợi đó, quân đội ta nhất định sẽ hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, xứng đáng với niềm tin yêu của Đảng và nhân dân ; xứng đáng là quân đội nhân dân anh hùng, trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.□

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

TIÊN ĐOÁN CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ

"ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG"

LÊ CUÔNG*

TẠI Hội thảo quốc tế nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngài M. Át-mét, Đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO, đã nói về Hồ Chí Minh : "Người là một trong những lãnh tụ có ảnh hưởng nhiều nhất của các dân tộc ở thế kỷ XX... Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó"⁽¹⁾.

Đó là sự đánh giá rất công bằng của bạn bè quốc tế. Song giờ đây, có lẽ chỉ có người Việt Nam mới hiểu tường tận cái chất huyền thoại trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. Chất huyền thoại đó thể hiện trước hết ở tài năng dự cảm, dự báo của Người trong những bước ngoặt của lịch sử. Những tiên đoán, những dự báo của Người, vừa có tính khoa học, vừa có tính lịch sử, vừa mang tầm chiến lược lớn lao. "Mùa xuân năm 1941..., Bác Hồ đã tiên đoán ngày cách mạng thành công : 45, sự nghiệp hoàn thành"⁽²⁾. Rồi khi chiến dịch Điện Biên Phủ vừa giành toàn thắng (7-5-1954), Hội nghị Giơ-ne-vơ mới bắt đầu họp, chưa có kết luận, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy âm mưu của đế quốc Mỹ. Tại Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành

Trung ương Đảng (khóa II), Người đã phân tích tình thế, chỉ ra chiến lược và cục diện chiến tranh : "Bây giờ Pháp thì đang nói chuyện với ta, đế quốc Mỹ thì đang biến thành kẻ thù chính và trực tiếp, mũi nhọn của ta phải chĩa vào đế quốc Mỹ"⁽³⁾. Nhắc lại chuyện này, đồng chí Tố Hữu kể : "Hồi đó, mình là Trưởng ban Tuyên truyền... lúc ấy khoảng 5 rưỡi hay 6 giờ chiều ngày 7 tháng 5. Lên xin ý kiến Bác. Bác bảo : Đây chỉ là chiến thắng bước đầu thôi... Chiến tranh chưa kết thúc đâu, kẻ thù của ta bây giờ không phải là Pháp nữa, mà là Mỹ. Không khéo chuyện này, ta phải đánh nhau với Mỹ, còn lâu dài đấy, gian khổ đấy, đừng có tếu - Điều đáng kinh ngạc là ông cụ lại nói chuyện ấy ngay trong ngày chiến thắng Điện Biên..."⁽⁴⁾.

* Trưởng Ban Nghiên cứu Mỹ thuật cổ, Viện Mỹ thuật, Bộ Văn hóa - Thông tin ; Hội viên Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam

(1) *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Hà Nội, 1990, tr 20, 22

(2) Võ Nguyên Giáp : *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1997, tr 275

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 7, tr 315

(4) *Tạp chí Văn nghệ quân đội*, số 5, 1994

Trong bài "*Pháp vỡ đầu, Mỹ càng méo mặt*" (báo Cứu quốc 26-5-1954), Hồ Chí Minh đã nhắc nhở đồng bào chiến sĩ ta : "Thế là Mỹ dần dần trở nên kẻ địch chính của quân đội và nhân dân ta..."⁽⁵⁾ ; và, cảnh tỉnh tình thế chiến tranh mới dữ dội, ác liệt hơn đối với non sông đất nước : "Nhiều Điện Biên Phủ khác đang chờ đợi chúng ta"⁽⁶⁾.

Nhìn lại những mốc lịch sử trọng đại trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc ta, chúng ta càng thấy trí tuệ siêu việt của Bác, về những gì Bác đã dự đoán, đều trở thành hiện thực. Có những sự kiện Bác đoán trước dăm, ba năm, có những kết cục Bác dự báo trước hàng thập niên. Tất cả những dự báo, tiên đoán của Bác đều không chỉ dừng lại ở ý tưởng chiến lược mà đã được Bác chỉ đạo triển khai trong thực tiễn cách mạng với sự sáng tạo và nhạy bén đặc biệt. Từ việc nhỏ đến việc lớn, trong hoàn cảnh thuận lợi, cũng như gặp muôn vàn gian khổ, khó khăn, lúc nào Bác cũng vững lòng tin ở tương lai, sáng suốt hoạch định chiến lược và chuẩn bị thật chu đáo mọi điều kiện, bảo đảm chắc chắn thắng lợi. Phương châm chỉ đạo chiến lược, chiến thuật của Người là : "Chưa đánh mà đã có kế hoạch đầy đủ thì thắng. Kế hoạch không đầy đủ, thì không thắng"⁽⁷⁾.

Một trong những dự báo quan trọng có tính lịch sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, đó là dự báo về chiến thắng Điện Biên Phủ trên không. Đây là vấn đề Bác đã nhắc nhiều lần và có nhiều kế sách, nhiều động thái để chỉ đạo quân và dân ta sẵn sàng đối phó, kiên quyết đập tan âm mưu của đế quốc Mỹ.

Năm 1958, Hồ Chủ tịch ra lệnh cho quân đội : "sẵn sàng chiến đấu..."⁽⁸⁾.

Hồi ký của Đại tướng Văn Tiến Dũng cho chúng ta biết : "Ngày 21-2-1958, Bác chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị, thông qua kế hoạch

xây dựng quân đội và củng cố quốc phòng... Đối với công tác hậu phương, Bác nhắc lập kế hoạch động viên, kế hoạch phòng không nhân dân... Một vấn đề rất mới và phải nói là sớm, đó là nghiên cứu kế hoạch phòng không nhân dân.

Về sau, một hôm... Bác vòng bút mực đỏ quanh một bài báo, bên cạnh đó Bác viết mấy chữ : "Gửi chú Dũng xem". Bài báo nói về phòng không nhân dân ở Thụy Điển (báo xuất bản ở Thụy Điển)"⁽⁹⁾.

Với khả năng dự báo và tài thao lược, ngay từ năm 1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp ra lệnh cho các tướng lĩnh chuẩn bị thể trận phòng không nhân dân (đây là thể trận khác thể trận đã từng diễn ra trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp), nhằm giảm nhẹ tổn thất về người và của cho nhân dân, tăng cường sức mạnh cho quân đội.

Nhìn lại chặng đường lịch sử đã qua, chúng ta càng thấy, qua những tài liệu, sự phán đoán của Bác về tình hình đất nước, cục diện chiến tranh, về những giai đoạn, những diễn biến quan trọng của cách mạng nước ta... không phải mang tính ngẫu nhiên, mà có cơ sở vững chắc từ trí tuệ anh minh, vốn tri thức phong phú, bề dày kinh nghiệm và những hiểu biết sâu sắc về quân sự, chính trị, ngoại giao, đặc biệt là tấm lòng yêu nước, thương dân của Bác.

Thượng tướng Phùng Thế Tài - nguyên Phó Tổng Tham mưu trưởng kiêm Tư lệnh Bộ đội Phòng không - cho biết : "Năm 1962... trong buổi gặp mặt hôm ấy, Bác đã hỏi tôi : Bây giờ

(5) Hồ Chí Minh : *Sdd*, t 7, tr 288

(6) Hồ Chí Minh : *Sdd*, t 7, tr 291

(7) Hồ Chí Minh : *Sdd*, t 3, tr 51

(8) Hồ Chí Minh : *Sdd*, t 9, tr 140

(9) Văn Tiến Dũng : *Đi theo con đường của Bác*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr 196, 198

chú là tư lệnh phòng không, vậy chú đã biết gì về B52 chưa ? Thấy tôi lúng túng, Bác cười độ lượng : Nói thế thôi chứ chú có biết cũng chưa làm được gì nó... Chú phải theo dõi chặt chẽ và thường xuyên quan tâm đến loại máy bay B52 này. Nhớ lời dạy của Bác, tôi bắt đầu để tâm suy nghĩ về B52..."

"Về thời gian, tôi không còn nhớ rõ là cuối tháng 12-1967 hay bước sang năm 1968 rồi... Tôi được Bác gọi lên hỏi thăm tình hình. Ngay phút đầu tiên Bác đã hỏi về B52. Nét mặt Bác trở nên đăm chiêu :

- Sớm muộn gì đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua.

Cuối cùng, cùng với vẻ mặt trầm ngâm, Bác nói thêm :

- Ở Việt Nam, Mỹ sẽ nhất định thua - Bác nhìn ra cửa sổ, chỉ tay lên bầu trời, nói tiếp :

Nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua ở đây. Vì vậy, nhiệm vụ của các chú rất nặng nề.

Bản phương án đầu tiên đầu năm 1968 đánh trả cuộc tập kích bằng B52 của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng được ra đời trong bối cảnh như thế..."⁽¹⁰⁾.

Tuy nhiên, theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp, công tác chuẩn bị đánh B52 của giải Mỹ đã được Bác chỉ đạo ngay từ năm 1965 : "... Giữa năm 1965,... Bác Hồ đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho anh Đặng Tánh, Chính ủy Quân chủng Phòng không - Không quân nghiên cứu cách đánh B52. Quyết tâm bắn rơi B52 cũng được đề ra từ đây. Tháng 5 - 1966, Trung đoàn tên lửa 238 được điều vào Vĩnh Linh để nghiên cứu đánh B52. Tại đây, ngày 17-9-1967, trung đoàn này đã bắn rơi chiếc B52 đầu tiên..."

Trong thời gian sang thăm Liên Xô trước đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp đề nghị viện trợ quân sự, trong đó có đạn tên lửa để

chuẩn bị sử dụng đánh thắng máy bay B52 trong trận "*Điện Biên Phủ trên không*" sau này. Đồng chí Võ Nguyên Giáp cho biết : "Từ năm 1969, bạn không viện trợ thêm một quả đạn tên lửa nào. Các bộ phận khí tài, tên lửa, ra-da cũng dần dần xuống cấp. Điều đó đòi hỏi cán bộ, chiến sỹ ta phải ra sức phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu suất chiến đấu của vũ khí, khí tài có trong tay". "Việc nghiên cứu chuẩn bị kế hoạch đánh B52 đã được triển khai gấp rút và đã căn bản hoàn thành vào đầu tháng 9-1972"⁽¹¹⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới bộ đội Phòng không và Không quân. Người dành nhiều thời gian chăm sóc, thăm hỏi ân cần động viên cán bộ, chiến sỹ. Trong 10 năm, kể từ ngày thành lập quân chủng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã 12 lần đến thăm ; và đặc biệt, trong đó có 6 lần đến thăm vào ngày Tết Nguyên đán.

Tết năm 1969, mùa xuân cuối cùng của cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm Bộ đội Phòng không trong một buổi thật khác lạ, và khi phát biểu, Người căn dặn :

"... Phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu để khi nó giở quẻ thì mình đập lại được ngay"⁽¹²⁾.

Mặc dù vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn luôn tìm con đường thương lượng, kiên trì thiện chí hòa bình, nhằm giải quyết chiến tranh ở Việt Nam. Ngày 7-1-1967, trong buổi tiếp hai nhà báo Mỹ - ông H. S. A. X-mô-rơ - Chủ bút tờ *A-can-sa nhật báo* và ông W.C. Bách - Chủ bút tờ báo *Tin Mai-a-mi* - Người nói : "Đối với các ông, các ông khó mà

(10) *Nguồn sức mạnh (Bác Hồ với Bộ đội Phòng không)*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1992, tr 36, 39

(11) Võ Nguyên Giáp : *Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr 15

(12) *Nguồn sức mạnh (Bác Hồ với bộ đội Phòng không)*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1992, tr 205

tin được rằng tôi lấy làm đau lòng không những khi nhân dân Việt Nam bị giết hại mà tôi cũng rất buồn phiền khi lính Mỹ bị giết. Tôi thông cảm nỗi đau buồn của cha mẹ họ. Vì vậy chúng tôi nói với nhân dân chúng tôi rằng họ phải sẵn sàng hoan nghênh nhân dân Mỹ không phải khi họ đến như hiện nay với những người lính mang vũ khí - nhưng khi họ đến một lần nữa trong tương lai để giúp đỡ xây dựng lại đất nước chúng ta"⁽¹³⁾.

Trong buổi tiếp Đoàn đại biểu "*Những người tình nguyện vì hòa bình*" gồm hai ông Mác-xi và A-bra-ham Phê-in-bóc, người Mỹ ; và, E. Ri-vơ, người Anh, để bày tỏ thiện chí của mình trong việc giải quyết cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, Người đã nói : "Tổng thống Giôn-son đã nói rằng, ông ta sẽ gặp bất cứ ai, bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào để nói chuyện hòa bình. Tôi xin mời ông Giôn-son đến Hà Nội như là khách của chúng tôi. Ông hãy đến với vợ và con gái, người thư ký, người bác sĩ và người đầu bếp của mình. Nhưng đừng mang theo tướng lĩnh và đô đốc ! Tôi xin đảm bảo rằng Tổng thống sẽ an toàn tuyệt đối"⁽¹⁴⁾. Ngoài sự việc trên, vào dịp Tết những năm 1966, 1967, 1968, 1969, Hồ Chí Minh đã gửi nhiều thư cho nhân dân Mỹ để bày tỏ tấm lòng trân trọng, cảm ơn nhân dân và những người tiến bộ Mỹ đã ủng hộ cuộc chiến tranh giành độc lập thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam.

Hồi ký của nhà văn Nga, Vi-ta-li Ô-dê-rốp, Ủy viên Ban Thư ký Hội Nhà văn Liên Xô cho biết : "... Đầu năm 1972 ở Mát-xcơ-va, tôi lại có dịp gặp lại đồng chí Tố Hữu... Lần ấy, đồng chí Tố Hữu nhấn mạnh : "Cuộc chiến đấu không dễ dàng, nhưng không lâu nữa, trên đất nước chúng tôi sẽ phải có một trận quyết chiến như Xtalingrat. Chúng tôi phải đánh bại bọn xâm lược Mỹ... Đồng chí có nhớ câu nói giống như một lời kêu gọi của Đảng chúng tôi

không, đó là : Phải biết nhìn thấy khi nào mùa xuân sẽ đến".

Làm sao mà tôi lại không nhớ câu nói ấy được ! Đây chính câu nói tôi được nghe từ đồng chí Hồ Chí Minh..."⁽¹⁵⁾.

Đúng như lời tiên tri của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chiến thắng "*Điện Biên Phủ trên không*" đã đi vào lịch sử các trận chiến thắng nổi tiếng vang dội toàn cầu của cách mạng Việt Nam. Sau thất bại nặng nề đó, ngày 27-1-1973, tại Trung tâm các hội nghị quốc tế ở Pa-ri (Pháp) Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được chính thức ký kết và ghi nhận : "Hoa Kỳ chấm dứt chiến tranh xâm lược...".

Năm 1972, trong Hồi ký "*Những năm tháng không thể nào quên*", Đại tướng Võ Nguyên Giáp - một trong những người cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và là người duy nhất đặt vấn đề về một sự kiện Bác Hồ đã tiên đoán cách mạng thành công năm 1945 - thấy cần lý giải : "45 sự nghiệp hoàn thành..." Bác không bao giờ nhắc lại câu thơ này. Từ đó đến nay, bị lôi cuốn vì công việc, anh em chúng tôi cũng chưa ai có dịp hỏi lại Bác vì sao Bác đã có một sự tiên đoán như vậy. Điều đó đã trở thành một trong những điều ta chưa hiểu hết được về con người và cuộc đời hoạt động cách mạng vĩ đại gần sáu mươi năm của Bác".

Và Đại tướng khẳng định : "*Thực tế cùng với thời gian sẽ là nhà kiểm nghiệm nghiêm khắc. Những điều tiên tri đó thuộc về những thiên tài*"⁽¹⁶⁾. □

(13) Viện Quan hệ quốc tế : *Tiếp xúc bí mật Việt Nam - Hoa Kỳ*, 1990, tr 202

(14) Viện quan hệ quốc tế : *Sdd*, tr 206

(15) Báo *Người Hà Nội*, ngày 15-5-1985

(16) Võ Nguyên Giáp : *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1977, tr 274, 275

NHÂN PHẨM - GIÁ TRỊ TOÀN CẦU VÀ PHỔ BIẾN CỦA QUYỀN CON NGƯỜI

HOÀNG VĂN NGHĨA*

CÁCH đây hơn 50 năm, các quốc gia thành viên của Liên hợp quốc, để đạt được những mục tiêu cao cả nêu trong Hiến chương năm 1945 vì hòa bình, tôn trọng những quyền cơ bản, nhân phẩm và giá trị con người, gìn giữ công lý và khuyến khích tiến bộ xã hội, đã thông qua bản **Tuyên ngôn Thế giới về nhân quyền** nhằm khẳng định những giá trị nhân văn, vốn có, bất di, bất dịch của mỗi cá nhân con người trong toàn thể cộng đồng nhân loại. Từ đó đến nay, bản Tuyên ngôn đã và đang trở thành chuẩn mực chung cho tất cả mọi người, các dân tộc và quốc gia phấn đấu nhằm bảo đảm và thực hiện các quyền cơ bản của con người, khuyến khích sự khoan dung, tôn trọng nhân phẩm, giá trị của con người.

Tôn trọng và thúc đẩy các quyền con người, trước hết chính là tôn trọng phẩm giá của mỗi con người. Chỉ có như vậy mới tạo lập được một xã hội đoàn kết, thống nhất và phát triển, một thế giới hòa bình, ổn định, công bằng, phát triển bền vững. Suy rộng ra, tôn trọng nhân phẩm của con người, của mỗi cộng đồng người, mỗi dân tộc là tiền đề của hòa bình, công bằng, bình đẳng và phát triển bền vững. Nhấn mạnh đến tầm quan trọng đặc biệt của quyền con người đối với sự tồn tại của mỗi con người và của cả cộng đồng nhân loại, trong diễn văn nhân kỷ niệm lần thứ 50 năm ra đời của Tuyên ngôn, Tổng Thư ký Liên hợp quốc, ngài Ko-phi A-nan, khẳng định: "Nhân quyền là cơ sở của sự tồn tại và cùng tồn tại của

con người. Quyền con người là phổ biến, không thể chia tách và phụ thuộc lẫn nhau. Nhân quyền là cái làm nên nhân loại chúng ta. Đó là những nguyên tắc mang tính cơ sở để chúng ta thiết lập ngôi nhà thiêng liêng cho phẩm giá của loài người... Khi chúng ta nói về quyền sống, hoặc về quyền phát triển, hoặc về quyền được bất đồng quan điểm và có sự khác biệt, có nghĩa là chúng ta đang nói về khoan dung. Khoan dung, nếu được tăng cường, bảo vệ và ghi nhận, sẽ bảo đảm cho nhân quyền của tất cả chúng ta. Thiếu sự khoan dung, chắc chắn chúng ta sẽ không làm được gì. Nhân quyền là biểu hiện của truyền thống khoan dung. Trong tất cả các tôn giáo và các nền văn hóa, nó là cơ sở của hòa bình và tiến bộ. Nhân quyền là giá trị chung của mọi nền văn hóa, của các quốc gia. Tính phổ biến của nhân quyền sẽ cho nhân quyền sức mạnh. Nó là động lực để nhân quyền liên kết các biên giới, vượt qua mọi trở ngại, thách thức và bạo lực"(1).

1. Nhân phẩm giá trị tuyệt đối phổ biến và như nhau của con người

Phẩm giá là giá trị nội tại, vốn có được hình thành và ngày càng hoàn thiện cùng với sự phát triển và hoàn thiện của con người. Nó là thuộc tính chung của tất cả các cá nhân trong

* ThS, Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Liên hợp quốc: *Quyền trẻ em: Tạo lập một nền văn hoá nhân quyền*, Tập thông tin số 3 của Liên hợp quốc, bản dịch của Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người, tr 1

cộng đồng nhân loại, không dựa trên bất kỳ sự phân biệt hay khác biệt nào về địa vị xã hội, kinh tế, chính trị, pháp lý, chủng tộc, tôn giáo, dân tộc, giới tính... Phẩm giá là cái làm nên sự khác biệt và cũng là bước tiến vượt bậc của con người với phần còn lại của giới tự nhiên. Vì nó là giá trị chỉ thuộc tính chung của con người, do vậy tôn trọng phẩm giá của mỗi con người là sự tôn trọng đối với chính mình, đối với đồng loại. Tôn trọng phẩm giá là tôn trọng giá trị của con người, do con người và bởi con người, là giá trị trở thành người và làm người của chúng ta. Tôn trọng phẩm giá là tôn trọng năng lực thực hiện bản chất sâu lắng nhất của con người. Nhờ đó mà con người thực hiện được sự công bằng và bình đẳng. Phẩm giá vừa là thuộc tính, vừa là bản chất chỉ ra cái vốn có và như nhau của tất cả mọi người trong cộng đồng nhân loại. Phẩm giá là thuộc tính cố hữu của con người, nhưng bản thân sự tồn tại, hiện hữu của con người đã cho thấy nó là một thực thể sáng tạo. Bởi vậy, phẩm giá chỉ có thể được khẳng định và bộc lộ ở mỗi cá nhân con người. Đồng thời, nhân phẩm của cá nhân đó được thừa nhận, được tôn trọng và bảo vệ thông qua các chuẩn mực ràng buộc về quyền và nghĩa vụ. Đó là chuẩn mực về đạo đức và pháp luật. Phẩm giá ấy là bản chất nội tại của mỗi con người và mang tính phổ biến.

Người ta thường nhấn mạnh rằng, nhân quyền là thuộc tính chung, giá trị chung, ngôn ngữ chung của loài người. Nói như vậy là đúng nhưng chưa đầy đủ, chưa sâu sắc và toàn diện. Thực chất, không thể coi quyền con người như là giá trị tuyệt đối giống nhau, chung nhất, vĩnh hằng, bất biến,... cho tất cả mọi người. Vì, khi gọi như vậy đã bao hàm sự hạn định về mặt luật pháp đối với năng lực thể hiện phẩm giá của con người do tính đặc thù của điều kiện lịch sử cụ thể, của một xã hội, một thiết chế pháp lý nhất định. Nhưng ngược lại, đối với bản chất sâu xa nhất thì quyền con người lại là giá trị mang tính phổ biến tuyệt đối vì chúng tồn tại dưới dạng năng lực vốn có, tất yếu và tiềm tàng của chính con người và ngày càng được bồi

đắp, bất chấp sự hạn định bởi những khuôn khổ pháp lý hay chuẩn mực xã hội. Chúng là giá trị sinh ra từ chính quá trình sáng tạo không ngừng bản chất nhân văn chân - thiện - mỹ của con người. Phẩm giá là bản chất cố hữu của con người, nhưng vì luôn tồn tại dưới dạng tiềm năng, nên nó đã, đang và mãi mãi là khát vọng cháy bỏng của con người trên con đường đi tìm sự giải phóng của chính mình đã bị đánh mất và bị tha hóa trong đời sống hiện thực. Bởi vậy, Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền khẳng định: "*Xét vì sự coi thường và xâm phạm các quyền con người dẫn đến các hành vi man rợ xúc phạm tới lương tâm nhân loại, và việc xuất hiện một thế giới trong đó con người được hưởng tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng và tự do thoát khỏi nỗi sợ hãi vì đói nghèo đã được tuyên bố như là khát vọng cao cả nhất của loài người*"(2).

2. Tôn trọng phẩm giá là tôn trọng bản chất nhân văn sâu sắc nhất của con người

Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền có giá trị như một văn kiện vĩ đại trong lịch sử nhân loại, là thành tựu quan trọng và có ý nghĩa nhất của bước tiến con người với tính cách là một giá trị trác tuyệt và hoàn hảo nhất của giới tự nhiên. Sức mạnh và sức sống lan tỏa về các khía cạnh pháp lý, chính trị, đạo đức và nhân văn của nó đã ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều văn kiện quốc tế cũng như quá trình lập hiến và lập pháp của các quốc gia trong cộng đồng nhân loại. Ngay trong Lời nói đầu của Tuyên ngôn đã khẳng định: "*việc thừa nhận phẩm giá vốn có và các quyền bình đẳng và bất di bất dịch của mọi thành viên trong gia đình nhân loại là nền tảng của tự do, công bằng và hòa bình trên thế giới*"(3), và "*các dân tộc thuộc Liên hợp quốc đã khẳng định lại trong Hiến chương niềm tin của mình vào các quyền cơ bản của con người, vào nhân phẩm và giá trị của mỗi con người, vào các quyền bình đẳng giữa nam và nữ và đã quyết định thúc đẩy sự*

(2), (3) Liên hợp quốc : *Sdd*, tr 62

tiền bộ xã hội và xây dựng các điều kiện sống tốt hơn"(4).

Với Tuyên ngôn, việc thừa nhận và đặc biệt nhấn mạnh sự tôn trọng phẩm giá vốn có của con người chính là sự khẳng định bước tiến to lớn của cộng đồng nhân loại tạo tiền đề pháp lý quan trọng cho sự thúc đẩy và hiện thực hóa các quyền con người trên phạm vi toàn cầu. Điều đó cũng chỉ ra rằng, sự thiếu vắng và vi phạm nghiêm trọng các quyền cơ bản của con người không phải cái gì khác hơn là sự chà đạp và tước đi phẩm giá của mỗi con người, là sự tước đi bản chất nhân văn chân chính nhất, vốn có nhất của con người. Trong quan hệ quốc tế, sự can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của quốc gia khác, sự áp đặt về chính trị, kinh tế, văn hóa,... của quốc gia này đối với quốc gia khác... đều là sự chà đạp và tước đi lương tri của loài người, nhân phẩm của mỗi người dân của nước ấy.

Con người không thể tồn tại theo đúng nghĩa là một chủ thể, sáng tạo, là một nhân tính như là bước tiến và thành quả kiến tạo ra chính bản thân mình, làm cho nó đứng trên và tách khỏi giới tự nhiên - nếu như phẩm giá của nó không được khẳng định, được tôn trọng và bảo đảm. Những thuộc tính về nhân phẩm này làm cho con người tồn tại xứng đáng với bản chất nhân văn sâu sắc và tầm nhân vị của nó. Quá trình hoàn thiện và bồi đắp không ngừng các giá trị nhân văn cũng chính là quá trình khẳng định phẩm giá của con người ; đồng thời, cũng là quá trình đấu tranh không mệt mỏi của con người nhằm khẳng định chính bản thân mình với tính cách là chủ thể vươn tới giá trị chân - thiện - mỹ. Đó cũng chính là đích cuối cùng loài người, của những khát vọng cháy bỏng từ ngàn xưa của con người.

Tuy nhiên, con người không thể bảo đảm, khẳng định được phẩm giá của mình nếu như nó bị tước đi quyền sống - điều kiện tiên quyết và quan trọng nhất để cho phẩm giá của con người được nảy nở, phát triển. Nhất là trong bối cảnh thế giới hiện đại, hằng ngày có đến hàng

trăm nghìn người bị tước đi quyền cơ bản nhất, tối thiểu nhất của mình - quyền được sống, là do các cuộc chiến tranh lớn nhỏ, các cuộc xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo,... đặc biệt là chủ nghĩa khủng bố lan tràn trên phạm vi toàn cầu. Điều đó đã trở thành mối đe dọa thường trực đối với bất cứ quốc gia nào, xã hội nào và thậm chí mỗi cá nhân nào. Bởi vậy, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của quyền được sống và quyền được an ninh, nghiêm cấm tuyệt đối việc hạ nhục, đối xử phi nhân tính đối với con người, khẳng định địa vị pháp lý của mỗi con người là tiền đề quan trọng để tôn trọng phẩm giá và các quyền khác của con người, đúng như Điều 3 của Tuyên ngôn khẳng định : "Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an ninh cá nhân"(5).

3. Quyền con người - phương thức tồn tại hiện thực của phẩm giá là một phạm trù lịch sử, mang giá trị và bản chất xã hội

Phẩm giá của con người là giá trị phổ biến của mỗi con người. Tuy nhiên, chúng chỉ trở thành hiện thực khi được luật pháp thừa nhận và bảo đảm, nghĩa là dưới dạng các quyền con người. Điều đó chỉ ra rằng, phẩm giá của con người cũng không thể vượt khỏi các chuẩn mực đạo đức của xã hội đã thống nhất ghi nhận bằng pháp luật quốc gia và quốc tế. Nghĩa là, một mặt phẩm giá là giá trị tuyệt đối, xét theo nghĩa là thuộc tính vốn có, là bản chất nhân văn chân chính nhất của con người, của xã hội loài người, chúng không phụ thuộc vào bất cứ sự giới hạn nào. Nhưng mặt khác, do con người tồn tại không phải bên ngoài xã hội loài người, bên ngoài thế giới hiện thực, mà với tư cách là thành viên của một giai cấp, của một cộng đồng người nhất định, của một thiết chế tổ chức chính trị - xã hội nhất định, dựa trên điều kiện phát triển đặc thù về kinh tế - xã hội và văn hóa của xã hội ấy. Bởi vậy, để khẳng định và bảo vệ được phẩm giá của mình, con người buộc phải hạn định "giá trị tuyệt đối" ấy theo hoàn cảnh

(4) Liên hợp quốc : *Sdd*, tr 62 - 63

(5) Liên hợp quốc : *Sdd*, tr 64

đặc thù của sự phát triển kinh tế - xã hội nhất định, v.v..

Các quyền của con người, như đã được nêu và khẳng định rõ trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền, và sau này là hàng loạt các văn kiện quốc tế mang tính ràng buộc pháp lý khác, trước tiên đó là quyền của các cá nhân trong một cộng đồng - xã hội hay cộng đồng nhân loại. Quyền tự quyết phải được tôn trọng và những nhu cầu cơ bản và thiết yếu nhất của mỗi con người phải được tôn trọng và bảo đảm, trước hết đó là những nhu cầu về kinh tế, xã hội, văn hóa..., sau đó là dân sự, chính trị,... của mỗi cá nhân phải được thừa nhận, với tư cách là điều kiện để quyền con người được hiện thực hóa.

Cá nhân có nghĩa vụ đối với người khác và đối với cộng đồng, xã hội có thể yêu cầu tất cả các cá nhân cần phải từ bỏ một số quyền của họ vì quyền của những người khác và vì lợi ích chung, nhưng có những điều hiển nhiên thuộc cá nhân không thể bị xâm phạm hay bị hy sinh. Và tất cả các cá nhân đều được bình đẳng về quyền. Một quyền nào đó của cá nhân có thể bị hy sinh cho quyền của người khác chỉ khi sự lựa chọn đó là bất khả kháng và chỉ theo một số nguyên tắc lựa chọn phản ánh giá trị so sánh của mỗi quyền. Không có cá nhân cụ thể nào bị tách biệt vì một sự hy sinh đặc thù nào đó, ngoại trừ do sự tùy tiện hay bởi tước đi địa vị pháp lý của người ấy, phù hợp với tinh thần bảo vệ bình đẳng của luật pháp. Điều 7 của Tuyên ngôn khẳng định: "Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ, không có bất kỳ sự phân biệt nào. Mọi người đều bình đẳng có quyền được bảo vệ chống lại bất kỳ sự phân biệt nào vi phạm bản Tuyên ngôn này, và chống lại bất kỳ sự kích động phân biệt nào như vậy" (6).

Nhân quyền chỉ ra nghĩa vụ của xã hội nhằm thỏa mãn những yêu sách của mỗi cá nhân, nhưng đồng thời mỗi cá nhân luôn luôn phải tôn trọng và thực thi những nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với xã hội và toàn thể cộng

đồng nhân loại. Nhà nước cần thúc đẩy sự hình thành các thiết chế, trình tự tiến hành, vạch kế hoạch, huy động các nguồn lực nếu cần thiết nhằm đáp ứng những yêu sách này. Các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa đều đòi hỏi được bảo đảm về mặt luật pháp, các thiết chế, thủ tục và những đảm bảo khác để chống lại sự chuyên chế, tham nhũng, phi đạo đức của các cơ quan nhà nước hay các quan chức yếu kém; chống lại sự vi phạm hay khước từ từ phía nhà nước. Nhà nước cần cung cấp hệ thống những biện pháp thích hợp và có hiệu quả để các cá nhân bảo đảm những lợi ích mà họ có quyền được hưởng hay được bồi thường đối với những thiệt hại của họ. Điều 8 của Tuyên ngôn khẳng định: "Mọi người đều có quyền được bảo vệ bằng các tòa án quốc gia có thẩm quyền với phương tiện pháp lý có hiệu lực chống lại những hành vi vi phạm các quyền căn bản đã được Hiến pháp và pháp luật công nhận"(7).

Như vậy, nhân quyền mang bản chất cấu thành từ những thuộc tính xã hội, là kết quả tất yếu và vốn có của các quan hệ xã hội phát sinh tạo nên các chuẩn mực xã hội dưới hình thức cơ bản nhất là đạo đức và luật pháp. Nó thực chất là những yêu sách đối với xã hội. Những yêu sách này có thể từ những nguyên tắc đạo đức điều chỉnh các quan hệ giữa người với người. Tuy nhiên, xã hội đó cần phải có nghĩa vụ thỏa mãn những yêu sách này. Tất nhiên, những đại biểu chính thức của xã hội cần phải hành động nhằm tôn trọng các quyền của cá nhân; xã hội cũng phải hành động nhằm bảo vệ các quyền của cá nhân chống lại sự xâm phạm cá nhân. Liên quan đến những nhu cầu về lợi ích kinh tế và xã hội, xã hội phải hành động như là người bảo đảm nhằm tạo ra những lợi ích này nếu như các cá nhân không thể tự mình bảo đảm cho chính họ. Nhà nước phải điều chỉnh nhằm đáp ứng những yêu sách của mọi người bằng việc

(Xem tiếp trang 31)

(6), (7) Liên hợp quốc: *Sdd*, tr 64



MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN XUÂN THÔNG

CÁN bộ là "cái gốc của mọi công việc". Cách mạng muốn thắng lợi phải quan tâm tới "cái gốc" ấy. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ : "Bất cứ chính sách, công tác gì, nếu cán bộ tốt thì thành công"⁽¹⁾. "Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"⁽²⁾.

Tư tưởng đó của Người cho thấy rõ tầm quan trọng to lớn của cán bộ trong công tác xây dựng Đảng cũng như trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng, phải được thường xuyên chăm lo, từ việc bồi dưỡng, giáo dục, đào tạo đến sử dụng, quản lý, để có đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ.

Thực tiễn cách mạng nước ta trong hơn 72 năm qua cho thấy, Đảng ta đã nhận rõ tầm quan trọng của cán bộ và luôn chú ý tới việc giáo dục, đào tạo, rèn luyện cũng như đổi mới công tác cán bộ. Bởi vậy, trải qua các thời kỳ khác nhau, lúc hoạt động bí mật, cũng như khi hoạt động công khai ; lúc chưa giành được chính quyền cũng như khi có chính quyền ; trong kháng chiến cũng như trong hòa bình ; khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn ; lúc số lượng còn ít cũng như khi số lượng đã đông đảo, đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước ta đại đa số đều đã phát huy được vai trò của mình, hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần quan trọng

đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng, nhân dân ta phát triển, giành thắng lợi.

Hiện nay, đất nước đã bước sang thời kỳ mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020, đưa nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đây là nhiệm vụ rất nặng nề, tiến hành trong điều kiện có những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có không ít khó khăn, thách thức to lớn, đòi hỏi Đảng ta phải nắm vững và vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vững vàng, kiên định, đoàn kết, thống nhất cao, phát huy tốt nội lực, tranh thủ tối đa ngoại lực mới giành được thắng lợi. Trong điều kiện ấy, việc xây dựng và đổi mới đội ngũ cán bộ càng có vai trò hết sức quan trọng.

Kết luận của Hội nghị Trung ương 6, khóa IX, sau khi nêu lên những việc đã làm được của công tác tổ chức và cán bộ cũng chỉ ra những tồn tại, yếu kém về công tác tổ chức, cán bộ trong thời gian qua, làm ảnh hưởng không nhỏ tới vai trò, uy tín của Đảng, Nhà nước và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 46

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 273

Điều đó cho thấy càng phải có sự quan tâm và tập trung làm tốt hơn nữa công tác cán bộ, có sự đổi mới về đội ngũ cán bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ : "Mỗi cuộc đấu tranh thường có ba giai đoạn, ba bước : bước đầu, bước giữa và bước cuối cùng. Nhóm trung kiên lãnh đạo trong mỗi cuộc đấu tranh không có thể mà cũng không nên luôn luôn y nguyên như cũ. Trong mỗi giai đoạn cần phải luôn luôn cất nhắc những người hăng hái trong giai đoạn đó để thay thế cho những người cũ bị đào thải hoặc vì tài không xứng chức, hoặc hủ hóa" (3).

Đổi mới công tác cán bộ ở nước ta hiện nay xuất phát từ nhiều cơ sở khách quan và chủ quan. *Một là*, yêu cầu khách quan của nhiệm vụ cách mạng, sự đòi hỏi cần thiết của nền kinh tế - xã hội, cùng với sự ra đời của cơ chế quản lý mới đặt ra những yêu cầu mới về đội ngũ cán bộ. *Hai là*, sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ, cùng với việc xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, chuyển sang cơ chế hoạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa đã, đang và sẽ xuất hiện nhiều cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn mới.

Để tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới công tác cán bộ có kết quả, trước hết phải đổi mới tư duy về công tác cán bộ, về chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và những người làm công tác tổ chức cán bộ. Đổi mới tư duy làm cho việc đánh giá, lựa chọn, bố trí, sử dụng cán bộ mới sát hợp, đúng người, đúng việc, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ ; từ đó tạo cơ sở cho việc đổi mới đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, một cách đồng bộ, toàn diện. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh : "Muốn biết rõ cán bộ, muốn đổi đời một cách đúng đắn các hạng người, trước hết phải sửa những khuyết điểm của mình"(4).

Nói về đổi mới công tác cán bộ, điều quan trọng là phải đổi mới quan điểm đánh giá cán bộ. Khi cách mạng đã chuyển giai đoạn với những mục tiêu, nhiệm vụ đã khác trước mà vẫn giữ những quan điểm đánh giá cán bộ như

cũ thì dần tới hoặc là chung chung, hời hợt ; hoặc cụ thể nhưng lại không trúng, có khi còn nguy hại. Đánh giá cán bộ phải trên cơ sở hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị mà cán bộ đó đảm nhận, trong điều kiện, môi trường cụ thể ; phải xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng và vai trò, uy tín của người cán bộ đó trong nhân dân ; thông qua việc tổ chức, lãnh đạo, quy tụ cán bộ, quần chúng, bằng những việc làm, những kết quả, những phong trào. Nghĩa là phải xem xét một cách toàn diện, đúng thực chất và thực sự khách quan. Như Bác Hồ chỉ rõ : "Không chỉ xem xét ngoài mặt mà còn xem xét tính chất của họ. Không chỉ xem xét một việc, một lúc mà phải xem toàn cả lịch sử, toàn cả công việc của họ"(5).

Trong đánh giá cán bộ không những phải tìm ra những chuẩn mực chung, cơ bản mà còn phải có những nội dung, yêu cầu cụ thể đối với từng loại cán bộ, ở từng thời kỳ, mới lựa chọn, đào tạo, bố trí, sử dụng đúng và có kết quả.

Chẳng hạn, ở tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc", viết trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Bác Hồ đã nêu lên chuẩn mực để chọn cán bộ gồm những điểm :

- Những người đã tỏ ra trung thành và hăng hái trong công việc lúc đấu tranh.
- Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng, luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng.
- Những người có thể phụ trách các vấn đề, trong những hoàn cảnh khó khăn.
- Những người luôn giữ đúng kỷ luật.

Đọc những điều Người nêu lên cách đây đã hơn nửa thế kỷ, nhưng chúng ta vẫn thấy rõ những nội dung ấy thể hiện đầy đủ, cụ thể phẩm chất, năng lực của một người cán bộ.

Bên cạnh đó, Người cũng nêu lên những sai trái trong khi đánh giá cán bộ, cần phải phê phán. Đó là "tự cao, tự đại, ưa người ta

(3) Hồ Chí Minh : *Sđđ*, t 5, tr 290

(4), (5) Hồ Chí Minh : *Sđđ*, t 5, tr 278

nịnh mình, do lòng yêu ghét của mình mà đối với người ; đem một cái khuôn khổ chật hẹp mà lấp vào tất cả mọi người khác nhau". Thử hỏi, "cái gốc" của mọi công việc mà phạm những sai trái ấy thì làm sao có được những cán bộ tốt để tổ chức, lãnh đạo phong trào cách mạng và thực sự được "dân phục, dân tin".

Người còn phê phán nghiêm khắc những biểu hiện như : Ham dùng người bà con, anh em quen biết, những kẻ khéo nịnh hót mình ; những người thích hợp với mình. Còn những người chính trực, thẳng thắn thì chán ghét, những người không hợp với mình thì tìm cách xa lánh, gạt bỏ. Để rồi từ đó những người cán bộ làm bậy cũng cứ bao dung, che chở, bảo hộ, khiến cho họ ngày càng hư hỏng.

Bởi vậy, trong đổi mới đánh giá cán bộ, phải làm sao có những nội dung, tiêu chuẩn cụ thể phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới ; đồng thời phải kiên quyết đấu tranh, loại bỏ những biểu hiện sai trái nói trên ở trong các cấp, các ngành, nhất là đối với những cơ quan, cán bộ trực tiếp làm công tác quy hoạch, bố trí cán bộ.

Cùng với sự đổi mới về quan điểm đánh giá, lựa chọn, bố trí cán bộ, việc đổi mới công tác cán bộ phải khắc phục được những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi nó, không để nó tiếp tục tồn tại và phát triển. Đây là việc làm không dễ, nhất là trong điều kiện thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở cửa với bên ngoài. Nhưng không ngăn chặn được những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân thì khó xây dựng được đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng hiện nay cũng như sau này để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bởi vì, như Bác Hồ chỉ rõ : Chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù gian xảo, xảo quyệt và nguy hiểm, nó nằm ngay trong nội bộ chúng ta, rất dễ làm cho cán bộ sa ngã, hư hỏng, biến chất. Từ chủ nghĩa cá nhân nó đẻ ra nhiều căn bệnh nguy hiểm, chẳng hạn như :

- *Bệnh tham lam* : Biểu hiện của bệnh này là chỉ lo vun vén cá nhân "dùng của công làm việc tư. Dựa vào thế lực của Đảng để theo đuổi mục đích riêng của mình". Hiện nay, một số người có chức, có quyền lợi dụng vị trí, chức vụ của mình để đục khoét, hà lạm của công, đòi hỏi lộ... là những biểu hiện cụ thể của bệnh tham lam. Đáng tiếc là căn bệnh này chưa hề bị ngăn chặn, lại còn lây lan như ổ dịch, phát triển thành "quốc nạn" mà chúng ta gọi là nạn tham nhũng, với tính chất và mức độ rất nghiêm trọng.

- *Bệnh kiêu ngạo* : Tức là tự cao, tự đại, ham địa vị, khoe khoang, vênh váo, không chịu học tập quần chúng. Những người mắc bệnh này lấy địa vị làm mục tiêu phấn đấu với mọi giá, chứ không phải là hoàn thành nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước, nhân dân giao cho. Họ là những người rất sợ bị phê bình và rất thích người khác nịnh. Vì vậy, họ tạo ra xung quanh những kẻ phỉnh nịnh, dối trá. Bệnh kiêu ngạo ngày nay cũng khá phổ biến ở xã hội ta. Nó thể hiện rõ nhất là "nhiều cán bộ lãnh đạo không nghiêm túc tự phê bình và tiếp thu phê bình, tính chiến đấu kém.... gia trưởng, độc đoán"(6).

- *Bệnh hiếu danh* : Đối với những người mắc bệnh này như Bác Hồ nói : Tự cho mình là vĩ đại, là anh hùng. Có khi vì cái tham vọng đó mà việc không đáng làm cũng làm. Hoặc chỉ ham làm chủ tịch này, ủy viên nọ, chứ không ham công tác thiết thực. Nhiều khi vì "cái danh" họ tung tiền ra để lo những việc hình thức, bên ngoài chứ không chú trọng chất lượng, hiệu quả công việc. Bệnh này còn biểu hiện ở nhiều dạng khác nhau, ở nhiều lứa tuổi, trình độ, môi trường công tác, trong đó có cả việc không chịu rời khỏi vị trí, chức quyền khi không đủ điều kiện, năng lực.

- *Bệnh hẹp hòi* : Người mắc bệnh này thường chỉ biết mình, thấy người khác có năng lực hơn mình thì tìm cách "niú kéo" bằng nhiều

(6) Văn kiện Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 68

mưu kế, thủ đoạn. Căn bệnh này nguy hiểm ở chỗ nó không tập hợp được những người có đạo đức, tài năng, không chịu phát hiện, đề bạt, sử dụng những cán bộ tốt, cán bộ giỏi.

Khi lựa chọn, bố trí cán bộ để đổi mới phải kịp thời phát hiện và kiên quyết loại trừ những cán bộ có hành vi và biểu hiện mắc những căn bệnh nói trên để cho người cán bộ thực sự là "công bộc của dân", chứ không phải là những "ông quan cách mạng" như Bác Hồ đã nhiều lần nêu rõ.

Nói đến đổi mới công tác cán bộ cũng có nghĩa là phải có sự thay đổi, bố trí lại cán bộ. Trong khi thay đổi, bố trí lại cán bộ, tức là thực hiện một bước cụ thể của đổi mới công tác cán bộ, điều hết sức quan tâm là chất lượng mọi mặt của cán bộ. Muốn vậy, phải vì công việc để lựa chọn, bố trí người, phải thực sự dựa trên tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, phải đặt trong sự vận động phát triển của cách mạng, cũng có nghĩa là phải có quy hoạch, chiến lược cán bộ, đúng đắn. Tránh tình trạng, bị động, lúng túng, chắp vá hoặc vì người mà để ra việc. Nếu đổi mới cán bộ mà bị động, chắp vá thì không thể có tác dụng, thậm chí lại còn khó khăn hơn.

Mặt khác, đổi mới công tác cán bộ còn phụ thuộc vào cơ chế quản lý cán bộ. Cơ chế quản lý có đúng đắn, thì mới đánh giá cán bộ một cách chính xác, lựa chọn, bố trí cán bộ mới phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và mới loại bỏ được những yếu tố không lành mạnh, thiếu khách quan, vụ lợi trong công tác cán bộ. Có cơ chế đúng, mới bảo đảm được nguyên tắc tập trung dân chủ trong các bước đi, các quyết định về cán bộ.

Đổi mới công tác cán bộ là vấn đề cấp bách, là yêu cầu khách quan của sự phát triển cách mạng. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ Nghị quyết của Đảng, nhất là Kết luận của Hội nghị Trung ương 6, khóa IX về công tác tổ chức, cán bộ; trên nền tảng tư tưởng và những chỉ dẫn của Bác Hồ, nhất định đội ngũ cán bộ ngày càng được đổi mới và phát triển, đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng. □

NHÂN PHẨM - GIÁ TRỊ TOÀN CẦU...

(Tiếp theo trang 27)

duy trì hệ thống luật pháp và các thiết chế quốc gia để mang lại cho cá nhân các quyền cơ bản và những cơ hội để hiện thực hóa chúng, các quyền và biện pháp bồi thường thiệt hại đối với những sự vi phạm và khước từ nghĩa vụ bảo đảm của các cơ quan công quyền hay từ những nhóm người nào đó trong xã hội. Các quyền và những biện pháp giải quyết có tính chất pháp lý này nhằm bảo đảm cho các cá nhân và cộng đồng thực thi được các quyền của mình một cách thực tế và triệt để nhất là nhằm chống lại sự vi phạm và chà đạp phẩm giá của cá nhân một cách tùy tiện và vô trách nhiệm của nhà nước. Điều 10 bản Tuyên ngôn viết: "Mọi người đều được hưởng quyền bình đẳng, được xem xét công bằng và công khai bởi một tòa án độc lập và không thiên vị trong việc quyết định các quyền và nghĩa vụ của họ cũng như về bất cứ sự buộc tội nào đối với họ" và Điều 12 viết: "Không ai phải chịu sự can thiệp vô cớ đến đời tư, gia đình, nhà cửa hoặc thư tín, cũng như sự xúc phạm đến danh dự hoặc uy tín cá nhân. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp và xâm phạm như vậy"(8).

Mặc dù Tuyên ngôn ra đời cách đây hơn 50 năm, có thể một vài thuật ngữ và nội dung nào đó không còn bao trùm những quan hệ xã hội mới phát sinh trong thế giới hiện đại, nhưng nó đã và đang trở thành chuẩn mực đạo đức chung để hướng tới và là nguồn pháp lý của hàng loạt các văn kiện quốc tế quan trọng về quyền con người. Hơn thế, những nội dung cơ bản của nó vẫn còn giữ nguyên giá trị nhân văn cao cả và sâu lắng của toàn thể cộng đồng nhân loại và như ngọn đuốc soi đường cho lý tưởng giải phóng con người, cho khát vọng cháy bỏng về, bình đẳng và bác ái trong môi trường hòa bình, ổn định và phát triển của nhân loại. □

(8) Liên hợp quốc: *Sdd*, tr 65

NHẦM tạo lập một thị trường khu vực rộng lớn, xóa bỏ các rào cản thương mại giữa các nước thành viên, nâng cao sức cạnh tranh hàng hóa của mình trên thị trường quốc tế và tăng tính hấp dẫn đầu tư đối với nước ngoài, Hội nghị cấp cao của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) lần thứ 4, tại Xin-ga-po (tháng 1-1990), đã quyết định thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA). Là một thành viên chính thức của Hiệp hội (từ tháng 7-1995), Việt Nam đương nhiên phải thực hiện những thỏa thuận của AFTA.

Nội dung của những cam kết nhằm mở rộng tự do hóa thương mại của các nước ASEAN bao gồm : cắt giảm thuế quan, loại bỏ các rào cản thương mại cho hàng hóa trao đổi giữa các nước thành viên.

Công cụ chính để thực hiện mục tiêu này là Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) với những nội dung cơ bản sau :

Các nước ASEAN sẽ cắt giảm thuế nhập khẩu đối với hàng hóa có xuất xứ 40% từ ASEAN xuống còn 0-5% trong vòng 15 năm. Việc cắt giảm thuế bắt đầu từ ngày 1-1-1993 và kết thúc vào ngày 1-1-2008. Tùy theo mức độ và lịch trình cắt giảm thuế, hàng hóa của các thành viên ASEAN được phân loại theo 4 nhóm danh mục :

- *Danh mục cắt giảm ngay (IL)* gồm những sản phẩm mà các nước thành viên sẵn sàng cắt giảm thuế, xóa bỏ hạn chế định lượng và hủy bỏ hàng rào phi quan thuế. Nằm trong danh mục này có 15 nhóm mặt hàng cần cắt giảm nhanh trong vòng 7 năm như dầu thực vật, phân bón, giấy và bột giấy, sản phẩm cao su... và những mặt hàng được cắt giảm thuế xuống còn 0 - 5% vào năm 2003 đối với 6 nước thành viên cũ (ASEAN 6), năm 2006 đối với 4 nước thành viên mới (ASEAN 4 trong đó có

Việt Nam), 2008 đối với Lào, Mi-an-ma, 2010 đối với Cam-pu-chia.

- *Danh mục loại trừ tạm thời (TEL)* gồm những sản phẩm mà các nước chưa sẵn sàng cắt giảm thuế ngay do cần có thêm thời gian để điều chỉnh sản xuất trong nước thích nghi với môi trường cạnh tranh quốc tế ngày càng tăng. Tuy nhiên, kể từ ngày 1-1-1996 đến 1-1-2000,

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRƯỚC NHỮNG CAM KẾT CỦA CHÍNH PHỦ THAM GIA AFTA

MAI THÀNH

tất cả những sản phẩm này đều phải chuyển dần sang danh mục IL. Đối với Việt Nam, thời hạn trên kéo dài đến năm 2003, Lào, Mi-an-ma đến năm 2005, Cam-pu-chia đến năm 2007.

- *Danh mục hàng nhạy cảm (SL)* gồm các sản phẩm nông nghiệp chưa chế biến, việc cắt giảm được xử lý theo cơ chế riêng vì việc giảm thuế có thể gây tác động lớn đến sản xuất và đời sống trong nước. Thời hạn giảm thuế cho hàng hóa thuộc danh mục này kéo dài tới năm 2010, năm 2013 đối với các nước ASEAN 4, năm 2015 với Lào, Mi-an-ma và năm 2017 với Cam-pu-chia.

- *Danh mục loại trừ hoàn toàn (GEL)* gồm những sản phẩm không đưa vào thực hiện cam kết của AFTA bởi những lý do bảo vệ an ninh quốc gia, đạo đức xã hội, sức khỏe, cuộc sống con người, động, thực vật và bảo vệ các tác phẩm có giá trị nghệ thuật, lịch sử và khảo cổ.

Ngoài ra, các hàng rào phi thuế quan có thể tạo ra rất nhiều trở ngại, làm giảm đáng kể,

thậm chí triệt tiêu ý nghĩa của việc cắt giảm thuế, nên nó đang được các nước ASEAN rất chú trọng. Các nước này đã xác định mục tiêu loại bỏ những hạn chế về số lượng, hạn ngạch giá trị nhập khẩu, giấy phép nhập khẩu... trong vòng 5 năm sau khi sản phẩm được hưởng ưu đãi thuế quan và quyết định tới hết năm 2003 loại bỏ các biện pháp kỹ thuật ảnh hưởng tới thương mại.

Quá trình thực hiện những cam kết đã được các nước ASEAN nghiêm túc và gấp rút thực hiện. Chỉ mới hết năm 1999, tổng số các mặt hàng được đưa vào danh mục IL của 10 nước ASEAN đã là 53 254, chiếm 82,78% ; thuế suất trung bình giảm xuống còn 3,87% (so với khi bắt đầu thực hiện AFTA năm 1993 là 12,76%). Song, trước xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế, sự cạnh tranh ngày càng tăng giữa các khu vực kinh tế thế giới, các nước thành viên còn chủ trương đẩy nhanh hơn nữa tiến trình thực hiện. Đối với Việt Nam, lộ trình thực hiện những cam kết được phép kéo dài hơn so với những nước thành viên cũ của các nước ASEAN. Tuy vậy, đến năm 2002, Việt Nam cũng đã chuyển được 5 550 dòng thuế vào danh mục IL trên tổng số khoảng 6 400 dòng thuế sẽ được thực hiện cắt giảm theo CEPT. Thuế suất bình quân của các dòng thuế trong danh mục IL giảm xuống còn 7,3%. Trong năm 2003, Việt Nam sẽ tiếp tục chuyển 760 dòng thuế trong danh mục TEL vào danh mục IL. Danh mục hàng nông sản chưa chế biến nhạy cảm (SL) của Việt Nam gồm 51 dòng thuế, danh mục GEL gồm 139 dòng thuế. Cùng với việc cắt giảm thuế, Việt Nam cũng tiến hành nghiên cứu các biện pháp nhằm loại bỏ hàng rào phi thuế quan như : đưa ra lộ trình bãi bỏ giấy phép cụ thể cho từng mặt hàng trong số 15 mặt hàng hiện còn quản lý bằng hạn ngạch...

Thực chất của việc thực hiện các cam kết của AFTA/CEPT chính là vừa đạt được mục tiêu đề ra về tự do hóa thương mại trong khu vực, vừa tạo thuận lợi cho các nước thành viên

nâng cao năng lực cạnh tranh, ổn định sản xuất, tăng trưởng và phát triển bền vững. Điều này, một mặt, tạo nên thị trường xuất khẩu rộng lớn hơn, phân bổ lại sản xuất trong các nước một cách có hiệu quả ; mặt khác, cho phép người tiêu dùng được hưởng những sản phẩm chất lượng tốt hơn với giá rẻ hơn... Chính vì vậy, đối với những nước kinh tế chậm phát triển như Việt Nam, sức cạnh tranh của nền kinh tế nói chung, cũng như của các doanh nghiệp còn yếu, thì đây lại là một thách thức rất lớn. Thách thức đó thể hiện qua sức ép đối với các doanh nghiệp Việt Nam (DNVN) cả trên thị trường trong nước và nước ngoài. Chẳng hạn, ở thị trường trong nước, theo lịch trình cắt giảm thuế của Việt Nam trong giai đoạn 2001-2006, những mặt hàng hiện đang được bảo hộ cao bằng thuế như xe máy, rượu bia, các sản phẩm điện dân dụng, điện tử... sẽ bị cắt giảm thuế nhập khẩu từ mức thuế rất cao (100%, 60%, 40%) xuống ngay mức thuế thấp (20%, 15%, 10%) để kịp đạt mức 0-5% vào năm 2006. Những mặt hàng khác tuy mức thuế nhập khẩu thấp song được bảo hộ chặt chẽ bằng các biện pháp định lượng, cấm nhập khẩu như phân bón, xăng dầu, sắt thép... cũng sẽ phải dỡ bỏ dần hàng rào phi thuế quan. Rõ ràng khi đó các DNVN không thể trông chờ được sự bảo hộ từ "tấm lá chắn" của Nhà nước mà phải cạnh tranh trực diện với các đối thủ nước ngoài, giữa sản phẩm nội địa và sản phẩm nhập khẩu. Trên thị trường nước ngoài, do cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là hàng nông sản chưa chế biến, được xếp vào danh mục hàng nông sản chưa chế biến nhạy cảm cao để làm chậm tiến trình giảm thuế, nên sự hưởng lợi từ CEPT sẽ bị hạn chế. Lợi ích từ việc xuất khẩu những hàng công nghiệp chế biến khác của các DNVN lại phụ thuộc vào khả năng cạnh tranh của chính những sản phẩm ấy trên thị trường các nước ASEAN. Tuy nhiên, khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp chế biến của Việt Nam

chưa cao. Điều đó thể hiện qua bức tranh toàn cảnh về các DNVN, như sau :

- Phần lớn các doanh nghiệp đều là những doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong số khoảng 53 000 doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có tới hơn 90% doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, với số vốn dưới 5 tỉ đồng.

- Trình độ kỹ thuật công nghệ của các doanh nghiệp nhìn chung yếu và thiếu. Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị ở nhiều doanh nghiệp lạc hậu và thiếu tính đồng bộ, đặc biệt đối với khu vực ngoài quốc doanh ; công suất sử dụng máy móc thấp ; kỹ năng quản lý, trình độ công nhân có tay nghề cao còn nhiều hạn chế.

- Các doanh nghiệp chưa thật sự năng động trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều đó thể hiện rõ qua thực tế hầu hết các doanh nghiệp chưa chủ động được nguồn nguyên liệu, đầu vào sản xuất, cũng như nguồn vốn đầu tư sản xuất, chưa có chiến lược kinh doanh và ổn định thị trường tiêu thụ.

- Mặc dù thời gian qua Nhà nước đã tạo cơ chế khuyến khích phát triển, nhưng nhìn chung môi trường sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Theo kết quả điều tra năm 1999 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), trong tổng số 700 doanh nghiệp trả lời phiếu điều tra, bao gồm : 68% doanh nghiệp nhà nước, 28% doanh nghiệp ngoài quốc doanh, 4% các liên doanh, có tới 60% doanh nghiệp trả lời còn gặp khó khăn về mua ngoại tệ do thủ tục rườm rà, phức tạp, ngân hàng không có đủ ngoại tệ cung cấp, tỷ giá luôn thay đổi ; 53% doanh nghiệp cho rằng Luật Thuế còn gây khó khăn cho hoạt động của mình, ngay cả việc hoàn thuế giá trị gia tăng cũng không phải tất cả các doanh nghiệp đều được hoàn thuế theo đúng thời gian quy định ; 70% doanh nghiệp cho việc thu lệ phí còn rất nhiều vướng mắc ; chỉ có 5% doanh nghiệp được nhận bảo lãnh tín dụng xuất khẩu...

Từ đó, hiệu quả kinh doanh của các DNVN nhìn chung còn thấp. Theo đánh giá chung, đến năm 2000, chỉ có 40% DNVN hoạt động có hiệu quả, 40% chưa hiệu quả (khi lãi, khi lỗ không ổn định), 20% bị thua lỗ triền miên. Và dù được hưởng nhiều ưu đãi của Nhà nước, nhưng tỷ suất lợi nhuận trước thuế và hiệu suất sử dụng vốn của DNVN đang có xu hướng giảm.

Trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, năng lực và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu còn nhiều hạn chế. Kết quả cuộc điều tra các doanh nghiệp xuất khẩu của VCCI năm 2000 cũng cho thấy, chỉ có 38% số doanh nghiệp được điều tra có số vốn đăng ký trên 100 ngàn USD, 31% số doanh nghiệp có vốn đăng ký từ 50 - 100 ngàn USD, 31% số doanh nghiệp có vốn đăng ký dưới 50 ngàn USD. Cũng theo số liệu đó, chỉ có 7% số doanh nghiệp đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 triệu USD, 13% số doanh nghiệp đạt từ 500 ngàn đến 1 triệu USD, 51% số doanh nghiệp đạt kim ngạch từ 100 đến 500 ngàn USD, số còn lại là dưới 100 ngàn USD.

Như vậy, các DNVN chưa thực sự là những đầu đàn kinh tế đủ mạnh để vươn lên làm cho sản phẩm Việt Nam cạnh tranh với những sản phẩm của các đối thủ có tiềm lực mạnh hơn trong khối ASEAN. Nếu tình trạng này không sớm được khắc phục, DNVN sẽ phải chịu sức ép lớn cả trên thị trường trong nước và quốc tế. Sức ép này sẽ ngày càng tăng cùng với sự rút ngắn tiến trình hoàn thành AFTA. Việt Nam được phép hoàn thành cam kết chậm hơn các nước khác, nhưng về phương diện kinh tế nếu càng kéo dài việc hoàn thành các cam kết AFTA, nghĩa là càng duy trì bảo hộ đối với sản xuất trong nước, thì các doanh nghiệp càng dựa dẫm vào Nhà nước và như vậy càng đẩy họ tụt hậu hơn so với doanh nghiệp nước ngoài trong cuộc chạy đua quyết liệt này. Do vậy, sự điều chỉnh, chuẩn bị của các doanh nghiệp trong tiến trình thực hiện các cam kết là điều vô cùng cần thiết và cấp bách.

Mặc dầu vậy, cho đến nay, tuy đã 7 năm thực hiện lịch trình cắt giảm thuế theo CEPT, nhưng nhìn chung các DNVN còn chưa nhận thức được hết tính chất quyết liệt của cuộc cạnh tranh có thể dẫn họ đến nguy cơ bị mất thị phần ngay trên thị trường nội địa và cũng không phải dễ dàng tăng được thị phần trên thị trường các nước ASEAN. Có thể nói, các doanh nghiệp chưa thật sự chuẩn bị đầy đủ điều kiện nhằm khai thác, tận dụng hiệu quả những thuận lợi do việc triển khai AFTA đem lại. Kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương cho thấy, mới chỉ có khoảng 60% số doanh nghiệp (được điều tra) có bộ phận nghiên cứu triển khai để xuất khẩu; song, năng lực nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm của những bộ phận này rất hạn chế, nên cũng không dễ dàng tạo được khả năng cho các doanh nghiệp tiếp cận với thị trường nước ngoài nhằm hưởng những ưu đãi về thuế của CEPT. Hầu hết các DNVN đều chưa xây dựng được hệ thống thông tin thị trường ở các nước ASEAN. Thông tin phần lớn được thu thập phần nhiều qua các nguồn không chính thức, thiếu tính hệ thống, không có tính cập nhật nên khó có giá trị trong việc ra các quyết định kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp chưa thực sự điều chỉnh sản xuất kinh doanh theo lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu, xóa bỏ hàng rào phi thuế, theo tiến triển trong phương diện hợp tác giữa các nước ASEAN về hài hòa tiêu chuẩn và chất lượng, tiêu chuẩn vệ sinh dịch tễ. Thậm chí, có khá nhiều doanh nghiệp chưa sử dụng Mẫu (Form) D để hưởng thuế ưu đãi theo CEPT. Rất ít doanh nghiệp quan tâm đến những hình thức liên kết đầu tư nội bộ ASEAN (AIA), hợp tác công nghiệp ASEAN (AICO) cho dù những điều kiện tham gia đã được nói lỏng để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia từ năm 1999...

Thực hiện những cam kết của AFTA sẽ không tránh khỏi những thách thức lớn, nhất là đối với các DNVN còn nhỏ bé, thiếu kinh nghiệm thương trường. Nhưng tiếp tục duy trì

sự bảo hộ nhà nước bằng các hàng rào phi thuế quan sẽ không còn phù hợp với các thông lệ quốc tế. Chính vì vậy, những nội dung như đã nêu trong Dự thảo phương án lộ trình cắt giảm hạn chế định lượng và hàng rào phi thuế quan trong tiến trình thực hiện khu vực thương mại tự do ASEAN của Bộ Thương mại là hướng đi đúng đắn, đảm bảo sự hỗ trợ thật cần thiết, nhưng phải hợp lý cho các DNVN. Tuy nhiên, trong xu thế đẩy nhanh tiến trình hoàn thành AFTA của các nước ASEAN như đã nêu ở trên, rõ ràng các DNVN không còn cách lựa chọn nào khác để tồn tại và phát triển ngoài việc phải thực sự nỗ lực, vươn lên làm ăn có hiệu quả để gấp rút nâng cao năng lực cạnh tranh. Để thực hiện có hiệu quả vấn đề đó, chúng tôi xin nêu mấy giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng lịch trình cắt giảm thuế của Việt Nam, cũng như của các nước ASEAN, tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn những mặt hàng có lợi thế cạnh tranh để chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất ra những mặt hàng có khả năng đứng vững trên thị trường nội địa và thị trường các nước ASEAN; đồng thời, tận dụng được những ưu đãi miễn giảm thuế do CEPT đem lại trong việc xuất khẩu hàng hóa Việt Nam ra nước ngoài.

Do cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam hiện nay chủ yếu là hàng nông sản chưa chế biến nên việc duy trì cơ cấu hàng nông sản xuất khẩu như vậy không những đem lại giá trị gia tăng thấp, mà ngược lại còn làm hạn chế những lợi ích do CEPT đem lại. Do vậy, cần chuyển nhanh, mạnh sang sản xuất hàng hóa chế biến sâu, giảm tối đa sản xuất hàng nguyên liệu, giảm tới mức thấp nhất việc xuất khẩu các mặt hàng sơ chế. Nên phối hợp, bàn bạc với các nước trong khu vực nhằm chuyên môn hóa sản xuất, tránh sự cạnh tranh trong khối do sự tương đồng sản phẩm tạo ra. Đồng thời, nghiên cứu sản xuất những mặt hàng có triển vọng, phù hợp với xu hướng quốc tế hay những mặt hàng độc đáo.

Thứ hai, đổi mới và hiện đại hóa công nghệ sản xuất. Ngày nay, công nghệ ngày càng trở thành yếu tố có ý nghĩa quyết định tới khả năng cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp. Trong khi đó, trình độ công nghệ của Việt Nam hiện nay còn lạc hậu tới khoảng 15 đến 20 năm so với mức trung bình của thế giới. Bởi vậy, đây đang trở thành vấn đề bức xúc cần có sự quan tâm đúng mức, trước hết bằng cách Nhà nước tăng cường cung cấp các thông tin thị trường về chuyển giao công nghệ; hoàn thiện những cơ chế, chính sách tạo môi trường thông thoáng hơn nữa cho việc chuyển giao công nghệ mới và hiện đại. Trong điều kiện còn gặp nhiều khó khăn về vốn, các doanh nghiệp cần nghiên cứu đổi mới ở những khâu công nghệ có ý nghĩa quyết định đến việc nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm; kết hợp sử dụng linh kiện, phụ tùng máy móc do cả trong và ngoài nước sản xuất; tăng cường sử dụng các kết quả nghiên cứu của các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước để nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ cho doanh nghiệp mình... Quyết không vì thành tích chủ nghĩa mà khởi sự những doanh nghiệp, những công nghệ trong nước có chi phí sản xuất cao hơn nhập ngoại.

Thứ ba, cải thiện môi trường kinh doanh hơn nữa cho các DNVN. Hạn chế, dần tới xóa bỏ các loại phụ thu bất hợp lý trong xuất nhập khẩu để giảm chi phí đầu vào cho sản xuất trong nước, cũng như xuất khẩu. Thuế tiêu thụ đặc biệt không nên đánh quá cao để làm giảm tính cạnh tranh của sản phẩm, kích thích các hành vi buôn lậu và gian lận thương mại. Giảm bớt những thủ tục hải quan để tránh gây phiền nhiễu hoặc làm tăng chi phí không đáng có cho các doanh nghiệp. Thuế hải quan nên được áp dụng mức thấp nhất đối với những hàng hóa sử dụng đa mục đích nhằm tránh tình trạng doanh nghiệp phải chịu mức thuế cao nhất như hiện nay. Ngoài ra, khó khăn lớn nhất hiện nay

của các doanh nghiệp (đặc biệt doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ) là vấn đề thiếu vốn lưu động. Nhưng để vay được vốn của ngân hàng, các doanh nghiệp đang gặp nhiều trở ngại trong việc thế chấp. Cụ thể là, quyền sử dụng đất chưa được ngân hàng sử dụng làm vật thế chấp để vay và cho vay một cách phổ biến. Vì thế, các bên hữu quan như ngân hàng, ngành tư pháp, văn phòng công chứng, chính quyền địa phương và doanh nghiệp cần phối hợp xem xét, đánh giá giá trị của đất và bất động sản để ngày càng có nhiều doanh nghiệp sử dụng được chúng làm vật thế chấp để vay vốn ngân hàng đầu tư phát triển. Theo ý kiến của nhiều nhà doanh nghiệp những chi phí khác như chi phí viễn thông, điện, nước cũng cần được giảm nhiều hơn nữa... để tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm của các doanh nghiệp.

Thứ tư, đẩy nhanh tiến trình cải cách doanh nghiệp nhà nước theo hướng tạo môi trường thông thoáng, bình đẳng cho các doanh nghiệp. Chỉ có như vậy mới giảm thiểu những ưu đãi không đáng có đối với DNNN, khắc phục tính ỷ lại, từ đó phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ dám làm để vươn lên bằng cách tăng hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thứ năm, phát huy cao độ tinh thần nỗ lực vươn lên của các doanh nghiệp về mọi mặt. Phải xác định rõ rằng, các DNVN chính là những "người" trực tiếp đối mặt trong cuộc cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ nước ngoài. Do đó, tự bản thân các doanh nghiệp phải nhanh chóng xác định được mình còn yếu ở những điểm nào trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý, thị trường... Từ đó, lựa chọn, xây dựng cho mình chiến lược sản xuất, chiến lược sản phẩm, nghiên cứu thị trường và đối thủ cạnh tranh một cách bài bản, để đầu tư nghiên cứu triển khai, phát triển sản phẩm, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản xuất. □

Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở KHU VỰC ĐÔ THỊ

DƯƠNG TÙNG

LỊCH sử loài người đã từng chứng kiến hai cuộc cách mạng đô thị. Đáng chú ý là cuộc cách mạng đô thị lần thứ hai gắn với cuộc cách mạng kỹ thuật công nghiệp từ giữa thế kỷ XVIII ở châu Âu và sau đó lan ra Bắc Mỹ. Ngày nay, các nhà khoa học đang theo dõi cuộc cách mạng đô thị lần thứ ba, diễn ra ở phần lớn các nước đang phát triển, nơi mà tỷ lệ dân số đô thị chiếm khoảng 20-30% toàn bộ số dân.

Cuộc cách mạng đô thị lần thứ ba dường như lặp lại cách mạng đô thị lần thứ hai, nhưng có nét độc đáo, quyết liệt và mạnh mẽ hơn nhiều. Có thể hình dung đô thị hóa là một quá trình kinh tế - xã hội - lịch sử mang tính tất yếu, nhất là ở những nước bước vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nó là quá trình tổ chức lại môi trường cư trú của con người, ở đó bên cạnh mặt địa lý, dân số, còn có mặt kinh tế, xã hội và văn hóa rất đặc trưng, khác hẳn lối sống làng bản, xóm ấp ở nông thôn. Đặc trưng bao trùm ở khu vực đô thị là lối sống phi nông nghiệp. Với tính năng động và tự do cá nhân, mọi người dựa vào đồng lương, vào kinh doanh sản xuất hoặc thương mại, dịch vụ. Khu vực đô thị thường có các công trình công cộng phúc lợi xã hội, có hệ thống giao thông và thông tin khá thuận lợi và hoàn chỉnh. Ngoài nét chung đó, đô thị hóa ở Việt Nam còn có nét riêng thể hiện ở chỗ, quá trình đô thị hóa diễn ra chưa cắt đứt hoàn toàn với mô hình văn hóa nông thôn, nông nghiệp và

còn nhiều vấn vương với lối sống cũ của nền kinh tế bao cấp, của phương thức hoạt động thời chiến. Và từ đây, cũng thể hiện mặt mạnh và cả mặt hạn chế trong đô thị hóa ở Việt Nam.

Khu vực đô thị giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Nó là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của cả nước và từng địa phương. Ở nước ta, trong công cuộc đổi mới, tốc độ mở mang đô thị chuyển động rất mạnh. Nó phản ánh nhịp điệu phát triển hối hả trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nếu năm 1995, cả nước có trên 400 đô thị với số dân 11,8 triệu người, chiếm 20% số dân toàn quốc thì năm 2000, đã mở rộng tới 646 đô thị, với khoảng 18 triệu người, chiếm 24% dân số toàn quốc. Sự phát triển đô thị trong thời gian qua chủ yếu dựa trên cơ sở các đô thị hiện có và các đô thị mới hình thành từ thị tứ, thị trấn, khu hoạt động dịch vụ, khu kinh tế cửa khẩu và khoảng gần 100 khu công nghiệp, khu chế xuất công nghệ cao. Tuy nhiên, do nhận thức quá trình đô thị hóa còn giản đơn, do thiếu quy hoạch tổng thể và đồng bộ, do không dự báo hết những vấn đề văn hóa xã hội phức tạp nảy sinh nên xuất hiện xu hướng đô thị bị đẩy đến sự tập trung quá mức, quá tải, có nhiều biểu hiện thiếu lành mạnh trong phát triển. Đường phố mới mở ra ngổn ngang, nhà cửa xây dựng hỗn loạn, phá vỡ tổng thể kiến trúc và cảnh quan đô thị; không gian đô thị bành trướng, lấn lướt các vùng nông nghiệp ngoại vi; nhiều nơi xảy ra tình trạng

dồn nén về dân số, lúng túng về hệ thống dịch vụ, về việc làm, về khả năng đáp ứng của cơ sở hạ tầng. Đồng thời kéo theo hàng loạt tệ nạn xã hội như thất nghiệp, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm, ma túy, đặc biệt là sự ùn tắc xe cộ và tai nạn giao thông xảy ra đến mức báo động, gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường sống nghiêm trọng.

Xu hướng mở rộng và phát triển đô thị với tốc độ cao, quy mô lớn tạo ra nhiều cơ hội để người dân thay đổi vị thế, cải thiện đời sống của mình. Nhưng nó cũng đặt ra nhiều thách thức, đòi hỏi các cấp, các ngành, đặc biệt ngành văn hóa - thông tin phải mạnh dạn đổi mới tư duy, nâng cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thiện năng lực chuyên môn, chủ động tham mưu, vạch phương hướng, tìm ra nội dung và phương thức phù hợp, xây dựng đời sống văn hóa nói chung, đặc biệt đời sống văn hóa cơ sở ở khu vực đô thị, nhằm tạo ra sức mạnh nội sinh cho tăng trưởng kinh tế - xã hội, đồng thời tác động trực tiếp đến sự phát triển của các khu vực khác trên địa bàn cả nước.

Khái niệm "đời sống văn hóa cơ sở" đã được sử dụng trong ngành văn hóa ở nước ta từ năm 1982. Ai cũng biết, cơ sở là đơn vị cuối cùng của hệ thống tổ chức xã hội. Cơ sở có mạnh và phát triển đồng đều thì từng địa phương, từng ngành và cả nước mới mạnh. Cơ sở thuộc khu vực đô thị là khu phố, khối phố, tổ dân phố, khu tập thể (được gọi chung là khu phố). Đời sống văn hóa là một bộ phận của đời sống xã hội, mà đời sống xã hội là một phức thể những hoạt động sống của con người. Nó nhằm đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của con người ở từng giai đoạn lịch sử nhất định. Nhu cầu vật chất làm con người tồn tại như một thực thể sống, còn nhu cầu tinh thần lại giúp con người tồn tại như một sinh thể xã hội, một nhân cách văn hóa.

Từ năm 1991, phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở khu vực đô thị được tiếp thêm sức mạnh nhờ cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" do Đảng, Nhà

nước ta phát động và chỉ đạo. Nhiều tỉnh, thành phố, cấp ủy, chính quyền đã ra nghị quyết và các văn bản có liên quan đến việc xây dựng nếp sống văn minh đô thị, xây dựng khu phố văn hóa, gia đình văn hóa. Đảng bộ và Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có Nghị quyết và phân định chỉ tiêu xây dựng nếp sống văn minh đô thị cho tỉnh mình. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh lấy năm 2001 và 2002 là "năm trật tự đô thị" và kiên trì thực hiện chương trình "Ba giảm" (giảm ma túy, mại dâm và tệ nạn). Thành phố Hà Nội từng bước xây dựng phong trào "Người Hà Nội văn minh, thanh lịch, hiện đại". Thành phố Đà Nẵng sôi động với khẩu hiệu "Năm không" (không hộ đói, không có người mù chữ, không có người lang thang xin ăn, không có người nghiện ma túy, không có giết người cướp của). Các tỉnh, thành phố Hải Phòng, Nam Định, Bình Định, Cà Mau, Cần Thơ, Tây Ninh, Bình Dương, Tiền Giang... đều đã chủ động soạn thảo và ban hành quy chế công nhận danh hiệu "khu phố văn hóa", "cơ quan văn hóa", "trường học văn hóa", trong khi Bộ Văn hóa - Thông tin chưa kịp ban hành văn bản chính thức.

Nội dung tổ chức xây dựng đời sống văn hóa đô thị cũng phong phú, đa dạng: phải xây dựng từ trong mỗi gia đình đến cộng đồng xã hội; từ khu phố, cơ quan, công sở, trường học, đến bãi chợ, bến cảng, bến xe; từ sân tập võ cho người già, câu lạc bộ cho chị em phụ nữ, đến khu vui chơi giải trí cho con trẻ... Tất cả đều phải được nhìn qua lăng kính văn hóa, được tổ chức, xây dựng theo tinh thần và giá trị văn hóa.

Xây dựng gia đình văn hóa được coi là nền tảng, là cốt lõi, thúc đẩy quá trình vận động xây dựng khu phố văn hóa. Nội dung xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa thường gắn với việc thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo, với việc làm từ thiện; gắn với nhiệm vụ phòng chống các tệ nạn, thực hiện chỉ tiêu dân số kế hoạch hóa gia đình, giữ gìn an ninh trật tự xã hội, xây dựng nếp sống văn minh nơi công cộng...

Hoàn thiện từng bước thiết chế văn hóa cũng là nội dung không thể thiếu được tại địa bàn cơ sở. Thực ra ở thời đại nào cũng cần đến thiết chế văn hóa để chuyển tải văn hóa chính thống của nhà nước đến mỗi thành viên của cộng đồng, đồng thời tổ chức đời sống văn hóa tại khu vực dân cư của họ. Đời sống văn hóa cơ sở phải diễn ra sinh động trong hoạt động sản xuất, truyền bá, tiêu dùng những sản phẩm văn hóa. Để các hoạt động này đạt hiệu quả, cần 3 yếu tố : 1- Có bộ máy nhân sự thạo chuyên môn, thạo quản lý ; 2- Có thể chế đủ những quy định nghiêm ngặt ; 3- Có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ và ngày càng hoàn thiện. Cả ba yếu tố trên đây quy tụ vào một cơ quan như nhà văn hóa, trung tâm văn hóa... được gọi là thiết chế văn hóa. Ngày nay, xu hướng chung là xây dựng những "Trung tâm văn hóa". Đây là thiết chế tổng hợp, ở đó nhiều không gian có thể bao chứa các dạng hoạt động văn hóa cơ sở (như nhà truyền thống, câu lạc bộ, sân khấu, thư viện...). Trong hoàn cảnh hiện tại, để tháo gỡ những khó khăn trước mắt, nhiều địa phương đã có sáng kiến tận dụng những cơ sở vật chất có sẵn như nhà thờ, nhà kho, trụ sở, trường học, khoảng đất trống, thậm chí nhà dân để tạo lập những tụ điểm sinh hoạt văn hóa.

Điều đáng nói là, trong thời gian qua, các nội dung xây dựng đời sống văn hóa cơ sở khu vực đô thị đều gắn với việc thực hiện các Chỉ thị 87/CP, 88/CP của Chính phủ về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn nghiêm trọng ; Chỉ thị 27/CT-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thực hiện nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang, lễ hội ; Nghị định 36/CP của Chính phủ về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đô thị...

Phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở khu vực đô thị tuy đi sau một bước so với phong trào xây dựng Làng văn hóa ở khu vực nông thôn, nhưng những gì ba năm qua phong trào thu được, đã để lại những bài học quý giá :

Thứ nhất, sự quan tâm của cấp ủy và chính quyền với một phương hướng chỉ đạo và một cơ chế tổ chức thống nhất là điều kiện tiên quyết dẫn đến thành công của phong trào. Hiện tại, tất cả mọi hoạt động văn hóa ở đơn vị cơ sở đều được Ban vận động phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", hướng dẫn tổ chức thực hiện, đôn đốc, kiểm tra và uốn nắn. Phong trào đã được mở rộng ở khắp nơi. Tính đến tháng 4-2002, cả nước đã có 6 510 khu phố văn hóa ; 10 566 đơn vị, cơ quan, trường học văn hóa. Tính riêng 34 tỉnh, thành phố có 8 948 840 hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa (chiếm 77,94% tổng số hộ trong cả nước), trong đó có 5 846 715 hộ được công nhận là gia đình văn hóa (đạt 56,3 %).

Ngành văn hóa - thông tin đã chủ động nắm bắt thực tiễn và xu hướng phát triển của từng đô thị, tích cực tham mưu với cấp ủy và chính quyền địa phương, kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn, đặc biệt thống nhất tiêu chí về một đơn vị văn hóa cơ sở khu vực đô thị ; những tiêu chí căn bản xây dựng một khu phố văn hóa, gia đình văn hóa, một cơ quan, đơn vị, trường học văn hóa. Nếu làm tốt sẽ sớm khắc phục được tình trạng xuê xoa trong thẩm định, đánh giá hoặc máy móc, rập khuôn theo những tiêu chí của khu vực nông thôn.

Ý thức được nét đặc thù của đời sống văn hóa đô thị, ngành văn hóa - thông tin đã xác định những giải pháp tổ chức thực hiện mang tính khả thi : Tập trung vào việc nâng cao ý thức tự giác của từng công dân đô thị chấp hành pháp luật, giữ gìn trật tự an toàn giao thông, giữ sạch vệ sinh môi trường, chăm lo cho vẻ đẹp cảnh quan nơi cư trú...

Để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, công tác thanh tra, kiểm tra, truy quét các sản phẩm văn hóa xấu, độc được coi là biện pháp thường xuyên liên tục, phối hợp chặt chẽ việc xây và chống trong từng địa phương. Nhiều tỉnh đã tổ chức các lớp tập huấn để thực hiện chỉ thị

87/CP, 88/CP cho các hộ kinh doanh văn hóa phẩm, các hộ làm công việc dịch vụ văn hóa, xây dựng ý thức tự giác chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước. Ở thành phố Đà Nẵng, nhiều cấp ủy đã trực tiếp tham gia xây dựng kế hoạch, phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc với các nội dung thiết thực, cụ thể : phòng chống ma túy, tố giác tội phạm, quản lý giáo dục người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư. Thành phố chỉ đạo tập trung duy trì 15 xã, phường không có tệ nạn mại dâm, không có tệ nạn ma túy. Nhiều phường trong thành phố đã xây dựng được các mô hình "mười nhà ba quản", "tổ nhân dân tự quản", "cụm liên kết bảo vệ trật tự". Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân thành phố nhận đỡ đầu, giáo dục và cảm hóa 224 đối tượng thanh thiếu niên chưa ngoan, nay đã có 63 cháu tiến bộ ; phối hợp với các đoàn thể khác quản lý giáo dục 772 đối tượng, có 234 đối tượng tiến bộ, ngăn ngừa 27 vụ có hành vi phạm pháp.

Thứ hai, phát huy vai trò làm chủ của mọi tầng lớp nhân dân trong hoạt động văn hóa. Nâng cao đời sống văn hóa là sự nghiệp của toàn xã hội. Xã hội hóa hoạt động văn hóa giờ đây đã thành nét đẹp truyền thống của nhiều cộng đồng dân cư. Nó thu hút trí tuệ, nhân lực, vật lực, tài lực của toàn xã hội, thúc đẩy hoạt động văn hóa, đáp ứng nhu cầu tinh thần ngày càng cao của nhân dân.

Điểm nổi bật của phong trào xã hội hóa là nhân dân trực tiếp góp công, góp tiền, góp sức vào xây dựng cơ sở hạ tầng, cải tạo và làm mới đường giao thông, làm vệ sinh môi trường, xây dựng thiết chế văn hóa. Có nhiều điển hình đáng ghi nhận, chẳng hạn nhân dân phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk) đã tự nguyện góp vốn xây dựng và trồng cây tất cả các con đường của phường. Đến nay, 100% đường trong phường Thắng Lợi đã được nhựa hóa, bê-tông hóa ; hàng vạn mét vuông vỉa hè được dân tự làm, tự bảo quản, sạch đẹp, thông thoáng... Phường Hưng Bình (thành

phố Vinh, Nghệ An) trong 3 năm đã huy động được 156 triệu đồng, cải tạo toàn bộ cơ sở hạ tầng và xây dựng đủ thiết chế văn hóa của phường.

Nhiều sáng kiến của dân như xây dựng "cầu thang văn hóa" "số nhà đông hộ văn hóa", "tộc họ văn hóa", tổ chức gắn biển "khu phố văn hóa" ; "đường phố văn hóa" đã mang lại niềm vui, niềm tự hào của từng cộng đồng dân cư.

Thứ ba, củng cố và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa cơ sở. Hiện chưa có chính sách định biên cán bộ văn hóa cấp phường, xã. Để gắn công tác xây dựng đời sống văn hóa với quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa - thông tin ở địa bàn cơ sở, một số địa phương đã có sáng kiến bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ cơ sở bán chuyên ; thành lập câu lạc bộ chủ nhiệm khu phố văn hóa (như Cần Thơ, thành phố Hồ Chí Minh) ; mở các hội thi "cán bộ văn hóa thông tin cơ sở giỏi", hội thi "tổ trưởng đường phố toàn năng" (như Hải Phòng, Hà Nội).

Ở Cần Thơ, 100% phường, thị trấn đã có từ một đến bốn cán bộ công tác văn hóa - thông tin, trong đó trên 60% có trình độ trung cấp. Để rèn luyện đội ngũ này trong hoạt động thực tiễn, thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh đã tổ chức liên hoan và khẳng định các mô hình văn hóa qua các cuộc thi : thi cảnh quan môi trường, nhà thông tin, thi cán bộ văn hóa thông tin giỏi, chủ nhiệm khu vực văn hóa giỏi ; thi chợ trật tự vệ sinh, cơ quan, trường học có đời sống văn hóa tốt, tạo nên không khí vui tươi, phấn khởi trong nhiều tầng lớp nhân dân, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào.

Ở Hội An (Quảng Nam), ngành văn hóa rất chú trọng bồi dưỡng kiến thức, hướng dẫn nghiệp vụ, cách thức hoạt động cho đội ngũ cán bộ quân, dân, chính, đảng, cán bộ phụ trách các tổ dân cư, bởi Hội An quan niệm chính đội ngũ này là nòng cốt, trực tiếp tác chiến, quản lý và tiến hành các hoạt động văn hóa ở cơ sở. □

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT Ở SƠN LA

Lời Bộ biên tập : Ngày 26-9-2002, Ban Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.03-02 phối hợp với Tỉnh ủy Sơn La, tổ chức Hội thảo khoa học - thực tiễn : "Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở Sơn La".

Tham dự Hội thảo có các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, Bí thư các huyện ủy và thị xã, Trưởng, Phó các ban của Tỉnh ủy, và một số thành viên tham gia nghiên cứu đề tài KX.03-02.

PGS, TS Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Chủ nhiệm đề tài KX.03-02 và TS Thào Xuân Sùng, Quyền Bí thư Tỉnh ủy, cùng chủ trì Hội thảo.

Trong bầu không khí dân chủ và cởi mở, các đại biểu sôi nổi thảo luận, đưa ra những kinh nghiệm cụ thể sinh động về công tác cán bộ mang tính đặc thù của một tỉnh miền núi Tây Bắc Tổ quốc.

Báo cáo tổng quan sau đây nhằm chuyển tới bạn đọc một số thông tin cơ bản nhất của cuộc Hội thảo.

TỔNG QUAN HỘI THẢO

I. Thành tựu bước đầu đáng ghi nhận

Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, 15 năm đổi mới vừa qua, công tác xây dựng Đảng của tỉnh Sơn La có những bước tiến rất quan trọng. Quán triệt mục tiêu, yêu cầu của cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng, công tác xây dựng Đảng đã được chăm lo toàn diện trên các mặt : chính trị, tư tưởng, tổ chức và được tiến hành song song với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, gắn chặt với việc đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp, xây dựng mặt trận, các đoàn thể nhân dân vững mạnh. Nêu cao

truyền thống đoàn kết thống nhất, Đảng bộ Sơn La lựa chọn đúng hướng phát triển, xác định đúng bước đi và khâu đột phá, lãnh đạo nhân dân nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách, phát huy tiềm năng, kiên trì phấn đấu đưa địa phương từng bước đi lên.

Nhìn lại chặng đường vừa qua, các đồng chí Thào Xuân Sùng, Quyền Bí thư Tỉnh ủy, Hoàng Văn Chất (Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy) và hầu hết các đồng chí tham dự Hội thảo đều cho rằng, công tác xây dựng Đảng của Sơn La có nhiều tiến bộ và nhân mạnh, trong sự tiến bộ đó, công tác cán

bộ, nổi lên là công tác xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt có những tiến bộ khá vững chắc.

Các ý kiến tập trung khẳng định : Cho đến nay, Đảng bộ Sơn La đã hình thành một đội ngũ cán bộ chủ chốt ở tỉnh và huyện đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chính trị trước mắt và đến năm 2010. Đội ngũ cán bộ này có những đặc điểm sau :

- Là con em của 12 dân tộc, hầu hết ở độ tuổi dưới 50. Có thể xếp họ thành 3 thế đội : thế đội 1 sinh từ năm 1954, thế đội 2 sinh từ năm 1960 và thế đội 3 sinh từ năm 1975. Ba thế đội này làm việc đan xen, phối hợp và sẵn sàng đảm nhận công việc thay cho nhau khi cần thiết.

- Đội ngũ này được đào tạo khá cơ bản. Họ đều có trình độ đại học một chuyên ngành và trình độ chính trị cao cấp. Nhiều đồng chí biết ứng dụng tin học vào công việc hằng ngày. Một số đồng chí đọc và nghe được một ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Nga). Hầu hết thành thạo nhiều thứ tiếng dân tộc như tiếng Thái, tiếng Dao, tiếng Mông...

- Đội ngũ này được rèn luyện và luân chuyển qua các nhiệm vụ, chức danh trong các cơ quan của tỉnh và huyện từ năm 1985 trở lại đây. Có đồng chí ở thế đội 1, trong 15 năm được luân chuyển qua ba chức danh : giám đốc sở, bí thư huyện, và nay Thường vụ Tỉnh ủy, trưởng một ban đảng.

- Về cơ bản, phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức của đội ngũ được bảo đảm, có tinh thần và trách nhiệm công tác. Họ gắn bó với địa phương, am hiểu các đặc điểm và hoàn cảnh của tỉnh, nhất là truyền thống, phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc, hòa mình trong nhân dân, được đồng bào, đồng chí, đồng nghiệp tin cậy. Trên cương vị và trách nhiệm được giao, họ đang phát huy tốt các khả năng của mình, có những đóng góp nhất định vào việc thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

II. Những bài học ban đầu

Bằng sự khái quát, với những ví dụ cụ thể trong quá trình công tác của mình, các đại biểu đã đem đến cho Hội thảo nhiều kinh nghiệm sinh động về công tác cán bộ. Mỗi ý kiến cung cấp một cách nhìn, một cách đánh giá, một kinh nghiệm thành công, cũng như chưa thành công... Từ các ý kiến, nổi bật các bài học sau :

1. Đảng bộ Sơn La coi trọng công tác quy hoạch cán bộ. Đây được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của cấp ủy. Nhận thức của Đảng bộ Sơn La về vấn đề này rất rõ ràng : Làm tốt công tác quy hoạch cán bộ là trách nhiệm của chính mình, không thể trông chờ ở cấp trên, và không thể chần chừ. Nó phải được xuất phát từ nhiệm vụ chính trị trước mắt và lâu dài của Đảng bộ. Để quy hoạch có hiệu quả, phải nắm chắc quan điểm của Đảng và mục tiêu, yêu cầu của công tác cán bộ trong thời kỳ mới ; đồng thời, phải phân tích, đánh giá đúng đặc điểm của đội ngũ cán bộ của địa phương. Cấp ủy, và trực tiếp là Ban Thường vụ phải làm quy hoạch cán bộ. Công tác quy hoạch được triển khai toàn diện trên tất cả các mặt : phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, bố trí sử dụng đúng năng lực, đúng sở trường, kịp thời thay thế những cán bộ yếu kém ; xử lý nghiêm cán bộ thoái hóa...

Theo tổng kết của đồng chí Thào Xuân Sùng, trong công tác quy hoạch cán bộ, tỉnh đã chú trọng làm tốt các bước sau :

Bước một : Phân tích đội ngũ cán bộ hiện có và lựa chọn để đưa vào diện quy hoạch. Đội ngũ cán bộ nói chung của Sơn La có thể chia thành ba loại : Cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ doanh nghiệp và cán bộ chính trị. Cần thấy rõ mối quan hệ giữa các loại cán bộ để từ đó có thể tìm được các cán bộ chính trị tốt. Các chức danh chủ chốt ở tỉnh và huyện là cán bộ chính trị. Các chức danh này gắn với chế độ bầu cử, qua các kỳ Đại hội Đảng và Hội đồng nhân dân. Do đó,

để họ có thể trúng cử, phải thận trọng lựa chọn ngay từ khi quy hoạch. Cán bộ chính trị phải là người có uy tín trong đồng nghiệp, trong tập thể, trong tổ chức đoàn thể nhân dân mà họ tham gia, phải có năng lực và kinh nghiệm vận động quần chúng, đã trải qua nhiều thử thách, nhiều công việc và hoàn thành tốt mọi việc. Đó là nguồn để lựa chọn, quy hoạch đội ngũ cán bộ chính trị gồm những người ưu tú nhất trong các tổ chức đoàn thể chính trị, trong các đơn vị khoa học, kỹ thuật, đơn vị kinh tế, lực lượng vũ trang...

Bước hai : Giao việc hết sức cụ thể và thường xuyên đánh giá kịp thời mức độ hoàn thành từng công việc được giao của cán bộ theo thời gian, theo mục tiêu và yêu cầu đã xác định. Đánh giá công tác là một phần nội dung của việc đánh giá cán bộ nói chung.

Bước ba : Luân chuyển cán bộ qua nhiều cương vị và nhiệm vụ công tác.

Bước bốn : Thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm tra và giám sát cán bộ để nắm chắc quá trình phấn đấu rèn luyện trong thực tiễn của từng cán bộ.

2. Đảng bộ Sơn La thực hiện nghiêm túc việc đánh giá cán bộ

Nhiều ý kiến, trong đó có ý kiến của đồng chí Bùi Minh Sơn, Bí thư huyện ủy Mai Sơn, đồng chí Thảo Xuân Sùng cho rằng đánh giá cán bộ là khâu quan trọng nhất, nhưng cũng là khâu khó nhất và dễ sai lầm nhất trong công tác cán bộ. Đánh giá cán bộ phụ thuộc vào nhiều vấn đề như : mối quan hệ giữa người được đánh giá với tập thể, với cán bộ lãnh đạo ; trình độ, tư chất, cách nhìn và uy tín của người đứng đầu... vấn đề đặt ra là tất cả những đánh giá về cán bộ, có khách quan, vô tư hay không ? Và có thật đúng, thật sát với bản chất của người được đánh giá hay không ?

Vậy, đánh giá cán bộ như thế nào là đúng ? Các ý kiến đều khẳng định, phải nắm vững và tuân thủ nghiêm ngặt các quan điểm, yêu cầu

và nguyên tắc chung về đánh giá cán bộ do Đảng ta đã quy định. Tuy nhiên, ở hoàn cảnh Đảng bộ Sơn La, bên cạnh việc tuân thủ nghiêm ngặt các quan điểm, yêu cầu, nguyên tắc đó còn phải hết sức linh hoạt, có tình và có lý. Các ý kiến phát biểu đã đưa ra nhiều kinh nghiệm quý, có thể quy tụ thành các vấn đề sau :

Một là : Cụ thể hóa tiêu chuẩn cán bộ ở địa phương mình. Ngoài các tiêu chuẩn chung của người cán bộ hiện nay, cán bộ ở Sơn La, đặc biệt là cán bộ chủ chốt cần đạt tiêu chuẩn cụ thể gì về tư tưởng chính trị, về phẩm chất đạo đức và về trình độ văn hóa, kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ. Ví dụ : Có nhất thiết phải biết tiếng Anh không ? Nếu biết thì biết ở trình độ nào thôi, còn chủ yếu lại phải biết tiếng dân tộc. Có nhất thiết phải biết kỹ càng về lễ tân ngoại giao không hay là phải biết và hiểu rõ các đặc điểm truyền thống, phong tục, lễ nghi của đồng bào các dân tộc, phải dân vận khéo, được dân tin, dân yêu ?

Hai là : Lấy thực tiễn tổ chức, thực hiện công việc có hiệu quả làm thước đo đánh giá. Muốn vậy phải giao việc thật cụ thể. Phải đánh giá suốt cả quá trình thực hiện nhiệm vụ, từ nhiệm vụ được giao đầu tiên đến nhiệm vụ đang đảm nhận. Thường xuyên theo dõi và đánh giá cán bộ. Có cán bộ đủ tiêu chuẩn rồi, luân chuyển xếp đúng vị trí rồi, nếu cấp ủy thỏa mãn, yên trí rồi thì thật sai lầm. Biết đâu đó khi gặp khó khăn, cán bộ lại chùn bước, khi có thành tích thì cán bộ lại kiêu ngạo, khi đãi ngộ chưa kịp bù đắp thì cán bộ nảy sinh bất mãn... Như vậy, phải nói rằng khâu quản lý, giám sát, kiểm tra cán bộ là rất quan trọng. Chỉ có làm tốt việc quản lý, giám sát, kiểm tra mới có thể đánh giá chính xác cán bộ trong thực tiễn.

Ba là : Phải đề cao tính đảng trong đánh giá cán bộ. Tính đảng được nhấn mạnh theo khía cạnh là : Phục tùng nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ. Tập thể cấp ủy chịu trách nhiệm trước các kết luận của mình về cán bộ. Từng cán bộ chủ chốt chịu trách nhiệm trước cấp

ủy về các ý kiến của mình. Bản thân người được đánh giá phải tự đánh giá trung thực về mình và chịu trách nhiệm trước Đảng về các ý kiến đó. Nhiều ý kiến cho rằng, không phải lúc nào tính đảng cũng được đề cao, bởi vì chỉ cần người đứng đầu hoặc một số cấp ủy thiếu khách quan, gợi ý lệch đi một chút là dễ thay đổi cách đánh giá.

Bốn là : Để tạo điều kiện cho việc đánh giá đúng cán bộ, phải phân cấp việc quản lý cán bộ và xây dựng tốt quy trình đánh giá cán bộ. Cần luôn luôn bổ sung và hoàn thiện các hồ sơ quản lý cán bộ, các nghị quyết và văn bản hoạt động của các cấp ủy. Bởi lẽ, đó là những bằng chứng sống về hoạt động thực tiễn của từng cán bộ. Cần xây dựng một đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức có tư tưởng và lập trường chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, thẳng thắn, công minh và đặc biệt phải biết hy sinh vì công việc chung, không đo đếm, so sánh thiệt hơn khi đồng chí mình được cấp ủy lựa chọn vượt lên trước mình.

3. Đảng bộ Sơn La coi trọng và sớm thực hiện luân chuyển cán bộ. Bước vào thời kỳ mới, Sơn La có nhiều khó khăn, trong đó khó khăn lớn nhất là thiếu cán bộ. Không thể trông chờ vào sự chi viện cán bộ từ nơi khác đến, Đảng bộ Sơn La đã sớm chủ động quy hoạch và đào tạo rèn luyện cán bộ. Một trong những biện pháp đào tạo là luân chuyển cán bộ. Đảng bộ Sơn La đã sớm thực hiện luân chuyển cán bộ ngay từ năm 1985, và khi đất nước bước vào đổi mới, việc luân chuyển cán bộ trong tỉnh được đẩy mạnh lên một bước mới. Bằng thực tiễn của bản thân mình, các đồng chí tham dự Hội nghị đều khẳng định rằng : Luân chuyển cán bộ là phương pháp đào tạo, rèn luyện, thử thách cán bộ, chẳng những thế nó còn là một trong những biện pháp tạo nguồn tốt nhất.

Đồng chí *Sa Như Hòa* (Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy) kể lại rằng : Đồng chí nguyên là bác sĩ, được đề bạt

làm Giám đốc Sở Y tế, rồi lại được luân chuyển xuống làm Bí thư Huyện ủy. Làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí càng thấy rõ những điểm yếu của mình khi làm Giám đốc Sở Y tế, và đồng chí thấy rằng, nếu lúc này về làm Giám đốc Sở Y tế thì chắc sẽ làm tốt hơn trước kia rất nhiều. Nay làm Trưởng Ban Tuyên giáo, vốn sống và kinh nghiệm công tác ở ngành và huyện đã giúp cho cách nghĩ, cách nhìn, cách giải quyết công việc của mình hiện nay có rất nhiều thuận lợi.

Trả lời câu hỏi, để luân chuyển cán bộ có hiệu quả, cấp ủy các cấp phải chú ý những vấn đề gì, các đại biểu dự Hội nghị cho rằng, cần phải làm tốt các vấn đề sau :

Một là : Cấp ủy các cấp phải nhận thức đúng vấn đề luân chuyển. Luân chuyển là để đào tạo, luân chuyển là để rèn luyện, tạo nguồn cán bộ, chứ không phải luân chuyển là để lấp chỗ trống, hoặc là để "đầy ải" cán bộ. Phải đấu tranh thẳng thắn với tư tưởng cơ hội trong luân chuyển, đồng thời cũng phải đấu tranh với tư tưởng ngại khó, ngại khổ, chần chừ của cán bộ khi cấp ủy gợi ý luân chuyển ?.

Hai là : Quy hoạch cán bộ và mục tiêu quy hoạch cán bộ phải rõ ràng, cụ thể. Khi dự định luân chuyển ai, phải trả lời bằng được các câu hỏi sau : Vì sao phải luân chuyển đồng chí ấy ? Cấp ủy cấp trên, cấp ủy ngang cấp và cấp ủy cấp dưới có thống nhất luân chuyển đồng chí ấy không ? Luân chuyển đồng chí ấy có ảnh hưởng gì đến cấp ủy không ? Có giữ cho cấp ủy ổn định và mạnh lên không ? Định hướng công tác của đồng chí ấy 5 năm, 10 năm, 15 năm ra sao ? Luân chuyển theo hướng nào là tốt nhất ? Bước luân chuyển đầu tiên của đồng chí ấy là ở đâu, huyện nào, ngành nào là thuận lợi cho đồng chí ấy ? Chính sách luân chuyển như thế nào ? Công tác quản lý, giám sát, kiểm tra quá trình luân chuyển ấy ra sao ? Cấp ủy cấp trên, cấp ủy cùng cấp và người được luân chuyển nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm từng chặng luân chuyển như thế nào ?...

Ba là : Phải làm tốt công tác tư tưởng cho cán bộ trước khi quyết định luân chuyển. Cấp ủy phải xác định rõ cho cán bộ được luân chuyển hiểu việc luân chuyển là nằm trong quy hoạch, nhưng quy hoạch có đạt tới mục đích hay không chín phần mười thuộc về sự tự phấn đấu vươn lên của bản thân.

Bốn là : Sơn La là một tỉnh miền núi có nhiều dân tộc, nhiều vùng địa lý khác nhau, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của từng huyện rất phong phú, đa dạng, do vậy việc luân chuyển cán bộ cần phải toàn diện. Kinh nghiệm thời gian qua ở Sơn La cho thấy là : Để xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh, nên luân chuyển theo hướng : cán bộ chủ chốt huyện thị với huyện thị ; cán bộ chủ chốt huyện thị với cán bộ chủ chốt ngành ; cán bộ chủ chốt huyện thị, ngành với cán bộ chủ chốt tỉnh. Để xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt huyện, nên luân chuyển theo hướng : luân chuyển cán bộ chủ chốt các phòng trong huyện với nhau, luân chuyển cán bộ chủ chốt sở và cán bộ chủ chốt huyện. Ở những huyện có tiềm năng cán bộ cơ sở mạnh cũng có thể luân chuyển cán bộ chủ chốt xã phường với cán bộ chủ chốt phòng ban huyện. Nhưng trong tình hình hiện nay, Sơn La không phổ biến việc luân chuyển này vì cán bộ chủ chốt xã, phường phần nhiều tuổi cao, trình độ văn hóa, chuyên môn, chính trị có nhiều hạn chế.

4. Phải luôn luôn tổng kết rút kinh nghiệm về công tác cán bộ

Xây dựng đội ngũ cán bộ là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Nó là một nhiệm vụ mang tính chính trị, nhân văn, khoa học và nghệ thuật. Nó đòi hỏi phải chuẩn tắc, thận trọng, dân chủ, khách quan. Muốn vậy, phải thường xuyên tổng kết và rút kinh nghiệm, tìm ra các nguyên nhân thành công và nguyên nhân thất bại để từ đó điều chỉnh kịp thời phương pháp, bước đi và chính sách.

Để tổng kết rút kinh nghiệm mang tính khách quan và khoa học, Đảng bộ Sơn La đã có nhiều việc làm thiết thực.

Một là : Từng nhiệm kỳ, Tỉnh ủy đều có tổng kết rút kinh nghiệm về công tác cán bộ và hướng dẫn các cấp ủy trong tỉnh tổng kết về công tác cán bộ. Căn cứ vào nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ và tình hình cụ thể của đội ngũ cán bộ mỗi khóa, mà đề ra nội dung tổng kết. Chẳng hạn, tổng kết về điều động cán bộ cho xã, phường ; tổng kết về đào tạo cán bộ ; tổng kết về chính sách cán bộ... Bí thư cấp ủy, thường vụ các cấp, trực tiếp phụ trách việc tổng kết rút kinh nghiệm.

Hai là : Ban Tổ chức Tỉnh ủy ngoài việc giúp việc, tham mưu cho cấp ủy về công tác tổ chức, còn luôn luôn đóng vai trò chủ động tham mưu và giúp cấp ủy tổng kết rút kinh nghiệm về công tác cán bộ. Ban thường xuyên tiến hành khảo sát, đánh giá tình hình về cán bộ theo từng chủ đề như : cán bộ cơ sở, cán bộ các ngành... lấy đó làm cơ sở phục vụ cho việc rút kinh nghiệm hằng năm.

* *
*

Tổng kết Hội thảo, PGS, TS Vũ Văn Hiền khẳng định : Đảng bộ Sơn La bước đầu thành công trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh và huyện, đáp ứng được nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ từ nay đến năm 2010. Bài học về xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của Sơn La rất sinh động, phong phú và bổ ích. Nó mang tính đặc thù của một tỉnh miền núi Tây Bắc, nhưng nó cũng có giá trị chung đối với nhiều đảng bộ khác trong cả nước. Mong rằng, Đảng bộ tiếp tục cộng tác với đề tài để góp phần làm phong phú thêm về lý luận cũng như thực tiễn cho công tác xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng. □

VŨ PHÒNG
(Tổng thuật)



Nâng cao hiệu quả *THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG Ở ĐẢNG BỘ TỔNG CỤC KỸ THUẬT*

HOÀNG ANH TUẤN*

CÔNG tác kỹ thuật quân sự trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng quân đội cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Yêu cầu bảo đảm đầy đủ, kịp thời và đồng bộ vũ khí, trang bị kỹ thuật cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và huấn luyện của quân đội là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong hoạt động lãnh đạo của các tổ chức đảng trong Tổng cục Kỹ thuật (TCKT).

Hiện nay, Đảng bộ TCKT bao gồm các loại hình tổ chức đảng như : cơ quan, nhà trường, kho, nhà máy, xí nghiệp, viện nghiên cứu và trung tâm. Chức năng, nhiệm vụ của mỗi đảng bộ khác nhau, đồng thời mô hình tổ chức đang trong giai đoạn phát triển và tiếp tục hoàn thiện.

Chấp hành Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 160 của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương (ĐUQSTU) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cấp

ủy các cấp đã tiến hành kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung của cuộc vận động, kết quả khắc phục sửa chữa khuyết điểm đối với tập thể và cá nhân cấp ủy viên mà trong sinh hoạt tự phê bình và phê bình ở các cấp đã chỉ ra. Qua những đợt sinh hoạt đó, công tác xây dựng đảng ở các đảng bộ trong TCKT có nhiều chuyển biến tích cực so với những năm trước đây.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và quần chúng trong TCKT tiếp tục kiên định, vững vàng với mục tiêu, lý tưởng ; xác định tốt nhiệm vụ, có trách nhiệm với công việc, trụ vững ở những nơi khó khăn, gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Hằng năm, TCKT triển khai toàn diện và hoàn thành nhiệm vụ các mặt công tác kỹ thuật, nhất là nhiệm vụ bảo đảm trang bị, bảo đảm kỹ thuật cho các đơn vị sẵn sàng chiến đấu và huấn luyện theo chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng.

* Thiếu tướng, Bí thư Đảng ủy Tổng cục Kỹ thuật quân sự, Bộ Quốc phòng

Trên cơ sở quán triệt và thực hiện Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học công nghệ và xây dựng nền công nghiệp quốc phòng trong thời kỳ mới, TCKT đã nghiên cứu, đề xuất với ĐUQSTU và Bộ Quốc phòng những chiến lược mới về bảo đảm thiết bị, bảo đảm kỹ thuật cho lực lượng vũ trang và một số dự án lớn nhằm tăng cường tiềm lực và hiện đại hóa ngành kỹ thuật quân sự (KTQS) cả trước mắt và lâu dài, cả về trang bị, sản xuất, sửa chữa cũng như tổ chức ngành KTQS. Những kế hoạch, những dự án trên đã và đang từng bước triển khai thực hiện có hiệu quả ở các đơn vị.

Các cấp bộ đảng tăng cường hơn công tác kiểm tra, quản lý và rèn luyện cán bộ, đảng viên về tu dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống, chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước, kỷ luật của Đảng, của Quân đội. Những tập thể, cá nhân có hạn chế, khuyết điểm, sau tự phê bình và phê bình đã đề ra kế hoạch khắc phục sửa chữa. Một số cấp ủy viên có tiến bộ rõ rệt về tác phong công tác, gần gũi cấp dưới và quần chúng, được tập thể ghi nhận. Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, phân công cá nhân phụ trách ở các cấp ủy được thực hiện nghiêm túc hơn. Đảng ủy Tổng cục đã chỉ đạo các cấp xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế như: quy chế làm việc của cấp ủy, quy chế cấp ủy lãnh đạo công tác tài chính (theo Quy chế 145 của ĐUQSTU), Quy chế Dân chủ ở cơ sở... Quy chế hoạt động lãnh đạo của các cấp ủy đều thể hiện được những nội dung cơ bản trong nguyên tắc tập trung dân chủ, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tập thể cấp ủy với người chỉ huy, giữa Ban Thường vụ với tập thể Đảng ủy. Hoạt động của các cơ quan, đơn vị có nền nếp, có kế hoạch hơn, mở rộng và phát huy dân chủ đối với quần chúng. Các cấp trong Đảng bộ đã chú trọng duy trì thực hiện các quy chế, quy định, kết hợp với

tăng cường công tác kiểm tra đảng, thanh tra và kiểm tra của chính quyền, góp phần thực hiện nghiêm nguyên tắc tổ chức, nguyên tắc lãnh đạo và chế độ sinh hoạt đảng. Do vậy, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy được nâng cao hơn. Số tổ chức đạt trong sạch vững mạnh năm 2001 tăng 2,58% so với năm 1999; số đảng viên loại I năm 2001 tăng 1,94% so với năm 1999; số cán bộ chủ trì không trúng cấp ủy qua các kỳ đại hội do không đủ tín nhiệm giảm 75% so với năm 1996.

Tuy nhiên, đối chiếu với mục tiêu, yêu cầu và nội dung của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, một số cấp ủy, tổ chức đảng trong TCKT cũng còn những hạn chế nhất định. Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cuộc vận động, xây dựng chỉnh đốn Đảng, trong thời gian tới, Đảng bộ TCKT tiếp tục thực hiện một số nội dung công tác chủ yếu trong xây dựng đảng.

Trước hết, tập trung vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với nhiệm vụ chính trị của TCKT. Là cơ quan làm tham mưu cho ĐUQSTU và Bộ Quốc phòng, chỉ đạo toàn quân về công tác KTQS, trong điều kiện vũ khí trang bị kỹ thuật đa dạng về chủng loại, do nhiều nước sản xuất đã quá lâu, lại qua sử dụng trong chiến tranh và chịu sự tác động của môi trường, thời tiết khí hậu khắc nghiệt, nên đang trong tình trạng xuống cấp nhanh, mất đồng bộ nghiêm trọng. Đảng bộ TCKT luôn nắm vững chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, đường lối, quan điểm của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng trong tình hình mới, để có các biện pháp nâng cao chất lượng công tác KTQS, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống, nhất là trong tình hình hiện nay.

Do vậy, trong các nội dung, nhiệm vụ xây dựng Đảng phải đề cập tới chủ trương, biện pháp lãnh đạo các đơn vị quán triệt quan điểm "độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường", quan điểm cần kiệm xây dựng quân đội, ra sức khắc phục khó khăn, thách thức đối với ngành KTQS trong điều kiện nguồn viện trợ quân sự không còn, nền kinh tế đất nước chưa phát triển. Từ đó, công tác lãnh đạo, chỉ huy phải động viên cao nhất ý thức, trách nhiệm của mọi cán bộ chiến sĩ trong việc giữ tốt, dùng bền, quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả vũ khí trang bị hiện có. Đồng thời, tổ chức thực hiện theo hướng hiện đại hóa ngành khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật, phát triển ngành bằng việc nghiên cứu, sử dụng khoa học công nghệ để sản xuất vật tư, kỹ thuật phục vụ cho việc sửa chữa đồng bộ, nâng cấp vũ khí, trang bị hư hỏng, tiến tới nghiên cứu chế thử một số vũ khí thiết bị kỹ thuật mới cung cấp cho quân đội, đáp ứng yêu cầu tác chiến trong điều kiện mới, phù hợp với đường lối, quan điểm chiến tranh nhân dân thời kỳ mới.

Hai là, nâng cao chất lượng xây dựng cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh xứng đáng là hạt nhân chính trị ở các cơ quan, đơn vị. Trước tiên, cần coi trọng công tác giáo dục chính trị, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nhận thức nhiệm vụ chính trị của các đơn vị ở TCKT cho các cán bộ, đảng viên. Bởi vì, trước sự phát triển nhanh chóng ở trong nước và thế giới, sự tác động của cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, nhiều vấn đề mới mẻ về lý luận và thực tiễn, nhận thức của một số bộ phận cán bộ, đảng viên chưa theo kịp yêu cầu trong tình hình mới. Mặt khác, công tác giáo dục tư tưởng của một số cấp ủy thiếu thường xuyên, chưa trực tiếp, cụ thể đến từng đối tượng. Một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện thỏa mãn với trình độ, kiến thức của mình, chưa tự giác nghiên cứu, ngại

học lý luận, chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm trong việc nghiên cứu, quán triệt đường lối, nghị quyết của Đảng. Do vậy, công tác tư tưởng cần giáo dục cho mọi cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu con đường xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp đổi mới của đất nước; quán triệt quan điểm, tư tưởng quân sự và đường lối của Đảng về xây dựng quân đội và lực lượng vũ trang trong giai đoạn mới. Vấn đề quan trọng hiện nay trong sự nghiệp xây dựng quân đội thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là, phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên không những có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ tư duy lý luận, tự phân tích, lý giải trên cơ sở khoa học, sắc sảo các vấn đề chính trị, tư tưởng của đất nước, mà còn phải nâng cao trình độ nghiên cứu, triển khai, ứng dụng những thành tựu về khoa học công nghệ và khoa học KTQS hiện đại vào xây dựng nền công nghiệp quân sự nước nhà.

Trong việc củng cố, xây dựng tổ chức đảng, Đảng bộ Tổng cục chú trọng việc gắn xây dựng cấp ủy trong sạch vững mạnh với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, kiện toàn cấp ủy với cán bộ chủ trì, xây dựng đội ngũ đảng viên với xây dựng đội ngũ cán bộ. Những năm vừa qua, Đảng bộ đã thường xuyên chăm lo xây dựng các cấp ủy, chi bộ cơ sở nâng cao chất lượng tổng hợp trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của các đơn vị, kịp thời có các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, có hiệu quả làm chuyển biến các đảng bộ, chi bộ yếu kém, tăng cường công tác kiểm tra đảng; đẩy mạnh tổng kết rút kinh nghiệm hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Chú trọng lãnh đạo cải tiến nội dung, nâng cao chất lượng sinh hoạt và ra nghị quyết lãnh đạo của các cấp. Thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, nâng cao chất lượng sinh hoạt tự phê bình và phê bình ở các tổ chức đảng và đảng viên; bảo đảm sự thống nhất

ý chí và hành động. Coi trọng việc chấp hành nghiêm túc các nguyên tắc sinh hoạt đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, phân công cá nhân phụ trách. Mọi chủ trương về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Tổng cục và đơn vị các cấp vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức đều do tập thể đảng ủy (thường vụ) dân chủ thảo luận, quyết nghị và phân công thực hiện cụ thể. Công tác kiểm tra đảng được duy trì theo đúng nghị quyết ở các cấp, do đó đã khắc phục được những biểu hiện dân chủ hình thức, coi nhẹ công tác xây dựng đảng; tập trung xây dựng các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Đảng ủy Quân sự Trung ương.

Các cấp ủy và tổ chức đảng trong TCKT luôn coi trọng đổi mới phong cách lãnh đạo và nâng cao trách nhiệm chính trị của mình trong thực hiện mọi nhiệm vụ. Khâu quan trọng là thiết lập, kiện toàn tổ chức đảng đúng với các quy định của Điều lệ Đảng và phù hợp với tổ chức lực lượng của TCKT, bảo đảm sự lãnh đạo vững chắc của Đảng bộ đối với mọi mặt công tác, trong mọi tình hình.

Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy viên, ban thường vụ, bí thư đảng ủy, chỉ huy trưởng đơn vị thật sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, trí tuệ, phẩm chất, năng lực, đạo đức lối sống, tinh thần trách nhiệm và sự đoàn kết. Kiên quyết khắc phục mọi biểu hiện vi phạm về những điều đảng viên không được làm, chống suy thoái về đạo đức lối sống trong cán bộ, đảng viên. Phần đầu hằng năm có 95% cấp ủy, trên 90% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh; trên 90% đảng viên đủ tư cách mức một, hạn chế cán bộ cao cấp, cán bộ chủ trì vi phạm kỷ luật, giảm tỷ lệ cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật xuống mức thấp nhất (dưới 0,5%).

Ba là, đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, tập trung vào những vấn đề then chốt như: lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, hoạt động theo đúng các quy chế, quy định, mọi việc làm phải có kế hoạch, sát cơ sở, sát thực tiễn. Tập trung giải quyết làm chuyển biến thực sự những tổ chức đảng và đơn vị còn yếu kém. Gắn trách nhiệm của cấp ủy, cán bộ chủ trì với kết quả xây dựng đảng bộ, xây dựng đơn vị.

Những nơi yếu kém, đảng ủy phải phân công các đồng chí trong thường vụ và cơ quan trực tiếp giúp đỡ, bám sát cơ sở để chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện. Chú trọng cải tiến nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ, tăng cường kiểm tra việc chấp hành nghị quyết, nguyên tắc, chế độ sinh hoạt đảng; giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo; khắc phục tình trạng nói nhưng không làm, nói nhiều làm ít, làm không triệt để, tác phong đơn giản, thiếu khoa học; giáo dục, quán triệt và thực hiện tốt chủ trương tiết kiệm xăng dầu, chế độ sử dụng xe, máy quân sự. Tăng cường giáo dục quốc phòng, giáo dục pháp luật, tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên. Thực hiện nghiêm quy định của Bộ Quốc phòng về cải cách hành chính, điều chỉnh quy hoạch, tổ chức lực lượng trong Tổng cục, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Lãnh đạo chỉ huy các cấp cần tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phấn đấu xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, đội ngũ đảng viên thực sự tiên phong gương mẫu, làm nòng cốt lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Tổng cục, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. □

SAU 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, ngành giáo dục và đào tạo Thừa Thiên - Huế đã làm được một số việc cơ bản và quan trọng :

1 - Hoàn thành việc phổ cập giáo dục tiểu học, phấn đấu phổ cập trung học cơ sở

Về số lượng : tỉnh đã mở nhiều nhóm trẻ gia đình, lớp học linh hoạt, lớp tình thương, lớp ghép, lớp dành cho trẻ khuyết tật, lớp Bổ túc

kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp - dạy nghề ; tỉnh có 1 trung tâm giáo dục thường xuyên, 1 trung tâm y tế học đường, 1 trung tâm đào tạo năng khiếu văn, thể, mỹ, 1 trung tâm giáo dục môi trường và nhiều trung tâm ngoại ngữ, tin học. Toàn tỉnh có 5 trường đại học, 5 trường cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, 5 trường và trung tâm dạy nghề. Vấn đề mở rộng hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp -

Nhìn lại 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII Ở THỪA THIÊN - HUẾ

NGUYỄN HUY LẬP *

văn hóa... để thu hút học sinh không có điều kiện học chính quy đến trường. Ở Thừa Thiên - Huế bình quân cứ 3 người dân có 1 người đi học. Giáo dục mầm non phát triển tương đối ổn định. Giáo dục phổ thông phát triển ngày một vững chắc⁽¹⁾.

Về quy mô : mỗi xã, phường có từ 1 đến 2 trường tiểu học, mỗi xã, phường lớn (hoặc 2, 3 xã, phường nhỏ) có 1 trường trung học cơ sở (THCS), mỗi huyện có từ 2 đến 4 trường trung học phổ thông (THPT). Tỉnh đã hoàn thành cơ bản việc tách các trường phổ thông cơ sở, trường cấp 2 - 3 thành trường tiểu học, THCS và THPT. Tỉnh còn có 3 trường dân tộc nội trú (2 trường huyện và 1 trường tỉnh). Hiện đang hình thành thêm từ 2 đến 5 trường THCS bán trú cụm xã cho con em dân tộc thiểu số và 3 trường trung học nội trú cho con em khu vực đầm phá. Hệ thống trường nghề đã dần ổn định, mỗi huyện, thành phố có từ 1 đến 4 trung tâm

dạy nghề theo hướng tăng thêm ngành nghề cho các trường hiện có, vận động trường của trung ương về đóng tại địa phương, phát triển thêm trường mới và liên kết đào tạo, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương đang được quan tâm đúng mức.

2 - Chất lượng giáo dục được giữ vững và nâng cao theo hướng toàn diện, hiệu quả cả bề rộng cũng như chiều sâu

Học sinh được học đủ các môn bắt buộc và tự chọn, đặc biệt là các bộ môn đặc thù như Giáo dục công dân, Kỹ thuật công nghiệp, nông nghiệp, Nhạc, Họa, Thể dục ; đồng thời,

* NGUT, TS, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên - Huế

(1) Huy động 10,19% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ, 61,5% trẻ mẫu giáo (95% trẻ 5 tuổi) đến trường mầm non ; 98,8% trẻ 6 tuổi vào lớp 1 ; 99% học sinh tốt nghiệp lớp 5 vào lớp 6 ; 95% học sinh tốt nghiệp lớp 9 vào lớp 10

chú trọng đẩy mạnh ngoại ngữ, tin học từ tiểu học đến trung học, từng bước thực hiện nối mạng và đưa In-tơ-nét vào nhà trường. Coi trọng giáo dục nội khóa, ngoại khóa ; gắn học lý thuyết với thực hành ; gắn giáo dục nhà trường với hoạt động xã hội. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực chủ động của học sinh, hướng dẫn học sinh biết cách tiếp nhận thông tin trên lớp, biết tự học, tự nghiên cứu ở nhà. Đổi mới công tác thi, kiểm tra, đánh giá để phân loại và tìm biện pháp giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh.

Xây dựng các trường trọng điểm chất lượng cao, trường đạt chuẩn quốc gia, trường học 2 buổi/ngày ở các cấp học, ngành học. Hiện có hơn 60% trường tiểu học học 2 buổi/ngày và 48 trường đạt chuẩn quốc gia, 1 trường chất lượng cao quốc gia. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp hàng năm từ 85 - 95%. Năm học 2000 - 2001 có 99,3% học sinh tốt nghiệp tiểu học, 96,69% tốt nghiệp THCS, 94,6% tốt nghiệp THPT. Chất lượng nhìn chung khá tốt đã góp phần rút ngắn khoảng cách chất lượng giữa các vùng, miền. Thừa Thiên - Huế không xây dựng trường chuyên riêng mà có bộ phận chuyên trong trường phổ thông ở tất cả các cấp học với mục đích dùng chất lượng học sinh chuyên để nâng cao chất lượng chung. Học sinh chuyên là những học sinh có kết quả học tập toàn diện và thường trúng tuyển vào các trường đại học. Hằng năm có từ 15 đến 18 học sinh đỗ thủ khoa các trường đại học, từ 5 đến 10 học sinh đủ tiêu chuẩn đi học nước ngoài sau khi học xong năm thứ nhất đại học ; có học sinh tham gia đội tuyển và đạt giải học sinh giỏi quốc tế. Học sinh đạt giải quốc gia ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng.

Các nhà trường đặc biệt quan tâm giáo dục chính trị, đạo đức cho học sinh, sinh viên ; xây dựng nền nếp, kỷ cương, môi trường văn hóa..., ngăn chặn có hiệu quả các tệ nạn xã hội đang xâm nhập vào học đường. Học sinh Thừa Thiên - Huế nhìn chung lễ phép, chăm ngoan..., học đường hầu như không có ma túy, đó là nét riêng rất đáng tự hào làm nên phong

cách người học trò cổ đô. Vai trò của giáo dục gia đình trong mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội được đặc biệt quan tâm.

3 - Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý được tăng cường về số lượng và chất lượng trên cơ sở quy hoạch ổn định để đáp ứng yêu cầu phát triển.

Thừa Thiên - Huế đặc biệt quan tâm đến định hướng đào tạo và liên kết đào tạo giáo viên các bộ môn đặc thù như : Giáo dục công dân, Kỹ thuật, Nhạc, Họa, Thể dục, Tin học, Ngoại ngữ để tạo ra sự đồng bộ đội ngũ giáo viên. Hiện tại, ở hầu hết các trường đã có giáo viên dạy Giáo dục công dân, Kỹ thuật ; 55% trường có giáo viên Nhạc, Họa, Thể dục ; các trường THCS và THPT đều có giáo viên Tin học. Môn tiếng Anh đã được dạy ở các trường tiểu học.

Tỉnh đã làm tốt việc quy hoạch và đào tạo chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý đương chức và kế cận trong phạm vi toàn ngành. Về cơ bản, Thừa Thiên - Huế đã có đủ giáo viên so với quy định (tiểu học : 10,5/1,15 ; THCS : 1,78/1,85 ; THPT : 1,96/2,1). Hầu hết giáo viên phổ thông đều đạt chuẩn đào tạo, (tiểu học : 96,8% ; THCS : 98,9% ; THPT : 98,3%) mỗi cấp học có từ 20 - 40% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn (toàn ngành có 161 thạc sỹ, 14 tiến sỹ). Hoàn thành có chất lượng chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ theo chu kỳ. Đẩy mạnh công tác tự học, tự bồi dưỡng và công tác nghiên cứu khoa học trong nhà trường. Hằng năm có từ 20 - 30 đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, cấp tỉnh và hàng trăm sáng kiến kinh nghiệm được hội đồng khoa học các cấp đánh giá cao.

Giải quyết tốt một số chế độ chính sách cho cán bộ giáo viên như : thực hiện khách quan, công bằng trong việc chuyển giáo viên từ vùng khó khăn về vùng thuận lợi ; làm nhà nội trú cho giáo viên vùng sâu, vùng xa ; trả phụ cấp cho giáo viên mầm non (trong ngân sách của tỉnh 75 000 đ/tháng, trong ngân sách xã 90 000 đ/tháng) ; đóng bảo hiểm cho giáo

viên ngoài công lập ; phụ cấp 20 - 30% vào lương cho cán bộ quản lý. Hiện đang xây dựng chính sách cho giáo viên giỏi, học sinh giỏi, giáo viên dạy vùng sâu, vùng xa, giáo viên đi học nâng cao trình độ... Từng bước thực hiện địa phương hóa để ổn định đội ngũ giáo viên.

4 - Tăng cường cơ sở vật chất và phương tiện giảng dạy hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng dạy học

Ngành đã cố gắng vượt bậc để khắc phục những thiệt hại về vật chất do cơn lũ lịch sử cuối năm 1999 gây ra. Từng bước thực hiện chủ trương xây dựng trường sở khang trang, kiên cố, tăng hóa theo quy hoạch và theo chuẩn. Trong 5 năm (1996 - 2000) đã đầu tư 279 tỉ đồng (đóng góp của nhân dân 81 tỉ đồng) để tăng cường cơ sở vật chất trường lớp ; dành 6% ngân sách toàn ngành để mua sách giáo khoa và thiết bị dạy học ; xây dựng thư viện trường học theo chuẩn của Bộ ; bảo đảm có đủ danh mục sách, có tủ sách dùng chung cho các trường vùng sâu, vùng xa... Đến nay, các trường tiểu học đều có bộ thiết bị dạy học đồng bộ ; các trường THCS và THPT đều có phòng thí nghiệm thực hành. Các trường mới xây dựng có nhà tập thể, sân chơi và môi trường xanh, sạch, đẹp. Số phòng học cấp 4 ngày càng giảm, phòng học cao tầng đạt 46%. Toàn ngành có hơn 1 500 máy vi tính phục vụ cho việc dạy và học ; phần mềm phục vụ công tác quản lý giáo dục đang được xây dựng, từng bước nối mạng và đưa In-tơ-nét vào trường học.

5 - Đưa công tác quản lý giáo dục vào nền nếp, đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của địa phương

Bộ máy từ văn phòng sở đến các trường ngày càng được kiện toàn. Văn phòng sở có thêm Phòng Khảo thí, Phòng Công tác chính trị, Tổ Thông tin quản lý giáo dục, Văn phòng tổng hợp đối ngoại. Các trường có đủ hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo nhiệm kỳ 5 năm, mỗi chức danh có 2 kế cận.

Công tác kế hoạch, quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2010 của địa phương và những công tác lớn của ngành như : quản lý cán bộ đương chức và kế cận ; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ ; phát triển ngoại ngữ, tin học, hướng nghiệp - dạy nghề ; phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi ; áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhân sự toàn ngành, ... đều được thực hiện theo quy hoạch.

Xây dựng hệ thống thông tin quản lý nhanh nhạy, thông suốt từ trường đến Sở. Mỗi năm phát hành 5 số *Thông tin giáo dục*, xây dựng chuyên mục giáo dục phát hàng tuần trên đài truyền hình địa phương.

Đổi mới công tác thi tốt nghiệp và thi tuyển sinh, đẩy mạnh công tác thi đua thực hiện tốt chế độ thanh tra trường học, thực hiện Pháp lệnh công chức, tiết kiệm, chống tham nhũng..., giải quyết kịp thời các khiếu kiện.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Hội đồng giáo dục cấp xã, phường và hội khuyến học các cấp huyện, tỉnh hoạt động khá tốt. Ngành đã xây dựng 7 đề án về phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương, tranh thủ được sự đầu tư của Nhà nước và sự hỗ trợ của nhân dân, các tổ chức xã hội, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho giáo dục.

Thành công cơ bản nhất trong công tác quản lý giáo dục và đào tạo ở Thừa Thiên - Huế là duy trì và phát huy cơ chế quản lý toàn diện, thống nhất theo ngành từ chuyên môn đến nhân sự, kinh phí và cơ sở vật chất trong mối quan hệ chặt chẽ giữa ngành và địa bàn lãnh thổ được tỉnh phân cấp từ năm 1993 đến nay.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), ngành giáo dục Thừa Thiên - Huế có nhiều chuyển biến tốt, nội lực của địa phương và của ngành được phát huy. Song vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập và yêu cầu kém mà nổi bật như sau :

+ Khả năng kinh tế của tỉnh chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Số lượng học sinh hằng năm tăng nhanh, tạo sức ép lớn về cơ sở vật chất

trường lớp và đội ngũ giáo viên ; dân nghèo, sức đóng góp có hạn, gánh nặng đối với Nhà nước quá lớn.

+ Địa hình phức tạp, nhiều vùng khó khăn, một số vùng dân trí thấp nên chất lượng giáo dục phát triển chưa đồng đều.

+ Khả năng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS và THPT còn lúng túng, do nhu cầu của xã hội, do hệ thống các loại hình trường Trung học chuyên nghiệp - dạy nghề, trường ngoài công lập còn hạn chế.

+ Công tác phát triển đảng viên trong ngành giáo dục còn yếu do nhiều nguyên nhân làm ảnh hưởng đến công tác quản lý chỉ đạo.

+ Sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc quốc gia chưa có bước phát triển ổn định mang tính chiến lược và chưa thống nhất, đồng bộ trong quan điểm chỉ đạo cũng gây nên những khó khăn, hạn chế cho cơ sở.

Để góp phần vào định hướng phát triển giáo dục và đào tạo trong thời gian tới, từ thực tiễn của địa phương chúng tôi xin đề xuất một số kiến nghị :

Một là, duy trì tính ổn định trong công tác quản lý giáo dục từ cấp vĩ mô. Ổn định từ mô hình giáo dục đến chương trình, sách giáo khoa và các văn bản mang tính pháp quy... Muốn vậy, phải có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển một cách toàn diện và lâu dài ; phải tìm được cơ chế quản lý giáo dục thích hợp để tạo tính chủ động cho ngành giáo dục và đào tạo địa phương từ cơ sở vật chất, kinh phí đến đội ngũ để phục vụ cho nhiệm vụ chính trị trên mỗi địa bàn, lãnh thổ ; xây dựng những chế độ, chính sách đủ mạnh để tạo nguồn lực cho giáo dục và tạo động lực cho người dạy, người học. Đã đến lúc phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa yêu cầu, nhiệm vụ với điều kiện thực hiện, đặc biệt là đội ngũ các nhà quản lý giáo dục vừa có phẩm chất, năng lực, trình độ vừa có tầm nhìn và khả năng hoạt động thực tiễn... để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành trong giai đoạn mới.

Trong thời gian qua, giáo dục chưa bứt phá lên được, không chỉ do thiếu tính ổn định mà còn do **thiếu tính đồng bộ** trong chỉ đạo thực hiện. Trong hệ thống giáo dục quốc dân đã có sự phát triển không đồng bộ giữa giáo dục phổ thông với giáo dục cao đẳng, đại học ; giữa giáo dục phổ thông, cao đẳng, đại học với giáo dục trung học chuyên nghiệp, dạy nghề. Trong chỉ đạo chuyên môn chưa lưu ý đến tính đồng bộ giữa yêu cầu phát triển số lượng và nâng cao chất lượng, giữa vấn đề biên chế và cơ sở vật chất, thiết bị. Trong hệ thống chỉ đạo từ trên xuống cũng thiếu sự đồng bộ giữa các Vụ, Viện thuộc Bộ với các Sở giáo dục và đào tạo địa phương. Những điều đó đã làm giảm đi hiệu quả và hiệu lực của công tác quản lý giáo dục.

Hai là, bước vào thế kỷ XXI - thế kỷ của nền kinh tế tri thức và khoa học công nghệ cao, thế kỷ của xu thế toàn cầu hóa, hội nhập và cạnh tranh quyết liệt. Vì vậy, **chất lượng giáo dục toàn diện** phải được đặt lên hàng đầu - một chất lượng thực của học sinh mang tính hiệu quả khi đi vào thực tế chứ không chỉ dựa trên tỷ lệ tốt nghiệp và một số ít học sinh đạt giải quốc tế hàng năm. Muốn có chất lượng giáo dục toàn diện thực sự phải giải quyết tốt các mối quan hệ giữa phát triển số lượng và nâng cao chất lượng ; giữa chất lượng mũi nhọn và chất lượng đại trà nhằm rút ngắn khoảng cách giữa các vùng, miền ; giữa chất lượng giáo dục công lập, chính quy với chất lượng các loại hình giáo dục và đào tạo ngoài công lập, phi chính quy.

Hơn lúc nào hết, phải quan tâm giáo dục toàn diện, đặc biệt là giáo dục chính trị, đạo đức và nhân cách cho học sinh để các em trở thành người công dân tốt, trở thành thế hệ cách mạng của đời sau, biết yêu quê hương đất nước và có lòng tự tôn dân tộc, có tri thức văn hóa, khoa học, có sức khỏe và khả năng thực hành ứng dụng, năng động trong cuộc sống. Quan tâm một cách chiến lược đến những bộ môn công cụ cần thiết như Ngoại ngữ, Tin học, Công nghệ để đón đầu sự phát triển.

(Xem tiếp trang 55)



ÔNG B. có cô con gái đầu lòng chuẩn bị làm lễ thành hôn. Như trăm nghìn những ông bố, bà mẹ khác, vợ chồng ông cũng mong muốn sao cho ngày vui của con mình được trọn vẹn. Đã đành là "ma chê, cưới trách", song theo quan điểm của ông, càng giảm thiểu được sự chê trách bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Vì vậy, ông sẽ cố lựa chọn cho được một **phương án tối ưu**.

Điểm lại các hình thức tổ chức lễ cưới mà ông đã từng tham dự thì ông thấy hình thức nào cũng có những điều "*không ổn*" cả.

Có những đám cưới tổ chức tiệc mặn hàng trăm mâm cỗ, mời hàng mấy trăm người. Khi bữa tiệc bắt đầu, ông bố, bà mẹ dẫn cô dâu, chú rể đi lần lượt từng bàn chào hỏi mọi người. Các khách mời đều đứng lên nâng cốc chia vui cùng gia đình và mừng cho hạnh phúc lứa đôi; kèm theo đó là những chiếc phong bì được dúi vào tay ông bố, bà mẹ, hoặc chú rể, cô dâu để rồi nó lại được họ chuyển cho một người thân cận theo sau nhét tất cả vào một chiếc túi xách. Ông B. không thể chấp nhận được phương án này. Bởi vì theo ông, làm như thế thô thiển quá và rõ ràng là "mời ăn cỗ thu tiền" nếu không muốn nói là "kinh doanh".

Có những đám cưới cũng tổ chức tiệc mặn hàng trăm mâm cỗ, cũng thu tiền mừng nhưng dưới hình thức văn minh hơn một

PHƯƠNG ÁN TỐI ƯU ?!

TUẤN MINH

chút. Chẳng hạn, trước khi khách vào phòng tiệc, ở ngoài đại sảnh có mấy cô thiếu nữ xinh đẹp mặc áo dài đơn giản chào hỏi rồi dẫn họ tới một chiếc bàn rộng có trải tấm lụa điều viền đăng ten mời ký tên để kỷ niệm ngày vui; sau đó không quên việc mời khách bỏ phong bì tiền mừng vào một cái lẵng hoặc một chiếc hộp hình quả tim có cài những bông hoa nho nhỏ, xinh xinh. Ông B. cũng không chấp nhận phương án này. Ông bảo như vậy cũng là "mời ăn cỗ thu tiền". Thậm chí ông còn cực đoan đến mức gọi đó là một loại "kinh doanh trá hình".

Không ít đám cưới chỉ làm tiệc ngọt. Vì quan niệm tiệc ngọt là hình thức đơn giản, tiết kiệm cho nên họ mời rất đông khách. Song, gần như đã trở thành thông lệ, người đi dự đám cưới (dù tiệc mặn hay tiệc ngọt) họ đều mang theo tiền mừng. Thậm chí, có đám cưới chỉ tổ chức tiệc ngọt, nhưng sau khi đem số tiền mừng trừ đi toàn bộ chi phí đầu vào thì số dư còn cao hơn cả tiệc mặn. Theo ông B., như thế cũng không ổn. Đã không ổn thì ông không chấp nhận.

Lại nữa, có những đám cưới, người ta không mời dự tiệc mặn, cũng chẳng mời dự tiệc ngọt, mà chỉ gửi giấy báo hỉ. Nhận được

giấy báo hỉ ai nữ không đến chia vui cùng gia đình và cỗ dâu, chú rể? Có không ít trường hợp người được báo hỉ ở vào cái thế "không đến không được, không mừng không xong". Vậy thì, chỉ báo hỉ theo ông B., cũng không phải là phương án tối ưu.

Điểm qua một số hình thức tổ chức đám cưới nêu trên, vì thấy có những điều "không thể chấp nhận được" hoặc "không ổn", "chưa ổn", cho nên ông B. quyết định đám cưới của con gái ông nhất thiết phải có sự *cải tiến*. Ông nghĩ, mình là cán bộ cao cấp hàng chính khách, trước hết phải gương mẫu, phải giữ gìn, vì thế ông phải tổ chức sao cho mọi người không thể dị nghị, chê bai, trách móc; đặc biệt không thể biến đám cưới của con thành một dịp để phô trương thanh thế, hay để kinh doanh kiếm lời. Ông muốn trong ngày vui của mình, con gái ông sẽ cảm thấy mãn nguyện và tràn đầy hạnh phúc. Ông muốn nhân dịp cưới con gái, vợ chồng ông có điều kiện gặp gỡ đông đủ bạn bè, đồng nghiệp và bà con họ hàng hai bên nội, ngoại trong không khí vui vẻ, đầm ấm nhưng không ai phải lo tới chuyện "nộp tiền mừng". Ông bàn với vợ, con là sẽ tổ chức tiệc mặn tại một khách sạn, hoặc nhà hàng loại

sang trọng, mời khá đồng bạn bè và bà con thân hữu, nhưng phía dưới thiệp mời ông sẽ cho in một hàng ghi chú đậm nét : *"Xin vui lòng không mang theo phong bì tiền mừng hay quà tặng"*. Vợ ông bắn khoăn : "Em sợ làm như thế họ sẽ không tới dự". Con gái ông cũng bày tỏ sự đồng tình với bắn khoăn của mẹ. Thấy thế, ông động viên vợ, con : "Hai mẹ con cứ yên tâm, bố tin chắc mọi người sẽ hiểu sự chân thành của mình, cho nên đám cưới của con nhất định sẽ đông, vui". Ông B. có thói quen đã quyết là làm, vì thế phương án này được triển khai tổ chức thực hiện.

Ở đời, có ai học hết chữ ngờ. Đám cưới của con gái vợ chồng ông B. chỉ có khoảng 1/3 số

người trong danh sách được mời tới dự (tuy nhiên vẫn vui). Những người tẩy chay, không tới dự thì họ cho rằng ông làm như thế là "chơi ngông", là "lập dị", là "muốn khác người". Nhận định như thế về ông B., theo tôi là quá khắt khe. Song, có một điều hiển nhiên là ông rơi vào tình trạng lãng phí, bởi vì số mâm cỗ bị ế chiếm tới 2/3 so với số mâm mà ông đã đặt.

Xin có mấy lời bình

Cái gì "thái quá" cũng sẽ "bất cập". Tôi tin là ông B. chân thành và rất thực lòng, nhưng rõ ràng việc làm của ông xét riêng về mặt hình thức thì quả là có hơi khác người một chút. Nhiều cơ quan, địa phương, đơn vị..., khi tổ chức lễ kỷ niệm ngày truyền

thống, hay đón nhận huân chương, trong giấy mời các đại biểu thường có hàng chữ chú thích : "Xin không tặng lẵng hoa". Điều đó là đúng và cần thiết, rất đáng hoan nghênh. Nhưng việc cưới xin là chuyện trăm năm, là vấn đề nằm trong phạm trù tình cảm. Người đi dự có đưa tiền mừng hay không là quyền của họ. Minh khước từ một cách thẳng băng như vậy là hơi *thiếu tế nhị*. Rõ ràng, phương án mà ông B. lựa chọn cũng chưa phải là phương án tối ưu.

Bây giờ đang là mùa cưới. Người viết bài này rất mong các bậc cha mẹ có con sắp làm lễ thành hôn sẽ tìm được một phương án tối ưu : *vui vẻ, lịch sự, trang nhã và tiết kiệm*. □

NHÌN LẠI...

(Tiếp theo trang 53)

Để có một chất lượng thực sự, không thể không chú ý củng cố, xây dựng và phát triển các mô hình giáo dục có hiệu quả như trường học 2 buổi/ngày, trường trọng điểm chất lượng cao, trường đạt chuẩn quốc gia, trung tâm học tập cộng đồng,... không thể không đổi mới công tác thi cử, kiểm tra, đánh giá một cách khoa học, chuẩn mực, tạo môi trường giáo dục có nền nếp, kỷ cương, kết hợp hài hòa giữa giáo dục gia đình và xã hội. Và để có hiệu quả thực sự trong tiến trình nâng cao chất lượng là phải chỉ đạo thực hiện đồng bộ cả 4 khâu : *đổi mới chương trình, đổi mới sách, đổi mới cơ sở vật chất thiết bị và nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý*.

Ba là, đất nước ta còn nghèo, lại trải qua một cuộc chiến tranh dai dẳng, một dải đất hẹp phía đông giáp biển, phía tây tựa lưng vào dãy Trường Sơn, có nhiều vùng khó khăn, có nhiều

dân tộc sinh sống, cho nên, phát triển giáo dục không thể không chú ý đến đặc điểm vùng miền, đặc điểm dân tộc. Giáo dục ở các vùng khó khăn và các đối tượng khó khăn phải là một trọng điểm chỉ đạo để từng bước tạo sự đồng đều ở mỗi địa phương và toàn đất nước.

Trong chỉ đạo phải có mức độ mềm dẻo và những giải pháp linh hoạt mang tính đặc thù. Quan tâm không có nghĩa là giảm nhẹ yêu cầu mà phải tạo điều kiện về cơ chế, chính sách để các vùng, các đối tượng này có cơ hội phấn đấu đạt được những tiêu chí cơ bản chung. Đó chính là tính công bằng trong giáo dục, là tính ưu việt của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hơn 15 năm đổi mới, ngành giáo dục và đào tạo đang chỉnh trang đội ngũ để vững bước trên đường đổi mới đầy gian nan nhưng nhiều hứa hẹn. Vấn đề là chọn khâu đột phá nào, chọn nút bấm nào để giữ được ổn định và tạo sự chuyển động đúng hướng, đồng bộ, hiệu quả cho hệ thống giáo dục quốc dân, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đất nước và thời đại. □



Về chính sách đối ngoại CỦA THỦ TƯỚNG NHẬT BẢN J. CÔI-DU-MI

HÀ MỸ HƯƠNG*

1. Nhật Bản sau chiến tranh lạnh

Khi chiến tranh lạnh chưa kết thúc, người ta nói tới Nhật Bản là nói tới sự "thần kỳ kinh tế" của một đất nước vốn chẳng được thiên nhiên ưu đãi nhưng đã trở thành một cường quốc kinh tế - tài chính mạnh nhất nhì thế giới, một chủ nợ lớn nhất thế giới, hay một nước Nhật "mua cả thế giới". Thế nhưng, suốt thập niên 90 của thế kỷ XX cho đến nay, bức tranh toàn cảnh của Nhật Bản lại không mấy sáng sủa, nếu không nói là ảm đạm. Tại sao vậy? Chẳng phải sự phát triển vượt bậc của cách mạng khoa học - công nghệ, cách mạng tin học mà Nhật Bản là một trong những nước đi đầu đã tạo cơ hội thuận lợi cho tất cả các nước đang phát triển đó sao?

Thì ra, ngoài sự phụ thuộc quá nhiều vào thị trường quốc tế, nền kinh tế Nhật Bản cũng tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn định. Sự đổ vỡ của nền "kinh tế bong bóng", tình trạng thiếu ổn định của đồng yên, chi phí ngày càng tăng cho phúc lợi xã hội và lương hưu trong tình trạng lão hóa dân số của Nhật Bản, tác động của khủng hoảng tài chính - tiền tệ Đông Á năm 1997 - 1998... chỉ là danh mục chưa đầy đủ các yếu tố dẫn tới suy thoái kinh tế trầm trọng của Nhật Bản trong hơn một thập niên qua. Năm 2001, GDP của Nhật Bản tụt xuống ở mức - 0,9%, số

người thất nghiệp lên tới 3,7 triệu, một con số kỷ lục trong vòng 40 năm qua ở một đất nước vốn từng được tiếng là có ít người thất nghiệp nhất.

Trong thập niên 90 của thế kỷ trước, chính trường Nhật Bản không ổn định với 10 lần thay đổi Thủ tướng Chính phủ. Trong số rất nhiều đảng phái chính trị khác nhau ở Nhật Bản, thì Đảng Dân chủ Tự do (LDP) là đảng lớn nhất, liên tục cầm quyền từ năm 1955 đến năm 1993. Song, từ năm 1993 đến năm 1996 LDP mất vị trí cầm quyền, trở thành đảng đối lập. Trên chính trường Nhật Bản xuất hiện hình thức lãnh đạo do liên minh đa đảng thực hiện. Điều này tuy làm giảm sự thống nhất giữa các nhà lãnh đạo Nhật Bản, nhưng cũng đem lại những sắc thái mới trong chính sách đối ngoại của nước này, và phần nào khắc phục tư tưởng bảo thủ trong chính sách của Chính phủ. Từ năm 1996 đến nay, Đảng Dân chủ Tự do Nhật Bản quay trở lại cầm quyền, song Thủ tướng vẫn liên tục thay đổi do LDP cũng có nhiều phái khác nhau. Do vậy, trong chính giới Nhật Bản vẫn tồn tại nhiều bất đồng cả về chính sách đối nội lẫn chính sách đối ngoại, cũng như về con đường phát triển của Nhật Bản.

* TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

2. Chính sách đối ngoại của Thủ tướng J. Côi-du-mi

Lên nắm quyền Thủ tướng Nhật Bản (4-2001), ông J. Côi-du-mi đứng trước nhiều vấn đề nan giải. Dù là "người khổng lồ kinh tế", song trong con mắt của cộng đồng quốc tế, Nhật Bản vẫn chỉ là "người khổng lồ một chân", quá phụ thuộc vào chiếc ô an ninh của Mỹ. Vì vậy, vị thế của Nhật Bản trên trường quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị - an ninh, rất mờ nhạt. Do đó, sau khi nhậm chức, Thủ tướng J. Côi-du-mi cho rằng, để phát triển, phải thay đổi cả Nhật Bản lẫn LDP do ông làm Chủ tịch. Hành động quan trọng đầu tiên, có ý nghĩa rất lớn, chứng tỏ quyết tâm đổi mới của vị tân Thủ tướng là việc ông bổ nhiệm một nội các rất khác những nội các từng tồn tại trước đó. Nội các do Thủ tướng J. Côi-du-mi đứng đầu có ba đặc điểm nổi bật :

1. Không dựa theo các phái, mà dựa theo năng lực ;
2. Trẻ hóa nội các ;
3. Tỷ lệ nữ cao kỷ lục (4 Bộ trưởng là nữ, trong đó có Bộ trưởng Ngoại giao).

Với một nội các như vậy, Thủ tướng J. Côi-du-mi hy vọng sẽ đưa Nhật Bản - cường quốc kinh tế số 2 thế giới - tiến vào thế kỷ XXI trong một tư thế cân đối hơn, vững vàng hơn.

Trong hoạt động đối ngoại, nhìn chung, Chính phủ của thủ tướng J. Côi-du-mi vẫn tiếp tục theo đuổi những mục tiêu đối ngoại của các chính phủ trước đây. Đó là :

1. Tạo lập và củng cố môi trường quốc tế hòa bình, ổn định, đặc biệt ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương ;
2. Mở rộng ảnh hưởng kinh tế, phát huy vai trò kinh tế hàng đầu ở khu vực để phục vụ cho lợi ích của Nhật Bản ;
3. Trở thành cường quốc chính trị thế giới, cụ thể là trở thành Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Mục tiêu thứ ba là mục tiêu nổi bật trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh lạnh. Kỳ vọng vươn lên trở thành cường quốc chính trị thế giới tương xứng với vị thế cường quốc kinh tế số 2 thế giới của Nhật Bản bắt nguồn từ những điều kiện chủ quan và khách quan xuất hiện sau chiến tranh lạnh. Kỳ vọng này càng thể hiện rõ hơn ở chính sách đối ngoại của Thủ tướng J. Côi-du-mi. Nội dung của chính sách này hướng vào những vấn đề sau :

Thứ nhất, Nhật Bản tăng cường chính sách đối ngoại đa phương đi đôi với thúc đẩy quan hệ song phương. Trên thực tế, Nhật Bản đã thực hiện chính sách đối ngoại đa phương từ trước khi chiến tranh lạnh kết thúc, song quan hệ đối ngoại thân Mỹ và phương Tây vẫn là đặc điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản thời kỳ sau chiến tranh lạnh. Song, có thể thấy rõ sự tích cực và chủ động mở rộng địa bàn hoạt động của Nhật Bản tại nhiều khu vực trên thế giới. Quan hệ hợp tác nhiều mặt với các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU), Đông Bắc Á và cả Nga, được Nhật Bản đặc biệt coi trọng và trên thực tế đã mang nhiều mối lợi cho nước này.

Thứ hai, Nhật Bản cố gắng duy trì, củng cố, cải thiện quan hệ với các nước châu Á trong khuôn khổ chính sách "thoát Mỹ, nhập Á", mà trước hết là với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Đây là đầu cầu không thể thiếu để Nhật Bản đi tới mục tiêu trở thành cường quốc chính trị thế giới. Chính phủ Nhật Bản tăng cường quan hệ với các nước châu Á cả trong quan hệ song phương và thông qua các diễn đàn đa phương, như Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), ASEAN+3, Diễn đàn hợp tác cấp cao Á - Âu (ASEM). Trung Quốc là đối tác lớn nhất, quan trọng nhất và cũng là nước nhận viện trợ phát triển chính thức (ODA) lớn nhất trong toàn bộ khoản viện trợ ODA của Nhật Bản ra nước ngoài. Đối với ASEAN, Nhật Bản

tiếp tục là nước viện trợ ODA quan trọng, là nước đứng đầu về đầu tư nước ngoài trực tiếp (FDI) vào ASEAN và là đối tác thương mại lớn nhất của ASEAN. Chuyến thăm của Thủ tướng J. Côi-dư-mi đến 5 nước phát triển nhất thuộc ASEAN (1-2002), đến Việt Nam và Đông Ti-mo (4-2002) càng chứng tỏ rằng, Nhật Bản quyết tâm "nhập ASEAN" trong bối cảnh quốc tế phức tạp sau "Sự kiện 11-9-2001".

Thứ ba, Nhật Bản tích cực tham gia hoạt động trong các tổ chức, các diễn đàn quốc tế. Tính tích cực của Nhật Bản biểu hiện không chỉ trong các bài diễn văn, trong các tuyên bố, tuyên ngôn, mà còn bằng hành động thực tế. Nhật Bản gửi quân tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc (LHQ), trước đây ở Cam-pu-chia, sau này ở Đông Ti-mo. Nhật Bản là nước đóng góp tới 21% ngân sách hằng năm của LHQ, ủng hộ Nghị định thư Ky-ô-tô về giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính, là một trong những nước cam kết tài trợ lớn nhất cho Áp-ga-ni-xtan thời kỳ "hậu Ta-li-ban". Đồng thời, Nhật Bản ráo riết vận động để cải tổ cơ cấu tổ chức của LHQ. Những động thái đối ngoại kể trên là một trong những biện pháp ngoại giao để Nhật Bản đạt mục tiêu trở thành Ủy viên thường trực Hội đồng bảo an LHQ. Việc Nhật Bản cam kết tăng viện trợ ODA lên 13 tỉ USD (khoảng 0,3% GDP) trong những năm tới tại Hội nghị cung cấp tài chính phát triển của LHQ được tổ chức tại Môn-trây (Mê-hi-cô) hồi tháng 3-2002 là một minh chứng nữa cho quyết tâm đạt mục tiêu trên của Nhật Bản.

Thứ tư, Nhật Bản vẫn tiếp tục coi quan hệ đồng minh với Mỹ là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại và an ninh của mình, mặc dù đang cố gắng thực hiện một chính sách đối ngoại độc lập hơn với Mỹ. Tăng cường hợp tác chặt chẽ với Mỹ, nhất là trong lĩnh vực chính trị - an ninh vẫn được Nhật Bản coi là hướng chủ đạo trong chính sách đối ngoại. Điều này

thể hiện rất rõ sau "Sự kiện 11-9-2001". Nhật Bản chẳng những là một trong những nước đầu tiên lên tiếng ủng hộ Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố mang tên "Công lý vô tận" (về sau đổi là "Tự do bền vững") của Mỹ, mà còn đưa tàu chiến tới Ấn Độ Dương tham gia các hoạt động quân sự phối hợp với Mỹ. Điều đáng chú ý nữa là Nhật Bản đang tích cực hợp tác với Mỹ trong việc xúc tiến triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa chiến trường (TMD), sau khi khẳng định lại việc tiếp tục duy trì Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật trong tình hình quốc tế mới. Cục Phòng vệ Nhật Bản đã chi và sẽ còn tiếp tục chi hàng tỉ yên cho việc nghiên cứu, triển khai TMD, gây bất bình và lo ngại cho nhiều nước trong khu vực, nhất là Trung Quốc và Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên.

Trong thời gian qua, việc thi hành một chính sách đối ngoại như vậy vẫn chưa cải thiện được đáng kể vị thế quốc tế của Nhật Bản. Trong khi đó, những động thái khác của Chính phủ Nhật Bản, như việc cho in lại sách giáo khoa lịch sử xuyên tạc sự thật về những hành động quân sự của quân đội Nhật trong thời gian chiến tranh thế giới thứ hai, việc Thủ tướng J. Côi-dư-mi bất chấp phản ứng của nhân dân các nước Hàn Quốc và Trung Quốc, vẫn hai lần đến thăm đền Y-a-su-ku-mi (nơi tưởng niệm những lính Nhật chết trận, trong đó có cả những tội phạm chiến tranh) đã làm cho hình ảnh của ông J. Côi-dư-mi nói riêng và của Nhật Bản nói chung trong con mắt người dân châu Á không mấy được cải thiện. Việc Thủ tướng J. Côi-dư-mi cách chức Bộ trưởng ngoại giao của bà Ta-na-ka, một nhân vật có uy tín trên chính trường Nhật Bản và cũng từng là người đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ông lên ghế Thủ tướng, việc một loạt các vụ bê bối liên quan đến các quan chức cấp cao của Đảng LDP cầm quyền bị phanh phui gần đây đã góp phần làm xói mòn uy tín của Chính phủ và của bản thân ông J. Côi-dư-mi.

3. Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản trong những năm gần đây

Quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản trong suốt 30 năm qua đã trải qua không ít thăng trầm, nóng lạnh. Thế nhưng, trong những năm gần đây, quan hệ này liên tục có nhiều bước phát triển tích cực trên các bình diện chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại, văn hóa, giáo dục - đào tạo... Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao, nếu trước đây phải hơn 20 năm sau ngày thiết lập quan hệ ngoại giao mới có chuyến thăm đầu tiên của Thủ tướng Nhật Bản Mu-ray-a-ma đến Việt Nam (8-1994), thì những năm vừa qua, thường xuyên diễn ra các chuyến thăm cấp cao của Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội hai nước hoặc thành viên Hoàng gia Nhật Bản. Chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng J. Côi-du-mi hồi tháng 4-2002 vừa qua đã đánh dấu một mốc mới trong quan hệ giữa hai nước, thể hiện mong muốn của Chính phủ Nhật Bản phát triển và củng cố hơn nữa quan hệ hữu nghị và hợp tác với Việt Nam.

Trong lĩnh vực kinh tế - thương mại, nếu như năm 1992 kim ngạch thương mại hai chiều chỉ đạt 910 triệu USD, thì từ năm 1996 đến nay, chỉ số này luôn ở mức trên 3 tỉ USD, tốc độ tăng hằng năm khá nhanh, và đặc biệt là thặng dư thương mại luôn nghiêng về phía Việt Nam.

Kim ngạch ngoại thương Việt Nam - Nhật Bản 1997 - 2001 ⁽¹⁾

Đơn vị tính : triệu USD

Năm	Xuất khẩu từ Nhật Bản sang Việt nam	Xuất khẩu từ Việt Nam sang Nhật Bản	Tổng kim ngạch	Thặng dư thương mại của Việt Nam
1997	1.278	2.189	3.467	911
1998	1.327	1.748	3.075	421
1999	1.642	1.973	3.615	331
2000	1.975	2.640	4.615	665
2001	2.009	2.938	4.947	929

Nhật Bản là nhà tài trợ ODA lớn nhất cho Việt nam. Tính từ năm 1992 (khi Nhật Bản nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam) đến năm 2001, Nhật Bản đã tài trợ ODA cho Việt Nam khoảng 7 tỉ USD (trong tổng số hơn 17 tỉ USD viện trợ ODA của cộng đồng quốc tế), trong đó có một tỉ lệ không nhỏ là viện trợ không hoàn lại. Riêng năm 2001, ODA của Nhật Bản tài trợ cho Việt Nam là 763,33 triệu USD, trong đó viện trợ không hoàn lại là 69,16 triệu USD. Tài trợ ODA của Nhật Bản tại Việt Nam được tập trung vào 5 lĩnh vực ưu tiên là : phát triển nguồn nhân lực ; xây dựng cơ sở hạ tầng ; phát triển nông nghiệp, nông thôn ; phát triển giáo dục - đào tạo và y tế ; bảo vệ môi trường. Nhìn chung, Việt Nam sử dụng có hiệu quả ODA của Nhật Bản phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, và, đây cũng là nguyên nhân quan trọng hàng đầu để Nhật Bản tiếp tục dành tài trợ ODA lớn cho Việt Nam, mặc dù tình hình kinh tế - tài chính Nhật Bản đang gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, còn nhiều nguyên nhân khác khiến Nhật Bản dành ưu tiên cho Việt Nam trong chính sách ODA của mình, mà một nguyên nhân đóng vai trò không nhỏ là tầm quan trọng (về địa - chính trị cũng như về đất nước, con người và chính sách đối ngoại) của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản thời kỳ sau chiến tranh lạnh.

Chúng ta tin tưởng rằng trên cơ sở những thành tựu đã đạt được nhiều năm qua, quan hệ giữa Nhật Bản và Việt Nam sẽ được nâng lên tầm cao mới về chất và đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai nước về tính vững chắc của mối quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi giữa hai nước Việt Nam - Nhật Bản vì sự ổn định và phồn vinh của từng nước cũng như của cả khu vực. □

(1) Số liệu do ông Y. Ry-u-i-chi-rô, Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam cung cấp trong buổi làm việc tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, ngày 12-6-2002

THẾ giới một lần nữa lại đứng trước nguy cơ chiến tranh đe dọa. Nếu thế kỷ XX được xem là thế kỷ của chiến tranh và bạo lực, thì vừa bước vào thế kỷ XXI, trái đất nhỏ bé của chúng ta đã ngay lập tức bị tro bụi và hơi nóng của chiến tranh làm u ám. Và lần này nữa, nếu Mỹ tiến công I-rắc, thì chiến tranh với lưỡi hái của tử thần sẽ là chủ đề chính trên bức tranh không mấy tươi sáng của thế giới đương đại. Đây sẽ là một cuộc chiến tranh được báo trước với những hậu họa không thể lường trước.

Từ Áp-ga-ni-xtan...

Rạng sáng ngày 8-10-2001, đòn không kích đầu tiên của liên quân Mỹ - Anh vào thủ đô Ca-bun đã mở màn chiến dịch trả đũa quân sự nhằm vào Áp-ga-ni-xtan. Với chiến dịch này, nhiều nước như Pháp, Đức, Ca-na-đa, Ôt-xtrây-li-a đã cam kết góp quân khi chiến dịch mở màn. Hơn 40 nước trên nhiều châu lục đã cho phép Mỹ quá cảnh không phận và được phép hạ cánh máy bay. Nhiều quốc gia đã đồng ý chia sẻ tin tức tình báo với Mỹ. Trong cuộc chiến Áp-ga-ni-xtan - cuộc chiến chống khủng bố, Mỹ nhận được sự ủng hộ của hầu hết các nước trên thế giới, ngay cả những nước mà đạo Hồi là quốc đạo.

Nhưng nguyên nhân nào đã đem lại cho Mỹ những thuận lợi, hậu thuẫn toàn cầu và chiến thắng nhanh chóng ở Áp-ga-ni-xtan ?. Có thể đề cập đến các nguyên nhân chính yếu sau :

Trước hết, sự kiện 11-9-2001, một mặt gây nên sự kinh hoàng trên toàn thế giới, nhưng mặt khác nó làm bùng nổ một làn sóng phản nộ trên khắp hành tinh, nhân loại không thể để cho cái ác lộng hành, không thể để bất cứ tổ chức hay nhà nước nào nhân danh công lý để giết hại những người dân vô tội. Và, thế giới đã ủng hộ Mỹ chống khủng bố. Mặt khác, trước khi mở màn chiến dịch, Mỹ đã tiến hành nhiều hoạt động ngoại giao nhằm tạo ra một hậu thuẫn mạnh và rộng khắp trên thế giới, do đó trong cuộc chiến Áp-ga-ni-xtan, Mỹ đã hành động không đơn độc. Có được hậu thuẫn vững chắc, Mỹ vào cuộc đầy tự tin với phương tiện

Mỹ : Từ Áp-ga-ni-xtan đến I-RẮC

VÔ THỦ PHƯƠNG

vật chất và kỹ thuật chiến tranh áp đảo đối phương một cách tuyệt đối. Mỹ đã đạt được điều họ muốn.

Thứ hai, Mỹ đã rất tinh táo tránh được cái bẫy rập mà Bin La-đen giăng ra, hòng đưa Mỹ vào một cuộc chiến chống lại thế giới Hồi giáo - "cuộc chiến tranh giữa các nền văn minh". Động thái của Tổng thống G.W. Bu-sơ mời các lãnh tụ Hồi giáo tới Nhà Trắng sau sự kiện 11-9-2001, đã tước bỏ của Bin La-đen khả năng lôi kéo các nước Hồi giáo vào một liên minh chống Mỹ. Và, nhiều nước Hồi giáo đã ủng hộ Mỹ với những mức độ khác nhau hoặc không tỏ thái độ phản kháng Mỹ, trước cũng như trong chiến tranh Áp-ga-ni-xtan.

Thứ ba, sau sự kiện 11-9-2001, khi đã tin rằng Bin La-đen là kẻ chủ mưu, dư luận Mỹ đã ủng hộ chính quyền Mỹ về một cuộc tiến công trừng phạt. Chính quyền Mỹ nhận được sự hậu thuẫn mạnh mẽ của dân chúng - một yếu tố rất quan trọng để Mỹ có thể chiến thắng trong một cuộc chiến ở ngoài biên giới.

Thứ tư, Áp-ga-ni-xtan là đất nước hầu như kiệt quệ sau nhiều năm dài nội chiến, chính quyền của Ta-li-ban điều hành đất nước một cách quá kém cỏi và bị phần lớn các nước trên thế giới tẩy chay, bất hợp tác. Cộng thêm, nhân dân bị đè nén, cam chịu nhưng bất phục, các lực lượng đối lập với chế độ Ta-li-ban vẫn đang hùng cứ ở một số vùng miền Bắc Áp-ga-ni-xtan và luôn ở thế sẵn sàng tiến về chiếm lại thủ đô Ca-bun. Một quốc gia không có sự hậu thuẫn mạnh mẽ về chính trị, kinh tế suy kiệt, chế độ mục nát, không thể nào đương đầu nổi với Mỹ trong một cuộc chiến dài hơi, dù rằng binh sĩ của Ta-li-ban có thể thiện chiến.

Có thể nói, trong quá trình chuẩn bị và tiến hành chiến tranh Áp-ga-ni-xtan, Mỹ đã phần nào hướng theo chủ nghĩa đa phương, và chính

chủ nghĩa đa phương đã đem lại cho Mỹ những thành công nhất định không chỉ trong cuộc chiến Áp-ga-ni-xtan, mà còn trong gần một năm hoạt động đối ngoại. Tuy nhiên, sự thành công ban đầu đã làm một số người theo chủ nghĩa đa phương trong chính giới Mỹ nhầm tưởng rằng : Cái gì đang vận hành tốt thì nó sẽ tiếp tục tốt - chủ nghĩa đa phương đã được khởi động có vẻ thuận buồm, thì cứ vậy mà tấn tới. Thêm vào đó, thành công nhanh chóng tại Áp-ga-ni-xtan và việc trồng cây một cách quá đáng vào sức mạnh quân sự, đã làm họ xa rời chủ nghĩa đa phương. Kết quả là, khi đứng trước "cuộc khủng hoảng I-rắc", chính quyền Mỹ lại tiếp tục sa vào con đường của chủ nghĩa đơn phương.

... Đến cuộc "khủng hoảng" I-rắc

Đã hơn 11 năm, kể từ ngày 17-1-1991, ngày Liên quân do Mỹ đứng đầu tiến công I-rắc cả ở Cô-oét lẫn I-rắc trong chiến dịch mang tên "Bảo táp sa mạc", và cũng đã gần 4 năm trôi qua, từ khi Mỹ - Anh lại tiến công I-rắc lần thứ hai, vào ngày 17-12-1998 với chiến dịch "Con cáo sa mạc" (cũng lại ngày 17 ! Không biết con số 17 này có bám theo Mỹ và I-rắc trong các tháng tới hay không ?). Cả hai chiến dịch quân sự do Mỹ chủ xướng nhắm vào I-rắc, đều xảy ra trong thế kỷ XX. Chiến dịch thứ nhất, Mỹ phát động với lý do "trừng phạt I-rắc"- được sự đồng ý của Liên hợp quốc. Chiến dịch thứ hai, Mỹ tiến hành với lý do I-rắc cản trở hoạt động thanh sát vũ khí của UNSCOM, chiến dịch này không được sự đồng ý của Liên hợp quốc, bị dư luận thế giới phản đối và lên án. Tại thời điểm này, khi nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI, thì Mỹ lại hăm dọa dùng chiến tranh để tàn phá I-rắc lần thứ ba, vẫn với lý do cũ : I-rắc sản xuất và tàng trữ vũ khí hủy diệt hàng loạt !. Điều gì làm Mỹ thù hận I-rắc đến như vậy ?.

Vấn đề không chỉ đơn giản là vũ khí giết người hàng loạt, là sự thù hận I-rắc và muốn loại bỏ X. Hu-xê-in, mà thực chất là Mỹ mưu đồ bá chủ Trung Đông. Cố Tổng thống Mỹ, R. Ních-xơn, đã cho rằng : "Ai kiểm soát địa bàn Trung Đông, kẻ đó sẽ thống trị thế giới". Kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mỹ đã đánh giá rất cao vai trò của khu vực Trung Đông và coi đây là "chiếc ô" an ninh năng lượng của phương Tây. Mặt khác, Trung Đông còn là địa bàn chiến lược về quân sự, và là thị trường tiêu thụ vũ khí vào loại lớn nhất thế giới. Hằng năm, các tập đoàn tổ hợp công nghiệp quân sự của Mỹ đã thu được những khoản lợi nhuận

khổng lồ từ chính thị trường này (sau chiến tranh vùng Vịnh, chỉ riêng một hợp đồng mua vũ khí của Ả-rập Xê-út ký với Mỹ, đã lên đến hơn 40 tỉ USD). Mỹ coi lợi ích trọng yếu của mình nằm ở khu vực Trung Đông, và Cựu Tổng thống J. Ca-tơ đã từng khẳng định điều đó : Bất cứ mưu toan của nước nào hòng kiểm soát khu vực vịnh Pé-c-xích sẽ bị coi là hành động tấn công lợi ích trọng yếu của nước Mỹ, và việc tấn công này sẽ bị giáng trả bằng bất cứ biện pháp nào nếu thấy cần thiết, kể cả việc sử dụng vũ lực.

Mưu đồ của Mỹ là vậy. Song thực tế đôi khi chẳng chiều lòng người. Các quốc gia và dân tộc ở Trung Đông ngày càng nhận rõ hơn vai trò chủ nhân của mình đối với nguồn tài nguyên dầu mỏ quý giá và không muốn nó bị tiêu hao một cách nhanh chóng với dòng lợi nhuận chui vào túi người khác. Các nước trong khu vực, đặc biệt là I-rắc dưới sự lãnh đạo của tổng thống X. Hu-xê-in vẫn nuôi hy vọng tạo ra một trật tự khu vực riêng cho chính mình, chứ không phải một trật tự áp đặt từ bên ngoài. I-rắc đã thể hiện rất rõ ý đồ thực hiện hy vọng này vào năm 1990, và vì vậy I-rắc đã trở thành vật cản bước tiến của Mỹ trên con đường đầy tham vọng : bá chủ khu vực Trung Đông, từ đó bá chủ thế giới !

Nếu như tại Áp-ga-ni-xtan, Mỹ luôn thuận buồm xuôi gió, thì lần này, trong vụ khủng hoảng I-rắc, Mỹ phải đối đầu với không ít khó khăn.

Trước hết, tại chính quốc, Cựu Phó Tổng thống Mỹ, A. Go, đã châm ngòi cho cuộc tranh luận về cơ sở hợp lý của một cuộc "chiến tranh ngăn ngừa"⁽¹⁾ chống X. Hu-xê-in, bằng việc chỉ ra rằng một năm mà "thiện cảm" của thế giới dành cho Mỹ, đang chuyển thành "nỗi lo sợ". Nhiều nghị sĩ của phái dân chủ cũng kịch liệt phản đối G.W. Bu-sơ tước bỏ quyền lực của X. Hu-xê-in không cần có sự chấp thuận của Liên hợp quốc. Ông A. Go đã phê phán chiến lược quốc tế của đương kim

(1) *Chiến tranh ngăn ngừa* (còn gọi là chiến tranh phòng ngừa) là một hình thái chiến tranh ra đời từ thế kỷ thứ XIX, cho phép các quốc gia có thể tiến hành chiến tranh chống một quốc gia khác đang lớn mạnh hay đang có ý định gây chiến. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, hình thái chiến tranh này bị loại bỏ. Các nước chỉ được tiến hành chiến tranh ngăn ngừa khi Liên hợp quốc quyết định can thiệp bằng các biện pháp tập thể. Quốc gia nào vi phạm nguyên tắc này sẽ bị coi phạm tội ác chống nhân loại.

Tổng thống Mỹ, ông nói : "Sau sự kiện 11-9-2001, có biết bao thiện cảm và sự ủng hộ mà thế giới dành cho chúng ta. Chúng ta đã để phung phí điều đó và thay thế bằng nỗi lo sợ, nghi ngại không phải về cái mà bọn khủng bố sẽ làm, mà về điều mà chúng ta sẽ làm !". Ông cũng cho rằng, chính sách của G. W. Bu-sơ là cực kỳ nguy hiểm, khi phổ biến quyền tấn công một quốc gia bị coi là chứa đựng hiểm họa, nhưng không thực sự đe dọa Mỹ và các đồng minh. Nhiều chính khách và dân chúng Mỹ muốn chính phủ phải có một giải pháp đa phương hơn. Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy, nếu Mỹ tấn công I-rắc mà được sự đồng ý của Liên hợp quốc thì số người tán thành chiếm khoảng 75% số người được hỏi, còn nếu không được sự đồng ý của Liên hợp quốc thì con số này tụt xuống khá nhiều.

Trong khi đó, trên trường quốc tế, Mỹ vấp phải sự phản ứng khá gay gắt từ nhiều phía. Hầu hết các nước đồng minh của Mỹ (trừ Anh, I-ta-li-a và Tây Ban Nha) đều không tán thành cách sử dụng của Mỹ đối với I-rắc. Đức tỏ ra dè dặt và ngoảnh mặt làm ngơ, còn Pháp thì bất đồng ra mặt. Theo lời một quan chức Mỹ, thì Mỹ "như ngồi trên đồng than hồng" trước lập trường của Pháp tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Báo "Độc lập" (Nga), ngày 22-10, đăng bài "*Cộng đồng các nước sử dụng tiếng Pháp ủng hộ I-rắc*", có nhấn mạnh rằng tổng thống Pháp J. Si-rắc không chấp nhận việc giải quyết cuộc khủng hoảng I-rắc bằng vũ lực. Cuộc khủng hoảng I-rắc đã hình thành một tam giác mới : tam giác Nga - Pháp - Trung Quốc ủng hộ Nghị quyết 1441 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về vấn đề I-rắc. Dù cách nhìn nhận Nghị quyết này của Liên hợp quốc còn nhiều quan điểm khác nhau, nhưng nói cho cùng, Mỹ cũng buộc phải chấp nhận một điều kiện không hoàn toàn có lợi cho mình. Còn một yếu tố cũng đáng quan tâm là : dù Mỹ rất mạnh, song I-rắc chẳng phải là Áp-ga-ni-xtan. Tổng thống X. Hu-xê-in có chỗ dựa khá vững chắc là nhân dân I-rắc. Yếu tố này thường chứa đựng những điều rất bất ngờ.

Ngày 25-11 vừa qua, Ủy ban giám sát, điều tra và thanh tra của Liên hợp quốc (UNMOVIC) đã có mặt tại I-rắc, Ủy ban này có quyền lực rất mạnh, kể cả việc kiểm tra dinh Tổng thống X. Hu-xê-in (quyền mà UNSCOM không có). Tuy nhiên, kết quả điều tra chắc sẽ không ảnh hưởng nhiều đến việc Mỹ có tấn công I-rắc hay không, bởi vì trên

thực tế, trước đây UNSCOM đã tiến hành thanh sát vũ khí trong nhiều năm liền (từ năm 1991 đến năm 1998), và một trong các thành viên là S. Rai-tơ - nhân vật chống I-rắc khét tiếng, đã có kết luận từ năm 1998 rằng I-rắc đã bị giải trừ và bị kiểm soát vũ khí tới 95-98 %, và nếu số vũ khí còn lại (2-5%) chưa được thanh sát thì không có nghĩa rằng số vũ khí đó là vũ khí hủy diệt hàng loạt. Ông ta đã đề nghị Liên hợp quốc dỡ bỏ lệnh cấm vận đối với I-rắc, nhưng kết quả công việc và đề nghị của S. Rai-tơ không được chấp nhận. Ông đã xin từ chức !. Vậy là Mỹ có tấn công I-rắc hay không ? Theo dư luận báo chí thế giới thì chuyện đó hầu như chẳng ăn nhập gì với công việc mà UNMOVIC đang tiến hành. Nếu UNMOVIC tìm ra vũ khí hủy diệt hàng loạt, nhưng I-rắc có phản ứng không thuận nào đó - Mỹ sẽ đánh I-rắc ; nếu UNMOVIC không tìm ra cái phải tìm, thì có nghĩa là I-rắc "không trung thực" - Mỹ cũng sẽ đánh I-rắc. I-xra-en còn tiên đoán rằng Mỹ sẽ đánh I-rắc vào tháng 1 hoặc tháng 2-2003.

Mỹ là siêu cường, Mỹ có tiềm lực quân sự mạnh nhất thế giới... Tất cả những điều này chẳng ai còn lạ lắm gì. Tuy nhiên, Mỹ có định "ngồi trên lưng ngựa" để cai trị hay không ? Mỹ có định học theo đế quốc La Mã hay đế quốc Mông Cổ dùng chiến tranh và chết chóc để kiểm chế các quốc gia khác hay không ? Điều đó chỉ có chính quyền Mỹ mới trả lời được. Và đó mới chính là điều mà thế giới quan tâm. Trong bài báo đăng trên tuần báo "Thế Giới", ông J.S. Nai-e, Cựu Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ (thời B. Clin-تون) đã viết : "Nước Mỹ thiếu những điều kiện trong nước và quốc tế để giải quyết những xung đột diễn ra bên trong những xã hội khác" và "Nước Mỹ phải học cách lắng nghe người khác và thể hiện những quyền lợi của dân tộc mình sao cho chúng bao gồm cả những lợi ích toàn cầu. Bởi điều này mang tính chất quyết định đối với việc quyền lực của Mỹ sẽ tồn tại được trong bao lâu, và những người khác có thể chịu đựng được quyền lực của Mỹ hay không". Quả là chính quyền Mỹ phải thận trọng khi dự định tiến hành một cuộc chiến tranh ngoài biên giới quốc gia. Mạnh, nhưng đơn phương thì tự mình đã làm giảm thiểu sức mạnh của chính mình. Và, thực tế lịch sử thế giới từ trước đến nay đã và đang cho thấy rõ, không thiếu gì những tấm gương của những đại cường quốc bị suy tàn vì những điều tương tự, để Mỹ có thể soi vào.□

CHÍNH PHỦ HỌP PHIÊN THƯỜNG KỲ, THÁNG 11- 2002

N GÀY 30-11-2002, Chính phủ đã họp phiên thường kỳ dưới sự chủ trì của Thủ tướng Phan Văn Khải và các Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Phạm Gia Khiêm.

Chính phủ dành nhiều thời gian tập trung thảo luận : *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2010*. Chính phủ xác định phương hướng phát triển lâu dài của nền văn hóa Việt Nam là : Phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội của đất nước ta, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Chính phủ đã thảo luận : *Dự án sửa đổi Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự* (được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa VII thông qua ngày 4-4-1981). Pháp lệnh này là công cụ có hiệu quả trong đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần bảo vệ quyền dân chủ của công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trước yêu cầu của tình hình mới, để phù hợp với Bộ Luật hình sự (được sửa đổi năm 1999), Bộ Luật Tố tụng hình sự (được sửa đổi năm 2000), Luật Tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân (được sửa đổi năm 2002), việc sửa đổi Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự là một đòi hỏi khách quan và cấp thiết. Chính phủ cũng thảo luận và cho nhiều ý kiến về : *Tình hình kiểm tra công tác xây dựng cơ bản và quản lý, sử dụng đất đai ; Luật Xây dựng*.

Sau khi phân tích *tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2002*, Chính phủ nhận định, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn cả trong và ngoài nước, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực : công nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng cao ; nông nghiệp phát triển ổn định, thực hiện vốn đầu tư đạt khá ; thu ngân sách triển vọng vượt dự toán năm ; một số lĩnh vực văn hóa - xã hội có chuyển biến tích cực như : văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, công tác cứu trợ, nhất là cứu trợ thiên tai, lũ lụt, thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo... Tuy kim ngạch xuất khẩu đã được cải thiện đáng kể trong những tháng gần đây nhưng còn nhiều khó khăn, giải ngân tín dụng đạt thấp, một số tệ nạn xã hội như : nghiện ma túy, mại dâm, ách tắc và tai nạn giao thông... vẫn rất bức xúc.

Chuẩn bị kết thúc năm 2002, Thủ tướng Phan Văn Khải yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tập trung sức phấn đấu để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu ở mức cao nhất. Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu ; tập trung hơn nữa vào các mặt hàng còn có khả năng tăng cao về khối lượng và kim ngạch như : dầu thô, rau quả, thủy sản, dệt may... Nếu tháng 12 xuất khẩu đạt 1,6 tỉ USD, thì cả năm có thể đạt kế hoạch 16,5 tỉ USD, tăng gần 10%, bằng mức kế hoạch đề ra. Đẩy mạnh thực hiện khối đầu tư thuộc vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển, tập trung cho các công trình lớn, các công trình hoàn thành trong năm 2002. Chuẩn bị các nguồn hàng phục vụ Tết Nguyên đán sắp tới, trước hết cho các vùng bị thiên tai, lũ lụt và các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục nâng cao chất lượng vận tải, nhất là vận tải hành khách, nhanh chóng triển khai các giải pháp nhằm giảm ách tắc và tai nạn giao thông trong dịp Tết.□

DIỄN ĐÀN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG MIỀN NÚI VIỆT NAM

H UỶNG ứng Năm Quốc tế về Miền núi (IYM 2002), trong hai ngày 27 và 28-11-2002, Ủy ban Dân tộc phối hợp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức Diễn đàn về Miền núi nhằm chia sẻ thông tin, kinh nghiệm phát triển bền vững miền núi Việt Nam.

Tham gia Diễn đàn có các đồng chí lãnh đạo của Ủy ban Dân tộc, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân vận Trung ương, các nhà khoa học của Chương trình hợp tác xóa đói giảm nghèo, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội, v.v., đại diện của các tổ chức quốc tế, như Chương trình phát triển Liên hợp quốc, Tổ chức Lương thực thế giới, Quỹ Bảo vệ Môi trường thế giới...

Các ý kiến và tham luận của Diễn đàn tập trung vào các vấn đề sau :

1. Theo phân loại của Ủy ban Dân tộc, nước ta có 10 tỉnh vùng cao, 9 tỉnh miền núi và 23 tỉnh có miền núi, với 25 triệu người (trong đó có hơn 10 triệu người dân tộc thiểu số) và 23 triệu héc-ta đất (chiếm 3/4 diện tích đất đai cả nước). Từ trước đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lý nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Nhờ đó, bộ mặt các tỉnh miền núi đã có nhiều thay đổi, nhất là sau hơn 15 năm đổi mới, miền núi nước ta đã đạt được *những thành tựu đáng ghi nhận* : Kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ; cơ sở hạ tầng miền núi được cải thiện rõ rệt ; đời sống của đồng bào các dân tộc không ngừng được cải thiện ; công tác giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa miền núi đã tiến những bước quan trọng...

2. Một trong những giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế miền núi là *xóa đói giảm nghèo*. Miền núi là nơi có tỷ lệ đói nghèo cao, tốc độ giảm nghèo trong những năm qua còn chậm (đặc biệt là đối với vùng các dân tộc thiểu số), hạ tầng cơ sở kém, trình độ dân trí thấp so với vùng khác. Bởi vậy, việc tiếp tục khảo sát, nghiên cứu và tìm ra những giải pháp để đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo là rất cần thiết. Từ Diễn đàn cho thấy, việc xác định tiêu chí đánh giá đói, nghèo không chỉ dựa vào thu nhập bình quân đầu người (dưới 80 000đ/tháng đối với đồng bào miền núi), mà phải tính đến cả cơ hội lựa chọn và hưởng thụ các giá trị tinh thần, gồm các dịch vụ y tế, văn hóa, giáo dục... Với quan niệm đó, nhiều giải pháp xóa đói giảm nghèo đã được đưa ra : Phát triển tín dụng ưu đãi dành cho người nghèo, hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông - lâm - ngư, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ phát triển ngành nghề, hỗ trợ người nghèo về y tế, giáo dục, việc làm, v.v..

3. Miền núi nước ta hiện đang đứng trước nguy cơ rừng đầu nguồn bị tàn phá nặng nề, nguồn nước suy giảm, đất đai xói mòn, nạn hạn hán và lũ lụt thường xuyên. Vì vậy, *bảo tồn môi trường sinh thái* là một trong những vấn đề nổi bật cần quan tâm trong phát triển bền vững miền núi. Tình trạng suy kiệt về môi trường có nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết do ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ và nhân dân chưa cao ; dân số tăng nhanh ; những hoạt động xây dựng cơ bản chiếm dụng đất với tốc độ lớn (đường giao thông, các công trình phúc lợi...) ; tình trạng chặt phá, khai thác rừng bừa bãi ; tình trạng săn bắt động vật quý hiếm còn phổ biến, v.v..

4. Diễn đàn cũng đề cập tới vấn đề *bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa miền núi*. Đây là địa bàn rất đa dạng về tộc người, nên văn hóa cũng rất phong phú. Mỗi dân tộc có tiếng nói, phong tục tập quán riêng. Hiện nay, các làng nghề thủ công truyền thống có xu hướng mai một, tiếng nói, chữ viết của một số dân tộc cũng bị mất dần đi... Vì vậy, phải có biện pháp phục hồi và bảo tồn những giá trị này. Nhưng việc tổ chức bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa của các dân tộc là việc làm không dễ dàng. Không thể áp đặt một cách cứng nhắc các mô hình văn hóa của đồng bằng miền xuôi vào miền núi cũng như không thể áp dụng một mô hình thống nhất cho tất cả các dân tộc miền núi mà phải căn cứ cụ thể vào đặc điểm của từng dân tộc, từng địa phương để có biện pháp bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa riêng.

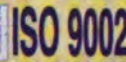
Cuối cùng, các ý kiến từ Diễn đàn đều thống nhất rằng, để phát triển bền vững miền núi Việt Nam, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cơ quan có liên quan trong việc hoạch định các giải pháp căn bản và đồng bộ : đầu tư phát triển kinh tế, thực hiện các dự án xóa đói giảm nghèo trên cơ sở bảo tồn môi trường sinh thái, giữ gìn và phát huy được những giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc miền núi.□



TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG NHÀ MÁY CƠ KHÍ 17

Địa chỉ : Đông Xuân - Sóc Sơn - Hà Nội
Điện thoại : 04.8 843 323 - Fax: 04.8 842 222
Email : Mechanical 17@fpt.vn

Giám đốc : Thượng tá LÊ THANH BÌNH



Với dây chuyền sản xuất được áp dụng công nghệ tiên tiến, quản lý theo hệ thống chất lượng ISO-9002, các sản phẩm do Nhà máy sản xuất đều hợp chuẩn và được khách hàng chấp nhận.

- * Công nghệ gia công cơ khí chính xác.
- * Công nghệ dập vuốt sâu tấm mỏng.
- * Công nghệ đúc áp lực với hệ thống máy đúc có lực khoá khuôn từ 150 tấn - 350 tấn.
- * Công nghệ sơn tĩnh điện và mạ phủ trên nền thép với các lớp phủ Cr, Ni, Cu, Ag, Au ...
- * Dây chuyền sản xuất que hàn đóng bộ công suất 5000t/năm với các chủng loại.

Nhà máy cơ khí 17 - Bộ Quốc Phòng luôn đặt mục tiêu thỏa mãn quyền lợi của khách hàng thông qua các chỉ tiêu:

- Không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Giao nhập hàng đủ số lượng, đúng thời gian.
- Hạ giá thành sản phẩm bằng các công cụ quản lý của Hệ thống ISO - 9002.

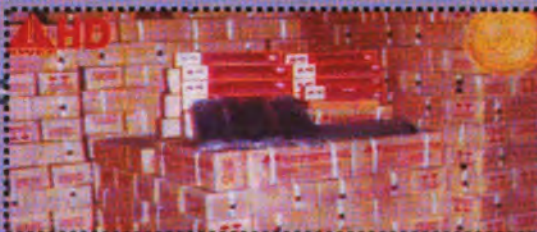


Các chi tiết sản phẩm chính do Nhà máy sản xuất



Dây chuyền sản xuất que hàn

Dây chuyền đóng bộ công suất 5000tấn/năm. Áp dụng công nghệ tiên tiến chuyên sản xuất que hàn điện Hải Đăng với các chủng loại: HD-E4313; HD-E4610; HD-E5016; HD-E5018. Que hàn INOX HD-T302. Đường kính que từ 2,5-5mm.



Sản phẩm que hàn

Nhà máy Cơ khí 17 xin hân hạnh được phục vụ Quý Khách hàng với các phương thức kinh doanh thuận lợi nhất



TỔNG CÔNG TY THÀNH AN

THANH AN CORPORATION

(BINH ĐOÀN 11)

Địa chỉ: 141 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84-4) 8 573 077; (84-4) 8 573 112

Tổng Công ty Thành An được thành lập theo Quyết định số 400/QĐ-QP ngày 4/4/1996 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; là một trong những doanh nghiệp lớn của Việt Nam hoạt động trên địa bàn cả nước và nước ngoài.

Tổng Giám đốc: Phạm Gia Thọ



Trụ sở Tổng Công ty Thành An

NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT - KINH DOANH CHỦ YẾU

- * Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi, bưu điện, đường dây tải điện, trạm biến áp công trình cấp thoát nước, công trình công cộng và các công trình XDCB khác.
- * Lắp đặt thiết bị.
- * Tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây dựng.
- * Kinh doanh bất động sản.
- * Kinh doanh nhà.
- * Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.
- * Khai thác khoáng sản.
- * Sản xuất cơ khí, sửa chữa thiết bị và các sản phẩm cơ khí

phục vụ sản xuất và tiêu dùng.

- * Khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm bằng gỗ, đồ mộc xây dựng và tiêu dùng.
- * Vận tải phục vụ xây dựng.
- * Dịch vụ nhà khách.
- * Xuất, nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ xây dựng.
- * Đào tạo nghề và cung ứng lao động ngành xây dựng, xuất khẩu lao động.
- * Đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng



Công trình Viện Sinh thái - Trung tâm Thông tin Khoa học do Tổng Công ty thi công



Thi công đường Hồ Chí Minh

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

- ★ CÔNG TY XÂY LẮP 394
18H Cộng Hòa, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- ★ CÔNG TY XÂY LẮP 386
Thị trấn Yên Viên, Hà Nội
- ★ CÔNG TY XÂY LẮP 524
Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội
- ★ CÔNG TY XÂY LẮP 665
Nhân chính, Thanh Xuân, Hà Nội

- ★ CÔNG TY XÂY LẮP 96
67 Duy Tân, Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
- ★ CÔNG TY XÂY LẮP 695
Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội
- ★ CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 56
Thịnh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội
- ★ CÔNG TY 77
Kim Bàng, Hà Nội

- ★ CÔNG TY KSTK VÀ TNCN 491
141 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội
- ★ CÔNG TY KD NHÀ HÀ NỘI
86 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội
- ★ TRƯỜNG HUẤN LUYỆN KTCN
Huỳnh Cung, Thanh Trì, Hà Nội
- ★ LIÊN DOANH ACSCO
CHDCND Lào

Tổng công ty hân hạnh được đón tiếp và sẵn sàng hợp tác với các bạn hàng trong và ngoài nước

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

ĐỊA CHỈ: 334 NGUYỄN TRÃI HÀ NỘI * TEL: (04) 858 4529 - FAX: (04) 8583 061 * HIỆU TRƯỞNG: GS.TS NGUYỄN VĂN MẬU

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI VỚI ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THÀNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHIÊN CỨU.

Sau hơn 45 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (trước đây) nay là Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN) đã có một bề dày thành tích trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Trong những năm gần đây, Nhà trường đã đặt ra mục tiêu phấn đấu: sớm đạt tiêu chuẩn khu vực và từng bước đạt chuẩn quốc tế. Đây là mục tiêu đồng thời là nhiệm vụ hết sức nặng nề đòi hỏi sự cố gắng nỗ lực của cán bộ và sinh viên Nhà trường cũng như sự quan tâm của Nhà nước. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đã đặt ra, Nhà trường tập trung hoàn thiện các hệ đào tạo, đặc biệt chú trọng đến chất lượng đào tạo mà hạt nhân của nó là hệ Đào tạo Trung học Phổ thông chuyên và chương trình Đào tạo Cử nhân khoa học tài năng (ĐTCNKHTN). Hệ Trung học Phổ thông chuyên là hệ đào tạo đặc biệt nhằm phát hiện và bồi dưỡng các mầm non năng khiếu về lĩnh vực Toán học, Tin học, Vật lý, Hóa học, Sinh học ngay từ bậc phổ thông để đào tạo nguồn cho hệ đại học, đặc biệt là cho chương trình ĐTCNKHTN. Đối với chương trình ĐTCNKHTN, nơi hội tụ những sinh viên ưu tú mà nhiều em trong số đó đã từng đoạt giải quốc gia và quốc tế về lĩnh vực khoa học tự nhiên. Chương trình đào tạo này như một luồng gió mới trong giáo dục đại học, ngay lập tức chương trình ĐTCNKHTN đã được Nhà nước

đặc biệt quan tâm, xã hội hưởng ứng. Nhiều trường đại học sau đó mở các hệ chất lượng cao và hệ đào tạo kỹ sư tài năng. Nét nổi bật của hệ đào tạo này là ngoài thời gian học tập trên lớp, sinh viên còn được dành một quỹ thời gian đáng kể cho nghiên cứu, để đến cuối khóa học các sinh viên đã có thể có khả năng nghiên cứu độc lập và tham gia trực tiếp vào các đề tài nghiên cứu của các giáo sư.

Trường ĐHKHTN nhận thức một cách sâu sắc rằng, để phát triển nhà trường và đáp ứng các đòi hỏi cao của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cần đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát triển tư duy độc lập và sáng tạo của sinh viên ngay từ những năm đầu. Với mục tiêu và phương châm đó, Nhà trường không chủ trương mở rộng quá mức quy mô mà tập trung vào việc nâng cao chất lượng đào tạo. Sinh viên tốt nghiệp của Trường phải có năng lực nghiên cứu theo hướng phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trường ĐHKHTN đã và đang hình thành các trường phái khoa học có tính độc lập tương đối, đây là đặc thù đồng thời cũng là thế mạnh của một trường khoa học cơ bản có gắn với định hướng phát triển các ngành công nghệ mới.

Tin tưởng vào tiềm năng của đội ngũ cán bộ khoa học, trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong hơn 45 năm qua, chắc chắn rằng mục tiêu xây dựng một trường đại học theo hướng nghiên cứu ở trường ĐHKHTN sẽ thành công.



TRƯỜNG CAO ĐẲNG MỸ THUẬT TRANG TRÍ

Kỷ niệm 100 năm thành lập

1903 - 2003

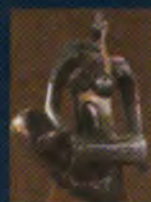
Trường Cao đẳng Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai được thành lập năm 1903, là một trong số những trường mỹ thuật lâu đời nhất tại Việt Nam.

Trường có mối quan hệ chặt chẽ với các trường mỹ thuật trong và ngoài nước. Có chương trình trao đổi giảng viên và du học sinh với các đại học ở Úc và Singapore như: ANU, RMIT, Griffith, NAFA.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ trở thành những nhà thiết kế cho các khu công nghiệp Biên Hoà và các tỉnh khác trong nước.

Các chuyên ngành đào tạo:

- Thiết kế đồ họa ứng dụng
- Thiết kế đồ họa đa phương tiện
- Thiết kế thời trang
- Thiết kế nội thất
- Gốm mỹ thuật
- Điêu khắc ứng dụng



Trung tâm mỹ thuật ứng dụng:

- Thường xuyên mở lớp đào tạo
- Thực hiện các dịch vụ về thiết kế quảng cáo, công trình tượng đài, trang trí nội ngoại thất, sản xuất các mặt hàng gốm cao cấp ...

368 Quốc Lộ 1 - Biên Hòa - Đồng Nai
Tel: 84 61.816.820 - Fax: 061.816.170



TỔNG CÔNG TY DỆT - MAY VIỆT NAM

CÔNG TY HỢP TÁC LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI (VINATEX - LABOUR)



Giờ giảng bài về phong tục tập quán ở Nhật



Giờ lên lớp của tu nghiệp sinh



Tu nghiệp sinh VNATEX tại Nhật

ĐỊA CHỈ: 32 TRĂNG TIẾN - HOÀN KIẾM - HÀ NỘI
ĐT: (84-4) 934 7740; 934 9609 * FAX: (84-4) 825 7521

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN THỊ DÔNG

Email: vinatextlabour@tpt.vn

Trong những năm gần đây, vấn đề đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài là một giải pháp quan trọng nhằm giải quyết việc làm, góp phần phát triển nguồn nhân lực, tạo thu nhập và nâng cao trình độ nghề nghiệp cho người lao động, góp phần tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước và tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa nước ta và các nước.

Đảng và Nhà nước rất quan tâm đồng thời có những giải pháp khuyến khích, đẩy mạnh công tác này. Ngày 22-09-1998, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có Chỉ thị số 41/CT-TW về tăng cường và đổi mới công tác đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi lao động có thời hạn tại nước ngoài. Ngày 20-09-1999, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 152/1999/NĐ-CP, thay thế Nghị định số 07/CP, ngày 20-1-1995, nhằm triển khai và đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động trong giai đoạn mới.

Tước tình hình đó, nhằm hội nhập với xu thế chung và tạo thuận lợi trong hoạt động, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu lao động của Tổng Công ty Dệt - May Việt Nam, được Bộ Công nghiệp cho phép và theo Quyết định số 334/QĐ-HĐQT của Tổng Công ty Dệt - May Việt Nam, tháng 07 năm 2000, Trung tâm Hợp tác lao động nước ngoài được thành lập. Và với những gì đã làm được sau 02 năm hoạt động, ngày 30-10-2002 Trung tâm hợp tác lao động nước ngoài đã chính thức đổi tên thành Công ty Hợp tác lao động nước ngoài theo Quyết định số 2738/QĐĐ-TCCB của Tổng Công ty Dệt - May Việt Nam.

Thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là đưa nguồn nhân lực trong nước, đặc biệt là nhân lực trong ngành dệt may đi lao động tu nghiệp ở nước ngoài, đến nay, qua 02 năm hoạt động Công ty Hợp tác lao động nước ngoài đã từng bước củng cố, hoàn thiện bộ máy cơ cấu tổ chức, điều kiện cơ sở vật chất và các điều kiện khác để thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Công nghiệp và Tổng Công ty Dệt - May giao. Hơn 1000 lao động được Công ty xuất khẩu nước ngoài phần nào cho thấy sự phát triển nhanh chóng của Công ty. Tuy nhiên, điều Ban lãnh đạo Công ty đặt lên hàng đầu là chất lượng lao động xuất khẩu và uy tín đối với các đối tác nước ngoài.

Bên cạnh việc chú trọng mở rộng các thị trường truyền thống: Đài Loan, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a... Nhằm đảm bảo chất lượng lao động, tạo nguồn cung cấp cho các thị trường và nâng cao uy tín của đơn vị, Công ty đã chủ động tổ chức các khóa đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho lao động trước khi đi làm việc tại nước ngoài. Riêng đối với thị trường Ma-lai-xi-a Công ty phối hợp với một số trường trong ngành dệt may tổ chức các khóa đào tạo và tuyển người từ đây. Hiện nay Công ty đang triển khai hoạt động, liên kết với một số địa phương: Hải Dương, Nam Hà ... Tổ chức xuất khẩu lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, bước đầu đã cho những kết quả khả quan.

Để phát triển hơn nữa trong lĩnh vực xuất khẩu lao động- một lĩnh vực nhiều tiềm năng nhưng cũng đầy biến động, để đạt được mục tiêu phấn đấu năm sau tăng hơn năm trước 30%-50%, Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty Hợp tác Lao động nước ngoài - Tổng Công ty Dệt - May Việt Nam còn phải cố gắng nỗ lực nhiều hơn nữa.

CÔNG TY ĐIỆN LỰC 1

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM ĐIỆN

ĐC: KM 3 - Q. LỘ 5 THỊ TRẤN SÀI ĐỒNG - GIA LÂM - HÀ NỘI * ĐT: 84-4. 8 271 361 * FAX: 84-4. 8 273 080

Trung tâm Thí nghiệm Điện (TTND) trực thuộc Công ty Điện lực 1 (Tổng Công ty Điện lực Việt Nam) được thành lập ngày 11-5-1971 có nhiệm vụ thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị chuyên ngành trên địa bàn các tỉnh, thành phố phía Bắc. Quá trình phát triển của Trung tâm gắn liền với sự phát triển của hệ thống điện quốc gia.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai, TTND đã và đang tiến hành hiện đại hóa toàn bộ các trang thiết bị thí nghiệm, phương tiện làm việc; nâng cao trình độ lực lượng lao động; xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị dạng đơn chiếc hay hệ thống như: máy phát điện và máy biến thế lực, lò hơi, tua-bin, thiết bị cải thiện môi trường cho các cơ sở công nghiệp, hệ thống van, hệ thống cứu hỏa, các loại thiết bị đóng cắt, chống sét van, hệ thống tiếp địa, sứ cách điện, máy biến điện đo lường, hệ thống rơ-le bảo vệ, hệ thống tự động điều khiển công nghệ, thiết bị đo lường điện, nhiệt độ và áp suất, kiểm tra các thông số kỹ thuật về dầu, nước, khí SF₆ - thuộc trạm phát, truyền tải, phân phối với cấp điện áp từ 0,4 kV đến 500 kV, gồm:

- * Thí nghiệm, hiệu chỉnh trước và sau lắp đặt,
- * Thí nghiệm, nghiệm thu đóng điện vận hành,
- * Thí nghiệm, hiệu chỉnh trong bảo dưỡng định kỳ và sau đại tu sửa chữa.

2. Nhận xây lắp trọn gói trạm phân phối đến 35 kV.

3. Thiết kế chế tạo các loại tủ bảng điều khiển và bảo vệ.

4. Được ủy quyền kiểm chuẩn nhà nước các thiết bị đo lường điện và áp suất.

5. Đào tạo chuyên ngành thí nghiệm cho các kỹ sư, cử nhân cao đẳng, công nhân lành nghề.

6. Thẩm định tư vấn về chất lượng vật liệu hóa - dầu - nước và các thiết bị ứng với môi trường thái: mới xuất xưởng, đang vận hành hoặc sau sự cố.

7. Nghiên cứu ứng dụng và hợp lý hóa các công đoạn sản xuất.



GIÁM ĐỐC:

KS. NGUYỄN KHẮC CHIẾN



Cầu tiếp địa Terca II, Det 2/2
máy đo tỷ số biến áp AVO



Máy phân tích khí hoà tan
trong dầu cách điện



Hộp bộ hiệu chỉnh rơ-le số FREJA-300, FREJA RTS 21

THÀNH TÍCH

01 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT.

02 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ

01 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA

NHIỀU CỜ THƯỞNG, BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, NGÀNH, CÁC TỈNH PHÍA BẮC VÀ TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM



CÔNG TY CHẾ BIẾN KINH DOANH LƯƠNG THỰC VÀ THỰC PHẨM HÀ TÂY

BIA KIM BÀI

Công ty chế biến kinh doanh lương thực và thực phẩm Hà Tây - Bia Kim Bài được thành lập từ năm 1987, tiền thân là Nhà máy chế biến lương thực thuộc Sở Lương thực Hà Tây. Năm 1997 chuyển về Sở Công nghiệp quản lý.

Công ty có 250 cán bộ công nhân viên chức, có việc làm thường xuyên, có thu nhập ổn định, sản xuất năm sau cao hơn năm trước, tốc độ tăng trưởng từ 12 % đến 16%. Năm 1990, sản xuất bia công suất ban đầu đạt 500 000 lít/ năm, đến năm 2001 sản xuất đạt 5,5 triệu lít, năm 2002 công ty phấn đấu sản xuất đạt trên 7 triệu lít gồm bia chai, bia hơi, chất lượng bia đảm bảo ổn định, thơm, ngon, mát, bổ, được người tiêu dùng tin nhiệm. Trong cơ chế thị trường, sản xuất kinh doanh có nhiều phức tạp, phải đối mặt cạnh tranh với rất nhiều loại bia, song Công ty đã chủ động xây dựng, củng cố thị trường nhằm ổn định lượng bán ra, đáp ứng nhu cầu sản xuất. Sản phẩm Bia Kim Bài đã phục vụ nội tỉnh và ngoài tỉnh Hà Tây, được thị trường chấp nhận. Có được độ tăng trưởng trên và chất lượng bia ổn định, Công ty từ năm 1990 đến nay đã 4 lần đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới thiết bị, đổi mới quản lý, đổi mới tiếp thị, phương thức bán hàng phù hợp với từng vùng, từng đối tượng tiêu thụ sản phẩm.

THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- * Năm 1998 - 1999 - 2000 đơn vị liên tục nhận cờ thi đua xuất sắc của tỉnh Hà Tây.
- * Năm 2001 nhận bằng khen của Bộ Công nghiệp.



Bộ phận lên men



Bộ phận chiết bia chai và thanh trùng

CÔNG TY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ TÂY RẤT MONG SỰ HỢP TÁC CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC.
SỬ DỤNG BIA KIM BÀI QUÝ KHÁCH HOÀN TOÀN YÊN TÂM VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ PHỤC VỤ NHIỆT TÌNH CHU ĐÁO.

Bia Kim Bài rất hân hạnh được phục vụ Quý khách



ĐỊA CHỈ : THỊ TRẤN KIM BÀI - HUYỆN THANH OAI - TỈNH HÀ TÂY
ĐT: 034. 873 864 - 873 060 * FAX: 034. 871 006 * **GIÁM ĐỐC: VŨ VĂN TIẾN**

CÔNG TY THAN DƯƠNG HUY

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG CẨM PHÚ - CẨM PHẢ - QUẢNG NINH * ĐT: 033. 862 238 * FAX: 033. 862 494

BÍ THƯ ĐẢNG ỦY: PHẠM VĂN CHẠM * GIÁM ĐỐC: CHU VĂN VIỄN



Trụ sở Công ty

Công ty Than Dương Huy là đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam đóng trên địa bàn phường Cẩm Phú, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Nhiệm vụ chính của Công ty là sản xuất - kinh doanh than, xây dựng các công trình công nghiệp mỏ. Công ty luôn hoàn thành nhiệm vụ sản xuất than với sản lượng năm sau cao hơn năm trước. Đến năm 2005 Công ty sẽ nâng sản lượng khai thác than lên 1 triệu tấn (năm 2002 là 685 000 tấn). Công trình xây lắp luôn đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng công trình. Công ty đã không ngừng đầu tư và phát triển, mạnh dạn đưa tiến bộ KHKT vào sản xuất nhằm tạo nên sự phát triển ổn định, góp phần cùng ngành than đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng cho nền kinh tế quốc dân.

Công ty luôn chú trọng và chăm lo đến điều kiện làm việc và đời sống cho CBCNV tạo điều kiện để CB-NV phát huy tinh thần lao động sáng tạo, đạt năng suất cao, hiệu suất công tác tốt cũng như kết quả hoạt động SXKD của đơn vị, Công ty đạt hiệu quả, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

Đảng bộ Công ty có 26 chi bộ trực thuộc với 560 đảng viên. Đảng bộ rất quan tâm đến công tác xây dựng Đảng nhằm xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đáp ứng với nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ cách mạng mới.

Thường xuyên chăm lo đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên từ chi bộ.

Hàng năm, Đảng bộ công ty đã phát triển từ 6-10% đảng viên mới, đây cũng là đội ngũ kế cận, có trình độ năng lực và phẩm chất, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU CƠ BẢN NĂM 2002

SẢN XUẤT THAN NGUYÊN KHAI: 685 000 TẤN, ĐẠT 102%

BỐC ĐẤT ĐÁM: 1 860 000 m³, ĐẠT 120%

ĐÀO LÒ MỚI: 8 745 M, ĐẠT 91%

TIÊU THỤ THAN: 663 000 TẤN, ĐẠT 103,58%

TỔNG DOANH THU: 184 035 TRIỆU ĐỒNG, ĐẠT 103,91%

THU NHẬP BÌNH QUÂN: 1 268 000đ/NGƯỜI/THÁNG.



Khai thác than lộ thiên



Công trình Cùm Sàng mật bằng + 38
có công suất 500 000 tấn/năm



Đưa cột chống thủy lực vào
khai thác lò chợ



Hội diễn văn nghệ
quần chúng, năm 2002



Khai thác than hầm lò



TRUNG TÂM QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

ĐỊA CHỈ: 243A - ĐỀ LA THÀNH - CẦU GIẤY - HÀ NỘI • ĐT: 8.333 649 - 8.347 057; FAX: 7.661 253 - 8.340 020



Giám đốc:

THSKH, KTS. ĐÀM QUANG TUẤN



P. Giám đốc:

KS. TRẦN NGUYỄN CHÍNH



P. Giám đốc:

KTS: PHẠM VŨ MỸ

**THÀNH LẬP NGÀY 04-6-1990 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 322/BXD-TCLĐ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1126/QĐ-BXD
NGÀY 06-11-1998 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Ban giám đốc

1. Phòng Quy hoạch - dự án 1
2. Phòng Quy hoạch - dự án 2
3. Phòng TK kỹ thuật và CGCN
4. Phòng Thông tin dữ liệu và hoàn thiện
5. Phòng Hành chính tổng hợp
6. Thư viện lưu trữ

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

- * Nghiên cứu mô hình phân bố các điểm dân cư đô thị, nông thôn.
- * Lập đồ án xây dựng vùng liên huyện và huyện.
- * Lập quy hoạch chung và chi tiết các khu dân cư.
- * Nghiên cứu thiết kế xây dựng thí điểm cơ sở hạ tầng.



*Toà nhà
trụ sở
Trung tâm*

*Quy hoạch
chi tiết khu
nghỉ mát
Tam Đảo*



Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắc Lắc



Quy hoạch trung tâm Kon Plong - Kon Tum



Quy hoạch trung tâm Chu - Bắc Giang



NHÀ MÁY CAO SU 75

Địa chỉ: Xã Xuân Sơn - thị xã Sơn Tây - tỉnh Hà Tây

Điện thoại: 034 838 315 - 838 008 * Fax: 034 838 005 * Email: caosu75@hn.vnn.vn

Văn phòng giao dịch: Số 5 ngõ 43 - Đường Trung Kính - Phường Trung Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội

GIÁM ĐỐC: ĐẠI TÁ - KS. BẠCH HUNG THU



Nhà máy Cao-su 75



Phụ tùng cao-su kỹ thuật



Lốp đặc (săm xốp)



Đệm chống va tàu $\phi 2,5 \text{ m} \times 5 \text{ m}$

Nhà máy Cao su 75 (Z175) thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng- Bộ Quốc phòng chuyên sản xuất các mặt hàng cao su kỹ thuật.

SẢN PHẨM CHÍNH:

- Lốp ô-tô và lốp đặc (săm xốp).
- Ống cao su (dẫn xăng-dầu, dẫn khí nén, dẫn hoá chất, ống chịu áp lực cao có rắc co đồng bộ $P_{lv} \leq 500 \text{ at}$, ống phục vụ ngành khai thác dầu khí...).
- Băng tải, dây đai truyền lực, tấm rải sàn, và các sản phẩm từ bột cán tráng cao su.
- Cáp cao su (cáp động lực, cáp tín hiệu, cáp chống nhiễu...).
- Đệm cầu cảng, đệm chống va tàu, trục lô cao su.
- Doăng, phớt và các chi tiết cao-su kỹ thuật khác.

*Các sản phẩm của Nhà máy được sản xuất bằng thiết bị tiên tiến hiện đại và chuyển giao công nghệ của nước ngoài, sử dụng máy vi tính vào quá trình sản xuất. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cao, chủng loại đa dạng, chịu được trong mọi môi trường làm việc, đã đáp ứng được nhu cầu của quốc phòng và nhiều ngành kinh tế trọng điểm như dầu khí, điện, xi-măng, vận tải, đường sắt, khai thác mỏ...thay thế được hàng nhập ngoại. Sản phẩm của Nhà máy được tặng thưởng nhiều Huy chương Vàng tại các Hội chợ Quốc tế Hàng Công nghiệp hàng năm. Sản phẩm của Nhà máy rất có uy tín ở thị trường trong nước và nước ngoài.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

- Được Nhà nước tặng thưởng 9 Huân chương Quân công, Huân chương Chiến công, Huân chương Lao động Hạng nhì.
- Được tặng thưởng 7 cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Quốc phòng và của Tổng Cục Công nghiệp Quốc phòng.
- Đảng bộ Nhà máy nhiều năm liền được công nhận là đảng bộ trong sạch, vững mạnh, xuất sắc.

5130

DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG THÀNH LONG

TRỤ SỞ CHÍNH : THỊ TRẤN HÁT LÓT - HUYỆN MAI SƠN - TỈNH SƠN LA * ĐT: (022) 843 789 - 843 999

TÀI KHOẢN SỐ: 431101000207 - NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MAI SƠN - SƠN LA

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP SỐ : 27/ GP - TLDN, NGÀY 14 - 5 - 1997, CỦA UBND TỈNH SƠN LA



GIÁM ĐỐC : NGUYỄN CHÍ LONG

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- + Xây dựng các công trình công nghiệp
- + Xây dựng các công trình dân dụng
- + Xây dựng các công trình giao thông
- + Xây dựng các công trình thủy lợi, san lấp mặt bằng

KHAI THÁC VÀ SẢN XUẤT

- + Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng (đá, cát, sỏi, cao-lanh...)
- + sản xuất cấu kiện bê - tông cốt thép (tấm, ống, cột, đúc sẵn...)



KINH DOANH

- + Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng
- + Kinh doanh nhà đất, bất động sản và các công trình xây dựng



NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- *BẰNG KHEN : ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 1998 CỦA UBND TỈNH SƠN LA
- *BẰNG KHEN : ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2000 CỦA UBND TỈNH SƠN LA
- *BẰNG KHEN : ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2001 CỦA UBND TỈNH SƠN LA

HX
9
H08B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

JAN 21 2003

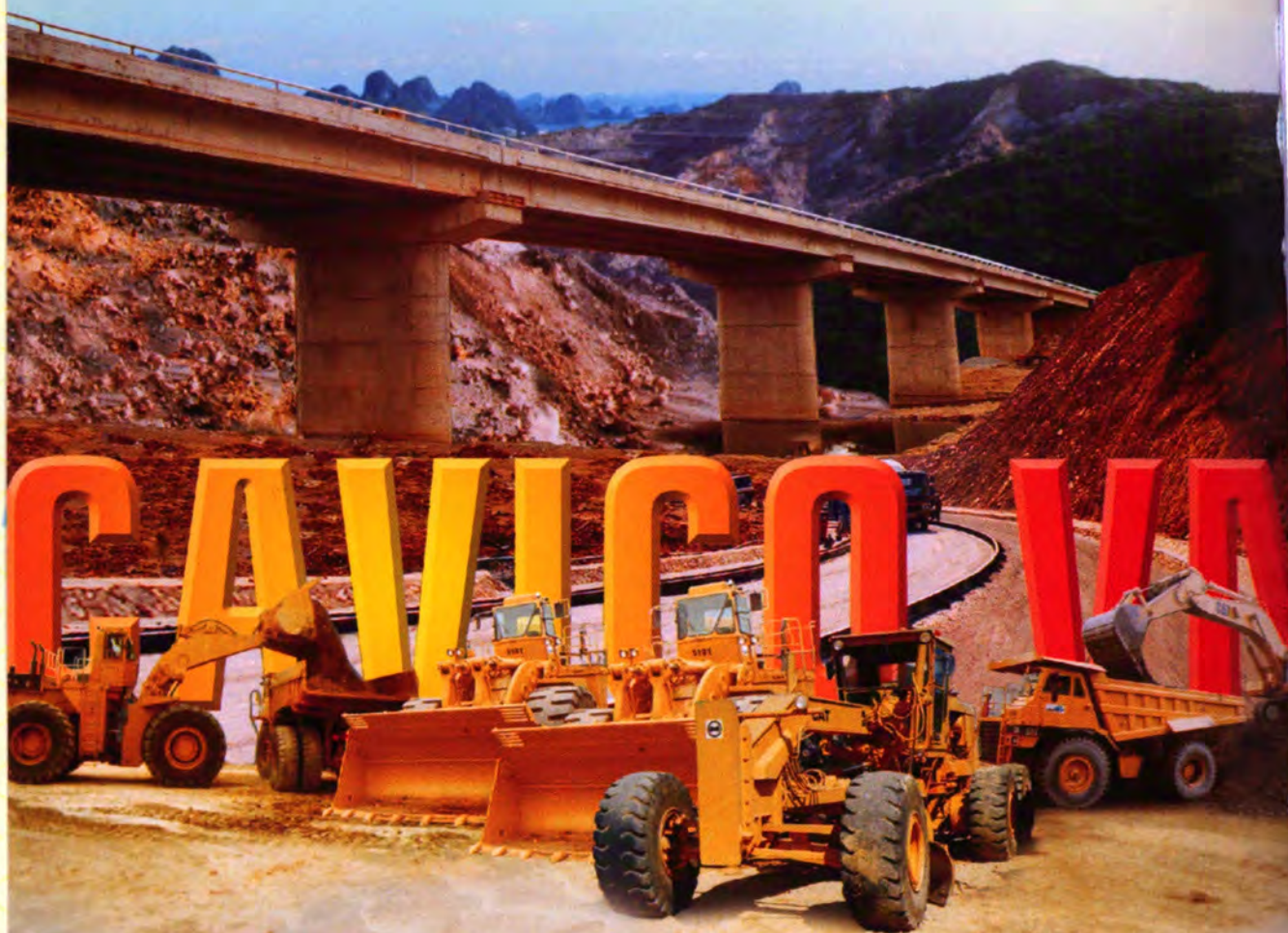
CURRENT SERIALS

36

12-2002

Digitized by Google

WWW.CAVICOVN.CO



NHÀ THẦU CHUYÊN NGHIỆP


CAVICO.VN
CÔNG TY CAVICO VIỆT NAM

**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI THÁC MỎ
CIVIL WORKS & MINING**

15 -17 NGỌC KHÁNH, BA ĐÌNH, HÀ NỘI, VIỆT NAM
ĐT: 04 8 464161 - 04 8 464162 FAX: 04 8 464150



THANG RA 3 KỶ

SỐ 665

36

12-2002

BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

Cơ quan thường trú ở miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

Tạp chí Cộng sản điện tử :

tp://www.tapchicongsan.org.vn
mail: bbtccs@hn.vnn.vn

Phó Tổng Biên tập phụ trách :

TRẦN QUANG NHIỆP



11: Về nguồn

Ảnh : XUÂN MAI

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

PHẠM VĂN TRÀ - Quân đội nhân dân Việt Nam tích cực góp phần
xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh 3

TRẦN VĂN QUANG - Hội Cựu chiến binh Việt Nam mãi mãi xứng
đáng với niềm tin của Đảng 7

HÀ MINH ĐỨC - Thơ Tố Hữu 13

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

PHAN THU - Về phát triển khoa học công nghệ quân sự Việt Nam 18

ĐÀO TRÍ ÚC - Tác động của toàn cầu hóa đối với sự phát triển và
đổi mới của pháp luật Việt Nam 22

PHẠM THẮNG - Phát triển giao thông thủy nội địa trong sự nghiệp
công nghiệp hóa, hiện đại hóa 28

PHẠM VĂN CHÚC - Đang có chăng một "toàn cầu hóa cho
mọi người" ? 33

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

BÙI CHÍ KIÊN - Thực hiện chính sách xã hội trong vùng đồng bào
dân tộc Khơ Me ở Nam Bộ 38

TỬ THANH - Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn trên công trường
xây dựng Đường Hồ Chí Minh 43

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

ĐẶNG QUỐC BẢO - TRƯƠNG THÚY HẰNG - Từ chỉ số GDP đến
chỉ số HDI - một chặng đường phát triển tư duy về con người đối với
sự phát triển kinh tế - xã hội 47

BÙI TRUNG HƯNG - Tình trạng di dân và vấn đề môi trường sống
ở Lâm Đồng hiện nay 52

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

XUÂN HOÀNH - Cái được, cái mất 56

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

TÔ CÔNG - Về quan hệ giữa thi đua và khen thưởng 57

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

Ý nghĩa thời đại của Chính sách Kinh tế Mới 60

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Đại hội đại biểu lần thứ nhất Hội các doanh nghiệp trẻ Việt Nam 64

СОДЕРЖАНИЕ

ФАМ ВАН ЧА: Вьетнамская Народная Армия активно вносит вклад в строительство сильной и прочной политической системы на местах. ЧАН ВАН КУАНГ: Ассоциация вьетнамских ветеранов войны навсегда достойна доверия Партии. ХА МИНЬ ДЫК: Поэзия То Хыу. ФАН ТХУ: О развитии военной науки и технологии. ДАО ЧИ УК: Воздействие глобализации на развитие и обновление вьетнамского законодательства. ФАМ ТХАНГ: Развитие отечественного водного транспорта в курсе индустриализации и модернизации. ФАМ ВАН ТЬУК: Существует ли «глобализация для всех»? ДАНГ КУОК БАО – ЧЫОНГ ТХУ ХАНГ: От индекса ВОП до индекса развития человеческих сил – процесс развития мышления о человеке и социально-экономическое развитие. БУЙ ЧУНГ ХЫНГ: Миграция и вопрос окружающей среды в провинции Ламдонг на данном этапе.

CONTENTS

PHẠM VĂN TRÀ: The People's Army of Vietnam making active contribution to the building of a strong grassroots political system. TRẦN VĂN QUANG: The Association of Vietnamese War Veterans will forever be deserving of the Party's confidence. HÀ MINH ĐỨC: Tố Hữu's poetry. PHAN THU: Regarding the development of military science and technology. ĐÀO TRÍ ỨC: Affect of globalisation towards the development and renovation of Vietnam's laws. PHẠM THẮNG: To develop transport - by - inner - water - ways in the cause of industrialisation and modernisation. PHẠM VĂN CHỨC: Is there now "a globalisation for all peoples"? ĐẶNG QUỐC BẢO – TRƯƠNG THÚY HẰNG: From GDP index to HDI index - a developmental stage of the thinking about men in regards of socio-economic development. BUI TRUNG HUNG: The reality of population movement and the problem of environment in Lâm Đồng province nowadays.

SOMMAIRE

PHẠM VĂN TRÀ: L'Armée populaire du Vietnam contribue activement à l'édification d'un système politique de base solide. TRẦN VĂN QUANG: L'Association des anciens combattants du Vietnam est à jamais digne de la confiance du Parti. HÀ MINH ĐỨC: La poésie de Tố Hữu. PHAN THU: Sur le développement des sciences et technologies militaires. ĐÀO TRÍ ỨC: L'impact de la globalisation sur le développement et le renouvellement de la législation du Vietnam. PHẠM THẮNG: Le développement du transport intérieur par voie navigable dans l'œuvre d'industrialisation et de modernisation. PHẠM VĂN CHỨC: Existe-il une "globalisation pour tous"? ĐẶNG QUỐC BẢO - TRƯƠNG THÚY HẰNG: De l'indice du PIB à l'IDH – un parcours de développement de la pensée sur l'homme et le développement socio-économique. BUI TRUNG HUNG: La migration et l'environnement de vie à Lam Dong à l'heure actuelle.

SUMARIO

PHẠM VĂN TRÀ: La activa contribución del Ejército Popular de Vietnam en la edificación de un sólido sistema político. TRẦN VĂN QUANG: La Asociación de Veteranos Combatientes de Vietnam es siempre digna con la convicción del Partido. HÀ MINH ĐỨC: Poemas de Tố Hữu. PHAN THU: Acerca del desarrollo de la tecnología militar. ĐÀO TRÍ ỨC: La afectación de la globalización hacia el desarrollo y la renovación de la legislación vietnamita. PHẠM THẮNG: El desarrollo de la comunicación de vía navegable interna en la causa de la industrialización y modernización. PHẠM VĂN CHỨC: ¿Acaso existe "una globalización para todo el mundo"? ĐẶNG QUỐC BẢO - TRƯƠNG THÚY HẰNG: Desde el índice de PIB hasta el índice HDI - una trayectoria de desarrollo del pensamiento sobre el hombre para con el crecimiento económico y social. BUI TRUNG HUNG: La situación de exodo de la población y la cuestión del actual medio ambiente de Lâm Đồng.

目录

• 范文茶: 越南人民军队为建设稳固、强大的基层政治系统而做出积极的贡献• 陈文光: 越南退役军人协会永远无愧于党的信任• 何明德: 素友的诗歌• 潘秋: 关于发展军事科技• 陶智澳: 全球化对越南法律的发展及其革新的影响• 范胜: 在工业化、现代化事业中发展内地水上交通• 范文祝: 是否正存在一个“为所有的人而全球化”• 邓国宝—张翠恒: 从国内生产总值(GDP)指标到人力发展指数(HDI)——人的思维对于发展社会经济的一段进程• 裴中兴: 林同省目前的移民状况及生活环境问题



QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM TÍCH CỰC GÓP PHẦN XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ VỮNG MẠNH

PHẠM VĂN TRÀ*

RA đời trong những năm tháng đầy khó khăn, gian khổ của cuộc đấu tranh cách mạng, được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức, giáo dục, lãnh đạo, được nhân dân hết lòng tin yêu, đùm bọc, nuôi dưỡng, 58 năm qua, Quân đội nhân dân Việt Nam (QĐNDVN) đã không ngừng trưởng thành từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh, đoàn kết, anh dũng chiến đấu hy sinh, góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

QĐNDVN rất đỗi tự hào với ngày truyền thống của mình đã được Đảng và Nhà nước chọn làm ngày Hội quốc phòng toàn dân. Đó là phần thưởng cao quý ghi nhận những đóng góp xứng đáng của QĐNDVN.

Quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. Quân đội ta tồn tại và phát triển được là nhờ nhân dân và chính quyền của nhân dân. Dựa vào nhân dân, dựa vào hệ thống chính trị (HTCT) - nền tảng chính trị - xã hội vững chắc, Quân đội ta không ngừng phát huy sức mạnh tổng hợp chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội... vượt qua mọi khó khăn

gian khổ ác liệt, chiến thắng mọi kẻ thù, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Nhân dân và chính quyền nhân dân là hiện thân của Tổ quốc, là người nuôi dưỡng quân đội cơm ăn, áo mặc ; cung cấp cho quân đội vũ khí, trang thiết bị và rèn luyện cho quân đội tinh thần chiến đấu. Do vậy, gắn bó và thương yêu nhân dân, tôn trọng và góp phần xây dựng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ Đảng, bảo vệ HTCT, bảo vệ đất nước là một chức năng thuộc về bản chất của Quân đội ta. Chính điều đó làm cho Quân đội ta được sống trong lòng dân, được dân tin, dân quý, dân yêu. Nhờ đó, Quân đội ta đã không ngừng lớn mạnh và trưởng thành như ngày nay. Phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của mình trong giai đoạn mới của cách mạng, Quân đội ta phải tăng cường hơn nữa sự gắn bó mật thiết với nhân dân ; đồng thời, nêu cao ý thức trách nhiệm, tích cực góp phần xây dựng HTCT vững mạnh, trong đó có HTCT cơ sở, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

* Thượng tướng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

Cán bộ, chiến sĩ trong QĐNDVN nhận thức rất rõ vị trí, vai trò quan trọng của cơ sở trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cơ sở là cấp chấp hành, cấp trực tiếp đưa nghị quyết, chỉ thị... của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống, đến với từng người dân ; là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, hằng ngày tiếp xúc, làm việc với nhân dân, nắm bắt và phản ánh mọi tâm tư, nguyện vọng của nhân dân ; tổ chức, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền dân chủ của nhân dân, huy động mọi nguồn lực chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh... góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng trong thời kỳ mới. Xét về mặt quốc phòng, quân sự, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, trước hết và quan trọng nhất là nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT có tầm quan trọng đặc biệt trong việc củng cố, tăng cường nền quốc phòng toàn dân ở địa phương - một trong những nguồn sức mạnh bảo vệ Tổ quốc. Đại hội IX của Đảng xác định : HTCT ở cơ sở vững mạnh là nhân tố quyết định sự phát triển đối với cơ sở ; và ngược lại, từng cơ sở, xã, phường, thị trấn vững mạnh, toàn diện sẽ là nền tảng xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững chắc.

Thực tiễn những năm qua cho thấy, trước những yêu cầu phát triển mới của cách mạng, HTCT ở cơ sở đã và đang bộc lộ những yếu kém bất cập trong công tác lãnh đạo, quản lý và vận động quần chúng. Những yếu kém đó do nhiều nguyên nhân, trong đó Đảng ta xác định một nguyên

nhân quan trọng là, từ trung ương đến các cấp, các ngành còn có lúc, có nơi chưa nhận thức đúng vai trò, vị trí của cơ sở ; quan liêu, không sát cơ sở, sát nhân dân ; không kịp thời bàn định các chủ trương, chính sách để củng cố, tăng cường các tổ chức và đội ngũ cán bộ cơ sở...

Do đó, Đảng ta đặc biệt coi trọng vấn đề xây dựng cơ sở trong tình hình hiện nay. Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX đã đề ra những quan điểm, đường lối, những chủ trương, giải pháp để tiếp tục đổi mới xây dựng HTCT cơ sở vững mạnh. Ở đây, chúng ta cần nhận thức rõ, xây dựng HTCT cơ sở là nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài của các địa phương, ban, ngành, các tổ chức, lực lượng và của chính bản thân cơ sở, trong đó có trách nhiệm của các lực lượng vũ trang nhân dân (LLVT-ND), QĐNDVN.

Thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX, thông qua việc trực tiếp góp phần tham gia xây dựng HTCT ở cơ sở là nhiệm vụ của QĐNDVN ; đồng thời, đó cũng là thực hiện một trong những chức năng cơ bản của QĐND. Vì thế, các đơn vị quân đội bao gồm đơn vị chủ lực, đơn vị kinh tế - quốc phòng, đơn vị Bộ đội Biên phòng và cơ quan quân sự các cấp ở địa phương đã tích cực thực hiện công tác vận động quần chúng, xây dựng HTCT ở cơ sở từ hàng chục năm qua và đặc biệt được đẩy mạnh khi có Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX.

Trong hai năm qua, các đơn vị quân đội đã tổ chức 2 484 tổ, đội công tác với 15 000 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia xây dựng cơ sở chính trị - xã hội ở 2 528 xã, phường ; cử 712 cán bộ tăng cường cho

427 cơ sở, nhất là ở các địa bàn trọng điểm : Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, được chính quyền và nhân dân địa phương, cơ sở tin cậy, đánh giá tốt.

Có thể nói, công tác vận động quần chúng, tham gia xây dựng HTCT ở cơ sở đã được QĐND, LLVTND thực hiện thường xuyên, có nền nếp. Nét nổi bật trong công tác này là, việc chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện được tiến hành một cách hệ thống, chặt chẽ, tập trung, thống nhất và toàn diện theo sự phân cấp tới các đầu mối, các đơn vị trong toàn quân và cơ quan quân sự các cấp. Theo sự chỉ đạo, hướng dẫn, quy định của Bộ Quốc phòng, các đầu mối đơn vị xây dựng chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể hằng năm, việc góp phần xây dựng HTCT ở cơ sở được xác định là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân ở địa phương. Các đơn vị quân đội đứng chân trên các địa bàn phải có trách nhiệm tham gia xây dựng, bảo vệ địa bàn. Trong đó, điều quan trọng là phải trực tiếp tham gia xây dựng, củng cố HTCT cơ sở. Trong quá trình thực hiện, cần chú trọng toàn diện, tập trung vào những cơ sở yếu, có nhiều khó khăn và phức tạp. Do yêu cầu, nhiệm vụ và xuất phát từ tính chất hoạt động đặc thù, nên các đơn vị quân đội thường đứng chân, hoạt động trên các địa bàn chiến lược có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh. Các địa bàn này phần lớn lại là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, biển đảo, có trình độ dân trí chưa cao, khó khăn về nhiều mặt, trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ của các tổ chức trong HTCT cơ sở còn nhiều hạn chế. Vì thế, các đơn vị quân đội và cơ

quan quân sự đã chủ động phối hợp với các địa phương, các lực lượng trên địa bàn trực tiếp tổ chức các tổ, đội công tác và cử cán bộ, chiến sĩ tăng cường cho cơ sở, nhằm tăng cường vận động quần chúng, góp phần vào việc củng cố, kiện toàn các tổ chức, đoàn thể của HTCT cơ sở ; đồng thời, tham mưu, đề xuất giúp cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ sở đẩy mạnh xây dựng nền quốc phòng toàn dân, kết hợp kinh tế với quốc phòng, tham gia xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc. Đến nay, có thể nói, điều quan trọng nhất mà quân đội thực hiện có hiệu quả trong công tác này là đã góp phần tích cực *tạo nguồn cán bộ* cho các tổ chức trong HTCT ở cơ sở, từ cán bộ quân sự đến cán bộ chính trị, kinh tế. Qua thực tiễn cho thấy, hiện nay, nhiều cán bộ chủ chốt ở cơ sở đều được phát triển từ cán bộ, chiến sĩ đã trải qua học tập, rèn luyện, công tác trong quân đội. Có được kết quả đó là vì, quân đội đã chủ động có kế hoạch tạo nguồn cán bộ rất sớm, đặc biệt là đối với vùng dân tộc. Bộ Quốc phòng đã chỉ thị cho các quân khu, cơ quan quân sự các cấp tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương mở các khóa đào tạo cán bộ quân sự theo địa chỉ. Điều đáng nói là, trong nội dung chương trình đào tạo cán bộ không chỉ đào tạo cán bộ về quân sự mà còn đào tạo toàn diện cả về chính trị, quản lý hành chính nhà nước, pháp luật... Với kiến thức được trang bị, cán bộ quân sự ở cơ sở có thể đảm nhiệm những cương vị, chức trách cao hơn như bí thư, chủ tịch xã, phường, thị trấn. Nhiều địa phương đã chú trọng công tác

tạo nguồn, tích cực tuyển chọn những thanh niên ưu tú thông qua công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự... để bồi dưỡng, rèn luyện, phát triển đảng đối với họ trong quân đội. Khi trở về địa phương, lực lượng này tiếp tục được bồi dưỡng, đào tạo để có thể đảm nhiệm các cương vị trong HTCT ở cơ sở. Các quân khu, các tỉnh miền núi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, đã chú trọng lựa chọn con em là người dân tộc thiểu số vào các trường thiếu sinh quân để đào tạo, bồi dưỡng cả về thể chất, kiến thức văn hóa, quân sự, quốc phòng, an ninh, chính trị - xã hội... để sau này các em có thể trở thành nguồn đào tạo thành cán bộ địa phương.

Một vấn đề quan trọng cũng trực tiếp góp phần vào việc củng cố HTCT ở cơ sở mà quân đội đang triển khai thực hiện trong năm nay và những năm tiếp theo là : Tăng cường củng cố, kiện toàn tổ chức gắn liền với nâng cao năng lực hoạt động của ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn.

Xây dựng cơ sở nói chung, củng cố HTCT ở cơ sở nói riêng, là vấn đề chiến lược, phục vụ trực tiếp sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Trong quá trình thực hiện vấn đề đó, phải bám sát, nắm chắc tình hình thực tiễn, nhất là thấy được những khó khăn, bức xúc ở cơ sở, chủ động tham mưu giúp cho cơ sở có biện pháp giải quyết phù hợp. Phải chú trọng giúp cơ sở củng cố, kiện toàn về tổ chức gắn với việc đổi mới, nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức trong HTCT ở cơ sở nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi

nhiệm vụ phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng - an ninh, phát triển văn hóa - xã hội, cần phải thực sự dựa vào dân, phát huy dân chủ, vận động toàn dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tin ở chính quyền cơ sở ; không mắc âm mưu kích động, lôi kéo, chia rẽ khối đoàn kết giữa các dân tộc, giữa nhân dân với chính quyền cơ sở, giữa nhân dân với bộ đội... của các thế lực thù địch, phản động. Tuyên truyền vận động nhân dân đề cao cảnh giác, tích cực đấu tranh với những hoạt động chống phá của địch. Mặt khác, phải lắng nghe ý kiến đóng góp của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.

Các đơn vị đóng quân và làm nhiệm vụ trên từng địa bàn đều phải hết sức tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng chế độ thường xuyên tự phê bình và xin ý kiến phê bình của đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và nhân dân địa phương nơi đó. Tổ chức định kỳ thông báo tình hình, quy ước phối hợp hành động và rút kinh nghiệm kịp thời giữa địa phương và đơn vị, tạo sự thống nhất cao về mục đích, chủ trương và biện pháp công tác, góp phần xây dựng HTCT cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị - xã hội, chăm lo đời sống vật chất văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Nhận rõ tầm quan trọng của việc xây dựng HTCT cơ sở trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, QĐNDVN với bản chất cách mạng, truyền thống của mình, sẽ tiếp tục nỗ lực phấn đấu góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả của HTCT cơ sở trong tình hình mới. □

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

MÃI MÃI XÚNG ĐÁNG VỚI NIỀM TIN CỦA ĐẢNG

TRẦN VĂN QUANG *

N GÀY 6-12-1989, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa VI) ra quyết định thành lập Hội Cựu chiến binh (CCB) Việt Nam và xác định Hội là một tổ chức chính trị - xã hội ; hoạt động theo đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; đại diện cho ý chí và quyền lợi chính đáng của CCB ; là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Hội CCB Việt Nam đến nay vừa tròn 13 năm. Mười ba năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, được sự giúp đỡ của các cấp chính quyền, của Mặt trận Tổ quốc và sự phối hợp của các ngành, các đoàn thể nhân dân, Hội đã có bước trưởng thành nhanh chóng, vững chắc, hoạt động đúng hướng, có hiệu quả, được xã hội công nhận, được Đảng, chính quyền và nhân dân tin cậy.

Đến nay, Hội đã xây dựng được hệ thống tổ chức rộng khắp trong cả nước, với trên 1 700 000 hội viên tham gia sinh hoạt và hoạt động trong hơn 10 000 tổ chức cơ sở ở xã, phường, thị trấn và gần 3 000 tổ chức cơ sở trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, trường học. Hiện nay, ở hầu hết các thôn, ấp, bản, buôn, làng, tổ dân phố đều có

chi hội CCB. Có thể nói, ở đâu có CCB thì ở đó có tổ chức Hội.

Hội có một đội ngũ cán bộ đã được rèn luyện, thử thách trong đấu tranh cách mạng. Trong quá trình hoạt động Hội, anh chị em tiếp tục được bồi dưỡng về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kiến thức... Mỗi năm có hàng vạn cán bộ, từ chi hội trưởng trở lên tham gia tập huấn, học tập, nghiên cứu đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghiệp vụ công tác Hội.

Tổ chức cơ sở Hội hoạt động có nền nếp. Chi hội sinh hoạt thường xuyên với những nội dung thiết thực, hình thức phong phú. Thông qua sinh hoạt chi hội cùng với nhiều hoạt động khác, trình độ chính trị, tư tưởng, kiến thức của hội viên không ngừng được nâng lên, tiềm năng của anh chị em được khơi dậy, phát huy tốt trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là trong các cuộc vận động, các phong trào ở địa phương. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Hội luôn nắm vững nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu là : *tích cực tham gia xây dựng*

* Thượng tướng, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam

và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, góp phần giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở.

Vào những thời điểm tình hình đất nước có nhiều khó khăn, phức tạp, cán bộ, hội viên đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, có thái độ và hành động đúng đắn. Toàn Hội có sự nhất trí cao về chính trị, tinh thần, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên quyết bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, đấu tranh chống những quan điểm sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng.

Trong cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, dưới sự chỉ đạo của cấp ủy đảng, cán bộ, hội viên đã tích cực tham gia phê bình cán bộ, đảng viên với tinh thần trách nhiệm, ý thức xây dựng cao. Trong dịp Đại hội lần thứ IX của Đảng, Hội đã động viên, hướng dẫn cán bộ, hội viên tích cực đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện của Đại hội, kịp thời phát hiện và kiên quyết đấu tranh chống những khuynh hướng chính trị, tư tưởng sai trái, cơ hội, những luận điệu kích động, chia rẽ nội bộ, gây mất lòng tin trong cán bộ, đảng viên, nhân dân. Trong kỳ bầu cử Quốc hội khóa XI, cán bộ, hội viên tích cực tham gia tuyên truyền Luật Bầu cử cho CCB và nhân dân, giới thiệu những người có đức, có tài ra ứng cử; tham gia bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Hội CCB là một trong những lực lượng tích cực phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các đoàn thể nhân dân thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở; tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; giải quyết tình hình

khiều kiện đông người ở một số nơi đạt hiệu quả thiết thực, góp phần xây dựng tình làng nghĩa xóm, bảo đảm dân chủ, kỷ cương phép nước trong từng địa phương.

Trước âm mưu của các thế lực thù địch ra sức lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc, nhằm chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta, gây ra tình hình phức tạp ở một số nơi, Hội CCB các cấp, đã chủ động tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng, tổ chức lực lượng đến tận nơi nắm tình hình để tham mưu cho cấp ủy đảng và chính quyền trong công tác vận động quần chúng, đấu tranh với địch, ổn định tình hình. Những vụ việc xảy ra ở một số nơi thuộc Tây Nguyên đầu năm 2001, cán bộ, hội viên CCB là một trong những lực lượng nòng cốt, là chỗ dựa tin cậy của cấp ủy đảng và chính quyền, góp phần ngăn chặn kịp thời âm mưu chống phá của địch, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Từ đó đến nay, nhiều hội viên CCB luôn bám trụ ở cơ sở buôn làng, ba cùng với dân, giải thích cho đồng bào hiểu rõ âm mưu nham hiểm của địch, tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giúp đỡ đồng bào ổn định cuộc sống.

Hiện nay, trong các cấp ủy đảng và chính quyền, hội viên CCB chiếm tỷ lệ khoảng 50 - 60%, là lực lượng trực tiếp đóng góp phần quan trọng vào việc xây dựng Đảng, chính quyền cơ sở vững mạnh. Nhiều hội viên CCB đang đảm nhiệm các công việc của Đảng, chính quyền, đã bám sát dân, lẫn lộn với phong trào, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của dân, kiên trì tuyên truyền vận động nhân dân hiểu và

thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ; hướng dẫn cho dân cách làm ăn, giúp đỡ nhân dân giải quyết những khó khăn trong cuộc sống. Qua những tấm gương tận tụy, hết lòng vì nhân dân phục vụ của cán bộ là hội viên CCB, dân càng tin Đảng, gắn bó với Đảng, với chính quyền, với chế độ xã hội chủ nghĩa.

Đồng thời với việc động viên, hướng dẫn anh chị em CCB tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, giữ vững ổn định chính trị, Hội rất quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên, coi đó là một nhiệm vụ chính trị quan trọng. Phong trào CCB đoàn kết giúp đỡ nhau phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, không ngừng phát triển và trở thành phong trào quần chúng sâu rộng, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với điều kiện, khả năng của từng hộ gia đình, từng tổ, từng chi hội, từng khu vực, từng địa bàn. Các hội viên đã giúp đỡ nhau về vốn, về cách làm ăn, về ứng dụng khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mở rộng ngành nghề, dịch vụ... với tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, năng động, sáng tạo, vượt khó để khắc phục đói nghèo, tạo dựng cuộc sống tốt hơn cho mình, cho gia đình và cho cộng đồng. Nhiều CCB từ hai bàn tay trắng đi lên bằng sức lao động và trí tuệ của mình nay đã trở thành triệu phú, tỉ phú. Nhiều CCB trở thành những điển hình lao động sản xuất, kinh doanh giỏi.

Đến nay, vùng đô thị, đồng bằng, trung du, cơ bản không còn hộ CCB đói ; hộ nghèo từ 18,7% (1997) nay giảm còn 8,9% ; số hộ CCB có mức sống khá trở lên tăng từ 15% (1997) lên 34,5% (2001). Cùng với phong trào đoàn kết giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng, hoạt động tình nghĩa trong CCB phát triển mạnh mẽ với nhiều nội dung và hình thức phong phú. Hội còn triển khai trên nhiều mặt hoạt động khác đạt hiệu quả cao như : cuộc vận động xây dựng quỹ "tấm lòng vàng", "xóa nhà dột nát", "đi tìm đồng đội", chăm sóc các gia đình liệt sĩ, phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, tham gia xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương, hoạt động đối ngoại nhân dân...

Với những kết quả đạt được trong 13 năm xây dựng và trưởng thành, Hội CCB được Đảng đánh giá cao, coi đó "là chỗ dựa tin cậy của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, nhất là cơ sở".

Bên cạnh những thành tích trên, công tác xây dựng và hoạt động của Hội còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém. Đó là : Chưa nắm vững đối tượng vận động của Hội là đông đảo CCB, chưa đi sâu nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của Hội trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, trường học để có chỉ đạo hướng dẫn nội dung, phương thức, quy chế hoạt động, chế độ, điều kiện cần thiết đảm bảo cho từng loại hình tổ chức cơ sở Hội hoạt động có hiệu quả. Phong trào hoạt động của Hội chưa đồng đều giữa các vùng, các địa phương, nhất là miền núi, vùng sâu,

vùng xa. Hội chậm đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận CCB, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, những nơi thường xảy ra thiên tai, còn nhiều khó khăn. Một số CCB ít được thông tin, học tập thường xuyên nên hiểu biết về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước còn hạn chế. Một số không nhỏ còn có biểu hiện công thần, bảo thủ, thiếu tu dưỡng rèn luyện, dẫn đến sa sút phẩm chất, đạo đức, lối sống ; có người vi phạm pháp luật.

Để hoạt động của các cấp Hội CCB đạt hiệu quả cao hơn nữa, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng hiện nay, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa IX) đã ra Nghị quyết 09 “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCB Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới”. Nghị quyết đã nhận xét, đánh giá tổng quát về tình hình CCB, về hoạt động của Hội CCB ; tiếp tục khẳng định quan điểm của Đảng về CCB ; về nhiệm vụ công tác CCB trong thời kỳ mới, vai trò của Hội trong công tác vận động CCB và cựu quân nhân. Đối với Hội CCB Việt Nam, Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm đưa Hội tiến lên bước phát triển mới trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Hội CCB Việt Nam sẽ diễn ra vào cuối năm nay. Đây là đại hội quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị với những chương trình hành động cụ thể, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong xây dựng và hoạt động của Hội trong thời gian tới. Để triển khai thực hiện Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị có

hiệu quả cần nắm vững và thực hiện tốt những nội dung sau :

1- Công tác vận động, tập hợp cựu chiến binh

Công tác CCB là một trong những công tác vận động quần chúng quan trọng của Đảng, là trách nhiệm của Hệ thống chính trị, của các cấp , các ngành, của toàn xã hội. Hội CCB phải làm tham mưu cho cấp ủy đảng và làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, vận động CCB, cựu quân nhân.

Hội cần phát huy đầy đủ vai trò nòng cốt của mình trong công tác CCB, nắm vững đối tượng vận động của Hội không chỉ là hội viên mà là đông đảo CCB nói chung. Với những lý do khác nhau, trước đây Hội chưa thực sự quan tâm đúng mức đến đối tượng CCB chưa phải là hội viên. Thời gian tới, ngoài số anh chị em CCB đã tham gia chiến đấu, còn có những sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong quân đội nhân dân sẽ về hưu hoặc chuyển ngành ; những hạ sĩ quan, chiến sĩ đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương hoặc chuyển ngành... Họ phải được coi là đối tượng vận động trực tiếp của Hội. Hội có trách nhiệm bồi dưỡng thu hút họ vào Hội theo quy định của Điều lệ Hội và Thông báo số 35, ngày 25-12-2001, của Bộ Chính trị. Hội cần có nhiều hình thức hoạt động để thu hút tất cả CCB vào các tổ chức thích hợp theo nhu cầu, sở thích của từng loại đối tượng cụ thể. Hội cần giữ mối quan hệ chặt chẽ và giúp đỡ các ban liên lạc tuyên truyền hoạt động lành mạnh, đúng hướng. Qua đó, vận động anh chị em có điều kiện gia nhập Hội.

Vận động CCB phải sát với từng đối tượng cụ thể. Lực lượng CCB Việt Nam gồm nhiều thế hệ, nhiều lứa tuổi khác

nhau, thời gian cống hiến, trình độ hiểu biết, hoàn cảnh cuộc sống, nhu cầu, nguyện vọng, tâm tư tình cảm, địa bàn cư trú... khác nhau. Phải hiểu rõ mặt mạnh, mặt hạn chế của từng đối tượng để có nội dung và phương thức hoạt động phù hợp, khai thác phát huy mặt mạnh, giúp đỡ khắc phục nhược điểm, đoàn kết được đông đảo CCB, động viên được mọi khả năng của anh chị em đóng góp thiết thực và có hiệu quả vào sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Công tác vận động CCB phải chú trọng cả hai mặt : vừa chăm lo bồi dưỡng chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống ; vừa quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện để anh chị em có cuộc sống ổn định (nhất là đối với anh chị em còn nhiều khó khăn, anh chị em ở vùng sâu, vùng xa, những gia đình có người đang bị nhiễm chất độc màu da cam), bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của CCB.

2. Đối với cựu quân nhân, những anh chị em chưa qua chiến đấu, đã hoàn thành nghĩa quân sự trở về địa phương

Cựu quân nhân là một lực lượng đông đảo, là những thanh niên được tuyển chọn, được học tập, rèn luyện trong quân đội ; là lực lượng lao động trẻ, có trình độ học vấn khá so với mặt bằng chung ở cơ sở. Lực lượng này ngày càng đông. Hiện nay mỗi xã, phường có đến hàng trăm, có nơi đến hàng nghìn và hàng năm lại tăng lên. Nếu được động viên, bồi dưỡng tốt, họ sẽ là lực lượng tích cực trong các phong trào cách mạng ở địa phương, đặc biệt ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Bản thân anh chị em cựu quân nhân, khi trở về quê hương, cũng có nhu

cầu và sinh hoạt tình cảm đồng đội, có nguyện vọng tiếp tục đóng góp trí tuệ, xây dựng quê hương đất nước. Ở nhiều địa phương, anh chị em đã tự nguyện lập ra các câu lạc bộ cựu quân nhân hoặc ban liên lạc truyền thống đơn vị, chiến trường ; ban liên lạc đồng đội, đồng nhập ngũ (nhập ngũ cùng một ngày), đồng binh chủng, v.v.. Hình thức tập hợp rất đa dạng, có địa phương cấp ủy đảng giao cho Hội CCB giúp đỡ anh chị em tập hợp sinh hoạt. Cựu quân nhân, số đông là lực lượng dự bị động viên, chịu sự quản lý, giáo dục, huấn luyện của cơ quan quân sự địa phương các cấp. Nhưng ở cộng đồng dân cư, họ là thanh niên, nông dân, phụ nữ, đối tượng vận động của nhiều đoàn thể, là lực lượng gắn bó mật thiết tình đồng đội với CCB.

Để tạo điều kiện tập hợp, động viên, phát huy khả năng của lực lượng cựu quân nhân đóng góp thiết thực vào các nhiệm vụ chính trị, kinh tế văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh ở cơ sở, Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ : "Đối với anh chị em hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về, Hội CCB các cấp phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan quân sự địa phương, các ngành chức năng cùng cấp, bằng các hình thức thích hợp, tập hợp, bồi dưỡng, động viên anh chị em phát huy vai trò tích cực và tiềm năng của cựu quân nhân trong các phong trào, các cuộc vận động ở cơ sở". Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng, góp phần xây dựng thế hệ trẻ, thế hệ làm chủ tương lai đất nước, xây dựng và nâng cao chất lượng chính trị của lực lượng dự bị động viên, góp phần tạo nguồn cán bộ cho Đảng,

chính quyền, đoàn thể ở cơ sở. Vì vậy, các cấp Hội cần xác định cụ thể quân nhân là một đối tượng vận động của Hội, làm tham mưu cho cấp ủy đảng và chính quyền, phối hợp với các cơ quan chức năng, trước hết là với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan quân sự địa phương các cấp, có kế hoạch thực hiện tốt nhiệm vụ này.

3- Tham mưu cho cấp ủy đảng về công tác cựu chiến binh

Đây là chức năng thường xuyên của Hội. Hội phải nắm chắc tình hình CCB, kịp thời phản ánh và đề xuất ý kiến với cấp ủy Đảng để có những chủ trương sát hợp. Để làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy Đảng, Hội cần tiếp tục chăm lo xây dựng Hội trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Động viên cán bộ và hội viên tiếp tục rèn luyện, phấn đấu nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ hiểu biết về đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật. Kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm sai trái đối với đường lối, quan điểm của Đảng, ngăn ngừa và khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, công thần.

Bản lĩnh chính trị của CCB phải được thể hiện trước hết ở tính kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; có niềm tin vững chắc vào đường lối đổi mới của Đảng, vững vàng trước những khó khăn, thách thức ; nhận rõ kẻ thù, nâng cao cảnh giác, kiên quyết đấu tranh làm thất bại "âm mưu diễn biến hòa bình", bạo loạn

lật đổ của các thế lực thù địch, quyết tâm bảo vệ Đảng, chính quyền nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong bất cứ tình huống nào, CCB Việt Nam luôn luôn là lực lượng cách mạng tuyệt đối trung thành với Đảng, là chỗ dựa tin cậy của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, nhất là ở cơ sở.

Không ngừng đổi mới phương thức hoạt động của Hội. Trong thời gian tới, hoạt động của Hội tập trung hướng mạnh về cơ sở, đến từng gia đình CCB. Các chủ trương công tác phải phù hợp với tình hình, phù hợp với từng loại hình cơ sở, từng địa bàn khác nhau. Cán bộ cấp trên phải có chương trình xuống cơ sở, kịp thời giải đáp những khó khăn, vướng mắc của cơ sở. Thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa phong trào thi đua "Cựu chiến binh gương mẫu" gắn với phong trào thi đua yêu nước ở địa phương.

Cựu chiến binh Việt Nam là một lực lượng quan trọng trong xã hội. Họ đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang trong các lực lượng vũ trang. Nay trên mặt trận mới, CCB tiếp tục phát huy bản chất và truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ". Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Hội Cựu chiến binh Việt Nam sẽ tạo bước ngoặt mới trong quá trình xây dựng và hoạt động của Hội. CCB Việt Nam nguyện không ngừng phấn đấu, biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong đấu tranh cứu nước thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, để mãi mãi xứng đáng với niềm tin yêu của Đảng và nhân dân. □

THƠ TỔ HỮU

HÀ MINH ĐỨC *

Lời Bộ Biên tập : Đồng chí Tố Hữu tên khai sinh : Nguyễn Kim Thành, bí danh Lành ; sinh ngày 4-10-1920, quê ở làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Đồng chí là nhà hoạt động chính trị xuất sắc, nhà thơ lớn của dân tộc, đã ra đi ngày 9-12-2002, tại Hà Nội, để lại bao xúc động, tiếc thương cho bạn bè, đồng chí trong cả nước. Đời thơ Tố Hữu trải qua 65 năm sáng tác, trải suốt một phần lớn thế kỷ XX - thế kỷ với nhiều biến động lịch sử dân tộc. Tất cả đều in đậm trong thơ Tố Hữu, cất lên thành tiếng nói hùng hồn và trữ tình, sâu sắc và thiết tha, cay đắng và vinh quang về dân tộc mình, về nhân dân mình anh hùng và nhân ái. Đó là dòng tư tưởng chủ đạo chảy suốt, mạnh mẽ trong thơ Tố Hữu, đã tạo nên dung mạo và bản lĩnh của một nhà thơ lớn. Thơ Tố Hữu cũng là tiếng nói gần gũi, chan hòa với nhân dân, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội... Để hiểu thêm những cống hiến của đồng chí Tố Hữu đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, chúng tôi trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc bài viết của GS. Hà Minh Đức về thơ Tố Hữu.

TỐ Hữu đến với Cách mạng, với thơ ngay từ lúc tuổi trẻ. Đất nước còn nô lệ, nên người thanh niên ấy đã sớm đi vào con đường tranh đấu. Từ ấy là tiếng nói thơ ca được khơi dậy từ tấm lòng yêu thương và gắn bó với đất nước. Trên sáu thập kỷ đã qua, đường thơ của Tố Hữu là tiếng nói đồng hành với đường cách mạng ; và nói như Pi-e Em-ma-my-en (Pierre Emmanuel)⁽¹⁾, là "sự diễn đạt về số phận dân tộc mình".

Viết về dân tộc và nhân dân vẫn là thử thách khó nhất với các nhà thơ của mọi thời đại. Đó là cái gốc khơi nguồn sáng tạo, hòn

đá thử vàng với mọi sáng tác thi ca. Tiếng thơ vốn trữ tình, mềm mại, riêng tư, lại phải gánh trách nhiệm là tiếng nói của cuộc đời chung với bao cảm hứng nhiều khi mạnh mẽ, hào hùng, mới lạ. Thơ Tố Hữu ngay từ buổi đầu đã thể hiện khát vọng tìm chân lý và "mặt trời chân lý" đã đến với tuổi trẻ. Cũng vì thế mà giữa không khí, thơ bị vây bọc trong nỗi buồn ủy mị, tiêu cực của phong trào Thơ mới lại có một tiếng thơ vui, lạc quan và tin cậy. Trong thơ, Tố Hữu đã

* GS, Viện trưởng Viện Văn học

(1) Nhà văn Pháp

tìm thấy nhân dân của mình. Nhân dân tiềm ẩn nhiều sức mạnh và là điểm tựa vững chắc cho đời và cho thơ. Giữa lúc thơ mang nặng tâm trạng cá nhân không dễ giải thoát, lại có một giọng điệu thơ thanh cao luôn hướng về cộng đồng để hòa nhập, như tiếng nói anh em với những người lao khổ.

... Tôi buộc lòng tôi với mọi người

... Tôi đã là con của mọi nhà.

Tất cả những phẩm chất ấy sớm được quy tụ trong một bài thơ : *Từ ấy*. Nhà thơ Chế Lan Viên nhận xét : "Tất cả Tố Hữu, thi pháp, tuyên ngôn những yếu tố làm ra anh có thể tìm thấy trong tế bào này". Đó là bài thơ mở đầu và cũng là sáng tác đi suốt một đời thơ.

Tình cảm yêu nước, khát vọng tự do, tình yêu những người cùng khổ, lòng căm giận kẻ thù, lời kêu gọi đấu tranh... là những ý tưởng, tình cảm, hình ảnh trong tập thơ *Từ ấy*. Nội dung ấy cần thiết biết bao cho quần chúng lao khổ. Cũng vì thế mà thơ vẫn vượt qua ngục tù để đến với cuộc đời xã hội. Những dòng thơ được dùng kim châm trên lá gồi non để gửi ra bên ngoài và cả cách tiếp nhận cũng lạ lùng như câu chuyện huyền thoại. Những dòng thơ sẽ hiện lên khi những chiếc lá được soi lên ánh sáng của bầu trời. Thơ Tố Hữu vẫn được yêu thích, lan truyền trước mọi cảm đoán của kẻ thù. Tiếng nói của thơ ca cách mạng đã thật sự hấp dẫn với sức sáng tạo của một hồn thơ trẻ và một thi pháp hiện đại. Lúc này, trên văn đàn đang diễn ra quá trình hiện đại hóa của văn chương : *Tự lực văn đoàn, phong trào Thơ mới, dòng văn học hiện thực* đã đưa văn chương vào thời kỳ hiện đại. Tố Hữu cũng đã thực hiện thành công quá trình hiện đại hóa trên lĩnh vực thơ ca cách mạng. Tôn trọng và tiếp nối truyền thống của thơ ca yêu

nước nhưng tác giả bỏ qua thi pháp cũ, tiếp nhận phương thức sáng tạo mới, trong điệu suy nghĩ và cách diễn đạt. Từ niềm vui tìm gặp lý tưởng như cánh chim trời tự do :

Say đồng hương nắng vui ca hát

Trên chín tầng cao bát ngát trời

đến những lời thơ thâm thía gợi cảm qua cách nói mới mẻ, hiện đại :

- Mùa đổi áo trên những cành gồi nhỏ

Một khung trời mưa nắng bốn tường cam

(Quanh quẩn)

- Gì sâu bằng những trưa thương nhớ

Hiu quạnh bên trong một tiếng hò

(Nhớ đồng)

Xuân bước nhẹ trên nhành non lá mới

Bạn đời ơi vui chút với trời hồng

Và sung sướng nhất là khi đất nước được giải phóng :

Hãy bay lên sông núi của ta rồi !

(Huế, Tháng Tám)

Đất nước đã về ta, nhưng kẻ thù lại tiếp tục xâm lược. Cuộc chiến đấu kéo dài ba chục năm gian khổ quyết liệt cho đến ngày toàn thắng. Đất nước đã trải qua bao thử thách gian nan nhưng cũng vô cùng hào hùng, oanh liệt. Chủ nghĩa yêu nước vươn lên đỉnh cao. Tố Hữu đã viết những câu thơ xúc động và cao đẹp về cuộc chiến đấu của dân tộc. Dòng thơ - dòng đời - đường chiến trận. Từ những ngày "phá đường" cản giặc cho đến chiến dịch lớn "56 ngày đêm khoét núi ngủ hầm, mưa dầm cơm vắt. Máu trộn bùn non. Gan không núng. Chí không mòn" và niềm vui lớn trong thắng lợi :

Đêm lịch sử Điện Biên sáng rực

Trên đất nước như huân chương

trên ngực

Dân tộc ta dân tộc anh hùng

Đất nước đã sang trang trong những ngày trời đất đã về ta. Cảm hứng về Tổ quốc trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội là cảm hứng "gió lộng đường khơi rộng đất trời". Tố Hữu phát hiện và suy tôn cái đẹp của đất nước và con người trong quan hệ xã hội mới :

Có gì đẹp trên đời hơn thế

Người yêu người sống để yêu nhau.

Từ tiếng chổi tre xao xác đêm đông rồi cành táo rung rinh quả ngọt trong ngày đầu xuân cho đến nhịp đời sôi động và đổi mới từng ngày... tất cả đã tạo nên bức tranh đẹp của Tổ quốc. *Gió lộng* chiếm lĩnh hồn ta ở chiều cao và cảm hứng với tương lai của đất nước, con người. Đến với cuộc kháng chiến cứu nước lần thứ hai, những ngày ra trận chống Mỹ cứu nước, Tố Hữu đã miêu tả Tổ quốc trên *tầm cao* của thời đại. Tầm cao trong chiều dài của lịch sử, tầm cao trong quan hệ với thời đại, tầm cao trong sức vươn tới không ngừng của con người hôm nay đang vượt lên những thử thách nặng nề chống kẻ thù tàn bạo :

Chúng muốn đốt ta thành tro bụi

Ta hóa vàng nhân phẩm, lương tâm

Chúng muốn ta bán mình ô nhục

Ta làm sen thơm ngát giữa đầm.

(Việt Nam máu và hoa)

Khi cuộc chiến tranh kết thúc "toàn thắng về ta", thơ Tố Hữu lại reo vui trong niềm vui chung lớn lao của Tổ quốc :

Ôi Việt Nam ! Yêu suốt một đời

Nay mới được ôm Người trọn vẹn,

Người ơi.

(Vui thế, hôm nay...)

Từ chiến thắng của dân tộc, Tố Hữu suy nghĩ về hôm nay, mai sau, nỗi buồn và niềm vui chia sẻ cho mọi người :

Không nỗi đau nào của riêng ai

Của chung nhân loại chiến công này

Việt Nam ơi máu và hoa ấy

Có đủ mai sau thắm những ngày ?

Có thể khẳng định, Tố Hữu đã nói lên sâu sắc nhất hành trình đầy thử thách của Tổ quốc trong cuộc đấu tranh rất gian khổ và vinh quang. Đất nước và con người liên tiếp được tôn vinh trong thơ Tố Hữu qua những chặng đường lịch sử. Thơ Tố Hữu là bản "tụng ca" của thời đại, một giọng điệu tụng ca trang trọng đầy sức lôi cuốn với cảm hứng lịch sử sâu sắc và lòng yêu mến không cùng với đất nước và con người. Tố Hữu đã dựng được những đài thơ để ghi lại và tô điểm thêm cho kỳ đài lịch sử. Từ cảm hứng lịch sử, nhà thơ đã sáng tạo thành cảm hứng sử thi với ý thức ngợi ca cộng đồng trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước. Hình ảnh lãnh tụ, người chiến sĩ, bà mẹ, người chị... những gương mặt tiêu biểu của đất nước được miêu tả cao đẹp và trân trọng.

Thơ Tố Hữu cũng là dòng cảm xúc trữ tình tiêu biểu của thời đại. Từ tâm trạng của người thanh niên yêu nước xót xa trong những cảnh đời đau khổ đến những tình cảm của quần chúng cách mạng đi qua hai cuộc chiến tranh và trong thời kỳ đổi mới. Miêu tả những diễn biến của thời cuộc và thế sự, Tố Hữu cũng rất thành công khi thể hiện mạch chìm của cuộc đời, qua tâm trạng và tình cảm của con người. Đối tượng này thuộc về thơ nhưng không dễ chiếm lĩnh. Dòng cảm xúc trữ tình vẫn ở giữa cuộc đời trong mối quan hệ giữa người và người. Như một nguyên tắc được khẳng định :

Đời yêu tôi. Tôi lại yêu đời

Tất cả cùng tôi. Tôi với muôn người

Chỉ là một. Nên cũng là vô số

Mạch tình cảm ấy vẫn đi về, tự nhiên, đắm thắm giữa cái tôi và cuộc đời trong tấm lòng với quê hương :

Hương Giang ơi, dòng sông êm

Qua tìm ta, vẫn ngày đêm tự tình
trong tình cảm nhớ thương và biết ơn người mẹ :

Ôi bóng người xưa, đã khuất rồi

Tròn đôi nắm đất trắng chân đôi

Sống trong cát, chết vùi trong cát

Những trái tim như ngọc sáng ngời

(Mẹ Tom)

Thơ Tố Hữu mang một phong cách mở và luôn vận động phát triển. Một không gian mở rộng giữa cuộc đời với đất nước và núi rộng sông dài. Một thời gian không ngưng đọng mà luôn đổi thay theo năm tháng với cảm hứng nồng nàn với tương lai.

Trên sáu thập kỷ của đời thơ, thơ Tố Hữu luôn đi về phía trước. Tố Hữu có lần tâm sự về mơ ước của một đời thơ là không lặp lại mình. Tố Hữu đã luôn tìm tòi cái mới. Khác với một số nhà thơ của phong trào Thơ mới, từ chối hiện tại, hướng về quá khứ, Tố Hữu được dư luận báo chí xem là nhà thơ của tương lai. Trong *Từ ấy*, Tố Hữu nói nhiều đến ngày mai, một ngày mai đã đến gần :

Ngày mai đây tất cả sẽ là chung

Tất cả sẽ là vui và ánh sáng

Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi, Tố Hữu lại khẳng định "ta đi tới" trên chặng đường lịch sử mới. Luôn có một nhịp điệu gấp rút sôi nổi trong đời, trong thơ :

Xuân đến rồi hồi hã tương lai

(Bài ca mùa xuân 1961)

Và ở thời điểm nào của cuộc sống cho dù là chặng cuối nhà thơ vẫn có những xúc cảm như buổi ban đầu :

Ta lại đi như từ ấy ra đi

(Ta lại đi)

Cuộc đời phát triển đến vô tận, nhưng hành trình của mỗi cá nhân lại có giới hạn. Quy luật ấy cũng tuần hoàn trong thơ Tố Hữu. Từ *Ra trận* đến *Một tiếng đờn*, Tố Hữu lại trở về với mình. Từ tuổi thanh xuân đi hoạt động cách mạng tới "nửa đời tóc ngả màu sương" nhưng trách nhiệm vẫn nặng gánh trên hai vai. Đến những năm cuối của thế kỷ XX tiếng thơ lại trở về tích tụ trong những suy nghĩ giàu trí tuệ và giá trị nhân bản. *Ta với ta*, một bản lĩnh, một nhân cách được khẳng định trước những đổi thay của cuộc đời :

Sợ chi khúc khuỷu đường muôn dặm

Ta vẫn là ta, ta với ta

(Bảy mươi)

Chữ ta không chỉ nói cho riêng mình mà trước hết là cho đất nước đang trải qua thử thách. Với bản thân, Tố Hữu đã tìm đến ý nghĩa sâu xa và cao đẹp của chữ nhân, một từ ngữ thiên về đạo lý, nhân cách và giàu ý nghĩa truyền thống :

Muôn đời trời đất tặng mùa xuân

Xin sáng lòng ta một chữ nhân

(Duyên thâm)

Vượt lên những thử thách của tháng năm và tuổi tác, trong bài *Chào xuân 99*, khi đã ở vào tuổi 79, Tố Hữu vẫn thiết tha tin yêu cuộc sống và muốn đóng góp cho đời :

Dẫu không hơi sức khơi dòng thẳng

Còn chút phù sa cũng gắng bồi

Từ cuộc đời chung trong những ngày *Ra trận* trở về với một góc nhỏ riêng tư, Tố Hữu ngày càng bộc lộ nhiều chiêm nghiệm đáng quý về đạo làm người. Cái gốc của đạo lý và niềm tin vào cuộc đời và con người, và biết nhận thức rõ trách nhiệm với cộng đồng dù

trong hoàn cảnh và thời điểm nào. Biết tôn trọng con người và góp phần làm cho cuộc đời đẹp hơn phải chăng là tín niệm sâu xa của lòng nhân hậu.

Tố Hữu là một "nhà thơ toàn thân"⁽²⁾, một tâm hồn thơ hòa hợp được tự đáy sâu giữa thơ và người chiến sĩ cách mạng. Phẩm chất thi sĩ tràn đầy trong cảm hứng sáng tạo. Nhà thơ hiểu rõ trách nhiệm của thơ với cuộc đời và những chất liệu gì trong cuộc đời thuộc về thơ. Chất thơ nhiều khi bay lên với trí tưởng tượng phong phú mang theo bao thi vị và duyên dáng như một khát vọng, một ước mơ. Từ những số phận tủi cực ngày nào trong cuộc đời cũ đến niềm vui phấn khởi và tỏa sáng trong những ngày Tháng Tám. Từ những nét đẹp của con người và cảnh vật trong kháng chiến chống Pháp đến cái đẹp của đất nước trong xây dựng hòa bình, thơ Tố Hữu luôn đi về giữa cái thực của cuộc đời và những mộng tưởng; không phải chỉ là những cảm xúc và nếp suy nghĩ mà có cơ sở lý luận, với quan niệm đúng đắn, tinh tế của Tố Hữu về bản chất của thơ.

"Thơ phải chăng là điều ấy, mơ ở trong thực, cái vô hình trong cái hữu hình... Những màu trong thấu, không sáng cũng không tối, là mờ nhưng lại rõ, cái chính xác của sự mơ hồ, cái bằng lăng, có thể nói như vậy khi người ta là thi sĩ". Một quan niệm như thế về thơ để tạo cho thơ sự bay bổng và dẫn thơ tới những nẻo đường thi vị.

Tố Hữu là một phong cách thơ giàu tính nghệ thuật. Có thể tìm thấy trong thơ Tố Hữu một tiếng nói đa thanh: độc thoại, đối thoại, lời tâm tình, câu hỏi tu từ, lời kể chuyện. Nhân vật trữ tình nhiều khi là tác giả, luôn khiêm tốn, nhưng thấu hiểu lẽ đời, tạo được sức lôi cuốn và có giọng điệu riêng

như lời ân tình và tiếng nói tri âm, tri kỷ. Nhiều nhân vật trữ tình trong thơ Tố Hữu cũng được khai thác từ những con người có thật ngoài đời. Có nhân vật mang cốt cách và tầm vóc lớn như Bác Hồ, có bao người bình dị góp phần làm nên cuộc sống: anh bộ đội, người mẹ, người chị. Các nhân vật trữ tình trong thơ thật gần gũi thân quen, nhưng rồi phút chốc lại trở thành anh hùng, dũng sĩ. Mẹ Tơm, Mẹ Suốt, Nguyễn Văn Trỗi, Trần Thị Lý... Các nhân vật anh hùng được tác giả miêu tả chân thực nhưng lại tỏa sáng và bay bổng với lý tưởng và hành động cao đẹp. Tố Hữu từ cái thật của cuộc đời đã khai thác được chất thơ vốn tiềm ẩn trong cuộc sống và cốt cách của mỗi cá nhân.

Hình thức nghệ thuật trong thơ Tố Hữu không theo một công thức và khuôn khổ nhất định, mà gắn liền với chuẩn mực nghệ thuật của mỗi chặng đường thơ. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám khi hình thức thơ cần đi theo hướng hiện đại, gạt bỏ những ước lệ, sáo mòn, thơ Tố Hữu đã có hình thức mới, hiện đại. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, thơ phải mang hình thức dân tộc, biết trở về với cái gốc của ca dao dân ca. *Việt Bắc* có nhiều tiếng ca, hòa điệu trong những bài thơ lục bát nổi tiếng. Xuân Diệu đã nhận xét đúng: "Thơ Tố Hữu thành ca dao". Và đến *Gió lộng* hình thức mở ra theo hai chiều dài rộng, trong không gian và thời gian, lấp lánh vẻ đẹp của cuộc đời mới. Chất suy nghĩ chính luận tập trung nhiều hơn ở những tập thơ *Ra trận*, *Một tiếng đờn*, phù hợp với trạng thái vận động của tình cảm và tư duy qua nhiều năm tháng

(Xem tiếp trang 27)

(2) Chữ dùng của Xuân Diệu



VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆT NAM

PHAN THU *

DƯỚI sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, quân và dân ta, với sức mạnh tổng hợp của mình, đã đánh thắng nhiều cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Trong sức mạnh tổng hợp đó, có sức mạnh về khoa học công nghệ quân sự phục vụ việc chế tạo, cải tiến, sửa chữa vũ khí, trang thiết bị quân sự để đáp ứng nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, hoạt động khoa học công nghệ quân sự chủ yếu thể hiện ở hoạt động của ngành quân giới, ở việc nghiên cứu, tìm tòi các bí quyết để sản xuất các loại vũ khí phục vụ việc đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân, chống chiến tranh xâm lược. Vũ khí mà hai bên sử dụng trong thời kỳ đó chủ yếu là loại nổ - phá đơn thuần.

Thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, có những đặc điểm khác so với thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Nước Mỹ là một cường quốc về khoa học công nghệ quân sự, có vũ khí, trang thiết bị hiện đại và luôn được đổi mới. Hàm lượng chất xám trong vũ khí, trang thiết bị chiếm tỷ trọng lớn. Những phát minh khoa học công nghệ quân sự được vận dụng nhanh vào công nghiệp sản xuất vũ khí, trang thiết bị. Các công nghệ mới như : công nghệ thông tin, kỹ thuật la-de hồng ngoại... đã được

ứng dụng vào việc chế tạo vũ khí có điều khiển tự động. Chiến tranh điện tử được đẩy lên ở trình độ cao. Máy bay, xe tăng, tàu chiến thuộc thế hệ mới đã được quân đội Mỹ đem vào sử dụng ở chiến trường Việt Nam. Vũ khí không còn chỉ là loại nổ - phá đơn thuần, mà là những loại thông minh, tinh vi, chính xác hơn.

Tình hình trên đặt ra trước chúng ta, đòi hỏi không chỉ có tinh thần dũng cảm, có cách đánh tốt là đủ, mà còn phải đối phó có hiệu quả với các thủ đoạn, các loại vũ khí, trang thiết bị tối tân của địch. Chúng ta phải cải tiến các loại vũ khí và thiết bị hiện có, trang bị mới các loại vũ khí và thiết bị đạt mức độ cần thiết để đối phó với địch.

Ở chiến trường miền Nam, hoạt động khoa học công nghệ quân sự đã nghiên cứu cải tiến hỏa tiễn đặt trên xe thành hỏa tiễn mang vác để lườn sâu vào các chiến trường ; nổi tâng hỏa tiễn để kéo dài tầm bắn nhằm đối phó với thủ đoạn phát quang, mở rộng khu an toàn cho các đồn bót của Mỹ - ngụy. Hoạt động khoa học công nghệ quân sự còn nghiên cứu, chế tạo những vũ khí thích hợp cho bộ đội đặc công, làm cho cách đánh đặc công đã hiểm

* Trung tướng, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng

càng hiểm hơn ; sáng tạo những loại thủy lôi đặc biệt, đánh đắm nhiều tàu chiến của địch.

Ở chiến trường miền Bắc, không quân và hải quân Mỹ đã dùng những loại vũ khí tối tân nhất lúc đó như bom từ trường, thủy lôi từ trường, bom la-de, tên lửa... đánh phá các trục giao thông hàng ngăn chặn miền Bắc tiếp vận cho chiến trường miền Nam ; đánh phá các trận địa phòng không, các mục tiêu kinh tế chính trị quan trọng của chúng ta với nhiều thủ đoạn nham hiểm. Chúng gây nhiều điện tử rất mạnh, kết hợp với tên lửa Sric (Shrike) để vô hiệu hóa các loại ra-đa và hỏa lực phòng không của ta. Hoạt động khoa học công nghệ quân sự của ta, với các cơ sở nghiên cứu nhỏ bé, sơ sài và đội ngũ cán bộ khoa học không nhiều đã không quản khó khăn nguy hiểm hy sinh bám sát trận địa để tìm ra những bí quyết, đối phó có hiệu quả, chống lại các thủ đoạn kỹ thuật và các vũ khí, trang thiết bị tối tân của địch. Chúng ta đã cố gắng làm giảm hiệu lực vũ khí của Mỹ, làm vô hiệu hóa bom từ trường, thủy lôi từ trường mà Mỹ đã rải ở Việt Nam ; tìm mọi cách để vũ khí của ta thích nghi, chống lại có hiệu quả các thủ đoạn của địch và đã bắn rơi nhiều máy bay địch. Nhiều nước, nhiều người đã không thể hiểu được, tại sao không quân Mỹ đã dùng các thủ đoạn xảo quyệt và vũ khí trang thiết bị hiện đại như vậy mà lực lượng phòng không, không quân của ta vẫn tồn tại và còn hiện ngang tiêu diệt hàng nghìn máy bay hiện đại của Mỹ, bắt sống hàng trăm giặc lái - một sinh lực tinh túy của quân đội Mỹ.

Chúng ta đã thắng Mỹ. Điều đó là rõ ràng. Nhưng, chúng ta có thắng Mỹ về khoa học công nghệ quân sự hay không ? Tôi nghĩ, chúng ta đã thắng Mỹ cả về khoa học công nghệ quân sự ở phạm vi làm cho các thủ đoạn, các loại vũ khí, trang thiết bị hiện đại của Mỹ

không tạo được sức mạnh để đè bẹp chúng ta ; ngược lại, chúng ta lại đập tan được ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải ngừng ném bom, xuống thang chiến tranh. Sự đóng góp như vậy là một điều rất đáng tự hào của hoạt động khoa học công nghệ quân sự Việt Nam.

Từ ngày chúng ta thắng trận "Điện Biên Phủ trên không" đến nay, đã tròn 30 năm. Trong 30 năm ấy, đất nước chúng ta đã có nhiều đổi mới. Từ một đất nước bị chia cắt, trở thành một đất nước độc lập, thống nhất, đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ; có nền khoa học công nghệ phát triển nhanh. Còn thế giới, đang có hòa bình, nhưng các cuộc chiến tranh cục bộ, chiến tranh khu vực, mâu thuẫn dân tộc, mâu thuẫn tôn giáo có chiều hướng gia tăng. Các nước phát triển đang tận dụng mọi thành quả của nền khoa học công nghệ hiện đại để đổi mới vũ khí, trang thiết bị và phương thức tiến hành chiến tranh. Điều này được chứng minh ở các cuộc chiến tranh xảy ra ở vùng Vịnh, ở Liên bang Nam Tư cũ, ở Cô-xô-vô :

- Chiến tranh được phủ đầu bằng những cuộc tập kích đường không, bằng các tên lửa hành trình, đánh từ xa, từ máy bay chiến lược và từ hạm tàu, ngoài vòng hỏa lực mà người ta gọi là tác chiến không tiếp xúc.

- Vũ khí đánh vào đối phương là thành quả rất mới của khoa học công nghệ, kỹ thuật la-de hồng ngoại, kỹ thuật điều khiển từ vệ tinh, và công nghệ thông tin, có độ chính xác rất cao. Các phương tiện chiến tranh điện tử được dùng phổ biến với cường độ mạnh, gây rối loạn mạng thông tin chỉ huy của đối phương, gây nhiều các loại ra-đa, làm tê liệt hệ thống phòng không của đối phương.

- Việc đưa quân đổ bộ vào đất liền chỉ thực hiện khi thấy đã bảo đảm an toàn cho bộ binh hoặc lính thủy đánh bộ ; khi tiến quân vào cũng như rút quân ra rất nhanh chóng bằng máy bay trực thăng.

Để đối phó có hiệu quả với các thủ đoạn mới của chiến tranh và bảo vệ được chủ quyền của quốc gia, hoạt động khoa học công nghệ quân sự của ta phải quán triệt một số vấn đề sau :

1- Khoa học công nghệ quân sự phải nghiêm túc đặt vấn đề nghiên cứu địch về mọi mặt. Từ các cuộc chiến tranh khu vực vừa qua và từ kinh nghiệm các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ đất nước của ta, hoạt động khoa học công nghệ quân sự cần phân tích, tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu trong các thủ đoạn của địch, trong các loại vũ khí, thiết bị mới. Bất kỳ một loại vũ khí nào, dù hiện đại đến đâu cũng có những điểm yếu, điểm sơ hở mà ta có thể tận dụng để đánh thắng địch. Tìm cách hạn chế điểm mạnh, khoét sâu điểm yếu, làm cho điểm yếu của địch bộc lộ ra để giành thắng lợi là bài học trong cách đánh của chúng ta. Vì vậy, không được lơ là trong việc nghiên cứu thủ đoạn và vũ khí, thiết bị của đối phương.

2- Khoa học công nghệ quân sự cần nhanh chóng đưa tin học vào công tác chỉ huy, quản lý. Bởi vì, chiến tranh hiện đại, đòi hỏi công tác chỉ huy phải được cung cấp những thông tin chính xác để giúp người chỉ huy hạ quyết tâm, kịp thời đối phó với những diễn biến rất phức tạp ở chiến trường. Một quân đội chính quy, hiện đại đòi hỏi phải đưa công nghệ thông tin vào quản lý quân số, quản lý khối lượng cơ sở vật chất, vũ khí, đạn dược đồ sộ. Do vậy, quân đội cần có chương trình phần mềm máy tính linh hoạt và chính xác.

Khoa học công nghệ quân sự giúp người chỉ huy xây dựng cách đánh thích hợp với từng loại thủ đoạn của địch như : thủ đoạn sử dụng tên lửa bắn từ ngoài vòng hỏa lực ; thủ đoạn bay cực thấp, cực cao của máy bay địch ; thủ đoạn sử dụng những loại vũ khí "thông minh" có công nghệ chính xác cao ; thủ đoạn đổ quân và rút quân nhanh có sử dụng máy bay trực thăng...

3- Khoa học công nghệ quân sự cần phục vụ tốt công tác bảo đảm kỹ thuật ; nhiệt đới hóa vũ khí, thiết bị, làm cho vũ khí, thiết bị đáp ứng yêu cầu sử dụng trong điều kiện khí hậu nóng ẩm của chúng ta, duy trì chất lượng vũ khí, thiết bị hiện có, bảo đảm giữ tốt, dùng bền, tiết kiệm cho ngân sách quốc phòng.

Nghiên cứu khai thác sử dụng có hiệu quả vũ khí, thiết bị là một yêu cầu rất quan trọng, tạo nên sức mạnh tổng hợp giữa con người và vũ khí, đánh thắng mọi kẻ thù. Bài học từ cuộc chiến tranh chống Mỹ ở miền Bắc nước ta trước đây đã cho thấy điều đó. Vũ khí thiết bị phòng không, không quân của Việt Nam khi đó không hơn vũ khí, thiết bị của một số nước khác ở vùng Vịnh, ở Trung Đông, ở Nam Tư... thậm chí còn thua kém, nhưng chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đã phát huy hiệu quả cao trong chiến đấu. Đó là kết quả của quá trình nghiên cứu khai thác vũ khí thiết bị, rèn luyện gian khổ để làm chủ được vũ khí thiết bị của quân đội ta.

4- Khoa học công nghệ quân sự phục vụ việc cải tiến, chế tạo vũ khí, thiết bị mới đáp ứng yêu cầu cách đánh mới, đối phó có hiệu quả các thủ đoạn, vũ khí, thiết bị của địch. Trong điều kiện nước ta hiện nay, việc cải tiến các loại vũ khí, thiết bị hiện có để có thể nâng cao tính năng, là bước quan trọng bên cạnh việc thiết kế chế tạo những loại vũ khí, thiết bị đáp ứng yêu cầu cách đánh mới.

Mọi cuộc chiến tranh, muốn thắng lợi hoàn toàn, suy cho cùng cũng phải chiếm được đất, chiếm được dân. Dù có tên lửa phóng từ xa, máy bay bay cao trên tầm hỏa lực hoặc bay thấp dưới cánh sóng ra-đa, cuối cùng cũng vẫn phải đổ quân vào để chiếm đất, khống chế được đối phương. Vì vậy, chiến tranh nhân dân vô địch của chúng ta vẫn còn nguyên giá trị trong chiến tranh hiện đại. Khoa học công nghệ quân sự nói chung và công nghệ quốc phòng nói riêng phải coi trọng việc hiện đại hóa vũ khí cho sư đoàn, trung đoàn bộ binh. Vũ khí cầm tay của người lính phải tốt hơn, gọn nhẹ hơn, hỏa lực mạnh và xa hơn, sức cơ động nhạy bén hơn... để phát huy được uy lực trong chiến đấu trực tiếp với quân địch.

5- Công tác giáo dục, đào tạo trong hoạt động khoa học công nghệ quân sự cần được đổi mới, cơ bản hơn, thực tế hơn, hiệu quả hơn. Dù vũ khí, thiết bị có quan trọng như thế nào đi nữa, thì con người vẫn là yếu tố quyết định. Tình hình hiện nay cho phép ta về thời gian, về cơ sở vật chất, tiến hành việc đào tạo cán bộ, xây dựng đội hình, nhân sự một cách ổn định lâu dài, hệ thống và cơ bản.

6- Cần sử dụng sức mạnh tổng hợp để xây dựng nền khoa học công nghệ quân sự Việt Nam trong tình hình mới. Sức mạnh đó chỉ có thể phát huy khi thực hiện hai kết hợp :

- Kết hợp chặt chẽ khoa học nghệ thuật quân sự và khoa học công nghệ quân sự.
- Kết hợp chặt chẽ khoa học công nghệ đất nước và khoa học công nghệ quân sự.

Khoa học nghệ thuật quân sự là nghệ thuật quân sự, cách tổ chức chỉ huy, cách đánh địch trong chiến tranh. Khoa học nghệ thuật quân sự và khoa học công nghệ quân sự có mối quan hệ biện chứng với nhau. Từ yêu cầu của cách đánh mà nghiên cứu chế tạo những vũ khí, thiết bị thích hợp. Đồng thời, trên quan

điểm có gì đánh nấy, cũng cần phải xử lý cách đánh theo vũ khí, thiết bị hiện có. Về cơ bản, vũ khí là cái "tĩnh", còn cách đánh là cái "động". Cái "động" phải biến hóa theo cái "tĩnh", nhưng khi tạo nên được cái "tĩnh" thích hợp, thì cái "động" có thể phát huy hiệu quả hơn.

Cần tận dụng nền khoa học công nghệ của đất nước để tạo nên sức mạnh cho khoa học công nghệ quân sự. Trên thế giới, nước nào cũng vậy, những phát minh khoa học mới nhất đều được vận dụng cho nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Hiện nay, đất nước ta đang tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; nền khoa học công nghệ nước ta đang phát triển mạnh mẽ theo sự phát triển chung của đất nước. Tình hình này khác với tình hình trước kia khi đất nước có chiến tranh ; khi đó trình độ hiện đại của vũ khí, thiết bị cao hơn trình độ chung của nền khoa học công nghệ đất nước và việc khai thác khoa học công nghệ đất nước phục vụ cho quốc phòng, tuy có làm nhưng không nhiều. Hiện nay, trong điều kiện hòa bình, Nhà nước ta có đội ngũ đông đảo cán bộ có trình độ khoa học cao ; có nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học, trường đại học, được trang bị nhiều phòng thí nghiệm hiện đại. Nền công nghiệp nước ta cũng đang được mở rộng, có nhiều công nghệ tiên tiến, thì việc huy động chất xám của các nhà khoa học, tận dụng các trang thiết bị nghiên cứu và sản xuất để phục vụ quốc phòng - an ninh là rất cần thiết. Mặt khác, khoa học công nghệ quân sự cũng có thể góp phần xứng đáng cho sự phát triển chung của khoa học công nghệ đất nước. Kết hợp khoa học công nghệ đất nước và khoa học công nghệ quân sự là quy luật của sự phát triển, là động lực của việc thực hiện thành công hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. □

Tác động của toàn cầu hóa đối với sự phát triển và đổi mới của pháp luật Việt Nam

ĐÀO TRÍ ÚC *

TOÀN cầu hóa hiện đang là vấn đề thu hút sự chú ý của tất cả các quốc gia trên thế giới. Đó là quá trình gắn kết các cơ cấu kinh tế với một số lĩnh vực luật pháp của các quốc gia vào hệ thống kinh tế và luật pháp thống nhất. Cũng có thể coi đó là một nền kinh tế quốc tế hóa có các yếu tố cấu thành là các nền kinh tế quốc gia. Toàn cầu hóa còn được coi là cuộc chạy đua giữa các yếu tố tịnh (các lãnh thổ) để thu hút về lãnh thổ của mình những yếu tố động (tiền vốn, kinh nghiệm, công nghệ, cơ sở vật chất) và phát huy giá trị của các yếu tố con người và hệ thống bảo đảm xã hội. Mọi diễn biến về kinh tế, xã hội và chính trị ở bất cứ khu vực nào trên thế giới đều có thể ảnh hưởng ngay đến các khu vực khác. Các quá trình kinh tế - xã hội đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của toàn cầu hóa. Người

ta có thể nói về sự hình thành của cái gọi là xã hội dân sự quốc tế, nhấn mạnh tới các yếu tố kinh tế của quá trình toàn cầu hóa. Các định chế quốc tế - những biểu hiện cụ thể, rõ nét của quá trình toàn cầu hóa đang thể hiện vai trò của mình trong nền kinh tế thế giới như : WTO, EU, NAFTA, AFTA... Các nhà kinh tế học, xã hội học, triết học, chính trị học, luật học đang chú ý tới sự tác động của toàn cầu hóa tới các quá trình phát triển kinh tế, xã hội, nhà nước và pháp luật ở mỗi quốc gia. Toàn cầu hóa ảnh hưởng nhiều nhất trong quá trình phát triển của pháp luật quốc tế hiện đại. Và điều hiển nhiên là bất cứ sự phát triển nào của pháp luật quốc tế đều ảnh hưởng tới quá trình phát triển của pháp luật các quốc gia. Việt Nam không nằm ngoài quá trình đó.

Quốc tế hóa pháp luật diễn ra mặc nhiên và có định hướng mục đích. Bản chất của quá trình quốc tế hóa thể hiện ở chỗ tiêu chuẩn hóa điều kiện sống và các mối quan hệ quốc tế xác định khuynh hướng điều chỉnh pháp luật một cách thống nhất. Trong quá trình này, vai trò quan trọng thuộc về các yếu tố chung trong ý thức pháp luật do các phương tiện truyền thông, hoạt động trao đổi khoa học, văn học và nghệ thuật cũng như hoạt động của các tổ chức quốc tế mang lại. Bên cạnh phương pháp mặc nhiên và phương pháp định hướng mục đích, còn có một phương pháp nữa là học tập kinh nghiệm của các nước khác. Tuy phương

* GS, TSKH, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

pháp này không trực tiếp dẫn đến sự quốc tế hóa pháp luật nhưng ở mức độ nhất định nó cũng là nguyên nhân khách quan dẫn tới quá trình đó. Phương pháp định hướng mục đích của quá trình quốc tế hóa pháp luật quốc gia bao gồm : *tiếp nhận, hài hòa hóa và nhất thể hóa*.

Tiếp nhận được hiểu là một quốc gia đơn phương chuyển hóa pháp luật của quốc gia khác, đặc biệt, có trường hợp tiếp nhận toàn bộ hệ thống pháp luật của nước khác như ta thấy trước đây các nước thuộc địa sao chép hệ thống pháp luật của mẫu quốc. Dạng đặc biệt của hình thức này là các nước, trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường tìm kiếm mô hình pháp luật điều chỉnh kinh tế thị trường không phải từ một nước nào đó cụ thể mà là từ nhiều nước từ lâu đã xây dựng nền kinh tế thị trường và đã có nhiều kinh nghiệm.

Hài hòa hóa của pháp luật hay còn gọi là sự xích lại gần nhau của pháp luật là quá trình xích lại gần nhau của các hệ thống pháp luật về tổng thể hay của các ngành luật cụ thể, sự khẳng định các chế định và quy phạm chung hay loại trừ những mâu thuẫn trong pháp luật. Thực ra đó chính là sự xích lại gần nhau giữa các hệ thống pháp luật trên cơ sở những nguyên tắc chung. Sự hài hòa có thể được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận hay đơn phương, tức là các bên tham gia cùng thỏa thuận về việc làm cho pháp luật xích lại gần nhau hoặc pháp luật của một quốc gia đơn phương được sửa đổi nhằm xích lại gần pháp luật của quốc gia khác. Các tổ chức quốc tế khu vực đóng vai trò quan trọng trong quá trình này.

Nhất thể hóa pháp luật là việc đưa vào hệ thống pháp luật của các quốc gia các quy

phạm mang tính chất mẫu mực chung, chủ yếu là nhờ quá trình chuyển hóa các quy phạm của điều ước quốc tế vào pháp luật của các quốc gia hữu quan. Tất nhiên sự chuyển hóa ở đây được hiểu là sự ghi nhận trong pháp luật quốc gia các quy phạm điều ước một cách chính xác chứ không phải là thể hiện nội dung hay ý tưởng của các quy phạm đó.

Điều dễ nhận thấy là, các điều ước quốc tế ngày càng được thông qua nhiều, nhưng không phải bất cứ điều ước quốc tế nào cũng đều có giá trị ngang nhau trong những điều kiện toàn cầu hóa và cũng có ảnh hưởng giống nhau tới pháp luật của các quốc gia. Có những điều ước quốc tế ảnh hưởng nhiều đến quá trình toàn cầu hóa, nhưng cũng có những điều ước quốc tế chỉ tác động tới quá trình khu vực hóa. Chẳng hạn, *Công ước luật biển năm 1982* ảnh hưởng rất lớn tới quá trình toàn cầu hóa và quá trình sửa đổi pháp luật của các quốc gia ; hay các *Công ước năm 1966* về quyền con người trong các lĩnh vực chính trị, dân sự, văn hóa, kinh tế, xã hội... Người ta thường nói về sự tác động của pháp luật quốc tế, của quá trình toàn cầu hóa ảnh hưởng tới pháp luật của các quốc gia theo các lĩnh vực quan hệ quốc tế. Trong những điều kiện toàn cầu hóa, các quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp và gián tiếp tới quan hệ kinh tế quốc tế (chẳng hạn các quy phạm pháp luật quốc tế trong lĩnh vực vận tải, ngoại thương, sở hữu trí tuệ...) có vai trò quan trọng ảnh hưởng tới pháp luật các quốc gia. Thí dụ, Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán quốc tế hàng hóa đã làm pháp luật của các quốc gia thành viên xích lại gần nhau theo hướng nhất thể hóa các quy phạm pháp luật điều chỉnh vấn đề mua

bán ngoại thương. Hay tại khu vực Đông - Nam Á, việc thiết lập AFTA trên cơ sở thực hiện Hiệp định CEPT cũng nhằm nhất thể hóa chính sách thuế xuất nhập khẩu hàng hóa trong phạm vi các nước ASEAN. Hiệp định CEPT đã thể hiện rõ mục đích : các thỏa thuận ưu đãi thương mại giữa các quốc gia thành viên ASEAN sẽ có tác dụng kích thích việc củng cố khả năng tự cường kinh tế của từng quốc gia cũng như của ASEAN và sự phát triển nền kinh tế của các quốc gia thành viên thông qua việc mở rộng các cơ hội đầu tư và sản xuất, thương mại và tăng các khoản ngoại tệ thu được ; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của khu vực thông qua tăng cường tự do thương mại hóa và đầu tư trong ASEAN với mục tiêu thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN, sử dụng Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT).

Chắc chắn WTO hiện đang là tổ chức quốc tế thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa mạnh mẽ về quan hệ kinh tế quốc tế, ảnh hưởng rất lớn tới pháp luật của các quốc gia thành viên.

Kể từ năm 1986 khi tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã dần dần xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp, chuyển sang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 chính thức quy định về việc xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. *Nhà nước Việt Nam cũng đang phấn đấu xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, thực hiện chính sách hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực, chính sách sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước vì hòa bình và phát triển bền vững.*

Nghiên cứu về vai trò, vị trí của pháp luật trong quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế - khu vực của Việt Nam là vấn đề có tính phương pháp luận, làm cơ sở của những bước nghiên cứu cụ thể hơn về pháp luật và hợp tác, hội nhập trong những điều kiện toàn cầu hóa hiện nay.

Trong việc làm rõ vai trò và vị trí của pháp luật của nước nhà đối với quá trình hợp tác, hội nhập trong điều kiện toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ hơn bao giờ hết, có một số nội dung hay là hướng tiếp cận nghiên cứu cần chú ý sau đây :

1. Các mức độ tương tác của pháp luật

Nói cách khác, trên thế giới, có những cơ cấu như thế nào của pháp luật? Làm rõ yếu tố đó là rất cần thiết, bởi vì mỗi một loại cơ cấu của pháp luật ngoài phạm vi quốc gia có những mức độ tương tác khác nhau đối với pháp luật quốc gia của chúng ta. Khái niệm "pháp luật ngoài phạm vi quốc gia" bao gồm:

a) *Các hệ luật lớn hay còn gọi là các gia đình luật*, ví dụ hệ thống thông luật (Common law), hệ luật lục địa. Ở đây, cần làm rõ trước hết là những đặc tính lớn được thể hiện qua các học thuyết pháp lý, hoạt động lập pháp, thực tiễn áp dụng pháp luật, cách giải thích pháp luật ; đặc điểm của luật gia và nghề luật.

Khi nói đến hệ luật lớn với những đặc tính như vậy, người ta chú trọng trước hết khu vực ảnh hưởng của những nét đặc trưng cho cả một hệ luật.

b) *Các hệ thống pháp luật của các quốc gia*, bao gồm những đặc điểm của hệ thống pháp luật nói chung cũng như của hệ thống các văn bản pháp luật của từng nước cụ thể.

c) *Các luật lệ, các quy định của các tổ chức liên quốc gia, đa quốc gia, khu vực (ví dụ, của EU, của ASEAN v.v.).*

d) *Các nguyên tắc và các quy phạm của luật quốc tế.*

Khi nghiên cứu về năm mức độ của cái mà chúng ta gọi là "*luật lệ ngoài phạm vi quốc gia*" đó, cần có một nhận thức là tất cả chúng không bao giờ là những khối riêng rẽ, biệt lập. Các luật lệ đó có mối quan hệ qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình phát triển đi lên của thế giới. Hệ thống pháp luật của một nước chịu sự tác động mạnh hay yếu tùy từng lúc, nhưng luôn luôn chịu sự tác động đó. Khi thì sự tác động của một hệ thống luật (tức là khu vực ảnh hưởng) có tính nổi trội, khi thì tính nổi trội đó lại là từ phía các quy định của một cộng đồng, một nhóm quốc gia có liên quan hay là của một nước lớn nào đó. Sự tác động đó cũng diễn ra không đồng đều đối với các bộ phận hợp thành hệ thống luật của một quốc gia. Chẳng hạn, khi thì sự ảnh hưởng liên quan đến các quan điểm pháp lý là chính, nhưng có khi là bản thân pháp luật thực định hoặc là thực tiễn áp dụng pháp luật.

2. Xác định những sự khác biệt

Khi nghiên cứu về vai trò của pháp luật đối với quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế, một việc làm không thể thiếu được là xác định cho được những sự khác biệt trong các hệ thống pháp luật, sau khi đã làm rõ các mức độ tương tác của pháp luật. Nói cách khác, cần tìm cho được những sự khác biệt và làm rõ những sự khác biệt đó nằm ở loại cơ cấu nào của từng hệ thống pháp luật. Đây cũng là vấn đề rất cần thiết, bởi vì khi nhìn nhận một chế định hay một quy định cụ thể của pháp luật một nước nào đó, có khi dễ bị

rơi vào ngộ nhận bởi có thể có sự giống nhau về hình thức, về thuật ngữ, nhưng rất khác nhau về nội dung, hoặc ngược lại, có thể cùng một nội dung đó, nhưng luật lệ của nước này có một khái niệm khác, luật lệ của nước khác lại có tên khác. Trong nhận thức pháp luật cũng vậy, cùng một chế định pháp luật hay hiện tượng pháp luật mà người dân của một nước này có thể hiểu và đánh giá không như người dân của nước khác về ý nghĩa, nội dung cũng như giá trị của nó.

Đáng chú ý nhất là những sự khác biệt về những mặt sau đây :

a) *Những sự khác biệt trong các nguồn của luật.* Thông thường, sự khác biệt đó không có nhiều lắm trong các loại nguồn cơ bản như Hiến pháp và các đạo luật lớn, cho nên, nếu cần làm rõ sự khác nhau trong pháp luật thì phải tìm trong các luật lệ thấp hơn. Các loại nguồn của luật cũng có vị trí thứ bậc không như nhau trong hệ thống luật của mỗi nước. Như chúng ta biết, chẳng hạn, ở các nước châu Âu lục địa vai trò tối thượng ắt hẳn là thuộc về Hiến pháp và luật. Nhưng vai trò đó ở châu Phi là các tục lệ pháp luật ; ở Anh - án lệ ; ở một số nước - các quy định của luật tôn giáo v.v.

b) *Những sự khác biệt về nội dung của các nguyên lý pháp luật, khái niệm, chế định, quy phạm pháp luật.* Chẳng hạn, cách hiểu và thứ tự sắp xếp của các ngành luật và các chế định pháp luật rất không giống nhau ở nhiều nước, và do đó tất nhiên là mức độ phát triển của các ngành hay chế định pháp luật cũng không đồng đều ở mỗi nước.

c) *Những sự khác biệt về phương thức điều chỉnh của pháp luật.* Nói rõ hơn, ở đây cần tìm cho được những "*độ nhấn*", những gam màu khác nhau trong cách điều chỉnh

các quan hệ cùng loại. Chẳng hạn, khi nói đến tổ tụng hình sự, độ nhấn của pháp luật của một số nước được nghiêng về loại tổ tụng quyền lực. Trong khi đó, có một độ nhấn khác, đó là tổ tụng tranh tụng, ở đó tranh tụng đương nhiên là khâu được chú ý nhất và, vì vậy, các chức năng tổ tụng như chức năng buộc tội (công tố), chức năng bào chữa, chức năng xét xử được xác định rất rõ ràng và có mức độ độc lập rõ nét.

d) Những sự khác biệt trong trình độ văn hóa pháp lý và đặc điểm của các truyền thống pháp lý. Có thể nói rằng, sự khác nhau trong pháp luật được tạo nên không chỉ và không thể chỉ vì các "*công nghệ làm luật*" khác nhau mà một phần đáng kể là do cách hiểu và mức độ hiểu biết về pháp luật của người dân, các thang giá trị pháp luật của người dân ở từng nước; phương pháp đào tạo, chương trình đào tạo các chuyên gia pháp luật cũng có ảnh hưởng lớn đến sự khác nhau trong pháp luật.

3. Làm rõ mối liên hệ xã hội - nhà nước - pháp luật

Trong quá trình xác nhận vai trò của pháp luật đối với tiến trình hợp tác và hội nhập, không thể chỉ dừng lại ở pháp luật, vì pháp luật, tự thân nó, tuy có những nét chung và riêng gì đi chăng nữa, thì cũng phải liên quan đến các yếu tố là xã hội và nhà nước. Vì vậy, để hiểu rõ pháp luật, các đặc điểm của pháp luật ở các khu vực, ở các quốc gia, v.v., phải làm rõ những đặc điểm trong mối liên hệ cụ thể giữa pháp luật với nhà nước và xã hội.

Xã hội ở từng nước và trong từng khu vực có những vai trò không như nhau đối với quá trình ra đời, quá trình phát huy hiệu quả của pháp luật. Nói đến xã hội là nói đến các yếu

tố khách quan và chủ quan. Những hiện tượng chính trị, kinh tế, xã hội như các cải cách, các xáo trộn xã hội, tốc độ phát triển nhanh, chậm của kinh tế, các khủng hoảng lớn, nhỏ của quốc tế, khu vực, cơ cấu của quyền lực chính trị và nhà nước, v.v.. đều có khả năng chi phối đến đặc điểm của pháp luật. Nếu muốn hiểu pháp luật của một quốc gia nào đó mà không đi vào tìm hiểu những vấn đề nói trên là điều không thể được. Pháp luật luôn luôn chịu chung "số phận" của xã hội.

Nhà nước có vai trò đặc biệt đối với sự phát triển của pháp luật ở từng nước. Nhà nước và chỉ có nhà nước mới làm ra (hoặc phê chuẩn) các quy tắc pháp lý. Nhà nước đóng vai trò người trọng tài điều hòa lợi ích của các nhóm xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, v.v.. Nhà nước xác lập quy trình làm luật, mục tiêu và thủ tục của hoạt động làm luật. Nhà nước có vai trò bảo vệ pháp luật và bảo đảm cho pháp luật được thực hiện. Nhà nước quyết định các mức độ "đóng" hay "mở" của hệ thống pháp luật nước mình với pháp luật của các nước khác và với pháp luật quốc tế.

Chỉ với những vai trò đó cũng đã thấy rõ một điều là nghiên cứu về vai trò của pháp luật phải được đặt cùng với việc nghiên cứu về đặc điểm của mối tương tác giữa nhà nước và pháp luật trong từng quốc gia không thể chỉ tách pháp luật một cách riêng rẽ ra để nghiên cứu và tìm sự lý giải về đặc điểm và vai trò của nó.

4. Tìm hiểu những xu hướng phát triển của pháp luật

Chúng ta nghiên cứu về vai trò của pháp luật trong phát triển và vì sự phát triển. Do vậy, một điều có ý nghĩa phương pháp luận

quan trọng là phải làm rõ các xu hướng phát triển của pháp luật hiện nay khi nghiên cứu về vai trò và vị trí của pháp luật trong quá trình toàn cầu hóa.

Có thể nêu một số xu hướng sau đây để tiếp tục nghiên cứu và qua đó làm rõ những gì cần thiết trong quá trình hợp tác quốc tế :

- *Xu hướng toàn cầu hóa, quốc tế hóa, khu vực hóa.* Khi xem xét xu hướng này, nhà nghiên cứu sẽ tìm thấy cho mình cách lý giải về sự tương tác giữa các yếu tố luật quốc gia với luật quốc tế, từ quan điểm về chủ quyền quốc gia và hợp tác quốc tế, về vấn đề dân tộc và vấn đề nhân loại ; trách nhiệm của các quốc gia và các tổ chức quốc tế trong việc phối hợp ban hành các quy ước v.v..

- *Xu hướng nội hóa pháp luật*, tức là làm thế nào để đưa các quy định quốc tế, khu vực vào trong hệ thống luật quốc gia như là một cơ cấu nội tại của hệ thống pháp luật đó.

- *Xu hướng nhất thể hóa* những quy định pháp luật trên những mặt cần thiết của một số khu vực trên thế giới.

- *Xu hướng phân hóa pháp luật* trong một quốc gia do ảnh hưởng của quá trình phát triển nhà nước.

Trong quá trình hợp tác và hội nhập, không thể không đụng chạm đến các yếu tố và mức độ thuộc các xu hướng vừa kể trên. Các xu hướng đó xảy ra trong cùng một lúc, trên nhiều vấn đề của pháp luật. Vì vậy, có thể khẳng định một cơ sở phương pháp luận khi nghiên cứu về vai trò của pháp luật trong quá trình hợp tác và hội nhập là : các xu hướng phát triển có nhiều chiều, nhiều mức độ và nhiều màu sắc, quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế của chúng ta không thể chỉ nhấn mạnh và không thể xem nhẹ một xu hướng nào. □

THƠ TỔ HỮU

(Tiếp theo trang 17)

và trước yêu cầu của thời cuộc. Từ cảm xúc yêu thương đến suy nghĩ, Việt Nam là mối quan tâm lớn của nhà thơ trong lúc này :

Việt Nam !

Người là ta mà ta chưa bao giờ hiểu hết

Người là ai mà sức mạnh thần kỳ ?

... Việt Nam ơi

Người là ai ? Mà trở thành nhân loại

Những câu hỏi tu từ chất chứa suy nghĩ và sẽ tìm lời giải đáp trong thực tế. Thơ Tố Hữu mang nặng những suy tư trước những bộn bề lo toan của cuộc sống. Có nỗi đau, nhưng còn đó lòng quyết tâm.

Đã đau rồi, xin chớ để thêm đau

Còn tay đó, thì muôn tay hợp lại

(Ta lại đi)

Và trong khúc xuân hành vẫn chất chiu niềm vui :

Trăm năm xuân của đất trời

Đôi sao được một tiếng cười nhân gian

(Xuân hành 92)

Thơ có thêm chất suy nghĩ và luận bàn nhưng vẫn uyển chuyển, sinh động, tươi vui. Hình thức thơ Tố Hữu đã góp phần đưa thơ trở về gần gũi với bạn đọc và được mọi người yêu thích.

Từ *Từ ấy* đến *Ta với ta*, đường thơ của Tố Hữu đã dài. Trên sáu thập kỷ, lúc nào thơ Tố Hữu cũng hiện diện, đến với nhiều thế hệ như một lời tâm tình, nhắn nhủ nhằm khẳng định và phát triển những giá trị tinh thần cao đẹp của dân tộc và thời đại trong cuộc sống hôm nay. □

PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THỦY NỘI ĐỊA trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

PHẠM THẮNG

kém trong đầu tư xây dựng cơ bản và tạo ra khả năng cạnh tranh cao cho các sản phẩm vận tải đường thủy. Theo tính toán, ở Việt Nam, trong giai đoạn 1995 - 1999, suất đầu tư của đường sông cho 1 tấn/km sản phẩm là

LỊCH sử phát triển ngành vận tải thủy nội địa của thế giới và Việt Nam đã cho thấy, sông nước luôn tạo thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa cũng như những giao lưu khác bằng hệ thống tàu thuyền. Ngày nay, khi các phương tiện vận chuyển bằng đường bộ, đường không, đường sắt... đã phát triển rất mạnh, thậm chí đến mức quá tải, thì ngành vận tải thủy nội địa đang tỏ ra có ưu thế bởi tiềm năng còn lớn và độ an toàn khá cao.

1. Lợi thế và yêu cầu phát triển ngành đường thủy hiện nay

Vận tải thủy nội địa có rất nhiều lợi thế so với các phương tiện vận tải khác. Giá thành vận tải thủy nội địa tương đối thấp do chi phí năng lượng ít, nhỏ hơn đường bộ 4 lần ; nhỏ hơn đường không từ 15 đến 20 lần. Chi phí để thiết lập một tuyến đường thủy nội địa chỉ bằng 25 - 30 % chi phí xây dựng một tuyến giao thông đường bộ với năng lực thông qua tương ứng. Phương tiện vận tải thủy ít tốn kém kim loại hơn phương tiện đường sắt, đường bộ. Vận tải thủy có khả năng vận chuyển siêu lớn về khối lượng, trọng lượng, tổng trọng tải. Đặc biệt là, giao thông thủy không chiếm nhiều diện tích đất, tận dụng các luồng lạch vốn sẵn có của tự nhiên, nên ít tốn

37,5 đồng, đường biển là 22,2 đồng, đường sắt là 128,5 đồng và đường bộ là 2 033 đồng. Do đó, mặc dù vận tải đường sắt, đường bộ được phát triển và ứng dụng khoa học - kỹ thuật mau lẹ nhưng giao thông thủy nội địa vẫn giữ vai trò hết sức quan trọng trong vận tải hàng hóa và hành khách, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi sự phát triển của các phương tiện vận tải khác đang có nhiều vấn đề nảy sinh nan giải.

Ở Việt Nam, đường thủy nội địa là bộ phận không thể tách rời trong hệ thống mạng lưới giao thông của cả nước, luôn phát triển gắn bó với các phương tiện giao thông vận tải khác trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những năm gần đây, đường sông ngày càng được phát triển, nhất là ở các vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và phía Nam. Nhiều tuyến đường sông lớn đã nối liền các khu vực nội địa với các cảng lớn, góp phần tích cực đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa cho sự phát triển của các khu vực, cũng như cho nền kinh tế quốc dân. Theo số liệu của Cục Đường sông, lượng hàng hóa vận tải bằng đường thủy nội địa tăng bình quân hằng năm là 9,4 %, tổng sản lượng vận tải đứng thứ 2 toàn ngành giao thông vận tải sau đường bộ, tăng từ 25,8 triệu tấn (năm 1995) lên

40,7 triệu tấn (năm 2000) và 42 triệu tấn (năm 2001). Trong 10 năm, 1990 - 2000, đầu tư xây dựng cơ bản cho giao thông thủy nội địa chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 2% tổng đầu tư mỗi năm cho giao thông vận tải, song khối lượng hàng hóa và hành khách luân chuyển qua đường sông hằng năm đã chiếm tỷ trọng đáng kể : tỷ trọng hàng hóa luân chuyển thường chiếm từ 8% (năm 1997) đến 13,9% (năm 1990), tỷ trọng trong tổng số hàng hóa luân chuyển nội địa chiếm từ 17,6% - 31,8%. Tuy nhiên, mức độ quan tâm đến phát triển đường thủy nhiều năm chưa đáp ứng được yêu cầu ; đồng thời, chưa có cơ chế phối hợp có hiệu quả giữa đường thủy với các loại hình giao thông khác.

Mục tiêu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là phấn đấu đến năm 2020, Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Theo tiến trình đó, các ngành, các cấp phải không ngừng đổi mới, phát huy nội lực, tận dụng khả năng và cơ hội để tạo ra bước phát triển mạnh mẽ cho mình và cho cả nền kinh tế. Trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã xác định : "Kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và có bước đi trước. Hệ thống giao thông bảo đảm lưu thông an toàn, thông suốt quanh năm và hiện đại hóa một bước. Mạng lưới giao thông nông thôn được mở rộng và nâng cấp..."⁽¹⁾. Giao thông thủy nội địa là một lĩnh vực quan trọng đòi hỏi phải quán triệt sâu sắc và có những giải pháp lớn, đồng bộ để góp phần thực hiện mục tiêu trên. Theo dự báo của Viện Chiến lược Phát triển giao thông vận tải thì nhu cầu vận tải hàng hóa bằng đường sông năm 2005 là 46 triệu tấn hàng hóa, 2010 : 73 triệu tấn và 2020 là trên 155 triệu tấn. Đồng thời, ngành đường thủy còn chủ động tham gia tiến trình

hội nhập quốc tế của Việt Nam. Trong đó, phối hợp với các doanh nghiệp xuất - nhập khẩu, du lịch và các địa phương có đường thủy sang các nước láng giềng để phát triển vận tải đường thủy quốc tế.

Tuy nhiên, đường thủy nội địa cũng đang gặp phải những thách thức rất lớn là cạnh tranh với đường không, đường sắt, đường bộ về khối lượng hàng hóa luân chuyển, tốc độ vận chuyển, tính thuận tiện. Chỉ riêng sự hạn chế về tốc độ của đường thủy đã kém sức hút đối với hành khách. Bên cạnh đó, ngành đường thủy còn chịu ảnh hưởng nhiều vào diễn biến thời tiết (mùa khô, mùa lũ) so với giao thông đường bộ... Trong những năm qua, tốc độ hiện đại hóa các trang thiết bị cũng như bến bãi, luồng lạch chưa ngang tầm, vẫn còn tình trạng tận dụng khai thác mà chưa có đầu tư chiều sâu, tầm nhìn chiến lược còn hạn chế. Điều đó đã dẫn đến tỷ trọng hàng hóa luân chuyển của vận tải thủy nội địa trong tổng số hàng hóa luân chuyển nội địa có chiều hướng giảm dần : 26,8% (năm 1997) ; 21,8% (năm 1998) ; 18% (năm 1999) ; 17,6% (năm 2000).

Rõ ràng, để phát huy lợi thế của mình, để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành đường thủy nội địa phải có sự đổi mới mạnh mẽ hơn, với sự đầu tư lớn, hiện đại cho công nghệ bốc xếp, điều khiển luồng tàu, chất lượng phương tiện... cũng như nâng cao hiệu quả quản lý và không ngừng nâng cao năng lực toàn diện đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức của ngành.

2. Mục tiêu phát triển vận tải thủy nội địa

Theo điều tra sơ bộ của Cục Đường sông, tổng chiều dài các tuyến vận tải thủy có thể

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 161

khai thác ở nước ta là 17 000 km, trong đó gần 9 000 km các phương tiện có trọng tải 100 tấn trở lên có thể đi lại được. Tuy nhiên, để khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng này, trước hết phải có quy hoạch. Mặc dù, bản "Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sông đến năm 2020" đã được xây dựng trên cơ sở nhu cầu thực tế và dự báo về ngành đường thủy nội địa, song trong quá trình triển khai thực hiện cần phải xác định những trọng điểm cũng như xây dựng các kế hoạch với bước đi cụ thể. Đồng thời, có sự điều chỉnh các chính sách phù hợp với thực tiễn giao thông vận tải trong mỗi giai đoạn. Trên cơ sở bản quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt, các khu vực, các vùng và các địa phương cần nhanh chóng hoàn thiện quy hoạch chi tiết để hình thành mạng lưới vận tải đường thủy nội địa với các tuyến trục chính và các tuyến nhánh trải đều trên phạm vi cả nước. Huy động mọi nguồn lực, tranh thủ các dự án đầu tư, khai thác và cải tạo nâng cấp để phủ kín toàn bộ hệ thống các tuyến vận tải chính. Vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng là vốn để thực hiện các dự án này. Theo Quyết định số 16/2000/QĐ-TTg, ngày 3-2-2000, thì vốn để thực hiện các dự án cấp bách giai đoạn đến năm 2005 là 2 239 tỉ đồng và đến năm 2010 là 6 000 tỉ đồng. Nếu thực hiện được các dự án đầu tư đồng bộ, giao thông vận tải đường thủy nội địa đến năm 2010 sẽ nâng sản lượng lên gấp đôi so với năm 2000. Riêng ở miền Bắc, tới năm 2010, lưu lượng hàng hóa thông qua tại một số mặt cắt có thể đạt 16 đến 20 triệu tấn/năm; ở miền Nam, tại nhiều mặt cắt sẽ vượt qua mức 30 - 35 triệu tấn hàng hóa thông qua hàng năm.

Trong những năm tới, cần tập trung phát triển giao thông thủy nội địa ở 2 khu vực chủ yếu: Khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam.

Tăng nhanh chiều dài đường thủy được khai thác, sử dụng trên các tuyến. Hai mạng lưới khu vực bao gồm các tuyến chính và các tuyến nhánh, được kết nối với nhau bằng tuyến vận tải ven biển tới hệ thống các cảng miền Trung, hình thành một mạng lưới vận tải thủy nội địa thống nhất toàn quốc và sẽ là động lực mạnh cho sự phát triển kinh tế đất nước.

Khu vực phía Bắc phải có khả năng nối kết các vùng kinh tế như tam giác Hải Phòng - Hà Nội - Quảng Ninh và tứ giác Hà Nội - Nam Định - Ninh Bình - Thanh Hóa với các khu kinh tế Tây Bắc - Việt Bắc... Các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính cần được đặc biệt quan tâm: tuyến sông Hồng dài 544 km kéo dài từ cửa Lạch Giang đến Lào Cai, vừa đóng vai trò tuyến dọc trung tâm phục vụ phát triển kinh tế vùng cao, vừa nằm trong hành lang vận tải quốc tế Côn Minh - Hải Phòng; tuyến Quảng Ninh - Sơn La dài 488,5 km trước mắt phục vụ xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La, phục vụ trực tiếp và lâu dài cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc; tuyến Quảng Ninh - Ninh Bình dài 278,5 km (rút ngắn 60 km nếu đi ven biển qua Cửa Đáy) phục vụ cho các khu công nghiệp, dân cư Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa và các tỉnh miền Trung; v.v. Với sự phát triển mạnh mẽ của các khu công nghiệp, sự tăng nhanh hàng xuất nhập khẩu, nhu cầu lớn về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xây dựng dân dụng..., trong những năm tới, khối lượng các mặt hàng truyền thống như than đá, cát sỏi, xi-măng, sắt thép, trang thiết bị... sẽ tăng lên đáng kể và làm cho khối lượng vận chuyển bằng đường thủy, đặc biệt trên các tuyến chính, có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn bình thường từ 8 đến 12% hàng năm.

Khu vực phía Nam gồm có các tuyến chính xuất phát từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Hà Tiên (theo hai hướng tuyến qua Đồng Tháp Mười - Tứ giác Long Xuyên và hướng tuyến qua các kênh Lấp Vò - Sa Đéc, Rạch Sỏi - Hậu Giang) ; Thành phố Hồ Chí Minh đi Cà Mau (theo hướng tuyến qua kênh Măng Thít, Xà No và hướng tuyến chạy theo các sông kênh duyên hải ven biển qua Trà Vinh, Đại Ngãi, Bạc Liêu) hợp với bốn tuyến cắt ngang gồm tuyến Rạch Giá - Cà Mau (Châu Đốc), các tuyến sông Hậu, sông Tiền và tuyến sông Đồng Nai kéo dài nối cụm cảng Sài Gòn với cụm Cảng Thị Vải qua Soài Rạp, Vàm Cỏ đi đồng bằng sông Cửu Long. Với đặc điểm địa lý của Nam Bộ, sự nối liền các tuyến chính là một hệ thống sông kênh có mật độ rất dày, có nhiệm vụ thu gom hàng hóa về các tuyến chính. Lưu lượng hàng hóa thông qua tại nhiều mặt cắt ở thời điểm hiện nay đã đạt trên dưới 20 triệu tấn/năm (Trạm quản lý đường sông Sông Tiền : 22 triệu tấn/năm ; Trạm quản lý đường sông Tân Hiệp (kênh Rạch Sỏi - Hậu Giang) : 16 triệu tấn ; Trạm quản lý đường sông Chợ Gạo (kênh Chợ Gạo) : 18 triệu tấn...). Trong một vài năm tới, lưu lượng thông qua tại các mặt cắt này sẽ có những bước tăng trưởng cao, và đặc biệt tăng nhanh trên tuyến sông Đồng Nai, Soài Rạp... phục vụ cho các khu công nghiệp thuộc Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, vận chuyển hàng xuất nhập khẩu cho các cụm cảng Thành phố Hồ Chí Minh, Thị Vải, Cái Mép... đi đồng bằng sông Cửu Long, và ngược lại.

Để thực hiện mục tiêu phát triển, ngành đường thủy đã đầu tư đào mới hàng nghìn ki-lô-mét kênh, hàng nghìn ki-lô-mét sông, cải tạo và nâng cấp nhiều tuyến sông, hồ... Trong đó, tuyến Cửa Đáy - Ninh Bình được nâng cấp giai đoạn 1 đã làm tăng khối lượng

xếp dỡ ở cảng năm 2001 gấp 7 lần so với năm 1997. Đồng thời, triển khai các dự án lớn như : dự án khai thác tuyến vận tải thủy từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Hà Tiên qua Đồng Tháp Mười và tứ giác Long Xuyên, dự án tuyến vận tải thủy sông Hàm Luông, sông Đồng Nai, tuyến vận tải thủy Lạch Giang - Hà Nội, tuyến vận tải thủy sông Thao, tuyến vận tải thủy Hải Phòng - Sơn La... và các dự án nhánh khác. Những hoạt động trên vừa là mục tiêu cụ thể trong việc phát triển các tuyến đường thủy vừa là biện pháp góp phần nâng cao tỷ trọng vận tải thủy trong ngành giao thông. Bên cạnh đó, tiếp tục đẩy mạnh sự phát triển các phương tiện vận tải như : tăng cường các tàu tự hành 50 - 300 tấn, các phương tiện vận tải sông - biển 600 - 1 000 tấn, các đoàn tàu đẩy 1 600 - 2 000 tấn. Riêng năm 2001, đã đóng mới bổ sung hơn 100 000 tấn phương tiện chở hàng và 200 000 ghế hành khách đưa tổng số phương tiện thủy đến tháng 3-2002 đạt trên 75 300 chiếc, 2 400 000 tấn phương tiện và 232 900 ghế hành khách...

3. Một số vấn đề về công tác quản lý trong phát triển vận tải thủy nội địa

Trong quá trình phát triển vận tải đường thủy, có rất nhiều vấn đề đặt ra phải giải quyết theo những cách nhìn khác nhau.

Một là, cơ chế - chính sách luôn là cơ sở cho mọi hoạt động quản lý. Để có thể xử lý có hiệu quả tình trạng hiện nay và lường trước những phát sinh, cần tiếp tục hoàn thiện các định chế hiện có và tiến tới phải có luật đường thủy. Khi điều chỉnh các quy định hiện hành hoặc ban hành chính sách mới cần lưu ý tính đồng bộ, bởi các chính sách có quan hệ chặt chẽ với nhiều ngành và địa phương. Trước mắt, cần hoàn thiện chính sách điều tiết việc cấp phát và cho vay vốn thích hợp giữa ngành

đường thủy với các loại hình giao thông khác ; đồng thời, có chính sách hữu hiệu để khuyến khích các thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế tư nhân tham gia phát triển vận tải thủy và đẩy mạnh phát triển vận tải đa phương thức... nhằm khai thác hết những tiềm năng sẵn có, tăng năng lực vận tải, giảm giá thành vận tải. Một trong những chính sách có vai trò quan trọng là, tăng cường sự hội nhập quốc tế của ngành đường thủy, bao gồm : phát triển tuyến đường thủy đi sang nước bạn (Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia) và tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển đường thủy nội địa (khai thác vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý). Bước đầu chúng ta đang triển khai thực hiện chính sách này, song thời gian tới phải có cơ chế thuận lợi, nhiều biện pháp tích cực để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế hơn nữa.

Hai là, đẩy nhanh việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ tiên tiến ngang tầm với xu thế chung, hiện đại hóa trang thiết bị và tổ chức quản lý một cách khoa học bảo đảm hiệu quả phát triển cao. Nâng cao năng lực hoạt động cảng vụ thông qua việc : có "biểu đồ vận hành" cho chạy tàu ; xây dựng "quy trình tác nghiệp thống nhất" giữa tàu và cảng ; "cơ giới hóa kinh tế" tại các cảng lớn. Nâng cao hiệu quả trong quản lý phương tiện như : xây dựng "các đội hình chạy tàu kinh tế", tổ chức "đoàn tàu vận tải chuyên dụng". Gắn bó chặt chẽ với các địa phương, mở rộng nhiều hình thức cùng tham gia trách nhiệm của chính quyền, của toàn xã hội trong việc quản lý và bảo vệ các tuyến vận tải an toàn và hiệu quả. Quản lý tuyến đường thông qua việc đầu tư kỹ thuật đèn hiệu, theo dõi sự bồi lắng dòng sông... để đảm bảo đi lại an toàn cho các phương tiện vận tải thủy.

Trong quá trình quản lý phải vừa chú ý về những yếu tố kỹ thuật vừa quan tâm đến cơ

chế quản lý, như : nắm vững diễn biến các bờ sông, tình trạng lấn chiếm bờ kênh và ven hồ, kể cả việc khai thác cát ven sông để có biện pháp xử lý kịp thời, hiệu quả.

Ba là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp và cán bộ điều hành nghiệp vụ bằng tiêu chí cụ thể, có hiệu quả. Do đó, điều quan trọng là, ngành đường thủy phải phấn đấu xây dựng đội ngũ cán bộ có khả năng quản lý, điều hành tốt. Điều cần nhấn mạnh là, đội ngũ này vừa được bổ sung mới vừa phải bồi dưỡng từ nguồn nhân lực hiện có trong tổng thể chương trình đào tạo mới và bồi dưỡng nhân lực của ngành đường thủy. Để góp phần cho việc cung cấp nhân lực quản lý ngành đường thủy có trình độ chuyên sâu, nên khôi phục lại chương trình đào tạo "kỹ sư kinh tế - khai thác vận tải thủy nội địa".

Những vấn đề nêu trên có quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm thực hiện có hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về ngành đường thủy. Vì thế, yêu cầu lớn đặt ra bắt đầu từ việc không ngừng nâng cao năng lực hoạt động của Cục Đường sông Việt Nam - cơ quan đại diện cho vai trò quản lý nhà nước về ngành đường thủy. Để đạt được yêu cầu này, ngành đường thủy vừa phải tự đổi mới hoạt động vừa tăng cường phối hợp chặt chẽ với các ngành giao thông khác như đường biển, đường sắt, đường bộ ; đồng thời, kết hợp vận tải thủy nội địa với phát triển thủy lợi, khai thác thủy sản, phát triển thủy điện, du lịch và bảo vệ môi trường.

Phát triển vận tải đường thủy có ý nghĩa to lớn, không chỉ góp phần nâng cao vị thế của ngành giao thông vận tải, mà còn có tác dụng tích cực đối với sự phát triển của công nghiệp, nông nghiệp, du lịch và toàn xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. □

Đang có chăng một "TOÀN CẦU HÓA CHO MỌI NGƯỜI" ?

PHẠM VĂN CHÚC

TỪ vài thập niên nay "Toàn cầu hóa" (TCH) dần dần trở thành một chủ đề quan trọng đặc biệt, thu hút sự quan tâm to lớn, thường xuyên và ngày càng tăng của chính giới cũng như của giới học thuật ở hầu hết các nước trên thế giới. Hiện chủ đề này đang được tập trung đi sâu mổ xẻ, phân tích, bàn thảo khá sôi động, rộng rãi. Và chắc chắn nó sẽ còn được tiếp tục chú ý với mức độ không kém hơn trong nhiều năm nữa cả ở từng nước cũng như trên trường quốc tế, tại cả các diễn đàn chính thức công khai lẫn các "bàn tròn" hạn hẹp chuyên sâu.

Cho đến nay, TCH được tiếp cận trên nhiều góc độ : nghiên cứu kiến giải lý luận, hay tổ chức quản lý thực tiễn ; đúc rút kinh nghiệm và quyết sách ứng dụng trực tiếp, hay tìm kiếm tri thức và quy luật học thuật ; khảo sát vấn đề thông qua lịch trình sự kiện thực tế hay nắm bắt bản chất của nó nhờ hệ thống khái niệm, quy luật chuyên môn... Song qua rất nhiều cuộc trao đổi, tranh luận không giản đơn, dễ dàng, thì có lẽ cũng mới chỉ có một số điều khẳng định chung, ít nhiều nhất quán, được rút ra như : TCH đang

diễn ra hiện nay là một quá trình hết sức rộng lớn, phức tạp. Nó có tầm quan trọng vừa thời sự cấp nhật, vừa cơ bản lâu dài. Về biểu hiện trực tiếp trong thực tế, quá trình này bao gồm một số nội dung chính như : tự do hóa thương mại ; hạ thấp mức thuế, hay gỡ bỏ hẳn hàng rào thuế quan ; hạn chế bảo hộ giá cả ; cào bằng mọi thể thức, luật lệ quan hệ song phương và đa phương ; mở cửa mọi lĩnh vực sản xuất và trao đổi một cách "đồng loạt" và "ngay lập tức" (không kể một số ngoại lệ hiếm hoi) Tất nhiên ở đây, một mặt cũng khó có thể có ngay được nhận thức hoàn toàn đầy đủ, chính xác và thuyết phục về TCH. Nhưng mặt khác, cho dù như vậy thì việc phân tích, đánh giá và kiểm chứng một số luận điểm nhất định về những nội dung cơ bản của TCH vẫn luôn có ý nghĩa thiết thực.

Chẳng hạn có một số ý kiến cho rằng : nguyên nhân, động lực chủ yếu của TCH là sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại ; khi được áp dụng vào đời sống, những thành tựu to lớn của cuộc cách mạng này đã làm cho lực lượng sản xuất phát triển vượt bậc, tính xã hội hóa của hoạt động sản xuất tăng lên, sự phân công lao động trở nên sâu sắc ; việc liên kết sản xuất và trao đổi giữa các ngành, các vùng được đẩy mạnh ; những mối quan hệ tác động qua lại tùy thuộc lẫn nhau trong nền kinh tế được mở rộng và dần dần vượt ra ngoài phạm vi từng nước, hay từng khu vực... Và thế là từ đây, quá trình TCH bắt đầu. Theo cách tiếp cận ấy, khi xét trong nguồn gốc và bản chất của TCH, thì ngay từ

đầu cũng như trong sự tiến triển thường xuyên kể theo, đây là một quá trình khách quan. Tức là, TCH không phải do riêng một chủ thể nào đó (cá nhân, tập đoàn, giai tầng, phong trào, đảng phái, chính phủ, nhà nước) khởi xướng, duy trì, thúc đẩy, áp đặt mà là xu hướng tiến triển nội tại, tự thân của mọi hệ thống kinh tế và ở mọi quốc gia, dân tộc. Nó là quá trình trước hết và chủ yếu thuộc về lĩnh vực kinh tế và sản xuất vật chất, tức là cơ sở nền tảng của toàn bộ đời sống xã hội. Cho nên không phải nó bị chi phối, quy định bởi các nhân tố chủ quan hay các lĩnh vực nào đấy khác, mà điều ngược lại mới là hợp lý. Nói cách khác, những ý kiến này đã tập trung xác lập và khẳng định một quan niệm về TCH chủ yếu như là hệ quả và biểu hiện của sự bùng phát, lan tỏa khách quan, tự nhiên của lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật đơn thuần, thoát ly khỏi lĩnh vực kinh tế - xã hội và mọi sự điều tiết chính trị - xã hội. TCH một khi được hiểu như vậy trở nên vừa mang giá trị tích cực phổ biến lớn lao, vừa có quyền lực toàn năng tối thượng của một thứ "tất yếu thép" về lợi ích kinh tế mà toàn xã hội và mọi quốc gia dân tộc chỉ có thể tuân thủ, chấp nhận, chứ không thể lựa chọn, hạn chế hay ngăn chặn.

Bên cạnh đó, một số ý khác tuy không chủ trương "kinh tế hóa", "khách quan hóa" tuyệt đối TCH, nhưng lại nhấn mạnh rằng : sở dĩ TCH hiện nay mang tính chất tư bản chủ nghĩa (TBCN) chính là vì, sau khi đã triển khai từ khởi nguồn "vô tính" hay "trung tính" vốn có ban đầu của mình thì nó mới bị chủ nghĩa tư bản (CNTB) lợi dụng, thao túng, rồi bị "tư bản hóa". Và cũng chỉ tới nay, trong diện mạo thực tế hiện có của nó, TCH TBCN này mới bao hàm cả các nội

dung chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội như là những nhân tố thứ phát, phái sinh được tạo nên và phải chịu ảnh hưởng quyết định của yếu tố kinh tế nguyên phát, gốc rễ.

Phải chăng những ý kiến trên đây đã quán triệt phương pháp phân tích khoa học và duy vật - biện chứng Mác - Lê-nin về xã hội, lịch sử ? Phải chăng đã là đúng đắn và đầy đủ khi chúng đi tìm nguồn gốc của TCH trong lĩnh vực kinh tế, và hơn nữa còn "truy nguyên" động lực của quá trình này đến tận các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại ?

Trước hết, thật ra trong đời sống xã hội hiện thực và trong quá trình lịch sử không hề có một nền kinh tế (dân tộc, quốc tế) và một sự phát triển kinh tế chung chung, trừu tượng, hoàn toàn vắng bóng con người với tư cách là chủ thể xã hội và nhân tố chủ quan. Lĩnh vực kinh tế không thể chỉ được xem xét đơn thuần về cơ sở vật chất - kỹ thuật giàu mạnh hay nghèo yếu, đội ngũ lao động đông đảo lành nghề hay ít ỏi yếu kém, trình độ khoa học - công nghệ hiện đại hay lạc hậu... Trái lại, cả về phương diện giá trị sản phẩm lẫn về trạng thái hoạt động, lĩnh vực đó luôn đồng thời có hai mặt vật chất - kỹ thuật và vật chất - xã hội. Nội dung, đặc điểm, tính chất của kinh tế bao hàm và biểu hiện không chỉ ở nền tảng khoa học - công nghệ, ở quy mô và trình độ của lực lượng sản xuất, mà còn ở mục tiêu, động lực và định hướng của lao động, ở hình thái sở hữu và phương thức quản lý, ở cơ chế hình thành lợi ích và ở cơ cấu phân chia sản phẩm, tức là ở các quan hệ sản xuất giữa những người tham gia quá trình sản xuất xã hội.

Theo ý nghĩa đó, trong tất cả các xã hội văn minh từ sau thời đại Công xã nguyên

thủy đến nay (không kể các xã hội xã hội chủ nghĩa đã và đang tồn tại 85 năm qua từ Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917) đều không thể có được một nền kinh tế và một sự phát triển kinh tế thực sự là "phúc lợi chung" phục vụ cho toàn xã hội, hay là thực sự thuộc về tất cả mọi người và vì tất cả mọi người, thực sự công bằng và bình đẳng. Nền kinh tế với các quan hệ sản xuất xã hội như vậy chỉ tồn tại tự phát trong quá khứ xa xưa của con người ; và nó sẽ lại xuất hiện trong xã hội tương lai, khi con người tạo ra được một lực lượng sản xuất, một cơ sở vật chất - kỹ thuật vô cùng to lớn, hiện đại và bản thân họ cũng có những nỗ lực chủ động, tự giác lớn lao tương xứng với điều kiện đó mà thôi. Từ khi xuất hiện sự phân chia xã hội thành các giai cấp đối kháng nhau cho đến nay, không hề có một nền kinh tế, một quá trình hoạt động kinh tế thuần túy, tức là không liên hệ gì với kiến trúc thượng tầng chính trị. Còn chính trị cũng không bao giờ tách rời khỏi kinh tế. Trái lại, nó luôn biểu hiện chính bản chất xã hội - giai cấp của kinh tế, đóng vai trò bảo đảm trực tiếp duy trì, vận hành và thực hiện những quan hệ, lợi ích, cân đối và ưu tiên kinh tế nhất định của một phương thức sản xuất, một hình thái kinh tế - xã hội nhất định tương ứng.

Như vậy, nhìn từ tính quy luật chung của mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị, quá trình TCH hiện nay - một hiện tượng có nội dung kinh tế vĩ mô, trải rộng trong không gian và kéo dài trong thời gian của xã hội loài người - tất yếu vừa có nguyên nhân kinh tế, vừa có nguyên nhân chính trị. Bản thân quá trình này tất yếu vừa là quá trình kinh tế

vừa là quá trình chính trị. Và đến lượt mình, nó cũng tất yếu đưa lại cả hệ quả kinh tế, lẫn hệ quả chính trị. Ở đây, điều ngược lại là không thể có.

Tiếp theo, khi xét khái quát trong đời sống xã hội thực tiễn thì cả việc sáng tạo lẫn sự vận dụng các tri thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ và quản lý với tính cách là lực lượng sản xuất trực tiếp đều không hề thoát ly hẳn khỏi những quan hệ xã hội, quan hệ sản xuất, quan hệ giai cấp và quan hệ chính trị nhất định. Do thế, những thành quả khoa học - công nghệ hiện đại hoàn toàn không phải là một thứ tài nguyên trí thức, trí tuệ công cộng tự sinh sôi, sẵn sàng mở rộng để được tự do khai thác với xác suất cơ may ngang bằng cho mọi cá nhân, tập đoàn, giai tầng, quốc gia, dân tộc. Hơn nữa, vấn đề không phải chỉ là "ai sở hữu trí tuệ", mà đúng hơn là "ai có được đủ điều kiện vật chất - kỹ thuật để vận dụng và hiện thực hóa nguồn trí tuệ này". Thực tế chỉ rõ, ngoài hệ quy luật phát triển nội tại độc lập tương đối (mà nói chung chỉ đóng vai trò thứ yếu), thì ngay từ đầu cũng như càng về sau cuộc cách mạng khoa học - công nghệ ngày càng được định hướng, điều tiết (cả thúc đẩy lẫn kìm hãm) và điều phối (giữa các ngành sản xuất khác nhau, giữa vùng "trung tâm" là các nước phương Tây với vùng "ngoại vi" là các nước đang và chậm phát triển, cũng như giữa các nước trong cùng một vùng với nhau) một cách chặt chẽ, trực tiếp, nhanh mạnh bởi các nhân tố kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội.

Ngoài ra, liên quan với điều trên, các lĩnh vực kinh tế và khoa học - công nghệ đều bao hàm không chỉ những nhân tố khách quan

mà cả những nhân tố chủ quan. Đó là các định hướng chính trị - xã hội hoàn toàn chủ động, rõ ràng. Tất nhiên, các "định hướng" này không phải là ý chí, ý muốn ngẫu nhiên tùy tiện. Trái lại, bản thân chúng cũng bị quy định và đồng thời phản ánh chính hệ thống quy luật hiện thực khách quan của phương thức sản xuất và hình thái kinh tế - xã hội nhất định mà trong đó những quá trình phát triển kinh tế và khoa học - công nghệ diễn ra. Hệ thống quy luật ấy lại được nhận thức và vận dụng bởi chủ thể chính trị chính thống của chế độ xã hội tương ứng. Bởi thế, sự vận động và tăng trưởng của kinh tế, khoa học - công nghệ không phải là một quá trình vận năng, phi lịch sử. Trong thực tế, chúng không hề đi ra ngoài hay vượt cao hơn "quỹ đạo" mà một hệ thống xã hội nhất định đã ấn định và chi phối.

Cho nên, dù là sự phát triển kinh tế và khoa học - công nghệ có đang thực sự diễn ra đồng đều, phổ biến và đầy hiệu lực ở khắp mọi nơi trên thế giới, thì riêng điều đó vẫn chưa phải là nguyên nhân sâu xa cuối cùng, cũng không phải là nguyên nhân trực tiếp đầu tiên, hay toàn bộ các nguyên nhân của tiến trình TCH. Trong thế giới ngày nay, các nhân tố mới như cách mạng khoa học - công nghệ, "văn minh tin học", "kinh tế tri thức" đều đang thực sự có tác động không nhỏ đến mọi mặt của đời sống. Tuy vậy tình hình thực tế vẫn cho thấy, ảnh hưởng đó chưa đủ và chưa phải là nhân tố quyết định trực tiếp làm cho nền kinh tế mỗi nước cũng như nền kinh tế thế giới trở nên "toàn cầu hóa" theo nghĩa là "kỹ trị hóa", "nhân loại hóa", "phi chính trị hóa", "phi giai cấp hóa" ở mọi lĩnh vực, phạm vi, cấp độ một cách rộng rãi. Xét

về mặt nào đấy, thì sự phát triển kinh tế và khoa học - công nghệ ấy lại chỉ là điều kiện và phương tiện thực hiện TCH, thậm chí có khi một phần còn là nội dung và kết quả của quá trình này. Đúng hơn, giữa hai quá trình đó (phát triển kinh tế, khoa học - công nghệ và TCH) có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Nhưng ở đây, vấn đề quan trọng hơn cần được nhấn mạnh là : cả sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ khoa học - công nghệ lẫn việc hình thành và mở rộng TCH đều diễn ra không phải trong môi trường "chân không xã hội", mà là trong khuôn khổ của một phương thức sản xuất, một hình thái kinh tế - xã hội lịch sử cụ thể hoàn toàn xác định. Do đó, ngay từ đầu chúng đã thấm đẫm bản chất của phương thức sản xuất và hình thái kinh tế - xã hội này. Đồng thời chúng cũng luôn được triển khai theo một "lộ trình" mà bản chất ấy quy định thường xuyên, trực tiếp và nghiêm ngặt.

Cuối cùng, bên cạnh những biểu hiện và mối liên hệ trực tiếp, những nội dung và điều kiện thực tế về phát triển kinh tế và khoa học - công nghệ, thì bản chất và nguồn gốc cũng như nguyên nhân và động lực đích thực của TCH cần được nắm bắt trong sự vận động và phát triển lịch sử hiện thực, trong sự diễn biến của các mâu thuẫn nội tại vốn có, cũng như trong việc giải quyết những nhu cầu, lợi ích sống còn của chế độ xã hội và hệ thống chính trị, của hình thái kinh tế - xã hội và phương thức sản xuất. Chính vì thế, không phải là ngẫu nhiên và hoàn toàn phi lý khi có khá nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài cố gắng tiếp cận xem xét TCH một cách toàn diện, sâu sắc hơn. Và họ đã cho rằng : so với hồi cuối thế kỷ XIX - đầu thế

kỷ XX, thế giới ngày nay nhìn chung lại tỏ ra còn "không toàn cầu hóa bằng" về mọi mặt (kể cả mặt kinh tế), mặc dù đã và đang được trực tiếp nhận sự tác động mạnh mẽ của cả hai cao trào cách mạng khoa học - kỹ thuật (từ cuối những năm 50) và cách mạng khoa học - công nghệ (từ đầu những năm 80). Chẳng hạn, theo các tác giả này, buôn bán thế giới trong 40 năm trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất phát triển nhanh hơn so với 40 năm qua ; đầu tư trực tiếp của nước ngoài so với tổng sản lượng thế giới vào năm 1913 đạt tỷ lệ cũng không kém năm 1990. Khi ấy, chính giới ở nhiều nước cũng đã rất nhiệt tình bàn thảo về xu thế kinh tế các nước ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, về quá trình hòa nhập buôn bán, tài chính thế giới... Thậm chí, một số nhà nghiên cứu còn khẳng định : chỉ riêng ở thế kỷ này hoặc kể cả trong 5 thế kỷ tồn tại của CNTB, trên thế giới đã diễn ra tới 3 - 4 đợt TCH. Và nếu xét trong cả quá trình lịch sử nhiều ngàn năm từ thời cổ đại đến nay, thì nhân loại cũng đã nhiều lần biết đến tình hình trên khắp đại lục Á - Âu chỉ tồn tại một đế chế duy nhất, tức là trạng thái "toàn cầu hóa" thực sự không chỉ về kinh tế mà còn về các lĩnh vực chính trị, quân sự, xã hội, văn hóa, tôn giáo...(1).

Tóm lại, TCH ngày nay trước hết và chủ yếu là TCH *tư bản chủ nghĩa*. Nó không hề là cơ may ngẫu nhiên vô định của toàn nhân loại mà chính là sản phẩm nội sinh có vai trò sứ mạng hoàn toàn xác định của CNTB hiện đại, đáp ứng yêu cầu khắc phục mâu thuẫn bên trong, giải quyết khủng hoảng để tự bảo tồn và tiếp tục tiến triển của chế độ xã hội này. Thực ra, đây không phải là điều quá mới mẻ, mà chẳng qua nó chỉ bị đơn giản

hóa và ngộ nhận bởi một số người này, hay bị cố tình xóa nhòa và che giấu bởi một số người khác.

Ở đây, một mặt rất cần nhắc lại một cách đầy đủ và chính xác rằng : từ giữa thế kỷ trước, khi đề cập tới các hệ quả xã hội trong nước cũng như quốc tế mà sự phát triển của nền sản xuất đại công nghiệp gây ra, chính C. Mác đã luôn nhấn mạnh đến một quá trình quốc tế hóa do *giai cấp tư sản* thực hiện, tức là quốc tế hóa *tư bản chủ nghĩa* chứ không phải là một quá trình quốc tế hóa với sự mở mang và phát triển kinh tế đơn thuần, trù tượng, chung chung (2). Đồng thời, mặt khác cũng có thể ghi nhận để tham khảo thêm là, ngay chính không ít các học giả phương Tây ngày nay lại quả quyết rằng, TCH là "quá trình được hình thành một cách có quy chế và được điều khiển một cách có ý thức", rằng quá trình này ngay từ đầu đã bị chi phối bởi các quốc gia bá quyền cùng các công ty xuyên quốc gia của chúng, rằng hiện tại nó đang chứa đựng rất nhiều điều hạn chế và tiêu cực, rằng do đó TCH ở đầu thế kỷ XXI này nhất định cần phải được điều chỉnh, quản lý để trở nên tích cực và công bằng hơn... (3). □

(1) "*Kinh tế quốc tế*" (Bản tin tham khảo của Thông tấn xã Việt Nam) ngày 25-10-1998, tr 1 - 6 ; "*Kinh tế quốc tế*" (Bản tin tham khảo của Thông tấn xã Việt Nam) ngày 16-1-2000 ; Z. Brê-din-xki : "*Bàn cờ lớn*" (Tài liệu tham khảo nội bộ), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 18-28 ; G. Xô-rôt : "*Khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản toàn cầu*" (*Xã hội mở bị hiểm nguy*), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999, tr 265 - 267

(2) Xem : C. Mác - Ph.Ăng-ghe-n : *Tuyển tập, bộ 6 tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980 t I, tr 544 - 546

(3) Theo : "*Sự tiến hóa của các quan điểm Toàn cầu hóa ở phương Tây*", MEIMO, số 1-2002, tr 2 (tiếng Nga) ; Giô-dép Xti-glít : "*Toàn cầu hóa và những mặt trái*", *Văn nghệ trẻ*, số 41, ngày 13-10-2002, tr 11



THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHƠ ME Ở NAM BỘ

BÙI CHÍ KIẾN *

VIỆT Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo ; trong đó đồng bào dân tộc Khơ Me theo Phật giáo Tiểu thừa ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long gần 1,1 triệu người, tập trung ở 10 tỉnh : Sóc Trăng, Tây Ninh, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Bình Phước. Nhiều nhất là ở các tỉnh : Tây Ninh với 290 782 người (chiếm 30,11% dân số toàn tỉnh) ; Sóc Trăng với 343 925 người (chiếm 28,78% dân số toàn tỉnh), Kiên Giang với 194 711 người (chiếm 13% dân số toàn tỉnh) và một bộ phận khác sống rải rác ở vùng Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng bào Khơ Me sống xen kẽ với người Kinh, người Hoa và đã có mặt từ lâu đời ở các tỉnh đồng bằng Nam Bộ. Cộng đồng người Khơ Me đã sớm có chữ viết, ngôn ngữ khá hoàn chỉnh ; có nền văn hóa đặc sắc và đa dạng ; cùng với tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục v.v.. rất đặc thù.

Phật giáo Tiểu thừa Nam tông là tôn giáo chính thống từ lâu đời, gắn liền với thiết chế chùa chiền ; trở thành yếu tố chi phối mạnh

mọi sinh hoạt vật chất, tinh thần, nhất là đời sống tâm linh của cộng đồng người Khơ Me. Chùa vừa là nơi thờ tự tổ tiên, vừa là trung tâm văn hóa của cộng đồng. Đây là nơi diễn ra các lễ hội ; học văn hóa, học kinh sách Pa Ly, nhất là các hoạt động hiếu, hỷ... Các tỉnh Nam Bộ hiện có 450 chùa Khơ Me với trên 10 000 sư, sãi. Mạng lưới chùa trải đều khắp từ các xã đến các ấp, phum, sóc ; có nơi khá đông như xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh có 4 ấp, có 4 chùa với 114 sư, sãi.

Trước ngày miền Nam giải phóng, sản xuất và đời sống của đồng bào Khơ Me ở các tỉnh Nam Bộ rất khó khăn. Nguồn sống của đồng bào chủ yếu dựa vào độc canh, mỗi năm 1 vụ lúa nước trong mùa mưa ; năng suất bình quân chỉ đạt 2,5 tấn/ha. Đa số đồng bào Khơ Me thường cư trú ở các phum, sóc các vùng sâu, vùng xa nên việc đi lại, lưu thông hàng hóa ; giao tiếp, học hành... đều rất hạn chế. Trong chế độ cũ, thanh niên đến tuổi đều phải đi lính, một

* TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

bộ phận đã trốn lính bằng cách vào chùa tu hành. Tuyệt đại đa số dân cư không biết chữ. Số hộ nghèo đói chiếm 50%, đa phần đồng bào thiếu ăn từ 3 tháng tới nửa năm, không ít nơi bị thiếu đói triền miên. Cũng do thiếu đói và dịch bệnh, nạn suy dinh dưỡng ở phụ nữ, trẻ em có lúc lên tới 80%.

Đồng bào Khơ Me vốn có truyền thống yêu nước, kiên cường trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược ; can củ trong lao động sản xuất. Từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam, tinh thần đó càng được phát huy cao độ. Đồng bào đã cùng với các dân tộc anh em khác có những cống hiến, đóng góp to lớn và xứng đáng vào cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trước đây, cũng như trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay.

Những năm đầu sau khi đất nước được thống nhất, do cơ chế quản lý hành chính, quan liêu bao cấp, cùng với những diễn biến phức tạp của thiên tai... sản xuất và đời sống của đồng bào vẫn rất khó khăn, chật vật. Vào những năm 1977 - 1978, chiến tranh biên giới Tây Nam diễn ra ác liệt. Ở các tỉnh có chung biên giới với Cam-pu-chia như Kiên Giang, An Giang, Tây Ninh... tình trạng người vượt biên trái phép sang Cam-pu-chia, trong đó có một bộ phận đồng bào Khơ Me Nam Bộ diễn ra rất phức tạp. Từ khi thực hiện Chỉ thị 100/CT-TW ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư Trung ương về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp, tình hình sản xuất, đời sống đồng bào Khơ Me đã từng bước được cải thiện. Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhất là thực hiện Chỉ thị 68/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương (khóa VI) "Về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ Me",

các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở các tỉnh Nam Bộ đã triển khai thực hiện và đạt được những thành tựu cơ bản trên tất cả các lĩnh vực.

Về kinh tế : Các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước với lãi suất thấp đã thiết thực hỗ trợ các vùng dân tộc đặc biệt khó khăn. Nhờ các dự án dân dân, giải quyết việc làm ; tách hộ, sắp xếp lại nơi ăn ở ; giúp đồng bào chuộc lại đất, gắn lao động với đất đai, v.v.. đồng bào đã từng bước xóa đói, giảm được nghèo. Cùng với việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, Nhà nước luôn chú trọng việc khôi phục và mở rộng các ngành nghề truyền thống. Nhờ đó, việc làm được mở ra, đời sống của đồng bào ngày càng ổn định. Một số hợp tác xã nông nghiệp trong vùng đồng bào Khơ Me đã được hình thành và phát huy tác dụng. Xã Hàm Giang (Trà Vinh) có hợp tác xã dệt chiếu cói thu hút trên 200 xã viên, đạt mức thu nhập từ 500 000 đ đến 600 000 đ/hộ/tháng. Ở một số xã thuộc huyện Vĩnh Châu (Sóc Trăng) ; Gò Quao, Tân Hiệp (Kiên Giang) ; Hàm Giang, Hòa An (Trà Vinh),... đồng bào đã xây dựng được các mô hình kinh tế có hiệu quả ; nhiều xã đạt thu nhập bình quân 2 triệu đồng/người/năm, cá biệt có nơi đạt 3 triệu đồng/người/năm. Nhờ vậy ngày càng có nhiều hộ Khơ Me xây được nhà cửa khang trang, mua sắm được máy móc phục vụ sản xuất và các tiện nghi sinh hoạt đất tiền. Những năm gần đây, nhờ có thủy lợi, tình trạng độc canh cây lúa đã được thay bằng thâm canh tăng vụ ; một số vùng đã chuyển từ trồng lúa sang trồng rau màu, đậu đỗ ; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm ; một số hộ đã biết nuôi tôm xuất khẩu.

Về giáo dục đào tạo : Hệ thống giáo dục trong vùng đồng bào dân tộc Khơ Me đã có bước phát triển mới trong tất cả các cấp học. Năm học 2000 - 2001, số học sinh là người Khơ Me ở các tỉnh Nam Bộ tăng 20 491 em so với năm học 1998 - 1999. Các tỉnh có đồng bào Khơ Me sinh sống đều đã có trường dân tộc nội trú đến cấp huyện hoặc liên huyện. Đội ngũ giáo viên người Khơ Me ở các tỉnh đã lên tới 5 000 người. Các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang đã tổ chức 445 lớp dạy song ngữ (chữ phổ thông và chữ Khơ Me) cho gần 16 000 học sinh là con em đồng bào. Các chùa Khơ Me đều tổ chức dạy chữ Khơ Me, riêng tỉnh Sóc Trăng có 1 trường trung học bổ túc văn hóa dạy chữ Khơ Me. Những năm 1998-1999, các tỉnh Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Kiên Giang đã đạt tiêu chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Ở 4 tỉnh trên và hai tỉnh Bạc Liêu, Tây Ninh, trẻ em đúng tuổi vào các cấp tiểu học và trung học cơ sở đều đạt tỷ lệ trên 90%. Nhìn chung, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập đều được các tỉnh đầu tư nâng cấp, trang bị và xây dựng mới. Ở các trường dân tộc nội trú, con em đồng bào Khơ Me được Nhà nước trợ cấp bình quân mỗi em trên 100 000 đồng/tháng. Học sinh Khơ Me học tại các trường trung cấp, cao đẳng và đại học đều được các tỉnh trợ cấp tiền ăn học hằng năm.

Về y tế : Đến nay, 100% số xã, thị trấn, ở các tỉnh có đồng bào Khơ Me sinh sống đều có trạm y tế, phòng khám hoặc trung tâm y tế khu vực. Một số xã có bác sĩ, đại đa số xã đều có y sĩ và nữ hộ sinh. Ngành y tế các tỉnh đều cố gắng thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho

nhân dân, đã ngăn chặn và giảm đáng kể các loại dịch bệnh như sốt xuất huyết, thương hàn, sốt rét... Các tỉnh đều chấp hành tốt chính sách miễn giảm viện phí ở các bệnh viện cho đồng bào dân tộc Khơ Me nghèo và các sư sãi.

Về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc trẻ em, phụ nữ : Hầu hết ở các tỉnh, đều có chuyển biến tốt. Đến nay, tỷ lệ sinh ở tỉnh Sóc Trăng chỉ còn 1,6%, Kiên Giang là 1,73%, Trà Vinh là 1,85%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em của các tỉnh đều đã giảm xuống đáng kể, trong đó tỉnh Sóc Trăng chỉ còn 30,8%, Kiên Giang còn 31,4%, Trà Vinh còn 34,02%...

Về thực hiện các chính sách xã hội : Các tỉnh đều chú trọng tạo quỹ từ nhiều nguồn khác nhau, mỗi năm mỗi tỉnh huy động được hàng tỉ đồng để xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho các hộ khó khăn; riêng quỹ "đền ơn đáp nghĩa" đã bảo trợ, chăm sóc toàn bộ các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, trong đó có các mẹ người Khơ Me.

Về hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin đại chúng : Các tỉnh có đồng bào Khơ Me đều tổ chức được các đoàn nghệ thuật chuyên và không chuyên phục vụ nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân. Nổi bật là các đoàn Nghệ thuật Ánh Bình Minh (tỉnh Trà Vinh), đoàn Dù Kê (tỉnh Sóc Trăng) hoạt động có chất lượng tốt. Vào các dịp lễ, tết, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao đều được chỉ đạo tổ chức rất sinh động, góp phần nâng mức hưởng thụ văn hóa cho đồng bào. Các di tích lịch sử văn hóa trong các vùng Khơ Me đều được các tỉnh quan tâm xây dựng, duy tu, bảo vệ. Hoạt động của các nhà bảo tàng, nhà truyền thống, nhà tưởng niệm các sư sãi quá cố, các chùa

chiến... được duy trì, góp phần quan trọng trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời phục vụ nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, giải trí, tham quan du lịch cho mọi tầng lớp nhân dân. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở cơ sở" ; xây dựng và thực hiện quy ước về lễ hội của đồng bào Khơ Me theo tinh thần văn minh, tiết kiệm, lành mạnh được các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể tạo mọi điều kiện thực hiện và đạt kết quả cao. Phần lớn các chùa Khơ Me ở Nam Bộ đã trở thành nơi phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; phổ biến các kiến thức pháp luật, khoa học - kỹ thuật ; kinh nghiệm sản xuất cho đồng bào Khơ Me. Sư sãi ở chùa luôn phát huy vai trò, và vị trí của mình, nhiều nhà sư đã tham gia rất tích cực công tác xã hội. Đài Tiếng nói Việt Nam II, đài Truyền hình Cần Thơ, đài phát thanh và truyền hình các tỉnh trong khu vực đều có chương trình phát tiếng Khơ Me thường xuyên với thời lượng thích hợp. Hai tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng đã phát hành báo tiếng Khơ Me tới tận các phum, sóc, giúp đồng bào nắm được những thông tin cần thiết.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu trên, việc thực hiện các chính sách xã hội trong vùng dân tộc Khơ Me Nam Bộ vẫn còn bộc lộ những mặt hạn chế.

Tình hình sản xuất cũng như đời sống của đồng bào Khơ Me tuy đã chuyển biến mạnh nhưng chưa đều. Số hộ đói không còn, nhưng số hộ nghèo trong đồng bào còn khá đông. Tình trạng cầm cố, sang bán ruộng đất, bán lúa non, đi vay nặng lãi... vẫn chưa được khắc phục triệt để. Lao động người Khơ Me thiếu việc làm còn khá đông, số phải đi làm

thuê kiếm sống hằng ngày còn nhiều. Hiện còn 60% số hộ Khơ Me đang ở nhà tre lá ; số hộ được sử dụng điện còn thấp. Về giáo dục, tỷ lệ người Khơ Me đi học còn chưa cao ; 70% học sinh con em đồng bào Khơ Me chỉ học hết bậc tiểu học ; số em học lên cấp 2 và 3 chỉ chiếm khoảng 26,55% ; số vào học đại học, cao đẳng còn thấp hơn nhiều. Trong công tác chăm sóc sức khỏe, số trẻ em, phụ nữ suy dinh dưỡng ở các vùng đồng bào Khơ Me còn chiếm tỷ lệ cao. Cán bộ y tế người Khơ Me, cũng như cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và yếu. Vệ sinh môi trường sống của đồng bào chưa thực sự được đảm bảo ; dịch bệnh dễ phát sinh ; phụ nữ Khơ Me sinh con thứ 3 trở lên còn chiếm tỷ lệ khá đông, v.v..

Từ thực trạng đó có thể rút ra một số nguyên nhân sau đây :

- Phần lớn đồng bào dân tộc Khơ Me thường sống tập trung chen chúc theo phum, sóc ở các vùng sâu, vùng xa với điều kiện tự nhiên không thuận lợi ; sản xuất có tính tự cấp, tự túc, khép kín. Mật độ dân trí thấp, một bộ phận không biết tiếng nói, chữ viết phổ thông và chữ dân tộc mình nên thiếu thông tin và kiến thức, dẫn đến làm ăn kém hiệu quả ; các phong tục, tập quán cũng như nếp nghĩ, cách làm và thói quen lạc hậu còn phổ biến, vẫn chậm được khắc phục.

- Việc đầu tư của Nhà nước vào các chương trình, dự án trong vùng đồng bào Khơ Me mới chỉ bước đầu, chủ yếu tập trung cho các trọng điểm ; thiếu sự đầu tư toàn diện, rộng khắp nên chưa đủ sức để xoay chuyển tình hình.

- Công tác xây dựng, củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, nhất là ở cơ sở và trong các vùng đồng bào Khơ Me vẫn còn

hiều bất cập. Đáng chú ý nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên là người Khơ Me vừa ít về số lượng, vừa yếu về trình độ, năng lực nên chưa đáp ứng kịp với yêu cầu của cuộc sống.

Từ thực trạng và những nguyên nhân nói trên, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp cơ bản sau đây :

Một là, đẩy mạnh giải quyết việc làm trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa là nhiệm vụ hàng đầu, nhằm phát triển lực lượng sản xuất trong vùng đồng bào Khơ Me. Từng bước chuyển từ độc canh, thuần nông sang hướng đa canh, đa ngành. Ở những xã có đồng đồng bào dân tộc, cần xây dựng mô hình hộ gia đình sản xuất kinh doanh tổng hợp ; các tổ chức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao, thu hút đồng bào vào sản xuất. Nhà nước có biện pháp giúp đồng bào chuộc lại đất canh tác đi đôi với việc quy hoạch, phân bố lại đất đai trên từng vùng, gắn đất đai với lao động.

Hai là, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng các vùng nông thôn, nhất là những nơi có đồng bào Khơ Me sinh sống. Xây dựng mới, nâng cấp các công trình thủy lợi ; khoan giếng, đào giếng, đắp đập giữ nước để đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của đồng bào. Xây dựng hệ thống điện lưới quốc gia, đưa điện đến với tất cả đồng bào Khơ Me. Vận động đồng bào tham gia chương trình trồng rừng ngập mặn ven biển, rừng phòng hộ, tham gia thực hiện các dự án thuộc Chương trình 135 của Chính phủ, v.v.. nhằm khắc phục tình trạng đói nghèo. Quy hoạch và phát triển các chợ thôn để tạo thuận lợi trong trao đổi hàng hóa, sản phẩm.

Ba là, chú trọng phát triển văn hóa, giáo dục trong các vùng dân tộc Khơ Me. Trước hết là tăng thời lượng phát thanh, truyền hình

và số lượng phát hành báo địa phương bằng tiếng Khơ Me ở các tỉnh có nhiều đồng bào Khơ Me sinh sống. Mặt khác, củng cố, mở rộng hoạt động của các đoàn nghệ thuật dân tộc Khơ Me, đa dạng hóa các hoạt động văn nghệ, thể thao ; duy trì hoạt động các nhà bảo tàng, nhà truyền thống, các nhà tưởng niệm sư sãi có công với nước... Củng cố các ngành học phổ thông, mẫu giáo, bổ túc văn hóa ; mở rộng các loại trường phổ thông dân tộc nội trú ở các huyện, các cụm xã và ở cấp tỉnh. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên là người Khơ Me, kể cả sư sãi có khả năng để dạy song ngữ các cấp. Nhà nước nâng mức trợ cấp và học bổng cho học sinh trong các trường dân tộc nội trú ; thực hiện xã hội hóa sự nghiệp giáo dục - đào tạo.

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ và mạnh nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng. Đẩy mạnh thực hiện các phong trào quần chúng, qua đó phát hiện những nhân tố tích cực để bồi dưỡng, phát triển đội ngũ đảng viên là người Khơ Me đảm bảo tương ứng với dân số. Chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ về mọi mặt, nhất là kiến thức văn hóa, chính trị, chuyên môn ; tăng thêm cán bộ là người Khơ Me trong các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, mặt trận ; đồng thời, có các chế độ ưu đãi thiết thực để động viên lực lượng này. Các tỉnh có nhiều chùa, sư sãi và đồng đồng bào Khơ Me, có thể thành lập hội đoàn kết sư sãi yêu nước của tỉnh và hội đoàn kết sư sãi yêu nước Nam Bộ, nhằm thống nhất hoạt động của sư sãi trong khu vực, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Cuối cùng là, phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên thực sự là hạt nhân lãnh đạo cùng với đồng bào thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. □

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN *trên công trường xây dựng Đường Hồ Chí Minh*

TỪ THANH

Bộ đội Trường Sơn, tức Đoàn 559 của Bộ Quốc phòng, được thành lập tại mảnh đất Trường Sơn hùng vĩ và hoạt động gắn bó với đường mòn Hồ Chí Minh lịch sử trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Giờ đây, trong khí thế hào hùng xây dựng lại đất nước to đẹp hơn, đàng hoàng hơn, những người lính của Bộ đội Trường Sơn năm ấy lại trở về Trường Sơn với tên gọi Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn làm nhiệm vụ xây dựng Đại lộ Hồ Chí Minh, một trong những công trình "thế kỷ" của đất nước.

Tham gia xây dựng Đường Hồ Chí Minh có 10 công ty thuộc Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn, trong đó có 5 công ty là đơn vị anh hùng cả trong hai thời kỳ chống Mỹ và đổi mới, như Công ty 470 do có nhiều thành tích trong chiến đấu và xây dựng. Tham gia xây dựng Đường Hồ Chí Minh còn có nhiều cán bộ, chiến sĩ đã từng lăn lộn, cống hiến trên các công trình thế kỷ của đất nước như: Thủy điện Hòa Bình, đường số 5, đường Bắc Thăng Long - Nội Bài...

Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn có hàng nghìn người, nhận thi công đoạn đường dài gần 138 km từ Khe Gát đến Tăng Ký, thuộc nhánh Tây Đường Hồ Chí Minh. Đây là đoạn đường chạy sát biên giới Việt - Lào có địa hình khó khăn, hiểm trở và khó thi công nhất trong toàn tuyến đường xuyên Việt hùng vĩ. Có thể nói, chấp nhận thi công đoạn đường này, là cán bộ, chiến sĩ của Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn đã chấp nhận sự gian nan, vất vả rất lớn để hoàn thành nhiệm vụ. Cán bộ, chiến sĩ phải vượt qua đèo cao (có đoạn cao hơn 800 m so với mặt biển), phải băng qua suối sâu, vực thẳm; đặc biệt, phải chịu đựng thời tiết rất khắc nghiệt và diễn biến phức tạp: mây mù nhiều ngày trong năm, mưa to, lũ lớn xảy ra đột ngột... Vùng này dân cư thưa thớt, cán bộ, chiến sĩ phải sống xa dân, luôn bị ốm đau, bệnh tật rình rập. Đó là chưa kể đến sự nguy hiểm do bom đạn và chất độc hóa học của chiến tranh để lại. Hai năm qua, từ khi khởi công xây dựng Đường Hồ Chí Minh (ngày 6-4-2000), cán bộ, chiến sĩ Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn đã đổ biết bao mồ hôi, nước mắt trên mỗi tấc đường. Đến hôm nay, cơ bản hoàn thành phần đào đắp nền đường và đang tiến hành xây dựng mặt đường. Đơn vị đã đào hơn 4 triệu m³ đất, đá; đắp hơn 1,2 triệu m³ đất, đá; hoàn thành gần 60 cống với tổng chiều dài hơn 8 000 m; xây được hơn 120 kè và tường chắn với tổng chiều dài hơn 4 000 m; hoàn thành 8/26 cầu lớn, nhỏ, mỗi cầu dài từ 20 m đến hơn 100m... Những con số trên là kết quả của quá trình lao động sáng tạo với tinh thần hy sinh rất lớn và có nhiều ý nghĩa, nhưng cũng không thể phản ánh hết được những gì mà đơn vị đã phấn đấu suốt hơn 2 năm qua. Để đáp lại sự cố

gắng của cán bộ, chiến sĩ, một con đường mới có chất lượng cao, đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật, đủ sức chịu đựng với mọi địa hình, khí hậu, thời tiết phức tạp, đang được hình thành. Theo kế hoạch, con đường sẽ hoàn thành vào cuối năm 2003, nhưng cán bộ, chiến sĩ của Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn đang cố gắng quyết tâm, hoàn thành trước thời hạn từ 3 đến 5 tháng.

*

* *

Trong lễ sơ kết hai năm xây dựng Đường Hồ Chí Minh, Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn được vinh dự đón nhận cờ thi đua của Chính phủ ; nhiều đơn vị của Tổng Công ty được nhận cờ của các bộ, ngành có liên quan ; hàng chục tập thể và hơn 60 cá nhân được nhận bằng khen các loại...

Có được kết quả ban đầu đáng ghi nhận này, **trước hết là do sự cố gắng không mệt mỏi của cán bộ, chiến sĩ đang ngày đêm lao động trên công trường.** Thắng lợi đó thể hiện sinh động sức mạnh lãnh đạo của Đảng ủy, của bộ máy Tổng Công ty trên mặt trận xây dựng đất nước. Sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối của Đảng ủy Tổng Công ty từ thời chiến tranh, được phát huy lên một tầm cao mới, với một chất lượng mới phong phú, sinh động và sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ mới. Quản lý nghiêm ngặt "quân lệnh như sơn" cùng với việc thực hiện quy chế dân chủ, công khai đúng pháp luật thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn và sáng tạo trong nghệ thuật lãnh đạo, quản lý đơn vị. Đây là bài học kinh nghiệm về phát huy vai trò sự lãnh đạo và chỉ huy của Quân đội ta từ trong chiến đấu được thể hiện sinh động trong điều kiện hòa bình xây dựng đất nước một cách sáng tạo và năng động.

Thứ hai là, bảo đảm hiệu quả kinh tế cao. Chính điều này đã tạo ra uy tín của doanh nghiệp và ngược lại, uy tín của doanh nghiệp sẽ góp phần tạo ra hiệu quả kinh tế cao của doanh nghiệp. Giữa hiệu quả kinh tế và uy tín của doanh nghiệp có mối quan hệ biện chứng với nhau, bổ sung cho nhau. Với tâm niệm đó, ban lãnh đạo, cán bộ, chiến sĩ của Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn đã giữ uy tín của mình bằng tất cả quyết tâm sắt đá và không mệt mỏi, biểu hiện ở hai mặt :

- Bảo đảm thời gian. Là đơn vị chiến đấu và phục vụ chiến đấu trước kia, nay chuyển sang xây dựng kinh tế, việc giữ đúng thời gian, bảo đảm tiến độ, kế hoạch đối với cán bộ, chiến sĩ là một lẽ sống. Nhưng, để hoàn thành đúng thời gian của các công trình mà Tổng Công ty đảm nhận thì không đơn giản. Vì, tất cả những công trình do Tổng Công ty đảm nhận rất khó khăn, gian khổ nhất, thậm chí là nguy hiểm. Cho nên, muốn hoàn thành kế hoạch, phải làm chủ được khoa học - kỹ thuật và công nghệ ; đồng thời, phải có quyết tâm cao, tinh thần vững vàng và đoàn kết nhất trí cao. Do đó, Tổng Công ty không chỉ thường xuyên giáo dục, khuyến khích, động viên cán bộ, chiến sĩ hoàn thành xuất sắc công việc của mình đúng thời hạn mà còn tìm mọi cách đào tạo nâng cao trình độ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho họ, động viên họ cố gắng thi đua hoàn thành nhiệm vụ trước thời gian.

- Bảo đảm chất lượng. Đúng thời gian và vượt mức kế hoạch thời gian đang dần trở thành truyền thống tốt đẹp của mỗi người, mỗi đơn vị trong Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn. Nhưng bản thân điều đó chưa thể nói hết được ý nghĩa về uy tín của mỗi đơn vị sản xuất kinh doanh nói riêng và Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn nói

chung. Đi liền theo đó, là phải bảo đảm chất lượng của công trình. Đây là điều có ý nghĩa rất mệnh hệ. Nói đến chất lượng công trình là nói đến hàm lượng trí tuệ được kết tinh trong công trình và sự ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào thực hiện công trình để công trình bảo đảm những chỉ tiêu kỹ thuật đề ra.

Thi công ở địa bàn khó khăn, phức tạp như đã nêu, để bảo đảm tiến độ công trình đòi hỏi tinh thần lao động thông minh, sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ không ngừng được phát huy cao độ nên đã xử lý các sự cố kỹ thuật một cách tối ưu. Do vậy, thời gian thi công nhiều công việc phức tạp được rút ngắn tới 50%, tiết kiệm được hàng chục triệu đồng mà vẫn đảm bảo chất lượng tốt. Thực tế cho thấy, truyền thống tốt đẹp của "anh bộ đội Cụ Hồ" đã được phát huy trên trận tuyến mới - trận tuyến xây dựng giúp cho cán bộ, chiến sĩ của Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn tạo nên sức mạnh và uy tín của mình.

Thứ ba là, bảo đảm tốt các mối quan hệ trong thi công, xây dựng.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ phải giữ được các mối quan hệ đúng đắn : giữa đơn vị thi công (Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn) với đơn vị chịu trách nhiệm chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án của Bộ Giao thông vận tải) ; giữa đơn vị thi công với bên giám sát thi công bao gồm hai bộ phận : giám sát khu vực biển Đông và giám sát trực tiếp dự án đường Hồ Chí Minh ; giữa đơn vị thi công với chính quyền và nhân dân địa phương có công trình xây dựng đi qua. Hơn hai năm qua, Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn đã giải quyết tốt các mối quan hệ này trên tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, thấu lý đạt tình.

Việc duy trì các mối quan hệ đã tạo cơ sở thuận lợi giúp cho Tổng Công ty hoàn thành

nhiệm vụ, giữ vững truyền thống bản chất quân đội nhân dân. Những nơi Tổng Công ty đặt chân đến đều đã để lại những ấn tượng tốt. Những đơn vị thuộc Tổng Công ty tham gia xây dựng Đường Hồ Chí Minh đã bỏ ra hàng trăm ngày công làm đường, xây dựng công trình thủy lợi, trường học giúp dân. Mỗi công ty ủng hộ hàng chục sổ tiết kiệm cho những hộ nghèo và hộ được hưởng chính sách. Toàn Tổng Công ty đã tặng 150 sổ tiết kiệm, mỗi sổ từ 100 đến 300 ngàn đồng. Có xã đã được cán bộ, chiến sĩ tặng nhiều triệu đồng làm quỹ khuyến học. Bên cạnh đó, việc chăm sóc, sức khỏe cho đồng bào cũng được các công ty thực hiện tốt : tổ chức nhiều đợt khám, chữa bệnh cho đồng bào, điều trị cho hàng trăm người mắc bệnh sốt rét là dân địa phương và cán bộ công nhân của các đơn vị bạn cùng tham gia xây dựng công trình. Lực lượng tham gia xây dựng Đường Hồ Chí Minh của Tổng Công ty đã xây và tặng một số trạm y tế cho nhân dân địa phương. Bên cạnh sự giúp đỡ về kinh tế, vật chất, Tổng Công ty rất chú ý việc chăm sóc, giúp đỡ đồng bào các dân tộc thiểu số về đời sống tinh thần. Những buổi biểu diễn văn nghệ, giao lưu văn hóa, kết nghĩa, chiếu phim... đã trở thành nơi gặp gỡ, thành những ngày hội quân dân của Tổng Công ty và đồng bào, mang đầy tình thân ái và có tính tuyên truyền, giáo dục cao. Những hoạt động này được thực hiện thường xuyên và đều đặn. Nhân dân địa phương rất cảm động, và càng yêu quý, giúp đỡ, đùm bọc cán bộ, chiến sĩ của Tổng Công ty như họ đã từng yêu quý, giúp đỡ những người chiến sĩ Trường Sơn năm xưa.

Thứ tư là, bảo đảm sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ. Việc chăm sóc bảo đảm sức khỏe cho cán bộ

chiến sĩ đã được Tổng Công ty đặc biệt quan tâm và thực hiện chu đáo. Tổng Công ty tổ chức tốt mạng lưới quân y, tập huấn kỹ lưỡng, uống thuốc phòng, tắm màn diệt muỗi, phát quang bờ bụi, giữ sạch nơi ăn, chốn ở... Hơn hai năm qua, cán bộ, chiến sĩ trên công trường đã đẩy lùi bệnh tật, chưa có ai bị sốt rét. Đây là thắng lợi rất lớn mang nhiều ý nghĩa tích cực trong điều kiện lao động gian khổ.

Việc ăn, ở, vui chơi giải trí, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ chiến sĩ tham gia xây dựng Đường Hồ Chí Minh cũng được Tổng Công ty quan tâm chu đáo. Mặc dù đường xá xa xôi, hiểm trở, các đơn vị vận chuyển nhà khung gỗ từ đồng bằng lên lắp ráp, mua vật liệu tại chỗ làm thêm bảo đảm nhà nào cũng được lát nền bằng xi-măng và có phản gỗ để cho cán bộ, chiến sĩ nằm. Chỗ ở luôn thoáng mát và có khu vệ sinh tự hoại riêng. Nguồn nước sử dụng được khảo sát rất kỹ lưỡng, bảo đảm vệ sinh sạch sẽ. Các đơn vị lo cho cán bộ, chiến sĩ ăn đủ tiêu chuẩn và cố gắng tìm cách cải thiện thêm trong khả năng của mình. Những ngày lao động cao điểm, các đơn vị đều tổ chức ăn bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ. Để nâng cao chất lượng bữa ăn, ngoài giờ làm việc các đơn vị đã tranh thủ trồng rau, chăn nuôi gà, lợn... Bằng nhiều biện pháp thiết thực và hiệu quả trên, đời sống vật chất của cán bộ, chiến sĩ ổn định; quân số tham gia lao động luôn đạt 98%. Không những thế, các đơn vị luôn dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men để đề phòng khi mưa, lũ hay thiên tai bất trắc... Đời sống tinh thần của cán bộ, chiến sĩ cũng được bảo đảm. Nơi ở của cán bộ, chiến sĩ luôn có điện, cho dù đó là điện từ máy nổ hoặc từ thủy điện nhỏ để thấp

sáng, xem ti-vi... Các đơn vị đều có ti-vi với ăng-ten pa-ra-bôn có thể thu được các chương trình của Đài Truyền hình Trung ương. Đến nơi ở, làm việc của cán bộ chiến sĩ là đến với một môi trường văn hóa lành mạnh, nhiều cuộc sinh hoạt văn nghệ, đọc sách, báo, thi tìm hiểu chuyên đề, v.v... sôi nổi làm cho mọi người không cảm thấy bị cô đơn, thiếu thốn.

Nhờ có cuộc sống vật chất và tinh thần ổn định, cán bộ, chiến sĩ trên công trường yên tâm, phấn khởi và dồn sức vào công việc, góp phần đưa năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc không ngừng tăng trong hơn hai năm qua.

Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn trên công trường xây dựng Đường Hồ Chí Minh nói riêng và trong sản xuất kinh doanh nói chung đang phát huy vai trò chủ đạo của một đơn vị kinh tế nhà nước trong cơ chế kinh tế thị trường. Tổng Công ty đã đạt được hiệu quả cao cả về kinh tế và xã hội. Phía trước còn nhiều khó khăn, trong điều kiện mở cửa và hội nhập, cạnh tranh gay gắt và quyết liệt, làm thế nào để giữ vững vị thế và vươn lên hơn nữa là một thách thức không nhỏ với Tổng Công ty. Tuy nhiên, với truyền thống vẻ vang trong chiến đấu và trong xây dựng đất nước, với đội ngũ cán bộ và chiến sĩ dày dạn kinh nghiệm, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có trình độ chuyên môn giỏi, lại không ngừng được rèn luyện, đào tạo nâng cao trình độ khoa học công nghệ mới, với tinh thần: "nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua", chắc chắn Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn sẽ nắm bắt được thời cơ, vượt qua thách thức để tiếp tục khẳng định vị trí tiên phong của mình và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. □

TỪ CHỈ SỐ GDP ĐẾN CHỈ SỐ HDI - một chặng đường phát triển tư duy về con người đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

ĐẶNG QUỐC BẢO * - TRƯƠNG THỊ THÚY HẰNG **

Lời Bộ Biên tập : *Thực hiện sự hợp tác với Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA) về Dự án Truyền thông Dân số, Tạp chí Cộng sản trân trọng mở chuyên mục : "Dân số và Phát triển", nhằm tuyên truyền một cách đa dạng, phong phú và sâu sắc vấn đề này. Chuyên mục được mở đều đặn vào các số thứ ba hằng tháng, kể từ tháng 12-2002 đến tháng 6-2004.*

1- Chỉ số GDP - thước đo sự phát triển trước năm 1990

Cho đến trước năm 1990, sự tiến bộ của các quốc gia thường chỉ phản ánh bằng tỷ lệ tăng tổng sản phẩm quốc gia (Gross National Product, viết tắt là GNP) hoặc tổng sản phẩm quốc nội (Gross Domestic Product, viết tắt là GDP). Những thuật ngữ này ra đời vào thập niên 60 thế kỷ trước và đã nhanh chóng được sử dụng như một thước đo của sự phát triển. Thậm chí người ta còn sử dụng chỉ tiêu này như một tiêu chí chính thống, độc tôn để phân loại các quốc gia là phát triển hay kém phát triển. Cho đến đầu thế kỷ XXI hiện nay, thuật ngữ các nước phát triển và các nước đang phát triển vẫn đang được sử dụng song cũng chỉ hàm nghĩa thuần túy là phát triển hay đang phát triển về kinh tế. Như vậy, về thực chất, trong những thập niên đó, tiến bộ xã hội và phát triển đã bị đánh đồng với tăng trưởng kinh tế. Mục tiêu

của phát triển thậm chí được hiểu là tăng trưởng - chưa kể có nhiều nơi, nhiều lúc còn sẵn sàng tăng trưởng bằng mọi giá. Khái niệm phát triển con người hầu như không được nhắc đến, con người lúc đó chỉ được nhìn nhận như một nhân tố sản xuất, một loại vốn là "vốn con người" (Human capital) bên cạnh các loại "vốn tài nguyên", "vốn thiết bị", "vốn công nghệ", "vốn tài chính".

Trong thập niên 80 thế kỷ trước, khái niệm "nguồn nhân lực" (Human Resource) đã ra đời, đánh dấu một bước tiến gần hơn đến tư tưởng "con người và sự phát triển con người là mục tiêu quan trọng nhất của sự tiến bộ xã hội". Song để đưa con người về vị trí trung tâm, chứ không phải là một loại công cụ hay một loại "vốn" mà vừa là động lực, vừa là mục tiêu đích

* PGS.TS. Trưởng Cán bộ quản lý Giáo dục - Đào tạo

** TS. Viện Nghiên cứu Con người

thực của phát triển, đặc biệt, để nhìn nhận sự phát triển con người là thước đo của phát triển, của tiến bộ xã hội thì thập niên này chưa có lời giải.

2- Chỉ số HID - thước đo mới về phát triển

Thời điểm năm 1990 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quá trình khẳng định vai trò của con người trong phát triển với sự ra đời của *Báo cáo phát triển con người* (Human Development Report (viết tắt là HDR) của Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (United Nations Development Programme (viết tắt là UNDP). Bước ngoặt đó là ở chỗ, trải qua một quá trình lịch sử lâu dài của nhân loại nói chung, của giai đoạn từ năm 1950 đến năm 1990 nói riêng, lần đầu tiên, quan điểm này chính thức được lượng hóa bằng sự tính toán và công bố xếp hạng *chỉ số phát triển con người* (Human Development Index, viết tắt là HID) cho 130 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Mahbub ul Haq - người thiết kế HRD đầu tiên đã nói : Chúng tôi cần có một thước đo cùng mức độ thô sơ như GNP - chỉ có một con số - nhưng là một thước đo không che giấu các khía cạnh xã hội của đời sống con người như GNP. Ông hy vọng, HID sẽ là một cái gì đó để cải thiện hay ít nhất cũng là một sự bổ sung đắc lực cho GDP, mà hơn nữa HID sẽ thúc đẩy việc tăng cường sự quan tâm của nhân dân, của những người lãnh đạo tới những biến số khác trong đời sống của con người ở cộng đồng.

Vậy là, qua một quá trình trải nghiệm thực tế, các khái niệm về phát triển đã nghiêng dần từ chỗ nhìn nhận kinh tế như một mục tiêu - yếu tố độc tôn duy nhất sang nhìn nhận con người mới đích thực là mục tiêu và động lực của sự phát triển. Sự tiến triển, thay đổi về quan điểm này được thể hiện rất rõ cả trong cấu trúc các yếu tố thành phần của chỉ số HID (xem hình 1) và cả việc lựa chọn phương pháp, quyền tính chỉ số HID và GDP.

* *Các chỉ tiêu thành phần của HDI* : Đây là thước đo thành tựu trung bình của một quốc gia trên ba phương diện của sự phát triển con người đó là sức khỏe - học vấn - mức sống.

- *Sức khỏe* - được đo bằng *tuổi thọ trung bình* (đơn vị tính : năm)

- *Học vấn* - được đo bằng *tỷ lệ biết chữ của người lớn* (đơn vị tính : %, với quyền số 2/3) và *tỷ lệ nhập học các cấp giáo dục tiểu học, trung học, đại học*, (đơn vị tính : %, với quyền số 1/3).

- *Mức sống* - được đo bằng GDP thực tế bình quân đầu người, (đơn vị tính : đô-la Mỹ) theo phương pháp sức mua tương đương (Power Purchasing Parity, viết tắt là PPP USD).

HDI là kết quả trung bình cộng của 3 chỉ số trên.

Chỉ số GDP thực tế bình quân đầu người, là chỉ số được tính từ GDP thực tế bình quân đầu người nhằm phục vụ cho việc đo đạc HID. Để tính chỉ số này, trước hết GDP thực tế bình quân đầu người cần được điều chỉnh theo phương pháp tính tỷ giá PPP, vì so sánh GDP theo tỷ giá hiện hành của từng nước là không chính xác. Tuy nhiên, theo quan điểm của những người đề xuất phương pháp luận và công thức tính HDI dựa trên những nghiên cứu và thực tế quan sát thực tế GDP bình quân đầu người đạt đến một mức độ nhất định là có thể thỏa mãn nhu cầu cơ bản của con người, vượt trên giới hạn đó thì tác dụng của thu nhập không tăng lên theo tỷ lệ thuận mà sẽ hạn chế dần. Nhằm thể hiện ý tưởng đó, từ năm 1999, thu nhập được chiết khấu theo công thức sau đây (từ năm 1990 đến 1998 GDP được chiết khấu theo một công thức khác) :

$$\text{Chỉ số GDP} = \frac{\log(x_i) - \log(100)}{\log(40000) - \log(100)}$$

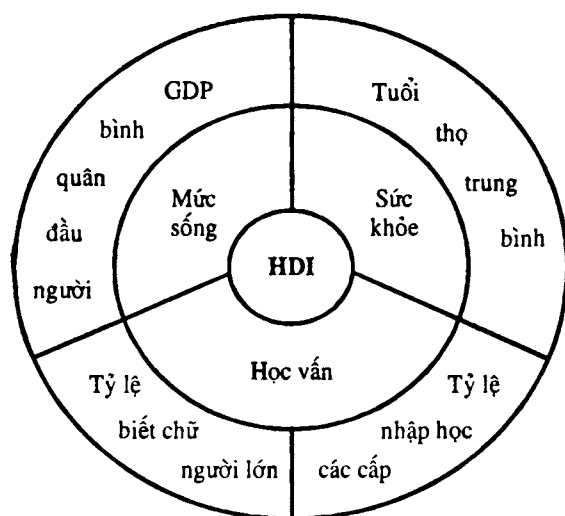
Trong đó :

- x_i = GDP bình quân đầu người của nước i đã được điều chỉnh theo phương pháp tính tỷ giá sức mua tương đương ;

- 40000 và 100 = giá trị tối đa và tối thiểu (giá trị quy ước) của GDP bình quân đầu người đã được điều chỉnh theo phương pháp tính tỷ giá sức mua tương đương.

Rõ ràng công thức này, một lần nữa vai trò, tác động của yếu tố kinh tế đối với phát triển đã được chỉ ra là có giới hạn nhất định.

Hình 1: Sơ đồ cấu trúc của chỉ số HDI



Như vậy, GDP - thước đo trình độ phát triển duy nhất từ những năm 1990 trở về trước - trong quan điểm mới về phát triển, đã từ một chỉ tiêu độc lập, một công cụ độc tôn, chỉ còn là một chỉ tiêu, một công cụ thành phần để đánh giá sự phát triển. Hơn nữa, theo cách tính hiện nay của UNDP và được hầu hết các quốc gia, kể cả Việt Nam đã áp dụng, với quyền số 1/3, GDP cũng chỉ chiếm một vị trí và tỷ lệ như 2 chỉ tiêu thành phần khác là sức khỏe và học vấn trong chỉ số HDI.

Tuy nhiên, các thành phần cơ bản của HDI sử dụng trong các báo cáo phát triển con người toàn cầu như trình bày trên đây có thể chưa

phản ánh hết hoặc chưa sát thực với các vấn đề mang tính đặc thù của một quốc gia và với trình độ phát triển của từng quốc gia. Vì vậy, trong quá trình từng quốc gia tự tính HDI của mình, việc bổ sung hoặc thay thế các thành phần cơ bản của HDI sử dụng trong các báo cáo phát triển con người toàn cầu bằng các thành phần khác phù hợp hơn là điều đã được nhiều chuyên gia đề cập.

Cùng với sự xuất hiện đều đặn hằng năm và với số nước được tính HDI tăng lên trong *Báo cáo phát triển con người toàn cầu*, sự hưởng ứng cách đo lường phát triển mới này đã thể hiện ở những con số rất đáng chú ý : cho đến năm 1999, hơn 260 báo cáo phát triển con người tầm quốc gia và khu vực cùng với 9 báo cáo khu vực, đã được 120 nước ấn hành hằng năm. Đến năm 2001, con số Báo cáo phát triển con người ở cấp quốc gia và dưới quốc gia do 120 nước phát hành hằng năm đã lên tới hơn 360, và 9 báo cáo khu vực. Các báo cáo này đã đưa khái niệm phát triển con người và cuộc thảo luận chính sách quốc gia không chỉ thông qua các chỉ số phát triển con người và các đề xuất chính sách, mà còn thông qua quá trình tư vấn theo đề nghị của các quốc gia, thu thập và viết báo cáo.

Các báo cáo phát triển con người quốc gia đã tác động trực tiếp tới chính sách và lập kế hoạch của nhiều nước.

3- Động thái HDI của Việt Nam 10 năm qua và những bước khởi đầu cho việc xây dựng Báo cáo quốc gia phát triển con người

Chỉ số HDI nói riêng, *Báo cáo phát triển con người của UNDP* nói chung đã được một số cơ quan, tổ chức, các chuyên gia, các nhà nghiên cứu ở nước ta quan tâm, sử dụng ngay từ đầu những năm 90 thế kỷ trước.

Giá trị HDI và thứ hạng của Việt Nam trong tương quan quốc tế do UNDP công bố hàng năm (từ 1995 đến nay) được thông tin kịp thời

ở nước ta. Theo những thông tin này, động thái HDI của Việt Nam có diễn biến như sau :

Năm	Giá trị chỉ số HDI	Thứ hạng HDI của Việt Nam so với tổng số các nước tham gia xếp hạng
1992 (Báo cáo năm 1995)	0,539	120/174
1993 (Báo cáo năm 1996)	0,540	121/174
1994 (Báo cáo năm 1997)	0,557	121/174
1995 (Báo cáo năm 1998)	0,560	121/174
1996 (Báo cáo năm 1999)	0,664	110/174
1998 (Báo cáo năm 2000)	0,671	108/174
1999 (Báo cáo năm 2001)	0,682	101/162
2000 (Báo cáo năm 2002)	0,688	109/173

Như vậy, chỉ số HDI của nước ta trong gần một thập niên về giá trị tuyệt đối đã có sự nâng lên đáng kể : từ 0,539 (năm 1992) lên 0,688 (năm 2000), gia tăng được 0,148 ; thứ hạng cũng có sự cải tiến nhất định trong tương quan so sánh với trên 170 nước của thế giới.

Việc tiếp cận cách đo đạc, xác định các chỉ số HDI con người Việt Nam đối với giới nghiên cứu và công tác thực tiễn của nước ta phải ghi nhận bắt đầu từ quá trình thực hiện Dự án Nghiên cứu tổng thể nền giáo dục và phát triển nguồn nhân lực Việt Nam (VIE/89/022). Đầu thập niên 90 thế kỷ trước, một số cán bộ giáo dục Việt Nam là thành viên của Dự án qua sự giới thiệu về phương pháp luận của UNDP và UNESCO đã cố gắng đo đạc chỉ số phát triển giáo dục của Việt Nam những năm 1990. Tiếp đó, qua sự tăng cường giao lưu Việt Nam và quốc tế về các thông tin phát triển người, một số cơ quan khoa học nước ta như Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Trung tâm Thông tin tư liệu dân số thuộc Ủy ban Quốc gia Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đã có một số hoạt động khoa học - thực tiễn nhằm xác định HDI của Việt Nam. PGS, TS Nguyễn Đình Cử thuộc Trung tâm Dân số, Đại học Kinh tế quốc dân đã tính chỉ số HDI cho các địa phương nước ta và công bố trên tạp chí Xã hội học, số 3-1996. Trung tâm Thông tin tư liệu Dân số (Ủy ban Quốc gia Dân số - Kế hoạch

hóa gia đình) đã tổng hợp kết quả điều tra dân số 1999, phác họa một số chỉ số về chất lượng nguồn dân số Việt Nam phục vụ cho việc xây dựng Chiến lược Dân số và Phát triển 2001 - 2010. Kết quả của các nghiên cứu này bước đầu gợi mở một hướng đi và cách tính toán, đo đạc HDI của nước ta.

Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2001 do Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia chủ trì với sự giúp đỡ của UNDP tại Hà Nội đã được biên soạn với ý tưởng trung tâm là : *phát triển con người chính là, và phải là sự phát triển mang tính nhân văn. Đó là sự phát triển vì con người, của con người và do con người*. Đây là Báo cáo quốc gia đầu tiên về phát triển con người của nước ta. Đặc biệt, Báo cáo này đã được chính người Việt Nam thực hiện và như Thủ tướng Phan Văn Khải đánh giá : *"... đã đề cập một cách có hệ thống, tương đối toàn diện và sâu sắc các vấn đề cơ bản nhất về phát triển con người hiện nay ở Việt Nam"* ⁽¹⁾. Các yếu tố cấu thành và phương pháp tính HDI trong Báo cáo này cũng là các yếu tố và phương pháp được sử dụng trong tính toán chỉ số HDI trong các Báo cáo phát triển con người toàn cầu từ năm 1999 đến nay.

Nhận thức về tầm quan trọng và ý nghĩa thiết thực của chỉ số HDI đối với quá trình phát triển của đất nước ta đã được thể hiện thành một trong những mục tiêu cụ thể của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là : *"Nâng lên đáng kể chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta"* ⁽²⁾. Bên cạnh đó, việc đầu tư nghiên cứu vấn đề này đã bắt đầu được chú trọng. Viện nghiên cứu Con người trực thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 160

(2) Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia : *Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2001*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 15

Nhân văn Quốc gia đã được thành lập theo Quyết định số 190/1999/QĐ-TTg ngày 20-9-1999 của Thủ tướng Chính phủ. Nghiên cứu Chỉ số phát triển Người của Việt Nam được xác định là một trong những nhiệm vụ cơ bản của Viện. Trong cơ cấu tổ chức của Viện nghiên cứu Con người, phòng "Chỉ số phát triển con người" (HDI) được chính thức công nhận và đã sớm đi vào hoạt động. Trong 12 đề tài thuộc Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước giai đoạn 2001 - 2005 : "Phát triển Văn hóa, Con người và Nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa", mã số KX.05, đề tài "Nghiên cứu, phân tích các chỉ số phát triển người (HDI) của người Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005", mã số KX.05-05 đã được triển khai và luôn nhận được sự chỉ đạo, quan tâm đặc biệt của Ban Chủ nhiệm Chương trình, của các cơ quan nghiên cứu khoa học và chỉ đạo thực tiễn.

Như vậy, đối với nước ta, nhu cầu tính chỉ số phát triển con người HDI ở cấp quốc gia đã được khẳng định. Điều đáng mừng là một số tỉnh, thành phố sau khi được tiếp cận với *Báo cáo quốc gia phát triển con người 2001* do Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia biên soạn đã có sự hưởng ứng, quan tâm. Đặc biệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo cho Cục Thống kê nghiên cứu nội dung chỉ tiêu này và tổ chức điều tra thu thập thông tin để tự tính chỉ số phát triển con người HDI của tỉnh. Việc làm này xuất phát từ nhận thức là vấn đề không chỉ đơn giản nhằm đạt mục tiêu tăng giá trị chỉ số HDI để nâng cao thứ hạng so với các địa phương khác, mà là thông qua việc tự tính toán, theo dõi động thái của chỉ số HDI và của từng chỉ số thành phần để có sự điều chỉnh và hoạch định chính sách, chiến lược phát triển phù hợp với từng thời điểm, với hoàn cảnh đặc thù của địa phương mình. Báo cáo kết quả điều tra chỉ số phát triển con người HDI Quảng Ngãi năm 2001, do Cục Thống kê

Quảng Ngãi tiến hành đã được gửi lên Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 30-6-2002 và hiện đang được sự cộng tác để phát triển theo chiều sâu của các chỉ số liên quan đến phát triển con người.

Thực tế xây dựng và sử dụng trên phạm vi toàn cầu cũng như ở các quốc gia riêng lẻ hơn 10 năm qua cho thấy, chỉ số HDI tuy chưa phản ánh hết những chiều cạnh của phát triển, nhưng chỉ số này đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu là cung cấp được chuỗi số liệu để hình thành một hệ thống dữ liệu định lượng giúp cho việc so sánh, xem xét động thái kinh tế - xã hội theo tương quan phát triển về thời gian (liên tục qua các năm), và về không gian (có số liệu để so sánh giữa các nước, hoặc trong từng nước có thể so sánh giữa các vùng, các dân tộc, các cộng đồng, các nhóm dân cư...). Với hệ thống dữ liệu đó, các quốc gia, các cộng đồng, địa phương có cơ sở để hoạch định, điều chỉnh chính sách, chiến lược phát triển cụ thể, phù hợp hơn với từng thời điểm, với hoàn cảnh đặc thù của mình. Chính vì thế, nhu cầu tính chỉ số HDI trên phạm vi toàn cầu cũng như của từng quốc gia đã được khẳng định qua sự quan tâm đến *Báo cáo phát triển con người của UNDP* và qua số quốc gia tự xây dựng *Báo cáo phát triển con người của mình ngày càng tăng*.

Riêng với nước ta, sự ra đời của *Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2001* do Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia soạn thảo và công bố, cũng như Báo cáo kết quả điều tra chỉ số phát triển con người HDI Quảng Ngãi năm 2001 do tỉnh tự tiến hành đã khẳng định và thể hiện nhu cầu tính chỉ số phát triển con người HDI ở cấp quốc gia và cả cấp địa phương. Chắc chắn rằng, việc đo đạc HDI được giải quyết sẽ cung cấp thêm một công cụ hữu ích giúp các địa phương hoạch định và điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình thực tế địa phương và hội nhập với các địa phương khác của cả nước. □

Tình trạng di dân và vấn đề môi trường sống ở **LÂM ĐỒNG** hiện nay

BÙI TRUNG HUNG *

VẤN đề gia tăng nhu cầu do gia tăng dân số và biến động dân cư đã dẫn đến nhiều biến đổi trong quan hệ của dân cư với điều kiện tự nhiên. Hiện tượng này người ta còn gọi là suy thoái môi trường sống. Đây là vấn đề nóng bỏng, cần quan tâm ở nước ta trong quá trình phát triển. Đảng ta nhận định : "nhận thức về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư còn nhiều hạn chế"⁽¹⁾ ; và nêu rõ phương hướng cho thời gian tới là : "Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ và cải thiện môi trường theo hướng phát triển bền vững ; tiến tới bảo đảm cho mọi người dân đều được sống trong môi trường có chất lượng tốt về không khí, đất, nước, cảnh quan và các nhân tố môi trường tự nhiên khác đạt chuẩn mực tối thiểu do Nhà nước qui định"⁽²⁾.

Lâm Đồng là một tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên - một địa bàn chiến lược quan trọng

của cả nước cả về kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng, với diện tích đất tự nhiên chiếm khoảng 3% diện tích cả nước, diện tích che phủ rừng vào loại cao nhất cả nước, có vị trí và ưu thế riêng so với toàn vùng và cả nước. Trong hướng phát triển của Lâm Đồng hiện nay, vấn đề dân cư nổi lên như là một yếu tố đáng quan tâm nhất, đặt ra nhiều vấn đề cấp bách có tính chiến lược không chỉ liên quan đến Lâm Đồng mà còn liên quan đến toàn vùng và cả nước.

1. Di dân và sự xáo trộn dân cư

Trước hết, có thể khẳng định rằng, di dân là đặc trưng cơ bản của sự hình thành cộng đồng cư dân Lâm Đồng. Bởi lẽ, cộng đồng cư dân Lâm Đồng hiện nay chủ yếu là dân chuyển cư tới vào nửa sau thế kỷ XX. Di dân ở Lâm Đồng cần được xem xét dưới hai dạng chính : di dân nội địa và du canh, du cư.

Di dân nội địa là một động thái tích cực. Nó làm tăng nhanh dân số Lâm Đồng, góp phần khai khẩn các miền đất hoang hóa, khai thác các tiềm năng, thế mạnh của vùng đất đỏ cao nguyên, tạo ra một miền quê trù phú ; góp phần giảm bớt mật độ dân cư ở nhiều miền quê quá đông đúc. Chỉ nhìn vào dân số tăng rất nhanh của Lâm Đồng cũng thấy rõ điều đó. Cụ thể, vào năm 1937, dân số toàn tỉnh Đồng Nai Thượng cộng với thị xã Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng hiện nay) mới chỉ có hơn 60 nghìn người, nay đã đạt hơn một triệu người. Hơn 60 năm, dân số đã tăng lên hơn 15 lần. Di dân đã đưa tới Lâm Đồng nguồn lao động từ các vùng, miền trong cả nước,

* ThS, Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt

(1), (2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 257, 301, 302

cùng với những kinh nghiệm sản xuất và những giá trị văn hóa phong phú, đa dạng. Phần lớn dân di cư là những người có đầu óc canh tân, có khát vọng thay đổi hoàn cảnh hiện tại của mình và một bộ phận có nguồn vốn đáng kể. Đây là những tiền đề cần thiết cho sự phát triển. Nhờ đó, hàng chục nghìn ha đất nông nghiệp của Lâm Đồng đã được khai hoang, cải tạo, đưa diện tích đất nông nghiệp lên tới gần 200 000 héc-ta. Chỉ trong vòng 15 năm sau khi thành lập tỉnh đã thành lập mới 3 huyện, một thị xã với 75 xã, phường. Nhiều ngành nghề vốn là truyền thống sản xuất của các vùng, miền khác ; nhiều cây, con mới thích hợp với điều kiện địa lý ở Lâm Đồng đã được nhân dân đầu tư, phát triển ; sau một thời gian thử nghiệm chuyển đổi, đang đi dần vào thế ổn định và phát huy hiệu quả kinh tế.

Tuy nhiên, việc di dân với một số lượng lớn và tốc độ quá nhanh đã dẫn đến sự xáo trộn dân cư trong tỉnh. Điều đó càng trở nên nghiêm trọng bởi sự gia tăng của dòng di cư ngoài kế hoạch, còn gọi là di cư tự do. Lâm Đồng là tỉnh đón số dân di cư tự do nhiều thứ hai trong toàn quốc (sau Đắk Lắk). Từ năm 1987 đến năm 2000, tổng số hộ di cư tự do đến Lâm Đồng lên tới 52 929 hộ, với 230 217 nhân khẩu và 105 410 lao động. Con số thực tế còn lớn hơn vì chưa tính được một số hộ định cư trong rừng sâu. So với dòng di cư có kế hoạch (được Nhà nước đầu tư nhiều), dòng di cư tự do có tốc độ tăng mạnh hơn, mặc dù họ không được hỗ trợ của nơi đi và nơi đến. Dòng di cư tự do có mặt tích cực : Nhà nước ít phải đầu tư, tỷ lệ lao động trong tổng số dân rất cao. Nhưng nếu xét thật kỹ, thì di dân tự do là một động thái tiêu cực, sự xáo trộn do nó mang lại phá vỡ các quy hoạch kinh tế - xã hội của địa

phương ; làm gia tăng tỷ lệ nghèo đói ; gây khó khăn cho công tác quản lý nhân khẩu và an ninh trật tự ; gây quá tải về kết cấu hạ tầng ; là một trong những nguyên nhân chính gây mất rừng. Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ "Về việc xử lý tình trạng dân di cư tự do đến Tây Nguyên", qua hai đợt triển khai dự án ổn định dân di cư tự do tại tỉnh Lâm Đồng, mới có 25 179 hộ được nhập khẩu và có đất sản xuất, đạt hơn 50% số hộ đã được điều tra. Số hộ còn lại đang tiếp tục chờ các dự án đã trình Chính phủ để ổn định. Trong số dân di cư tự do đến Lâm Đồng, có một bộ phận tự luân chuyển tới những vùng dễ làm ăn hơn, làm gia tăng dòng di cư nội tỉnh, tiếp tục gây xáo trộn dân cư.

Nói đến di dân ở Lâm Đồng cũng cần hết sức quan tâm đến một dòng di dân đặc biệt là du canh, du cư của đồng bào các dân tộc thiểu số bản địa và một số dân tộc thiểu số phía Bắc mới chuyển vào. Nói là đặc biệt bởi vì nguyên nhân của nó là do tập quán, lối sống, trong khi ở dòng di cư khác đa phần do nguyên nhân kinh tế. Mặc dù chính quyền địa phương hết sức quan tâm tới công tác định canh, định cư nhưng kết quả lại không như mong muốn. Hiện còn một bộ phận không nhỏ đồng bào vẫn sống du canh, du cư, một bộ phận đã định cư, nhưng do không biết làm ăn nên lại tái du canh, du cư. Đặc biệt, có tới hàng nghìn hộ thuộc các dân tộc thiểu số phía Bắc mới di cư tới, sống trong rừng sâu, phá rừng làm rẫy, làm tăng thêm số người sống du canh du cư ; đồng thời, dẫn đến tăng diện tích rừng bị mất, ảnh hưởng tới môi trường sống, gây khó khăn cho quản lý và tốn kém tiền của để ổn định tình hình... Điều đó còn gây ra nhiều thiệt thòi cho đồng bào dân tộc thiểu số, đẩy xa khoảng cách

giàu nghèo, khoảng cách giữa các dân tộc, khoảng cách giữa vùng sâu, vùng xa với các trung tâm, các đô thị...

So với Đắc Lắc, di dân tự do và tỷ lệ du canh, du cư ở Lâm Đồng thấp hơn. Tuy nhiên diện tích đất tự nhiên ở Lâm Đồng lại nhỏ hơn và đa số là rừng đặc dụng, gồm rừng cảnh quan và rừng phòng hộ đầu nguồn cho 3 nhà máy thủy điện trên 3 con sông lớn, đồng thời là nguồn cung cấp nước ngọt cho các tỉnh Nam Trung Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, nên việc giải quyết vấn đề dân cư ở Lâm Đồng càng trở nên cấp thiết hơn.

2. Áp lực của dân cư lên môi trường tự nhiên

Vấn đề áp lực của dân cư lên môi trường tự nhiên ở Lâm Đồng hoàn toàn khác với các đô thị và những khu vực tập trung đông dân cư trên thế giới và trong nước, nơi mà áp lực của dân cư tới môi trường tự nhiên chủ yếu thể hiện ra ở sự quá đông về số lượng người, sự tập trung các khu công nghiệp, việc tiêu dùng quá mức, gia tăng lượng khí thải độc hại... Như đã nói ở trên, môi trường tự nhiên ở Lâm Đồng có vị trí đặc biệt không chỉ đối với dân cư ở đó, mà còn có ảnh hưởng với một khu vực rộng lớn, có số lượng dân cư đông. Vì thế, áp lực của dân cư lên môi trường tự nhiên ở Lâm Đồng cần được xem xét trong quan hệ mật thiết với toàn vùng (gồm 3 tỉnh Nam Trung Bộ là Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, cùng với 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ là Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh), một khu vực đông dân cư và đang được coi là khu vực phát triển kinh tế cao, năng động của cả nước. Do đó, nếu chỉ nhìn vào con số hơn một triệu dân trên diện tích gần 10 000 km², mật độ trung bình là 102 người/km², thì có

thể nghi ngờ việc đặt ra vấn đề áp lực của dân cư lên môi trường tự nhiên như là một vấn đề bức xúc với dân cư Lâm Đồng. Đi sâu nghiên cứu sự vận động của dân cư ở Lâm Đồng hiện nay, nếu xem xét trình độ công nghệ sản xuất, nhu cầu sống, tập quán, tâm lý... như là những yếu tố chủ đạo gây ra sự thoái hóa môi trường tự nhiên và từ đó kéo theo những tác động lên môi trường tự nhiên của cả vùng, thì chúng ta không thể không thừa nhận đây là một vấn đề nghiêm trọng.

Thật vậy, do địa hình đại đa số là đồi núi, có độ dốc cao, dễ bị rửa trôi, xói mòn lớp đất mặt và tụt hạ tầng nước ngầm nếu không có rào cản lý tưởng là cây rừng. Thế nhưng, chỉ trong vòng 55 năm qua, diện tích rừng ở Lâm Đồng đã mất tới gần 40%, thay vào đó là những vùng chuyên canh cây cà-phê, chè, dâu tằm, rau, là những cây trồng có chiều cao không quá 4 m, cùng với khoảng 90 000 héc-ta đất trống, đồi núi trọc, về thực chất đã là những diện tích tiền sa mạc hóa. Nếu việc trồng cà-phê, chè tuân thủ một cách chặt chẽ các thiết kế theo kỹ thuật hiện đại, xen kẽ giữa các cánh rừng vừa chắn gió, vừa giữ nước và có hệ thống hồ, đập thủy lợi hợp lý thì môi trường tự nhiên, sinh thái sẽ được duy trì và phát triển tốt hơn. Nhưng trên thực tế, người dân đã mở rộng diện tích cây cà-phê, cây dâu tằm bằng mọi cách, đặc biệt họ đã triệt hạ hàng ngàn héc-ta rừng, kể cả rừng trồng của lâm trường, để trồng cà-phê. Mặt khác, các nương rẫy của đồng bào các dân tộc thiểu số hoàn toàn canh tác theo lối tự nhiên. Họ phát, đốt những cánh rừng trên triền dốc, có khi dốc tới 30⁰ - 40⁰ và cứ thế là trồng tủa, chứ không biết cách làm những bậc thang vừa hạ bớt độ cao, tránh được xói mòn, giữ được nước như các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc.

Cùng với đó, việc đào đãi vàng, khai thác quặng thiếc, bô-xít theo kiểu thủ công, công nghệ thấp đã phá vỡ sự liên kết tự nhiên trên bề mặt của đất. Tất cả những việc này dẫn tới tốc độ rửa trôi diễn ra rất nhanh. Theo kết luận của các chuyên gia môi trường tại Hội nghị bàn về môi trường ở Lâm Đồng tháng 12-2000, chỉ riêng thị xã Bảo Lộc, vùng cây công nghiệp tập trung, hằng năm bị rửa trôi 100 000 tấn đất. Số đất rửa trôi này dồn xuống các con suối và ba con sông lớn là Đồng Nai, Đại Nga, La Ngà. Nước không có lối thoát nên tràn xuống rất nhanh gây lũ quét ở vùng hạ lưu. Mặt khác, số đất bị rửa trôi cũng gây bồi lấp lòng hồ của hai nhà máy thủy điện lớn là Đa Nhim và Trị An (cùng với Đa Mi sắp hoàn thành), gây thiếu nước, thậm chí tràn vào cả khoang máy gây thiệt hại rất lớn. Trữ lượng nước trôi nhanh gây thiếu hụt nước về mùa khô, ảnh hưởng tới đời sống của nhiều triệu dân ở thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai. Riêng việc bồi lấp đã gây lụt cục bộ tại hai huyện Cát Tiên và Đà Tền ngay trên cao nguyên của Lâm Đồng nhiều năm nay. Nhu cầu dùng củi đốt của người dân ở Lâm Đồng hằng năm lên đến hàng trăm nghìn mét khối cũng là một nguyên nhân làm cho rừng bị mất, thải ra nhiều khói độc hại.

Cuối cùng, phải kể đến những tập quán lạc hậu trong sinh hoạt, sản xuất và ý thức pháp luật hạn chế của người dân gây tác hại đáng kể cho môi trường. Với số lượng lớn dân di cư tự do hiện nay còn chưa được kiểm soát và tình trạng thiếu đất sản xuất, nên nhiều cánh rừng sẽ biến thành nương rẫy cà-phê là điều tất yếu. Đặc biệt, đã xuất hiện nhiều kẻ xấu xúi giục đồng bào đốt rừng để lấy đất trồng cà-phê. Cũng có nhiều trường hợp bà con các dân tộc thiểu số phát, đốt

nương rẫy rồi bán cho người Kinh, sau đó lại đi đốt, phát tiếp, rồi lại bán. Cứ như vậy, vì trục lợi, người ta đã làm sống lại tập quán du canh du cư. Vì vậy, rừng cứ tiếp tục mất. Ngoài ra, bên cạnh việc rửa trôi, làm cạn kiệt và nhiễm bẩn nguồn nước, còn phải kể đến sự ô nhiễm do dư lượng thuốc trừ sâu, vốn được sử dụng với số lượng lớn và khá tùy tiện của các vùng chuyên canh rau tại thành phố Đà Lạt và các huyện Đức Trọng, Đơn Dương. Do canh tác theo lối cổ truyền trên đất gần với các thảm thực vật của rừng, nên việc nhiễm sâu bệnh ở rau, hoa là rất lớn. Cho đến nay, biện pháp ngăn chặn chủ yếu của nhân dân mới chỉ là phun thuốc trừ sâu. Thêm nữa, để cho cây trồng tăng trưởng nhanh, mau thu lợi, người dân còn dùng các loại thuốc kích thích có nguồn gốc hóa học gây độc hại cho người. Tất cả trữ lượng của chúng được các cơn mưa rửa trôi và dồn về các hồ chứa, là nơi cung cấp nước ăn và tưới tiêu cho cây trồng. Số dư lượng thuốc bảo vệ thực vật này vừa trực tiếp, vừa gián tiếp ảnh hưởng tới con người.

Tóm lại, về cơ bản các chỉ số môi trường sống ở Lâm Đồng hiện nay không những chưa vượt ra khỏi giới hạn an toàn, mà còn có những dấu hiệu suy thoái nguy hiểm gây tác hại nghiêm trọng (chẳng hạn, tình trạng lũ lụt đã gây thiệt hại đáng kể về người và của trong vài năm qua). Vấn đề là, nếu các hoạt động kinh tế đã gây hại nếu cứ tiếp tục phát triển, nếu nạn di dân vì mục tiêu kinh tế thuần túy còn tiếp tục tăng, mà không có biện pháp hữu hiệu để giải quyết thì hậu quả rồi đây chắc chắn sẽ nghiêm trọng hơn nhiều. Vì vậy, nhất thiết phải nhanh chóng có quan điểm và những giải pháp tích cực tác động vào chính nguồn gốc của vấn đề là yếu tố dân cư. □



CÁI ĐƯỢC, CÁI MẤT

XUÂN HOÀNH

NHÂN chuyển đi công tác, tôi có dịp đến Xã H. từ một xã nghèo của tỉnh miền núi đi lên. Có được như hôm nay là nhờ Ban lãnh đạo xã năng động sáng tạo, tìm cách phát huy tiềm năng thế mạnh của xã trong cơ chế mới. Việc coi trọng xây dựng cơ sở hạ tầng như : điện, đường, trường, trạm, nhất là xây dựng hệ thống thủy lợi, kiên cố kênh mương, đập nước được quần chúng nhiệt tình ủng hộ. Có điện, có đường giao thông nông thôn bê - tông và nhựa đã làm thức dậy các ngành nghề, dịch vụ phát triển. Nhiều hộ gia đình bỏ vốn đầu tư sản xuất, phát triển V.A.C.R., kinh tế trang trại, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, áp dụng các giống cây trồng, vật nuôi đạt năng suất cao. Nhờ vậy, bộ mặt nông thôn ngày càng thêm khởi sắc. Nhiều

hình thức mới xuất hiện trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn xã. Chẳng hạn, chuyển dịch cơ cấu sản xuất trên đất đồi rừng, đất ruộng ; chuyển dịch cơ cấu trong từng hộ gia đình ở nông thôn như ngoài làm nông nghiệp còn tìm ngành nghề phụ : chở hàng, mở quán, máy sát, đóng gạch, chăn nuôi... Việc bán hàng của hộ gia đình nông thôn thông qua điện thoại lấy chữ "tín" làm trọng, hàng đóng gói cẩn thận, gửi lái xe làm dịch vụ vận chuyển đến chủ mua hàng ngày càng trở thành phổ biến và tiện lợi. Khách hàng không cần trực tiếp đến nơi mua hàng nhưng vẫn có được mặt hàng đạt chất lượng theo yêu cầu. Đây là một điều rất mới xuất hiện ở địa phương trong mấy năm gần đây. Chính nền kinh tế thị trường đã hình thành việc liên doanh, liên kết trong

sản xuất kinh doanh, phân chia lợi nhuận song phẳng và rạch ròi. Từ việc tổ chức thu gom hàng đến việc hình thành đội xe vận chuyển hàng hóa đến các huyện trong tỉnh và ngoài tỉnh. Các hợp đồng kinh tế ký kết với các doanh nghiệp, với các địa phương, các tỉnh giữ được "chữ tín", thực hiện có hiệu quả. Vì vậy, nguồn vốn và lãi năm sau cao hơn năm trước ; xã ăn nên làm ra. Tiếng lành đồn xa. Tỉnh đã xây dựng xã thành điển hình nông thôn mới của vùng này...

Nhưng đồng chí Bí thư Đảng ủy xã nói với tôi, bằng tâm trạng vừa tự hào, vừa như có điều lo ngại. Từ khi xã được đón nhận danh hiệu Anh hùng thời kỳ đổi mới thì các đoàn khách lớn, đoàn khách nhỏ liên tục về thăm. Có tuần ngày nào cũng có khách ; thậm chí có ngày tiếp hai đến ba đoàn. Ở tỉnh bạn, có đoàn đi hai đến ba xe khách đến học tập kinh nghiệm mô hình xã. Khách đến sao mà không lở tiếp. Nào là bố trí

(Xem tiếp trang 63)



Về quan hệ giữa thi đua và khen thưởng

TÔ CÔNG

THI đua là hành động cách mạng của quần chúng ; khen thưởng là chức năng của Nhà nước. Song thi đua và khen thưởng đều là công tác động viên chính trị, giáo dục tư tưởng, xây dựng con người mới, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, đều nhằm động viên, khuyến khích mọi người hăng hái làm tròn nhiệm vụ, góp phần vào sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thi đua và khen thưởng có mối quan hệ hữu cơ, biện chứng với nhau.

Thi đua là cơ sở của việc khen thưởng. Thi đua tốt thì có nhiều thành tích để khen thưởng. Bình bầu thi đua đúng, chặt chẽ giúp cho việc khen thưởng chính xác. Bình bầu thi đua rộng, nể nang thì dễ dẫn đến khen thưởng tràn lan, bình bầu thi đua chiếu lệ, nếu không kiểm tra kỹ lại cũng dễ khen sai. Vì vậy, muốn làm tốt việc khen thưởng thì phải lãnh đạo tốt

việc bình bầu thi đua ngay từ cơ sở.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy : "Khen thưởng phải có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương", khen thưởng của Nhà nước là đánh giá phong trào thi đua của quần chúng. Đánh giá đúng, khen thưởng chính xác và kịp thời thì động viên, thúc đẩy phong trào thi đua phát triển mạnh mẽ. Khen thưởng kịp thời, thường xuyên sẽ duy trì phong trào thi đua liên tục. Đánh giá không đúng, khen thưởng sai làm ảnh hưởng xấu đến phong trào thi đua, khen càng cao, tác hại càng lớn, càng rộng.

Khen thưởng phải phản ánh đúng phong trào thi đua. Nơi nào có phong trào mạnh mẽ, đều khắp thì khen nhiều, phong trào xuất sắc thì khen cao, phong trào yếu mà khen nhiều là không đúng, phong trào lệch lạc thì phải uốn nắn lại.

Khen thưởng còn nhằm dẫn dắt phong trào thi đua.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc biểu dương và phát huy tác dụng "người tốt, việc tốt" mà thường là những nhân tố mới, những điển hình hay. Mỗi khi đọc báo cáo, xem báo hay nghe đài, thấy có người tốt, việc tốt là Người chỉ thị cho đi kiểm tra ngay để Người khen thưởng. Khi xuống cơ sở, thấy có người tốt, việc tốt là Người tặng huy hiệu ngay tại chỗ để động viên kịp thời. Người còn tự viết bài, đưa tin trên báo, trên đài, nêu gương cho mọi người học tập làm theo, làm cho "người tốt, việc tốt" ngày càng nhiều, dần dần trở thành phong trào. "Người tốt, việc tốt" ngày càng nhiều lên thì hiện tượng tiêu cực ngày càng giảm bớt, xã hội ngày càng tiến lên, đây mới là mục đích cuối cùng của công tác khen thưởng.

Tuy thi đua và khen thưởng có mối quan hệ khăng khít với nhau, tác động lẫn nhau, nhưng lại độc lập với nhau, không phụ thuộc vào nhau.

Có người cho rằng, có thi đua mới có khen thưởng, không có thành tích thì lấy gì mà khen. Đúng là phải có thành tích mới được khen thưởng. Thi đua tốt, có nhiều thành tích thì khen thưởng cũng nhiều. Song không phải

thành tích nào cũng từ các phong trào thi đua, chẳng hạn như : khen đối ngoại, khen người có công giúp đỡ cách mạng trước ngày 19-8-1945, người tham gia kháng chiến, khen đột xuất cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước.

Thi đua là hành động cách mạng, hành động tự giác của quần chúng, nên khái niệm thi đua chỉ mới xuất hiện từ khi có nhà nước Xô viết ra đời. Thi đua yêu nước, thi đua xã hội chủ nghĩa là đoàn kết, giúp nhau cùng tiến bộ, cùng làm tốt nhiệm vụ của mình nên khác hẳn với lối ganh đua hay tự do cạnh tranh trong xã hội tư bản, tìm cách đìm nhau, hại nhau, thôn tính nhau.

Còn khen thưởng là chức năng của Nhà nước. Thưởng phạt là công cụ quản lý của mọi nhà nước, nên từ khi có Nhà nước phong kiến là đã có khen thưởng.

Ở Việt Nam, dưới các triều đại phong kiến cũng rất coi trọng khen thưởng. Cách đây gần 600 năm, Nguyễn Trãi cũng đã nói đến khen thưởng : "Một nhà nước thưởng phạt nghiêm minh, kịp thời là nhà nước vững mạnh, nhà nước nào thưởng nhiều hơn phạt là nhà nước phồn vinh. Nhà nước nào phạt nhiều hơn thưởng là nhà nước đang suy tàn".

Ngay sau khi giành được chính quyền, ngày 26-1-1946,

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra quốc lệnh ban hành 10 điều thưởng và 10 điều phạt, để động viên khuyến khích mọi người làm việc tốt, ích nước, lợi nhà và để cảnh báo, răn đe đừng ai làm việc xấu, hại dân, hại nước ; và đến năm 1947, Người lại đặt ra các loại huân chương : Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công và Huân chương Chiến công.

Về thi đua, ngày 11-6-1948, Người đã ra lời kêu gọi thi đua ái quốc, để đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mau thắng lợi và cuộc kiến quốc chóng thành công. Đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã tổ chức được 6 Đại hội thi đua toàn quốc để biểu dương những anh hùng và chiến sĩ thi đua, những tập thể và cá nhân tiên tiến, tổng kết rút kinh nghiệm và đề ra những nhiệm vụ mới của phong trào. Công tác thi đua và công tác khen thưởng trước kia cũng như ngày nay đã góp phần tích cực vào việc động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta hăng hái thi đua đánh thắng giặc Pháp và giặc Mỹ xâm lược, xây dựng đất nước giàu mạnh.

Do quan niệm cho rằng, có thi đua mới có khen thưởng, nên lâu nay ở nhiều nơi thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới chưa có phong trào thi đua nên không được hoặc

ít được khen thưởng, mặc dầu ở những nơi đó, cán bộ và nhân dân cũng có nhiều thành tích, cũng xuất hiện nhiều người tốt, việc tốt, không do thi đua mà do có lòng yêu nước và lòng tin tưởng vào Đảng. Thế là chúng ta đã không nghiêm chỉnh thực hiện lời dạy của Người "Có công thì thưởng, có tội thì phạt ...", đã bỏ sót nhiều người có công mà phần lớn là đồng bào các dân tộc ít người.

Thi đua là đoàn kết. Khen thưởng cũng phải bảo đảm đoàn kết, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo ...

Vì vậy, chúng ta hết sức quan tâm đến việc giúp đỡ, hướng dẫn cán bộ biết làm và làm tốt công tác thi đua, công tác khen thưởng. Phải biết vận dụng linh hoạt các tiêu chuẩn khen thưởng cho phù hợp với tình hình, hoàn cảnh từng nơi, từng lúc ; ví dụ, cùng thành tích như thế mà ở nơi này không được khen, nhưng ở nơi khác lại được khen, ở nơi này được khen thấp, nhưng ở nơi khác lại được khen cao, trước kia được khen nhưng bây giờ lại không được khen...

Lại có ý kiến nói, không khen thưởng thì ai còn muốn thi đua. Đúng là không ai phủ nhận tác dụng động viên thi đua của việc khen thưởng ; và thật là thiếu sót, nếu bỏ qua

không biểu dương, khen thưởng thích đáng thành tích thi đua của quần chúng.

Về mặt tâm lý thì ai cũng muốn được khen là hay, không muốn bị chê là kém. Người Việt Nam ta vốn có truyền thống coi trọng giá trị tinh thần "lời chào cao hơn mâm cỗ".

Song thi đua là hành động cách mạng, hành động tự giác của quần chúng. Người có ý thức tự giác cao thì không đòi hỏi phải có hình thức động viên nào. Anh Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai, anh Bế Văn Đàn lấy thân mình làm giá súng để đồng đội xông lên giết giặc và biết bao nhiêu tấm gương hy sinh oanh liệt khác. Đó là vì các anh có lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù giặc sâu sắc, ý chí quyết chiến quyết thắng cao ; đâu có nghĩ là mình còn sống để được tặng thưởng huân chương. Các anh là những người có tinh thần thi đua rất cao, nó đã ăn sâu vào tiềm thức và thể hiện ra hành động.

Người có tinh thần thi đua cao, tức là tinh thần yêu nước cao, là người luôn học hỏi, suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo, vượt khó vươn lên mong sao hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Còn việc đánh giá, khen thưởng là trách nhiệm của lãnh đạo, của các cơ quan nhà nước. Người lãnh đạo mà

không quan tâm đến công tác khen thưởng là không trân trọng và thiếu trách nhiệm đối với công lao, thành tích của quần chúng đã phải trải qua bao gian khó, hy sinh mới có được.

Nhưng đến nay vẫn còn nhiều người nghĩ rằng, thi đua là phải có phong trào rầm rộ, có phát động, có giao ước và đăng ký thi đua,... không biết rằng mình đang cố gắng tìm mọi cách để làm tốt công tác của mình, chính là mình đang thi đua. Những người này thì đáng khen.

Trong khi đó, có những người miệng luôn nói thi đua nhưng làm việc lại bẽ trễ, hoặc cứ hô hào mọi người thi đua, nhưng lại có hành động tiêu cực phản thi đua. Thi đua kiểu này thì đáng chê.

Vì vậy, cũng nên làm cho mọi người hiểu rõ hơn về thi đua, theo tinh thần lời dạy của Hồ Chí Minh hoặc là thi đua không phải là một việc khác với những công việc hằng ngày, mà là làm cho tốt những công việc hằng ngày đó ; nghĩa là phải bằng việc làm tốt, chứ không phải bằng lời nói suông.

Muốn làm tốt công tác thi đua cũng như công tác khen thưởng, phải có sự phối hợp chặt chẽ vai trò vận động, tổ chức của các đoàn thể chính trị - xã hội với vai trò quản lý nhà nước của chính quyền

dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ trung ương đến cơ sở.

Thi đua là phong trào cách mạng của quần chúng, nên việc vận động thi đua, tổ chức và chỉ đạo phong trào thi đua đòi hỏi không chỉ toàn bộ hệ thống tổ chức phải làm, mà mặt trận và các tổ chức thành viên (công đoàn, thanh niên, phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh,...) phải là nòng cốt ; tránh tình trạng tổ chức hành chính hóa bộ máy làm công tác thi đua.

Còn khen thưởng tuy là chức năng của Nhà nước, do chính quyền đảm nhiệm, nhưng để bảo đảm cho việc khen thưởng được dân chủ, công bằng, chính xác thì phải có sự tham gia đầy đủ của các đoàn thể quần chúng ngay từ khi đề ra chính sách khen thưởng đến khi xét duyệt khen thưởng.

Để động viên mọi người phấn khởi, hăng hái thi đua thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh", chúng ta cần khéo kết hợp ba mặt : giáo dục chính trị, tư tưởng ; động viên khen thưởng về tinh thần ; khuyến khích bằng lợi ích vật chất ; không được xem nhẹ mặt nào và phải hết sức coi trọng việc giáo dục chính trị tư tưởng. □



Ý NGHĨA THỜI ĐẠI CỦA CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI

SAU thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917, trọng tâm toàn bộ hoạt động của Đảng và Nhà nước Xô-viết đã chuyển sang việc tổ chức công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nắm vững sâu sắc các quy luật phát triển của xã hội, V.I. Lê-nin đã hoạch định một cách sáng suốt và đúng đắn đường lối xây dựng xã hội mới, mà bước đột phá sáng tạo có ý nghĩa quyết định là việc chuyển từ chính sách "Cộng sản thời chiến" sang thực hiện Chính sách Kinh tế Mới (NEP).

Ý nghĩa to lớn về lý luận và thực tiễn của NEP đối với thời đại là điều không thể phủ nhận. Thực tiễn của cuộc sống ngày hôm nay càng chứng minh tính đúng đắn trong nhận định của V.I. Lê-nin : " Nhiệm vụ mà chúng ta đang tạm thời hoàn thành một cách đơn độc, có vẻ như thuần túy Nga, song thực ra đó là nhiệm vụ sẽ được đề ra cho tất cả những người xã hội chủ nghĩa"(1). Vậy mà gần đây, trong một số ấn phẩm sách báo ở Nga đã xuất hiện một vài nhận định lệch lạc về ý nghĩa của NEP. Có nhận định rằng, NEP chỉ là "tổng số giản đơn những giải pháp mang tính chất tình thế" (!) Thậm chí, có một vài nhận định còn phủ nhận cả những quan điểm cơ bản của V.I. Lê-nin về NEP. Trong một số

cuốn giáo trình lịch sử được xem là tài liệu chuẩn dành cho các trường đại học và cao đẳng ở Nga, NEP chỉ được quan niệm như là "một chùm các giải pháp kế tiếp nhau, một toa thuốc hay một phương sách tình thế nhằm thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kéo dài. Những giải pháp, toa thuốc hay phương sách tình thế này hoàn toàn chỉ do những điều kiện khách quan quyết định...". Người ta còn cho rằng : "vào những năm cuối đời, các ý kiến của V.I. Lê-nin thường rời rạc và mâu thuẫn với nhau, bởi vậy khó có thể nói đến NEP với tư cách là một "chức thư" của V.I. Lê-nin..."(2).

Quan niệm như vậy về NEP, theo V. Pê-phi-lốp, tác giả của bài viết đăng trên tờ *"Sự thật U-li-a-nốp"* số ra tháng Giêng-2002, là phiên diện và thiếu khách quan. Chia sẻ với ý kiến phê phán này, Giáo sư N. Lê-vin-tốp trong bài *"Giải thích quan niệm của Lê-nin về NEP"* trên tạp chí *Đối thoại* số 10-2002 cho rằng, nhận xét về NEP theo như một số cuốn giáo trình lịch sử đó là không đúng và

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 404

(2) Xem V.P. Ômi-tri-en-cô : *Lịch sử nước Nga, thế kỷ XX*, Mát-xcơ-va, 1998 (Tiếng Nga)

thể hiện thái độ xem thường những khía cạnh lý luận và thực tiễn mang tính thời đại của NEP. Không đánh giá đúng giá trị của những khía cạnh đó thì không thể nắm vững và vận dụng NEP một cách đầy đủ.

Sai lầm về phương pháp luận của nhận xét phiến diện, thiếu khách quan và không đúng đắn về NEP, theo GS. N. Lê-vin-tốp, chính là ở việc xem thường luận điểm cơ bản của V.I. Lê-nin được đưa ra ở một trong những tác phẩm cuối cùng của Người - tác phẩm *"Bàn về chế độ hợp tác xã"*. Luận điểm cơ bản đó là : "chúng ta buộc phải thừa nhận là toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản"⁽³⁾.

Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại đặt ra nhiệm vụ xây dựng chế độ mới do nhân dân lao động thực sự làm chủ. Mặc dù những năm chiến tranh đã làm cho nền kinh tế của nước Nga Xô-viết rơi vào tình trạng suy sụp, vô cùng kiệt quệ và tuy thiếu vắng những kinh nghiệm lịch sử, nhưng nhiệt tình cách mạng chưa từng thấy và niềm tin to lớn của quần chúng nhân dân vào thắng lợi mau chóng và tất yếu của cách mạng vô sản trên toàn thế giới đã đẩy nhanh sự ra đời mô hình đầu tiên của chủ nghĩa xã hội - *mô hình cộng sản thời chiến*. Song, thực tiễn tuy nghiệt ngã nhưng vô cùng sinh động trong những năm sau chiến tranh đã cho thấy *mô hình cộng sản thời chiến* không còn phù hợp với những điều kiện lịch sử đã thay đổi. Chính trong bối cảnh mới đó, V.I. Lê-nin đã soạn thảo một quan điểm hiện thực mới về chủ nghĩa xã hội. Quan điểm hiện thực mới về chủ nghĩa xã hội gắn với chủ

trương của Người về việc thực thi NEP. Bản *"Phác thảo sơ bộ những luận cương về nông dân"* mà V.I. Lê-nin hoàn thành trong thời gian diễn ra phiên họp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga (8-2-1921) đã trở thành văn kiện khởi xướng chủ trương chuyển sang việc thực thi NEP. Đương thời, khi vạch trần sự hăn học của báo chí tư sản cho rằng, NEP là "sự rời bỏ vị trí của chủ nghĩa xã hội để trở về với chủ nghĩa tư bản", là sự thừa nhận của những người bên-sê-vích về "sự phá sản" của chủ nghĩa xã hội, V.I. Lê-nin đã quả quyết : "Chính sách kinh tế mới không thay đổi cái gì có tính chất căn bản trong chế độ xã hội của nước Nga Xô-viết và cũng không thể thay đổi được điều gì chừng nào mà chính quyền còn ở trong tay công nhân"⁽⁴⁾.

Quan điểm hiện thực mới của V. I. Lê-nin, theo GS. N. Lê-vin-tốp, thể hiện ở những yêu cầu mang tính nguyên tắc sau đây : *Một là*, phải biết phân tích kỹ lưỡng đặc điểm tình hình trong nước : cơ cấu nền kinh tế nhiều thành phần, cơ cấu xã hội và giai cấp ; đánh giá đúng trình độ chính trị, văn hóa và tâm trạng của tất cả các giai tầng trong xã hội ; phát huy mọi khả năng và quan tâm đến lợi ích của họ. *Hai là*, phải thiết lập những mối quan hệ bình thường về kinh tế và chính trị với toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới ngay cả trong tình thế bị bao vây, phong tỏa. *Ba là*, phải thấy sự cần thiết và tồn tại lâu dài của mô hình "nền kinh tế hỗn hợp" với tư cách là mô hình của sự cùng tồn tại và tác động lẫn nhau giữa các thành phần

(3), (4) V.I. Lê-nin : *Sổđ*, t 45, tr 428, 343

kinh tế, trong điều kiện nhà nước của nhân dân lao động phải nắm lấy những vị thế cao nhất trong nền kinh tế đó.

Trong nội dung của NEP, quan điểm hiện thực mới của V.I. Lê-nin được cụ thể hóa ở những luận điểm cơ bản : *Thứ nhất*, nét đặc trưng về phương diện tổ chức của chủ nghĩa xã hội nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển là kết hợp những quan hệ thị trường với sự điều tiết không thể thiếu của nhà nước. *Thứ hai*, nhiệt tình cách mạng của quần chúng phải được kết hợp với lợi ích vật chất của họ qua hiệu quả sản xuất và kinh doanh. *Thứ ba*, chế độ hợp tác xã - đó là con đường "giản đơn nhất, dễ dàng nhất" để thu hút nông dân đến với chủ nghĩa xã hội. *Thứ tư*, bình thường hóa các quan hệ kinh tế và chính trị với tất cả các nước trên thế giới. *Thứ năm*, quá trình thực thi NEP không phải là một "cuộc vận động" ngắn hạn, mà là một giai đoạn lịch sử lâu dài của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Các luận điểm trên hoàn toàn khác với những quan niệm về chủ nghĩa xã hội được hình thành trong thời kỳ thực thi chính sách cộng sản thời chiến. NEP, như sự khẳng định của GS. N. Lê-vin-tốp, không phải là phương án mang tính sách lược, nhất thời trong quá trình thực hiện bước chuyển lên chủ nghĩa xã hội, mà là bước đột phá vĩ đại mang tính chiến lược trong lý luận mác-xít về mô hình hiện thực của chủ nghĩa xã hội. Đành rằng, trong di sản lý luận của V.I. Lê-nin không có thuật ngữ "mô hình chủ nghĩa xã hội" (thuật ngữ này do các nhà khoa học xã hội Liên Xô đưa ra sau này), tuy nhiên, những đường nét cơ bản của mô hình này, về thực chất,

đã được thể hiện rất rõ qua quan điểm của V.I. Lê-nin trong NEP cũng như trong nhiều tác phẩm của Người được viết vào những năm sau Cách mạng Tháng Mười.

Tuyên bố của những chính trị gia và học giả tư sản về sự phá sản của chủ nghĩa xã hội nói chung đã bị thực tế bác bỏ. GS. N. Lê-vin-tốp nhấn mạnh, mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội bị đổ vỡ chỉ ở những nước đã không biết chuyển sang mô hình mới của chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên những nguyên tắc của NEP. Thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay ở Trung Quốc, Việt Nam và một số nước khác càng khẳng định ý nghĩa thời đại to lớn về lý luận và thực tiễn của NEP.

Một nội dung quan trọng của NEP dường như rất ít được đề cập đến trong sách báo hiện nay là, vấn đề giải quyết mối quan hệ giữa hai hình thức phát triển cơ bản của nhân loại - hình thức phát triển tự phát và hình thức phát triển có tổ chức. Nói một cách khác, đó là giải quyết vấn đề mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường. Nếu chủ nghĩa tư bản được hình thành theo mô hình tự do, tức phủ nhận vai trò tích cực của nhà nước trong lĩnh vực kinh tế cũng như cả trong môi trường xã hội (ở một mức độ lớn), tuyệt đối hóa vai trò của thị trường (mà mô hình tự do này đã trở nên lỗi thời vào những năm đầu thế kỷ XX), thì ở nước Nga Xô-viết trong thời gian thực hiện chính sách cộng sản thời chiến, vai trò của nhà nước lại hoàn toàn được tuyệt đối hóa. Theo GS. N. Lê-vin-tốp, cống hiến lớn nhất trong việc giải quyết vấn đề nói trên thuộc về V.I. Lê-nin. Trong NEP, Người đã phát hiện một điều kiện quan trọng nhất để

giải quyết vấn đề mối quan hệ : thị trường và nhà nước - tìm ra mức độ quan hệ giữa thị trường và nhà nước. V. I. Lê-nin khẳng định : "Chúng ta đã tìm ra được mức độ kết hợp lợi ích tư nhân, lợi ích thương nghiệp tư nhân với việc nhà nước kiểm soát và kiểm tra lợi ích đó, mức độ làm cho lợi ích tư nhân phục tùng lợi ích chung, điều mà trước đây là nan giải đối với rất nhiều người xã hội chủ nghĩa"(5). Tiếp tục phát triển mức độ kết hợp lợi ích tư nhân và lợi ích chung, thị trường và nhà nước, các hình thức tác động giữa hai nhân tố đó với nhau, các biện pháp kiểm tra và kiểm soát của nhà nước, đến nay vẫn còn đang là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của các nước trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn giải quyết vấn đề này, theo kết luận của GS. N. Lê-vin-tốp, một lần nữa đang

khẳng định ý nghĩa thời đại to lớn của NEP : Đó là bước đột phá vĩ đại trong sự phát triển tư tưởng kinh tế và chính trị đương đại. Nhiều nhà khoa học hàng đầu hiện nay ở Nga đều nhất trí với kết luận đó. Viện sỹ N. Môi-sép đã thể hiện quan điểm của mình về ý nghĩa của NEP như sau : "Tôi tin tưởng sâu sắc rằng, việc thủ tiêu NEP cũng đồng nghĩa với việc chính quyền đã để mất đi một cơ hội duy nhất bảo đảm cho sự nghiệp kiến tạo một xã hội hợp lý nhất với mức độ kết hợp và tác động qua lại phù hợp của các nhân tố : những nguyên tắc của chế độ hợp tác, tự do kinh doanh và vai trò điều tiết của nhà nước".□

NHẬT LINH

(Tổng thuật)

(5) V.I. Lê-nin : *Sdd*, t 45, tr 422

Cái được...

(Tiếp theo trang 56)

người đưa đoàn đi thăm quan, rồi chia thành nhóm nhỏ đến các thôn, bản để thị sát, tìm hiểu kinh nghiệm sản xuất. Trưa rồi đối với những đoàn khác xa, chủ phải lo chỗ ăn, chỗ nghỉ cho khách, thật là nhiều việc phải xử lý. Nếu tiếp đón không chu đáo thì bị phê bình, còn tiếp đón hài lòng khách quả là quá sức của xã. Nếu cứ tình

hình diễn ra như thế này rồi không biết còn đủ sức để tồn tại hay không, chứ đừng nói gì đến giữ vững danh hiệu và tiến lên.

Sau khi nghe, tôi có đôi lời giải bày, tỏ ra am hiểu và thông cảm những khó khăn ở cơ sở để động viên. Đồng chí Bí thư Đảng ủy nói tiếp : Sợ nhất là đoàn xe to, xe nhỏ lui tới, khách không mời mà đến, lại hứa hẹn đủ điều làm cho cơ sở bán tin, bán nghi, thậm chí còn mừng hụt...

Từ thực tiễn trên, tôi không khỏi băn khoăn day dứt về *cái được và cái mất* của một điển hình tiên tiến như ở xã H. Quả thật, xây dựng một điển hình tốt là khó khăn, giữ được điển hình tồn tại và phát triển đi lên nhân rộng điển hình ra nhiều nơi còn khó hơn nhiều. Từ thực tiễn sinh động của xã H., tôi nghĩ cũng diễn ra tương tự ở nhiều địa phương, song mong muốn sao cho *cái được* là chính là *cái mất* sẽ là không đáng kể.□

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ NHẤT HỘI CÁC DOANH NGHIỆP TRẺ VIỆT NAM

N NGÀY 23 và 24-11-2002, tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội đại biểu Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam lần thứ nhất trọng thể khai mạc. Về dự Đại hội có 500 doanh nhân tiêu biểu trong toàn quốc. Đại hội rất vui mừng được đón các đồng chí Trương Quang Được, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội; Vũ Khoan, Ủy viên Ban Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ; Hoàng Bình Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các bộ, ban, ngành ở trung ương và địa phương.

Đại hội có trọng trách thông qua Điều lệ đầu tiên của Hội; hiệp thương chọn, cử Ủy ban Trung ương Hội khóa I; thông qua phương hướng hoạt động của Hội nhiệm kỳ I (2002 - 2005) và trao giải thưởng Sao Đỏ cho các nhà doanh nghiệp trẻ xuất sắc nhất năm 2002.

Đến nay, phong trào doanh nghiệp trẻ Việt Nam đã trải qua 11 năm xây dựng và phát triển. Đây là chặng đường khó khăn nhất, khắt khe công sức, trí tuệ và sự kiên trì của những doanh nghiệp trẻ, những cán bộ Đoàn, Hội tâm huyết. Tập hợp 1 600 hội viên là các nhà doanh nghiệp trẻ, Hội trở thành nơi định hướng, cổ vũ những hoạt động sôi nổi, tôn vinh các doanh nhân trẻ giỏi và có uy tín lớn, góp phần quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

Các nhà doanh nghiệp trẻ hiện đang quản lý, điều hành 25% trong hơn 5 000 doanh nghiệp nhà nước và 75% trong gần 80 000 doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác và trên 2,1 triệu cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể trong toàn quốc. Chỉ tính riêng 1 600 hội viên là các doanh nghiệp trẻ đang ở các tỉnh, thành phố đã có doanh thu 4 tỉ USD hằng năm, tạo việc làm cho hơn nửa triệu lao động. Có thể khẳng định, đội ngũ doanh nghiệp trẻ hôm nay là một thành viên quan trọng trong các lực lượng kinh tế - xã hội, có vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Trong công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, phong trào "Thanh niên lập nghiệp" do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động, là môi trường tốt, tạo cơ hội thuận lợi động viên, khuyến khích hàng triệu thanh niên thể hiện và phát huy tài năng của mình trong các lĩnh vực kinh tế, tạo công ăn việc làm, làm giàu chính đáng cho bản thân và góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Từ phong trào "Thanh niên lập nghiệp", một lớp thanh niên năng động, sáng tạo, sản xuất - kinh doanh giỏi, các nhà quản lý doanh nghiệp giỏi đã xuất hiện và ngày càng lớn mạnh.

Trong nhiệm kỳ đầu (2002 - 2005), Hội các doanh nghiệp trẻ Việt Nam hưởng ứng rộng rãi và mạnh mẽ phong trào "Ba xung kích xây dựng kinh tế, hai tình nguyện phát triển cộng đồng", đẩy mạnh công tác đoàn kết tập hợp doanh nghiệp trẻ nhằm tổ chức, động viên doanh nghiệp trẻ cả nước thi đua phát triển và nâng cao trình độ sản xuất, kinh doanh, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của Hội, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: THANH TRÌ - HÀ NỘI * ĐIỆN THOẠI: (84.4) 8 615 480/ 8 612 128 FAX: (84.4) 8 613 937



VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM VỚI CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU CHỌN TẠO CÁC GIỐNG CÂY TRỒNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ Ở NÔNG THÔN.

Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam (Viện KHKTNNVN) là viện khoa học đầu ngành của ngành NN-PTNT, có chức năng nghiên cứu cơ bản và tổng hợp về KHKT nông nghiệp, chuyển giao kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất và đào tạo cán bộ sau đại học, trên đại học và kỹ thuật viên cho ngành.

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU

Trong nhiều năm qua, Viện luôn coi trọng công tác nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng phục vụ sản xuất bằng việc tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ, củng cố và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước.

Viện đã được các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên tin tưởng giao nhiệm vụ chủ trì nhiều đề tài KHCN cấp nhà nước và cấp Bộ về nghiên cứu chọn tạo nhiều loại giống cây trồng quan trọng như: lúa, lạc, đậu tương, đậu xanh, cây có củ, xoài, điều, ca-cao... kể cả các cây trồng nhập nội: lúa mì, đại mạch, cỏ ngọt...

Trong giai đoạn 10 năm gần đây, Viện đã nghiên cứu, đề xuất và được Bộ NN & PTNT công nhận 46 giống quốc gia thuộc 9 loại cây trồng và 40 giống được phép khu vực hoá ở các vùng sinh thái khác nhau.

Những giống mới này mang nhiều đặc tính như năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chịu được điều kiện bất thuận, đáp ứng tốt nhu cầu thâm canh tăng năng suất và chuyển đổi

cơ cấu cây trồng ở khắp các địa phương trong cả nước, giúp nông dân sản xuất được nhiều nông sản mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đặc biệt, hai giống lúa X21 và Xi23 của Viện đã được gieo trồng hàng vạn héc-ta, là 2 trong số 10 giống lúa có diện tích lớn nhất ở nước ta; 3 tổ hợp lúa lai chất lượng cao là HYT57, HYT82, HYT83 đạt năng suất từ 65 đến 80 tạ/ha/vụ do Viện tự sản xuất được hạt giống F1; các giống lạc L14, MD7, L08 cho năng suất từ 40 đến 45 tạ/ha, trong khi năng suất lạc bình quân của cả nước chỉ đạt 15 tạ/ha; giống đậu tương ĐT2000 cho năng suất từ 2.5 đến 3.5 tấn/ha, trong khi bình quân của cả nước chỉ đạt 1.1 tấn/ha....

Ngoài ra, Viện còn cung cấp hàng ngàn mẫu giống (nguồn gen) cho các cơ quan nghiên cứu di truyền chọn giống cây trồng trong cả nước để cùng khai thác sử dụng và giới thiệu được nhiều giống có triển vọng cho sản xuất.

CÁC THÀNH TÍCH

Hơn 50 năm qua, Viện KHKTNNVN đã rất nỗ lực trong công tác nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng vật nuôi phục vụ sản xuất mang lại nhiều thành tựu đáng khích lệ đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý:

- HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH-2002
- HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT-1996
- HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHÌ-1992
- HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT-1982

Nhiều cán bộ của Viện được tặng thưởng huân, huy chương và bằng khen về các công trình nghiên cứu khoa học, trong đó có 3 nhà khoa học được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động và 1 nhà khoa học được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, 2 nhà khoa học được phong là Viện sỹ Viện hàn lâm khoa học Liên Bang Nga.

VIỆN KHOA HỌC THỂ DỤC THỂ THAO

ĐỊA CHỈ: 141 NGUYỄN THÁI HỌC - QUẬN BA ĐÌNH - TP HÀ NỘI
Điện thoại: (84-4) 7334408 * Fax: (84-4) 733419
E-mail: vkhtdt@fpt.vn; vkh-tt@fpt.vn



VIỆN TRƯỞNG
PGS. TS DƯƠNG NGHIỆP CHÍ

Hiện nay, công tác chuẩn bị cho Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 (SEGAMES 22), đang ở giai đoạn gấp rút, Viện Khoa học Thể dục Thể thao là một đơn vị được UBTDĐT giao thực hiện những tác nghiệp về khoa học công nghệ mới, trực tiếp phục vụ cho SEGAMES 22 sẽ diễn ra từ 05 đến 13-12-2003. Tại SEGAMES này, lần đầu tiên Việt Nam ứng dụng hệ thống điện tử xử lý thông tin thi đấu thể thao theo thông lệ trong các cuộc thi đấu lớn quy mô quốc tế. Trong các dự án này sẽ bao gồm các thiết bị điện tử hỗ trợ trọng tài đo lường thành tích thi đấu, hiển thị thành tích thi đấu tại chỗ hoặc các thiết bị điện tử hỗ trợ trọng tài điều khiển các cuộc thi đấu. Hiện nay, Viện đang triển khai thực hiện 03 nhiệm vụ chính:

1. XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ THI ĐẤU BAO GỒM:

- + Hệ thống đăng ký vận động viên
- + Hệ thống xử lý thành tích thi đấu
- + Xếp hạng thi đấu tại các địa điểm thi đấu của 32 môn thể thao sẽ được tổ chức thi đấu tại SEGAMES
- + Hệ thống xử lý tổng hợp thành tích thi đấu của 32 môn thể thao đối với các quốc gia dự thi.
- + Hệ thống tự động truyền dữ liệu thi đấu về thành tích thi đấu từ trang Website SEGAMES 22, Trung tâm Báo chí-Truyền hình và tới các trường đoàn thể thao các nước. Hệ thống này gồm nhiều phần mềm chuyên dụng, các mạng nội bộ và các mạng truyền số liệu.

2. XÂY DỰNG TRANG WEBSITE SEAGAME 22

Là tổ chức thông tin chính thức của BTC Đại hội. Trang Web này bao gồm nhiều trang thông tin tinh giới thiệu về đất nước con người Việt Nam, đặc biệt là các tỉnh, thành phố đăng cai thi đấu, giới thiệu về Đại hội Thể thao Đông Nam Á, lời kêu gọi tập thể dục thể thao của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thể thao Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Ngoài ra, phần động của trang Web

cung cấp đầy đủ thông tin thi đấu trong các ngày diễn ra Đại hội. Các tin tức này được cập nhật 15 phút/lần và tổng hợp tin tức 2 lần/ngày.

3. VIỆN KHOA HỌC THỂ THAO ĐƯỢC UBTDĐT GIAO TRÁCH NHIỆM CHỦ TRÌ TỔ CHỨC CÔNG TÁC XÉT NGHIỆM DOPING TRONG SEGAMES 22.

Ngoài nhiệm vụ phục vụ cho SEGAMES 22, Viện Khoa học Thể dục Thể thao tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên khác. Nhằm nâng cao sức khỏe cho người lao động, phục vụ công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, Viện đã hoàn thành công tác điều tra thể chất nhân dân từ 6-20 tuổi, sẽ tiếp tục thực hiện điều tra từ 21-60 tuổi, đặc biệt từ 21- 35 tuổi. Từ kết quả điều tra này, chúng ta thấy rõ thực trạng thể chất của người Việt Nam và đề xuất các giải pháp thích hợp để tăng cường thể chất của người Việt Nam.

VỀ THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

Viện đang tập trung nghiên cứu để tài độc lập cấp Nhà nước về chương trình nội dung, biện pháp đào tạo vận động viên bóng đá trẻ. Đối với các môn thể thao khác, Viện đã tiến hành nghiên cứu để đưa ra các tiêu chuẩn đánh giá tuyển chọn VĐV, giúp các HLV tham khảo trong quá trình huấn luyện. Ngoài ra, Viện Khoa học Thể dục Thể thao giúp các VĐV quốc gia các giải pháp mới cải thiện dinh dưỡng, bổ sung dinh dưỡng đảm bảo hồi phục tốt hơn để khắc phục tình trạng mệt mỏi trong huấn luyện và thi đấu. Công tác chữa trị chấn thương cho VĐV được Trung tâm Y học Thể thao của Viện tiến hành thường xuyên đối với các VĐV quốc gia và VĐV xuất sắc của nhiều tỉnh thành.

ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CÁN BỘ

Hàng năm, Viện tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho HLV, bác sĩ thể thao, tiếp tục được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức đào tạo cán bộ trình độ tiến sĩ trong ngành TDTT.





VIỆN ĐỊA CHẤT

INSTITUTE OF GEOLOGICAL SCIENCES

TRUNG TÂM KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

NATIONAL CENTER FOR NATURAL SCIENCE & TECHNOLOGY

ĐỊA CHỈ: 18 ĐƯỜNG HOÀNG QUỐC VIỆT - CẦU GIẤY - HÀ NỘI * TEL: (04) 756 1460 - FAX: (04) 836 2886

BAN LÃNH ĐẠO

VIỆN TRƯỞNG TS. TRẦN TRỌNG HUỆ
PHÓ VIỆN TRƯỞNG TS. ĐINH VĂN TOÀN
PHÓ VIỆN TRƯỞNG TSKH. VŨ CAO MINH

Chúng nhận đăng ký hoạt động
KH và CN số 196 ngày 18-11-1993
của Bộ Khoa học CN và MT

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Tiền thân là Viện Các khoa học về Trái đất thuộc Viện Khoa học Việt Nam, thành lập theo Quyết định số 92/QĐ ngày 28-02-1976. Sau này, Viện Các khoa học về Trái đất được đổi tên thành Viện Địa chất (Quyết định số 2441/KH ngày 29-12-1988). Năm 1993, Viện Khoa học Việt Nam đổi tên thành Trung tâm KHTN & CNQG, Viện Địa chất là đơn vị trực thuộc Trung tâm (Quyết định số 119/KHCNQG ngày 10-07-1993).

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Nghiên cứu và triển khai kết quả nghiên cứu những vấn đề về địa chất quan trọng có ý nghĩa quốc gia.

Trong những năm trước mắt tập trung

nghiên cứu những vấn đề về KH & CN thuộc lĩnh vực môi trường, thiên tai địa chất và những biện pháp giảm nhẹ thiệt hại do chúng gây ra; nghiên cứu đánh giá tài nguyên khoáng sản và công nghệ khai thác, chế biến chúng; nghiên cứu cơ bản về kiến trúc động lực, thành phần vật chất, lịch sử phát triển thạch quyển; nghiên cứu những vấn đề về địa kỹ thuật, hoàn thiện và phát triển các công nghệ và kỹ thuật; nâng cao hiệu quả nghiên cứu địa chất môi trường và thăm dò khoáng sản.

Tổ chức triển khai, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, thực hiện chuyển giao các công nghệ tiên tiến và tăng cường hợp tác quốc tế nâng cao hiệu quả nghiên cứu.

Thông tin tư vấn, đào tạo cán bộ KH-CN trong các lĩnh vực liên quan.

TIẾM LỤC

Tổ chức

- 2 phòng quản lý và 15 phòng trung tâm nghiên cứu KH trực thuộc Viện.

- 2 trạm nghiên cứu địa động lực hiện đại, trạm Láng Thượng (Hà Nội), trạm Chí

Linh (Hải Dương).

Nhân lực

Có 120 cán bộ, trong đó 5 GS & PGS, 45 tiến sĩ, 10 thạc sĩ và 55 đại học.

Trang thiết bị

Tổ hợp thiết bị đo biến dạng vỏ Trái đất; thiết bị khối phổ Plasma-ICP-MS; thiết bị quang học nghiên cứu thành phần vật chất; tổ hợp thiết bị thu ảnh NOAA và xử lý ảnh viễn thám; các thiết bị địa kỹ thuật, thiết bị đo áp lực nước lỗ hổng; thiết bị đo dịch chuyển khối đất đá trong lỗ khoan; thiết bị đo hơi thủy ngân và xạ khí Radon; hệ thiết bị xác định các chỉ tiêu môi trường; các thiết bị địa vật lý, máy địa chấn nông, thiết bị đo địa nhiệt, máy thăm dò điện, thiết bị dùng nguồn phóng xạ tia gamma và neutron xác định mức độ ngậm nước của đất đá.

HỢP TÁC QUỐC TẾ

Hợp tác rộng rãi và có hiệu quả với Cộng đồng châu Âu, các nước như: Nga, Mỹ, Pháp, Ca-na-da, Ba Lan, Bỉ, CHLB Đức, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a...

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP SÓNG THẦN

63 Yersin - thị xã Thủ Dầu Một - tỉnh Bình Dương



Kính chào Quý Khách

CÔNG TY TÀI CHÍNH CAO SU

ĐỊA CHỈ: 210 NAM KỲ KHỞI NGHĨA - Q.3 - TPHCM

DIỆN THOẠI: (84-8) 9 303 766 * (84-8) 9 303 236



CHỨC NĂNG

Công ty Tài chính Cao-su thực hiện các nghiệp vụ sau:

HUY ĐỘNG VỐN

- * Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên của tổ chức, cá nhân.
- * Phát hành kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các loại giấy tờ có giá trị khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của NHNN và pháp luật hiện hành.
- * Vay của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước theo đúng quy định của NHNN.
- * Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

CHO VAY VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

- * Cho vay ngắn hạn, trung, dài hạn đối với các tổ chức, cá nhân.
- * Cho vay trả góp mua hàng tiêu dùng.
- * Cho vay ủy thác theo hợp đồng ủy thác của các tổ chức, cá nhân.
- * Thực hiện các hoạt động bảo lãnh theo quy định của

NHNN.

- * Chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá trị khác đối với tổ chức, cá nhân.
- * Tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu với các TCTD khác.
- * Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và TCTD khác.
- * Đầu tư cho các dự án, liên kết với doanh nghiệp theo hợp đồng.
- * Thực hiện các dịch vụ kiều hối, kinh doanh vàng.
- * Làm đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá trị khác cho các doanh nghiệp.
- * Nhận ủy thác làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và đầu tư, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng.
- * Cung ứng các dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính, tiền tệ, đầu tư của các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng.
- * Cung ứng dịch vụ bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá trị, cho thuê tủ két...theo quy định của pháp luật.
- * Hoạt động ngoại hối khi được NHNN cho phép.
- Hoạt động bao thanh toán khi được NHNN cho phép.

Xin Quý khách liên hệ với:

Phòng Kinh doanh - Đầu tư, Điện thoại: (08) 9 301 808

hoặc Phòng Tín dụng, Điện thoại: (08) 9 300 683

Công ty Tài chính cao - su hân hạnh được phục vụ Quý Khách

CÔNG TY PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SƠN LA

ĐC: ĐƯỜNG LÒ VĂN GIÁ, THỊ XÃ SƠN LA, TỈNH SƠN LA * ĐT: (022) 852 334 - 852 337 * FAX: (022) 854 542

GIÁM ĐỐC: KS. TÔNG VĂN ĐỊA



Tập thể Lãnh đạo Công ty



Trụ sở Công ty



SAU 10 NĂM:

- + 1990-2000: 18 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- + 1993: 2 Huân chương Lao động hạng ba.
- + 2001: 2 Huân chương Lao động hạng nhì, ba.
- + 2002: Huân chương lao động hạng nhất.
- + 14 năm liên tục là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

CHỨC NĂNG , NHIỆM VỤ:

- + Quản lý đô thị;
- + Xây dựng đô thị (xây dựng và phát triển các công trình);
- + Khảo sát, lập dự án thiết kế các công trình công nghiệp dân dụng như giao thông, thủy lợi, khảo sát địa chất-địa hình.

CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU GẦN ĐÂY:

- + Công trình đường 105 từ TX Sơn La đến Sông Mã.
- + Xây dựng khu dân cư số 1 đến rạp 26-08.





TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TRANSPORT ENGINEERING DESIGN INCORPORATED (TEDI)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - TỔNG GIÁM ĐỐC: TS NGUYỄN NGỌC LONG

Địa chỉ: 278 Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội * ĐT: 04-8514 431; Fax: 04-8514 988; Email: TEDI@tpt.vn; Website: www.tedi.com.vn

40
NĂM

**XÂY DỰNG VÀ
TRƯỞNG THÀNH**

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Tổng Công ty thực hiện tốt công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, như tham gia nhiều chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp Nhà nước: chương trình 34-05, 06-05, 48-07 ... và còn là đơn vị tham mưu cho lãnh đạo Bộ trên nhiều lĩnh vực. Công tác quản lý và đào tạo luôn được Tổng Công ty đặc biệt quan tâm nhằm xây dựng và kiện toàn mô hình hoạt động của Tổng Công ty, tạo một khối thống nhất, ngang tầm với nhiệm vụ. Trong liên doanh liên kết, hợp tác quốc tế TEDI, đã tham gia với nhiều công ty của hơn 50 nước trên thế giới và nhiều tổ chức quốc tế như WB, ADB, UNDB, JICA, JBIC, SIDA, VAB... trong các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông Việt Nam; qua đó học hỏi, nâng cao trình độ tư vấn và quản lý của Ban Lãnh đạo và công nhân viên chức. Có thể nói, những công nghệ hiện đại trong lĩnh vực KSTK và xây dựng GTVT thực sự đã được chuyển tiếp từ các nước phát triển qua "chiếc cầu nối TEDI" vào lĩnh vực xây dựng hạ tầng cơ sở GTVT ở Việt Nam.

Đề khẳng định vị trí và không ngừng phát triển mạnh mẽ, trong suốt 40 năm qua, đặc biệt kể từ khi hoạt động theo mô hình Tổng Công ty 90, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải đã có những bước tiến mạnh mẽ. Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã vinh dự được Nhà nước và Bộ GTVT trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Độc lập Hạng nhất, nhì, ba, danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm (2000) cho Công ty Tư vấn Thiết kế Cầu Lớn - Hầm - là đơn vị thành viên của Tổng Công ty, 09 công trình chất lượng tiêu biểu thập kỷ 90 và 03 bằng công nhận "công trình đạt chất lượng cao ngành GTVT năm 2000 của Bộ GTVT". Ngoài ra, Tổng Công ty còn vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng nhất của CHDCND Lào năm 2002....

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Tổng Công ty tiếp tục xây dựng và kiện toàn tổ chức theo mô hình Tổng Công ty nhà nước, hoàn thành lộ trình cổ phần hoá doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 của Đảng. Phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển lĩnh vực tư vấn, phát triển và hiện đại hoá công nghệ khảo sát thiết kế, đề xuất và ứng dụng sáng tạo công nghệ mới trong xây dựng cơ sở hạ tầng, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên và thực hiện tốt các chính sách xã hội, xây dựng một nền văn hoá doanh nghiệp trong Tổng Công ty. Tổng Công ty Tư vấn-Thiết kế GTVT quyết tâm trở thành một hãng tư vấn hàng đầu ở Việt Nam, có trình độ ngang tầm với khu vực và quốc tế, quản lý và hoạt động theo thông lệ quốc tế và phù hợp điều kiện thực tế của Việt Nam, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu cầu cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát thiết kế ở thị trường trong nước cũng như khu vực, đủ điều kiện tham gia quá trình hội nhập theo lộ trình chung của đất nước.

Digitized by Google



CẦU ĐÀK RỒNG - CÔNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO VỀ THIẾT KẾ NĂM 2000



ĐƯỜNG BẮC THẮNG LONG NỘI BÀI CÔNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG TIÊU BIỂU THẬP KỶ 90

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải (TVTKGTVT) tiền thân là Viện Thiết kế Giao thông vận tải, được thành lập ngày 27 - 12 - 1962. Trải qua 40 năm xây dựng và trưởng thành, một chặng đường dài đầy gian khổ, khó khăn, với bao yêu cầu và thử thách, nhưng vượt lên mọi trở ngại, Tổng Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều thành tựu trên mọi mặt công tác của mình.

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Tư vấn - khảo sát - thiết kế là nhiệm vụ chính của Tổng Công ty. Trong những năm qua, Tổng Công ty TVTKGTVT tên giao dịch TEDI đã khảo sát thiết kế hầu hết các công trình giao thông vận tải quan trọng trong cả nước, bao gồm mạng giao thông sắt, thủy, bộ quốc gia và mạng giao thông phục vụ các khu công nghiệp các vùng khai thác khoáng sản, các khu đô thị lớn, nhỏ. Các công trình do Tổng Công ty khảo sát thiết kế (KSTK) đều đảm bảo chất lượng, tiến độ góp phần xứng đáng vào công cuộc khôi phục và phát triển giao thông vận tải (GTVT).



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

842

ĐC: H2 THÀNH CÔNG - HÀ NỘI * TEL : 04. 8 343 583 * FAX : 04. 8 314 518

CÔNG TY XD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 842 TIỀN THÂN LÀ XÍ NGHIỆP KIẾN TRÚC GIAO THÔNG 2 THUỘC LIÊN HIỆP CÁC XÍ NGHIỆP GIAO THÔNG 2. ĐƯỢC THÀNH LẬP NGÀY 25-3-1983. NĂM 1993 TRỞ THÀNH THÀNH VIÊN CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8 (CIENCOS) CÓ CHỨC NĂNG XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, THỦY LỢI, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG DÂN DỤNG, CÔNG NGHIỆP; SẢN XUẤT CÁC CẤU KIỆN BÊ-TÔNG ĐÚC SẴN.



Bí thư Đảng ủy - Giám đốc
TRẦN ĐỨC HÒA

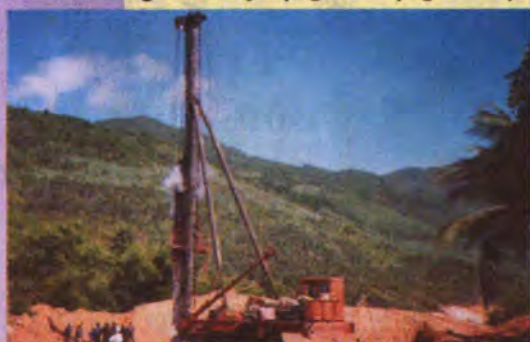
Traï qua gần 20 năm hoạt động, Công ty luôn nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, gian khổ hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Công ty đã tham gia thi công các công trình trọng điểm như : đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, quốc lộ 1A (Hà Nội - Lạng Sơn, Đông Hà - Quảng Ngãi), quốc lộ 5, quốc lộ 3, quốc lộ 10 (các gói thầu B4, R4), đường Quy Nhơn- Sông Cầu (Bình Định- Phú Yên)... và nhiều công trình khác. Năm 2002, Công ty tham gia xây dựng đường nối QL 32 với Trung tâm Thể thao Quốc gia, đường vành đai 3-Hà Nội, quốc lộ 3 và các dự án giao thông thuộc các tỉnh Lạng Sơn, Phú Thọ, Bắc Giang, Nghệ An, Thanh Hoá... và các dự án giao thông nông thôn các tỉnh phía Bắc. Bên cạnh đó, Công ty còn tham gia thi công một số các công trình xây dựng dân dụng khu vực

Hưng Yên, nhà điều hành PMU 18, nhà làm việc của Công ty 246... Tất cả các công trình do Công ty thi công đều hoàn thành đúng và vượt tiến độ, đảm bảo chất lượng cao, đem lại hiệu quả kinh tế.

* Những năm gần đây, Công ty tăng cường mở rộng thị trường hoạt động, và được Tổng Công ty cho phép đầu tư trang thiết bị mới với công nghệ hiện đại để có thể đáp ứng việc xây dựng các công trình mang tính trọng điểm đòi hỏi kỹ thuật cao, như các thiết bị thi công nền, móng, các dây chuyền đúc cốt rung tự động, dây chuyền nền móng mặt và nhiều thiết bị chuyên dụng khác.

* Ngoài việc đầu tư cho thiết bị, Công ty luôn chú trọng đến đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề, như cử cán bộ đi học các lớp quản lý kinh tế, các lớp chuyên ngành cho kỹ sư, công nhân kỹ thuật, các lớp chính trị, nghiệp vụ cho cán bộ chủ chốt. Đối với công nhân Công ty tổ chức cho bồi dưỡng tay nghề và thi nâng bậc cao để có thể đáp ứng nhiệm vụ thi công xây dựng các công trình có chất lượng cao. Hằng năm, Công ty tổ chức tuyển thêm và tiếp nhận một số kỹ sư trẻ mới ra trường tốt nghiệp loại khá trở lên thuộc các chuyên ngành đào tạo giao thông, xây dựng...

Với sự nỗ lực của Đảng ủy - Ban Giám đốc - các tổ chức quần chúng - cán bộ công nhân viên toàn Công ty, mức tăng trưởng hằng năm tăng 1,3 đến 1,5 lần. Năm 2002, giá trị tăng sản lượng của Công ty đạt trên 50 tỷ đồng, định hướng cho những năm tới sản lượng đạt khoảng 70 tỷ đồng trở lên.



Máy đóng cọc thi công cầu - Công trình
đường Quy Nhơn - Sông Cầu



Thi công công trình
đường vành đai 3 - Hà Nội

Chúc Mừng Năm Mới



Quý Mùi

Thời trang

Trẻ

Công sở

Quần Áo Trẻ em



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
SAIGON 2

15 TRẦN TRIỀU LUẬT, Q. TÂN BÌNH TP. HCM
TEL : (84.8) 9716774 - 8645331
FAX : (84.8) 9714353
Email: Sanding@hcm.fpt.vn
Website: www.Saigon2-Sanding.com



SANDING



Digitized by

Google

ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH HÀ NỘI



**CÔNG TY
DỊCH VỤ**

**TRUYỀN THANH
TRUYỀN HÌNH
HÀ NỘI**

Công ty Dịch vụ Truyền thanh - Truyền hình Hà Nội (BTS) là doanh nghiệp nhà nước, có các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

* Khảo sát, thiết kế xây dựng mạng truyền thanh có dây, truyền thanh không dây trên địa bàn thành phố và các tỉnh.

* Kinh doanh thiết bị truyền thanh, phát thanh, truyền hình, viễn thông, văn hoá, dịch vụ vận tải. Thiết kế xây dựng mạng thông tin nội bộ.

* Tư vấn, thiết kế xây dựng các dự án truyền hình.

Công ty được Thành uỷ, UBND Thành phố Hà Nội giao nhiệm vụ triển khai xây dựng hệ thống truyền hình cáp hữu tuyến (CATV) trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội là đơn vị duy nhất được Bộ Văn hoá Thông tin cấp giấy phép số 466/GP - BVHTT hoạt động truyền hình cáp hữu tuyến (CATV) trên toàn bộ địa bàn Thành phố Hà Nội.

Với kỹ thuật tiên tiến, Công ty đã lắp đặt trạm thu phát trung tâm và các tuyến dẫn tín hiệu đạt tiêu chuẩn châu Âu; đáp ứng phát triển dịch vụ truyền hình hai chiều và các dịch vụ đa năng khác.

Hiện tại, truyền hình cáp của Công ty BTS đang hoạt động truyền 12 kênh chương trình và trong tương lai sẽ truyền từ 18 đến 20 kênh; trong đó, có 5 kênh tiếng Việt và một số kênh được biên tập, biên dịch.

Từ tháng 01-2003, truyền hình cáp Hà Nội sẽ đưa tín hiệu đến hầu hết các quận nội thành và thị trấn Gia Lâm, một phần huyện Từ Liêm.

Đầu năm 2003, truyền hình cáp Hà Nội sẽ đưa dịch vụ in-tơ-nét thử nghiệm lên mạng CATV của Công ty.

SỬ DỤNG TRUYỀN HÌNH CÁP HỮU TUYẾN HÀ NỘI AN TOÀN, HIỆN ĐẠI, ĐÁP ỨNG ĐƯỢC NHU CẦU ĐỒ HỌI CỦA DÒNG ĐÀO NHÂN DÂN THỊ TRƯỜNG VÀ PHÙ HỢP VỚI GIÁ TRỊ AN NINH CỦA CÔNG QUOC CÔNG TÁC CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ.



Khai trương phòng máy trung tâm (tháng 9-2001)



Phòng điều hành trung tâm (tháng 4-2001)



BINH ĐOÀN 15

(TỔNG CÔNG TY 15)

TRỤ SỞ : PHƯỜNG YÊN THẾ - THÀNH PHỐ PLÂYKU - TỈNH GIA LAI * ĐIỆN THOẠI: 059. 825 110 - FAX: (059) 825 109

CHI NHÁNH PHÍA BẮC : 26 NGÕ THÔNG PHONG - QUẬN ĐỒNG ĐA - HÀ NỘI * ĐIỆN THOẠI: 069.882 176

CHI NHÁNH PHÍA NAM : 15 K PHAN VĂN TRỊ - PHƯỜNG 7 - QUẬN GÒ VẤP - TP HỒ CHÍ MINH * ĐIỆN THOẠI: 089. 857 905

TƯ LỆNH (TỔNG GIÁM ĐỐC): ĐẠI TÁ NGUYỄN XUÂN SANG.

Một số hình ảnh hoạt động tiêu biểu của Binh đoàn 15



Đ/c Nguyễn Xuân Sang - Tư lệnh Binh đoàn 15 trao Quân kỳ Quyết thắng cho CBB 72 DBDV nhân ngày thành lập.



Trung tướng Phùng Quang Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng tham mưu trưởng QĐND Việt Nam thăm Binh đoàn.



Đ/c Nguyễn Xuân Sang (người đứng thứ 3 từ phải sang)- Tư lệnh Binh đoàn gặp già làng, trưởng bản, lão thành cách mạng tỉnh Gia Lai.



Công ty 711 - Binh đoàn 15 hỗ trợ làm đường liên thôn



Vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu ở Binh đoàn 15 - Quân khu 5

Binh đoàn 15 (Tổng công ty 15) thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 5 được thành lập theo Quyết định số 68/CT ngày 20 - 02 - 1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Là doanh nghiệp nhà nước có tư cách pháp nhân thực hiện kế hoạch kinh tế độc lập có tài khoản tại ngân hàng (kể cả tài khoản ngoại tệ).

* Tài khoản - TK 73010517 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai

* Tên giao dịch Quốc tế : GENERALN15

* Tên quân sự : Binh đoàn 15

* Tên doanh nghiệp : Tổng công ty 15

HX

9

.H68B

Index

2002

UNIV. OF MICH.

JAN 21 2003

CURRENT SERIALS

MỤC LỤC

TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 2002

Tên bài	Tác giả	Số
I - Những vấn đề chung		
- Xã luận - Đất nước năm 2002		1
- Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân do dân, vì dân, ngày càng trong sạch, vững mạnh là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta	Trần Đức Lương	1
- Năm Nhâm Ngọ đất nước tiếp tục thế đi lên	Nông Đức Mạnh	ĐB+2
- Đổi mới : Sự lựa chọn cách mạng nhằm mục tiêu phát triển của Việt Nam	Trần Đức Lương	4+5
- Không có lý luận tiên phong thì Đảng không thể thực hiện được vai trò người chiến sĩ tiên phong	Nông Đức Mạnh	6
- Phát triển nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân và phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế	Phan Văn Khải	6
- Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật để đưa ra được những quyết sách đúng đắn	Nông Đức Mạnh	7
- Đổi mới cách nghiên cứu, nắm chắc nội dung, chỉ đạo chặt chẽ và có hiệu quả việc thực hiện các nghị quyết của Đảng	Nông Đức Mạnh	8
- Lời khai mạc kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa X	Nguyễn Văn An	9
- Đẩy mạnh cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Trần Đức Lương	10
- Tầm gương vĩ đại của Các Mác, đỉnh cao của trí tuệ loài người	Tương Lai	13
- Một phương diện của thiên tài Hồ Chí Minh: năng lực tổng kết lịch sử, tổng kết thực tiễn và dự báo tương lai	Song Thành	13
- Những vấn đề đặt ra cho nhiệm kỳ Quốc hội khóa XI	Mai Thúc Lân	14
- Nhớ lời Bác dạy	Dương Trung Quốc	14
- Phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ tập thể để quyết định những công việc hệ trọng của đất nước	Nông Đức Mạnh	20
- Thông báo Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX	Nông Đức Mạnh	21
- Tăng cường vai trò và hiệu quả hoạt động của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	Nông Đức Mạnh	22
- Diễn văn khai mạc Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XI	Nguyễn Văn An	22
- Định hướng chương trình hành động của Chính phủ trong nhiệm kỳ 2002 - 2007	Phan Văn Khải	24
- Nghị quyết kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XI	***	24
- Diễn văn bế mạc kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XI	Nguyễn Văn An	24
- Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII, phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010	***	25
- Kết luận của Hội nghị lần sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII, Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII về công tác tổ chức và cán bộ	***	26

Tên bài	Tác giả	Số
- Điểm tựa cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu thế giới đương đại	Nguyễn Đức Bình	32
- Thông báo Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX	***	33
- Chủ tịch Hồ Chí Minh tiên đoán chiến thắng lịch sử "Điện Biên Phủ trên không"	Lê Cường	35
II - Kinh tế		
- Tiếp tục đẩy nhanh, mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	Nguyễn Thị Doan	1
- Xây dựng Thủ đô ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại	Nguyễn Phú Trọng	ĐB+2
- Thành phố Hồ Chí Minh, mùa xuân đầu thiên niên kỷ	Nguyễn Minh Triết	ĐB+2
- Tổng quan kinh tế - xã hội năm 2001	Nguyễn Sinh Cúc	ĐB+2
- Doanh nghiệp nhà nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	Tô Huy Rúa	ĐB+2
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Lai Châu	Trịnh Long Biên	ĐB+2
- Bà Rịa - Vũng Tàu vào xuân	Kim Ngân	ĐB+2
- Sóc Trăng chào đón xuân mới 2002	Nguyễn Tấn Quyền	ĐB+2
- Bơm Bo - Mùa xuân lại về	Như Hùng	ĐB+2
- Để doanh nghiệp Nhà nước giữ vai trò then chốt trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	Đoàn Duy Thành	3
- Đổi mới ở một tình cực bắc của Tổ quốc	Vũ Ngọc Kỳ	4+5
- Hà Tĩnh thực hiện lời dạy của Bác Hồ	Đặng Duy Bái	4+5
- Đắk Lắk - trên con đường vươn tới tương lai	Nguyễn Văn Lạng	4+5
- Tây Ninh vững bước cùng cả nước	Nguyễn Văn Tiến	4+5
- Đồng Tháp vận dụng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2002	Huỳnh Minh Đoàn	4+5
- Xuân này, cao su Dầu Tiếng	Trần Quang Hải	4+5
- Thương mại : Thực trạng năm 2001 và triển vọng năm 2002	Nguyễn Đình Bích	6
- Đồng Tháp sau mùa lũ	Trương Giang Long	6
- Đơn vị đi tiên phong trong đội hình lắp máy Việt Nam	Trần Quang Hải	6
- Nâng cao hiệu quả sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước	Tào Hữu Phùng	7
- Quản lý, sử dụng đất nông nghiệp ở Tây Nguyên - nhìn từ thực tế	Trương Minh Dục	7
- Một huyện đi lên từ chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Nguyễn Thúy Anh	7
- Một số vấn đề về phát triển hợp tác xã nông nghiệp	Lê Bình Lũy	8
- Hải Dương phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Trương Kim Sơn	8
- Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (Bộ xây dựng) trong việc phát triển đô thị và nhà ở trên địa bàn Thủ đô	Nguyễn Hiệp	8
- Vượt lên trên những thách thức mới trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới	Lương Văn Tự	9
- Hội thảo khoa học - thực tiễn : "Doanh nghiệp Việt Nam với công cuộc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế"		
*** Báo cáo đề dẫn	Vũ Hiền	9
*** Tổng quan hội thảo	Nguyễn Thúy Anh	9
- Vĩnh Phúc chuyển đổi hợp tác xã theo Luật	Nguyễn Khắc Bộ	9

Tên bài	Số
Đông Tháp	32
	33
	35
Đoàn	1
Trọng	ĐB+2
Triết	ĐB+2
Cúc	ĐB+2
	ĐB+2
Biên	ĐB+2
	ĐB+2
Quyền	ĐB+2
	ĐB+2
Thành	3
Kỳ	4+5
Báu	4+5
Lãng	4+5
Tiến	4+5
	4+5
Đoàn	4+5
Hải	4+5
Bích	6
Long	6
Hải	6
Phùng	7
	7
Dục	7
Thủy Anh	8
Lý	8
	8
Sơn	8
	8
Hiệp	9
Tư	9
	9
	9
Thủy Anh	9
Khắc Bộ	9

Tên bài	Tác giả	Số
- Một mô hình hợp tác xã nông nghiệp trong cơ chế mới ở Đồng Tháp	Lê Hoàng Tam	9
- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước	Trương Tấn Sang	10
- Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai trong giai đoạn hiện nay	Triệu Văn Bé	10
- Lâm Đồng 27 năm sau ngày giải phóng	Nguyễn Hoài Bảo	10
- Thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với các hợp tác xã nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Văn Tuất	10
- Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể	Trương Tấn Sang	11
- Bắc Giang với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội	Nguyễn Quốc Cường	11
- Một số định hướng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ở nước ta	Lưu Bích Hồ	12
- Thương mại và thị trường miền núi qua những năm đổi mới	Hoàng Thọ Xuân - Doãn Công Khánh	12
- Vinh Phúc : Nỗi buồn đã vơi, niềm vui nhân đôi	Tiến Hải	12
- Công ty SADICO Cần Thơ khẳng định vai trò của doanh nghiệp nhà nước	Trần Quang Hải	12
- Hải Dương đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn	Nguyễn Văn Chiền	13
- Giải pháp tài chính để phát triển kinh tế - xã hội đất nước	Đặng Văn Thanh	14
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn	Nguyễn Sinh Cúc	14
- Yên Bái với việc thực hiện các nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế	Vũ Tiến Chiến	14
- Để công nghiệp giấy trở thành ngành kinh tế chủ lực của công nghiệp Việt Nam	Trần Quang Hải	14
- Phân đấu để Quảng Nam trở thành một tỉnh giàu mạnh	Nguyễn Xuân Phúc	14
- Đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý vĩ mô của nhà nước đối với thị trường	Nguyễn Văn Ninh - Tô Thị Tâm	15
- Liên kết doanh nghiệp để mở rộng thị trường xuất khẩu thủy sản	Nguyễn Thị Hồng Minh	15
- Các giải pháp mang tính đột phá để Kiên Giang tăng tốc	Lâm Chí Việt	15
- Đồng bằng sông Cửu Long rộng mở những tiềm năng	Vũ Quỳnh	15
- Để thủy sản là thế mạnh của đồng bằng sông Cửu Long	Trần Kim Dung	15
- Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước : Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn	Nguyễn Minh Thông	16
- Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Mạnh Cầm	17
- Thị trường vốn nước ta sau hơn một năm liên tục hạ lãi suất	Nguyễn Đắc Hưng	17
- Mấy suy nghĩ về Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ	Đỗ Mai Thành	17
- Để trí thức trẻ tiến vào kinh tế tri thức	Nguyễn Hoàng Hải	17
- Phát triển kinh tế biển - một thế mạnh của tỉnh Phú Yên	Nguyễn Thành Quang	17
- Yên Bình đi lên từ nội lực	Phạm Thắng	17
- Quản lý của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước	Hồ Văn Vinh	18
- Bàn về chính sách phát triển kinh tế tư nhân trong thời kỳ đổi mới	Lương Hoài Nam	18
- Hải Phòng - bước phát triển mới	Tô Huy Rúa	19
- Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác xã trong nông nghiệp	Hoàng Việt	19
- Góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở nước ta	Quách Đức Pháp	20

Tên bài	Tác giả	Số
- <i>Hội thảo khoa học - thực tiễn: "Cảng biển vùng Đông Bắc với hội nhập kinh tế quốc tế"</i>		
*** Báo cáo đề dẫn	Vũ Hiền	20
*** Tổng quan hội thảo	Hoàng Hải	20
- Chiến lược phát triển hệ thống cảng biển ở Việt Nam	Chu Quang Thứ	20
- Đề đẩy mạnh các hoạt động kinh tế cảng biển ở Quảng Ninh	Nguyễn Văn Quynh	20
- Lâm Đồng đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số	Nguyễn Hoài Bão	21
- Mấy vấn đề về giải quyết nạn ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long	Phan Khánh	21
- Giáo dục trong phát triển cộng đồng ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long	Đào Trọng Hùng	21
- Phát triển kinh tế tri thức, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Đặng Hữu	22
- Kinh tế tư nhân - bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế nước ta	Lê Xuân Bá	22
- Phú Tài - khu công nghiệp đầy tiềm năng của Bình Định	Trần Quang Hải	22
- Phú Thọ với việc đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống	Hoàng Xuân Cừ	23
- Một số vấn đề về thị trường trái phiếu Chính phủ ở Việt Nam	Nguyễn Phương Liên	23
- Kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng của kinh tế nước ta	Lê Xuân	24
- Giải pháp tăng cường xuất, nhập khẩu cho những tháng cuối năm 2002	Nguyễn Thông	24
- Hướng phát triển nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay	Trần Bạch Đằng	25
- Phát triển thương nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường	Doãn Công Khánh	25
- Ninh Bình: mười năm liên tục ổn định và phát triển	Phạm Minh Tuyên	25
- Thực trạng và giải pháp xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn hiện nay	Nguyễn Sinh Cúc	25
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đổi mới hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp	Vũ Tiến Lộc	25
- Một số vấn đề về mô hình "công ty mẹ - công ty con" ở Công ty CONSTREXIM	Nguyễn Cúc - Nguyễn Quốc Hiệp	26
- Một số giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta	Tào Hữu Phùng	27
- Những yêu cầu đối với trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Ngô Đình Xây	27
- Bến Tre vững bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	Trần Văn Truyền	27
- Về sự phát triển của kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Manh - Phương	27
- Tiềm năng và sức bật của du lịch Thừa Thiên - Huế	Dương Vũ	27
- Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn	Phan Diễn	28
- Để nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững, nông dân giàu hơn	Nguyễn Tấn Dũng	28
- Để nền kinh tế đạt mức tăng trưởng cao	Xuân Hoàn	28
- Mấy giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn	Nguyễn Hoàn Xanh	28
- Hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Nguyễn Văn Hùng	28

Tác giả	Số
	20
ai	20
ng Thứ	20
Văn Quỳnh	20
Hoài Bảo	21
anh	21
ng Hùng	21
ru	22
Bá	22
ang Hải	22
Quân Cừ	23
Phượng Liên	23
	24
Thông	24
ch Đăng	25
ông Khánh	25
ình Tuyên	25
Sinh Cúc	25
Lộc	25
Cúc -	26
Quốc Hiệp	26
u Phùng	27
nh Xây	27
án Truyền	27
Phượng	27
Vũ	27
ễn	28
Tấn Dũng	28
oành	28
Hoành Xanh	28
Văn Hùng	28

Tên bài	Tác giả	Số
- Tín dụng phục vụ chương trình xóa đói giảm nghèo sau 6 năm nhìn lại	Nguyễn Văn Giàu	28
- Góp phần khẳng định vai trò của tín dụng ngân hàng trong phát triển kinh tế trang trại ở nước ta	Đỗ Xuân Trường	28
- Thủ đô Hà Nội trên con đường đổi mới	Hoàng Văn Nghiên	29
- Nâng cao hiệu quả tuyên truyền trên tạp chí về kinh tế, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đề ra	Hồng Vinh	29
- Nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp Hà Nội	Hồ Văn Nga	29
- Một vấn đề về phát triển kinh tế của khẩu Việt - Trung	Hoàng Hải	30
- Bước chuyển mới của Đồng Nai	Lê Hoàng Quân	30
- Lâm trường Đình Lập - mẫu hình về chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong cơ chế mới	Lê Xuân Đình	30
- Xây dựng một thể hệ doanh nhân, doanh nghiệp mới	Đoàn Nhật Dũng	31
- Diễn Châu giàu lên và đẹp hơn	Chu Thái Thành	31
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Sinh Cúc	32
- Cần có các quy định cho doanh nghiệp nhà nước trong việc thực hiện Luật cạnh tranh	Lê Văn Hưng	32
- Nâng cao năng lực dịch vụ xã hội của giao thông vận tải đường thủy nội địa	Ngô Xuân Sơn	32
- Phát triển thị trường nông thôn Hà Tây theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Bùi Hữu Đức	32
- Tiếp tục phát triển kinh tế tư nhân	Phạm Thắng	32
- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa	Nguyễn Tấn Dũng	33
- Khuyến khích phát triển thành phần kinh tế tư nhân, không phải là tư nhân hóa toàn bộ nền kinh tế	Nguyễn Đình Ước	33
- Ổn định thị trường nhà đất là yếu tố quan trọng để phát triển bền vững	Nguyễn Đình Bích	33
- Nghiên cứu giảm nghèo ở nông thôn - từ cách tiếp cận vi mô	Đào Công Tiến	33
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh Thái Bình	Doãn Đình Huê	33
- Phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, thực hành tiết kiệm, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng	Cao Sỹ Kiêm	34
- Toàn cầu hóa và sự đổi mới quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp	Nguyễn Bách Khoa	34
- Nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trong hội nhập quốc tế	Nguyễn Hoàng Xanh	34
- Làm gì để Trà My vươn dậy trong cơ chế thị trường	Lê Xuân Đình	34
- Doanh nghiệp Việt Nam trước những cam kết của chính phủ tham gia AFTA	Mai Thành	35
- Phát triển giao thông thủy nội địa trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Phạm Thắng	36
- Tổng công ty xây dựng Trường Sơn trên công trường xây dựng Đường Hồ Chí Minh	Từ Thanh	36
III - Chính trị - Triết học		
- Gắn nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn và nghiên cứu khoa học nhằm không ngừng phát triển công tác lý luận của Đảng	Trần Đình Hoan	1
- Một lý luận mãi mãi xanh tươi	Trần Xuân Trường	1

Tên bài	Tác giả	Số
- Trên đường thời đại, vững bước đi lên	Phạm Văn Chúc	1
- Sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân	Nguyễn Phú Trọng	3
- Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta	Nguyễn Duy Quý	3
- <i>Hội thảo khoa học - Thực tiễn</i> : “Công tác tư tưởng, lý luận hiện nay- Thực trạng và giải pháp”		
*** Báo cáo đề dẫn	Vũ Hiền	4+5
*** Tổng quan Hội thảo	Nguyễn Thị Vy	4+5
- Vấn đề trọng yếu của công tác lý luận hiện nay	Hà Đăng	4+5
- Thực tiễn và lý luận	Hữu Thọ	4+5
- Những vấn đề lý luận quan trọng trong văn kiện Đại hội IX của Đảng	Lê Xuân Tùng	6
- “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” bàn về giai cấp tư sản	Trần Phúc Thắng	6
- Quảng Ninh xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở	Hà Văn Hiền	6
- Chủ nghĩa xã hội - mùa xuân nhân loại	Nguyễn Duy Quý	7
- Chủ nghĩa xã hội - thách thức và triển vọng	Trần Quang Nhiếp	7
- Đổi mới công tác biên phòng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới	Trịnh Ngọc Huyền	7
- Những quyết sách hướng về cơ sở	Vũ Hiền	8
- Những vấn đề lý luận chính yếu trong văn kiện Đại hội IX của Đảng	Vũ Hữu Ngoan	8
- Đôi điều về cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận	Trần Xuân Trường	8
- Bảo đảm dân chủ, đúng pháp luật trong cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI	Mai Thúc Lân	9
- Sự kiện chính trị trọng đại của đất nước	Trần Quang Nhiếp	9
- Một số vấn đề về đấu tranh tư tưởng hiện nay	Phạm Ngọc Hiền	9
- Lê Duẩn - nhà chiến lược của cách mạng nước ta	Hoàng Tùng	10
- Tư tưởng cơ hội dưới mọi màu sắc và cuộc đấu tranh đẩy lùi nó	Lê Đức Bình	10
- Quy chế dân chủ với việc ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Thái Bình	Bùi Sĩ Tiểu	10
- Diễn văn Bế mạc kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa X	Nguyễn Văn An	11
- Tác phẩm “Thà ít mà tốt” của V.I.Lê-nin với công cuộc đổi mới bộ máy Nhà nước Việt Nam hiện nay	Nguyễn Quang Minh	11
- Nhìn lại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 10 năm qua	Thượng Tùng	11
- Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	Trương Quang Được	12
- Lãnh đạo công tác quốc phòng ở Nam Định	Trần Văn Tuấn	12
- Nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới	Nguyễn Khoa Diễm	13
- Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Lê Đình Sỹ	13
- Về xây dựng Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới	Phạm Hữu Bông	13
- Chung quanh những vấn đề về Quy chế dân chủ cơ sở ở nước ta hiện nay	Lương Gia Ban	13
- Trở lại vấn đề tôn giáo	Đặng Nghiêm Vạn	13
- Quốc hội của chúng ta	Nhật Tân	14

Tên bài	Tác giả
- Về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội	Nguyễn Quốc Thắng- Nguyễn Thị Vy
- Tư duy biện chứng Hồ Chí Minh	Hoàng Tùng
- Một số vấn đề đặt ra từ thực tiễn tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã hiện nay	Lê Minh Thông
- Tổng kết thực tiễn - một nhiệm vụ trọng yếu của công tác lý luận hiện nay	Nguyễn Phú Trọng
- Thấm nhuần hơn nữa quan điểm thực tiễn, phát triển sáng tạo lý luận, đưa đất nước tiến lên nhanh hơn, vững mạnh hơn	Võ Nguyên Giáp
- Chung quanh công tác tư tưởng, lý luận	Hà Xuân Trường
- Những thành tựu cơ bản về nhân quyền ở nước ta	Hồng Vinh
- Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thế Kiệt
- Tọa đàm : "Đấu tranh phê phán những quan điểm, tư tưởng sai trái, phản động"	Nhật Tân
- Nghiên cứu học thuyết Mác - Lê-nin trong tình hình mới	Nguyễn Chí Tinh
- Ninh Thuận với việc thực hiện chính sách Đại đoàn kết dân tộc	Chamaléa - Điều
- Qua 3 năm thực hiện Quy chế Dân chủ cơ sở ở nông thôn	Lê Kim Việt
- Chung quanh vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	Tiến Hải
- Làm tốt hơn nữa việc tuyên truyền Nghị quyết của Đảng trên các tạp chí lý luận chính trị	Nguyễn Khoa Diễm
- Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị "về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay"	Phạm Ngọc Quang
- Chủ nghĩa xã hội hiện đại và tư duy hiện đại về CNXH	Quang Cận
- Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phát triển sáng tạo công tác lý luận	Nhị Lê
- Xã luận - Quốc hội đầu thế kỷ	***
- Về hoàn thiện tổ chức và đổi mới nội dung hoạt động của các cơ quan chuyên môn của Quốc hội	Bùi Ngọc Thanh
- Về tổ chức các kỳ họp của Quốc hội	Đỗ Ngọc Thu
- Quân đội nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ giúp dân phòng chống thiên tai	Phùng Quang Thanh
- Lại bàn về con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	Lê Xuân Lự
- Bộ Nội vụ , cán bộ Bộ Nội vụ và các cơ quan nội vụ ở các cấp phải thật sự đổi mới tư duy và đi đầu cải cách hành chính	Phan Văn Khải
- Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị ở cơ sở	Tạ Xuân Đại
- Phạm trù trung - hiếu trong triết lý phương Đông và tư tưởng Hồ Chí Minh với vấn đề giáo dục đạo đức cách mạng hiện nay	Hoàng Trung
- Phối hợp các hoạt động chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại	Chu Tuấn Cáp
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền của Bộ Đội Biên phòng đối với nhân dân trên các vùng biên giới, hải đảo	Đặng Vũ Liêm
- Bác Hồ với công nghiệp quốc phòng Việt Nam	Phan Thu
- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh	Trương Quang Được
- Ai vi phạm nhân quyền, ai vi phạm dân chủ	Trần Duy Hương

Tên bài	Tác giả	Số
- Xây dựng và phát triển khoa học Chính trị Việt Nam - nhìn từ Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Xuân Tế	27
- Nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận hiện nay	Lê Xuân Lưu	28
- Học thuyết Mác - Lê-nin với công cuộc đổi mới ở Việt Nam	Đặng Hữu Toàn	30
- Mấy suy nghĩ về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng hiện nay	Nguyễn Bá Dương	32
- Về tổ chức và hoạt động của Quốc hội với yêu cầu hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Lê Thanh Vân	33
- Các quyền xã hội cơ bản của công dân từ Hiến pháp năm 1980 đến Hiến pháp năm 1992	Nguyễn Văn Động	34
- Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động của chính phủ và cơ quan hành chính nhà nước các cấp	Nguyễn Khánh	35
- Phát huy truyền thống quyết chiến quyết thắng của quân đội ta	Phùng Quang Thanh	35
- Nhân phẩm - giá trị toàn cầu và phổ biến của quyền con người	Hoàng Văn Nghĩa	35
- Quân đội nhân dân Việt Nam góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh	Phạm Văn Trà	36
- Hội cựu chiến binh Việt Nam mãi xứng đáng với niềm tin của Đảng	Trần Văn Quang	36
- Tác động của toàn cầu hóa đối với sự phát triển và đổi mới của pháp luật Việt Nam	Đào Trí Úc	36
IV - Văn hóa - xã hội		
- Văn hóa viết về chiến tranh cách mạng - đòi hỏi và thách thức của thời gian	Lê Thành Nghị	1
- Ngày xuân bàn về sức khỏe - môi trường	Nguyễn Văn Thường	ĐB+2
- Ngày xuân nói chuyện câu đối	Nam Ba Cẩm Văn	ĐB+2
- Xuân Nhâm Ngọ nhàn đàm về con ngựa	Cung Khắc Lược	ĐB+2
- Nhân tết cổ truyền : Tản mạn về văn hóa dân gian Hà Nội	Trần Quốc Vượng	ĐB+2
- Trường Chinh trên mặt trận báo chí văn hóa, văn nghệ	Hà Xuân Trường	4+5
- Hội lễ trong không gian và thời gian	Phan Đăng Nhật	4+5
- Đầu xuân kể vài giai thoại trong câu đối	Việt Hưng	4+5
- Vai trò của Đảng trong xây dựng lý luận văn học Việt Nam	Hà Xuân Trường	4+5
- Xuân về trên con đường mang tên Bác	Đỗ Cường	4+5
- Ý đức và vấn đề nâng cao ý đức	Phạm Mạnh Hùng	7
- Xây dựng xã hội học tập theo định hướng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng	Vũ Oanh	8
- Điện ảnh - cuộc chuyển giao thế hệ đầu thế kỷ	Hải Ninh	8
- Yếu tố quan trọng đảm bảo quyền con người	Đỗ Nguyên Phương	9
- Phát triển giáo dục và đào tạo khu vực giáo dục đồng bằng sông Cửu Long	Lê Vũ Hùng	9
- Một số thành tựu mới trong khoa học nghiên cứu con người và những vấn đề cấp bách đang đặt ra	Phạm Thị Ngọc Trâm	10
- Toàn cầu hóa từ cách nhìn văn hóa	Nguyễn Hòa	10
- Cần có một chiến lược an toàn và vệ sinh lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn An Lương	10
- Vấn đề phát triển nhân lực công nghệ thông tin	Trần Văn Nhung - Trần Khánh Đức	11

Tên bài	Tác giả	Số
- <i>Hội thảo khoa học - thực tiễn</i> : "Báo chí trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng ở nước ta hiện nay"		
*** Báo cáo đề dẫn	Trần Quang Nhiếp	11
*** Tổng quan hội thảo	Nhật Tân	11
- Vai trò của báo chí trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng	Quách Lê Thanh	12
- Nhớ lại Sài Gòn ngày giải phóng	Hải Ninh	12
- Tìm lời giải cho bài toán công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân	Đàm Viết Cương - Chu Thái Thành	12
- Câu chuyện Tháng Năm, tôi nhớ mãi	Hồ Ngọc Sơn	14
- Luật tục các dân tộc Tây Nguyên với quyền bình đẳng	Võ Quang Trọng	14
- Tăng cường quản lý hoạt động xuất bản	Nguyễn Đình Nhã	15
- Giáo dục thường xuyên với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Trịnh Minh Tứ	16
- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở	Đỗ Nguyên Phương	16
- Bảo vệ môi trường trên quan điểm phát triển bền vững	Phạm Khôi Nguyên	16
- Khoa học xã hội và nhân văn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa miền Đông Nam Bộ	Nguyễn Thế Nghĩa	16
- Thực hiện định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ - 5 năm nhìn lại	Đặng Hữu	17
- Báo chí trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng	Vũ Hiền	17
- Tự do báo chí ở nước ta	Nhị Lê	17
- Kiên quyết đánh bại âm mưu sử dụng báo chí chống nhân dân Việt Nam	Chu Thái Thành	17
- Áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào giáo dục	Vũ Văn Tảo	17
- Âm vang lễ hội (FESTIVAL Huế 2002)	Phạm Từ	17
- Giáo dục hòa bình vì sao vượt lên	Ngọc Hồ	17
- Những bài học sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng	Đặng Vũ Minh	18
- Về sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động báo chí	Trần Thị Hiền	18
- Báo chí công cụ sắc bén của công tác tư tưởng	Lưu Văn Kiên	18
- Một số vấn đề cấp bách về văn hóa - xã hội, môi trường vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Thế Nghĩa	18
- Ngành giáo dục đào tạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và triển khai Nghị quyết Đại hội IX	Nguyễn Minh Hiền	22
- Lao động và việc làm - những bước tiến quan trọng	Nguyễn Thị Hằng	23
- Bản sắc dân tộc và sự giao lưu hội nhập văn hóa	Hồ Sĩ Vịnh	23
- Hội Nông dân Việt Nam trong công tác xóa đói, giảm nghèo	Nguyễn Đức Triều	24
- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện	Phạm Minh Hạc	25
- Cứu trợ nạn nhân chất Đì-ô-xin/Da cam - một vấn đề bức xúc hiện nay	Nguyễn Trọng Nhân	27
- Về tình hình thơ hiện nay	Nguyễn Huy thông	28
- Một số vấn đề về phát triển giáo dục ở Kon Tum	Trần Việt Hùng	28
- Lệ làng xưa và "lệ làng" nay	Nguyễn Đăng Dung - Bùi Ngọc Sơn	29
- Công tác tư tưởng - văn hóa ở Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng	Khuất Minh Phương	29
- Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông : vấn đề còn lắm gian nan	Lương Ngọc Toàn	30
- Bảo đảm tính công bằng trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân	Phạm Mạnh Hùng	31

Tên bài	Tác giả	Số
- Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển một số công nghệ cao - bước đột phá quan trọng	Vũ Đình Cự	32
- Lễ hội và ứng xử của người làm công tác quản lý lễ hội hiện nay	Phạm Quang Nghị	33
- Để trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao	Hà Khanh	33
- Mấy suy nghĩ về thanh niên và phong trào thanh niên	Đặng Cảnh Khanh	34
- Đảng lãnh đạo văn hóa văn nghệ : Thực tiễn và bài học	Mai Hải Oanh	34
- Củng cố và tăng cường hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú	Ngọc Hồ	34
- Nhìn lại 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII ở Thừa Thiên - Huế	Nguyễn Huy Lập	35
- Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở khu vực đô thị	Dương Tùng	35
- Thơ Tố Hữu	Hà Minh Đức	36
- Thực hiện chính sách xã hội trong vùng đồng bào dân tộc Khơ Me ở Nam Bộ	Bùi Chí Kiên	36
- Từ chỉ số GDP đến chỉ số HDI - Một chặng đường phát triển từ duy về con người đối với sự phát triển kinh tế - xã hội	Đặng Quốc Bảo - Trương Thị Thúy Hằng	36
- Tình trạng di dân và vấn đề môi trường sống ở Lâm Đồng hiện nay	Bùi Trung Hưng	36
V - Xây dựng Đảng		
- Hội thảo khoa học - thực tiễn : "Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện"		
*** Báo cáo đề dẫn	Vũ Hiền	1
*** Tổng quan hội thảo	Nhị Lê	1
- Tiếp tục đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng	Hoàng Kim Sơn	1
- Ghi chép tản mạn ở cấp huyện	Vũ Phòng	ĐB+2
- Xử lý đúng các mối quan hệ trong công tác cán bộ	Hà Đăng	3
- Phương hướng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện	Nguyễn Duy Hùng	3
- Một số vấn đề về củng cố tổ chức cơ sở đảng các xã miền núi phía bắc	Thái Sơn	3
- Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.	Trương Quang Được	4+5
- Bác Hồ nói về quan hệ giữa Đảng với nhân dân	Trần Quang Nhiếp	4+5
- Mừng Đảng, mừng xuân, mừng đổi mới, thắng lợi mới	Nguyễn Huyền	4+5
- Vóc dáng Hưng Yên	Nhị Lê	4+5
- Đảng bộ tỉnh Phú Thọ với phong trào xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh	Trần Ngọc Tăng	6
- Luân chuyển cán bộ - khâu đột phá nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngang tầm thời kỳ phát triển mới	Trần Đình Hoan	7
- Để thực hiện tốt chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý	Lê Đức Bình	7
- Tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hiện nay	Hồng Vinh	8
- Lê-nin, Hồ Chí Minh nói về vấn đề luân chuyển cán bộ	Nguyễn Trọng Phúc	9
- Tình hình tư tưởng của thanh niên và công tác tư tưởng của Đoàn Thanh niên	Hoàng Bình Quân	9
- Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng góp phần ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng	Nguyễn Thị Doan	12
- Mấy bài học kinh nghiệm về công tác tư tưởng trong quân đội qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ	Lê Xuân Lưu	12

Số
32
33
33
34
34
34
35
35
36
36
36
36
1
1
1
ĐB+2
3
3
3
4+5
4+5
4+5
4+5
6
7
7
8
9
9
12
12

Tên bài	Tác giả	Số
- Đề Nghị An tiến nhanh trên con đường mà Đảng và Bác Hồ đã chọn	Lê Doãn Hợp	13
- Trách nhiệm to lớn của công đoàn Việt Nam	Cù Thị Hậu	13
- Tỉnh Sóc Trăng sau 10 năm tái lập	Nguyễn Tấn Quyền	13
- Chính sách dân tộc trong chiến lược Đại đoàn kết toàn dân của Đảng ta	Lê Ngọc Thắng	14
- Góp phần nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận	Phạm Hồng Thanh	15
- Kiên quyết đấu tranh chống bệnh quan liêu và đẩy lùi nạn tham nhũng trong bộ máy Đảng, Nhà nước ta	Võ Chí Công	16
- Một số vấn đề cần lưu ý khi thực hiện công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng	Nguyễn Thị Doan	16
- Về quy trình và phương thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo	Nguyễn Trọng Điều	16
- Công tác tư tưởng, lý luận trong Quân đội nhân dân giai đoạn cách mạng hiện nay	Lê Văn Dũng	18
- Một số vấn đề về công tác kiểm tra của Đảng trong tình hình hiện nay	Lê Hồng Anh	19
- Đánh giá đúng con người : Khâu quan trọng đầu tiên của công tác cán bộ	Lê Đức Bình	19
- <i>Hội thảo khoa học - thực tiễn</i> : "Xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ cơ sở"		
*** Báo cáo đề dẫn	Trần Quang Nhiếp	19
*** Tổng quan Hội thảo	Nguyễn Vũ Căn	19
- Mười cái ba	Hà Đăng	19
- Mười năm công tác tổ chức, cán bộ của Đảng và những yêu cầu, nhiệm vụ trong thời gian tới	Trần Đình Hoan	20
- Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Doan	20
- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính quyền cơ sở - vấn đề và giải pháp	Lê Chi Mai	20
- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh	Phạm Quang Nghị	21
- Góp phần kiện toàn chính quyền cơ sở	Chu Thái Thành - Nguyễn Minh Phương	21
- Công tác kiểm tra ở Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ	Phạm Văn Sinh	22
- Phát triển năng lực tư duy của người lãnh đạo quản lý hiện nay	Hồ Bá Thâm	23
- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền cấp huyện	Vũ Hồng Khanh	23
- Trà Vinh tiếp tục cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh	Nguyễn Thái Bình	24
- Ghi nhận ở Nam Đông	Phạm Hiệp	24
- Thấy gì về công tác tổ chức và quản lý cán bộ, qua vụ án Trương Văn Cam	Võ Chí Công	26
- Chuyển động và kết quả bước đầu thực hiện nghị quyết Đại hội IX của Đảng ở Thừa Thiên - Huế	Hồ Xuân Mãn	26
- Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân	Thang Văn Phúc - Nguyễn Minh Phương	27
- 72 năm truyền thống vẻ vang của ngành Tổ chức xây dựng Đảng	Trần Đình Hoan	29
- Văn phòng Trung ương Đảng tiếp tục phấn đấu nâng cao chất lượng công tác tham mưu và phục vụ	Ngô Văn Dụ	29

Tên bài	Tác giả	Số
- Vị trí vai trò của cán bộ, công chức nhà nước trong sự nghiệp đổi mới	Nguyễn Đức Mạnh	29
- <i>Hội thảo Khoa học - thực tiễn</i> : "Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban cán sự Đảng các cơ quan Trung ương"		
*** Báo cáo đề dẫn	Tạ Xuân Đại	29
*** Tổng quan hội thảo	Vũ Ngọc Lan	29
- Công tác dân vận góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta	Trần Đức Lương	30
- Tăng cường lãnh đạo, quản lý báo chí điện tử, In-tơ-net	Nguyễn Khoa Điềm	30
- Công tác dân vận - một bộ phận gắn bó mật thiết với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc ta	Tòng Thị Phóng	30
- Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam với việc xây dựng các mô hình hoạt động	Trương Thị Khuê	30
- Một số vấn đề quan trọng về công tác tổ chức và cán bộ của Đảng hiện nay	Phan Diễn	31
- Công đoàn Việt Nam trước yêu cầu của đất nước và cuộc sống của người lao động	Đan Tâm	32
- Công tác dân vận trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân	Trương Quang Được	34
- Vai trò xung kích đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của thế hệ trẻ Việt Nam	Hoàng Bình Quân	34
- Vấn đề cán bộ trong tác phẩm "sửa đổi lối làm việc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Lê Hữu Nghĩa	35
- Nâng cao hiệu quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở Đảng bộ tổng cục kỹ thuật	Hoàng Anh Tuấn	35
- Về chế độ nhận xét, đánh giá cán bộ	Lê Đức Bình	35
- Một số nội dung về đổi mới công tác cán bộ trong tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Xuân Thông	35
- Hội thảo khoa học - thực tiễn xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở Sơn La	Xuân Hải	35
VI - Sinh hoạt tư tưởng		
- Xin miễn " Quy hoạch" cho em	Mai Ninh	1
- Chuyện có nên buồn ?	Xuân Hoàn	3
- "Cân đảng viên"	Trung Hiếu	6
- Những việc làm "đột phá"	Nguyễn Trọng Thụ	7
- Xin đừng gọi con như thế	Tiến Hải	9
- Chuyện của hai ông	Nam Dũng	10
- Nên khuyến khích	Kỳ Hoa	11
- "Hạt mảy, hạt lép"	Quý Hoa	12
- Ba bài học... nhỏ	Nam Dũng	13
- Trách ai !	Văn Chinh	14
- Nỗi niềm cơ sở	Nam Dũng	15
- "Treo" đến bao giờ ?	Nam Dũng	18
- "Bảy cái nhất" ở cơ sở	Nam Dũng	22
- Nhắc khéo	Nguyễn Tiến	23
- Vấn đề số một!	Nam Dũng	28
- Nghe được dân nói	Mai Ninh	29
- Lại bàn về vấn đề số một	Nam Dũng	33
- "Tiếp xúc cử tri"	Trọng Nguyễn	34

Tên bài	Tác giả	Số
- Phương án tối ưu ?!	Tuấn Minh	35
- Cái được, cái mất	Xuân Hoàn	36
VII - Thư gửi Bộ biên tập		
- Hồi lộ và biện pháp phòng ngừa	Nguyễn Ngọc Lộc	8
- Nên có quy định cụ thể về thời gian tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Đảng	Ngô Văn Trọng	14
- Bệnh thụ động	Nguyễn Huy Cường	15
- Đổi mới cách nghĩ, cách làm đối với chương trình hành động của đại biểu Quốc hội	Nguyễn Đình Tập	26
- Học tập - con đường tiến bộ của mọi người	Ngọc Đản	32
- Bàn về quan hệ giữa thi đua và khen thưởng	Tô Công	36
VIII - Thế giới : Vấn đề - Sự kiện		
- Cơ sở pháp lý quốc tế của đấu tranh chống khủng bố	Nguyễn Duy Chiến	1
- Trung - Việt : Tình hữu nghị đời đời bền vững	Tề Kiến Quốc	ĐB+2
- Tầm cao mới của quan hệ hợp tác Việt Nam - Ấn Độ	Lê Gia Xứng	ĐB+2
- Ngày tết - lễ hội cầu mưa, cầu phúc các dân tộc vùng Đông - Nam Á	Lê Gia Xứng	ĐB+2
- Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học - công nghệ	Lê Thanh Bình	3
- Một nền hòa bình bền vững - mục tiêu bức thiết và nguyện vọng cháy bỏng của nhân loại	Nguyễn Xuân Sơn - Mai Hoài Anh	3
- Thế giới hậu Áp-ga-ni-xtan	Nguyễn Hồng Linh	4+5
- Bài học sinh tử đầu thế kỷ	Quang Lợi	4+5
- Kinh tế các nước đang phát triển năm 2001	Phạm Văn Dân - Phạm Thị Phúc	6
- Nhìn lại thế giới năm 2001	Nguyễn Hoàng Giáp	7
- Về "Học thuyết G.Bu-sơ" và chiến lược "chiến tranh không thương vong của Mỹ"	Trần Trọng	8
- Trung Đông : Con tàu hòa bình chưa tìm ra bến đậu	Nguyễn Hoàng - Thái Văn Long	9
- Bức tranh kinh tế xã hội Ba Lan những năm gần đây	Nguyễn Chí Thuật	10
- Nhật Bản mùa hoa Anh Đào	Vũ Hiền	11
- Trật tự nào cho thế giới ?	Hà Mỹ Hương	11
- Trung Đông khói lửa và những cách nhìn	Võ Thủ Phương	11
- Quan hệ Việt - Trung trong thời kỳ mới	Nguyễn Thị Hoa	12
- Cảm nghĩ về "Hòn đảo Tự do" sau hai lần trở lại	Cao Sỹ Kiêm	12
- Quân đội nhân dân Lào tham gia làm kinh tế	Khảm Pha Mon Vông Xay	13
- Triển vọng hợp tác kinh tế và an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương	Trần Bá Khoa	14
- Xu hướng cải cách bộ máy chính phủ trên thế giới	Văn Quang	14
- Luật pháp quốc tế về quyền của các dân tộc thiểu số và quyền dân tộc tự quyết	Nguyễn Lộc	15
- Vấn đề thương mại và môi trường trong vòng đàm phán đa phương mới của Tổ chức Thương mại thế giới	Phạm Quốc Trụ - Nguyễn Minh Vũ	15
- Dân chủ, nhân quyền Mỹ : Quá khứ và hiện tại	Vũ Công Giao	16
- Toàn cầu hóa và xu hướng vận động của dòng chảy vốn quốc tế	Phạm Văn Hùng	16
- Về chính sách đối ngoại của Tổng thống Liên bang Nga V.Pu-tin	Hà Mỹ Hương	17

Tên bài	Tác giả	Số
- Phản biện quan niệm về toàn cầu hóa kinh tế	Phạm Chí Dũng	17
- Từ Xi-a-ton đến Đô-ha	Nguyễn Văn Thanh	18
- Hợp tác quốc tế - yêu cầu khách quan của sự phát triển	Phạm Thanh Hà	19
- Dân số và phát triển - một vấn đề toàn cầu	Ô-mơ Ê-tua	20
- Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho đối ngoại Việt Nam	Nguyễn Duy Niên	21
- Vị thế địa - chính trị Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI	Trần Khánh	21
- ASEAN trong hành trình 35 năm qua và chặng đường phía trước	Lê Công Phụng	22
- Sự trỗi dậy của Ấn Độ sau 10 năm cải cách kinh tế	Trần Bá Khoa	23
- Xóa đói nghèo - một điều kiện bảo đảm quyền con người	Vũ Công Giao	23
- Đường lối đối mới của Đảng nhân dân cách mạng Lào	Vi-lay-van Phôm-kê	24
- Khủng bố: cuộc nhận diện phức tạp	Nguyễn Văn Thanh	25
- Bảo vệ môi trường - nhiệm vụ chung của toàn nhân loại	Phạm Thị Ngọc Trâm	26
- Cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu của Mỹ : Qua một chặng đường	Trần Trọng	26
- Liên hợp quốc : Chặng đường 57 năm hoạt động và mối quan hệ với Việt Nam	Nguyễn Lộc	27
- Tác động hai mặt của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước đang phát triển	Lê Ngọc Tông	27
- Liên minh nghị viện Hiệp hội các nước Đông Nam Á (AIPO) với quá trình hội nhập khu vực và quốc tế	Nguyễn Ngọc Đào	28
- Những thách thức mới của quá trình hòa bình Trung Đông	Nguyễn Quang Khai	28
- Giô-han-ne-xbóc : kết quả chưa mỹ mãn nhưng đáng khích lệ	Trần Trọng	29
- Kinh tế Liên bang Nga trong những năm cải cách thị trường	Nguyễn Tiến Nghĩa	30
- Về những trang sách và những con người Xô-Việt	Nguyễn Chí Tình	31
- Hơn một thế kỷ quan hệ hữu nghị, hợp tác Việt - Nga	Trần Kim Dung	31
- Mỹ muốn xây dựng " trật tự thế giới mới "	Nguyễn Thị Hoa	31
- Toàn cầu hóa - hai mặt thuận và nghịch đối với thương mại Việt Nam	Nguyễn Thanh Nga	32
- Việt Nam với việc tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người	Tường Duy Kiên	33
- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc	Nguyễn Huy Quý	34
- Về chính sách đối ngoại của Thủ tướng Nhật Bản J.Côi-dư-mi	Hà Mỹ Hương	35
- Mỹ : Từ Áp-ga-ni-xtan đến I-rắc	Võ Thủ Phương	35
IX - Qua sách báo nước ngoài		
- Lý luận cách mạng - nền tảng sức mạnh của Đảng Cộng sản	V.Bôn-đa-rơ	13
- Quan hệ giữa cải cách quản lý hành chính và cơ chế thị trường	Văn Quang	22
- " Sức mạnh tổng hợp quốc gia "	Hà Đăng	26
- Về tính tất yếu lịch sử của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại	Nhật Linh	31
- Ý nghĩa thời đại của Chính sách Kinh tế Mới	Nhật Linh	36
X - Tìm hiểu khái niệm		
- Chiến tranh ảo	Phương Nhung	17
XI - Đọc sách		
- Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước	Nhị Lê	30
XII - Tin hoạt động lý luận - Thực tiễn		
- Đoàn cán bộ Tạp chí A-lum-may (Lào) thăm Việt Nam và làm việc với Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản		ĐB+2

Số	Tên bài	Tác giả	Số
17	- Hội nghị về công tác phát hành Tạp chí Cộng sản ở các tỉnh Tây Nam Bộ	Trần Kim Dung	3
18	- Hội nghị cán bộ kiểm tra toàn quốc	Nguyễn Vũ Cân	6
19	- Lễ kết nghĩa giữa Tạp chí Cộng sản với Bộ đội biên phòng	Nguyễn Thị Vy	6
20	- Hội nghị cán bộ kiểm tra toàn quốc "Triển khai thực hiện Nghị quyết lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX"	Lê Xuân Đình	7
21	- Lễ phát hành chính thức tạp chí Cộng sản trên mạng In-tơ-net	Nhị Lê	7
22	- Đoàn cán bộ Tạp chí Cộng sản và Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng thăm, chúc tết các đơn vị Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Thị Vy	7
23	- Hội thảo các định hướng tài chính và thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân	Chu Thái Thành	8
24	- Hội nghị sơ kết việc thực hiện chỉ thị 3 - CT/TW của Bộ chính trị	Nguyễn Vũ Cân	9
25	- Hội nghị khoa giáo toàn quốc	Nguyễn Văn Đức	10
26	- Tỉnh ủy Hải Dương tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh	Nguyễn Vũ Cân	11
26	- Kỳ họp thứ hai Hội đồng Lý luận Trung ương	Trần Quang Nhiếp	12
27	- Hội thảo kiện toàn hệ thống tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước đặc biệt	Vũ Ngọc Lan	13
27	- Chính phủ họp phiên thường kỳ, tháng 4-2002	Chu Thái Thành	14
28	- Hội thảo: Về báo Đảng các tỉnh, thành phố khu vực đồng bằng Duyên Hải - Bắc Bộ	Chu Thái Thành	14
28	- Ban Tổ chức Trung ương tổ chức hội nghị, hội thảo về công tác đảng, ở các tỉnh phía Nam	Nguyễn Xuân Thông	17
29	- Hội thảo về lâm trường quốc doanh và chính sách phát triển lâm nghiệp các tỉnh miền núi phía Bắc	Lê Xuân Đình	17
30	- Chính phủ họp phiên thường kỳ, tháng 6-2002	Chu Thái Thành	20
31	- Kỳ họp thứ ba Hội đồng Lý luận Trung ương	Trần Quang Nhiếp	20
31	- Hội thảo khoa học - thực tiễn : "Nhân quyền - lý luận và thực tiễn ở Việt Nam và Ô-xtrây-li-a"	Hoàng Nhật Nam	20
32	- Kỳ họp Chính phủ, phiên thường kỳ - tháng 7 năm 2002	Lê Xuân Đình	22
33	- Hội nghị sơ kết bốn năm thực hiện Quyết định 17 của Thủ tướng Chính phủ	Nguyễn Thái Sơn	23
34	- Hội thảo khoa học - thực tiễn : "Nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng"	Nguyễn Hoàng Việt	23
35	- Hội thảo : "Về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng trong các trường học ngoài quốc lập"	Vũ Ngọc Lan	24
35	- Hội nghị cán bộ giáo dục toàn quốc triển khai kết luận Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX)	Trần Thị Nam	25
13	- Chính phủ họp phiên thường kỳ, tháng 8 năm 2002	Chu Thái Thành	27
22	- Hội thảo khoa học và mít tinh kỷ niệm 100 năm sinh cố Tổng Bí thư Lê Hồng Phong (1902 - 2002)	Nguyễn Vũ Cân	27
26	- Hội Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi toàn quốc lần thứ II	Nguyễn Thái Sơn	28
31	- Hội nghị rút kinh nghiệm 5 năm thực hiện phong trào "Quần chúng tham gia tự quản đường biên, cột mốc"	Nguyễn Thị Vy	28
36	- Chính phủ họp phiên thường kỳ tháng 9, năm 2002	Chu Thái Thành	29
17	- Tọa đàm khoa học : "Nâng cao hiệu quả tuyên truyền trên tạp chí kinh tế"	Phạm Hùng	29

Tên bài	Tác giả	Số
- Hội thảo khoa học : "Chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XX - những bài học lịch sử "	Hoàng Bích Yến	30
- Hội thảo khoa học - thực tiễn : "Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt tỉnh Sơn La"	Nguyễn Thúy Anh	30
- Hội nghị tổng kết văn hóa tư tưởng và công tác Đảng, công tác chính trị ở Bình chủng Tăng thiết giáp	Nguyễn Thị Hoa	30
- Kỳ họp thứ tư Hội đồng Lý luận Trung ương	Trần Quang Nhiếp	31
- Hoạt động xuất bản, in và phát hành sách nhân kỷ niệm 50 năm thành lập ngành (10-10-1952 - 10-10-2002)	Phạm Hiệp	31
- Chính phủ họp phiên thường kỳ, tháng 10 năm 2002	Chu Thái Thành	32
- Hội thảo về nghiên cứu, giảng dạy lịch sử ở các bậc đại học, cao đẳng, sư phạm và phổ thông	Trần Thị Nam	32
- Hội thảo - Tập huấn đo đạc chỉ số phát triển con người Việt Nam	Trần Thị Nam	32
- Hội thảo khoa học : "Cách mạng Tháng Mười Nga - ý nghĩa thời đại"	Nguyễn Xuân Thông	33
- Công tác dân vận trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân	Nguyễn Vũ Căn	33
- Chính phủ họp phiên thường kỳ, tháng 11 - 2002	Chu Thái Thành	35
- Diễn đàn phát triển bền vững miền núi Việt Nam	Hoàng Bích Yến	35
- Đại hội đại biểu lần thứ nhất Hội các doanh nghiệp trẻ Việt Nam	Việt Anh	36
XIII - Văn kiện - Tư liệu		
- Thông báo Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX		
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới		11
- Chỉ thị số 11 - CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX		12
XIV - Về các ngày kỷ niệm		
- Về gia đình Việt Nam và vai trò người phụ nữ trong gia đình	Nguyễn Linh Khiếu	18
- Nguyễn Văn Cừ - một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta, của cách mạng Việt Nam	Nguyễn Đức Bình	19
- Thực hiện tốt công tác thương binh, liệt sĩ	Nguyễn Đình Liêu	21
- Công tác thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng ở Thủ đô Hà Nội	Nhật Tân	21
*** 72 năm công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng: truyền thống vẻ vang - phần thưởng cao quý - trọng trách lớn lao	***	22
- Tạp chí Cộng sản tiếp tục góp phần to lớn hơn nữa vào sự phát triển không ngừng công tác tư tưởng, lý luận của Đảng	Nguyễn Khoa Điềm	22
- Mấy suy nghĩ về bài học của cách mạng Tháng Tám đối với sự nghiệp đổi mới ngày nay	Võ Nguyên Giáp	25
- Từ cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến Tuyên ngôn độc lập	Dương Trung Quốc	25
- Lê Hồng Phong với việc khôi phục và mở rộng hoạt động của Đảng những năm 1932 - 1938	Nguyễn Trọng Thu	25
- Sức sống của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại	Lê Hữu Nghĩa	31
- Cách mạng Tháng Mười Nga - giá trị lịch sử, nguồn cổ vũ lớn lao đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam	Đặng Toàn	31
- 85 năm Cách mạng Tháng Mười : Bài học cách mạng tự bảo vệ	Quang Lợi	31

UNIVERSITY OF MICHIGAN



3 9015 08172 5494

